

VĂN KIẾN ĐẢNG TOÀN TẬP
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ
CHÍNH TRỊ BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG
SẢN VIỆT NAM, SỐ 25-QĐ/TW,
NGÀY 3 THÁNG 2 NĂM 1997.

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

PHAN DIỄN	Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN ĐỨC BÌNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN PHÚ TRỌNG	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN HỮU THỌ	"
NGUYỄN DUY QUÝ	"
HÀ ĐĂNG	"
ĐẶNG XUÂN KỲ	"
LÊ HAI	"
NGÔ VĂN DỤ	"
LÊ QUANG THƯỜNG	"
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM	"
VŨ HỮU NGOẠN	"
NGUYỄN VĂN LANH	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

HÀ ĐĂNG	Trưởng ban
VŨ HỮU NGOẠN	Thường trực
NGÔ VĂN DỤ	Thành viên
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH NHU	"
NGUYỄN PHÚC KHÁNH	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 20

NGUYỄN QUÝ (Chủ biên)
NGUYỄN TỈNH KHẨM
KHỔNG ĐỨC THIÊM
CHU THỊ HẬU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIẾN ĐẢNG

TOÀN TẬP

TẬP 20

1959

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2002

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 20

Văn kiện Đảng toàn tập, tập 20 phản ánh hoạt động lãnh đạo của Đảng trong năm 1959.

Trong năm 1959, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tập trung sức lực và trí tuệ hoạch định đường lối cách mạng miền Nam; tổ chức hợp tác hoá nông nghiệp và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Bắc.

Cùng với những nhiệm vụ trọng tâm nêu trên, Đảng lãnh đạo và chỉ đạo các lĩnh vực: kinh tế, quốc phòng, văn hoá, giáo dục, điều tra dân số, bầu cử Hội đồng nhân dân, sửa đổi Hiến pháp và công tác đối ngoại. Toàn Đảng xúc tiến các bước chuẩn bị để tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng và thực hiện đợt phát triển Đảng mang tên "Lớp 6-1" nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày thành lập Đảng.

Trong không khí sôi sục căm thù địch và trước xu thế vùng dậy của quần chúng, tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá II) dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh họp Hội nghị lần thứ 15 (mở rộng). Hội nghị họp nhiều đợt, ra Nghị quyết về nhiệm vụ của cách mạng ở miền Nam.

Nghị quyết 15 có ý nghĩa lịch sử to lớn, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, làm xoay chuyển tình thế, dẫn tới phong trào *Đồng khởi* oanh liệt của toàn miền Nam năm 1960.

Trong bối cảnh hệ thống xã hội chủ nghĩa đang phát triển và xu thế tiến lên chủ nghĩa xã hội của nhân dân miền Bắc, Hội nghị

lần thứ 16 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá II), tháng 4-1959, thảo luận và thông qua hai Nghị quyết quan trọng: *về hợp tác hoá nông nghiệp*; *về cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh*.

Văn kiện Đảng toàn tập, tập 20 gồm 124 tài liệu, trong đó có 5 tài liệu xếp ở phần phụ lục.

Phần văn kiện chính gồm các Báo cáo, Nghị quyết, Chỉ thị, Thông tri, Thông báo và Điện của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Phần phụ lục gồm các Nghị quyết và Báo cáo của Xứ uỷ Nam Bộ, Liên khu uỷ V, Khu uỷ Việt Bắc và Khu uỷ Tây Bắc.

Mặc dù chúng tôi đã có nhiều cố gắng trong công tác biên tập, song khó tránh khỏi thiếu sót. Mong nhận được sự góp ý của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 5 năm 2002

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**BÁO CÁO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TẠI HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
LẦN THỨ 15 (MỞ RỘNG)**

Họp từ ngày 12 đến 22-1-1959

Về tình hình miền Nam*

I

**ÂM MƯU CỦA ĐẾ QUỐC MỸ VÀ QUÁ TRÌNH DỰNG LÊN
CHÍNH QUYỀN MIỀN NAM**

a. Mỹ đã dựng lên chính quyền miền Nam như thế nào?

Từ năm 1950, đế quốc Pháp ngày càng lệ thuộc vào viện trợ Mỹ để tiếp tục cuộc chiến tranh Đông Dương. Đến năm 1954 nhân lúc Pháp bị thất bại quân sự liên tiếp, Mỹ thúc ép Pháp phải đưa Ngô Đình Diệm thay Bửu Lộc làm Thủ tướng chính quyền bù nhìn.

Tuy bị bắt buộc để Diệm làm Thủ tướng, Pháp vẫn mong nắm được chính quyền bù nhìn đó bằng các tay sai khác của

* Hội nghị họp trong nhiều đợt. Đợt cuối họp sau Hội nghị 16 (B.T).

Pháp đang còn thế lực trong các cấp hành chính, nhất là trong quân đội và công an.

Nhưng từ sau đình chiến, Mỹ viện trợ trực tiếp cho Ngô Đình Diệm, dùng vị trí chủ chốt và cơ động của Diệm với cương vị Thủ tướng trong chính quyền, lợi dụng chính sách đầu hàng của Pháp, dựa vào hình thức độc lập giả hiệu mà trước đây do cuộc kháng chiến của nhân dân ta, Pháp phải nhân nhượng về hình thức cho chính quyền bù nhìn, dựa vào sức mạnh của đôla để gây dựng thực lực của chúng trong quân đội và bộ máy hành chính trung ương, rồi phát triển rộng ra.

Muốn thực sự nắm chắc chính quyền miền Nam, căn bản phải nắm quân đội và công an. Sau khi mua chuộc một số tướng tá có thế lực trong một bộ phận quân đội, Mỹ - Diệm trước hết hất tướng Nguyễn Văn Hinh của Pháp, nắm cơ quan Tổng chỉ huy quân đội, rồi dẹp Bình Xuyên, nắm công an, đánh Hoà Hảo, giải tán Cao Đài để thống nhất quân đội. Kế đó chúng dùng mua chuộc và thế lực quân đội để gạt dần tay chân của Pháp trong chính quyền từ trung ương xuống tỉnh, huyện, dưới chiêu bài "thanh trừng tham quan ô lại" hay "bắt hạm". Chính quyền Pháp - Bảo Đại phản ứng một cách yếu ớt, bởi vì thành phần bộ máy này từ quân đội, công an đến cơ quan hành chính gồm toàn những người làm thuê cho đế quốc, không có lập trường chính trị, muốn sống yên thân. Đế quốc Mỹ có nhiều đôla hơn Pháp, trả đất hơn thì mua được họ, họ quay làm tay sai cho Mỹ.

Nhưng khi đến chính quyền xã thì không còn là vấn đề giữa Mỹ - Diệm và Pháp - Bảo Đại mà là vấn đề giữa Mỹ - Diệm cướp nước và bán nước với quần chúng nhân dân có yêu cầu độc lập, dân chủ có sự lãnh đạo của Đảng ta. Cuộc đấu

tranh ở nông thôn giữa Mỹ - Diệm và ta diễn ra giằng co triền miên cho đến nay.

Quá trình hình thành chính quyền Mỹ - Diệm, cho thấy rõ nó không phải là một chính quyền đẻ ra trên cơ sở một phong trào quốc gia chống cộng nào ở trong nước mà nó là một chính quyền thay thầy đổi chủ. Đế quốc Mỹ và phong kiến họ Ngô thay chân cho đế quốc Pháp và phong kiến Bảo Đại.

Chính quyền đó là kết quả của sự thất bại của đế quốc Pháp về quân sự và chính trị trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, cũng là kết quả của sự đầu hàng của đế quốc Pháp đối với đế quốc Mỹ, nó thể hiện cụ thể trên đất nước ta chính sách xâm lược và thực dân kiểu mới của Mỹ. Nó cũng là kết quả của thế giằng co trong cuộc đấu tranh giữa phe xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc và hoà bình dân chủ với phe đế quốc thực dân gây chiến ở khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương.

b. Chính quyền Mỹ - Diệm được duy trì trên một chế độ cảnh sát và mật thám

Để che đậy bản chất thuộc địa đã lỗi thời, lừa phỉnh nhân dân và dư luận thế giới, Mỹ đã khoác cho chính quyền Diệm một hình thức độc lập quốc gia giả hiệu, có quốc hội, có hiến pháp, có quân đội quốc gia, có ngoại giao riêng, tìm cách đề cao vị trí quốc tế của chính quyền Diệm trong các nước của phe Mỹ. Chúng ra sức tuyên truyền lừa bịp quần chúng, tự gán cho chúng là chính quyền cách mạng quốc gia, nêu lên khẩu hiệu "Bài phong, đả thực, diệt cộng".

Đả thực bài phong là nhằm giựt chính quyền trong tay Pháp và Bảo Đại, giải tán các lực lượng giáo phái và đánh

vào số tay chân của Pháp trong chính quyền và quân đội miền Nam. Với nhãn hiệu diệt cộng, chúng tìm cách "chính trị hoá" bộ máy chính quyền, nhồi cho bộ máy đó một lý tưởng quốc gia, chống cộng để biến chính quyền ấy thành công cụ đặc lực đàn áp phong trào cách mạng miền Nam để thực hiện chính sách nô dịch và xâm lược của đế quốc Mỹ.

Để lừa bịp công nhân và nhân dân lao động thành thị, chúng tuyên truyền "thăng tiến cần lao", cho bọn tay chân tổ chức các nghiệp đoàn vàng.

Để gây cơ sở trong nông dân, chúng lập lại thủ đoạn của Mỹ đã dùng ở Nhật Bản, Triều Tiên là bày trò "cải cách điền địa" giả hiệu.

Từng nơi, từng lúc, chúng đưa ra những thủ đoạn mị dân như "chống tử đổ tường, diệt dốt, phục hồi văn hóa Á Đông, cộng đồng hương thôn", v.v..

Nhưng vì Ngô Đình Diệm bán nước trong lúc nhân dân và quân đội ta đánh bại thực dân Pháp và can thiệp Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, phong trào dân tộc và hoà bình dân chủ ở các nước Đông Nam Á và thế giới lên cao, nên các thủ đoạn gian dối của Mỹ - Diệm không che giấu nổi bộ mặt phản dân tộc của một chính quyền ngoại lai bán nước. Những luận điệu tuyên truyền của chúng trái ngược với thực tế của một xã hội thối nát bày ra hàng ngày trước mắt quần chúng. Do đó chính quyền Mỹ - Diệm không thể tìm được chỗ dựa rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân, trái lại quảng đại quần chúng chống lại chính sách lệ thuộc bán nước của chính quyền Mỹ - Diệm.

Muốn duy trì chính quyền, Mỹ - Diệm phải dùng vũ lực khủng bố đàn áp phong trào quần chúng đòi độc lập dân chủ hoà bình và thống nhất. Trong bốn năm qua, chính sách căn

bản nhất của địch là tố cộng. Chúng mở liên tiếp những đợt tố cộng, dùng lực lượng vũ trang càn quét, bắt bớ, tàn sát, tra tấn đồng bào hàng loạt, truy tầm để tiêu diệt những tổ chức cách mạng của quần chúng và các cơ sở của Đảng. Do đó ở nông thôn tình hình luôn luôn căng thẳng không ổn định, có lúc, có vùng có trạng thái gần như hồi chiến tranh. Bọn tay chân của chúng lỏng quyền trả thù, cướp bóc, tống tiền, bắn giết không cần xét xử, không cần luật pháp. Nhiều vùng ở Liên khu V như một số huyện ở Quảng Trị, quần chúng có liên quan ít nhiều đến kháng chiến như tham gia thanh niên, phụ nữ, nông hội, liên việt, du kích, v.v. không có người nào là không bị bắt, giam cầm, đánh đập tra tấn ít nhiều.

Từ năm 1957 lại đây, chúng đặc biệt chú trọng tăng cường khủng bố đàn áp ở Nam Bộ, đem kinh nghiệm tàn sát khủng bố ở trung châu Liên khu V áp dụng ở Nam Bộ, nhằm vào các vùng căn cứ cũ của ta và vùng có phong trào khá. Chúng tập trung lực lượng phản động về đóng một thời gian lâu ở địa phương, càn đi càn lại ở từng nơi một, gây cho nhân dân và cơ sở ta nhiều thiệt hại hơn mấy năm trước. Ở những vùng chúng có cơ sở phản động, nắm được khá chính quyền xã, ấp thì chúng bớt dùng biện pháp khủng bố tràn lan mà chú trọng dùng mật thám đi sâu tìm cơ sở ta để đánh cho trúng đích. Ở các vùng cơ sở phản động địa phương của chúng kém như nhiều vùng căn cứ cũ của ta ở Nam Bộ, chúng vẫn phải mở những "chiến dịch bình định" hàng trung đoàn đi càn quét. Chúng chú trọng đặc biệt Tây Nguyên là nơi chúng đang ra sức xây dựng thành căn cứ quân sự.

Mặc dù Mỹ - Diệm đã đưa ra một hiến pháp phản dân chủ theo kiểu Mỹ, tập trung quyền bính vào tay Tổng thống, nhưng chúng vẫn không dám làm theo đúng hiến pháp đó.

Chúng phải dùng những biện pháp đặc biệt như dụ số 6 về trại tập trung, dụ số 13 về trưng trị báo chí, chúng chuẩn bị đưa ra quốc hội chúng thông qua dự luật "đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật". Chúng thủ tiêu các quyền tự do dân chủ, nhất là thi hành độc quyền chính trị và bưng bít dư luận, chúng chỉ huy và kiểm soát gắt gao các báo chí, trưng trị, khủng bố tờ nào dụng ý chỉ trích chính sách phát xít của chúng. Từ 1954 đến nay có đến hơn 20 tờ báo bị đóng cửa.

Mỹ - Diệm dùng chính sách lừa bịp, mị dân để tạo cho chúng một cơ sở chính trị trong quần chúng, dùng chính trị để lãnh đạo chính quyền, nhưng dư luận rộng rãi quần chúng phản đối chúng. Chúng không thể rời được phương pháp căn bản của chúng là dựa vào khủng bố, dùng công an, mật thám uy hiếp quần chúng, nhằm làm cho quần chúng khiếp sợ, bị động theo chế độ thống trị của chúng. Phương pháp này càng làm lộ rõ bộ mặt gian ác của chúng, và càng làm cho nhân dân chống lại chúng rộng rãi hơn.

c. Bộ máy cai trị và các tổ chức chính trị của Mỹ - Diệm

1. Bộ máy từ trung ương đến tỉnh, huyện:

- Thành phần bộ máy chính quyền trung ương miền Nam phản ánh tính chất độc tài gia đình trị của chính quyền đó. Để mị dân, chúng cố đưa vào chính quyền trung ương một số trí thức chuyên môn, lịch sử ít xấu như Trần Lê Quang, Trần Hữu Thế, Trần Vỹ, Vũ Văn Mẫu hoặc người có tính chất hoàn toàn công chức như Đỗ Văn Công, toàn là những người mà Diệm dễ lợi dụng, nhưng quyền hành thực sự đều vào tay anh em họ hàng gia đình Diệm. Ngô Đình Nhu nắm Tổng

thống phủ, Ngô Đình Cẩn nắm cả bộ máy công an, tình báo miền Nam và có đủ mọi quyền hành ở Trung Việt, Ngô Đình Luyện giữ ngoại giao, Trần Trung Dung giữ quốc phòng, Trần Văn Chương đại diện cho Diệm ở Mỹ, v.v..

Tất cả mọi quyền tập trung ở Tổng thống phủ do Nhu khống chế. Các bộ không có thực quyền, chỉ làm việc hành chính. Ngân sách hàng năm của Tổng thống phủ chiếm hơn 1.000 triệu, Bảo an, công dân vụ là hai tổ chức đàn áp với những chi phí to lớn gần 1 tỷ rưỡi cũng trực thuộc Tổng thống phủ.

Ngoài việc sử dụng tổ chức tập trung quyền hành vào anh em Diệm, chúng còn dùng một quỹ đen hàng trăm triệu để nắm các bộ phận và người cần thiết. Chúng sử dụng Đảng cần lao nhân vị, phong trào cách mạng quốc gia để nắm công chức, bắt buộc họ phải làm chính trị phản động theo chúng. Vì sinh kế và gia đình, họ phải ít nhiều làm hòa theo Mỹ - Diệm. Nhiều chủ sở, công chức nhảy ra hoạt động "chính trị" theo chúng để tìm địa vị. Có những bọn lưu manh côn đồ nhân cơ hội nhảy ra cướp bóc, tàn sát nhân dân và trở thành những tay sai đắc lực của chúng.

- Đế quốc Mỹ đặt bên cạnh chính quyền Diệm một phái đoàn gián điệp là phái đoàn MSU chuyên đào tạo và kiểm soát các cán bộ hành chính từ trên xuống dưới và tổ chức lưới gián điệp ở miền Nam. Tên trùm gián điệp Mỹ Lans' Dale làm cố vấn chính trị của Diệm thực sự lèo lái công việc của Tổng thống phủ.

Ở các cấp tỉnh và huyện, chúng cố tăng cường chất lượng phản động trong bộ máy. Tỉnh trưởng, tỉnh phó, quận trưởng, quận phó cũ phần lớn bị thay bằng người mới, một số chọn trong Công giáo phản động địa phương, trong di cư, một số

lấy trong quân đội, công an, một số là công chức cũ chịu khuất phục Diệm. Tuy thế vì cơ sở xã hội của chính quyền Mỹ - Diệm rất hẹp nên chúng cũng không đủ tay chân đắc lực để bố trí khắp nơi; một số tỉnh trưởng, quận trưởng hiện nay theo Diệm nhưng bên trong chưa tin ở sự bền vững của chế độ Diệm. Một mặt bị áp lực của dư luận và phong trào đấu tranh của quần chúng, mặt khác vì nội bộ gièm pha chèn ép nhau, vì bị bọn công an lấn quyền, từng lúc, từng nơi có bọn kém tích cực, có khi chán nản. Vì thế trong mấy năm nay, Mỹ - Diệm cứ phải thanh trừng số lưng chừng để củng cố chất lượng phản động trong bộ máy chính quyền của chúng. Điều đó càng gây thêm mâu thuẫn, bất mãn, nghi kỵ và chia rẽ trong bộ máy của chúng, làm cho chúng thêm bị cô lập.

2. Các tổ chức chính trị Mỹ - Diệm dựng ra để làm hậu thuẫn cho chính quyền chúng

Tổ chức có thế lực nhất trong chính quyền miền Nam hiện nay là *Cần lao nhân vị* do Ngô Đình Nhu lập ra tập hợp những phần tử phản động, con cái địa chủ di cư có thù hằn sâu sắc với ta để làm nòng cốt khống chế bộ máy chính quyền trong tay gia đình Diệm. Chúng nhằm tổ chức các thủ trưởng cơ quan chính quyền vào Cần lao nhân vị hoặc đưa bọn Cần lao nhân vị nắm các vị trí quan trọng trong chính quyền từ trên xuống dưới nhất là nắm công an, mật thám. Bọn này dựa vào thân thế anh em Diệm lộng quyền trấn áp nhân dân và cả trong nội bộ chính quyền chúng. Ở thành phố chúng có tổ chức vào các nghiệp đoàn và các xí nghiệp quan trọng. Ở thôn quê chúng chưa có cơ sở bao nhiêu. Do bản chất phản động, lộng quyền, lưu manh, Cần lao nhân vị không có ảnh hưởng gì trong nhân dân và cả trong từng lớp trên, trái lại người ta căm ghét, nhưng sợ quyền lực và các thủ đoạn

khủng bố ám muội của bọn chúng, cho nó là một tổ chức khủng bố, gián điệp hơn là một tổ chức chính trị.

Ngoài Cần lao nhân vị, có hai tổ chức khác là Phong trào cách mạng quốc gia và Tập đoàn công dân. *Phong trào cách mạng quốc gia* phát triển tới xã, dùng khủng bố và uy hiếp bắt đồng bào vào hàng loạt. Với tổ chức này, bọn phản động có huy động được người đi tố cộng, đi họp mít tinh, đi canh gác... Những nơi nào tình hình có phần dịu, bọn phản động ở trên không xuống thúc ép thì phong trào tan rã không có sinh hoạt gì. Ở Liên khu V có tổ chức chi bộ cách mạng quốc gia, ở những xã đông đảng viên thường có từ 100 đến 150, hầu hết số phản động ở trong ban chấp hành, còn đảng viên thường phần lớn lừng chừng, cũng có một số quần chúng tốt vào vì bị bắt buộc.

Tập đoàn công dân dựa vào cha cố, chủ yếu phát triển trong Công giáo. Ở Liên khu V, cha cố cũng thông qua Tập đoàn công dân để phát triển Công giáo. Trong những vùng bị khủng bố nặng, quần chúng có một số vào Công giáo để mong được che chở, nhưng khi tình hình dịu lại thì họ tìm cách ra đạo. Nói chung Tập đoàn công dân phát triển chậm, ở Nam Bộ không có vai trò đáng kể.

Bọn Diệm - Nhu lúc đầu cho hai tổ chức này ra để làm hậu thuẫn cho chúng nhưng dần dần chúng sợ bọn Trần Chánh Thành nắm Phong trào cách mạng quốc gia và bọn Trần Văn Lắm nắm Tập đoàn công dân sẽ có thể lực mạnh, nên chúng đã loại Trần Chánh Thành, đưa người thân cận của chúng làm Chủ tịch Phong trào cách mạng quốc gia rồi sáp nhập luôn Tập đoàn công dân vào Phong trào để nắm hết quyền về tay chúng.

Thành phần các tổ chức trên đều rất phức tạp, đa số vào

vì bắt buộc, vì muốn tìm chỗ dựa cho yên hoặc muốn tìm địa vị, chứ không phải vì một lập trường chính trị nào. Có những người kháng chiến cũ cũng vào núp trong đó. Nhiều chỗ ở cơ sở ta cũng nắm được.

Ở miền Nam, bọn Mỹ còn ủng hộ một số Đại Việt hoạt động chống chính sách gia đình trị của Diệm như nhóm Phan Quang Đán. Bọn này hoạt động theo lối tranh thủ cá nhân, kéo bè kéo cánh chỗ không có ảnh hưởng đáng kể trong quần chúng. Mỹ dùng họ trước mắt làm áp lực thúc ép Diệm thi hành các chính sách của Mỹ, đồng thời cũng chuẩn bị những con bài để khi cần có thể sử dụng để thay thế Diệm.

3. *Giằng co giữa Mỹ - Diệm và ta để nắm hương thôn*

Trong mấy năm qua, Mỹ - Diệm rất tích cực đặt cơ sở chính quyền của chúng ở xã. Chúng tìm cách phát xít hoá bộ máy chính quyền đó, củng cố bộ máy tế xã, kiểm soát ấp, liên gia, bố trí lưới do thám, kèm nhân dân vào thể kiểm soát của chúng để bắt phu bắt lính, phục vụ kế hoạch gây chiến đồng thời dùng bộ máy đó tiêu diệt cơ sở của ta.

Đối với ta, vấn đề dựa vào lực lượng quần chúng đấu tranh chống phát xít hoá chính quyền ở từng xã, từng thôn là tạo điều kiện căn bản gìn giữ và phát triển lực lượng cách mạng tiến lên giành lấy dân chủ ở nông thôn, lôi kéo chính quyền xã về phía nhân dân, tạo một thế đứng cho cách mạng, tiến lên lật đổ Mỹ - Diệm. Do đó cuộc đấu tranh giữa nhân dân và thế lực phát xít Mỹ - Diệm diễn ra giằng co và còn sẽ giằng co lâu dài ở khắp nơi, khi thì dùng thế hợp pháp, khi thì dùng bán hợp pháp, có khi quyết liệt đổ máu.

Ở trung châu Liên khu V vì từ đầu ta vận dụng phương châm không đúng, cơ sở của ta bị đánh bật, tác dụng lãnh đạo của ta bị thu hẹp, uy thế của quần chúng bị giảm sút,

địch có củng cố được bộ máy phản động ở xã và có nơi ở thôn, bố trí được lưới do thám, kiểm soát gắt gao địa phương gây cho ta nhiều khó khăn.

Chúng thanh trừng nhiều lần và hàng loạt những người lưng chừng trong các uỷ ban hành chính xã. Hiện nay thành phần uỷ ban hành chính từ 3 đến 5 người, phần nhiều con em phú nông, địa chủ, bọn cường hào gian ác, một số công chức cũ và binh lính cũ thời Pháp, nơi Công giáo thì đều do người Công giáo làm. Số lưu manh hung ác bị nhân dân oán ghét chúng rút ra dần chuyển sang làm công an. Ở các thôn, hầu hết đều có ban cán sự hành chính thôn gồm trưởng thôn, phó thôn và công an kiêm cảnh sát, có nhiều thôn không đủ ba người.

Nói chung hầu hết ra làm vì địa vị, vì quyền lợi. Mỹ - Diệm cho lương bổng hậu, dung túng cho bọn chúng hối lộ, cắt xén các quỹ làm giàu. Mục đích tạo thành một tầng lớp mới quyền lợi gắn liền với chế độ Mỹ - Diệm, phục vụ đắc lực cho chế độ đó. Nhưng khó khăn của họ là bị kẹt giữa sự thúc ép của bọn trên và sức phản ứng hàng ngày của quần chúng, nên hiện tượng phổ biến là bề ngoài tỏ ra sốt sắng, nhưng căn bản là hay dao động, mỗi khi đấu tranh gắng, hay mỗi khi nghe có tình hình gì hay tin tức gì bất lợi cho chúng.

Ở các xã thượng du miền tây các tỉnh, và ở Tây Nguyên, bộ máy hành chính xã chỉ mới tổ chức được ở những nơi gần thị trấn, dọc đường giao thông quan trọng và vùng tạm bị chiếm cũ, còn các nơi khác thì chưa có.

Ở Nam Bộ trong năm qua địch có củng cố được bộ máy ở xã hơn trước. Nói chung chính quyền xã hiện nay bản chất là phản động nhưng chúng bị cô lập, còn e dè trước uy thế của quần chúng, nên từng nơi, từng lúc tỏ ra lưng chừng. Số lưu

manh ngoan cố khát máu chưa nhiều, có tên nào lên thì ta tìm cách hạ xuống bằng nhiều cách, trong trường hợp tối cần thiết cũng hạ bằng vũ lực. Chính sách của ta đối với chính quyền xã là phải biết thừa nhận nó làm cho địch thấy chính quyền ấy là chính quyền của nó, nhưng mặt khác vừa đấu tranh với nó, vừa tranh thủ nó, khéo hướng dẫn nó để không làm hại cơ sở và phong trào cách mạng. Đấu tranh căn bản là vận dụng lực lượng chính trị, nhưng ở vùng có địa thế và cơ sở ta khá cũng có dùng hình thức vũ trang tuyên truyền để làm áp lực cho đấu tranh chính trị, giữ uy thế cách mạng của quần chúng và mở rộng cơ sở.

Ở cấp ấp phần lớn ta nắm được chủ động hơn, các lực lượng vũ trang dân vệ nói chung ta tranh thủ được, không chống lại nhân dân. Ở những nơi căn cứ cũ như ở vùng Cà Mau, ta giằng co với địch hàng năm chúng mới lập được chính quyền theo lối chỉ định một số người. Có nơi như ở Đồng Tháp Mười, có trên 80 xã tuy có chính quyền nhưng hoạt động rất hạn chế, ban đêm phải vào ngủ trong đồn bót.

d. Âm mưu quân sự của Mỹ ở miền Nam

1. Viện trợ Mỹ căn bản là viện trợ quân sự

Bản thống kê sau đây về viện trợ của Mỹ cho chính quyền miền Nam từ năm 1955 đến 1958 (lấy đơn vị là triệu đôla):

<i>Năm</i>	<i>Quân sự</i>	<i>Kinh tế</i>	<i>Di cư</i>	<i>Cộng</i>
1955 - 1956	320	84	93	497
1957	162	85	0	247
1958	<u>144</u>	<u>77</u>	<u>0</u>	<u>221</u>
	626	246	93	965

cho thấy:

Trong tổng số viện trợ Mỹ trong các năm nói trên là 965

triệu đôla thì 626 triệu tức là 2 phần 3 là viện trợ quân sự. Đi sâu vào con số 246 triệu đôla gọi là "viện trợ kinh tế và kỹ thuật" thì phần lớn cũng là chi cho các công trình phục vụ trực tiếp cho quân sự. Lấy ví dụ năm 1957 số viện trợ chung là 247 triệu đôla thì phần viện trợ trực tiếp cho xây dựng quân bị là 65%; trong số còn lại là 85 triệu đôla thì phần dành cho việc xây dựng các đường chiến lược, sân bay, quân cảng, dinh điền và phần chi phí cho lực lượng công an, cảnh sát chiếm hết 46 triệu 3 nghìn đôla. Tính chung tỷ lệ dành cho quân sự là 208 triệu đôla trong tổng số 247 triệu đôla viện trợ.

Ngân sách quốc phòng của miền Nam trong những năm 1954 đến 1958 (không kể các khoản khác phục vụ cho quân sự) là 29.408 triệu bạc miền Nam. Trong số này Mỹ đài thọ đến 28.412 triệu.

2. Mỹ ráo riết xây dựng và tăng cường quân bị cho miền Nam

Từ một quân đội bị nhân dân và quân đội ta đánh bại, bao gồm nhiều nhóm khác nhau do Pháp để lại, Mỹ đã giúp Diệm, nắm một số đơn vị lần lượt một mặt đánh Bình Xuyên, Hoà Hảo, Cao Đài, một mặt mua chuộc dụ hàng để thống nhất quân đội rồi ráo riết xây dựng lại theo kiểu Mỹ về các mặt tổ chức, huấn luyện, trang bị.

Đến nay, chính quyền Mỹ - Diệm đã xây dựng được 150.000 quân chính quy, 52.000 bảo an và 5 vạn dân vệ. Hướng xây dựng chủ yếu là bộ binh, không quân có 6 ngàn và hải quân 9 ngàn. Ngoài số vũ khí và trang bị mà Mỹ bắt quân đội viễn chinh Pháp để lại cho miền Nam, Mỹ còn thường xuyên đưa thêm vũ khí, dụng cụ chiến tranh, phi cơ, tàu thủy vào miền Nam (ngoài ngân sách viện trợ) để trang

bị cho quân đội miền Nam và gần đây chúng âm mưu hợp pháp hoá việc này bằng cách đòi thay thế số vũ khí của quân đội viễn chinh Pháp khi rút khỏi miền Nam.

Để thay đổi thành phần quân đội, thay thế số đào ngũ và xây dựng lực lượng hậu bị đồng thời để đỡ tốn ngân sách, từ 1957 chúng thi hành "chế độ quân dịch". Vì quân chúng chống chính sách gây chiến, phản đối đi lính đánh thuê cho Mỹ, chống chế độ quân dịch bằng nhiều hình thức, cho nên chúng phải dùng biện pháp bố ráp bắt lính một cách trắng trợn.

Đi đôi với xây dựng quân đội, Mỹ ráo riết xây dựng và mở rộng các căn cứ quân sự ở miền Nam, đặc biệt chú trọng hệ thống đường giao thông chiến lược, phi trường, quân cảng. Phi trường Tân Sơn Nhất, phi trường Biên Hoà đang trở thành những phi trường lớn nhất của Mỹ ở Đông Nam Á. Con đường Sài Gòn - Biên Hoà đang xây dựng sẽ vừa là một phi trường khổng lồ. Các phi trường Ban Mê Thuột, Tourane, Nha Trang cũng đang sửa chữa và mở rộng để phi cơ phản lực có thể dùng được. Các đường quốc lộ số 1, số 14, các đường ngang nối liền hai con đường lớn trên đây từ Nam Bộ lên Tây Nguyên, từ Lào đến bờ biển nước ta đang được tu bổ và mở rộng. Các căn cứ hải quân ở Sài Gòn, Nha Trang, Tourane cũng được sửa lại để tàu lớn có thể vào được (Nha Trang - Đà Nẵng) hoặc ra vào ban đêm được (Sài Gòn). Mỹ - Diệm còn xúc tiến khai mở một hệ thống dinh điền từ bắc Tây Nguyên xuyên qua miền đông Nam Bộ, Đồng Tháp Mười đến Cái Sắn nhằm làm cơ sở phục vụ cho kế hoạch quân sự của Mỹ. Chúng đang đặc biệt chú trọng xây dựng và phát triển các căn cứ ở Tây Nguyên vì vùng này là địa bàn chiến lược rất cơ động chúng muốn sử dụng để khống chế một vùng rộng lớn ở Đông Nam Á gồm cả Miên, Lào và Thái Lan.

Để nắm chặt quân đội miền Nam, đế quốc Mỹ trù lên Bộ Quốc phòng Diệm một bộ máy chỉ huy do tướng Williams điều khiển với các cơ quan quân sự Mỹ: MAAG, TERM, TRIM, CATO¹⁾ ngành kiểm tra, ngành không quân, ngành thủy quân, ngành viện trợ trực tiếp. Hệ thống cố vấn và chuyên viên quân sự Mỹ được tăng cường: lúc đình chiến có 20 sĩ quan cao cấp nay lên đến 280 sĩ quan từ cấp tá trở lên nghĩa là nhiều hơn hẳn số sĩ quan cùng cấp của miền Nam. Với bộ máy đó, Mỹ kiểm soát từ Bộ Quốc phòng, Tổng tham mưu đến các quân đoàn, sư đoàn, các trung tâm huấn luyện. Chúng quyết định kế hoạch trang bị, huấn luyện và các chế độ trong quân đội, chúng quyết định cách bố trí quân đội trên chiến trường miền Nam, chỉ huy các cuộc diễn tập, v.v..

Tất cả các hoạt động trên đây cho thấy mục đích của Mỹ là ráo riết xây dựng miền Nam thành một trong những căn cứ quân sự quan trọng của đế quốc Mỹ gắn liền với các căn cứ khác của Mỹ ở Thái Bình Dương, hình thành một phòng tuyến chung một mặt mưu đồ xâm chiếm miền Bắc, đặt cả nước ta dưới ách thống trị của chúng làm bàn đạp xâm nhập và phá hoại Trung Quốc, mặt khác dùng thế lực quân sự ở đây để khống chế khu vực Đông Nam Á, chống lại phong trào độc lập và dân chủ đang lên mạnh trong các nước ở vùng này.

3. Nhưng chúng đang có một nhược điểm rất lớn: quân đội chúng xây dựng có thể có một phần về kỹ thuật nhưng

1) MAAG: Đoàn cố vấn quân sự Mỹ (B.T).

TERM: Phái đoàn tạm thời thu hồi dụng cụ (B.T).

TRIM: Phái đoàn tổ chức huấn luyện kiểm tra (B.T).

CATO: Cơ quan huấn luyện tác chiến (B.T).

tinh thần thấp kém, sợ chiến tranh, sợ phải đánh với quân đội ta.

Phong trào quần chúng chống chính sách gây chiến nô dịch của Mỹ, nguyện vọng độc lập và dân chủ trong quần chúng rộng rãi ảnh hưởng đến hàng ngũ binh lính. Kế hoạch tuyên truyền chiến tranh, tuyên truyền Bắc tiến, kế hoạch gây một tâm lý háo chiến trong quân đội đã thất bại, binh lính không theo chính trị của chúng mà phản ứng lại, ý thức chống Mỹ bắt đầu phát triển trong quân đội. Do đó Mỹ - Diệm không thể hô hào Bắc tiến, phải nói đến thống nhất bằng phương pháp hoà bình. Đó là một thắng lợi của phong trào miền Nam trong cuộc đấu tranh chống chính sách hiếu chiến, bảo vệ hoà bình cho cả nước, bảo vệ công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

e. Sự suy sụp của nền kinh tế miền Nam dưới chế độ Mỹ - Diệm

1. Viện trợ Mỹ phá hoại nền sản xuất của miền Nam

Viện trợ Mỹ chẳng những phục vụ cho âm mưu quân sự và chính trị của chúng mà trước mắt còn là biện pháp tiêu thụ hàng hoá ồ ạt của Mỹ. Viện trợ đó về tính chất là viện trợ quân sự, đưa vào miền Nam theo con đường "thương mại hoá" nghĩa là viện trợ một phần rất nhỏ bằng ngoại tệ còn phần lớn viện trợ bằng hàng hoá. Chính quyền miền Nam bán số hàng hoá đó ở thị trường miền Nam thu tiền miền Nam chi tiêu cho quân sự dưới sự kiểm soát của Mỹ. Như thế Diệm chỉ có tiền khi bán được hàng Mỹ.

Tỷ lệ hàng hoá nhập vào miền Nam trong khuôn khổ "viện trợ thương mại hoá" đó chiếm trên 80% tổng số viện trợ Mỹ hàng năm. Đại bộ phận hàng nhập của Mỹ lại là hàng

tiêu dùng trong đó có nhiều loại miền Nam sản xuất được, thậm chí cả gạo, rau cải, trứng là những thứ miền Nam có thừa để xuất cảng.

Trong quan hệ buôn bán Mỹ buộc miền Nam phải hạ mức thuế nhập khẩu đảm bảo ưu tiên cho hàng Mỹ, phải để Mỹ kiểm soát cả nội, ngoại thương, kiểm soát các cơ quan tài chính và kinh doanh của chính quyền miền Nam.

Phái đoàn viện trợ Mỹ USOM đặt cơ quan ở Sài Gòn có bộ phận chuyên môn trong từng Nha, có chi nhánh ở các đô thị, quyết định việc phân phối tiền và hàng viện trợ, kiểm soát chặt việc sử dụng các khoản viện trợ. Chính cơ quan này đã trực tiếp ký hợp đồng với các công ty Mỹ trong việc cho thầu các công cuộc xây dựng như làm đường, làm cầu, làm sân bay, v.v. ở miền Nam.

Công nghiệp và thủ công nghiệp ở miền Nam phá sản:

Hàng hoá Mỹ và khối Mỹ tràn vào thị trường miền Nam, cuối năm 1957 số hàng ngoại hoá ứ đọng chưa bán được lên tới 50 triệu đôla. Đến tháng 9-1958 tính riêng hàng vải nhập ứ đọng gần 37 triệu thước. Tình trạng đó làm cho sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp phá sản. Hơn 60% trong số 32.000 khung dệt ngừng sản xuất, ngành làm đường phá sản lòi theo sự phá sản của ngành trồng mía, các ngành kinh doanh khác đều gặp khó khăn.

Tình hình sản xuất công kỹ nghệ đình đốn để ra nạn thất nghiệp ngày càng trầm trọng, gây khó khăn ngày càng tăng cho đời sống của hàng chục vạn nhân dân lao động ở thành thị. Hiện nay số người thất nghiệp riêng ở Nam Bộ ước lượng đến trên nửa triệu.

Trước phản ứng rộng rãi của nhân dân, kể cả các tầng lớp tư sản, Mỹ - Diệm tuyên truyền chương trình phục hưng

kinh tế kêu gọi tư bản tư nhân Mỹ đầu tư vào miền Nam để phát triển kỹ nghệ, dành cho tư bản Mỹ nhiều điều kiện thuận lợi. Nhưng chính sách của đế quốc Mỹ chủ yếu là sử dụng miền Nam cho âm mưu quân sự, tình hình kinh tế của chúng và tình hình chính trị ở nước ta làm cho chúng còn dè dặt, chưa có một kế hoạch đầu tư to lớn ở miền Nam. Việc đầu tư chỉ làm trong vài ngành nào đặc biệt có lợi trước mắt.

Nông nghiệp đình đốn:

Chính sách độc quyền kinh tế của Mỹ - Diệm, chính sách ép giá lúa, sự cạnh tranh của nông phẩm Mỹ cộng với tình hình không ổn định ở nông thôn làm cho nông nghiệp miền Nam chẳng những không phát triển được mà còn sa sút.

Nông nghiệp ở miền Nam vẫn chưa khôi phục được mức trước chiến tranh: 900.000 ha còn bỏ hoang, sản lượng lúa cao nhất mới đạt được 3.500.000 tấn so với 4 triệu tấn trước chiến tranh, bình quân nhân khẩu năm 1957 chỉ được 265 kg so với 681 kg trước chiến tranh, năng suất bình quân mỗi ha từ 11 đến 13 tạ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông dân có ý thức sản xuất tự cấp và tiết kiệm, nhưng vì nạn vỡ vét và khủng bố, bắt phu, bắt lính liên miên, việc làm ăn đình trệ lại bị mất mùa, nói chung đời sống nông dân khó khăn hơn hồi kháng chiến, hiện nay rải rác có nơi bị đói kém.

Cao su và cây công nghiệp khác phần lớn còn ở trong tay thực dân Pháp, Mỹ bắt đầu bỏ vốn chen vào. Số ít của tư sản Việt Nam vì vốn ít, sản xuất với phương tiện không tối tân bằng của Pháp nên chất lượng kém, giá thành cao, lại bị chèn ép trên thị trường quốc tế do cạnh tranh của cao su nhân tạo của Mỹ, Đức, Nhật nên không phát triển nổi, và có chiều đình đốn.

Trong thời gian qua Mỹ - Diệm ráo riết xây dựng các

trung tâm định cư và các dinh điền, tạo chỗ dựa và dự trữ cho các căn cứ quân sự. Chúng ra vốn nhiều, cấp phương tiện cơ giới, trang trợn đuổi nhà đốt nhà, cướp đất, dồn dân, bắt phu, công việc còn đang tiến hành. Trừ Cái Sắn có sản xuất nhưng chưa đủ ăn, các nơi khác thì Mỹ - Diệm mới tập trung được người, nhưng một mặt khác nhân dân phản đối và trốn tránh vì khổ cực, bệnh hoạn và chết chóc.

3.¹⁾ *Thương nghiệp và tài chính*

Từ 1954 đến nay, tỷ lệ xuất cảng so với nhập tuy có nhích lên chút ít (18% năm 1954, 27% năm 1957, 24% năm 1958), nhưng chênh lệch giữa xuất, nhập còn rất xa.

Tám tháng đầu năm 1958 nhập: 5 tỷ 407 triệu.

Xuất: 1 tỷ 319 triệu.

Tình hình nội thương trong lúc chiến tranh các ngành phục vụ cho chiến tranh có phát triển một phần. Sau khi Pháp rút bắt đầu suy sụp, hàng hoá Mỹ ứ đọng không bán được. Thị trường nội địa rối ren. Đồng bạc miền Nam sụt giá, tỷ lệ chính thức 1 đôla 35 đồng miền Nam, tỷ giá thị trường tự do do chính quyền miền Nam quy định lên xuống từ 75 đến 78 đ, giá chợ đen thì lên trên 100 đồng. Chính sách độc quyền kinh tế của Mỹ - Diệm làm giàu cho gia đình họ Ngô và một số mại bản đầu cơ. Các tầng lớp nhân dân, nhất là nhân dân lao động ở thành thị, làm ăn khó khăn, buôn bán ế ẩm, giá sinh hoạt tăng lên từ 100 đến 200%, sức mua của nhân dân theo báo cáo của Nguyễn Ngọc Thơ giảm 70%, đời sống ngày càng chật vật.

Ngân sách của miền Nam dành trên 70% cho quân sự và

1) Tài liệu gốc không có mục 2 (B.T).

các khoản phục vụ trực tiếp cho quân sự trong lúc kinh tế và văn hoá chỉ được 8%. Để cung cấp cho một ngân sách như thế, Mỹ - Diệm có cả một kế hoạch cướp bóc, vơ vét đồng bào bằng tăng thuế, tăng phạt vạ và nhiều hình thức khác, nhất là từ 1957 lại đẩy phần viện trợ Mỹ cho ngân sách hàng năm bị rút bớt.

Ngoài các sắc thuế chung, các địa phương, thành phố có thể tùy tiện đặt nhiều loại thuế khác, có những thứ thuế rất kỳ quái để thu vào quỹ riêng của tỉnh, của địa phương. Chúng còn bày nhiều thứ lạc quyền, xổ số (sổ kiến thiết trước một tháng xổ một lần, sau này mỗi tuần một lần), tổ chức hội chợ để thu tiền. Ở nông thôn việc bắt đi làm xâu đắp đường cũng là hình thức bóc lột nhân công, phổ biến. Mặc dù vơ vét như thế, thu chi của chúng không thể nào bằng được vì chi phí bộ máy ăn bám quá lớn lao, chúng không có biện pháp nào khác hơn là tiếp tục tăng thuế vơ vét nhân dân nhất là nhân dân lao động làm ăn đã khó khăn mà ngày càng phải chịu chồng chất nhiều thứ đóng góp nặng nề.

4. *Thế lực của tư bản Pháp, Hoa kiều*

Tuy Mỹ - Diệm gạt dần Pháp ra khỏi miền Nam nhưng với nền kinh tế thực dân lâu đời ở nước ta, Pháp vẫn còn nắm những vị trí kinh tế quan trọng ảnh hưởng nhiều đến nền kinh tế miền Nam. Số vốn kinh doanh thương mại của Pháp ở miền Nam ước lượng từ 200 đến 300 tỷ quan, hàng năm Pháp đóng 80% thuế kinh doanh, vị trí của Pháp trong việc buôn bán với miền Nam tuy sụt dần nhưng vẫn còn quan trọng (sau Mỹ, Nhật).

Cơ sở sản xuất của Pháp ở miền Nam hiện còn: ruộng lúa 200.000 ha trong số 400.000 ha trước kháng chiến; trà, cà phê 6.000 ha chiếm 50% diện tích và sản xuất của miền

Nam; cao su 63.000 ha, tháng 7-1956 chiếm 88% số xuất cảng. Về công nghiệp còn nhà máy điện nước, nhà máy gạo, hăng bia, đá, hăng rượu Bình Tây, hàng hoá chất, dệt bố, thuỷ tinh, diêm, v.v. Pháp cũng còn một số cơ sở giao thông vận tải xe hơi và đường sông.

Chính sách Mỹ - Diệm là vừa gạt Pháp dần, bắt kinh tế Pháp ở miền Nam phụ thuộc vào Mỹ, vừa lợi dụng kinh tế Pháp để ổn định tình hình kinh tế miền Nam, đồng thời nắm chỗ yếu của Pháp, dùng Pháp phá hoại Hiệp nghị Giơnevơ.

Đối với tư bản Hoa kiều, chính quyền Diệm dùng thủ đoạn cấm 11 nghề một mặt để mị dân, một mặt nhằm tước đoạt một số quyền lợi kinh tế đưa về cho phe cánh Diệm. Nhưng thực tế chúng không đạt được kết quả mấy, một số cơ sở Hoa kiều trả môn bài, chuyển vốn gây thêm khó khăn cho chúng.

5. Kinh tế miền Nam là một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, lệ thuộc vào chính sách kinh tế chuẩn bị chiến tranh của Mỹ nên đi vào con đường bế tắc.

Tình trạng bế tắc về kinh tế đưa đến những hỗn loạn về mặt xã hội. Nạn thất nghiệp hiện nay trầm trọng. Các tệ hại xã hội khác như trộm cướp, cao bồi, bắt cóc, lừa đảo, mại dâm, giết người, tự sát xảy ra ngày càng nhiều.

Để lừa bịp, Mỹ - Diệm phải tuyên truyền "chương trình phục hưng kinh tế", rồi đến "kế hoạch kinh tế 5 năm", nhưng nhân dân miền Nam ngày càng khó khăn trong công ăn việc làm, khó khăn trong đời sống càng ngày càng nhận rõ nguyên nhân của tình hình bế tắc đó. Phong trào đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế ngày càng rộng rãi, bao hàm một nội dung chính trị rất sâu sắc là chống can thiệp Mỹ, chống chính sách lệ thuộc Mỹ của chính quyền miền Nam.

II

TÍNH CHẤT CỦA CHÍNH QUYỀN MIỀN NAM VÀ THẾ LỰC CỦA MỸ - DIỆM HIỆN NAY

a. Tính chất của chính quyền miền Nam

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, phe xã hội chủ nghĩa lớn mạnh và phát triển nhanh chóng, phong trào dân tộc chủ nghĩa của các dân tộc thuộc địa và chậm tiến ở Á - Phi và trung Nam Mỹ vùng lên làm tan rã chủ nghĩa thực dân không gì ngăn cản nổi, phong trào hoà bình lớn mạnh hơn bao giờ hết. Đó là những sự kiện vô cùng lớn lao trong tình hình quốc tế ngày nay.

Để quốc chủ nghĩa không thể duy trì nền thống trị của chúng trên các thuộc địa dưới hình thức cổ điển đã bị nhân dân toàn thế giới lên án. Chúng phải đưa ra một hình thức thuộc địa trá hình để lừa bịp và làm dịu sức đấu tranh của quần chúng, chia rẽ các lực lượng phản đế ở các thuộc địa. Chúng khoác cho các nước đó một hình thức quốc gia độc lập giả hiệu để duy trì trên thực tế quyền lực của chúng bằng cách nắm độc quyền kinh tế, khống chế về quân sự và chính trị.

Ở miền Nam hiện nay, tuy đế quốc Mỹ không có quân đội và bộ máy cai trị như Pháp trước đây, nhưng chúng thực sự điều khiển mọi mặt hoạt động của chính quyền miền Nam: quân sự, kinh tế và chính trị. Miền Nam hiện nay rõ là một thuộc địa (kiểu mới) của đế quốc Mỹ. Đế quốc Mỹ đang ra sức xây dựng miền Nam thành một căn cứ quân sự, một tiền đồn của phe đế quốc ở Đông Nam Á để một mặt đối phó với phong trào độc lập dân tộc trong khu vực này, mặt khác gắn liền với các căn cứ quân sự khác của Mỹ ở Thái Bình Dương,

hình thành một thế bao vây miền Bắc nước ta và nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, để chống phe xã hội chủ nghĩa.

Để duy trì và củng cố sự thống trị của chúng ở miền Nam, đế quốc Mỹ dựa vào bọn phong kiến quan liêu phản động nhất và nhóm tư sản mại bản thân Mỹ mà gia đình Ngô Đình Diệm là tiêu biểu.

Như vậy, chính quyền miền Nam là một chính quyền đế quốc xâm lược và phong kiến độc tài hiếu chiến.

- Nó là đế quốc xâm lược vì đế quốc Mỹ là tên trùm đế quốc xâm lược và gây chiến.

- Nó là phong kiến vì bản chất lệ thuộc bán nước của nó là bản chất của giai cấp thoái bộ nhất, phản động nhất trong xã hội ta hiện nay.

- Nó là *hiếu chiến* vì ý đồ của nó là muốn thống trị cả nước ta, nhưng vì bản chất phản động, phi nghĩa của nó, bị nhân dân cả nước phản đối và chống lại, cho nên nó âm mưu gây chiến tranh chống lại chính sách hoà bình và chính nghĩa của nhân dân ta.

- Nó là *độc tài phát xít* vì chính quyền đó mọc ra trong lúc dân tộc ta kháng chiến thắng lợi, phong trào độc lập dân tộc và hoà bình dân chủ ở Đông Nam Á lên cao, bộ mặt bán nước phản dân của nó quá rõ rệt nên bị quảng đại nhân dân thù ghét. Bản chất phi nghĩa của nó buộc nó phải dựa vào lực lượng vũ trang, dựa vào chính sách bạo lực tàn khốc, phải thi hành độc tài phát xít để tồn tại. Nhưng chế độ phát xít Mỹ - Diệm ở miền Nam có khác với các chế độ phát xít ở nơi khác. Phát xít Hítler, phát xít Nhật còn có cơ sở quần chúng nhất định, nên lừa gạt được quần chúng, nhờ sợ được hàng chục vạn thanh niên làm công cụ thi hành chính sách phát xít của chúng. Còn Mỹ - Diệm thì cơ sở xã hội rất hẹp, chỉ dựa vào

bọn phong kiến và tư sản mại bản phản động nhất, một số con cái địa chủ bị ta đánh đổ trong cải cách ruộng đất có thù hằn sâu sắc với ta, một số lưu manh côn đồ và một ít đầu hàng phản bội. Do đó Mỹ - Diệm rất muốn thực hiện một chế độ độc tài phát xít, như một số nước khác, nhưng vì cơ sở xã hội và ảnh hưởng chính trị của chúng rất hẹp, cho nên chúng chỉ có thể thi hành một số chính sách và biện pháp tàn bạo, hung ác chứ không có đủ thực lực trong nhân dân để thực hiện hết ý đồ phát xít của chúng.

b. Đánh giá thế lực của Mỹ - Diệm ở miền Nam hiện nay như thế nào?

Sau khi Mỹ - Diệm dẹp được các giáo phái, chúng thống nhất quân đội, ráo riết tăng cường quân lực và bộ máy công an mật thám, nắm lấy bộ máy chính quyền từ trên xuống; như thế, chính quyền Mỹ - Diệm có được vững vàng hơn, và đứng về một phương diện nào đó, chính quyền Mỹ - Diệm có được củng cố hơn.

Nhưng với một chính sách độc tài phát xít, gia đình trị, quá trình củng cố chính quyền đó lại gây ra trong bản thân nó những mâu thuẫn tất yếu ngày càng gay gắt, làm cho nó không ổn định để rồi càng suy yếu hơn.

Các mâu thuẫn đó là:

- *Bọn địa chủ phản động và tư sản mại bản quan liêu thân Mỹ* có địa vị trong chính quyền như bọn Nguyễn Ngọc Thơ, Trần Văn Lắm, Vũ Văn Mẫu, Bùi Văn Thịnh không có thực quyền, *bất mãn với chính sách gia đình trị* của Diệm. Những tướng tá không ăn cánh với Diệm, hay bị nghi ngờ đều bị thay đổi công tác hoặc bị loại ra khỏi quân đội bằng cách đưa đi nước ngoài, làm cho số tướng tá đương chức cũng

như nhân viên cao cấp trong chính quyền luôn luôn có sự nghi kỵ và chia rẽ.

- *Giữa Diệm và các tay sai khác của Mỹ* như Phan Quang Đán, Trần Chánh Thành tranh giành thế lực với Diệm, mà Diệm thì tìm đủ mọi cách không cho bọn này gây thế lực.

- Giữa Mỹ và Diệm, vì chính sách cá nhân gia đình trị của Diệm không làm vừa lòng đế quốc Mỹ muốn có một tập đoàn thống trị theo tính chất giai cấp như kiểu Mỹ.

- *Giữa hành chính, quân đội và công an*, nhất là giữa quân đội và công an tranh giành quyền hành, có khi công khai xung đột bằng vũ khí.

Tình hình trên chưa phải là chỗ yếu căn bản của chính quyền Mỹ - Diệm, chỗ yếu căn bản là vì chúng thất bại về chính trị và ngày càng bị cô lập:

- Từ 1954 Mỹ - Diệm cố động cho chính sách hiếu chiến, tuyên truyền "Bắc tiến", "lấp sông Bến Hải", v.v. nhưng bị quần chúng phản đối, binh lính thì lo sợ, không đồng tình. Chúng bắt buộc phải bỏ khẩu hiệu Bắc tiến, phải nói đến thống nhất bằng phương pháp hoà bình.

Chúng dùng chính sách khủng bố, đàn áp trắng trợn để làm cho nhân dân khiếp sợ phải khuất phục chúng, để dập tan uy thế của kháng chiến và xoá bỏ danh nghĩa kháng chiến của nhân dân. Nhưng chúng thất bại, chúng buộc phải nói kháng chiến là yêu nước. Không những chúng không đàn áp được ý chí hoà bình thống nhất, độc lập và dân chủ của nhân dân ta mà trái lại các lực lượng yêu nước đều chống lại chúng ngày càng rộng rãi hơn. Ảnh hưởng của Đảng nói chung không bị giảm sút mà nhiều nơi ở Nam Bộ và Thượng du Liên khu V càng được lan rộng hơn, vững vàng hơn. Ngay ở những nơi Mỹ - Diệm có thể mua chuộc được bọn tay sai,

chia rẽ và đàn áp khốc liệt, uy thế của quần chúng tạm bị sa sút, nhưng nhân dân sống trong căm hờn chờ có cơ hội là tập hợp lại và đấu tranh.

- Chúng định lừa bịp quần chúng với cái vỏ độc lập quốc gia giả hiệu, tự cho chúng là cách mạng quốc gia, hô hào "thăng tiến cần lao", bày trò cải cách điền địa. Với tất cả những thủ đoạn đó, chúng muốn tranh về chúng ngọn cờ dân tộc mà Đảng ta đã nêu cao từ mấy mươi năm nay, nhưng Mỹ - Diệm cũng thất bại vì những hành động bắn giết, khủng bố hàng ngày đã vạch trần bộ mặt tàn bạo của chúng, cho nên chúng không thể nào che giấu được bản chất bán nước hại dân của chúng. Dưới con mắt của quần chúng, rõ ràng chúng là kẻ thù địch, điều đó quần chúng không thể nào lầm lẫn được. Bọn chúng đang sống và làm giàu trên căm hờn của hàng triệu nhân dân lao động, trên sự bức tức, sự bất bình của các tầng lớp nhân dân.

Chính đó là chỗ yếu căn bản của Mỹ - Diệm. Bọn đế quốc ca tụng sự trưởng thành và cái gọi là "phồn vinh" của chế độ miền Nam, nhưng chúng không thể che giấu được sự lo ngại của chúng, vì đó là một sự phồn vinh giả tạo chất chứa đầy mâu thuẫn trong bản thân của nó để rồi suy sụp nặng nề hơn không thể tránh khỏi.

Nếu so sánh thực lực của Mỹ - Diệm ở miền Nam hiện nay với thực lực của đế quốc và phong kiến Pháp - Bảo Đại trong lúc kháng chiến thì ta thấy rằng: một mặt đế quốc Mỹ là tên trùm đế quốc nhiều lần mạnh hơn đế quốc Pháp, có khả năng xâm lược hơn Pháp, nhưng mặt khác trong tình hình hiện nay chúng không thể trắng trợn đưa quân đội Mỹ đến chiếm đóng miền Nam mà phải dùng một số cố vấn nắm quân đội miền Nam. Cho nên thực lực của Mỹ - Diệm ở miền Nam không mạnh hơn Pháp, Bảo Đại trước đây vì quân đội

viễn chinh Pháp là một quân đội xây dựng với một ý thức quân đội của một cường quốc đi xâm lược, còn quân đội miền Nam mặc dù Mỹ ráo riết huấn luyện kỹ thuật, cố gắng "tác động tinh thần" nhằm biến nó thành một quân đội hiếu chiến có ý thức xâm lược nhưng trong hoàn cảnh lịch sử nước ta ngày nay, với thành phần binh lính là người Việt Nam, quân đội đó không thể trở thành một công cụ xâm lược đắc lực của đế quốc Mỹ. Phong trào dân tộc dân chủ trên thế giới, phong trào quần chúng rộng rãi trong nước đấu tranh chống Mỹ - Diệm, đòi hoà bình thống nhất, đòi tự do dân chủ, cải thiện dân sinh hàng ngày tác động đến họ làm cho tinh thần và tư tưởng họ chuyển biến bất lợi cho bọn xâm lược Mỹ. Đó là chỗ khác biệt giữa miền Nam và các căn cứ quân sự khác của Mỹ như ở Phi Luật Tân¹⁾, Nam Triều Tiên, vì ở những nơi này chúng có quân đội Mỹ chiếm đóng và có thể hợp pháp tăng viện khi cần thiết để tiếp tay với chính quyền bù nhìn đàn áp phong trào cách mạng.

Từ các nhận định trên, chính quyền Mỹ - Diệm ở miền Nam về mặt chính trị căn bản là yếu. Nhưng vì sao mấy năm nay nó vẫn tồn tại? Nó tồn tại là vì sau đình chiến ta tập kết lực lượng vũ trang của ta ra miền Bắc, như vậy là tương quan lực lượng giữa ta và địch, địch hơn ta ở miền Nam. Trong khi ấy ta có miền Bắc hoàn toàn giải phóng để xây dựng thành căn cứ cách mạng vững chắc và rộng lớn để tiếp tục sự nghiệp cách mạng của toàn dân ta.

Lực lượng Mỹ - Diệm là dựa vào quân sự, lấy quân sự tấn công ta, đàn áp để tiêu diệt phong trào miền Nam. Còn ta thì từ đấu tranh vũ trang chuyển sang đấu tranh chính trị. Như thế nghĩa là ta hạ thấp hình thức đấu tranh, từ thế công

1) Phi Luật Tân: Philippin (B.T).

chuyển sang thế thủ. Mặc dù trong đấu tranh chính trị ở miền Nam, từng lúc, từng nơi và từng phần ta có tấn công chúng, nhưng đó cũng chỉ là tấn công trong thế thủ chung. Trong tình hình ấy, ta dùng lực lượng chính trị của quần chúng, địch dùng vũ lực, đứng về thế hiện nay mà nói, lực lượng chính trị của ta chưa có thể biến ngay thành sức mạnh vật chất để chọi lại chúng và đánh đổ chúng. Vì thế mà chính quyền Mỹ - Diệm đến nay vẫn tồn tại và còn giữ được địa vị thống trị của chúng. Nhưng chúng không thể tồn tại mãi mãi khi quần chúng đoàn kết đứng lên và quyết tâm đánh đổ chúng.

Phân tích tính chất của chính quyền miền Nam và đánh giá thế lực của Mỹ ở miền Nam là để nhận rõ đối tượng của cách mạng và khả năng tiến lên của phong trào cách mạng miền Nam.

Đối tượng của cách mạng miền Nam là đế quốc và phong kiến. Kẻ thù cụ thể trước mắt là đế quốc Mỹ và tay sai Ngô Đình Diệm.

Thế lực của đế quốc Mỹ ngày nay trên thế giới ngày càng sa sút, thế lực của chúng ở miền Nam căn bản không phải mạnh. Tình hình ngày càng biến chuyển bất lợi cho chúng, có lợi cho ta. Việc xây dựng thực lực của chúng ta trong quần chúng và trong quân đội miền Nam sẽ là những cơ sở căn bản đảm bảo cho chúng ta giành lấy thắng lợi cuối cùng.

III

TÌNH HÌNH BIẾN CHUYỂN CÁC GIAI CẤP Ở MIỀN NAM

Dân tộc ta đã chịu ách đô hộ của đế quốc thực dân gần một thế kỷ. Trong suốt thời gian đó luôn luôn có những cuộc

vận động cách mạng giải phóng dân tộc. Mâu thuẫn giữa dân tộc ta và đế quốc thực dân rất sâu sắc.

Nhân dân miền Nam đã cùng nhân dân toàn quốc làm Cách mạng Tháng Tám thành công và đã trải qua hơn chín năm kháng chiến chống đế quốc rất anh dũng, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Trong kháng chiến, nhân dân miền Nam đã đem xương máu ra xây dựng chế độ dân chủ nhân dân và đã được hưởng những quyền lợi kinh tế, chính trị và văn hoá xã hội mà chế độ đó đem lại. Vì vậy đến nay, nhân dân miền Nam vẫn nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là Chính phủ của mình. Nhân dân miền Nam được rèn luyện về chính trị trong quá trình kháng chiến, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng và nhận rõ tiền đồ của cách mạng.

Việc tập kết chuyển quân được tiến hành giữa lúc ở chiến trường chính và cả ở các chiến trường miền Nam đang thắng lợi lớn về mặt chính trị và quân sự, nhân dân đang trong khí thế chiến thắng đế quốc thực dân.

Sự can thiệp của đế quốc Mỹ vào miền Nam đã đẩy lùi xã hội miền Nam từ một chế độ dân chủ nhân dân đang tiến lên trở lại một chế độ thuộc địa với một chính quyền đế quốc phong kiến độc tài phát xít tàn bạo. Điều đó làm nổi bật mâu thuẫn sâu sắc giữa một bên là dân tộc Việt Nam vùng lên giành lại độc lập và dân chủ trong cả nước còn một bên là đế quốc Mỹ và bọn tay sai cướp nước và bán nước. Đó là đặc điểm hết sức quan trọng chi phối thái độ chính trị của các giai cấp ở miền Nam.

Từ hoà bình đến nay việc xây dựng miền Bắc hoàn toàn giải phóng đã đem lại những thắng lợi chưa từng có trên đất nước ta, sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa và sự phát triển của phong trào độc lập dân chủ trên

thế giới là những yếu tố mới tác động hàng ngày vào tình hình miền Nam, ảnh hưởng đến thái độ của các giai cấp đối với cách mạng.

1. *Về giai cấp địa chủ*: Lúc hoà bình lập lại, ý thức chung của giai cấp địa chủ là dựa vào chính quyền Mỹ - Diệm để phục hồi địa vị và quyền lợi kinh tế chính trị đã bị tổn thất trong kháng chiến. Nhưng trên tương quan lực lượng giữa phong trào cách mạng và chủ nghĩa đế quốc thực dân trên thế giới và trong nước hiện nay, họ chưa tin tưởng ở tương lai của chính quyền Mỹ - Diệm. Chính sách cải cách điền địa mị dân, chính sách thuế điền thổ, chính sách độc quyền lúa gạo, dìm giá lúa của Mỹ - Diệm đã đụng chạm đến quyền lợi của họ, việc Mỹ - Diệm đả kích vào bọn thân Pháp trong số đó hầu hết là đại địa chủ đã làm cho họ không thoả mãn. Thêm vào đó, nông dân vẫn tiếp tục đấu tranh để bảo vệ các quyền lợi về ruộng đất.

Do các yếu tố ấy, đại bộ phận giai cấp địa chủ có thái độ lưỡng chừng. Tình hình đã diễn ra như sau: lúc chính quyền ta mới rút đi, một số địa chủ dựa vào chính quyền Mỹ - Diệm hống hách trở về hăm dọa đòi đất, đòi tô, v.v. nhưng chúng đụng phải sức phản ứng mạnh của nông dân, một số tên bị nông dân dùng vũ lực đối phó lại. Qua các phong trào đấu tranh chính trị lớn: đòi hiệp thương, chống trưng cầu dân ý, chống bầu cử quốc hội bù nhìn, uy thế chính trị của quần chúng làm cho chúng phải dè dặt.

Mặt khác nông dân đối với họ cũng có nhân nhượng: đối với đất tạm cấp, nông dân không đòi giữ quyền sở hữu, chỉ đòi giữ nguyên canh với mức tô trong kháng chiến. Điều đó làm cho địa chủ bớt căng với nông dân. Khuynh hướng chung

là tìm cách thương lượng với nông dân để thu được tô ít nhiều, rồi dần dần tìm cách tăng tô lên.

Hiện nay đại thể có ba loại địa chủ:

a) Một số ít phản động ngoan cố dựa hẳn vào thế lực Mỹ - Diệm để bóc lột đàn áp nông dân, ngoài số ra mặt phản động, còn có số bề ngoài tỏ thái độ êm dịu với nông dân nhưng bí mật điểm chỉ bắt bớ cơ sở cách mạng. Số địa chủ phản động ngoan cố không nhất thiết là địa chủ lớn, có một số địa chủ nhỏ nắm lều lái chính quyền xã, liên xã, dựa vào đó đi cướp bóc, tống tiền, cướp của, cướp đất nên gắn bó với chế độ Mỹ - Diệm. Số này nổi lên ở những nơi phong trào ta yếu như nhiều vùng ở Liên khu V có thể hình thành một tầng lớp địa chủ quan liêu mới làm chỗ dựa đắc lực cho Mỹ - Diệm ở nông thôn.

Ngoài số này ra, còn có số địa chủ di cư và con cái chúng bị ta đánh đổ ở miền Bắc có thù hằn sâu sắc với ta. Nhưng vào Nam chúng chưa có cơ sở ruộng đất, đang biến thành một bọn lưu manh làm tay chân đắc lực cho chính quyền Mỹ - Diệm đàn áp quần chúng.

b) Số đông thuộc hạng lưng chừng, không găng với nông dân, ít nhiều có thái độ thương lượng với nông dân để khôi phục quyền lợi. Trong hạng này cũng có nhiều địa chủ lớn... ở Liên khu V đến nay còn lơ, chưa đòi đất lại (đất đã tạm cấp). Hạng này không theo Mỹ - Diệm nhưng không muốn thống nhất.

c) Số ít địa chủ yêu nước trước đây hiến điền tham gia kháng chiến ít nhiều, có con em đi tập kết, đối với nông dân có thái độ thoả thuận, thu tô một phần nào. Họ tán thành thống nhất nhưng sợ đấu tố.

Trong hạng này có những nhân sĩ tiến bộ, có màu sắc tư sản dân tộc, có tinh thần chống Mỹ, muốn nước nhà được độc lập.

Nói chung, với sự củng cố chính quyền Mỹ - Diệm ở địa phương, số địa chủ phản động có phần tăng lên so với khi hoà bình mới lập lại, nhất là ở những vùng phong trào ta yếu.

Nhưng hiện nay ở nông thôn mâu thuẫn giữa nhân dân với bọn tay chân trong chính quyền Mỹ - Diệm là gay gắt, còn giữa nông dân và địa chủ từng nơi có thể không căng thẳng. Với sách lược hiện nay là: đoàn kết bản cổ trung nông, liên hiệp với phú nông, lôi kéo những phần tử địa chủ muốn chống Mỹ, trung lập bộ phận lưng chừng, cô lập bọn địa chủ ngoan cố, đánh bại tư tưởng chính trị làm tay sai cho Mỹ - Diệm ở nông thôn, ta có khả năng trung lập hoá một bộ phận lớn trong giai cấp địa chủ.

2. Về giai cấp tư sản:

Trong cả thời kỳ Pháp thuộc, chính sách thực dân chèn ép của thực dân Pháp làm cho giai cấp tư sản Việt Nam không ngóc đầu được. Trong thời kỳ kháng chiến, nhờ chạy theo nhu cầu của quân đội viễn chinh, một số tiểu công nghệ cơ khí hoá ít nhiều có phát triển khá, thương nghiệp cũng có phát triển, giai cấp tư sản làm ăn phát đạt hơn trước, sản xuất và kinh doanh có được mở rộng hơn. Nhưng sau hoà bình, khi quân đội Pháp rút khỏi miền Nam, nhiều ngành phải đình đốn, suy sụp hoặc chuyển hướng một cách khó khăn. Một số xí nghiệp Pháp bị Mỹ - Diệm chèn ép đóng cửa, kéo theo một số tư sản miền Nam phụ thuộc vào họ. Tuy vậy, họ vẫn hy vọng rằng, không còn sự đè ép của Pháp, chính quyền Mỹ - Diệm sẽ giúp đỡ họ mở rộng và phát triển kinh doanh và họ cũng có thể có cương vị của họ trong xã hội miền

Nam và trong chính quyền miền Nam. Nhưng tình hình thực tế đã diễn ra không đúng với mơ ước của họ làm cho phần đông ngày càng thất vọng. Chính sách độc quyền kinh tế của Mỹ chỉ làm giàu cho một số ít tư sản mại bản lớn trong phe cánh họ hàng của Diệm. Số tư sản miền Bắc chạy vào Nam lúc đầu được Mỹ - Diệm nâng đỡ, cho nhiều đặc quyền nhưng dần dần họ không được hưởng nhiều chế độ ưu đãi ấy nữa, nên họ cũng không thoát được cảnh bế tắc chung của tư sản miền Nam. Các ngành công thương nghiệp ngày càng đình đốn, một số phá sản. Chính sách gia đình trị của Diệm cũng không cho họ có địa vị gì trong chính quyền, chính sách độc tài phát xít của Mỹ - Diệm chạm đến ý thức dân tộc ít nhiều của họ.

Trước tình hình kinh doanh khó khăn, một số chạy hùn vốn với tư sản ngoại quốc, nhưng một số tư sản dân tộc vẫn tự lực làm ăn hoặc tập hợp lại kinh doanh. Họ tổ chức ra Liên đoàn công kỹ nghệ và Việt Nam công thương hội.

Tình hình trên đây làm cho giai cấp tư sản miền Nam bất mãn chế độ Mỹ - Diệm. Phong trào đấu tranh rộng rãi của công nông miền Nam hằng ngày, lần lần ảnh hưởng đến họ. Họ thấy nguy cơ của viện trợ Mỹ, nhưng bản chất của họ là cải lương, phản ứng của họ đối với Mỹ - Diệm (phong trào bảo vệ nội hoá, giảm thuế, phân phối ngoại tệ, v.v.) là do động cơ về quyền lợi kinh tế chứ chưa phải do ý thức chính trị rõ ràng của giai cấp họ.

Đối với miền Bắc, họ thấy rõ khả năng tiến lên của chúng ta nhưng họ sợ cách mạng xã hội chủ nghĩa tước đoạt tài sản, quyền lợi của họ cho nên họ muốn hoà bình, độc lập dân tộc, nhưng không muốn thống nhất ngay. Ngọn cờ hoà bình trung lập có khả năng tập hợp giai cấp tư sản thành một lực lượng

chống Mỹ. Con đường biến chuyển đó của giai cấp tư sản có lợi cho ta. Cho nên dựa vào phong trào công nông và các tầng lớp lao động khác, với một hình thức mặt trận thích hợp với các tầng lớp tư sản dân tộc, ta có khả năng tập hợp một mặt trận thật rộng rãi ở miền Nam.

Trong số tư sản mại bản và địa chủ phong kiến thân Pháp trước đây, hiện nay cũng có một số đáng kể còn muốn dựa vào Pháp, đại biểu cho họ là lực lượng chính trị thân Pháp trong đó có những tên như Trần Văn Hữu, Nguyễn Phan Long, Nguyễn Xuân Chử, Trần Văn Lý, Nguyễn Mạnh Hà, v.v. có hoạt động ít nhiều ở miền Nam và ở Pháp. Họ chống Mỹ - Diệm và căn bản cũng chống ta, nhưng muốn "lợi dụng" ta để gây ảnh hưởng và thế lực. Chính sách của ta là lợi dụng mâu thuẫn của họ với Mỹ - Diệm làm mặt trận với họ để tập trung lực lượng chống Mỹ - Diệm, nhưng đấu tranh về mặt lưng chừng và chống cộng của họ.

3. *Giai cấp tiểu tư sản thành thị:*

Giai cấp tiểu tư sản thành thị ở miền Nam là một lực lượng tương đối đông. Sự bế tắc của nền kinh tế miền Nam làm cho đời sống họ khó khăn hơn trước, công việc làm ăn bấp bênh. Họ có tinh thần dân tộc khá, chống chế độ nô dịch và thối nát của Mỹ - Diệm. Trong từng lúc, họ tham gia phong trào khá rộng rãi như phong trào hoà bình, phong trào cứu tế nạn nhân.

Họ có cảm tình với cách mạng, thấy được chính nghĩa, sức mạnh của ta, nhưng còn sợ chế độ ta khát khe, sợ mất tự do, sợ sống khắc khổ, sợ ta quá chú trọng công nông. Họ có ý thức chính trị, quan tâm đến thời cuộc hơn những tầng lớp tư sản, nhưng họ chưa tin tưởng ở nhân dân, chưa tin ở bản thân họ; trước tình hình khó khăn và phức tạp, một bộ

phận khá lớn tỏ ra tiêu cực hoang mang chờ đợi như đứng ở ngã ba đường.

Nông dân:

Nông dân chiếm 3/4 dân số ở miền Nam, là lớp người được nhiều quyền lợi trong kháng chiến và cũng đóng góp nhiều nhất cho kháng chiến (ở Nam Bộ ta đã tạm cấp 320.000 ha cho bản cố nông, mức tô trong vùng tự do được giảm theo quy định của Chính phủ Trung ương, có nơi nông dân đấu tranh hạ thấp hơn). Nông dân miền Nam do đó giác ngộ về quyền lợi giai cấp của họ và quyết tâm đi với cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Chính sách khủng bố tàn khốc của Mỹ - Diệm, nạn cướp bóc, vợ vét thuế má nặng nề, bắt phu bắt lính cộng với việc địa chủ tìm cách lấy đất, tăng tô, làm cho tình hình nông thôn căng thẳng, không thể ổn định. Nói chung đời sống của nông dân hiện nay khó khăn hơn hồi kháng chiến. Ngay như ở Nam Bộ hiện nay có một số vùng bị nạn đói kém. Những nơi phong trào sút kém như trung châu Liên khu V, đời sống nông dân nhất là bản cố nông rất khó khăn. Không sống nổi ở địa phương, một số ra thành thị tìm việc làm ăn, hàng mấy vạn người bị bắt đưa đi Tây Nguyên làm phu ở các dinh điền của Mỹ - Diệm. Các gia đình cán bộ thoát ly và tập kết bị bao vây khủng bố, đời sống rất khốn khổ.

Chính sách khủng bố, đàn áp, bóc lột của Mỹ - Diệm làm cho nông dân miền Nam càng thiết tha với chế độ dân chủ nhân dân. Công cuộc cải cách ruộng đất và kiến thiết miền Bắc có ảnh hưởng sâu sắc đến họ và đã cổ vũ tinh thần đấu tranh của họ. Mỹ - Diệm cũng đưa ra cải cách điền địa mong lừa bịp, lôi kéo về chúng lực lượng nông dân, nhưng chúng đã thất bại, nông dân miền Nam tin tưởng ở sự lãnh đạo của

Đảng, họ thấy chỉ có đi theo sự lãnh đạo của Đảng thì mới có thể thoát khỏi xiềng xích của đế quốc phong kiến, cho nên mấy năm qua mặc dầu bị khủng bố uy hiếp, phong trào đấu tranh ở nông thôn căn bản được giữ vững. Tuy nhiên, gặp lúc tình hình căng và nếu Đảng lãnh đạo không kịp thời, thì một số khá đông sinh cầu an, chờ đợi ngại đấu tranh với địch. Một số cũng khá đông nhất là thanh niên gặp lúc khó khăn muốn vũ trang chống lại địch, không tin tưởng ở đấu tranh chính trị.

Giai cấp công nhân và lao động nghèo thành thị:

Giai cấp công nhân miền Nam và lao động nghèo thành thị rất đông. Tình hình kinh tế bế tắc ở miền Nam làm cho đời sống của họ ngày càng bấp bênh, khổ cực: nạn thất nghiệp, khủng bố, đốt nhà, đuổi nhà, bắt phu, bắt lính, thiếu nước, thiếu đèn, đủ các thứ thuế, phạt vạ. Mấy năm qua mặc dầu Mỹ - Diệm dùng nhiều thủ đoạn lừa bịp, mua chuộc để chia rẽ lực lượng giai cấp công nhân, nhưng giai cấp công nhân và nhân dân lao động nghèo thành thị đều hướng về chế độ miền Bắc, ý thức chống Mỹ - Diệm và lực lượng đoàn kết đấu tranh càng ngày càng phát triển rộng rãi hơn lúc kháng chiến.

Trong mấy năm qua giai cấp công nhân miền Nam đã huy động lực lượng mình đứng lên kiên quyết đấu tranh. Có những cuộc đấu tranh gồm toàn ngành như ngành khuân vác ở bến tàu, ngành đồn điền cao su và cà phê ở miền Nam, ngành vận tải như lái xe tắc xi và xích lô có hàng vạn công nhân tham gia. Họ là lực lượng đi đầu trong các cuộc biểu tình 1-5 năm 1957, 1958 ở miền Nam nêu cao khẩu hiệu hoà bình thống nhất cùng các khẩu hiệu về ruộng đất hỗ trợ cho nông dân, các khẩu hiệu về bảo vệ nội hoá hỗ trợ cho giai cấp

tư sản dân tộc, v.v.. Đó là đặc điểm nổi nhất của tình hình giai cấp công nhân và lao động nghèo ở thành thị trong mấy năm sau hoà bình.

Nhưng vì trong kháng chiến, cơ sở của Đảng ở thành thị yếu, Đảng chưa có hoàn cảnh giáo dục họ rộng rãi và sâu sắc, cho nên mặc dù họ thiết tha yêu nước, tin tưởng ở Đảng, tin tưởng ở chế độ ta, nhưng trình độ chính trị và tổ chức nói chung chưa được nâng cao kịp với tình hình. Đó là nhược điểm lớn của phong trào thành thị hiện nay.

a. Tình hình các tôn giáo

Lực lượng các tôn giáo ở miền Nam là một lực lượng khá đông, bao gồm gần 2 triệu người. Thái độ chính trị của họ ngả về chế độ Mỹ - Diệm hay về ta có một ý nghĩa quan trọng.

Công giáo: Trước hoà bình tổng số đồng bào Công giáo chỉ khoảng 324.630, nay cộng thêm vào số đồng bào miền Bắc di cư vào có khoảng 711.714 (theo tài liệu của báo chí miền Nam).

Mấy năm qua Mỹ - Diệm cố gắng phát triển Công giáo để làm hậu thuẫn cho chúng. Chúng đạt được một số kết quả ở vài nơi ở Liên khu V; trong những vùng bị khủng bố nặng nề, có nhiều người vào Công giáo để tránh khủng bố; ở Nam Bộ cũng làm như thế, nhưng Công giáo không phát triển nổi.

Số Công giáo người miền Nam, nhất là ở Nam Bộ, trước đây đoàn kết tốt với đồng bào lương và tham gia kháng chiến, đến nay nói chung quan hệ tốt đó vẫn được duy trì. Những cha cố Công giáo di cư vào không lôi kéo được họ.

Công giáo di cư khi mới vào nói chung đều ủng hộ Diệm, tích cực chống ta. Nhưng Diệm không đem lại quyền lợi cho họ như đã hứa, trái lại hàng trăm ngàn bị thất nghiệp, họ bị

bắt đi làm đồn điền, lên Tây Nguyên bị đốt nhà, cúp phụ cấp, đời sống rất cơ cực. Sự tranh giành giữa Ngô Đình Thục với các giám mục khác như Lê Hữu Từ, Phạm Ngọc Chi, Nguyễn Văn Hiền, sự tranh giành địa phận con chiên giữa linh mục di cư và địa phương làm cho nội bộ bọn cầm đầu Công giáo mâu thuẫn nhau. Số lớn Công giáo di cư bất mãn, thần oán chế độ Mỹ - Diệm và có xảy ra những cuộc đấu tranh khá mạnh mẽ như vụ chống ký khế ước ở Cái Sắn, chống đuổi nhà ở Sài Gòn...

Tình hình Công giáo di cư đối với Diệm tuy có lúc căng, nhưng họ bị bưng bít nỗi sợ không hiểu chính sách của ta nên vẫn nghi ngờ ta và chống ta. Khả năng cộng tác của ta trong Công giáo di cư còn rất yếu trong các vùng tập trung di cư.

Hoà Hảo: Tín đồ Hoà Hảo đa số là nông dân, đông nhất ở vùng Long Xuyên, Châu Đốc (độ 500.000). Bộ đội Hoà Hảo trong kháng chiến theo Pháp đánh với ta. Đồng bào Hoà Hảo một thời gian cũng chống ta gay gắt về sau quan hệ với ta được cải thiện dần nhưng cơ sở của ta trong vùng Hoà Hảo còn rất ít.

Sau hoà bình, Diệm giải tán lực lượng quân sự của Hoà Hảo.

Bọn tướng cầm đầu bộ đội Hoà Hảo lần lượt đầu hàng Mỹ - Diệm (Lửa, Ngô, Ngoán, Ba Cụt), và quân đội của chúng cũng tan rã.

Một số đơn vị được ta giúp đỡ duy trì lực lượng chống lại Mỹ - Diệm. Bọn chỉ huy vừa dựa vào ta vừa sợ ta nắm bộ đội chúng nên lưng chừng, Mỹ - Diệm một mặt dùng quân sự tấn công tiêu diệt, mặt khác tìm cách mua chuộc bọn chỉ huy. Vì bản chất lưu manh, cướp bóc của bọn chỉ huy, không thể được nhân dân ủng hộ, nên phần lớn dần dần cũng đầu hàng Mỹ-

Diệm. Nhưng chính sách đàn áp, cướp bóc của Mỹ - Diệm trong các vùng Hoà Hảo làm cho đồng bào Hoà Hảo thấy rõ bộ mặt bán nước và gian ác của chúng, và cùng với ta chống Mỹ - Diệm. Nhờ vậy mà ta có hoàn cảnh thanh toán những thành kiến cũ, và mở rộng cơ sở và mặt trận chống Mỹ - Diệm trong vùng Hoà Hảo, điều mà trong thời kỳ kháng chiến ta chưa làm được.

Cao Đài:

Cao Đài chia làm 12 phái với 70 vạn tín đồ, trong đó có bốn phái quan trọng:

- Phái Cao Đài Hậu Giang của cụ Cao Triều Phát tham gia kháng chiến, nay vẫn hăng hái tham gia phong trào chung.

- Phái Chính đạo ở Bến Tre, trong kháng chiến đứng trung lập, một số ít tham gia kháng chiến. Hoà bình trở lại họ gần gũi ta hơn. Mỹ - Diệm cố mua chuộc chức sắc nhưng không làm được, nên vu khống cho là Việt cộng và cấm hành đạo. Hầu hết tín đồ và chức sắc đều đoàn kết với nhân dân chống Mỹ - Diệm.

- Phái Tiên Thiên (3.000 tín đồ) bôn cầm đầu theo Mỹ - Diệm, nhưng bị quần chúng tín đồ chống lại.

- Phái Tây Ninh do Phạm Công Tắc cầm đầu (30 vạn tín đồ) trong kháng chiến theo Pháp, tổ chức bộ đội, chiếm đóng vùng Toà thánh Tây Ninh chống lại ta, ý thức chống cộng gay gắt. Lúc mới hoà bình Mỹ - Diệm lợi dụng bộ đội Cao Đài tiêu diệt cơ sở của ta. Nhưng sau đó Mỹ - Diệm dẹp các giáo phái, quân đội Cao Đài bị bao vây và phân tán. Một số cầm đầu quân sự theo Mỹ - Diệm (Nguyễn Thành Phương) bao vây Toà thánh, giải tán các tổ chức chính trị, kinh tế. Phạm Công Tắc phải chạy sang Miên. Diệm đưa Cao Hoài Sang thay thế Phạm Công Tắc và để lừa gạt tín đồ Cao Đài,

hai bên cam đoan: Cao Đài không làm chính trị, Diệm bảo đảm tự do tín ngưỡng.

Những chức sắc và tín đồ Cao Đài oán ghét Mỹ - Diệm vẫn tiếp tục hoạt động chính trị dưới sự điều khiển bí mật của Phạm Công Tắc theo hướng hoà bình trung lập. Cũng như đồng bào Hoà Hảo, quần chúng tín đồ bên dưới ngày càng đoàn kết rộng rãi với ta đấu tranh chống Mỹ - Diệm.

Ở Liên khu V, nhất là Quảng Ngãi, cũng có những vùng Cao Đài trong kháng chiến có thù hằn với ta, sau hoà bình lập lại, lúc đầu tuyên truyền cho Diệm nhưng ngày càng chuyển sang chống Diệm và bị Diệm đàn áp. Họ có liên lạc với một số Cao Đài ở Bến Tre, Tây Ninh ra hoạt động về "Hoà bình chung sống". Thành kiến giữa quần chúng Cao Đài và quần chúng ngoài đạo cũng được giảm bớt nhiều so với trước.

Phật giáo:

Phật giáo có cơ sở từ lâu trong nhân dân. Trong lúc kháng chiến ở các vùng tạm chiếm Phật giáo có phát triển khá, tín đồ có khuynh hướng cầu an, nhưng nói chung quan hệ tốt đối với ta. Sau hoà bình ở Liên khu V trong những vùng địch khủng bố đàn áp nặng, các tổ chức Phật giáo tương đối ít bị uy hiếp, lại không có thái độ chính trị xấu nên quần chúng vào Phật giáo cũng khá đông, đồng bào ở vùng tự do cũ, một số đảng viên cũng vào Phật giáo. Do đó Phật giáo ở Liên khu V phát triển, có những tổ chức tương trợ, hộ táng, lập thêm chùa, trường học, v.v.. Xu hướng của Phật giáo chống Mỹ - Diệm và tán thành thống nhất. Hầu hết các lãnh tụ ủng hộ ta, quần chúng tín đồ cùng nhân dân đấu tranh chống Mỹ - Diệm. Lúc sau này địch khủng bố mạnh, phong trào chung khó khăn, những người cầm đầu trong đạo ở các địa phương nằm yên không biểu thị thái độ như

trước, trong quần chúng tín đồ thì phát triển việc cầu nguyện, ăn chay làm lành. Họ có cảm tình với ta, và ta có khả năng tranh thủ họ chống Mỹ - Diệm, mặc dù họ có những hình thức tiêu cực.

b. Tình hình các dân tộc miền núi

Ở miền Nam đáng chú ý nhất là vùng dân tộc ít người Liên khu V từ miền tây Quảng Trị vào tới đông bắc Nam Bộ rộng bằng 2 phần 3 diện tích toàn miền Nam, trong đó riêng Tây Nguyên rộng 6 vạn cây số vuông có một vị trí chiến lược quan trọng đối với Đông Dương.

Đây là một vùng núi non và cao nguyên rộng lớn, địa thế hiểm trở, nguồn lợi thiên nhiên phong phú, có trên 20 dân tộc gồm gần 1 triệu người, sinh sống mỗi dân tộc trong một vùng, ít xen kẽ lẫn lộn với nhau, xã hội chưa phân hoá rõ rệt, đoàn kết giữa các tầng lớp trong một dân tộc chặt chẽ, các dân tộc đều có truyền thống tự vệ, chống ngoại xâm. Trong kháng chiến, với chính sách đoàn kết dân tộc đúng đắn với những thắng lợi quân sự giải phóng được một phần Tây Nguyên, ta đã gây được lòng tin tưởng sâu sắc của đồng bào Thượng đối với Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch.

Từ ngày hoà bình lập lại, địch âm mưu xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ quân sự vừa để tấn công, vừa để thoái thủ. Chúng dùng những thủ đoạn vừa khủng bố, vừa lừa bịp mua chuộc nhằm chia rẽ các dân tộc, chia rẽ giữa Đảng và quần chúng. Chúng tuyên truyền những khẩu hiệu: Kinh Thượng bình quyền, Kinh Thượng đoàn kết, cải tiến xã hội, v.v.. Chúng bắt dời các làng nhỏ về làng lớn, làng xa về gần cứ điểm quân sự, các đô thị, các đường giao thông để khống chế nhân dân, bóc lột nhân công, phá cơ sở cách mạng. Ở vùng

giáp ranh trung châu, chúng liên tiếp càn quét trấn áp quần chúng để phá chỗ dựa của phong trào ở trung châu, để cắt đứt giữa Tây Nguyên và trung châu.

Mỹ - Diệm không giấu được bản chất xấu xa, tàn bạo của chế độ chúng. Ảnh hưởng của chúng ngay cả trong từng lớp trên người Thượng còn kém hơn Pháp trước đây nhiều. Hiện nay địch đã lập được chính quyền đến xã ấp gần khắp hết Tây Nguyên, chỉ còn độ 30 xã chưa có chính quyền, những nhân viên chính quyền ở thôn xã phần lớn do ta nắm được, chịu sự lãnh đạo của cơ sở ta và có lúc họ tham gia cùng nhân dân đấu tranh chống Mỹ - Diệm. Những nhân viên ở cấp tổng, huyện, tỉnh chịu ảnh hưởng chính sách dân tộc của ta bị tay chân của Diệm chèn ép khinh miệt nên ghét Mỹ - Diệm. Gần đây có một số cầm đầu phong trào chống Mỹ - Diệm đòi tự trị.

Bên cạnh người Thượng, còn có 18 vạn người Kinh. Vì địch đang dồn dân di cư ở trung châu lên lập các dinh điền, số người Kinh sẽ ngày càng tăng thêm nữa và trở thành một yếu tố mới làm cho tình hình chính trị ở Tây Nguyên thêm phức tạp.

Điều kiện địa thế và nhân dân hiện nay nói chung có nhiều thuận lợi cho ta nhưng tình hình cũng sẽ đưa lại những khó khăn mới. Việc xây dựng Tây Nguyên và cả miền núi Liên khu V đối với ta là vấn đề rất trọng yếu vì vừa là phá âm mưu xây dựng căn cứ quân sự quan trọng của Mỹ ở miền Nam, vừa là tạo chỗ dựa rộng lớn cho phong trào cách mạng ở miền Nam.

c. Phong trào đấu tranh của đồng bào miền Nam

Trong mấy năm qua phong trào đấu tranh của đồng bào

miền Nam chống Mỹ - Diệm đã diễn ra liên tục ở khắp nơi, khi cao khi thấp, với nhiều hình thức phong phú, cũng có nơi, có lúc quyết liệt. Phong trào đó phản ánh mâu thuẫn ngày càng sâu sắc giữa Mỹ - Diệm và các tầng lớp nhân dân miền Nam.

Một mặt đó là yêu cầu chính trị của quần chúng đang rất khao khát độc lập, tự do, và thống nhất nước nhà và đó cũng là yêu cầu tiếp tục nhiệm vụ cách mạng của quần chúng đang làm trong kháng chiến.

Một mặt khác đó là phản ứng tất yếu của nhân dân để bảo vệ quyền sống hàng ngày đang bị chà đạp dưới chế độ độc tài phát xít của Mỹ - Diệm.

Khi hoà bình mới lập lại đã bắt đầu có những cuộc đấu tranh về ruộng đất, về tự do dân chủ, phong trào nói chung nặng về những khẩu hiệu và yêu cầu chính trị nhằm làm áp lực cho việc thi hành Hiệp nghị Giơnevơ và chống âm mưu Mỹ - Diệm chia cắt đất nước. Ở khắp miền Nam có những phong trào chính trị sôi nổi và rộng lớn đòi hiệp thương, chống trưng cầu dân ý, chống bầu cử quốc hội bù nhìn. Các phong trào đó đã huy động hàng triệu người từ Quảng Trị đến Cà Mau, lôi kéo cả đồng bào Cao Đài, Hoà Hảo, Công giáo, phối hợp giữa thành thị và nông thôn, đấu tranh với đủ hình thức từ hợp pháp đến bất hợp pháp như mít tinh hàng ngàn người, biểu tình tuần hành, bãi công, bãi thị, kiến nghị, truyền đơn, băng, cờ, biểu ngữ, thảo luận mạn đàm, v.v.. Đó là những phong trào chính trị rộng lớn và sôi nổi nhất trong lịch sử đấu tranh của dân tộc ta từ trước đến nay. Các phong trào đó trong một lúc làm hạ uy thế của bọn phản động, lưu manh đang ngóc đầu dậy ở nông thôn, làm cho nhiều người trong chính quyền Mỹ - Diệm dâm ra lừng chừng.

Nhưng khuyết điểm của ta trong lúc ấy là thiếu chuẩn bị

đầy đủ tư tưởng trong cán bộ và quần chúng cho một cuộc đấu tranh cách mạng gian khổ và lâu dài làm cho quần chúng và cán bộ ỷ lại vào cái mốc thời gian đã quy định trong Hiệp nghị Giơnevơ. Nhiều nơi lãnh đạo đấu tranh với tất cả khí thế của kẻ chiến thắng, không chuẩn bị thế thủ thích hợp với tương quan lực lượng mới, đã để phong trào kéo dài, không biết kết thúc đúng lúc làm cho quần chúng đấu tranh găng với địch, cơ sở ta bị bộc lộ. Do đó, như ở trung châu Liên khu V, khi địch tấn công lại ta, chúng đánh trúng cơ sở của ta, cán bộ và quần chúng hoang mang, phong trào sa sút.

Cũng trong khoảng thời gian này, ở Nam Bộ có phong trào chống khủng bố, chống bắt bớ, chống cướp bóc, bảo vệ cán bộ, v.v. diễn ra quyết liệt. Nhân dân chống bắt bớ bằng bao vây, ngăn cản, níu kéo, cản xe, cản tàu, nhiều nơi huy động hàng bốn, năm ngàn người giằng co với địch, giải thoát người bị bắt. Ta có tổ chức các đội "dân canh chống cướp", đội thông tin để canh gác, tuần tiễu, chống địch đột kích bao bắt ban đêm. Các hình thức đấu tranh này, trong một thời gian ngăn chặn được khủng bố của địch, nhưng không thể duy trì được mãi, nên về sau ta chuyển dần sang các hình thức mềm dẻo hơn, sử dụng thế hợp pháp nhiều hơn.

Từ giữa năm 1956 về sau, phong trào dần dần đi về hướng đấu tranh hợp pháp và bán hợp pháp một cách linh hoạt xoay quanh các khẩu hiệu dân sinh và dân chủ, là những vấn đề bức thiết trước mắt của quần chúng. Hoà bình thống nhất trở thành những khẩu hiệu tuyên truyền giáo dục để nâng cao ý thức chống Mỹ và ý thức cách mạng của quần chúng, thường xuyên lồng vào trong các cuộc đấu tranh cho quyền lợi dân sinh và dân chủ.

Trong năm 1958, phong trào so với mấy năm trước đã đi vào các mặt đấu tranh về quyền lợi thiết thực của quần chúng hơn, do đó động viên được các tầng lớp quần chúng, các tôn giáo, các dân tộc tham gia rộng rãi.

Trong phong trào miền Nam cần đáng chú ý các phong trào sau đây:

1. Cuộc đấu tranh gay go, ác liệt nhất giữa ta và địch là cuộc đấu tranh chống "tố cộng". Địch tập trung lực lượng, phương tiện và cán bộ, phối hợp lực lượng công an, quân sự, gián điệp và hành chính từ trung ương đến địa phương theo một chương trình quy mô, mở những đợt "tố cộng" quyết liệt đánh vào cơ sở Đảng ta, trả thù những người kháng chiến, nhằm tiêu diệt phong trào cách mạng miền Nam. Chúng dùng đủ mọi thủ đoạn: lừa phỉnh, mua chuộc, chia rẽ, khủng bố và tàn sát rất dã man. Cán bộ và nhân dân ta đã phấn đấu, hy sinh vô cùng anh dũng trong các đợt tố cộng. Qua các đợt "tố cộng", chúng gây cho ta những thiệt hại nặng nề ở Khu V cũng như ở Nam Bộ, nhưng ở Nam Bộ chúng không đánh vỡ được các cơ sở của ta. Đến nay, chúng phải thừa nhận là không thể nào tiêu diệt được cộng sản, không tiêu diệt được phong trào của quần chúng, mà trái lại phong trào vẫn liên tục và phát triển dưới nhiều hình thức. Chính ngay trong khi "tố cộng", nhân dân xã Đại Lộc (huyện Điện Bàn, Quảng Nam) đã đấu tranh quyết liệt buộc địch phải rút bọn chỉ huy tố cộng và giải tán trại tập trung. Vì việc khủng bố trắng trợn, ô ạt không có kết quả mà lại còn bất lợi về chính trị nên hiện nay chúng thay đổi phương pháp làm êm dịu hơn, dùng bọn công dân vụ và gián điệp mở những phong trào có tính cách xã hội, nhằm đi sâu vào quần chúng và tìm cách tiêu diệt cho được cán bộ lãnh đạo của ta.

2. Sôi nổi, mạnh mẽ và rộng rãi nhất là phong trào chống quân dịch, chống bắt lính. Xứ uỷ Nam Bộ trong năm qua, xem việc lãnh đạo chống bắt lính là công tác trung tâm nên đã cố gắng đưa phong trào lên. Việc dịch bắt lính động chạm trực tiếp đến đời sống và tình cảm của các gia đình nên ý thức nhân dân chống lại khá mạnh. Vì quần chúng cũng nhận được âm mưu gây chiến của địch nên phong trào có ý thức chính trị rõ rệt. Ta lãnh đạo nhân dân đấu tranh giằng co với địch gây cho chúng nhiều khó khăn: ta kết hợp trốn tránh của thanh niên với đấu tranh hợp pháp của gia đình, kêu xin miễn hoãn dịch. Nhiều nơi quần chúng tranh thủ được sự đồng tình của binh lính tại ngũ. Có vài nơi huy động hàng ngàn người kéo lên huyện, tỉnh đấu tranh. Mặt khác ta cũng giáo dục trước cho thanh niên nếu họ bị bắt lính.

Ở Liên khu V, tuy cơ sở ta yếu, nhưng phong trào chống bắt lính cũng diễn ra khắp nơi dưới nhiều hình thức như công khai chất vấn, phản đối, từng đoàn kéo lên quận kêu xin, hoặc có nơi kéo nứu, cản xe địch, v.v..

Nhìn chung tuy ta không thể ngăn được địch bắt lính, nhưng ta đã gây cho chúng nhiều khó khăn, kết quả quan trọng nhất là làm cho địch thất bại về chính trị vì ta đã biến được âm mưu "quân dịch" của địch thành một cuộc vây ráp, bắt lính cưỡng bức, bị quần chúng rộng rãi phản đối.

3. Giằng co, gay go và quyết liệt là những cuộc đấu tranh chống đuổi làng, chiếm đất, dồn dân để lập căn cứ quân sự, làm đường chiến lược, hoặc phá căn cứ cũ của ta. Nhiều cuộc đấu tranh đang tiếp diễn rất gay go như hiện nay đấu tranh của đồng bào Thị Nghè chống đuổi nhà để làm con đường Sài Gòn - Biên Hoà, đấu tranh của đồng bào chống đuổi nhà để mở rộng các sân bay như sân bay Biên Hoà, Tân Sơn Nhứt.

Cuộc đấu tranh chống đuổi làng để mở rộng trại huấn luyện Quang Trung ở Hóc Môn (Gia Định) trong ba năm qua đã diễn ra giằng co, quyết liệt. Địch thường xuyên khủng bố bắt bớ, mỗi ngày 8 tiếng bắn vào làng để uy hiếp tinh thần đồng bào, nhưng đồng bào trong vùng đoàn kết đấu tranh, kiên quyết bám đất, đến nay chúng vẫn không đuổi được.

Ở Liên khu V đấu tranh chống dồn làng cũng rất căng thẳng ở nhiều nơi nhất là ở Tây Nguyên và miền tây các tỉnh.

4. Phổ biến, bền bỉ và liên tục, khắp các nơi, thỉnh thoảng có những vụ đột xuất mạnh mẽ, là phong trào đấu tranh cho các quyền lợi dân sinh, dân chủ thông thường, như:

- Ở thành thị, chống khủng bố nghiệp đoàn, chống sa thải, đòi tăng lương, cải thiện chế độ làm việc, đòi vệ sinh, đèn nước, đòi giải quyết công ăn việc làm của thợ thuyền và lao động. Ngoài ra còn có phong trào rộng rãi của các tầng lớp khác: tư sản dân tộc, ký giả tiến bộ, sinh viên, học sinh, v.v. có ý nghĩa chính trị chống Mỹ rõ rệt như đòi hạn chế ngoại hoá, bảo vệ nội hoá, đòi chương trình học bằng tiếng mẹ đẻ, chống văn hoá cao bồi, phim ảnh khiêu dâm, v.v..

- Ở thôn quê, chống giựt đất, tăng tô, xáo canh, chống bắt xâu, bắt phu, chống tăng thuế, vợ vét bóc lột, chống luật lệ hà khắc.

Âm mưu của Mỹ - Diệm là xáo trộn đất đai để phá hoại đoàn kết ở nông thôn, phá cơ sở của ta, tạo cơ sở cho chúng. Yêu cầu đấu tranh ta đề ra là giữ nguyên canh và chống tăng tô. Hiện nay, ở Nam Bộ nông dân giữ được nguyên canh trên hầu hết đất tạm cấp, trừ vài nơi phong trào ta kém. Trên đất đó, nông dân phải làm kế ước đong tô cho địa chủ, nhưng giằng co với địa chủ chỉ đóng tô chút ít, không đúng với kế ước. Ở những vùng căn cứ cũ, hẻo lánh, có nơi nông dân vẫn

giữ nguyên sở hữu, hoặc giằng co đóng chút ít tô mùa này, mùa khác không đóng. Đối với đất của thực dân Pháp và đất nông dân khai phá nói chung nông dân còn giữ được quyền sở hữu. Riêng đối với loại đất khai phá nông dân đang đấu tranh giằng co với địch để không lập bộ sổ, nhưng ở một ít địa phương chúng cũng đã bắt đầu lập được bộ sổ.

Đối với đất đai của địa chủ cho mượn từ trước tới nay, nông dân cũng đấu tranh giữ nguyên canh và giữ mức tô hồi kháng chiến. Yêu cầu này căn bản đã đạt được, trừ một số địa phương ở miền đông đất hẹp người đông, địa chủ tăng tô rất cao. Đồng bào di cư ở Cái Sắn đấu tranh chống làm kế ước, đòi làm chủ vĩnh viễn số ruộng mà chính quyền miền Nam hứa cấp cho họ. Cuộc đấu tranh này có lúc cũng quyết liệt; tuy vậy, hiện nay đã có một số phải làm kế ước.

Về âm mưu cải cách điền địa, địch chỉ mới thi hành lẻ tẻ ở mỗi tỉnh một số điểm. Nông dân nói chung cũng đấu tranh giữ được nguyên canh. Thái độ phổ biến của nông dân là không muốn mua, họ giằng co từng mùa vì họ tin rằng cách mạng nhất định thành công.

Ở Liên khu V, vì cơ sở của Đảng ở nông thôn sa sút, nên quyền lợi ruộng đất của nông dân bị cướp giựt nặng hơn. Nhưng nông dân đấu tranh rất gắng chống xáo cấp công điền và trích trí công điền. Vì vậy mà gần đây địch đã phải hạ mức trích trí công điền, có nơi chúng phải chia cho phụ nữ.

- Ở Tây Nguyên từ cuối tháng 9 đến nay, công chức, sĩ quan người Thượng cầm đầu phong trào đòi tự trị nổ ra ở một số thị xã, thị trấn thuộc Ban Mê Thuột và Pleiku, lôi kéo hàng ngàn người tham gia mít tinh, hội họp, chống chính sách khủng bố, bóc lột, dồn dân, bắt phu của Mỹ - Diệm và đòi dân tộc tự trị.

Từ khi hoà bình lập lại, nhân dân miền Nam từ đấu tranh vũ trang chuyển sang đấu tranh chính trị dưới một chế độ độc tài phát xít sau khi đã trải qua hơn chín năm có chính quyền cách mạng và kháng chiến thắng lợi. Quần chúng đã có trình độ giác ngộ chính trị tương đối cao. Cho nên hiện nay, trong khi đấu tranh dưới những khẩu hiệu dân sinh dân chủ, yêu cầu của nhân dân không phải chỉ nhằm giải quyết một số quyền lợi trước mắt mà yêu cầu của nhân dân là tiến lên đánh đổ Mỹ - Diệm ở miền Nam, để cùng với miền Bắc thực hiện thống nhất nước nhà. Các hình thức đấu tranh cho quyền lợi thiết thân trước mắt đều bao hàm một nội dung chính trị sâu sắc là chống chiến tranh, chống chính sách nô dịch của đế quốc Mỹ, chống chế độ độc tài, đòi hoà bình thống nhất, độc lập và dân chủ.

d. Kết luận

Từ khi hoà bình lập lại đến nay, Mỹ - Diệm ra sức đàn áp khủng bố ác liệt hòng đè bẹp ý chí đấu tranh của nhân dân miền Nam để dập tắt phong trào cách mạng miền Nam. Chúng chú trọng trước hết tấn công vào Đảng ta nhằm tiêu diệt các cơ sở của Đảng là những hạt nhân tổ chức và lãnh đạo phong trào để thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài, biến miền Nam nước ta thành thuộc địa và căn cứ quân sự Mỹ và chuẩn bị chiến tranh.

Nhưng các đảng bộ ở miền Nam đã phấn đấu vô cùng anh dũng. Không biết bao nhiêu đồng chí đã bị tra tấn, tù đầy và hy sinh anh dũng trong phong trào để bảo vệ quyền lợi của nhân dân, quyết tâm hoàn thành sự nghiệp cách mạng của dân tộc, quyết tâm phấn đấu cho lý tưởng cao cả của Đảng ta. Những gương hy sinh phấn đấu anh dũng của

các đảng bộ miền Nam đã nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của đồng bào miền Nam. Tuy lực lượng của Đảng có bị tổn thất ở trung châu Liên khu V nhưng ở Tây Nguyên cơ sở của Đảng được giữ vững, củng cố và phát triển, ở Nam Bộ chất lượng của Đảng được tăng cường, tổ chức của Đảng tương đối ổn định và vững mạnh hơn khi hoà bình mới lập lại, Đảng đã phát triển cơ sở rộng hơn ở thành thị và trong những vùng tôn giáo. Như vậy là nhìn chung cả miền Nam, ta bảo tồn được cơ sở đảng, phong trào miền Nam căn bản được giữ vững và phát triển.

Đó là thành tích rất vẻ vang của các đảng bộ và của đồng bào miền Nam. Hội nghị Trung ương hôm nay nhiệt liệt hoan nghênh tinh thần khắc phục khó khăn gian khổ, bền bỉ phấn đấu và hy sinh anh dũng của đồng bào miền Nam và các đảng bộ miền Nam.

Tuy nhiên, từ đấu tranh vũ trang chuyển sang đấu tranh chính trị, từ hoạt động công khai chuyển sang hoạt động bí mật, các đảng bộ miền Nam đứng trước tình hình rất khó khăn phức tạp nên cần khắc phục một số khuyết điểm chính sau đây, để đưa phong trào miền Nam tiến lên:

1. *Chưa chú trọng xây dựng cho cán bộ và đảng viên tư tưởng cách mạng trường kỳ gian khổ, quyết tâm đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm*

Sau hoà bình lập lại, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi hiệp thương, đòi tổng tuyển cử theo Hiệp nghị Giơnevơ để thống nhất nước nhà là đúng, vì tuy khả năng đó rất ít nhưng chúng ta không thể bỏ, chúng ta phải hết sức tranh thủ để đẩy khả năng đó lên. Trong khi tranh thủ khả năng đó chúng ta cần làm cho toàn Đảng nhận rõ vấn đề mâu thuẫn giữa đế quốc và phong kiến với nhân dân ta căn bản

không phải giải quyết bằng pháp lý mà phải giải quyết bằng cách mạng. Làm cách mạng đánh đổ một kẻ thù hung ác và đang nắm quyền thống trị như Mỹ - Diệm phải là đấu tranh cách mạng gian khổ lâu dài, nhưng nhất định thắng lợi. Các đảng bộ miền Nam trong mức độ khác nhau, chưa thấm nhuần tư tưởng đó nên trong một thời gian có tư tưởng y lại vào pháp lý Giơnevơ, nên có nơi chưa chú trọng đầy đủ việc xây dựng thực lực cách mạng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh lâu dài, tiến lên đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm.

Chính vì không nhận rõ như thế nên khi gặp khó khăn, nhất là 20-7-1956 không có tổng tuyển cử, địch lại tăng cường đàn áp phong trào thì một số bị quan, chán nản, một số khác không tin tưởng ở đấu tranh chính trị, muốn trở lại đấu tranh vũ trang.

Sự nhận định về Hiệp nghị Giơnevơ và vấn đề tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam không được rõ ràng là do lập trường dân tộc độc lập và giai cấp đấu tranh trong Đảng không vững, nên không thấy được hết địch mà cũng không thấy hết ta. Đó là cơ sở chính của tư tưởng hữu khuynh biểu hiện trong việc lãnh đạo phong trào miền Nam vừa qua.

Ở Nam Bộ hữu khuynh rõ nhất là sự lãnh đạo của Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn, có phần thoả mãn với phong trào công khai hợp pháp tương đối được rộng rãi; chỉ đấu tranh cho các khẩu hiệu về dân sinh và dân chủ mà không biết kết hợp với việc tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức chống Mỹ, và trong một thời gian khá dài việc xây dựng thực lực cách mạng qua phong trào công khai hợp pháp đó cũng không được chú ý, nên cơ sở phát triển chậm, phong trào bị hạn chế và chưa được vững chắc.

Ở Liên khu V, tư tưởng y lại vào Hiệp nghị Giơnevơ đã làm giảm sút khả năng cách mạng của đảng viên và quần chúng, làm giảm ý chí quyết tâm đối phó với sự tấn công của địch, làm cho sự vận dụng phương châm và phương pháp đấu tranh thiếu sắc bén và sáng tạo.

Hiện nay vấn đề trọng yếu là phải ra sức củng cố lập trường cách mạng cho cán bộ và đảng viên. Kinh nghiệm cho thấy ở Nam Bộ sau khi học tập đường lối cách mạng miền Nam, tư tưởng đảng viên được ổn định và phấn khởi. Ở Liên khu V việc phổ biến đường lối cách mạng miền Nam gần đây trong một số cán bộ, đã bước đầu đem lại tin tưởng và phấn khởi.

2. Không nhận rõ ta đang ở "thế" nào trong cuộc đấu tranh với địch hiện nay ở miền Nam

Từ sau hoà bình ở miền Nam tương quan lực lượng giữa ta và địch đã đổi mới. Địch dùng vũ lực tấn công ta còn ta thì dùng lực lượng quần chúng đấu tranh chính trị mà phòng ngự.

Cho nên phải biết thủ như thế nào để ít tổn thất và có lợi nhất để bảo tồn cơ sở, đồng thời có thể phát triển lực lượng của ta. Đó là phương hướng tiến lên của chúng ta để xây dựng thực lực cách mạng. Về mặt đấu tranh nói chung phải đứng trên cơ sở của thế thủ nghĩa là triệt để sử dụng thế công khai hợp pháp. Phải nhận rõ trong giai đoạn thế thủ phải tranh đấu thế nào để giữ mình, nhưng trong thế thủ phải biết từng mặt, từng lúc giành lại chủ động, tấn công địch bằng tuyên truyền cho sắc bén và đúng đích. Không biết tấn công địch giành lại chủ động thì không thể giữ vững phong trào.

Về mặt tổ chức thì phải biết bố trí lực lượng cán bộ lại

theo thế thủ, nghĩa là chủ động thu hẹp, thu gọn tổ chức lại, sắp xếp cán bộ cho hợp với khả năng và hoàn cảnh của mỗi người, triệt để che giấu lực lượng. Không làm đúng phương hướng ấy thì phong trào sẽ bị tổn thất, để bộc lộ lực lượng phiêu lưu tấn công địch, để bị địch đánh phá trúng cơ sở gây thiệt hại cho phong trào.

Ở Nam Bộ, một số đồng chí lãnh đạo các địa phương vì không nhận rõ phương hướng trên đây nên có nơi đã làm tổn hại đến lực lượng cách mạng. Ở Liên khu V cũng vì không nhận rõ phương hướng đó nên về mặt tổ chức lúc đầu không kiên quyết và kịp thời đổi mới, không đảm bảo bí mật; về mặt đấu tranh không tạo được thế hợp pháp cho quần chúng để che giấu lực lượng của Đảng, và trong một thời gian khá dài đã lãnh đạo quần chúng đấu tranh dưới những khẩu hiệu chính trị cao, ra mặt đối lập với địch làm bộc lộ lực lượng nên đã gây tổn thất cho phong trào ở trung du.

3. Không nhận rõ chỗ mạnh và chỗ yếu của địch để biết hướng phòng ngự và biết hướng tấn công

Lúc đầu ta chưa thấy hết tính chất độc tài phát xít của chính quyền Mỹ - Diệm, nhận không đúng mức sự tàn bạo và hung ác của chúng nên sự chuẩn bị đối phó với địch ta làm không đúng mức. Dựa vào quân đội, cảnh sát và bộ máy chính quyền, chúng dùng vũ lực đàn áp quần chúng, cho nên ta chưa có thể đưa quần chúng chống lại chúng ngay bằng những khẩu hiệu chính trị và những hình thức cao. Muốn chống lại chúng phải xoay quanh các vấn đề về dân sinh và dân chủ để tập hợp quần chúng đi từ thấp và dần dần mở rộng và nâng cao phong trào. Qua các phong trào ta mới có thể xây dựng lực lượng làm cơ sở vững chắc đưa phong trào ngày càng lên cao. Vì chưa nhận thức đúng như thế nên

trong lãnh đạo đấu tranh có khi ta phiêu lưu đưa quần chúng đấu tranh với khẩu hiệu chính trị cao bị địch đàn áp, cơ sở bị tan vỡ.

Mặt khác chúng ta cũng không thấy hết chỗ yếu của địch. Bản chất phi nghĩa cướp nước bán nước của Mỹ - Diệm trong tình hình hiện nay làm cho chúng ở vào thế cô lập. Vì bản chất phi nghĩa của chúng như thế nên chúng không được các tầng lớp nhân dân đồng tình. Càng khủng bố, đàn áp, uy thế chính trị của chúng ngày càng sa sút. Đó là chỗ yếu căn bản của địch. Phải luôn luôn chủ động tấn công địch bằng tuyên truyền, để thắng địch hàng ngày, hàng giờ, giành lấy dư luận và chính nghĩa về ta, làm cho nội bộ chúng phân hoá, tê liệt. Qua quá trình vận động ấy mà mở rộng mặt trận chống Mỹ - Diệm và phát triển cơ sở trong quần chúng, đưa phong trào tiến lên vững chắc. Đó là phương pháp phòng ngự tốt nhất.

Kinh nghiệm ở Nam Bộ, chúng ta đã biết dùng tuyên truyền tấn công địch, làm tê liệt từng tiểu đoàn đi càn quét đánh phá vào vùng căn cứ cũ của ta. Địch đã không sử dụng được quân đội để đánh phá ta mà trái lại tư tưởng binh lính chúng lại biến đổi có lợi cho ta.

Chính vì không nhận rõ chỗ yếu của địch, chỉ thấy mặt hung ác của chúng nên có khi rụt rè không dám đấu tranh, không quyết tâm tạo hoàn cảnh và điều kiện để tấn công địch, có khi lại đấu tranh phiêu lưu, nên sau đấu tranh cơ sở bị vỡ, phong trào sa sút.

Những khuyết điểm trên đây bắt đầu được sửa chữa từ năm 1957. Sự phổ biến và học tập đường lối cách mạng miền Nam ở Nam Bộ đến tận chi bộ và ở Liên khu V trong một số cán bộ đã có tác dụng củng cố lập trường tư tưởng trong

Đảng. Phong trào hiện nay tương đối phát triển đúng phương hướng hơn và cơ sở có phần vững chắc hơn trước. Ở trung châu Liên khu V trước mắt tuy có nhiều khó khăn nhưng từ Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi đến Phú Yên cơ sở đảng bắt đầu phục hồi dần, phong trào quần chúng cũng bắt đầu trở lại.

Tình hình giữa ta và địch trong thời gian tới sẽ còn diễn ra phức tạp và quyết liệt hơn. Địch sẽ tăng cường khủng bố, đàn áp hơn nữa và quần chúng dưới sức ép của địch sẽ đấu tranh rộng rãi, mạnh mẽ và quyết liệt hơn nữa.

Tình hình đó đề ra cho toàn Đảng ta nhiệm vụ rất nặng nề, đòi hỏi ở Đảng ta một sự lãnh đạo vững chắc, kịp thời và sắc bén đối với phong trào miền Nam.

Hội nghị Trung ương lần này quyết định đường lối đấu tranh thống nhất và đường lối cách mạng miền Nam, sẽ soi sáng phương hướng cho phong trào cách mạng miền Nam, tăng thêm tin tưởng và ý chí phấn đấu anh dũng của các đảng bộ miền Nam tiến lên làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của mình.

Toàn Đảng ta sẽ vô cùng phấn khởi, vì Hội nghị Trung ương mở rộng lần thứ 14¹⁾ đã đề ra nhiệm vụ ba năm cho các đảng bộ miền Bắc, và Hội nghị Trung ương mở rộng lần này quyết định về đường lối đấu tranh thống nhất và đường lối cách mạng miền Nam. Toàn Đảng ta sẽ tăng cường đoàn kết, nâng cao ý chí phấn đấu cách mạng hơn nữa để đẩy mạnh công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền

1) Xem *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.19.

Nam để hoàn thành sự nghiệp dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện thống nhất nước nhà, đưa cả nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội, đem lại cuộc đời độc lập, tự do và hạnh phúc cho toàn dân ta, góp phần củng cố phe ta và bảo vệ hoà bình thế giới.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ 15 (MỞ RỘNG)

**Về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh
giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất
nước nhà**

Phần thứ nhất

NHIỆM VỤ CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM HIỆN NAY

I- ĐẶC ĐIỂM CỦA TÌNH HÌNH VIỆT NAM TỪ KHI HOÀ BÌNH ĐƯỢC LẬP LẠI

Trước khi hoà bình được lập lại ở Đông Dương, cách mạng trong cả nước Việt Nam là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Nhiệm vụ cơ bản của nó là đánh đổ sự thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, do đó mở đường cho nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, nhân dân cả nước ta đã vùng dậy làm Cách mạng Tháng Tám thành công, giải phóng dân tộc khỏi ách thực dân và chế độ vua quan

phong kiến, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Nhưng thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa; để bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc, toàn dân ta đã anh dũng tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ. Nhờ sự nỗ lực lớn lao của khối đại đoàn kết dân tộc dựa trên cơ sở liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng, được sự ủng hộ tích cực của các lực lượng xã hội chủ nghĩa và hoà bình, dân chủ trên thế giới, nhân dân ta cuối cùng đã đánh bại thực dân Pháp, can thiệp Mỹ và bọn tay sai, phá tan kế hoạch của đế quốc Mỹ âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương. Chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử đã kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược trên đất nước ta. Hiệp nghị Giơnevơ được ký kết, hoà bình được lập lại ở Đông Dương và miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Đó là một thắng lợi to lớn của nhân dân ta, của phe ta và của nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới. Thắng lợi đó là kết quả của gần một trăm năm đấu tranh giải phóng dân tộc gay go và liên tục, của chín năm kháng chiến gian khổ và anh dũng. Thắng lợi đó tiêu biểu cho ý chí và nguyện vọng hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ của nhân dân ta và đánh dấu một bước ngoặt của cách mạng Việt Nam.

Trên miền Bắc hoàn toàn giải phóng, chế độ chính trị và kinh tế thuộc địa và nửa phong kiến từ lâu trói buộc sức sản xuất xã hội đã bị đánh đổ, cách mạng dân tộc dân chủ đã hoàn thành: miền Bắc đã bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản là yêu cầu khách quan của xã hội miền Bắc trên bước đường phát triển của mình, đồng thời cũng là yêu cầu khách quan của cách mạng cả nước. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc tức là

xây dựng cuộc sống mới, hoà bình, tự do, hạnh phúc của nhân dân miền Bắc, đồng thời cũng là củng cố miền Bắc thành cơ sở vững chắc về mọi mặt cho việc hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện thống nhất Tổ quốc.

Do lực lượng so sánh giữa ta và địch, nhân dân ta chỉ mới giải phóng được miền Bắc. Ở miền Nam chưa được giải phóng, đế quốc Mỹ đã lấn dần và hất cẳng thực dân Pháp, tập hợp các thế lực phản động, sử dụng chính quyền Ngô Đình Diệm làm công cụ để khôi phục và duy trì ách thống trị của đế quốc và phong kiến. Nhân dân miền Nam ngày càng lâm vào cảnh cùng khốn và mất hết quyền tự do. Vì vậy, nhân dân miền Nam còn phải tiếp tục làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đánh đổ ách thống trị đế quốc và phong kiến, chủ yếu là đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm.

Do sự can thiệp của đế quốc Mỹ vào miền Nam, nước ta bị tạm thời chia làm hai miền: miền Bắc đã được giải phóng và độc lập hoàn toàn, còn miền Nam vẫn là một thuộc địa (kiểu mới) của đế quốc Mỹ. Nhưng nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Nhân dân Việt Nam chẳng những phải củng cố và phát huy thắng lợi đã giành được, phải củng cố miền Bắc đã được độc lập, mà còn phải giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng con đường hoà bình.

Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai chẳng những xâm chiếm miền Nam, ngăn cản sự phát triển của xã hội miền Nam, mà còn ráo riết chuẩn bị chiến tranh hòng xâm chiếm cả nước ta, phá hoại toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Vì vậy, Mỹ - Diệm chẳng những là kẻ thù của nhân dân miền Nam đang bị chúng thống trị, mà còn là kẻ thù của cả dân

tộc Việt Nam, của nhân dân miền Bắc đã được giải phóng. Chẳng những giữa Mỹ - Diệm và nhân dân miền Nam có mâu thuẫn sâu sắc, mà giữa bọn chúng và nhân dân cả nước, nhân dân miền Bắc, cũng có mâu thuẫn sâu sắc. Giải quyết mâu thuẫn đó không phải chỉ là nhiệm vụ riêng, vì lợi ích và yêu cầu riêng của nhân dân miền Nam, mà còn là nhiệm vụ chung, vì lợi ích và yêu cầu chung của nhân dân cả nước.

Những đặc điểm tình hình trên đây làm nổi bật lên hai mâu thuẫn cơ bản mà cách mạng Việt Nam hiện nay phải giải quyết:

1. Mâu thuẫn giữa một bên là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, giai cấp địa chủ phong kiến, và bọn tư sản mại bản quan liêu thống trị ở miền Nam và một bên là dân tộc Việt Nam, nhân dân cả nước Việt Nam, bao gồm nhân dân miền Bắc và nhân dân miền Nam.

2. Mâu thuẫn giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa ở miền Bắc.

Đó là hai mâu thuẫn tính chất khác nhau, quan hệ biện chứng với nhau và tác động mạnh mẽ lẫn nhau.

Những mâu thuẫn trên đây thể hiện sự đối kháng rất gay gắt giữa một bên là lực lượng của dân tộc ta mong muốn hoà bình, thống nhất, độc lập và dân chủ và một bên là thế lực của chủ nghĩa đế quốc và tay sai, cụ thể là bè lũ Mỹ - Diệm xâm lược, gây chiến và chia cắt nước ta. Đồng thời, những mâu thuẫn trên đây cũng thể hiện sự đối kháng rất gay gắt giữa lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc và hoà bình dân chủ trên thế giới với thế lực đế quốc hiếu chiến và xâm lược do đế quốc Mỹ cầm đầu ở khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương. Chính vì để phá hoại sự nghiệp hoà bình, thống nhất, độc lập và dân chủ của nhân dân ta, chống

lại phong trào độc lập, hoà bình, dân chủ ở Đông Nam Á, cho nên liền sau khi Hiệp nghị Giơnevơ được ký kết, đế quốc Mỹ tập hợp bọn tay sai thành lập ngay khối quân sự xâm lược Đông Nam Á. Chúng sử dụng chính quyền Ngô Đình Diệm làm công cụ tích cực biến miền Nam thành thuộc địa và căn cứ quân sự để phục vụ cho âm mưu của chúng chuẩn bị chiến tranh xâm lược mới. Nhờ sức mạnh đoàn kết đấu tranh của nhân dân ta, của phe xã hội chủ nghĩa, của lực lượng độc lập, hoà bình và dân chủ trên thế giới, nhờ chính sách đúng đắn của Đảng và Chính phủ ta và của phe ta do Liên Xô đứng đầu, nền hoà bình lập lại trên đất nước Việt Nam được duy trì, và hiện nay có khả năng tiếp tục được duy trì. Gìn giữ hoà bình là nhiệm vụ cấp bách hiện nay của nhân dân cả nước ta. Chỉ trong điều kiện hoà bình, chúng ta mới có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm cơ sở vững chắc cho lực lượng cách mạng của cả nước, đẩy mạnh phong trào cách mạng ở miền Nam, tăng cường lực lượng đấu tranh của nhân dân cả nước, đánh bại chính sách của Mỹ - Diệm là gây chiến, nô dịch, chia cắt đất nước, đang tiến lên tranh thủ hoà bình thống nhất Tổ quốc.

Trong tình hình lực lượng so sánh hiện nay trên thế giới, lực lượng hoà bình đã mạnh hơn thế lực chiến tranh, phe xã hội chủ nghĩa đã mạnh hơn phe đế quốc chủ nghĩa, chúng ta có những thuận lợi rất căn bản để gìn giữ hoà bình, giành lấy thắng lợi cho cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà bằng con đường hoà bình. Để đạt được yêu cầu cách mạng ấy, một mặt nhân dân ta phải ra sức củng cố miền Bắc, tích cực đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội; mặt khác, nhân dân ta phải kiên quyết làm cách

mạng đánh đổ ách thống trị của đế quốc và phong kiến ở miền Nam. Nếu không ra sức củng cố miền Bắc và tích cực đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội thì không thể có chỗ dựa vững chắc để tranh thủ hoà bình thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ. Không kiên quyết đánh đổ ách thống trị của đế quốc và phong kiến ở miền Nam, cụ thể là chế độ Mỹ - Diệm, thì cũng không thể tạo điều kiện thuận lợi nhất là để hoà bình thống nhất Tổ quốc. Đó là quan hệ biện chứng giữa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và việc hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước, giữa sự nghiệp hoà bình thống nhất nước nhà và cuộc đấu tranh cách mạng đánh đổ ách thống trị của Mỹ - Diệm ở miền Nam.

Sự nghiệp đấu tranh giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà chẳng những phù hợp với lợi ích sống còn của nhân dân, dân tộc ta, mà còn phù hợp với lợi ích chung của phong trào hoà bình dân chủ thế giới.

II- NHIỆM VỤ CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM HIỆN NAY

Căn cứ vào sự phân tích trên đây, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 nhận định rằng hiện nay, cách mạng Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo bao gồm hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Hai nhiệm vụ chiến lược đó tuy tính chất khác nhau, nhưng quan hệ hữu cơ với nhau, song song tiến hành, ảnh hưởng sâu sắc lẫn nhau, trợ lực mạnh mẽ cho nhau, nhằm phương hướng chung là giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà, tạo điều kiện thuận lợi để đưa cả nước Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội. Vì vậy,

Hội nghị Trung ương đề ra nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là: *Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh để giữ vững hoà bình; thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước; ra sức củng cố miền Bắc và đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh; tích cực góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.*

1. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là củng cố và phát huy thắng lợi đã giành được, là xây dựng cơ sở vững chắc để thực hiện thống nhất nước nhà

Miền Bắc nước ta hiện nay là kết quả của hàng bao thế kỷ đấu tranh dựng nước và cứu nước của dân tộc Việt Nam, đặc biệt là của mấy mươi năm tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ và chín năm kháng chiến dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng. Tích cực đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội là củng cố và phát huy thắng lợi đã giành được, là xây dựng cơ sở vững chắc để thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội một mặt là theo quy luật phát triển khách quan của xã hội miền Bắc, vì mục đích nâng cao không ngừng đời sống của nhân dân miền Bắc; mặt khác là tích cực gánh vác phần trách nhiệm đối với phong trào cách mạng của cả nước. Kinh tế, văn hoá miền Bắc ngày càng phát triển, đời sống nhân dân miền Bắc ngày càng được cải thiện, lực lượng quốc phòng của miền Bắc ngày càng được vững mạnh, miền Bắc ngày càng thịnh vượng và tươi vui, thì sẽ tăng thêm sức mạnh của cách mạng và uy thế chính trị của nhân dân ta, tăng thêm tin tưởng và tính tích cực cách

mạng của đồng bào miền Nam trong cuộc đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm. Trong khi tiến lên chủ nghĩa xã hội, miền Bắc còn phải tiếp tục quét sạch những tàn dư phản cách mạng và phải tích cực tham gia cuộc đấu tranh chính trị của cả nước chống ách thống trị của Mỹ - Diệm ở miền Nam, ra sức cổ vũ và ủng hộ phong trào đấu tranh của đồng bào miền Nam, đề cao cảnh giác sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu thâm độc của Mỹ - Diệm.

Trong quá trình tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc cần chống những khuynh hướng sai lầm tách rời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc với cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, với nhiệm vụ đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Một mặt, cần phê phán những khuynh hướng như xem nhẹ nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân còn phải tiếp tục ở miền Nam, hoặc coi cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là chỉ riêng cho miền Bắc, không nắm vững phương châm "củng cố miền Bắc, chiếu cố miền Nam", không thấu suốt nhiệm vụ thống nhất nước nhà trong mọi chính sách và chủ trương công tác ở miền Bắc. Mặt khác, cần phê phán những khuynh hướng chỉ thấy đấu tranh thống nhất, xem nhẹ nhiệm vụ củng cố miền Bắc, không thấu suốt ý nghĩa xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa cách mạng của cả nước, và trong bất cứ tình hình nào miền Bắc cũng phải tiến lên chủ nghĩa xã hội, Đảng vừa phải tăng cường giáo dục chủ nghĩa xã hội, vừa phải nâng cao tinh thần yêu nước và ý thức chống Mỹ - Diệm trong nhân dân miền Bắc. Cần nhận thức sâu sắc rằng công cuộc kiến thiết trong hoà bình của mình là một cống hiến to lớn cho sự nghiệp giải phóng hoàn toàn đất nước thì nhiệt tình xã hội chủ nghĩa, tinh thần trách nhiệm và ý thức cảnh giác cách mạng của nhân dân miền Bắc càng được đề cao.

2. Tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đổ chế độ đế quốc và nửa phong kiến ở miền Nam để thực hiện thống nhất nước nhà

Cách mạng ở miền Nam hiện nay đang tiếp tục phát huy ý chí quật cường, truyền thống bất khuất của cả dân tộc Việt Nam. Bê lũ Mỹ - Diệm thống trị miền Nam đang ra sức nô dịch, khủng bố nhân dân miền Nam, và tích cực chuẩn bị chiến tranh hòng mở rộng sự xâm lược của chúng ra phạm vi cả nước. Vì vậy, miền Nam đấu tranh đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm là theo yêu cầu khách quan của cách mạng Việt Nam ở miền Nam, là giải phóng nhân dân miền Nam, đồng thời cũng là vì yêu cầu của cách mạng cả nước là phải tích cực chống Mỹ - Diệm để bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, cơ sở vững chắc của công cuộc thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Phong trào yêu nước của nhân dân miền Nam càng được giữ vững và phát triển thì một mặt càng tăng cường lực lượng cách mạng để đánh bại chính sách nô dịch, gây chiến và chia cắt của Mỹ - Diệm, đi đến đánh đổ sự thống trị tàn khốc của chúng, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ. Mặt khác, đó cũng chính là thiết thực bảo vệ miền Bắc, tạo điều kiện cho cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc được tiến hành thuận lợi. Trái lại, nếu phong trào yêu nước ở miền Nam suy yếu thì chẳng những cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam gặp khó khăn, mà cả cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc cũng chịu ảnh hưởng không tốt.

Trong quá trình đấu tranh để giải phóng miền Nam, nhân dân miền Nam phải có đầy đủ ý thức chống chính sách chuẩn bị chiến tranh của Mỹ - Diệm, chống âm mưu của

chúng đưa miền Nam vào khối xâm lược Đông Nam Á, nhằm thúc đẩy phong trào cách mạng miền Nam phát triển, đồng thời bảo vệ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Miền Nam có nhiệm vụ tuyên truyền sâu rộng và phát huy mạnh mẽ ảnh hưởng của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, nêu cao khẩu hiệu "Giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thành trì cách mạng của cả nước".

3. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là tiền đồn của phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á. Đế quốc Mỹ chiếm cứ miền Nam, âm mưu xâm lược miền Bắc là để tấn công phe xã hội chủ nghĩa. Cho nên, thắng lợi của cách mạng Việt Nam quan hệ trực tiếp đến phe xã hội chủ nghĩa, làm cho phe xã hội chủ nghĩa càng rộng lớn, vững mạnh và càng tạo thêm nhiều khả năng mới để phe ta đẩy mạnh cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình, chống chủ nghĩa thực dân và chính sách chuẩn bị chiến tranh của bọn đế quốc hiếu chiến do Mỹ cầm đầu. Ngược lại, sự hùng mạnh của phe xã hội chủ nghĩa ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Vấn đề thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước ta trước hết là vấn đề đấu tranh giữa dân tộc ta chống đế quốc Mỹ và bọn tay sai, đồng thời cũng là vấn đề đấu tranh giữa phe xã hội chủ nghĩa và phe đế quốc chủ nghĩa. Phe xã hội chủ nghĩa, đứng đầu là Liên Xô, càng tranh thủ giữ vững hoà bình được lâu dài thì càng có điều kiện thuận lợi để tăng cường mau chóng lực lượng của mình về mọi mặt trên toàn thế giới, càng làm suy yếu mau chóng thế lực của chủ nghĩa đế quốc. Chủ trương của Đảng ta giữ vững hoà bình ở Việt Nam, thực hiện thống nhất nước nhà

bằng con đường hoà bình, chủ trương ấy gắn liền với chủ trương chung nói trên của phe xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải nắm vững chủ trương ấy, đồng thời phải tiếp tục củng cố và tăng cường sự đoàn kết nhất trí không gì lay chuyển nổi giữa nước ta với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Đó là nghĩa vụ quốc tế của Đảng ta và nhân dân ta, và cũng là bảo đảm chắc chắn cho việc hoàn thành nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam có tác dụng cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi, Mỹ latin, thúc đẩy quá trình tan rã của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới. Ngược lại, mọi thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và phong trào hoà bình dân chủ thế giới sẽ làm suy yếu thế lực của chủ nghĩa đế quốc, và có lợi cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Nhân dân ta đồng tình sâu sắc và hết sức ủng hộ phong trào đấu tranh chống thực dân và bảo vệ độc lập dân tộc của tất cả các dân tộc bị áp bức và các nước bị xâm lược, trước hết là của các nước láng giềng Campuchia và Lào, Việt Nam, Lào, Campuchia có biên giới chung và cùng là những bên ký kết Hiệp nghị Giơnevơ về Đông Dương, đều có trách nhiệm bảo vệ Hiệp nghị Giơnevơ, bảo vệ hoà bình và an ninh ở Đông Dương. Vì vậy, chúng ta cần tăng cường và mở rộng quan hệ hữu nghị trên cơ sở năm nguyên tắc chung sống hoà bình với các nước Á - Phi, trước hết là với các nước láng giềng, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới đối với cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất Việt Nam.

Để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn này, ngoài việc động viên tất cả mọi nhân tố tích cực trong cả nước, chúng ta phải biết vận dụng mọi điều kiện thuận lợi

trên thế giới có lợi cho cuộc đấu tranh chính nghĩa của toàn dân ta.

4. Thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng con đường hoà bình

Muốn thống nhất nước nhà cần phải xây dựng củng cố và phát triển lực lượng để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước dựa trên cơ sở miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh phong trào cách mạng ở miền Nam. Quá trình hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước là quá trình tích cực phát huy tính hơn hẳn của chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời cũng là quá trình tập hợp rộng rãi mọi lực lượng yêu nước, tiến bộ ở miền Nam để đấu tranh chống Mỹ - Diệm, tiến lên làm thất bại chính sách can thiệp của đế quốc Mỹ, đánh đổ tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ, thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ, tạo điều kiện thuận lợi nhất để hoà bình thống nhất nước nhà.

Chúng ta chủ trương tích cực tranh thủ giải quyết vấn đề thống nhất nước nhà bằng con đường hoà bình.

Trong quá trình chuyển biến cách mạng, do sức đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân ở hai miền, có thể thực hiện những hình thức đầu tiên về quan hệ giữa hai miền, như quan hệ kinh tế, văn hoá, đi lại, v.v. cũng có thể nảy ra những hình thức thống nhất từng bước. Chúng ta phải biết triệt để sử dụng và phát triển những hình thức ấy, vì nó có một ý nghĩa chính trị rất quan trọng trong quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân ta tiến tới hoàn toàn thống nhất Tổ quốc. Bản Cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, xuất phát từ tình hình thực tế của nước ta, đã đề ra

cách giải quyết vấn đề thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, theo nguyên tắc hai miền cùng bàn bạc, cùng thoả thuận với nhau, "không bên nào cưỡng ép hoặc thôn tính bên nào". Đó là một chủ trương hết sức hợp lý, hợp tình, hợp với ý nguyện và lợi ích của nhân dân ta và lợi ích của phong trào hoà bình thế giới.

Song, đế quốc Mỹ và Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ, vẫn cố tình xâm chiếm miền Nam, cố tình chuẩn bị chiến tranh xâm lược miền Bắc, hòng đặt cả dân tộc Việt Nam dưới ách thống trị của chúng. Chừng nào còn Mỹ - Diệm ở miền Nam thì tình trạng đất nước bị chia cắt và khả năng xảy ra chiến tranh vẫn tồn tại. Vì vậy để thực hiện thống nhất nước nhà và giành hoà bình lâu dài ở Việt Nam, nhân dân ta không thể có con đường nào khác hơn là phải tích cực xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa và tiến hành đấu tranh cách mạng gian khổ ở miền Nam để bảo vệ quyền sống hằng ngày và tiến lên đánh đổ ách thống trị của Mỹ - Diệm ở miền Nam khi có điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi. Vì Mỹ - Diệm là độc tài, hung bạo và hiếu chiến, cho nên nhân dân ta từ Bắc chí Nam phải luôn luôn nâng cao tinh thần cảnh giác, tỉnh táo đề phòng. Nếu Mỹ - Diệm liều lĩnh gây chiến tranh xâm lược miền Bắc, thì toàn dân từ Bắc chí Nam sẽ kiên quyết đứng lên bảo vệ miền Bắc, thành trì cách mạng của cả nước, đồng thời tiêu diệt chế độ Mỹ - Diệm ở miền Nam, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước, thực hiện thống nhất Tổ quốc.

Hiệp nghị Giơnevơ có tác dụng hạn chế một phần âm mưu gây chiến của địch và có lợi cho công cuộc đấu tranh chính trị để thống nhất nước nhà, có lợi cho sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Chúng ta phải biết triệt để sử dụng nó.

Song cần nhận rõ nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng không phải là Hiệp nghị Giơnevơ mà là lực lượng đấu tranh của quần chúng nhân dân cả nước, được sự đồng tình, ủng hộ ngày càng rộng rãi của nhân dân thế giới. Những tư tưởng y lại vào Hiệp nghị Giơnevơ, hoặc coi thường giá trị pháp lý của Hiệp nghị Giơnevơ, đều là sai lầm.

*
* *

Phần thứ hai

ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG VIỆT NAM Ở MIỀN NAM

I- NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA TÌNH HÌNH MIỀN NAM

1. Tính chất xã hội miền Nam

a) Đế quốc Mỹ thay chân thực dân Pháp, đặt ách thống trị thực dân (kiểu mới) ở miền Nam nước ta. Âm mưu của chúng là xâm chiếm cả nước ta làm thuộc địa và căn cứ quân sự, nhằm phá hoại phong trào độc lập dân tộc và hoà bình dân chủ ở Đông Nam Á.

Trước đây, đế quốc Mỹ tích cực giúp sức cho thực dân Pháp kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương. Nhưng cuộc kháng chiến anh dũng của dân tộc ta đã đánh bại thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Từ khi hoà bình được lập lại, đế quốc Mỹ lại nắm lấy bè lũ Ngô Đình Diệm, hất cẳng thực dân Pháp, giành độc quyền thống trị miền Nam, hòng chuẩn bị chiến tranh mới, phá hoại sự nghiệp hoà bình, thống nhất của toàn dân ta. Nhưng đế quốc Mỹ không thể dùng hình thức nô dịch trắng trợn cũ của thực dân Pháp, mà phải che

đây chủ nghĩa thực dân của chúng bằng một hình thức mới. Chúng không đặt bộ máy cai trị như thực dân Pháp trước đây, mà dùng chính quyền tay sai, đại lý cho lợi ích của địa chủ phong kiến và tư sản mại bản phản động nhất ở miền Nam, cho chính quyền ấy đội lốt "quốc gia độc lập" để làm công cụ thực hiện chính sách nô dịch và chuẩn bị chiến tranh của chúng.

Với một hệ thống "cố vấn" chặt chẽ, dựa vào quyền lực của vũ khí dõla và hàng "viện trợ", đế quốc Mỹ can thiệp ngày càng sâu vào miền Nam; chúng quyết định từ đường lối, chính sách đến các công việc cụ thể của chính quyền miền Nam trên các mặt trận chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao. Chính quyền miền Nam muốn tồn tại phải bám chặt vào đế quốc Mỹ. *Miền Nam đã trở thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của đế quốc Mỹ.*

b) Chính quyền Ngô Đình Diệm là chính quyền tay sai của đế quốc Mỹ, chế độ thực dân và nửa phong kiến ở miền Nam là một chế độ phản động, tàn bạo và đen tối.

Chính quyền miền Nam hiện nay là một chính quyền phản bội lợi ích dân tộc; nó đại biểu cho lợi ích của đế quốc Mỹ, của bọn phong kiến và bọn tư sản mại bản thân Mỹ phản động nhất ở miền Nam.

Thành phần cốt cán trong chính quyền đó gồm những phần tử phong kiến và tư sản mại bản phản động nhất và những phần tử lưu manh, côn đồ và phản bội, quyết tâm làm tay sai cho đế quốc Mỹ, do gia đình và phe cánh họ Ngô cầm đầu.

Chính quyền đó là một chính quyền độc tài hiếu chiến. Nó là công cụ xâm lược của đế quốc Mỹ, đế quốc cầm đầu các lực lượng hiếu chiến trên thế giới hiện nay; đồng thời, nó cũng mang nặng tính chất phục thù của giai cấp địa chủ đã bị đánh đổ ở miền Bắc nước ta. Do bản chất phi nghĩa, thế cô lập và chỗ yếu căn bản của nó, nó thực hiện một chế độ độc

tài, hung bạo, dùng chính sách đàn áp bằng vũ lực, và dựa vào bộ máy cảnh sát mật thám để tồn tại.

Chính sách nô dịch và gây chiến của đế quốc Mỹ và chính sách bán nước, ăn cướp và khủng bố của bè lũ Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ, đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào ta ở miền Nam. Mặc dù phải dùng những thủ đoạn tàn ác và lừa bịp, gian xảo, chính quyền miền Nam vẫn không thể xây dựng được một cơ sở xã hội rộng rãi và vững chắc; trái lại, đông đảo các tầng lớp nhân dân ở miền Nam ngày càng đấu tranh kiên quyết chống chính sách cướp nước của đế quốc Mỹ và chính sách bán nước của bè lũ Ngô Đình Diệm.

c) Trong xã hội miền Nam thuộc địa và nửa phong kiến, có hai mâu thuẫn cơ bản:

1- Mâu thuẫn giữa nhân dân ta ở miền Nam và bọn đế quốc xâm lược, chủ yếu là đế quốc Mỹ.

2- Mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam, trước hết là nông dân, và giai cấp địa chủ phong kiến.

Và, trong giai đoạn hiện nay, *mâu thuẫn chủ yếu* ở miền Nam là mâu thuẫn giữa dân tộc ta, nhân dân ta ở miền Nam và bọn đế quốc xâm lược Mỹ cùng tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, đại diện cho bọn địa chủ phong kiến và tư sản mại bản thân Mỹ phản động nhất.

2. Thái độ các giai cấp ở miền Nam

Đồng bào miền Nam đã cùng với đồng bào cả nước trải qua một quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc lâu dài và anh dũng, làm Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên chính quyền dân chủ nhân dân. Trong chín năm kháng chiến, đồng bào đã cầm vũ khí chiến đấu bảo vệ chính quyền

nhân dân, bảo vệ và phát triển những quyền lợi chính trị và kinh tế đã giành được. Đồng bào miền Nam trải qua đấu tranh lâu dài, đã thấm nhuần bài học lịch sử là chỉ có thực hiện đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng thì mới có thể triệt để chiến thắng kẻ thù của dân tộc, của nhân dân. Đó là một đặc điểm cực kỳ quan trọng, đó là cái vốn rất quý báu của cách mạng. Mặc dù Mỹ - Diệm ra sức đàn áp, khủng bố, chúng không thể dập tắt nổi ngọn lửa đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam. Qua bao thử thách, phong trào vẫn được giữ vững và phát triển.

Cách mạng Việt Nam ở miền Nam ngày nay tiến hành trong điều kiện một nửa nước (miền Bắc) đã được hoàn toàn giải phóng và đang vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Sự kiện đó làm cho phong trào cách mạng ở miền Nam có một chỗ dựa vững chắc, nó càng cổ vũ ý chí phấn đấu của nhân dân miền Nam, tăng cường lực lượng cách mạng ở miền Nam.

Cách mạng Việt Nam ở miền Nam nằm trong thế thuận lợi của cách mạng thế giới đang phát triển mạnh mẽ. Lực lượng hoà bình, độc lập dân tộc, và xã hội chủ nghĩa đã mạnh hơn thế lực của chủ nghĩa đế quốc, và có khả năng "loại trừ chiến tranh ra khỏi đời sống xã hội". Nhưng bọn đế quốc hiếu chiến do Mỹ cầm đầu vẫn ngoan cố chuẩn bị gây chiến tranh thế giới mới, hòng cứu vãn tình thế nguy ngập của chúng; cũng như đối với nhiều vùng khác trên thế giới, chúng ra sức bám lấy miền Nam hòng chống lại hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới và phong trào độc lập dân tộc đang làm lay chuyển tận gốc chủ nghĩa đế quốc.

Hoàn cảnh trên đây làm cho cách mạng Việt Nam ở miền Nam có những thuận lợi căn bản và cũng có nhiều khó khăn; đồng thời nó chi phối thái độ chính trị của các giai cấp ở miền Nam.

Giai cấp công nhân là lực lượng sản xuất trong các xí nghiệp, đồn điền, các cơ sở kinh tế quan trọng của địch, sống tập trung trong các đô thị là những trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá của địch. Họ bị áp bức, bóc lột nặng nề hơn cả cho nên dưới ngọn cờ của Đảng ta, phong trào công nhân đang ngày càng lớn mạnh, làm cho bọn đế quốc và phong kiến phải đặc biệt chú ý. Đó là một phong trào đấu tranh có tác dụng làm suy yếu địch và cuối cùng sẽ tiến lên làm nguy khốn địch ngay trong những nơi xung yếu nhất của chúng. Phong trào công nhân đã thúc đẩy mạnh phong trào dân nghèo thành thị, và có lúc đã thúc đẩy được học sinh, trí thức và ngay cả một số nhà tư sản dân tộc tham gia đấu tranh chống Mỹ - Diệm, mặc dù phong trào của các tầng lớp này hiện nay còn yếu. *Khối liên minh công nông ở miền Nam là cơ sở vững mạnh nhất cho Mặt trận thống nhất dân tộc và dân chủ ở miền Nam*. Sự liên minh ấy đã bắt đầu có trong phong trào công nhân song còn yếu. Phong trào công nhân cũng bắt đầu tranh thủ được sự đồng tình của một số binh lính trong những cuộc đấu tranh chống Mỹ - Diệm. Mỹ - Diệm cố đầu độc quần chúng công nhân về chính trị, cố làm lu mờ ý thức giai cấp của họ, cố gây chia rẽ để làm yếu phong trào công nhân, bắt bớ cán bộ và giải tán một số nghiệp đoàn, lập công đoàn vàng, cho bọn tay sai chui vào các nghiệp đoàn để phá hoại, v.v.. Mặc dù gặp phải sự phá hoại đó, nhìn chung phong trào giai cấp công nhân đã phát triển khá mạnh. Để giữ vững vai trò của *công nhân là lực lượng lãnh đạo cách mạng ở miền Nam*, phong trào công nhân phải được phát triển mạnh mẽ, sâu rộng và liên tục hơn nữa. Đảng phải đưa phong trào công nhân, trên bước đường hoạt động công khai hợp pháp của nó, tiến lên thành một lực lượng cách mạng chính trị

quyết định trong các đô thị, nhất là Sài Gòn - Chợ Lớn, chống lại mọi khuynh hướng cải lương và phiêu lưu mạo hiểm.

Giai cấp nông dân là lực lượng cách mạng to lớn ở nông thôn, từ trước đến nay đã đi theo Đảng trong cuộc đấu tranh chống đế quốc và phong kiến, đã góp phần to lớn cho công cuộc kháng chiến thắng lợi, đã được hưởng những quyền lợi ruộng đất do chính quyền dân chủ nhân dân đưa lại. Ngày nay, lại sống dưới ách thống trị của Mỹ - Diệm, họ bị Mỹ - Diệm và bọn tay sai ở nông thôn cướp giật ruộng đất và áp bức bóc lột nặng nề, cho nên đời sống của họ ngày càng bần cùng; họ rất căm thù chế độ Mỹ - Diệm và thiết tha với độc lập dân tộc, muốn có ruộng đất, muốn hoà bình và thống nhất. Ở những nơi địch khủng bố ác liệt, chúng có thể dồn dân, cướp đất, tăng tô, bắt lính và tổ chức dinh điền, v.v. những phong trào nông dân trong mấy năm qua vẫn là phong trào rộng rãi, mạnh mẽ nhất, tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh bất khuất của dân tộc ta ở nông thôn. Do đó, nông dân vẫn là *quân chủ lực cách mạng* ở miền Nam, luôn luôn tin theo Đảng. Không có sự liên minh vững chắc giữa nông dân với công nhân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thì cách mạng ở miền Nam không thể thành công. Vì vậy, trong khi đoàn kết nhân dân đấu tranh chống Mỹ - Diệm, Đảng phải lãnh đạo nông dân bền bỉ đấu tranh nhằm bảo vệ và mở rộng quyền lợi về ruộng đất, và các quyền lợi cấp bách khác của nông dân (chống sưu cao, thuế nặng, chống chính sách bắt lính, chính sách dinh điền, v.v.). Trước chính sách khủng bố và bần cùng hoá của địch, nông dân cần phải hết sức đoàn kết, giúp đỡ nhau trong sản xuất cũng như trong sinh hoạt đảng cần phải thấy hết những khó khăn, phức tạp hiện nay của phong trào để giữ

vững, củng cố và phát triển cơ sở, đưa phong trào tiến lên. Đó là những điều rất cần bản không thể thiếu sót để động viên, tổ chức lực lượng nông dân trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Tiểu tư sản và trí thức, gồm có người làm nghề thủ công, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, viên chức, người làm nghề tự do, v.v.. Những tầng lớp này vốn bị đế quốc, phong kiến áp bức bóc lột. Sau Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến, tinh thần yêu nước của họ được phát triển mạnh, đồng thời trình độ giác ngộ chính trị của họ được nâng cao. Ngày nay, một nửa nước đã được giải phóng, và chế độ Mỹ - Diệm hết sức tàn ác, làm kích động ý thức dân tộc của họ, nhưng họ cũng dễ dao động khi có tình hình khó khăn. Nói chung, họ hăng hái đấu tranh chống Mỹ - Diệm, mong muốn hoà bình, thống nhất. Họ là một động lực của cách mạng ở miền Nam, là *bạn đồng minh đáng tin cậy của giai cấp công nhân*. Song trong tình hình khủng bố ác liệt của Mỹ - Diệm, có thể có một bộ phận giữ thái độ tiêu cực, bàng quan, hoặc hoang mang, dao động và số ít có thể thoả hiệp, đầu hàng. Cần phải làm cho thái độ tích cực của họ phát triển lên một cách có mức độ theo từng nơi, từng thời kỳ, nhưng phải đưa họ theo kịp phong trào công nông, mở rộng mặt trận chống Mỹ - Diệm. Vì bản chất của họ là thường hay dao động, cho nên dưới chế độ độc tài phát xít, cần phải có một phong trào quần chúng công nông thật mạnh mẽ thì mới lôi cuốn họ được.

Những người trí thức xuất thân từ giai cấp địa chủ, giai cấp tư sản, trừ một số theo Mỹ - Diệm, số còn lại hầu hết ít nhiều có tinh thần dân tộc và dân chủ, ghét chế độ Mỹ - Diệm, muốn hoà bình thống nhất nước nhà, và do lực lượng so sánh giữa hai phe trên thế giới thay đổi theo hướng có lợi

cho phe xã hội chủ nghĩa, họ dần dần bớt sợ Mỹ. Nhưng với bản chất giai cấp của họ, họ tỏ ra e ngại phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, họ sợ "mất tự do", sợ chế độ miền Bắc khắt khe và gian khổ, v.v.; trong tình hình khủng bố dữ dội, họ dễ hoang mang, nằm im chờ thời hoặc tạm thời chịu khuất phục.

Đảng phải chú trọng nâng cao tinh thần yêu nước của trí thức, tranh thủ họ dần dần tham gia mặt trận chính trị, văn hoá mở rộng lực lượng đoàn kết chống Mỹ - Diệm.

Giai cấp tư sản dân tộc một mặt có tinh thần chống đế quốc và phong kiến, mặt khác lại có thái độ tiêu cực và có xu hướng cải lương chủ nghĩa. Lúc đầu họ hy vọng chế độ Mỹ - Diệm sẽ đem lại cho họ ít nhiều quyền lợi, nhưng Mỹ - Diệm vẫn chèn ép họ, đứng trước sự đối lập của hai phe đế quốc chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa trong nước và trên thế giới, trước tình trạng đế quốc Mỹ ngày càng gặp nhiều khó khăn, một bộ phận tư sản dân tộc muốn theo con đường hoà bình trung lập. Cũng có một bộ phận tán thành thống nhất theo tinh thần của Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc. Do thế lực kinh tế và chính trị nhỏ bé và bản chất hai mặt của họ, tự họ không đủ năng lực đứng lên chống Mỹ - Diệm nhưng họ vẫn mong muốn có một chính quyền của giai cấp tư sản. Khi phong trào quần chúng chống Mỹ - Diệm lên mạnh, họ có thể tham gia phong trào, đồng thời cũng muốn nhân cơ hội trời lên giành quyền lãnh đạo chính trị. Tuy thái độ của giai cấp tư sản dân tộc là như vậy, nhưng ta không thể coi nhẹ vai trò của họ mà cần nhận rõ họ vẫn là một lực lượng không thể thiếu được trong cuộc đấu tranh chống đế quốc và phong kiến, là *bạn đồng minh có điều kiện của giai cấp công nhân*.

Tư sản mại bản có quyền lợi dính liền với đế quốc và phong kiến, chúng chống lại lợi ích của nhân dân. Ở miền Nam, bọn tư sản mại bản thân Mỹ ngày càng có thế lực, chúng ra sức lũng đoạn kinh tế, kịch liệt chống lại phong trào cách mạng của nhân dân. Còn bọn tư sản mại bản thân Pháp thì bị chèn ép, cho nên cũng có ít nhiều mâu thuẫn với Mỹ - Diệm. Ta phải biết lợi dụng mâu thuẫn đó để cô lập và làm suy yếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai của Mỹ hơn nữa.

Giai cấp địa chủ căn bản được chế độ Mỹ - Diệm khôi phục địa vị kinh tế và chính trị ở miền Nam. Đứng về giai cấp mà nói, giai cấp địa chủ là lực lượng phản động, là *đối tượng của cách mạng* dân tộc dân chủ nhân dân. Nhưng hiện nay ở miền Nam, một số địa chủ tỏ ra hoài nghi ít nhiều về tương lai của chế độ Mỹ - Diệm; chính sách kinh tế và chính trị của Mỹ - Diệm có một phần không thoả mãn quyền lợi của họ, có khi còn động chạm đến quyền lợi của một số ít địa chủ. Thêm vào đó, nông dân vẫn kiên quyết tiếp tục đấu tranh để bảo vệ những quyền lợi về ruộng đất đã giành được trong kháng chiến. Cho nên, trừ một số địa chủ phản động ngoan cố dựa hẳn vào thế lực Mỹ - Diệm để bóc lột, đàn áp nông dân, phá hoại cơ sở cách mạng, và một số địa chủ di cư không có ruộng đất đang biến thành một bọn lưu manh, làm tay chân đắc lực cho Mỹ - Diệm, còn số khác trong giai cấp địa chủ tuy vẫn muốn duy trì quyền lợi của mình, không muốn thống nhất nước nhà, nhưng lại tỏ thái độ lúng túng, không dám theo hẳn Mỹ - Diệm. Ở những nơi phong trào kém, chúng câu kết với bọn tay sai của Mỹ - Diệm ở nông thôn và dựa vào lực lượng quân đội miền Nam để thu tô và tăng tô, lấy lại ruộng đất. Một số địa chủ trước đây tham gia kháng chiến hoặc có con em đi tập kết, nay ít nhiều vẫn có tinh thần chống Mỹ - Diệm, tán thành thống nhất. Một số ít địa chủ

muốn theo con đường hoà bình trung lập. Một số địa chủ thân Pháp cũng không tán thành chính sách của Mỹ - Diệm.

Thái độ các giai cấp như trên, quyết định việc sắp xếp lực lượng cách mạng ở miền Nam và phương pháp tiến hành vận động cách mạng trong các tầng lớp ấy. Ngoài ra, trong quá trình vận động cách mạng, Đảng cần có chính sách đúng đắn đối với những lực lượng đặc biệt nói sau đây. Tuy những lực lượng này không phải ở ngoài các giai cấp đã phân tích, nhưng việc chú ý đến họ có một ý nghĩa chính trị rất quan trọng trong chính sách đoàn kết rộng rãi mọi lực lượng yêu nước ở miền Nam để chống Mỹ - Diệm.

Các dân tộc thiểu số bao gồm trên một triệu người, sống trên một vùng rừng núi rộng lớn (2/3 của đất đai miền Nam), ở vào một vị trí chiến lược rất quan trọng. Họ có truyền thống chống ngoại xâm, trước đây đã cùng với toàn dân đoàn kết, đấu tranh trong Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Đảng; ngày nay, trừ một số ít thuộc tầng lớp trên bị mua chuộc, và một số ít sống trong đồn bốt làm tay sai cho bọn Mỹ - Diệm, còn nói chung các dân tộc vẫn một lòng tin tưởng ở Hồ Chủ tịch, tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng và kiên quyết chống Mỹ - Diệm. Đảng phải có chính sách dân tộc đúng đắn để đoàn kết các dân tộc thiểu số đấu tranh chống đế quốc và phong kiến ở miền Nam, nâng cao tinh thần của họ chống Mỹ - Diệm.

Các tín đồ tôn giáo (Cao Đài, Hoà Hảo, Phật Giáo, v.v.), đại đa số là nông dân, đều có mâu thuẫn với chính quyền Mỹ - Diệm về quyền lợi dân tộc, quyền lợi tôn giáo và quyền lợi giai cấp. Ngay cả trong Công giáo, cũng có bộ phận theo Diệm và có bộ phận chống Diệm. Trong mấy năm qua, chúng ta thu kết quả tốt trong việc đoàn kết và tranh thủ các lực lượng tôn giáo, cần phải tiếp tục tăng cường đoàn kết rộng

rãi trong các vùng tôn giáo, vận động các tín đồ tôn giáo đấu tranh chống Mỹ - Diệm.

Binh lính trong quân đội miền Nam hiện nay là công cụ của địch, nằm trong bộ máy đàn áp khủng bố của chúng, nhưng binh lính hầu hết xuất thân từ nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân. Chính sách cướp giật, khủng bố, đàn áp của Mỹ - Diệm, chế độ quân dịch hà khắc của chúng, dần dần làm cho họ không đồng tình với chính sách gây chiến và nô dịch của Mỹ - Diệm. Do phong trào cách mạng của quần chúng công nông ngày càng phát triển, ý thức chống Mỹ - Diệm, tinh thần dân tộc dân chủ, ý muốn hoà bình và thống nhất có thể nảy nở và phát triển trong quân đội miền Nam. Tuy nhiên, phải thấy rõ tính chất rất phản động của bọn lưu manh, côn đồ và bọn con cái địa chủ và tư sản mại bản thù hằn với cách mạng đã được Mỹ - Diệm rèn luyện trong quân đội đó.

Vì quân đội là chỗ dựa chủ yếu của Mỹ - Diệm để bảo tồn chế độ của chúng, và đồng thời cũng là lực lượng mà cách mạng cần phải tranh thủ, cho nên binh vận là công tác hết sức quan trọng để tiến tới xây dựng khối công nông binh liên hiệp.

Đồng bào miền Bắc di cư vào Nam (trừ bọn địa chủ đã bị đánh đổ ở miền Bắc, chạy vào Nam, và bọn phản động đội lốt Công giáo) nói chung ngày càng thấy rõ bộ mặt lừa phỉnh và gian ác của Mỹ - Diệm, đều mong muốn hoà bình thống nhất nước nhà để trở về miền Bắc.

Sự phân tích thái độ chính trị của các giai cấp trên đây đề ra khả năng tập hợp ngày càng đông đảo các lực lượng yêu nước và dân chủ ở miền Nam trong một mặt trận dân tộc thống nhất thật rộng rãi, lấy liên minh công nông làm cơ sở và do Đảng ta lãnh đạo, để cô lập đến cao độ và đánh đổ chế

độ độc tài tàn bạo của Mỹ - Diệm, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Lực lượng của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là bốn giai cấp trong nhân dân ở miền Nam: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản, giai cấp tư sản dân tộc và những nhân sĩ yêu nước.

Động lực của cách mạng ở miền Nam là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản, lấy khối liên minh công nông làm cơ sở, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Miền Bắc xã hội chủ nghĩa là *cơ sở vững chắc* của phong trào cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

II- NHIỆM VỤ CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM Ở MIỀN NAM

Căn cứ vào các đặc điểm tình hình hiện nay và thái độ chính trị của các giai cấp ở miền Nam, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 đề ra nhiệm vụ cách mạng Việt Nam ở miền Nam như sau:

1. *Nhiệm vụ cơ bản là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.*

2. *Nhiệm vụ trước mắt là đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự*

do dân chủ, cải thiện đời sống của nhân dân, giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.

3. *Phương hướng phát triển của cách mạng ở miền Nam*

Vì chế độ miền Nam là một chế độ thực dân và nửa phong kiến cực kỳ phản động và tàn bạo, vì chính quyền miền Nam là chính quyền đế quốc và phong kiến độc tài, hiếu chiến, cho nên ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác để tự giải phóng khỏi xiềng xích nô lệ. Chỉ có sự thắng lợi của cách mạng mới chấm dứt cảnh cùng khổ của nhân dân miền Nam, mới triệt để đánh bại mọi chính sách nô dịch, chia cắt và gây chiến của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở miền Nam. Cách mạng Việt Nam ở miền Nam nói chung không thể đi ra ngoài quy luật chung của cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa từ trước đến nay, cho nên con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là *lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân*. Đó là mục tiêu phấn đấu của nhân dân miền Nam hiện nay. Vì chế độ thống trị của Mỹ - Diệm dựa vào vũ lực để tồn tại, mà chúng ta thì phải dựa vào lực lượng quần chúng, lấy lực lượng quần chúng đánh đổ chúng, cho nên muốn đạt được mục tiêu đó, *cần phải có một quá trình đấu tranh lâu dài và gian khổ, phải tích cực xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng cách mạng, thì mới có thể có*

điều kiện nắm lấy thời cơ thuận lợi và giành lấy thắng lợi cuối cùng.

Tuy vậy, cần thấy rằng cách mạng ở miền Nam vẫn có khả năng hoà bình phát triển, tức là khả năng dần dần cải biến tình thế, dần dần thay đổi cục diện chính trị ở miền Nam có lợi cho cách mạng. *Khả năng đó hiện nay rất ít, song Đảng ta không gạt bỏ khả năng đó, mà cần ra sức tranh thủ khả năng đó.* Nhưng đồng thời, vì Mỹ - Diệm quyết tâm bám lấy miền Nam, chúng không thể tự nguyện từ bỏ chính quyền, từ bỏ hành động bạo lực nhằm tiêu diệt cách mạng ở miền Nam và xâm lược miền Bắc, cho nên Đảng ta vẫn phải tích cực chuẩn bị về mọi mặt theo phương hướng căn bản là khởi nghĩa đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm.

Quá trình cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam hiện nay là quá trình xây dựng, củng cố và phát triển phong trào quần chúng đấu tranh về chính trị, kinh tế, văn hoá và bảo đảm cho phong trào đi đúng đường lối của Đảng, tiến từ những hình thức thấp, từ đẩy lùi chính quyền địch từng bước đến những hình thức cao với những chuyển biến làm lay chuyển tận gốc chính quyền đó, và cuối cùng phát động quần chúng khởi nghĩa đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm, khi có thời cơ thuận lợi ở trong nước và trên thế giới. Cuộc khởi nghĩa ấy đồ máu nhiều hay ít là tùy ở mức độ chống trả của địch đối với cách mạng, tùy ở lực lượng so sánh giữa ta và địch. Quá trình đó là quá trình đấu tranh gay go, gian khổ, phức tạp giữa ta và địch để thực hiện những nguyện vọng hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và cải thiện đời sống của nhân dân miền Nam. Trong quá trình đó, cần kết hợp sử dụng những hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và không hợp pháp, cần phối hợp chặt chẽ phong trào ở đô thị

với phong trào ở nông thôn và vùng căn cứ.

Trong quá trình đấu tranh lâu dài, gay go, gian khổ, phức tạp đó, *hình thức đấu tranh chính trị là chủ yếu.* Song do quân thù quyết định cách mạng trong máu lửa, do nhu cầu của phong trào cách mạng ở miền Nam, cho nên trong một chừng mực nhất định và ở những địa bàn nhất định, đã xuất hiện những lực lượng vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền để trợ lực cho đấu tranh chính trị. Đó là một điều cần thiết. Tuy nhiên, khi sử dụng lực lượng vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền, cần phải thấu suốt nguyên tắc phục vụ cho đấu tranh chính trị, và phục tùng lợi ích của đấu tranh chính trị, phải làm cho cán bộ và nhân dân nắm vững khẩu hiệu chính trị, nắm vững công tác động viên và tổ chức lực lượng chính trị của quần chúng làm cơ bản. Trừ gian phải phục vụ lợi ích của đấu tranh chính trị, và phải phục tùng lợi ích của phong trào, phải làm có trọng điểm và hết sức thận trọng, phải hết sức che giấu lực lượng và giữ gìn cơ sở. Phải kiên quyết khắc phục thiên hướng lấy khủng bố cá nhân thay cho đấu tranh của quần chúng.

Trong quá trình tiến hành đấu tranh cách mạng chống Mỹ - Diệm, cũng có thể nảy ra những hình thức quá độ nhằm phục vụ cho đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, như đặt quan hệ kinh tế, văn hoá, đi lại, v.v. giữa hai miền Nam - Bắc mà Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đề ra. Chúng ta cần tranh thủ và triệt để sử dụng các hình thức ấy để đưa cách mạng tiến lên, thực hiện thống nhất trên cơ sở độc lập và dân chủ.

Tình hình cũng có thể diễn biến phức tạp khi phong trào cách mạng đã đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm. Để tránh bớt những khó khăn không cần thiết cho cách mạng, triệt để lợi

dụng mâu thuẫn trong phe đế quốc, phân hoá hàng ngũ kẻ thù và cô lập cao độ đế quốc Mỹ, thì trên bước đường tiến lên của cách mạng việc thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ rộng rãi bao gồm đại biểu các giai cấp và tầng lớp chống Mỹ - Diệm là cần thiết. Nhưng điều căn bản là Đảng phải giữ vững vai trò lãnh đạo và nắm chặt cơ sở quần chúng. Các chính sách nội trị và ngoại giao của chính quyền đó cần một mặt nhằm đưa cách mạng tiến lên, mặt khác phải nhằm triệt để cô lập đế quốc Mỹ và tay sai.

Nhưng đế quốc Mỹ là đế quốc hiếu chiến nhất, cho nên trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ. Trong tình hình đó, cuộc đấu tranh sẽ chuyển sang một cục diện mới: đó là chiến tranh trường kỳ giữa ta và địch, và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta. Trong khi lãnh đạo, Đảng ta phải thấy trước khả năng ấy để chuẩn bị chu đáo và chủ động đối phó trong mọi tình thế.

*
* *

Để đảm bảo cho cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam thành công, sự lãnh đạo của một đảng *Mác-Lênin vững mạnh* là một nhân tố quyết định. Không ngừng củng cố và phát triển Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường mối quan hệ khăng khít giữa Đảng và quần chúng, đó là vấn đề chủ yếu có tính chất quyết định cho sự thắng lợi của cách mạng.

Đảng phải đẩy mạnh công tác dân vận, tiến tới thành lập một *Mặt trận dân tộc thống nhất chống Mỹ - Diệm thật rộng rãi* lấy liên minh công nông làm cơ sở, bao gồm tất cả những lực lượng yêu nước ở miền Nam, tranh thủ mọi người có thể

tranh thủ được, ngay cả những phần tử có khuynh hướng chống Mỹ - Diệm trong chính quyền của đối phương. Đảng phải xúc tiến đặc biệt *công tác binh vận*, kiên trì, bí mật và khéo léo đi sâu tranh thủ cho được đa số binh lính đồng tình với cách mạng, tiến tới xây dựng khối công nông binh liên hiệp.

Về mặt sách lược, trong tình hình phức tạp của cách mạng ở miền Nam, Đảng phải theo dõi sát phong trào, nắm vững tình hình, đánh giá đúng lực lượng so sánh giữa ta và địch, dự đoán đúng chuyển biến của phong trào, để định hình thức đấu tranh và hình thức tổ chức cho thích hợp và kịp thời. *Phải biết triệt để lợi dụng mâu thuẫn nội bộ của chế độ Mỹ - Diệm*, luôn luôn chủ động và tranh thủ thêm bạn, bớt thù, làm cho hàng ngũ cách mạng ngày càng lớn mạnh, thế lực của địch ngày càng suy yếu và bị động.

Trong công tác, phải làm cho tổ chức của Đảng không ngừng ăn sâu trong quần chúng, bám chặt vào quảng đại quần chúng; nắm vững các phương châm; *khéo công tác, khéo che giấu lực lượng, bảo tồn cơ sở và tích trữ lực lượng để có thể đấu tranh lâu dài và giành thắng lợi cuối cùng, càng đấu tranh càng mở rộng cơ sở và mở rộng phong trào*, chứ không thể làm tiêu hao lực lượng và bó hẹp phong trào, phải khéo kết hợp các hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và không hợp pháp; tùy nơi tùy lúc phải biết khéo kết hợp các khẩu hiệu kinh tế, văn hoá với khẩu hiệu chính trị; khéo kết hợp các hình thức đấu tranh chính trị với vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ; phải phối hợp chặt chẽ phong trào ở thành thị, ở nông thôn và vùng căn cứ, phong trào ở miền Nam và ở miền Bắc, phong trào trong nước với phong trào cách mạng thế giới. Việc nắm lấy thời cơ cách mạng là vấn đề rất quan trọng cho sự thành công của cách mạng, nắm

không kịp thời cơ hoặc đi quá sớm cũng đều đưa đến tổn thất cho cách mạng. Để có thể sử dụng được thời cơ, vấn đề căn bản là phải tích cực xây dựng cơ sở, bảo tồn cơ sở, tích trữ lực lượng, phát triển phong trào và cô lập kẻ địch.

Trong các công tác và phương châm nói trên, cần phải nắm vững mấy công tác chính là: không ngừng củng cố và phát triển đảng, đẩy mạnh công tác dân vận, không ngừng củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, xúc tiến đặc biệt công tác binh vận.

III- VẤN ĐỀ MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT Ở MIỀN NAM

Củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước là nhiệm vụ chung của toàn Đảng và toàn dân ta. Nhưng vì nhiệm vụ cơ bản của mỗi miền khác nhau, cho nên nhiệm vụ, tính chất, thành phần mặt trận ở mỗi miền có chỗ khác nhau. Vì vậy, cần có mặt trận riêng cho miền Nam.

Cách mạng Việt Nam ở miền Nam hiện nay là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cho nên mặt trận ở miền Nam hiện nay có tính chất dân tộc dân chủ, nhằm tập hợp tất cả các lực lượng chống đế quốc và phong kiến. Thành phần của nó bao gồm bốn giai cấp trong nhân dân miền Nam (giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản, giai cấp tư sản dân tộc) và những nhân sĩ yêu nước, lấy liên minh công nông làm cơ sở, và do Đảng ta lãnh đạo. Đối với địa chủ và tư sản mại bản, cần phải phân hoá cao độ, lôi kéo những phần tử chống Mỹ - Diệm, trung lập những phần tử lừng chừng, để cô lập hơn nữa bọn tư sản mại bản thân Mỹ và bọn địa chủ

phản động nhất, ngoan cố theo Mỹ - Diệm.

Trong tình hình cụ thể hiện nay, để phân hoá triệt để, cô lập và đánh bại kẻ thù cụ thể trước mắt và nguy hiểm nhất là Mỹ - Diệm, Mặt trận dân tộc thống nhất ở miền Nam phải rất rộng rãi, phải đoàn kết tất cả các dân tộc đa số và thiểu số, các đảng phái, các tôn giáo và những cá nhân yêu nước, đoàn kết với ngoại kiều, đặc biệt là Hoa kiều; không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, chính kiến, điều cốt yếu là chống Mỹ - Diệm, tán thành tự do dân chủ, cải thiện dân sinh và hoà bình thống nhất Việt Nam. Phải tranh thủ đoàn kết mọi người có thể đoàn kết được, phải trung lập mọi người có thể trung lập được, kể cả những người có ít nhiều khuynh hướng chống Mỹ - Diệm trong chính quyền miền Nam, đặc biệt chú ý những tầng lớp bên dưới trong các cơ quan hành chính và quân đội miền Nam.

Khuynh hướng hoà bình trung lập là một khuynh hướng chính trị đang bắt đầu nảy nở trong một số tư sản dân tộc và trí thức lớp trên ở miền Nam, cho nên cần phải chú ý tranh thủ và sử dụng khuynh hướng chính trị này để mở rộng mặt trận chống Mỹ - Diệm. Đảng ta phải theo dõi sát tình hình trong nước và các mặt phát triển hiện nay của thế giới, để có thể chủ động sử dụng khuynh hướng ấy một cách có lợi nhất cho cách mạng.

Cách mạng ở miền Nam phải có chính sách đúng đắn đối với các dân tộc thiểu số để phá âm mưu xây dựng căn cứ quân sự của địch và phá chính sách chia rẽ dân tộc của địch, để mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất ở miền Nam.

Mặt trận ở miền Nam phải nhằm tập hợp mọi lực lượng nhân dân miền Nam chung quanh các yêu cầu cấp bách nhất ở miền Nam hiện nay là:

- Đòi hoà bình, chống chính sách gây chiến của Mỹ - Diệm.
- Đòi thống nhất nước nhà, chống chính sách chia cắt của Mỹ - Diệm.
- Đòi độc lập, dân chủ, chống chính sách nô dịch và độc tài hung bạo của Mỹ - Diệm.
- Đòi an ninh, đòi tôn trọng tính mạng, tài sản của nhân dân, chống chính sách càn quét, khủng bố của Mỹ - Diệm.
- Đòi cải thiện đời sống nhân dân: công nhân có công ăn việc làm, nông dân được giảm tô, giảm tức và tiến tới người cày có ruộng, binh lính được tăng lương và đối đãi tử tế; chống chế độ độc quyền công thương nghiệp của tập đoàn thống trị, bảo vệ nội hoá, đòi xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Để nêu rõ những yêu cầu trên đây, Mặt trận ở miền Nam cần phải có một bản cương lĩnh cụ thể, và phải đề ra những khẩu hiệu thiết thực, phù hợp với tình hình từng nơi, từng lúc để động viên và tập hợp quảng đại quần chúng, thống nhất hành động chống Mỹ - Diệm trong mọi trường hợp cụ thể, từ thấp đến cao.

Mặt trận miền Nam tuy là riêng cho miền Nam, không nằm trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhưng phải cùng thực hiện mục tiêu chung với Mặt trận Tổ quốc là nhằm xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và thực tế phải do Đảng ta lãnh đạo.

IV- VẤN ĐỀ ĐẢNG

Hơn bốn năm qua, Đảng bộ miền Nam chuyển vào cuộc đấu tranh chính trị phức tạp dưới một chế độ độc tài hết sức tàn bạo. Bọn Mỹ - Diệm đã không từ một thủ đoạn gian ác, xảo quyệt nào để tiêu diệt Đảng bộ miền Nam. Nhưng dưới

sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, toàn Đảng bộ đều đoàn kết thành một khối, đã khắc phục mọi khó khăn gian khổ, đã và đang lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh anh dũng chống mọi âm mưu thâm độc của địch để bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân. Sự tồn tại và sự trưởng thành của Đảng bộ miền Nam là một thắng lợi rất căn bản của phong trào cách mạng ở miền Nam. Hiện nay vấn đề củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của các cấp đảng bộ và nhất là của chi bộ là điểm mấu chốt, nó có một ý nghĩa hết sức cấp bách đối với sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Trước hết, cần đặc biệt coi trọng công tác tư tưởng, nâng cao không ngừng trình độ tư tưởng và trình độ chính trị của đảng viên, bảo đảm sự đoàn kết nhất trí và sự trong sạch của hàng ngũ Đảng. Phải giáo dục rèn luyện cho mỗi đảng viên trở thành một chiến sĩ kiên cường, bất khuất, luôn luôn nắm vững và biết chủ động vận dụng đường lối chính sách của Đảng, luôn luôn anh dũng đấu tranh chống kẻ thù và sẵn sàng hy sinh vì cách mạng, luôn luôn liên hệ mật thiết với quần chúng, tin tưởng sắt đá vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Phải thấy công tác xây dựng chi bộ ở nông thôn, xí nghiệp, đường phố, cơ quan giao thông, vận tải, v.v. là khâu hết sức quan trọng. Phải thấu suốt phương châm bí mật, nhỏ, gọn, trọng chất hơn lượng, nhằm bảo đảm cho mỗi chi bộ thật sự trở thành một dinh lũy chiến đấu của Đảng, được lực lượng quần chúng bao bọc, che chở, và có đủ năng lực lãnh đạo, tổ chức quần chúng thực hiện những khẩu hiệu của Đảng. Phải bảo đảm cho mỗi đảng viên có thể thường xuyên thông qua cốt cán mà liên hệ mật thiết với quần chúng, nắm

vững tình hình quần chúng. Ở các đường giao thông yết hầu, các vùng dân tộc thiểu số, cần chú ý xây dựng và phát triển Đảng. Tuỳ theo nhu cầu công tác của Đảng, bên cạnh chi bộ, cần phát triển một cách mạnh mẽ và chắc chắn những chi đoàn thanh niên lao động, trên cơ sở nhận thức đầy đủ Đoàn là cánh tay, là đội hậu bị của Đảng, có trách nhiệm xung phong thực hiện tất cả những nhiệm vụ mà Đảng giao cho.

Hết sức tranh thủ điều kiện giáo dục, bồi dưỡng và đào tạo cán bộ để bổ sung cho đội ngũ chiến đấu của Đảng. Trong công tác cán bộ, cần đặc biệt chú ý bảo vệ cán bộ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đặc biệt chú ý những cán bộ xuất thân trong các thành phần cơ bản.

Trong việc xây dựng Đảng về mặt tổ chức, phải hết sức đề cao công tác bí mật. Từ việc đi lại, ăn ở, giấy tờ, tổ chức cơ quan, tổ chức giao thông, liên lạc, sử dụng cán bộ, v.v. đều phải triệt để tôn trọng nguyên tắc bí mật của Đảng. Đồng thời phải biết triệt để sử dụng mọi khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp để khéo léo che giấu lực lượng của Đảng. Không ngừng nâng cao cảnh giác, tỉnh táo để phòng mọi sự xâm nhập, phá hoại của bọn gián điệp và những phần tử đầu hàng, phản bội.

Trong công tác, phải luôn luôn đi sát, nắm vững tình hình để kịp thời đối phó. Công tác giao thông liên lạc là công tác mấu chốt thường xuyên của các cấp uỷ đảng. Cần đề cao ý thức, trách nhiệm đối với công tác này. Cần tổng kết kinh nghiệm để phổ biến kịp thời, tránh tổn thất cho phong trào.

Để bảo vệ các cơ quan đầu não và che giấu cán bộ, cần xây dựng ở các địa phương những cơ sở an toàn và khu an toàn.

Hiện nay, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng ta, nhân dân ta đang tiến hành một cuộc cách mạng với hai

nhiệm vụ chiến lược khác nhau. Vì hoàn cảnh khó khăn, phức tạp của cách mạng ở miền Nam, Trung ương cần phải tăng cường sự lãnh đạo về các mặt chủ trương, chính sách và tổ chức thực hiện đối với các đảng bộ miền Nam.

*
* *

Đảng ta đang đứng trước những nhiệm vụ cách mạng rất nặng nề nhưng rất vẻ vang: tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tạo điều kiện cho cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Hội nghị Trung ương lần thứ 15 kêu gọi toàn Đảng, ở cả miền Bắc và miền Nam, tăng cường đoàn kết nhất trí, bồi dưỡng chí khí chiến đấu, nâng cao tinh thần cảnh giác, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng và đông đảo quần chúng nhân dân cả nước, ra sức phấn đấu giành thắng lợi trong giai đoạn mới.

Hội nghị tin tưởng sắt đá rằng, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương đứng đầu là Hồ Chủ tịch, Đảng ta nhất định sẽ khắc phục được mọi khó khăn, tiến lên hoàn thành nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang là xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG CÁO
HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ 15 (MỞ RỘNG)
CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM
Về kiểm điểm tình hình và đề ra nhiệm vụ đấu
tranh thực hiện thống nhất nước nhà*

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã họp Hội nghị lần thứ 15 (mở rộng) để kiểm điểm tình hình và đề ra nhiệm vụ đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà cho toàn Đảng và toàn dân.

Sau khi nghe báo cáo tình hình đấu tranh thực hiện thống nhất của nhân dân cả nước từ khi hoà bình lập lại đến nay, Hội nghị nhận định như sau:

1. Cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ và anh dũng của nhân dân Việt Nam đã đánh bại thực dân Pháp, can thiệp Mỹ và bọn tay sai, hoàn toàn giải phóng miền Bắc nước ta. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam. Hiệp nghị Giơnevơ đã lập lại hoà bình ở Đông Dương, công nhận chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân ta và quy định thời hạn tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thực hiện thống

* Bài đăng trên báo *Nhân dân* ngày 14-5-1959 (B.T).

nhất nước Việt Nam. Đó là một thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam, một cống hiến vẻ vang vào sự nghiệp bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng đã hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đang tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là một chuyển biến cực kỳ trọng yếu quyết định phương hướng phát triển của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Trong khi đó, miền Nam nước ta còn bị đặt dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai Ngô Đình Diệm. Chúng biến miền Nam thành một thuộc địa kiểu mới và một căn cứ quân sự để chuẩn bị chiến tranh.

Đặc điểm của tình hình nước ta hiện nay là miền Bắc đang tiến lên chủ nghĩa xã hội trong khi nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chưa hoàn thành trong cả nước.

2. Hoà bình, thống nhất là nguyện vọng tha thiết nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam hiện nay. Vì sự nghiệp cách mạng của Tổ quốc, vì quyền lợi tối cao của dân tộc, Chính phủ ta trước sau như một vẫn tôn trọng Hiệp nghị Giơnevơ, luôn luôn có thái độ xây dựng trong việc thi hành Hiệp nghị đó và đã nhiều lần có những đề nghị cụ thể, hợp tình hợp lý với chính quyền miền Nam nhằm tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc.

Nhưng chính sách can thiệp của đế quốc Mỹ và chính sách lệ thuộc Mỹ của chính quyền miền Nam đã và đang một mực phá hoại Hiệp nghị Giơnevơ, phá hoại sự nghiệp hoà bình thống nhất, đi ngược lại nguyện vọng và quyền lợi của nhân dân Việt Nam. Đế quốc Mỹ và tay sai rắp tâm chia cắt lâu dài nước ta và chuẩn bị chiến tranh mới. Để thực hiện âm mưu thâm độc ấy, trong mấy năm qua Mỹ - Diệm ráo riết

tăng cường quân sự, thi hành chính sách thẳng tay bóc lột nhân dân, thủ tiêu mọi quyền tự do dân chủ, đàn áp, khủng bố cực kỳ dã man, làm cho tình hình kinh tế miền Nam ngày càng suy sụp, đời sống của đồng bào miền Nam ngày càng điêu đứng, cơ cực. Chính sách can thiệp của đế quốc Mỹ và chính sách lệ thuộc Mỹ của chính quyền miền Nam là trở lực chủ yếu của sự nghiệp độc lập dân chủ của nhân dân và dân tộc ta ở miền Nam, của sự nghiệp hoà bình thống nhất của Tổ quốc Việt Nam.

3. Từ khi hoà bình lập lại đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta ở miền Bắc đã khắc phục mọi khó khăn gian khổ, hoàn thành cải cách ruộng đất, kết thúc thắng lợi thời kỳ khôi phục kinh tế và đang hăng hái thi đua ra sức thực hiện kế hoạch nhà nước ba năm phát triển và cải tạo kinh tế, phát triển văn hoá để nâng cao thêm một bước đời sống vật chất và văn hoá của mình và củng cố hơn nữa miền Bắc về mọi mặt, làm cơ sở vững chắc cho công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội là nhiệm vụ cấp bách nhất, quan hệ trực tiếp đến sự nghiệp hoàn thành độc lập dân chủ trong cả nước, thực hiện thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam.

Trong khi nhân dân ta ở miền Bắc ra sức xây dựng miền Bắc về mọi mặt thì đồng bào miền Nam phát huy truyền thống đoàn kết và đấu tranh anh dũng của mình, luôn luôn nêu cao ngọn cờ hoà bình, thống nhất, độc lập và dân chủ, chống chế độ độc tài hung bạo của Mỹ - Diệm, chống khủng bố đàn áp, chống dồn dân, bắt phu bắt lính, chống thuế khoá nặng nề, chống viện trợ Mỹ, v.v. để bảo vệ quyền sống hàng ngày và đòi lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền Bắc Nam, đòi hoà bình, thống nhất Tổ quốc. Các chính sách mị

dân, chia rẽ dân tộc, khủng bố giết chóc dã man của Mỹ - Diệm nhất định không thể khuất phục đồng bào miền Nam. Trái lại, phong trào yêu nước ở miền Nam càng sâu rộng thêm, bộ mặt cướp nước của đế quốc Mỹ và bộ mặt bán nước của Ngô Đình Diệm đã bị phơi trần trước đồng bào cả nước và trước dư luận rộng rãi trên thế giới, làm cho chúng càng bị cô lập.

Hội nghị vô cùng căm phẫn đế quốc Mỹ và bọn tay sai đã gây không biết bao đau thương, tang tóc cho nhân dân ta ở miền Nam. Hội nghị nhiệt liệt nêu cao tinh thần đoàn kết đấu tranh bất khuất và bền bỉ của đồng bào miền Nam.

4. Để thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, Hội nghị đề ra nhiệm vụ là: "Đoàn kết toàn dân, ra sức đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà, trên cơ sở độc lập và dân chủ; ra sức củng cố miền Bắc và tích cực đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh; góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới".

Hội nghị tin tưởng sắt đá rằng toàn dân ta đoàn kết đấu tranh anh dũng và bền bỉ, nhất định sẽ đánh bại được âm mưu cướp nước của đế quốc Mỹ và âm mưu bán nước của bè lũ tay sai. Trên cơ sở miền Bắc được củng cố và phát triển vững chắc về mọi mặt, phong trào yêu nước ở miền Nam được phát triển rộng rãi và mạnh mẽ, được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới, sự nghiệp thống nhất nước nhà nhất định sẽ thành công.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 123-CT/TW, ngày 13-1-1959

Về tăng cường lãnh đạo hoàn thành thu thuế nông nghiệp vụ đông 1958 và tích cực thu nợ, thu mua thóc

Để đảm bảo thăng bằng thu chi tài chính, đảm bảo kế hoạch lương thực năm 1959, nhiệm vụ thu thuế nông nghiệp, thu mua thóc và thu nợ (thu bằng thóc) rất quan trọng. Ban Bí thư đã có chỉ thị cho các cấp uỷ đảng lãnh đạo chặt chẽ công tác thu thuế nông nghiệp, thu mua thóc và thu nợ đảm bảo kế hoạch và đúng thời hạn.

Nhưng đến nay trong tất cả các tỉnh miền Bắc mới có 12 tỉnh đảm bảo thu thuế nông nghiệp 100% nhiệm vụ dự toán (Bắc Ninh, Hải Ninh, Hải Dương, Kiến An, Sơn Tây, Thái Nguyên, Hồng Quảng, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Ninh Bình, Hoà Bình). Những tỉnh trên đã chú ý lãnh đạo từ đầu đến cuối, nhờ đó đã hoàn thành nhiệm vụ. Nhiều tỉnh khác chưa hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có bốn tỉnh đạt được trên 90%, một số tỉnh trên 50%, còn năm tỉnh đạt dưới 50%. Như vậy là chậm. Việc thu nợ phân bón, thóc giống, thóc vay ăn lúc giáp hạt mới được trên dưới một vạn tấn thóc trong số gần 6 vạn tấn. Việc thu mua mới được 14 vạn tấn thóc, so với nhiệm vụ thì còn thiếu nhiều.

Vụ đông năm 1958 miền Bắc nước ta được mùa lớn. Các cấp uỷ đảng bước đầu được kiện toàn, cán bộ và nhân dân đã bước đầu được giáo dục chủ nghĩa xã hội và trước đây phấn khởi của nhân dân, việc đảm bảo thu thuế nông nghiệp, thu nợ, thu mua có nhiều khả năng thu được kết quả tốt.

Nhưng đến nay một số tỉnh thu thuế còn quá chậm, chính là do không tích cực lãnh đạo đảm bảo mức thu. Đối với việc thu nợ nói chung thì xem nhẹ, hoặc khoán trắng cho cơ quan tài chính tỉnh, hoặc bỏ rơi không có tổ chức và lãnh đạo đôn đốc thu. Cho nên đến nay thu được rất ít. Các cấp uỷ đảng cần nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của việc thu nợ (thu bằng thóc). Phải tăng cường giáo dục đảng viên, đoàn viên thanh niên lao động và nông dân nhiệm vụ đối với Nhà nước trong việc trả các món nợ như: nợ phân bón, nợ thóc giống và thóc ăn lúc giáp hạt, đồng viên nông dân trả nợ cho Nhà nước, nếu không, sẽ gây tổn thất cho ngân sách, tổn hại đến bước tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời cũng gây tâm lý không tốt trong nhân dân. Đối với việc thu mua thóc còn quá chậm. Các cấp uỷ đảng cần nhận thức đầy đủ tầm quan trọng vấn đề lương thực và Nhà nước nắm lương thực để tăng cường giáo dục mạnh mẽ hơn nữa nghĩa vụ người dân sau khi thu hoạch mùa màng, ngoài số thóc giữ lại để ăn đến giáp hạt, số lương thực thừa cần phải bán cho Nhà nước. Chỉ khi nào lương thực tập trung vào Nhà nước mới đảm bảo cung cấp cho nhân dân thành phố, khu công nghiệp, vùng phi nông nghiệp và cơ quan, điều hoà lương thực trong nước, bình ổn vật giá chung, đồng thời sử dụng vào việc xuất khẩu đổi lấy máy móc cần cho việc kiến thiết, phân bón cho nông dân, hàng hoá khác cho đời sống nhân dân.

Ban Bí thư nhắc các cấp uỷ đảng tăng cường hơn nữa việc tuyên truyền giáo dục trong cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ việc đóng thuế nông nghiệp, trả các món nợ bằng

thóc, bán thóc cho Nhà nước là nhiệm vụ của mỗi người đối với Nhà nước (nhất là đảng viên và cán bộ phải gương mẫu); đồng thời tích cực hơn nữa trong việc thu thuế, thu nợ và thu mua từ đây đến Tết âm lịch được kết quả theo dự thu. Đối với thuế nông nghiệp tranh thủ hoàn thành nhanh hơn. Những nơi do tính toán có nhiều thiếu sót, sổ ghi thu không đảm bảo nhiệm vụ, cần kiểm tra và tính toán lại, không để thất thu. Việc thu nợ, tích cực thu hết các món nợ phân bón, nợ thóc giống, thóc vay ăn lúc giáp hạt năm 1958, còn những món nợ khác từ năm 1957 trở về trước thì sau đó sẽ thu những người có điều kiện trả. Nợ ngân hàng thì phải thu về theo chỉ thị của Ngân hàng. Riêng về nợ phân bón, nơi nào quá xa trạm thu mua, quá xa kho dự trữ, hoặc nơi nào nông dân không có thóc thừa mà có tiền cũng có thể thu bằng tiền. Việc thu mua thóc cần bố trí thêm trạm thu mua thường xuyên, hoặc đi tận thôn, xóm kết hợp với việc bán hàng Tết tận tay người tiêu dùng, để thu mua thóc, tạo điều kiện dễ dàng cho người bán thóc; tránh tình trạng gánh thóc đến phải chờ đợi, làm phiền phức, mất công việc làm ăn của nhân dân.

Việc thu thuế, thu nợ, thu mua thóc, Nhà nước nắm lực lượng lương thực là biện pháp kinh tế rất quan yếu. Các cấp uỷ đảng cần ra sức khắc phục mọi khó khăn trong địa phương, ra sức thi hành đầy đủ nhiệm vụ của mình.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 124-CT/TW, ngày 15-1-1959

Về việc lãnh đạo bầu cử Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính các cấp

Thi hành Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 10, Bộ Chính trị đã quyết định sau khi tuyển cử xong các cấp uỷ huyện và tỉnh của Đảng, sẽ tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân xã, tỉnh và Uỷ ban hành chính xã, huyện, tỉnh. Chủ trương này đã được Chính phủ tán thành. Thủ tướng Chính phủ đã ra một thông tư và Bộ Nội vụ đã triệu tập một cuộc hội nghị đại biểu các Uỷ ban hành chính địa phương để hướng dẫn cụ thể cách thi hành. Nay Ban Bí thư nhấn mạnh mấy điểm sau đây để các cấp uỷ chú ý:

1. *Các cấp cần nhận thức đầy đủ mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc bầu cử Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính các cấp kỳ này*

Mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng ấy là đã từ lâu vì nhiều lý do chúng ta không tiến hành bầu cử được một cách đều kỳ các Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính các cấp, do đó các cơ quan chính quyền các cấp không thực sự đại biểu được những sự đổi mới trong xã hội miền Bắc, trong tương

quan giữa các giai cấp, không thể hiện được đầy đủ tính chất dân chủ của chế độ ta, chúng ta không có đủ điều kiện làm cho quần chúng nhân dân gắn bó chặt chẽ với chính quyền, tha thiết tham gia mọi mặt công tác quản lý nhà nước. Nói về vai trò và tác dụng của chính quyền, là công cụ chủ yếu để thực hiện đường lối chính sách của Đảng ở miền Bắc hiện nay, thì nhiều cấp uỷ đảng cũng không nhận thức thật thấu suốt, do đó đã có nhiều thiếu sót trong việc lãnh đạo công tác và củng cố các cơ quan chính quyền; kết quả là các cơ quan chính quyền nói chung còn yếu ớt, không phát huy được tác dụng một cách đầy đủ.

Đã đến lúc không thể để tình trạng ấy kéo dài, là vì hiện nay hoà bình lập lại đã lâu, cuộc vận động cải cách ruộng đất căn bản đã làm xong, chúng ta không thể để kéo dài thêm một tình trạng không bình thường trong chế độ tổ chức chính quyền của ta. Hơn nữa, theo nhận định của Hội nghị Trung ương lần thứ 14, chúng ta đang ở một thời kỳ mới của công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, thời kỳ mà mọi công việc đều tiến nhanh và mạnh. Muốn thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cần phải tăng cường và củng cố các cơ quan chính quyền, làm cho các cơ quan chính quyền liên hệ chặt chẽ với nhân dân, có đầy đủ năng lực và uy tín để động viên mọi nhân lực, vật lực, tài lực của nhân dân dốc vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đã đề ra.

Đứng về lợi ích của cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, thì việc từ nay các cơ quan chính quyền miền Bắc sẽ theo thường lệ được nhân dân bầu lại, cũng có một ý nghĩa và tác dụng rất lớn.

Vì những lý do kể trên, các cấp uỷ phải coi việc bầu cử Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính các cấp kỳ này là một cuộc vận động chính trị trọng yếu trong nhân dân và phải chú ý tăng cường lãnh đạo.

2. Trong việc lãnh đạo bầu cử, cần chấp hành đúng những chủ trương sau đây

a) Trong việc lãnh đạo nhân dân lựa chọn đại biểu của mình vào Hội đồng nhân dân các cấp cũng như trong việc Hội đồng nhân dân bầu cử Uỷ ban hành chính, phải nắm vững đường lối giai cấp của Đảng trong việc xây dựng chính quyền. Thành phần trong cơ quan chính quyền phải thể hiện sự liên minh các giai cấp cách mạng (công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc) dựa trên cơ sở công nông liên minh; chính quyền phải là công cụ sắc bén của nhân dân để xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà. Vì vậy các thành viên của Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính phải bao gồm phần lớn là những người trong thành phần công nông, nhưng đồng thời cũng có đại biểu các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức và cũng cần có cả những người thuộc các tầng lớp trên. Những người này phải là những người có quan hệ tốt với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm, tán thành tích cực đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và thống nhất nước nhà. Về năng lực làm việc, những người vào Uỷ ban hành chính phải là những người có một năng lực làm việc nhất định, không nên chỉ là những người có tác dụng tiêu biểu, tượng trưng.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính, phải lựa chọn một số cấp uỷ viên và đảng viên có đủ năng lực và uy tín tham gia theo tỷ

lệ như trước đây Trung ương đã quy định. Như thế nghĩa là trong các Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp vẫn nên có một tỷ lệ thích đáng người ngoài Đảng, như vậy cũng có lợi cho công tác của Đảng.

Ngoài ra, Ban Bí thư nhắc lại là: cần phải có thành phần phụ nữ và các thành phần dân tộc ít người, tôn giáo, v.v. theo mức độ cần thiết tùy mỗi địa phương.

Đối với các vấn đề thành phần nói trên, các cấp cần thảo luận kỹ, và tích cực chấp hành.

b) Việc tuyên truyền mục đích, ý nghĩa việc bầu cử trong nhân dân và vận động nhân dân đi bầu cử nên kết hợp với mọi công tác trước mắt của địa phương mà làm một cách chu đáo, và có nội dung thiết thực.

Việc vận động bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính là một dịp giáo dục rộng rãi trong quần chúng về tình hình và nhiệm vụ trước mắt, căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14, 15 và Nghị quyết của Quốc hội khoá thứ 9 (nơi nào đã làm một đợt rồi thì làm sâu thêm, kết hợp động viên quần chúng tích cực thực hiện mọi công tác của địa phương theo nghị quyết của các Hội nghị Đảng bộ thành, tỉnh, huyện vừa qua, động viên quần chúng hăng hái tham gia việc bầu cử, thật sự gắn bó với cơ quan chính quyền, thường xuyên tham gia công việc quản lý nhà nước và tích cực giúp đỡ, kiểm tra các cơ quan chính quyền làm việc, v.v.. Được như thế thì công cuộc củng cố chính quyền sẽ có một đà thúc đẩy công tác rất lớn.

*
* * *

Trên đây là mấy điểm chủ yếu, Ban Bí thư mong các cấp tích cực thi hành. Các vấn đề khác đã có thông tư của Thủ tướng phủ và Hội nghị cán bộ do Bộ Nội vụ triệu tập hướng dẫn.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 187-TT/TW, ngày 16-1-1959

Bổ sung và giải thích một số điểm trong Chỉ thị số 118-CT/TW về việc đẩy mạnh phong trào hợp tác hoá nông nghiệp

Đầu tháng 12-1958, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 118-CT/TW¹⁾ về việc đẩy mạnh phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, bảo đảm hoàn thành thắng lợi vụ sản xuất đông - xuân. Qua cuộc thảo luận ở Hội nghị đổi công và hợp tác xã toàn miền Bắc, Ban Bí thư thấy cần giải thích và bổ sung Chỉ thị đó như sau:

I- VỀ VIỆC CHẤP HÀNH ĐƯỜNG LỐI GIAI CẤP CỦA ĐẢNG Ở NÔNG THÔN

Nói chung các cấp đã chú ý vận dụng đúng đường lối giai cấp của Đảng trong việc phát triển tổ đổi công và xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, do đó phong trào đang tiến triển tốt. Tuy vậy ở một số nơi, việc chấp hành đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn có lệch lạc, cho nên việc xây dựng

1) Xem *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.19 (B.T).

và củng cố hợp tác xã có gặp khó khăn. Ví dụ có những thiếu sót như sau:

- Xem nhẹ vai trò nòng cốt của bản nông và trung nông lớp dưới. Một số nơi chưa tích cực vận động bản nông và trung nông lớp dưới vào hợp tác xã, nhưng lại kết nạp nhiều trung nông, kể cả trung nông lớp trên. Có nơi, trong Ban quản trị hợp tác xã, số trung nông, kể cả trung nông lớp trên, đông hơn bản nông và trung nông lớp dưới.

- Đối với trung nông lớp trên, có hai khuynh hướng sai lệch: hoặc quá nhấn mạnh mặt tiêu cực của trung nông lớp trên, đi đến chỗ thành kiến với họ, thậm chí có nơi còn đả kích họ; hoặc xem quá nhẹ mặt tiêu cực của trung nông lớp trên, dựa vào họ để xây dựng hợp tác xã, giao trách nhiệm lãnh đạo hợp tác xã cho họ, để cho họ lợi dụng hợp tác xã mưu lợi riêng.

Để cho việc xây dựng và củng cố phong trào hợp tác hoá nông nghiệp được tốt, nay quy định như sau:

Nói chung, cần bảo đảm cho *bản nông và trung nông lớp dưới* chiếm đa số trong hợp tác xã. Tính riêng bản nông và trung nông lớp dưới thì bản nông phải chiếm đa số. Trong các ban quản trị hợp tác xã, số bản nông cũng cần đông hơn trung nông lớp dưới. Trừ trường hợp cá biệt, trong một xóm nào đó số trung nông lớp dưới đông hơn số bản nông và trong số trung nông lớp dưới đó lại có nhiều người tốt thì trong ban quản trị cũng có thể số trung nông lớp dưới ngang số bản nông hoặc hơn một chút. Những chức vụ quan trọng trong hợp tác xã như chủ nhiệm, kế toán, trưởng ban kiểm soát, đội trưởng hoặc tổ trưởng sản xuất, cần bảo đảm bản nông hoặc trung nông lớp dưới nắm, nhất là bản nông.

Nếu hợp tác xã nào số lượng xã viên là bản nông và trung nông lớp dưới còn ít, nhưng lại kết nạp nhiều trung nông khác kể cả trung nông lớp trên, thì không nên gạt những xã viên là trung nông lớp trên ra nếu họ không có sai lầm nặng, mà phải kết nạp thêm xã viên là bản nông và trung nông lớp dưới vào.

Ban quản trị của hợp tác xã nào có ít bản nông và trung nông lớp dưới, trái lại có nhiều trung nông khác hoặc trung nông khác nắm vai trò lãnh đạo trong Ban quản trị, thì giải quyết như sau:

Một là, đến kỳ bầu lại thì tổ chức bầu lại để đưa thêm bản nông và trung nông lớp dưới vào, đồng thời không bầu trung nông lớp trên vào ban quản trị. Tiêu chuẩn của những người trong ban quản trị là:

1. Kiên quyết xây dựng hợp tác xã;
2. Có công tâm, kiên quyết bảo vệ lợi ích của tập thể;
3. Có khả năng công tác.

Đối với bản nông mà năng lực công tác còn yếu, ta vẫn có thể đưa vào ban quản trị và cần bồi dưỡng cho họ, giúp đỡ họ tiến bộ.

Hai là, nếu chưa đến kỳ bầu lại thì bổ sung thêm vào ban quản trị những xã viên là bản nông và trung nông lớp dưới.

Đối với *trung nông lớp trên*, ta phải nhận rõ rằng: cơ sở kinh tế cá thể của họ hơn bản nông và trung nông lớp dưới; do đó khi chưa được giáo dục kỹ thì họ cho rằng lối làm ăn riêng lẻ có lợi hơn lối làm ăn tập thể, vì vậy họ thường có thái độ tiêu cực đối với hợp tác xã. Ta phải kiên nhẫn giải thích cho họ, thật thà đoàn kết với họ, không nên đả kích họ. Ta sẵn sàng chờ đợi họ và trước sau rồi cũng đưa dần họ vào hợp tác xã hết. Trong Hội nghị đổi công và hợp tác xã toàn miền

Bắc, các địa phương đã nêu rất rõ mặt tiêu cực của trung nông lớp trên, đã chỉ rõ họ là đại biểu cho khuynh hướng tư bản tự phát ở nông thôn miền Bắc nước ta hiện nay. Vì thế, lúc đầu, khi hợp tác xã chưa được củng cố, nói chung chưa nên kết nạp ngay trung nông lớp trên vào hợp tác xã; trừ trường hợp cá biệt có trung nông lớp trên đã được thử thách, rèn luyện, thái độ đối với chính sách đổi công, hợp tác có nhiều biểu hiện tốt, họ và gia đình họ đều thật thà tự nguyện tự giác xin vào, thì có thể kết nạp ngay từ đầu, nhưng chỉ nên để họ làm xã viên thường thôi, dù họ là đảng viên hay không cũng vậy.

Đối với *phú nông và địa chủ* thì dù họ đã được thay đổi thành phần cũng chưa thu hút họ vào tổ đổi công và hợp tác xã. Khi nào thu hút họ được và thu hút như thế nào, Trung ương sẽ chỉ thị sau. Nơi nào đã trót đưa những phú nông và địa chủ đã được thay đổi thành phần vào tổ đổi công và hợp tác xã rồi, mà họ vẫn làm đúng nghĩa vụ của tổ viên và xã viên thì cứ để họ trong tổ chức và tiếp tục giáo dục cho họ trở thành những tổ viên và xã viên tốt, nhưng tuyệt đối không được giao trách nhiệm lãnh đạo cho họ.

Đối với *con cái của địa chủ và phú nông* còn ở chung với gia đình thì chưa kết nạp vào hợp tác xã. Con cái địa chủ, phú nông đã ở tách thành hộ riêng từ lâu, thành phần là nông dân lao động, thì đối xử như những nông dân lao động khác; nếu họ có đủ điều kiện là xã viên thì cũng có thể kết nạp vào hợp tác xã, nhưng lúc mới thành lập hợp tác xã không nên vội kết nạp họ ngay.

Đối với bộ đội phục viên là con cái địa chủ, phú nông, khi về xã không ở chung với bố mẹ thì nên kết nạp vào hợp tác xã. Nhưng nếu họ ở chung với cha mẹ và vẫn là một nhân khẩu trong gia đình địa chủ, phú nông thì chưa kết nạp, vì

hợp tác xã kết nạp từng hộ mà không kết nạp riêng từng nhân khẩu trong một hộ.

Đối với những người trước đây là nguy quân, nhưng thuộc thành phần nông dân lao động, không có tội ác gì lớn và không bị quần chúng oán ghét, từ sau hoà bình được lập lại đến nay có thái độ tốt, bản thân họ và gia đình họ tự nguyện xin vào hợp tác xã và được đại hội xã viên đồng ý thì cho họ vào. Cần căn cứ vào thành phần của họ mà đối đãi cho được thoả đáng.

Những người là nguy quân, nguy quyền trước kia có tội ác lớn, hoặc trước kia tuy không có tội ác lớn, nhưng từ khi hoà bình được lập lại đến nay, có những hành động chống chính sách, hoặc đã bị can án, hoặc hiện nay còn bị quản chế, thì chưa cho vào hợp tác xã. Nơi nào đã cho họ vào rồi thì tùy trường hợp mà xử trí như sau: nếu thái độ họ tốt thì vẫn để trong hợp tác xã, nhưng phải chú ý giáo dục họ; nếu thái độ họ không tốt thì phải kiên quyết đưa họ ra; nếu họ đã tham gia Ban quản trị thì thông qua cách bầu lại mà đưa họ ra, nhưng cần giải thích để cho họ nhận rõ việc họ ra là đúng, đồng thời cử người khác đủ tiêu chuẩn thay vào.

II- VỀ PHƯƠNG CHÂM "TÍCH CỰC LÃNH ĐẠO, TIẾN BƯỚC VỮNG CHẮC"

Phương châm này có hai ý nghĩa bổ sung cho nhau, thống nhất với nhau, chứ không mâu thuẫn với nhau.

Tích cực lãnh đạo tức là mạnh dạn đưa phong trào đổi công, hợp tác tiến lên, không kìm hãm phong trào, cũng không để phong trào tự phát, không khoán trắng cho một số cán bộ theo dõi.

Tiến bước vững chắc tức là chuẩn bị những điều kiện xây dựng hợp tác xã cho tốt về các mặt: tư tưởng, chính sách, cán bộ, kế hoạch, v.v.; xây dựng đến đâu củng cố đến đấy, nhằm nâng cao chất lượng của tổ đổi công và hợp tác xã; chứ không phải là tiến bước từ từ, đi đến chỗ kìm hãm sự phát triển của phong trào.

Tinh thần của phương châm nói trên là: cần làm nhanh, nhưng phải bảo đảm làm tốt, và làm tốt, làm chắc nhưng phải tích cực tạo điều kiện để tiến nhanh.

III- VỀ ĐIỀU KIỆN XÂY DỰNG HỢP TÁC XÃ

Trong Chỉ thị số 118-CT/TW có giải thích thêm về điều kiện thứ hai và thêm điều kiện thứ tư. Nay Ban Bí thư nhận thấy: điều kiện thứ tư thực ra chỉ là một điều giải thích và bổ sung thêm cho điều kiện thứ hai; để thành một điều kiện riêng biệt là không đúng, vì có nhiều xã ở miền núi đến nay vẫn chưa có chi bộ đảng.

Về điều kiện thứ hai, Chỉ thị số 118-CT/TW của Ban Bí thư nêu như sau: "có cốt cán tốt (tức là chi bộ xã phải nắm và có những đảng viên tích cực tham gia trực tiếp và lãnh đạo)". Nơi nào có chi bộ thì cứ theo đúng như thế mà làm; nơi chưa có chi bộ, chưa có đảng viên thì có cốt cán là người tốt nhưng chưa vào Đảng cũng được, nhưng cần tích cực phát triển đảng trong phong trào đổi công, hợp tác ở những nơi đó.

IV- VỀ TỶ LỆ CHIA HOA LỢI CHO RUỘNG ĐẤT

Chỉ thị số 118-CT/TW của Ban Bí thư quy định tỷ lệ chia

hoa lợi cho ruộng đất từ 25% đến 30% số thu hoạch. Nay giải thích rõ điều đó như sau:

Trước hết phải nhận rõ rằng: tỷ lệ chia hoa lợi cho ruộng đất không nên quá cao, vì quá cao thì không khuyến khích lao động, nhưng cũng không nên quá thấp, vì chia quá thấp thì những gia đình nông dân có ít sức lao động sẽ thắc mắc, mà những gia đình đó thường là những gia đình có con đi bộ đội, làm cán bộ, gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình ông già, bà goá, không có con hoặc con đã chết, v.v.. Hai nữa, phải thấy rằng: nếu chia cho ruộng đất quá ít thì nhiều khi thiệt ngay cho những gia đình bản nông được chia nguyên canh mà ít sức lao động, và sau này không thu hút được trung nông có khá ruộng đất vào hợp tác xã. Cho nên, một số nơi có thiên hướng muốn hạ thật thấp tỷ lệ chia hoa lợi cho ruộng đất để "mau tiến lên hợp tác xã bậc cao" là hoàn toàn sai. Từ nay đến khi Trung ương quyết định cụ thể về vấn đề này, nói chung vẫn phải chấp hành đúng tỷ lệ chia hoa lợi cho ruộng đất từ 25% đến 30%, nhưng trong trường hợp ruộng xấu và xa, làm mất nhiều công thì có thể chia ít hơn 25%. Tuy vậy, nơi nào đã chia dưới 25% mà quần chúng không có ý kiến thắc mắc thì cứ để nguyên như thế, chờ Nghị quyết Hội nghị Trung ương về vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp sẽ hay, tạm thời không điều chỉnh lại nữa.

V- VỀ VIỆC PHÁT TRIỂN TỔ ĐỔI CÔNG VÀ HỢP TÁC XÃ

Nhiều nơi việc xây dựng hợp tác xã đã có tác dụng đẩy mạnh phát triển tổ đổi công. Nhưng trái lại có nhiều nơi khác khi đi vào xây dựng hợp tác xã thì liền buông lơỉ tổ đổi công. Như thế là sai. Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp nói

chung vẫn phải qua ba bước: tổ đổi công, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc thấp và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc cao. Vì vậy, muốn phát triển hợp tác xã bậc thấp vẫn phải chú trọng xây dựng tổ đổi công: đưa quần chúng nông dân cá thể vào tổ đổi công; không nhất thiết phải qua tổ đổi công từng vụ từng việc, mà có thể vào ngay tổ đổi công thường xuyên, và nếu quần chúng tự nguyện thì vào ngay tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm; tích cực đưa những tổ đổi công từng vụ từng việc lên tổ đổi công thường xuyên, đưa những tổ đổi công thường xuyên chưa bình công chấm điểm lên bình công chấm điểm, và đương nhiên có thể đưa tổ đổi công từng vụ từng việc lên thẳng tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm. Kinh nghiệm đã chỉ cho ta thấy rằng: tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm là bước thuận lợi nhất để tiến lên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc thấp.

Về việc phát triển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nơi nào đã có hợp tác xã và có thể phát triển được thêm thì căn cứ vào những điều kiện Trung ương đã đề ra mà tiếp tục xây dựng thêm những hợp tác xã mới. Xã nào chưa có hợp tác xã sản xuất nông nghiệp thì cần cố gắng tạo điều kiện để xây dựng được ít nhất một cái để làm cơ sở cho việc mở rộng và phát triển hợp tác xã trong thời gian sắp tới (không kể miền núi và những vùng ở miền xuôi nhưng có khó khăn, như vùng Công giáo mà cơ sở của ta còn yếu, v.v.). Đi đôi với việc phát triển hợp tác xã, phải chú ý đến việc *củng cố những hợp tác xã hiện có*.

Việc phát triển và củng cố tổ đổi công và hợp tác xã hiện nay muốn có kết quả tốt, cần phải kết hợp với công tác vận động sản xuất đồng - xuân, cụ thể là chống hạn, làm phân, cấy theo kỹ thuật mới và kịp thời vụ, v.v..

Còn những vấn đề khác như phương pháp xây dựng hợp tác xã, phát động tư tưởng quần chúng, củng cố các hợp tác xã hiện có, v.v. Ban Bí thư không nhắc lại trong Thông tri này; các địa phương cứ theo đúng tinh thần Chỉ thị số 118-CT/TW mà thi hành. Ngoài ra, Ban Công tác nông thôn Trung ương đã gửi các cấp bản kế hoạch hướng dẫn thi hành Chỉ thị số 118-CT/TW; các nơi cần nghiên cứu thêm bản kế hoạch đó để chấp hành cho đúng.

*
* *

Nhận được Thông tri này, các Tỉnh uỷ, Khu uỷ Khu tự trị và các Thành uỷ phải gấp rút nghiên cứu và định kế hoạch phổ biến và chấp hành cho thấu suốt đến tận cơ sở.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

ĐIỆN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 6, ngày 19-1-1959

**Gửi Liên khu uỷ V về vụ Mỹ – Diệm
đầu độc tại trại tập trung
Phú Lợi (Thủ Dầu Một - Nam Bộ)**

BBT¹⁾ điện các đc²⁾ biết mấy ý kiến chính về vụ Mỹ - Diệm đầu độc tại trại giam Phú Lợi như sau:

Ngày 1-12-1958, ở trại giam Phú Lợi, tỉnh Thủ Dầu Một, nay đổi tên là Bình Dương (Nam Bộ), Mỹ - Diệm đã đầu độc gần 6.000 tù chính trị bị chúng giam ở đây. Ngay trong ngày hôm ấy, sau khi bị đầu độc, hơn một nghìn người đã chết, tính mạng số còn lại nguy ngập. Trước cảnh chết, họ đã kiên quyết đấu tranh chống lại. Bọn Mỹ - Diệm cho xả súng bắn và đưa vòi rồng đến đàn áp làm chết thêm một số nữa. Đồng bào Nam Bộ đang mở cuộc đấu tranh rộng rãi phản đối vụ thảm sát dã man này. (Tài liệu cụ thể do Ban Thống nhất sẽ cung cấp thêm).

Đây là một vụ tàn sát hết sức dã man, một tội ác tày trời của đế quốc Mỹ và bè lũ Ngô Đình Diệm, nằm trong toàn bộ âm mưu khủng bố điên cuồng của chúng từ mấy năm nay đối

1) BBT: Ban Bí thư (B.T).

2) đc: đồng chí (B.T).

với đồng bào miền Nam đang anh dũng và bền bỉ đấu tranh cho sự nghiệp hoà bình và thống nhất của Tổ quốc;

Vụ thảm sát này gây nên một sự công phẫn cực độ trong mọi tầng lớp nhân dân Nam Bộ; dư luận ngoài nước cũng lên án, vạch trần âm mưu giết người của bọn Mỹ - Diệm (Báo *Hoà Bình trung lập* ngày 10-1-1959 ở Miên và báo *Tribune des nations*¹⁾ ngày 16-1-1959 ở Pháp đã đăng tin về vụ này).

Để phối hợp với cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam, Ban Bí thư quyết định *mở một đợt đấu tranh* mạnh mẽ, sâu rộng khắp miền Bắc, nhằm các yêu cầu sau đây:

1. Vạch trần chế độ độc tài tàn bạo dã man của Mỹ - Diệm, chặn bàn tay đầm máu của chúng. Nâng cao lòng căm thù và ý thức sâu sắc chống Mỹ - Diệm trong mọi tầng lớp nhân dân miền Bắc, đồng thời thúc đẩy mọi mặt công tác xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, trước mắt là thực hiện kế hoạch nhà nước 1959 và vụ đông - xuân thắng lợi vượt bậc. Tố cáo tội ác của Mỹ - Diệm, tranh thủ sự đồng tình của dư luận thế giới đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta, làm cho Mỹ - Diệm càng bị cô lập hơn nữa.

2. Làm áp lực thúc đẩy Ủy ban quốc tế phải có thái độ tích cực đối với vụ này, cũng như đối với các vụ khác mà ta đã tố cáo từ trước đến nay về việc chính quyền miền Nam vi phạm Điều 14 c của Hiệp nghị Giơnevơ.

3. Kết hợp với cuộc đấu tranh hưởng ứng bức Công hàm ngày 22 tháng 12 năm 1958 của Chính phủ ta gửi cho chính quyền miền Nam.

1) Tribune des nations: Diễn đàn các dân tộc (B.T).

Khẩu hiệu đấu tranh:

- Đả đảo chế độ khủng bố tàn sát dã man của Mỹ - Diệm đối với đồng bào miền Nam!

- Đả đảo Mỹ - Diệm đầu độc, gây vụ thảm sát trên một nghìn đồng bào yêu nước ở trại tập trung Phú Lợi!

- Giải tán các trại tập trung giết người ở miền Nam!

- Yêu cầu Ủy ban quốc tế cấp tốc mở cuộc điều tra về vụ thảm sát Phú Lợi!

- Nhiệt liệt hưởng ứng bức Công hàm ngày 22-12-1958 của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà gửi chính quyền miền Nam!

- Đế quốc Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam!

KU5¹⁾ tùy tình hình của khu, có những hình thức phối hợp với cuộc đấu tranh chung. Theo tình hình của khu, nên tuyên truyền giáo dục gây căm thù Mỹ - Diệm, gây dư luận bàn tán trong nhân dân, vạch trần tội ác của Mỹ - Diệm.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

1) KU5: Khu uỷ V (B.T).

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 188-TT/TW, ngày 19-1-1959

Về đấu tranh phản đối Mỹ - Diệm đầu độc, gây vụ thảm sát trên một nghìn đồng bào yêu nước ở trại tập trung Phú Lợi (Thủ Dầu Một - Nam Bộ)

Ngày 1-12-1958, ở trại giam Phú Lợi, tỉnh Thủ Dầu Một, nay đổi tên là Bình Dương (Nam Bộ), Mỹ - Diệm đã đầu độc gần 6.000 tù chính trị bị chúng giam ở đây. Ngay trong ngày hôm ấy, sau khi bị đầu độc, hơn một nghìn người đã chết, tính mạng số còn lại nguy ngập. Trước cảnh chết, họ đã kiên quyết đấu tranh chống lại. Bọn Mỹ - Diệm cho xả súng bắn và đưa vòi rồng đến đàn áp làm chết thêm một số nữa. Đồng bào Nam Bộ đang mở cuộc đấu tranh rộng rãi phản đối vụ thảm sát dã man này. (Tài liệu cụ thể do Ban Thống nhất sẽ cung cấp thêm).

Đây là một vụ tàn sát hết sức dã man, một tội ác tày trời của đế quốc Mỹ và bè lũ Ngô Đình Diệm, nằm trong toàn bộ âm mưu khủng bố điên cuồng của chúng từ mấy năm nay đối với đồng bào miền Nam đang anh dũng và bền bỉ đấu tranh cho sự nghiệp hoà bình và thống nhất của Tổ quốc.

Vụ thảm sát này gây nên một sự công phẫn cực độ trong mọi tầng lớp nhân dân Nam Bộ; dư luận ngoài nước cũng lên án, vạch trần âm mưu giết người của bọn Mỹ - Diệm (Báo *Hoà bình trung lập* ngày 10-1-1959 ở Miên và báo *Tribune des nations* ngày 16-1-1959 ở Pháp đã đăng tin về vụ này).

Để phối hợp với cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam, Ban Bí thư quyết định *mở một đợt đấu tranh* mạnh mẽ, sâu rộng khắp miền Bắc, nhằm các yêu cầu sau đây:

1. Vạch trần chế độ độc tài tàn bạo dã man của Mỹ - Diệm, chặn bàn tay đẫm máu của chúng. Nâng cao lòng căm thù và ý thức sâu sắc chống Mỹ - Diệm trong mọi tầng lớp nhân dân miền Bắc, đồng thời thúc đẩy mọi mặt công tác xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, trước mắt là thực hiện kế hoạch nhà nước 1959 và vụ đông - xuân thắng lợi vượt bậc. Tố cáo tội ác của Mỹ - Diệm, tranh thủ sự đồng tình của dư luận thế giới đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta, làm cho Mỹ - Diệm càng bị cô lập hơn nữa.

2. Làm áp lực thúc đẩy Ủy ban quốc tế phải có thái độ tích cực đối với vụ này, cũng như đối với các vụ khác mà ta đã tố cáo từ trước đến nay về việc chính quyền miền Nam vi phạm Điều 14c của Hiệp nghị Giơnevơ.

3. Kết hợp với cuộc đấu tranh hưởng ứng bức Công hàm ngày 22 tháng 12 năm 1958 của Chính phủ ta gửi cho chính quyền miền Nam.

Đợt đấu tranh này là tiếp theo tinh thần Thông tri số 185-TT/TW ngày 24-12-1958 của Ban Bí thư.

Hình thức đấu tranh: về mặt pháp lý, Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam gửi thư cho Ủy ban quốc tế để tố cáo và đòi cấp tốc mở cuộc điều tra. Sau đó mở một cuộc

vận động quần chúng rộng rãi và đấu tranh mạnh mẽ trong một thời gian trên toàn miền Bắc, tuyên truyền sâu rộng vào Nam và ra ngoài nước, vạch trần chế độ giết người của Mỹ - Diệm ở miền Nam.

Sơ bộ có một số việc phải làm như sau:

- Thành lập một Ủy ban đấu tranh ở miền Bắc chống vụ thảm sát ở Phú Lợi.

- Ngoài việc Mặt trận Tổ quốc, các chính đảng, các đoàn thể trong Mặt trận, Hội Luật gia Việt Nam, Hội Hồng thập tự Việt Nam, Ủy ban bảo vệ hoà bình thế giới của Việt Nam và Ủy ban đoàn kết Á - Phi, các tôn giáo, v.v. ra tuyên bố và kiến nghị ủng hộ bức thư của Bộ Tổng tư lệnh, cần có những hình thức biểu thị thái độ một cách mạnh mẽ và sâu rộng như sau:

+ Mít tinh và biểu tình tuần hành ở Hà Nội và các địa phương, nhất là các thành phố Hải Phòng, Nam Định, các thị xã, thị trấn lớn, khu vực Vĩnh Linh.

+ Mít tinh ở các khu phố, xí nghiệp, công trường, nông trường, đơn vị quân đội, trường học, tập đoàn sản xuất miền Nam; ở nông thôn thì có thể phổ biến và lấy kiến nghị trong các tổ đổi công, hợp tác xã, các buổi làm việc, sinh hoạt của đồng bào trong thôn xóm, không để ảnh hưởng đến sản xuất. Vận động các nhà thờ, đình, chùa, thánh thất ở các thành phố làm lễ cầu hồn, nêu cao căm thù Mỹ - Diệm.

+ Báo chí và đài phát thanh trong một thời gian phải có những bài sắc bén vạch tội ác Mỹ - Diệm, phản ánh đầy đủ phong trào đấu tranh của đồng bào ở miền Bắc và miền Nam, kêu gọi đồng bào ngoài nước và dư luận nước ngoài đối với vấn đề này.

+ Về mặt quốc tế, ngoài các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, cần tranh thủ rất rộng rãi dư luận các nước Á - Phi hưởng ứng cuộc đấu tranh của nhân dân ta.

+ Về nội dung tuyên truyền, giáo dục và vận động đấu tranh, cần *đề phòng và khắc phục những nhận định lệch lạc, những tư tưởng nôn nóng nhất thời, hoặc bị quan* trước âm mưu thâm độc của Mỹ - Diệm.

Khẩu hiệu đấu tranh:

- Đả đảo chế độ khủng bố tàn sát dã man của Mỹ - Diệm đối với đồng bào miền Nam!

- Đả đảo Mỹ - Diệm đầu độc, gây vụ thảm sát trên một nghìn đồng bào yêu nước ở trại tập trung Phú Lợi!

- Giải tán các trại tập trung giết người ở miền Nam!

- Yêu cầu Ủy ban quốc tế cấp tốc mở cuộc điều tra về vụ thảm sát Phú Lợi!

- Tích cực xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội làm cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

- Nhiệt liệt hưởng ứng bức Công hàm ngày 22-12-1958 của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà gửi chính quyền miền Nam.

- Đế quốc Mỹ cút khỏi miền Nam Việt Nam!

Các cấp uỷ cần nhận rõ ý nghĩa chính trị rất quan trọng của cuộc đấu tranh này, đặt kế hoạch thích hợp thực hiện trong địa phương mình.

Ban Liên hiệp đình chiến và Ban Thống nhất Trung ương cùng các cơ quan, đoàn thể có liên quan đặt kế hoạch cụ thể hướng dẫn việc thực hiện Thông tri này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 190-TT/TW, ngày 21-1-1959

Về số lượng uỷ viên chấp hành các cấp khu, thành, tỉnh, huyện, thị

Chỉ thị 112 của Trung ương quy định: số lượng uỷ viên chấp hành mỗi cấp sẽ do hội nghị toàn đảng bộ mỗi cấp căn cứ vào nhu cầu công tác, điều kiện cán bộ của địa phương và căn cứ vào quy định chung của cấp trên mà quyết định... Đối với các tỉnh, thành vùng đồng bằng, số lượng uỷ viên chấp hành nên từ 17 đến 21 chính thức, đặc biệt một số tỉnh lớn, như Thanh Hoá, Nghệ An, Thái Bình có thể trên dưới 25 uỷ viên chính thức. Đối với các tỉnh miền núi, số uỷ viên chấp hành nên từ 13 đến 17 chính thức. Các khu Việt Bắc, Tây Bắc, Hồng Quảng cũng tương tự như các tỉnh, thành. Đối với cấp huyện, số lượng trong mỗi cấp uỷ nên từ 13 đến 15 chính thức ở vùng đồng bằng, từ 9 đến 13 chính thức ở miền núi. Các thị uỷ vùng đồng bằng hoặc miền núi, có thể từ 3 đến 7 uỷ viên chính thức. Trong khi chuẩn bị hội nghị toàn đảng bộ, các địa phương có đề nghị tăng thêm số uỷ viên chấp hành chính thức cho các cấp; có những nơi hoàn cảnh tương tự như nhau lại đề nghị số lượng chênh lệch nhau quá nhiều.

Nay Trung ương quy định cụ thể thêm như sau:

1. Đối với các tỉnh uỷ vùng đồng bằng:
 - Loại tỉnh lớn, từ 60 vạn đến trên 1 triệu dân, như Hà Tĩnh, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Đông, Nam Định, Thái Bình, Nghệ An, Thanh Hoá: từ 23 đến 31 tỉnh uỷ viên chính thức.
 - Loại tỉnh trung bình, từ 40 đến trên 50 vạn dân như Ninh Bình, Phú Thọ, Hà Nam, Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc: từ 19 đến 25 tỉnh uỷ viên chính thức.
 - Loại tỉnh nhỏ, từ 26 đến trên 30 vạn dân, như Quảng Bình, Sơn Tây, Kiến An: từ 17 đến 21 tỉnh uỷ viên chính thức.
 2. Đối với các tỉnh uỷ miền núi:
 - Loại tỉnh lớn, từ 17 đến 24 vạn dân, như Hà Giang, Hoà Bình, Lạng Sơn, Cao Bằng: từ 19 đến 23 tỉnh uỷ viên chính thức.
 - Loại tỉnh trung bình, từ 11 đến trên 13 vạn dân như Tuyên Quang, Yên Bái, Hải Ninh, Thái Nguyên: từ 17 đến 21 tỉnh uỷ viên chính thức.
 - Loại tỉnh nhỏ, từ 7 đến 8 vạn dân, như Bắc Cạn, Lào Cai: từ 15 đến 19 tỉnh uỷ viên chính thức.
 3. Đối với các khu Hồng Quảng, Tây Bắc, Việt Bắc: từ 17 đến 23 khu uỷ viên chính thức.
 4. Đối với các Thành uỷ Hà Nội, Hải Phòng: từ 19 đến 25 thành uỷ viên chính thức.
 5. Đối với các huyện uỷ:
 - Huyện vùng đồng bằng, nên từ 13 đến 17 huyện uỷ viên chính thức; những huyện lớn có thể nhiều nhất là 19;
 - Huyện miền núi: từ 9 đến 13 huyện uỷ viên chính thức.
 6. Đối với các thị uỷ:
 - Thị uỷ vùng đồng bằng hoặc miền núi từ 3 đến 9 uỷ viên chính thức; những thị uỷ lớn có thể đến 11 thị uỷ viên.
- Các cấp cần căn cứ vào nhu cầu công tác (khối lượng công

tác, đơn vị lãnh đạo, tính chất quan trọng) và điều kiện cán bộ mà dự kiến số lượng số uỷ viên trong mỗi cấp để đưa ra hội nghị toàn đảng bộ quyết định. Nói chung số lượng không nên quá mức quy định trên đây; nơi nào vì tình hình đặc biệt nào đó không thể có đủ số uỷ viên như đã quy định chung như trên thì có thể quy định ít hơn.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 192-TT/TW, ngày 24-1-1959

Về việc bổ sung Thông tri số 188-TT/TW ngày 19-1-1959

Trong những ngày vừa qua, thực hiện chủ trương của Trung ương, phong trào đấu tranh chống vụ đầu độc và thảm sát ở trại tập trung Phú Lợi đã được phát động rộng rãi, sôi nổi. Lòng căm thù Mỹ - Diệm, chí khí phấn đấu của đảng viên, quần chúng đã được nâng lên, phong trào phát triển khá mạnh.

Đó là do bản chất cách mạng của nhân dân ta, do kết quả của công tác tư tưởng của Đảng. Một mặt khác, do hành động tối dã man tàn ác của Mỹ - Diệm kích động mạnh mẽ lòng yêu nước của đồng bào và gây nên một sức công phần cao độ; nên cuộc đấu tranh đã trở thành một phong trào chính trị rộng rãi, mạnh mẽ của các tầng lớp nhân dân.

Hiện nay phong trào ở các thành phố lớn đã lên cao và bắt đầu lan ra một số tỉnh. Chúng ta sẽ đưa phong trào đến đâu và phải làm gì để tiếp tục cuộc đấu tranh cho thật sâu rộng trong quần chúng?

Ban Bí thư có những điểm sau đây bổ sung Thông tri số 188-TT/TW ngày 19-1-1959:

1. Chúng ta tiếp tục đưa phong trào lên cao, và sau khi biểu dương ý chí căm thù cao độ, tinh thần đoàn kết và đấu tranh mạnh mẽ chống chế độ giết người của Mỹ - Diệm, *các cấp đảng bộ sẽ phát động một phong trào quần chúng rộng rãi, biến đau thương và căm thù thành hành động cụ thể, ra sức củng cố miền Bắc thành cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà*. Cụ thể như ở các xí nghiệp, hợp tác xã, tập đoàn, tổ đổi công, trường học, cơ quan, đơn vị bộ đội, v.v. cần tổ chức những cuộc hội họp bàn bạc với quần chúng xem phải làm gì để xây dựng đơn vị, cơ quan, xí nghiệp, v.v. mình tiến lên lấy thành tích báo thù vụ thảm sát Phú Lợi. Mở những đợt thi đua, những phong trào sản xuất, xây dựng, công tác, học tập, để trả thù Mỹ - Diệm gây ra vụ thảm sát Phú Lợi.

2. Ở nông thôn, cần có những cuộc họp báo cáo vụ thảm sát Phú Lợi, gây căm thù Mỹ - Diệm, giáo dục ý thức đấu tranh thống nhất nước nhà, ra sức xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Trước mắt là ra sức thực hiện vụ đông - xuân thắng lợi vượt bậc. Những cuộc họp này tránh hình thức, tránh làm thiệt hại đến công việc làm ăn của quần chúng, chú ý nội dung giáo dục tư tưởng là chủ yếu. Ở các vùng Công giáo cũng cần có những cuộc họp để tuyên truyền giáo dục quần chúng, gây căm thù đối với Mỹ - Diệm.

3. Trong công tác tuyên truyền, chú ý các điểm:

- Phải làm cho quần chúng nhận rõ kẻ thù của nhân dân ta đã gây ra biết bao tội ác đẫm máu ở miền Nam và ngăn cản sự nghiệp thống nhất của nhân dân ta là đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng là Ngô Đình Diệm, tránh tình trạng chỉ tuyên truyền chống Diệm mà nhẹ chống Mỹ, chỉ thấy tay sai, mà không thấy kẻ chủ mưu. Các cấp uỷ đảng căn cứ vào luận điểm của đồng chí Mao Trạch Đông về vấn đề đế quốc Mỹ và các phái phản động đều là con cọp giấy mà giáo dục

cho quần chúng tin tưởng vào sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà nhất định thắng lợi, nâng cao chí khí phấn đấu, khắc phục tư tưởng bi quan, sợ Mỹ.

- Khi đã nâng lòng căm thù của quần chúng lên cao, phải biến thành hành động cụ thể là xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

- Nhân dịp này, cần xây dựng tư tưởng, tăng cường đoàn kết Bắc - Nam hơn nữa.

- Mở rộng công tác tuyên truyền ra ngoài nước, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của dư luận thế giới, cô lập Mỹ - Diệm đến cực độ.

4. Trong khi phát động phong trào quần chúng đấu tranh, các cấp cần chú ý đề phòng âm mưu khiêu khích, gây hoang mang, phá hoại của địch.

5. Về việc quyên góp giúp đồng bào bị nạn trong vụ đầu độc thảm sát ở Phú Lợi, hiện nay ta không chủ trương tổ chức quyên góp vì thực tế không có cách gì gửi vào giúp đồng bào miền Nam. Song nếu do nhiệt tình của quần chúng tự động ủng hộ tiền, thuốc, thì Uỷ ban đấu tranh ở các địa phương cứ ghi danh sách của những người đó và giải thích cho họ khi nào có điều kiện gửi, sẽ thu sau.

Uỷ ban Trung ương đấu tranh chống vụ thảm sát ở Phú Lợi cần có thông cáo giải thích về vấn đề này.

Các cấp uỷ đảng phổ biến rộng rãi Thông tri này. Ban Liên hiệp đình chiến, Ban Thống nhất Trung ương cùng các cơ quan đoàn thể có trách nhiệm đặt kế hoạch cụ thể hướng dẫn việc thực hiện Thông tri này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 125-CT/TW, ngày 30-1-1959

Về việc chấn chỉnh công tác giáo dục chính trị trong nhà trường phổ thông (cấp II và cấp III)

I

Trong kháng chiến, tính chất chính trị của nhà trường phổ thông thể hiện khá rõ rệt. Nhất là từ sau cuộc cải cách giáo dục năm 1950, mục tiêu chính trị của nhà trường đã được xác định rõ ràng là đào tạo thanh niên thành những người có văn hoá, yêu nước, yêu lao động để phục vụ nhân dân, phục vụ kháng chiến, phục vụ sản xuất. Do đó, nhà trường đã gắn liền với thực tế sản xuất và kháng chiến và nói chung đã đạt được kết quả tốt trong việc giáo dục tư tưởng và tình cảm cho học sinh.

Nhưng sau khi hoà bình được lập lại, trong những năm 1955, 1956, 1957 và nửa đầu năm 1958, nhà trường phổ thông đã không phát huy được truyền thống tốt đẹp đó, đã có xu hướng thoát ly thực tế lao động sản xuất và đấu tranh chính trị, cho nên chất lượng chính trị của học sinh nói chung có sút kém. Sở dĩ như thế là vì công tác giáo dục chính trị ở

nhà trường phổ thông trong thời gian qua đã mắc phải những *khuyết điểm* chủ yếu như sau:

1. *Chưa nâng cao đúng mức việc giáo dục tư tưởng chính trị trong nhà trường và đã quá thiên về mặt đơn thuần giảng dạy văn hoá*

Đó là khuyết điểm bao trùm trong công tác giáo dục chính trị ở nhà trường phổ thông từ khi hoà bình được lập lại đến nay. Trong những năm 1955, 1956, 1957, với những lệch lạc trong tư tưởng chính quy hoá và trong quan điểm làm cho nhà trường phổ thông của ta có đầy đủ những "tiêu chuẩn quốc tế", các cơ quan lãnh đạo giáo dục các cấp đã coi nhẹ công tác giáo dục chính trị ở nhà trường, giáo viên chỉ lo việc giảng dạy văn hoá, học sinh đã đơn thuần học tập văn hoá, nhà trường đã quá dè dặt trong việc huy động học sinh tham gia lao động, tham gia đấu tranh chính trị trong chừng mực cần thiết. Khuyết điểm này đang bắt đầu được sửa chữa.

2. *Còn nặng tính chất giáo điều trong việc giảng dạy chính trị*

Nội dung chương trình chính trị còn tách rời thực tiễn, quá nặng về mặt dạy lý luận, mà nhẹ về mặt giáo dục tư tưởng yêu nước xã hội chủ nghĩa và ý thức lao động xã hội chủ nghĩa cho học sinh. Điều đó đã thể hiện rõ trong các sách giáo khoa về chính trị.

Phương pháp giảng dạy chính trị còn nhồi sọ nhiều, chưa chú ý theo dõi tình hình tư tưởng của học sinh và giải quyết thắc mắc cho học sinh. Học sinh cũng học tập chính trị một cách giáo điều, cốt học thuộc lòng để có nhiều điểm.

3. *Thiếu một đội ngũ giáo viên chuyên trách giảng dạy chính trị*

Tất cả các môn học trong nhà trường đều có giáo viên được đào tạo để chuyên trách; riêng môn chính trị thì thường

ai dạy cũng được, rất ít giáo viên được đào tạo để chuyên trách. Việc phân công giảng dạy chính trị thường có tính cách chấp vá, gán ghép, cho nên chất lượng chính trị và thái độ giảng dạy của một số giáo viên chính trị không được tốt.

4. *Thiếu tập trung và phối hợp trong việc giáo dục tư tưởng, chính trị cho học sinh*

Khuyết điểm này thể hiện ở chỗ thiếu tập trung vào cơ quan lãnh đạo của nhà trường; thiếu phối hợp giữa các môn, giữa các hoạt động của học sinh và giữa các tổ chức cùng có nhiệm vụ giáo dục tư tưởng cho học sinh: giáo dục, tuyên huấn và thanh vận.

Việc giáo dục chính trị trong nhà trường phổ thông còn có nhiều khuyết điểm và chưa đạt được yêu cầu giáo dục tư tưởng cho học sinh là do mấy *nguyên nhân chủ yếu* dưới đây:

1- Vì chưa thấu suốt nhiệm vụ của nhà trường phổ thông trong việc giáo dục chính trị, chưa xác định được mục đích, yêu cầu thiết thực và cụ thể cho môn chính trị, chưa thấy rõ vị trí quan trọng của môn chính trị, cho nên các cơ quan lãnh đạo giáo dục các cấp, nhà trường, các giáo viên chính trị và các giáo viên khác, đều coi nhẹ công tác giáo dục chính trị ở trường phổ thông.

2- Việc lãnh đạo của các cấp uỷ đảng đối với nhà trường chưa được tăng cường. Các cấp uỷ địa phương chưa thật sự nắm vững lãnh đạo nhà trường và chưa chú ý lãnh đạo việc giáo dục chính trị trong nhà trường. Bản thân chi bộ nhà trường cũng coi nhẹ công tác đó.

3- Ngoài ra, ta phải thấy ảnh hưởng tai hại của bọn Nhân văn - Giai phẩm - Đất mới. Trong những năm 1956, 1957, bọn này đã tiến công chế độ ta và nhà trường của ta,

cho nên những nọc độc tư tưởng của chúng đã thâm nhập vào nhà trường, làm cho những tư tưởng xấu của một số giáo viên và học sinh đã trở dậy và gây nhiều khó khăn trong việc giáo dục chính trị.

II

Căn cứ vào tình hình trên đây và yêu cầu của giai đoạn mới của cách mạng, cần phải chấn chỉnh công tác giáo dục chính trị trong nhà trường phổ thông theo những phương hướng sau đây:

1. *Phải thấy rõ vị trí quan trọng của môn chính trị trong trường phổ thông*

Muốn làm cho nhà trường có chuyển biến tốt về chính trị và học sinh có chuyển biến tốt về tư tưởng thì không thể không đem trường học thực sự gắn liền với thực tiễn sản xuất và đấu tranh, không thể không tăng cường việc giảng dạy chính trị, giảng dạy về thời sự, chính sách, không thể không coi trọng môn chính trị.

Nói thế không có nghĩa là giờ lao động, giờ chính trị sẽ lấn át giờ văn hoá. Chúng ta phải nhận rõ nhà trường đây là nhà trường phổ thông, đối tượng giáo dục đây là học sinh, cho nên đối với học sinh thì học tập văn hoá ở trường vẫn là chính, học chính trị và tham gia lao động cũng là để phục vụ cho việc học văn hoá được tốt, để cho học sinh thấy rõ vì ai mà học, học để làm gì, học như thế nào cho có kết quả tốt. Chúng ta cần phải tránh đi từ cái lệch lạc này sang cái lệch lạc khác: khi thì chỉ chú trọng học tập văn hoá đơn thuần mà sao lãng việc học tập chính trị và tham gia lao động; khi thì

vì học tập chính trị và tham gia lao động mà không bảo đảm thực hiện chương trình giảng dạy về văn hoá.

Tăng cường giáo dục chính trị có nghĩa là các cấp uỷ đảng và các cấp giáo dục phải coi trọng công tác đó, phải tăng cường lãnh đạo và lãnh đạo tốt công tác đó; các giáo viên chính trị phải thấy rõ trách nhiệm của mình, phải thấy rõ tầm quan trọng và mục đích, yêu cầu của môn mình phụ trách, các giáo viên các bộ môn khác cũng phải cố gắng thể hiện việc giáo dục tư tưởng chính trị trong bộ môn của mình và phải có ý thức phối hợp chặt chẽ với giáo viên chính trị trong việc giáo dục tư tưởng cho học sinh.

2. Phải xác định rõ mục đích, yêu cầu thiết thực và cụ thể cho môn chính trị

Xuất phát từ tình hình tư tưởng của học sinh, từ yêu cầu của cách mạng, cần phải xác định mục đích, yêu cầu của môn chính trị trong năm học 1958-1959 như sau:

a) Làm cho học sinh phân biệt được ranh giới giữa ta và địch, giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, nhận thức được chỗ khác nhau giữa lao động với bóc lột, giữa chủ nghĩa tập thể với chủ nghĩa cá nhân. Đồng thời, làm cho học sinh biết yêu và ghét một cách đúng đắn, yêu mến Tổ quốc, căm ghét đế quốc xâm lược; yêu mến nhân dân lao động, căm ghét bọn bóc lột ăn bám; yêu mến chủ nghĩa xã hội, căm ghét chủ nghĩa tư bản; yêu mến hoà bình, căm ghét chiến tranh.

b) Nâng cao lòng tin tưởng của học sinh vào tương lai của Tổ quốc, vào tiền đồ của dân tộc, vào thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa; nâng cao lòng tin tưởng ở chế độ, ở nhân dân, ở sự lãnh đạo của Đảng, ở phe xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu; nâng cao tinh thần yêu nước và tinh thần quốc tế vô sản. Đồng thời, bồi dưỡng cho học sinh tinh thần tự giác

phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa và kiên quyết đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà; không những để cho học sinh sau này trở thành người lao động tốt xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mà ngay từ bây giờ học sinh phải có ý thức và thái độ học tập đúng đắn, có tinh thần hăng hái tham gia lao động sản xuất và các công tác xã hội.

3. Phải đề ra phương châm và phương pháp giáo dục thích hợp

Để đạt được mục đích yêu cầu trên đây, việc giảng dạy chính trị cần được tiến hành theo những phương châm như sau:

a) Lấy học tập chính trị và tham gia lao động sản xuất làm cơ sở để giáo dục tư tưởng cho học sinh.

b) Liên hệ chặt chẽ nội dung giảng dạy và học tập với thực tế xã hội, kết hợp lý luận với thực tiễn.

c) Phê phán mặt tiêu cực, phát huy mặt tích cực, bồi dưỡng những yếu tố tiến bộ, động viên tinh thần tự nguyện, tự giác của học sinh.

Về *phương pháp giảng dạy* cần phân biệt đối tượng học sinh khác với đối tượng cán bộ. Cho nên, cần chú ý thực hiện những điều dưới đây:

a) Giảng ở lớp là chính.

b) Chỉ thảo luận ở lớp khi cần thiết và dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên và chỉ thảo luận ở cấp III.

c) Tổ chức cho học sinh đi tham quan và nghe báo cáo tình hình thực tế.

d) Giải đáp thắc mắc và kiểm tra bài học.

4. Phải quy định nội dung chương trình chính trị cho sát

Căn cứ vào yêu cầu của cách mạng hiện nay, để thực hiện mục đích, yêu cầu của môn chính trị đã nêu ra ở trên, cần quy định nội dung giảng dạy chính trị ở các trường phổ

thông cấp II và cấp III, riêng cho năm học 1958-1959 là như sau:

- 1- Tình hình cách mạng Việt Nam.
- 2- Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
- 3- Cuộc đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà.
- 4- Cuộc đấu tranh để bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.
- 5- Đảng và Đoàn.

Nội dung trên đây cần phải được giảng dạy một cách đơn giản, dễ hiểu và có mức độ khác nhau đối với các lớp.

Đối với lớp 5, lớp 6. - Học sinh lớp 5 và lớp 6, tuổi còn nhỏ, thường thường chỉ từ 11 đến 13, 14 tuổi, cho nên biện pháp thích hợp với lứa tuổi đó là dùng hình thức nói chuyện một cách dễ hiểu về thời sự, chính sách. Vì là những vấn đề thời sự cho nên không thể quy định một chương trình cụ thể và dứt khoát được, nhưng nội dung những vấn đề ấy vẫn phải nhằm sát năm vấn đề đã nêu ở trên.

Đối với các lớp 7, 8, 9, 10. - Học sinh các lớp này tương đối đã lớn tuổi hơn, cho nên có thể dùng hình thức giảng bài. Vì thế cần phải quy định một chương trình chính trị cụ thể, dứt khoát và thống nhất cho toàn miền Bắc, kèm theo có một số vấn đề phụ lục cho miền núi và cho thành thị. Tuy chương trình bốn lớp đó giống nhau, nhưng mức độ giảng phải khác nhau, có thể chia làm hai loại: lớp 7 và lớp 8 một loại, lớp 9 và lớp 10 một loại. Loại sau cao hơn loại trước.

III

Để tiến hành tốt việc giáo dục chính trị trong nhà trường phổ thông, cần phải có một số biện pháp cấp bách sau đây:

1. Các cấp uỷ đảng phải

- Tăng cường lãnh đạo nhà trường phổ thông, đặc biệt chú ý lãnh đạo công tác giáo dục chính trị;

- Cử cán bộ tuyên huấn đến báo cáo về thời sự, chính sách cho giáo viên và học sinh các trường cấp II và cấp III, mỗi tháng 1 buổi;

- Chú ý bồi dưỡng cho giáo viên chính trị ở địa phương.

2. *Đảng đoàn Bộ Giáo dục* phải có một bộ phận phụ trách về công tác giáo dục chính trị ở nhà trường phổ thông để xúc tiến ngay những việc sau đây:

- Xây dựng chương trình chính trị cụ thể cho năm học 1958-1959;

- Đào tạo giáo viên chuyên trách việc giảng dạy chính trị;

- Soạn đề cương và hướng dẫn việc giảng dạy cho tốt;

- Soạn tài liệu học tập cho học sinh;

- Chuẩn bị nghiên cứu chương trình chính trị lâu dài cho những năm tới;

- Nghiên cứu ngay một chế độ nghĩa vụ lao động cho học sinh trường phổ thông từ lớp 7 trở lên.

3. *Các cán bộ đảng phụ trách giáo dục các cấp* phải được phân công để trực tiếp lãnh đạo công tác giáo dục chính trị và chịu trách nhiệm trước Đảng về công tác đó.

4. *Các cán bộ đảng phụ trách Đoàn Thanh niên các cấp* phải thấy rõ trách nhiệm của mình và có ý thức phối hợp chặt chẽ trong công tác giáo dục chính trị, phải củng cố chi đoàn nhà trường để làm chỗ dựa vững chắc của Đảng trong việc giáo dục tư tưởng chính trị cho học sinh.

*

* *

Công tác giáo dục chính trị trong nhà trường phổ thông có một tầm quan trọng lớn lao; nó là một bộ phận công tác trong cuộc cách mạng tư tưởng mà hiện nay Đảng đang tiến hành. Mặt khác, nhà trường phổ thông là một lực lượng to lớn, có tổ chức, cho nên Đảng phải chú ý bồi dưỡng lực lượng đó, làm cho thanh niên học sinh trở thành những người lao động yêu nước, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có văn hoá, có sức khoẻ, có đạo đức, những người công dân tốt tích cực xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Những phương hướng chấn chỉnh công tác giáo dục chính trị nêu ra trên đây thể hiện một bước chuyển biến mới trong công tác giáo dục chính trị ở nhà trường phổ thông. Các cấp uỷ đảng, các cán bộ đảng trong ngành giáo dục và Đoàn Thanh niên phải thấm nhuần ý nghĩa quan trọng của công tác đó và nắm vững phương hướng chấn chỉnh công tác đó để tiến hành tốt việc xây dựng tinh thần yêu nước và ý thức xã hội chủ nghĩa cho học sinh, làm cho tư tưởng và tình cảm của học sinh chuyển biến kịp với đà tiến triển của cách mạng và ăn nhịp với phong trào giáo dục xã hội chủ nghĩa trong toàn dân ta ở miền Bắc hiện nay.

BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 194-TT/TW, ngày 31-1-1959

Về việc phải đặc biệt chú trọng giải quyết vấn đề thiếu ăn ở một vài nơi trong nông thôn hiện nay

Do vụ mùa năm 1958 thắng lợi lớn, cho nên nói chung đời sống của nông dân lao động có được cải thiện thêm, nạn đói giáp hạt thường niên ở nhiều nơi căn bản đã được giải quyết. Kết quả ấy đã có ảnh hưởng tốt tới các mặt công tác ở nông thôn, nhất là đối với phong trào hợp tác sản xuất trong vụ đông - xuân.

Song ở một số địa phương, vì vụ chiêm năm 1958 thu hoạch kém, vụ mùa vừa qua lại không đạt mức kế hoạch, cho nên hiện đã có những gia đình nông dân lao động gần hết lương ăn, một số gia đình đã thiếu ăn. Riêng ở Vĩnh Linh, Hà Tĩnh và một số huyện ở Nghệ An, Quảng Bình có nhiều gia đình đã phải ăn bột bữa, ăn cháo, ăn rau trừ bữa; có gia đình đã bán gần hết những đồ dùng cần thiết trong gia đình; nhiều gia đình không đảm bảo được kế hoạch sản xuất; có gia đình xin ra khỏi hợp tác xã để đi kiếm ăn; có nơi xảy ra trộm cắp, v.v..

Tình hình nói trên tuy đã được các cấp uỷ đảng chú ý giải quyết, nhưng chưa được đặc biệt coi trọng. Nếu không giải

quyết thật khẩn trương và triệt để thì trong những tháng tới tình hình đó có thể lan rộng thêm và sẽ dẫn tới những kết quả không tốt về các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, v.v..

Vì vậy, Ban Bí thư nhắc các cấp uỷ đảng phải đặc biệt chú trọng giải quyết vấn đề thiếu ăn của quần chúng hơn nữa, phải tích cực giải quyết theo những phương hướng chính như sau:

1. Tích cực đẩy mạnh cuộc vận động sản xuất và tiết kiệm, đặc biệt chú ý vận động trồng thêm màu ngắn ngày và trồng rau; vận động quần chúng tiết kiệm trong những ngày Tết.

2. Vận động nông dân giúp đỡ lẫn nhau, chú ý giải quyết tư tưởng "giữ thóc không muốn cho vay, sợ mang tiếng bóc lột" của những phú nông và trung nông thừa thóc. Phải kiên trì giải thích, thuyết phục những người thừa thóc cho những người thiếu ăn vay; nhưng tránh mệnh lệnh, cưỡng ép, gây ra căng thẳng ở nông thôn. Nơi nào việc tương trợ trong nhân dân không thể giải quyết được tình trạng thiếu thốn thì Nhà nước có thể cho vay thêm một số thóc, làm cho mỗi gia đình thiếu ăn có đủ một số lương thực tối thiểu để đảm bảo sức khoẻ, đảm bảo sản xuất.

3. Ở những nơi việc sản xuất nông nghiệp đã thực hiện được kế hoạch diện tích trồng cấy, một mặt phải tích cực vận động quần chúng chăm bón, nhưng đồng thời phải tạo mọi điều kiện cho quần chúng có thêm công việc làm để tăng thu nhập cho mỗi gia đình, như: làm nghề thủ công, khai thác lâm thổ sản, làm thuỷ lợi, tham gia xây dựng cơ bản, v.v..

4. Cơ quan thương nghiệp ở các địa phương phải đặc biệt chú trọng việc thu mua và giữ vững giá cả, không để cho bọn đầu cơ lợi dụng để mua rẻ bán đắt đối với quần chúng.

Giải quyết vấn đề thiếu ăn ở một số địa phương hiện nay

là một vấn đề bức thiết trước mắt, các cấp uỷ đảng phải đặc biệt coi trọng. Khi tiến hành các biện pháp nói trên, phải tích cực nhưng không tuyên truyền rầm rộ, gây tâm lý bi quan trong nhân dân.

Các cấp uỷ đảng phải kiểm tra lại tình hình, căn cứ vào thực tế của địa phương mình mà thi hành Thông tri này và báo cáo kết quả cho Trung ương biết.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 61-NQ/TW, ngày 2-2-1959

Về phát động công nhân, viên chức cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh, đẩy mạnh sản xuất

Nghị quyết về cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp của Hội nghị cán bộ quản lý xí nghiệp do Trung ương triệu tập tháng 10-1957 đã được Ban Bí thư thông qua. Tháng 10-1958, Bộ Chính trị đã chủ trương mở cuộc "phát động công nhân, viên chức cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh, đẩy mạnh sản xuất". Trong khi thực hiện thí điểm cuộc phát động, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 116-CT/TW về việc tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng đối với cuộc phát động. Đến nay đã tiến hành xong bước 1 ở các thí điểm. Bộ Chính trị chính thức ra Quyết nghị này để các cấp uỷ đảng địa phương tiến hành mở rộng cuộc phát động.

I- Ý NGHĨA QUAN TRỌNG CỦA CUỘC PHÁT ĐỘNG

Từ lúc hoà bình được lập lại, miền Bắc đã bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội; nhiệm vụ cơ bản của chúng ta là phải đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm trước mắt là đẩy mạnh việc cải tạo xã hội chủ

nghĩa, đồng thời phải củng cố thành phần kinh tế quốc doanh là lực lượng lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Nhìn lại ba năm khôi phục kinh tế và một năm đầu của kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân, về mặt công nghiệp chúng ta đã thu được những kết quả to lớn. Các xí nghiệp công nghiệp cũ hầu hết đã được khôi phục và bổ sung thiết bị; nhiều xí nghiệp mới được xây dựng, cơ sở công nghiệp hiện đại ngày càng tăng; các đường giao thông vận tải, cảng cũ được khôi phục và mở mang thêm; những nông trường mới được xây dựng và thiết bị một phần bằng máy móc nông nghiệp. Thành tích đó làm cho thành phần kinh tế quốc doanh, cơ sở của chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã xuất hiện và ngày càng phát triển, góp phần tích cực vào công cuộc khôi phục kinh tế và đang dần dần phát huy tác dụng lãnh đạo trong nền kinh tế quốc dân. Đi đôi với đà khôi phục và phát triển xí nghiệp quốc doanh, giai cấp công nhân ta ngày thêm lớn mạnh; cán bộ ta vốn chưa biết quản lý công nghiệp, quản lý xí nghiệp, qua mấy năm phấn đấu và vừa làm vừa học, trình độ quản lý đã dần dần được nâng cao; công tác quản lý sản xuất và xây dựng cơ bản đã bước vào kế hoạch và đang đi vào thực hiện hạch toán kinh tế.

Trong mấy tháng gần đây, do ảnh hưởng của phong trào tăng gia sản xuất trong nông nghiệp, ảnh hưởng của những thành tích to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là ảnh hưởng những bước tiến khổng lồ của Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản và ảnh hưởng của phong trào nhảy vọt của Trung Quốc, và do sự chú ý lãnh đạo cùng chủ trương phát động công nhân, viên chức cải tiến quản lý xí nghiệp của Trung ương, cho nên tình hình sản xuất ở các xí nghiệp quốc doanh và tình hình xây dựng cơ bản có nhiều

chuyển biến tốt; nhiều đơn vị đã hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1959.

Thành tích trên đây là do tinh thần phấn khởi cách mạng và lao động sáng tạo của giai cấp công nhân sau khi miền Bắc được giải phóng, do tinh thần tích cực cố gắng của cán bộ, đảng viên, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và nhờ sự giúp đỡ khảng khái của Liên Xô, Trung Quốc và các nước anh em khác. Thành tích ấy đã nói lên tính chất ưu việt của chế độ miền Bắc nước ta, góp phần xứng đáng trong công cuộc củng cố miền Bắc và đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà.

Nhưng bên cạnh thành tích ấy, trong mấy năm qua trong công tác quản lý sản xuất và xây dựng, chúng ta còn phạm nhiều khuyết điểm. Kế hoạch sản lượng có nơi không đạt được; chất lượng sản phẩm không đảm bảo; nhiều mặt hàng quan trọng phẩm chất bị sút kém, ảnh hưởng đến tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; công tác cung cấp và tiêu thụ thường không ổn định; tình trạng lãng phí tham ô khá nghiêm trọng; hiện tượng làm ẩu còn nhiều; tỷ lệ nhân viên không trực tiếp sản xuất trong các xí nghiệp còn cao; kỷ luật lao động trong một số xí nghiệp còn lỏng lẻo; nhiều nơi sử dụng thiết bị không tốt, làm cho máy móc chóng hư hỏng, công suất của máy được sử dụng còn thấp, năng suất lao động bình quân còn thấp, giá thành sản phẩm và xây dựng còn cao; sáng kiến công nhân chưa được phát huy đầy đủ; tai nạn lao động vẫn hay xảy ra; tinh thần cảnh giác cách mạng không đầy đủ.

Những thiếu sót trên đây đã hạn chế thành tích của chúng ta, làm cho tốc độ phát triển sản xuất và xây dựng tăng chậm. Tình trạng ấy không phù hợp với yêu cầu đẩy

mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và trở ngại cho việc thực hiện nhiệm vụ phát triển thành phần kinh tế quốc doanh và nhiệm vụ thúc đẩy việc cải tạo xã hội chủ nghĩa, phục vụ kịp thời đà chuyển biến cách mạng mới hiện nay.

Sở dĩ có những thiếu sót ấy, một phần do ảnh hưởng của những khó khăn chung của nền kinh tế lạc hậu của nước ta và một phần do trình độ nghiệp vụ và kỹ thuật còn non kém của cán bộ và công nhân ta, nhưng chủ yếu là do những nguyên nhân căn bản sau đây:

1. Bản chất của xí nghiệp quốc doanh là xí nghiệp xã hội chủ nghĩa, công nhân là chủ xí nghiệp, nhưng trong tư tưởng lãnh đạo và trong công tác quản lý xí nghiệp, cán bộ ta từ các cơ quan phụ trách quản lý từ trung ương đến xí nghiệp còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng tư sản, tiểu tư sản và tàn tích của tư tưởng đế quốc và phong kiến, biểu hiện trên các mặt như dưới đây:

- Coi nhẹ sự lãnh đạo của tổ chức đảng ở xí nghiệp, xem thường việc lãnh đạo chính trị và công tác tư tưởng, chưa thực sự lấy công tác chính trị và tư tưởng làm động cơ thúc đẩy công tác kinh tế và công tác kỹ thuật, phát huy tính tích cực, óc sáng tạo của toàn thể đảng viên và công nhân, viên chức trong xí nghiệp. Còn mang nặng quan điểm kinh tế tài chính đơn thuần, kỹ thuật thuần túy, tư tưởng cá nhân chủ nghĩa.

- Chưa thực sự dựa vào giai cấp công nhân và thực hành lãnh đạo theo đường lối quần chúng, xem nhẹ tác dụng của các tổ chức quần chúng. Tư tưởng chủ quan, bảo thủ và tác phong quan liêu, mệnh lệnh, xa rời thực tế, xa rời quần chúng đã ảnh hưởng đến đoàn kết nội bộ và tinh thần hăng hái sản xuất của công nhân, viên chức.

2. Giai cấp công nhân ta bị đế quốc và phong kiến áp bức, bóc lột tàn tệ, rất tích cực cách mạng và anh dũng đấu tranh đánh đổ đế quốc và phong kiến, có nhiều khả năng sáng tạo và lao động cần cù trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thực tế cách mạng trong mấy chục năm nay ở nước ta đã chứng tỏ điều đó. Đó là mặt căn bản, mặt chủ yếu mà mọi tầng lớp nhân dân đều đã thừa nhận. Nhưng vì sống lâu ngày dưới ách thống trị của thực dân, phong kiến, cho nên về mặt tư tưởng một số quần chúng công nhân còn chịu ảnh hưởng của những tập quán và tư tưởng của chế độ cũ, như chưa nhận rõ trách nhiệm của một giai cấp lãnh đạo cách mạng, chưa nhận rõ vai trò làm chủ xí nghiệp, làm chủ Nhà nước; chưa nhận rõ quan hệ giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích của Nhà nước, chưa nhận rõ quan hệ giữa quyền lợi trước mắt với quyền lợi lâu dài, còn mang nặng tư tưởng cá nhân chủ nghĩa (so bì hưởng thụ, tiêu cực ...), trong nhận thức chưa phân rõ bản chất hoàn toàn khác nhau giữa hai chế độ: xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, chưa thấy rõ tính hơn hẳn của chế độ mới. Hơn nữa, theo đà phát triển của sản xuất và xây dựng từ khi hoà bình được lập lại, hàng ngũ giai cấp công nhân được mở rộng, các xí nghiệp đã thu hút thêm nhiều công nhân mới, xuất thân từ các giai cấp khác, họ mang theo ý thức tư tưởng của giai cấp xuất thân, làm cho trình độ chính trị và tư tưởng của giai cấp công nhân đã thấp lại thêm nhiều nhược điểm. Mặt khác, sự giáo dục của Đảng đối với giai cấp công nhân từ ngày hoà bình được lập lại tuy có tiến hành nhưng chậm chạp, chắp vá, chưa có hệ thống; ta chưa giáo dục những vấn đề chính trị cơ bản về thời kỳ quá độ và nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa cho công nhân, viên chức của ta. Điều đó làm cho trình độ của

giai cấp công nhân chậm được nâng cao, khả năng tham gia quản lý xí nghiệp bị hạn chế, nhận thức và tư tưởng của công nhân chưa chuyển biến kịp với nhiệm vụ cách mạng của giai đoạn mới.

Ngoài ra, trong xí nghiệp còn có một số ít phần tử xấu hoặc tay chân của địch lợi dụng trình độ lạc hậu của một số công nhân và khuyết điểm của cán bộ để tuyên truyền xuyên tạc chế độ ta, gây chia rẽ trong hàng ngũ giai cấp công nhân; có nơi chúng phá hoại sản xuất nhưng chúng ta chưa chú ý điều tra để tìm ra thủ phạm đang trùuợng trị thích đáng.

3. Về mặt tổ chức quản lý, các ngành trung ương không nắm vững đường lối lãnh đạo xí nghiệp của Đảng ta là lấy công tác chính trị làm gốc và công tác tư tưởng phải đi đầu, chỉ chú trọng nghiệp vụ và chuyên môn, cho nên các ngành đã hướng dẫn thi hành lệch lạc nhiệm vụ của tổ chức đảng ở xí nghiệp và công trường là chỉ lãnh đạo công tác chính trị và tư tưởng và giám đốc sản xuất, giám đốc xây dựng. Một số ngành hướng dẫn thi hành lệch lạc chế độ một trưởng xưởng như tập trung quyền vào trưởng xưởng quá cao, không phát huy dân chủ. Những lệch lạc ấy đã vô tình hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng ở xí nghiệp, đánh giá thấp vai trò của giai cấp công nhân và của các tổ chức quần chúng. Để bổ khuyết thiếu sót ấy, từ giữa năm 1957, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành Luật Công đoàn và Ban Bí thư đã thông qua Nghị quyết *Cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp* theo chế độ "dưới sự lãnh đạo của đảng uỷ, thủ trưởng phụ trách, công nhân tham gia quản lý xí nghiệp". Nhưng vì cán bộ chưa quán triệt nội dung chính trị và tư tưởng của hai vấn đề đó, vì tổ chức thực hiện không chu đáo và tư tưởng quần chúng chưa được phát

động, cho nên chỉ một số xí nghiệp bắt đầu thực hiện và đôi nơi thực hiện còn có tính chất hình thức.

Trong chỉ đạo quản lý xí nghiệp, một phần vì thiếu kinh nghiệm, nhưng chủ yếu là vì cán bộ ta chưa quán triệt đường lối dựa vào giai cấp công nhân của Đảng và Chính phủ, chưa thật sự đi đường lối quần chúng và không xuất phát từ tình hình thực tế của ta, cho nên đã áp dụng máy móc kinh nghiệm các nước ngoài; mặt khác lại đặt ra nhiều thể lệ, quy tắc quá phức tạp, chưa hoàn toàn thích hợp với tình hình thực tế của xí nghiệp, chưa kịp thời nghiên cứu để ban hành những thể lệ và chế độ cần thiết đối với công tác quản lý xí nghiệp, do đó đã ảnh hưởng một phần đến tốc độ phát triển sản xuất và xây dựng ở các xí nghiệp.

4. Sự lãnh đạo và chỉ đạo của Trung ương Đảng đối với công tác quản lý công nghiệp và quản lý xí nghiệp quốc doanh chưa thật sự được tăng cường. Đường lối dựa vào giai cấp công nhân trong quản lý công nghiệp và quản lý xí nghiệp, tuy Trung ương Đảng có đề ra từ đầu, nhưng chưa làm cho các cấp uỷ đảng và các ngành quản lý xí nghiệp thấu suốt; công tác giáo dục chính trị và nâng cao tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên và công nhân chưa được chú ý đúng mức, và chưa quy định kịp thời một số chính sách cụ thể để thực hiện đường lối ấy. Vai trò của tổ chức đảng ở xí nghiệp không được kịp thời nghiên cứu và xác định từ đầu, các tổ chức chính trị ở xí nghiệp không được kịp thời củng cố, chế độ quản lý về chính trị đề ra chậm và việc tổ chức thực hiện không được chu đáo. Các phong trào lớn ở xí nghiệp quốc doanh chỉ do từng ngành đề ra, chưa được Trung ương lãnh đạo thống nhất. Quan hệ trách nhiệm giữa các cấp uỷ đảng ở địa phương và các ngành chuyên môn ở trung ương không

được kịp thời quy định cụ thể, làm cho các cấp uỷ địa phương chưa thấy rõ trách nhiệm của mình để chú ý lãnh đạo các xí nghiệp ở địa phương mình.

Do tình hình trên đây, ta thấy rõ mâu thuẫn chủ yếu cần giải quyết trong công tác quản lý xí nghiệp quốc doanh hiện nay là *mâu thuẫn giữa yêu cầu không ngừng nâng cao sản xuất của xí nghiệp xã hội chủ nghĩa với trình độ tư tưởng, trình độ chính trị và trình độ tổ chức quản lý xí nghiệp còn thấp kém của cán bộ, đảng viên và công nhân, viên chức*. Đó là mâu thuẫn giữa bản chất xí nghiệp xã hội chủ nghĩa với những ảnh hưởng của những tư tưởng, tác phong của giai cấp tư sản, tiểu tư sản và tàn tích của tư tưởng đế quốc, phong kiến trong cán bộ, đảng viên và quần chúng công nhân, viên chức. Đó cũng là mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa cá nhân trong công tác quản lý xí nghiệp quốc doanh.

Để giải quyết mâu thuẫn trên đây; để củng cố và phát triển công nghiệp quốc doanh vững mạnh, xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội; để thực hiện Nghị quyết cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp và Chỉ thị về thi hành Luật Công đoàn của Trung ương; để nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho cán bộ, đảng viên và công nhân, viên chức, đề cao vai trò lãnh đạo toàn diện của tổ chức đảng ở xí nghiệp và cải tiến công tác quản lý xí nghiệp; Bộ Chính trị quyết định mở cuộc "phát động công nhân, viên chức cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh, đẩy mạnh sản xuất" trong khắp các xí nghiệp quốc doanh và trong các ngành quản lý xí nghiệp lớn và vừa, tập trung công nhân tương đối ít lưu động và tổ chức của Đảng đã thuộc sự lãnh đạo của cấp uỷ địa phương.

Đây là một cuộc vận động cách mạng nhằm cải tạo tư tưởng, sửa đổi tác phong và cải tiến tổ chức quản lý xí nghiệp

dầu tiên, có ý nghĩa chính trị quyết định trong nội bộ giai cấp công nhân. Đây là một cuộc đấu tranh tư tưởng của giai cấp công nhân chống tư tưởng của giai cấp tư sản, phê phán tư tưởng tiểu tư sản và quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng đế quốc và phong kiến. Đồng thời đây cũng là một cuộc đấu tranh giữa hai quan điểm trái ngược nhau về vấn đề quản lý xí nghiệp; quan điểm đúng đắn của Đảng của giai cấp công nhân lấy công tác chính trị, công tác tư tưởng làm gốc, dựa vào giai cấp công nhân để quản lý xí nghiệp, và quan điểm của giai cấp tư sản chỉ dựa vào một số ít nhân viên kỹ thuật, dựa vào quyền hành cá nhân và dùng mệnh lệnh hành chính để quản lý xí nghiệp.

Để tránh những nhận thức và hành động lệch lạc có thể có trong cán bộ và quần chúng và để ngăn chặn kịp thời những luận điệu xuyên tạc, phản tuyên truyền của địch, cần làm cho cán bộ, đảng viên và công nhân, viên chức nhận rõ mục tiêu và tính chất của cuộc phát động này là nhằm giải quyết mâu thuẫn trong nội bộ giai cấp công nhân ở các xí nghiệp quốc doanh bằng phương pháp giáo dục chính trị và phát động tư tưởng quần chúng, bằng phương pháp tự phê bình và phê bình để nâng cao trình độ giác ngộ chính trị của giai cấp công nhân, cải tiến quản lý xí nghiệp. Cuộc vận động này khác hẳn cuộc phát động nông dân thực hiện cải cách ruộng đất nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa địch và ta.

II- MỤC ĐÍCH YÊU CẦU, NỘI DUNG VÀ BƯỚC ĐI CỦA CUỘC PHÁT ĐỘNG

1. Mục đích yêu cầu chung của cuộc phát động

Mục đích yêu cầu chung của cuộc phát động này chủ yếu là bước đầu tăng cường giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho cán bộ,

đảng viên và công nhân, viên chức, bước đầu cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp về mặt chính trị, đồng thời bước đầu cải tiến chế độ quản lý sản xuất, kiện toàn tổ chức, đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước.

Thông qua cuộc phát động này, Đảng và Nhà nước sẽ thu hoạch những kết quả lớn về chính trị, cán bộ và đảng viên ở xí nghiệp, ở các ngành và các cấp được rèn luyện thêm về lập trường giai cấp, về quan điểm quần chúng và sửa đổi được tác phong lãnh đạo trong công tác quản lý xí nghiệp, do đó tinh thần trách nhiệm đối với Đảng, đối với Nhà nước, đối với quần chúng, được nâng cao. Tổ chức của Đảng ở các xí nghiệp được củng cố và phát triển, sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở xí nghiệp được thực hiện và tăng cường. Qua cuộc phát động này, vai trò, trách nhiệm và khí thế của giai cấp công nhân được đề cao, làm cho giai cấp công nhân tiến lên một bước trong việc thực sự làm chủ xí nghiệp, làm chủ Nhà nước; công tác chuyên môn và nghiệp vụ của các ngành quản lý xí nghiệp được cải tiến; cuối cùng đưa đến kết quả là thay đổi hẳn bộ mặt chính trị và sản xuất của các xí nghiệp quốc doanh.

Về cụ thể, cuộc vận động phải đạt những yêu cầu sau đây:

a) Nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa lên một bước, bồi dưỡng tư tưởng giai cấp công nhân và giáo dục tinh thần trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên và công nhân, viên chức. Chống tư tưởng tư sản, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng đế quốc, phong kiến trong công tác quản lý xí nghiệp:

Trong Đảng:

- Chống tư tưởng chủ quan, bảo thủ, tự cao, địa vị, tự do chủ nghĩa, vô kỷ luật, lãng phí, tham ô và các biểu hiện khác của chủ nghĩa cá nhân; củng cố và phát triển ý thức tập thể của giai cấp công nhân.

- Chống quan điểm kinh tế tài chính đơn thuần, kỹ thuật thuần túy, coi nhẹ vai trò lãnh đạo của Đảng, coi thường công tác chính trị và tư tưởng, làm cho sự lãnh đạo của Đảng được thật sự tăng cường về mọi mặt trong công tác quản lý xí nghiệp.

- Chống những biểu hiện không dựa vào giai cấp công nhân và tác phong quan liêu, mệnh lệnh; xây dựng lập trường dựa hẳn vào giai cấp công nhân và tác phong lãnh đạo theo đường lối quần chúng.

Trong công nhân, viên chức:

- Nhận rõ bản chất hơn hẳn của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa đối với chế độ tư bản chủ nghĩa; nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, căm ghét chế độ cũ. Nhận rõ sự hơn hẳn của chế độ quản lý xí nghiệp xã hội chủ nghĩa đối với chế độ quản lý xí nghiệp tư bản chủ nghĩa.

- Xác định rõ quan hệ giữa lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài, giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích của Nhà nước.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm, làm chủ nước nhà; làm chủ xí nghiệp; nâng cao tinh thần tích cực cách mạng và ý thức tổ chức và tinh thần kỷ luật, ý thức cần kiệm xây dựng xí nghiệp, xây dựng nước nhà.

- Chống các biểu hiện chỉ chăm lo lợi ích cá nhân; trước mắt khắc phục thái độ lao động cũ trong công nhân, viên chức, như: vô trách nhiệm, tự ti, tiêu cực, lãng phí, tham ô, ...

b) Thực hiện chế độ quản lý xí nghiệp xã hội chủ nghĩa: "dưới sự lãnh đạo của đảng uỷ, thủ trưởng phụ trách, công nhân tham gia quản lý" nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện của tổ chức đảng ở xí nghiệp, kiện toàn chế độ phụ trách của thủ trưởng, phát huy tác dụng của các tổ chức

Công đoàn, Đoàn Thanh niên Lao động; thực hiện tác phong lãnh đạo theo đường lối quần chúng trong công tác quản lý xí nghiệp.

c) Trên cơ sở quán triệt nội dung chính trị và tư tưởng của chế độ quản lý mới, nâng cao thêm một bước trình độ tổ chức quản lý xí nghiệp, bằng cách cải tiến và xây dựng các thể lệ, quy tắc về nghiệp vụ, về kỹ thuật, để phát huy mạnh mẽ lực lượng lao động và công suất của thiết bị, máy móc; nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong xí nghiệp.

d) củng cố và phát triển tổ chức đảng, củng cố Công đoàn và Đoàn Thanh niên Lao động và củng cố tổ chức chính quyền trong xí nghiệp, chủ yếu là củng cố về mặt tư tưởng; đặc biệt chú trọng củng cố tổ chức đảng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Xây dựng một số quy định về chế độ công tác cho tổ chức đảng, tổ chức hành chính, cho Công đoàn và Đoàn Thanh niên.

Bốn yêu cầu trên đây quan hệ mật thiết với nhau; tuy theo yêu cầu và nội dung công tác, trọng tâm của mỗi đợt, mỗi bước, giải quyết các yêu cầu trên với mức độ khác nhau, nhưng các yêu cầu đó đều thực hiện trong suốt quá trình cuộc phát động. Trong các yêu cầu ấy thì yêu cầu về tư tưởng và chính trị quán triệt cả quá trình cuộc phát động; các cấp uỷ đảng và các ngành phải nắm cho chắc *công tác tư tưởng, chính trị đi trước, chế độ quản lý về chính trị là căn bản*.

2. Nội dung công tác của toàn cuộc vận động, của từng đợt và các bước đi của cuộc phát động

Toàn bộ cuộc vận động chia làm hai đợt, mỗi đợt chia thành nhiều bước. Cần phải chia làm hai đợt và nhiều bước

vì cuộc phát động này phải giải quyết nhiều vấn đề lớn, nội dung gồm nhiều việc, thời gian dài, phải chia đợt và bước để nắm rõ yêu cầu và trọng tâm mỗi đợt, mỗi bước mà tiến hành.

Đợt một

Nội dung của đợt này là phát động tư tưởng quần chúng, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho cán bộ, đảng viên và công nhân, viên chức, làm cho họ phân biệt rõ ranh giới giữa chế độ xã hội chủ nghĩa với chế độ tư bản chủ nghĩa, giữa chế độ quản lý xí nghiệp xã hội chủ nghĩa với chế độ quản lý xí nghiệp tư bản chủ nghĩa; thực hiện chế độ quản lý về mặt chính trị: "dưới sự lãnh đạo của đảng uỷ, thủ trưởng phụ trách, công nhân tham gia quản lý xí nghiệp".

Đợt này chia làm ba bước:

- Bước 1: Học tập, kiểm thảo trong Đảng;
- Bước 2: Học tập và phát động tư tưởng trong quần chúng;
- Bước 3: Mở đại hội công nhân, viên chức để tiếp tục nâng cao thêm một bước tư tưởng công nhân, viên chức, thảo luận vấn đề thi hành Luật Công đoàn, thực hiện cải tiến quản lý xí nghiệp nhằm thực hiện tốt kế hoạch sản xuất.

Trong các bước công tác thì bước 1 là bước khó khăn, nhưng chủ yếu là khó khăn trong Đảng; bước 2 là bước phức tạp vì không những có vấn đề quan hệ giữa Đảng và quần chúng mà có xí nghiệp còn có thể có vấn đề quan hệ giữa ta và địch; bước 3 là bước bản lề giữa hai đợt.

Đợt hai

Yêu cầu của đợt này là trên cơ sở thắng lợi về chính trị và tư tưởng của đợt một, bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và công nhân, viên chức về nghiệp vụ kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đợt này cũng chia làm ba bước:

- Bước 1: phát động công nhân, viên chức tham gia cải tiến các quy tắc, chế độ quản lý sản xuất;
- Bước 2: kiện toàn và phát triển tổ chức đảng, củng cố các tổ chức quần chúng và tổ chức chuyên môn;
- Bước 3: tổng kiểm tra, tổng kết, phát huy kết quả và kết thúc cuộc phát động.

Tuy mỗi đợt có yêu cầu riêng, nhưng nội dung của hai đợt liên quan mật thiết với nhau. Những bước trong mỗi đợt cũng quan hệ mật thiết với nhau: bước nọ chuẩn bị cho bước kia, bước sau tiếp tục giải quyết yêu cầu của bước trước. Trong khi thực hiện trọng tâm đợt một vẫn phải giải quyết một phần yêu cầu của đợt hai, vì ngay từ đầu cuộc phát động đã phải bước đầu kiện toàn tổ chức quần chúng và đã phát hiện nhiều vấn đề về quản lý sản xuất. Cần nhằm một số vấn đề có thể sửa chữa được thì sửa chữa ngay để gây tin tưởng, phấn khởi cho quần chúng. Trong đợt hai tuy trọng tâm là cải tiến chế độ quản lý sản xuất, tiếp tục kiện toàn tổ chức, bồi dưỡng nghiệp vụ kinh doanh, nhưng vẫn phải thông qua những việc trên mà tiếp tục phát động và nâng cao tư tưởng, hoàn chỉnh thêm chế độ quản lý mới về chính trị.

III- PHƯƠNG CHÂM CHỈ ĐẠO CUỘC PHÁT ĐỘNG

Để đảm bảo thành công cho cuộc phát động, trong quá trình thực hiện cuộc phát động, các cấp uỷ đảng và các ngành cần nắm vững các phương châm sau đây:

1. Lấy việc giáo dục chính trị và phát động tư tưởng làm chính: - Muốn phát động tư tưởng được tốt, phải phát huy tự do tư tưởng, phát động tư tưởng phải tiến hành

từ cán bộ đến đảng viên, từ trong Đảng ra ngoài Đảng, bao gồm cả các cơ quan quản lý trung ương đến các xí nghiệp. Phải làm cho mọi người, từ cán bộ đến quần chúng công nhân, tự do phát biểu ý kiến, tự do tranh luận và qua tranh luận mà phân biệt được tư tưởng và hành động đúng và sai, tiến bộ và lạc hậu, xã hội chủ nghĩa và cá nhân chủ nghĩa, trên cơ sở đó, tự nguyện tự giác thấy được khuyết điểm của mình và quyết tâm sửa chữa. Tuyệt đối tránh kết luận vội vàng, chụp mũ, dồn ép, mệnh lệnh và nhất thiết không được dùng biện pháp xử trí về tổ chức để đối phó vấn đề sai lầm về tư tưởng và nhận thức. Muốn phát động tư tưởng phải đi sát thực tế, sát quần chúng, nắm chắc diễn biến tư tưởng của từng đối tượng quần chúng và kịp thời giáo dục, động viên, làm cho mọi người phấn khởi tham gia cuộc phát động. Cấp uỷ đảng và cán bộ phụ trách chủ yếu phải làm gương mẫu, phải học tập và kiểm thảo tốt.

2. Đề cao phê bình và tự phê bình, tăng cường đoàn kết nội bộ. - Cuộc phát động này là cuộc đấu tranh giữa tư tưởng tiến bộ và tư tưởng lạc hậu. Để đảm bảo thắng lợi của tư tưởng tiến bộ và khắc phục tư tưởng lạc hậu, phải nắm chắc vũ khí đấu tranh của chúng ta là: tự phê bình và phê bình. Tự phê bình và phê bình phải xuất phát từ nguyện vọng đoàn kết, vì lợi ích chung, cần có thái độ xây dựng và tinh thần khách quan, phải tự phê bình và phê bình cả ưu điểm lẫn khuyết điểm, chống thái độ bảo thủ, nể nang, hoặc dả kích, thiếu xây dựng. Phải phát huy tự do tư tưởng, làm cho quần chúng mạnh dạn phê bình, tự do tranh luận, phải dựa vào quần chúng để thuyết phục, giáo dục quần chúng.

3. Dựa hẳn vào giai cấp công nhân, đi đường lối quần chúng. - Đây là cuộc vận động cách mạng của quần

chúng. Phải làm cho quần chúng thông suốt chủ trương, chính sách của Đảng; biến ý chí của Đảng thành ý chí của quần chúng để họ tự nguyện, tự giác chấp hành. Bất cứ công tác cụ thể nào, cấp lãnh đạo không nên làm thay quần chúng mà phải dựa vào quần chúng để thực hiện. Muốn dựa vào quần chúng, trước hết phải dựa vào các tổ chức của giai cấp công nhân. Phải phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo của chi bộ, phát huy tác dụng và vai trò của Công đoàn và của Đoàn Thanh niên; phát huy khả năng của tổ chức chính quyền, của các cơ quan nghiệp vụ. Phải chú trọng bồi dưỡng về chính trị và tư tưởng và bồi dưỡng chế độ công tác cho các tổ chức ấy để nó có thể làm chỗ dựa vững chắc cho Đảng và đủ sức đảm đương mọi nhiệm vụ trong cuộc phát động dưới sự lãnh đạo của Đảng.

4. Kết hợp chặt chẽ công tác phát động với công tác sản xuất; phát động tốt, sản xuất tốt. - Mục đích của cuộc phát động tư tưởng cải tiến quản lý xí nghiệp là đẩy mạnh sản xuất và xây dựng, làm nhanh, nhiều, tốt, rẻ. Cho nên trong quá trình phát động, trong từng công tác cụ thể phải gắn chặt với nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất, thực hiện đúng khẩu hiệu "Phát động tốt, sản xuất tốt" ngay từ đầu của cuộc phát động và qua các bước. Quần chúng sẽ phát hiện nhiều vấn đề về quản lý có ảnh hưởng đến sản xuất và xây dựng; phải dựa vào quần chúng mà bàn bạc và kiên quyết giải quyết những vấn đề cấp bách để cho sản xuất được nâng cao và quần chúng phấn khởi. Mặt khác, khi quần chúng thấm nhuần mục đích, ý nghĩa và hưởng ứng cuộc phát động thì nhiệt tình lao động của họ được nâng cao; phải phát huy kịp thời nhân tố ấy để cho công tác sản xuất, xây dựng và công tác phát động đều làm được tốt.

IV- TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO CỦA CẤP ỦY ĐẢNG ĐỐI VỚI CUỘC PHÁT ĐỘNG

Hiện nay đối với toàn Đảng, nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và phong trào hợp tác hoá nông nghiệp là công tác trung tâm quan trọng nhất. Trong thời gian trước mắt, nhiệm vụ lãnh đạo sản xuất, xây dựng công nghiệp quốc doanh và cuộc phát động quần chúng cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp là *công tác trung tâm quan trọng thứ hai*. Riêng đối với các Thành uỷ Hà Nội, Hải Phòng và Khu uỷ Hồng Quảng thì trong thời gian trước mắt, phát động quần chúng cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp là *công tác trung tâm quan trọng nhất*. Đối với những tỉnh có một số xí nghiệp, trong khi tập trung lực lượng lãnh đạo công tác nông nghiệp và phong trào hợp tác hoá thì cần giành một lực lượng cần thiết thích đáng để phụ trách công tác phát động cải tiến quản lý xí nghiệp.

Cuộc phát động này do các cấp uỷ địa phương phối hợp với các Đảng đoàn các bộ trực tiếp chỉ đạo dưới sự lãnh đạo thống nhất của Ban Bí thư Trung ương. Để giúp việc cho Ban Bí thư và các cấp uỷ địa phương, cần thành lập một Ban phụ trách cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp ở Trung ương và các cấp.

Các cấp uỷ địa phương cần tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo của mình đối với cuộc phát động, phải lãnh đạo tiến hành tích cực, khẩn trương và vững chắc, từ đầu đến cuối; phải đi sát cơ sở; lãnh đạo có trọng tâm, trọng điểm; kết hợp chặt giữa điểm và diện. Phải tăng cường khả năng lãnh đạo thực hiện của các đảng uỷ xí nghiệp, công trường, nông trường, đảng uỷ xí nghiệp phải tập thể và trực tiếp lãnh đạo. Các Đảng đoàn các ngành trung ương, nhất là Đảng đoàn các

Bộ: Công nghiệp, Kiến trúc, Giao thông và Bưu điện, Nông - Lâm, phải thấu triệt ý nghĩa quan trọng và vị trí của công tác này, thấy rõ tác dụng và ảnh hưởng của cuộc phát động đối với công tác ngành mình; phải thực sự tham gia lãnh đạo cuộc phát động để cải tiến công tác ngành mình.

Ngoài ra, các cấp uỷ cần *chú trọng giáo dục tinh thần cảnh giác* cho cán bộ, đảng viên và công nhân, viên chức. Phải tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng mục đích, ý nghĩa cuộc phát động để kịp thời uốn nắn những nhận thức lệch lạc về cuộc phát động trong quần chúng và chủ động đập tan luận điệu xuyên tạc của địch. Phải làm cho quần chúng có ý thức và biết phân biệt những tư tưởng lạc hậu của quần chúng với luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của địch, biết phân biệt những hành động và khuyết điểm do trình độ non kém hoặc do thiếu tinh thần trách nhiệm của quần chúng mà có với hành động phá hoại của phần tử địch, để giúp cho Đảng nắm được tình hình và âm mưu địch ở xí nghiệp. Trong trường hợp nghi ngờ có sự hoạt động phá hoại của địch, phải dựa vào quần chúng, kết hợp với cơ quan có trách nhiệm (công an, tư pháp) để điều tra, xác minh kỹ lưỡng với tinh thần thực sự cầu thị, và nếu cần xử trí thì phải xin chỉ thị Trung ương, không được tự ý bắt bớ và xử trí bừa.

*

* *

Cuộc phát động công nhân, viên chức cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh lần này là một cuộc đấu tranh tư tưởng tương đối sâu sắc, rộng rãi trong các xí nghiệp quốc doanh. Thực hiện tốt cuộc phát động, nhất định Đảng ta sẽ thu được những thắng lợi lớn, tạo điều kiện thuận lợi để củng

cố và phát triển cơ sở của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, góp phần tích cực vào việc củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà. Muốn được như vậy, trước hết, cán bộ và đảng viên phải thật sự tin tưởng ở tinh thần và khả năng vô tận của giai cấp công nhân, thật sự dựa vào giai cấp công nhân, lấy việc nâng cao tư tưởng cho quần chúng làm cơ sở cho mọi mặt công tác của cuộc phát động, đồng thời làm cho quần chúng công nhân tuyệt đối tin tưởng vào Đảng và Chính phủ, tự tin ở khả năng sáng tạo vĩ đại của mình, thấy rõ vai trò và trách nhiệm của mình.

Toàn thể cán bộ và đảng viên cần thấm nhuần sâu sắc tư tưởng đó, cần quán triệt đầy đủ ý nghĩa, mục đích, yêu cầu, nội dung, phương châm và phương pháp của cuộc phát động; tăng cường lãnh đạo, quyết tâm thực hiện đúng chủ trương của Trung ương, đảm bảo cho cuộc phát động này đạt được thắng lợi.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 126-CT, ngày 12-2-1959

Về việc lãnh đạo công tác phát hành tiền ngân hàng mới, thay đổi đơn vị tiền tệ và thu đổi tiền ngân hàng cũ

Từ ngày thành lập Ngân hàng quốc gia Việt Nam, giấy bạc do Ngân hàng phát hành đã có tác dụng lớn đối với công cuộc kháng chiến thắng lợi. Sau khi hoà bình lập lại, giấy bạc ấy cũng đã có tác dụng lớn đối với việc hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế. Trong kháng chiến và trong hoà bình, giấy bạc của Ngân hàng đều đã góp phần vào việc củng cố chính quyền nhân dân. Nhưng xét thấy các loại giấy bạc hiện nay diện ngạch quá lớn, không thích hợp với yêu cầu lưu thông hàng hoá, phát triển kinh tế, cho nên Trung ương đã quyết định việc phát hành tiền Ngân hàng mới, thay đổi đơn vị tiền tệ và thu đổi tiền Ngân hàng cũ.

Chủ trương này nhằm mục đích nâng cao giá trị của đồng tiền trong nước và trên thế giới, và đẩy mạnh hơn nữa việc giao lưu hàng hoá và phát triển sản xuất.

Chủ trương này dựa trên những thắng lợi về kinh tế và chính trị đã đạt được trong công cuộc khôi phục kinh tế và trong năm đầu thực hiện kế hoạch 3 năm. Nó chứng minh là

dưới chế độ tốt đẹp của ta, với nền kinh tế quốc dân phát triển không ngừng, ta hoàn toàn có khả năng ổn định lưu thông tiền tệ, củng cố và nâng cao sức mua của đồng tiền, cải thiện đời sống nhân dân.

Chủ trương này có ý nghĩa quan trọng về kinh tế cũng như về chính trị:

- Về kinh tế, nó đưa lại những thuận tiện cho việc tính toán tài chính, đẩy mạnh hơn nữa việc phát triển sản xuất và giao lưu hàng hoá. Nó có tác dụng ngăn chặn những hoạt động đầu cơ tích trữ, tác dụng kiểm tra tiền mặt trong tay các tầng lớp có nhiều tiền để có kế hoạch động viên và sử dụng vào việc phát triển kinh tế quốc dân, làm cho nền kinh tế của ta phát triển thêm vững chắc, đời sống của nhân dân không ngừng được nâng cao.

- Về chính trị, nó góp phần tăng cường nền chuyên chính dân chủ nhân dân và nâng cao hơn nữa uy tín chính quyền của ta. Nó phát huy tinh thần phấn khởi, tin tưởng và nhiệt tình yêu nước của toàn dân ta trong việc thi đua thực hiện tốt kế hoạch nhà nước, thực hiện nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Tuy nhiên, ta cũng gặp khó khăn trong việc thu đổi, như: chuẩn bị phải bí mật và chu đáo, yêu cầu phải làm nhanh, gọn, tốt, diện thu đổi thì rộng, miền núi dân cư thưa thớt, giao thông vận tải khó khăn. Ngoài ra, còn có các luận điệu phản tuyên truyền xuyên tạc, những hoạt động phá hoại của địch và các phần tử chống đối chế độ ta... Cho nên ta phải lợi dụng mọi sự thuận lợi căn bản, khắc phục mọi khó khăn tạm thời, để hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đảng đã quyết định.

Trước hết, toàn Đảng phải nhận thức đầy đủ và làm cho toàn dân nhận thức đầy đủ ý nghĩa nói trên, và coi việc phát hành tiền mới, thay đổi đơn vị tiền tệ là một thắng lợi mới về kinh tế và về chính trị.

Đặc biệt, *các cấp uỷ đảng cần phải trực tiếp lãnh đạo công tác phát hành tiền mới, thu đổi tiền cũ* do Uỷ ban hành chính các cấp và Ngân hàng quốc gia tổ chức thực hiện. Công tác này có quan hệ mật thiết đến sinh hoạt và quyền lợi của toàn thể nhân dân và đến vấn đề sản xuất và lưu thông hàng hoá, là những vấn đề mấu chốt của nền kinh tế quốc dân. Ngoài ra, nó còn bao hàm nội dung là giúp vào công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Bắc.

Chủ trương này phải tiến hành thật bí mật, thật nhanh và gọn, vừa để ngăn ngừa những tầng lớp có nhiều tiền phân tán hoặc dùng tiền mua hàng, mua vàng tích trữ, vừa để thuận tiện cho việc làm ăn của nhân dân, mau chóng ổn định tình hình thị trường. Đảng phải coi đây là một chiến dịch rộng lớn trên mặt trận kinh tế, phải lãnh đạo công tác thu đổi thật chặt chẽ, khẩn trương và toàn diện.

Cụ thể các cấp uỷ đảng có mấy nhiệm vụ sau đây:

1. *Huy động các lực lượng cần thiết cho công tác thu đổi tiền ngân hàng đang lưu hành*

Công tác thu đổi phải làm thật nhanh và gọn trong một thời gian ngắn. Do đó, cần phải tổ chức thật nhiều bàn đổi tiền để sau 1, 2 ngày đảm bảo có đủ tiền mới lưu hành và đình chỉ tiêu dùng tiền cũ.

Căn cứ vào tình hình và nhu cầu cụ thể của mỗi địa phương, các cấp uỷ đảng cần phải huy động đảng viên ở các xí nghiệp, cơ quan, đoàn thể ra phục vụ công tác thu đổi cùng

với các cán bộ nhân viên của Ngân hàng quốc gia. Nếu số đảng viên không đủ, cần phải huy động cả những người tốt trong các tổ chức quần chúng như phụ nữ, thanh niên lao động, nông hội, v.v..

2. Lãnh đạo các ban thu đổi thực hiện đúng đắn các chủ trương chính sách của Trung ương về công tác thu đổi

Chủ trương chính sách là thay đổi đơn vị tiền tệ, 1 đồng tiền mới ăn 1.000 đồng (một ngàn) tiền cũ, nhất luật cho mọi tầng lớp nhân dân. Nhưng để ngăn chặn những hoạt động đầu cơ trở ngại cho việc cải tạo và phát triển kinh tế, đối với những người có nhiều tiền, khi thu đổi chỉ trả tiền mặt đến mức 2 triệu đồng ngân hàng cũ cho mỗi hộ, còn lại bao nhiêu thì trả bằng séc ngân hàng.

Các cấp ủy đảng phải lãnh đạo các ban thu đổi chấp hành đúng đắn chủ trương, chính sách ấy, đồng thời giải thích cho mọi người hiểu và yên tâm. Cần phát huy tinh thần phấn khởi và nhiệt tình yêu nước của quần chúng nhân dân, để giáo dục và thuyết phục những người có nhiều tiền thì hành đúng chính sách nhà nước, đồng thời đánh tan những luận điệu xuyên tạc của địch và tay sai của chúng.

3. Lãnh đạo công tác tuyên truyền giải thích trong các tầng lớp nhân dân

Cần phải giải thích thật sâu rộng làm cho các tầng lớp nhân dân hiểu rõ ý nghĩa, mục đích và những chủ trương chính sách của Đảng để họ yên tâm và phấn khởi thi hành thật đúng và đầy đủ. Công tác giải thích phải làm thật tốt, còn nhằm ngăn chặn những hoạt động phá hoại, gieo rắc hoài nghi của địch và bọn tay sai.

Kết hợp với việc giải thích chủ trương chính sách thu đổi,

cần tiếp tục vận động các tầng lớp nhân dân gửi tiền tạm thời không dùng đến vào quỹ tiết kiệm, hoặc tiền gửi có kỳ hạn hoặc không kỳ hạn ở ngân hàng, để góp phần tăng thêm nguồn vốn cho Nhà nước dùng vào công cuộc phát triển kinh tế quốc dân. Hướng dẫn các tầng lớp nhân dân tiết kiệm tiêu dùng, có lợi cho việc ổn định thị trường, ổn định vật giá, củng cố và nâng cao giá trị của đồng tiền, như vậy là có lợi cho quốc kế dân sinh.

Các cấp ủy đảng cần phải huy động các tổ chức của Đảng và tổ chức quần chúng ra làm công tác giải thích chính sách và theo dõi nắm sát tình hình tư tưởng, thắc mắc của nhân dân đảng giải thích cho chu đáo, cũng như nắm sát các luận điệu xuyên tạc của địch và những phần tử chống đối chế độ, để kịp thời có kế hoạch và biện pháp giải quyết thích đáng.

4. Kiểm tra, đôn đốc công tác thu đổi về mọi mặt

Công tác thu đổi phải tiến hành thật nhanh trong điều kiện thị trường ổn định, nhân dân phấn khởi và tin tưởng. Để đạt yêu cầu này, các cấp ủy đảng cần phải kiểm tra, đôn đốc công tác thu đổi về mọi mặt. Đặc biệt phải chú ý mấy điểm: tổ chức phải thật chu đáo, công tác phải tiến hành thật khẩn trương, nhanh, gọn, trật tự an ninh phải được đảm bảo tốt trong thời gian thu đổi, chấp hành chính sách thu đổi phải nghiêm chỉnh và đầy đủ.

*

* *

Công tác phát hành tiền mới, thu đổi tiền cũ là một công tác rất phức tạp, lớn lao và quan trọng. Tuy ta có những điều kiện thuận lợi cơ bản, nhưng cũng có những khó khăn tạm

thời. Các cấp uỷ đảng nhất thiết không được chủ quan và coi nhẹ việc lãnh đạo. Cần phải nghiên cứu kỹ và chấp hành Chỉ thị này với tinh thần nghiêm chỉnh, khẩn trương, đặt đảm bảo hoàn thành tốt công tác phát hành tiền mới và thu đổi tiền cũ ở địa phương trong thời gian đã định, để mau chóng ổn định tâm lý nhân dân, ổn định thị trường, tạo mọi thuận lợi mới cho việc thực hiện tốt kế hoạch nhà nước năm 1959.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 127-CT/TW, ngày 14-2-1959

**Về việc tăng cường công tác đấu tranh
chống các luận điệu phản tuyên truyền,
phao đồn tin nhảm**

I

Trong năm 1958, hiện tượng phản tuyên truyền, phao tin nhảm, viết truyền đơn, khẩu hiệu phản động xảy ra ở nhiều nơi, ở thành phố cũng như nông thôn, miền xuôi cũng như miền ngược; chẳng những ngoài nhân dân, mà ngay cả trong một số cơ quan, xí nghiệp, trường học. Tùy từng nơi, từng lúc, tùy đối tượng, tùy trình độ của quần chúng, những luận điệu phản tuyên truyền, phao tin nhảm có những nội dung khác nhau; ở nông thôn thì nhằm xuyên tạc việc đổi công hợp tác; ở thành phố thì xoay chung quanh vấn đề đời sống khó khăn, vấn đề cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh; trong cơ quan, xí nghiệp thì nhằm phản đối chính sách biên chế, chính sách lương, chủ trương vận động cải tiến quản lý xí nghiệp; đặc biệt ở các vùng đồng bào Thiên chúa giáo cũng như ở một số nơi vùng miền ngược, thì nhằm xuyên tạc đường lối tiến lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, gây

chia rẽ giữa lương và giáo, giữa các dân tộc. Bọn phản động phao tin chiến tranh thứ ba nhất định nổ ra, ca tụng đế quốc Mỹ, ca tụng chế độ miền Nam, xúi giục quần chúng đi Nam.

Điều đáng chú ý là đối với bất cứ một chính sách nào của Đảng và Chính phủ đề ra, cũng có những luận điệu phản tuyên truyền xuyên tạc ý nghĩa của chính sách đó. Tất cả các luận điệu phản tuyên truyền đều *nhằm mục đích gây hoài nghi, bất mãn trong quần chúng đối với Đảng, với chế độ, gây tinh thần hoang mang kém tin tưởng, hòng ngăn cản việc thực hiện các chủ trương, chính sách chính trị, kinh tế, văn hoá, quân sự; thậm chí hòng kích động quần chúng chống đối Đảng, chống đối Chính phủ, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.*

Về hình thức phản tuyên truyền thì *phổ biến nhất là dùng cách truyền miệng và những khẩu hiệu ngắn viết ở tường*, vạch trên thân cây (nông thôn) và ở hố xí công cộng (thành phố, thị trấn, thị xã). Theo con số thống kê chưa đầy đủ, từ đầu năm đến nay đã xảy ra 437 vụ viết truyền đơn, khẩu hiệu có tính chất phản tuyên truyền, không kể những luận điệu truyền miệng rất phổ biến. Ngoài ra có những hình thức khác như truyền đơn (phần lớn là viết tay), báo tường, thư nặc danh, báo tay, ghi cảm tưởng trong các cuộc triển lãm, viết bậy trên giấy bạc, trên phiếu bầu cử hội đồng nhân dân thành phố (Hà Nội hoặc tổ trưởng dân phố Hải Phòng), xoá, bôi bẩn hoặc sửa chữa các khẩu hiệu của ta, xé ảnh lãnh tụ, hoặc vẽ bậy. (Trong số 437 vụ, gần phân nửa là dưới hình thức khẩu hiệu).

Có một số ít người vì nhẹ dạ, hoặc vì chưa phân biệt được sai đúng đối với những lời xuyên tạc nhằm nhĩ, đã có những biểu hiện hoang mang nghi ngờ; nhất là trong đồng bào theo

đạo Thiên chúa, có người đã lơ là sản xuất, bán nhà cửa, trâu bò để chờ dịp trốn đi Nam, hoặc có người đã bị xúi giục đi đến có những hành động chống đối chính quyền, vi phạm luật pháp, gây rối trật tự trị an...

II

Phân tích tình hình trên đây, chúng ta thấy rõ đó là một *hình thái của cuộc đấu tranh giữa địch và ta. Kẻ địch đã dùng mọi thủ đoạn xảo quyệt để tiến hành chiến tranh tâm lý "tác động tinh thần"*, hàng ngày thông qua đài phát thanh miền Nam và sử dụng một số cơ sở tay chân của chúng ở miền Bắc, gieo rắc những luận điệu lừa bịp, xuyên tạc, vu khống chế độ miền Bắc, để kích động bọn phản động tiến hành phá hoại. Mặt khác, những luận điệu phản tuyên truyền cũng phản ánh cuộc đấu tranh giai cấp "ai thắng ai" trong thời kỳ quá độ. Ở miền Bắc chúng ta đang tiến hành phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội, đương cải tạo các thành phần kinh tế không phải xã hội chủ nghĩa, thì các tầng lớp tư sản, những người mà quyền lợi giai cấp gắn liền với chế độ kinh tế tư hữu ở thành thị và ở nông thôn nhất định có sự phản ứng. Tuy nhiên, bên cạnh nguyên nhân chủ yếu là do âm mưu của địch, hoặc do cuộc đấu tranh giai cấp, chúng ta cũng cần phải thấy một số những lời kêu ca, oán trách cũng phản ánh *mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân*. Trước tình hình đời sống tạm thời gặp khó khăn, hoặc vì chưa thông suốt chủ trương chính sách, một số người trong quần chúng sinh ra bất mãn; hoặc do việc một số cán bộ hoặc một số địa phương chấp hành chính sách có chỗ thiếu sót, lệch lạc, cũng gây ra những hiện tượng bất mãn và

những hành động sai lầm. Những vấn đề này khác nhau về căn bản với mâu thuẫn giữa địch và ta đã nói ở trên.

Từ trước đến nay, việc đấu tranh của chúng ta chống những hành động phản tuyên truyền có thu được một số kết quả, nhưng nhìn chung thì còn rất yếu, chưa thật tích cực và kịp thời. Trong một số cán bộ có biểu hiện tê liệt cảnh giác, thủ tiêu đấu tranh. Sở dĩ như vậy là vì một số cán bộ chưa quan niệm hết sự quan trọng của vấn đề, nhận thức nội dung và tính chất của cuộc đấu tranh trong lĩnh vực này còn mơ hồ, quan niệm sử dụng lực lượng nào và biện pháp gì để tiến hành đấu tranh cũng chưa rõ ràng.

Đứng trước sự chuyển biến của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta, chắc chắn kẻ thù của chúng ta, nhất là bọn đế quốc Mỹ và tay sai sẽ gieo ra những luận điệu xuyên tạc và sẽ tìm mọi cách để phá hoại ta. Nghị quyết Trung ương lần thứ 14 có nói: "Phải giáo dục quần chúng nâng cao cảnh giác, đập tan mọi luận điệu phản tuyên truyền và kịp thời ngăn chặn, trừng trị mọi hoạt động phá hoại của bọn phản động".

III

Cuộc đấu tranh chống những hành động phản tuyên truyền, phao đồn tin nhảm là một *cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt trên mặt tư tưởng, văn hoá, chính trị*. Nó có một ý nghĩa quan trọng trong việc giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa cho quần chúng, có tác dụng góp phần ổn định tư tưởng quần chúng, làm cho quần chúng an tâm và tích cực sản xuất, hoàn thành kế hoạch nhà nước. Nếu cuộc đấu tranh chống phản tuyên truyền bị coi nhẹ, để cho tư tưởng

quần chúng bị lung lạc, thì sẽ có ảnh hưởng lớn đến lòng tin tưởng của quần chúng đối với Đảng, với chế độ, ảnh hưởng lớn đến việc hoàn thành các mặt công tác của Đảng. *Cho nên nội dung và yêu cầu của cuộc đấu tranh này là nâng cao giác ngộ chính trị của quần chúng, nâng cao cảnh giác với kẻ địch, và để giáo dục một số người lạc hậu vì nhận thức quá sai lầm mà có những lời nói hoặc việc làm không đúng và có hại; như vậy là nhằm mục đích tranh thủ quảng đại quần chúng về ta. Đồng thời đó là một cuộc truy tìm, đả kích những phần tử phản cách mạng hoạt động chiến tranh tâm lý, kích động quần chúng chống lại chủ nghĩa xã hội.*

Muốn đấu tranh chống các luận điệu phản tuyên truyền có hiệu quả, vấn đề mấu chốt là phải nâng cao giác ngộ chính trị, tính cảnh giác cho quần chúng, trên cơ sở đó mà hạn chế và phát hiện hoạt động của bọn phản cách mạng.

Vì vậy trong việc đấu tranh chống hoạt động phản tuyên truyền, *dựa vào lực lượng quần chúng là đường lối công tác căn bản*. Phải phát động tư tưởng quần chúng để cho quần chúng phân biệt được đúng sai, và đấu tranh tích cực với những phần tử hay phao tin đồn nhảm.

Muốn phát động quần chúng, thì vấn đề căn bản là phải kết hợp tuyên truyền giải thích một cách sâu sắc trong các dịp giáo dục chủ trương chính sách (như chính sách hợp tác hoá, thu mua, công tư hợp doanh, dân tộc, tôn giáo, v.v.) và các vấn đề thời sự trong quần chúng. Phải chú ý phổ biến rộng rãi báo chí của Đảng trong quần chúng. Điểm trọng yếu là trong khi tuyên truyền giáo dục các chủ trương chính sách và các vấn đề thời sự, nếu thấy các luận điệu phản tuyên truyền thì không nên coi thường và bỏ qua. Trái lại phải thu thập các luận điệu phản tuyên truyền, xuyên tạc phao tin nhảm, vu khống của địch và các phần tử lạc hậu, nghiên cứu

phân tích kỹ càng để có thể kết hợp giải thích cụ thể cho quần chúng, *làm cho quần chúng phân biệt được đúng, sai, nâng cao cảnh giác đối với âm mưu của địch. Việc này phải làm hết sức khéo léo, tránh vô tình đem tập hợp tài liệu tuyên truyền giúp cho địch, hoặc gợi thêm thắc mắc cho quần chúng.* Tuy nơi, tùy lúc, tùy đối tượng, tài liệu đưa ra tuyên truyền giải thích phải sát với tâm lý của mỗi từng lớp, giải quyết được tâm trạng thắc mắc của họ, nhằm đả kích mạnh vào kẻ địch, chĩa mũi nhọn vào bọn phá hoại, gián điệp, nhằm đạt được yêu cầu nâng cao thêm giác ngộ chính trị cho quần chúng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành các chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ. Do đó, vấn đề quan trọng là tài liệu đưa ra giáo dục quần chúng phải thật cụ thể và sắc bén, và việc làm phải kịp thời, thường xuyên và liên tục. Khi ý thức chính trị và tinh thần cảnh giác của quần chúng được nâng cao, nhất định quần chúng sẽ trở thành một lực lượng mạnh mẽ để đấu tranh trực diện với kẻ địch và cùng ta phát hiện là kẻ cố tình phản tuyên truyền, xuyên tạc, phao đồn tin nhảm. Chỉ có làm tốt công tác phát động tư tưởng quần chúng thì mới có thể dựa vào quần chúng để đấu tranh với địch kịp thời và có kết quả.

Đồng thời, trong việc truy tìm kẻ phạm tội, nhất là đối với những hành động như viết truyền đơn, khẩu hiệu phản động, cần phải đặc biệt chú ý phát huy tác dụng của nghiệp vụ công an.

IV

Việc truy tìm bọn phao tin nhảm, phản tuyên truyền xuyên tạc phải được tiến hành tích cực, kịp thời và tùy tình hình cụ thể mà đề ra biện pháp xử lý thích đáng. Cần phải đi

sâu điều tra nghiên cứu về phương thức, quy luật hoạt động của bọn phao tin nhảm. Trong vấn đề này phải khéo phân biệt mâu thuẫn giữa địch và ta, với mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân nghĩa là phải biết phân biệt hoạt động phản cách mạng, hoạt động "chiến tranh tâm lý, tác động tinh thần" với lời nói hoặc hành động lạc hậu của quần chúng.

- Đối với kẻ không có ý thức chính trị phản động, chỉ vì giác ngộ kém, chưa thông suốt chủ trương, chính sách, hoặc đối với những lời nói không đúng mức, vô tình truyền đi các tin không đúng chính sách của ta thì biện pháp căn bản là giải thích giáo dục.

- Với những trường hợp do cán bộ chấp hành chính sách có phạm thiếu sót lệch lạc gây nên sự bất bình phản ứng trong quần chúng, các cấp uỷ phải nghiên cứu tình hình, tiến hành kiểm tra việc chấp hành chính sách, sửa chữa lệch lạc, giải thích nhằm ổn định tư tưởng cho quần chúng.

Nhưng với những phần tử xấu, lợi dụng cơ hội, thổi phồng và khoét sâu những thiếu sót của cán bộ, kích động quần chúng gây rối trật tự, thì phải kịp thời giao ngành công an tiến hành thẩm tra phát hiện để cô lập chúng và tùy mức độ mà xử trí. Cần chú trọng giáo dục quần chúng thấy rõ đúng sai và đồng tình với ta trong việc xử trí những phần tử xấu này.

- Còn đối với những kẻ phản tuyên truyền xuyên tạc có hệ thống, có ý thức chính trị chống đối chế độ rõ rệt, thì phải tùy theo tình hình cụ thể mà xử trí thích đáng: hoặc cảnh cáo, vạch mặt trước quần chúng, hoặc bắt và trừng trị theo pháp luật, v.v..

Muốn tránh sai lầm trong việc xử lý, phải nghiên cứu kỹ, phải suy nghĩ toàn diện về các mặt: nội dung và mức độ lời lẽ

phản tuyên truyền, động cơ ý thức, thành phần và lịch sử, v.v. (theo các phương châm, chính sách của Đảng và Chính phủ đã quy định từ trước đến nay).

*
* *

Vấn đề đấu tranh chống các luận điệu phản tuyên truyền là một mặt quan trọng trong công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao giác ngộ cho quần chúng, đồng thời cũng là một bộ phận không thể tách rời trong cuộc đấu tranh chống các bọn phản cách mạng nói chung.

Các cấp uỷ đảng phải chú ý huy động lực lượng toàn Đảng và phải chỉ đạo chặt chẽ, có kế hoạch kiểm tra đôn đốc các ngành nhất là các ngành tuyên huấn, công an, công tố và toà án, các đoàn thể quần chúng, v.v. trong việc đấu tranh chống các luận điệu phản tuyên truyền của địch và những phần tử xấu.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 129-CT/TW, ngày 19-2-1959

Về việc tăng cường công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tiểu thương và hàng rong, buôn vật

I- TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TIỂU THƯƠNG VÀ HÀNG RONG, BUÔN VẬT

Ở miền Bắc nước ta hiện nay, trừ một ít vùng nông thôn và miền núi hẻo lánh, nói chung số người buôn bán nhỏ còn rất đông và thừa so với nhu cầu lưu thông hàng hoá. Tính đến cuối tháng 9-1958 có 207.000 hộ, chiếm 96% tổng số hộ thương nghiệp tư nhân, 1,3% dân số miền Bắc, và 62,5% tổng số doanh thu của thương nghiệp tư doanh. Nếu kể cả số người kinh doanh không đăng ký, số người lậu thuế, số người được miễn thuế, số người sản xuất kiêm buôn bán, thì số lượng còn nhiều và tỷ lệ còn cao hơn nữa. Số hộ trên đây phân bố trong hầu hết các ngành thuộc thương nghiệp, ăn uống, nghề phục vụ, nhưng tập trung nhiều nhất là ở các ngành: thực phẩm, bách hoá, ngũ kim, may mặc, thuốc men, dụng cụ.

Những người buôn bán nhỏ phần lớn xuất thân từ các tầng lớp nhân dân lao động; cũng có một số thuộc các thành phần giai cấp bóc lột (địa chủ, phú nông, tư sản) và các phần tử phức tạp, như nguy quân nguy quyền, lưu manh, gái điếm, và một số ít là phần tử phản động hiện hành.

Những người buôn bán nhỏ buôn bán dưới nhiều hình thức: có người có cửa hàng cố định ở chợ hoặc ở đường phố; có người mua đầu chợ, bán cuối chợ, hoặc phân tán đi bán hàng rong; có người buôn chuyển từ nơi này đến nơi khác; có người buôn bán có tính chất đổi chác (hàng đổi hàng); có người vừa sản xuất vừa buôn bán. Đa số là bán lẻ có thể buôn nhiều mặt hàng và kiêm nhiều nghề. Cũng có người bán buôn nhỏ, hoặc vừa bán buôn vừa bán lẻ.

Việc kinh doanh của những người buôn bán nhỏ rất linh hoạt, nhiều người rất thành thạo về nghiệp vụ buôn bán: nhiều người thường có quan hệ với một số khách hàng nhất định, họ am hiểu nhu cầu sinh hoạt của từng vùng, theo từng vụ, của từng loại khách hàng; họ thoả mãn được những yêu cầu phức tạp của khách hàng, có thể mua bán suốt ngày từ sáng đến tối, có thể bán chịu trong một thời gian, có thể vừa mua vừa bán hoặc đổi chác với khách hàng. Việc buôn bán của họ, trừ một số khá ra, còn hầu hết là không có sổ sách kế toán; chi tiêu ăn uống của gia đình với thu nhập buôn bán thường không phân biệt.

Những người buôn bán nhỏ, nói chung là ít vốn, ít lời, lấy công làm lãi, chăm chỉ kinh doanh để duy trì đời sống, không bóc lột nhân công. Trừ một số ít người có đủ vốn buôn, hoặc thừa chút ít đem cho vay lấy lãi, đời sống và thu nhập tương đối khá; trong đó có một số cá biệt, từ ngày hoà bình được lập lại đến nay, đã trở thành người tư bản nhỏ. Còn số đông là

thiếu vốn, hoặc không có vốn, phải đi vay mượn để duy trì kinh doanh thì đời sống thường bị bấp bênh. Ngoài ra, còn có một số hộ thu nhập quá thấp, vốn liếng đã ít lại sa sút dần; thường những người gia đình đông con, lại thiếu sức lao động, hoặc ở những địa điểm buôn bán không thuận lợi thì đời sống càng gặp nhiều khó khăn hơn.

Do những đặc điểm trên đây, trừ số người thuộc các thành phần phức tạp trà trộn vào, những người buôn bán nhỏ là *người lao động thương nghiệp cá thể*. Họ thuộc giai cấp tiểu tư sản và giai cấp nửa vô sản, là *bạn đồng minh gần gũi của giai cấp công nhân*. Lao động của họ không tạo ra giá trị hàng hoá mà chỉ là tiếp tục thực hiện giá trị trong quá trình lưu thông hàng hoá (trừ một số có lao động chế biến giản đơn và có lao động vận tải, góp phần tạo ra giá trị hàng hoá). Nhưng trong khi kinh tế tiểu sản xuất hàng hoá còn chiếm ưu thế trong nền kinh tế quốc dân, họ còn đóng vai trò cần thiết trong việc lưu thông hàng hoá; và có bộ phận trong một thời gian dài, mật dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán sẽ chưa thể thay thế hết được.

Dưới chế độ cũ, những người buôn bán nhỏ bị đế quốc, phong kiến thống trị và tư bản bóc lột; họ đã đi theo sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, đã góp phần tích cực trong cách mạng và kháng chiến. Ngày nay, họ cũng đương đầu tranh cho cách mạng xã hội chủ nghĩa và cho sự nghiệp thống nhất nước nhà. Gần đây, trong đà biến chuyển cách mạng mới, nói chung người buôn bán nhỏ đều muốn được tổ chức lại theo con đường hợp tác hoá.

Song, xét về mặt khác, những người buôn bán nhỏ lại là người tư hữu, người sản xuất cá thể. Trong quá trình buôn bán lâu dài dưới chế độ cũ, họ chịu ảnh hưởng sâu sắc tư

tưởng ham lợi và lễ thói kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Nhiều người cũng đầu cơ trục lợi, cạnh tranh vô tổ chức, trốn thuế, lậu thuế để kiếm nhiều lời, phản ứng đối với việc quản lý và kiểm soát của Nhà nước. Trong đó có một số có những hành động làm rối thị trường và vi phạm pháp luật. Những tư tưởng và hành động trên đây không những chỉ biểu hiện khi họ còn là người kinh doanh cá thể, tự do; mà cả khi họ đã được tổ chức lại, hoặc đã có quan hệ kinh tế với Nhà nước, nếu không được liên tục giáo dục thì họ vẫn còn có những tư tưởng và hành động đó.

Tóm lại, người người buôn bán nhỏ có hai khuynh hướng phát triển: *một là, dưới sự lãnh đạo và giúp đỡ của Nhà nước, họ có khả năng đi theo con đường xã hội chủ nghĩa; đó là mặt chủ yếu. Hai là, khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa; mặt này tuy không phải là chủ yếu nhưng không thể xem thường.* Thực tế trong mấy năm nay đã chỉ rõ: những người buôn bán nhỏ vừa sẵn sàng tiếp thu cải tạo và sự lãnh đạo của Nhà nước, lại vừa luyến tiếc lễ thói kinh doanh cũ và khi có cơ hội thì họ không bỏ lỡ dịp để kinh doanh theo lối cũ...

Cần phải nhìn nhận những người buôn bán nhỏ cho được toàn diện, không nên nhìn lệch một chiều và nhất là không nên chỉ nhìn thấy mặt không phải là chủ yếu của họ. Do đó, đối với họ, công tác quản lý và giáo dục, sắp xếp và cải tạo không thể tách rời. Nếu không thì không những khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa sẽ phát sinh tác dụng có hại cho việc phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân, việc làm ăn và đời sống của những người buôn bán nhỏ cũng sẽ không được ổn định.

Trong mấy năm qua, để thực hiện chủ trương, chính sách

của Đảng và Chính phủ, ta đã chú ý sắp xếp công ăn việc làm cho những người buôn bán nhỏ, giúp đỡ một số người chuyên về sản xuất, sử dụng một số vào việc mua bán cho Nhà nước, tổ chức họ vào các hình thức kinh tiêu, đại lý và hợp tác tương trợ, tiến hành miễn, giảm thuế khi họ có khó khăn, v.v.. Nhưng bên cạnh những việc đã làm được, ta cũng có nhiều thiếu sót; chủ yếu là chưa nhìn nhận đúng đặc điểm và tính chất của người buôn bán nhỏ, chưa đề ra được chính sách toàn diện và cụ thể đối với họ. Do đó, trong khi chấp hành chính sách đã có những lệch lạc: một mặt, có lúc và ở nhiều nơi đã không phân biệt đối đãi họ với những người tư sản thương nghiệp, thiếu quan tâm đến đời sống, đến công ăn việc làm của họ; việc tổ chức và giáo dục họ cũng kém. Mặt khác, có nơi, có lúc lại không nhìn thấy hết tính chất tự phát tư bản chủ nghĩa ở họ, đi tới buông lỏng việc quản lý và cải tạo họ.

Gần đây, nhờ sự uốn nắn của Trung ương, đã có sự chuyển biến về nhận thức trong các ngành, các cấp, do đó trong công tác hằng ngày đã giảm bớt được thiếu sót, sai lầm.

II- CON ĐƯỜNG CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI TIỂU THƯƠNG VÀ HÀNG RONG, BUÔN VẬT

Người buôn bán nhỏ về căn bản khác với giai cấp tư sản, do đó việc cải tạo họ về căn bản khác với việc cải tạo những người tư sản công thương nghiệp. Bản thân họ là người lao động; dưới sự lãnh đạo và giúp đỡ của Nhà nước, họ có thể sẵn sàng tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa để cùng với giai cấp công nhân và nhân dân lao động khác tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa

tuy nặng, nhưng có thể khắc phục được bằng cách đưa họ vào con đường hợp tác hoá và tăng cường giáo dục, giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho họ.

Vì vậy, cần làm cho những người buôn bán nhỏ nhận rõ tiền đồ, nhận rõ lợi ích của việc tổ chức lại mà tự nguyện đi vào con đường hợp tác tương trợ, dần dần cải biến lề lối làm ăn riêng lẻ của họ thành lề lối làm ăn tập thể mà đưa họ tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Và trong điều kiện nước ta, số người buôn bán nhỏ quá đông, cần ra sức chuyển dần một số sang sản xuất, biến một số người buôn bán nhỏ thành người sản xuất.

Tổ chức những người buôn bán nhỏ lại phải dựa trên nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, thực hành quản lý dân chủ và đảm bảo vai trò lãnh đạo của kinh tế quốc doanh; đồng thời, phải căn cứ vào đặc điểm kinh doanh của họ ở từng ngành, từng địa phương mà áp dụng các hình thức khác nhau cho thích hợp, nhằm phát huy tính tích cực của họ và duy trì những đặc điểm kinh doanh phù hợp với nhu cầu và tập quán của xã hội.

Căn cứ vào tình hình và đặc điểm nói trên, những người buôn bán nhỏ có thể thông qua các hình thức tổ chức sau đây mà tiến lên chủ nghĩa xã hội:

Tổ hợp tác mua bán hoặc *cửa hàng hợp tác* là hình thức cải tạo chủ yếu và phổ biến nhất của người buôn bán nhỏ, có thể chia ra ba loại trình độ cao thấp khác nhau:

1. Mua chung nhưng bán riêng và gắn bó với nhau bằng quỹ xã hội.

2. Mua chung bán chung, lỗ lãi cùng chịu, nhưng vốn riêng. Thu nhập của tổ dành một phần lớn chia theo sức lao động, một phần nhỏ làm quỹ xã hội và quỹ tích lũy chung, còn dành một phần chia lãi cho vốn.

3. Mua bán chung, lỗ lãi cùng chịu, vốn liếng hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của tập thể. Thu nhập của tổ, dành một phần chia theo sức lao động, còn một phần dùng làm quỹ xã hội và quỹ tích lũy chung, không chia lãi cho vốn nữa.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho người buôn bán nhỏ chuyển sang sản xuất, những hình thức hợp tác trên đây không những chỉ làm việc buôn bán mà có thể làm thêm việc sản xuất, khi đó gọi là *hợp tác mua bán kiêm sản xuất*. Khi nào có đủ điều kiện và có những bộ phận xét thấy việc buôn bán không cần thiết cho xã hội nữa thì có thể chuyển hẳn sang sản xuất.

Theo đà phát triển không ngừng của phong trào cải tạo xã hội chủ nghĩa và nhân tố xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế quốc dân, các tổ chức hợp tác trên đây sẽ dần dần phát triển thành cửa hàng hoặc cơ sở của mậu dịch quốc doanh hoặc của hợp tác xã mua bán; một phần có thể nhập vào các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp hoặc thủ công nghiệp.

Đối với các chợ ở thành phố và thị xã, có thể biến các tổ chức hợp tác của từng ngành, từng nghề thành một đơn vị hợp tác thống nhất của toàn chợ, rồi tiến lên thành một cửa hàng tổng hợp của thương nghiệp quốc doanh địa phương. Đối với những thị trấn nhỏ và tập trung, cũng có thể áp dụng hình thức hợp tác tổng hợp này.

Trước mắt, cần chấn chỉnh và củng cố các tổ chức hợp tác hiện có, phát triển hình thức mua chung bán riêng và mua chung bán chung loại vừa, chú trọng xây dựng các tổ hợp tác mua bán kiêm sản xuất; qua phong trào đó tùy điều kiện của từng nơi mà kịp thời nâng lên trình độ hợp tác loại cao, làm sao trong vòng ba năm có thể dài hơn một ít là có thể căn bản hoàn thành việc sắp xếp và cải tạo người buôn bán nhỏ.

Ngoài những hình thức tổ chức hợp tác trên đây, có thể áp dụng hình thức công tư hợp doanh định tức đối với một số tiểu thương loại khá mà ta xét thấy đưa vào hình thức công tư hợp doanh định tức để cải tạo thì tiện lợi hơn là đưa vào tổ chức hợp tác; nhưng chính sách đối với họ sẽ khác với nhà tư bản (sẽ ban bố sau).

Ngoài ra, có thể sử dụng một số người buôn bán nhỏ vào làm nhân viên cho mậu dịch quốc doanh hoặc hợp tác xã mua bán, hoặc thu hút thẳng vào hợp tác xã sản xuất nông nghiệp hoặc thủ công nghiệp, v.v..

Đối với vùng nông thôn và miền núi hẻo lánh, hoặc đối với những ngành và nghề quá phân tán, không thể áp dụng các hình thức trên đây, thì phải duy trì hình thức tự mua tự bán, lời ăn lỗ chịu, phân tán kinh doanh trong một thời gian dài. Mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán cần lãnh đạo và giúp đỡ họ, biến họ thành trợ thủ đắc lực cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa.

III- MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ

1. *Giải quyết đúng đắn việc phát triển mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán với việc sắp xếp công việc cho những người buôn bán nhỏ*

Thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán cần được ưu tiên phát triển cả về mặt doanh số và về mặt tỷ trọng. Nhưng về tốc độ phát triển thì phải có kế hoạch sắp xếp, sử dụng người buôn bán nhỏ, để một mặt đảm bảo cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa lớn mạnh không ngừng, mặt khác hết sức tránh gây khó khăn đối với đời sống của người buôn bán nhỏ. Nguyên tắc là thương nghiệp xã hội chủ nghĩa

cần nắm vững bán buôn, thông qua nghiệp vụ bán buôn mà quản lý và cải tạo tư thương. Về bán lẻ, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa có thể phát triển tới mức cần thiết để bình ổn giá cả thị trường, thúc đẩy giao lưu hàng hoá và có lợi cho việc cải tạo thương nhân, nhưng phải kết hợp chặt chẽ với việc sắp xếp người buôn bán nhỏ. Để tránh lệch lạc xảy ra, từ nay dưới sự lãnh đạo thống nhất của cấp uỷ và chính quyền địa phương, mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán kinh doanh mặt hàng nào phải thiết thực phụ trách việc sắp xếp người buôn bán nhỏ về mặt hàng ấy.

2. *Chính sách thù lao thu nhập của người buôn bán nhỏ*

Thù lao lao động dành cho người buôn bán nhỏ không thể tách rời mức thu nhập của người lao động sản xuất tính trung bình trong một năm và mức lương của nhân viên thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cùng ngành, ở cùng một địa phương. Cần đối chiếu với thu nhập của hai loại người đó mà đặt mức thu nhập của người buôn bán nhỏ. Mức thu nhập ấy nói chung là cần thấp hơn chút ít hoặc xấp xỉ với mức thu nhập của nhân dân lao động khác, để khỏi ảnh hưởng đến sản xuất và đến việc họ tiếp thu cải tạo. Còn đối với những trường hợp cá biệt như gia đình tiểu thương đông con, lại thiếu sức lao động và những người buôn bán ở miền núi, hẻo lánh, hoặc những người có trình độ kỹ thuật khá thì có thể tùy tình hình cụ thể mà chiếu cố một cách thoả đáng. Khi mức thu nhập của người buôn bán nhỏ quá cao hoặc quá thấp, thì cần vận dụng các biện pháp mà điều chỉnh cho phù hợp với mức hợp lý nói trên.

3. *Đối tượng kết nạp của tổ chức hợp tác mua bán*

Hình thức hợp tác tương trợ, chủ yếu là của những người lao động thương nghiệp lấy nghề buôn bán làm nguồn sống

chính, cho nên không nhất thiết ai nằm trong diện những người buôn bán nhỏ đều phải đưa vào tổ chức đó cả. Đối với người lấy sản xuất làm nguồn sống chính mà có kiêm thêm nghề buôn bán thì không tổ chức vào tổ hợp tác mua bán. Đối với người buôn bán tạm thời khi chưa có công ăn việc làm (bộ đội phục viên, học sinh thôi học chưa có việc làm hoặc những công nhân còn thất nghiệp, v.v.) chủ yếu là cần thu xếp việc làm cho họ; trong khi chưa thu xếp được, thì có thể tạm thời tổ chức họ vào tổ hợp tác buôn bán; khi nào có điều kiện thì sẽ chuyển họ sang sản xuất.

Đối với những người thuộc các thành phần phức tạp làm nghề buôn bán nhỏ (địa chủ già yếu ở những nơi đã CCRD¹⁾, tư sản phá sản, phú nông phá sản, ngụy quân, ngụy quyền cũ, lưu manh, gái điếm cũ, v.v.), nếu thái độ chính trị tốt, chịu lao động và không có hành động chống chính sách, thì cũng có thể đưa vào tổ chức hợp tác mua bán, nhưng cần phải được toàn thể tổ viên đồng ý, và nếu có được vào cũng không được tham gia ban quản trị của tổ hợp tác.

Đối với tư sản phân tán kinh doanh dưới hình thức buôn bán nhỏ, thì cần xử lý theo điều lệ đăng ký kinh doanh và thực hành cải tạo theo chính sách đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh. Đối với những người thành phần không rõ là tư sản thương nghiệp hay là tiểu thương thì tùy nơi, tùy lúc mà có thái độ xử lý linh hoạt để có lợi cho công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và cho việc lưu thông hàng hoá.

4. *Quan hệ giữa cá nhân và tập thể của người buôn bán nhỏ*

Sau khi người buôn bán nhỏ được tổ chức lại, vấn đề quan hệ giữa cá nhân và tập thể cần được giải quyết đúng

1) CCRD: cải cách ruộng đất (B.T).

dẫn để cho các tổ chức hợp tác ngày càng được củng cố và phát triển. Cụ thể là cần giải quyết mấy vấn đề sau đây:

a) *Vốn của tổ hợp tác*

Vốn của tổ hợp tác mua bán là do các tổ viên góp lại. Người có nhiều góp nhiều, người có ít góp ít; có thể có những người thực tế không có vốn cũng được gia nhập. Nói chung là mọi người đều góp cả vốn luân chuyển và vốn cố định hiện có. Tất cả đều do cá nhân tự báo, tập thể nhận xét. Nếu góp lại mà không cần dùng hết vào việc buôn bán thì cần có kế hoạch sử dụng vào việc sản xuất chung của tổ hợp tác (hợp tác mua bán kiêm sản xuất).

Góp vốn là vấn đề đụng chạm nhiều nhất đến tính tự hữu riêng lẻ của người buôn bán nhỏ, cho nên cần tiến hành giáo dục cho chu đáo để tránh tình trạng nghi ngờ nhau và mất đoàn kết. Cần làm cho họ thấy rõ việc bỏ vốn cùng nhau phát triển kinh doanh là có lợi cho cá nhân họ, có lợi cho tập thể và có lợi cho Nhà nước. Cũng cần chú ý ngăn ngừa tình trạng do suy tị nhau mà đi đến chỗ truy nhau vốn, gây ra tình hình căng thẳng và mất đoàn kết giữa các tổ viên với nhau.

Đối với những trường hợp có lý do chính đáng, người buôn bán nhỏ vốn liếng ít, gặp khó khăn về sinh sống gia đình, không có biện pháp giải quyết, thì có thể rút ra một phần nhỏ của số vốn đã góp nhưng phải được toàn tổ hợp tác mua bán đồng ý và được mậu dịch quốc doanh hoặc hợp tác xã mua bán địa phương chuẩn y.

Nói chung lúc này nên áp dụng chính sách chia lãi cho vốn để khuyến khích việc bỏ vốn của họ, nhất là đối với những ngành và nghề vốn liếng tương đối khá. Nhưng mức lãi không nên quá cao.

Đối với những tổ chức hợp tác mua bán thiếu vốn kinh doanh, nhất là cần dùng vốn để làm thêm việc sản xuất thì Ngân hàng cần cho họ vay vốn. Nhưng cần giáo dục và phát huy tinh thần hợp tác tương trợ, tự lực cánh sinh để tránh ỷ lại vào Nhà nước.

b) Chế độ thù lao của tổ hợp tác mua bán

Thù lao của tổ hợp tác mua bán cần tiến hành theo cách bình nghị dân chủ, trả theo năng suất lao động và khả năng nghiệp vụ của từng loại khác nhau. Ngoài ra, có thể quy định thêm tiền thưởng cho những người cùng loại mà tích cực hơn. Tổng số thu nhập của tổ viên tổ hợp tác, tính bình quân đầu người trong tổ phải phù hợp với mức hợp lý như đã nói trên đây, vì còn phải quan tâm đến việc xây dựng quỹ xã hội và quỹ tích lũy là những nhân tố xã hội chủ nghĩa không thể thiếu được. Áp dụng nguyên tắc trả thù lao theo lao động thì có thể có một số người trước đây vì lẽ này hay lẽ khác đã thu nhập nhiều, nay lại thu nhập ít mà gia đình có gặp khó khăn, thì mật dịch quốc doanh hoặc hợp tác xã mua bán và tổ hợp tác đó cần cùng nhau tìm cách chiếu cố họ một cách thoả đáng.

c) Quỹ xã hội và quỹ tích lũy chung của tổ hợp tác

Đây là những quỹ trích ra trong tiền lãi của tổ hợp tác, dùng để chi về hoạt động xã hội, như cải thiện đời sống của tổ viên (quỹ xã hội) hoặc để sửa sang và mở rộng kinh doanh, nhất là để dùng vào việc sản xuất (quỹ tích lũy chung). Nó còn có tác dụng nhất định trong việc điều tiết trường hợp thu nhập của tổ hợp tác quá nhiều, làm cho tiền lương chung của các tổ viên không vượt quá xa mức thu nhập hợp lý. Đó là những mối liên hệ kinh tế và chính trị rất tốt giữa các tổ viên

trong tổ hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho bước cải tạo cao hơn, cho nên cần quan tâm xây dựng và sử dụng cho tốt.

Việc điều chỉnh giữa tích lũy (quỹ tích lũy chung và quỹ xã hội) và tiêu dùng là một vấn đề rất quan trọng. Tiêu dùng nhiều, tích lũy ít thì không lợi cho việc cải tạo, ngược lại tích lũy nhiều mà tiêu dùng ít, thì khó khăn cho việc củng cố tổ chức. Cho nên cần theo nguyên tắc, sau khi đã đảm bảo mức lương hợp lý cho tổ viên thì thừa nhiều tích lũy nhiều, thừa ít tích lũy ít, không thừa thì tạm thời không tích lũy, để giải quyết mâu thuẫn giữa tích lũy và tiêu dùng cho được thoả đáng.

5. Tăng cường giáo dục những người buôn bán nhỏ

Công tác giáo dục những người buôn bán nhỏ là công tác trung tâm trong việc quản lý và cải tạo họ. Tổ chức hợp tác của những người buôn bán nhỏ phải dựa trên cơ sở giác ngộ họ về ý thức xã hội chủ nghĩa; như vậy tổ chức đó mới được củng cố và phát triển.

Nội dung giáo dục tư tưởng đối với những người buôn bán trước hết là làm cho họ nhận rõ ranh giới giữa hai con đường: xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, lẽ lối làm ăn tập thể với lẽ lối làm ăn riêng lẻ, làm cho họ nhận rõ con đường xã hội chủ nghĩa và lẽ lối làm ăn tập thể là tốt đẹp, do đó họ nhận rõ tiền đồ, nhận rõ lợi ích to lớn của chủ nghĩa xã hội mà hăng hái tham gia công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó tăng cường giáo dục ý thức hợp tác tương trợ, bồi dưỡng tư tưởng phục vụ nhân dân và trau dồi đạo đức, tác phong của người buôn bán mới.

Hình thức giáo dục cần nhẹ nhàng, linh hoạt, nhưng cần làm liên tục. Có thể tổ chức cho họ học tập tương đối có hệ thống và tập dượt cho quen với phương pháp phê bình và tự

phê bình, để cho họ tự đấu tranh và giáo dục lẫn nhau được sâu sắc hơn.

Trong hàng ngũ những người buôn bán nhỏ, có nhiều người hăng hái tham gia kháng chiến ở vùng tự do cũ, cũng như vùng tạm bị chiếm cũ và ngày nay vẫn hăng hái chấp hành chính sách, phục tùng pháp luật, gương mẫu trong phong trào cải tạo xã hội chủ nghĩa. Qua quá trình giáo dục và đấu tranh giữa cái cũ và cái mới, ta có thể chọn trong những người ấy lấy một số mà bồi dưỡng và đào tạo thành những cốt cán của phong trào cải tạo những người buôn bán nhỏ; rồi *do đó mà dần dần tiến hành phát triển Đảng, nhằm vào những người xuất thân từ những tầng lớp nghèo khổ như vậy để dần dần tăng cường và củng cố sự lãnh đạo của Đảng trong hàng ngũ những người buôn bán nhỏ.*

Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tiểu thương và hàng rong, buôn vặt đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng. Trong công tác phải có sự phân công, phối hợp chặt chẽ. Mật dịch quốc doanh phụ trách chủ yếu việc cải tạo người buôn bán nhỏ ở thành thị. Hợp tác xã mua bán phụ trách chủ yếu việc cải tạo người buôn bán nhỏ ở nông thôn. Các cơ quan công thương và các công ty mật dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán cần dành một số cán bộ chuyên trách việc cải tạo có hệ thống từ trên xuống dưới. Các ngành có liên quan như tài chính, ngân hàng, lao động, công an và các đoàn thể quần chúng, nhất là đoàn thể phụ nữ, cần phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý và cải tạo những người buôn bán nhỏ.

Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với những người buôn bán nhỏ là một công tác khó khăn, phức tạp và lâu dài, nó có quan hệ mật thiết đến công cuộc phát triển và cải tạo

nền kinh tế quốc dân. Các cấp uỷ đảng và chính quyền địa phương cần quan tâm đến việc lãnh đạo các ngành chấp hành đúng đắn đường lối chính sách của Trung ương Đảng và Chính phủ.

Đảng đoàn Bộ Thương nghiệp và Đảng đoàn Bộ Tài chính cần phối hợp chặt chẽ để hướng dẫn cho các cấp thi hành tốt Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 205-TT/TW, ngày 20-2-1959

Về việc thi hành Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác thủy lợi

Ban Bí thư gửi kèm đây *Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác thủy lợi*. Bản Nghị quyết này được thảo ra trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm công tác thủy lợi từ trước đến nay của nước ta, đồng thời có tham khảo kinh nghiệm của Trung Quốc, nêu lên nhiệm vụ, phương châm công tác thủy lợi, và những công tác trước mắt phải làm.

Các cấp uỷ đảng từ khu, tỉnh đến huyện, xã phải dành thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng bản Nghị quyết này, liên hệ tình hình công tác thủy lợi trong địa phương mình và đặt kế hoạch thi hành.

Trước mắt, phải có kế hoạch cụ thể thực hiện hai việc quan trọng là xây dựng quy hoạch thủy lợi xã và phát động quần chúng thực hiện chỉ tiêu đào đắp đất, đá.

Trong công tác thủy lợi, xây dựng quy hoạch là việc trọng yếu. Trong việc xây dựng quy hoạch thì làm quy hoạch thủy lợi xã là then chốt, vì đây là đơn vị cơ sở lập quy hoạch. Các cấp uỷ cần lãnh đạo đúng mức công tác này, đảm bảo đến tháng 4-1959 xây dựng xong quy hoạch xã. Ngay trước mắt,

mỗi tỉnh cần căn cứ vào sự hướng dẫn của Bộ Thủy lợi, làm cho tốt quy hoạch thủy lợi một vài xã điển hình ở các loại vùng trong tỉnh, rồi triệu tập các xã khác đến họp tại chỗ, học tập kinh nghiệm điển hình để về xây dựng quy hoạch cho xã mình.

Trong vụ đông - xuân 1959, đi đôi với việc lập quy hoạch thủy lợi xã, cần phát động phong trào quần chúng rộng rãi làm thủy lợi. Ta không thể chờ lập xong quy hoạch rồi mới phát động quần chúng làm thủy lợi, vì mùa xuân là thời gian thuận lợi nhất cho việc làm thủy lợi. Nếu bỏ lỡ thời gian đó, thì sẽ không thể đảm bảo đến hết năm 1959 thực hiện được chỉ tiêu đất, đá, ảnh hưởng đến toàn bộ kế hoạch thủy lợi ba năm 1958 - 1960, cũng như không đảm bảo chắc chắn thắng lợi của sản xuất nông nghiệp.

Vụ đông 1958, những tỉnh làm khá tính bình quân đầu người mới đào đắp được từ 3 đến 4 thước khối đất đá. Vì vậy khối lượng đất đá phải đào đắp trong mùa xuân năm 1959 này còn rất lớn. Một thời gian ngắn nữa, sau khi cấy xong, nhân dân sẽ bắt đầu đào đắp các công trình thủy lợi, song theo kế hoạch cũ của nhiều xã thì khối lượng đất định làm còn quá ít. Do đó, ngay từ bây giờ các địa phương cần chuẩn bị đầy đủ về mặt tuyên truyền vận động quần chúng, về kế hoạch thủy lợi mùa xuân năm 1959 của các xã để tranh thủ thời gian, tích cực tiến hành.

Các khu uỷ, thành uỷ, tỉnh uỷ cần có kế hoạch thi hành Nghị quyết của Bộ Chính trị, và trước mắt phải đặc biệt chú trọng lãnh đạo cho tốt việc xây dựng quy hoạch thủy lợi xã và phát động quần chúng thực hiện chỉ tiêu khối lượng đào, đắp đất đá đã đề ra.

Chú ý: Trong Nghị quyết của Bộ Chính trị, con số chỉ tiêu về thuốc khối đất đá cần đào đắp năm 1959, còn bỏ trống, là vì Ban Bí thư còn đang chỉ thị cho Đảng đoàn, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Đảng đoàn Bộ Thủy lợi, Bộ Lao động và một số ngành có liên quan, nghiên cứu lại. Kết quả sẽ thông tri sau.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 130-CT/TW, ngày 23-2-1959

Bổ sung Chỉ thị số 126-CT/TW ngày 12-2-1959

**Về việc lãnh đạo công tác phát hành
tiền ngân hàng mới, thay đổi đơn vị tiền tệ
và thu đổi tiền ngân hàng cũ**

Trong công tác phát hành tiền ngân hàng mới, thay đổi đơn vị tiền tệ và thu hồi tiền ngân hàng cũ, các cấp uỷ đảng cần thực hiện đúng Chỉ thị số 126-CT/TW ngày 12-2-1959 của Trung ương; về mặt lãnh đạo chú trọng thêm mấy điểm dưới đây:

1. Cần *tập trung lực lượng* hoàn thành tốt công tác phát hành tiền ngân hàng mới, thay đổi đơn vị tiền tệ và thu đổi tiền ngân hàng cũ, coi đó là *trung tâm đột xuất* trong một thời gian ngắn theo kế hoạch đã định. Trong khi tiến hành công tác này ở địa phương có những công việc khác như chống hạn, chống bệnh cúm, v.v. thì phải khéo bố trí lực lượng, kết hợp công tác; còn những công tác khác nếu không thể kết hợp thì có thể hoãn lại một thời gian ngắn để đảm bảo hoàn thành thật nhanh và gọn công tác này.

2. Các cấp uỷ đảng cần giáo dục cho các cán bộ, đảng viên và những người ngoài Đảng được huy động đi làm công tác

đặc biệt này tinh thần tích cực, khẩn trương và nghiêm chỉnh chấp hành chính sách của Đảng và Chính phủ. Mỗi người phải nêu cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, giữ vững đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của người cán bộ cách mạng. Tuyệt đối không được vì cảm tình nể nang với bà con, họ hàng là những người tư sản mà làm trái chính sách, hoặc phạm tham ô, hoặc làm việc thiếu phụ trách, làm thiệt hại đến tài sản của Nhà nước và nhân dân.

Đối với những cán bộ làm đầy đủ trách nhiệm, giữ vững đạo đức của người cán bộ cách mạng thì cấp uỷ phải chú ý khen thưởng kịp thời, còn đối với những cán bộ làm trái chính sách thì tuỳ theo lỗi nặng nhẹ mà có kỷ luật thích đáng.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 128-CT/TW, ngày 24-2-1959

Về đẩy mạnh hơn nữa việc thi hành chủ trương tăng cường công tác vùng cao

I

Đầu năm 1957 Trung ương Đảng và Chính phủ đã đề ra chủ trương tăng cường công tác vùng cao. Từ đó đến nay các cấp các ngành đã cố gắng tiến hành công tác, thu được một số kết quả, làm cho tình hình mọi mặt ở vùng cao đã có tiến bộ hơn trước.

Tuy nhiên, tình hình vùng cao tiến triển chậm chạp, hiện nay vẫn tồn tại nhiều vấn đề đáng chú ý:

- Sản xuất nói chung vẫn còn ở trong tình trạng bấp bênh, năm được, năm không, và thu hoạch kém; tình trạng du canh, du cư chưa khắc phục được mấy. Phong trào đổi công còn rất yếu, nói chung còn làm vòng theo tập quán từ trước, chưa có tác dụng đẩy mạnh sản xuất mấy; trái lại nhiều nơi bị các phần tử lớp trên lợi dụng.

- Đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân còn nhiều thiếu thốn. Nạn đói lưu niên căn bản chưa giải quyết được. Nạn mù chữ vẫn còn rất trầm trọng, số người đi học và

trường, lớp mới có rất ít. Ốm đau còn nhiều, nhiều bệnh nguy hiểm từ trước lưu lại, như sốt rét, hoa liễu, v.v. chưa diệt được. Mê tín dị đoan còn nặng. Nói chung, đời sống của nhân dân vùng cao so với vùng thấp còn kém nhiều.

- Trật tự trị an chưa thật ổn định. Một số nơi ở biên giới, biệt kích, thổ phỉ còn dựa vào cơ sở, đặc vụ hoặc câu kết với những phần tử xấu ở địa phương hoạt động phá hoại, nhất là ở những vùng biên giới Việt - Lào.

- Cơ sở của ta ở vùng cao nói chung còn quá yếu. Trình độ giác ngộ của nhân dân còn thấp. Cán bộ ít, trình độ và năng lực còn kém. Rất nhiều nơi vẫn chưa có cơ sở đảng. Các tổ chức chính quyền nhiều nơi còn đang là hình thức, thậm chí phần tử lạc hậu còn chiếm nhiều trong Ủy ban hành chính và các ngành chuyên môn. Quần chúng chưa được tập hợp rõ ràng, chặt chẽ, thường chỉ có nhóm sản xuất và tổ đổi công hoạt động đơn thuần về sản xuất.

Nhìn chung lại, kết quả thực hiện chủ trương tăng cường công tác vùng cao so với yêu cầu đã đề ra chỉ mới đạt được một phần nhỏ. Tình hình vùng cao chưa có chuyển biến căn bản; vùng cao hiện nay đang còn là nơi tập trung những mặt yếu và sơ hở nhất của ta ở vùng dân tộc thiểu số.

Nguyên nhân tình hình nói trên, một mặt do vùng cao có nhiều khó khăn và địch hoạt động phá hoại mạnh. Nhưng xét về mặt chủ quan thì do các cấp, các ngành chưa có nhận thức đúng về mục đích, ý nghĩa quan trọng của công tác vùng cao, chưa nghiêm chỉnh và tích cực thi hành chủ trương của Đảng và Chính phủ; ở trung ương, các ngành chưa quan tâm đầy đủ đến công tác vùng cao, thậm chí có ngành chưa theo dõi tình hình vùng cao và chưa biết vùng cao là gì, có những công tác gì cần chú ý. Ở địa phương thì còn ỷ lại chờ đợi cấp

trên, chưa tích cực khắc phục khó khăn, chưa phát huy được khả năng của cán bộ và nhân dân, và cũng phạm khuyết điểm là chưa chú ý vùng cao bằng vùng thấp.

II

Hiện nay, công cuộc cách mạng ở miền Bắc đã chuyển sang giai đoạn mới, toàn Đảng, toàn dân đang ra sức phấn đấu xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Trong nhiệm vụ chung đó, vùng dân tộc thiểu số nói chung, và vùng cao nói riêng, đóng một vai trò rất quan trọng về mọi mặt chính trị, kinh tế và quốc phòng.

Vì vậy, Trung ương nhắc các cấp, các ngành phải thiết thực tăng cường công tác vùng cao, nhằm đẩy mạnh mọi mặt công tác để tiến lên nhanh chóng, khắc phục tình trạng chênh lệch giữa vùng cao và vùng thấp, do đó củng cố hơn nữa đoàn kết giữa các dân tộc, đồng thời đảm bảo trật tự an ninh biên giới, củng cố quốc phòng, bảo vệ công cuộc lao động hoà bình, xây dựng miền Bắc.

Để đẩy mạnh công tác vùng cao, các cấp, các ngành cần tiếp tục thi hành những nhiệm vụ, phương châm đã ghi trong bản đề án tháng 7-1957, vì những phương châm, nhiệm vụ đó, qua thực tế công tác hai năm nay và Hội nghị kiểm điểm công tác vùng cao vừa rồi đã xác nhận là đúng, và hiện nay căn bản vẫn còn thích hợp. Ngoài ra, căn cứ vào tình hình mới, và kết quả của Hội nghị kiểm điểm công tác vùng cao mới đây, Trung ương bổ sung và giải thích thêm một số điểm dưới đây:

1. Về phương châm công tác

Trong mọi công tác ở vùng cao, phải nắm vững mấy phương châm:

- Kiên nhẫn, thận trọng, chắc chắn và tích cực, khẩn trương;
- Hết sức dựa vào nhân dân, phát huy mọi khả năng và tinh thần tự lực cánh sinh của nhân dân; đồng thời Nhà nước và các dân tộc anh em ra sức giúp đỡ.

- Mọi công tác đều nhằm đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, tăng cường đoàn kết dân tộc, đào tạo cán bộ địa phương.

Trước tình hình chung và yêu cầu nhiệm vụ hiện nay, một mặt vẫn phải chấp hành đúng đắn phương châm *kiên nhẫn, thận trọng, chắc chắn* trong mọi công tác, vì tình hình ở vùng cao vẫn còn phức tạp, trình độ giác ngộ của nhân dân vẫn chưa được nâng cao; nhưng mặt khác, *cần phải hết sức tích cực, khẩn trương*, như vậy mới làm cho mọi mặt công tác ở vùng cao tiến lên nhanh chóng, sớm khắc phục được những khó khăn và tình trạng chênh lệch hiện nay giữa các vùng, do đó mà củng cố được cơ sở, đẩy mạnh được sản xuất và tăng cường được đoàn kết giữa các dân tộc. Cần phải tránh tình trạng nóng vội, hấp tấp, dễ ra gò ép mệnh lệnh, không chiếu cố đến tình hình thực tế khó khăn, phức tạp, nhưng cũng cần khắc phục xu hướng vin vào "kiên nhẫn, thận trọng" mà duy trì tình trạng lê mê, đến đâu hay đến đó, không cố gắng đẩy mạnh công tác.

Đối với các phong tục tập quán lạc hậu của nhân dân có hại cho đoàn kết, sản xuất và vệ sinh, cần kiên nhẫn vận động nhân dân tự nguyện bỏ hoặc sửa, nhưng nhất thiết không được cưỡng bức, mệnh lệnh.

Đối với tầng lớp trên có liên hệ với quần chúng, cần phải thuyết phục, tranh thủ họ trên cơ sở đoàn kết đại đa số nhân dân lao động, và cần phải phân biệt những nhân vật lớp trên có liên hệ tốt với quần chúng với những phần tử phản động chống chính sách, câu kết với địch, hoạt động phá hoại. Đối với những phần tử này thì phải vận động quần chúng, dựa vào quần chúng mà đấu tranh, và chiếu theo luật pháp mà xử trí.

2. Về nhiệm vụ cụ thể

Trung ương bổ sung và nêu lại những nhiệm vụ cụ thể như sau để các cấp, các ngành tích cực thực hiện:

1- *Ra sức tuyên truyền giáo dục, nâng cao trình độ giác ngộ của nhân dân*

Vì trình độ giác ngộ của nhân dân ở vùng cao vẫn còn thấp, công tác này cần được đặc biệt chú ý. Về nội dung, cần phải nâng cao lòng yêu nước đi đôi với giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa cho quần chúng. Phải giáo dục cho nhân dân hiểu rõ các chính sách của Đảng và Chính phủ, động viên lòng phấn khởi đoàn kết sản xuất theo con đường tương trợ hợp tác, đồng thời làm cho nhân dân tăng thêm ý thức cảnh giác đối với mọi âm mưu và luận điệu phản tuyên truyền của địch, nâng cao ý chí đấu tranh bảo vệ trật tự an ninh, bảo vệ biên giới, bảo vệ Tổ quốc.

2- *Củng cố phong trào đổi công, xây dựng hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất, đồng thời tăng cường công tác giáo dục, văn hoá và y tế, cải thiện thêm một bước đời sống của nhân dân*

Phát triển sản xuất đồng thời tăng cường các công tác y tế, giáo dục và văn hoá để cải thiện đời sống vật chất và văn hoá cho nhân dân là trung tâm công tác ở vùng cao hiện nay cũng như sau này.

Về sản xuất, hiện nay chủ yếu vẫn là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lấy sản xuất lương thực làm chính, đồng thời coi trọng chăn nuôi, trồng cây công nghiệp và khai thác lâm thổ sản.

Ngoài việc giải quyết những khó khăn thiếu thốn về nông cụ, giống và giải quyết vấn đề nước, cần phải tích cực hướng dẫn và giúp đỡ nhân dân định cư, định canh. Trên cơ sở định canh mà đẩy mạnh sản xuất hơn nữa, tiến tới sau kế hoạch ba năm căn bản xoá bỏ được nạn đói lưu niên.

Đẩy mạnh sản xuất trên cơ sở củng cố và phát triển phong trào đổi công hợp tác là khâu chính công tác vùng cao. Hiện nay phong trào đổi công hợp tác còn rất yếu: hợp tác xã chưa phát triển, tổ đổi công nói chung về tổ chức và hoạt động chưa đúng phương hướng, chưa có tác dụng tốt. Mặt khác, sức sản xuất chưa hoàn toàn được giải phóng, quan hệ bóc lột phong kiến còn tồn tại, do đó sản xuất chưa được đẩy mạnh.

Bởi vậy cần phải củng cố tổ đổi công, xây dựng hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất đi đôi với việc nâng cao giác ngộ của quần chúng và củng cố cơ sở về mọi mặt. Khi quần chúng yêu cầu và ta đã chuẩn bị được lực lượng, đã nắm vững tình hình thì dựa vào quần chúng mà đấu tranh xoá bỏ nốt mọi quan hệ bóc lột phong kiến còn lại để đẩy mạnh sản xuất, đẩy mạnh phong trào đổi công hợp tác, thực hiện triệt để cải tạo xã hội chủ nghĩa và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

3- Tích cực tăng cường công tác trị an, củng cố và bảo vệ biên giới, chống mọi âm mưu phá hoại của địch

Bọn tay sai đế quốc Mỹ, nhất là bọn tay chân Ngô Đình Diệm và đặc vụ Tưởng đang ráo riết hoạt động phá hoại ở biên giới, ở vùng cao, nhất là dọc biên giới Việt - Lào. Vì vậy

tăng cường công tác trị an, củng cố và bảo vệ biên giới, chống mọi âm mưu hoạt động phá hoại của địch là việc rất bức thiết. Mặt khác trong khi miền Bắc đang tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, riêng miền núi đang chuẩn bị hoàn thành cải cách dân chủ, cần phải hết sức đề phòng bọn phản động lợi dụng sinh hoạt còn khó khăn và trình độ giác ngộ còn thấp kém của nhân dân vùng cao để hoạt động phá hoại.

Các nơi cần phải nêu cao cảnh giác, hết sức chú ý theo dõi phát hiện và đối phó kịp thời những âm mưu phá hoại của địch, kiên quyết không để xảy ra các vụ đột xuất. Những nơi còn có tàn phỉ hoạt động, phải tích cực thanh toán. Nơi nào xảy ra vấn đề "xưng vua", "đón vua" hoặc các vấn đề tương tự, phải tập trung lực lượng giải quyết, không để kéo dài.

Ở vùng biên giới, phải tích cực củng cố cơ sở, xây dựng nếp quản lý biên giới cho tốt, ngăn chặn và đối phó kịp thời những hoạt động xâm nhập từ ngoài vào, đồng thời giải quyết tốt các vấn đề quan hệ giữa nhân dân ta với nhân dân các nước láng giềng.

Muốn làm được những việc trên, phải chú trọng nâng cao trình độ giác ngộ, cải thiện đời sống của nhân dân và ra sức củng cố trị an, tổ chức việc theo dõi địch tình cho chặt chẽ.

4- Ra sức bồi dưỡng và đào tạo cán bộ dân tộc địa phương, chấp hành đầy đủ các chính sách đối với cán bộ hoạt động ở vùng cao

Tình hình cán bộ vùng cao hiện nay quá yếu và thiếu; phải hết sức tích cực bồi dưỡng, đào tạo. Các địa phương cần phải đẩy mạnh công tác này, cố gắng đến hết năm 1960 có đủ cán bộ các ngành ở xã và những ngành dân, chính ở huyện là người dân tộc vùng cao. Trong khi ra sức bồi dưỡng, đào tạo

cán bộ dân tộc địa phương, cũng phải chú ý bồi dưỡng cán bộ ở nơi khác đến. Cần phải chấp hành đầy đủ các chính sách đã ban hành và tiếp tục nghiên cứu những chính sách cần thiết đối với cán bộ hoạt động ở vùng cao. Để thiết thực xây dựng và củng cố cơ sở ở vùng cao, dìu dắt cán bộ địa phương, cần phải kiên quyết thực hiện chế độ cán bộ phụ trách ở những xã hoặc vùng cơ sở còn yếu thì mới có thể đảm bảo được công tác và bồi dưỡng, dìu dắt cán bộ địa phương được.

5- Ra sức phát triển cơ sở đảng, củng cố chính quyền và xây dựng các tổ chức cần thiết

Để đẩy mạnh mọi mặt công tác ở vùng cao, nhất là trong thời kỳ hiện nay, cần phải tích cực củng cố sự lãnh đạo của Đảng. Ở vùng cao, cơ sở đảng còn rất yếu, thậm chí nhiều nơi chưa có cơ sở, thiếu nòng cốt lãnh đạo nhân dân các dân tộc thi hành tốt các chính sách của Đảng và Chính phủ. Bởi vậy, cần phải hết sức chú ý việc xây dựng Đảng. Cần phải khắc phục nhận thức sai lệch còn sót lại trong một số cán bộ, một số địa phương, cho rằng ở vùng cao, xã hội chưa phân hoá, trình độ nhân dân còn thấp, khó hoặc không thể phát triển Đảng được. Ngoài ra, còn cần phải tạm thời châm chước hạ nhẹ tiêu chuẩn kết nạp Đảng cho hợp với trình độ quần chúng các dân tộc ở vùng cao, nhưng phải chú ý là sau đó phải tích cực bồi dưỡng để đảm bảo Đảng được vững mạnh. Các ngành, các cấp cần phải đôn đốc và giúp đỡ các châu uý, huyện uý có kế hoạch tích cực phát triển đảng viên, xây dựng chi bộ ở những vùng chưa có và phát triển ở những vùng đã có theo phương châm *phát triển đến đâu, củng cố đến đó*. Tất cả các cấp cần cố gắng để sau kế hoạch ba năm xã nào cũng có cơ sở đảng.

Ngoài ra, chính quyền cũng như tổ chức quần chúng cũng cần được tích cực củng cố. Các UBHC¹⁾ và các ngành dân quân, công an cần phải được tăng cường thành phần cốt cán, dần dần gạt bỏ những phần tử xấu, không chấp hành chính sách và có liên hệ với bọn phản động ở ngoài biên giới. Về tổ chức quần chúng thì tạm thời chỉ nên xây dựng và củng cố một tổ chức nào thích hợp nhất với địa phương, để tập hợp và giáo dục quần chúng; chưa nên lập ra nhiều tổ chức mà tổ chức nào cũng lỏng lẻo.

6- Tăng cường đoàn kết dân tộc

Trước thực trạng chênh lệch về đời sống của nhân dân vùng thấp và vùng cao hiện nay và trước âm mưu khiêu khích của bọn phản động, mặc dầu sự đoàn kết dân tộc cũng đã có tiến bộ hơn trước, vấn đề tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc vẫn phải đặt ra một cách rất bức thiết. Cần phải kịp thời thanh toán những thành kiến xích mích cũ còn lại, chú ý giải quyết những vấn đề tranh chấp mới để ra, nhất là về vấn đề đất đai (do phát triển sản xuất hoặc do luận điệu tuyên truyền xuyên tạc khiêu khích mới của địch gây ra). Cần bản nhất là phải chú ý giúp đỡ nhân dân các dân tộc ở vùng cao phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, tích cực khắc phục tình trạng thiếu thốn và sự quá chênh lệch trong đời sống giữa nhân dân vùng cao và vùng thấp hiện nay thì mới tránh khỏi sự lừa bịp, chia rẽ của địch. Gặp trường hợp có xích mích nghi ngờ giữa các dân tộc, cần phải kịp thời tổ chức những cuộc gặp gỡ giữa nhân dân và người cầm đầu các dân tộc, bộ tộc để thương lượng giải quyết, đề phòng địch phá hoại, khoét sâu mâu thuẫn dân tộc.

1) UBHC: Ủy ban hành chính (B.T).

III

Để thực hiện chủ trương tăng cường công tác vùng cao, Trung ương đề ra mấy biện pháp chính sau đây:

1. *Cần đẩy mạnh công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân đối với sự quan trọng của công tác vùng cao*

Các cấp, các ngành cần phải tổ chức thảo luận lại đề án công tác vùng cao, làm cho cán bộ nắm vững mục đích, ý nghĩa quan trọng của công tác vùng cao, kiểm điểm sự thi hành, phê phán những nhận thức tư tưởng lệch lạc để xác định lại trách nhiệm của mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi bộ phận và cá nhân đối với công tác vùng cao.

Phải làm cho mọi người nắm vững những nhiệm vụ và phương châm công tác vùng cao, đặc biệt là cần phải làm cho mọi người nắm vững khâu chính công tác vùng cao là đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân và máu chốt quyết định là phát triển và củng cố cơ sở đảng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc địa phương. Có như vậy mới đẩy mạnh công tác vùng cao một cách căn bản và nhanh chóng được.

2. *Cần tích cực giải quyết vấn đề cán bộ vùng cao*

Cần phải bồi dưỡng đào tạo cán bộ vùng cao. Một mặt, các địa phương cần phải dự trù và cố gắng chọn cho đủ số cán bộ cần thiết để thực hiện chế độ phụ trách xã hoặc vùng, do đó mới làm tốt công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ dân tộc địa phương được.

Mặt khác, các ngành ở Trung ương có công tác ở vùng cao cần phải thiết thực giúp đỡ bên dưới bồi dưỡng, đào tạo cán bộ vùng cao. Cán bộ các ngành hoạt động ở vùng cao hiện

nay như bộ đội, công an, mật dịch, v.v. cần phải trực tiếp giúp đỡ địa phương trong công tác này.

3. *Lập quỹ giúp đỡ vùng cao*

Cần lập một quỹ riêng để giúp nhân dân vùng cao phát triển sản xuất, nhất là giúp nhân dân vùng cao định cư, định canh. Ủy ban Dân tộc và các Ban Dân tộc địa phương sẽ giúp Chính phủ và Ủy ban hành chính các khu, tỉnh có vùng cao dự trù và quản lý quỹ này cho tốt.

4. *Cần tăng cường và củng cố tổ chức theo dõi công tác vùng cao, tăng cường chỉ đạo công tác vùng cao*

Cơ quan công tác dân tộc các cấp của Đảng và chính quyền và bộ phận công tác vùng dân tộc thiểu số của các ngành cần bố trí cán bộ theo dõi tình hình và công tác vùng cao, tổ chức việc theo dõi một cách thường xuyên và có hệ thống. Mỗi khi có chủ trương công tác, cần phải hướng dẫn cụ thể cho vùng cao, đồng thời cần phải tổ chức chỉ đạo riêng và định kỳ kiểm điểm, tổng kết công tác ở vùng cao để rút kinh nghiệm.

5. *Cần phối hợp giữa các ngành trong công tác vùng cao*

Các ngành tùy theo nhiệm vụ của ngành mình, cần phải có kế hoạch công tác vùng cao và theo hệ thống mà hướng dẫn đôn đốc sự thực hiện một cách chu đáo. Đồng thời, phải phối hợp với nhau một cách chặt chẽ để công việc khỏi chồng chéo nhau, gây khó khăn cho các cấp và cán bộ công tác ở dưới. Cơ quan công tác dân tộc ở Trung ương và địa phương sẽ giúp cấp uỷ đảng và chính quyền các cấp tổ chức sự phối hợp đó.

*

* *

Công tác vùng cao hiện nay rất quan trọng, Trung ương nhắc nhở các cấp, các ngành chú ý nghiên cứu và thi hành nghiêm chỉnh Chỉ thị này. Gặp khó khăn và có ý kiến gì báo cáo Trung ương biết để bổ cứu.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 209-TT/TW, ngày 27-2-1959

Về việc phát triển và củng cố tổ đổi công và hợp tác xã phải kết hợp với công tác trung tâm số một trước mắt là đẩy mạnh sản xuất đông - xuân

Trong tháng 3 sắp tới, sẽ có một cuộc Hội nghị trung ương bàn về vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp. Sau đó sẽ tổ chức học tập Nghị quyết của Trung ương về vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp, phát động tư tưởng quần chúng nông dân để phát triển tổ đổi công và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp một cách rộng rãi. Từ nay đến đó, các địa phương cần thi hành đúng những Chỉ thị, Thông tri của Trung ương về vấn đề tổ đổi công và hợp tác xã, đặc biệt là Chỉ thị số 118 và Thông tri số 187 của Ban Bí thư, để củng cố các tổ đổi công và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp sẵn có và xây dựng thêm một số tổ đổi công và hợp tác xã mới theo tinh thần Thông tri số 187 của Ban Bí thư.

Hiện nay, theo kế hoạch của các địa phương về mức phát triển hợp tác xã trong năm 1959, có những tỉnh đặt mức vừa phải, nhưng cũng có một số tỉnh đặt mức quá cao (Hoà Bình, Sơn Tây, Thanh Hoá đặt mức đến hết năm 1959 căn bản

hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp ở bậc thấp, Nghệ An đặt mức cho năm nay là 80% nông hộ vào hợp tác xã cấp thấp, v.v.). Nhiều nơi, mức đó đã được đưa ra thông qua ở Đại hội tỉnh Đảng bộ, và có nơi đã tập trung nhiều cán bộ lên tỉnh học tập chính sách đối công, hợp tác và dự định sau khi học xong sẽ phát triển phong trào hợp tác hoá nông nghiệp một cách mạnh mẽ, không chờ Nghị quyết của Hội nghị Trung ương sắp tới. Trong khi đó, tình hình sản xuất vụ chiêm đang gặp nhiều khó khăn: trên dưới 25.000 hécta bị hạn chưa cấy được; có những thửa ruộng cấy xong nay đã bị hạn; nhiều nơi thiếu mạ, có nơi lại thừa mạ, nhưng việc điều chỉnh mạ chưa được chú ý; lễ tế đã có hiện tượng sâu cắn lúa; phân bón thúc chưa chuẩn bị được mấy; việc trồng hoa màu và cây công nghiệp chưa được chú ý đầy đủ. Ở một số nơi, bệnh cúm lan ra và nạn đói chớm phát triển cũng ảnh hưởng không tốt đến sản xuất.

Trước tình hình đó, một số địa phương vẫn chưa chú trọng lãnh đạo sản xuất đông - xuân kịp thời vụ, lại tập trung quá nhiều cán bộ lên tỉnh, huyện để học về chính sách đối công, hợp tác, không chú ý kết hợp việc đẩy mạnh sản xuất đông - xuân mà củng cố và phát triển tổ đối công và hợp tác xã ngay tại chỗ. Làm như thế sẽ không có lợi vì:

1. Nếu không nắm vững công tác trung tâm số một trước mắt là đẩy mạnh sản xuất đông - xuân thì khó bảo đảm thực hiện vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1959 mà như thế nhất định sẽ ảnh hưởng đến tinh thần hăng hái cách mạng của quần chúng và ảnh hưởng đến bản thân việc đẩy mạnh phong trào hợp tác hoá nông nghiệp.

2. Ngay từ giờ đã mở rộng việc phát triển hợp tác xã, không chờ Nghị quyết của Hội Nghị Trung ương sắp tới, thì

sau đây có thể sẽ phải sửa chữa nhiều và trong công việc sẽ gặp nhiều khó khăn.

Vì vậy, Ban Bí thư nhắc các địa phương chú ý mấy điểm sau đây:

1. Cần nắm vững công tác trung tâm số một trước mắt là: tăng cường lãnh đạo, đẩy mạnh sản xuất vụ đông - xuân, nhất định thực hiện vụ chiêm 1959 thắng lợi vượt bậc. Trong Thông tri số 187 của Ban Bí thư đã có nhắc: "Việc phát triển và củng cố tổ đối công và hợp tác xã hiện nay muốn có kết quả tốt, cần phải kết hợp với công tác vận động sản xuất đông - xuân, cụ thể là chống hạn, làm phân, cấy theo kỹ thuật mới và kịp thời vụ, v.v.".

Cần khắc phục tư tưởng ngại khó, chùn bước, đồng thời cũng cần phê phán những hiện tượng cưỡng bức, mệnh lệnh đối với quần chúng trong việc lãnh đạo sản xuất. Trong thời gian trước mắt, cần tập trung lực lượng điều chỉnh mạ, tiếp tục cấy một số diện tích còn lại, chống hạn, trừ sâu, phòng cúm, chữa cúm, cứu đói cho có kết quả tốt. Các hợp tác xã cần điều tra số thóc dự trữ của xã viên, xem có đủ ăn từ nay đến lúc được gặt chiêm hay không. Nếu không đủ, cần bàn với quần chúng cách giải quyết. Tốt nhất là trồng thêm hoa màu, phát triển nghề phụ, phát động quần chúng giúp đỡ nhau. Trong khi phát triển nghề phụ, cần chú ý bảo đảm số nhân công cần thiết cho lao động nông nghiệp. Ở những nơi ruộng đất ít, thu hoạch vụ mùa vừa rồi không được mấy, quần chúng từ trước tới nay vẫn dựa thêm vào nghề phụ để sống, thì trong việc quản lý lao động, hợp tác xã cần chiếu cố thích đáng đến việc làm nghề phụ của một số quần chúng để khỏi ảnh hưởng nhiều đến đời sống của xã viên, nhưng vẫn phải bảo đảm hoàn thành kế hoạch sản xuất chung của hợp tác xã.

Việc tiếp tục đẩy mạnh sản xuất đông - xuân cần kết hợp với mấy việc sau đây:

a) Chinh đồn và củng cố các tổ đổi công và hợp tác xã sẵn có theo tinh thần Chỉ thị số 118 và Thông tri số 187 của Ban Bí thư. Chú trọng việc xây dựng thêm những tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm để chuẩn bị cơ sở cho việc phát triển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp sau này.

Trong khi xây dựng thêm một số hợp tác xã, cần giáo dục kỹ chính sách cho quần chúng, phát động tư tưởng quần chúng cho được sâu sắc. Cần khắc phục tư tưởng nôn nóng, muốn *xây dựng hàng loạt* hợp tác xã mới trước khi gặt vụ chiêm, do đó mà kém chú ý đến chất lượng của hợp tác xã. Nếu tháng 4-1959 đã có Nghị quyết của Hội nghị Trung ương về vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp, thì việc phát triển hợp tác xã vẫn có thể làm kịp trước vụ làm mùa.

b) Đào tạo một số cán bộ cho phong trào đổi công, hợp tác. Tài liệu huấn luyện cán bộ sẽ dựa vào những Chỉ thị, Thông tri sẵn có của Trung ương và tài liệu học tập của Ban Công tác nông thôn Trung ương. Chương trình huấn luyện không những phải bao gồm đường lối, phương châm, chính sách hợp tác hoá nông nghiệp, mà còn phải bao gồm cả kinh nghiệm quản lý hợp tác xã về ba mặt: lao động, sản xuất và tài vụ nữa. Nhưng không nên tập trung cán bộ quá đông lên tỉnh, lên huyện để ảnh hưởng không tốt đến công việc lãnh đạo, đẩy mạnh sản xuất đông - xuân hiện nay. Nơi nào đã cấy xong, không bị hạn nặng thì tổ chức học tập; nếu cấy chưa xong hoặc địa phương bị hạn nặng thì cần tập trung lực lượng vào việc cấy và chống hạn cho tốt, rồi sẽ học sau.

2. Các khu, tỉnh cần nghiên cứu lại mức phát triển hợp tác xã đề ra cho năm 1959 và điều chỉnh cho đúng mức. Tuy

khả năng từng nơi mà mức độ phát triển cao, thấp khác nhau. Nhưng lấy đơn vị là tỉnh thì nói chung, tỉnh nhiều nhất không nên quá 60%. (Các tỉnh miền núi hoặc một số tỉnh có đông giáo dân quần chúng chưa được giáo dục và phát động mấy thì mức phát triển có thể thấp hơn các nơi khác; trái lại Vĩnh Linh mức phát triển có thể cao hơn). Nếu đề ra mức quá cao, không bảo đảm giáo dục kỹ chính sách cho quần chúng và phát động tư tưởng quần chúng cho sâu, không bảo đảm đào tạo cán bộ cho đủ thì nhất định chất lượng các hợp tác xã sẽ kém. Cần chú ý đầy đủ tới những điều kiện xây dựng hợp tác xã mà Trung ương đã nêu ra là:

- Quần chúng thật sự yêu cầu,
- Có cơ sở tổ đổi công khá (chú trọng tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm),
- Có cốt cán lãnh đạo.

*

* *

Nhận được Thông tri này, các cấp, các ngành cần nghiên cứu, bàn bạc kỹ, thấu suốt tinh thần Thông tri để chỉ đạo công tác cho đúng.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 131-CT/TW, ngày 9-3-1959

Về việc lãnh đạo bầu cử và kiện toàn các cấp uỷ Đoàn Thanh niên từ huyện trở lên

Từ ngày Trung ương Đảng có Chỉ thị số 49-CT/TW tăng cường lãnh đạo công tác thanh vận đến nay, do sự chú ý của các cấp uỷ đảng địa phương, Đoàn Thanh niên Lao động đã được củng cố thêm một bước.

Song nhìn chung lại thì Đoàn Thanh niên chưa có đủ cán bộ để phụ trách các mặt công tác. Các Ban Chấp hành Đoàn đều xộc xệch, nhiều nơi chỉ có một, hai người do Đại hội chính thức bầu ra, còn phần lớn đều là mới bổ sung. Lệ lối làm việc cũng thiếu tập thể dân chủ, việc phát huy tinh thần tích cực sáng tạo của các cán bộ của Đoàn Thanh niên còn kém.

Hiện nay, trước nhiệm vụ nặng nề cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc, Đảng ta cần củng cố và xây dựng Đoàn Thanh niên Lao động thực sự trở thành tổ chức hậu bị của Đảng, gồm những phần tử tiên tiến trong thanh niên, làm người giúp việc trung thành và nguồn dự trữ đảng viên cho Đảng và nguồn cán bộ cho các ngành. Để củng cố Đoàn Thanh niên Lao động thêm một

bước, sau khi bầu cử xong các cấp uỷ đảng, cần phải lãnh đạo chặt chẽ việc tiến hành Hội nghị đại biểu Đoàn Thanh niên để bầu ra các cấp uỷ đoàn từ huyện trở lên.

Việc lãnh đạo bầu cử các cấp uỷ đoàn thanh niên cần đặt những mục đích sau đây:

- Tăng cường thêm một bước sự lãnh đạo của Đảng đối với Đoàn Thanh niên, làm cho các cấp uỷ đảng từ chi uỷ nhận rõ nhiệm vụ, tính chất của Đoàn Thanh niên Lao động trong nhiệm vụ mới, do đó tăng cường lãnh đạo đối với Đoàn Thanh niên; đồng thời nâng cao thêm ý thức cho cán bộ, đoàn viên và thanh niên đối với sự lãnh đạo của Đảng để đoàn kết chặt chẽ đoàn viên và thanh niên xung quanh Đảng, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ do Đảng đề ra.

- Kiện toàn sự lãnh đạo của Đoàn Thanh niên, làm cho các cấp uỷ đoàn có đủ cán bộ có năng lực làm việc, tăng cường tính tổ chức của Đoàn Thanh niên, thực hiện đầy đủ nguyên tắc dân chủ tập trung, xây dựng nề nếp làm việc tập thể, dân chủ để phát huy tinh thần tích cực, sáng tạo, chủ động của đông đảo cán bộ, đoàn viên và thanh niên.

- Nâng cao thêm sự giác ngộ của đoàn viên và thanh niên, đẩy mạnh tinh thần hăng hái phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước 1959 và những nhiệm vụ trước mắt.

Để bảo đảm cho việc bầu cử được tốt, Đoàn Thanh niên Trung ương đã có chỉ thị, các cấp uỷ đảng cần giúp đỡ lãnh đạo các cấp uỷ đoàn thực hiện tốt chỉ thị đó. Ban Bí thư nhắc các cấp uỷ chú ý thêm một số vấn đề chính sau đây:

a) Về số lượng các cấp uỷ đoàn, quy định như sau:

- Về chấp hành huyện đoàn các tỉnh đồng bằng, nên từ 13

đến 17 uỷ viên chính thức. Các địa phương miền núi, nên từ 7 đến 13 uỷ viên chính thức.

- Về chấp hành tỉnh đoàn đồng bằng, nên từ 19 đến 31 uỷ viên chính thức. Các địa phương miền núi, nên từ 13 đến 21 uỷ viên chính thức.

Các thành đoàn Hà Nội, Hải Phòng số lượng có thể đông hơn.

Đối với các thị đoàn, quận đoàn nên từ 5 đến 9 uỷ viên chấp hành.

Số uỷ viên dự khuyết không nên quá 1/4 số uỷ viên chính thức. Số lượng uỷ viên nữ trong chấp hành huyện đoàn phải đạt được 1/4 và ở tỉnh phải đạt được 1/5 tổng số uỷ viên.

b) Trong việc lựa chọn người tham gia cấp uỷ đoàn, cần chú ý: ngoài số cán bộ đoàn chuyên trách công tác thanh vận, cần có cán bộ ở cơ quan lãnh đạo của ngành nông - lâm, thuỷ lợi, kiến trúc, công nghiệp, giáo dục, tình đội, văn hoá, tham gia để làm cho công tác lãnh đạo Đoàn Thanh niên bao quát được các mặt công tác. Ngoài ra, cần có cán bộ đoàn ở cơ sở xí nghiệp, nông thôn, trường học tham gia Ban Chấp hành để làm cho cấp uỷ Đoàn Thanh niên đó có thể liên hệ tốt với tình hình cơ sở quần chúng.

Cần phải căn cứ vào tiêu chuẩn "đức, tài" đồng thời chú ý làm cho Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên thực sự là cấp uỷ lãnh đạo của một đoàn thể quần chúng tiên tiến của thanh niên.

c) Sẽ tiến hành Hội nghị đại biểu Đoàn Thanh niên các cấp để bầu cử ra các cấp uỷ đoàn. Riêng ở thành phố nếu có điều kiện có thể triệu tập Đại hội đại biểu để bầu cử.

Nơi cơ sở đoàn rất ít như một số địa phương miền núi thì chỉ cần bổ sung.

Việc bầu cử cần làm cho thiết thực, đơn giản. Các cấp uỷ Đoàn Thanh niên cần kiểm điểm công tác, bàn nhiệm vụ của Đoàn Thanh niên theo tinh thần Nghị quyết của Trung ương Đảng lần thứ 14, Nghị quyết Đảng bộ địa phương và Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn lần thứ sáu, sau đó có phần kiểm điểm phê bình và tự phê bình và bầu cử ban chấp hành mới.

Về thời gian, cần tiến hành tích cực nhằm hoàn thành vào cuối tháng 3 hoặc đầu tháng 4.

d) Các cấp uỷ đảng cần chỉ thị cho ban tổ chức các cấp cùng với cấp uỷ Đoàn Thanh niên căn cứ vào nhiệm vụ công tác của Đảng mà cho Đoàn Thanh niên đủ số cán bộ làm việc (Thanh vận Trung ương đã có nghiên cứu và gửi dự án cho các Đảng đoàn thanh niên tỉnh). Các cấp cần cử cấp uỷ viên sang trực tiếp làm bí thư Đoàn Thanh niên và thực sự chuyên trách, tránh tình trạng chuyển chuyển, hoặc lấy cán bộ của Đoàn Thanh niên đi công tác khác mà không có bổ sung.

Đoàn Thanh niên là một nguồn dự trữ của Đảng, nhiệm vụ của đoàn là phải đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để sau này cung cấp cho Đảng và các ngành của Nhà nước. Ban Bí thư Trung ương Đảng đồng ý cho các cấp uỷ của Đoàn Thanh niên từ huyện trở lên được lấy cán bộ cơ sở của Đoàn vào biên chế cho đủ cán bộ làm việc theo con số của cấp uỷ đảng đã quy định biên chế cho Đoàn. Các cấp uỷ đảng cần đôn đốc và giúp đỡ Đoàn Thanh niên có kế hoạch đầy đủ đào tạo thường xuyên cán bộ cho Đoàn.

Về lề lối làm việc, các cấp uỷ đảng cần kiểm điểm sự lãnh đạo Đoàn Thanh niên để bổ khuyết và đặt một nề nếp làm việc, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với Đoàn Thanh niên được chặt chẽ hơn.

Các cấp uỷ đảng thi hành nghiêm chỉnh Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 132-CT/TW, ngày 13-3-1959

Về tăng cường công tác bảo đảm an toàn lao động

Công tác bảo hộ lao động phục vụ trực tiếp cho sản xuất và không thể tách rời khỏi sản xuất. Bảo hộ tốt sức lao động của người sản xuất là một yếu tố rất quan trọng để đẩy mạnh sản xuất phát triển. Bảo đảm an toàn lao động là một vấn đề trọng yếu của công tác bảo hộ lao động. Nếu để tai nạn lao động xảy ra thì không những gây thiệt hại về của cải và sức người, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tinh thần yên tâm, phấn khởi sản xuất của công nhân. Cho nên, xem nhẹ việc bảo đảm an toàn lao động là biểu hiện của quan điểm sản xuất chưa đầy đủ, biểu hiện thiếu quan điểm quần chúng trong sản xuất.

Từ sau Hội nghị tổng kết công tác bảo hộ lao động trong ba năm khôi phục kinh tế (tháng 6-1958), công tác đề phòng tai nạn lao động đã được đẩy mạnh lên một bước. Ở các cơ sở sản xuất, việc lập kế hoạch bảo hộ lao động đi đôi với kế hoạch sản xuất đã bước đầu được thực hiện; việc thiết bị an toàn, trang bị dụng cụ phòng hộ cho công nhân đã đi dần vào nề nếp. Công tác lãnh đạo bảo hộ lao động được tăng cường; việc kiểm tra đôn đốc có tiến bộ hơn.

Song, nhìn chung tình hình tai nạn lao động còn *ngghiêm trọng*, những tai nạn xảy ra làm chết và bị thương nhiều người một lúc có phần phát triển. Ở một số cơ sở, số người bị chết và bị thương vì tai nạn lao động có tăng hơn trước.

Sở dĩ tình trạng tai nạn lao động xảy ra nghiêm trọng là do nhiều nguyên nhân: sự lãnh đạo công tác bảo hộ an toàn lao động còn thiếu cụ thể, chưa gắn liền công tác đó với lãnh đạo sản xuất. Việc giáo dục cho công nhân ý thức bảo vệ còn nhiều thiếu sót, công tác bảo đảm an toàn lao động chưa thành phong trào quần chúng. Song nguyên nhân chủ yếu là do tư tưởng của cán bộ từ cơ sở đến các ngành ở Trung ương còn chưa chú ý đúng mức đến vấn đề bảo đảm an toàn cho công nhân còn các cấp uỷ đảng ở cơ sở thì cũng ít bàn đến việc bảo hộ lao động.

Trong thời gian sắp tới, với đà phát triển của công nghiệp số công nhân mới sẽ tăng thêm; tinh thần lao động của công nhân càng được phát huy thì những thiếu sót nói trên càng cần được gấp rút sửa chữa.

Để ngăn chặn những tai nạn lao động có thể tránh được, các cấp và các ngành cần chú ý thực hiện mấy điểm như sau:

1. Các cấp uỷ đảng, các cán bộ lãnh đạo sản xuất cần thấu suốt tinh thần "đảm bảo an toàn lao động để sản xuất, sản xuất phải đảm bảo an toàn lao động", đặt công tác bảo hộ lao động gắn liền với công tác sản xuất. Mỗi khi định ra kế hoạch, chỉ tiêu sản xuất, cần phải đồng thời định ra kế hoạch bảo hộ lao động. Các cấp uỷ đảng trực tiếp lãnh đạo sản xuất cần đặc biệt chú trọng việc đề phòng tai nạn lao động, phải có những biện pháp cụ thể đảm bảo an toàn lao động, làm cho anh chị em công nhân yên tâm và phấn khởi đẩy mạnh sản xuất.

2. Cần tăng cường giáo dục cho công nhân ý thức tự bảo vệ an toàn trong lao động, làm cho việc đề phòng tai nạn lao động thành công tác của quần chúng thì mới có kết quả tốt. Mỗi khi xảy ra tai nạn lao động, cần kiểm điểm, rút kinh nghiệm ngay để giáo dục cán bộ và công nhân. Cần đề cao vai trò giám sát của công đoàn và quần chúng, cùng quần chúng bàn bạc để thi hành những biện pháp cụ thể đảm bảo an toàn lao động.

3. Nhận được Chỉ thị này, các ngành có trách nhiệm và các cơ quan lãnh đạo cơ sở sản xuất cần kiểm điểm lại công tác bảo hộ lao động, nhận xét tình hình đảm bảo an toàn sản xuất trong thời gian qua và đề ra kế hoạch cụ thể nhằm sửa chữa những thiếu sót đã mắc phải. Các cấp uỷ đảng địa phương cần chú trọng lãnh đạo, đôn đốc các cơ sở sản xuất thực hiện kế hoạch đảm bảo an toàn lao động; đặc biệt chú ý kiểm tra và giúp đỡ những đơn vị thường xảy ra tai nạn lao động.

Các ngành và các cấp lãnh đạo sản xuất cần thi hành nghiêm chỉnh Chỉ thị này, chú trọng kết hợp lãnh đạo sản xuất với đảm bảo an toàn lao động để tránh tai nạn có thể xảy ra.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 133-CT/TW, ngày 13-3-1959

Về việc tổ chức và lãnh đạo phong trào cải tiến kỹ thuật, sáng kiến phát minh

Thủ tướng Chính phủ vừa có Chỉ thị về việc tổ chức và lãnh đạo phong trào cải tiến kỹ thuật, sáng kiến phát minh.

Các cấp uỷ cần nhận rõ ý nghĩa và tác dụng rất quan trọng và to lớn của phong trào này, cần nghiên cứu kỹ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ để chấp hành một cách tích cực.

Để tạo điều kiện tốt cho việc chấp hành Chỉ thị nói trên, Ban Bí thư đã quyết định:

1. Các khu tự trị, các thành, các tỉnh cần tổ chức một ban kỹ thuật của khu, thành và tỉnh. Ban này có nhiệm vụ giúp cấp uỷ khu, thành và tỉnh lãnh đạo phong trào cải tiến kỹ thuật, sáng kiến phát minh; và sau này sẽ trở thành cơ quan giúp các cấp uỷ lãnh đạo công tác khoa học và kỹ thuật trong phạm vi khu, thành và tỉnh. Ban này sẽ do một đồng chí cấp uỷ viên tương đối có năng lực trực tiếp phụ trách và sẽ gồm một số đồng chí ở các ngành nông - lâm, công nghiệp, công đoàn, thanh niên, v.v..

2. Các thành và tỉnh cần mở một khu vực triển lãm

thường xuyên để có thể trưng bày các thành tích về cải tiến kỹ thuật, sáng kiến phát minh của các xí nghiệp, nông trường, công trường, hợp tác xã, các trường học, các tập thể hoặc cá nhân. Cần lãnh đạo tốt công tác triển lãm này, không những để phát huy tính tích cực và sức sáng tạo của quần chúng mà còn để gây một không khí học thuật lành mạnh trong quần chúng, góp phần bài trừ mê tín dị đoan và tăng cường sinh hoạt văn hoá của địa phương.

3. Trung ương đã thông qua nguyên tắc thành lập Hội phổ biến khoa học kỹ thuật ở Trung ương và ở cấp khu, thành và tỉnh. Các cấp cần chuẩn bị để thành lập Hội ở địa phương mình và lãnh đạo tốt công việc của Hội.

4. Những vấn đề này là những vấn đề mới và lớn; Ban Bí thư quyết định sẽ triệu tập một cuộc hội nghị để Uỷ ban Khoa học Nhà nước trình bày về các vấn đề ấy và cùng với các cấp nghiên cứu các biện pháp thực hiện.

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 135-CT/TW, ngày 24-3-1959

Về việc vận động nhân dân tích cực thảo luận Hiến pháp sửa đổi

Ban sửa đổi Hiến pháp đã thảo xong bản Hiến pháp sửa đổi và nay mai sẽ công bố để toàn dân thảo luận.

Trung ương đồng ý với chủ trương đó của Ban sửa đổi Hiến pháp nhằm hai mục đích sau đây:

- Qua cuộc thảo luận, sẽ thu góp được nhiều ý kiến của tất cả các tầng lớp nhân dân, để xây dựng một bản Hiến pháp thực sự phù hợp với ý chí và nguyện vọng của nhân dân ta, thực sự phản ánh được tình hình thực tế của dân tộc ta trong giai đoạn hiện nay.

- Qua cuộc thảo luận, sẽ nâng cao hơn nữa ý thức làm chủ đất nước, ý thức đấu tranh thống nhất nước nhà và ý thức xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc của toàn dân; sẽ nâng cao hơn nữa trình độ hiểu biết của nhân dân về cách tổ chức nhà nước, về sự phân biệt căn bản giữa hai chế độ xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, về sự nhận định rõ rệt giữa nền dân chủ độc lập thực sự ở miền Bắc và sự áp bức, bóc lột và độc lập giả hiệu của bè lũ Ngô Đình Diệm ở miền Nam.

Đối với quần chúng cơ bản, thì yêu cầu cụ thể là làm cho hiểu rõ mấy điểm như sau:

- Hiến pháp của ta đảm bảo việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đẩy mạnh cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam.

- Hiến pháp của ta là Hiến pháp thực sự dân chủ: các cơ quan đại biểu nhân dân như Quốc hội, Hội đồng nhân dân đều thực sự do dân bầu ra là cơ quan quyền lực cao nhất; tất cả các cơ quan nhà nước và nhân viên cơ quan nhà nước đều chịu sự giám đốc của nhân dân và phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân.

- Hiến pháp của ta quy định rõ quyền lợi của nhân dân về đủ mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, và quy định rõ Nhà nước phải đảm bảo cho nhân dân được hưởng các quyền lợi đó; đồng thời cũng quy định nhiệm vụ vẻ vang của nhân dân đối với Nhà nước của mình. Trong vấn đề quyền lợi, phụ nữ được đặc biệt chú ý.

- Hiến pháp của ta thừa nhận và đảm bảo quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

Nói tóm lại, Hiến pháp của ta rất tiến bộ và rất dân chủ, nhân dân cần hiểu rõ Hiến pháp, dùng Hiến pháp như một công cụ đấu tranh cho quyền lợi của Tổ quốc cũng như cho quyền lợi của mình.

Thời gian để nhân dân thảo luận Hiến pháp sửa đổi từ 3 đến 4 tháng (tháng 4 đến tháng 6, tháng 7). Hiện nay các địa phương đang bận nhiều việc, do đó các cấp uỷ đảng cần nghiên cứu bố trí kế hoạch hướng dẫn cho nhân dân thảo luận được tốt, mà không ảnh hưởng đến công việc làm ăn của nhân dân.

*

* *

Thảo luận Hiến pháp có hai cách: một là thảo luận ở các hội nghị, hai là thảo luận trên các báo.

Hội nghị thảo luận Hiến pháp cũng có thể chia ra hai loại khác nhau: một loại là hội nghị quần chúng cơ bản; một loại là hội nghị cán bộ.

Các hội nghị quần chúng thảo luận Hiến pháp có thể tổ chức theo đơn vị cơ quan, đoàn thể, xí nghiệp, trường học hoặc địa phương tùy hoàn cảnh. Về thời gian hội nghị thì trong khoảng ba, bốn tháng có thể chọn một dịp nào đó, tổ chức hội nghị chuyên thảo luận về Hiến pháp, cũng có thể kết hợp vào các hội nghị khác của quần chúng, đôi thêm một số thời giờ để thảo luận. Nhưng cần làm nhanh và gọn, rất tốt là có thể làm xong trong khoảng ba, bốn buổi tùy các cấp ủy lãnh đạo sắp xếp cho hợp lý theo chương trình công tác của mình. Để cho việc thảo luận của quần chúng tiến hành được tốt, cần có cán bộ báo cáo và giải thích để quần chúng hiểu được ý nghĩa quan trọng của cuộc thảo luận và hướng dẫn, kêu gọi cho quần chúng phát biểu ý kiến theo như mấy điểm yêu cầu đối với quần chúng cơ bản nói ở trên. Về tài liệu hướng dẫn, Ban sửa đổi Hiến pháp sẽ công bố bản thảo lên tất cả các báo, sau đó sẽ có một số bài giới thiệu về Hiến pháp trên các báo chí và đài phát thanh. Các địa phương cần theo dõi các báo và đài phát thanh để nghiên cứu những bài giới thiệu đăng truyền đạt lại trong các cuộc hội nghị quần chúng.

Trong các cuộc hội nghị cán bộ thì có thể thảo luận toàn diện hơn. Trước hết là tinh thần chung và thực chất của Hiến pháp; rồi sau có thể đi sâu vào những vấn đề thiết thân đến mình. Thí dụ: cán bộ công tác nông thôn có thể bàn nhiều về vấn đề nông nghiệp. Cán bộ công đoàn có thể bàn nhiều về

vấn đề công nghiệp và vấn đề lao động và tư bản. Phụ nữ có thể bàn nhiều về vấn đề phụ nữ. Cán bộ chính quyền có thể bàn nhiều về vấn đề tổ chức nhà nước, v.v.. Và cũng tùy theo nhu cầu của từng cấp như tỉnh, huyện mà đặt trọng tâm cho thích hợp. Hết sức tránh tình trạng sự vụ, đi sâu vào những điểm vụn vặt mà bỏ mất yêu cầu lớn. Hội nghị cán bộ cũng cần làm nhanh và gọn để không ảnh hưởng đến công tác chung.

Riêng về cán bộ các ngành chuyên môn, như hội luật gia, ngành tư pháp và công tố hay ban pháp chính, v.v. thì có thể thảo luận các chuyên đề và có thể đi sâu từng vấn đề. Nhưng trước hết cũng cần phải thảo luận về tinh thần chung và thực chất của Hiến pháp.

Trong các hội nghị cần động viên mọi người có ý kiến gì cứ mạnh bạo phát biểu, tranh luận, và nếu có ý kiến không đồng nhau thì không bắt thiếu số phục tùng đa số, mà cứ viết ý kiến của cả hai bên gửi cho Ban sửa đổi Hiến pháp. Nếu có người không tham gia thảo luận ở hội nghị mà muốn nghiên cứu riêng và phát biểu ý kiến thẳng lên Ban sửa đổi Hiến pháp hoặc với các báo cũng được.

Việc thu góp ý kiến cần được chú ý làm cho tốt. Những kết quả của các cuộc thảo luận đều viết gửi cho Ban sửa đổi Hiến pháp, phải nói rõ là bao nhiêu người tham gia và ý kiến thảo luận như thế nào để tiện cho việc làm thống kê sau này. Ở những vùng nông thôn hẻo lánh và ở miền núi, giao thông bưu điện không tiện thì các cấp ủy phải có kế hoạch giúp đỡ và nhắc nhở thúc giục thêm, thì việc thảo luận và thu góp ý kiến mới được đều đặn và mau chóng.

Việc thảo luận trên các báo là một việc rất quan trọng. Các báo đăng tin tức và những ý kiến của các địa phương gửi

đến cũng là một hình thức thảo luận. Nhưng các đồng chí trong Ban sửa đổi Hiến pháp cần tổng hợp ý kiến và nêu vấn đề để thảo luận trên các báo. Như vậy việc thảo luận sẽ đi vào các vấn đề lớn, các vấn đề có tính chất nguyên tắc. Bản thân các báo cũng có thể nêu vấn đề lên để thảo luận. Thảo luận trên các báo không phải chỉ nêu lên những điểm không đồng ý kiến, hay những điểm muốn sửa chữa (vì như vậy sẽ chỉ tập trung lại tất cả các ý kiến chống đối), mà trước hết là phải tỏ rõ thái độ đối với tinh thần chung và thực chất của Hiến pháp, đồng thời cũng có thể nêu lên những ý kiến phản ánh bản chất tốt đẹp của chế độ ta, của Đảng ta và Chính phủ ta qua việc nghiên cứu Hiến pháp và qua việc toàn dân thảo luận Hiến pháp.

Riêng các đồng chí phụ trách ở các ngành đảng, quân, dân, chính và các ngành chuyên môn lại càng cần phải hết sức quan tâm, cần đứng trên cương vị công tác của mình, hoặc cương vị một người cán bộ, một người công dân, nghiên cứu kỹ Hiến pháp và viết bài phát biểu trên các báo, góp phần tích cực vào cuộc thảo luận chung của toàn dân. Việc thảo luận trên các báo càng sôi nổi thì càng nảy ra nhiều ý kiến hay, càng giúp cho việc xây dựng Hiến pháp được tốt.

Trong dịp toàn dân thảo luận Hiến pháp, đối với đồng chí ta, ngoài nhiệm vụ công dân để tự mình học hỏi, còn là một dịp để tuyên truyền giáo dục cho nhân dân, thấm nhuần đường lối chính sách của Đảng về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà, thấm nhuần thêm ý thức về pháp chế và ý thức đối với Nhà nước. Trong quá trình thảo luận, đảng viên phải hết sức lắng nghe ý kiến của nhân dân, tuyệt đối chớ ngăn cản quần chúng phát biểu ý kiến và gượng ghép ý kiến mình cho quần chúng. Chúng ta

cần phát huy cao độ tinh thần dân chủ của nhân dân, đặc biệt là các nhân sĩ trong Mặt trận, để có thể thu góp được càng nhiều ý kiến càng tốt, kể cả ý kiến chống đối.

*
* *

Trung ương kêu gọi toàn thể đảng viên và đoàn viên thanh niên lao động hết sức coi trọng công tác này, hết sức hướng dẫn nhân dân thảo luận được tốt thì chẳng những ảnh hưởng sâu sắc đến sinh hoạt chính trị của nhân dân miền Bắc, mà còn là một cổ vũ lớn lao cho cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam, kiên quyết đấu tranh chống chế độ thối nát của Mỹ - Diệm.

Mong các cấp ủy chú ý nghiên cứu Chỉ thị này và đặt kế hoạch thi hành.

T/M BAN BÍ THƯ

PHẠM HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 134-CT/TW, ngày 27-3-1959

Về việc tăng cường lãnh đạo công tác lâm nghiệp

Ở miền Bắc nước ta có chừng trên 8.500.000 mẫu tây¹⁾ rừng, đó là một nguồn tài sản rất lớn. Ngoài nguồn lợi về lâm sản cần cho đời sống của nhân dân và nhu cầu xây dựng của Nhà nước, rừng còn có tác dụng chống bão lụt, chống cát bay, điều hoà thời tiết, có lợi cho việc phát triển nền kinh tế chung.

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà lại là nước duy nhất trong phe xã hội chủ nghĩa ở miền nhiệt đới, có nhiều nguồn lâm sản quý, và có đủ điều kiện thuận lợi để nghiên cứu xây dựng ngành khoa học lâm nghiệp và trao đổi lâm sản với các nước anh em.

Dưới chế độ thực dân phong kiến trước kia, rừng nước ta bị phá hoại nghiêm trọng và hầu như bị kiệt quệ. Trong kháng chiến, do hoàn cảnh chiến tranh, rừng lại bị phá thêm.

Từ sau khi hoà bình lập lại, ta đã có nhiều cố gắng và đã thu được một số thành tích trong việc khôi phục nghề rừng, đảm bảo cung cấp cho nhu cầu khôi phục kinh tế, cung cấp lâm sản cho nhân dân. Việc quản lý rừng đã dần dần có nề

1) Mẫu tây: héc-ta (B.T).

nếp. Trong các việc khoanh rừng, bảo vệ rừng, trồng và gây rừng, tổ chức các tổ sơn tràng, xây dựng các cơ sở khai thác quốc doanh, v.v. ta cũng đã thu được một số kết quả tốt.

Nhờ khai thác lâm sản, đời sống của đồng bào miền núi đã được cải thiện một phần.

Tuy vậy, việc lãnh đạo công tác lâm nghiệp của ta còn nhiều thiếu sót và hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn phải khắc phục.

Trong mấy năm vừa qua, tuy ta có đạt được một số thành tích về khôi phục và phát triển nghề rừng, nhưng so với nhiệm vụ phát triển nền kinh tế quốc dân, và nhiệm vụ phát triển lâm nghiệp, thì công việc ta đã làm chưa đáp ứng được yêu cầu. Rừng của ta hiện đang ở trong tình trạng rất nghèo nàn và lạc hậu. Việc khai thác rừng, đốt rừng, phá rừng bừa bãi vẫn còn xảy ra liên tiếp. Tình trạng "đồi trọc lán rừng xanh" đang diễn ra ngày một nghiêm trọng ở hầu khắp mọi nơi và đã gây ra những hậu quả tai hại như hạn hán, nước lũ, lụt, gió bão, ảnh hưởng xấu trực tiếp đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

Tình trạng trên đây, chủ yếu là do các cấp uỷ đảng chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác lâm nghiệp và chưa chú trọng lãnh đạo công tác này, chưa chú trọng giáo dục nhân dân ý thức bảo vệ rừng, khắc phục những quan niệm sai lầm cho rằng: rừng là vô tận, rừng là của thiên nhiên tự sinh, tự phát, v.v..

Để đảm bảo phát triển ngành lâm nghiệp cân đối với các ngành khác, có đủ khả năng cung cấp cho nhu cầu của Nhà nước và nhân dân trong kế hoạch ba năm và các kế hoạch kinh tế dài hạn sau này, các cấp uỷ đảng phải chú trọng tăng cường lãnh đạo công tác lâm nghiệp. Đó là một công tác lớn,

phức tạp, bao gồm nhiều việc như cải tạo rừng, trồng rừng, bảo vệ, khai thác và sử dụng rừng, v.v.. Công tác này có liên quan đến nhiều ngành, do đó, phải có đường lối, phương châm và chính sách cụ thể hướng dẫn các ngành và các cấp thực hiện.

Trong khi chờ đợi Trung ương Đảng và Chính phủ ban hành đường lối, phương châm và các chính sách cụ thể về công tác lâm nghiệp, Ban Bí thư nhắc các cấp uỷ đảng và các ngành chú ý tiến hành ngay một số công tác cụ thể dưới đây:

1. *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục nhân dân có ý thức bảo vệ rừng, tiết kiệm lâm sản, đồng thời cần phải củng cố và phát triển các cơ sở khai thác quốc doanh, tổ chức và giáo dục các lực lượng sơn tràng vào các con đường hợp tác, đi đôi với phong trào hợp tác hoá nông nghiệp*

Công tác tuyên truyền giáo dục phải được tiến hành liên tục và lâu dài. Phải nhận rõ then chốt để phát triển công tác lâm nghiệp là động viên giáo dục rộng rãi cho cán bộ và nhân dân tích cực và tự giác tham gia bảo vệ và phát triển nghề rừng. Đồng thời đi đôi với phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, cần phải tổ chức các lực lượng sơn tràng, xoá bỏ tình trạng khai thác cá thể, phân tán, vô tổ chức như hiện nay. Cần tổ chức các lâm trường khai thác rừng và có kế hoạch phân phối nhân công hợp lý để đảm bảo cả nghề nông và nghề rừng, tiến tới chuyên nghiệp hoá một phần nhân lực cần thiết cho các cơ sở quốc doanh lâm nghiệp.

Trong việc khai thác và sử dụng rừng, phải tận dụng đến mức tối đa khả năng của rừng và phải triệt để sử dụng các loại gỗ, hết sức tiết kiệm trong việc dùng gỗ. Cần chú ý phát triển công nghiệp chế biến quy mô nhỏ để sử dụng cho được

các gỗ tạp và sử dụng các phế phẩm, nâng cao mức lợi dụng gỗ, thực hiện phương châm khai thác toàn diện.

2. *Đẩy mạnh phong trào trồng cây gây rừng, hướng dẫn việc khai thác một cách có kế hoạch để bảo vệ rừng và đảm bảo cung cấp cho nhu cầu của Nhà nước và nhân dân*

Công tác trồng rừng, bảo vệ rừng là công tác trọng yếu của ngành lâm nghiệp. Tháng 12-1958, Ban Bí thư đã có Chỉ thị về việc trồng cây gây rừng. Các cấp uỷ đảng có nhiệm vụ vận động quần chúng ra sức thực hiện Chỉ thị đó, gây thành một phong trào quần chúng trồng cây gây rừng rộng rãi từ vùng ven biển, vùng đồng bằng cho đến vùng đồi núi.

Chú ý hướng dẫn các hợp tác xã nông nghiệp thu nhập và chế biến lâm sản phụ, trồng cây gỗ, trồng lâm sản phụ.

Cần phải quản lý chặt chẽ việc khai thác rừng và hướng dẫn việc khai thác theo đúng luật lệ khai thác rừng, đảm bảo kế hoạch cung cấp cho nhu cầu của Nhà nước và nhân dân.

Cần cải tiến công cụ và phương tiện vận chuyển, kết hợp thủ công với cơ giới, dần dần tiến tới cơ giới hoá việc vận chuyển.

Các cơ quan lâm nghiệp, giao thông và quốc phòng cần phối hợp nghiên cứu kế hoạch mở mang đường thủy và đường bộ vừa tiện lợi cho việc giao thông vận tải, quốc phòng và khai thác rừng.

3. *Tiến hành điều tra, điều chế rừng; đẩy mạnh việc cải tiến kỹ thuật, xây dựng cơ sở cho khoa học lâm nghiệp Việt Nam*

Ngành lâm nghiệp cần kết hợp với các ngành có liên quan đến nghề rừng như quốc phòng, thủy lợi, giao thông

bưu điện, v.v. để tiến hành điều tra rừng, xây dựng kế hoạch toàn diện về kinh doanh và quản lý rừng.

Phải tiến hành điều chế từng bước, có trọng điểm các khu rừng theo yêu cầu bức thiết của từng địa phương, hợp tác xã, nông trường, v.v. và giao cho các địa phương, các hợp tác xã, nông trường, v.v. nhiệm vụ bảo vệ rừng, trồng rừng và sử dụng hợp lý đất đai và lâm sản.

Phải phát huy sáng kiến của quần chúng và tích cực học tập kinh nghiệm tiên tiến của các nước anh em để đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật về các mặt trồng rừng, cải tạo rừng, khai thác, chế biến, sử dụng lâm sản. Đồng thời phải tăng cường công tác nghiên cứu và phổ biến khoa học, kỹ thuật lâm nghiệp, xây dựng các cơ sở nghiên cứu, tiến tới xây dựng khoa học lâm nghiệp Việt Nam.

4. Tăng cường bộ máy quản lý lâm nghiệp

Để đảm bảo thực hiện những nhiệm vụ trên, các cấp cần tăng cường cán bộ cho ngành lâm nghiệp, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác lâm nghiệp. Cơ quan lâm nghiệp và lâm thổ sản cần thống nhất làm một, đồng thời củng cố các tổ chức cơ sở để đảm bảo quản lý tốt công tác lâm nghiệp.

Căn cứ vào mấy công tác trên đây, Thủ tướng Chính phủ và Đảng đoàn Bộ Nông - Lâm sẽ có chỉ thị về một số công tác cụ thể để hướng dẫn các địa phương thi hành và xúc tiến việc nghiên cứu, xây dựng đường lối, chính sách phát triển lâm nghiệp và xây dựng các chế độ bảo vệ rừng, chống phá hoại rừng, v.v..

Việc xây dựng và phát triển ngành lâm nghiệp tuy còn gặp nhiều khó khăn, nhưng nếu các cấp ủy đảng tăng cường

lãnh đạo, động viên toàn Đảng, toàn dân tham gia thực hiện thì công tác lâm nghiệp sẽ tiến triển tốt.

Các cấp ủy đảng và các ngành có liên quan đến công tác lâm nghiệp cần đặt kế hoạch cụ thể thi hành Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 136-CT/TW, ngày 28-3-1959

Về việc phát triển nghề đánh cá và nuôi cá

Nước ta có nhiều nguồn lợi về cá. Nghề cá của nhân dân ta có từ lâu đời, nhưng dưới chế độ thực dân phong kiến, nghề đó không được phát triển. Trong thời kỳ kháng chiến, nghề cá bị địch phá hoại càng thêm sút kém, đời sống nhân dân ta càng thêm khó khăn.

Từ hoà bình lập lại đến nay, thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ về khôi phục và phát triển nghề đánh cá và nuôi cá, nhân dân ta đã đạt được một số thành tích (năm 1958, tổng thu hoạch cá biển đạt 120.000 tấn, cá hồ, ao 24.000 tấn trên một diện tích 17.000 mẫu tây và cá ruộng, cá sông trên hàng vạn tấn). Do đó đời sống của dân làm cá miền biển được cải thiện rõ rệt.

Tuy nhiên, so với khả năng rất phong phú về cá của nước ta và so với yêu cầu phát triển toàn diện của nền kinh tế quốc dân, thì mức đánh cá và nuôi cá nói trên còn rất thấp, nguồn lợi thuỷ sản chưa được khai thác bao nhiêu, vì thế đời sống của nhân dân ở nông thôn tuy đã được cải thiện một phần, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn.

Tình hình đó một phần do điều kiện khách quan (tai nạn chiến tranh, ảnh hưởng thời tiết (gió bão), trình độ kỹ thuật lạc hậu, v.v.), nhưng chủ yếu là do sự lãnh đạo và chỉ đạo có những khuyết điểm chính như sau:

1. *Xem nhẹ nghề cá, chưa nhận thấy hết ý nghĩa quan trọng của nghề cá trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân*

Điều này thể hiện rõ trong việc lãnh đạo và chỉ đạo, chúng ta chưa chú ý điều tra, nghiên cứu, nắm tình hình, kịp thời đề ra những chủ trương, chính sách và kế hoạch cụ thể, nhằm khuyến khích phát triển nghề cá. Việc tuyên truyền, giáo dục, tổ chức, hướng dẫn và giúp đỡ nông dân và dân làm cá đẩy mạnh nghề đánh cá và nuôi cá nhằm tận dụng mọi khả năng tiềm tàng của nguồn thuỷ sản nước ta chưa được chú trọng.

2. *Chưa tích cực củng cố và phát triển phong trào hợp tác hoá nghề cá*

Tuy 6 tháng cuối năm 1958 tình hình tương trợ hợp tác trong nghề cá có tiến bộ hơn so với trước, nhưng nhìn chung phong trào vẫn còn yếu, tổ chức hội dân làm cá chưa được tăng cường, tổ chức hợp tác xã đánh cá còn ít và nhỏ (tính đến tháng 11-1958, mới xây dựng được 18 hợp tác xã), các tập đoàn, tổ sản xuất đã có từ lâu, nhưng còn ở trình độ thấp, việc giáo dục tư tưởng và chính trị cho dân làm cá chưa được chú trọng và tiến hành thường xuyên, có hệ thống.

3. *Chưa thật sự chú ý tìm hiểu và giải quyết những khó khăn cho dân làm cá để phát triển nghề nghiệp và đẩy mạnh sản xuất*

Trong mấy năm qua, các cấp ủy đảng và chính quyền đã mắc nhiều thiếu sót trong việc giúp đỡ dân làm cá về các mặt cung cấp nguyên liệu, vật liệu, tiêu thụ, chế biến, cũng như vốn liếng, bảo vệ an toàn sản xuất và cải tiến kỹ thuật nghề

cá, do đó đã hạn chế phần nào sức sản xuất cá phát triển, và ảnh hưởng đến đời sống của dân làm cá.

Về *nguyên liệu vật liệu*, chưa cung cấp đầy đủ, kịp thời và thích hợp với yêu cầu của từng vùng, và từng loại nghề nghiệp. Phần nhiều những nguyên liệu vật liệu được cung cấp lại kém phẩm chất, làm trở ngại nhiều đến sản xuất, hoặc cung cấp quá ít, thương nhân lợi dụng thị trường khan hiếm để nâng giá, bắt chẹt dân làm cá phải mua đắt.

Về *tiêu thụ*, tuy số lượng cá đánh được còn ít, nhưng cơ quan thương nghiệp thu mua không hết và cũng thiếu hướng dẫn và giúp đỡ về kỹ thuật chế biến cũng như về tiêu thụ (hiện nay ở Thanh Hoá và Liên khu III còn ứ đọng hàng nghìn tấn cá khô, mắm, v.v.). Việc định giá thu mua cũng không sát với từng loại cá, quan hệ giữa cá có giá trị và cá kém giá trị chưa được hợp lý; do đó kém tác dụng khuyến khích sản xuất, còn gây thêm thắc mắc trong nhân dân đối với chính sách thu mua của Nhà nước.

Việc *giải quyết vốn*, chưa theo đúng đường lối quần chúng, chưa chú ý huy động khả năng của quần chúng; việc cho vay cũng chưa sát với yêu cầu của dân làm cá.

Về *công tác bảo vệ an toàn sản xuất cho dân làm cá*, như truyền tin, tín hiệu, đèn báo bão, đào vét cửa lạch, phá đá ngầm, công tác phòng và cứu nguy và công tác vận động, tổ chức, hướng dẫn dân làm cá thực hiện, tuy có làm, nhưng có nhiều thiếu sót; do đó dân làm cá chưa thật an tâm sản xuất.

Ngoài ra, việc *cải tiến công cụ, cải tiến kỹ thuật* để phát triển nghề cá cũng chưa làm được bao nhiêu. Dân làm cá chưa đi đánh cá được ở ngoài khơi xa, chưa có điều kiện hoạt động lâu ngày trên mặt biển, chưa có đủ nghề để làm ăn quanh năm, còn lệ thuộc rất nhiều vào thiên nhiên, thu hoạch còn thấp kém. Việc nuôi cá hồ, ao, ruộng nước chưa

được phổ biến rộng khắp; phương pháp nuôi cá rất lạc hậu, sản lượng trung bình mỗi mẫu tây chỉ đạt 1 tấn 3.

4. *Chưa chú ý củng cố tổ chức, tăng cường cán bộ nhằm phục vụ nghề cá phát triển theo yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới*

Tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ nghề cá chỉ là một bộ phận trong ngành trồng trọt hoặc chăn nuôi, nhưng cán bộ thì lại quá ít và kém, nhất là ở cấp tỉnh, thậm chí có tỉnh chỉ có một cán bộ; ở huyện và xã chưa có cán bộ phụ trách. Các cơ sở nghiệp vụ như xưởng sản xuất thuyền lưới, trại sản xuất cá giống, các cơ sở nghiên cứu và kinh doanh của Nhà nước có tác dụng giúp đỡ, hướng dẫn quần chúng phát triển sản xuất còn quá ít. Tình hình tổ chức và cán bộ như trên càng chứng tỏ sự thiếu quan tâm của các cấp uỷ đảng đối với ngành cá, do đó đã hạn chế hoạt động của ngành trong việc khôi phục và phát triển nghề cá trong mấy năm qua.

Để kịp thời khắc phục những khuyết điểm kể trên, làm cho nghề đánh cá và nuôi cá phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng và toàn diện, Ban Bí thư đề ra mấy việc chính như sau:

1. *Cần nhận định đúng vị trí quan trọng của nghề cá trong nền kinh tế quốc dân của ta*

Nước ta ở vùng nhiệt đới, khí hậu và các nguồn nước rất thuận lợi cho việc phát triển nghề đánh cá. Bờ biển nước ta dài trên 2.500 cây số, riêng miền Bắc có 970 cây số với trên 48.000 hộ, gồm trên 236.000 dân làm cá. Ta có trên 102 sông ngòi lớn nhỏ: những sông lớn như sông Hồng Hà, sông Mã, sông Bạch Đằng, sông Thái Bình... là những con sông chảy vào vịnh Bắc Bộ (rộng hơn 44 ngàn hải lý vuông) tạo ra nhiều bãi cá tốt và có trên hai vạn dân đánh cá sông dọc theo các con sông ấy. Trong nội địa, có 42.000 mẫu tây hồ ao có thể nuôi cá, nhưng trong năm 1957, nông dân mới nuôi cá

được trên 1/3 tổng số diện tích; sản lượng mới bằng 20% sản lượng cá biển. Về diện tích ruộng có nước quanh năm ước chừng 860.000 mẫu tây có thể nuôi cá, nhưng đến nay, chỉ mới nuôi được trên 4.900 mẫu, phần lớn là ở một số vùng thượng du, và trung du, nhưng năng suất rất thấp, có nơi chỉ được 7 kg một sào Bắc Bộ. Ở vùng đồng bằng có rất nhiều cánh đồng mùa và đồng chiêm có nước quanh năm, có nhiều điều kiện thuận lợi để nuôi cá, nhưng vì thiếu sự hướng dẫn của các cấp lãnh đạo, nông dân chưa biết nuôi mà chỉ tìm cách bắt cá (cả cá con) sau mỗi vụ gặt.

Những đặc điểm về biển, sông, hồ ao, ruộng nước nói trên chứng tỏ nguồn lợi cá của nước ta rất dồi dào, nghề cá của nhân dân ta có những khả năng phát triển rất lớn. Trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, việc ra sức xây dựng một nền nông nghiệp có nhiều sản phẩm và nhiều nghề, cây lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề cá, nghề rừng, nghề phụ là một yêu cầu khách quan, là sự đòi hỏi bức thiết của nhân dân ta. Do đó, vị trí của nghề cá càng quan trọng, không những trong nền kinh tế nông nghiệp mà cả trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Phát triển nghề đánh cá chẳng những nâng cao thu nhập, tăng thêm nguồn thức ăn và cải thiện đời sống cho nhân dân, mà còn tăng thêm tích lũy cho Nhà nước và cung cấp nhiều nguyên liệu cho công nghiệp, y dược, kiến trúc (cá làm đồ hộp, gan nhiều loại cá làm thuốc, vỏ trai làm đồ khảm, nhựa rau câu để pha sơn, v.v.). Ngoài ra, phát triển nghề cá biển còn có tác dụng tích cực tăng cường phòng thủ bờ biển của nước ta.

Phát triển nghề nuôi cá trên toàn thể diện tích ao hồ, đồng ruộng, không những không làm mất đất của nông nghiệp, không làm giảm sút sản lượng lương thực, mà còn góp phần bảo đảm mùa màng thu hoạch được tốt (trong việc

kết hợp nuôi cá và thả bèo lấy phân, đào vét ao hồ lấy bùn bón ruộng, và giữ nước, đắp bờ, phòng và chống hạn). Vận động nông dân sử dụng các mặt nước ở nông thôn để nuôi cá là tạo thêm một nguồn lợi to lớn để nâng cao mức sống của trên 13 triệu nông dân, đồng thời tăng thêm phần thu nhập cho Nhà nước.

Vấn đề phát triển nghề đánh cá và nuôi cá quan hệ khăng khít với nhau; không thể chỉ coi trọng việc đánh cá mà buông lỏng việc nuôi cá. Nếu chỉ khuyến khích đánh cá mà không khuyến khích nuôi cá thì dần dần nguồn cá sẽ cạn, nghề đánh cá sẽ giảm sút. Cho nên cần phải tích cực vận động, khuyến khích nhân dân cùng tiến hành cả hai việc: đánh cá và nuôi cá. Cần có chính sách giúp đỡ kịp thời, có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, thích hợp cho từng vùng và có trọng điểm, đồng thời đúc và phổ biến kinh nghiệm và sáng kiến rộng rãi trong nhân dân.

Cần phải đánh giá đúng đắn và đầy đủ khả năng và tiềm đồ sáng sủa của nghề đánh cá và nuôi cá trong nền kinh tế nông nghiệp đang phát triển mạnh mẽ và toàn diện thì mới đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức và lãnh đạo nhân dân tích cực thực hiện tốt việc kết hợp sản xuất lương thực với việc phát triển đánh cá và nuôi cá, nhằm hoàn thành vượt mức kế hoạch của Nhà nước.

2. Ra sức củng cố và phát triển các hợp tác xã nghề cá theo đúng đường lối, phương châm công tác của Đảng đã đề ra

Vấn đề hợp tác hoá nghề cá là một bộ phận của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp. Phong trào cách mạng của quần chúng lao động ở nông thôn đang phát triển,

việc hợp tác hoá nghề cá cũng có nhiều triển vọng tiến theo một nhịp độ nhanh chóng.

Trong thời gian sắp tới, các cấp uỷ đảng có nhiệm vụ tích cực củng cố các tập đoàn, tổ sản xuất hiện có ở vùng biển, đẩy mạnh việc vận động phát triển tập đoàn, tổ sản xuất mới. Đồng thời xây dựng cho các tập đoàn, tổ sản xuất cũ và mới có một nội dung tiến bộ về mọi mặt: sử dụng chung thuyền lưới, trả công theo năng suất lao động, tích lũy vốn để phát triển nghề nghiệp. Đối với các hợp tác xã nghề cá đã thành lập từ trước, cần tiếp tục củng cố và dựa trên cơ sở các tập đoàn sản xuất đã được xây dựng vững mạnh, và phát triển thêm những hợp tác xã mới, đồng thời hướng dẫn các hợp tác xã làm thí điểm nuôi cá.

Đối với người chuyên sống về nghề đánh cá sông, cần hướng dẫn việc nuôi cá theo kế hoạch sản xuất của tập đoàn và dựa trên cơ sở đó mà xây dựng hợp tác xã đánh cá và nuôi cá.

Để tiến hành tốt các công tác cụ thể nói trên và trong lúc chờ đợi nghị quyết của Trung ương đối với nghề cá, các cấp uỷ đảng cần phải nắm vững đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn và vùng biển hiện nay là: "dựa hẳn vào dân đánh cá thuê, dân đánh cá nghèo, đoàn kết chặt chẽ với dân đánh cá thương, chủ phàng, chủ nghề có lao động và những người lao động khác có liên quan đến nghề cá", để đẩy mạnh tuyên truyền, tổ chức dân làm cá vào con đường làm ăn tập thể.

3. Tăng cường giáo dục tư tưởng và chính trị cho dân làm cá

Để tiến hành tốt việc hợp tác hoá nghề cá, các cấp uỷ đảng cần phải đặc biệt chú trọng công tác lãnh đạo tư tưởng và giáo dục chính trị, chủ yếu là giáo dục đường lối tiến lên

chủ nghĩa xã hội, ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa và tinh thần làm ăn tập thể, nhằm làm cho dân làm cá hiểu rõ, tin tưởng và quyết tâm đi vào con đường hợp tác hoá, là con đường duy nhất để thực hiện một đời sống ấm no, sung sướng.

4. *Phát triển nghề cá biển, đánh cá sông, đi đôi với việc phát triển nghề nuôi cá ao hồ, ruộng nước và bước đầu thí nghiệm nuôi cá sông, nuôi cá nước mặn và các hải sản khác*

a) *Phát triển nghề đánh cá biển, đánh cá sông*

Trước hết, cần tổng kết những kinh nghiệm làm ăn của dân lao động làm cá và lợi dụng triệt để các phương tiện sản xuất sẵn có của dân làm cá mà hướng dẫn cải tiến phương tiện đánh cá (thuyền bè), cải tiến công cụ đánh cá và cải tiến kỹ thuật để phát triển sản xuất.

Hiện nay, dân làm cá chưa đi đánh cá được xa, cần chú trọng cải tiến nghề đánh cá ven bờ, phát triển nghề đánh cá khơi, tạo điều kiện có thể đi đánh cá ngoài biển sâu. Đi đôi với việc hướng dẫn cải tiến thuyền bè, cần ra sức vận động, hướng dẫn dân làm cá dùng nhiều kiểu lưới, làm nhiều loại nghề để có thể đánh cá được ở nhiều tầng nước, đánh được quanh năm và đánh được nhiều loại cá. Đặc biệt là ở những nơi đã thực hiện tốt việc tổ chức hợp tác xã, quỹ của hợp tác xã tích lũy được nhiều, thì có thể vận động giúp đỡ phát triển thêm thuyền to, lưới lớn và đóng thuyền buồm lắp máy, làm cơ sở cho việc cơ giới hoá nghề đánh cá sau này. Mặt khác, cần tổ chức những cơ sở sản xuất thuyền lưới để cung cấp phương tiện cho dân làm cá.

Để cho dân làm cá có nhiều thì giờ đi đánh cá, đồng thời để bảo đảm nâng cao thu nhập của gia đình họ, cần tổ chức những người già yếu, đàn bà, trẻ con làm những công việc

trên bờ, làm thêm nghề phụ, đặc biệt chú trọng kết hợp việc đánh cá với sản xuất nông nghiệp và nuôi hải sản.

Đối với việc phát triển nghề đánh cá sông thì chủ yếu là vận động, hướng dẫn cải tiến dụng cụ đánh cá để tăng thu nhập, đi đôi với việc vận động và hướng dẫn phát triển nuôi cá, bảo vệ cá con và bảo vệ sự sinh đẻ của các loại cá.

b) Phát triển nghề nuôi cá ao, hồ, ruộng nước

Nuôi cá là một việc dễ làm, chắc ăn, vốn ít mà lãi nhiều; đi đôi với việc nuôi cá trên hồ, ao, ruộng nước, còn có thể thả bèo nuôi lợn và lấy phân, lấy bùn để bón ruộng, v.v.; bên cạnh hồ ao, còn có thể trồng rau, trồng dâu, trồng dừa,... góp phần tăng thêm thu nhập cho nông dân. Các cấp uỷ cần đẩy mạnh việc vận động nhân dân sử dụng các mặt nước (hồ ao, ruộng nước, các công trình thuỷ lợi vừa, nhỏ, v.v.) trong nông thôn, để nuôi cá. Cần hướng dẫn các tổ đổi công, các hợp tác xã nông nghiệp, các công trường, các tập đoàn sản xuất miền Nam, các trường học, cơ quan, xí nghiệp phát triển mạnh việc nuôi cá. Đối với những hồ ao lớn quần chúng không đủ sức kinh doanh thì có thể tổ chức các cơ sở quốc doanh nuôi cá hoặc dùng hình thức kinh doanh liên hợp giữa Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Để tăng năng suất nuôi cá, cần kịp thời phổ biến rộng rãi kỹ thuật nuôi cá thông thường, tích cực giúp đỡ quần chúng nuôi cá tốt, mau lớn, bảo đảm đạt năng suất cao; đồng thời cần tổ chức một số ao nuôi cá tăng sản và hướng dẫn nhân dân, chủ yếu là các hợp tác xã nông nghiệp, các tập đoàn sản xuất miền Nam, các nông trường quốc doanh và nông trường quân đội, v.v. làm ao nuôi cá thí nghiệm, nâng cao năng suất trung bình để làm gương mẫu thúc đẩy phong trào nuôi cá trong nhân dân.

Trong việc phát triển nghề nuôi cá, vấn đề cung cấp cá giống là rất quan trọng. Các cấp uỷ cùng với các đồng chí phụ trách các khu, Ty Nông nghiệp cần có kế hoạch hướng dẫn nhân dân phát triển nhiều cơ sở vớt cá bột, dùng mọi biện pháp sản xuất thật nhiều các loại cá giống, cải tiến phương pháp sản xuất cá giống như: cá mè, trôi, trắm, chép, rô phi, cá diếc, v.v. lập thành lưới ao ương cá, thực hiện tự cấp tự túc cá giống cho nhân dân địa phương. Các trại sản xuất cá của Nhà nước có trách nhiệm cải tiến kỹ thuật nuôi cá giống để phổ biến kinh nghiệm và hướng dẫn nhân dân phát triển việc nuôi cá giống, đồng thời cung cấp cá giống cho nhân dân trong phạm vi nhất định để bình ổn giá cá giống.

c) Bước đầu thí nghiệm nuôi cá sông, nuôi cá nước mặn và hải sản khác

Dọc theo 102 con sông, có gần 2 vạn người ở rải rác, thành 780 xóm chài lưới, lấy nghề đánh cá làm nguồn sống chính. Nhưng từ xưa đến nay họ không nuôi cá sông. Cần phải tìm cách hướng dẫn họ nuôi cá ở những nhánh sông nhỏ, sông cụt hoặc ở những nhánh sông đã chắn lại để phát triển thêm nguồn lợi cá sông, để cải thiện dần đời sống của họ.

Việc nuôi cá và hải sản ở những vùng biển cạn, những bãi bùn ở các cửa sông là một việc làm mới, chưa có kinh nghiệm, nhưng cần phải nghiên cứu và có kế hoạch vận động, tổ chức nông dân và dân làm cá, chủ yếu là các hợp tác xã, các tập đoàn, tổ sản xuất, thí nghiệm và phát triển nghề này nhằm tạo thêm công việc làm chủ yếu là cho phụ nữ và người già yếu ở vùng ven biển, đồng thời cung cấp cho thị trường những đặc sản có giá trị về mặt kinh tế.

Để thiết thực giúp đỡ đẩy mạnh việc nuôi cá sông, nuôi cá nước mặn và hải sản, các cấp uỷ cùng với các khu, Ty

Nông nghiệp cần nghiên cứu, xây dựng những cơ sở quốc doanh, nuôi thí nghiệm hoặc phối hợp với các hợp tác xã và các tập đoàn sản xuất, tổ chức nuôi thí điểm cho tốt, thu hoạch cho khá, để rút kinh nghiệm lãnh đạo phong trào.

5. Tích cực giải quyết nguyên liệu, vật liệu, tiêu thụ, chế biến và vốn

Để đảm bảo hoàn thành tốt kế hoạch nhà nước, các cấp uỷ cần lãnh đạo phối hợp giữa các ngành có liên quan (các khu, Ty Nông nghiệp và Công thương nghiệp) tích cực giải quyết những khó khăn về nguyên liệu vật liệu, tiêu thụ và chế biến đăng khuyến khích phát triển nghề cá. Cần phải nắm vững nhu cầu để cung cấp cho dân làm cá những nguyên liệu đúng quy cách, đúng phẩm chất và kịp thời vụ. Phải quản lý chặt chẽ thị trường thuỷ sản, tiến hành đăng ký và tổ chức những người buôn bán thuỷ sản nhỏ vào con đường hợp tác hoá, đồng thời tích cực cải tạo thương nghiệp tư bản tư doanh ở những vùng làm nghề cá; tránh tình trạng buông trôi cho tư thương lợi dụng đầu cơ. Phải tổng kết kinh nghiệm chế biến cá của quần chúng và dựa vào quần chúng mà đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật chế biến, góp phần phục vụ sản xuất.

Ngoài ra, cần phải giáo dục dân làm cá thực hành tiết kiệm nhằm tích lũy vốn để phát triển nghề nghiệp. Mặt khác, cần củng cố và phát triển các hợp tác xã tín dụng ở vùng biển, huy động vốn của dân làm cá và nông dân để giúp nhau mở rộng sản xuất.

Việc Nhà nước giúp vốn cũng phải thực hiện trong phạm vi thật cần thiết, chủ yếu là đối với các hợp tác xã, các tập đoàn có nhiều khả năng phát triển sản xuất nhưng thiếu vốn.

6. Đẩy mạnh công tác bảo vệ an toàn nghề đánh cá biển

Bảo vệ an toàn cho dân làm cá yên tâm sản xuất là một công tác rất trọng yếu, có một ý nghĩa quan trọng về kinh tế và chính trị. Trong thời gian sắp tới, cần phải tích cực đẩy mạnh công tác bảo vệ an toàn sản xuất cho dân miền biển theo phương châm: "Lấy đề phòng làm chính, tận lực cứu nguy, Nhà nước giúp đỡ, quần chúng làm". Các Bộ Nông-Lâm, Giao thông, Quốc phòng và Nha khí tượng thuỷ văn có trách nhiệm cùng với địa phương nghiên cứu kế hoạch củng cố và phát triển những trạm báo bão, phụ trách công tác thông tin, tín hiệu, liên lạc... và công bố những biện pháp dùng khi báo bão, chọn những địa điểm thích hợp (đặc biệt là những hòn đảo ở gần bãi cá) sửa thành chỗ tránh bão, đặt phao và đèn báo bão, đào vét một số cửa lạch, điều tra phá những mỏm đá ngầm làm trở ngại sự lưu thông của thuyền, tàu, nghiên cứu quy định điều lệ thuyền tàu đi lại và đánh cá ban đêm. Đồng thời, tuyên truyền, vận động các hợp tác xã nghề cá mua máy thu thanh để nghe tin về khí tượng, nắm vững tình hình gió trước khi thả thuyền ra khơi, vận động quần chúng làm những thiết bị đơn giản như ống cấp cứu bằng tre, hoặc mua phao cấp cứu, áo cấp cứu và tăng cường giáo dục tinh thần đoàn kết giúp đỡ nhau, bảo đảm an toàn khi có tai nạn.

7. Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật nghề cá và đào tạo cán bộ kỹ thuật nghề cá

Công tác nghiên cứu khoa học thuỷ sản là một công tác không thể thiếu được trong việc phát triển nghề cá. Để làm cơ sở cho công tác nghiên cứu khoa học, cần có kế hoạch điều tra tình hình cơ bản nghề đánh cá và nuôi cá, tiến tới xây dựng bản đồ toàn diện về thuỷ sản của nước ta và đi đôi với

việc điều tra cơ bản, cần tiến hành tổng kết kinh nghiệm làm ăn của quần chúng, để phổ biến rộng rãi và hướng dẫn quần chúng thực hiện; mặt khác nghiên cứu áp dụng những kỹ thuật sản xuất của các nước anh em.

Dựa vào phong trào hợp tác hoá và công tác điều tra cơ bản được đẩy mạnh, tiến hành nghiên cứu giải quyết gấp việc cải cách thuyền lưới đánh cá, vấn đề kỹ thuật nuôi cá và nuôi hải sản, vấn đề cá giống và vấn đề chế biến thuỷ sản, v.v..

Để cung cấp cán bộ cho phong trào phát triển rộng rãi sau này, ngoài việc đào tạo cán bộ thuỷ sản trung cấp đang tiến hành, cần nghiên cứu tổ chức ngành thuỷ sản trong Trường đại học Nông - Lâm để đào tạo cán bộ kỹ thuật thuỷ sản cao cấp.

8. củng cố tổ chức, bổ sung cán bộ và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nghề cá

Với yêu cầu phát triển nghề cá, sự lãnh đạo của Đảng cần phải được tăng cường. Trước hết, các cấp uỷ đảng và chính quyền phải coi trọng lãnh đạo sản xuất nghề cá, coi đó là một trong những nhiệm vụ sản xuất quan trọng. Cần kiên quyết cử cán bộ phụ trách và tổ chức bộ máy giúp việc, đồng thời phải phối hợp chặt chẽ giữa các ngành có liên quan để giúp đỡ giải quyết những khó khăn cho dân làm cá đẩy mạnh sản xuất, hoàn thành tốt kế hoạch nhà nước.

Cần phải tăng cường về số lượng và chất lượng cán bộ chỉ đạo và cán bộ nghiệp vụ cho ngành thuỷ sản ở cấp tỉnh để đủ sức phụ trách công tác hướng dẫn và theo dõi tình hình nghề cá ngày càng phát triển. Ở cấp huyện và xã nhất là ở miền biển cũng phải có cán bộ chuyên trách về sản xuất ngư nghiệp.

Ngoài việc củng cố tổ chức, tăng cường cán bộ cho ngành thuỷ sản, các cấp uỷ đảng và chính quyền cần chú trọng

nghiên cứu và góp ý kiến với Trung ương để xây dựng các chính sách, điều lệ và thể lệ về thuỷ sản nhằm khuyến khích sản xuất và đẩy mạnh phong trào hợp tác hoá nghề cá.

*
* * *

Nhận được Chỉ thị này các cấp uỷ đảng, và các ngành có liên quan từ Trung ương đến tỉnh, huyện cần nghiên cứu kỹ và có kế hoạch thi hành cho đầy đủ.

Chỉ thị này phổ biến đến các chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Tháng 3-1959

Về nhiệm vụ xây dựng căn cứ cách mạng Tây Nguyên

Phần thứ nhất

TÂY NGUYÊN LÀ VỊ TRÍ CHIẾN LƯỢC RẤT QUAN TRỌNG

Tây Nguyên (kể cả miền núi Liên khu V và vùng rừng đông bắc Nam Bộ) là vị trí chiến lược rất quan trọng.

1. Mỹ - Diệm đang ra sức xây dựng Tây Nguyên thành trung tâm căn cứ quân sự cơ động ở miền Nam. Chúng đã tổ chức hệ thống chính quyền hầu khắp miền núi; tăng thêm nhiều lực lượng quân đội người Kinh; bắt ép hàng vạn đồng bào Kinh lên dinh điền; kiểm soát tương đối chặt đô thị và phụ cận, tạo nên một số phản động người Thượng, tố cộng, dồn dân, gây thiệt hại cho ta ở một số địa phương.

Hiện nay, và sắp đến, trước phong trào cách mạng trên thế giới, trước sự lớn mạnh của miền Bắc, phong trào cách mạng ở miền Nam, Mỹ - Diệm càng cố bám Tây Nguyên.

Nhưng chúng có nhiều nhược điểm lớn: nhược điểm căn bản nhất là mâu thuẫn giữa Mỹ - Diệm và nhân dân các dân tộc; lực lượng phản động địa phương - chỗ dựa của Mỹ - Diệm

còn yếu và ít, nên chúng khó kiểm soát dân. Tình hình kinh tế và chính trị ở miền Nam cũng hạn chế chúng.

2. Ý thức dân tộc các dân tộc thiểu số lên cao, đoàn kết giữa các dân tộc tiến bộ. Cơ sở cách mạng và phong trào đấu tranh phát triển tương đối đều; về chính quyền, nhìn chung là chính quyền của địch, nhưng ta tranh thủ nắm phần lớn ở thôn, xã, nhiều nơi biến thành chính quyền hai mặt (hình thức là của địch, nội dung là của ta); nơi chưa có chính quyền địch, nhân dân tổ chức tự quản theo tập tục của mình. Nhân dân có truyền thống vũ trang tự vệ, dựa vào địa thế hiểm trở. Về kinh tế, Tây Nguyên có khả năng tiềm tàng, nhân dân có kinh nghiệm sản xuất tự túc. Ảnh hưởng của Đảng, Hồ Chủ tịch tương đối sâu rộng trong nhân dân; lãnh đạo của Đảng liên tục; cán bộ hy sinh tận tụy, bám sát cơ sở. Đó là những *thuận lợi căn bản*, đồng thời là những *điều kiện chủ yếu* để xây dựng căn cứ cách mạng.

Nhưng ta có những khó khăn, nhược điểm:

- Ta xây dựng căn cứ cách mạng Tây Nguyên trên một địa bàn mà địch cũng ra sức xây dựng thành trung tâm căn cứ. Sắp đến, hoạt động của địch đi sâu và hiểm độc hơn, sẽ gây cho ta nhiều khó khăn hơn. Ở biên giới Lào và Tây Nguyên, Mỹ - Diệm và phản động Lào đang cố kết nhau phá cách mạng.

- Trình độ hiểu biết và kinh nghiệm cách mạng của nhân dân so với quần chúng trung châu còn thấp và ít hơn. Cơ sở trong các vùng dân tộc thiểu số ở phía Nam còn yếu hoặc chưa có, cơ sở chưa nối liền với Nam Bộ. Cơ sở ở đô thị, đồn điền, dinh điền còn yếu, thường bị phá.

- Kinh tế chậm tiến, còn nhiều thiếu thốn nhất là muối và nông cụ.

- Về lãnh đạo, nhận thức chậm và chưa đầy đủ vị trí quan trọng của Tây Nguyên đối với phong trào cách mạng ở miền Nam, chưa thật quyết tâm xây dựng Tây Nguyên. Cán bộ, so với trước có tiến bộ hơn, nhưng còn thiếu và trình độ chưa được nâng lên kịp đáp ứng nhu cầu cách mạng hiện nay.

Tóm lại: Tây Nguyên là vị trí chiến lược rất quan trọng. Ta xây dựng được Tây Nguyên chẳng những có lợi lớn cho cách mạng ở miền Nam mà còn có tác dụng lớn bảo vệ miền Bắc.

Vị trí quan trọng của Tây Nguyên chẳng những ảnh hưởng trong nước ta, mà còn ảnh hưởng đến cách mạng Lào, Miên và nền hoà bình Đông Nam Á.

Phần thứ hai

HỖ TRỢ XÂY DỰNG TÂY NGUYÊN THÀNH CĂN CỨ CÁCH MẠNG CHÍNH Ở MIỀN NAM

1- Nhiệm vụ

Nhiệm vụ cách mạng ở miền Nam là: đánh đổ đế quốc và phong kiến ở miền Nam, cụ thể trước mắt là đế quốc Mỹ và tay sai Ngô Đình Diệm; bảo vệ công cuộc kiến thiết xã hội ở miền Bắc; hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ; thực hiện thống nhất nước nhà.

Nên nhiệm vụ cách mạng ở Tây Nguyên:

1- Một mặt, *nỗ lực xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ cách mạng chính ở miền Nam*: xây dựng về mọi mặt chính trị, kinh tế, quân sự; tạo điều kiện tiến lên làm chủ rừng núi, hỗ trợ trung châu; phát huy mạnh mẽ uy thế chính trị của ta,

gây những rung động chính trị lớn cho địch; tạo thế mạnh chung cho cách mạng ở miền Nam, tranh thủ chủ động tiến công địch trong mọi trường hợp diễn biến cách mạng.

2- Mặt khác, *tích cực phá kế xây dựng trung tâm căn cứ của quân sự Mỹ - Diệm*, tiến lên biến hậu phương địch thành đại bộ phận là hậu phương của ta. Phá địch là ra sức nắm dân, nắm chính quyền, vận động binh lính; phá hoại các cơ cấu quân sự và cơ sở đầu tư của Mỹ - Diệm, gây hỗn loạn cho địch ở trung tâm hậu phương của chúng; dẫn địch vào thế yếu và bị động. Được như thế, chẳng những có tác dụng rất lớn cho cách mạng ở miền Nam mà còn có tác dụng chặn âm mưu gây chiến của Mỹ - Diệm đánh ra miền Bắc, tích cực bảo vệ công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa.

Tóm lại, nhiệm vụ xây dựng căn cứ cách mạng Tây Nguyên có ý nghĩa chiến lược rất quan trọng: *tạo thế mạnh cho cách mạng ở miền Nam tiến lên tấn công địch*; gây hỗn loạn ở trung tâm hậu phương chúng, *góp phần tích cực phòng ngự, bảo vệ miền Bắc kiến thiết xã hội chủ nghĩa*.

2. Tính chất căn cứ

Căn cứ cách mạng Tây Nguyên hiện nay chưa phải là nơi *tiến hành vũ trang toàn diện*, nhưng phải nỗ lực xây dựng lực lượng cách mạng (chính trị, kinh tế, quân sự). củng cố những vùng cơ sở khá, có địa thế hiểm trở thành những trung tâm căn cứ cách mạng của ta; củng cố và mở rộng cơ sở những nơi còn yếu và chưa có để nối liền các căn cứ với nhau mở rộng hành lang đi lại giữa các địa phương, *thu hẹp vùng kiểm soát của địch, tiến lên thực hiện du kích cục bộ, bảo vệ căn cứ ta, uy hiếp địch*.

Ta phải nỗ lực, vững chắc tiến từ thế chưa mạnh lên thế mạnh, làm chủ những vùng rộng lớn quan trọng, xung yếu ở

Tây Nguyên để thúc đẩy đấu tranh chính trị toàn diện ở miền Nam, đồng thời sẵn sàng lực lượng áp đảo địch lúc tình hình chín mùi.

Nên trước mắt, *tích cực chuẩn bị lực lượng, hết sức chú trọng cơ sở kinh tế và lực lượng vũ trang, mấu chốt là cơ sở kinh tế*. Phát triển kinh tế để bồi dưỡng nhân dân bảo đảm cho hoạt động cách mạng, trên cơ sở phát triển kinh tế, mạnh dạn mở rộng lực lượng vũ trang.

Tây Nguyên đất rộng, có nhiều khả năng tiềm tàng về kinh tế, nhưng người thưa. Những nơi quan trọng, xung yếu, nếu không người hay thiếu người thì đưa người đến. Người Thượng không thể đi xa, nên phải đưa người Kinh, chọn trong đảng viên, đoàn viên, quần chúng tích cực cách mạng ở trung châu lên để tăng cường lực lượng cách mạng cho vùng dân tộc, dựa trên nguyên tắc: *đoàn kết Kinh, Thượng chống Mỹ - Diệm, bình đẳng, tôn trọng, giúp đỡ các dân tộc thiểu số tiến bộ*. Ngoài ra, tìm mọi cách lấy người ở dinh điền để phát triển lực lượng ở vùng ta. Mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên và quần chúng tích cực đã hoạt động hoặc sẽ đến hoạt động phải là người *cán bộ dân vận tốt, sản xuất tự túc giỏi, đánh du kích được*; thường xuyên lo cho mình ăn, vận động quần chúng làm cách mạng. Mọi người phải *thấm nhuần tinh thần tự lực cánh sinh*, tự lực phát triển lực lượng ta, làm yếu địch. Giáo dục nhân dân sẵn sàng ủng hộ cách mạng, nhưng *không y lại vào sức ủng hộ đóng góp của nhân dân, không y lại vào sức viện trợ của nơi khác*, phải dựa vào khả năng kinh tế tiềm tàng của Tây Nguyên đẩy mạnh sản xuất tự túc.

3. Hướng xây dựng căn cứ

1- Căn cứ vào tác dụng của từng vùng đối với ta và địch, dựa vào địa thế và cư trú của các dân tộc, dựa vào cơ sở và

truyền thống cách mạng của từng nơi; *chủ yếu là căn cứ vào tác dụng đối với ta* và địch mà định những địa bàn xây dựng căn cứ.

Nhìn chung, miền núi Liên khu V và vùng rừng đông bắc Nam Bộ là căn cứ cách mạng chính ở miền Nam cũng là trung tâm căn cứ quân sự của địch.

a) Nhưng riêng phía Nam (gồm cả vùng rừng đông bắc Nam Bộ) là hướng chính xây dựng trung tâm hậu phương của địch, nơi có nhiều đô thị (Ban Mê Thuột, Đà Lạt, v.v.), đồn điền, đường giao thông chiến lược; nơi tập trung các cơ quan chính trị, quân sự đầu não và nơi có nhiều cơ sở kinh tế của địch ở Tây Nguyên. Đối với ta, là nơi nối liền giữa Trung Bộ và Nam Bộ, là nơi bao quanh Sài Gòn - Chợ Lớn, nơi tạo thế hỗ trợ giữa phong trào cách mạng của Sài Gòn - Chợ Lớn và Tây Nguyên. *Nam Tây Nguyên là vị trí cơ động nhất ở miền Nam*. Vì vậy, *hướng chính nỗ lực xây dựng căn cứ là phía Nam*. Nhưng vùng này, cơ sở còn yếu và nhiều nơi chưa có; địa thế hiểm trở, chưa liên nhau. Trong chỉ đạo, cần có đầy đủ ý thức *củng cố mạnh phía Bắc tạo bàn đạp tiến vào phía Nam*. Cần phân công phối hợp giữa các địa phương, *tranh thủ sơ hở của địch, vượt mọi khó khăn trở ngại*, ra sức củng cố và mở rộng cơ sở ở phía Nam, tiến lên xây dựng căn cứ cơ động của ta giữa ranh giới Nam Bộ, Trung Bộ và Miền.

b) Các địa bàn phía Bắc, cơ sở cách mạng tương đối đều, địa thế hiểm trở tương đối liên nhau, hình thành những khu vực trung tâm căn cứ rộng lớn, hiện nay là nơi ta xây dựng *chỗ đứng vững chắc ở Tây Nguyên*, tích trữ lực lượng về mọi mặt, có tác dụng hỗ trợ, *làm bàn đạp tiến vào phía Nam*.

c) Riêng miền núi Trị, Thiên, Nam là hành lang Bắc Nam rất quan trọng; mọi công tác ở đây đều nhằm *bảo vệ, củng cố và mở rộng hành lang*.

d) Dọc biên giới Lào - Miền cũng là hướng cần chú ý xây dựng và củng cố cơ sở.

Tóm lại, việc định hướng địa bàn xây dựng căn cứ phải dựa vào nguyên tắc: mở rộng và nối liền các trung tâm căn cứ với nhau, củng cố và mở rộng hành lang, *bảo đảm cho hoạt động của ta, đồng thời tạo thế bao vây các cơ cấu quân sự của địch*.

2- Trong mỗi địa bàn, có thể hình thành ba vùng khác nhau: vùng trung tâm căn cứ của ta, vùng tranh chấp giữa ta và địch, vùng địch kiểm soát chặt. Tuy tương quan lực lượng giữa ta địch ở từng nơi mà mở rộng hay thu hẹp các vùng, nhưng phải *nỗ lực mở rộng vùng trung tâm căn cứ của ta, thu hẹp vùng tranh chấp giữa ta và địch, tạo thế uy hiếp vùng địch kiểm soát chặt*.

a) *Trung tâm căn cứ* là nơi có cơ sở chính trị tốt, dân tộc đoàn kết có cơ sở kinh tế tự túc; có tổ chức tự quản của nhân dân xen kẽ chính quyền hai mặt, địa thế xung yếu; có lực lượng vũ trang bảo vệ nhân dân, bảo vệ cơ sở, chính quyền tự quản, bảo vệ căn cứ. Mặc dầu không tuyên bố công khai là vùng thuộc chính quyền ta, nhưng *căn cứ phải là nơi bình thường ta làm chủ*; kiên quyết diệt biệt kích, trừ gian, nhưng không bừa bãi, phải rất thận trọng đối với người dân tộc thiểu số. Lúc địch tập trung đánh, phải sẵn sàng đối phó, khéo léo giữ vững uy thế quần chúng, bảo tồn lực lượng cách mạng.

Hiện nay, chọn những nơi địa thế hiểm trở, nhân dân tổ chức tự quản (xen kẽ có chính quyền hai mặt); có chỗ đóng cơ

quan tương đối an toàn để tiếp tục củng cố cơ sở chính trị, tăng cường đoàn kết dân tộc, ra sức phát triển kinh tế tự túc, phát triển tự vệ và xây dựng lực lượng vũ trang. Ngoài ra cần chú ý những vùng quan trọng, xung yếu khác, nỗ lực xây dựng lực lượng cách mạng, phát triển trung tâm căn cứ.

b) *Vùng tranh chấp giữa ta và địch*: Hiện nay là vùng rộng lớn, địa thế tương đối bằng phẳng, gần đường giao thông đồn bốt địch; nhân dân bị kiểm soát nhưng không chặt; tại các làng đều có ít nhiều cơ sở chính trị; chính quyền ở thôn xã hai mặt hoặc ta tranh thủ hạn chế sức phá hoại; quân đội địch thường đi lại nhưng ta vận động; tranh thủ được hoặc nắm tình hình chủ động đối phó, có hành lang đi lại với nơi ẩn náu cho cán bộ thoát ly.

Cần ra sức xây dựng và củng cố cơ sở chính trị; lãnh đạo nhân dân đấu tranh bảo vệ đời sống, lãnh đạo sản xuất và bảo vệ sản xuất; ra sức nắm dân vệ và phát triển tự vệ; tranh thủ mở rộng chính quyền hai mặt; những nơi cơ sở khá, xây dựng lực lượng vũ trang nằm trong quần chúng; lúc cần thiết, có hoạt động vũ trang hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, giữ vững và nâng cao uy thế quần chúng, phát triển thế chủ động của ta.

Những vùng *cần thiết cho đi lại mua bán của nhân dân, giải quyết nhu cầu cho trung tâm căn cứ, cần giữ gìn thế hợp pháp cho quần chúng, duy trì hình thức chính quyền hai mặt*.

c) *Vùng địch kiểm soát chặt*: nhìn chung là vùng đô thị, phụ cận, các đồn điền, dinh điền. Nhiệm vụ chủ yếu ở đây là xây dựng và giữ vững cơ sở. Phương châm công tác là mai phục lâu dài, chú ý xây dựng lực lượng ngầm trong các cơ quan và xí nghiệp quan trọng. Công tác chính ở đây là công

vận, binh vận; những nơi có quần chúng tôn giáo, kết hợp thực hiện chính sách tôn giáo.

Các địa phương sát đồng bằng các tỉnh trung châu cũng bị địch kiểm soát tương đối chặt; ở đây căn bản theo phương châm công tác vùng đồng bằng.

Nhìn chung trong sự chỉ đạo, giữ vững và phát triển cơ sở vùng dân tộc là chính, đồng thời chú trọng xây dựng cơ sở trong người Kinh (đô thị, đồn điền, dinh điền, v.v.).

4. *Khẩu hiệu và phương châm hoạt động*

1- Sắp đến, ta phải đưa phong trào cách mạng Tây Nguyên tiến lên, nhưng không nên lấy danh nghĩa dưới chính quyền nhân dân mà cần nêu nhiều danh nghĩa khác (như lãnh tụ các dân tộc, sĩ quan, nhân sĩ bất mãn chống Mỹ - Diệm, v.v. cần nghiên cứu phát triển) nhưng thực chất là lực lượng cách mạng do Đảng lãnh đạo, hoạt động hiện nay theo chương trình mật trận ở miền Nam *dưới khẩu hiệu*:

- Đoàn kết các dân tộc chống Mỹ - Diệm.
- Hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, tự trị dân tộc.
- Thực hiện đúng đắn Hiệp nghị Giơnevơ.

... Nếu địch đưa vấn đề tự trị để lừa bịp, phải kịp thời lợi dụng đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ; ở những vùng cơ sở cách mạng vững, có thể dựa vào đó lãnh đạo nhân dân đòi làm chủ địa phương.

2- *Phương châm hoạt động là:*

a) Tổ chức và sinh hoạt nội bộ của Đảng, thanh niên lao động phải bí mật.

b) Tuỳ theo từng vùng khác nhau mà kết hợp chặt chẽ giữa các khả năng và hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp, nhưng nửa hợp pháp là phổ biến.

Tổ chức và hoạt động của quần chúng, tổ chức tự quản và

tự vệ của nhân dân ở vùng trung tâm căn cứ, công khai đối với ta, bất hợp pháp đối với địch. Lực lượng vũ trang nằm trong quần chúng hoặc gần quần chúng, sinh hoạt nội bộ và tổ chức chiến đấu phải bí mật.

Ở vùng tranh chấp giữa ta và địch, hoạt động nửa hợp pháp là chính.

Ở vùng địch kiểm soát chặt, hoạt động hợp pháp là chính.

c) Nhiệm vụ và phương châm hoạt động từng vùng *không cố định*. Ranh giới giữa các vùng nhất là giữa vùng trung tâm căn cứ và vùng tranh chấp giữa ta và địch không rõ rệt và thay đổi tuỳ theo tình hình. Ta nỗ lực nắm dân, nắm chính quyền, dân vệ và binh lính địch, kết hợp với hoạt động lực lượng vũ trang của ta, mở rộng trung tâm căn cứ, mở rộng vùng ta làm chủ.

5. *Những nguyên tắc cần nắm vững và mấy công tác chính*

a) Để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ lớn lao xây dựng căn cứ cách mạng Tây Nguyên, phải nắm vững các nguyên tắc: có Đảng lãnh đạo (cố gắng có đảng viên người dân tộc lãnh đạo cách mạng vùng dân tộc); giải quyết tốt vấn đề dân tộc; chú trọng vấn đề dân sinh, mọi người nỗ lực sản xuất tự túc; có mật trận công, nông, binh, Kinh, Thượng liên hiệp; phát huy truyền thống tự vệ của nhân dân, ra sức xây dựng và sử dụng lực lượng vũ trang để tạo thế mạnh cho đấu tranh chính trị, bảo đảm làm chủ căn cứ.

b) Do đó, xây dựng căn cứ phải gồm nhiều mặt, nắm vững mấy công tác chính:

- củng cố và phát triển Đảng, chú ý chi bộ và cán bộ địa phương.
- Làm tốt công tác dân tộc.
- Xây dựng và củng cố tổ chức nhân dân tự quản: mở rộng chính quyền hai mặt.

- Phát triển kinh tế tự túc.
- Xúc tiến đặc biệt công tác binh vận.
- Phát triển tự vệ nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang.

Sáu công tác chính ấy có quan hệ với nhau bảo đảm xây dựng căn cứ cách mạng thắng lợi. Nhưng cần nhận rõ hơn ý nghĩa của các công tác sau đây:

1- *Công tác dân vận*: giải quyết tốt vấn đề dân tộc, chủ yếu là có chính sách đúng với các dân tộc thiểu số, nhưng không phải chỉ là vấn đề dân tộc thiểu số, mà còn phải giải quyết tốt quan hệ giữa người Kinh và người Thượng, nâng cao nhiệt tình của người Kinh đoàn kết giúp đỡ người Thượng làm cách mạng; những nơi cần thiết, thêm lực lượng người Kinh để thiết thực xây dựng căn cứ.

2- *Công tác kinh tế*: cần nhận rõ ta có trách nhiệm lo cho dân ăn, mặc, học, có sức khoẻ; lãnh đạo nhân dân đấu tranh bảo vệ đời sống. Có thiết thực chăm lo đời sống nhân dân, nhân dân mới thiết tha với cách mạng, căn cứ mới củng cố được.

Chăm lo đời sống nhân dân, còn phải nỗ lực xây dựng kinh tế tự túc, không ỷ lại vào đóng góp của nhân dân.

Một lúc đã có cơ sở chính trị, vấn đề kinh tế tự túc trở thành vấn đề mấu chốt để xây dựng căn cứ.

3- *Công tác chính quyền*: Mặc dù ta chưa tuyên bố công khai chính quyền ta ở vùng căn cứ, nhưng trong quá trình xây dựng căn cứ cần có ý thức dần dần hình thành cơ sở chính quyền nhân dân dưới ba hình thái khác nhau tùy theo từng vùng.

- Vùng trung tâm căn cứ: tổ chức tự quản của nhân dân.
- Vùng tranh chấp giữa ta và địch: chủ yếu là chính quyền hai mặt.
- Vùng địch kiểm soát chặt: chính quyền căn bản là của địch nhưng ta tranh thủ nắm.

Cần mở rộng tổ chức tự quản của nhân dân, chính quyền hai mặt, hạn chế tác dụng của chính quyền địch.

4- *Xây dựng lực lượng vũ trang*:

a) *Mục đích*:

Xây dựng và sử dụng lực lượng vũ trang: trước mắt là hỗ trợ cho đấu tranh chính trị tiến lên thực hiện du kích cục bộ, bảo vệ căn cứ, uy hiếp địch, mở rộng thế chủ động của ta, lâu dài là tăng cường lực lượng cách mạng, chuẩn bị điều kiện chủ quan tiến lên đánh đổ Mỹ - Diệm và trở thành chủ lực giữ vững chính quyền cách mạng sau này.

Vì vậy, trong chỉ đạo cần xem trọng xây dựng lực lượng vũ trang; có lực lượng vũ trang mới bảo vệ căn cứ và đưa cách mạng tiến lên.

b) *Phương châm xây dựng*:

- Khôi phục, phát triển truyền thống và kinh nghiệm tự vệ của các dân tộc, trên cơ sở ấy phát triển các tổ tự vệ nhân dân làm lực lượng hậu bị xây dựng lực lượng vũ trang người địa phương.

- Xây dựng lực lượng vũ trang phải dựa vào cơ sở chính trị, kinh tế, địa thế của từng nơi mà định nhiều hay ít.

- Hiện nay chú ý lực lượng nhỏ (nhiều tổ, tiểu đội) phân tán trong nhân dân, tiến lên tập trung (có thể thành trung đội, đại đội); phân tán và tập trung linh động để xây dựng và hoạt động. Cần hình thành một lưới ở vũ trang cách mạng phổ cập vùng rừng núi, tạo thế uy hiếp địch.

- Lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ địa phương, nặng phân tán trong nhân dân, chủ yếu là dựa vào người dân tộc mà xây dựng; lực lượng lưu động làm nhiệm vụ trên nhiều địa phương khác nhau, chủ yếu là dựa vào người Kinh mà xây dựng.

- Mỗi cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang phải là một chiến sĩ dân vận, sản xuất tự túc và đánh giặc.

Tóm lại có thể hình thành ba loại lực lượng vũ trang: tự vệ, lực lượng địa phương, lực lượng lưu động.

c) *Phương châm hoạt động:*

- Mọi hoạt động phải phục tùng lợi ích chính trị, phục tùng sự lãnh đạo của Đảng, được nhân dân ủng hộ; chống phiêu lưu mạo hiểm, giữ vững ý thức tổ chức và kỷ luật.

- Theo tương quan lực lượng giữa ta và địch hiện nay, hoạt động lúc đầu là nhằm bảo vệ cơ sở cách mạng, bảo vệ căn cứ; nhưng cần tiến lên đánh địch chủ yếu là những bộ phận gian ác...

- Đối với binh lính các đồn bốt và nhân viên hành chánh sở tại, hết sức vận động tranh thủ; lúc cần đánh, vừa đánh vừa bình vận.

- Cùng nhân dân phá hoại các cơ cấu quân sự của địch theo nguyên tắc: có hại cho địch, lợi cho cách mạng, không hại đến nhân dân, đến cơ sở; tìm mọi cách phá các cơ sở đầu tư của Mỹ - Diệm. Tổ chức phá hoại to chưa được thì hướng dẫn nhân dân phá hoại nhỏ và thường xuyên.

d) *Tính chất các lực lượng vũ trang:*

Mặc dầu dưới danh nghĩa khác nhau, các lực lượng vũ trang của ta đều là *tiền thân của quân đội nhân dân*; thành phần chủ trọng công nông, gồm đa số là đảng viên và đoàn viên; Đảng phải nắm vững lãnh đạo.

Tóm lại, xây dựng căn cứ phải gồm nhiều mặt: chính trị (dân vận, đoàn kết dân tộc, xây dựng cơ sở chính quyền ta), kinh tế tự túc, vận động binh lính địch, xây dựng lực lượng vũ trang của ta; mọi việc đều do Đảng lãnh đạo nên cần hết sức xây dựng Đảng. Vì vậy, cần *chống tư tưởng thuần túy*

quân sự, nhưng cũng đề phòng lối chỉ đạo dàn đều không nắm công tác mấu chốt từng lúc để đẩy mạnh xây dựng và củng cố căn cứ.

KẾT LUẬN

Trong bốn năm qua ta đã giữ vững và phát triển cơ sở cách mạng ở Tây Nguyên; đồng thời địch cũng ngày càng xúc tiến mạnh xây dựng trung tâm căn cứ quân sự của chúng; nên bên cạnh những thuận lợi căn bản chúng ta còn nhiều khó khăn trong nhiệm vụ to lớn xây dựng Tây Nguyên.

Nhưng với đường lối cách mạng đúng đắn và quyết tâm của Trung ương Đảng, tất cả cán bộ, đảng viên cần *nắm vững đường lối, biến quyết tâm của Trung ương thành quyết tâm của bản thân*, và thấm nhuần vào quần chúng, để phát huy hết thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn. Tinh thần quyết tâm ấy cần thể hiện trong mọi mặt: tư tưởng, tổ chức, công tác và sinh hoạt.

- Nhận rõ vị trí quan trọng của Tây Nguyên và *tác dụng to lớn của nhiệm vụ xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ cách mạng.*

- Trong chỉ đạo cũng như trong công tác hằng ngày phải *khẩn trương tích cực, vững chắc*: lúc chuẩn bị phải biết tận dụng sơ hở địch, không để địch hiểu ta, *hết sức tranh thủ chủ động.*

- *Đề cao tinh thần tự lực cánh sinh*, mọi người ra sức sản xuất tự túc để làm cách mạng, không ỷ lại vào dân, vào Đảng.

- Ra sức *thực hiện đường lối quần chúng*, trên đi sát dưới, đảng viên bám sát quần chúng, củng cố không ngừng liên hệ giữa Đảng và quần chúng; cần đi sát thực tế hơn nữa, điều

tra nghiên cứu, nắm vững thí điểm, tổng kết kinh nghiệm kịp thời. Thực tế sáng tạo trong quần chúng sẽ giúp ta thực hiện nhiệm vụ.

- Đề cao ý thức tổ chức kỷ luật, vì lợi ích chung vượt mọi khó khăn, gian khổ; đề cao tinh thần phối hợp giữa các địa phương để xây dựng và củng cố căn cứ, tránh tư tưởng bản vị địa phương chủ nghĩa.

Nắm vững đường lối đúng đắn của Trung ương, quyết tâm chấp hành nhiệm vụ, là những bảo đảm to lớn xây dựng căn cứ cách mạng Tây Nguyên, đưa lực lượng cách mạng ở Tây Nguyên từ chỗ chưa mạnh lên chỗ mạnh, tích cực tạo thế tấn công địch ở miền Nam, góp phần tích cực phòng ngự bảo vệ miền Bắc.

Lưu tại Viện Nghiên cứu
Lịch sử Đảng thuộc Học viện
Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

ĐIỆN CỦA BAN BÍ THƯ

Ngày 3-4-1959

**Gửi Liên khu uỷ V về việc Tỉnh trưởng Quảng Trị
chủ trương cho đồng bào địa phương gửi thư ra
Bắc qua Uỷ ban quốc tế**

BBT gửi LKU V

Đảng uỷ Vĩnh Linh vừa báo cáo cho biết Tỉnh trưởng Quảng Trị thông tri cho các quận trưởng chủ trương cho đồng bào địa phương gửi thư ra Bắc qua Uỷ ban quốc tế.

Có âm mưu trên là do chủ trương tố cộng của địch trong mấy năm qua không đem lại kết quả mong muốn. Về chính trị ngày càng bị cô lập, về kinh tế ngày càng gặp khó khăn. Để tỏ ra là chúng vẫn vững mạnh, địch đang khủng bố ráo riết và tàn bạo hơn bằng đủ hình thức, hòng tiêu diệt phong trào yêu nước của nhân dân, dưới danh nghĩa "loại trừ cộng sản và thân cộng".

Chủ trương trên đây là nhằm:

1. Tìm hiểu, phát hiện thêm và nắm các gia đình kháng chiến, gia đình có người tập kết hoặc có cảm tình với ta để khủng bố, truy phá cơ sở, đàn áp phong trào. Thông tri của Tỉnh trưởng Quảng Trị có đoạn: thư phải ghi rõ địa chỉ người

gửi và người nhận, phải đưa đến quận trưởng, quận trưởng thống kê ba bản, v.v. là nhằm mục đích đó.

2. Khủng bố, bắt ép các gia đình nói trên và dùng bọn tay sai viết thơ ra Bắc tuyên truyền cho chế độ chúng, nói xấu ta, gây ngờ vực, chia rẽ, lung đoạn tình cảm đồng bào xúi giục đi Nam, đặt liên lạc với gián điệp ở miền Bắc, v.v..

Ngoài ra, âm mưu của địch còn nhằm xoa dịu sức đấu tranh của quần chúng đòi quan hệ thơ tín giữa hai miền.

Âm mưu trên đây có thể là chung cho cả miền Nam chứ không chỉ riêng cho Quảng Trị.

Vì vậy cần nhận rõ âm mưu của địch. Chủ trương của ta, một mặt trước hết phải phá âm mưu địch; một mặt phải biết lợi dụng để buộc địch đặt quan hệ thơ tín hai miền trong phạm vi không có hại cho cơ sở, phong trào miền Nam và đề phòng liên lạc gián điệp của địch ở miền Bắc. Cụ thể:

1- Nếu địch chuyển thơ ở miền Nam ra, ta sẵn sàng nhận và tạm thời sử dụng biện pháp đó để bước đầu thực hiện quan hệ thơ tín giữa đồng bào hai miền. Có kế hoạch đề phòng như thơ nội dung xấu và có kế hoạch khám phá những mối liên lạc gián điệp qua con đường này. Đồng thời tiếp tục vạch âm mưu địch và đòi bưu điện hai miền trực tiếp giải quyết quan hệ thơ tín tự do cho nhân dân.

2- Để tránh địch theo dõi khủng bố nhân dân, phá cơ sở, hiện nay ta chỉ vận động đồng bào miền Bắc di cư vào Nam cùng gia đình họ ngoài này và ngay cả những người tiến bộ ở trong Nam viết thơ cho nhau vận động người quen thuộc với nhân viên chính quyền và quân đội địch viết thơ cho nhau; việc viết thơ cũng không nhất thiết phải theo thể lệ địch quy

định, mà cứ bỏ thẳng vào thùng thơ như thông thường. Còn đồng bào, cán bộ miền Nam tập kết và thân nhân của họ ở trong Nam gửi thơ cho nhau để tránh sự khủng bố đàn áp của địch thì nhất thiết không gửi thơ cho nhau theo cách thức của địch đã nêu ra.

PHẠM HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 65-NQ/TW, ngày 7-4-1959

Về việc nhập Tiểu ban Tôn giáo vào Ban Mặt trận

Xét đề nghị của Ban Mặt trận và Tiểu ban Tôn giáo vận Trung ương,

Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ,

BAN BÍ THƯ QUYẾT NGHỊ:

1. Tiểu ban Tôn giáo vận trước đây trực thuộc Trung ương nay sáp nhập vào Ban Mặt trận Trung ương. Về phương diện chính quyền thì vẫn còn danh nghĩa Ban Tôn giáo trực thuộc Thủ tướng phủ.

Mọi chủ trương công tác về tôn giáo cũng như việc phân công cán bộ, trước đây do Tiểu ban Tôn giáo vận chịu trách nhiệm với Trung ương, thì nay sẽ do Ban Mặt trận Trung ương chịu trách nhiệm.

2. Tiểu ban Tôn giáo vận các cấp cũng sáp nhập vào Ban Mặt trận các cấp như ở Trung ương, nhưng không tổ chức Ban Tôn giáo vận Trung ương, nay bổ sung làm uỷ viên của Ban Mặt trận Trung ương.

3. Đồng chí Trần Xuân Bách trước là Trưởng Tiểu ban

Tôn giáo vận Trung ương, nay bổ sung làm uỷ viên của Ban Mặt trận Trung ương.

4. Các khu uỷ, thành uỷ, tỉnh uỷ, Ban Mặt trận Trung ương, Tiểu ban Tôn giáo vận Trung ương, Đảng đoàn Chính phủ, đồng chí Trần Xuân Bách chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 137-CT/TW, ngày 10-4-1959

Về việc tăng cường lãnh đạo công tác vận động phụ nữ

Trong năm qua, công tác vận động phụ nữ đã thu được một số thành tích và có nhiều tiến bộ. Ở nông thôn phụ nữ đã tích cực tham gia thanh toán về căn bản nạn mù chữ, tham gia hăng hái vào cuộc vận động cải tiến kỹ thuật, trong phong trào đổi công hợp tác xã phụ nữ đã tham gia từ 60 đến 70%. Ở thành thị đã phát triển được các nhóm giữ trẻ khu phố, lớp mẫu giáo dân lập và vận động phụ nữ tham gia các tổ buôn chung, bán chung. Ở các công trường, nhà máy, phụ nữ đã tích cực tăng năng suất. Đó là do dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ, cán bộ phụ nữ đã có nhiều cố gắng biết nhằm vào khả năng của phụ nữ vận động phụ nữ thực hiện công tác trung tâm của Đảng.

Nhưng bên cạnh những tiến bộ kể trên, việc lãnh đạo công tác vận động phụ nữ của các cấp bộ còn có nhiều thiếu sót. Trung ương ít kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện công tác vận động phụ nữ. Vì chưa nhận thức đúng vai trò và khả năng của phụ nữ cho nên chưa chú trọng đến yêu cầu, nguyện vọng của phụ nữ, địa vị chính trị và xã hội của

phụ nữ chưa được đề cao đúng mức. Trong các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, phụ nữ chiếm tỷ lệ rất ít, trong lao động sản xuất, trong vận động cải tiến quản lý xí nghiệp cũng không đề cập vấn đề giáo dục phụ nữ, chưa chú trọng bảo hộ lao động phụ nữ, quan tâm đến việc giải quyết khó khăn cho phụ nữ, nhất là chưa chú trọng bồi dưỡng và đào tạo phần tử tích cực, do đó khi cần đề bạt cán bộ phụ nữ vào một cương vị công tác nào thì thường kêu phụ nữ không làm được, không có người xứng đáng, v.v..

Mặt khác, bản thân Đảng đoàn phụ nữ các cấp thường chỉ căn cứ vào chủ trương của Đảng mà làm những công tác có tính chất chung, chưa thấy rõ trách nhiệm của mình là phải đi sâu nghiên cứu đặc điểm của công tác vận động phụ nữ, phát hiện tình hình, nêu vấn đề cho cấp uỷ giải quyết, trái lại có tình trạng tiêu cực, buông trôi, bi quan với tiền đồ công tác phụ nữ.

Tình trạng trên đây chẳng những đã ảnh hưởng đến việc giáo dục phụ nữ, đến quyền lợi và nghĩa vụ người công dân phụ nữ, đến việc phát huy khả năng lớn lao của phụ nữ tham gia xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà mà còn làm cho tàn dư tư tưởng phong kiến trọng nam khinh nữ có cơ sở để tồn tại.

Để sửa chữa những khuyết điểm trên đây và đẩy mạnh công tác vận động phụ nữ, Ban Bí thư đề ra một số vấn đề dưới đây để các cấp và các ngành thống nhất nhận định và tăng cường lãnh đạo công tác phụ vận.

I. PHẢI COI TRỌNG CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG PHỤ NỮ

Đảng ta đặt vấn đề vận động phụ nữ và coi trọng công tác vận động phụ nữ là vì nhiệm vụ giải phóng phụ nữ, thực

hiện nam nữ bình đẳng là trách nhiệm của chính đảng của giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân muốn giải phóng mình thì phải giải phóng phụ nữ. Vì phụ nữ chiếm một nửa phần dân số, là lực lượng quan trọng trong mọi công cuộc cách mạng và trong lao động sản xuất, cho nên Đảng phải chú trọng lãnh đạo công tác vận động phụ nữ.

Phụ nữ có những đặc điểm riêng biệt như bị áp bức khắc nghiệt lâu đời, luôn luôn có tinh thần đấu tranh mãnh liệt. Phụ nữ tham gia lao động rất hăng hái, cần cù và dũng cảm, có tinh thần kiên nhẫn, không sợ gian khổ, giàu tình cảm, có lòng vị tha. Với những đức tính ấy, phụ nữ là lớp người trung thành tận tụy với cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nhưng phụ nữ cũng còn có những nhược điểm, là vì bị kìm hãm trong khuôn khổ chật hẹp của gia đình, làng xóm, và do ảnh hưởng lâu đời của lễ giáo phong kiến, cho nên có tư tưởng tự ti, hẹp hòi, thiển cận. Mặt khác, do trình độ văn hoá còn kém, dễ mê tín dị đoan. Trong công tác vận động phụ nữ, nên hiểu rõ những đặc điểm của phụ nữ, phát huy những ưu điểm, khắc phục nhược điểm của phụ nữ thì sẽ phát triển được phong trào cách mạng.

Vì những lẽ trên, Đảng phải coi trọng công tác vận động phụ nữ. *Nhiệm vụ vận động phụ nữ chính là quan tâm giáo dục phụ nữ, bảo hộ lao động phụ nữ, giải quyết khó khăn cho phụ nữ và nhất là đặc biệt chú trọng đào tạo và bồi dưỡng những phần tử tích cực* trong phụ nữ làm cốt cán cho phong trào. Phải khắc phục tư tưởng coi thường phụ nữ, chỉ thấy nhược điểm mà không thấy ưu điểm, không thấy khả năng và vai trò của phụ nữ trong công tác cách mạng và lao động sản xuất.

II- NHẬN RÕ PHƯƠNG THỨC CÔNG TÁC VÀ NHỮNG NHIỆM VỤ CĂN BẢN CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG PHỤ NỮ HIỆN NAY

Phương thức công tác:

Cuộc cách mạng ở miền Bắc nước ta đã chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ cải tạo đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa đang được tiến hành. Các tầng lớp phụ nữ đang dần dần chuyển vào cơ sở sản xuất tập thể. Phụ nữ chiếm một nửa lực lượng lao động trong nhân dân, cho nên giữ vai trò rất quan trọng trong việc hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Trong phong trào cải tạo và phát triển kinh tế, phụ nữ lao động, nhất là phụ nữ công nông, sẽ tập hợp trên cơ sở sản xuất của tổ chức kinh tế dưới sự lãnh đạo thống nhất của các cơ quan quản lý trực tiếp. Để thích ứng với tình hình sản xuất và đời sống của quần chúng phụ nữ, công tác vận động phụ nữ *phải chuyển hướng nhiệm vụ chính vào việc nghiên cứu đề xuất các vấn đề, đồng thời đóng vai trò tiêu biểu động viên đoàn kết rộng rãi phụ nữ của Hội Liên hiệp Phụ nữ. Về mặt lãnh đạo sẽ phải dần dần chuyển từ phương thức công tác lãnh đạo dọc sang phương thức phối hợp ngang*. Cụ thể là những vấn đề thuộc chính sách phải do cơ sở nghiên cứu của phụ vận đề xuất với cấp uỷ đảng, được cấp uỷ đảng chấp thuận rồi biến thành chỉ thị, nghị quyết của Đảng hoặc của Nhà nước đưa xuống các cấp các ngành thi hành. Khi đã có chỉ thị, nghị quyết của Đảng thì cơ quan phụ trách công tác vận động phụ nữ có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, phát hiện tình hình giúp cấp uỷ lãnh đạo. Các ngành chính quyền, các

đoàn thể từ Trung ương đến các cấp, khi có công tác liên quan đến phụ nữ cần cùng với cơ quan phụ trách công tác phụ nữ bàn bạc. *Khi cần thiết các đoàn thể có thể cùng với Hội Liên hiệp Phụ nữ ra chỉ thị chung cho các cấp dưới thi hành. Về phía tổ chức phụ vận thì phương thức lãnh đạo chuyển sang phối hợp ngang.* Cho nên chẳng những tất cả cán bộ phụ nữ phải tuyên truyền công tác phụ vận, mà phải động viên cả lực lượng xã hội làm công tác phụ vận bằng cách đặt vấn đề với các cơ quan, đoàn thể khác là trong chương trình công tác của ngành đó, cần đề ra những vấn đề gì về công tác phụ vận, khi đã thành chương trình kế hoạch của các ngành hoặc đoàn thể thì cơ quan phụ vận có trách nhiệm hợp tác thực hiện và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện.

Tóm lại, công tác phụ vận phải do Đảng lãnh đạo quán triệt xuống các cấp, các cấp uỷ đảng phải đặt yêu cầu và nội dung công tác phụ nữ từng thời kỳ vào kế hoạch công tác chung của cấp uỷ để thống nhất bố trí và thống nhất kiểm tra.

Mấy nhiệm vụ cơ bản hiện nay trong phong trào vận động phụ nữ:

1. *Lãnh đạo phụ nữ tham gia phong trào hợp tác hoá nông nghiệp*

Phụ nữ nông dân sản xuất riêng lẻ đã làm cho họ gặp nhiều khó khăn cho nên rất mong muốn vào hợp tác xã, song cũng do sản xuất riêng lẻ đã thành thói quen nên khi mới tham gia hợp tác xã họ có nhiều lo lắng hoài nghi biểu hiện cuộc đấu tranh giữa hai luồng tư tưởng cá thể và tập thể. Vì thế các cấp uỷ nhất là chi bộ cần coi việc giáo dục xã hội chủ nghĩa cho phụ nữ là một nhiệm vụ giáo dục quần chúng của chi bộ. Sau khi hợp tác xã đã thành lập, việc giáo dục phụ nữ phải được gắn liền với công tác chính trị của hợp tác xã mà

tiến hành thường xuyên, nhằm nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho phụ nữ và khắc phục những tàn dư tư tưởng phong kiến tồn tại trong phụ nữ và nhân dân.

Cần chú trọng bảo hộ lao động phụ nữ, giải quyết khó khăn cho phụ nữ. Vì công việc hợp tác xã ngày càng nhiều, yêu cầu cải tiến kỹ thuật ngày càng cao nên cường độ lao động cũng ngày càng tăng, cho nên việc huy động phải đi đôi với bảo hộ, nhất là đối với phụ nữ còn có những điều kiện sinh lý đặc biệt như chữa đẻ, nuôi con, hành kinh, v.v. cho nên càng cần phải chú ý bảo hộ lao động phụ nữ, đồng thời phải tổ chức các nhóm giữ trẻ của hợp tác xã để phụ nữ an tâm sản xuất.

Trong lao động sản xuất, cần thực hiện nguyên tắc nam nữ làm việc ngang nhau công điểm bằng nhau. Muốn thế cần đánh giá đúng những loại việc để quy định công điểm cho sát.

Trong lao động sản xuất cần tích cực đào tạo, bồi dưỡng và đề bạt cán bộ phụ nữ tham gia ban quản trị hợp tác xã. Trước đây do quan niệm coi thường khả năng phụ nữ nên nhiều người cho rằng phụ nữ chỉ biết sản xuất, không biết lãnh đạo, nên không muốn đưa phụ nữ vào ban quản trị hợp tác xã hoặc có nơi đưa vào một cách hình thức, thiếu bồi dưỡng giúp đỡ. Mặt khác bản thân chị em phụ nữ vì tư tưởng tự ti còn nặng chưa mạnh dạn gánh vác nhiệm vụ của mình, do đó những quyền lợi của phụ nữ trong hợp tác xã chưa được giải quyết thích đáng, ảnh hưởng đến kế hoạch xây dựng hợp tác xã.

Các cấp uỷ đảng cần chú ý giáo dục cho nam nữ nông dân nhận rõ phụ nữ có thể lãnh đạo được, đồng thời cần phải tạo điều kiện cho chị em được rèn luyện trong những công tác

thích hợp, từ thấp đến cao; các lớp hợp tác xã, kỹ thuật, v.v. cần quy định tỷ lệ phụ nữ tham gia học tập và quan tâm giải quyết khó khăn cho cốt cán phụ nữ.

2. Vận động phụ nữ công nhân tham gia cải tiến quản lý xí nghiệp

Ban Phụ vận và Ban Công vận cần phối hợp chặt chẽ để vận động phụ nữ công nhân tham gia cải tiến quản lý xí nghiệp. Nghiên cứu nội dung đường lối vận động phụ nữ công nhân, trước mắt cần quán triệt vấn đề phát động tư tưởng phụ nữ công nhân để trên cơ sở đó mà nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho nữ công nhân, đề cao vai trò chủ nhân và nâng cao nhận thức của nữ công nhân về vị trí của mình trong sự nghiệp cách mạng giải phóng giai cấp và giải phóng phụ nữ, tích cực thực hiện khẩu hiệu nam nữ bình đẳng. Đi đôi với việc nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, cần quan tâm bảo hộ lao động, săn sóc sức khỏe và giải quyết khó khăn cho nữ công nhân về vấn đề sinh đẻ, con cái.

Các cấp uỷ đảng cần đặc biệt chú trọng đào tạo phân tử tích cực, bồi dưỡng và đề bạt cán bộ nữ công nhân tham gia lãnh đạo trong đảng uỷ, trong các đoàn thể công đoàn, thanh niên lao động, trong chuyên môn và đồng thời chú trọng phát triển đảng viên nữ công nhân.

Đối với gia đình công nhân, viên chức cần nâng cao trình độ giác ngộ về giai cấp để họ hỗ trợ cho công cuộc vận động cải tiến quản lý xí nghiệp.

3. Vận động phụ nữ tiểu thủ công và tiểu thương tích cực tham gia cải tạo thủ công nghiệp và công thương nghiệp

Đối với phụ nữ tiểu thương cần làm cho họ nhận rõ tiền đồ, nhận rõ lợi ích của việc tổ chức lại mà tự nguyện đi vào

con đường hợp tác tương trợ, dần dần cải tiến lề lối làm ăn riêng lẻ của họ, đưa họ tiến dần lên chủ nghĩa xã hội.

Đối với phụ nữ tiểu thủ công cần làm cho họ nhận rõ chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đem lại đời sống ấm no, hạnh phúc, để họ kiên quyết đi theo con đường hợp tác hoá, cải tiến kỹ thuật phục vụ cho sản xuất công nghiệp và nông nghiệp.

Đối với phụ nữ tư sản cần làm cho họ nhận rõ tiến lên chủ nghĩa xã hội chẳng những đảm bảo đời sống vật chất mà còn đảm bảo được hạnh phúc gia đình, con cái được phát triển tài năng, trước mắt là giáo dục họ hăng hái tham gia việc cải tạo xã hội chủ nghĩa bằng con đường công tư hợp doanh.

4. Tích cực lãnh đạo phụ nữ tham gia Hội đồng nhân dân các cấp

Phụ nữ tham gia Hội đồng nhân dân đông đảo là dấu hiệu chứng tỏ tính chất ưu việt của chế độ ta, của chính quyền dân chủ nhân dân, thể hiện được địa vị phụ nữ ngoài xã hội đồng thời nâng cao ý thức nghĩa vụ công dân của người phụ nữ. Vì thế các cấp uỷ cần phải động viên phụ nữ tham gia bầu cử ứng cử cho thật đông đảo. Phải lấy công tác đó mà giáo dục, nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, nâng cao nhận thức về nghĩa vụ công dân cho phụ nữ. Các cơ quan tuyên truyền báo chí, cần chú ý tuyên truyền về vấn đề này.

5. Phát triển các công cuộc phúc lợi bảo hộ phụ nữ, nhi đồng

Ở nông thôn và thành thị cần chú trọng phát triển các nhóm giữ trẻ để giải quyết khó khăn cho phụ nữ và phát triển các lớp mẫu giáo dân lập để giáo dục nhi đồng, mặt khác cần chú trọng bảo hộ lao động và thai sản cho phụ nữ, nghiên cứu tổ chức các trạm hộ sinh, đào tạo nữ hộ sinh xã,

tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh và nhất là vệ sinh cho phụ nữ, nhi đồng.

III- TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG PHỤ NỮ

Để tăng cường lãnh đạo công tác phụ vận, các cấp, các ngành căn cứ vào những nhận định và những công tác trên đây để kiểm điểm công tác và sửa chữa những quan niệm không đúng, đồng thời Đảng đoàn phụ nữ Trung ương và các cấp uỷ cần có kế hoạch cụ thể để lãnh đạo chặt chẽ công tác phụ vận, có kế hoạch bồi dưỡng và đào tạo cán bộ phụ nữ. Các cấp cần quy định tỷ lệ cán bộ phụ nữ tham gia các lớp văn hoá, chính trị, định chế độ bồi dưỡng bằng cách cho cán bộ phụ nữ cấp tương đương tham dự các cuộc hội nghị của cấp uỷ bàn về chủ trương đường lối của Đảng.

Các cấp uỷ đảng căn cứ vào Chỉ thị này có kế hoạch phổ biến cho các đảng đoàn, đảng uỷ và đến tận chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 138-CT/TW, ngày 11-4-1959

Về điều tra dân số toàn quốc năm 1959

Do nhu cầu quản lý nhà nước, nhất là yêu cầu về lập kế hoạch kinh tế quốc dân và kế hoạch văn hoá, y tế, giáo dục, chúng ta phải có những số liệu cơ bản về dân số toàn quốc. Những tài liệu thống kê dân số của thực dân Pháp trước đây hầu như không có, 20 năm qua (1939-1959), do chiến tranh, tình hình dân số miền Bắc cũng có nhiều thay đổi. Từ ngày hoà bình lập lại đến nay, chúng ta chưa có điều kiện để tổ chức một cuộc điều tra dân số trên toàn miền Bắc theo phương pháp khoa học. Nay chúng ta phải chuẩn bị lập kế hoạch dài hạn 5 năm, và tiến hành một số công tác quan trọng khác như bầu cử Quốc hội, phổ cập giáo dục, thi hành nghĩa vụ quân sự, v.v. đòi hỏi phải có những tài liệu về dân số đáng tin cậy, vì thế Ban Bí thư quyết định:

1. Tiến hành điều tra dân số toàn miền Bắc trong năm nay để thu thập những tài liệu cơ bản về tình hình dân số.

2. Vì tính chất quan trọng và quy mô lớn của cuộc điều tra và để đảm bảo cuộc điều tra được nhanh, gọn, tốt, cho nên trong một thời gian nhất định - tức là thời gian đăng ký khoảng 15 hôm - phải tập trung cán bộ, động viên toàn dân

tham gia. Trong thời gian ấy, công tác điều tra dân số là công tác trung tâm đột xuất trong phạm vi cả nước.

3. Về thời gian tiêu chuẩn để đăng ký nhân khẩu, sẽ làm vào khoảng trung tuần tháng 9-1959, vì đó là lúc tương đối thuận lợi hơn cả trong khoảng từ nay đến hết năm 1959, tình hình chung các loại nhân khẩu ở vào lúc ấy ít biến động, ở chi bộ ít bận những công tác lớn của Đảng và Chính phủ, ở nông thôn công việc cấy lúa mùa đã xong, ít bận rộn sản xuất, học sinh các cấp đã tựu trường, mùa mưa lũ đã qua (trừ miền Nam Khu IV cũ), thuận tiện cho việc giao thông liên lạc, chỉ đạo công tác. Nếu làm sớm hơn thì thời gian tối thiểu để chuẩn bị không đủ và từ nay tới tháng 9-1959 cũng không có lúc nào thuận lợi hơn. Nếu làm muộn hơn thì nông thôn bận gặt mùa, tiếp đến vụ sản xuất đông - xuân, lại sẽ gặp vào dịp Đại hội Đảng. Nếu để tới năm 1960 mới làm thì không kịp phục vụ yêu cầu lập kế hoạch 5 năm, bầu cử Quốc hội, v.v. vì từ khi đăng ký tới khi có số liệu tổng hợp phải cần từ 3 đến 6 tháng.

4. Do tầm quan trọng và quy mô của cuộc điều tra, cho nên dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, cuộc điều tra dân số toàn quốc phải do Chính phủ và Uỷ ban hành chính các cấp trực tiếp chỉ đạo, ở mỗi cấp sẽ thành lập Ban chỉ đạo điều tra dân số để giúp cấp uỷ đảng và Uỷ ban hành chính tiến hành công tác.

Thành phần Ban chỉ đạo gồm có:

Ở Trung ương: đại biểu Thủ tướng phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Uỷ ban Dân tộc Trung ương, Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước (Cục Thống kê Trung ương) ở cấp bộ trưởng, thứ trưởng. Bộ Quốc phòng cũng cần có đại biểu tham gia.

Ở các cấp khu, thành phố, tỉnh, huyện: Ban sẽ gồm một

uỷ viên Uỷ ban hành chính, cán bộ lãnh đạo Sở, Ty Công an, Chi cục Thống kê.

Nhiệm vụ của Ban chỉ đạo điều tra dân số:

Ở Trung ương, có nhiệm vụ giúp Trung ương Đảng và Chính phủ chỉ đạo cuộc điều tra từ khi chuẩn bị tới khi hoàn thành: tổ chức làm thí điểm, lập phương án điều tra, dự thảo nghị định, chỉ thị về điều tra dân số để trình Chính phủ xét duyệt và ban hành, tổ chức việc tuyên truyền về điều tra dân số, đào tạo cán bộ, bố trí và chỉ đạo công tác điều tra.

Ở các cấp, có nhiệm vụ giúp cấp uỷ và Uỷ ban hành chính đồng cấp tiến hành điều tra dân số theo Chỉ thị, Nghị quyết của Chính phủ (về điểm này, Thủ tướng Chính phủ sẽ có nghị định sau).

5. Để cho việc chuẩn bị được chu đáo, nhất là để nghiên cứu lập phương án điều tra toàn diện và đào tạo cán bộ, Ban chỉ đạo điều tra dân số Trung ương sẽ làm thí điểm ở thị xã và một số xã thuộc Hải Dương và một số xã miền núi ở Lào Cai (cả ba nơi vào khoảng 8 vạn dân).

Để kịp lập phương án đưa ra Trung ương Đảng và Chính phủ xét duyệt và để có thời gian chuẩn bị tiến hành đăng ký nhân khẩu toàn quốc vào tháng 9-1959, cuộc điều tra thí điểm phải làm vào thượng tuần tháng 5-1959, thời gian này thuận lợi vì chưa gặt chiêm, nếu để chậm thì bị ảnh hưởng vụ gặt chiêm.

Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm nghiên cứu việc huy động 150 cán bộ ở các khu, thành, tỉnh và các ngành ở trung ương để làm thí điểm điều tra dân số. Số cán bộ này, sẽ là cán bộ chủ lực cho công tác điều tra dân số của Trung ương và các khu, thành, tỉnh sau này. Mỗi tỉnh, thành cử từ hai đến năm cán bộ, tuỳ theo tình hình đông hay ít dân, trong đó

có một cấp uỷ viên tỉnh, thành, khu, một đến bốn cán bộ trình độ sơ cấp, để sau đợt thí điểm sẽ về địa phương giúp cấp uỷ và Uỷ ban hành chính bố trí chuẩn bị điều tra và chỉ đạo điều tra ở địa phương cho đến khi hoàn thành. Cán bộ huy động ở các ngành cần có trình độ trung cấp và sơ cấp để sau này sẽ giúp Trung ương làm công tác thanh tra, kiểm tra. Thời gian trưng tập số cán bộ trên từ 8 đến 10 tháng.

6. Việc nghiên cứu, điều tra dân số mấy tháng nay, Cục Thống kê Trung ương đã làm, nhưng vì công tác nặng nề và phức tạp, khả năng Cục Thống kê Trung ương không thể tiếp tục chuẩn bị được đầy đủ, cho nên để kịp thời nghiên cứu giúp cho Ban chỉ đạo điều tra dân số về sau, các Đảng đoàn Bộ Công an, Nội vụ, Ngoại giao, Tổng quân uỷ, Ban Dân tộc, Ban Tổ chức, Ban Tuyên huấn, sẽ cung cấp một số cán bộ cùng với bộ phận thống kê dân số của Cục Thống kê Trung ương thành lập bộ phận nghiên cứu để tiếp tục nghiên cứu các vấn đề cần kíp và sau này sẽ là bộ phận giúp việc cho Ban chỉ đạo điều tra dân số Trung ương. Thời gian trưng tập số cán bộ trên cần chừng một năm.

Sau khi làm thí điểm xong, các tỉnh cũng cần phải trưng tập một số cán bộ ở các ngành có liên quan, để giúp cho Ban điều tra dân số chuẩn bị ở địa phương.

7. Để đảm bảo bí mật quốc phòng, Bộ Quốc phòng cần phối hợp với Ban chỉ đạo điều tra dân số Trung ương, nghiên cứu lập phương án điều tra riêng trong hệ thống quân đội, bao gồm bộ đội chủ lực, địa phương, công nhân viên quốc phòng và cả các gia đình quân nhân sinh hoạt trong doanh trại bộ đội.

8. Bộ Ngoại giao cần phối hợp với Ban chỉ đạo điều tra dân số Trung ương, nghiên cứu tình hình đặt kế hoạch theo

phương pháp đơn giản, thích ứng với từng nơi để thống kê nhân khẩu Việt kiều ở các nước ngoài. Đây là vấn đề chính trị tương đối lớn, trong khi nước nhà đang đấu tranh thực hiện thống nhất, cần phải nghiên cứu kỹ để đề nghị Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định.

9. Ngoài ra, còn một số vấn đề khác như việc huy động lực lượng cán bộ điều tra và cán bộ tổng hợp, vấn đề chi phí cho công tác điều tra, Ban chỉ đạo điều tra dân số Trung ương có trách nhiệm cùng với các Ban, Bộ có liên quan như Tổ chức, Nội vụ, Tài chính, Giáo dục, v.v. nghiên cứu trình Ban Bí thư và Chính phủ xét duyệt sau.

Điều tra dân số là một công tác phức tạp, phải đảm bảo làm sao cho tài liệu điều tra đáng tin cậy tuyệt đối, việc đăng ký phải tiến hành theo thời gian tiêu chuẩn đã quy định thống nhất trong toàn quốc, điều kiện tổ chức phải cao, cho nên các cấp và các ngành phải có sự cố gắng để đảm bảo thu được kết quả tốt.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**LỜI KHAI MẠC CỦA HỒ CHỦ TỊCH
TẠI HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ 16
(MỞ RỘNG)**

Ngày 16-4-1959

Các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Hội nghị sẽ thảo luận các vấn đề: hợp tác hoá nông nghiệp và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội; quan trọng nhất là vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp.

Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân, mà đại bộ phận là nông dân lao động làm Cách mạng Tháng Tám thành công. Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân, mà đại bộ phận là nông dân lao động, kháng chiến thắng lợi. Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân, mà đại bộ phận là nông dân lao động đánh đổ phong kiến địa chủ và chia ruộng đất cho nông dân.

Song như thế chưa đủ. So với trước kia, đời sống của đồng bào nông dân lao động hiện nay tuy đã được cải thiện bước đầu, nhưng vẫn còn khó khăn, thiếu thốn. Chúng ta không thể dễ như thế mãi. Chúng ta nhất định phải nâng cao đời sống của đồng bào nông dân. Nhưng nếu nông dân cứ làm ăn riêng lẻ thì đời sống không thể nâng cao. Muốn nâng

cao đời sống thì chỉ có một cách là tổ chức nông dân làm ăn tập thể tức là tổ chức nông dân vào hợp tác xã nông nghiệp. Tổ chức hợp tác xã tốt thì mới có thể tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, do đó mà nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nông dân, và củng cố khối liên minh công nông.

Miền Bắc nước ta hiện đang tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa có *hai chân* là công nghiệp và nông nghiệp. Công nghiệp của ta đại bộ phận đã xã hội hoá, nhưng nông nghiệp thì nhiều nơi còn làm ăn riêng lẻ. Như thế là hai chân không đều nhau, không thể bước mạnh được. Vì vậy, chúng ta phải hợp tác hoá nông nghiệp làm cho nông nghiệp phát triển, làm cho công nghiệp và nông nghiệp tiến đều, thì mới cải thiện tốt đời sống của nhân dân, đồng thời đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội làm nền tảng vững mạnh cho công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Vì vậy chúng ta phải *làm tốt, làm thật tốt hợp tác hoá nông nghiệp*.

Hiện nay phong trào tổ chức hợp tác xã nông nghiệp tiến bước khá tốt; nhưng nhiều nơi còn lạch lạch. Chúng ta phải *củng cố thật tốt* các tổ đổi công và các hợp tác xã đã có, tuyên truyền và giáo dục nông dân, làm cho phong trào phát triển vững chắc.

Phải làm thế nào cho xã viên trong hợp tác xã thu nhập nhiều hơn thu nhập của nông dân trong tổ đổi công, và tổ viên trong tổ đổi công thu nhập nhiều hơn thu nhập của nông dân còn làm ăn riêng lẻ.

Những nơi chưa có hợp tác xã thì phải củng cố tổ đổi công thật tốt để tiến lên hợp tác xã.

Các địa phương phải cố gắng làm cho mỗi làng có một vài

hợp tác xã thật tốt để làm kiểu mẫu cho những hợp tác xã sẽ tổ chức sau.

Trong việc củng cố và phát triển phong trào đổi công và hợp tác xã phải chú trọng *chất* lượng tốt, không nên chỉ chú trọng con số. Trong công việc tổ chức, củng cố, quản lý và phát triển tổ đổi công và hợp tác xã, cán bộ, đảng viên và đoàn viên thanh niên lao động phải làm gương mẫu, làm đầu tàu, phải chí công vô tư, phải làm đúng nhiệm vụ của người cộng sản.

Hội nghị Trung ương cần phải bàn bạc cho kỹ, cho sâu và cho tốt để định ra đường lối, phương châm và chính sách của công việc hợp tác hoá nông nghiệp. Các đồng chí Trung ương, các đồng chí phụ trách các địa phương, các đồng chí phụ trách các ngành phải chuẩn bị phát biểu ý kiến cho đầy đủ để thống nhất ý kiến, thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động.

Sau Hội nghị này, chúng ta phải động viên toàn Đảng, toàn dân làm tốt công việc hợp tác hoá nông nghiệp. Với truyền thống đoàn kết và tinh thần hăng hái của toàn dân, với quyết tâm của toàn Đảng, chúng ta nhất định hoàn thành tốt nhiệm vụ ấy.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO TẠI HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ 16 (MỞ RỘNG)

Hợp ngày 16 đến 30-4 và ngày 1 đến ngày 10-6-1959

**Kiên quyết đưa nông thôn miền Bắc nước ta
qua con đường hợp tác hoá nông nghiệp tiến lên
chủ nghĩa xã hội***

Thưa các đồng chí,

Chúng ta đang đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà và tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta. Muốn tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, lúc này phải rất coi trọng việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với những thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa. Trong toàn bộ sợi dây chuyền cải tạo xã hội chủ nghĩa, hợp tác hoá nông nghiệp là cái khâu chính. Nắm được cái khâu chính ấy mà kéo thì mọi việc sẽ chuyển. Hợp tác hoá nông nghiệp làm tốt sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các mặt cải tạo khác và cho toàn bộ công tác của chúng ta.

Ở nông thôn miền Bắc nước ta hiện nay, cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp đang có đà tiến triển. Tình hình

* Báo cáo do đồng chí Trường Chinh trình bày (B.T).

công tác ở mỗi địa phương một khác, nhưng nói chung cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp căn bản là tốt và đã có tính chất quần chúng. Nó thể hiện yêu cầu khách quan của nông thôn miền Bắc nước ta hiện nay.

Trong Hội nghị này, Trung ương cần nhận định tình hình và đặt vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc nước ta một cách toàn diện để giải quyết. Dưới ánh sáng của thực tế, Trung ương cần khảo nghiệm và bổ sung những chỉ thị trước đây của mình về vấn đề đó, quy định dứt khoát những điều cơ bản về vận động hợp tác hoá nông nghiệp và tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động đó.

I- TÌNH HÌNH NÔNG THÔN MIỀN BẮC NƯỚC TA HIỆN NAY

Nước ta vốn là một nước nông nghiệp bị đế quốc và phong kiến áp bức, bóc lột lâu đời. Cách mạng Tháng Tám đã lật đổ ách thống trị của bọn đế quốc và vua quan, cường hào. Sau Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến, chúng ta đã thi hành một loạt biện pháp cải cách dân chủ và từ năm 1953, đã phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất. Cuối năm 1956, cải cách ruộng đất đã hoàn thành ở đồng bằng và trung du miền Bắc, nhưng vì có phạm một số sai lầm, cho nên chúng ta phải tiến hành sửa sai để hoàn thành tốt cải cách ruộng đất.

Từ sau cải cách ruộng đất, nông thôn miền Bắc nước ta đã có những biến đổi quan trọng. Sau khi bị đánh đổ, nói chung địa chủ đã phải tự lao động để sống. Một số ít địa chủ đã được thay đổi thành phần, trở thành nông dân lao động. Một số khác không chịu lao động cải tạo đã chuyển sang đi buôn, chạy ra thành phố; có tên ở ngay nông thôn mà không chịu tham gia lao động nông nghiệp hoặc chỉ tham gia lao

động phụ và dựa vào sức lao động của vợ con mà sống. Trong cải cách ruộng đất, thế lực kinh tế của phú nông đã bị giảm sút nhiều. Sau cải cách ruộng đất, sự bóc lột của phú nông càng bị hạn chế. Hiện nay, chỉ còn một số phú nông bóc lột ở mức độ thấp. Tầng lớp trung nông đông hơn trước. Cơ sở kinh tế và điều kiện sinh hoạt của một số bản cổ nông đã ngang mức trung nông. Một số địa chủ, phú nông được thay đổi thành phần xuống trung nông. Đời sống của trung nông nói chung no đủ. Tuy vậy, trung nông lớp dưới, còn gặp nhiều khó khăn về đời sống cũng như về sản xuất. Một số ít trung nông vì gặp khó khăn hoặc thiếu sức lao động, cho nên kinh tế bị sút kém và sinh hoạt ngang bản nông. Trung nông lớp trên sinh hoạt khá hơn và có một số ít thuê mướn nhân công, cho vay nợ lãi; cá biệt có người thực tế đã trở thành phú nông.

Bản nông, từ sau cải cách ruộng đất, đời sống nói chung được cải thiện hơn trước, nhưng còn gặp nhiều khó khăn. Có một số bản nông trong cải cách ruộng đất được chia nguyên canh, cho nên đời sống khá hơn và thực tế đã trở thành trung nông; có người đã trở thành trung nông lớp trên.

Sau cải cách ruộng đất, đời sống của nông dân lao động nói chung đã khá hơn trước nhiều¹⁾. Tuy vậy, cải cách ruộng

1) Theo tài liệu điều tra về tình hình đời sống của các tầng lớp và sự thay đổi về thành phần xã hội trong 34 xã thuộc các tỉnh Bắc Giang, Hải Dương, Thanh Hoá, Nghệ An, Nam Định, sau cải cách ruộng đất, trong bản nông có 19,4% số hộ thừa ăn, 52,6% số hộ đủ ăn và 27,5% số hộ thiếu ăn. Trong trung nông có 27,9% số hộ thừa ăn, 55,9% số hộ đủ ăn và 16% số hộ thiếu ăn. Trong phú nông có 41,3% số hộ thừa ăn, 45,8% số hộ đủ ăn và 12,8% số hộ thiếu ăn. Trong địa chủ, có 19,8% số hộ thừa ăn, 51,3% số hộ đủ ăn và 28,8% số hộ thiếu ăn (thống kê của Ban Công tác nông thôn Trung ương tháng 3-1959).

đất mới xoá bỏ bóc lột của địa chủ và hạn chế bóc lột của phú nông, chưa xoá bỏ chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, nguồn gốc đẻ ra giai cấp và đẻ ra bóc lột. Vì vậy, sau cải cách ruộng đất, ở nông thôn miền Bắc nước ta quan hệ bóc lột vẫn còn trong một phạm vi nhất định; một số phú nông và cả một số ít trung nông lớp trên vẫn bóc lột bần nông và trung nông lớp dưới. Gặp thiên tai hoặc đau ốm, một số bần nông và trung nông bị sa sút, phải bán bớt ruộng đất, trâu bò, không giữ nguyên được những thành quả mà cải cách ruộng đất đã đem lại cho họ¹⁾. Tình hình đó phát triển sẽ dẫn tới sự phân hoá mới về giai cấp ở nông thôn. Trung nông lớp trên đang muốn làm giàu bằng cách cho vay nợ lãi, thuê mướn nhân công, mua lúa non, hơn đong kém bán, v.v. họ có khuynh hướng phát triển kinh tế theo kiểu phú nông. Trong trung nông khác cũng có một số người muốn theo con đường đó. *Khuynh hướng tư bản chủ nghĩa tự phát đã phát triển tương đối mạnh trong thời kỳ sửa sai, tức là từ cuối năm 1956 đến hết năm 1957.* Khuyết điểm của chúng ta trong sửa sai là

Theo báo cáo về công tác đổi tiền, nói chung phú nông và địa chủ có nhiều tiền hơn nông dân lao động. Như ở Kiến An, bình quân một hộ bần nông có 55 đồng tiền mới, một hộ trung nông có 62 đồng, một hộ phú nông có 584 đồng, một hộ địa chủ có 90 đồng. Tiền mặt nằm nhiều trong tay phú nông, địa chủ, gây khó khăn cho việc quản lý thị trường và lưu thông tiền tệ ở nông thôn, vì các tầng lớp đó có khả năng tích trữ, đầu cơ và cho vay nặng lãi (Báo cáo của Ngân hàng quốc gia Việt Nam, ngày 27-3-1959).

1) Điều tra tình hình chuyển dịch về ruộng đất, trâu bò ở thôn An Cước, xã Liên An, tỉnh Hà Nam, ta thấy trong số 200 hộ có 47 hộ phải bán ruộng đất. Trong số 47 hộ đó, có 17 hộ bần nông, 6 hộ trung nông và 1 hộ thủ công nghiệp đã phải bán ruộng vì túng thiếu hoặc vì đau ốm. Có 47 hộ phải bán trâu bò, trong đó có 32 hộ bần nông và 15 hộ trung nông (Báo cáo của tổ điều tra của Ủy ban cải cách ruộng đất Trung ương tháng 3-1958).

chậm trễ ra việc giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa cho cán bộ, đảng viên và quần chúng ở nông thôn¹⁾, không kết hợp ngay từ đầu với công tác sửa sai mà củng cố và phát triển các tổ đổi công và hợp tác xã. Như thế vô tình chúng ta đã để hở trận địa ở nông thôn cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Từ đầu năm 1958 trở đi, khuynh hướng tư bản chủ nghĩa tự phát bị đẩy lùi dần. Tuy vậy, cần nhận rõ rằng còn chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và lối làm ăn riêng lẻ thì vẫn còn cơ sở vật chất và điều kiện xã hội cho khuynh hướng tư bản chủ nghĩa tự phát nảy nở. Đó là một mặt của sự phát triển của tình hình nông thôn sau cải cách ruộng đất.

Nhưng mặt chủ yếu của tình hình nông thôn hiện nay là phong trào đổi công, hợp tác đang phát triển mạnh và đã trở thành phong trào quần chúng.

Từ lâu nông dân ta vốn có tập quán giúp nhau sản xuất dưới những hình thức đơn giản, thô sơ: làm giúp, làm ruỗm, làm xúm, làm mải, vòng công, vãn công, v.v.. Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, ở nhiều địa phương cơ sở Đảng đã có từ lâu, những hình thức tổ chức giúp nhau sản xuất và lao động tập thể, như tổ sản xuất, tiểu nông đoàn, hội hợp công, tập đoàn sản xuất, tổ đổi công, hợp tác xã, v.v. đã bắt đầu xuất hiện.

Trong những năm đầu của kháng chiến, những hình thức đó được phát triển rộng hơn; nó đã có tác dụng giải quyết một phần những khó khăn về sản xuất. Nhưng lúc đó, vì đường lối, phương châm, chính sách đổi công, hợp tác

1) Mãi đến mùa thu năm 1957, khi sửa sai gần xong, Ban Tuyên huấn Trung ương mới tổ chức việc giáo dục bước đầu cho cán bộ, đảng viên và một số quần chúng nông dân về chính sách hợp tác hoá nông nghiệp của Đảng.

chưa được quy định rõ, việc giáo dục tư tưởng, nâng cao ý thức giác ngộ giai cấp cho quần chúng có nhiều thiếu sót, trong nông thôn chưa phân rõ ranh giới giai cấp, cho nên nhiều nơi đã kết nạp cả địa chủ, phú nông vào những tổ chức đó một cách ồ ạt. Tuy vậy, cũng có nhiều tổ đổi công và một số tập đoàn sản xuất tốt.

Từ cuối năm 1953 yêu cầu của cuộc kháng chiến thúc đẩy nông dân phát triển tổ đổi công để bảo đảm tăng gia sản xuất, di dân công phục vụ tiền tuyến. Lúc đó, chúng ta lại kết hợp với phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất mà xây dựng, củng cố và phát triển tổ đổi công. Sau khi hoà bình được lập lại, gắn liền với cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế, việc xây dựng tổ đổi công được đặt thành một công tác quan trọng để đẩy mạnh sản xuất. Từ giữa năm 1955, sau Hội nghị tổng kết đổi công và (tháng 3-1955) sau khi Trung ương ra Chỉ thị số 31 (30-6-1955), phong trào đổi công tiến triển nhanh. Cuối năm 1955 đã có 53% nông hộ vào tổ đổi công và đến giữa năm 1956 con số đó đã lên tới 58,7%. Đồng thời với việc phát triển tổ đổi công, cuối năm 1955, ta đã xây dựng sáu thí điểm hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, phát triển hợp tác xã mua bán và hợp tác xã vay mượn, xây dựng một số nông trường quốc doanh. Đến cuối năm 1956 toàn miền Bắc đã có 37 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Kết quả của phong trào đổi công lúc này là làm cho quần chúng nông dân bước đầu nhận thấy hợp tác giúp nhau có lợi hơn là làm ăn riêng lẻ. Chính vì cải cách ruộng đất và kết hợp với cải cách ruộng đất mà phát triển tổ đổi công và làm các công trình tiểu thủy lợi, cho nên vụ mùa năm 1956 đã thu hoạch khá và kế hoạch nhà nước năm 1956 về sản xuất

lương thực đã hoàn thành vượt mức. Nhưng khuyết điểm của thời kỳ này là việc giáo dục cho quần chúng nông dân về ý thức hợp tác giúp nhau chỉ làm qua loa, việc vận động quần chúng vào tổ đổi công thường là gò ép, công tác lãnh đạo các tổ đổi công không được chặt chẽ. Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp cũng chưa phát huy được tác dụng làm gương.

Khi phát hiện sai lầm của cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, phong trào đổi công xẹp hẳn xuống. Nhiều tổ tan rã, phần lớn các tổ nằm im, nhưng vẫn còn nhiều tổ hoạt động tốt và qua cơn thử thách lại được rèn luyện thêm. Cuối năm 1957, trong tổ đổi công chỉ còn 21,9% số nông hộ. Hợp tác xã thì một số bị tan vỡ, nhưng ta lại xây dựng thêm một số mới; đến cuối năm 1957 cũng chỉ có 44 cái. Những hợp tác xã và tổ đổi công còn lại là những cái đã được sàng lọc. Đó là cơ sở tốt cho việc đẩy mạnh phong trào sau này.

Sửa sai thắng lợi đã phát huy được những thành quả của cải cách ruộng đất. Việc ổn định sản lượng thuế nông nghiệp cũng làm cho quần chúng an tâm sản xuất hơn.

Tháng 5-1957, Trung ương tổ chức Hội nghị sơ kết tình hình tổ đổi công và đến tháng 10-1957, lại tổ chức Hội nghị sơ kết kiểm điểm công tác xây dựng hợp tác xã. Mùa thu năm 1957, chúng ta tiến hành phê phán tư tưởng thỏa mãn sau cải cách ruộng đất và bước đầu giáo dục chính sách hợp tác hóa nông nghiệp cho cán bộ, đảng viên xã và cho một số quần chúng nông dân. Đầu năm 1958, Trung ương có kế hoạch củng cố và phát triển tổ đổi công và hợp tác xã, mở lớp huấn luyện cho trên 1.000 cán bộ tỉnh và huyện về công tác xây dựng và phát triển tổ đổi công và hợp tác xã, và đã chỉ thị cho các địa phương mở các lớp huấn luyện cho cán bộ tổ đổi công và hợp tác xã về mặt nghiệp vụ; đồng thời vận động

nông dân tổ chức nhau lại để ra sức chống hạn. Đến tháng 7-1958, Trung ương tổ chức Hội nghị kiểm điểm chung tình hình tổ đổi công và hợp tác xã. Phong trào đổi công, hợp tác có đà phát triển từ đó. Giữa năm 1958 số nông hộ vào tổ đổi công đã lên tới 41% và số hợp tác xã sản xuất nông nghiệp là 134 cái.

Sau vụ chiêm năm 1958, Đảng lại kiên quyết lãnh đạo nông dân cải tiến kỹ thuật canh tác để thực hiện vụ mùa thắng lợi. Những thành tựu vĩ đại xây dựng chủ nghĩa cộng sản và những thắng lợi vẻ vang về khoa học kỹ thuật của Liên Xô; bước tiến nhảy vọt của Trung Quốc và những tiến bộ quan trọng của các nước xã hội chủ nghĩa khác đã vang dội vào nước ta và cổ vũ mạnh mẽ nông dân ta ra sức phát triển tổ đổi công, hợp tác xã và áp dụng kỹ thuật mới để đẩy mạnh sản xuất. Vụ mùa năm 1958 đã đạt mức thu hoạch chưa từng có là 4 triệu rưỡi tấn thóc. Vụ mùa thắng lợi cộng với thắng lợi chung về mọi mặt công tác của các ngành trong năm 1958 đã cổ vũ nông dân và nhân dân ta rất nhiều.

Trước tinh thần hăng hái, phấn khởi của cán bộ, đảng viên và quần chúng, Đảng chủ trương phát động nông dân ra sức cải tiến kỹ thuật theo kinh nghiệm của Trung Quốc, đẩy mạnh phong trào đổi công, hợp tác, đẩy mạnh sản xuất đông - xuân. Mùa thu năm 1958, Đảng lại tổ chức giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng ở nông thôn về hai con đường phát triển nông nghiệp sau cải cách ruộng đất và chỉ rõ rằng con đường hợp tác hoá nông nghiệp sẽ dẫn nông dân đến tự do, hạnh phúc thật sự; đồng thời qua đợt giáo dục này mà phê phán tư tưởng muốn làm giàu bằng con đường làm ăn riêng lẻ, nâng cao thêm một bước ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nông dân.

Những cố gắng kể trên của chúng ta về mọi mặt trong năm 1957 và năm 1958, cộng với ảnh hưởng của những thắng lợi của phe ta đã làm cho tình hình nông thôn miền Bắc nước ta trong những tháng cuối năm 1958 đã có những chuyển biến tốt về mọi mặt.

Trước hết là nhiệt tình lao động của nông dân lên rất cao. Trong nông thôn, tư tưởng bảo thủ bị đẩy lùi một bước, nông dân bắt đầu khắc phục những tập quán canh tác cũ kỹ. Do yêu cầu của sản xuất, do sự giáo dục của Đảng và sự hướng dẫn về kỹ thuật của các cơ quan nông - lâm, nông dân dần dần áp dụng được kỹ thuật canh tác mới. Cày sâu, bừa kỹ, cấy dày, bỏ nhiều phân, giữ nước và làm công tác tiểu thủy lợi, v.v., những việc ấy đòi hỏi nông dân phải tổ chức nhau lại, phải cải tiến nông cụ để tăng hiệu suất của lao động. Cuộc vận động sản xuất lên cao thúc đẩy hợp tác hóa nông nghiệp. Hợp tác hóa nông nghiệp bảo đảm cho việc cải tiến kỹ thuật được tốt để tăng năng suất. Phong trào hợp tác hóa hồi cuối năm 1958 tiến nhanh là do ở chỗ phong trào đó đã kết hợp được chặt chẽ ba cuộc vận động: đổi công, hợp tác, cải tiến kỹ thuật và tăng năng suất. Đó cũng là đặc điểm nổi bật nhất của phong trào.

Trong phong trào đổi công hợp tác cũng như trong cuộc vận động, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất, thanh niên và phụ nữ tỏ ra hăng hái và nêu được nhiều tác dụng gương mẫu, xung phong.

Tính đến cuối tháng 3-1959, toàn miền Bắc đã có 6.830 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bao gồm 7% nông hộ và gần 70% nông hộ vào tổ đổi công (21% nông hộ vào tổ đổi công thường xuyên). Trong số 6.830 hợp tác xã đã có 119 hợp tác xã cấp cao và có một ít xã đã thu hút trên 90% nông hộ vào hợp

tác xã. Số xã viên của từng hợp tác xã cũng đông hơn. Trung bình mỗi hợp tác xã gồm 30 hộ. Cá biệt có hợp tác xã gồm tới 100 hộ và kinh doanh nhiều mặt: nông nghiệp, thủ công nghiệp, mua bán (Vũ La, Hải Dương). Ở miền núi đã có 239 hợp tác xã nông nghiệp. Dân đánh cá cũng hăng hái tham gia vào hợp tác xã ngư nghiệp; tính đến tháng 2-1959 số hợp tác xã ngư nghiệp và nông - ngư nghiệp đã lên tới 102 cái.

Cùng với việc phát triển hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã vay mượn và hợp tác xã mua bán cũng được phát triển ở nhiều nơi. Cuối năm 1958 toàn miền Bắc đã có 204 hợp tác xã mua bán bao gồm 1.347.213 xã viên và 3.000 hợp tác xã tín dụng bao gồm 335.117 xã viên¹⁾.

Tình hình đó đánh dấu một bước chuyển quan trọng của nông thôn miền Bắc nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nó chứng tỏ rằng dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta, bản chất lao động và cách mạng của người nông dân được phát huy mạnh mẽ; mặt tư hữu và bảo thủ của họ sẽ dần dần được khắc phục; nông dân lao động nhất định sẽ dứt khoát chọn con đường xã hội chủ nghĩa, vì chỉ có con đường đó mới làm cho họ được no cơm, ấm áo, có học, và mới giải phóng cho họ vĩnh viễn thoát khỏi cảnh nghèo khổ, đói rét, dốt nát và bệnh tật.

Tóm lại, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp từ giữa năm 1958 phát triển mạnh là do lãnh đạo có chuẩn bị từ trước, do quần chúng nông dân lao động yêu cầu tổ chức nhau lại để tăng năng suất và cải thiện đời sống thêm một bước, do ảnh hưởng tốt của những thắng lợi lớn của phe ta nhất là của Liên Xô và Trung Quốc.

1) Theo báo cáo của Bộ Nội thương và của Ngân hàng quốc gia Việt Nam.

Tình hình đổi công và hợp tác xã, hiện nay căn bản là tốt. Đó là một phong trào quần chúng có tổ chức, có lãnh đạo, chứ không phải tự phát. Nói chung, những hợp tác xã hoạt động đều và lối làm ăn của nó hơn hẳn lối làm ăn của tổ đổi công và của nông dân cá thể. Nó đã nêu được tác dụng dẫn đầu trong phong trào cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất.

Nhưng phong trào hợp tác hóa nông nghiệp của ta còn có nhiều nhược điểm và khuyết điểm như sau: phong trào phát triển không đều; khi xây dựng hợp tác xã, nhiều nơi không phát động tư tưởng quần chúng một cách sâu sắc và đầy đủ, giáo dục chính sách chưa tốt, huấn luyện nghiệp vụ cho cán bộ hợp tác xã chưa kỹ; sau khi xây dựng hợp tác xã xong, phần nhiều chỉ chú ý áp dụng kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất, mà coi nhẹ công tác chính trị và tư tưởng, cho nên ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa của xã viên chưa được nâng cao; công tác quản lý hợp tác xã về ba mặt: lao động, sản xuất và tài vụ còn lúng túng. Số lượng hợp tác xã tăng nhanh, nhưng chất lượng còn kém; công tác củng cố hợp tác xã chưa được chú trọng; có nơi đã xem nhẹ việc củng cố và phát triển tổ đổi công, không nhận rõ rằng nói chung cơ sở tổ đổi công có tốt thì việc xây dựng và phát triển hợp tác xã mới tốt.

Ở miền núi, phong trào đổi công hợp tác phát triển chậm và chất lượng kém hơn miền xuôi. Ngoài những nhược điểm của phong trào như miền xuôi, nhiều tổ đổi công và hợp tác xã miền núi thu hút cả thành phần bóc lột.

Nhìn chung, sự lãnh đạo của Trung ương chậm so với yêu cầu và bước tiến của phong trào. Vì bận về sửa sai và tổng kết cải cách ruộng đất, chúng ta đã chậm đề ra đường lối, phương châm, chính sách và kế hoạch phát triển một cách cụ thể và toàn diện, chậm giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa

cho cán bộ, đảng viên và quần chúng ở nông thôn. Khi phong trào bắt đầu chuyển mạnh (mùa thu năm 1958), vì không theo dõi sát tình hình, cho nên lúc đầu chúng ta cho là phong trào không tốt, nhấn mạnh một chiều về mặt phải tiến hành thận trọng. Sau khi kiểm tra, nhất là từ sau Hội nghị đổi công hợp tác toàn miền Bắc ở Thanh Hóa (tháng 12-1958), do nắm được tình hình hơn, sự lãnh đạo của Trung ương đối với phong trào cũng sát hơn. Đối với những hợp tác xã đã được xây dựng đến nay, Nhà nước vẫn chưa tích cực giúp đỡ về mọi mặt. Các ngành có quan hệ mật thiết với phong trào chưa giúp Trung ương và Chính phủ đề ra chính sách cụ thể để kịp thời phục vụ cho phong trào.

Về phần các địa phương, từ vụ chiêm năm 1958 trở về trước nói chung các cấp khu và tỉnh trở xuống không chú ý lãnh đạo cuộc vận động đổi công, hợp tác; từ đó trở đi có chú ý hơn trước, nhưng phổ biến là nóng vội, muốn lướt nhanh; tuy vậy một số địa phương vẫn rụt rè, chậm chạp, chưa mạnh dạn đẩy phong trào tiến lên.

Đứng trước phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, thái độ của mỗi tầng lớp ở nông thôn miền Bắc nước ta hiện nay như thế nào?

Bần nông và trung nông lớp dưới là những người hăng hái hưởng ứng và tham gia phong trào, đóng vai trò nòng cốt trong tổ đổi công và hợp tác xã. Cả những bần nông mà mức sống đã ngang mức của trung nông cũng vẫn có thái độ tốt đối với hợp tác xã, trừ một số ít mà mức sống ngang mức của trung nông lớp trên thì thái độ không tích cực.

Trung nông lúc đầu thường do dự, nhưng sau khi hiểu rõ lợi ích của hợp tác xã, nhất là sau khi họ thấy thu nhập của các xã viên hơn hẳn thu nhập của họ thì nói chung họ cũng

yêu cầu tham gia hợp tác xã. Trước khi vào hợp tác xã, họ cũng đắn đo, suy tính nhiều; vào hợp tác xã rồi, có lúc họ suy bì, tị nạnh, nhưng nói chung, mặt tích cực của họ vẫn là chủ yếu. Trung nông lớp trên, lúc đầu thường thờ ơ với hợp tác xã, có người khi ở tổ đổi công hoạt động tích cực, nhưng khi tổ chuyển lên hợp tác xã, họ không tham gia hoặc tham gia một cách miễn cưỡng. Nhưng khi phong trào hợp tác hóa lên cao, thái độ của họ có chuyển và cũng yêu cầu vào hợp tác xã. Nói chung, trong hợp tác xã hiện tượng dao động, tiêu cực thường thể hiện rõ ở số xã viên là trung nông lớp trên.

Phú nông nói chung không tán thành hợp tác xã. Do lực lượng kinh tế và ảnh hưởng chính trị bị suy yếu nhiều, cho nên họ thường giữ thái độ tiêu cực, không vui vẻ trước phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Lúc đầu, do sự phản tuyên truyền của địch, cho nên cũng có một số phú nông hoang mang, sợ bị đấu. Phú nông có nhiều tiền, muốn bóc lột nhưng lại sợ bị lộ mặt là bóc lột, cho nên từ sau cải cách ruộng đất họ ít thuê mướn nhân công hoặc chỉ thuê trong ngày mùa vào lúc lúa chín, đang gặt rộ và thuê từng ngày một. Một số phú nông cho vay ngấm ngấm - hoặc chỉ cho bà con thân thuộc vay. Ngoài ra, họ cũng buôn bán đầu cơ một ít. Gần đây, có một số phú nông bán bớt ruộng tốt lấy tiền tiêu, họ ăn tiêu rộng rãi hơn, ít chú ý đến việc bỏ vốn vào sản xuất, đó cũng là một cách phản ứng đối với chính sách hợp tác hóa nông nghiệp. Một số phú nông sa sút, sinh hoạt ngang trung nông mong được kết nạp vào hợp tác xã. Nhưng lẻ tẻ cũng có phú nông chống hợp tác xã một cách ráo riết.

Địa chủ cũ thì mỗi hạng có thái độ khác nhau. Hạng chịu lao động cải tạo chấp hành chính sách, trông chờ được thay đổi thành phần, một số ít cũng hy vọng sau này sẽ được vào

hợp tác xã. Hạng ngoan cố vẫn tìm mọi cách đả kích, gièm pha hợp tác xã, chống lại các chính sách của Đảng và Chính phủ bằng cách này hay cách khác.

Tích cực chống đối với công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở thành thị cũng như ở nông thôn miền Bắc là *bọn phản cách mạng*, tay sai của Mỹ - Diệm, đang lén lút hoạt động phá hoại. Đó là bọn gián điệp, đặc vụ, thổ phỉ, biệt kích, đã công khai hoặc ngấm ngấm phá hoại sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Một số tên phản động trong Thiên chúa giáo tìm mọi cách lợi dụng thần quyền, giáo lý để xuyên tạc chính sách hợp tác hoá nông nghiệp, mê hoặc giáo dân, ly gián quần chúng các tôn giáo với Đảng và Chính phủ. Hợp tác hóa nông nghiệp là một cuộc cách mạng ở nông thôn; bọn phản cách mạng, thù địch với chế độ ta nhất định sẽ tiếp tục tìm mọi cách chống lại, hòng ngăn cản và phá hoại sự nghiệp cách mạng đó.

Tóm lại, sau cải cách ruộng đất, trong nông thôn đang có một cuộc đấu tranh giữa hai con đường: con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa. Nhân tố xã hội chủ nghĩa đang phát triển mạnh, thế lực tư bản chủ nghĩa đang bị đẩy lùi.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chủ nghĩa xã hội nhất định sẽ giành được thắng lợi hoàn toàn ở nông thôn miền Bắc nước ta, vì chúng ta có những thuận lợi căn bản như sau:

Đảng ta có cơ sở rộng rãi ở nông thôn và nắm vững quyền lãnh đạo cách mạng từ lâu. Chúng ta đã có một số kinh nghiệm lãnh đạo tổ đổi công và hợp tác xã. Đảng ta được nông dân rất tín nhiệm, vì chính do Đảng lãnh đạo mà nông dân miền Bắc nước ta đã thoát khỏi ách đế quốc và phong kiến, giành được tự do và ruộng đất.

Bản chất nông dân ta là cách mạng. Tuy họ vừa là người lao động, vừa là người tiểu sản xuất, nhưng mặt lao động là chủ yếu. Qua mỗi bước tiến lên của cách mạng, khối liên minh công nông càng được củng cố thêm, đó là một bảo đảm chính trị rất vững chắc cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nông thôn miền Bắc nước ta.

Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp của ta đã có cơ sở để phát triển thuận lợi vì nó đã kết hợp được chặt chẽ ba mặt: tổ chức nông dân lại, cải tiến kỹ thuật, tăng gia sản xuất.

Chúng ta tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp trong điều kiện hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã thành lập và củng cố. Cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp và phát triển nông nghiệp ở ta được các nước anh em hết lòng giúp đỡ về kinh nghiệm và kỹ thuật.

Tuy vậy, chúng ta còn gặp những khó khăn cần phải khắc phục như sau:

Nước ta bị tạm thời chia làm hai miền. Bọn đế quốc và phong kiến còn thống trị ở miền Nam, chúng vẫn đang thông qua bọn tay sai của chúng ở miền Bắc mà tiến hành phá hoại sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Về việc giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng cũng như về việc chuẩn bị cán bộ cho phong trào, chúng ta chưa làm được mấy. Về mặt lãnh đạo, ta nắm tình hình chưa được chặt và toàn diện; việc tổng kết kinh nghiệm thường còn nhiều thiếu sót. Kinh nghiệm quản lý hợp tác xã về ba mặt lao động, sản xuất và tài vụ của cán bộ xã còn quá ít.

So với sự phát triển của tình hình, chi bộ nông thôn còn yếu về nhiều mặt, nhất là về mặt tư tưởng và lãnh đạo nghiệp vụ. Ở một số địa phương số lượng đảng viên còn quá

ít; nhiều nơi ở miền núi chưa có chi bộ đảng.

Miền núi chưa hoàn thành cải cách dân chủ, trình độ giác ngộ của nông dân ở đây nói chung còn thấp. Đó cũng là một khó khăn cho phong trào hợp tác hóa ở miền núi lúc đầu.

Song nhìn chung, thuận lợi của chúng ta vẫn là căn bản và có tác dụng lâu dài. Chúng ta cần ra sức phát huy thuận lợi để đưa phong trào tiến lên. Khó khăn chỉ là tạm thời và có thể khắc phục được, nhưng không nên xem thường khó khăn, không nên vội vàng, hấp tấp để tránh đi đường vòng và bảo đảm cho phong trào hợp tác hóa nông nghiệp tiến đều và vững.

II - VẤN ĐỀ HỢP TÁC HÓA NÔNG NGHIỆP Ở MIỀN BẮC NƯỚC TA

Từ khi mới thành lập (1930), trong bản *Luận cương chính trị*, Đảng ta đã nói rõ rằng nhân dân Việt Nam làm cách mạng dân chủ tư sản rồi phải tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong Đại hội lần thứ II (1951), Đảng ta lại khẳng định một lần nữa là: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam (tức là cách mạng dân chủ tư sản ở nước ta) "nhất định sẽ tiến triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa".

Từ khi hòa bình được lập lại, ở miền Bắc chúng ta đã tiến lên làm nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong khi đó chúng ta vẫn phải hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà. Làm nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nước nhà, phát triển thành phần kinh tế quốc doanh và thành phần kinh tế hợp tác xã, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và thủ công nghiệp, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với

công thương tư bản chủ nghĩa tư doanh, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hóa và tư tưởng, cải tạo trí thức cũ, đào tạo trí thức mới chủ yếu xuất thân từ công nông, tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa xã hội.

Ở đây chúng ta hãy nói riêng về vấn đề cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, tức là vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc nước ta.

1. Vì sao phải tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Bắc nước ta hiện nay?

Sau cải cách ruộng đất, nông dân miền Bắc nước ta yêu cầu tăng năng suất và cải thiện đời sống thêm một bước. Nhưng sau khi thực hiện được khẩu hiệu "Người cày có ruộng", đời sống của nông dân lao động, nhất là đời sống của bản nông và trung nông lớp dưới tuy đã được cải thiện, nhưng còn gặp nhiều khó khăn: ít ruộng đất, thiếu trâu bò, nông cụ, tiền vốn, v.v.. Thiên tai lại thường xảy ra luôn. Cách làm ăn riêng lẻ làm cho nông dân không đủ sức chống thiên tai, cải tiến kỹ thuật và phát triển nông nghiệp một cách toàn diện. Nhà nước chỉ đủ sức giúp đỡ nông dân một phần nào. Một số nông dân gặp khó khăn không giải quyết được phải bán ruộng đất, trâu bò, v.v.. Một số ít nông dân khác tậu thêm được ruộng đất, trâu bò, tham gia bóc lột và làm giàu theo lối phú nông, còn số đông nông dân sẽ lâm vào cảnh túng thiếu và có người sẽ mất quyền sở hữu tư liệu sản xuất và phải bán sức lao động mà sống. Tình hình nông thôn mấy năm vừa qua đã chứng tỏ rằng nếu để lối làm ăn riêng lẻ kéo dài thì ruộng đất lại dần dần tập trung vào một số ít người; ở nông thôn giai cấp lại dần dần phân hóa một cách sâu sắc. Vì vậy phải tổ chức nông dân lại để thực hiện lao động tập thể, hợp tác giúp nhau khắc phục khó khăn, đẩy

mạnh sản xuất, phát triển nông nghiệp, bảo đảm cơm no, áo ấm và cải thiện đời sống.

Sau cải cách ruộng đất trước mắt nông dân có hai con đường để phát triển nông nghiệp: con đường tư bản chủ nghĩa và con đường xã hội chủ nghĩa. Con đường tư bản chủ nghĩa là con đường kinh doanh theo lối phú nông và tiến lên tổ chức những kinh doanh lớn tư bản chủ nghĩa. Kết quả của con đường phát triển đó là một số ít người tập trung ruộng đất trong tay bóc lột quần chúng nông dân lao động mà trở nên giàu có; còn đa số nông dân lao động sẽ bần cùng hóa dần dần và sẽ lâm vào cảnh phá sản, nghèo nàn. Trái lại, con đường xã hội chủ nghĩa là con đường tổ chức nông dân lại thành những hợp tác xã sản xuất nông nghiệp để lao động tập thể, dần dần đem những kinh doanh cá thể và phân tán của nền kinh tế tiểu nông tập hợp lại thành những kinh doanh tập thể lớn, từ chỗ dùng nông cụ cải tiến dần dần tiến đến chỗ dùng máy móc nông nghiệp hiện đại. Do đó, con đường xã hội chủ nghĩa sẽ vĩnh viễn giải phóng nông dân khỏi bóc lột và thiếu thốn, làm cho lao động nông nghiệp càng ngày càng đỡ cực nhọc, năng suất được nâng cao, đời sống vật chất và văn hóa của quần chúng nông dân được cải thiện không ngừng. Đảng ta chỉ cho nông dân thấy rõ con đường xã hội chủ nghĩa mang lại đời sống tự do và hạnh phúc thật sự cho họ để họ tự giác đi vào con đường ấy.

Nông dân là những người lao động, nhưng đồng thời cũng là những người tiểu sản xuất hàng hóa. Là người lao động, nông dân có nhiều khả năng cùng giai cấp công nhân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Là người tiểu sản xuất hàng hóa, họ có tính chất tự phát tiến lên chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên, tính chất lao động của nông dân là chủ yếu, nhưng sau cải cách

ruộng đất, nếu ta chậm giáo dục nông dân, đưa nông dân vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp thì nông dân sẽ tiến lên chủ nghĩa tư bản. Khi đó một số nông dân ưa bóc lột làm giàu và xa ta, còn đa số nông dân bần cùng, sa sút sẽ oán ta, và khối liên minh công nông sẽ bị tổn thương. Cho nên giai cấp công nhân phải kiên quyết lãnh đạo nông dân qua con đường hợp tác hóa nông nghiệp để cùng mình tiến lên chủ nghĩa xã hội. Ngoài tác dụng về mặt kinh tế là phát triển nông nghiệp trên cơ sở lao động tập thể và kỹ thuật hiện đại, hợp tác hóa nông nghiệp còn có tác dụng rất quan trọng về mặt chính trị: góp phần củng cố khối liên minh công nông trên cơ sở công nhân và nông dân cùng xây dựng một đời sống mới, xã hội chủ nghĩa, củng cố vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và của Đảng, tăng cường nền chuyên chính dân chủ nhân dân, củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất, củng cố quốc phòng.

Kinh tế ở miền Bắc nước ta hiện nay có nhiều thành phần: thành phần kinh tế quốc doanh, thành phần kinh tế hợp tác xã, thành phần kinh tế cá thể của nông dân và thợ thủ công, thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa tư doanh, thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa nhà nước. Thành phần kinh tế cá thể của nông dân và thợ thủ công chiếm một phần lớn trong nền kinh tế quốc dân. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc một mặt phải ra sức phát triển nền kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã; mặt khác, phải tích cực cải tạo các thành phần kinh tế cá thể và kinh tế tư bản chủ nghĩa tư doanh, đem chế độ sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể thay thế dần cho chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Nông nghiệp nước ta hiện đang chiếm phần lớn trong nền kinh tế quốc dân. Trong nông nghiệp, kinh tế tiểu nông

vẫn đang chiếm tuyệt đại bộ phận. Chế độ tiểu nông hàng ngày hàng giờ sinh ra chủ nghĩa tư bản. Giai cấp tư sản thành thị thường quan hệ với nông dân cá thể để buôn bán đầu cơ, gây khó khăn cho việc quản lý thị trường và cải tạo công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa tư doanh. Tình hình miền Bắc nước ta từ cuối năm 1956 đến hết năm 1957 đã chứng tỏ điều đó. Muốn triệt tận gốc chủ nghĩa tư bản và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa tư doanh, phải hợp tác hóa và kế hoạch hóa nông nghiệp và phải chặt đứt quan hệ giữa tư sản thành thị và nông dân, giải quyết vấn đề "ai thắng ai" ở miền Bắc nước ta. Chỉ có tổ chức nông dân lao động vào hợp tác xã mới thực hiện được đầy đủ công việc đó. Vì vậy, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, nhất định phải cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp.

Kinh tế miền Bắc nước ta phải tiến lên chủ nghĩa xã hội với hai chân vững mạnh: công nghiệp xã hội chủ nghĩa và nông nghiệp hợp tác hóa. Công nghiệp xã hội chủ nghĩa của ta hiện còn nhỏ, nhưng càng ngày càng lớn và hiện đại hóa, còn kinh tế tiểu nông, cá thể thì dựa trên một nền kỹ thuật lạc hậu và lao động thủ công nghiệp. Công nghiệp xã hội chủ nghĩa ở nước ta cũng sẽ phát triển với nhịp độ nhanh, theo nguyên tắc tái sản xuất mở rộng, còn kinh tế tiểu nông thì nói chung chẳng những không phải năm nào cũng thực hiện được tái sản xuất mở rộng mà không thể vụ nào cũng thực hiện được tái sản xuất đơn giản. Công nghiệp sản xuất tập trung, có kế hoạch, còn kinh tế tiểu nông thì vô chính phủ, phân tán, bấp bênh, thường chịu ảnh hưởng nặng của thị trường và phụ thuộc vào thiên nhiên. Đó là mâu thuẫn giữa công nghiệp xã hội chủ nghĩa và kinh tế tiểu nông. Nhà

nước của ta phải giải quyết mâu thuẫn đó vì nó không thể dựa trên hai cơ sở khác nhau như thế mãi. Vì vậy, phải cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, phải hợp tác hóa nông nghiệp.

Nhiệm vụ trung tâm của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Sau khi được giải phóng khỏi ách đế quốc và phong kiến, miền Bắc nước ta phải từ tính chất nông nghiệp lạc hậu dần dần trở thành công nghiệp hóa hiện đại. Công nghiệp muốn phát triển cần phải nhờ nông nghiệp cung cấp đầy đủ lương thực cho công nhân và nguyên liệu cho nhà máy theo kế hoạch đã định; Nhà nước lại do nông nghiệp mà có một số nông sản phẩm để xuất khẩu đổi lấy máy móc và nguyên liệu cần thiết cho công nghiệp mà ta chưa tự chế ra được. Ngược lại, công nghiệp phát triển sẽ thỏa mãn yêu cầu của nông dân về công nghiệp phẩm cần dùng cho đời sống hàng ngày, về phân hóa học, nông cụ cải tiến, phương tiện vận tải và sau này cả về máy móc nông nghiệp nữa. Công nghiệp muốn phát triển phải có thị trường; nông dân vào hợp tác xã thu hoạch nhiều, đời sống được nâng cao thì thị trường nội địa được mở rộng. Nhà nước phải do nông nghiệp mà tích lũy một phần lớn tiền vốn. Hiện nay nông nghiệp của ta tuy đã có nhiều tiến bộ và gần đây có phát triển, nhưng còn ở một trình độ thấp. Trong nông nghiệp lương thực đã được chú ý nhưng cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề cá còn yếu; do đó không đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp. Chỉ có một nền nông nghiệp hợp tác hoá mới có thể đảm đương được nhiệm vụ trên kia. Nếu chậm hợp tác hoá nông nghiệp thì việc công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc sẽ bị kìm hãm. Cho nên hiện nay hợp tác hoá nông nghiệp là cái khâu chính trong toàn bộ sợi dây

chuyên cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta.

Nước nhà đang bị tạm thời chia làm hai miền. Miền Bắc là căn cứ địa cách mạng lớn mạnh chung cho cả nước. Bất cứ một công cuộc nào của ta ở miền Bắc cũng có ảnh hưởng trực tiếp đến phong trào cách mạng của đồng bào ta ở miền Nam. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc là thực hiện đời sống mới: hoà bình, tự do và hạnh phúc ở miền Bắc và cổ vũ đồng bào miền Nam đấu tranh kiên quyết để giải phóng miền Nam khỏi ách Mỹ - Diệm. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc cũng là một cách tích cực nhất để thiết thực củng cố miền Bắc, đồng thời biến miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà. Hợp tác hoá nông nghiệp chính là tích cực góp phần củng cố miền Bắc và phục vụ đấu tranh thực hiện thống nhất Tổ quốc.

Trên đây là những lý do vì sao chúng ta nhất định phải cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, nhất định phải xúc tiến hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc nước ta.

2. Con đường hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc nước ta hiện nay

Từ khi hoà bình được lập lại, chúng ta bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Đảng ta phải xuất phát từ tình hình thực tế của nước ta mà định ra đường lối tiến lên chủ nghĩa xã hội nói chung và đường lối hợp tác hoá nông nghiệp nói riêng thích hợp với những đặc điểm của nước ta.

Ở miền Bắc hiện nay chúng ta tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp trong những điều kiện đặc biệt như sau:

- Nông dân nước ta vốn là nông dân một nước thuộc địa và nửa phong kiến, bị nhiều tầng áp bức bóc lột, cho nên rất

kiên quyết làm cách mạng chống đế quốc và phong kiến. Đi theo giai cấp công nhân và được Đảng ta lãnh đạo, giai cấp nông dân miền Bắc nước ta đã giành được độc lập dân tộc và thực hiện được khẩu hiệu "Người cày có ruộng". Họ rất tin tưởng ở Đảng ta. Từ sau cải cách ruộng đất, do kinh nghiệm bản thân, nông dân lao động càng ngày càng nhận rõ hợp tác xã sản xuất nông nghiệp tức là tăng năng suất lao động và thu hoạch cao. Vì vậy ta có rất nhiều khả năng thuyết phục nông dân và đưa nông dân tiến mau vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp.

- Cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp của ta tiến hành trong hoàn cảnh ở nông thôn miền Bắc nước ta tầng lớp phú nông nhỏ bé và qua cải cách ruộng đất đã bị suy yếu đi nhiều, không thành một lực lượng đối kháng quyết liệt với phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Nhưng bọn tay sai của đế quốc và của Ngô Đình Diệm đang hoạt động chống mọi chính sách của ta và phản ứng của những phần tử phản động trong tôn giáo khá gay gắt. Ta cũng tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp trong điều kiện phải mở rộng cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa; việc cắt đứt quan hệ giữa tư sản thành thị và nông dân đòi hỏi phải xúc tiến cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp.

- Cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp của ta tiến hành trong điều kiện một nước nông nghiệp lạc hậu, ở miền Bắc nước ta công nghiệp chưa phát triển, công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa mới bắt đầu, chưa đủ sức cung cấp máy móc cần thiết cho nông nghiệp. Nhưng vì tỷ lệ bình quân chiếm hữu ruộng đất của mỗi nhân khẩu nông hộ tương đối thấp, cho nên yêu cầu tổ chức nông dân lại để lao động tập thể, cải tiến kỹ thuật và tăng năng suất là rất cấp bách.

- Ta đã hoàn thành cải cách ruộng đất ở trung du và đồng bằng từ lâu, nhưng chưa hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi. Ở đó trong một số vùng hilly còn tàn tích của chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất, nhưng nông dân đã đi vào con đường làm ăn theo lối hợp tác giúp nhau, và chính vì chưa hoàn thành cải cách dân chủ, cho nên nhiều tổ đổi công và hợp tác xã ở miền núi chưa theo đúng những nguyên tắc do Đảng ta đề ra và chưa được thật vững mạnh.

- Cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp của ta tiến hành trong điều kiện nước nhà đang tạm thời bị chia làm hai miền. Bất cứ một chính sách nào của ta nhằm củng cố miền Bắc, cũng bao gồm ý nghĩa tranh thủ miền Nam. Hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc có kết quả tốt càng cổ vũ bà con nông dân và nhân dân ta ở miền Nam hăng hái đấu tranh chống Mỹ - Diệm, và trong khi vận động hợp tác hoá nông nghiệp ta cần chiếu cố thích đáng quyền lợi của những đồng bào bị cưỡng ép di cư vào Nam.

- Ta tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp trong điều kiện các nước trong phe ta đi trước ta và đã thu được nhiều thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản nói chung và trong sự nghiệp cải tạo và phát triển nông nghiệp nói riêng. Những thắng lợi đó cổ vũ nhân dân ta rất nhiều, và những kinh nghiệm hợp tác hoá nông nghiệp của các nước anh em rất bổ ích cho ta; ta cần ra sức học tập một cách có phê phán, có sáng tạo.

Xuất phát từ những điều kiện đặc biệt trên đây, chúng ta quan niệm vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc nước ta đại khái như sau:

Trước hết, phải nhận rõ rằng: sau khi kháng chiến thắng lợi và cải cách ruộng đất thành công, và sau một thời gian

vận động nông dân hợp tác giúp nhau, ở nông thôn miền Bắc nước ta hiện nay có những mâu thuẫn lớn dưới đây:

+ Mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển sức sản xuất và quan hệ sản xuất cá thể;

+ Mâu thuẫn giữa yêu cầu tăng năng suất cao và kỹ thuật lạc hậu;

Việc giải quyết hai mâu thuẫn đó đều quan trọng và có liên quan mật thiết với nhau, nhưng lúc này việc giải quyết mâu thuẫn trên quan trọng hơn. Vì muốn tăng năng suất, nông dân phải gấp rút tổ chức nhau lại để lao động tập thể và cải tiến kỹ thuật; lao động tập thể tức là đoạn tuyệt với phương thức sản xuất cá thể và tự giải phóng cho mình khỏi mọi hình thức bóc lột (nhớ rằng phương thức sản xuất cá thể dễ ra bóc lột). Muốn giải quyết mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển sức sản xuất và quan hệ sản xuất cá thể, cũng như muốn giải quyết mâu thuẫn giữa bóc lột và lao động, *phải cải tạo quan hệ sản xuất trong nông nghiệp*, tức là tổ chức nông dân lại để thực hiện việc hợp tác giúp nhau trong sản xuất và trong sinh hoạt, phải xây dựng và phát triển ba hình thức hợp tác xã (hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã mua bán và hợp tác xã vay mượn). Đồng thời, trên cơ sở cải tạo quan hệ sản xuất mà đẩy mạnh việc cải tiến sức sản xuất và tăng năng suất.

Việc cải tạo quan hệ sản xuất ở nông thôn miền Bắc nước ta hiện nay là vô cùng cấp bách. Nhưng chúng ta phải thấy rõ sự cần thiết của việc cải tiến sức sản xuất, tức là cải tiến nông cụ, dùng nhiều phân, cải lương chất đất, gây giống tốt, cải tiến phương pháp canh tác, phổ biến kinh nghiệm sản xuất tiên tiến trong nông nghiệp. Do cải tiến sức sản xuất mà tiết kiệm được sức lao động để thực hiện thâm canh và kinh

doanh thêm nghề phụ, tăng năng suất một cách nhanh chóng và do đó tăng thu hoạch của mỗi xã viên, cải thiện đời sống vật chất và văn hoá cho nông dân xã viên. Thấy rõ lợi ích hiển nhiên của lối làm ăn tập thể so với lối làm ăn riêng lẻ, nông dân cá thể sẽ gia nhập đông đảo vào hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Cho nên, *cải tạo quan hệ sản xuất tạo điều kiện thuận lợi cho việc cải tiến sức sản xuất và ngược lại cải tiến sức sản xuất kích thích cuộc vận động cải tạo quan hệ sản xuất, đẩy mạnh hợp tác hoá nông nghiệp.*

Căn cứ vào nhận định trên đây, cách tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp của chúng ta là: ra sức giáo dục nông dân lao động về hai con đường phát triển nông nghiệp sau cải cách ruộng đất, chỉ cho nông dân nhận rõ đi con đường nào có lợi hơn, phát động tư tưởng quần chúng nông dân, bày cho họ tổ chức nhau lại dưới nhiều hình thức khác nhau, từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, để cải tiến canh tác, sử dụng nông cụ cải tiến và tăng năng suất; lấy việc tăng năng suất của hợp tác xã đặt làm gương và thuyết phục nông dân, làm cho nông dân tự giác tự nguyện đi vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp. Như thế là ta *đi thẳng vào vấn đề cải tạo quan hệ sản xuất từng bước một, đồng thời cải tiến sức lao động và tăng năng suất.* Ba việc đó quan hệ mật thiết với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, thúc đẩy nhau, làm cho quần chúng nông dân lao động do kinh nghiệm bản thân mà thấy cần phải hợp tác hoá nông nghiệp thì mới đủ sức chống thiên tai, cải tiến kỹ thuật, giúp đỡ nhau khắc phục khó khăn về sản xuất cũng như về đời sống, tăng năng suất và cải thiện đời sống *trong điều kiện chưa cơ giới hoá nông nghiệp.*

Mác đã nói: "Hợp tác xã không những chỉ nâng cao sức

sản xuất của cá nhân mà còn sáng tạo ra một thứ sức sản xuất mới nó chỉ có thể là sức tập thể" (*Tư bản luận*, quyển I).

Chưa sử dụng máy móc nông nghiệp mà tổ chức nhau lại để sáng tạo ra "sức tập thể" đó, nông dân cũng có thể tăng năng suất.

Cho nên Mác còn nói: "... đây là chưa nói đến sức mạnh mới do nhiều lực lượng tập hợp lại thành một lực lượng chung, mà riêng sự tiếp xúc xã hội cũng sinh ra tâm lý thi đua và kích thích trí não con người, do đó tăng được hiệu suất lao động của cá nhân; vì thế mà 12 người cùng lao động tập thể cộng lại là 144 giờ một ngày đem so sánh với 12 người lao động riêng lẻ mỗi người làm 12 giờ hoặc với 1 người lao động trong 12 ngày liền thì tổng số sản phẩm của 12 người lao động làm chung sẽ to lớn hơn" (*Tư bản luận*, quyển I).

Thật thế, những hợp tác xã sản xuất nông nghiệp của ta hiện nay chưa có máy móc nông nghiệp, mới có một ít nông cụ cải tiến hoặc chỉ có nông cụ thô sơ, song với việc tổ chức lao động tập thể của hợp tác xã, những xã viên có một lực lượng lớn có thể sử dụng những nông cụ đó một cách hợp lý hơn, cải tiến kỹ thuật canh tác và dùng nông cụ cải tiến, cày sâu, bừa kỹ, làm các công trình thuỷ lợi nhỏ và vừa, bón phân nhiều, chăm sóc ruộng nương, v.v. để tăng năng suất và phát triển nông nghiệp một cách toàn diện, từ trồng cây lương thực, cây công nghiệp đến phát triển chăn nuôi, thả cá, làm nghề phụ, v.v.. Do đó, tuy chưa cơ giới hoá nông nghiệp, thu nhập của các xã viên so với thu nhập của nông dân cá thể cũng có thể cao hơn nhiều. Kinh nghiệm vụ mùa vừa qua đã chỉ rõ điều đó: một số hợp tác xã thu hoạch từ 4.000 đến 5.000 cân một héc-ta, trong khi đó nông dân cá thể chỉ thu

hoạch được trung bình trên 2.000 cân một héc-ta. Có hợp tác xã chia cho mỗi ngày công từ 10 cân đến 20 cân, trong khi một ngày công của nông dân cá thể chỉ được từ 6 đến 7 cân.

Nhưng ta không thể thoả mãn với những con số đó. Trái lại, ta phải nhận rõ rằng: cách mạng xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp tức là vừa cải tạo quan hệ sản xuất cá thể thành quan hệ sản xuất tập thể, vừa tiến hành từng bước cuộc cách mạng kỹ thuật trong nông nghiệp, có như thế mới thu hoạch được ngày càng nhiều. Vì vậy, nhất định nông nghiệp hợp tác hoá sẽ đòi hỏi công nghiệp phải cung cấp đầy đủ phân bón, nông cụ cải tiến và tiến lên đòi hỏi máy móc nông nghiệp nữa. Công nghiệp của nước nhà dần dần phát triển nhất định sẽ phải làm trọn nhiệm vụ ấy. Sau này, những hợp tác xã sản xuất nông nghiệp nhỏ sẽ phát triển thành những hợp tác xã lớn đủ sức tổ chức đại sản xuất trên cơ sở cơ giới hoá và điện khí hoá từng bước nền nông nghiệp nước ta.

Trong khi chưa đủ sức cung cấp máy móc hiện đại cho nông nghiệp, công nghiệp của ta hãy bắt đầu cung cấp những nông cụ cải tiến và phân hoá học. Song các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp không nên cái gì cũng ỷ lại vào công nghiệp quốc doanh, vào sự giúp đỡ của Nhà nước, phải tiến đến chỗ tự động xây dựng những xưởng chế tạo nông cụ cải tiến và tìm mọi nguồn, mọi cách làm phân. Muốn làm tốt những việc đó, những hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc thấp phải tiến dần lên bậc cao và những hợp tác xã nhỏ phải dần dần hợp lại thành những hợp tác xã lớn. Phương hướng phát triển của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Vũ La (Hải Dương) là hoàn toàn đúng.

Tuy vậy, tiếp tục cải tiến quản lý các nông trường quốc

doanh, làm cho nó đóng được vai trò tiên phong trong việc áp dụng kỹ thuật hiện đại để thu hoạch cao, tổ chức những trạm kỹ thuật để hướng dẫn cho hợp tác xã và tiến tới tổ chức những trạm máy móc nông nghiệp cho hợp tác xã thuê, đó là những việc cần được rất chú ý.

Sau này những hợp tác xã nhỏ đã hợp lại thành những hợp tác xã lớn thì nông dân tập thể cũng tham gia xây dựng và phát triển công nghiệp; nông nghiệp và công nghiệp sẽ gắn liền với nhau và sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn sẽ dần dần được xoá bỏ.

Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 14 nói rất đúng:

"Nền nông nghiệp của ta có những thuận lợi lớn, có thể làm nhiều vụ, có thể vừa phát triển cây lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề cá, nghề phụ; nhưng ruộng đất nước ta ít, đời sống nông dân còn thấp, kỹ thuật còn lạc hậu, canh tác còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Chỉ trên cơ sở lao động tập thể, nông dân mới có thể phát huy đầy đủ các thuận lợi và khắc phục các khó khăn ấy. Thực tiễn chỉ rõ rằng: với việc thay đổi quan hệ sản xuất, với sự hợp tác lao động, nhờ phong trào thi đua yêu nước kích thích mạnh mẽ, nông dân ta không những có thể nâng cao được năng suất lao động mà còn có thể áp dụng một cách sáng tạo những kinh nghiệm tiên tiến của các nước anh em, nhất là kinh nghiệm của Trung Quốc về cải tiến kỹ thuật cây cấy, đưa nền nông nghiệp miền Bắc nước ta tiến lên một bước dài. Nông thôn hợp tác hoá không những mở đường cho nông nghiệp phát triển vượt bậc, mà còn có thể phát huy lực lượng của nông dân trong việc xây dựng công nghiệp địa phương, làm cho nông nghiệp và công nghiệp giúp đỡ nhau và cùng phát triển".

III- NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH CƠ BẢN ĐỂ TIẾN HÀNH HỢP TÁC HOÁ NÔNG NGHIỆP Ở MIỀN BẮC NƯỚC TA

Hợp tác hoá nông nghiệp là một cuộc vận động cách mạng sâu sắc và triệt để nhất từ trước đến nay ở nông thôn nước ta. Trước hết đó là một cuộc vận động cải tạo quan hệ sản xuất, đưa quan hệ sản xuất tập thể thay thế dần cho quan hệ sản xuất cá thể, tạo điều kiện để hạn chế và đi đến xoá bỏ sự bóc lột về kinh tế của phú nông. Hợp tác hoá nông nghiệp còn bao gồm cuộc vận động cải tiến kỹ thuật, dần dần thay đổi các công cụ sản xuất và phương pháp sản xuất lạc hậu hiện nay ở nông thôn bằng những công cụ sản xuất và phương pháp sản xuất tiên tiến, nhằm phát triển nông nghiệp một cách mạnh mẽ và toàn diện. Đồng thời, hợp tác hoá nông nghiệp cũng là một cuộc giáo dục tư tưởng sâu rộng ở nông thôn, làm cho nông dân phát huy được ý thức lao động tập thể, khắc phục được tư tưởng tư bản chủ nghĩa tự phát, thay đổi những tư tưởng và tập quán cũ không phù hợp với quan hệ sản xuất mới, xây dựng tư tưởng mới, con người mới ở nông thôn. Tóm lại, hợp tác hoá nông nghiệp là một cuộc cách mạng sâu sắc về mọi mặt xã hội, kỹ thuật và tư tưởng ở nông thôn. Ba mặt ấy gắn liền với nhau, thúc đẩy nhau, không thể tách rời, trong đó cải tạo quan hệ sản xuất là khâu chính trước mắt phải giải quyết kết hợp với cải tiến kỹ thuật; khi tiến hành những cuộc vận động ấy phải đặc biệt coi trọng công tác tư tưởng, đặt công tác tư tưởng lên hàng đầu và sau khi hoàn thành cải tạo quan hệ sản xuất, vẫn phải luôn luôn coi trọng công tác giáo dục tư tưởng cho nông dân.

Để tiến hành tốt cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, cần quy định những điều cơ bản dưới đây:

1. *Mục đích yêu cầu* của hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc nước ta là:

1- Trên cơ sở lao động tập thể và kỹ thuật cải tiến từ thấp đến cao mà đẩy mạnh phát triển nông nghiệp và mọi mặt sản xuất khác ở nông thôn, không ngừng nâng cao đời sống của nông dân về vật chất và văn hoá, xây dựng đời sống mới ở nông thôn: hoà bình, tự do, hạnh phúc và tươi đẹp.

2- Tăng cường đoàn kết nông thôn, củng cố khối liên minh công nông, củng cố cơ sở của chính quyền dân chủ nhân dân và của Mặt trận dân tộc thống nhất, củng cố dân quân và xây dựng lực lượng hậu bị, củng cố chi bộ đảng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở nông thôn.

3- Xoá bỏ quan hệ sản xuất cá thể ở nông thôn, xây dựng quan hệ sản xuất tập thể, đem chế độ sở hữu tư nhân về những tư liệu sản xuất chủ yếu biến dần thành chế độ sở hữu tập thể của nông dân lao động, vĩnh viễn xoá bỏ giai cấp bóc lột và chế độ người bóc lột người ở nông thôn.

4- Góp phần vào sự nghiệp củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội và đẩy mạnh cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà.

2. *Đường lối giai cấp của Đảng trong cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp*

Đây là một vấn đề cơ bản nhất thấu suốt mọi mặt công tác của cuộc vận động.

Căn cứ vào tình hình các tầng lớp và giai cấp ở nông thôn miền Bắc nước ta hiện nay, để bảo đảm chỗ dựa vững chắc của Đảng ở nông thôn và bảo đảm đoàn kết được tuyệt đại đa số quần chúng ở nông thôn, đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn trong cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp hiện

nay là: *dựa hẳn vào bản nông và trung nông lớp dưới, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, hạn chế đi đến xoá bỏ sự bóc lột kinh tế của phú nông, giáo dục chính trị và tư tưởng cho phú nông, ngăn ngừa địa chủ cũ ngóc đầu dậy, tiếp tục mở đường cho địa chủ cũ lao động cải tạo thành con người mới, kiên quyết đưa nông dân đi vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hội.*

Bản nông (kể cả cố nông cũ) là những người nghèo nhất và kiên quyết cách mạng nhất ở nông thôn miền Bắc nước ta hiện nay. Sau cải cách ruộng đất đời sống của họ đã được bước đầu cải thiện, nhưng họ còn gặp nhiều khó khăn. Trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, họ kiên quyết đi theo Đảng; ngày nay, trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, họ vẫn là những người kiên quyết nhất theo Đảng đi vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hội. *Trung nông lớp dưới* là những trung nông mà điều kiện sản xuất và sinh hoạt, cho đến xu hướng, nguyện vọng, căn bản giống bản nông. Bản nông và trung nông lớp dưới (cả cũ và mới) chiếm tuyệt đại đa số nhân khẩu ở nông thôn (khoảng 60%). Đó là lực lượng trung kiên của cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp. Trong khi lãnh đạo cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, Đảng ta phải dựa hẳn vào lực lượng trung kiên đó.

Dựa hẳn vào bản nông và trung nông lớp dưới (cả cũ và mới) tức là phải chăm lo trước hết đến đời sống của họ, giải quyết thoả đáng những nguyện vọng và yêu cầu của họ, giúp đỡ họ bằng mọi cách để giải quyết khó khăn trong sản xuất và trong đời sống. Trong khi tổ chức hợp tác xã, phải tổ chức những phần tử tích cực trong bản nông và trung nông lớp

dưới trước, xây dựng lực lượng nòng cốt của bản nông và trung nông lớp dưới. Trong ban quản trị và ban kiểm soát của hợp tác xã, bản nông và trung nông lớp dưới phải chiếm ít nhất là hai phần ba, trong đó bản nông phải nắm ưu thế lãnh đạo (nghĩa là số bản nông phải nhiều hơn trung nông lớp dưới). Những trách nhiệm chính như chủ nhiệm hợp tác xã, trưởng ban kiểm soát, đội trưởng sản xuất, phụ trách kế toán hợp tác xã, nói chung phải là những người tích cực nhất trong bản nông và trung nông lớp dưới.

Trung nông (không kể trung nông lớp dưới là chỗ dựa của Đảng như đã nói trên) là những người tích cực lao động; hàng chục năm nay họ tích cực tham gia đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, vì có cơ sở kinh tế và điều kiện sinh hoạt khá hơn, cho nên lúc đầu trung nông (không kể trung nông lớp dưới) nói chung có phần do dự, chò đợi, nhất là trung nông lớp trên có đầy đủ phương tiện sản xuất, đời sống dư dật, thì có thái độ do dự, chò đợi nhiều hơn, nhưng được Đảng giáo dục và khi họ đã nhìn thấy làm ăn tập thể có lợi hơn làm ăn riêng lẻ, họ cũng hăng hái tham gia hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Phải khẳng định mặt tích cực của trung nông là chủ yếu, nhưng cũng phải thấy rõ nhược điểm của họ để giúp đỡ họ tiến bộ; không thể dựa vào trung nông để xây dựng hợp tác xã, nhưng phải thật thà đoàn kết chặt chẽ với trung nông.

Đoàn kết chặt chẽ với trung nông tức là phải chú trọng giáo dục, thuyết phục trung nông để cho họ tự giác, tự nguyện gia nhập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Trong khi họ còn đắn đo, suy nghĩ, ta sẵn sàng chờ đợi họ, tuyệt đối

không đả kích họ. Lúc họ vào hợp tác xã, ta phải chiếu cố thích đáng quyền lợi của họ, giải quyết hợp lý những ruộng đất, trâu bò, nông cụ mà họ đưa vào hợp tác xã. Những trung nông tích cực hoạt động cho hợp tác xã, được quần chúng tín nhiệm có thể tham gia ban quản trị, ban kiểm soát, làm đội trưởng sản xuất, v.v.. Tuy vậy, tỷ lệ trung nông (không kể trung nông lớp dưới) trong các cơ quan phụ trách hợp tác xã kể trên nói chung không nên quá một phần ba. Trong trường hợp đặc biệt, ở những thôn, xóm thành phần trung nông đông hơn bản nông nhiều thì tỷ lệ trên đây có thể châm chước tùy theo tình hình thực tế.

Đoàn kết chặt chẽ với trung nông là bao gồm cả trung nông lớp trên. Nhưng vì trung nông lớp trên có tính do dự và khuynh hướng tư bản chủ nghĩa tự phát nhiều hơn, cho nên khi mới xây dựng hợp tác xã, nói chung chưa nên kết nạp họ ngay từ đầu. Đến khi hợp tác xã đã tương đối được củng cố, lực lượng nòng cốt của bản nông và trung nông lớp dưới đã được xây dựng, thì tùy theo yêu cầu và thái độ của từng trung nông lớp trên mà kết nạp dần. Đối với một số ít trung nông lớp trên hoạt động tích cực và tha thiết với hợp tác xã, ta có thể kết nạp ngay khi mới xây dựng hợp tác xã, nhưng không nên đưa vào ban quản trị và bầu làm chủ nhiệm hợp tác xã, vì kinh nghiệm chỉ cho ta biết rằng: làm như thế chẳng những có lợi cho hợp tác xã mà còn có lợi cho bản thân những trung nông ấy nữa.

Dựa hẳn vào bản nông và trung nông lớp dưới, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, đó là đường lối cơ bản phải theo trong cả quá trình xây dựng, phát triển và củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Có dựa vào bản nông và trung nông

lớp dưới mới có thể giúp trung nông khắc phục nhược điểm và phát huy ưu điểm, đoàn kết chặt chẽ bản nông với trung nông để cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Hiện nay có một số cán bộ, đảng viên tỏ ra không tin bản nông và trung nông lớp dưới và không kiên quyết dựa vào họ. Ngược lại, cũng có cán bộ, đảng viên đã xem nhẹ vấn đề đoàn kết với trung nông, quá nhấn mạnh mặt tiêu cực của trung nông, đi đến thành kiến với họ, hoặc có khi lại xem thường mặt tiêu cực và khuynh hướng tư bản chủ nghĩa tự phát của trung nông lớp trên.

Cần nhận rõ rằng không dựa vào bản nông và trung nông lớp dưới thì không thể xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp một cách vững mạnh, nhưng nếu chỉ chú ý dựa vào bản nông và trung nông lớp dưới mà coi nhẹ vấn đề đoàn kết trung nông, không kiên nhẫn thuyết phục, giáo dục trung nông, lại dùng lối cưỡng bách, mệnh lệnh đối với họ hoặc xâm phạm đến lợi ích của họ và không chú ý thu hút những người tiêu biểu trong trung nông tham gia lãnh đạo hợp tác xã, thì như thế là hãm bản nông vào thế bị cô lập và có hại cho cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp.

Việc sửa chữa những thiếu sót trong việc chấp hành đường lối dựa hẳn vào bản nông và trung nông lớp dưới, đoàn kết chặt chẽ với trung nông phải tiến hành tích cực, nhưng phải có phương pháp, có mức độ để tránh gây ra mất đoàn kết trong hợp tác xã. Vì vậy, ở những nơi đã kết nạp trung nông vào hợp tác xã nhiều hơn bản nông thì nay phải kết nạp thêm bản nông để tăng thành phần cốt cán cho hợp tác xã. Những ban quản trị mà trung nông chiếm số đông, trong khi chưa bầu lại được, nên dùng cách bổ sung để tăng tỷ lệ bản

nông và trung nông lớp dưới. Những nơi mới tổ chức hợp tác xã đã kết nạp trung nông lớp trên thì tiếp tục giáo dục và giúp đỡ họ tiến bộ, nếu qua giáo dục nhiều lần, họ vẫn tỏ ra không tích cực và muốn xin ra thì để họ ra, nhưng nếu họ không phạm sai lầm phải xử trí như đã quy định trong điều lệ, thì không nên khai trừ hoặc đả kích họ.

Đối với các đảng viên là trung nông lớp trên, vì cơ sở kinh tế và điều kiện sinh hoạt của các đồng chí ấy ít nhiều có ảnh hưởng đến tư tưởng và hành động của họ, cho nên khi kết nạp các đồng chí ấy vào hợp tác xã hoặc bầu vào ban quản trị phải chú ý đến tình hình và thái độ của từng người mà đối xử cho được thoả đáng. Nếu những đồng chí ấy là trung nông lớp trên, nhưng tư tưởng, thái độ tốt, công tác tích cực, tha thiết với phong trào hợp tác hoá, chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng; được quần chúng xã viên tín nhiệm thì vẫn có thể được bầu vào ban quản trị hoặc ban kiểm soát của hợp tác xã.

Phú nông là tầng lớp bóc lột ở nông thôn. Tuy hiện nay ở miền Bắc nước ta, cơ sở kinh tế và ảnh hưởng chính trị của phú nông đã bị suy yếu đi nhiều, nhưng điều kiện sinh hoạt của họ vẫn hơn nông dân lao động và một số vẫn bóc lột nhân công, nợ lãi hoặc buôn bán đầu cơ. Phú nông nói chung chịu phục tùng pháp luật của Nhà nước, nhưng bản chất bóc lột của họ có trở ngại cho cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp và một số phú nông đã có những hành động phân tán ruộng đất, hoặc phản ứng đối với chính sách của Đảng và Chính phủ ở nông thôn. Vì vậy, phải tiếp tục hạn chế đi đến xoá bỏ sự bóc lột kinh tế của phú nông, giáo dục chính trị và tư tưởng cho phú nông, làm cho phú nông thật sự được cải tạo, trở thành nông dân lao động.

Hạn chế, đi đến xoá bỏ sự bóc lột kinh tế của phú nông, giáo dục chính trị và tư tưởng cho phú nông tức là một mặt ra sức phát triển các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã vay mượn và hợp tác xã mua bán để hạn chế phú nông bóc lột nhân công, cho vay nợ lãi và buôn bán đầu cơ, tiến tới làm cho họ không thể bóc lột bằng những hình thức đó được nữa. Mặt khác, phải giáo dục cho phú nông từ bỏ con đường bóc lột, thật sự chấp hành mọi chính sách của Đảng và Chính phủ, có thái độ đúng đắn đối với nông dân lao động và không được gièm pha, phá hoại hợp tác xã. Khi xây dựng hợp tác xã, lúc đầu tuyệt đối không được kết nạp phú nông, dù họ đã được thay đổi thành phần hay chưa, nhưng khi phong trào hợp tác hoá nông nghiệp đã vững mạnh, hầu hết bản nông và trung nông lớp dưới đủ điều kiện trong một xã đã tham gia hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, thì những phú nông nào đã thay đổi thành phần và có thái độ tốt, được các xã viên đồng ý, cũng có thể được kết nạp vào hợp tác xã như một xã viên dự bị, sau này tùy theo thái độ của họ mà cho làm xã viên chính thức, nhưng không giao cho trách nhiệm lãnh đạo.

Giai cấp *địa chủ* ở miền Bắc căn bản đã bị đánh đổ, nhưng chưa được hoàn toàn cải tạo và ở những vùng thuộc miền núi chưa hoàn thành cải cách dân chủ, vẫn còn một số địa chủ sống bằng cách bóc lột nông dân. Cho nên để bảo đảm cho phong trào hợp tác hoá nông nghiệp phát triển thuận lợi, ngoài việc hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi, vẫn phải *ngăn ngừa địa chủ cũ* (ở trung du và đồng bằng cũng như ở những xã thuộc miền núi đã thực hiện cải cách ruộng đất) *ngóc đầu dậy, tiếp tục mở đường cho địa chủ cũ lao động cải tạo thành con người mới*. Như thế nghĩa là phải

theo dõi và giám sát hành động của địa chủ cũ, giáo dục chúng và bắt buộc những tên còn sức lao động phải thật sự lao động cải tạo, ngăn ngừa những hành động buôn bán đầu cơ của chúng, đồng thời phải trấn áp kịp thời những hành động phá hoại của những tên ngoan cố và phản động. Trong khi xây dựng hợp tác xã, nhất thiết không được kết nạp địa chủ vào, kể cả những địa chủ kháng chiến hoặc địa chủ thường đã được thay đổi hoặc chưa thay đổi thành phần. Sau này, khi phong trào hợp tác hoá nông nghiệp phát triển và được củng cố, sẽ có thể kết nạp từng cá nhân địa chủ được thay đổi thành phần và thật thà chịu lao động cải tạo vào hợp tác xã làm xã viên dự bị. Còn những tên nào chưa được thay đổi thành phần thì nhất thiết không kết nạp, nhưng đến khi cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp đã căn bản hoàn thành ở địa phương thì lúc đó có thể cho vào lao động cải tạo trong hợp tác xã và tên nào đã được thay đổi thành phần thì sẽ được xét và giải quyết như trên.

Nơi nào hiện nay đã trót đưa những phú nông, địa chủ đã được thay đổi thành phần vào hợp tác xã sản xuất nông nghiệp mà họ vẫn làm đúng nghĩa vụ của xã viên, thì cứ để họ trong hợp tác xã và tiếp tục giáo dục cho họ trở thành những xã viên tốt. Nhưng tuyệt đối không được giao cho họ những trách nhiệm lãnh đạo. Đối với những người đã vào hợp tác xã mà vẫn tỏ thái độ không tốt, gây khó khăn cho công tác của hợp tác xã thì kiên quyết đưa ra. Nơi nào đã kết nạp nhầm những phú nông và địa chủ chưa được thay đổi thành phần vào hợp tác xã thì phân biệt đối xử như sau: xét xem ai đáng được thay đổi thành phần thì tuyên bố cho họ biết và cứ để họ trong hợp tác xã, ai không thể được chiếu cố cho thay

đổi thành phần sớm hơn thời hạn đã quy định thì nhất thiết phải đưa ra khỏi hợp tác xã.

Đối với con phú nông, địa chủ chưa tham gia bóc lột còn ở chung với cha mẹ, tuy về chính trị ta không coi họ như cha mẹ họ, nhưng cũng không kết nạp vào hợp tác xã. Trong trường hợp họ đã ra ở riêng thành một hộ nông dân lao động và có thái độ tốt, đủ điều kiện làm một xã viên, thì có thể kết nạp nếu họ yêu cầu và xã viên đồng ý.

Những đảng viên xuất thân từ gia đình phú nông, địa chủ, những cán bộ và bộ đội phục viên xuất thân từ những gia đình ấy, nếu hiện nay họ có cơ sở sản xuất riêng, không bị phụ thuộc vào gia đình và tự nguyện xin vào hợp tác xã thì được kết nạp như nông dân lao động khác, và nếu đủ điều kiện vẫn được bầu vào ban quản trị, nhưng không để làm chủ nhiệm hợp tác xã.

Đối với những phân tử xấu, lưu manh, những người có nhiều tội ác cũ, đã từng bị nhân dân oán ghét thì bất kỳ thuộc thành phần nào và mặc dù hiện nay họ không có hành động gì chống đối lại, lúc đầu chưa nên kết nạp vào hợp tác xã. Khi nào phong trào hợp tác hoá nông nghiệp đã lan rộng và thật sự được củng cố, thì tùy theo trường hợp từng người, ai có đủ điều kiện làm xã viên cũng có thể cho vào hợp tác xã nếu họ tự nguyện xin vào. Nơi nào hiện nay đã kết nạp họ vào, nếu họ giữ thái độ tốt, chịu tuân theo kỷ luật của hợp tác xã, thì vẫn để làm xã viên, nhưng không giao cho trách nhiệm lãnh đạo. Người nào không tuân theo kỷ luật của hợp tác xã và gây khó khăn cho tổ chức thì kiên quyết khai trừ.

Những người mất quyền công dân nhất thiết không được kết nạp vào hợp tác xã, nhưng gia đình họ nếu đủ

điều kiện vẫn được tham gia hợp tác xã và khi đó những người bị mất quyền công dân cũng được tham gia lao động trong hợp tác xã, nhưng không được coi là xã viên.

Về thành phần giai cấp, hiện nay nói chung vẫn căn cứ theo thành phần đã quy định trong cải cách ruộng đất, nhưng trong công tác cụ thể chi uỷ xã phải chú ý xét cơ sở kinh tế, điều kiện sinh hoạt và nhất là khuynh hướng và thái độ chính trị của từng người từ sau cải cách ruộng đất đến nay mà quyết định. Việc xét định này chỉ tiến hành trong trường hợp cá biệt thật cần thiết, xuất phát từ ý muốn bảo đảm cho hợp tác xã hoạt động tốt và chỉ nên hạn chế trong những trường hợp lựa chọn người làm chủ nhiệm hợp tác xã, hoặc bầu vào ban quản trị, ban kiểm soát, làm kế toán viên, làm đội trưởng, đội phó hoặc tổ trưởng, tổ phó sản xuất. Cần chú ý một điều là: mỗi địa phương ruộng đất nhiều ít, tốt xấu, nghề nghiệp và mức sống khác nhau, cho nên xét cơ sở kinh tế và điều kiện sinh hoạt để nhận xét về thành phần cũng không thể rập khuôn một cách máy móc.

Để chấp hành đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn được tốt, trong Đảng phải giáo dục cho cán bộ, đảng viên về lập trường và quan điểm giai cấp, làm cho ai nấy đều nhận rõ rằng mỗi đảng viên, dù thuộc thành phần nào cũng phải đứng trên lập trường và quan điểm của giai cấp công nhân và chấp hành đường lối giai cấp của Đảng. Trong quần chúng phải giáo dục cho mọi người thấy đường lối giai cấp của Đảng là căn cứ vào điều kiện kinh tế và xã hội cũng như căn cứ vào thái độ của mỗi tầng lớp ở nông thôn mà định; nó xuất phát từ lợi ích của cách mạng, lợi ích của hợp tác hoá nông nghiệp, không phải là thành phần chủ nghĩa, cũng không phải thành kiến hoặc thiên vị.

3. Phương châm tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp

Phương châm tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp phải phản ánh được yêu cầu của tình hình trước mắt. Phương châm đó hiện nay là: *tích cực lãnh đạo, vững bước tiến lên; quy hoạch về mọi mặt, sát với từng vùng; làm tốt, vững, nhanh và gọn.*

Tích cực lãnh đạo là nắm vững lãnh đạo phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, không buông trôi, khoán trắng, không để cho phong trào tự phát cũng như không kìm hãm phong trào; trái lại phải theo sát phong trào, tạo điều kiện đưa phong trào tiến lên, không tiêu cực, bảo thủ và bị động.

Vững bước tiến lên là đưa phong trào lên một cách vững chắc; phải làm tốt, không vội vàng, không làm lướt, làm đối; mỗi bước tiến đều phải có chuẩn bị; vừa phát triển vừa củng cố phong trào, vừa coi trọng chất lượng vừa coi trọng số lượng của các hợp tác xã.

Quy hoạch về mọi mặt là mỗi cấp uỷ phải căn cứ vào xu hướng, nguyện vọng của quần chúng, vào khả năng của cán bộ, vào cơ sở tổ đổi công và số lượng, chất lượng hiện có của hợp tác xã mà định ra kế hoạch phát triển và củng cố hợp tác xã theo từng đợt thích hợp với thời vụ. Về kế hoạch tổ chức hợp tác xã, phải định rõ số hợp tác xã định xây dựng trong mỗi đợt, số hộ trung bình của mỗi hợp tác xã, bố trí đủ cán bộ và cốt cán lãnh đạo, định kế hoạch kết hợp phát triển tổ đổi công, hợp tác xã với phát triển sản xuất và bảo đảm hoàn thành các công tác khác. Về kế hoạch củng cố hợp tác xã, phải định rõ những công việc phải làm về giáo dục tư tưởng, về cải tiến công tác quản lý hợp tác xã, về áp dụng kỹ thuật cải tiến, đẩy mạnh sản xuất, về việc bồi dưỡng cán bộ, tăng cường cán bộ giúp cho những xã chậm tiến, v.v..

Sát với từng vùng là khi quy hoạch chung phải chú ý đến đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể từng nơi phong trào mạnh, phong trào yếu, miền xuôi, miền ngược, miền biển, v.v..

Tốt, vững, nhanh, gọn là do tất cả những mặt kể trên làm tốt, phong trào hợp tác hoá sẽ được phát triển và củng cố đều; cuộc vận động vừa tiến hành được tốt và vững, nhưng nhanh và gọn. Tốt và vững là chủ yếu; không làm lướt, làm dối, không đại khái, qua loa, nhưng cũng không nên làm chậm rãi, lê mê.

4. Nguyên tắc xây dựng hợp tác xã

Việc xây dựng hợp tác xã của ta vẫn theo ba nguyên tắc: *tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ*.

Tự nguyện là nông dân lao động muốn tham gia hợp tác xã hay không là hoàn toàn tự do, không bị bắt buộc; ai chưa giác ngộ, chưa vào hợp tác xã cũng không bị đả kích; sau khi vào rồi nếu có người muốn ra, ta đã giải thích mà họ cứ xin ra thì để họ ra, không gò ép họ ở lại, nếu sau này họ lại xin vào cũng sẵn sàng kết nạp. Vấn đề cốt yếu là thi hành đúng chính sách, quản lý tốt hợp tác xã và tăng gia sản xuất để xã viên thấy vào hợp tác xã có lợi hơn ở ngoài, như thế không những không một xã viên nào xin ra, mà còn kết nạp được thêm nhiều xã viên mới.

Cùng có lợi là quy định cách giải quyết tư liệu sản xuất của xã viên đưa vào hợp tác xã, cách sắp xếp công việc, bình công chấm điểm, chia hoa lợi, v.v. nhằm giải quyết hợp lý quan hệ giữa lợi ích chung của hợp tác xã với lợi ích riêng của từng xã viên, theo nguyên tắc lợi cho đoàn kết, lợi cho sản xuất.

Quản lý dân chủ là các vấn đề về quản lý lao động, quản

lý sản xuất, quản lý tài vụ và các việc khác quan hệ đến lợi ích chung của hợp tác xã đều phải bàn bạc một cách dân chủ và do tập thể xã viên quyết định. Ban quản trị phải định kỳ báo cáo công tác cho toàn thể xã viên.

Ba nguyên tắc trên đây quan hệ chặt chẽ với nhau, không nên xem nhẹ một nguyên tắc nào.

Hiện nay, có nhiều hợp tác xã đã theo đúng những nguyên tắc đó, nhưng những hợp tác xã khác làm sai. Ví dụ: có nơi nông dân chưa tự giác, tự nguyện vào hợp tác xã bị gò ép, bị "chup mũ"; việc bình công chấm điểm làm không tốt khiến cho xã viên suy bì tị nạnh lẫn nhau; trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc thấp, chia hoa lợi chưa được thoả đáng, làm cho xã viên thất vọng; quản lý thiếu dân chủ, xã viên không bằng lòng, v.v.. Chính vì không theo đúng những nguyên tắc nói trên, cho nên nhiều hợp tác xã lên lên, xuống xuống, không vững và không được ổn định. Mong rằng những hợp tác xã nào làm trái những nguyên tắc đó hãy kịp sửa chữa.

5. Một số chính sách cụ thể của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp

Việc quy định chính sách cụ thể của hợp tác xã phải căn cứ vào đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn, kết hợp lợi ích của tập thể với lợi ích của xã viên, kết hợp lợi ích của hợp tác xã với lợi ích chung của Nhà nước, đồng thời các chính sách đó phải thích hợp với từng bước của phong trào.

Trước hết phải giải quyết đúng đắn việc các xã viên đưa tư liệu sản xuất vào hợp tác xã, giải quyết vấn đề phân phối và tích lũy, vấn đề tiền vốn, v.v.. Đó là những vấn đề quan hệ giữa xã viên với hợp tác xã, bảo đảm đoàn kết nội bộ hợp tác xã và khuyến khích tăng gia sản xuất.

Ruộng đất của xã viên, về nguyên tắc phải đưa toàn bộ

vào hợp tác xã và thống nhất sử dụng. Nhưng để chiếu cố sinh hoạt riêng của xã viên và để họ sử dụng được lao động của họ trong lúc nhàn rỗi, cần để lại cho mỗi xã viên một số ít đất không quá 5% diện tích ruộng đất bình quân đầu người trong xã để họ trồng rau, trồng cây ăn quả, chăn nuôi, v.v..

Đối với ruộng đất của đồng bào đi Nam mà nông dân tạm thời sử dụng, nếu người cày ruộng đó vào hợp tác xã thì ruộng đất của đồng bào đi Nam giao lại cho hợp tác xã quản lý và sử dụng như các loại ruộng mướn khác, khi nào đồng bào đi Nam trở về sẽ trả lại.

Ruộng đất tôn giáo vẫn để Nhà chùa hoặc Nhà chung sử dụng. Nếu ruộng đất đó từ trước vẫn giao cho người khác làm và nộp một phần hoa lợi cho Nhà chùa, Nhà chung, nay người cày ruộng đó vào hợp tác xã thì có thể giao ruộng đó cho người khác làm và nộp hoa lợi như cũ cho Nhà chùa, Nhà chung. Nếu đại đa số nông dân trong xã đã vào hợp tác xã nông nghiệp, không có người làm ruộng đó thì hợp tác xã có thể nhận làm và trích một phần hoa lợi ruộng đất ấy để dùng vào việc thờ cúng (khi hợp tác xã sản xuất nông nghiệp còn ở bậc thấp hoặc đã lên bậc cao cũng thế). Trường hợp ruộng đất đó do Nhà chùa, Nhà chung quản lý, nhưng các tín đồ tôn giáo góp công làm, thì sau khi các tín đồ đó đã vào hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã có thể dành cho họ một số ngày công nhất định để họ tiếp tục làm ruộng đó; hoặc nếu Nhà chùa, Nhà chung tự nguyện thì có thể đưa ruộng tôn giáo vào hợp tác xã rồi hợp tác xã sẽ trích một phần hoa lợi trả cho Nhà chùa, Nhà chung để dùng vào việc thờ cúng như đã nói ở trên.

Khi hợp tác xã còn ở bậc thấp, nhưng ruộng đất đưa vào hợp tác xã vẫn thuộc quyền sở hữu của xã viên và xã viên

được hưởng một phần hoa lợi nhất định về ruộng đất ấy. *Phần hoa lợi chia cho ruộng đất phải thấp hơn phần chia cho lao động*, có như thế mới khuyến khích lao động trong hợp tác xã, nhưng cũng không nên định quá thấp để chiếu cố thích đáng quyền sở hữu ruộng đất của xã viên. Mức hoa lợi chia cho ruộng đất nói chung nên từ 25 đến 30% sản lượng bình vào hợp tác xã. Trong trường hợp đặc biệt như ruộng xa và xấu, làm tốn nhiều công, hoặc địa phương đó ruộng nhiều, người ít thì nếu đại hội xã viên đồng ý, có thể định tỷ lệ hoa lợi chia cho ruộng đất thấp hơn. Điều quan trọng là phải nhận thức đầy đủ ý nghĩa việc chia hoa lợi cho ruộng đất lúc hợp tác xã sản xuất nông nghiệp còn ở bậc thấp, tránh thiên hướng muốn gò ép hạ mức tỷ lệ chia hoa lợi cho ruộng đất xuống quá thấp "để đưa hợp tác xã mau lên bậc cao" trong khi chưa đủ điều kiện và trong khi trình độ giác ngộ của xã viên chưa được nâng cao, sản xuất chưa được phát triển mấy.

Đối với những hộ *xã viên thật sự thiếu sức lao động, nhất là những gia đình thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, ông già, bà goá, trẻ mồ côi, v.v.* thiếu sức lao động thì khi hợp tác xã còn ở bậc thấp, nên định tỷ lệ hoa lợi chia cho ruộng đất của những xã viên ấy nhiều hơn mức quy định chung để bảo đảm thu nhập của họ không bị sút kém. Trong khi phân phối công việc cũng phải chiếu cố giao cho họ những việc thích hợp với từng người để họ có một số ngày công không ít quá. Trong trường hợp cần thiết có thể trích quỹ công ích giúp đỡ họ.

Đối với cán bộ hợp tác xã nông nghiệp như chủ nhiệm, kế toán viên, v.v. thì tùy theo điều kiện từng người, hợp tác xã định cho họ phải tham gia một số ngày công nhất định và phụ cấp thêm cho họ một số ngày công nữa, bảo đảm cho

tổng số ngày công của họ có thể ngang với số ngày công của một xã viên khá hoặc trung bình. Ngoài ra, hợp tác xã có thể đặt chế độ thưởng cho những người có trách nhiệm khi hợp tác xã vượt mức kế hoạch.

Trâu bò nói chung cũng đưa vào hợp tác xã, do hợp tác xã thống nhất sử dụng. Khi hợp tác xã còn ở bậc thấp, tùy theo khả năng và yêu cầu của mỗi nơi có thể định ra mấy cách giải quyết như sau: hợp tác xã thuê dùng, xã viên vẫn chăn nuôi và chăm sóc như trước; hợp tác xã thuê và chịu trách nhiệm chăn dắt; hợp tác xã mua hẳn và trả dần cho xã viên chủ trâu bò. Giá thuê và mua trâu bò theo thời giá ở địa phương, không nên định quá cao hoặc quá thấp.

Các nông cụ lớn như cày bừa, guồng nước, máy tuốt lúa, v.v. cũng theo cách thuê hoặc mua như trường hợp đối với trâu bò. Còn *nông cụ nhỏ* thì lúc đầu hợp tác xã không thống nhất quản lý.

Tích lũy vốn cũng là một vấn đề lớn trong quá trình xây dựng và phát triển hợp tác xã. Tích lũy vốn càng nhiều, hợp tác xã càng vững chắc, sản xuất càng phát triển, nhưng nếu tích lũy quá nhiều, ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống của xã viên thì lại trở thành không tốt, nhất là lúc hợp tác xã mới thành lập. Vì vậy, trong thời gian đầu tỷ lệ trích vào các quỹ không nên quá cao. Nói chung, quỹ tích lũy chỉ nên vào khoảng 5% và quỹ công ích (văn hoá, xã hội) chỉ nên vào khoảng 1% số thu hoạch thực tế, trừ những nơi trồng nhiều cây công nghiệp hoặc làm nhiều nghề phụ, những miền đánh cá, làm muối, v.v. thu hoạch nhiều thì có thể định tỷ lệ cao hơn. Sau này sản xuất càng phát triển, thu nhập của xã viên được nâng cao, tỷ lệ trích vào các quỹ nói trên sẽ có thể tăng dần lên.

Ngoài tiền vốn tích lũy như trên, hợp tác xã cần phải giải quyết tiền vốn bằng nhiều cách như: thu cổ phần của xã viên, vận động xã viên bỏ thêm vốn cho hợp tác xã vay, tiết kiệm chi tiêu trong hợp tác xã, v.v.. Vì nếu không chú ý giải quyết đủ số tiền vốn cần thiết thì hợp tác xã không những không thể thực hiện tái sản xuất mở rộng, mà tái sản xuất đơn giản cũng khó bảo đảm được, và do đó không thể phát triển sản xuất, nâng cao đời sống. Để giải quyết tiền vốn, hợp tác xã phải dựa vào tinh thần *cần kiệm xây dựng hợp tác xã* của bản thân mình là chủ yếu. Nhà nước hết sức giúp đỡ hợp tác xã, nhưng vì khả năng có hạn, cho nên chỉ có thể giúp đỡ trong những trường hợp cần thiết.

Tiền cổ phần của xã viên đóng để chi phí về sản xuất và nhất là tiền cổ phần để mua sắm trâu bò, nông cụ (cổ phần công hữu hoá) nên quy định vừa phải, hợp với khả năng đóng góp của đại đa số xã viên. Trong trường hợp có những xã viên nghèo, không đủ tiền đóng cổ phần, sau khi đã vận động các xã viên khác và nhân dân giúp đỡ mà vẫn không giải quyết được, thì lúc đó Nhà nước có thể cho vay một phần hoặc nếu thật cần thiết cũng có thể cho vay cả để đóng cổ phần đó, nhưng tránh gây cho xã viên tư tưởng ỷ lại vào Nhà nước, thiếu ý thức tự lực cánh sinh.

6. Bước đi của phong trào hợp tác hoá nông nghiệp

Nói chung phong trào hợp tác hoá nông nghiệp phải đi từ thấp đến cao và phải tiến theo *ba bước*: tổ đổi công có mầm mống xã hội chủ nghĩa, hợp tác xã bậc thấp nửa xã hội chủ nghĩa và hợp tác xã bậc cao hoàn toàn xã hội chủ nghĩa. Đưa nông dân tiến từng bước như thế thì trong đời sống của họ đỡ có sự thay đổi đột ngột, do đó họ dễ đồng tình với ta hơn và cũng thích hợp với khả năng quản lý của cán bộ hơn. Nhưng

không phải nông hộ nào hoặc thôn, xóm nào cũng nhất thiết phải qua ba bước. Nếu ở một thôn đã có một hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc thấp vững mạnh, thì hợp tác xã ấy có thể thu hút những nông hộ chưa từng vào tổ đổi công làm xã viên; hoặc trong một xã đã có một hợp tác xã bậc cao vững mạnh thì hợp tác xã ấy có thể kết nạp những nông hộ chưa vào tổ đổi công hoặc chưa phải là xã viên hợp tác xã bậc thấp. Khi hợp tác xã nông nghiệp đã thành cao trào thì có thể đi hai bước. Ví dụ: một số nông hộ từ tổ đổi công tiến thẳng lên hợp tác xã bậc cao, hoặc một số nông hộ đang làm ăn riêng lẻ, có thể tổ chức ngay hợp tác xã bậc thấp hoặc bậc cao, không nhất thiết phải tuân tự theo ba bước.

Muốn tiến lên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp nói chung phải có đủ ba điều kiện: cơ sở tổ đổi công khá, quần chúng nông dân lao động thật sự yêu cầu, có cốt cán lãnh đạo. Có cơ sở tổ đổi công khá tức là khi mới xây dựng hợp tác xã, ít nhất phải có một tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm làm gốc. Quần chúng nông dân thật sự yêu cầu tức là do thực tế chứng minh họ đã thấy rõ hợp tác xã là có lợi và mong muốn được tham gia. Có cốt cán lãnh đạo tức là có đảng viên tích cực trực tiếp tham gia hợp tác xã, làm nòng cốt, chỉ uỷ trực tiếp lãnh đạo. Ở những nơi chưa có cơ sở đảng thì chí ít cũng phải có cốt cán là bản nông và trung nông lớp dưới lãnh đạo, nhưng ở đó phải tạo điều kiện để tiến tới xây dựng cơ sở đảng. Để chiếu cố đến tình hình phong trào phát triển không đều hiện nay và để thuận lợi cho việc đưa phong trào tiến lên khi có đủ điều kiện, nơi nào đã xây dựng được một số hợp tác xã thật tốt, phong trào quần chúng đã lên nhanh, cán bộ xã đã có kinh nghiệm và các cấp uỷ tỉnh, huyện đã nắm lãnh đạo phong trào, thì nơi đó, nếu đủ cốt

cán, có thể học kinh nghiệm của những hợp tác xã tốt ở địa phương mà tập hợp quần chúng chưa vào tổ đổi công hoặc chưa vào tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm để xây dựng luôn hợp tác xã.

Muốn chuyển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc thấp lên bậc cao cũng phải có những điều kiện như dưới đây:

a) Năng suất của hợp tác xã được nâng cao, phần chia cho lao động đã được tăng lên khá nhiều; điều đó giúp cho những xã viên dễ khắc phục được tính tư hữu của họ khi hợp tác xã chuyển lên bậc cao và những xã viên già, yếu, ít sức lao động cũng được bảo đảm về đời sống. Muốn mau chuyển lên hợp tác xã bậc cao, chủ yếu là phải ra sức tăng năng suất và tăng thu nhập của xã viên, chứ không nên hạ thấp phần chia cho ruộng đất như có một số nơi đã làm.

b) Công tác giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa cho xã viên làm được tốt, nâng cao được ý thức đoàn kết, giúp nhau giữa các xã viên.

c) Việc quản lý hợp tác xã làm khá; cán bộ quản lý được bồi dưỡng về nghiệp vụ, thực hiện đúng nguyên tắc quản lý dân chủ, được quần chúng xã viên tín nhiệm.

Ở miền Bắc nước ta, những nơi có nhiều ruộng công và ruộng đồn điền cũ, tính tư hữu về ruộng đất của nông dân không sâu sắc mấy, tỷ lệ bình quân chiếm hữu của các nông hộ không chênh lệch nhau nhiều, thì với những điều kiện trên đây, có thể chuyển từ hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc thấp lên bậc cao tương đối nhanh hơn các nơi khác.

Cần khắc phục tư tưởng lướt nhanh, làm dối, khi chưa đủ điều kiện đã muốn đi thẳng lên hợp tác xã không qua tổ đổi công hoặc từ tổ đổi công từng vụ từng việc chưa qua bình công chấm điểm đã lên ngay hợp tác xã sản xuất nông

ng nghiệp, hoặc vì ngại xây dựng hợp tác xã bậc thấp, vì tư tưởng nóng vội mà từ tổ đổi công đã muốn nhảy ngay lên hợp tác xã bậc cao khi điều kiện chưa cho phép. Nhưng đồng thời cũng cần khắc phục tư tưởng rụt rè, bảo thủ, không dám mạnh dạn đưa phong trào tiến lên khi điều kiện đã chín muồi.

7. Quy mô tổ chức hợp tác xã sản xuất nông nghiệp

Tổ chức hợp tác xã sản xuất nông nghiệp là đem sức lao động lẻ tẻ của nông dân tổ chức lại thành lực lượng lao động tập thể to lớn và trên cơ sở đó mà cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất, cho nên tổ chức hợp tác xã quá nhỏ, ít người thì không có lợi cho việc phát triển sản xuất. Nhưng nếu tổ chức hợp tác xã quá to ngay từ đầu, kinh nghiệm quản lý còn ít thì sẽ không tránh khỏi lúng túng, khó khăn, cuối cùng sản xuất sẽ chịu ảnh hưởng không tốt. Vì vậy quy mô tổ chức hợp tác xã nên làm từ nhỏ đến lớn, lúc đầu tùy theo khả năng lãnh đạo và tình hình quần chúng mà tổ chức hợp tác xã vừa và nhỏ, sau dần dần phát triển thêm xã viên, hoặc là hợp nhiều hợp tác xã nhỏ ở gần nhau lại thành những *hợp tác xã lớn* trong phạm vi một thôn hay một xã.

Khi hợp tác xã lớn đã tổ chức trong phạm vi một xã thì lúc đó không những tổ chức lao động tập thể để áp dụng kỹ thuật tiến tiến và sản xuất theo quy mô lớn, mà mọi mặt tổ chức đảng, chính quyền, dân vận, mọi công tác kinh tế (phát triển thủ công nghiệp và công nghiệp địa phương, quản lý hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng, thu mua, thu thuế, v.v.), văn hoá, giáo dục, xây dựng dân quân và lực lượng hậu bị ở địa phương cũng sẽ có thể thống nhất quản lý và lãnh đạo.

8. Phương pháp vận động xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp

Phương pháp vận động xây dựng hợp tác xã sản xuất

nông nghiệp là tuyên truyền, giáo dục mục đích, ý nghĩa và đường lối, phương châm, chính sách hợp tác hoá nông nghiệp cho cán bộ, đảng viên ở xã trước và cho quần chúng nông dân sau, phát động tư tưởng quần chúng, làm cho quần chúng tự giác, tự nguyện tham gia, không mệnh lệnh, gò ép, không làm thay quần chúng. Trong khi tiến hành tuyên truyền, giáo dục, cần phát huy dân chủ, tổ chức cho quần chúng tranh luận về hai con đường phát triển nông nghiệp để quần chúng nhận rõ con đường hợp tác hoá nông nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hội là duy nhất đúng; giải quyết những thắc mắc cụ thể cho quần chúng, làm cho quần chúng thông. Để giáo dục, thuyết phục nông dân được tốt, vừa phải dùng lý lẽ phân tích vừa phải xây dựng những điển hình hợp tác xã tốt, dùng thực tế mà chỉ cho nông dân thấy rõ sự kém cỏi, lạc hậu của lối làm ăn riêng lẻ và lợi ích về nhiều mặt của lối làm ăn tập thể. Cần kiên quyết khắc phục tư tưởng xem nhẹ công tác tuyên truyền, giáo dục và phát động tư tưởng quần chúng, muốn lướt nhanh, làm vội, thành ra tiến không vững và có khi phải đi đường vòng.

Trong cả quá trình xây dựng hợp tác xã, phải làm những việc như sau: phát động tư tưởng, giáo dục chính sách, nộp giấy xin gia nhập, giải quyết tư liệu sản xuất đưa vào hợp tác xã, thông qua điều lệ hợp tác xã, bầu ban quản trị và Ban kiểm soát, định kế hoạch sản xuất và phát động thi đua sản xuất trong hợp tác xã. Để bảo đảm tiến hành tổ chức hợp tác xã được tốt, theo kinh nghiệm hiện nay, thời gian xây dựng hợp tác xã nói chung phải trên dưới 20 buổi. Khi có cao trào thì có thể châm chước, nhưng cũng không nên rút ngắn thời gian quá nhiều, vì như thế sẽ không đạt yêu cầu phát động tư tưởng và giáo dục đường lối, phương châm, chính sách cho

quần chúng nông dân. Thời gian tổ chức hợp tác xã phải kết hợp chặt chẽ với thời vụ sản xuất, tốt nhất là làm xong trước lúc gieo mạ và cày cấy, để hợp tác xã có thể bắt tay ngay vào việc chuẩn bị sản xuất.

Việc xây dựng và phát triển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp phải chia ra từng đợt. Trước khi bước vào một đợt phải chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt như sau:

a) Tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng ở nông thôn về mục đích, yêu cầu, đường lối, phương châm, chính sách hợp tác hoá nông nghiệp.

b) Xây dựng tốt tổ đổi công, nhất là tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm.

c) củng cố tốt các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã có, tổng kết kinh nghiệm, tổ chức tham quan ruộng của hợp tác xã, so sánh ruộng đó với ruộng của nông dân làm ăn riêng lẻ và ruộng của tổ đổi công.

d) Đào tạo đủ cán bộ để lãnh đạo hợp tác xã, mở các lớp ngắn ngày để huấn luyện hoặc tổ chức đi thực tập, tham quan để cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở, nắm được đường lối, phương châm, chính sách, phương pháp xây dựng hợp tác xã và bước đầu thông hiểu nghiệp vụ quản lý hợp tác xã.

Tổ chức xong một đợt phải tiến hành củng cố và tiếp tục chuẩn bị cho đợt sau, cứ thế mà tiến lên. Không nên làm đến đâu hay đến đó.

Công tác chuẩn bị xây dựng và phát triển hợp tác xã phải được cụ thể, sát với từng vùng và phải có sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp uỷ đảng.

9. *Lãnh đạo tốt hợp tác xã sản xuất nông nghiệp*

Sau khi hợp tác xã sản xuất nông nghiệp được xây dựng,

vấn đề làm thế nào để lãnh đạo tốt hợp tác xã là rất quan trọng. Lãnh đạo tốt hợp tác xã tức là làm tốt những công tác dưới đây:

a) *Công tác chính trị trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp*

Khi vào hợp tác xã, các xã viên được bước đầu giáo dục tư tưởng, nhưng trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của họ đang còn thấp, họ còn mang nhiều ảnh hưởng của tư tưởng và tập quán do nền kinh tế tiểu nông sinh ra. Cho nên giáo dục xã viên là một vấn đề hết sức quan trọng. Công tác chính trị trong hợp tác xã phải trở thành một công tác thường xuyên trong cả quá trình xây dựng và phát triển hợp tác xã và phải gắn liền với việc đẩy mạnh sản xuất.

Nội dung công tác giáo dục trong hợp tác xã là nâng cao tinh thần thi đua yêu nước, ý thức lao động tập thể, tinh thần trách nhiệm và ý thức kỷ luật của mỗi xã viên, làm cho mỗi xã viên coi công việc của hợp tác xã như công việc của nhà mình; nâng cao nhận thức của mỗi người đối với việc cần kiệm xây dựng hợp tác xã tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó mà biểu dương tinh thần cần cù lao động trong hợp tác xã, phê phán những tư tưởng cá nhân, tản mạn, bảo thủ, ỷ lại, khắc phục những hiện tượng xích mích, suy tị, thiếu đoàn kết trong hợp tác xã. Phát huy tính tích cực và tính sáng tạo của xã viên, gây tinh thần dám nói, dám nghĩ, dám làm đối với mọi việc của hợp tác xã và của Nhà nước, nhất là trong công tác cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất.

Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp đang được mở rộng, quần chúng tham gia hợp tác xã ngày một đông, công tác chính trị và tư tưởng phải được chú ý đầy đủ để tiếp tục phát triển và củng cố hợp tác xã. Cần phải nghiêm khắc phê phán thái độ nặng về lãnh đạo sản xuất, động viên một chiều xã

viên hoàn thành vượt mức kế hoạch, xem nhẹ việc giáo dục tư tưởng và chính trị trong hợp tác xã, đồng thời phải tránh hiện tượng công tác chính trị tách rời với công tác sản xuất. Mỗi cấp uỷ, nhất là các cấp tỉnh và huyện, phải có kế hoạch cụ thể hướng dẫn các hợp tác xã tiến hành công tác chính trị cho tốt; giúp cho các hợp tác xã biết tuỳ theo tình hình tư tưởng của xã viên trong từng địa phương, từng thời gian mà đề ra nội dung giáo dục tư tưởng một cách thích hợp, tổ chức các cuộc thảo luận dân chủ trong hợp tác xã để phê phán những nhận thức và hiện tượng sai lệch biểu hiện trong công tác hàng ngày của hợp tác xã.

b) *Công tác quản lý hợp tác xã nông nghiệp*

Đi liền với công tác giáo dục chính trị và tư tưởng, công tác quản lý hợp tác xã là một công tác lớn trong việc lãnh đạo hợp tác xã. Công tác quản lý hợp tác xã bao gồm ba mặt: quản lý lao động, quản lý sản xuất, quản lý tài vụ. Nó nhằm làm cho việc kinh doanh của hợp tác xã được tốt, thực hiện được đoàn kết giữa các xã viên, phát huy được tính hơn hản của lao động tập thể so với lao động cá thể, bảo đảm thực hiện được khẩu hiệu thi đua làm nhanh, nhiều, tốt, rẻ của hợp tác xã. Hợp tác xã càng phát triển, quy mô tổ chức càng lớn, công tác quản lý trong hợp tác xã càng quan trọng và phức tạp.

Nội dung của ba mặt công tác quản lý hợp tác xã đại khái như sau:

Về *quản lý lao động*, công tác quản lý lao động trong hợp tác xã rất phức tạp: sử dụng và phân phối nhân lực, chia các xã viên thành những đội sản xuất hoặc tổ lao động, định mức lao động, định tiêu chuẩn tính công, thực hiện chế độ làm khoán: khoán công, khoán việc, khoán về

sản lượng, khoán về phí tổn sản xuất, v.v..

Về *quản lý sản xuất*, công tác quản lý sản xuất bao gồm việc đặt kế hoạch sản xuất dài hạn, kế hoạch từng năm, từng vụ và kế hoạch ngắn ngày trong hợp tác xã, đồng thời đề ra biện pháp kỹ thuật để bảo đảm hoàn thành kế hoạch. Đối với những thứ kinh doanh lẻ tẻ, hợp tác xã không thống nhất quản lý cũng phải có kế hoạch hướng dẫn các xã viên làm theo nguyên tắc có lợi cho xã viên và không trở ngại đến công tác chung của hợp tác xã.

Về *quản lý tài vụ*, công tác quản lý tài vụ bao gồm những việc như: đặt kế hoạch thu chi của hợp tác xã, định chế độ tài vụ, giữ sổ sách kế toán, định chế độ tính công, ghi công, bình công, chấm điểm, v.v..

Hiện nay, nhiều hợp tác xã đang gặp lúng túng, khó khăn trong công tác quản lý: kinh nghiệm của cán bộ còn ít. Việc bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ hợp tác xã trở thành một vấn đề rất cấp bách. Trong mỗi hợp tác xã, ngay lúc đầu đã phải có người bảo đảm công tác nghiệp vụ của hợp tác xã, đồng thời phải tích cực bồi dưỡng và đào tạo cán bộ quản lý hợp tác xã cho công tác trước mắt cũng như chuẩn bị cán bộ cho công tác nghiệp vụ cao hơn. Để làm tốt công tác quản lý hợp tác xã, cũng phải đẩy mạnh công tác tư tưởng, động viên các xã viên bàn bạc và giải quyết các vấn đề một cách dân chủ.

c) *Công tác kỹ thuật và sản xuất trong hợp tác xã*

Tăng năng suất, tăng thu nhập của hợp tác xã là vấn đề quyết định thắng lợi của phương thức sản xuất tập thể đối với phương thức sản xuất cá thể. Muốn bảo đảm tăng năng suất, ngoài việc làm tốt công tác chính trị và công tác quản lý hợp tác xã, vấn đề cải tiến kỹ thuật rất quan trọng. Việc áp

dụng rộng rãi kỹ thuật tiên tiến vừa làm giảm nhẹ sức lao động, giảm thời gian và vốn sản xuất, vừa nâng cao được năng suất của hợp tác xã và thu nhập của xã viên, đồng thời nó còn có tác dụng nâng cao được trí tuệ của xã viên, dần dần giải phóng nông dân thoát khỏi sự ràng buộc của mê tín và khỏi lệ thuộc vào thiên nhiên một cách mù quáng. Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp phát triển tạo cơ sở cho việc cải tiến kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất; ngược lại kỹ thuật tiên tiến được áp dụng rộng rãi và sản xuất phát triển càng củng cố và đẩy mạnh phong trào hợp tác xã tiến lên.

Phương hướng chung của công tác kỹ thuật trong hợp tác xã phải đi từ kỹ thuật đơn giản có cải tiến, rồi dần dần tiến lên nửa cơ giới và cơ giới hoá, và phải cố gắng áp dụng vào tất cả các ngành trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, nghề cá, nghề phụ, thủ công nghiệp, công nghiệp và xây dựng ở địa phương, v.v.. Trước mắt, về phương pháp sản xuất nông nghiệp phải tích cực giải quyết các vấn đề nước, phân, giống tốt, cày sâu, cấy dày, trừ sâu bệnh, chăm sóc, v.v.. Về công cụ sản xuất, phải cải tiến các công cụ cày, bừa, gieo, cấy, trồng tỉa, gặt, đập, lấy nước, phun thuốc trừ sâu, đào, xúc, chế biến nông sản, vận tải, v.v..

Phải ra sức đào tạo cán bộ kỹ thuật, lập tổ kỹ thuật trong hợp tác xã, tổ chức rộng rãi các trạm kỹ thuật cho từng vùng để hướng dẫn kỹ thuật canh tác, hướng dẫn cải tiến nông cụ và sử dụng các nông cụ cải tiến, đồng thời phổ biến kinh nghiệm kỹ thuật cho hợp tác xã. Tìm đủ mọi cách phổ biến kỹ thuật; xây dựng điển hình về kỹ thuật, tổ chức tham quan, mở hội nghị tại chỗ, tổng kết kinh nghiệm sáng kiến, phát minh trong hợp tác xã.

Công tác tư tưởng, công tác tổ chức quản lý, công tác kỹ

thuật phải bảo đảm cho sản xuất trong hợp tác xã dần dần đạt tới toàn diện và cân đối, xoá dần tình trạng phần lớn lực lượng sản xuất và tư liệu sản xuất chỉ dồn vào nông nghiệp, và trong nông nghiệp chỉ dồn vào sản xuất lương thực. Hiện nay, chúng ta vẫn chủ trương sản xuất lương thực là chính, nhưng đồng thời phải phát huy triệt để những thuận lợi sẵn có, ra sức xây dựng một nền kinh tế nông thôn gồm nhiều sản phẩm và nhiều nghề: cây công nghiệp, cây ăn quả, cây làm thuốc, chăn nuôi, đánh cá, nuôi cá, trồng rừng, khai thác lâm sản, làm lò vôi, lò gạch, xưởng gỗ, xưởng nông cụ, v.v. nhằm nâng cao thu nhập của hợp tác xã và của mỗi xã viên.

Để thực hiện nhiệm vụ đó, cũng như để đáp ứng yêu cầu trước mắt và chuẩn bị cho lâu dài, phải tìm đủ mọi cách đẩy mạnh sản xuất tiến lên; giảm bớt, di đến gặt bỏ những trở ngại cho sản xuất, bao gồm cả các mặt chính sách, tổ chức và kỹ thuật. Cần đề ra chỉ tiêu sản xuất tiên tiến cho cả năm, cho mỗi vụ, và có những biện pháp cụ thể để bảo đảm thực hiện những chỉ tiêu ấy, động viên thi đua, nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch của hợp tác xã và kế hoạch của Nhà nước.

Công tác lãnh đạo hợp tác xã tiến hành tốt thì sẽ đạt được những tiêu chuẩn một hợp tác xã tốt như dưới đây:

- 1- Hợp tác xã tăng sản lượng, xã viên tăng thu nhập, tích lũy được nhiều vốn;
- 2- Lãnh đạo chặt chẽ và toàn diện, trình độ giác ngộ của xã viên được nâng cao, nội bộ hợp tác xã đoàn kết và kỷ luật lao động được giữ vững;
- 3- Áp dụng kỹ thuật cải tiến rộng rãi, đạt được năng suất cao;
- 4- Chấp hành đúng chính sách và góp phần thực hiện tốt

kế hoạch nhà nước, có liên hệ tốt với các tổ đổi công, với hợp tác xã khác và với quần chúng nông dân nói chung.

Mỗi cấp uỷ, mỗi cán bộ chỉ đạo hợp tác xã phải trực tiếp tham gia xây dựng những hợp tác xã theo những tiêu chuẩn trên đây để rút kinh nghiệm lãnh đạo phong trào. Mỗi tỉnh, mỗi huyện đều phải xây dựng ít nhất một hợp tác xã điển hình thật tốt, có tác dụng làm gương mẫu cho toàn tỉnh và toàn huyện.

10- Về vấn đề hợp tác hoá ở miền núi và miền biển

Miền núi thuộc miền Bắc nước ta gồm 2.190 xã, trong đó có 688 xã đã phát động quần chúng giảm tô và 246 xã đã phát động quần chúng thực hiện CCRĐ. Một đặc điểm của miền núi thuộc miền Bắc nước ta là chưa hoàn thành cải cách dân chủ nhưng đã đi vào vận động đổi công, hợp tác để đẩy mạnh sản xuất. Vì vậy, trừ những xã đã phát động quần chúng thực hiện CCRĐ thì căn bản là vận động hợp tác hoá nông nghiệp như miền xuôi, còn nói chung ở miền núi vấn đề đặt ra lúc này là *hoàn thành cải cách dân chủ kết hợp với vận động hợp tác hoá và đẩy mạnh sản xuất*.

Yêu cầu chung của cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp ở miền núi và *những nguyên tắc căn bản* của đường lối, phương châm, chính sách vận động hợp tác hoá đại thể cũng giống như ở đồng bằng, nhưng vì tình hình kinh tế, xã hội, tập quán sinh hoạt của đồng bào miền núi có chỗ khác với miền xuôi cho nên cần nghiên cứu và quy định rõ một số vấn đề cụ thể cho thích hợp.

Mặt khác, cần nhận rõ miền núi bao gồm nhiều vùng khác nhau cho nên yêu cầu vận động hợp tác hoá lúc này của từng vùng đó có khác nhau. Ở những vùng đã CCRĐ thì có thể lấy vấn đề vận động hợp tác hoá nông nghiệp và đẩy

mạnh sản xuất làm chính. Trái lại, ở các vùng khác, nói chung, trước mắt phải lấy việc hoàn thành cải cách dân chủ làm chính, đồng thời phải coi trọng việc kết hợp chỉnh đốn và phát triển tổ đổi công và hợp tác xã, chuẩn bị điều kiện mở rộng cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp sau này. Ngay những vùng tuy chưa thực hiện CCRĐ nhưng đã trải qua những cuộc vận động dân chủ nhất định, yêu cầu cải cách dân chủ không nhiều, nay muốn tiến lên hợp tác hoá nông nghiệp một cách vững vàng và mạnh, cũng phải xóa bỏ nốt những tàn tích bóc lột phong kiến, phân rõ ranh giới giữa nông dân và phong kiến, giữa lao động và bóc lột, rồi chuyển sang chỉnh đốn và phát triển tổ đổi công và hợp tác xã, đoàn kết dân tộc, đẩy mạnh sản xuất. Ở những vùng còn tàn dư thị tộc (nhất là những vùng rẻo cao ở biên giới) tuy nội dung cải cách dân chủ về mặt kinh tế có ít nhưng vì tình hình trật tự trị an ở những nơi đó chưa được ổn định, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, cho nên trước hết phải chú trọng phát động tư tưởng quần chúng, vận động sản xuất, tìm hiểu tình hình, phát hiện thổ phỉ, biệt kích, gián điệp, củng cố cơ sở, đồng thời tích cực giúp đỡ nhân dân tổ chức nhau lại thành tổ đổi công và hợp tác xã để tăng gia sản xuất.

Nói chung, ở tất cả các vùng kể trên, bước đi và tốc độ của cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp phải căn cứ vào điều kiện cụ thể ở mỗi nơi mà định cho thích hợp và phải kết hợp chặt chẽ với cuộc vận động hoàn thành cải cách dân chủ.

Về mặt tổ chức, ở miền núi, tùy theo tình hình, có thể tổ chức *hợp tác xã sản xuất nông nghiệp hoặc hợp tác xã nông – lâm nghiệp*. Đối với những nơi đồng bào dân tộc thiểu số ở xen kẽ với nhau, thì nói chung phải tổ chức hợp tác xã chung

của nhiều dân tộc, trừ những nơi có dân tộc thiểu số hoặc dân tộc Kinh ở tập trung thì có thể tổ chức hợp tác xã nông nghiệp riêng của từng dân tộc. Trong những hợp tác xã gồm nhiều dân tộc, ban quản trị, ban kiểm soát phải có đủ thành phần dân tộc. Trong những hợp tác xã đó, vấn đề đoàn kết dân tộc là rất quan trọng, cho nên phải rất chú trọng việc giáo dục cho các dân tộc đoàn kết, giúp đỡ, học hỏi, tôn trọng lẫn nhau, dần dần xoá bỏ những thành kiến dân tộc do chế độ cũ để lại.

Cuộc vận động hợp tác hoá ở *miền biển* trừ những nơi ngư dân ở tập trung có nhiều vấn đề khác hẳn với miền làm ruộng cần tổ chức hợp tác xã ngư nghiệp và có đường lối, phương châm, chính sách cụ thể riêng, còn ở những nơi nông dân và ngư dân ở xen kẽ với nhau thì tiến hành hợp tác hoá nói chung theo như đường lối phương châm, chính sách hợp tác hoá nông nghiệp, có châm chú một số điểm cho hợp với tình hình cụ thể của các địa phương đó. Ở những nơi này, nên thành lập những hợp tác xã nông nghiệp kết hợp với ngư nghiệp, không nên tổ chức tách riêng. Những hợp tác xã kết hợp như vậy gọi là *hợp tác xã nông - ngư nghiệp*.

Tóm lại, tất cả những vấn đề quy định kể trên đây là những vấn đề cơ bản của cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc nước ta. Làm đúng được những điều cơ bản ấy thì nhất định sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Bắc nước ta theo đúng Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 14: bảo đảm đến hết năm 1960 căn bản hoàn thành cải tạo nông nghiệp theo hình thức hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp và đưa một số hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp lên bậc cao, hoặc cũng có thể vượt mức đó một chút. Đồng thời, làm được như

thế cũng chính là góp phần quyết định vào sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa thành công ở toàn miền Bắc và góp phần quan trọng vào công cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà.

IV- TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO HỢP TÁC HOÁ NÔNG NGHIỆP

Cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc nước ta sắp bước vào thời kỳ phát triển rộng rãi. Nhiệm vụ lãnh đạo hợp tác hoá nông nghiệp của Đảng ta rất nặng nề và rất khẩn trương.

Hiện nay, tình hình nông thôn diễn biến nhanh chóng. Có nhiều vấn đề về tư tưởng, chính sách, tổ chức đặt ra đòi hỏi phải giải quyết để bảo đảm thắng lợi cho cuộc vận động.

Từ trước đến nay, nhất là trong thời gian gần đây, việc lãnh đạo hợp tác hoá nông nghiệp đã được các cấp uỷ đảng chú ý, do đó đã thu được những kết quả bước đầu. Nhưng sự lãnh đạo đó chưa được chặt chẽ và toàn diện, chưa đáp ứng được yêu cầu của phong trào. Nhược điểm và khuyết điểm chung hiện nay là nắm tình hình không chặt, phát hiện vấn đề, nghiên cứu và giải quyết vấn đề không kịp thời. Trung ương chậm đề ra đường lối, phương châm, chính sách một cách toàn diện và chưa thật chú ý theo dõi, nắm sát phong trào. Các cấp uỷ địa phương nhiều nơi đã tích cực lãnh đạo xây dựng tổ đổi công, hợp tác xã, nhưng cũng có nơi còn xem nhẹ vấn đề đó và tỉnh nào cũng có hiện tượng lướt nhanh, làm vội. Tư tưởng của các ngành chuyển biến chậm và nhiều công tác chưa đáp ứng được yêu cầu của phong trào. Mấy tháng nay số lượng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp tăng nhanh, nhưng chất lượng nói chung còn thấp. Chúng ta phải

nhận thức đầy đủ và kiên quyết sửa chữa những khuyết điểm ấy và phải tăng cường lãnh đạo cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp.

1. Về lãnh đạo tư tưởng

Để lãnh đạo tốt cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, vấn đề tư tưởng là rất quan trọng. Mỗi cấp uỷ, mỗi ngành, mỗi cán bộ, đảng viên phải nhận thức đầy đủ về ý nghĩa cách mạng và tính chất phức tạp của cuộc vận động, đồng thời cũng phải thấy những biến đổi sâu sắc về mọi mặt và triển vọng to lớn mà cuộc vận động đó sẽ đưa lại cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất và sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta, cũng như cho công tác của mỗi cấp, mỗi ngành.

Hợp tác hoá nông nghiệp là công tác trung tâm trước mắt của ta ở nông thôn; tất cả các công tác khác ở nông thôn, đều phải xoay quanh công tác trung tâm đó mà tiến hành và kết hợp chặt chẽ với nó thì mọi hoạt động của ta ở nông thôn mới có thể tiến triển thuận lợi được. Chỉ có trên cơ sở nhận thức đúng đắn và đầy đủ về ý nghĩa của cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp như thế thì mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi người mới có thể đem hết tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình cách mạng và sức sáng tạo của mình góp phần vào việc đẩy mạnh phong trào.

Công tác tư tưởng của chúng ta hiện nay trước hết phải nhằm đạt tới sự chuyển biến như vậy trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng đối với cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, một cuộc cách mạng mới mẻ và sâu sắc hiện nay ở nông thôn. Phải kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện xem nhẹ hoặc bàng quan đối với phong trào hợp tác hoá nông nghiệp.

Vấn đề thống nhất nhận định tình hình vận động hợp tác hoá nông nghiệp cũng là một vấn đề quan trọng, nhất là hiện nay phong trào phát triển không đều và có nhiều vùng khác nhau, việc đánh giá phong trào càng phải thận trọng. Chúng ta cần thấy mặt thuận lợi của phong trào là căn bản, nhưng đồng thời cũng phải thấy hết những khó khăn. Có như thế mới đề ra được những chủ trương và kế hoạch công tác sát và đúng. Trong thời gian vừa qua, trước tình hình phát triển của phong trào, có lúc chúng ta đã không đánh giá đúng tình hình, hoặc chỉ thấy khó khăn, không thấy hết thuận lợi, do đó đã không mạnh dạn thúc đẩy phong trào tiến lên, hoặc trái lại, chỉ thấy thuận lợi, không thấy hết khó khăn, cho nên có nơi đã lướt nhanh, làm vội, phát triển ồ ạt, tiến bước không vững chắc.

Những lệch lạc đó đã được bước đầu uốn nắn, nhưng về lãnh đạo hiện nay vẫn phải tiếp tục đấu tranh trên cả hai mặt đó, tùy theo tình hình thực tế từng nơi, từng lúc mà nhấn mạnh mặt này hay mặt kia. Nông dân lao động nước ta, nhất là bần nông và trung nông lớp dưới, hăng hái theo Đảng đi vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hội, nhưng không phải vì thế mà tự nhiên mọi việc sẽ dễ dàng. Kiên quyết dựa vào quần chúng, kiên trì giáo dục, thuyết phục quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng thì công việc sẽ thuận lợi; nếu dựa theo ý muốn chủ quan của mình mà lãnh đạo phong trào thì công việc sẽ gặp nhiều khó khăn, thậm chí thất bại nữa là khác. Vì thế, tinh thần lãnh đạo của chúng ta phải rất khẩn trương, nhưng cũng phải rất thận trọng. Phải chú ý cả yêu cầu của quần chúng và khả năng của lãnh đạo, ra sức chuẩn bị tốt để

phong trào tiến được vững, được nhanh, nhưng khi chuẩn bị chưa đầy đủ thì cũng không nên vội vàng, hấp tấp.

Mặt khác, cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp của ta hiện nay kết hợp chặt chẽ cuộc cải tạo quan hệ sản xuất với cải tiến sức sản xuất, nhằm đẩy mạnh sản xuất và cải thiện đời sống cho nông dân. Cả hai công tác đó phải gắn liền với công tác tư tưởng và công tác tư tưởng phải đi trước để chuẩn bị cho các công tác cải tạo quan hệ sản xuất và cải tiến sức sản xuất thành công. Cho nên lãnh đạo hợp tác hoá nông nghiệp phải kết hợp chặt chẽ tất cả các mặt đó, không thể tách rời hợp tác hoá với công tác tư tưởng và công tác sản xuất.

Trong thời gian vừa qua có nhiều nơi vì không thấy được tính chất toàn diện đó của cuộc vận động nên đã tách rời công tác xây dựng hợp tác xã với công tác cải tiến kỹ thuật và công tác sản xuất, không chú ý đầy đủ đến việc lập kế hoạch sản xuất và xem nhẹ việc áp dụng và phản phong kiến. Mấy năm nay, chúng ta đã tiến hành giáo dục bước đầu về chủ nghĩa xã hội cho cán bộ và đảng viên ở xã. Song việc giáo dục đó mới làm được ít và chưa được sâu sắc; trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của các đảng viên nông thôn còn thấp. Bên cạnh những đảng viên tích cực, hăng hái đối với phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, nhiều người vẫn chưa tin vào tính hơn hẳn của hợp tác xã và còn có những biểu hiện của khuynh hướng thích làm ăn riêng lẻ, chạy theo chủ nghĩa tư bản tự phát.

Sau cuộc Hội nghị này, cần tiến hành một đợt chỉnh huấn sâu rộng trong chi bộ nông thôn. Mục đích của đợt chỉnh huấn này là làm cho cán bộ, đảng viên nông thôn phân rõ hai con đường phát triển nông nghiệp sau cải cách ruộng

đất, nhận rõ chỉ có theo con đường hợp tác hóa nông nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hội mới đẩy mạnh được sản xuất; cải thiện được đời sống, làm cho dân giàu nước mạnh, phê phán khuynh hướng thích làm ăn riêng lẻ và chạy theo chủ nghĩa tư bản tự phát. Do đó gây một chuyển biến mạnh mẽ trong tư tưởng đảng viên nông thôn, làm cho chi bộ nông thôn trên cơ sở giác ngộ xã hội chủ nghĩa được nâng cao mà đoàn kết nhất trí, kiên quyết đưa nông thôn vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp do Đảng vạch ra.

Sau khi chỉnh huấn chi bộ, sẽ mở rộng tuyên truyền, giáo dục cho quần chúng nông dân, tổ chức một cuộc tranh luận rộng rãi trong quần chúng nông thôn về hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp, làm cho quần chúng biết so sánh và phân rõ ranh giới giữa hai con đường ấy, đồng thời đập tan những luận điệu phản tuyên truyền, xuyên tạc của địch đối với hợp tác hóa nông nghiệp. Trên cơ sở nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa như thế mà phát động đảng viên và quần chúng đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa, cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất. Các cấp ủy đảng cần lãnh đạo tốt cuộc chỉnh huấn và cuộc tranh luận trong quần chúng đó.

2. Về lãnh đạo chính sách

Chính sách của Đảng phải thể hiện được nhiệm vụ, đường lối cách mạng của từng thời kỳ. Cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp phát triển đề ra nhiều vấn đề mới và đem lại những biến đổi sâu sắc ở nông thôn, cho nên các chính sách của Đảng có quan hệ đến nông thôn ban hành trước đây trong lúc tuyệt đại bộ phận kinh tế nông thôn còn là cá thể, ngày nay có nhiều điểm không thích hợp nữa. Vì vậy phải bỏ

sung và sửa đổi nhiều chính sách, hoặc phải ban hành thêm một số chính sách mới. Các chính sách của ta ở nông thôn hiện nay phải thể hiện tinh thần của đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn, thể hiện sự quan tâm giúp đỡ của Đảng và của Nhà nước đối với phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, đồng thời phải có tác dụng ngăn ngừa khuynh hướng tư bản chủ nghĩa tự phát ở nông thôn, thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và phát triển mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp.

Ngoài những chính sách đã ghi rõ trong điều lệ tổ chức hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, còn rất nhiều chính sách khác có liên quan trực tiếp đến hợp tác hóa phải được nghiên cứu, bổ sung và sửa đổi. Những chính sách cần chú ý hiện nay gồm có: chính sách tín dụng (giúp vốn cho hợp tác xã phát triển sản xuất), chính sách mậu dịch (ưu tiên thu mua và bán hàng cho hợp tác xã), chính sách thuế nông nghiệp đối với ruộng đất của hợp tác xã, chính sách giúp đỡ và hướng dẫn kỹ thuật, chính sách khuyến khích các hợp tác xã phát triển thêm nghề phụ và phát triển sản xuất toàn diện, chính sách tiền công và phân phối nhân lực, chính sách hướng dẫn và giúp đỡ kỹ thuật cho hợp tác xã, v.v.. Hợp tác hóa càng phát triển thì các vấn đề phổ biến khoa học, kỹ thuật, đẩy mạnh công tác thủy lợi, phát triển giao thông vận tải, phát triển công nghiệp địa phương, xây dựng làng mạc, cũng như các công tác hành chính, trị an, quân sự, văn hóa, giáo dục, y tế cho đến công tác tổ chức, tuyên huấn, công tác thanh vận, phụ vận, v.v. cũng phải được đặt ra và giải quyết theo một nội dung mới, phù hợp với quan hệ sản xuất mới và tình hình mới ở nông thôn.

Các ngành, các đoàn thể nhân dân ít nhiều đều có liên

quan đến phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, cho nên phải thấy sự quan trọng của vấn đề và tùy theo công việc mình phụ trách mà nêu các vấn đề để nghiên cứu và đề nghị cách giải quyết với Trung ương và Chính phủ. Các cấp ủy đảng phải lãnh đạo các ngành phối hợp với nhau để nghiên cứu giải quyết nhanh chóng những vấn đề do cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp đề ra, tránh tình trạng chậm chạp và trông chờ, ỷ lại lẫn nhau, làm cho công việc chung chịu ảnh hưởng không tốt.

Sự quan tâm đầy đủ của các ngành, các đoàn thể đối với phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, việc tìm mọi cách giải quyết các vấn đề về tài chính, mậu dịch, về kỹ thuật, về đào tạo cán bộ, v.v. cho các hợp tác xã, đó là biểu hiện sự quan tâm giúp đỡ của giai cấp công nhân, của Đảng và Nhà nước đối với nông dân, nó có tác dụng rất lớn đối với việc củng cố khối liên minh công nông và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở nông thôn. Mỗi cấp, mỗi ngành cần nhận thức đầy đủ ý nghĩa đó để giải quyết tốt và nhanh chóng những vấn đề cấp bách do phong trào hợp tác hóa nông nghiệp đề ra.

3. Về lãnh đạo tổ chức

Vì nhiệm vụ hợp tác hóa ở nông thôn rất lớn, lại có nhiều công tác phải tiến hành cùng một lúc và mỗi công tác đó có nội dung phức tạp riêng của nó, cho nên, để bảo đảm lãnh đạo tốt cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, kết hợp với các công tác khác, tránh được tình trạng bỏ công tác trung tâm hoặc chỉ nắm công tác trung tâm mà buông trôi các công tác khác. Việc lãnh đạo tổ chức phải rất chặt chẽ và phải thống nhất từ trên xuống dưới.

Lãnh đạo cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp là

nhiệm vụ của các cấp ủy đảng và trực tiếp của chi bộ xã. Các cấp ủy địa phương, nhất là cấp tỉnh, phải phát huy tính chủ động và sáng tạo của mình để lãnh đạo phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, chấp hành đúng đường lối, phương châm, chính sách của Trung ương và chấp hành đúng chế độ báo cáo và xin chỉ thị, không bị động, ỷ lại, nhưng cũng không làm bừa. Tùy theo tình hình từng lúc và phạm vi của cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, mỗi cấp phải bố trí lực lượng cán bộ cần thiết để bảo đảm tiến hành tốt cuộc vận động. Cấp trên có thể và cần cử cán bộ về giúp tiến hành tốt cuộc vận động. Cấp trên có thể và cần cử cán bộ về giúp địa phương, nhưng phải chú ý giúp những nơi phong trào yếu và những vùng có nhiều vấn đề phức tạp. Tuy vậy, các địa phương không nên ỷ lại, phải dựa vào lực lượng của mình là chính. Khi phong trào mở rộng, cấp ủy cần huy động lực lượng của các ngành và lực lượng bộ đội tham gia, nhưng phải chú trọng bố trí công tác chung và công tác của mỗi ngành cho tốt. Các ngành cũng phải theo yêu cầu của phong trào mà cử những cán bộ tốt tham gia cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, không nên đưa cán bộ kém đi.

Ban Thường vụ mỗi cấp phải trực tiếp chỉ đạo phong trào một cách tập thể. Từ tỉnh trở xuống, mỗi cấp ủy viên phải phân công để có thể thay phiên nhau trực tiếp tham gia công tác xây dựng hợp tác xã và đồng chí bí thư phải trực tiếp nắm công tác. Ở Trung ương thì Bộ Chính trị phải nắm lãnh đạo cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, phân công một đồng chí trong Bộ Chính trị chuyên trách Trung ương, khu ủy và tỉnh ủy cần gấp rút tăng cường Ban Công tác nông thôn để đủ năng lực theo dõi, nắm vững tình hình, tổng kết

kinh nghiệm, nghiên cứu giúp Trung ương và các cấp ủy lãnh đạo phong trào được kịp thời và đúng đắn. Đồng thời mỗi cấp ủy cần tổ chức việc kiểm tra thường xuyên, dựa vào lực lượng cán bộ kiểm tra các cấp là chính, và khi cần thiết có thể lấy thêm cán bộ, đi sâu xuống dưới kiểm tra, để kịp thời phát hiện và uốn nắn những sai lầm, lệch lạc. Các cấp ủy và các ngành có liên quan trực tiếp nhiều đến công tác nông thôn nếu còn yếu cũng phải được kiện toàn.

Chi bộ đảng ở nông thôn trực tiếp lãnh đạo xây dựng hợp tác xã nông nghiệp và thực hiện mọi công tác khác ở nông thôn phải được tăng cường để đủ sức làm nhiệm vụ. Ngoài việc tăng cường chi bộ bằng cách giáo dục tư tưởng và chính trị cho cán bộ, đảng viên, cần chú ý tiếp tục kiện toàn chi ủy và qua cuộc vận động hợp tác hóa mà phát triển đảng viên. Ở những chi bộ yếu, nếu cán bộ chủ chốt không đủ khả năng nắm và lãnh đạo công tác thì phải ra sức giúp đỡ, bồi dưỡng. Nếu cần, cấp trên phải phân công cán bộ về trực tiếp công tác ở chi bộ một thời gian để giúp đỡ, hoặc cho một số cán bộ khá về bổ sung hân cho cấp xã.

Cần nghiên cứu gấp chế độ cán bộ nửa thoát ly ở xã, giúp cho cán bộ xã có đủ điều kiện công tác và yên tâm công tác.

Việc đào tạo cán bộ để lãnh đạo phong trào hợp tác hóa rất quan trọng và cấp bách, không những phải đào tạo cán bộ lãnh đạo xây dựng hợp tác xã, mà phải đào tạo cán bộ trực tiếp lãnh đạo và quản lý hợp tác xã, như chủ nhiệm hợp tác xã, các cán bộ kế hoạch, kế toán, thống kê, kỹ thuật của hợp tác xã, v.v.. Để đào tạo cán bộ được nhanh, kịp thời phục vụ cho phong trào trước mắt, phương pháp tốt nhất là mở các

lớp ngắn ngày và tổ chức đi tham quan, thực tập, họp hội nghị tại chỗ để rút kinh nghiệm, v.v. nhưng cũng phải tiến tới mở những lớp dài hạn để đào tạo cán bộ một cách toàn diện, bảo đảm đủ cán bộ có năng lực để lãnh đạo những hợp tác xã lớn sau này. Ban Công tác nông thôn Trung ương cần củng cố trường cán bộ hợp tác xã sẵn có, mở nhiều lớp ngắn ngày đào tạo cán bộ cho tỉnh, huyện và cho một số các ngành ở trung ương, đồng thời chuẩn bị mở các lớp huấn luyện dài hạn. Tỉnh ủy mở lớp huấn luyện cho cán bộ xã và cán bộ chung quanh huyện; huyện ủy mở lớp huấn luyện cho cán bộ hợp tác xã. Các ngành nông - lâm, thủy lợi, tài chính, kiến trúc, kế hoạch, cũng phải tùy theo phong trào hợp tác hóa nông nghiệp phát triển mà mở các lớp đào tạo cán bộ nghiệp vụ cho hợp tác xã và cho cấp huyện, cấp tỉnh.

4. Về lãnh đạo kế hoạch

Công tác hợp tác hóa nông nghiệp rộng lớn, phức tạp và có quan hệ đến nhiều ngành, nhiều mặt, cho nên nếu không lãnh đạo sắp xếp kế hoạch cụ thể, thì cuộc vận động hợp tác hóa sẽ gặp khó khăn. Kế hoạch hợp tác hóa nông nghiệp phải bao gồm những mặt sau đây:

a) *Kế hoạch xây dựng và phát triển hợp tác xã*

Phải căn cứ vào yêu cầu của quần chúng, khả năng lãnh đạo và tình hình tổ đổi công, hợp tác xã hiện có mà đặt kế hoạch xây dựng, củng cố và phát triển hợp tác xã từng đợt; mỗi đợt xây dựng bao nhiêu hợp tác xã, bao gồm khoảng bao nhiêu hộ, bao nhiêu ruộng đất, v.v., bố trí đủ cán bộ và cốt cán để bảo đảm xây dựng tốt và lãnh đạo chặt chẽ các hợp tác xã; đồng thời cũng phải bố trí thời gian cho khớp với vụ sản xuất và căn cứ vào các công tác quan trọng phải làm trong

thời gian đó mà định kế hoạch kết hợp xây dựng hợp tác xã với bảo đảm thực hiện các công tác đó. Trong việc đặt kế hoạch xây dựng hợp tác xã, cần chú ý định ra kế hoạch trong nửa đầu năm nay làm thế nào xây dựng được ít nhất mỗi xã có một hợp tác xã để chuẩn bị cho phong trào phát triển trong vụ đông - xuân tới.

b) *Kế hoạch củng cố các hợp tác xã hiện có*

Căn cứ vào tình hình thực tế của các hợp tác xã hiện có, phân loại các hợp tác xã tốt, vừa, kém mà đặt yêu cầu củng cố. Nội dung kế hoạch củng cố gồm có: nội dung và phương pháp tiến hành công tác chính trị và tư tưởng trong hợp tác xã, tăng cường công tác quản lý, công tác kỹ thuật, xây dựng nề nếp đặt kế hoạch sản xuất, công tác bồi dưỡng và đào tạo các loại cán bộ cho hợp tác xã, nhằm làm cho hợp tác xã hoạt động tốt, xã viên đoàn kết và phấn khởi, năng suất và thu nhập của hợp tác xã tăng lên, v.v..

c) *Kế hoạch sản xuất và kỹ thuật*

Hướng dẫn cho hợp tác xã đặt kế hoạch sản xuất, kể cả sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủ công nghiệp, nghề phụ, v.v.. Phải giải quyết những khó khăn gì và giải quyết thế nào để bảo đảm thực hiện kế hoạch sản xuất.

Về kỹ thuật, phải giải quyết vấn đề nông cụ cải tiến và cải tiến canh tác để bảo đảm cày sâu, bừa kỹ, giống tốt, phân nhiều, nước đủ, trừ sâu, v.v.. Phải quy định lập các trạm kỹ thuật để hướng dẫn kỹ thuật cho các hợp tác xã. Đồng thời, cũng phải định rõ việc chỉ đạo sản xuất kết hợp với tiến hành hợp tác hóa và các công tác khác như thế nào, định những công việc chính từng thời gian phải làm để bảo đảm kế hoạch sản xuất.

d) Kế hoạch cung cấp và tiêu thụ cho hợp tác xã

Vì hợp tác xã phát triển và sản xuất tăng nhanh, cho nên trong quá trình cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, ở nông thôn sẽ có nhiều yêu cầu mới đặt ra. Kế hoạch cung cấp và tiêu thụ phải nhằm bảo đảm cung cấp đủ tư liệu sản xuất cần thiết cho hợp tác xã, như trâu bò, nông cụ, phân bón, thuốc trừ sâu, công cụ chế biến, công cụ vận tải, v.v. và tư liệu sinh hoạt cho các xã viên, như vải sợi, thuốc men, dụng cụ gia đình, v.v.; đồng thời phải bảo đảm tiêu thụ những sản phẩm của hợp tác xã, kể cả sản phẩm về trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, ngư nghiệp, nghề phụ, v.v..

đ) Kế hoạch tuyên truyền, giáo dục

Phải căn cứ vào tình hình tư tưởng cụ thể và yêu cầu công tác mỗi nơi, mỗi lúc mà đề ra nội dung tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng xã viên trong hợp tác xã và trong quần chúng nhân dân ngoài hợp tác xã; giáo dục đường lối, chính sách, nâng cao nhận thức, tư tưởng, tăng cường đoàn kết trong hợp tác xã và nâng cao cảnh giác đối với âm mưu phá hoại của địch, v.v.. Kế hoạch cũng phải định rõ phương pháp và thời gian tiến hành cho khớp với kế hoạch công tác chung của mỗi địa phương.

e) Kế hoạch tổ chức và cán bộ

Mục đích của phần kế hoạch này là tập trung lực lượng và tăng cường cán bộ cho các nơi yếu để bảo đảm xây dựng hợp tác xã và lãnh đạo các công tác khác; đào tạo các loại cán bộ cho hợp tác xã và cho địa phương; định rõ mở bao nhiêu lớp, mỗi lớp bao nhiêu, thành phần học viên mỗi lớp, chương trình và thời gian huấn luyện, v.v.. Ngoài ra, còn nêu vấn đề củng cố các tổ chức đảng, chính, quân, dân trong quá trình tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp.

g) Kế hoạch tài chính

Kế hoạch này nhằm giải quyết tất cả kinh phí chung cho địa phương: chi tiêu về hội nghị, lớp học, tuyên truyền, phương tiện công tác cần thiết cho mỗi thời gian bao nhiêu, giải quyết bằng cách nào, cần cho hợp tác xã vay vốn trong một thời gian là bao nhiêu và để làm việc gì, v.v..

Tất cả các cấp, các ngành có liên quan đều phải lập kế hoạch theo những yêu cầu kể trên và căn cứ vào kế hoạch đó mà tiến hành công tác. Các kế hoạch đề ra đều phải cụ thể cho từng năm, từng đợt xây dựng hợp tác xã, lại phải khớp với thời vụ sản xuất của nông dân và công việc nhiều hay ít của từng nơi. Kế hoạch chung phải quy định cụ thể cách giải quyết cho từng vùng khác nhau: miền xuôi, miền núi, miền biển, vùng ngoại thành, nơi phong trào khá, nơi phong trào yếu, nơi có nhiều thuận lợi, nơi đang gặp khó khăn, v.v..

Sau khi định kế hoạch, cấp ủy phải thống nhất và tập trung lãnh đạo, theo dõi, nắm tình hình, kiểm tra đôn đốc, tổng kết kinh nghiệm, kịp thời phát hiện những thiếu sót, sai lầm để uốn nắn hoặc đề nghị bổ sung, sửa chữa. Thực hiện được đầy đủ kế hoạch trên đây thì cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp sẽ tốt, vững, nhanh, gọn, mà các mặt công tác khác cũng được hoàn thành đúng với yêu cầu và thời gian của nó, tránh được tình trạng bị động, hoặc làm việc nọ bỏ việc kia.

5. Động viên các giới tích cực tham gia xây dựng hợp tác xã

Trong cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, Đảng ta phải động viên các đoàn thể nhân dân cùng làm. Các đoàn thể nhân dân có nhiệm vụ động viên giới mình tích cực tham

gia cuộc vận động và do đó mà đẩy mạnh công tác của ngành mình tiến lên.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cần ra sức động viên anh chị em công nhân thi đua sản xuất, hạ giá thành, kịp thời cung cấp phân bón, nông cụ cải tiến và hàng hóa tiêu dùng cho nông dân, tham gia vào việc hướng dẫn kỹ thuật cho các hợp tác xã, v.v., và coi đó là một nhiệm vụ thiết thực nhằm củng cố khối liên minh công nông.

Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam cần hăng hái tham gia xây dựng hợp tác xã, giáo dục cho đoàn viên thuyết phục gia đình mình vào hợp tác xã, xung phong cải tiến kỹ thuật, áp dụng phương pháp canh tác mới để đẩy mạnh sản xuất; qua phong trào đó mà rèn luyện tư tưởng, củng cố và phát triển tổ chức của Đoàn.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cần giáo dục và động viên chị em phụ nữ thuyết phục gia đình, chồng con tham gia hợp tác xã để tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống và thiết thực giải phóng hoàn toàn cho phụ nữ nông thôn, thực hiện quyền bình đẳng giữa nam và nữ. Trong công tác, cần chú ý giải quyết những khó khăn trong sinh hoạt gia đình và những vấn đề có quan hệ đến quyền lợi và nguyện vọng của chị em phụ nữ.

Các nhà trí thức, nhà khoa học cần đi sâu vào nông thôn, tích cực tham gia vào việc tiếp tục thanh toán nạn mù chữ, bổ túc văn hóa, phổ biến những kiến thức phổ thông về khoa học kỹ thuật, đồng thời học tập thêm những kinh nghiệm và sáng kiến, phát minh của quần chúng.

Anh chị em *văn nghệ sĩ* cần đi sâu vào đời sống nông dân, lăn mình vào cuộc đấu tranh cách mạng vô cùng phong phú

và phức tạp ở nông thôn để kịp thời sáng tác phục vụ cho phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.

Trong công tác, giới trí thức nói chung cần học tập thêm trong đời sống thực tế để nâng cao trình độ hiểu biết và cải tạo tư tưởng của mình.

*
* *

Thư các đồng chí,

Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân nước ta đánh đổ đế quốc và phong kiến thành công trên một nửa nước, đã lãnh đạo hàng triệu nông dân tham gia đấu tranh cách mạng thực hiện được nguyện vọng độc lập dân tộc và người cày có ruộng ở miền Bắc nước ta. Ngày nay, Đảng ta lại lãnh đạo nông dân miền Bắc tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp để cùng giai cấp công nhân tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Giáo dục hàng triệu nông dân, đưa họ tiến lên chủ nghĩa xã hội, đó là một nhiệm vụ khó khăn, nhưng cũng rất vẻ vang. Cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp hoàn thành thắng lợi sẽ góp phần xóa bỏ tận gốc chế độ người bóc lột người ở miền Bắc nước ta, đẩy mạnh việc phát triển kinh tế nông thôn về mọi mặt, làm cho bộ mặt nông thôn hoàn toàn đổi mới, góp phần to lớn vào công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà và mang lại cho nông dân cũng như cho nhân dân miền Bắc nước ta một đời sống hòa bình, tự do và hạnh phúc thật sự. Chính vì vậy mà kết quả của hợp tác hóa nông nghiệp không những sẽ góp phần tích cực củng cố miền Bắc, mà còn có tác dụng lớn đối với sự nghiệp đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất Tổ quốc.

Kiên quyết đưa nông thôn miền Bắc nước ta qua con đường hợp tác hóa nông nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hội là một nhiệm vụ cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Hồ Chủ tịch, nhất định chúng ta sẽ hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ to lớn ấy.

Trung ương kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên, toàn thể đồng bào nông dân miền Bắc, tất cả các giới, các ngành hãy hăng hái tiến lên, mỗi người trên cương vị của mình, tích cực góp sức vào công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Bắc.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ 16
(MỞ RỘNG)**

Tháng 4 năm 1959

Về vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp

I

**TÌNH HÌNH HỢP TÁC HOÁ NÔNG NGHIỆP Ở MIỀN BẮC
NƯỚC TA HIỆN NAY**

Từ thu - đông năm 1958 đến nay, trong nông thôn miền Bắc nước ta đã có *một sự chuyển biến quan trọng*. Cùng với cuộc vận động đẩy mạnh sản xuất đông - xuân (1958-1959), quần chúng nông dân đông đảo đã hăng hái đi vào con đường đổi công hợp tác. Từ tháng 6 đến tháng 12-1958, tỷ lệ nông hộ vào tổ đổi công đã từ 41% lên tới 65%; số hợp tác xã từ 134 cái đã lên tới 4.721 cái, chiếm 5% tổng số nông hộ. Sau vụ mùa năm 1958, các địa phương vẫn tiếp tục phát triển hợp tác xã. Tính đến tháng 4-1959, đã có trên 7.000 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, chiếm gần 8% nông hộ toàn miền Bắc. Trong số này có 119 hợp tác xã cấp cao. Có những địa phương phong trào hợp tác hoá nông nghiệp phát triển mạnh, tỷ lệ nông hộ vào hợp tác xã khá cao, như Vĩnh Linh 43%, Sơn Tây 25,3%, Hà

Tỉnh gần 19%, Thanh Hoá 14%, v.v.. Các tỉnh khác tỷ lệ thấp hơn, nhưng so với trước, số hợp tác xã cũng tăng lên nhiều.

Sự chuyển biến kể trên có một ý nghĩa lớn. Nó biểu hiện một *xu thế xã hội chủ nghĩa* rõ rệt ở nông thôn miền Bắc nước ta. Một bộ phận quan trọng trong nông dân lao động miền Bắc đã chuyển hướng theo con đường hợp tác hoá nông nghiệp. Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp *đã trở thành một phong trào quần chúng*.

Sự chuyển biến đó không phải là ngẫu nhiên. Từ lâu nông dân ta vốn có tập quán giúp nhau sản xuất dưới những hình thức giản đơn. Sau Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến, Đảng ta đã chú ý hướng dẫn nông dân phát triển tổ đổi công để tăng gia sản xuất. Sau khi hoà bình được lập lại, gắn liền với cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế, việc xây dựng tổ đổi công được đặt thành một công tác quan trọng để đẩy mạnh sản xuất. Đồng thời chúng ta đã tổ chức một số hợp tác xã nông nghiệp thí điểm.

Khi phát hiện sai lầm của cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, phong trào đổi công bị xẹp xuống. Khuynh hướng tư bản chủ nghĩa tự phát đã trỗi lên và phát triển khá mạnh. Nhưng sau khi hoàn thành tốt công tác sửa sai, từ cuối năm 1957 và trong năm 1958, Đảng đã có những biện pháp để củng cố và phát triển tổ đổi công và hợp tác xã, họp những cuộc hội nghị sơ kết công tác, liên tiếp mở những lớp đào tạo cán bộ vận động đổi công hợp tác và tiến hành hai đợt giáo dục cho cán bộ, đảng viên ở xã về cách mạng xã hội chủ nghĩa và con đường hợp tác hoá nông nghiệp. Những cuộc vận động chống hạn làm chiêm, quyết tâm làm vụ mùa thắng lợi, cải tiến kỹ thuật đã có tác dụng lớn thúc đẩy phong trào đổi công hợp tác ở nông thôn. Những công tác thu mua

nông sản, tổ chức hợp tác xã mua bán, hợp tác xã vay mượn cũng được mở rộng. Do đó, khuynh hướng tư bản chủ nghĩa tự phát đã bị hạn chế và đẩy lùi dần. Đương nhiên, còn nền kinh tế tiểu nông thì còn cơ sở cho nó phát triển, nhưng ở miền Bắc nước ta hiện nay, cơ sở đó đang bị thu hẹp dần.

Nông dân nước ta vốn nghèo khổ và cần cù lao động. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông dân miền Bắc đã được giải phóng khỏi ách đế quốc và phong kiến, giành lại được tự do và ruộng đất, đời sống đã được cải thiện một phần. Nhưng sau cải cách ruộng đất, nông dân lao động, nhất là bần nông và trung nông lớp dưới, còn gặp nhiều khó khăn. Đảng và Nhà nước giúp đỡ họ và kêu gọi họ tổ chức nhau lại để chống thiên tai, áp dụng kỹ thuật mới và tăng gia sản xuất, họ hăng hái nghe theo. Có một số trung nông, nhất là trung nông lớp trên, vẫn có khuynh hướng làm giàu riêng lẻ, do dự hoài nghi, nhưng nói chung mặt lao động và cách mạng của nông dân lao động nước ta vẫn là chủ yếu. Kinh nghiệm sản xuất từ trước đến nay và đặc biệt là kinh nghiệm của vụ mùa năm 1958 và vụ chiêm 1959 đã chứng tỏ rằng: chỉ có đi vào con đường hợp tác hoá, làm ăn tập thể thì mới giải quyết được những khó khăn trong sản xuất, cải thiện được đời sống.

Thêm vào đó, những thắng lợi vang dội trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản của Liên Xô, bước tiến nhảy vọt của Trung Quốc về mọi mặt, nhất là về nông nghiệp, và những thành tựu to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa khác trong năm 1958 đã cổ vũ nông dân ta rất nhiều.

Vì những lý do kể trên, khi Đảng và Chính phủ đề ra chủ trương phấn đấu cho một vụ sản xuất đông - xuân thắng lợi, kết hợp vận động cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất với

đẩy mạnh phong trào đổi công hợp tác thì nông dân đã hăng hái hưởng ứng, tổ chức nhau lại để thực hiện khẩu hiệu của Đảng và Chính phủ.

Tóm lại, từ giữa năm 1958 trở đi, tình hình nông thôn miền Bắc nước ta đã chuyển mạnh theo hợp tác hoá nông nghiệp. Đó là do kết quả của sự lãnh đạo của Đảng, do ý thức cách mạng của nông dân ta và do ảnh hưởng những thắng lợi vĩ đại của phe xã hội chủ nghĩa.

Cuộc vận động đổi công hợp tác hiện nay *căn bản là tốt*. Lúa của tổ đổi công hơn lúa của nông dân cá thể, lúa của hợp tác xã hơn lúa của tổ đổi công, và hợp tác xã thật sự đã có tác dụng dẫn đầu trong phong trào cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất. Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp phát triển mạnh đang ảnh hưởng tốt đến các mặt công tác của Đảng và của Nhà nước ở nông thôn.

Tuy vậy, hiện nay phong trào đang có những *nhược điểm và khuyết điểm* như sau: khi xây dựng hợp tác xã, nhiều nơi chưa phát động tư tưởng quần chúng một cách sâu sắc và đầy đủ, giáo dục chính sách cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nông dân chưa kỹ, huấn luyện nghiệp vụ cho cán bộ làm qua loa; nhiều nơi có thiên hướng làm lướt, làm đối; trái lại, cũng có nơi còn rụt rè chậm chạp. Sau khi xây dựng hợp tác xã, tuy có chú ý cải tiến kỹ thuật canh tác, tăng năng suất, nhưng lại coi nhẹ công tác chính trị và tư tưởng; công tác quản lý hợp tác xã về ba mặt lao động, sản xuất và tài vụ còn lúng túng nhiều. Các ngành và các giới tuy có cố gắng, nhưng chưa phục vụ phong trào hợp tác hoá nông nghiệp được kịp thời và đúng mức. Công tác củng cố hợp tác xã chưa được chú trọng; nói chung hợp tác xã phát triển nhanh về số lượng nhưng *còn yếu về chất*

lượng; phong trào hợp tác hoá nông nghiệp phát triển không đều. Có nơi khi xây dựng hợp tác xã liền coi nhẹ việc củng cố và phát triển tổ đổi công.

Thái độ các tầng lớp ở nông thôn đối với phong trào hợp tác hoá nông nghiệp chủ yếu như sau: *bần nông và trung nông lớp dưới* nói chung rất hăng hái, mong muốn được tổ chức vào hợp tác xã. *Trung nông* nói chung cũng tán thành hợp tác hoá nông nghiệp lúc đầu tuy có do dự nhiều, nhất là trung nông lớp trên, nhưng khi được giáo dục và nhất là khi họ nhận thấy thu nhập của các xã viên cao hơn hẳn thu nhập của nông dân riêng lẻ thì họ cũng sốt sắng xin vào hợp tác xã. *Phú nông* thì bản chất là đối lập với hợp tác hoá nông nghiệp, một số ít đã có những hành động chống lại, nhưng cũng có một số ít đã được thay đổi thành phần mong muốn được vào hợp tác xã. *Địa chủ* nói chung có thái độ khinh khỉnh đối với hợp tác hoá nông nghiệp. Một số địa chủ ngoan cố, không chịu cải tạo, những phần tử phản cách mạng, tay sai của Mỹ - Diệm, bọn phản động đội lốt tôn giáo, v.v. tìm mọi cách gièm pha, xuyên tạc các chính sách của Đảng và Chính phủ và ráo riết hoạt động chống lại phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở một số địa phương.

Nhiệm vụ của Đảng ở nông thôn miền Bắc nước ta hiện nay là trên đà chuyển biến mới của tình hình nông thôn, ra sức củng cố những tổ đổi công và hợp tác xã đã có, chuẩn bị về mọi mặt đường lối, chính sách, tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kế hoạch để phát triển tổ đổi công và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp một cách tích cực và vững chắc, chuẩn bị tiến tới cao trào cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, phấn đấu để hoàn thành thắng lợi công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Bắc nước ta và bảo đảm hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước.

II VẤN ĐỀ HỢP TÁC HOÁ NÔNG NGHIỆP Ở MIỀN BẮC NƯỚC TA

Ngay từ ngày mới thành lập (1930), trong bản *Luận cương chính trị*, Đảng ta đã nói rõ, nhân dân Việt Nam làm cách mạng dân chủ tư sản rồi phải tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong Đại hội lần thứ II (1951), Đảng ta lại khẳng định rằng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (tức cách mạng dân chủ tư sản ở nước ta) phải tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thật vậy, từ ngày hoà bình được lập lại, miền Bắc nước ta tiến lên làm nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong khi đó chúng ta vẫn phải hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà.

Hội nghị Trung ương lần thứ 14 đã chỉ rõ:

"Lực lượng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc hiện nay đã mạnh hơn hẳn lực lượng tư bản chủ nghĩa; nhưng vấn đề ai thắng ai giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản vẫn chưa được giải quyết. Do đó, nhiệm vụ cơ bản của chúng ta ở miền Bắc là phải đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm trước mắt là đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh, đồng thời, phải ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, là lực lượng lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Trong khi tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội phải kiên quyết đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của bọn phản cách mạng".

Hiện nay, quần chúng nông dân yêu cầu tổ chức hợp tác xã, nhưng một số cán bộ, đảng viên vẫn chưa thấy hết tầm quan trọng của công cuộc hợp tác hoá nông nghiệp đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của ta hiện nay, chưa đánh giá đúng yêu cầu của nông dân, cho nên vẫn chưa nhận rõ trách nhiệm của mình trong việc lãnh đạo nông dân đi vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp. Một số nông dân lao động vẫn theo đuổi con đường làm giàu riêng lẻ theo kiểu phú nông, chưa nhận rõ hiện nay hợp tác hoá nông nghiệp là con đường duy nhất mang lại tự do, hạnh phúc thật sự cho mình. Trong các tầng lớp nhân dân khác, nhiều người cũng chưa nhận rõ hợp tác hoá nông nghiệp quan hệ mật thiết đến sự nghiệp củng cố và xây dựng miền Bắc và sự nghiệp đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà như thế nào. Cho nên cần thống nhất nhận định trong toàn Đảng và toàn dân về sự cần thiết vì tính chất cấp bách của hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc nước ta hiện nay.

Vì sao phải tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp? Vì những lý do có liên quan mật thiết với nhau như dưới đây:

Trước hết là do yêu cầu *phát triển sản xuất, cải thiện đời sống* của nông dân. Sau cải cách ruộng đất, đời sống của nông dân lao động miền Bắc nước ta đã được cải thiện một bước. Nền nông nghiệp của ta có nhiều thuận lợi: có thể trồng nhiều vụ, có thể vừa phát triển cây lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi, làm nghề cá, nghề phụ gia đình, v.v.. Nhưng ở miền Bắc nước ta ruộng ít, người nhiều, do sự thống trị lâu ngày của đế quốc và phong kiến, kỹ thuật canh tác lạc hậu; nông nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên; mùa màng thường bị thiên tai uy hiếp, vì vậy năng suất còn thấp. Trong thời gian vừa qua, ta có vận động cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất, nhưng vì lực lượng kinh tế yếu, bản nông và

trung nông lớp dưới rất khó thực hiện. Nếu cứ để tình trạng sản xuất riêng lẻ, làm ăn phân tán thì nông dân lao động không thể thoát khỏi cảnh nghèo khổ. Vì vậy chỉ có tổ chức nông dân lại, thực hiện hợp tác hoá nông nghiệp, đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể mới đẩy mạnh được sản xuất và cải thiện đời sống hơn nữa.

Mặt khác, nông dân là những người lao động, đồng thời cũng là những người tư hữu. Là người lao động, nông dân có nhiều khả năng cùng giai cấp công nhân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Là người tư hữu, nông dân có tính tự phát tư bản chủ nghĩa. Tính chất lao động của nông dân là chủ yếu; nhưng sau cải cách ruộng đất, nếu Đảng ta chậm giáo dục và tổ chức nông dân vào hợp tác xã thì khuynh hướng tư bản chủ nghĩa tự phát trong nông dân sẽ phát triển. Khi đó một số nông dân tham gia bóc lột làm giàu sẽ xa ta, còn đại đa số nông dân bản cùng, sa sút sẽ oán ta, khối liên minh công nông sẽ bị lỏng lẻo. Cho nên hợp tác hoá nông nghiệp chẳng những cần thiết để phát triển nông nghiệp, không ngừng cải thiện đời sống cho nông dân mà còn cần thiết để củng cố khối liên minh công nông trên một cơ sở mới.

Nhiệm vụ trung tâm của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Hợp tác hoá nông nghiệp sẽ đẩy mạnh nông nghiệp phát triển. Nông nghiệp phát triển sẽ cung cấp đầy đủ lương thực cho các thành thị và khu công nghiệp, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và cho xuất khẩu. Công nghiệp phát triển sẽ thoả mãn yêu cầu của nông dân về công nghiệp phẩm cần dùng cho đời sống hằng ngày cũng như về nông cụ cải tiến, phân hoá học và sau này về máy móc nông nghiệp. Nếu chậm hợp tác hoá nông nghiệp thì công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa sẽ gặp khó khăn.

Miền Bắc nước ta phải tiến lên chủ nghĩa xã hội với hai chân vững mạnh: công nghiệp xã hội chủ nghĩa và nông nghiệp hợp tác hoá. Công nghiệp xã hội chủ nghĩa nước ta phát triển mỗi ngày một nhanh, theo nguyên tắc tái sản xuất mở rộng. Còn kinh tế tiểu nông thì phát triển chậm và không phải năm nào cũng tái sản xuất mở rộng và vụ nào cũng tái sản xuất đơn giản được. Công nghiệp xã hội chủ nghĩa sản xuất tập trung và có kế hoạch chặt chẽ; kinh tế tiểu nông phân tán, bấp bênh, thường chịu ảnh hưởng nặng của thị trường và bị phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Vì vậy phải hợp tác hoá nông nghiệp.

Chế độ tiểu nông hàng ngày hàng giờ sinh ra chủ nghĩa tư bản. Giai cấp tư sản thành thị lại thường quan hệ với nông dân riêng lẻ để buôn bán đầu cơ, gây khó khăn cho việc quản lý thị trường và thực hiện kế hoạch thu mua nông sản phẩm của Nhà nước. Hợp tác hoá nông nghiệp biến chế độ sở hữu cá thể của nông dân thành chế độ sở hữu tập thể và sẽ cắt đứt mối quan hệ giữa tư sản thành thị với nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc cải tạo công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa và đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta.

Nông nghiệp hợp tác hoá chẳng những nâng cao đời sống vật chất mà còn nâng cao đời sống văn hoá của nông dân, tạo điều kiện cho cách mạng văn hoá phát triển thuận lợi. Đồng thời nông thôn hợp tác hoá sẽ cổ vũ nông dân hăng hái xây dựng dân quân, du kích và lực lượng hậu bị ở địa phương, góp phần củng cố miền Bắc, củng cố quốc phòng.

Hiện nay, nước nhà đang bị tạm thời chia làm hai miền. Miền Bắc là căn cứ địa cách mạng chung cho cả nước, là cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất

Tổ quốc. Hợp tác hoá nông nghiệp thắng lợi sẽ thực hiện được đời sống mới ở nông thôn và cổ vũ mạnh mẽ đồng bào nông dân ở miền Nam ra sức đấu tranh chống Mỹ - Diệm, để đẩy mạnh sự nghiệp thống nhất nước nhà.

Vì những lý do kể trên, *hiện nay hợp tác hoá nông nghiệp là cái khâu chính trong toàn bộ sợi dây chuyền cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta, đồng thời góp phần quan trọng đẩy mạnh cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất Tổ quốc.*

Chúng ta tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp trong những điều kiện như sau:

a) Nông dân nước ta vốn bị đế quốc phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề, cho nên sẵn có tinh thần cách mạng. Do Đảng ta lãnh đạo, nông dân miền Bắc nước ta đã đánh đổ được đế quốc và phong kiến, giành được độc lập dân tộc và thực hiện được khẩu hiệu "Người cày có ruộng", cho nên họ rất tin tưởng ở Đảng. Sau cải cách ruộng đất, nông dân yêu cầu phát triển sản xuất, cải thiện đời sống thêm một bước. Kinh nghiệm đổi công hợp tác mấy năm nay đã chỉ cho nông dân thấy rõ tính hơn hẳn của lối làm ăn tập thể. Vì vậy ta có nhiều khả năng thuyết phục và đưa nông dân tiến mau vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp

b) Cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp của ta tiến hành trong điều kiện một nước nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp chưa phát triển mấy và chưa đủ sức cung cấp máy móc cần thiết cho nông nghiệp. Nhưng vì tỷ lệ bình quân chiếm hữu ruộng đất của mỗi nhân khẩu nông hộ tương đối thấp, cho nên nông dân lao động, nhất là bản nông và trung nông lớp dưới, nhận thấy cần phải tổ chức nhau lại để lao động tập thể, cải tiến kỹ thuật và tăng năng suất trong điều kiện chưa cơ giới hoá nông nghiệp.

c) Cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp của ta tiến hành trong điều kiện ở miền Bắc nước ta, lực lượng xã hội chủ nghĩa ở thành thị cũng như ở nông thôn đang phát triển mạnh và dần dần chiếm ưu thế, tầng lớp phú nông nhỏ bé. Đó là những thuận lợi. Tuy vậy, vẫn không thể đánh giá thấp những khó khăn, như khuynh hướng tư bản chủ nghĩa tự phát trong nông dân, bản chất đối lập của phú nông, sự chống đối của những phần tử địa chủ ngoan cố, sự phá hoại của bọn phản cách mạng, tay sai của đế quốc và của Ngô Đình Diệm.

d) Ta đã hoàn thành cải cách ruộng đất ở đồng bằng và trung du từ lâu, nhưng chưa hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi. Vì vậy ở miền núi phải vận động hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ.

đ) Cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp ở ta tiến hành trong điều kiện các nước trong phe ta đi trước và đã thu được nhiều thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung và trong công cuộc hợp tác hoá nông nghiệp nói riêng. Những kinh nghiệm hợp tác hoá và phát triển nông nghiệp ở các nước anh em, nhất là của Trung Quốc, rất bổ ích cho ta; ta cần ra sức học tập một cách có sáng tạo.

Căn cứ vào những điều kiện trên đây, chúng ta có thể kết luận như sau: chúng ta cần và có thể tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp trong điều kiện chưa cơ giới hoá nông nghiệp; cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp phải kết hợp chặt chẽ với vận động cải tiến kỹ thuật và tăng năng suất.

Trong nông thôn miền Bắc nước ta hiện nay có những *mâu thuẫn lớn* dưới đây:

Trước hết là mâu thuẫn giữa hợp tác hoá nông nghiệp và những thế lực ngăn cản nó. Mâu thuẫn này thể hiện chủ yếu

mâu thuẫn giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp, giữa tập thể và cá thể, giữa lao động và bóc lột, và xét cho cùng cũng là mâu thuẫn giữa sức sản xuất và quan hệ sản xuất; nó cũng thể hiện mâu thuẫn giữa nông dân lao động đang đi vào con đường hợp tác hoá với bọn phản cách mạng còn lẩn lút ở miền Bắc đang tìm mọi cách phá hoại cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp.

Hai là mâu thuẫn giữa yêu cầu tăng năng suất cao và trình độ kỹ thuật lạc hậu, vì ở nước ta, nông dân quen dùng những công cụ sản xuất và áp dụng những phương pháp canh tác từ hàng mấy thế kỷ trước để lại. Đó chính là một trở lực lớn nữa cho việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp.

Hợp tác hoá nông nghiệp là một cuộc cách mạng nhằm giải quyết thắng lợi những mâu thuẫn lớn nói trên. Tuy vậy, hiện nay việc cải tạo quan hệ sản xuất cá thể thành quan hệ sản xuất tập thể trong nông nghiệp là quan trọng và cấp bách nhất.

Song nói như thế không có nghĩa là cải tạo quan hệ sản xuất xong xuôi rồi mới cải tiến kỹ thuật. Việc áp dụng kinh nghiệm cải tiến kỹ thuật của Trung Quốc trong vụ mùa năm 1958 và trong vụ sản xuất đông - xuân vừa qua đã thúc đẩy nông dân miền Bắc nước ta hăng hái đi vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp. Những hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã thành lập cần dùng nhiều biện pháp để nâng cao sức sản xuất nông nghiệp, như mạnh dạn dùng nông cụ cải tiến và cải tiến kỹ thuật canh tác (đủ nước, nhiều phân, cày sâu, bừa kỹ, cấy dày, v.v.). Hợp tác xã cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất và do đó tăng thu nhập của xã viên càng củng cố thêm quan hệ sản xuất mới, đồng thời làm gương tốt để thúc đẩy nông dân riêng lẻ đi vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp.

Cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp phải kết hợp nhiệm vụ cải tạo quan hệ sản xuất với nhiệm vụ cải tiến kỹ thuật. Về phương hướng và nhiệm vụ lâu dài, phải *chuẩn bị tiến tới* cung cấp những máy móc nông nghiệp cho các hợp tác xã, thực hiện cách mạng kỹ thuật một cách căn bản: cơ giới hoá và điện khí hoá nông nghiệp.

III

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH CƠ BẢN ĐỂ TIẾN HÀNH HỢP TÁC HOÁ NÔNG NGHIỆP Ở MIỀN BẮC NƯỚC TA

Hợp tác hoá nông nghiệp là một cuộc vận động cách mạng hoà bình nhưng sâu sắc và triệt để nhất ở nông thôn nước ta. Nội dung cuộc cách mạng đó bao gồm ba mặt: cải tạo quan hệ sản xuất, cải tiến kỹ thuật và giáo dục tư tưởng. Ba mặt ấy gắn liền với nhau, thúc đẩy nhau phát triển, trong đó cải tạo quan hệ sản xuất là nhiệm vụ chủ yếu trước mắt phải giải quyết kết hợp với cải tiến kỹ thuật; khi tiến hành những cuộc vận động ấy, phải đặc biệt coi trọng công tác giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nông dân, vì đó là tiền đề bảo đảm thắng lợi cho toàn bộ cuộc vận động.

Để tiến hành tốt cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, Hội nghị Trung ương lần thứ 16 quy định những điều cơ bản dưới đây":

1. *Mục đích, yêu cầu* của cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp

Hợp tác hoá nông nghiệp phải đạt mục đích, yêu cầu như sau:

a) Cải tạo quan hệ sản xuất cá thể ở nông thôn, xây dựng

quan hệ sản xuất tập thể, xoá bỏ sự bóc lột kinh tế của phú nông, đem chế độ sở hữu tập thể của nông dân lao động thay thế dần cho chế độ sở hữu cá thể về những tư liệu sản xuất chủ yếu, vĩnh viễn xoá bỏ giai cấp bóc lột và chế độ người bóc lột người ở nông thôn. Trên cơ sở lao động tập thể và kỹ thuật cải tiến từ thấp đến cao mà đẩy mạnh phát triển nông nghiệp và mọi mặt sản xuất khác ở nông thôn, đồng thời tạo điều kiện để đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nước nhà; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nông dân, làm cho nông dân ăn no, mặc ấm, ở tốt, có sức khoẻ, có văn hoá.

b) Tăng cường đoàn kết nông thôn, củng cố khối liên minh công nông, củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất và chính quyền dân chủ nhân dân, củng cố dân quân và xây dựng lực lượng hậu bị, củng cố nền chuyên chính dân chủ nhân dân.

c) Nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của cán bộ, đảng viên và đoàn viên, giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa cho quần chúng nông dân, củng cố và phát triển Đảng và Đoàn Thanh niên Lao động, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở nông thôn.

d) Góp phần vào sự nghiệp củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà.

2. *Đường lối giai cấp của Đảng* trong cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp

Trong cả quá trình vận động hợp tác hoá nông nghiệp, phải theo đúng đường lối giai cấp dưới đây:

Dựa hẳn vào bản nông và trung nông lớp dưới, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, hạn chế đi đến xoá bỏ sự bóc lột kinh

tế của phú nông, cải tạo tư tưởng phú nông, ngăn ngừa địa chủ bóc lột, tiếp tục mở đường cho địa chủ lao động cải tạo thành con người mới; kiên quyết đưa nông dân vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Phải dựa hẳn vào bản nông và trung nông lớp dưới (cả cũ và mới), vì ở nông thôn họ là những người nghèo khổ nhất, kiên quyết cách mạng nhất và chiếm số đông trong nông dân nông nghiệp. Đó là lực lượng nòng cốt của cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp. Muốn dựa vào bản nông và trung nông lớp dưới, trước hết phải chăm lo đến quyền lợi của họ, giải quyết thoả đáng những yêu cầu và nguyện vọng của họ, giúp đỡ họ bằng mọi cách để giải quyết những khó khăn trong sản xuất và trong đời sống, khi mới lập hợp tác xã, trước hết phải tổ chức những phần tử tích cực trong bản nông và trung nông lớp dưới, xây dựng lực lượng nòng cốt của bản nông và trung nông lớp dưới rồi mới kết nạp những trung nông khác tự nguyện xin vào hợp tác xã. Trong Ban quản trị và Ban kiểm soát của hợp tác xã phải bảo đảm tỷ lệ ít nhất là 2 phần 3 bản nông và trung nông lớp dưới. Những chức vụ chính như chủ nhiệm hợp tác xã, trưởng ban kiểm soát, đội trưởng sản xuất, phụ trách kế toán, nói chung phải là những người tích cực nhất trong bản nông và trung nông lớp dưới. Muốn dựa vào bản nông và trung nông lớp dưới, phải tin rằng họ có khả năng đóng vai trò cốt cán của phong trào.

Trên cơ sở dựa hẳn vào bản nông và trung nông lớp dưới, *phải đoàn kết chặt chẽ với trung nông*, vì trung nông là bạn đồng minh lâu dài của giai cấp công nhân. Trung nông tích cực lao động và hăng hái tham gia đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng từ mấy chục năm nay. Nhưng do cơ sở kinh tế và điều kiện sinh hoạt tương đối khá hơn bản nông,

cho nên trong phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, trừ một số trung nông hăng hái, tự nguyện tham gia hợp tác xã ngay từ đầu, còn phần đông trung nông, nhất là trung nông lớp trên, có thái độ do dự, chờ đợi. Vì vậy, phải chú trọng giáo dục, thuyết phục trung nông để họ tự giác, tự nguyện gia nhập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Trong khi họ còn đắn đo, suy nghĩ, ta phải kiên nhẫn chờ đợi họ, dùng kết quả về tăng năng suất, tăng thu nhập của hợp tác xã để thuyết phục họ. Khi họ vào hợp tác xã, phải chiếu cố thích đáng quyền lợi của họ, giải quyết hợp lý những ruộng đất, trâu bò, nông cụ mà họ đưa vào hợp tác xã. Đối với khuynh hướng tư bản chủ nghĩa tự phát của trung nông lớp trên phải phê bình, nhưng tuyệt đối không dùng biện pháp mệnh lệnh, cưỡng bách hoặc đả kích. Khi mới xây dựng hợp tác xã, nói chung chưa nên kết nạp trung nông lớp trên ngay từ đầu, vì điều kiện sinh hoạt của họ thường làm cho họ chậm nhận rõ lợi ích của lối làm ăn tập thể và tính hơn hằn của hợp tác xã. Đến khi hợp tác xã đã tương đối được củng cố thì tùy theo yêu cầu và thái độ của từng trung nông lớp trên mà kết nạp dần. Trừ trường hợp cá biệt có trung nông lớp trên đã được thử thách, hoạt động tích cực và tha thiết với hợp tác xã thì có thể kết nạp ngay khi mới xây dựng hợp tác xã, nhưng nói chung không nên bầu vào Ban quản trị hợp tác xã.

Dựa hẳn vào bản nông và trung nông lớp dưới, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, đó là hai mặt không thể tách rời của đường lối giai cấp của Đảng trong cả quá trình xây dựng, phát triển và củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

- *Đối với phú nông*, lúc đầu, không kết nạp họ vào hợp tác xã, kể cả những phú nông đã thay đổi thành phần. Khi phong trào hợp tác hoá nông nghiệp đã vững mạnh, hầu hết

bản nông và trung nông trong xã hội đã gia nhập hợp tác xã thì đối với những phú nông đã thay đổi thành phần và có thái độ tốt, được các xã viên đồng ý, có thể kết nạp làm xã viên dự bị, sau này tùy theo thái độ của họ mà cho chuyển thành xã viên chính thức, nhưng không giao cho họ trách nhiệm lãnh đạo. Đối với phú nông chưa được thay đổi thành phần, nhất thiết không được kết nạp vào hợp tác xã; nhưng đến khi cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp căn bản hoàn thành ở địa phương, thì có thể cho họ vào lao động cải tạo trong hợp tác xã¹⁾. Khi nào họ được thay đổi thành phần rồi thì tùy theo thái độ của từng người mà kết nạp vào hợp tác xã, cho làm xã viên dự bị, rồi sau người nào có đủ điều kiện cũng có thể trở thành xã viên chính thức.

Đối với địa chủ đã hoặc chưa được thay đổi thành phần, đều không được kết nạp vào hợp tác xã khi mới xây dựng. Sau này khi phong trào hợp tác hoá nông nghiệp phát triển và được củng cố, có thể kết nạp từng địa chủ đã thay đổi thành phần và chịu lao động cải tạo làm xã viên dự bị và người nào tốt cũng sẽ được chuyển thành xã viên chính thức. Những địa chủ chưa được thay đổi thành phần thì nhất thiết không kết nạp, nhưng đến khi cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp đã căn bản hoàn thành ở địa phương thì có thể cho họ vào lao động cải tạo trong hợp tác xã và sau cùng người nào có thái độ tốt và đã được thay đổi thành phần cũng có thể được kết nạp vào hợp tác xã như đã nói trên.

1) Góp tư liệu sản xuất vào hợp tác xã, chịu sự quản lý lao động của hợp tác xã, được bình công chấm điểm và khi hợp tác xã còn ở bậc thấp cũng được chia hoa lợi cho ruộng đất, nhưng không có quyền như một xã viên.

Nơi nào hiện nay đã đưa những phú nông, địa chủ đã được thay đổi thành phần vào hợp tác xã sản xuất nông nghiệp thì xử lý như sau: người nào vẫn làm đúng nghĩa vụ của xã viên thì cứ để họ trong hợp tác xã và tiếp tục giáo dục cải tạo họ, nhưng tuyệt đối không giao cho họ những trách nhiệm lãnh đạo; người nào tỏ thái độ không tốt, gây khó khăn cho công tác của hợp tác xã thì kiên quyết đưa ra khỏi hợp tác xã.

Nơi nào đã kết nạp nhầm những phú nông, địa chủ chưa được thay đổi thành phần vào hợp tác xã thì phân biệt xử lý như sau: xét ai đáng được thay đổi thành phần thì chính quyền cần tuyên bố cho họ biết và tùy theo thái độ của họ mà xử lý như trên; ai không được chiếu cố cho thay đổi thành phần trước thời hạn đã quy định thì phải kiên quyết đưa ra khỏi hợp tác xã.

Đối với *con phú nông và con địa chủ* chưa tham gia bóc lột, còn ở chung với cha mẹ, tuy về chính trị ta không coi họ như cha mẹ họ, nhưng khi mới xây dựng hợp tác xã cũng chưa nên kết nạp họ. Trong trường hợp họ ra ở riêng thành một hộ nông dân lao động và có thái độ tốt, đủ điều kiện làm một xã viên thì có thể kết nạp nếu họ yêu cầu và đại hội xã viên, hoặc đại hội đại biểu xã viên đồng ý.

Đối với những *phần tử xấu, lưu manh, những người có nhiều tội ác cũ*, bị nhân dân oán ghét thì bất kỳ thuộc thành phần nào và mặc dù hiện nay họ không có hành động gì chống đối lại, lúc đầu chưa nên kết nạp vào hợp tác xã. Khi phong trào hợp tác hoá nông nghiệp đã lan rộng và được củng cố thì tùy theo trường hợp cụ thể của từng người, đủ điều kiện làm một xã viên thì có thể kết nạp nếu họ yêu cầu và đại hội xã viên hoặc đại hội đại biểu xã viên đồng ý.

Nơi nào hiện nay đã kết nạp họ vào hợp tác xã, nếu họ giữ thái độ tốt, tuân theo kỷ luật của hợp tác xã thì vẫn để làm xã viên nhưng không giao cho trách nhiệm lãnh đạo. Người nào không tuân theo kỷ luật của hợp tác xã và gây khó khăn cho tổ chức thì phải khai trừ.

Đối với *những người thuộc thành phần nông dân lao động đã mất quyền công dân*, nhất thiết không được kết nạp vào hợp tác xã, nhưng gia đình họ nếu đủ điều kiện vẫn được tham gia hợp tác xã và những người mất quyền công dân cũng được phân công lao động trong hợp tác xã nhưng không được coi là xã viên.

Về *thành phần giai cấp* ở nông thôn hiện nay, nói chung vẫn dựa theo thành phần đã quy định trong sửa sai, nhưng trong khi lựa chọn người giữ trách nhiệm lãnh đạo hợp tác xã, chi uỷ phải căn cứ vào cơ sở kinh tế, điều kiện sinh hoạt và nhất là thái độ chính trị của từng người từ sau cải cách ruộng đất và sửa sai đến nay mà xét và quyết định theo đúng đường lối giai cấp của Đảng, bảo đảm cho hợp tác xã hoạt động tốt.

Đối với miền núi chưa qua phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất và miền biển, sẽ có quy định cụ thể thêm về đường lối giai cấp.

3. Phương châm tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp

Công tác vận động hợp tác hoá nông nghiệp phải theo đúng phương châm dưới đây:

Tích cực lãnh đạo, vững bước tiến lên; quy hoạch về mọi mặt, sát với từng vùng; làm tốt, vững và gọn.

Tích cực lãnh đạo là nắm vững lãnh đạo phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, không buông trôi, thả lỏng để cho phong trào tự phát, cũng như không kìm hãm phong trào;

trái lại, phải theo sát phong trào, tạo điều kiện đưa phong trào tiến lên.

Vững bước tiến lên là đưa phong trào lên một cách vững chắc, vừa phát triển vừa củng cố phong trào, vừa coi trọng chất lượng vừa coi trọng số lượng của hợp tác xã.

Quy hoạch về mọi mặt là phải căn cứ vào tình hình và điều kiện cụ thể của địa phương mà định ra kế hoạch phát triển bao gồm phạm vi, mức độ và từng bước tiến hành xây dựng và củng cố hợp tác xã, thích hợp với thời vụ từng năm.

Sát với từng vùng là khi quy hoạch phải chú ý đến đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể từng nơi phong trào mạnh hoặc yếu và từng vùng khác nhau như miền xuôi, miền ngược, miền biển, v.v..

Do tất cả những mặt kể trên làm được tốt, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp sẽ được phát triển và củng cố đều; cuộc vận động được tiến hành vừa tốt, vững, lại vừa gọn, tốt và vững là chủ yếu, nhưng không chậm rãi, lê mê.

4. Nguyên tắc xây dựng hợp tác xã

Ba nguyên tắc dưới đây cần được quán triệt và chấp hành nghiêm chỉnh trong suốt quá trình xây dựng và củng cố hợp tác xã:

Tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ

Nhất thiết không được dùng lối cưỡng ép, mệnh lệnh dưới bất cứ một hình thức nào để buộc nông dân vào hợp tác xã, khi họ chưa tự giác, tự nguyện. Khi đã tổ chức hợp tác xã, nếu có người muốn ra, ta đã giải thích mà họ cứ xin ra thì để họ ra, không gò ép họ ở lại, nếu sau này họ lại xin vào cũng sẵn sàng kết nạp. Điều cốt yếu là phải quản lý tốt hợp tác xã, làm cho thu nhập của xã viên trội hơn thu nhập của nông dân riêng lẻ và của tổ đổi công, do đó củng cố được phong

trào hợp tác xã và phát huy ảnh hưởng đối với những người chưa vào hợp tác xã.

Đối với những tư liệu sản xuất của xã viên đưa vào hợp tác xã cũng như khi sắp xếp công việc, bình công chấm điểm, chia hoa lợi, v.v. phải giải quyết hợp lý quan hệ giữa lợi ích chung của hợp tác xã với lợi ích riêng của từng xã viên theo nguyên tắc lợi cho đoàn kết, lợi cho sản xuất.

Trong việc quản lý về ba mặt lao động, sản xuất và tài vụ cũng như trong các việc khác quan hệ đến lợi ích chung của hợp tác xã, đều phải bàn bạc một cách dân chủ và do tập thể xã viên quyết định. Ban quản trị hợp tác xã phải định kỳ báo cáo công tác cho toàn thể xã viên. Cán bộ hợp tác xã phải chí công vô tư, theo đúng tác phong dân chủ, có việc phải bàn với tập thể, không được độc đoán, mệnh lệnh.

5. Một số chính sách cụ thể về hợp tác xã sản xuất nông nghiệp

Để xây dựng và phát triển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, cần quy định một số chính sách cụ thể nhằm giải quyết đúng đắn quan hệ giữa xã viên và hợp tác xã, bảo đảm đoàn kết nội bộ hợp tác xã và khuyến khích tăng gia sản xuất. Những chính sách cụ thể đó phải căn cứ vào đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn, kết hợp lợi ích của tập thể với lợi ích của từng xã viên, kết hợp lợi ích hợp tác xã với lợi ích chung của Nhà nước, đồng thời cũng phải thích hợp với từng bước phát triển của phong trào.

a) Đối với ruộng đất của xã viên

Ruộng đất của xã viên, về nguyên tắc phải đưa toàn bộ vào hợp tác xã và thống nhất sử dụng. Nhưng để chiếu cố sinh hoạt riêng của xã viên và để họ sử dụng được sức lao động trong lúc nhàn rỗi, cần để lại cho mỗi xã viên một số đất

không quá 5% diện tích bình quân của mỗi người trong xã để họ trồng rau, trồng cây ăn quả, chăn nuôi, v.v..

Đối với những loại đất đai như vườn cây ăn quả, ao cá, đồi và vườn trồng cây công nghiệp lưu niên, v.v., trừ những cây cối lẻ tẻ và ao cá nhỏ vẫn để cho xã viên sử dụng riêng, còn những vườn cây ăn quả và đồi hoặc vườn cây công nghiệp cần nhiều sức lao động chăm sóc và những ao cá lớn nên giao cho hợp tác xã thống nhất kinh doanh. Nhưng lúc đầu nếu hợp tác xã chưa có kinh nghiệm săn sóc những thứ cây đặc biệt và chưa tổ chức kinh doanh được tốt, hoặc xã viên chưa tự nguyện đưa vào hợp tác xã thì có thể vẫn để xã viên kinh doanh và sử dụng riêng.

Ruộng đất tôn giáo vẫn để cho Nhà chung, Nhà chùa sử dụng như cũ. Trong trường hợp đại đa số nông dân trong xã đã vào hợp tác xã, không có người làm ruộng cho Nhà chung, Nhà chùa, nếu quần chúng tôn giáo yêu cầu thì hợp tác xã có thể nhận làm số ruộng đó và trích một phần hoa lợi ruộng đất của tôn giáo để dùng vào việc thờ cúng. Tỷ lệ hoa lợi trích dùng vào việc thờ cúng do quần chúng tôn giáo bàn bạc và quyết định. Nếu quần chúng tôn giáo không muốn đưa số ruộng đất của Nhà chung, Nhà chùa vào hợp tác xã thì hợp tác xã có thể dành cho các xã viên là tín đồ tôn giáo một số ngày công nhất định để làm số ruộng đó.

Đối với ruộng đất của đồng bào bị cưỡng ép di cư vào Nam (không kể những ruộng đất của địa chủ đã chia cho nông dân) nay giải quyết theo mấy trường hợp như dưới đây:

- Ruộng đồng bào đi Nam giao cho cha mẹ, vợ con, anh em, chú bác ruột làm, nay những người này vào hợp tác xã thì ruộng đó được coi như ruộng tư của họ và khi hợp tác xã

còn ở bậc thấp họ được hưởng phần hoa lợi chia cho ruộng đất đó.

- Ruộng đồng bào đi Nam do nông dân tự nhận làm hoặc chính quyền giao cho làm, nay những người làm ruộng đó vào hợp tác xã thì lúc hợp tác xã còn ở bậc thấp họ cũng được chiếu cố cho hưởng phần hoa lợi chia cho ruộng đất. Nếu người làm ruộng đó là bần nông hoặc trung nông lớp dưới, chủ yếu phải sống nhờ vào ruộng đó thì được hưởng tỷ lệ hoa lợi chia cho ruộng đất như ruộng tư của mình; nếu người làm ruộng đó đã có ruộng đất khác đủ sống thì chỉ chiếu cố cho hưởng một phần hoa lợi thấp hơn do hợp tác xã bàn bạc với họ mà định ra.

- Đối với những ruộng đồng bào đi Nam từ trước vẫn trích một phần nhỏ hoa lợi dành riêng để trả cho người đi Nam khi họ trở về, nay vẫn không có gì thay đổi, và hợp tác xã chịu trách nhiệm quản lý số hoa lợi để dành riêng đó.

Nói chung, đối với ruộng đất đồng bào đi Nam, dù giao cho bà con ruột thịt làm hoặc nông dân khác làm, nay những người đó vào hợp tác xã thì quyền sở hữu ruộng đất đó vẫn là của đồng bào đi Nam, hợp tác xã chỉ sử dụng khi nào đồng bào trở về sẽ trả lại.

b) *Việc phân phối hoa lợi*

Khi hợp tác xã còn ở bậc thấp, những ruộng đất đưa vào hợp tác xã vẫn thuộc quyền sở hữu của xã viên và xã viên được hưởng một phần hoa lợi nhất định về ruộng đất ấy. *Phần hoa lợi chia cho ruộng đất phải thấp hơn phần chia cho lao động.* Mức hoa lợi chia cho ruộng đất nói chung nên từ 25% đến 30% sản lượng bình vào hợp tác xã. Trừ trường hợp đặc biệt như ruộng xa và xấu, hoặc địa phương đó ruộng nhiều, người ít thì có thể định tỷ lệ hoa lợi chia cho ruộng đất

thấp hơn mức quy định trên, nhưng phải được đại hội xã viên đồng ý.

Nơi nào làm sai điều quy định trên đây thì phải kiên quyết sửa chữa.

c) *Đối với những xã viên thiếu sức lao động và đối với cán bộ hợp tác xã sản xuất nông nghiệp*

Đối với những hộ xã viên thiếu sức lao động, nhất là những gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, gia đình bộ đội neo người, ông già, bà goá, trẻ mồ côi, v.v. khi hợp tác xã còn ở bậc thấp, có thể chiếu cố bằng cách chia hoa lợi cho ruộng đất của họ hơn một chút và phân công cho họ những việc thích hợp, bảo đảm công, điểm của họ không dưới công, điểm của một hộ xã viên trung bình để cho mức sống của họ không bị sút kém.

Đối với cán bộ hợp tác xã nông nghiệp như chủ nhiệm, kế toán viên, v.v. thì tùy theo điều kiện từng người, hợp tác xã định cho họ tham gia một số ngày công nhất định và phụ cấp thêm cho họ một số ngày công nữa (vì họ phải làm việc công của hợp tác xã), bảo đảm tổng số ngày công của họ ngang với số ngày công của một xã viên khá hoặc trung bình.

d) *Đối với trâu bò và nông cụ của xã viên*

Trâu bò của xã viên nói chung đều đưa vào hợp tác xã, do hợp tác xã thống nhất sử dụng. Khi hợp tác xã còn ở bậc thấp, tùy theo điều kiện cụ thể của mỗi nơi, có thể giải quyết vấn đề trâu bò theo mấy cách như sau: hợp tác xã thuê dùng, xã viên vẫn chăn nuôi và chăm sóc như trước; hoặc hợp tác xã thuê và chịu trách nhiệm chăn nuôi; hoặc hợp tác xã mua hẳn và trả dần cho xã viên có trâu bò. Giá thuê và mua trâu bò theo giá trung bình ở địa phương. Dù giải quyết vấn đề trâu bò bằng cách nào cũng phải đặc biệt

chú ý chăm sóc trâu bò cho tốt, và tuyệt đối không nên bắt trâu bò làm quá sức.

Những nông cụ quan trọng như cày, bừa, guồng nước, máy tuốt lúa, v.v. cũng giải quyết theo mấy cách thuê hoặc mua như đối với trâu bò. Còn nông cụ nhỏ thì lúc đầu hợp tác xã không thống nhất quản lý.

đ) *Vấn đề tích lũy vốn và tiền cổ phần của xã viên*

Để củng cố nền tảng kinh tế của hợp tác xã phải dựa vào hai hình thức chủ yếu là vốn tích lũy chung và tiền cổ phần của xã viên.

Tích lũy vốn càng nhiều, sản xuất càng phát triển. Nhưng trong thời gian đầu, tỷ lệ trích để vào các quỹ không nên quá cao, vì như thế sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của xã viên. Nói chung, quỹ tích lũy nên vào khoảng 5% và quỹ công ích (văn hoá, xã hội) nên vào khoảng 1% số thu hoạch thực tế. Sau này sản xuất phát triển, thu nhập của xã viên được nâng cao, tỷ lệ tích lũy vốn có thể tăng dần. (Trừ những nơi hợp tác xã kinh doanh nhiều mặt, trồng nhiều cây công nghiệp hoặc xã viên làm nghề phụ gia đình nhiều thì có thể định tỷ lệ trích để vào quỹ cao hơn).

Tiền cổ phần của xã viên nên quy định vừa phải, hợp với khả năng đóng góp của mọi người. Đối với những xã viên nghèo, không đủ tiền đóng cổ phần thì vận động các xã viên khác giúp đỡ, nếu không đủ thì Nhà nước cho vay; nhưng phải tránh gây cho xã viên tư tưởng ỷ lại vào Nhà nước.

Cần vận động thực hiện khẩu hiệu cần kiệm xây dựng hợp tác xã, chống lãng phí, chống hình thức chủ nghĩa.

6. *Bước đi của phong trào hợp tác hoá nông nghiệp*

Trong thời gian đầu, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp mới phát triển, nói chung nên đi từ thấp đến cao, qua ba

bước: tổ đổi công, hợp tác xã bậc thấp và hợp tác xã bậc cao, để cho nông dân lao động quen dần với lối làm ăn tập thể, đồng thời cũng thích hợp với trình độ quản lý của cán bộ hợp tác xã. Sau này khi đã thành cao trào hợp tác hoá nông nghiệp thì có thể đưa nông dân từ tổ đổi công lên hợp tác xã bậc cao hoặc tổ chức ngay những nông hộ còn làm ăn riêng lẻ vào hợp tác xã bậc thấp hay bậc cao, không nhất định phải tuân tự theo ba bước.

Những điều kiện cần phải có để xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp là:

- Cơ sở tổ đổi công khá (khi mới xây dựng ít nhất phải có một tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm làm cơ sở);
- Quần chúng nông dân lao động thật sự yêu cầu;
- Có cốt cán lãnh đạo (có đảng viên tham gia hợp tác xã làm nòng cốt, chi uỷ trực tiếp lãnh đạo; ở những nơi chưa có sơ sở đảng thì phải có cốt cán là bần nông và trung nông lớp dưới lãnh đạo, đồng thời phải chú trọng xây dựng cơ sở đảng ở đó).

Tuy vậy, nơi nào đã xây dựng được một số hợp tác xã thật tốt, phong trào quần chúng lên mạnh, cán bộ đã có kinh nghiệm lãnh đạo thì có thể kết nạp thẳng vào hợp tác xã những nông dân lao động chưa từng vào tổ đổi công.

Việc chuyển hợp tác xã từ bậc thấp lên bậc cao phải căn cứ vào yêu cầu khách quan của phong trào và nói chung cần có những điều kiện như sau:

- Năng suất của hợp tác xã được nâng cao, phần chia cho lao động đã được tăng lên khá nhiều và những xã viên già, yếu, ít sức lao động cũng được bảo đảm về đời sống;

- Việc giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa cho xã viên làm được tốt, nâng cao được ý thức đoàn kết, giúp nhau giữa các xã viên;

- Việc quản lý hợp tác xã làm tốt; cán bộ quản lý được bồi dưỡng về nghiệp vụ, thực hiện đúng nguyên tắc quản lý dân chủ, được quần chúng xã viên tín nhiệm.

Sau này, khi cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp đã trở thành cao trào thì có thể đưa nhiều hợp tác xã từ bậc thấp lên bậc cao và cũng có thể tổ chức nông dân riêng lẻ vào ngay hợp tác xã bậc cao. Nhưng trong thời kỳ đầu, cán bộ còn thiếu kinh nghiệm lãnh đạo hợp tác xã, cho nên càng phải chú trọng đưa phong trào tiến lên một cách vững chắc.

7. Quy mô tổ chức hợp tác xã sản xuất nông nghiệp

Tổ chức hợp tác xã nên làm *từ nhỏ đến lớn*. Lúc đầu, tùy theo khả năng lãnh đạo và tình hình quần chúng mà tổ chức hợp tác xã nhỏ và vừa bao gồm từ 30 đến 50 hộ¹⁾, sau dần dần kết nạp thêm xã viên hoặc hợp nhiều hợp tác xã nhỏ ở gần nhau thành những liên hợp tác xã trong phạm vi một thôn hoặc một xã và bầu ra một "Ban quản trị liên hiệp" để phối hợp quản trị giữa các hợp tác xã, nhưng mỗi hợp tác xã vẫn kinh doanh riêng. Liên hợp tác xã là một hình thức quá độ và tạm thời để chuẩn bị tiến lên hợp tác xã lớn một cách thuận lợi.

Việc tổ chức hợp tác xã lớn hoặc nhỏ phải tùy theo khả năng quản lý của cán bộ và trình độ lãnh đạo của chi bộ mà quyết định cho thích hợp.

1) Đối với miền núi dân thưa và trình độ quản lý của cán bộ hợp tác xã còn thấp, cho nên số hộ trung bình của hợp tác xã nhỏ và vừa hiện nay có thể thấp hơn.

Khi hợp tác xã lớn đã tổ chức trong phạm vi một xã thì sẽ có đủ điều kiện sản xuất nhiều mặt theo quy mô lớn trên cơ sở lao động tập thể và áp dụng kỹ thuật tiên tiến, và mọi công tác kinh tế, văn hoá, giáo dục, xây dựng dân quân ở địa phương cũng sẽ có thể thống nhất lãnh đạo và có điều kiện thuận lợi để phát triển. Về tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng cũng cần được sắp xếp cho hợp lý, song phải có phân biệt, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất và tập trung của Đảng về mặt trách nhiệm cũng như về mặt tổ chức, không được lẫn lộn Ban chỉ uỷ với Ban quản trị hợp tác xã, vì như thế là hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng.

Hiện nay, Uỷ ban hành chính xã còn có nhiệm vụ riêng của nó. Vì vậy, chỉ nên phân công và phối hợp công tác một cách hợp lý để bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất ở xã; không nên lẫn lộn tổ chức của cơ quan chính quyền xã với Ban quản trị hợp tác xã toàn xã.

8. Phương pháp vận động xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp

Để xây dựng hợp tác xã được tốt phải dùng phương pháp *phát động tư tưởng quần chúng*. Phải tuyên truyền, giáo dục sâu rộng về mục đích, ý nghĩa, đường lối, phương châm và chính sách hợp tác hoá nông nghiệp, làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhận rõ chỉ có con đường hợp tác hoá nông nghiệp mới mang lại đời sống thật sự tự do, hạnh phúc cho nông dân. Đi đôi với tuyên truyền, giáo dục, *cần xây dựng những hợp tác xã thật tốt*, lấy thực tế chứng minh tính chất hơn hẳn của hợp tác xã để thuyết phục nông dân, làm cho họ tự nguyện gia nhập hợp tác xã.

Trong quá trình xây dựng hợp tác xã, phải làm những việc như sau: phát động tư tưởng, giáo dục chính sách, xét

giấy xin vào hợp tác xã, giải quyết tư liệu sản xuất của xã viên, thông qua điều lệ hợp tác xã, bầu Ban quản trị và Ban kiểm soát, định kế hoạch sản xuất và phát động thi đua sản xuất.

Việc xây dựng và phát triển hợp tác xã nên chia ra từng đợt và phải kết hợp chặt chẽ với thời vụ nông nghiệp. Trước khi bước vào một đợt *phải chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt*; tuyên truyền, giáo dục chính sách, củng cố các tổ đổi công và hợp tác xã đã có, đào tạo cán bộ, v.v.. Sau khi làm xong một đợt phải tổng kết kinh nghiệm, đặt kế hoạch củng cố và chuẩn bị cho đợt sau.

9. Lãnh đạo tốt hợp tác xã sản xuất nông nghiệp

Trong quá trình xây dựng và phát triển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, cần phải đặc biệt chú trọng công tác *giáo dục chính trị và tư tưởng* nhằm nâng cao không ngừng trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho xã viên, nâng cao ý thức lao động tập thể và tinh thần thi đua yêu nước, nâng cao tinh thần làm chủ hợp tác xã, tinh thần trách nhiệm và ý thức kỷ luật của xã viên, nâng cao tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, khắc phục hiện tượng xích mích, suy tị, thiếu đoàn kết trong hợp tác xã, khắc phục tư tưởng cá nhân, bảo thủ, ỷ lại. Phải giáo dục cho cán bộ hợp tác xã tinh thần chí công vô tư, tác phong dân chủ; đồng thời, giáo dục cho xã viên biết coi công việc của hợp tác xã như công việc của nhà mình và ai nấy đều phải thực hành khẩu hiệu cần kiệm xây dựng hợp tác xã. Phát huy tinh thần tích cực và sáng tạo của các xã viên, động viên tinh thần dám nói, dám nghĩ, dám làm đối với mọi công việc của hợp tác xã, nhất là trong việc quản lý lao động và cải tiến kỹ thuật và đẩy mạnh sản xuất.

Đi đôi với công tác chính trị và tư tưởng, phải đặc biệt

chú trọng *quản lý tốt hợp tác xã* về ba mặt; lao động, sản xuất và tài vụ, nhằm phát triển sản xuất toàn diện, thực hiện đoàn kết nội bộ, phát huy tính chất hơn hản của hợp tác xã.

Để quản lý tốt hợp tác xã phải tích cực đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý hợp tác xã, đáp ứng yêu cầu trước mắt và chuẩn bị cán bộ nhằm bảo đảm công tác nghiệp vụ cao hơn sau này.

Muốn cho hợp tác xã được củng cố và phát triển phải chú trọng tăng năng suất. Muốn bảo đảm tăng năng suất, ngoài việc làm tốt công tác chính trị và tư tưởng và tăng cường công tác quản lý hợp tác xã, phải đặc biệt chú trọng vấn đề *cải tiến kỹ thuật*.

Phương châm chung của công tác kỹ thuật trong hợp tác xã là mạnh dạn áp dụng kỹ thuật canh tác mới và sử dụng nông cụ cải tiến, đi dần dần từ nửa cơ giới hoá đến cơ giới hoá và phải cố gắng áp dụng vào tất cả các ngành trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, nghề cá, nghề phụ gia đình, thủ công nghiệp, công nghiệp và xây dựng ở địa phương. Trước mắt, phải tích cực giải quyết các vấn đề đủ nước, nhiều phân, cày sâu, bừa kỹ, giống tốt, cấy dày, trừ sâu, chuột, v.v.. Về công cụ sản xuất, phải cải tiến các công cụ cày, bừa, gieo, cấy, trồng tủa, bỏ phân, gặt, đập, lấy nước vào ruộng, v.v..

Phải ra sức đào tạo cán bộ kỹ thuật, lập tổ kỹ thuật trong hợp tác xã, tổ chức rộng rãi các trạm kỹ thuật ở các địa phương để hướng dẫn kỹ thuật canh tác, sử dụng nông cụ cải tiến và hướng dẫn cải tiến nông cụ, đồng thời phổ biến kinh nghiệm kỹ thuật tiên tiến cho hợp tác xã.

10. *Vấn đề hợp tác hoá ở miền núi và miền biển*

Hợp tác hoá nông nghiệp, cải tạo nông nghiệp theo chủ

nghĩa xã hội là nhiệm vụ chung của toàn miền Bắc, bao gồm cả đồng bằng, trung du, miền núi, miền biển. Nghị quyết này là cơ sở chung cho cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp ở cả miền Bắc. Nhưng vì miền núi và miền biển có những đặc điểm riêng, cho nên sẽ có quy định riêng cho những miền đó về đường lối, phương châm, chính sách và kế hoạch cụ thể.

Đối với *miền núi*, nhiệm vụ chung trước mắt là *vận động hợp tác hoá nông nghiệp, phát triển sản xuất, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ*, tức là trong khi củng cố và phát triển tổ đổi công và hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất, phải kết hợp xoá bỏ những tàn tích của chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất và những hình thức bóc lột phong kiến còn sót lại. Ngoài hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, miền núi có thể tổ chức những hợp tác xã nông - lâm nghiệp và hợp tác xã chăn nuôi.

Đối với *miền biển*, ở những nơi ngư dân sống tập trung, cần tổ chức hợp tác xã ngư nghiệp. Còn ở những nơi nông dân và ngư dân sống xen kẽ với nhau thì thành lập những hợp tác xã nông - ngư nghiệp.

IV

TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO HỢP TÁC HOÁ NÔNG NGHIỆP

Hiện nay, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc nước ta đang bước vào thời kỳ phát triển rộng rãi.

Để tiến hành tốt cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, giành thắng lợi quyết định cho chủ nghĩa xã hội ở nông thôn, Đảng ta phải tăng cường lãnh đạo cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp về mọi mặt: tư tưởng, chính sách, tổ chức và kế

hoạch, động viên toàn Đảng, toàn dân tích cực tham gia và ủng hộ phong trào hợp tác hoá nông nghiệp.

1. Về lãnh đạo tư tưởng

Cần chú ý mấy điểm dưới đây:

Trước hết, phải làm cho cán bộ, đảng viên ở các cấp và các ngành nhận rõ ý nghĩa cách mạng và tính chất quan trọng của cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, nhận rõ đó là công tác trung tâm trước mắt của Đảng ta ở nông thôn, do đó mà nâng cao tinh thần trách nhiệm và đem hết nhiệt tình cách mạng vào việc đẩy mạnh phong trào. Khắc phục tư tưởng bàng quan đối với cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp.

Phải làm cho toàn Đảng thống nhất nhận định về tình hình vận động hợp tác hoá nông nghiệp hiện nay, đánh giá đầy đủ những thuận lợi và khó khăn; khắc phục tư tưởng nóng vội, muốn lướt nhanh, làm đối, đồng thời cũng phải khắc phục tư tưởng rụt rè, chậm chạp, theo đuôi quần chúng.

Phải làm cho toàn Đảng thấu suốt đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn để vận dụng đúng đường lối đó trong việc xây dựng hợp tác xã cũng như trong khi nghiên cứu và chấp hành các chính sách đối với hợp tác hoá nông nghiệp.

Để thống nhất tư tưởng trong Đảng và trong quần chúng đối với cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, khắc phục những tư tưởng và nhận thức sai lầm đối với cuộc vận động để nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của cán bộ, đảng viên lên một bước và nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta hiện nay, sau Hội nghị Trung ương lần này sẽ tiến hành một cuộc chỉnh huấn trong cán bộ, đảng viên các cấp, các ngành. Đồng thời, trong quần chúng nông

dân sẽ tổ chức học tập chính sách hợp tác hoá nông nghiệp và tranh luận rộng rãi về hai con đường, nhằm nâng cao nhận thức của nông dân về chủ nghĩa xã hội, bước đầu giải quyết vấn đề "ai thắng ai" trên mặt trận tư tưởng. Trên cơ sở đó, động viên nông dân hăng hái gia nhập hợp tác xã và tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm.

Sau khi đã thành lập hợp tác xã, vẫn phải coi trọng công tác giáo dục và lãnh đạo tư tưởng, nhằm nâng cao không ngừng trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của quần chúng xã viên.

2. Về lãnh đạo chính sách

Ngoài những chính sách đã ghi trong điều lệ hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và trong bản Nghị quyết này, các ngành, các đoàn thể nhân dân ở trung ương và các cấp uỷ đảng ở địa phương cần nghiên cứu và đề nghị với Trung ương những chính sách cụ thể nhằm bổ sung hoặc sửa đổi những chính sách đã ban hành để phục vụ phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Ví dụ: chính sách khuyến khích sản xuất; chính sách tín dụng nhằm phục vụ cho hợp tác xã phát triển sản xuất; chính sách thu mua nông sản của các hợp tác xã và cung cấp nông cụ, trâu bò, phân bón và những thứ cần dùng hằng ngày cho hợp tác xã; chính sách thuế nông nghiệp đối với ruộng đất của hợp tác xã; chính sách giúp đỡ và hướng dẫn kỹ thuật cho hợp tác xã; chính sách khuyến khích các hợp tác xã phát triển sản xuất toàn diện và khuyến khích nghề phụ gia đình, chính sách tiền công và phân phối nhân lực, phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp, v.v..

Cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp càng tiến triển thì các vấn đề phổ biến khoa học, kỹ thuật, phát triển thủy lợi, giao thông vận tải và phát triển công nghiệp địa phương,

xây dựng làng kiểu mới, v.v. cũng như các công tác hành chính, trị an, quân sự, văn hoá, giáo dục, y tế, cho đến các công tác tổ chức, tuyên huấn, thanh vận, phụ vận, v.v. cũng phải được nghiên cứu và giải quyết phù hợp với quan hệ sản xuất mới và tình hình mới ở nông thôn.

Các ngành, các đoàn thể nhân dân ở trung ương có trách nhiệm chủ động phối hợp với các cấp uỷ đảng ở địa phương để nghiên cứu và giải quyết kịp thời những vấn đề mới do cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp đề ra, tránh tình trạng trông chờ, ỷ lại vào nhau.

3. Về lãnh đạo tổ chức

Các cấp uỷ đảng và chi bộ có trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, bảo đảm tiến hành tốt cuộc vận động hợp tác hoá kết hợp với các công tác khác.

Các đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ và các ngành văn hoá, giáo dục, khoa học, kỹ thuật, quân đội nhân dân, cần có kế hoạch cử cán bộ tốt tham gia cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp và hướng hoạt động của ngành mình phục vụ phong trào hợp tác hoá, do đó mà đẩy mạnh công tác của ngành mình tiến lên.

Trong quá trình xây dựng hợp tác xã, cần phải đặc biệt chú trọng củng cố chi bộ, kiện toàn chi uỷ và phát triển đảng viên xây dựng chi bộ mới ở những xã chưa có chi bộ, tăng cường đoàn kết trong Đảng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở nông thôn. Đồng thời, chú ý củng cố và phát triển Đoàn Thanh niên Lao động để phát huy tác dụng đầu tàu trong phong trào hợp tác hoá nông nghiệp.

Ở trung ương, khu, tỉnh và thành phố cần kiện toàn Ban Công tác nông thôn để giúp cấp uỷ đảng theo dõi, nắm vững tình hình, nghiên cứu chính sách, tổng kết và phổ biến kinh nghiệm hợp tác hoá nông nghiệp.

Đối với những nơi phong trào yếu hoặc những vùng có vấn đề chính trị phức tạp, cấp trên phải cử cán bộ về giúp địa phương xây dựng và phát triển hợp tác xã.

Các cấp uỷ đảng cần thường xuyên kiểm tra để phát hiện những sai lầm, lệch lạc đáng kể kịp thời uốn nắn và đôn đốc các ngành phục vụ phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Phải ra sức đào tạo cán bộ lãnh đạo và quản lý hợp tác xã, như chủ nhiệm hợp tác xã, cán bộ kế hoạch, kế toán, thống kê, cán bộ kỹ thuật, cán bộ tuyên huấn, v.v. để đáp ứng yêu cầu phát triển của phong trào. Để đào tạo cán bộ được nhanh, kịp thời phục vụ phong trào, phương pháp tốt nhất là mở các lớp ngắn ngày và tổ chức đi tham quan, thực tập, họp hội nghị tại chỗ để rút kinh nghiệm, tổ chức triển lãm, v.v.; đồng thời mở những lớp dài hạn để đào tạo cán bộ một cách toàn diện, bảo đảm đủ cán bộ có năng lực lãnh đạo các hợp tác xã lớn sau này.

Các ngành nông, lâm, thuỷ lợi, tài chính, kiến trúc, kế hoạch cũng phải tùy theo phong trào hợp tác hoá nông nghiệp phát triển mà mở các lớp đào tạo cán bộ nghiệp vụ và kỹ thuật cho hợp tác xã và cho các cấp tỉnh và huyện.

Ngành văn nghệ cần động viên các văn nghệ sĩ đi sâu vào đời sống nông dân, tham gia cuộc đấu tranh cách mạng vô cùng phong phú ở nông thôn để kịp thời sáng tác phục vụ phong trào hợp tác hoá nông nghiệp.

4. Về lãnh đạo kế hoạch

Căn cứ vào yêu cầu của quần chúng, căn cứ vào tình hình vận động đổi công, hợp tác xã ở địa phương và khả năng cán bộ, v.v. mỗi cấp sẽ định ra kế hoạch công tác bao gồm các vấn đề: xây dựng, phát triển và củng cố hợp tác xã, sản xuất và

kỹ thuật, cung cấp và tiêu thụ cho hợp tác xã, tuyên truyền và văn hoá, tổ chức, tài chính, v.v..

Về *xây dựng, phát triển và củng cố hợp tác xã*, phải tùy theo tình hình và khả năng của địa phương mà định kế hoạch. Những nơi chưa có hợp tác xã cần cố gắng trong 6 tháng cuối năm 1959 xây dựng ít nhất mỗi xã một hợp tác xã (đối với miền núi chưa cải cách ruộng đất thì có thể chậm chước), chuẩn bị phát triển mạnh phong trào hợp tác hoá nông nghiệp sau vụ đông - xuân (1959-1960), đồng thời căn cứ vào tình hình các hợp tác xã đã có mà phân loại và đề ra kế hoạch củng cố đối với từng loại cho thích hợp.

Về *sản xuất và kỹ thuật*, cần hướng dẫn cho hợp tác xã đặt kế hoạch sản xuất toàn diện và mạnh dạn cải tiến công cụ sản xuất và phương pháp sản xuất.

Về *bảo đảm cung cấp và tiêu thụ* cho hợp tác xã, cần phải chuẩn bị cung cấp tư liệu sản xuất cần thiết cho hợp tác xã và tư liệu sinh hoạt cho xã viên, đồng thời bảo đảm tiêu thụ những sản phẩm của hợp tác xã.

Về *tuyên truyền và văn hoá*, tùy theo tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng và yêu cầu công tác của mỗi nơi mà đề ra nội dung tuyên truyền, giáo dục từng bước cho thích hợp; tiếp tục xoá nạn mù chữ, phát triển bổ túc văn hoá và xây dựng những trường dân lập.

Về *tổ chức*, phải tăng cường cán bộ cho những nơi yếu để xây dựng hợp tác xã, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cho hợp tác xã và cho địa phương, nhất là cán bộ miền núi; củng cố các tổ chức đảng, chính, quân, dân trong quá trình hợp tác hoá nông nghiệp.

Về *tài chính*, phải có kế hoạch giải quyết kinh phí chung cho địa phương, trong cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp

và dự trữ số tiền cần thiết mà Nhà nước sẽ cho hợp tác xã vay để phát triển sản xuất.

Kế hoạch công tác phải cụ thể cho từng đợt xây dựng hợp tác xã và phải ăn khớp với kế hoạch chung của địa phương và ăn khớp với thời vụ sản xuất, với khối lượng công tác trong từng thời gian của địa phương, lại phải thích hợp với từng vùng khác nhau.

Sau khi định kế hoạch, *cấp uỷ phải thống nhất và tập trung lãnh đạo*, và Ban Công tác nông thôn phải giúp cấp uỷ theo dõi, nắm tình hình, thường xuyên kiểm tra đôn đốc, tổng kết kinh nghiệm, kịp thời uốn nắn những thiếu sót, lệch lạc trong phong trào. Các ngành phải phối hợp chặt chẽ để bảo đảm thực hiện tốt kế hoạch đã định

*

* *

Trải qua mấy chục năm phấn đấu anh dũng, đầy gian khổ, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên toàn miền Bắc, thực hiện dân tộc độc lập và người cày có ruộng. Ngày nay, Đảng ta lại lãnh đạo nông dân miền Bắc tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp để cải thiện hơn nữa đời sống của nông dân, đưa nông thôn miền Bắc nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Hợp tác hoá nông nghiệp là một nhiệm vụ cách mạng trung tâm của Đảng và của nhân dân ta ở nông thôn miền Bắc hiện nay.

Cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp hoàn thành thắng lợi sẽ vĩnh viễn xoá bỏ chế độ người bóc lột người ở nông thôn, đưa hơn 10 triệu nông dân từ chỗ làm ăn riêng lẻ đến chỗ làm ăn tập thể, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nông

thôn. Đó là một việc vô cùng quan trọng có tác dụng đẩy mạnh phát triển kinh tế, góp phần to lớn vào sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nước nhà và mang lại cho nông dân cũng như cho nhân dân miền Bắc nước ta một đời sống no ấm và tươi vui.

Hội nghị Trung ương tin rằng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng bào nông dân miền Bắc nước ta sẽ hăng hái, phấn khởi tiến mạnh trên con đường hợp tác hoá nông nghiệp. Hội nghị Trung ương kêu gọi các giới đồng bào, các đảng phái, các đoàn thể nhân dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Quân đội Nhân dân Việt Nam, các nhà văn hoá giáo dục, khoa học, văn học, nghệ thuật hãy tích cực phục vụ phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Với truyền thống đoàn kết của toàn Đảng và toàn dân ta, với lòng tin tưởng sâu sắc của nông dân đối với Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, với tinh thần hăng hái của toàn thể đồng bào, với quyết tâm của cán bộ, đảng viên, chúng ta nhất định sẽ vượt qua được mọi khó khăn, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ hợp tác hoá nông nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nước nhà, góp phần tích cực vào sự nghiệp củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất Tổ quốc.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ 16
(MỞ RỘNG)**

**Về vấn đề vận động hợp tác hoá
nông nghiệp phát triển sản xuất,
kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi**

Miền núi thuộc miền Bắc nước ta giữ một địa vị rất quan trọng về kinh tế, chính trị và quốc phòng. Trong quá trình cách mạng và kháng chiến, miền núi đã có những tiến bộ rõ rệt. Đến nay, các chế độ thổ ty, lang đạo, phiá tạo căn bản đã tan rã, các hình thức bóc lột tàn bạo và đặc quyền, đặc lợi của bọn địa chủ phong kiến căn bản đã bị xoá bỏ có nơi mới bị thu hẹp; ruộng đất căn bản đã thuộc về nông dân hoặc do nông dân sử dụng; chính quyền căn bản đã ở trong tay nông dân lao động. Nhiệm vụ cách mạng dân chủ ở miền núi nói chung đã căn bản hoàn thành.

Hiện nay dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông dân các dân tộc thiểu số bắt đầu được tổ chức lại, làm ăn theo lối tập thể. Phong trào đổi công đã phát triển khá rộng, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã được xây dựng và cũng đang có đà phát triển. Phong trào đổi công, hợp tác đã có tác dụng thúc đẩy việc cải tiến kỹ thuật canh tác, phát triển sản xuất nông

ngiệp và bước đầu làm cho nông dân các dân tộc miền núi thấy rõ tính hơn hẳn của lối làm ăn tập thể. Đó là *mặt chủ yếu* của tình hình miền núi hiện nay.

Nhưng mặt khác, trong phần lớn các vùng dân tộc thiểu số, vì nhiệm vụ cách mạng dân chủ chưa được giải quyết triệt để, do đó còn sót lại những tàn dư thế lực phong kiến, nhiều ít tùy theo từng vùng, nhưng đều ảnh hưởng xấu đến tư tưởng và sinh hoạt của quần chúng và trở ngại cho việc đưa phong trào đổi công, hợp tác tiến lên. Hiện nay những vấn đề còn lại của cải cách dân chủ tương đối nhiều hơn ở những vùng trước đây có chế độ thổ ty hoặc có địa chủ mà chưa qua phát động quần chúng thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất, nhất là những vùng giải phóng chậm, những vùng cơ sở của các họ thổ ty và những xã địa chủ tập trung. Ở những vùng này, hiện nay có nơi bọn địa chủ và thổ ty cũ còn chiếm hữu khá nhiều ruộng đất, còn duy trì bóc lột ở một mức độ nhất định, chúng còn có ảnh hưởng nhất định trong quần chúng; có nơi chúng còn khống chế được nhân dân, cản trở việc thi hành các chính sách của ta; nghiêm trọng hơn nữa là có nơi chúng vẫn cấu kết với kẻ địch bên ngoài để hoạt động phá hoại, làm cho trật tự trị an chưa được giữ vững, khối đoàn kết các dân tộc chưa được củng cố. Điều đáng chú ý là trong phần lớn các vùng dân tộc thiểu số hiện nay, do tư tưởng quần chúng chưa được phát động, trình độ giác ngộ chính trị và ý thức giai cấp còn thấp, tổ chức cơ sở chưa được vững mạnh (thậm chí nhiều nơi, chưa có chi bộ), cán bộ còn yếu, vai trò lãnh đạo của Đảng chưa được củng cố. Đó là nhược điểm của tình hình.

Mâu thuẫn chủ yếu ở miền núi hiện nay là mâu thuẫn giữa phong trào đổi công hợp tác và những thế lực ngăn cản nó phát triển, bao gồm mâu thuẫn giữa con đường xã hội chủ

nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa, giữa chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa cá thể, giữa lao động và bóc lột, đồng thời cũng bao gồm cả mâu thuẫn giữa các dân tộc với nhau và mâu thuẫn giữa nhân dân các dân tộc với bọn phản cách mạng: thổ phỉ, biệt kích, gián điệp và tàn dư của thế lực phong kiến.

Bởi vậy, *nhiệm vụ trước mắt* ở miền núi hiện nay là *vận động hợp tác hoá nông nghiệp, phát triển sản xuất, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ*. Cụ thể là: *ra sức củng cố, phát triển tổ đổi công và hợp tác xã, đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất, cải thiện đời sống nhân dân, kết hợp xoá bỏ những tàn tích của chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất và những hình thức bóc lột phong kiến còn sót lại; đồng thời chú trọng bồi dưỡng và đào tạo cán bộ các dân tộc thiểu số và cán bộ địa phương, củng cố và phát triển Đảng, củng cố cơ sở chính quyền dân chủ nhân dân và các tổ chức quần chúng, bảo đảm trật tự an ninh, tăng cường đoàn kết dân tộc*.

Vì tình hình miền núi rất phức tạp, cho nên cần phải *tiến hành nhiệm vụ đó một cách tích cực, khẩn trương, nhưng phải hết sức thận trọng, chắc chắn, tránh rập khuôn một cách máy móc, tùy từng vùng khác nhau mà cách làm có khác nhau*.

Về *hợp tác hoá nông nghiệp*, trước hết phải kiểm tra tổ đổi công và hợp tác xã xem là có đúng đường lối, nguyên tắc và chính sách không. Phải ra sức củng cố tổ đổi công, đưa tổ đổi công từng vụ từng việc lên tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm; chú trọng củng cố và phát triển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Việc tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp và lâm nghiệp cần kết hợp chặt chẽ với việc hoàn thành cải cách dân chủ, bảo đảm đoàn kết dân tộc, đẩy mạnh sản xuất.

Về *hoàn thành cải cách dân chủ*, phải tùy từng nơi nhiệm vụ cải cách dân chủ còn nhiều hay ít mà định yêu cầu, mức độ và kế hoạch kết hợp giải quyết trong phong trào hợp tác hoá nông nghiệp cho tốt, bảo đảm giữ vững trật tự an ninh, tăng cường đoàn kết các dân tộc. Nói chung, chúng ta chủ trương hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi *bằng phương pháp hoà bình*.

Hội nghị Trung ương giao cho Bộ Chính trị nghiên cứu và ra một chỉ thị về vấn đề vận động hợp tác hoá nông nghiệp, phát triển sản xuất kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi, bao gồm mục đích yêu cầu, đường lối giai cấp, phương châm, chính sách cụ thể, phương pháp tiến hành, v.v..

Toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc miền núi hãy phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng, hăng hái thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Trung ương, đưa miền núi tiến lên chủ nghĩa xã hội, góp phần tích cực vào việc củng cố miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 16 (MỞ RỘNG)
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa
đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh

Miền Bắc nước ta sau khi hoàn toàn giải phóng đã bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hội nghị Trung ương lần thứ 14 đã chỉ rõ: "Lực lượng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc hiện nay đã mạnh hơn hẳn lực lượng tư bản chủ nghĩa; nhưng vấn đề ai thắng ai giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản vẫn chưa giải quyết. Do đó, nhiệm vụ cơ bản của chúng ta ở miền Bắc là phải đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm trước mắt là đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh, đồng thời phải ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, là lực lượng lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân... Kinh tế nước ta căn bản là kinh tế nông nghiệp, chúng ta phải lấy việc hợp tác hoá nông nghiệp làm khâu chính để thúc đẩy toàn bộ công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, đồng thời phải chú trọng cải tạo thành phần kinh tế tư bản tư doanh ...".

Cải tạo thành phần kinh tế tư bản tư doanh là một mặt trọng yếu gắn liền với toàn bộ nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa. Đây là vấn đề then chốt trong việc giải quyết vấn đề chủ nghĩa xã hội chiến thắng chủ nghĩa tư bản.

Chúng tôi xin báo cáo tình hình công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Bắc hiện nay và đề nghị một số vấn đề chủ trương, chính sách, phương pháp và kế hoạch thực hiện cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội, để Hội nghị Trung ương xét và phê chuẩn.

I

TỪ HOÀ BÌNH LẬP LẠI ĐẾN NAY, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH SỬ DỤNG, HẠN CHẾ VÀ CẢI TẠO CÔNG THƯƠNG NGHIỆP TƯ BẢN TƯ DOANH Ở MIỀN BẮC ĐÃ ĐEM LẠI NHỮNG KẾT QUẢ VÀ KINH NGHIỆM GÌ?

1. Từ hoà bình lập lại đến nay, việc thực hiện chính sách sử dụng, hạn chế và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Bắc đã thu được những kết quả tốt

Nước ta trước đây là một nước thuộc địa và nửa phong kiến. Kinh tế tư bản, nhất là kinh tế tư bản bản xứ chậm phát triển, lực lượng của nó rất nhỏ bé: cơ sở sản xuất công nghiệp rất ít và yếu, thuê mướn ít công nhân, máy móc, thiết bị cũ kỹ, chấp vá, kỹ thuật lạc hậu, trình độ sản xuất thấp kém; so với công nghiệp thì thương nghiệp tương đối phát triển hơn, nhưng cũng nhỏ yếu và hoàn toàn phụ thuộc vào kinh tế đế quốc. Công nghiệp và thương nghiệp chưa tách hẳn. Các hộ nhỏ, vốn ít chiếm tuyệt đại

bộ phận trong tổng số hộ kinh doanh¹⁾.

Hoà bình lập lại, hầu hết những nhà tư sản tương đối lớn đi vào Nam. Ở lại miền Bắc, phần nhiều là tư sản loại vừa và nhỏ. Trong đó, một số đông mới ra đời trong thời kỳ kháng chiến và trong những năm sau hoà bình²⁾. Ngoài những người xuất thân từ thành phần không lao động ra, còn có một số khá đông tư sản xuất thân từ tiểu chủ, tiểu thương, công nhân, thợ thủ công... mới bước vào con đường kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Nhiều người vừa bóc lột công nhân, vừa tham gia lao động chính. Nhiều người có quan hệ với cách mạng, với kháng chiến (bản thân họ tham gia kháng chiến hay có con em là bộ đội, cán bộ và viên chức nhà nước). Tuy nhiên, cũng có nhiều người có quan hệ với miền Nam; một số người vừa có cơ nghiệp ở miền Bắc, vừa có tài sản ở miền Nam, một đôi người có cả tài sản ở nước ngoài; một số người có vấn đề chính trị phức tạp³⁾.

1) Sau Đại chiến thứ hai, đế quốc Pháp thi hành chính sách đặc biệt khai thác thuộc địa, mở thêm công nghiệp ở Việt Nam, tư sản Việt Nam chen chân được ít nhiều, nhưng trong cả nước vãn vẹn chỉ có 9 công ty hoàn toàn của người Việt Nam, với số vốn chỉ bằng 1/15 vốn của Ngân hàng Đông Dương và bằng 1/650 vốn của các công ty tư bản Pháp. Hà Nội là nơi tập trung công thương nghiệp tư bản tư doanh, mà khi ta vào tiếp quản, kể cả tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, chỉ có trên 1.500 cơ sở với hơn 4.500 công nhân.

2) Trong số hộ bán vải ở Hà Nội, số người buôn trước Cách mạng Tháng Tám chỉ chiếm 25,9% số hộ, còn 74,1% số hộ mới ra buôn trong những năm gần đây.

3) Điều tra trong 15 ngành buôn bán ở Hà Nội, thì thấy: trong số 3.601 hộ chưa phân biệt rõ tư sản và tiểu thương – có 616 hộ là gia đình cán bộ, bộ đội, 161 hộ là gia đình viên chức lưu dụng và 177 hộ có thân nhân đi Nam, trong đó có người hiện làm trong bộ máy nguy quân, nguy quyền ở miền Nam.

Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, một mặt, chúng ta xây dựng, phát triển và củng cố thành phần kinh tế quốc doanh và bước đầu xây dựng kinh tế hợp tác xã; mặt khác, thi hành chính sách sử dụng, hạn chế và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Nhờ có chính sách đó, công thương nghiệp tư bản tư doanh có lợi cho quốc kế dân sinh chẳng những được khôi phục, duy trì, mà còn có phần phát triển, nó đã có tác dụng bổ trợ nhiều mặt cho kinh tế quốc doanh. Tác dụng tiêu cực có hại cho quốc kế dân sinh của công thương nghiệp tư bản tư doanh ngày càng bị hạn chế. Nhiều ngành chủ yếu đã đi vào các hình thức tư bản nhà nước loại thấp và loại vừa.

Đến cuối năm 1958, tình hình như sau:

a) *Công nghiệp tư bản tư doanh*

Nếu tính theo tiêu chuẩn: hoặc thuê từ 5 công nhân trở lên, hoặc dùng máy phát điện từ 5 mã lực trở lên, hoặc có vốn từ 7.000 đồng trở lên và lãi ròng hàng năm từ 3.600 đồng trở lên¹⁾, thì ở miền Bắc có 863 cơ sở. So với số hộ tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, số cơ sở công nghiệp tư bản tư doanh chỉ chiếm 0,84%.

Công nhân viên chức trong 863 xí nghiệp tư bản tư doanh là 13.624 người, trong đó 11.097 người là công nhân, viên chức thuê mướn, còn 2.527 người là chủ và người nhà

1) Các tiêu chuẩn công thương nghiệp tư bản tư doanh nói trong báo cáo này không phải là cái mốc cố định để áp dụng chung cho mọi ngành, mọi địa phương. Đây chỉ là căn cứ để sơ bộ tính toán; khi tiến hành cải tạo, phải xem xét nhiều mặt (xem bản giải thích các tiêu chuẩn kèm theo báo cáo này).

Với tiêu chuẩn này diện tư bản tư doanh tương đối hẹp. Theo sự quy định và phân loại của Cục Thống kê Trung ương thì miền Bắc có 2.627 cơ sở công nghiệp tư bản tư doanh (chứ không phải 863).

của chủ có tham gia sản xuất (trong số này 1.342 người có lao động chính).

Cơ sở thuê từ 1 đến 4 công nhân chiếm 8,1% tổng số cơ sở

"	5	"	7	"	28,7%	"
"	8	"	15	"	36,6%	"
"	16	"	30	"	16,8%	"
"	31	"	50	"	5,5%	"

Có 26 cơ sở

thuê	51	"	100	"	3%	"

Có 10	"	trên 100	"	1,1%	"

Vốn đăng ký có 19,4 triệu, trong đó vốn cố định 12,6 triệu, lưu động 6,8 triệu; xí nghiệp có vốn từ 7.000 đồng trở lên chiếm 60,6% tổng số cơ sở, còn 39,4% số cơ sở vốn dưới 7.000 đồng. Giá trị sản lượng trong 9 tháng đầu năm 1958 là gần 60 triệu đồng.

Công nghiệp tư bản tư doanh tập trung trong mấy ngành:

- Công nghệ thực phẩm	chiếm 28,5% tổng số cơ sở
- Sản xuất và chữa đồ kim khí	" 15,3% "
- Đồ gốm	" 9% "
- In	" 9% "
- Dệt và nhuộm	" 7% "
- Chế biến gỗ	" 7% "
- Sản xuất vật liệu xây dựng	" 6% "

Và chủ yếu tập trung ở mấy nơi: Hà Nội (56,1% số cơ sở), Hải Phòng (16,4%), Nam Định (4,6%), Hà Đông (4,6%), Thanh Hoá (3,8%), Bắc Ninh (3,1%), Nghệ An (2,9%), còn ở các nơi khác, mỗi nơi từ 3 đến 9 cơ sở.

Trên 80% số cơ sở đã đi vào hình thức tư bản nhà nước là đặt hàng và gia công. Trị giá hàng quốc doanh gia công và

thu mua chiếm 80% giá trị sản lượng của công nghiệp tư bản tư doanh.

b) Vận tải tư doanh:

Nếu tính theo tiêu chuẩn: hoặc thuê 2 công nhân, hoặc lãi ròng hàng năm từ 4.000 đồng trở lên (đối với ngành vận tải ô tô); hoặc thuê thường xuyên bốn công nhân trở lên mà bản thân không lao động chính, hoặc lãi ròng hàng năm từ 4.000 đồng trở lên (đối với ngành vận tải cơ giới đường thủy), thì có 156 hộ tư bản tư doanh trong ngành vận tải ô tô (tức 5,2% tổng số hộ trong ngành đó) và 72 hộ tư bản tư doanh trong ngành vận tải cơ giới đường thủy (tức 17% tổng số hộ trong ngành đó).

Để thấy rõ hơn lực lượng vận tải tư doanh, là một ngành cần thiết cho nền kinh tế quốc dân, xin xem toàn bộ lực lượng vận tải tư doanh ở miền Bắc sau đây:

Tổng số có 3.019 hộ vận tải ô tô, với 1.855 xe (918 xe chở khách và 939 xe chở hàng, trọng tải 23.023 chỗ ngồi và 4.007 tấn), trong đó: một chủ có từ 2 đến 3 xe chiếm 2% tổng số xe, một chủ có 1 xe chiếm 68% tổng số xe, còn 30% số xe thuộc công ty từ 2 đến 5 cổ đông (phổ biến là công ty 2 cổ đông) mỗi công ty có 1 xe, 64% số xe là do chủ lái lấy (có thuê thêm 1 công nhân) hoặc thuê người lái, nhưng chủ xe làm phụ.

Có 420 hộ vận tải cơ giới đường thủy, với 119 chiếc tàu, canô, thuyền máy... (8 tàu lái, 63 ca nô, 48 thuyền máy kéo, 300 boọc¹⁾ và sàlan, trọng tải tất cả 7.485 tấn), trong đó: 32% số hộ kinh doanh độc lập, mỗi hộ có 1 chiếc, 68% là công ty và tập đoàn từ 2 đến 12 cổ đông (phổ biến là 2-4 cổ đông), mỗi công ty và tập đoàn có 1 chiếc. Vốn cố định của mỗi chiếc ít nhất là 1 vạn đồng, nhiều nhất 7 vạn đồng. Chiếc thuê ít

1) boọc: một loại thuyền vận tải của người Hoa (B.T).

nhất: 4 công nhân, nhiều nhất 18 công nhân. Số chủ có tham gia lao động, như làm thuyền trưởng, hoa tiêu, bán vé, quản lý... chiếm 68,5% tổng số chủ kinh doanh vận tải cơ giới đường thủy.

Có 7.597 chủ thuyền, mỗi người có 1 chiếc thuyền; hầu hết là gia đình chủ tự làm, chỉ có số ít thuê 1,2 công nhân (tổng số thuê 186 công nhân).

Xe ô tô tập trung gần 50% ở Hà Nội, 25% ở Hải Phòng. Phương tiện vận tải cơ giới đường thủy tập trung hầu hết ở Hải Phòng.

Hầu hết những người vận tải cơ giới đã được tổ chức vào các tổ, các đoàn vận tải dưới sự quản lý của Nhà nước và sự lãnh đạo của vận tải quốc dân.

c) Thương nghiệp tư bản tư doanh

Nếu tính theo tiêu chuẩn: những hộ bán buôn (trừ bán buôn nhỏ); những công ty, những hộ thuê từ 2 công nhân trở lên (thương nghiệp kiêm chế biến thuê từ 3 công nhân trở lên) hoặc có vốn luân chuyển từ 5.000 đồng trở lên và lãi ròng hàng năm từ 3.000 đồng trở lên, thì có 2.818 hộ, tức 2% so với tổng số hộ kinh doanh thương nghiệp ở miền Bắc. Vốn kê khai của các hộ này có trên 19 triệu đồng (con số này chưa đúng với thực tế, ước lượng có thể có gần 50 triệu, tức gần 70% tổng số vốn của thương nhân), trong đó:

- Hộ có vốn từ 5.000 đến 10.000 đ có 57,4% số hộ, chiếm 22,9% số vốn

- " " 10.000 " 50.000 đ, " 38,4% " 48,4% "

- " " 50.000 " 100.000 đ, " 2,5% " 10,9% "

- Hộ có vốn trên 100.000 đ " 1,7% " 17,8% "

Thực lãi của 2.818 hộ thương nghiệp tư bản tư doanh

năm 1957: trên 23 triệu, trong đó:

- Hộ lãi từ 3.000 đến 3.600đ, có 33,7% số hộ, chiếm 18,3% số lãi

-	"	3.600	"	4.200đ,	"	19,4%	"	12,3%	"
-	"	4.200	"	4.400đ,	"	12,4%	"	9,7%	"
-	Hộ lãi từ	4.400	trở lên	"	35,3%	"	59,5%	"	

Thương nghiệp tư bản tư doanh thuê rất ít công nhân (tổng số công nhân, viên chức làm cho tư sản thương nghiệp là 1.321 người, trong đó phần lớn là những người vừa giúp việc vặt trong gia đình, vừa giúp thêm vào việc buôn bán).

Thương nghiệp tư bản tư doanh phần nhiều tập trung trong các ngành: bách hoá, vải, thực phẩm, y dược, vật liệu xây dựng và buôn bán kim khí; và tập trung ở mấy nơi: Hà Nội chiếm 38,3% số hộ và 58,7% số vốn, Hải Phòng 11,6% số hộ và 19,1% số vốn, một số ở Nam Định, Hải Dương, Thanh Hoá, Nghệ An, các nơi khác có ít.

Trên 1/3 số hộ thương nghiệp tư bản tư doanh đã đi vào các hình thức tư bản nhà nước: kinh tiêu, đại lý, trong đó có những ngành chủ yếu đã đi toàn bộ hay một phần lớn vào tư bản nhà nước, như ngành vải, gạo, muối, thuốc tây, dầu, thuốc hút, bán thịt...

d) *Ngành ăn uống và phục vụ*

Nếu tính theo tiêu chuẩn: thuê từ 3 công nhân trở lên và có lãi như thương nghiệp (mặc dù có lãi như thương nghiệp, mà gia đình tự làm, không thuê công nhân cũng không tính vào diện này) thì có 285 hộ tư bản tư doanh, tức 0,4% số hộ trong ngành đó. Vốn kê khai có hơn 3 triệu đồng, trong đó:

- Hộ có vốn từ 5.000 đến 10.000đ, có 61,4% số hộ, chiếm 28,8% số vốn

-	"	10.000	"	50.000đ,	"	36,4%	"	55,7%	"
-	"	50.000	"	100.000đ,	"	1,2%	"	6,4%	"

- Hộ có vốn trên 100.000 đồng " 0,9% " 8,9% "

Thực lãi năm 1957: 2 triệu 3, trong đó:

- Hộ lãi từ 3.000 đến 3.600đ, có 28,4% số hộ, chiếm 15,6% số lãi

-	"	3.600	"	4.200đ,	"	16,9%	"	11,3%	"
-	"	4.200	"	4.400đ,	"	12,9%	"	7,8%	"
-	Hộ lãi từ	4.400	đ trở lên	"	41,8%	"	65,2%	" ¹⁾	

Có 562 công nhân làm trong ngành kinh doanh về ăn uống và 2.694 người làm trong ngành phục vụ.

Tư bản tư doanh trong hai ngành kinh doanh này tập trung ở Hà Nội 63,5% số hộ, Hải Phòng 10,5%, còn các nơi khác ít hơn.

Theo tình hình trên đây, cả miền Bắc có 4.188 hộ công thương nghiệp tư bản tư doanh, so với tổng số hộ kinh doanh công thương nghiệp (kể cả các hộ tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp) chiếm 1,4%.

Dưới đây là sự so sánh tỷ trọng giữa các thành phần kinh tế ở miền Bắc²⁾:

1) Lãi của thương nghiệp tư bản tư doanh và ngành ăn uống, phục vụ trong năm 1957, tuy đã bị hạn chế hơn so với năm 1956, nhưng vẫn còn cao.

2) Cần nói rõ thêm: trong toàn bộ nền sản xuất công nghiệp trong nước, khu vực sản xuất công nghiệp tư bản tư doanh chiếm một tỷ trọng so sánh ngày càng sụt do việc phát triển của công nghiệp quốc doanh, nhưng nó vẫn còn có tác dụng nhất định trong việc cung cấp hàng hoá cần thiết cho nhu cầu trong nước. So với tổng số sản xuất hàng công nghiệp trong nước, công nghiệp tư bản tư doanh cung cấp: ống gang 98,9%, đồ nhôm 75%, sơn 58,3%, xát gạo 57%, xe đạp 41,6%, phụ tùng xe đạp 34,7%, đường cát 25,2%, gỗ xẻ 25%, áo rét sợi 18,2%, nước mắm 16%, đồ gỗ 9,5%... Do vậy, cần phải đẩy mạnh cải tạo và cải tạo về căn bản công nghiệp tư bản tư doanh để phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất, xây dựng và dân sinh.

	1955	1956	1957	1958
	%	%	%	%
Trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp:				
- Công nghiệp quốc doanh chiếm		16,2	25,4	35
- Công nghiệp tư bản tư doanh		73,8	16,8	10,4
- Thủ công nghiệp			57,8	54,6
Trong tổng mức bán buôn:				
- Thương nghiệp quốc doanh	28,1	43,9	52,6	70,1
- Thương nghiệp tư doanh	71,9	56,1	47,4	29,9
Trong tổng mức bán lẻ và HTX ¹⁾				
- Tư bản nhà nước	20,1	32,9	29,9	42,6
- Tư bản nhà nước	0,2	3,4	9,1	13,1
- Thương nghiệp tư doanh	79,7	63,7	61	44,3

Về thương nghiệp, số liệu nói trên chưa phân tích được rõ phần hoạt động của thương nghiệp tư bản tư doanh và phần của tiểu thương hàng rong. Trong thực tế, thương nghiệp tư bản tư doanh về căn bản đã bị loại trừ khỏi lĩnh vực bán buôn, họ chỉ còn nắm một phần trong việc bán buôn một số thủy sản, như cá, nước mắm và một số mặt hàng bách hoá linh tinh.

Tỷ trọng 29,9% mà thương nghiệp tư doanh chiếm trong tổng mức bán buôn nói trên, phần lớn là thuộc về tiểu thương bán buôn nhỏ những mặt hàng phụ.

Về vận tải, hiện nay một số ngành kinh tế của Nhà nước có lực lượng vận tải riêng, số liệu trên đây chỉ tính riêng quốc doanh vận tải. Nếu cộng cả khối lượng vận tải mà các ngành kinh tế khác của Nhà nước tự đảm nhiệm, thì tỷ trọng của quốc doanh còn nhiều hơn.

1) HTX: hợp tác xã (B.T).

Trong tổng số hàng hoá vận chuyển:

- Quốc doanh	23,6	43,4	51,2	66,3
- Tư doanh	76,4	56,6	48,8	33,7

Trong tổng hành khách vận chuyển:

- Quốc doanh	48,7	47,3	52,2	52,9
- Tư doanh	51,3	52,7	47,8	47,1

Còn trong thương nghiệp xuất nhập khẩu, quốc doanh hoàn toàn chiếm ưu thế:

- 1955 quốc doanh nắm	77,3%	giá trị hàng xuất,	98,3%	
hàng nhập				
- 1956	"	93,2%	"	88,7%
- 1957	"	95,2%	"	98,9%
- 1958	"	99,1%	"	99,2%

Tình hình trên đây cho ta thấy:

a) Tuy có cơ hội phát triển phần nào sau khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng, nhưng đến nay tính chất nhỏ bé của công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Bắc nước ta vẫn chưa có gì thay đổi. Số lượng ít, trong đó số hộ kinh doanh tương đối lớn chiếm tỷ lệ nhỏ; số hộ kinh doanh nhỏ, vốn ít, thuê mướn ít công nhân chiếm phần lớn trong tổng số hộ tư bản tư doanh. Đáng chú ý là công thương nghiệp tư bản tư doanh tập trung ở một số vùng, chủ yếu là ở Hà Nội và Hải Phòng.

b) Công thương nghiệp tư bản tư doanh đã được cải tạo bước đầu. Thông qua các hình thức tư bản nhà nước loại thấp và vừa, ta đã hạn chế được nhiều tính chất tiêu cực, lạc hậu của nó và hướng nó hoạt động có lợi cho công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế quốc dân. Thành phần kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã mỗi năm một phát triển và

thành phần kinh tế tư bản nhà nước mỗi năm một lần lên càng hạn chế phạm vi hoạt động của thành phần kinh tế tư bản tư doanh. Hiện nay, công thương nghiệp tư bản tư doanh đã bị phụ thuộc vào kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở những thành tựu đã thu được trong hơn bốn năm thực hiện chính sách sử dụng, hạn chế và cải tạo, bắt đầu từ cuối năm 1958, ta đã làm thí điểm công tư hợp doanh đối với 27 xí nghiệp và hiệu buôn tư bản tư doanh, nhằm rút kinh nghiệm đẩy mạnh cải tạo và cải tạo về căn bản công thương nghiệp tư bản tư doanh trong thời gian tới.

Đối với chính sách của Đảng và của Nhà nước, các nhà tư sản đã tỏ thái độ như thế nào?

Nhìn chung mà nói, trong mấy năm nay, do sự giáo dục, giúp đỡ của Đảng, Nhà nước và giai cấp công nhân, những người tư sản ở miền Bắc vẫn tiếp tục ủng hộ chính quyền dân chủ nhân dân, tán thành cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc, trên trình độ khác nhau họ dần dần tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa và đã góp phần nhất định vào việc khôi phục và bước đầu phát triển kinh tế quốc dân. Đó là mặt tiến bộ, mặt tích cực của họ, chúng ta thừa nhận. Nhưng mặt khác, do địa vị kinh tế và bản chất giai cấp của họ; các nhà tư sản có một nguyện vọng cơ bản giống nhau là muốn phát triển tư bản chủ nghĩa, luyến tiếc lối kinh doanh tư bản chủ nghĩa; trong khi dần dần tiếp thu cải tạo, họ vẫn có những biểu hiện phản ứng với mức độ khác nhau. Trong mấy năm qua, những hành động có hại cho quốc kế dân sinh của họ đã bộc lộ ra khá nhiều. Đó là mặt tiêu cực, mặt lạc hậu của họ, chúng ta cũng cần phải khẳng định. Sự phản ứng của giai cấp tư sản biểu lộ rõ rệt nhất trong thời gian từ cuối năm 1956 sang giữa năm 1957. Trong thời gian ấy, lợi dụng tình hình trong nước và

ngoài nước diễn biến phức tạp, những phần tử xấu trong giai cấp tư sản, cùng với bọn tay sai địch ở miền Bắc và một số phần tử trí thức bất mãn, đã tấn công chúng ta về nhiều mặt.

Về kinh tế, họ đòi bỏ chính sách quản lý, khôi phục tự do nội thương, thu hẹp mậu dịch quốc doanh và bỏ hợp tác xã mua bán, nới rộng quản lý ngoại thương, bỏ chế độ gia công, bán đứt nguyên liệu cho họ tự do làm, tự do bán; đòi chia khu vực mở mang công nghiệp (Nhà nước phát triển công nghiệp nặng, họ phát triển công nghiệp nhẹ...). Tóm lại, họ đòi thay đổi toàn bộ chính sách kinh tế tài chính. Họ tiến hành những thủ đoạn đầu cơ tích trữ, ăn cắp nguyên vật liệu, làm hàng xấu, trốn thuế, lậu thuế, mua chuộc cán bộ, chia rẽ và dẫn công nhân... gây nhiều thiệt hại cho Nhà nước và nhân dân.

Về chính trị, họ đòi bỏ chuyên chính, thực hành dân chủ kiểu tư sản; đòi đi theo con đường trung lập; họ nhận Đảng Dân chủ là đảng của tư sản, tuyên bố sẵn sàng giúp Đảng Dân chủ hoạt động chống Đảng ta; họ ủng hộ và giúp đỡ nhóm “Nhân văn - Giai phẩm” dùng nó làm cái loa reo rắc tư tưởng tư sản; họ công khai bàn tán và chuẩn bị đi Nam (trong hơn bốn năm nay, trên 100 tư sản đã đi Nam).

Chúng ta... phê phán những luận điệu lạc hậu, phản động và dùng một loạt biện pháp để tăng cường quản lý thị trường, chống đầu cơ, bình ổn vật giá... Cuộc tấn công của những phần tử xấu trong giai cấp tư sản bị đẩy lùi, tuy vẫn còn có sự phản ứng, nhưng chỉ ngấm ngấm, không dám công khai bóc lột như trước.

Tiếp đó, chúng ta chính thức tuyên bố miền Bắc tiến lên

chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng phổ biến trong tư sản lúc này là lo sợ cách mạng xã hội chủ nghĩa. Họ sợ bị truy của và quốc hữu hóa, tài sản mất sạch, sợ lao động cải tạo (nói lao động cải tạo là hình thức khổ sai), sợ phát động quần chúng đấu tố, bị xã hội khinh miệt, sợ vợ con bị phân biệt đối xử và không có tương lai. Nhiều người tìm cách giấu của, phân tán tài sản, như chia gia tài, chia cơ sở kinh doanh ra nhiều hộ nhỏ, rút bớt vốn đăng ký kinh doanh, một số nghỉ kinh doanh, đem tiền mua vàng, sắm tư liệu sinh hoạt, không tu bổ máy móc, tìm cách dẫn công nhân, đưa người nhà vào thay để khỏi mang tiếng là bóc lột và khỏi bị công nhân đấu tranh.

Dần dần qua sự đấu tranh và giáo dục của ta, và sự thúc đẩy của đà phát triển chung trên toàn miền Bắc, nhất là bước chuyển biến cách mạng trong phong trào quần chúng và những thắng lợi cuối năm 1958, tư tưởng của các nhà tư sản ổn định dần. Họ thấy xã hội chủ nghĩa là con đường phải đi, không đi không được. Hơn 100 người đã đưa đơn xin công tư hợp doanh (một số thành thực tỏ thái độ tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa, nhưng có một số xin hợp doanh để tỏ ra tiến bộ, trong khi họ ráo riết phân tán vốn kinh doanh). Sau đợt thí điểm công tư hợp doanh vừa rồi, thấy tư sản không bị đấu tố như địa chủ, lại được việc làm, lãi tương đối khá, lao động cải tạo không vất vả gì... thì tư tưởng của tư sản ổn định hơn. Một số người xin được cải tạo trước. Song nhìn chung mà nói, nhiều người vẫn tiếc của, họ vẫn tìm mọi cách để trốn tránh cải tạo. Cần phải tiếp tục tăng cường công tác quản lý, tăng cường công tác giáo dục họ hơn nữa, mới có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc cải tạo sắp tới.

2. Chúng ta đã rút được những kinh nghiệm gì trong việc thực hiện chính sách sử dụng, hạn chế và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh và trong việc thực hiện chính sách đoàn kết, đấu tranh với giai cấp tư sản?

Qua mấy năm thực hiện chính sách sử dụng, hạn chế và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh và chính sách đoàn kết, đấu tranh với giai cấp tư sản, và qua đợt thí điểm công tư hợp doanh vừa rồi, có thể rút ra mấy kết luận sau đây:

a) Chính sách sử dụng, hạn chế và cải tạo đã được thực tế chứng minh là một chính sách đúng đắn

Ba mặt sử dụng, hạn chế và cải tạo có liên quan với nhau rất khăng khít, không thể tách rời. Kinh tế nước ta lạc hậu, cần sử dụng mọi khả năng có thể sử dụng được vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế. Công thương nghiệp tư bản tư doanh có tác dụng nhất định. Loại trừ, không sử dụng nó là không tốt (đương nhiên đối với ngành không lợi cho quốc kế dân sinh, như buôn bán vàng bạc, thì phải loại trừ, song phải có kế hoạch cải tạo để sử dụng khả năng về vốn của họ). Nhưng chỉ sử dụng, mà không hạn chế thì sẽ phát triển chủ nghĩa tư bản, công thương nghiệp tư bản tư doanh sẽ phát sinh tác dụng có hại cho quốc kế dân sinh. Muốn hạn chế và sử dụng nó được tốt hơn, phải cải tạo nó về căn bản.

Đợt thí điểm công tư hợp doanh vừa qua thu được kết quả tốt. Kết quả lớn nhất (chung cho cả công nghiệp và thương nghiệp) là quan hệ sản xuất của xí nghiệp đã thay đổi về chất, nó đã từ tính chất tư bản chủ nghĩa biến thành “ba phần tư xã hội chủ nghĩa”. Nội dung quyền sở hữu của nhà tư sản về tư liệu sản xuất chỉ còn là lợi tức cổ phần, ngoài việc định kỳ thu lợi tức ra (từ 5 đến 8%) thì quyền cổ phần của nhà tư sản không còn ý nghĩa nào khác.

Qua đấu tranh để cải tạo xí nghiệp tư bản và cải tạo tư sản, trình độ giác ngộ giai cấp và giác ngộ xã hội chủ nghĩa của công nhân trong xí nghiệp tư bản tư doanh được nâng lên một bước. Anh em đã bước đầu phân rõ ranh giới giữa công nhân và tư bản, giữa lao động và bóc lột. Một số ít bị mua chuộc đã nhận thấy sai lầm của mình và vạch rõ thủ đoạn của chủ. Đoàn kết trong nội bộ công nhân tốt hơn. Cơ sở đảng và công đoàn trong xí nghiệp tư bản tư doanh được phát triển và củng cố (phát triển 14 đảng viên trong và sau hợp doanh). Vai trò lãnh đạo và uy thế chính trị của công nhân được đề cao. Công nhân đã có ý thức làm chủ xí nghiệp. Tính tích cực lao động của họ tăng hơn trước khi hợp doanh rất nhiều. Mức sản xuất của các xí nghiệp phát triển rõ rệt: xưởng da Thụy Khuê và gạch Hưng Ký tăng 100%; dệt kim Cự Doanh tăng bốn lần, mặt hàng phát triển thêm, phẩm chất khá hơn trước; xưởng Tự Lực trước làm lớp hỏng đến 40%, nay rút xuống 4%.

Tư tưởng tư bản chủ nghĩa bị phê phán. Các nhà tư sản phải thừa nhận bóc lột là xấu, chủ nghĩa tư bản là lỗi thời, nhiều người đã nói lên một số thủ đoạn xấu xa, tệ hại của họ. Họ thấy chính sách của Đảng có chiều cố đối với họ. Một số xin bỏ thêm vốn để mở rộng sản xuất và kinh doanh. (Tự Lực mới bỏ thêm 11 vạn, hứa sẽ bỏ 2 vạn nữa, Đồng Tháp và Hưng Ký mỗi nơi thêm 6 vạn, Thụy Khuê và Dân Sinh mỗi nơi thêm 4 vạn). Ba cổ đông của Tự Lực xin đưa ba xí nghiệp riêng vào xí nghiệp công tư hợp doanh và xin được hợp doanh luôn cả ba cửa hàng của họ. Máy móc, thiết bị được đem ra sử dụng, ở một số xí nghiệp còn được bổ sung thêm (Cự Doanh lắp thêm máy, số công nhân từ 30 tăng lên 70 người,

Đồng Tháp xây thêm bộ máy, Hưng Ký xây thêm lò nung...). Một số nhà tư sản, ngoài nhiệm vụ chính họ đã được phân công phụ trách, còn cùng lao động với công nhân để tự cải tạo.

Kết quả nói trên tuy mới chỉ là bước đầu và chưa đều ở mọi chỗ, nhưng cũng đã cho ta thấy không cải tạo về căn bản quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa thì không thể nâng cao hơn nữa sức sản xuất của nước ta, nó cũng cho ta thấy chúng ta có đủ điều kiện để thực hiện cuộc cải tạo này một cách thuận lợi.

b) *Đồng thời phải thấy quá trình cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh là một cuộc đấu tranh giai cấp gay go và phức tạp. Trong cuộc đấu tranh này, phải luôn luôn đứng vững trên lập trường giai cấp, nắm vững đường lối, sách lược và chính sách của Đảng*

Trước hết, *phải thực sự dựa vào giai cấp công nhân*, phát động lực lượng công nhân tham gia đấu tranh để cải tạo xí nghiệp tư bản và cải tạo nhà tư sản. Công nhân trong xí nghiệp tư bản tư doanh có một số người chậm tiến, cá biệt có người bị chúng mua chuộc, thậm chí có phần tử xấu. Trừ một số rất ít là phần tử xấu, nói chung công nhân trong xí nghiệp tư bản tư doanh đều là những người tốt, nhiều người bị ba tầng áp bức, bóc lột của đế quốc, phong kiến và tư bản, họ căm thù giai cấp sâu sắc, mong chờ được giải phóng khỏi ách tư bản chủ nghĩa, khi được phát động, họ sẽ giác ngộ rất mau, tinh thần đấu tranh khá và đúng mức. Muốn dựa, phải phát động tư tưởng công nhân, kiên trì giáo dục, thuyết phục, nhất là đối với những người chậm tiến, nâng cao giác ngộ giai cấp và giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho họ và làm cho mọi người thông suốt đường lối, chính sách cải tạo của Đảng,

khắc phục một số nhận thức không đúng, như sợ sau khi xí nghiệp đã được cải tạo, sẽ phải làm nhiều, kỷ luật lao động sẽ đề cao, không được tự do, hoặc người hưởng lương cao, sợ sau này bị kéo mức lương xuống... Cần phải củng cố và phát triển Công đoàn, chú ý củng cố đoàn kết nội bộ công nhân. Đối với phần tử xấu, phải tăng cường giáo dục, trong khi tiến hành cải tạo xí nghiệp, tránh gây rung động trong nội bộ công nhân, không lợi cho việc đoàn kết lực lượng công nhân để đấu tranh cải tạo xí nghiệp tư bản và cải tạo tư sản. Cần phải đề cao vai trò đồn đốc và giám sát của công nhân và quan tâm đến đời sống và việc làm của họ. Chỉ có làm như thế, mới có thể cải tạo xí nghiệp tư bản và cải tạo tư sản được thuận lợi. Trong đợt thí điểm công tư hợp doanh, nơi nào làm như thế, nơi ấy thu được kết quả tốt; ngược lại, có nơi không mạnh dạn phát động tư tưởng công nhân, hạn chế tinh thần đấu tranh của họ, thậm chí có nơi không những không giáo dục, phát động tư tưởng, còn không chú ý sắp xếp việc làm cho họ thì nơi ấy không những không có chỗ dựa để đấu tranh, mà quần chúng còn có ý kiến với chính sách công tư hợp doanh.

Để cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh một cách thuận lợi, không những phải dựa hẳn vào giai cấp công nhân mà phải *hết sức quan tâm củng cố vững chắc khối liên minh công nông*, cắt đứt sự liên hệ giữa tư sản thành thị với thị trường nông thôn, để tạo điều kiện cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, đồng thời phục vụ cho phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Về mặt này, mấy năm qua ta đã chú ý làm, nhưng chưa làm được thật tốt, thời gian tới phải đặc biệt quan tâm hơn nữa.

Tiểu thương, tiểu chủ tuy có mặt tư hữu, nhưng họ là

người lao động, về căn bản họ đồng tình với cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Mấy năm qua và trong khi ta làm thí điểm công tư hợp doanh gần đây, giai cấp tư sản thường tìm mọi cách dựa vào quan hệ sẵn có với tầng lớp này để chống lại sự quản lý và hạn chế của Nhà nước và để trốn tránh cải tạo. Công tác tuyên truyền, giáo dục của ta đối với tầng lớp này chưa được chú ý đúng mức, đồng thời chưa chú ý động viên những lực lượng có thể sử dụng được trong tầng lớp này vào việc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Hơn nữa, trong khi tiến hành cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, việc phân biệt tư sản với tiểu thương, tiểu chủ có lúc chưa rõ ràng và việc sắp xếp đời sống, việc làm của tiểu thương, tiểu chủ cũng chưa được quan tâm đúng mức... Điều đó không lợi cho việc đoàn kết những người lao động để đấu tranh cải tạo giai cấp tư sản. Kinh nghiệm đã cho ta thấy: nếu không nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho tiểu thương, tiểu chủ, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của họ đối với cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh thì tư sản có thể lợi dụng gây thêm trở ngại cho ta trong cuộc cải tạo.

Trong cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, phải chú ý giáo dục, cải tạo *trí thức*, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của họ đối với việc cải tạo tư sản. Nhờ sự giáo dục của Đảng, trong giới trí thức đã có nhiều người tiến bộ, họ có thái độ đồng tình với cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Nhưng có một số bản thân là tư sản, một số vì quyền lợi gắn bó với giai cấp tư sản, đã có những sự phản ứng đối với cuộc cải tạo đó. Từ trước tới nay, việc tuyên truyền giải thích chính sách cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh trong giới trí thức chưa được chú ý. Thời gian

tới, cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh được đẩy mạnh hơn, cần đặc biệt quan tâm giáo dục, cải tạo giới trí thức, giúp đỡ họ tiến bộ không ngừng, đó là điều cần thiết để tăng thêm nhân tố tích cực thúc đẩy các nhà tư sản tiếp thu cải tạo.

Trong quá trình cải tạo, phải đề phòng và chống những thủ đoạn của tư sản mua chuộc cán bộ của Đảng và của Nhà nước. Qua công tác thí điểm công tư hợp doanh đã phát hiện những hiện tượng này. Phải không ngừng giáo dục xã hội chủ nghĩa cho cán bộ, làm cho mọi người đứng vững trên lập trường giai cấp vô sản, để tiến hành cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh thu được kết quả tốt.

c) Thực hiện chính sách sử dụng, hạn chế và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, phải *biết kết hợp khéo léo các biện pháp kinh tế, giáo dục, hành chính và phát động quần chúng đấu tranh*

Biện pháp kinh tế là chủ yếu. Phải tăng cường kinh tế xã hội chủ nghĩa để tăng cường tác dụng lãnh đạo của nó đối với kinh tế tư bản tư doanh; đồng thời phải thực hành các biện pháp cần thiết để hạn chế, thu hẹp và làm suy yếu kinh tế tư bản tư doanh. Có như vậy, giai cấp tư sản mới chịu tiếp thu cải tạo và cuộc cải tạo mới thắng lợi. Vấn đề quan trọng là Nhà nước phải nắm vững nguồn hàng, phải chiếm lĩnh bán buôn và mở rộng bán lẻ một cách thích đáng, làm cho cơ cấu kinh tế, tư bản tư doanh bị chia cắt, khiến nó mất điều kiện tồn tại độc lập, phải phụ thuộc vào kinh tế xã hội chủ nghĩa. Về mặt này, ta còn có nhiều sơ hở. Để tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc cải tạo, cần phải chú ý hạn chế mạnh hơn nữa kinh tế tư bản tư doanh.

Biện pháp giáo dục rất quan trọng. Vì chỉ có giáo dục, cải tạo tư tưởng nhà tư sản được tốt, thì cải tạo xí nghiệp tư bản mới thuận lợi. Việc phê bình đấu tranh của quần chúng là một hình thức giáo dục tư sản rất có hiệu quả, phải tổ chức, lãnh đạo quần chúng phê bình, đấu tranh một cách đúng mức. Công tác thí điểm công tư hợp doanh vừa qua đã thể nghiệm rõ rệt điều đó. Nơi nào có phát động quần chúng đấu tranh đúng mức, thái độ tiếp thu cải tạo của nhà tư sản tương đối tốt. Ngược lại, nơi nào không đấu tranh, thái độ tiếp thu cải tạo của họ kém hơn. Song cần chú ý là đấu tranh phải có kế hoạch, có sách lược, có mức độ, thực hiện đúng đắn chính sách vừa đoàn kết, vừa đấu tranh của Đảng. Trong nội bộ giai cấp tư sản, ta thấy có người tiến bộ, người lừng chừ, người lạc hậu và người ngoan cố. Nhưng vừa qua, thái độ đối với từng người chưa có phân biệt rõ ràng: đối với người lạc hậu, thậm chí người ngoan cố cũng không khác người tiến bộ mấy, nên tác dụng giáo dục tư sản kém đi và quần chúng cũng không đồng tình lắm.

Biện pháp hành chính là cần thiết. Phải phát huy đầy đủ hiệu lực của chính quyền. Có lúc, nhiều nơi đã coi nhẹ biện pháp này, buông lỏng sự quản lý về mặt hành chính, đối với tư sản vi phạm luật lệ nhà nước không có thái độ xử lý. Nhưng sử dụng biện pháp hành chính có mức độ. Trước đây có một số nơi thiên về dùng mệnh lệnh hành chính, như vậy cũng không tốt.

d) Cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh là một công tác phức tạp và rất quan trọng, đòi hỏi *sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ, tập trung và thống nhất*. Các cấp ủy đảng phải đứng ra trực tiếp chỉ đạo. Các ngành phải phối hợp dưới

sự lãnh đạo và chỉ đạo tập trung thống nhất của Đảng. Vừa qua, khi thí điểm hợp doanh đối với thương nghiệp, sự chỉ đạo của ngành sở quan ở Trung ương và cấp ủy đảng địa phương có phần loạc choạc không ăn khớp và thiếu chặt chẽ, nên hạn chế kết quả của công tác thí điểm công tư hợp doanh.

Tóm lại, căn cứ vào tình hình công thương nghiệp tư bản tư doanh hiện nay như trên đã nói là nhỏ yếu và bước đầu đã được cải tạo, và với những kinh nghiệm bước đầu đã thu được trong đợt thí điểm công tư hợp doanh vừa qua, ta thấy cần và có thể cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh một cách tốt, vững, đồng thời nhanh và gọn. Vấn đề phải giải quyết là Đảng cần kịp thời đề ra đường lối, phương châm, chính sách cải tạo một cách toàn diện, và toàn Đảng phải quán triệt, chấp hành đúng đắn phương châm, chính sách ấy.

II

ĐẨY MẠNH CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI CÔNG THƯƠNG NGHIỆP TƯ BẢN TƯ DOANH NHẪM ĐI TỚI XOÁ BỎ THÀNH PHẦN KINH TẾ TƯ BẢN TƯ DOANH VÀ XOÁ BỎ GIAI CẤP TƯ SẢN LÀ MỘT TRONG NHỮNG TRỌNG TÂM TRƯỚC MẮT CỦA NHIỆM VỤ CƠ BẢN HIỆN NAY Ở MIỀN BẮC

1. *Vì sao phải đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh?*

Miền Bắc nước ta sau khi hoàn toàn giải phóng đã bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Lực lượng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc hiện nay đã mạnh hơn hẳn lực lượng tư bản chủ nghĩa, nhưng vấn đề “ai thắng ai” giữa chủ

nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản vẫn chưa giải quyết. Đặc điểm của chủ nghĩa tư bản là chiếm hữu cá nhân về tư liệu sản xuất và bóc lột người lao động. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa hạn chế sự phát triển sức sản xuất của nước ta, gây nhiều trở ngại cho việc phát triển toàn bộ nền kinh tế quốc dân một cách cân đối và với tốc độ nhanh, do đó gây trở ngại cho việc nâng cao đời sống nhân dân. Nó kích thích khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa của nền kinh tế sản xuất hàng hoá nhỏ, cản trở việc đưa những người lao động cá thể đi vào con đường làm ăn tập thể để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Ý thức tư tưởng tư sản hoàn toàn đối lập với ý thức tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Do đó, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, giữa quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa và quy luật kinh tế tư bản chủ nghĩa, giữa công nhân và tư sản, giữa bóc lột và lao động, là mâu thuẫn chủ yếu ở miền Bắc trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cần giải quyết mâu thuẫn đó, nhằm khắc phục mọi trở lực dón đường cho miền Bắc tiến lên.

Mâu thuẫn nói trên phát triển và biểu hiện ở mỗi giai đoạn một khác. Trong thời kỳ đầu mới giải phóng, vì kinh tế miền Bắc nước ta rất lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, đứng trước nhiệm vụ quan trọng là phải ra sức khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, chúng ta cần sử dụng mọi lực lượng kinh tế có thể sử dụng được, do đó thành phần kinh tế tư bản tư doanh không những tồn tại, mà còn phát triển trong chừng mực nhất định, điều đó là cần thiết và có lợi. Trong thời gian ấy, mâu thuẫn nói trên chủ yếu biểu hiện ở mặt đấu tranh trên thị trường, đấu tranh giữa sự

quản lý và hạn chế của Nhà nước và giai cấp tư sản chống lại sự quản lý và hạn chế ấy. Nhưng đến nay, trong thời kỳ phát triển kinh tế, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa mâu thuẫn sâu sắc với yêu cầu giải phóng và phát triển sức sản xuất, với việc phát triển thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và với yêu cầu nâng cao đời sống nhân dân. Mâu thuẫn đã phát triển đến mức độ không căn bản cải tạo kinh tế tư bản tư doanh không được.

Trước mắt, thành phần kinh tế tư bản tư doanh gây nhiều trở lực cho việc cải tạo và phát triển nông nghiệp và cải thiện đời sống của nông dân. Cải tạo và phát triển nông nghiệp và cải thiện đời sống của nông dân lao động là nhiệm vụ trọng tâm hiện nay ở miền Bắc. Đảng và Nhà nước tập trung sức lực giúp nông dân giải quyết tốt nhiệm vụ đó. Song, giai cấp tư sản thông qua thị trường tự do, dùng mọi thủ đoạn kích thích mặt tự phát tư bản chủ nghĩa của nông dân cá thể và mua rẻ, bán đắt để bóc lột nông dân, những hành động đó đều làm thiệt hại đến lợi ích của nông dân và đến việc củng cố liên minh công nông. Cho nên, phải đẩy mạnh cải tạo kinh tế tư bản tư doanh để phục vụ và thúc đẩy nông nghiệp cải tạo và phát triển, cải thiện đời sống của nông dân lao động.

Sự tồn tại của thành phần kinh tế tư bản tư doanh là trở lực cho việc xây dựng và phát triển công nghiệp. Công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ cơ bản trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để công nghiệp hoá nước nhà, cần phải tăng cường tích lũy vốn cho Nhà nước. Hiện nay, một phần quan trọng trong thu nhập quốc dân bị giai cấp tư sản chiếm đoạt dưới hình thức lợi nhuận, do đó làm giảm

mức tích lũy của xã hội, của Nhà nước¹⁾. Giai cấp tư sản thi hành các thủ đoạn đầu cơ tích trữ sẽ gây trở ngại cho việc xây dựng và phát triển công nghiệp. Trong khi đảm bảo phát triển công nghiệp quốc doanh một cách nhanh chóng, vẫn cần tận dụng mọi năng lực hiện nay trong xí nghiệp tư doanh. Nhưng trong xí nghiệp tư bản tư doanh còn tồn tại quan hệ bóc lột và bị bóc lột, khiến công nhân không phấn khởi sản xuất. Lề lối kinh doanh tư bản chủ nghĩa gây nhiều lãng phí về nhân lực, vật lực, do đó hàng hoá làm ra thì phẩm chất xấu, giá thành cao. Việc sắp xếp, điều chỉnh toàn diện giữa các thành phần sản xuất công nghiệp trong nước không tiến hành được. Muốn giải quyết các mâu thuẫn trên, không có cách gì khác là phải căn bản cải tạo thành phần kinh tế tư bản tư doanh.

Nếu không căn bản cải tạo thành phần kinh tế tư bản tư doanh, chúng ta sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc ổn định thị trường, ổn định giá cả, do đó tác động không tốt đến việc ổn định tài chính, tiền tệ và ổn định đời sống của nhân dân vì thành phần kinh tế tư bản tư doanh là một nhân tố tiêu cực khiến cho giá cả thị trường dễ bấp bênh, không ổn định. Do đà phát triển sản xuất, sức mua của nhân dân càng ngày càng lớn, nếu không cải tạo thành phần kinh tế tư bản tư doanh, chấm dứt những hành động đầu cơ tích trữ, ép giá

1) Theo số liệu chưa đầy đủ, năm 1956 và 1957 tổng số lãi ròng của các hộ kinh doanh có đóng thuế lợi tức là gần 130 triệu đồng, trong đó số hộ thu lãi ròng hàng năm trên 4.000 đ chiếm chừng 20% tổng số hộ, nhưng lại hưởng trên 50% tổng số lãi. Phần lớn số lãi đó, nhà tư sản dùng để tích lũy vốn, chờ có dịp tung ra lũng đoạn thị trường, một phần đem tiêu phí, phần bỏ vào sản xuất rất nhỏ.

mua, nâng giá bán, làm hàng xấu, bán hàng gian dối của những nhà tư sản, thì sẽ gây nhiều thiệt hại cho nhân dân. Phía khác, lưới thương nghiệp hiện nay phân bố không hợp lý, không phục vụ được đắc lực nhu cầu phân phối hàng hoá. Với hình thức kinh tiêu đại lý như hiện nay, không thể giải quyết được thoả đáng tình trạng này. Vì lợi ích phát triển kinh tế và cải thiện đời sống của quần chúng, phải cải tạo kinh tế tư bản tư doanh về căn bản và toàn diện.

Để đảm bảo thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội trên mặt trận kinh tế và chính trị, phải nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng, trước hết là quần chúng lao động. Giai cấp tư sản nước ta tuy nhỏ bé, nhưng ảnh hưởng tư tưởng tư sản trong xã hội (nhất là trong giới trí thức và tiểu tư sản) khá mạnh. Việc đấu tranh chống tư tưởng tư sản và các tư tưởng phi vô sản khác, làm cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế là một yêu cầu quan trọng và cấp thiết. Đây là một cuộc đấu tranh gay go và lâu dài. Để tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh này, trước mắt là phải cải tạo về căn bản thành phần kinh tế tư bản tư doanh, xoá bỏ cơ sở vật chất của tư tưởng tư sản.

Nhiệm vụ chung của chúng ta hiện nay là phải đoàn kết toàn dân, ra sức củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống Mỹ – Diệm, nhằm thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành tốt cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh sẽ có thêm sức mạnh để thực hiện nhiệm vụ đó. Trong xã hội còn có quan hệ bóc lột và bị bóc lột thì không thể có sự đoàn kết vững chắc, còn có chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa thì không thể bảo đảm chắc chắn cho việc củng cố hậu phương, củng cố quốc phòng. Cho nên cần phải cải tạo thành phần

kinh tế tư bản tư doanh để căn bản tiêu diệt hiện tượng người bóc lột người, có như thế khối đoàn kết toàn dân mới được tăng cường, công tác củng cố hậu phương, củng cố quốc phòng sẽ có thêm điều kiện thuận lợi...

Tóm lại, chủ nghĩa tư bản đối lập hẳn với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản là trở lực chính trên con đường tiến lên của miền Bắc hiện nay. Cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh và giai cấp tư sản theo chủ nghĩa xã hội là một yêu cầu bức thiết để củng cố miền Bắc vững mạnh, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở cho sự nghiệp đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hoà bình.

2. Cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội như thế nào và phải làm gì để bảo đảm thắng lợi của cuộc cải tạo đó?

Chúng ta nhận thức rằng xoá bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa xây dựng trên cơ sở chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và thành lập những quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa xây dựng cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, là nhiệm vụ *bắt buộc* tất yếu để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng bằng phương châm, phương pháp và hình thức gì để thực hiện nhiệm vụ ấy, phải xuất phát từ những đặc điểm dân tộc và hoàn cảnh lịch sử của mỗi nước.

Về mặt lý luận, từ lâu, Mác đã chỉ rõ: “... Không nghi ngờ gì cả, ở một số nước tư bản chủ nghĩa, việc dùng bạo lực để lật đổ nền chuyên chính tư sản, và do đó, phải tiến hành một cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt là điều không thể tránh được, nhưng cách mạng có nhiều hình thức và không phải bạo lực là hình thức duy nhất”. Mác còn nói rằng: “Trong những điều

kiện nào đó, khi giai cấp công nhân đã giành được chính quyền rồi, thì cách rẻ nhất là thực hành chuộc lại đối với giai cấp tư sản để làm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi một cách hoà bình”.

Chúng ta tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh trong điều kiện như thế nào?

Một là, kinh tế nước ta lạc hậu, sau bốn năm khôi phục và bước đầu phát triển kinh tế, chúng ta đã thu được thắng lợi to lớn, nhưng đến nay căn bản vẫn là nền kinh tế nông nghiệp đang được cải tạo, công nghiệp còn nhỏ. Công thương nghiệp tư bản tư doanh, nhờ thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thoát khỏi tình trạng phụ thuộc vào kinh tế đế quốc, được dịp phát triển phần nào, nhưng vẫn yếu ớt. Mấy năm qua nó đã được cải tạo bước đầu và hiện nay nó bị phụ thuộc vào kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Hai là, giai cấp tư sản nước ta ra đời muộn, ở miền Bắc số lượng ít, địa vị kinh tế của họ lép vế, địa vị chính trị yếu, họ chưa từng được nắm quyền quản lý nhà nước và không có liên hệ quốc tế đáng kể. Nhiều người trong giai cấp tư sản từ thành phần lao động nhồi lên, ít người có gốc rễ tư sản từ lâu đời. Nhiều người có quan hệ với miền Nam, bên cạnh đó, nhiều người có quan hệ ít nhiều với cách mạng. Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tư sản dân tộc đã từng có quan hệ liên minh với giai cấp công nhân. Sau ngày miền Bắc hoàn toàn giải phóng, họ ủng hộ chính quyền dân chủ nhân dân, tán thành Cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc, tán thành đấu tranh để thống nhất nước nhà, tuy nhiên, trong khi tiến dần lên con đường cải tạo, họ vẫn có những phản ứng đối với cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Ba là, ở miền Bắc hiện nay lực lượng xã hội chủ nghĩa đã

mạnh hơn hẳn lực lượng tư bản chủ nghĩa. Nền chuyên chính dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân và chính đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo đã được củng cố; thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa chiếm địa vị ưu thế và có tính chất quyết định đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh; trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của công nhân, nông dân đang được nâng cao, khối liên minh công nông ngày càng được củng cố vững chắc; xu thế xã hội chủ nghĩa trong các tầng lớp lao động khác mỗi ngày một tăng thêm. Đó là điều kiện có ý nghĩa quyết định đối với cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, cuộc cải tạo này tiến hành trong lúc nước ta còn tạm thời bị chia làm hai miền. Vì tình trạng đất nước còn bị chia cắt và với âm mưu phá hoại của bọn Mỹ – Diệm cuộc đấu tranh của nhân dân ta thêm khó khăn, phức tạp, nhưng không vì thế mà hạn chế ta trong việc cải tạo kinh tế tư bản tư doanh, hạn chế miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Ngược lại, chính vì phải củng cố miền Bắc cho vững mạnh, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, nên cần phải cải tạo và xây dựng xã hội chủ nghĩa để miền Bắc tiến theo một nhịp độ nhanh hơn. Điều cốt yếu là mọi chính sách thi hành ở miền Bắc phải quán triệt phương châm củng cố miền Bắc tranh thủ miền Nam.

Năm là, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc tiến hành trong điều kiện quốc tế rất thuận lợi. Lực lượng xã hội chủ nghĩa đã thành một hệ thống thế giới và đã mạnh hơn lực lượng phe đế quốc chủ nghĩa. Những thắng lợi to lớn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước anh em trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản đã có ảnh hưởng vang dội đến nhân dân ta, cổ vũ nhân dân ta rất nhiều. Đặc biệt thắng lợi và kinh nghiệm của cao trào cải tạo

hoà bình công thương nghiệp tư bản tư doanh ở Trung Quốc đã có nhiều ảnh hưởng trong nhân dân lao động và tư sản dân tộc nước ta. Chúng ta có lý luận Mác – Lênin soi sáng, lại rút được kinh nghiệm của các nước anh em đã đi trước, điều đó có lợi cho phong trào cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Đặc điểm tình hình trên đây quyết định phương pháp, hình thức và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, đồng thời cho ta thấy rõ những điều kiện căn bản để bảo đảm giành thắng lợi trong cuộc cải tạo đó.

Căn cứ vào những đặc điểm chính trị và kinh tế của nước ta và tình hình công thương nghiệp tư bản tư doanh như trên đã nói, *chính sách chung đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh là tiếp tục cải tạo hoà bình.*

Về kinh tế, tiếp tục dùng chính sách sử dụng, hạn chế và cải tạo, hiện nay chủ yếu là cải tạo: đưa công thương nghiệp tư bản tư doanh đã được cải tạo bước đầu bằng hình thức thấp và vừa của chủ nghĩa tư bản nhà nước lên hình thức cao của tư bản nhà nước, và vào con đường hợp tác hoá, nhằm biến đổi về căn bản công thương nghiệp tư bản tư doanh. Thực hiện việc chuộc lại dần dần tư liệu sản xuất của giai cấp tư sản dân tộc, biến chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất thành chế độ sở hữu vừa tư bản chủ nghĩa, vừa xã hội chủ nghĩa, tiến lên hoàn toàn xã hội chủ nghĩa.

Về chính trị, đối với giai cấp tư sản dân tộc, tiếp tục dùng chính sách vừa đoàn kết vừa đấu tranh, đấu tranh để đi đến đoàn kết hơn nữa trên cơ sở mới. Đi đôi với cải tạo xí nghiệp tư bản, cần giáo dục, cải tạo con người tư sản và sắp xếp công việc cho họ, làm cho họ có cơ hội lao động để cải tạo và phục vụ nhân dân.

Dùng chính sách trên đây, tức là dùng phương pháp hoà bình để giải quyết mâu thuẫn chủ yếu hiện nay ở miền Bắc, để chuyển mâu thuẫn vốn đối kháng giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản thành mâu thuẫn không đối kháng. Cũng tức là trên cơ sở liên minh công nông, chúng ta vẫn giữ liên minh với giai cấp tư sản dân tộc với điều kiện họ tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa. Đây là một thứ liên minh đặc biệt trong điều kiện chuyên chính vô sản, liên minh để cải tạo xí nghiệp tư bản và xoá bỏ giai cấp tư sản, khiến cho chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa dần dần biến thành chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa và khiến cho những người tư sản từ những phần tử bóc lột trở thành người lao động.

Làm như thế là cần thiết và có lợi.

Về mặt kinh tế, nền sản xuất của xã hội tránh được những tổn thất, do đó, giữ cho sản xuất và lưu thông hàng hoá không bị gián đoạn, đảo lộn. Hơn nữa, do quan hệ sản xuất thay đổi, sức sản xuất của xã hội sẽ phát triển không ngừng.

Về mặt chính trị, đoàn kết và đấu tranh với giai cấp tư sản dân tộc, để đoàn kết trên cơ sở mới, tốt hơn; do đó Mặt trận dân tộc thống nhất sẽ được thuận hơn, củng cố vững chắc hơn. Sự nghiệp củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà sẽ có thêm điều kiện thuận lợi.

Song cần nhận thức đầy đủ rằng cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh là một cuộc đấu tranh cách mạng. *Mặc dù lực lượng của giai cấp tư sản nhỏ bé và ta có khả năng cải tạo hoà bình, cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản vẫn là đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp và lâu dài.*

Lênin đã dạy: “Hình thức quá độ bằng hoà bình để đưa chủ nghĩa tư bản vào chủ nghĩa tư bản nhà nước là một hình thức đấu tranh giai cấp đặc biệt, là sự tiếp tục một hình thức đấu tranh giai cấp khác, nó quyết không phải là điều hoà giai cấp thay thế đấu tranh giai cấp”. Vì cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội là nhằm xoá bỏ cả một thành phần kinh tế và xoá bỏ cả một giai cấp, nhằm chuyển cả một chế độ sở hữu, từ sở hữu tư bản chủ nghĩa sang chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa, chuyển địa vị bóc lột của nhà tư sản thành địa vị người lao động sống bằng sức mình..., tất cả những cái đó không phải đơn giản, mà phải trải qua đấu tranh gay go, phức tạp và lâu dài mới có thể thực hiện được.

Tư sản ở miền Bắc nước ta tuy lực lượng nhỏ yếu, nhưng nó là một giai cấp trong xã hội. Mấy năm qua công tác cải tạo của ta mới chỉ là bước đầu. Họ không có cách gì khác thì phải tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa, nhưng nhiều người vẫn còn mơ ước lối sống ở miền Nam, trên mức độ khác nhau vẫn có sự phản ứng đối với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong lúc nước nhà còn chia làm hai miền. Bè lũ Mỹ – Diệm và bọn phản cách mạng tay sai của chúng lén lút ở miền Bắc chưa bị trấn áp sẽ tìm mọi cách phá hoại cuộc cải tạo đó. Những phần tử ngoan cố trong tư sản và trí thức tư sản bất mãn có thể có những hành động chống đối cuộc cải tạo đó. Tư sản dân tộc ở miền Nam chắc không đồng tình với cuộc cải tạo này. Cho nên phải thấy cuộc cải tạo hoà bình đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh bao hàm tính chất đấu tranh giai cấp sâu sắc; nó không phải đơn thuần là vấn đề kinh tế, mà là vấn đề đấu tranh chính trị phức tạp; không phải chỉ đóng khung ở miền

Bắc, mà còn có ảnh hưởng đối với miền Nam. Do đó, tiến hành cuộc cải tạo này phải đứng vững trên lập trường giai cấp, luôn luôn nâng cao cảnh giác, nắm vững chuyên chính, kịp thời ngăn chặn và đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của bọn tay sai của Mỹ – Diệm, kiên quyết đấu tranh chống những phần tử phản cách mạng đã tự tách khỏi giai cấp tư sản dân tộc, chống lại chủ nghĩa xã hội, chống lại Tổ quốc và nhân dân, nhằm hoàn thành cuộc cải tạo này một cách thuận lợi, có tác dụng tốt đối với việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đối với cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Để bảo đảm thắng lợi chắc chắn trong cuộc cải tạo này, vấn đề mấu chốt là phải không ngừng tăng cường lực lượng của chúng ta. Lực lượng đó là:

Chính quyền dân chủ nhân dân chuyên chính phải được củng cố vững mạnh, làm cho nó thật sự là một vũ khí sắc bén trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa phải được không ngừng phát triển và củng cố về mọi mặt, đồng thời đẩy mạnh phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, thủ công nghiệp, cắt đứt sự liên hệ giữa kinh tế tư bản tư doanh với kinh tế sản xuất hàng hoá nhỏ, do đó, làm cho kinh tế tư bản tư doanh mất hẳn điều kiện tồn tại độc lập, làm cho giai cấp tư sản không còn con đường nào khác ngoài con đường tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Công nhân, nông dân, quân đội, những người lao động khác, trí thức cách mạng và những nhân sĩ tiến bộ là lực lượng của cuộc đấu tranh này, trong đó công nhân và nông dân là lực lượng cơ bản, lực lượng quyết định. Phải thực sự dựa vào giai cấp công nhân, củng cố vững chắc liên minh

công nông, trên cơ sở đó đoàn kết chặt chẽ những người lao động khác, trí thức cách mạng và nhân sĩ tiến bộ, làm cho mọi người đều nhận rõ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh là vì lợi ích của lao động, của dân tộc, để đồng tình, ủng hộ và tham gia cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Đó là mặt chủ yếu nhất, cơ bản nhất.

Mặt khác, cần vận dụng đúng đắn chính sách của Đảng đối với giai cấp tư sản dân tộc là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh. Đoàn kết và đấu tranh là hai mặt của một nhiệm vụ. Chỉ đoàn kết mà không đấu tranh đúng mức, hoặc đấu tranh mà không xuất phát từ đoàn kết, và để đi đến đoàn kết hơn nữa đều không đúng. Trong giai cấp tư sản, nói chung có ba bộ phận: tiến bộ, trung gian và lạc hậu. Cần phải có thái độ phân biệt đối xử với từng loại, nhằm nâng cao và phát triển những phần tử tiến bộ, trên cơ sở đó giáo dục tranh thủ những phần tử trung gian, và làm cho những phần tử lạc hậu ngày càng nâng cao giác ngộ, tiến bộ hơn lên, phân hoá những phần tử ngoan cố. Tóm lại là đoàn kết đa số, làm yếu sức phản kháng của giai cấp tư sản, để có lợi cho cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Trong điều kiện chúng ta có chính quyền, có quân đội, có lực lượng kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn mạnh, có lực lượng quần chúng đông đảo đoàn kết chặt chẽ chung quanh chính đảng của giai cấp công nhân, lại được sự ủng hộ và giúp đỡ của phe xã hội chủ nghĩa, chúng ta hoàn toàn có khả năng để thực hiện một cách thắng lợi cuộc cải tạo toàn diện và căn bản đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh. Giai cấp tư sản ở miền Bắc nước ta nhỏ yếu, bị phụ thuộc và bước đầu đã được cải tạo, đứng trước lực lượng to lớn của giai

cấp công nhân, họ không thể không đi vào con đường cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta cần có những chính sách cụ thể và những phương pháp và kế hoạch thích hợp để tiến hành cuộc cải tạo này.

III

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ TRONG CUỘC CẢI TẠO CÔNG THƯƠNG NGHIỆP TƯ BẢN TƯ DOANH

Để thực hiện hoà bình cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội, cần giải quyết một số vấn đề sau đây:

1. *Mục đích, yêu cầu của cuộc cải tạo*

Mục đích, yêu cầu của cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh là:

a) Xoá bỏ chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất trong công thương nghiệp để cùng với việc cải tạo nông nghiệp và thủ công nghiệp, làm cho chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất trở thành cơ sở kinh tế duy nhất của nước ta; xoá bỏ giai cấp tư sản và chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa, đồng thời cải tạo những người trong giai cấp tư sản thành những người lao động có ích cho xã hội.

b) Trên cơ sở quan hệ sản xuất mới, đẩy mạnh sản xuất, mở rộng lưu thông hàng hoá, sắp xếp và ổn định thị trường, ổn định vật giá, góp phần ổn định tài chính và tiền tệ, thúc đẩy nông nghiệp và thủ công nghiệp cải tạo và phát triển, tạo điều kiện tốt cho việc cải tạo tiểu thương hàng rong. Theo đà phát triển của sản xuất, dần dần cải thiện điều kiện làm việc và điều kiện sinh hoạt của công nhân và cải thiện đời sống của nhân dân.

c) Qua cuộc cải tạo này, nâng cao giác ngộ giai cấp và giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho giai cấp công nhân và cho cán bộ, đảng viên, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho các tầng lớp nhân dân, bước đầu giáo dục, cải tạo tư tưởng các nhà tư sản. Làm cho mọi người phân rõ ranh giới giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa, giữa lao động và bóc lột, giữa chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa cá nhân, làm cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế.

d) Phát triển và củng cố Công đoàn, Đoàn Thanh niên Lao động và phát triển Đảng trong xí nghiệp tư bản tư doanh. Qua cuộc cải tạo này, củng cố tổ chức của các ngành có quan hệ trực tiếp đến công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh trong mức độ nhất định.

e) Củng cố vững chắc khối liên minh công nông, trên cơ sở đó, củng cố khối đoàn kết toàn dân và chính quyền dân chủ nhân dân.

Vấn đề mấu chốt là phải cải biến quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, thay thế bằng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở quan hệ sản xuất mới, phải đẩy mạnh sản xuất và mở rộng lưu thông, góp phần cải tạo và phát triển toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Muốn đạt mục đích đó, phải nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho giai cấp công nhân và tiến hành đấu tranh chống tư tưởng tư bản chủ nghĩa. Cải tạo tư tưởng các nhà tư sản là một yêu cầu quan trọng để tạo điều kiện thuận lợi cho việc cải tạo xí nghiệp tư bản. Nhưng trong cuộc cải tạo này, công tác cải tạo tư tưởng nhà tư sản mới chỉ là bước đầu. Sau khi xí nghiệp đã được cải tạo, còn phải tiếp tục giáo dục, cải tạo nhà tư sản mới có thể cải biến họ hoàn toàn trở thành người lao động.

Trong cuộc vận động cải tạo này, không đặt vấn đề kết

hợp trấn áp phản cách mạng. Song không hạn chế quân chúng phát hiện vấn đề chính trị. Cán bộ đi làm công tác cải tạo này phải có ý thức phát hiện vấn đề chính trị để giúp cho cơ quan công an nghiên cứu giải quyết.

2. Các hình thức cải tạo

Để đạt mục đích cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, chúng ta sẽ áp dụng các hình thức sau đây:

- Công tư hợp doanh
- Hợp tác hoá

a) *Công tư hợp doanh* là một hình thức cao của tư bản nhà nước. Cách tiến hành chủ yếu là Nhà nước hợp doanh với xí nghiệp sẵn có của nhà tư sản; ngoài ra cũng có thể, hoặc là Nhà nước hợp doanh với nhà tư sản mở mang xí nghiệp mới, khai thác công nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi...; hoặc cũng có thể cho nhà tư sản góp vốn vào xí nghiệp đã công tư hợp doanh, hay có thể sáp nhập cơ sở kinh doanh của tư sản vào xí nghiệp công tư hợp doanh, hoặc biến thành phân xưởng của xí nghiệp công tư hợp doanh...

Đối tượng hợp doanh là những cơ sở sản xuất và kinh doanh tư bản chủ nghĩa loại lớn (lớn tương đối ở miền Bắc), những cơ sở sản xuất và kinh doanh tuy không lớn nhưng quan trọng về kinh tế, chính trị và quốc phòng, những cơ sở sản xuất và kinh doanh tư bản chủ nghĩa xét chỉ hợp doanh mới tiện cho Nhà nước quản lý, sắp xếp để thuận lợi cho việc phát triển sản xuất và phát triển kinh doanh hơn nữa. Đối với tiểu thương, tiểu chủ thì chủ yếu là tổ chức hợp tác, song, cũng có những trường hợp nếu xét hợp doanh tiện lợi hơn và tự họ yêu cầu, cũng có thể thực hành công tư hợp doanh.

Sau khi xí nghiệp tư bản tư doanh chuyển thành công tư hợp doanh, quan hệ sản xuất của xí nghiệp tư bản tư doanh đã thay đổi về chất, nó đã từ tính chất tư bản chủ nghĩa biến

thành tính chất nửa xã hội chủ nghĩa, hoặc là 3/4 xã hội chủ nghĩa nếu sự phân phối lợi nhuận trong xí nghiệp hợp doanh không theo cách chia lãi, mà quy định mức lãi nhất định. Trong xí nghiệp công tư hợp doanh, việc quản lý sản xuất và kinh doanh của xí nghiệp không theo phương thức tư bản chủ nghĩa, mà theo phương thức xã hội chủ nghĩa. Đại biểu nhà nước và quần chúng công nhân, viên chức kết hợp với nhau và ở vào địa vị lãnh đạo. Công nhân, viên chức thực sự là chủ nhân, tính tích cực lao động của họ được nâng cao rất nhiều. Nhà tư sản ở vào địa vị bị lãnh đạo, phải chịu sự lãnh đạo và giám đốc trực tiếp của đại biểu nhà nước và quần chúng công nhân, viên chức, điều đó có lợi cho việc giáo dục, cải tạo nhà tư sản.

Công tư hợp doanh toàn ngành có những mặt tốt hơn công tư hợp doanh từng xí nghiệp riêng lẻ. Hợp doanh toàn ngành làm cho thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa chiếm địa vị lãnh đạo trong toàn ngành; làm cho Nhà nước có thể cải tổ kinh tế và cải tạo xí nghiệp trong toàn ngành theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa; việc đặt kế hoạch toàn diện và trực tiếp cho toàn ngành cùng tiện lợi. Hợp doanh toàn ngành sẽ xoá được ranh giới giữa các xưởng, giữa các cửa hàng, do đó có thể thống nhất phân phối và sử dụng hợp lý nhân, tài, vật lực của xí nghiệp; giải quyết được những khó khăn khi hợp doanh từng xí nghiệp riêng lẻ, như phân tán và lãng phí tiền vốn của Nhà nước, rút bớt được cán bộ quản lý, v.v.. Hợp doanh toàn ngành sẽ đẩy nhanh tốc độ cải tạo xã hội chủ nghĩa. Tới một giai đoạn nào đó, việc trả lợi tức cho nhà tư sản không còn nữa, nhà tư sản sống bằng sức lao động của mình, thì xí nghiệp công tư hợp doanh sẽ chuyển thành xí nghiệp quốc doanh xã hội chủ nghĩa; chế độ sở hữu

vừa xã hội chủ nghĩa, vừa tư bản chủ nghĩa sẽ chuyển thành chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa của toàn dân.

b) *Hình thức hợp tác*

Hình thức hợp tác chủ yếu là hình thức tổ chức của những người lao động cá thể. Nhưng trong hoàn cảnh cụ thể của miền Bắc nước ta: tư sản tương đối lớn ít, tư sản nhỏ nhiều, trong đó có nhiều người xuất thân từ thành phần lao động, mới bước chân vào con đường kinh doanh tư bản chủ nghĩa trong những năm gần đây, bản thân họ có bóc lột theo lối tư bản chủ nghĩa, song đồng thời cũng tham gia lao động; nên đối với một bộ phận công thương nghiệp tư bản tư doanh nào đó, chúng ta cũng có thể dùng hình thức hợp tác để cải tạo.

Cơ sở kinh doanh tư bản chủ nghĩa cải tạo theo hình thức hợp tác là những cơ sở kinh doanh tư bản chủ nghĩa loại nhỏ, tác dụng về kinh tế và chính trị không lớn, và nếu tổ chức hợp tác cũng không trở ngại cho Nhà nước quản lý, sắp xếp, không trở ngại cho việc phát triển sản xuất và kinh doanh. Như vậy, phải xem cụ thể từng ngành, từng nghề, từng hộ, từng địa phương mà định hình thức cải tạo thích hợp.

Cách tiến hành hợp tác hoá như sau:

Chủ xí nghiệp giao tư liệu sản xuất cho tập thể công nhân làm trong xí nghiệp đó để thành lập xí nghiệp hợp tác, hoặc giao cho một hợp tác xã thủ công nghiệp cùng ngành để gia nhập hợp tác xã đó. Tài sản của họ đưa vào xí nghiệp hợp tác hay hợp tác xã thủ công nghiệp sẽ được trị giá thành tiền. Một phần trong số tiền đó là cổ phần của người chủ xí nghiệp cũ góp vào hợp tác xã hay xí nghiệp hợp tác, và được hưởng lãi theo như điều lệ của tổ chức hợp tác đã quy định về cổ phần và mức lãi. Số còn lại không phải là cổ phần cũng được

hưởng một tỷ lệ lãi nhất định do tập thể xã viên quy định, mức tối đa không quá lợi suất gửi ngân hàng, từng thời kỳ tổ chức hợp tác sẽ trích trong quỹ tích lũy chung (không phải trong số tiền lãi chia cho xã viên) để trả. Người chủ cũ phải tham gia lao động như các xã viên khác và hưởng thụ bình đẳng theo lao động như các xã viên khác.

Một số tư sản thương nghiệp loại nhỏ cũng có thể gia nhập xí nghiệp hợp tác sản xuất, lúc đầu họ chưa biết sản xuất, thì xí nghiệp hợp tác sử dụng khả năng buôn bán của họ, rồi dần dần chuyển họ sang sản xuất.

Đối với thương nghiệp, thì tổ chức hợp tác mua bán hay hợp tác mua bán kiêm sản xuất, gồm một số tư sản thương nghiệp loại nhỏ và tiểu thương, cùng bỏ vốn, cùng kinh doanh, cùng chịu lỗ lãi, hưởng thụ bình đẳng theo lao động. Tiền vốn của nhà tư sản góp vào tổ chức hợp tác này cũng xử lý như tiền vốn của tư sản công nghiệp góp vào xí nghiệp hợp tác hay hợp tác xã thủ công nghiệp nói trên.

Vì những người gia nhập hợp tác mua bán kiêm sản xuất phần nhiều là những người chưa có kinh nghiệm sản xuất, cho nên trong khi phát huy khả năng buôn bán của họ, cần giúp đỡ họ học tập sản xuất để dần dần có khả năng chuyển qua sản xuất.

Dùng hình thức hợp tác để cải tạo, chúng ta vẫn thực hiện được mục đích dần dần xoá bỏ quan hệ sản xuất và kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Do quỹ tích lũy chung mỗi năm một lớn lên, nhân tố xã hội chủ nghĩa trong tổ chức hợp tác cũng mỗi năm một tăng lên. Trên cơ sở phát triển sản xuất và kinh doanh, đời sống của các xã viên trong tổ chức hợp tác dần dần được cải thiện và trải qua quá trình giáo dục, trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của xã viên ngày càng lên cao,

khi các điều kiện kinh tế, chính trị và tổ chức đã đầy đủ và quần chúng xã viên thấy cần thiết, có thể đưa tổ chức hợp tác này tiến lên bước cao hơn nữa: biến nó thành xí nghiệp và hiệu buôn quốc doanh. Dùng hình thức cải tạo này, Nhà nước không phải trực tiếp làm, không phải bỏ vốn, có thể sử dụng được lực lượng quần chúng đứng ra làm công việc cải tạo xí nghiệp tư bản và cải tạo nhà tư sản. Nhưng cũng có nhược điểm: xí nghiệp thuộc sở hữu tập thể, nên việc cải tổ kinh tế, cải tạo xí nghiệp, thống nhất phân phối và sử dụng hợp lý nhân, tài, vật lực có trở ngại hơn xí nghiệp công tư hợp doanh. Việc giáo dục, cải tạo nhà tư sản cũng không có điều kiện làm tốt bằng ở xí nghiệp công tư hợp doanh.

Đứng về phía công nhân mà nói, dùng hình thức này có thể có một số người đồng tình, vì từ địa vị làm thuê nay trở thành địa vị cùng nhà tư sản làm chủ xí nghiệp, có quyền sở hữu về tư liệu sản xuất; nhưng cũng có thể có một số muốn xí nghiệp trở thành xí nghiệp công tư hợp doanh hơn, vì ở đó quyền lợi chính trị có nhiều hơn, quyền lợi kinh tế được bảo đảm hơn.

Còn thợ thủ công và tiểu thương, có thể có một số đồng tình để tư sản gia nhập tổ chức hợp tác vì có thêm vốn và công cụ để hoạt động, nhưng cũng có thể có một số không đồng tình, sợ tư sản có nhiều vốn hơn, thì họ sẽ được hưởng nhiều lãi hơn.

Về phía tư sản, dùng hình thức này có thể họ dễ tiếp thu, vì cho là vào hợp tác xã không phải là tư sản, không bị đấu tranh như khi tiến hành công tư hợp doanh, và hy vọng còn có cơ hội làm ăn được. Nhưng cũng có thể có một số muốn công tư hợp doanh hơn, vì họ cho rằng công tư hợp doanh thì mọi việc đã có Nhà nước, đỡ phải lo việc quản lý, sản xuất và

kinh doanh, khỏi phải phiền phức về thuế khoá và khỏi rắc rối về quan hệ với công nhân, hơn nữa, lãi ăn chắc và được danh nghĩa là nhân viên nhà nước.

Trong hai hình thức trên đây, dùng hình thức gì để cải tạo, phải căn cứ vào thực tế của từng xí nghiệp và hiệu buôn như ở trên đã nói. Dùng hình thức cải tạo gì cũng phải bảo đảm cải biến quan hệ sản xuất và kinh doanh tư bản chủ nghĩa phải có tác dụng đẩy mạnh sản xuất và tiện lợi cho việc phân phối. Một điều cần chú ý là khi áp dụng hình thức hợp tác, phải đề phòng và khắc phục sự lũng đoạn tổ chức hợp tác của những phần tử tư sản. Trong cả quá trình hợp tác và sau khi đã hợp tác hoá rồi, phải tăng cường giáo dục xã hội chủ nghĩa cho công nhân và quần chúng lao động, đồng thời giáo dục tư sản; và tăng cường lãnh đạo, kiểm soát tổ chức hợp tác. Một điều đảm bảo việc tổ chức và quản lý hợp tác xã chắc chắn và tốt là Ban quản trị phải ở trong tay những người lao động đáng tin cậy và được quần chúng tín nhiệm.

Ngoài hai hình thức công tư hợp doanh và hợp tác nói trên, đối với một số ít hộ tư sản thương nghiệp loại nhỏ ở phân tán lẻ tẻ, không tiện hợp doanh, cũng không tiện hợp tác, thì dùng họ làm *đại lý kinh tiêu* cho thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã. Nguồn hàng của họ do thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã phân phối, nên cũng coi như công tư hợp doanh, song họ tự chịu lỗ lãi, Nhà nước chỉ lãnh đạo, kiểm soát và giáo dục.

Hiện nay có một số nhà tư sản yêu cầu được *chuyển hẳn cơ sở sản xuất và kinh doanh vào quốc doanh*, vốn của họ sẽ được hưởng lãi hoặc không được hưởng lãi cũng được, còn họ thì được có việc làm. Đối với yêu cầu này, xét không có ảnh hưởng gì không tốt về kinh tế và chính trị, thì có thể chấp

thuận. Hơn nữa đối với một số người có trình độ kỹ thuật, trình độ nghiệp vụ khá mà quốc doanh đang cần, thái độ chính trị của họ tốt, nhất là những gia đình cán bộ, bộ đội, có thể khuyến khích họ thông qua con đường này mà cải tạo cho nhanh hơn.

Có nhà tư sản đề nghị *hiến tư liệu sản xuất cho Nhà nước*. Vấn đề này nói chung không đặt ra, tùy từng trường hợp sẽ giải quyết cụ thể.

3. Công tác cải tạo nhà tư sản

Cải tạo xí nghiệp tư bản qua các hình thức tư bản nhà nước, và hợp tác mới chỉ là một mặt – tuy là mặt quan trọng nhất – của toàn bộ công tác cải tạo hoà bình. Song song với việc cải tạo xí nghiệp, còn phải tiến hành cải tạo con người tư sản để đạt mục đích xoá bỏ giai cấp bóc lột.

Cải tạo xí nghiệp và cải tạo con người quan hệ mật thiết với nhau, phải được kết hợp chặt chẽ. Cải tạo xí nghiệp là tạo cơ sở vật chất để cải tạo con người, vì rằng điều kiện sinh hoạt kinh tế quyết định ý thức tư tưởng con người. Khi cơ sở kinh doanh của nhà tư sản – công cụ bóc lột – bị cải tạo dần dần rồi đến cải tạo hẳn, thì đồng thời nó trở thành tiền đề vật chất để thay đổi ý thức, tư tưởng của nhà tư sản. Trong điều kiện đó, nếu chúng ta làm tốt việc giáo dục, cải tạo nhà tư sản thì họ sẽ lại dần dần trở thành người mới, những nhân tố tư bản chủ nghĩa trong con người họ sẽ dần dần giảm đi. Ngược lại, việc cải tạo con người có tác dụng thúc đẩy việc cải tạo xí nghiệp. Nếu việc đó làm được tốt thì chắc chắn là việc cải tạo xí nghiệp sẽ bớt được nhiều khó khăn, sức phản ứng của họ sẽ giảm nhiều. Cho nên, trong công tác hiện nay và sau này, ta cần hết sức coi trọng kết hợp làm tốt hai mặt cải tạo đó.

Việc cải tạo con người là một công tác lâu dài, khó khăn và phức tạp, đòi hỏi chúng ta phải kiên nhẫn, không thể hấp tấp, nóng vội. Vì rằng, một mặt ta thừa nhận điều kiện kinh tế thay đổi là cơ sở vật chất để cải biến ý thức tư tưởng con người, cho nên chúng ta khẳng định rằng có thể cải tạo con người tư sản thành người mới. Nhưng mặt khác, chúng ta lại phải thừa nhận: ý thức tư tưởng và cả nếp sống của con người thường thường là đi sau sự thay đổi của điều kiện sinh hoạt kinh tế. Nói một cách khác, khi xí nghiệp tư bản đã căn bản biến thành xí nghiệp xã hội chủ nghĩa, không có nghĩa là người tư sản cũng đã căn bản trở thành người lao động xã hội chủ nghĩa, cũng chưa phải là tư sản đã vứt bỏ hết hay căn bản đã vứt bỏ lập trường, tư tưởng và nếp sống của họ. Sự thay đổi của con người họ chậm hơn sự thay đổi của xí nghiệp. Còn phải qua một quá trình cải tạo tương đối dài mới có thể thay đổi hẳn con người của họ. Bởi vậy, không thể nghĩ rằng việc cải tạo bản thân nhà tư sản có thể làm trong dăm ba tháng, một năm mà xong được.

Mấy năm qua, chúng ta không có điều kiện giáo dục, cải tạo các nhà tư sản một cách sâu sắc. Tuy so với trước đây, ngày nay họ có tiến bộ hơn, nhưng lập trường, tư tưởng và tác phong của họ chưa biến chuyển gì nhiều. Thêm vào đó, bọn tay sai Mỹ – Diệm luôn luôn tuyên truyền xuyên tạc, dụ dỗ, cũng gây khó khăn cho ta trong công tác giáo dục, cải tạo các nhà tư sản. Tuy vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Nhà nước và sự giám đốc của giai cấp công nhân, ta có điều kiện để giáo dục, cải tạo họ. Trong giai cấp tư sản có người lạc hậu, song cũng có người tiến bộ, ngay những người lạc hậu, bên cạnh mặt lạc hậu, họ cũng còn có khả năng tiếp thu sự giáo dục, cải tạo để dần dần nâng cao giác ngộ tiến bộ hơn

lên. Chúng ta tin rằng, trải qua quá trình cải biến chế độ tư hữu của chủ nghĩa tư bản về tư liệu sản xuất, song song với việc biến đổi về địa vị giai cấp của các nhà tư sản, ý thức tư tưởng của các nhà tư sản nhất định sẽ có những sự thay đổi, cuối cùng họ nhất định sẽ chuyển biến thành người lao động sống bằng sức mình. Vấn đề là ở chỗ: phải quán triệt chính sách vừa đoàn kết, vừa đấu tranh của Đảng, kiên trì giáo dục, thuyết phục các nhà tư sản. Giáo dục, thuyết phục cũng là một hình thức đấu tranh giai cấp. Thông qua giáo dục, thuyết phục, làm cho các nhà tư sản nhận rõ:

Chủ nghĩa tư bản là xấu xa, lỗi thời; miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội là quy luật phát triển tất nhiên của lịch sử, không lực lượng nào có thể ngăn cản nổi. Bởi vậy, con đường duy nhất là tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa, quyết tâm cải tạo, cố gắng công tác và lao động, đem hết năng lực của mình phục vụ nhân dân.

Nhận rõ: chủ nghĩa yêu nước chân chính phải đưa đến chủ nghĩa xã hội; muốn thật sự đấu tranh cho nước nhà thống nhất, làm cho nước nhà giàu mạnh, phải xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; phê phán tư tưởng thỏa hiệp với chủ nghĩa đế quốc Mỹ và bọn tay sai Mỹ ở miền Nam.

Trước mắt, để tạo điều kiện tiếp thu cải tạo, yêu cầu các nhà tư sản phải tuân theo mọi luật lệ của Nhà nước, phục tùng sự lãnh đạo của kinh tế quốc doanh, khắc phục lề thói kinh doanh phi pháp, tôn trọng vai trò của công đoàn, tiếp tục sản xuất và kinh doanh theo sự quản lý của Nhà nước và sự lãnh đạo của quốc doanh, nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với Nhà nước và nhân dân, ra sức học tập và tham gia các hoạt động xã hội.

Trong khi tiến hành cải tạo xí nghiệp, yêu cầu họ tích cực

học tập, thật thà liên hệ bản thân, tạo điều kiện đoạn tuyệt với những cái xấu cũ; thật thà giúp đỡ các cán bộ nhà nước được cử đến công tác ở xí nghiệp; làm nhanh, làm đúng việc kiểm kê, định giá tài sản.

Sau khi xí nghiệp đã được cải tạo, yêu cầu chính của việc giáo dục nhà tư sản là giúp đỡ họ dần dần vứt bỏ lập trường, tư tưởng và tác phong tư bản chủ nghĩa, tiếp thu lập trường và tác phong xã hội chủ nghĩa.

Đi đôi với việc giáo dục, cần giúp đỡ các nhà tư sản làm tốt công tác của họ phụ trách, khuyến khích họ đem hết khả năng góp vào việc quản lý sản xuất và kinh doanh của xí nghiệp, giữ quan hệ tốt với đại biểu nhà nước và công đoàn.

Để đạt được yêu cầu nói trên, trước mắt, cần tổ chức các lớp huấn luyện cho các nhà tư sản, hướng dẫn họ phát huy phê bình và tự phê bình; đồng thời sử dụng lực lượng quần chúng đấu tranh đúng mức với những hành động tiêu cực, lạc hậu của tư sản.

Cần nói rõ: phát động quần chúng đấu tranh nói ở đây khác hẳn phát động quần chúng đấu tranh với địa chủ trong cải cách ruộng đất. Việc phát động quần chúng đấu tranh trong cuộc cải tạo này phải xuất phát từ đoàn kết mà phê bình, giáo dục để giúp cho nhà tư sản tiến bộ, nhằm đi đến đoàn kết hơn nữa, không phải đấu tranh để phá vỡ đoàn kết. Muốn làm được tốt công tác đó, trước hết phải thực sự cầu thị, có thái độ phân biệt đối xử với từng người, từng việc: khuyến khích người tốt, việc tốt; phê bình người xấu, việc xấu (trong khi phê bình cũng vạch cho họ phương hướng tiến bộ); đồng thời phải kiên quyết trấn áp những phần tử phản cách mạng tự tách khỏi giai cấp tư sản dân tộc, chống lại chủ nghĩa xã hội, chống lại Tổ quốc và nhân dân.

Để giáo dục cải tạo nhà tư sản được tốt, cần chú ý sắp

xếp công tác cho họ một cách thích đáng, làm cho họ có chức, có quyền, giúp đỡ họ làm tốt công tác họ phụ trách, để qua công tác thực tế và lao động, sản xuất trong xí nghiệp mà tiếp tục giáo dục, cải tạo họ. Đồng thời, cần chiếu cố thích đáng việc đãi ngộ về mặt vật chất, giúp đỡ họ giải quyết những khó khăn thực tế trong sinh hoạt.

Cần hết sức coi trọng công tác giáo dục con em nhà tư sản. Làm tốt việc giáo dục những người này sẽ có điều kiện thúc đẩy sự tiến bộ của các nhà tư sản.

4. Một số chính sách cụ thể trong việc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh

a) *Đối với xí nghiệp công tư hợp doanh*

Việc *kiểm kê, định giá tài sản* là một công tác phức tạp, rất quan trọng khi tiến hành công tư hợp doanh. Công tác này làm được tốt, thì việc hợp doanh sẽ tiến hành được thuận lợi, nếu không tốt, sau này sẽ dẫn đến khá nhiều vấn đề. Từ tư liệu sinh hoạt của nhà tư sản không kiểm kê và chuộc lại, còn đối với tư liệu sản xuất thì đều kiểm kê, định giá và chuộc lại. Căn cứ vào tình hình từng xí nghiệp mà giải quyết cụ thể trên nguyên tắc: công bằng hợp lý, thực sự cầu thị, thương lượng ổn thỏa, chống phân tán, huỷ hoại. Việc kiểm kê định giá do nhà tư sản làm, đồng nghiệp của họ bình nghị, công nhân trong xí nghiệp đôn đốc, theo dõi, giúp đỡ, cuối cùng Nhà nước xét và phê chuẩn.

Về *chính sách tiền lãi*, có thể áp dụng theo hai cách: chia lãi và định tức. Dùng biện pháp chia lãi có thể động viên được khả năng của nhà tư sản nhiều hơn, nhưng hạn chế việc phát huy tính tích cực của quần chúng công nhân. Dùng biện pháp định tức thì giải quyết được mâu thuẫn đó. Điểm quan trọng hơn nữa là sau khi định tức, quyền sở hữu của nhà tư

sản về tư liệu sản xuất càng bị thu hẹp. Trong khi thí điểm công tư hợp doanh, các nhà tư sản đều xin định tức mà không nhận chia lãi. Điều đó cho thấy, một mặt họ biết nhận lợi tức quy định thì được coi là tiến bộ hơn nhận chia lãi, mặt khác, họ thấy định tức thì ăn chắc hơn, sợ ta vào quản lý thì xí nghiệp không những không lãi, mà còn có thể lỗ. Cho nên, xét về lợi ích chung và cũng căn cứ vào nguyện vọng của nhà tư sản, ta nên dùng cách định tức.

Về *mức lãi*, thì quy định lợi suất hàng năm cho vốn từ 4 đến 8%, có phân biệt công nghiệp và thương nghiệp để khuyến khích tư sản đầu tư vào công nghiệp: công nghiệp từ 5 đến 8%, trung bình 6, 7%; thương nghiệp từ 4 đến 7%, trung bình 5, 6%. Còn thời gian được hưởng lãi là bao nhiêu năm, chưa nói đến.

Việc *sắp xếp công việc cho các nhà tư sản*, thì theo nguyên tắc sử dụng theo tài năng, có chiều cố thích đáng những người có tính chất tiêu biểu và những người biểu hiện thái độ chính trị tốt. Đối với tư sản công nghiệp, áp dụng chế độ tiền lương; đối với tư sản thương nghiệp, nên áp dụng chế độ thù lao theo lao động. Tiền lương và tiền thù lao của tư sản nói chung sẽ trả theo khả năng lao động của họ, có đối chiếu với thang lương của xí nghiệp quốc doanh cùng ngành, cùng nghề, cùng địa phương và chế độ tiền lương của công nhân trong xí nghiệp công tư hợp doanh. Đối với người có tài năng, sẽ được chiều cố thích đáng.

Đối với *công nhân* trong xí nghiệp công tư hợp doanh phải bảo đảm duy trì công ăn việc làm. Mọi chế độ tiền lương, phúc lợi, v.v. đối với công nhân trong xí nghiệp, tạm thời giữ nguyên như cũ; nếu cao hơn xí nghiệp quốc doanh cũng không rút xuống, thấp hơn thì tùy theo sự phát triển sản

xuất của xí nghiệp mà dần dần tăng lên. Nghiên cứu các chế độ hiện hành trong xí nghiệp quốc doanh cùng ngành, cùng nghề, cùng địa phương mà dần dần cải tiến các chế độ theo xí nghiệp quốc doanh.

Đối với *những người không phải là tư sản có cổ phần trong xí nghiệp tư bản tư doanh và tiểu thương, tiểu chủ gia nhập công tư hợp doanh*, không coi họ là tư sản, cần có sự phân biệt đối xử. Vốn của họ được hưởng chính sách định tức; khi cần thiết, Nhà nước có thể cho rút ra. Riêng đối với cổ phần mà nhà tư sản nhượng lại cho công nhân, viên chức trong xí nghiệp có tính chất mua chuộc, thì giáo dục, giải thích cho những người được nhượng lại hiểu rõ thủ đoạn của tư sản; nếu người công nhân, viên chức ấy tự giác, tự nguyện, có thể để cho họ hiến cổ phần ấy vào xí nghiệp công tư hợp doanh.

Người nhà của tiểu chủ, tiểu thương trước tham gia lao động phụ trong xí nghiệp và cửa hàng, sau khi công tư hợp doanh cần chú ý giúp đỡ thu xếp công việc cho những người ấy, để gia đình họ duy trì được mức thu nhập cần thiết.

b) *Đối với xí nghiệp vắng chủ*, nói chung coi như các xí nghiệp hiện có chủ ở miền Bắc, Nhà nước căn cứ vào chính sách chung mà tiến hành cải tạo. Nếu những xí nghiệp này hiện nay không có người được uỷ quyền quản lý hợp pháp, thì Nhà nước trích phần lãi hàng năm của cổ phần bên tư gửi ngân hàng, khi người chủ cũ của xí nghiệp trở về miền Bắc sẽ giải quyết.

c) *Đối với xí nghiệp của bọn phản cách mạng*, cần phân biệt cụ thể từng loại: nếu là của bọn phản cách mạng hiện hành, căn cứ vào pháp luật mà giải quyết. Nếu không phải là của bọn *phạm pháp hiện hành* thì nói chung coi như xí nghiệp của các tư sản khác mà tiến hành cải tạo; trường hợp

không có người được uỷ quyền quản lý hợp pháp thì xử lý theo chính sách đối với xí nghiệp vắng chủ nói trên, sau này Nhà nước xét xử về mặt chính trị như thế nào, sẽ căn cứ vào đó mà giải quyết sau.

d) *Đối với công thương nghiệp của ngoại kiều ở miền Bắc:* nếu là của Hoa kiều, nói chung coi như của người Việt Nam, Nhà nước căn cứ vào chính sách chung mà tiến hành cải tạo, chú ý bảo đảm chấp hành đúng đắn chính sách của Đảng đối với Hoa kiều. Đối với ngoại kiều khác vẫn để cho họ tiếp tục quản lý kinh doanh trong xí nghiệp của họ theo luật pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ta không đặt vấn đề mua lại, nếu họ muốn bán sẽ tùy trường hợp cụ thể mà giải quyết.

e) *Đối với cơ sở kinh doanh, công thương nghiệp của các tôn giáo,* cần phân biệt: những cơ sở thuần túy phục vụ cho tôn giáo (như nhà in chỉ để in kinh, in sách của tôn giáo) và những cơ sở có tính chất kinh doanh. Đối với loại trên, ta có thể không đụng đến; đối với loại dưới, cần xét cụ thể, có cái thì phải tiến hành cải tạo, như nhà in do Nhà chung mở ra để in thuê, có cái cũng không cần thiết phải cải tạo, như cửa hàng bán sách, ảnh, tượng của tôn giáo... Việc cải tạo các cơ sở kinh doanh của các tôn giáo như thế nào cần nghiên cứu thêm.

g) *Đối với địa chủ, phú nông kiêm kinh doanh công thương nghiệp* nếu họ kinh doanh công thương nghiệp là chính thì cải tạo theo chính sách đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh; ngược lại, nếu kinh doanh công thương nghiệp là phụ thì kết hợp với phong trào hợp tác hoá nông nghiệp mà giải quyết theo đường lối, chính sách nông thôn của Đảng.

h) *Đối với cán bộ, đảng viên, viên chức và quân nhân tại ngũ kinh doanh công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa*

Nguyên tắc chung là đảng viên, cán bộ, viên chức trong bộ máy nhà nước, cán bộ và chiến sĩ trong quân đội hiện đang tại ngũ không được kinh doanh công thương nghiệp. Người nào đang kinh doanh thì giáo dục và giúp đỡ họ tự nguyện dần dần thôi kinh doanh.

Những đảng viên ở thành thị và nông thôn không được kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa. Người nào hiện đang kinh doanh, Đảng giáo dục và giúp đỡ họ bỏ con đường bóc lột, đi vào lao động để sống và tự cải tạo. Nếu không chấp hành chính sách của Đảng, cần có thái độ kỷ luật nghiêm khắc.

Hiện nay có nhiều gia đình cán bộ, bộ đội và viên chức kinh doanh công thương nghiệp, cần chú trọng giáo dục và đặt trách nhiệm cho những cán bộ, bộ đội và viên chức ấy phải vận động, giáo dục gia đình gương mẫu chấp hành chính sách cải tạo của Đảng và của Chính phủ.

Trên đây mới chỉ đề ra một số vấn đề cần thiết. Trong quá trình thực hiện cuộc cải tạo, sẽ có rất nhiều vấn đề đặt ra, cần phải kịp thời nghiên cứu giải quyết chu đáo.

5. Về tốc độ và phương châm cải tạo

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14 quy định đến cuối năm 1960 phải căn bản hoàn thành cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh. Ta cần và có thể cải tạo với nhịp độ nhanh hơn. Phải làm sao trong vòng năm nay và sang nửa năm sau về căn bản hoàn thành cuộc cải tạo này. Nửa năm cuối của năm 1960 sẽ tiếp tục cải tạo nốt số còn lại và tiếp tục củng cố những cơ sở đã cải tạo.

Tại sao phải cải tạo nhanh?

Trước hết, để sử dụng hợp lý số vốn hiện có của nhà tư sản. Nếu kéo dài, họ sẽ phân tán hết, gây tổn thất và lãng phí lớn về của cải của xã hội. Hiện nay, họ đã phân tán mất nhiều (chỉ tính trên số vốn đã đăng ký của ngành thương nghiệp, họ đã rút bớt 13 triệu trong số 85 triệu. Trong thực tế, có những hộ đã rút bớt vốn kinh doanh 4,50%, thậm chí có hộ đã rút đến 7,8% số vốn kinh doanh). Cải tạo chậm, sau này chỉ còn xác nhà và quây hàng.

Phải cải tạo nhanh để phối hợp, thúc đẩy phong trào hợp tác hoá nông nghiệp và thủ công nghiệp; để phục vụ tốt cho việc xây dựng và phát triển công nghiệp; để sắp xếp và ổn định thị trường, để ổn định vật giá, cải thiện đời sống của quần chúng; để có điều kiện điều chỉnh, sắp xếp toàn diện giữa quốc doanh và tư doanh có lợi cho việc phát triển toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Đồng thời, phải cải tạo nhanh, để tạo cơ sở vật chất cho việc giáo dục xã hội chủ nghĩa; để làm cho Mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố chặt chẽ hơn nữa; để có lợi cho việc củng cố miền Bắc vững mạnh, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Tiến hành cuộc cải tạo này, có nhiều khó khăn phức tạp. Ngoài sự chống đối của bọn phản cách mạng tay sai của Mỹ – Diệm và ngoài sự phản ứng của những phần tử ngoan cố trong tư sản và trí thức tư sản bất mãn như đã nói ở phần trên, còn có những khó khăn khác là: phong trào hợp tác hoá nông nghiệp và thủ công nghiệp nay mới đang được đẩy mạnh, trong một chừng mực nhất định và trong một thời gian nhất định chưa chặt đứt hẳn được sự liên hệ giữa giai cấp tư sản với nền tiểu sản xuất. Thành phần kinh tế quốc doanh đã phát triển nhanh chóng, nhưng về mặt nào đó chưa thật được tăng cường, do đó tác dụng lãnh đạo đối với công

thương nghiệp tư bản tư doanh về mặt nào đó còn bị hạn chế. Chỗ dựa chủ yếu của ta trong cuộc cải tạo này là công nhân trong xí nghiệp tư bản tư doanh, nhưng lực lượng công nhân này ít, nhất là trong thương nghiệp lại càng rất ít. Công đoàn trong xí nghiệp tư bản tư doanh chưa được củng cố vững chắc, có nhiều nơi chưa có cơ sở công đoàn. Cơ sở đảng trong xí nghiệp tư bản tư doanh hầu như chưa có. Tổ chức đảng ở các khu phố nhiều nơi cũng còn yếu. Cán bộ, đảng viên và quần chúng chưa được chuẩn bị chu đáo về tư tưởng để tích cực tham gia cuộc cải tạo này...

Nhưng chúng ta có nhiều thuận lợi, mà thuận lợi là căn bản. Như trên đã nói: ở miền Bắc lực lượng xã hội chủ nghĩa đã mạnh hơn hẳn lực lượng tư bản chủ nghĩa. Thành phần kinh tế tư bản tư doanh nhỏ yếu và bị phụ thuộc vào kinh tế quốc doanh. Trước đà chuyển biến của phong trào cách mạng và do kết quả của sự giáo dục của Đảng, của Nhà nước và của giai cấp công nhân trong mấy năm qua, các nhà tư sản ngày càng nhận rõ con đường tiếp thu cải tạo là con đường duy nhất, họ dần dần tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa... Chúng ta đã rút được những kinh nghiệm trong công tác sử dụng, hạn chế và cải tạo mấy năm qua, nhất là trong đợt thí nghiệm làm công tư hợp doanh gần đây.

Tất cả những điều trình bày trên đây chứng tỏ rằng chúng ta phải và có đủ khả năng làm cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh sắp tới theo yêu cầu của tình hình là nhanh, gọn, đồng thời phải vững và tốt.

Tốt, vững, nhanh, gọn là phương châm tiến hành cuộc cải tạo này. Phải làm tốt, làm vững, đó là yêu cầu chính, nhưng đồng thời phải làm nhanh, làm gọn.

Muốn thực hiện phương châm: tốt, vững, nhanh, gọn, phải giải quyết tốt vấn đề phương pháp và kế hoạch cải tạo.

6. Phương pháp và kế hoạch cải tạo

Về phương pháp cải tạo

Phải làm gì để cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh theo phương châm tốt, vững, nhanh, gọn?

Trước hết về mặt kinh tế, *phải hạn chế mạnh hơn nữa kinh tế tư bản tư doanh, làm cho các nhà tư sản thấy chỉ có tiếp thu cải tạo mới có lối thoát, ngoài ra không thể có con đường nào khác*. Muốn vậy, phải tiếp tục phát triển thành phần kinh tế - xã hội chủ nghĩa về mọi mặt, chú ý phát triển công nghiệp quốc doanh và thương nghiệp quốc doanh. Mậu dịch quốc doanh phải tiến tới nắm toàn bộ bán buôn, dần dần loại trừ những thương nghiệp tư bản tư doanh khỏi thị trường. Đồng thời phải phát triển mạnh hơn nữa hợp tác xã mua bán, tiến tới khống chế được thị trường nông thôn. Phải tăng cường quản lý chặt chẽ hơn nữa sản xuất của công nghiệp tư bản tư doanh, mở rộng gia công và thu mua để nắm hàng công nghệ sản xuất trong nước, đồng thời mở rộng việc thu mua nông sản. Đi đôi với việc tăng thêm nguồn vật tư trong tay Nhà nước, cần tăng cường quản lý thị trường, đấu tranh chống mọi hành động đầu cơ tích trữ, bảo đảm cân bản ổn định vật giá. Tiếp tục đấu tranh chống trốn thuế, lậu thuế. Tăng cường quản lý vàng bạc, tiền tệ và quản lý việc cho vay lãi của tư nhân. Tóm lại, phải dùng mọi biện pháp ngăn chặn mọi ngã đường, làm cho tư sản không còn có cách gì khác là phải tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Đi đôi với việc đấu tranh về mặt kinh tế, *cần tăng cường, giáo dục các nhà tư sản và tăng cường quản lý công thương nghiệp tư bản tư doanh về mặt hành chính*. Phải tăng cường

kiểm kê, kiểm soát đối với kinh tế tư bản tư doanh, phát huy đầy đủ hiệu lực của các luật lệ hành chính đã và sẽ ban hành, xử lý kịp thời các hành vi phi pháp của những phần tử tư sản, trước mắt là ngăn ngừa và chống những hành động phân tán, huỷ hoại tài sản.

Phải luôn luôn cảnh giác, nắm vững chuyên chính, kịp thời ngăn chặn và đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại công cuộc cải tạo của bọn phản động tay sai Mỹ - Diệm ở miền Bắc.

Phải tăng cường giáo dục và phát động tư tưởng công nhân, viên chức trong xí nghiệp tư bản tư doanh, thực sự dựa vào họ, động viên họ tham gia đấu tranh để cải tạo xí nghiệp tư bản tư doanh và giáo dục, cải tạo nhà tư sản.

Trong công tác phát động quần chúng công nhân ở xí nghiệp tư bản tư doanh, cần làm cho anh chị em phân biệt rõ chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, lao động và bóc lột; giúp anh chị em liên hệ sâu sắc với đời sống của mình và với thực tế của xí nghiệp tư bản mà anh chị em đã và đang làm; có thể tổ chức cho anh chị em kể khổ trong nội bộ công nhân ở xí nghiệp ấy hoặc trong phạm vi nhiều xí nghiệp họp lại, qua đó nâng cao hơn nữa giác ngộ giai cấp và giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho anh chị em. Đồng thời, cần giáo dục anh chị em thấm nhuần ý nghĩa, nội dung của đường lối, chính sách cải tạo hoà bình đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, để chấp hành cho đúng; nhận rõ địa vị chủ nhân của mình và nhiệm vụ của mỗi người trong và sau khi xí nghiệp tư bản tư doanh đã được cải tạo. Trong nội bộ công nhân, có người tiến bộ, có người lạc hậu. Cần phải giúp đỡ những người tiến bộ để làm cho anh chị em đó càng ngày tiến bộ hơn nữa, kiên trì

giáo dục những người còn lạc hậu để làm cho anh chị em đó ngày càng nâng cao giác ngộ, tiến bộ hơn lên.

Muốn dựa vào công nhân, chỉ giáo dục, phát động tư tưởng không đủ, phải thường xuyên chăm lo đến đời sống và việc làm của họ. Trước mắt cần chống việc dẫn thợ một cách vô lý, bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh Luật Công đoàn và hợp đồng lao động đã được ký kết giữa chủ và thợ trong xí nghiệp. Sau khi xí nghiệp đã được cải tạo, năng suất lao động của công nhân được nâng cao, theo đà phát triển sản xuất của xí nghiệp, cần chú ý cải thiện dần dần điều kiện sinh hoạt và làm việc của anh chị em. Cần phải gấp rút củng cố Công đoàn và Đoàn Thanh niên Lao động trong xí nghiệp tư bản tư doanh. Công đoàn được củng cố vững mạnh là một điều kiện rất trọng yếu bảo đảm cho cuộc đấu tranh cải tạo xí nghiệp được tốt.

Đồng thời với việc giáo dục, phát động tư tưởng công nhân, *cần phải tăng cường giáo dục quần chúng lao động khác*, giúp cho họ nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của họ đối với cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Đẩy mạnh việc tổ chức nông dân, thợ thủ công và tiểu thương vào các hình thức hợp tác, đồng thời củng cố mối liên hệ giữa kinh tế quốc doanh với các tổ chức hợp tác của nông dân, thợ thủ công và tiểu thương, để đẩy lùi đi tới cắt đứt hẳn liên hệ giữa kinh tế tư bản tư doanh với kinh tế tiểu sản xuất, có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thúc đẩy các nhà tư sản tiếp thu cải tạo.

Các biện pháp trên đây có liên quan với nhau, hỗ trợ lẫn nhau, không thể tách rời. Trong khi vận dụng những biện pháp đó để đấu tranh cải tạo xí nghiệp tư bản và cải tạo tư sản, cần phải nắm vững phương châm, chính sách của Đảng

đối với giai cấp tư sản, ngăn ngừa và khắc phục những lệch lạc tả, hữu khuynh có thể xảy ra trong nhận thức và công tác của cán bộ chúng ta.

Về kế hoạch cải tạo

Căn cứ vào nhiệm vụ cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh nói ở phần trên và phương châm tiến hành cuộc cải tạo là tốt, vững, nhanh, gọn, các cấp uỷ đảng, các cấp chính quyền và các ngành sở quản ở Trung ương cần trù tính, sắp đặt mọi mặt để chủ động tiến hành cuộc cải tạo. Phải có kế hoạch toàn diện, đồng thời chỉ đạo phải có trọng tâm, trọng điểm. Phải đồng thời cải tạo cả công nghiệp tư bản tư doanh, thương nghiệp tư bản tư doanh và các ngành kinh tế tư bản tư doanh khác, song phải coi việc cải tạo thương nghiệp tư bản tư doanh là một yêu cầu quan trọng và bức thiết nhất. Trong công thương nghiệp tư bản tư doanh, ngành nghề nào cần thiết cho sản xuất, xây dựng, phục vụ nhu cầu chủ yếu của dân sinh và phục vụ xuất khẩu thì cải tạo trước, ngành nghề nào chưa cấp thiết lắm thì cải tạo sau. Nói chung, nên cải tạo toàn ngành, ngành nào, nơi nào chưa có điều kiện cải tạo toàn ngành thì cải tạo từng cơ sở. Khi mở rộng phong trào cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, các thành thị, chủ yếu là ba thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Nam Định cần phải coi công tác cải tạo này là công tác trọng yếu bậc nhất. Ở các nơi khác, tùy theo tình hình cụ thể từng nơi mà bố trí kết hợp công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh với các mặt công tác khác.

Theo phương hướng nói trên, kế hoạch đại cương để cải tạo như sau:

Đối với các thành phố, thị xã và vùng tập trung công thương nghiệp tư bản tư doanh, chủ yếu là Hà Nội và Hải

Phòng, cần tranh thủ cải tạo sớm và cải tạo vài ba đợt cho xong. Vì ở những nơi này tập trung công thương nghiệp tư bản tư doanh, việc quản lý của ta đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh đã được tăng cường hơn các nơi khác, ở đây lực lượng kinh tế xã hội chủ nghĩa cũng mạnh hơn. Cải tạo sớm và cải tạo xong trong một vài đợt, sẽ hạn chế được nhiều sự phân tán tài sản và lợi cho việc cải tạo và phát triển kinh tế nói chung, về mặt chính trị, sẽ tranh thủ được ảnh hưởng tốt. Chia ra nhiều đợt và cuộc cải tạo kéo dài, sẽ gây thêm khó khăn cho việc cải tạo, cho việc sắp xếp, khó khăn cho việc phát triển sản xuất và kinh doanh, về mặt chính trị, kéo dài tình hình căng thẳng không cần thiết.

Đối với các thị trấn và các chợ lớn, nơi nào có điều kiện thì tranh thủ cải tạo trước, nơi nào chưa đủ điều kiện thì làm sau.

Ở các vùng nông thôn thì kết hợp với phong trào hợp tác hoá nông nghiệp mà làm.

Đối với miền núi, công thương nghiệp tư bản tư doanh ở đây không có nhiều, có thể kết hợp với phong trào hợp tác hoá nông nghiệp và cải cách dân chủ mà tiến hành cải tạo. Hình thức và phương pháp cải tạo như thế nào sẽ nghiên cứu thêm.

Đối với miền biển, nơi nào tập trung công thương nghiệp tư bản tư doanh thì tranh thủ cải tạo sớm; còn nơi khác, kết hợp với phong trào hợp tác hoá ngư nghiệp và nghề làm muối mà cải tạo. Cuộc cải tạo này phải phục vụ tốt cho yêu cầu phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng.

Đối với vùng Công giáo tập trung như Phát Diệm, Bùi Chu... thì việc cải tạo cần nhằm tranh thủ giáo dân, bảo đảm chấp hành đúng đắn chính sách tôn giáo của Đảng.

Đối với vùng biên giới và giới tuyến, khi cải tạo, chẳng

những phải làm tốt về kinh tế, mà phải đặc biệt làm tốt về chính trị để phát triển ảnh hưởng của cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa vào miền Nam và ra nước ngoài. Vì vậy cần phải chuẩn bị thật chu đáo, không câu thúc về thời gian, nhưng cần tranh thủ cải tạo sớm, không nên kéo dài.

Các bước công tác

Trong quá trình thực hiện cuộc cải tạo, cần tiến hành từng bước. Qua kinh nghiệm thí điểm công tư hợp doanh, có thể chia ra các bước công tác như sau:

- *Bước 1:* Điều tra nắm tình hình, lập kế hoạch, đào tạo cán bộ và làm thí điểm.

- *Bước 2:* Giáo dục công dân và quần chúng khác, giáo dục tư sản.

- *Bước 3:* Phát động nộp đơn, kiểm kê tài sản, định vốn, định lãi, xếp người đặt việc.

- *Bước 4:* Củng cố và phát triển Công đoàn, Đoàn Thanh niên Lao động, xây dựng cơ sở đảng trong xí nghiệp tư bản tư doanh, đẩy mạnh sản xuất và kinh doanh.

- *Bước 5:* Tổng kết.

Mấy bước công tác này có quan hệ mật thiết với nhau, không thể tách rời. Bước trước chuẩn bị cho bước sau, bước sau hoàn thành bước trước. Làm tốt công tác trong từng bước có thể bảo đảm đạt được yêu cầu cải tạo trong cả đợt.

Thời gian tiến hành

Phải cố gắng làm sao từ nay đến nửa đầu năm 1960 ở các thành phố, thị xã và các vùng công thương nghiệp tư bản tư doanh tập trung sẽ hoàn thành về căn bản việc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh; sau đó sẽ tiếp tục giải quyết số còn lại; đồng thời, củng cố những cơ sở đã cải tạo. Ở các nơi

khác, căn cứ vào tình hình cụ thể của từng địa phương mà đặt yêu cầu về thời gian, với tinh thần tốt, vững, nhanh, gọn.

Để đảm bảo đạt được yêu cầu trên, cần phải có hai điều kiện sau đây:

- Ở những nơi tập trung công thương nghiệp tư bản tư doanh, cần phải coi công tác cải tạo này là công tác trung tâm, phải tập trung chỉ đạo.

- Phải tập trung một số cán bộ cần thiết để làm công tác cải tạo này.

7. Vấn đề quản lý sau khi cải tạo

Sau khi xí nghiệp tư bản tư doanh đã được cải tạo, quản lý nó như thế nào là một vấn đề cần phải chú ý để khai thác hết khả năng tiềm tàng trong sản xuất và kinh doanh của các xí nghiệp tư doanh và để thể hiện đầy đủ tính chất ưu việt trên mặt sản xuất và kinh doanh của các xí nghiệp đã được cải tạo. Phải làm sao sau khi xí nghiệp tư bản tư doanh đã được cải tạo, sản xuất phải được phát triển theo phương châm nhanh, nhiều, tốt, rẻ, hiệu suất kinh doanh phải được nâng cao, lưu chuyển hàng hoá được mở rộng, nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu phát triển kinh tế, hoàn thành tốt kế hoạch nhà nước và phục vụ tốt cho nhu cầu đời sống của quần chúng.

Vấn đề cải cách xí nghiệp, cải tổ kinh tế là một vấn đề lớn, phức tạp, phải được chuẩn bị đầy đủ, quy hoạch toàn diện, làm dần từng bước, đi đúng đường lối quần chúng, có lãnh đạo chặt chẽ. Nói chung ngay sau xí nghiệp đã được cải tạo *chưa được tiến hành vội vàng* những cải cách gì lớn, phải có sự nghiên cứu và chuẩn bị kỹ lưỡng rồi sẽ làm.

Sau khi xí nghiệp đã được cải tạo, cần làm một số việc sau đây:

Tổ chức cơ quan quản lý dân chủ và xây dựng chế độ

quản lý dân chủ trong xí nghiệp, nhằm phát huy đầy đủ tính lao động sáng tạo của quần chúng công nhân; dựa theo yêu cầu của kế hoạch nhà nước, đặt kế hoạch sản xuất và kinh doanh, chấm dứt tình trạng sản xuất mù quáng; bước đầu cải tiến một số chế độ thật cần thiết nếu xét không sửa đổi không phát huy được nhiệt tình lao động của công nhân, không đẩy mạnh được sản xuất và kinh doanh. Việc cải tiến các chế độ này phải theo nguyên tắc: nói chung giữ tất cả những chế độ hiện có trong xí nghiệp, chỉ sửa dần chỗ nào không hợp lý, chỗ nào hợp lý được quần chúng đồng tình thì giữ lại và nâng cao. Khi làm tất cả các việc trên đây phải lấy ý kiến của quần chúng công nhân, viên chức và bàn bạc với nhà tư sản để làm cho tốt.

Cần nghiên cứu để thực hiện từng bước việc sắp xếp hợp lý giữa quốc doanh và xí nghiệp công tư hợp doanh để có lợi cho việc phát triển kinh tế một cách có kế hoạch và nhanh chóng.

Cần phân công hợp lý giữa các ngành của Nhà nước trong việc quản lý các xí nghiệp công tư hợp doanh. Cần tổ chức các công ty chuyên nghiệp để thống nhất lãnh đạo, thống nhất sắp xếp, thống nhất sử dụng khả năng của các xí nghiệp công tư hợp doanh và để kiểm tra, đôn đốc các xí nghiệp đó một cách chặt chẽ.

Sau khi xí nghiệp tư bản trở thành xí nghiệp công tư hợp doanh, vấn đề cùng làm việc với nhà tư sản như thế nào cũng cần phải quy định rõ để có lợi cho việc cải tạo nhà tư sản, phát huy được trình độ kỹ thuật và nghiệp vụ của họ và giữ được tốt quan hệ giữa công và tư. Một mặt, phải giáo dục, giúp đỡ nhà tư sản sửa đổi lập trường tư tưởng và tác phong, giúp đỡ họ làm tốt công tác họ phụ trách; mặt khác, phải giáo

dục cán bộ để có nhận thức và thái độ đúng đắn với nhà tư sản. Cần xây dựng chế độ làm việc giữa đại biểu nhà nước và nhà tư sản cho rõ ràng, thường kỳ hiệp thương giữa hai bên để lấy ý kiến của họ trong việc quản lý sản xuất và kinh doanh và phê bình, giúp đỡ họ, ngăn ngừa và khắc phục những thái độ và hành động không tốt của họ.

IV

TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO TOÀN DIỆN CỦA ĐẢNG LÀ ĐIỀU QUYẾT ĐỊNH THẮNG LỢI CỦA CUỘC CẢI TẠO CÔNG THƯƠNG NGHIỆP TƯ BẢN TƯ DOANH

Cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội là một cuộc đấu tranh cách mạng khó khăn và phức tạp, làm tốt hay không, vấn đề căn bản là phải bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng. Ở đây chỉ nêu một số vấn đề chính.

Trước hết, Đảng cần tăng cường lãnh đạo về mặt tư tưởng. Các cấp uỷ đảng phải thực sự lãnh đạo công tác tư tưởng trong cuộc cải tạo này. Mặt trận, công đoàn, Đoàn Thanh niên và Hội Liên hiệp Phụ nữ trực tiếp phụ trách công tác giáo dục công nhân, tư sản và con em nhà tư sản. Đồng thời cần khéo léo sử dụng và giúp đỡ Hội Liên hiệp Công thương làm công tác giáo dục các nhà tư sản.

Về mặt chính sách, phải làm cho toàn Đảng và quần chúng công nhân quán triệt đường lối, phương châm, chính sách hoà bình cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh của Đảng, bảo đảm sự chấp hành đúng đắn đường lối, chính sách ấy, ngăn ngừa và khắc phục những lệch lạc về hữu khuynh cũng như tả khuynh. Phải chú trọng điều tra, nghiên

cứu tình hình thực tế, phát hiện kịp thời các vấn đề mới để bổ sung các chính sách cụ thể. Trong khi chấp hành chính sách của Đảng, phải có tinh thần sáng tạo, không được máy móc, giáo điều, đồng thời cũng không được tự động vô nguyên tắc. Bộ Chính trị cần nắm chắc sự lãnh đạo tập trung, thống nhất về đường lối, phương châm, chính sách và kế hoạch lớn. Theo đường lối, phương châm, chính sách của Đảng và dưới sự lãnh đạo của Trung ương, các cấp uỷ đảng phải chỉ đạo chặt chẽ sự thực hiện kế hoạch công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh ở địa phương mình. Phải tăng cường kiểm tra, đôn đốc, chế độ báo cáo và xin chỉ thị phải chấp hành nghiêm chỉnh.

Về mặt tổ chức, ở các cấp, từ trung ương đến địa phương, cần thành lập các Ban cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh để giúp các cấp uỷ đảng trong việc chỉ đạo cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Các ngành có trách nhiệm cải tạo phải có bộ phận chuyên trách làm công tác này và giữa các ngành có liên quan phải phân công phụ trách rõ ràng và phối hợp hoạt động cho ăn khớp dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ. Cần phải tập trung một số cán bộ cần thiết, lập trường tư tưởng vững, trình độ chính sách khá để làm công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Sự lãnh đạo toàn diện của Đảng là điều quyết định thắng lợi của việc cải tạo.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
CỦA HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ 16
(MỞ RỘNG)
Về cải tạo xã hội chủ nghĩa
đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh

I

CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG NHẪM THỰC HIỆN CẢI TẠO
HOÀ BÌNH CÔNG THƯƠNG NGHIỆP TƯ BẢN TƯ DOANH

Chính sách của Đảng đối với giai cấp tư sản dân tộc trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân

Trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta, giai cấp công nhân Việt Nam, lực lượng lãnh đạo cách mạng, trên cơ sở liên minh ngày càng vững chắc với giai cấp nông dân và giai cấp tiểu tư sản, đã thi hành chính sách liên minh, chính sách mặt trận với giai cấp tư sản dân tộc, nhằm đánh đổ ách thống trị của đế quốc, xoá bỏ chế độ thực dân, chế độ phong kiến, thực hiện khẩu hiệu: dân tộc độc lập, người cày có ruộng, thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân để tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở một nước thuộc địa,

nửa phong kiến, trong lúc trên thế giới, sau Cách mạng Tháng Mười, Liên Xô và phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa lớn mạnh nhanh chóng và đã ảnh hưởng sâu sắc đến toàn bộ cuộc cách mạng Việt Nam ta.

Trong lúc thi hành chính sách liên minh với giai cấp tư sản dân tộc, Đảng đã thấy rõ tính chất hai mặt: mặt tích cực, khả năng cách mạng dân tộc và dân chủ, và mặt tiêu cực, tính do dự, thoả hiệp của giai cấp tư sản dân tộc. Đảng đã kiên trì bồi dưỡng mặt tích cực, đấu tranh chống mặt tiêu cực, dần dần điều dắt giai cấp tư sản dân tộc đi theo con đường cách mạng.

Ra đời trong một nước thuộc địa và nửa phong kiến, bị thực dân Pháp đè nén và phong kiến chèn ép, kinh tế tư bản trong nước phát triển rất chậm, lực lượng giai cấp tư sản dân tộc về kinh tế và chính trị đều nhỏ bé. Trong điều kiện đó, giai cấp tư sản dân tộc có tinh thần dân tộc và dân chủ. Nhưng vì đó là một giai cấp bóc lột, và vì kinh tế nhỏ yếu và phụ thuộc vào kinh tế đế quốc, cho nên giai cấp tư sản dân tộc không có lực lượng và tinh thần kiên quyết chống đế quốc, chống phong kiến, mà thường có thái độ do dự, lừng chừng, thoả hiệp. Mặt khác, giai cấp tư sản dân tộc, vì bản chất và lập trường giai cấp cho nên có mâu thuẫn với giai cấp công nhân và với nhân dân lao động. Vì những lẽ trên, trong quá trình cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Đảng ta đã thi hành chính sách vừa đoàn kết vừa đấu tranh với giai cấp tư sản dân tộc, đấu tranh ở đây là kiên nhẫn phê bình, giáo dục để tranh thủ giai cấp tư sản dân tộc và tầng lớp trí thức tư sản đồng tình, ủng hộ và tham gia cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Chính sách của Đảng đã đem lại kết quả tốt, ngày càng tranh thủ được giai cấp tư sản dân tộc và nhất là

các tầng lớp trí thức tư sản đồng tình, ủng hộ và tham gia cách mạng. Thu được kết quả tốt như vậy là nhờ lực lượng của Đảng, của cách mạng, của khối liên minh công nông ngày càng lớn mạnh, đồng thời là nhờ chính sách liên minh của Đảng với giai cấp tư sản dân tộc trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nhằm thực hiện những khẩu hiệu chống đế quốc và chống phong kiến, về căn bản là phù hợp với quyền lợi của giai cấp tư sản dân tộc, được giai cấp tư sản dân tộc hoan nghênh.

Thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và của kháng chiến chứng tỏ chính sách mặt trận, chính sách liên minh của Đảng đối với giai cấp tư sản dân tộc là đúng, là cần thiết và có lợi. *Chính sách ấy đã góp phần vào thắng lợi của cách mạng, của kháng chiến.*

*
* *

Ở miền Bắc, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã chuyển sang cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Hoà bình lập lại, miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chuyển sang cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa: mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản dân tộc, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa dần dần trở nên mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu.

Nghị quyết của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 14 đã vạch rõ:

"Từ khi hoà bình lập lại, nước ta tạm thời bị chia làm hai miền. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, đã bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, trong khi đó miền Nam nước ta vẫn dưới ách của đế quốc và phong kiến, nhân dân ta vẫn phải tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

... Lực lượng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc hiện nay đã mạnh hơn hẳn lực lượng tư bản chủ nghĩa; nhưng vấn đề "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản vẫn chưa giải quyết. Do đó, nhiệm vụ cơ bản của chúng ta ở miền Bắc là phải đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm trước mắt là đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh, đồng thời, phải ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh là lực lượng lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Trong khi tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải kiên quyết đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của bọn phản cách mạng".

Hội nghị Trung ương lần này nêu rõ và nhấn mạnh những điểm quan trọng về việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế tư bản tư doanh và giai cấp tư sản dân tộc trong điều kiện cụ thể của nước ta.

Trước hết, phải nhắc lại nhận thức lý luận cơ bản của chúng ta về cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế tư bản chủ nghĩa và giai cấp tư sản.

Làm cách mạng xã hội chủ nghĩa là xoá bỏ kinh tế tư bản tư doanh, xoá bỏ chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, xoá bỏ bóc lột tư bản chủ nghĩa, xoá bỏ giai cấp

tư sản. Đó là một nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản, của Nhà nước dân chủ nhân dân, thực chất là chuyên chính vô sản, trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa xã hội. Nói một cách khác, kinh tế tư bản tư doanh và giai cấp tư sản thực chất là đối tượng của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản là mâu thuẫn đối kháng, phải giải quyết bằng cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, bằng sự xoá bỏ chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản, mở đường cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa không có bóc lột, không có giai cấp. Đó là nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Chủ nghĩa Mác - Lênin tôn trọng nguyên lý, đồng thời không bó tay những người làm cách mạng xã hội chủ nghĩa về hình thức, phương pháp, biện pháp tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, nghĩa là cần phải linh hoạt về sách lược, tùy điều kiện và đặc điểm cụ thể của mỗi nước. Trong lúc trên thế giới cũng như trong mỗi nước, lực lượng của giai cấp công nhân và của chủ nghĩa xã hội lớn mạnh nhanh chóng, thì chúng ta càng có khả năng, trên cơ sở những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng sách lược một cách linh hoạt, mềm dẻo.

Đảng ta phải căn cứ vào nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời xuất phát từ tình hình cụ thể của nước ta, từ thực tiễn của cách mạng Việt Nam để làm cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc một cách thuận lợi nhất cho cách mạng Việt Nam.

Chúng ta làm cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc trong những điều kiện sau đây:

1. Ở miền Bắc:

a) Chúng ta có Nhà nước dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo dựa trên nền tảng vững chắc của liên minh công nông, nòng cốt của Mặt trận thống nhất của dân tộc; Nhà nước dân chủ nhân dân có lực lượng kinh tế quốc doanh ngày càng lớn mạnh, có tác dụng lãnh đạo toàn bộ kinh tế quốc dân.

b) Giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam vốn nhỏ bé, giai cấp tư sản dân tộc ở miền Bắc lại càng nhỏ bé; hầu hết thuộc loại vừa và nhỏ, số lượng ít; vốn là bạn đồng minh của giai cấp công nhân trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; hiện nay, nói chung tán thành Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc, tán thành chế độ miền Bắc; có khả năng tiếp thu chủ nghĩa xã hội.

2. Chúng ta làm cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc trong hoàn cảnh nước ta tạm bị chia cắt: ở miền Nam, chúng ta phải tiếp tục và hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Mọi chính sách của chúng ta phải nhằm củng cố miền Bắc, tranh thủ miền Nam, tăng cường lực lượng của cả nước ta để thống nhất nước nhà.

3. Chúng ta làm cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong lúc trên thế giới lực lượng của phe xã hội chủ nghĩa lớn mạnh rất nhanh chóng, ngày càng ảnh hưởng sâu rộng đến hàng trăm triệu nhân dân thế giới, đến các tầng lớp xã hội ở các nước, nhất là ở các nước bị đế quốc áp bức.

Xuất phát từ điều kiện kể trên của miền Bắc, của cả nước ta và của thế giới, Đảng ta chủ trương tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc một cách hoà bình, nghĩa là tiến hành cải tạo hoà bình công thương nghiệp tư bản tư doanh dần dần từng bước:

- Trong thời kỳ khôi phục kinh tế, chúng ta đã thi hành

chính sách sử dụng, hạn chế và bước đầu cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh;

- Hiện nay chúng ta đang tiến hành cải tạo về căn bản công thương nghiệp tư bản tư doanh, chủ yếu theo hình thức công tư hợp doanh;

- Sau này kinh tế tư bản tư doanh sẽ hoàn toàn được cải tạo thành kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Đồng thời với việc cải tạo kinh tế tư bản tư doanh, chúng ta cải tạo dần dần người tư sản dân tộc thành người lao động.

Chính sách cải tạo hoà bình là sự phát triển trong điều kiện mới ở nước ta của chính sách liên minh trước đây của Đảng đối với giai cấp tư sản dân tộc.

*

* *

Ở miền Bắc, trong thời kỳ khôi phục kinh tế, chúng ta đã thi hành chính sách sử dụng, hạn chế, bước đầu cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Trong thời kỳ khôi phục kinh tế, Đảng và Chính phủ đã thi hành chính sách sử dụng, hạn chế và bước đầu cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Trong buổi đầu của thời kỳ quá độ ở miền Bắc, chính sách này thể hiện chính sách từ trước của Đảng đối với giai cấp tư sản dân tộc là vừa đoàn kết vừa đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết, nhằm dần dần cải tạo kinh tế tư bản tư doanh và giai cấp tư sản dân tộc theo chủ nghĩa xã hội.

Lúc hoà bình lập lại, hàng ngũ tư sản dân tộc ở miền Bắc bao gồm:

- Những người tư sản ở các thành phố và vùng tạm bị chiếm cũ ở lại miền Bắc, như vậy, một phần nào họ đã tỏ ra

tán thành chế độ miền Bắc, hầu hết đó là những người tư sản hạng vừa và nhỏ;

- Những người tư sản trước đây kinh doanh ở vùng tự do, ít nhiều có góp phần vào sự nghiệp kháng chiến;

- Từ hoà bình lập lại, với sự khôi phục và phát triển kinh tế, có một số tiểu thương, tiểu chủ đã vươn lên và kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa.

Tóm lại, tư sản dân tộc ở miền Bắc hầu hết thuộc loại vừa và nhỏ, một phần đã tham gia kháng chiến, nói chung tán thành chế độ ta.

Trong thời gian qua, chúng ta đã thi hành chính sách sử dụng, hạn chế và bước đầu cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Bắc, và đã thu được kết quả tốt.

Chúng ta đã sử dụng kinh tế tư bản tư doanh một cách có lợi cho nền kinh tế quốc dân; chúng ta đã để một số ngành tư bản tư doanh phát triển trong chừng mực nhất định. Nhờ đó, kinh tế tư bản tư doanh đã có đóng góp phần tích cực của mình trong thời kỳ khôi phục kinh tế.

Đồng thời, chúng ta đã hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế tư bản tư doanh. Việc hạn chế này là một quá trình đấu tranh liên tục và gay go. Giai cấp tư sản, một mặt chấp hành chính sách, mặt khác, luôn luôn có những phản ứng; vào khoảng cuối 1956 đầu 1957 nhân những sơ hở của chúng ta, họ tích cực đầu cơ, tích trữ, gây khó khăn cho việc quản lý vật giá và thị trường; họ tìm cách chống lại nhiều chính sách kinh tế của ta; một số đã cấu kết với bọn Nhân văn - Giai phẩm để tiến công chúng ta. Nhưng chúng ta đã kiên quyết đấu tranh chống khuynh hướng nguy hiểm ấy bằng mọi biện pháp kinh tế, hành chính, giáo dục và chúng ta đã thắng lợi.

Đi đôi với việc sử dụng và hạn chế, chúng ta đã dần dần cải tạo kinh tế tư bản tư doanh qua các hình thức thấp và vừa của chủ nghĩa tư bản nhà nước. Hiện nay, công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Bắc đã được cải tạo bước đầu. Về công nghiệp, trên 80% cơ sở tư doanh đã có quan hệ gia công đặt hàng với kinh tế quốc doanh, 80% giá trị hàng của công nghiệp tư bản tư doanh là hàng quốc doanh gia công và thu mua. Về thương nghiệp, trên một phần ba số hộ thương nghiệp tư bản tư doanh đã có quan hệ kinh tiêu, đại lý với mậu dịch quốc doanh; những ngành buôn bán chủ yếu như vải, gạo, muối, thuốc tây, dầu lửa, thuốc lá, thịt, đều do Nhà nước quản lý. Đó là về nội thương; còn về ngoại thương, quốc doanh đã hoàn toàn nắm.

Sử dụng, hạn chế và cải tạo là ba mặt liên quan mật thiết với nhau. Để sử dụng, phải hạn chế, có hạn chế được mới sử dụng được tốt, và đồng thời với việc sử dụng và hạn chế, thì phải cải tạo kinh tế tư bản tư doanh từng bước từ hình thức thấp lên hình thức cao, tiến đến hoàn toàn cải tạo.

Nói chung, chính sách sử dụng, hạn chế và cải tạo đã đem lại kết quả tốt là nhờ mấy nhân tố chủ yếu sau đây:

Về phân chúng ta, chúng ta có lực lượng mạnh và có chính sách đúng. Lực lượng đó là Nhà nước dân chủ nhân dân, là kinh tế quốc doanh, là khối liên minh công nông, là sự ủng hộ của nhân dân miền Bắc đối với chính sách của Đảng và Chính phủ.

Chính sách của chúng ta đúng ở chỗ một mặt bảo đảm quyền lợi của Nhà nước và của nhân dân, một mặt chiếu cố đúng mức lợi ích của người tư sản dân tộc.

Về phân giai cấp tư sản dân tộc, thì sự thật đã chứng tỏ rằng giai cấp tư sản dân tộc có khả năng tiếp thu và nói

chung đã tiếp thu chính sách sử dụng, hạn chế và bước đầu cải tạo.

Sự tiếp thu này là kết quả của một quá trình đấu tranh liên tục, gay go. Đó là diễn biến tất yếu của cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Vì bản chất giai cấp, giai cấp tư sản rất muốn mở rộng kinh doanh, phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa, tăng cường thế lực chính trị. Giai cấp tư sản luôn luôn nuôi trong lòng những tham vọng sâu xa đó. Trong thời gian gần đây, lúc chúng ta thiết thực tiến tới cải tạo, thì biểu hiện chủ yếu của giai cấp tư sản là tiêu cực.

Đồng thời, phải thấy mặt tích cực của giai cấp tư sản dân tộc trong thời kỳ khôi phục kinh tế, sự đóng góp của họ vào sản xuất và lưu thông hàng hoá, có lợi đối với quốc kế dân sinh. Song cũng phải thấy ở đó phần công lao của nhân dân lao động và sự giúp đỡ của Nhà nước. Và muốn giai cấp tư sản dân tộc tiếp tục đóng góp phần tích cực của mình vào sự nghiệp kinh tế quốc dân, thì phải đẩy mạnh việc cải tạo.

*

* *

Đẩy cuộc vận động hoà bình cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh tiến tới một bước quyết định.

Trong thời gian qua, chính sách sử dụng, hạn chế và bước đầu cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh là đúng, cần thiết và có lợi, và nhờ đó mà chúng ta thu được kết quả tốt: sử dụng mặt tích cực, khả năng đóng góp của kinh tế tư bản tư doanh vào sự nghiệp khôi phục kinh tế, đồng thời chuẩn bị đưa kinh tế tư bản tư doanh tiến tới một bước quyết định trên con đường hoà bình cải tạo.

Hiện nay, điều kiện đã chín muồi, để chúng ta chủ động, tích cực và khẩn trương đẩy việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế tư bản tư doanh và giai cấp tư sản dân tộc tiến một bước quan trọng, có ý nghĩa quyết định; đưa xí nghiệp tư bản tư doanh từ hình thức thấp và vừa lên hình thức cao của chủ nghĩa tư bản nhà nước, chủ yếu là hình thức công tư hợp doanh, chuyển chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa về căn bản thành chế độ sở hữu của Nhà nước, và trên cơ sở quan hệ sản xuất mới đó, biến dần người tư sản dân tộc thành người lao động, sống bằng lao động chứ không phải sống bằng bóc lột.

Điều kiện đã chín muồi ở chỗ: kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã đang lớn mạnh nhanh chóng và đòi hỏi một cách bức thiết sự xoá bỏ kinh tế tư bản tư doanh, phương thức sản xuất và kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trở thành vật chướng ngại đối với sự phát triển sức sản xuất nói chung, và đối với sự phát triển sức sản xuất ở các xí nghiệp tư bản tư doanh. Quần chúng công nhân và nhân dân lao động yêu cầu cấp thiết xoá bỏ vật chướng ngại này.

Điều kiện chín muồi ở chỗ lực lượng của chủ nghĩa xã hội, chủ yếu là kinh tế quốc doanh và giai cấp công nhân đã lớn mạnh trong thời gian qua, đủ sức nắm lấy việc quản lý kinh tế tư bản tư doanh và đã có sự chuẩn bị để làm việc này.

Chúng ta phải làm cho mọi người thấy rõ sự cần thiết cấp bách cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, thấy rõ rằng việc phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc không thể dung thứ sự tồn tại của kinh doanh tư bản chủ nghĩa.

Người tư sản dân tộc cũng phải hiểu những điều đó, và hiểu rằng cần phải tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa thì mới

tiếp tục phát huy được nhân tố tích cực của mình, đóng góp phần của mình vào sự nghiệp chung.

Tóm lại, chúng ta cần phải và có đầy đủ khả năng đẩy cuộc vận động hoà bình cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh tiến tới một bước quyết định.

Để tiến hành cuộc vận động này một cách thuận lợi và vững chắc, đảm bảo kết quả tốt về mọi mặt, chúng ta phải có lực lượng mạnh, có chính sách đúng và có phương pháp thuyết phục giai cấp tư sản dân tộc tiếp thu cải tạo.

Chúng ta phải không ngừng tăng cường lực lượng của chúng ta về mọi mặt.

Lực lượng ấy là Nhà nước dân chủ nhân dân, đương làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản. Chúng ta phải dùng công cụ sắc bén này để làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ dần kinh tế tư bản tư doanh và quyền chiếm hữu tư bản chủ nghĩa, đảm bảo thắng lợi của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, khiến nó trở nên thành phần kinh tế duy nhất ở miền Bắc, và trên cơ sở đó giành thắng lợi mới của cách mạng xã hội chủ nghĩa về mặt chính trị và tư tưởng, tiến tới giành thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong cuộc đấu tranh "ai thắng ai" của thời kỳ quá độ.

Trước mắt cũng như trong cả thời kỳ quá độ, chúng ta không ngừng tăng cường lực lượng của Nhà nước dân chủ nhân dân, tăng cường bộ máy nhà nước, tăng cường cảnh giác và kịp thời trấn áp mọi hành động đối địch của các loại tay sai của Mỹ - Diệm, luôn luôn âm mưu phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; chúng ta không ngừng tăng cường năng lực tổ chức và quản lý của Nhà nước, phát huy cao độ tác dụng của Nhà nước về mọi mặt, đảm bảo

thắng lợi của sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Lực lượng ấy là kinh tế quốc doanh hiện đang lớn mạnh, đã giữ địa vị lãnh đạo, có ưu thế quyết định đối với kinh tế tư bản tư doanh. Chúng ta không ngừng ra sức củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh. Bên cạnh kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã đang trên đà phát triển: hợp tác xã thủ công nghiệp, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã vay mượn và nhất là hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Như vậy, kinh tế xã hội chủ nghĩa đang mở rộng trận địa, mở rộng hoạt động và quyết đưa kinh tế tư bản tư doanh vào con đường duy nhất, con đường cải tạo theo chủ nghĩa xã hội.

Lực lượng ấy là khối liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân cùng các tầng lớp nhân dân lao động khác; củng cố và phát triển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và các loại hợp tác xã khác là tăng cường một cách vững chắc nhất khối liên minh này, như vậy là cắt đứt quan hệ về mọi mặt giữa giai cấp tư sản và các tầng lớp tiểu tư sản ở nông thôn và thành thị.

Lực lượng ấy là sự giác ngộ xã hội chủ nghĩa của nhân dân ngày càng được nâng cao, quần chúng nhân dân ngày càng nhận thấy miền Bắc phải tiến lên chủ nghĩa xã hội, phải làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải cải tạo kinh tế tư bản tư doanh và cải tạo người tư sản. Trên nền tảng kinh tế xã hội chủ nghĩa dần dần trở nên nền kinh tế thuần nhất ở miền Bắc, tư tưởng xã hội chủ nghĩa dần dần chiếm ưu thế ở miền Bắc.

Càng có đầy đủ lực lượng thì càng có khả năng cải tạo hoà bình, cho nên Đảng ta không ngừng tăng cường các lực lượng kể trên và khôn khéo sử dụng lực lượng ấy để cải tạo hoà bình kinh tế tư bản tư doanh và người tư sản.

Lực lượng xã hội chủ nghĩa không ngừng lớn mạnh ở miền Bắc nước ta là bộ phận khăng khít của phe xã hội chủ nghĩa vô cùng lớn mạnh đứng đầu là Liên Xô, trong lúc đó thì lực lượng của chủ nghĩa đế quốc, của chủ nghĩa tư bản ngày càng suy yếu rõ rệt và nhất định sẽ dần dần đi đến diệt vong.

Chúng ta dựa vào lực lượng lớn mạnh như vậy của chủ nghĩa xã hội để đưa kinh tế tư bản tư doanh và giai cấp tư sản dân tộc ở miền Bắc vào con đường cải tạo hoà bình.

Chúng ta cần vạch cho giai cấp tư sản dân tộc thấy nội dung và ý nghĩa của chính sách cải tạo hoà bình, làm cho họ thấy con đường cải tạo là con đường vẻ vang, con đường tham gia vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và sự nghiệp thống nhất Tổ quốc, tiếp tục và phát huy truyền thống yêu nước của giai cấp tư sản dân tộc.

Điểm mấu chốt về kinh tế trong chính sách cải tạo hoà bình là chính sách chuộc lại tư liệu sản xuất của người tư sản, chuộc lại và trả dần chứ không phải tịch thu. Chính sách chuộc lại và trả dần tư liệu sản xuất đi đôi với chính sách sắp xếp công việc cho người tư sản trong xí nghiệp đã cải tạo là con đường thích hợp nhất để dần dần cải tạo người tư sản thành người lao động.

Phải thấy rõ chỗ hoàn toàn khác nhau giữa chính sách cải tạo hoà bình kinh tế tư bản tư doanh và giai cấp tư sản dân tộc và chính sách đối với giai cấp địa chủ trong cải cách ruộng đất, khác nhau về kinh tế, về chính trị và về phương pháp tiến hành.

Chính sách cải tạo hoà bình phải được quán triệt và thể hiện trong mọi chủ trương và chính sách cụ thể và trong phương pháp tiến hành.

Giai cấp công nhân là người lãnh đạo cách mạng và lãnh

đạo Nhà nước dân chủ nhân dân ở miền Bắc, đồng thời là lực lượng chủ yếu và trực tiếp thi hành chính sách cải tạo hoà bình, vận dụng phương pháp vừa đoàn kết vừa đấu tranh đối với tư sản dân tộc. Giai cấp công nhân phải có ý thức đầy đủ và sâu sắc về sự cần thiết làm tốt công tác cải tạo để làm tốt công tác quản lý xí nghiệp mới, vì lợi ích của cách mạng, của nền kinh tế quốc dân, của sự nghiệp đoàn kết dân tộc ở miền Bắc và ở miền Nam, nhằm tăng cường lực lượng xây dựng miền Bắc và lực lượng đấu tranh thống nhất nước nhà.

Về lợi ích kinh tế, kinh tế tư bản tư doanh ở nước ta tuy nhỏ bé, nhưng còn có tác dụng đáng kể trong nền kinh tế quốc dân. Cải tạo tốt là sử dụng tốt và phát huy khả năng về vốn, về thiết bị của tư bản tư doanh và khả năng quản lý, kỹ thuật của người tư sản. Giai cấp công nhân có trách nhiệm tận dụng tất cả những khả năng ấy. Kinh nghiệm đợt thí điểm cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh vừa qua chứng tỏ rằng cải tạo tốt xí nghiệp tư bản tư doanh và người tư sản, thì xí nghiệp công tư hợp doanh có thể tiến bộ nhanh chóng về mọi mặt: năng suất tăng, sản lượng tăng, giá thành hạ, nhiệt tình lao động xã hội chủ nghĩa của anh chị em công nhân lên, đoàn kết trong xí nghiệp tốt. Với hình thức xí nghiệp công tư hợp doanh hoặc xí nghiệp hợp tác, giai cấp công nhân sẽ trực tiếp quản lý xí nghiệp và dần dần tổ chức sản xuất, tổ chức hoạt động của xí nghiệp một cách có kế hoạch, khớp với kế hoạch nhà nước. Như vậy là vừa cải tạo, vừa sắp xếp kinh tế tư bản tư doanh một cách thuận lợi, tránh được những đảo lộn, rung động, gián đoạn không cần thiết.

Đứng trước tình hình này, thái độ của giai cấp tư sản dân tộc như thế nào?

Thái độ của giai cấp tư sản dân tộc mặc dầu có phản ứng, nhưng nói chung là tiếp thu chính sách cải tạo hoà bình của Đảng và Chính phủ.

Thái độ đó là kết quả của toàn bộ chính sách của Đảng từ trước đến nay và những tiến bộ của giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam trong điều kiện của nước ta, là một biểu hiện của tính tích cực của giai cấp tư sản dân tộc. Trên đây, ở nhiều chỗ đã phân tích sự hình thành của giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam, của giai cấp tư sản dân tộc ở miền Bắc, quá trình giai cấp tư sản dân tộc tham gia cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, quá trình chuyển biến về kinh tế, chính trị, tư tưởng của giai cấp tư sản dân tộc ở miền Bắc trong thời kỳ khôi phục kinh tế. Hiện nay người tư sản dân tộc có nhiều quan hệ với chế độ dân chủ nhân dân ở miền Bắc, với kinh tế quốc doanh, con em của họ lớn lên với chế độ mới. Phần lớn người trí thức tư sản dần dần phấn khởi đóng góp vào việc phát triển nền văn hoá xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Người tư sản dân tộc thấy khá rõ ràng miền Bắc ngày nay, nước Việt Nam ta sau này, cũng như cả thế giới, nhất định đi theo con đường của chủ nghĩa xã hội. Chúng ta phải dựa vào những nhân tố tích cực đó để chống và thắng mặt tiêu cực của người tư sản, tham vọng duy trì bóc lột, bản chất không ưa thích cải tạo xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải làm cho người tư sản dân tộc hiểu rằng trong điều kiện hiện nay của miền Bắc, tính chất dân tộc của tư sản dân tộc là hướng về chủ nghĩa xã hội, không thể có con đường nào khác. Dân tộc là yêu nước và yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội.

Về phần giai cấp công nhân thì đối đãi với tư sản dân tộc như vậy là hợp với quyền lợi của chủ nghĩa xã hội và của

nhân dân, là hợp tình hợp lý, và phần lớn người tư sản dân tộc ở miền Bắc có khả năng tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Nhưng nếu trong hàng ngũ tư sản, có người quyết chống lại sự cải tạo, tự mình tách khỏi hàng ngũ tư sản dân tộc, thì mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và họ vốn là mâu thuẫn đối kháng, không thể chuyển thành mâu thuẫn không đối kháng và trong trường hợp ấy, đó là mâu thuẫn giữa ta và địch. Những phần tử tư sản kiên quyết chống lại cải tạo xã hội chủ nghĩa là những phần tử tư sản phản động.

Với sự tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa của giai cấp tư sản dân tộc trong những điều kiện đã trình bày trên đây, chúng ta thấy rõ khả năng cải tạo hoà bình kinh tế tư bản tư doanh và giai cấp tư sản dân tộc. Điều này chứng tỏ rằng chính sách cải tạo hoà bình của Đảng là đúng, cần thiết và có lợi.

*
* *

Nhìn chung lại, toàn bộ chính sách của Đảng đối với giai cấp tư sản dân tộc từ hoà bình lập lại đến nay đưa đến việc cải tạo hoà bình công thương nghiệp tư bản tư doanh trong điều kiện hiện nay của miền Bắc nước ta: giai cấp công nhân nắm vững quyền lãnh đạo Nhà nước dân chủ nhân dân và dựa trên lực lượng mạnh mẽ và ngày càng mạnh mẽ của kinh tế quốc doanh và liên minh công nông, đồng thời trong điều kiện lịch sử thuận lợi của thế giới ngày nay: chủ nghĩa xã hội lớn mạnh nhanh chóng và chắc chắn sẽ chiến thắng chủ nghĩa tư bản. Trong những điều kiện như vậy, với phương châm cải tạo từng bước và sự tiếp thu cải tạo của giai cấp tư

sản dân tộc, chúng ta có khả năng và thực sự chuyển dần mâu thuẫn vốn đối kháng giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản dân tộc thành mâu thuẫn không đối kháng, coi cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản dân tộc là cuộc đấu tranh trong nội bộ nhân dân. Như vậy, giai cấp tư sản vốn là đối tượng của cách mạng xã hội chủ nghĩa, hiện là đối tượng của cải tạo hoà bình, và vì họ tiếp thu cải tạo, chúng ta dùng phương pháp dân chủ mà giải quyết mâu thuẫn giữa họ và giai cấp công nhân.

Tóm lại, xuất phát từ điều kiện của miền Bắc, của cả nước ta, chúng ta tiếp tục coi giai cấp tư sản dân tộc là một thành viên của nhân dân, của Mặt trận dân tộc thống nhất, coi mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản dân tộc là mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân và dùng phương pháp dân chủ để giải quyết mâu thuẫn ấy.

Chính sách cải tạo hoà bình của Đảng đối với kinh tế tư bản tư doanh và giai cấp tư sản dân tộc là một sự áp dụng sáng tạo của chủ nghĩa Mác - Lênin trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, có lợi đối với việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đối với việc hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Đợt cải tạo này có tác dụng to lớn là biến toàn bộ kinh tế tư bản tư doanh thành kinh tế tư bản nhà nước cấp cao, chủ yếu thành xí nghiệp công tư hợp doanh (một phần thành xí nghiệp hợp tác), như vậy là đợt cải tạo này có tính chất toàn diện và căn bản. Chúng ta còn phải tiếp tục công cuộc cải tạo, tiếp tục cuộc đấu tranh giai cấp, cuộc đấu tranh cách mạng về mọi mặt kinh tế, chính trị, nhất là về mặt tư tưởng, nhằm tiến tới hoàn toàn và vĩnh viễn xoá bỏ kinh tế tư bản

tư doanh, xoá bỏ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa, xoá bỏ bóc lột tư bản chủ nghĩa và xoá bỏ giai cấp tư sản, nhằm xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa không có bóc lột, không có giai cấp. Trong hoàn cảnh của nước ta và của thế giới ngày nay, tuy thuận lợi là căn bản, chúng ta vẫn còn gặp khó khăn trong cuộc đấu tranh này; chúng ta phải luôn luôn nâng cao cảnh giác, và phải coi đó là một cuộc đấu tranh giai cấp, một cuộc đấu tranh cách mạng khó khăn, phức tạp và lâu dài. Để tiến hành cuộc đấu tranh này, chúng ta có quyết tâm lớn, có lực lượng mạnh và có nhiều thuận lợi. Chúng ta tin tưởng chắc chắn rằng Đảng ta và giai cấp công nhân ta sẽ hoàn thành một cách thắng lợi cuộc đấu tranh có ý nghĩa lịch sử này.

II

CHỦ TRƯỞNG VÀ CHÍNH SÁCH CỤ THỂ, PHƯƠNG PHÁP CẢI TẠO CÔNG THƯƠNG NGHIỆP TƯ BẢN TƯ DOANH

Căn cứ vào những điều trên đây, để tiến hành cải tạo hoà bình kinh tế tư bản tư doanh một cách thuận lợi, cần giải quyết một số vấn đề về chủ trương, chính sách cụ thể và phương pháp cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Mục đích, yêu cầu của việc cải tạo

1. *Cải tạo quan hệ sản xuất*

Xoá bỏ chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, biến xí nghiệp tư bản tư doanh thành xí nghiệp xã hội chủ nghĩa, giải phóng sức sản xuất và người công nhân lâu nay bị kìm hãm trong xí nghiệp tư bản tư doanh, như vậy để đồng thời với việc cải tạo nông nghiệp, thủ công nghiệp và

tiểu thương, làm cho nền kinh tế quốc dân gồm nhiều thành phần trở nên thuần nhất, xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta thực hiện dần từng bước việc cải tạo này.

Đi đôi với cải tạo xí nghiệp tư bản tư doanh, phải cải tạo người tư sản, giúp người tư sản từ người bóc lột trở thành người lao động, phát huy khả năng kỹ thuật, khả năng quản lý xí nghiệp, khả năng lao động của họ để họ có phần đóng góp thiết thực vào hoạt động của xí nghiệp mới.

2. *Đẩy mạnh sản xuất, cải tiến quản lý*

Dựa vào quan hệ sản xuất mới, với nhiệt tình lao động xã hội chủ nghĩa của công nhân, cần ra sức đẩy mạnh sản xuất, cải tiến quản lý xí nghiệp, cải thiện điều kiện làm việc và đời sống của người lao động trong xí nghiệp đã cải tạo, góp phần vào sự nghiệp cải tạo và phát triển kinh tế, tăng cường lực lượng và cải thiện đời sống của nhân dân miền Bắc.

3. *Giáo dục tư tưởng*

Tuyên truyền, giải thích, giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, lập trường cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân, phê phán nghiêm khắc tư tưởng và lập trường của giai cấp tư sản, làm cho các tầng lớp nhân dân, nhất là nhân dân lao động, các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức ở thành thị phân rõ ranh giới giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, giữa lao động và bóc lột, giành ưu thế cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Cần nhận rõ rằng việc giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa và việc xoá bỏ tư tưởng tư sản trong xã hội là một cuộc đấu tranh còn phải tiếp tục lâu dài sau khi đã cải tạo kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Ở xí nghiệp cần cải tạo, phải ra sức làm tốt việc giáo dục tư tưởng đối với quần chúng công nhân, người làm công, mọi

người lao động có quan hệ với xí nghiệp. Đó là lực lượng trực tiếp tham gia vào việc cải tạo, chúng ta phải động viên, giáo dục, tổ chức và sử dụng lực lượng ấy để tiến hành cải tạo xí nghiệp tư bản chủ nghĩa theo hình thức xí nghiệp công tư hợp doanh hoặc xí nghiệp hợp tác. Đồng thời phải ra sức làm tốt việc giáo dục tư tưởng đối với người tư sản dân tộc và gia đình của họ.

Làm tốt việc tuyên truyền, giải thích, giáo dục này trong nội bộ xí nghiệp và trong các tầng lớp nhân dân là xây dựng cơ sở tư tưởng để thắt chặt khối đoàn kết dân tộc trong Mặt trận dân tộc thống nhất, nhằm xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Công tác tuyên truyền giải thích của chúng ta về vấn đề cải tạo hoà bình công thương nghiệp tư bản tư doanh còn phải gây ảnh hưởng tốt đối với các tầng lớp đồng bào miền Nam.

4. Tăng cường tổ chức

Phát triển và củng cố công đoàn, Đoàn Thanh niên Lao động, xây dựng chi bộ mới hoặc phát triển và củng cố chi bộ sẵn có ở xí nghiệp được cải tạo.

Việc phát triển và củng cố này sẽ tiến hành dần dần theo đà tiến bộ của quần chúng công nhân trong quá trình đấu tranh cải tạo xí nghiệp và sẽ tiếp tục và tích cực làm về sau.

Ra sức thực hiện mục đích, yêu cầu trên, tức là góp phần củng cố miền Bắc, tranh thủ miền Nam, tăng cường lực lượng để thực hiện thống nhất nước nhà.

Hình thức cải tạo và chính sách cụ thể

Xí nghiệp tư bản tư doanh có thể cải tạo theo hai hình thức: xí nghiệp công tư hợp doanh, đó là hình thức chủ yếu, và xí nghiệp hợp tác.

Công tư hợp doanh là hình thức cao của chủ nghĩa tư bản nhà nước, sẽ dùng để cải tạo những xí nghiệp tương đối lớn, những xí nghiệp có tính chất quan trọng, và nói chung, mọi xí nghiệp cần Nhà nước tham gia quản lý.

Phải chuẩn bị để làm công tư hợp doanh toàn ngành, tiện cho việc sắp xếp toàn ngành, có lợi cho nền kinh tế quốc dân, thuận với kế hoạch nhà nước.

Ngoài diện công tư hợp doanh, các xí nghiệp khác sẽ cải tạo theo hình thức *xí nghiệp hợp tác*.

Hợp tác xã vốn là tổ chức của những người lao động. Nhưng trong hoàn cảnh miền Bắc nước ta hiện nay, có thể để một số người tư sản nhỏ gia nhập tổ chức hợp tác, thông qua đó mà cải tạo họ. Chúng ta có thể tổ chức những xí nghiệp hợp tác bao gồm người lao động và người tư sản, thợ và chủ cũ. Làm như vậy có lợi ở chỗ xí nghiệp hợp tác có thể sử dụng tư liệu sản xuất nguyên của người tư sản để sản xuất. Nhưng phải ngăn ngừa chủ cũ tìm cách lũng đoạn, lợi dụng xí nghiệp hợp tác và xã viên. Điều quan trọng là nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ quản lý của xã viên, đảm bảo quyền lãnh đạo xí nghiệp hợp tác trong tay xã viên lao động.

Sau khi xí nghiệp tư bản tư doanh chuyển thành xí nghiệp công tư hợp doanh, hoặc xí nghiệp hợp tác, thì quan hệ sản xuất cũ đã thay đổi về căn bản, đã từ tính chất tư bản chủ nghĩa biến thành tính chất nửa xã hội chủ nghĩa hoặc ba phần tư xã hội chủ nghĩa. Việc quản lý sản xuất và kinh doanh ở các xí nghiệp đó theo phương thức xã hội chủ nghĩa, người công nhân và viên chức ở các xí nghiệp đó là những người quản lý trực tiếp, người tư sản ở vào địa vị bị lãnh đạo

và chịu sự giám đốc trực tiếp của quần chúng công nhân và viên chức.

Làm công tư hợp doanh cũng như làm xí nghiệp hợp tác phải giải quyết *một số vấn đề về chính sách cụ thể như sau:*

Kiểm kê và định giá tài sản: đây là một công tác phức tạp vì phải tính nhiều mặt: giá mua lúc trước, giá trị hiện nay; phải tính một cách công bằng, hợp lý. Trừ tư liệu sinh hoạt của nhà tư sản không kiểm kê và chuộc lại, còn tư liệu sản xuất (kể cả vốn cố định và vốn luân chuyển) thì đều kiểm kê, định giá và chuộc lại. Căn cứ tình hình từng xí nghiệp mà giải quyết cụ thể theo nguyên tắc: công bằng, hợp lý, chống huỷ hoại và phân tán.

Định chính sách lãi và mức lãi: đối với xí nghiệp công tư hợp doanh có hai cách: định lãi hoặc chia lãi. Nói chung đối với công tư hợp doanh thì nên định lãi; đối với một số ngành, lúc đầu có thể chia lãi, nhưng sau phải tiến tới định lãi. Mức lãi định có phân biệt giữa công nghiệp và thương nghiệp, giữa các ngành, nghề và địa phương, không định đồng loạt.

Đối với xí nghiệp hợp tác: ngoài số tiền góp cổ phần được hưởng lãi theo điều lệ đã quy định đối với hợp tác xã, số còn lại sẽ định lãi. Mức lãi là do quần chúng quyết định.

Về hai vấn đề trên: kiểm kê và định giá tài sản, định chính sách lãi, phải tùy từng ngành, từng địa phương, từng trường hợp mà giải quyết một cách đúng đắn, vừa phục vụ lợi ích của Nhà nước, của xã viên, của nhân dân, vừa chiếu cố thích đáng đến lợi ích của người tư sản, do mỗi bên có liên quan bàn bạc dân chủ, thoả thuận quyết định.

Xếp công việc cho người tư sản: người tư sản được xếp việc làm trong xí nghiệp công tư hợp doanh tùy theo trình độ và tài năng, và được trả lương hoặc tiền thù lao theo khả

năng lao động của họ. Việc định chế độ tiền lương hoặc tiền thù lao cho họ phải có sự đối chiếu với chế độ tiền lương trong xí nghiệp quốc doanh cùng ngành, cùng nghề, cùng địa phương và đối chiếu với chế độ tiền lương của công nhân ở các xí nghiệp công tư hợp doanh.

Ngoài ra, những chính sách cụ thể khác cũng cần được chú ý nghiên cứu và giải quyết kịp thời.

Giải quyết tốt mọi chính sách có liên quan đến quyền lợi kinh tế, chính trị, trước mắt và về sau của người tư sản là nhân tố trọng yếu để ổn định tư tưởng cho họ và giúp họ dễ tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với xí nghiệp của họ và đối với bản thân họ.

Phương pháp cải tạo

Cải tạo xí nghiệp tư bản tư doanh bất cứ theo hình thức xí nghiệp công tư hợp doanh hay là xí nghiệp hợp tác, chủ yếu là dựa vào sự giác ngộ xã hội chủ nghĩa của công nhân và người lao động làm việc trong xí nghiệp.

Trong quá trình cải tạo và sau khi đã cải tạo, việc quản lý xí nghiệp mới đòi hỏi sự giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý thức làm chủ và nhiệt tình của công nhân, của người lao động.

Cho nên phải ra sức giáo dục công nhân và người lao động có liên quan với xí nghiệp và dựa hẳn vào lực lượng đó để làm việc cải tạo. Phải làm cho công nhân và người lao động thấm nhuần chính sách cải tạo hoà bình và biết vận dụng chính sách ấy và các chủ trương, chính sách cụ thể trong mọi trường hợp, nhằm làm tốt việc cải tạo, chuẩn bị tốt việc quản lý xí nghiệp được cải tạo.

Đi đôi với việc cải tạo xí nghiệp tư bản tư doanh, phải cải tạo người tư sản.

Công nhân và người lao động ở các xí nghiệp tư bản tư doanh là lực lượng chủ yếu và trực tiếp làm việc cải tạo người tư sản theo phương pháp đoàn kết - đấu tranh - đoàn kết. Phải phát động tư tưởng quần chúng công nhân và người lao động để tiến hành cuộc đấu tranh đúng mức với người tư sản. Cuộc đấu tranh ấy về nội dung, hình thức và phương pháp là phê bình và giáo dục, khác hẳn cuộc đấu tranh chống giai cấp địa chủ trong cải cách ruộng đất. Và đấu tranh như vậy, nghĩa là phê bình và giáo dục, chính là để tiến tới đoàn kết tốt hơn trên cơ sở mới: quan hệ sản xuất mới, tư tưởng mới, nhằm quản lý tốt xí nghiệp công tư hợp doanh hay là xí nghiệp hợp tác.

Giáo dục của Đảng và sự phê bình của công nhân là trường học tốt nhất để bước đầu cải tạo tư tưởng người tư sản và sẽ là trường học tốt nhất để tiếp tục cải tạo người tư sản.

Trong hàng ngũ tư sản dân tộc cũng như trong mỗi một người tư sản dân tộc, có người tốt, có việc tốt bên cạnh người xấu, việc xấu. Phê bình người xấu, việc xấu phải đi đôi với khuyến khích người tốt, việc tốt và như vậy đều để giáo dục người tư sản. Việc phê bình phải làm cho sâu, cho tốt, nghĩa là đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin mà phê phán đến nơi đến chốn điều sai, điều trái của người tư sản. Đồng thời phải đánh giá đúng và nêu rõ mặt tích cực, tiến bộ của họ. Có bao nhiêu cái xấu phải nói hết và kiên quyết đấu tranh chống lại, không nhân nhượng. Nhưng cũng không quên nhắc đến và khuyến khích mọi cái tốt của người tư sản dân tộc. Như vậy vừa giáo dục sâu sắc, ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng và tình cảm của người tư sản dân tộc, giúp họ trở nên con người mới thực sự tiếp thu chủ nghĩa xã hội, vừa đoàn kết với người tư sản dân

tộc tốt hơn trước. Đồng thời, làm như vậy là phân hoá hàng ngũ giai cấp tư sản, phát triển lực lượng tiến bộ, tranh thủ lực lượng trung gian, cô lập những phần tử xấu, những phần tử ngoan cố, không tiếp thu cải tạo, thậm chí chống lại cải tạo. Cô lập như vậy để dựa vào sự ủng hộ của số đông người tư sản mà đấu tranh kiên quyết chống bọn phản động.

Nói rút lại, phương pháp cải tạo phải tiến hành theo đường lối giai cấp của Đảng và thành thị trong quá trình cải tạo: *dựa hẳn vào quần chúng công nhân, đoàn kết chặt chẽ nhân dân lao động; giáo dục, cải tạo người tư sản, kiên quyết đấu tranh với những phần tử phản động chống lại chủ nghĩa xã hội, chống lại Tổ quốc và nhân dân.*

Phương châm, biện pháp và kế hoạch tiến hành cải tạo, kế hoạch toàn diện sắp xếp sản xuất, sắp xếp hoạt động.

Tình hình đòi hỏi chúng ta phải làm việc cải tạo này một cách khẩn trương và chúng ta có điều kiện và khả năng để làm.

Cho nên phương châm của công tác cải tạo là: *tốt, vững, gọn.*

Phải căn cứ vào phương châm ấy để giải quyết những vấn đề về biện pháp và kế hoạch tiến hành, kế hoạch sắp xếp sản xuất, sắp xếp hoạt động một cách toàn diện.

Phải rất coi trọng vấn đề biện pháp và kế hoạch tiến hành, bởi vì phương châm tốt, vững, gọn sẽ thể hiện chủ yếu trong biện pháp và kế hoạch tiến hành. Phải kịp thời rút kinh nghiệm trong công tác cải tạo, không ngừng cải tiến công tác cải tạo xí nghiệp công thương nghiệp tư bản tư doanh thành xí nghiệp công tư hợp doanh, thành xí nghiệp hợp tác; đặc biệt chú trọng những thành phố tập trung công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Đồng thời với kế hoạch tiến hành cải tạo, phải kịp thời

làm kế hoạch toàn diện sắp xếp các cơ sở đã cải tạo, hợp với lợi ích của kinh tế quốc dân và khớp với kế hoạch nhà nước. Các ngành, các cơ quan có trách nhiệm phải đặc biệt coi trọng việc sắp xếp này để kịp thời có kế hoạch sắp xếp toàn diện.

III

TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO

Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế tư bản tư doanh và giai cấp tư sản dân tộc là một *cuộc đấu tranh cách mạng, một cuộc đấu tranh giai cấp khó khăn và phức tạp*. Để đảm bảo công tác cải tạo tiến hành vững chắc và thuận lợi, đảm bảo kết quả tốt về mọi mặt, *phải tăng cường lãnh đạo của Đảng*.

Tăng cường lãnh đạo của Đảng, của Trung ương, tăng cường chỉ đạo trực tiếp của các cấp uỷ địa phương đối với công tác cải tạo này là nhân tố chủ yếu quyết định thắng lợi của việc cải tạo.

Chúng ta càng phải chăm lo tăng cường lãnh đạo, bởi vì trong thời gian qua, việc lãnh đạo này không được coi trọng đúng mức, do đó chúng ta đã phạm một số khuyết điểm: chậm giải quyết một số vấn đề về chủ trương, chính sách, chậm làm thí điểm và rút kinh nghiệm về việc cải tạo các loại công thương nghiệp tư bản tư doanh; chưa chú trọng đầy đủ lãnh đạo tư tưởng, nhất là đối với các ngành có trách nhiệm quản lý công thương nghiệp tư bản tư doanh, để xảy ra lệch lạc.

Chúng ta phải nắm công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, đồng thời phải nắm khâu chính của công tác cải tạo là cải tạo nông nghiệp, hợp tác hoá nông nghiệp và

nắm công tác cải tạo thủ công nghiệp, cải tạo tiểu thương. Phải tập trung lực lượng đúng nơi, đúng lúc, quyết tâm làm tốt toàn bộ công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Tăng cường lãnh đạo phải nhằm mọi mặt: tư tưởng, chính sách, tổ chức.

Phải đặc biệt coi trọng lãnh đạo tư tưởng. Phải nhân đợt cải tạo này mà giáo dục cán bộ: cán bộ của Đảng, của Nhà nước, của Mặt trận (chú trọng người trí thức) và tổ chức quần chúng; giáo dục công nhân, giáo dục các tầng lớp nhân dân lao động; giáo dục giai cấp tư sản dân tộc, giáo dục người trong gia đình tư sản, dựa vào phần tử tiến bộ, nhất là thanh niên; giáo dục về chính sách của Đảng đối với kinh tế tư bản tư doanh và giai cấp tư sản dân tộc, nhằm nâng cao trình độ nhận thức về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và về chính sách cải tạo hoà bình của Đảng. Giáo dục tư tưởng tốt là điều đảm bảo thi hành chính sách tốt, mọi việc có thể tiến hành vững chắc và thuận lợi, tránh được lệch bên "tả" hoặc bên hữu.

Mỗi đảng viên phải nâng cao ý thức tư tưởng xã hội chủ nghĩa, đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, làm một người chiến sĩ tích cực của cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đang được tiến hành.

Tăng cường lãnh đạo là tăng cường ý thức của toàn Đảng, đi đúng đường lối giai cấp của Đảng ở thành thị, nắm vững điểm chủ yếu trong đường lối ấy là dựa hẳn vào quần chúng công nhân, đoàn kết chặt chẽ nhân dân lao động. Phải thấy rõ rằng việc cải tạo xí nghiệp cũ và quản lý xí nghiệp mới sau khi cải tạo là việc chủ yếu và trực tiếp của công nhân và mọi người lao động có quan hệ với xí nghiệp, cho nên phải rất coi trọng việc giáo dục, tổ chức và phát huy lực lượng của công

nhân và người lao động. Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, các tổ chức quần chúng: công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ có trách nhiệm trọng yếu trong việc giáo dục, tổ chức, hướng dẫn quần chúng của mình tham gia công tác cải tạo này.

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương, cấp uỷ đảng ở địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác cải tạo ở địa phương mình. Đối với những nơi tập trung công thương nghiệp tư bản tư doanh, Trung ương sẽ trực tiếp giúp đỡ nhiều hơn.

Về các ngành ở Trung ương, ngành nào có quản lý kinh tế tư bản tư doanh, thì cơ quan phụ trách có trách nhiệm trực tiếp tiến hành cuộc cải tạo này trong phạm vi ngành mình.

Để giúp Trung ương nghiên cứu bổ sung các chính sách cần thiết trong quá trình cải tạo, hướng dẫn các cấp, các ngành thực hiện chính sách và kế hoạch cải tạo, đơn đốc sự thực hiện chính sách và kế hoạch đó, ở Trung ương sẽ thành lập Ban Cải tạo công thương nghiệp tư doanh. Ban này có quan hệ mật thiết với các ngành, các địa phương có trách nhiệm làm công tác cải tạo.

Ở các cấp, tùy theo sự cần thiết mà thành lập Ban Cải tạo hoặc cử cấp uỷ viên phụ trách.

Về mặt chính quyền, ở nơi cần thiết, sẽ thành lập một tổ chức giản đơn và thiết thực để giải quyết những vấn đề về mặt chính quyền.

Vì việc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh và người tư sản có chỗ phức tạp, lại thêm chúng ta chưa có kinh nghiệm đầy đủ, cho nên phải tăng cường lãnh đạo, đặc biệt chú trọng những nơi tập trung công thương nghiệp tư bản tư

doanh, những ngành quan trọng, những khâu quan trọng trong quá trình cải tạo.

Phải nắm vững yêu cầu của việc cải tạo, phải làm tốt về kinh tế cũng như về chính trị.

Phải nắm vững phương châm: tốt, vững, gọn. Phải ra sức làm tốt, vững, đồng thời phải làm gọn, không kéo dài.

Phải chuẩn bị đầy đủ trước khi tiến hành cải tạo. Lúc tiến hành cải tạo, phải nắm vững mọi mặt của công tác: tư tưởng, chính sách, tổ chức, kế hoạch.

Phải thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề, kịp thời rút kinh nghiệm và phổ biến kinh nghiệm.

Phải tiến hành cải tạo tốt để quản lý tốt xí nghiệp sau khi đã cải tạo.

Phải có kế hoạch sắp xếp sản xuất và sắp xếp hoạt động của các ngành công thương nghiệp tư bản tư doanh một cách toàn diện, có lợi cho quốc kế dân sinh, khớp với kế hoạch nhà nước.

Chúng ta đương tiến hành cuộc vận động cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh có ý nghĩa quyết định. Hội nghị Trung ương kêu gọi toàn Đảng, kêu gọi giai cấp công nhân củng cố lập trường, nâng cao ý chí cách mạng, nắm vững chính sách và phương pháp, tích cực và vững bước làm tốt công tác cải tạo kinh tế tư bản tư doanh và cải tạo giai cấp tư sản dân tộc, đảm bảo thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, tăng cường lực lượng của miền Bắc về mọi mặt, gây ảnh hưởng tốt ở miền Nam, góp phần vào sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Đồng thời Hội nghị Trung ương kêu gọi người tư sản dân tộc nâng cao nhiệt tình yêu nước, nâng cao giác ngộ chính trị, ra sức tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa, vì lợi ích của bản thân mình và vì lợi ích tối cao của Tổ quốc và nhân dân.

Với sự cố gắng của toàn Đảng, và sự ủng hộ nhiệt liệt của nhân dân, chúng ta nhất định thắng lợi trong cuộc hoà bình cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM
Về Hội nghị lần thứ 16 (mở rộng)**

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã họp Hội nghị lần thứ 16 (mở rộng) để thảo luận các vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội.

1. Về vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp

Sau khi nghe báo cáo tình hình phong trào hợp tác hoá nông nghiệp trong mấy năm gần đây, Hội nghị nhận định như sau:

Từ cuối năm 1958 đến nay, nông thôn miền Bắc nước ta đã có một chuyển biến quan trọng theo hướng xã hội chủ nghĩa. Nông dân lao động nước ta vốn có tập quán giúp nhau sản xuất từ lâu đời dưới những hình thức giản đơn và thô sơ. Sau Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến, Đảng ta đã chú ý hướng dẫn nông dân phát triển các hình thức giúp đỡ lẫn nhau để tăng gia sản xuất.

Sau khi hoà bình được lập lại và sau khi hoàn thành nhiệm vụ khôi phục kinh tế và hoàn thành cải cách ruộng đất, nông dân lao động miền Bắc nước ta đã được giải phóng khỏi ách đế quốc và phong kiến, giành lại tự do và ruộng đất,

đời sống đã bước đầu được cải thiện. Tuy nhiên, vì ruộng ít, lại luôn luôn bị thiên tai uy hiếp, cho nên đời sống của nông dân lao động, nhất là của bần nông và trung nông lớp dưới, còn gặp nhiều khó khăn.

Do sự giáo dục và lãnh đạo của Đảng và do ảnh hưởng những thắng lợi to lớn của Liên Xô trên con đường xây dựng chủ nghĩa cộng sản và những thắng lợi to lớn của Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội; đồng thời cũng do kinh nghiệm của chính mình, nông dân lao động miền Bắc nước ta đã nhận rõ chỉ có đi vào con đường làm ăn tập thể mới giải quyết được những khó khăn trong sản xuất và trong đời sống hằng ngày, vì thế một bộ phận quan trọng trong nông dân lao động đã hăng hái đi vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp. Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp đã trở thành một phong trào quần chúng.

Chúng ta hiện nay đang tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải dựa trên hai chân vững mạnh là công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và nông nghiệp hợp tác hoá.

Để phát triển sản xuất nông nghiệp về mọi mặt, nhằm không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nông dân, phải tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp, xoá bỏ tình trạng người bóc lột người và cải tạo quan hệ sản xuất cá thể ở nông thôn thành quan hệ sản xuất tập thể. Nông nghiệp hợp tác hoá sẽ tạo điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Hội nghị Trung ương lần thứ 16 đề ra nhiệm vụ cấp bách của Đảng ở nông thôn miền Bắc nước ta hiện nay là trên đà chuyển biến mới của tình hình nông thôn, ra sức củng cố

những tổ đổi công và hợp tác xã đã có, chuẩn bị về mọi mặt đường lối, chính sách, tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kế hoạch để phát triển phong trào tổ đổi công, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp một cách tích cực và vững chắc, chuẩn bị tiến tới cao trào cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, phấn đấu để hoàn thành thắng lợi công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và góp phần đẩy mạnh cải tạo thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội và thúc đẩy hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước ba năm, củng cố miền Bắc vững mạnh, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Hội nghị đã đề ra đường lối, phương châm, nguyên tắc và một số chính sách cụ thể về hợp tác hoá nông nghiệp.

Hội nghị đặc biệt nhấn mạnh phải tăng cường lãnh đạo về tư tưởng, về chính sách, về tổ chức và về kế hoạch để đảm bảo phát triển tốt phong trào hợp tác hoá nông nghiệp.

2. Về vấn đề cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội

Hội nghị Trung ương nhận định:

Từ khi hoà bình lập lại đến nay, do sự giáo dục, giúp đỡ của Đảng và Chính phủ, những người tư sản ở miền Bắc nước ta với mức độ khác nhau, đã có nhiều tiến bộ trong việc tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa và đã góp phần nhất định vào việc khôi phục và bước đầu phát triển kinh tế quốc dân.

Qua việc thực hiện các chính sách của Đảng và Chính phủ, trong mấy năm gần đây, công thương nghiệp tư bản tư doanh đã được cải tạo bước đầu dưới các hình thức tư bản nhà nước loại thấp và vừa; do đó, mặt tiêu cực, lạc hậu của công thương nghiệp tư bản tư doanh đã bị hạn chế và mặt tích cực được phát huy, có lợi cho quốc kế dân sinh.

Mặt khác, thành phần kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã ngày càng phát triển đã tạo thêm điều kiện để cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội.

Hội nghị Trung ương đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh việc thực hiện chính sách cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội. Đối với những người tư sản, cần tăng cường giáo dục và đoàn kết với họ trong Mặt trận Tổ quốc, đồng thời đi đôi với việc cải tạo các xí nghiệp tư bản, cần sắp xếp cho những người tư sản có công ăn việc làm thích đáng, sử dụng những kinh nghiệm về kỹ thuật và quản lý của họ, tạo điều kiện cho họ tự cải tạo thành những người lao động phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

*
* *

Hội nghị Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân hãy đoàn kết chặt chẽ hơn nữa và phát huy đến cao độ nhiệt tình cách mạng, ra sức khắc phục mọi khó khăn để thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 16, hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Bắc nước ta, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 139-CT/TW, ngày 30-4-1959

Về tăng cường lãnh đạo công tác vệ sinh phòng dịch mùa hè

Mùa hè đã tới. Trong mùa hè thường có các bệnh về đường ruột như thổ tả, kiết lỵ, v.v. và các bệnh khác như sởi, quai bị, bại liệt, v.v.. Vừa qua, bệnh cúm phát triển rộng, làm cho sức khỏe một số nhân dân kém sút. Cần phải lãnh đạo nhân dân tích cực giữ gìn vệ sinh phòng bệnh, không để xảy ra những bệnh dịch nguy hiểm có hại cho đời sống và sức khỏe của nhân dân, trở ngại cho sản xuất.

Bộ Y tế đã có chỉ thị phát động phong trào vệ sinh phòng dịch mùa hè. Các khu ủy, thành ủy, tỉnh ủy cần lãnh đạo các cấp các ngành nghiêm chỉnh thi hành chỉ thị đó, không để dịch lan rộng rồi mới tập trung lực lượng chống dịch, như việc chống dịch cúm vừa qua.

Để đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng dịch mùa hè kết hợp với việc tăng cường xây dựng ngành y tế, Ban Bí thư nhắc các cấp ủy tiến hành mấy việc như sau:

1. Tổ chức kiểm điểm trong cán bộ lãnh đạo, nhất là trong cán bộ ngành y tế, về công tác lãnh đạo phòng và chống dịch cúm vừa qua để rút kinh nghiệm và đề ra kế hoạch cụ thể phòng dịch mùa hè.

2. Huy động thanh niên, công đoàn, phụ nữ, nông hội, các hợp tác xã và các ngành văn hóa giáo dục, thông tin, tận dụng mọi lực lượng và khả năng để thường xuyên tuyên truyền vệ sinh phòng dịch.

3. Mở rộng phong trào y tế dân lập theo sự hướng dẫn của Bộ Y tế; củng cố các Ban Y tế xã để phát triển lưới vệ sinh phòng dịch ở khắp nông thôn; phát triển công tác vệ sinh phòng dịch mùa hè ở các thành phố.

4. Hoàn thành đợt học tập chính trị cho cán bộ y tế ở tỉnh, huyện, và có kế hoạch đưa cán bộ y tế luân phiên xuống cơ sở vận động phong trào vệ sinh phòng dịch trong từng thời gian ngắn để thúc đẩy công tác vệ sinh phòng dịch, phục vụ nhân dân các dân tộc, đồng thời rèn luyện tư tưởng và tác phong cho cán bộ y tế.

5. Kiện toàn cơ quan y tế ở tỉnh, huyện. Những thành phố và những tỉnh nào cán bộ lãnh đạo y tế còn yếu, cần bổ sung cán bộ có trình độ chính trị làm trưởng Ty hoặc phó Ty Y tế.

Nhận được Chỉ thị này, các cấp ủy cần có kế hoạch cụ thể lãnh đạo các ngành, các cấp thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 140-CT/TW, ngày 2-5-1959

Về việc lãnh đạo công tác thu thuế nông nghiệp, thu nợ bằng thóc và thu mua thóc vụ chiêm 1959

Mấy năm vừa qua, do sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, nền nông nghiệp miền Bắc nước ta đã đạt được những thành tích rõ rệt, góp một phần quan trọng vào việc cải thiện đời sống nông dân, cung cấp một phần lớn nhu cầu về lương thực cho nhân dân.

Trong việc thực hiện kế hoạch ba năm phát triển và cải tạo kinh tế, phát triển văn hóa, nhu cầu về lương thực để cung cấp cho các vùng công nghiệp, các công trường xây dựng, cho cán bộ, bộ đội, nhân dân các thành phố, cho nhân dân các vùng phi nông nghiệp (như dân đánh cá, làm muối, thợ thủ công, v.v.) ngày càng nhiều. Thêm vào đó, Nhà nước cần có một lực lượng thóc gạo để tiếp tế cho nông dân thiếu ăn trong những lúc bị thiên tai để bình ổn giá thị trường, đảm bảo phát triển sản xuất, đấu tranh chống những hoạt động đầu cơ, tích trữ lương thực ở nông thôn. Ngoài ra, chúng ta còn phải dành một phần thóc gạo để xuất khẩu đổi lấy máy móc, nguyên liệu, phân bón, nông cụ, để phát triển công nghiệp và phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Tình hình trên đòi hỏi chúng ta phải chú trọng lãnh đạo sản xuất nông nghiệp tốt hơn nữa, và trên cơ sở sản xuất lương thực tăng dần, chúng ta cần chú trọng nắm một khối lượng lương thực nhiều hơn để đáp ứng yêu cầu của Nhà nước và nhân dân.

Trong mấy năm nay, nhờ sản xuất nông nghiệp phát triển, phân huy động thóc gạo cho Nhà nước tuy tính theo con số tuyệt đối thì có tăng, nhưng số tăng ấy không theo kịp nhu cầu cung cấp trong nước, do đó mỗi năm đều phải tiêu dùng lạm vào phần thóc gạo dự trữ của Nhà nước. Đây là một tình trạng không bình thường và không có lợi. Vả lại, theo sự tính toán của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước thì tỷ lệ huy động cho Nhà nước so với tổng số thu nhập của nông dân thì cũng mỗi năm mỗi sụt, kể cả các khoản thu thuế, thu mua và thu nợ.

Sở dĩ có tình trạng trên, một mặt do Trung ương chưa đem đầy đủ tình hình thông tri cho các cấp, các ngành hiểu thật rõ để các cấp, các ngành tăng cường lãnh đạo, mặt khác, các cấp, các ngành chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của vấn đề nắm lương thực trong tay Nhà nước, còn coi đó là một nhiệm vụ chuyên môn của các ngành thương nghiệp, tài chính, ngân hàng, chưa chỉ đạo chặt chẽ các công tác này, chưa giáo dục đầy đủ và động viên toàn Đảng, toàn dân thực hiện tốt nhiệm vụ của Đảng và Chính phủ giao cho, nhất là công tác thu mua và thu nợ. Vì vậy trong nhân dân và cả trong Đảng cũng có hiện tượng chây lười về nộp thuế nông nghiệp và trả nợ, không chịu bán thóc cho Nhà nước; trái lại có khuynh hướng giữ thóc lại, hoặc đầu vụ thì đóng thóc vào đến khi giá thóc lên cao thì bán hoặc cho vay. Tình trạng tích trữ lương thực phổ biến đã gây nhiều khó khăn cho Nhà nước

và những nông dân nghèo thiếu lương ăn vào cuối mùa.

Để khắc phục tình hình khó khăn trên, căn cứ vào việc đánh giá kết quả vụ chiêm năm nay, và nhu cầu về thóc gạo của Nhà nước, Ban Bí thư quyết định phải *đẩy mạnh công tác thu thuế, thu mua và thu nợ trong vụ chiêm này, đảm bảo cho Nhà nước nắm một lực lượng thóc gạo cần thiết: từ 400.000 đến 450.000 tấn thóc, ít nhất là 400.000 tấn*. Cụ thể là:

- Về thuế nông nghiệp: cần đảm bảo thu trên 21 vạn tấn thóc mà Bộ Tài chính đã giao cho các địa phương.

- Về thu nợ: cố gắng vận động nông dân trả đủ nợ cho Nhà nước, nhất là các khoản nợ từ năm 1958 đến nay, như nợ phân bón, nợ tạm ứng của thương nghiệp và trả một phần bằng thóc các khoản nợ của ngân hàng.

Ngoài ra, cần tăng cường công tác thu mua, cố gắng mua hết số thóc nông dân bán ra để mua sắm tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng. Nhưng hướng chính cần tập trung vận động những nông hộ thừa thóc nên bán cho Nhà nước.

Biện pháp chủ yếu để đảm bảo nắm khối lượng lương thực cần thiết là tăng cường vận động chính trị ở nông thôn; nâng cao thêm một bước ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa của nông dân. Các cấp ủy đảng cần dựa vào sự chuyển biến tư tưởng của nông dân trong phong trào hợp tác hóa và tăng gia sản xuất nông nghiệp mà giáo dục cho nông dân có ý thức nộp thuế sòng phẳng, tích cực trả đủ nợ bằng thóc và bán thóc cho Nhà nước để Nhà nước có thêm lương thực phục vụ cho các hoạt động kinh tế, nhất là phục vụ việc phát triển công nghiệp của nước nhà.

Cần làm cho các đảng viên và đoàn viên thanh niên lao động thông suốt chủ trương của Đảng, phát huy tác dụng

gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng. Tất cả các chi bộ và chi đoàn thanh niên ở nông thôn phải học tập chỉ thị của Trung ương để xác định nhiệm vụ và liên hệ kiểm điểm thái độ của mình trong việc thực hiện chủ trương về vấn đề lương thực. Trong quá trình tiến hành các công tác thu thuế, thu nợ bằng thóc, thu mua thóc, chi bộ và chi đoàn thanh niên cần tiếp tục theo dõi và giáo dục nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật cho đảng viên và đoàn viên thanh niên, phê phán những thái độ và hành động sai lầm không chấp hành đúng chính sách của Đảng và Chính phủ.

Trong nhân dân, cần tổ chức học tập chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc này, nhằm nâng cao ý thức giác ngộ cho nông dân và lòng yêu nước, phê phán những thái độ, hành động sai lầm và xác định nhiệm vụ của mọi người trong việc nộp thuế, trả nợ bằng thóc và bán thóc cho Nhà nước; tiến hành đấu tranh chống những hành động đầu cơ tích trữ, biểu hiện của khuynh hướng tư bản tự phát ở nông thôn. Khi chuẩn bị cũng như trong khi tiến hành công tác, phải chú trọng việc đấu tranh tư tưởng trong nội bộ nông dân, tránh tình trạng chỉ động viên đảng viên tốt và quần chúng cơ bản là những người dễ động viên, để những kẻ xấu chây lười và đầu cơ tích trữ, nhưng tuyệt đối không gây thành đấu tố, làm cho tình hình căng thẳng, ảnh hưởng không tốt đến tình đoàn kết trong nông dân lao động.

Trên cơ sở nâng cao giác ngộ của nông dân, các xã cần phân phối mức cụ thể cho từng xóm và nông hộ để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ của Trung ương giao cho.

Trước mắt, các cấp ủy đảng và uỷ ban hành chính địa phương cần tiếp tục lãnh đạo chặt chẽ việc chăm bón, trừ sâu chuột, phòng bão lụt từ nay đến khi gặt chiêm, quyết tâm

đảm bảo vụ đông - xuân thắng lợi; tổ chức việc cung cấp gạo cho những người thiếu lương ăn, kiên quyết giữ vững giá cả thị trường.

Đảng đoàn các Bộ Thương nghiệp, Tài chính, Ngân hàng và các cấp ủy địa phương cần kiểm điểm rút kinh nghiệm công tác lương thực các vụ trước để tổ chức lười thu mua, thu thuế cho hợp lý, hết sức tránh những thủ tục phiền phức, làm mất thì giờ, ảnh hưởng đến sản xuất của nông dân.

Về lãnh đạo, từ trung ương đến xã, các cấp ủy đảng phải trực tiếp lãnh đạo, kết hợp sử dụng các tổ chức của Nhà nước và các đoàn thể quần chúng; và trong khoảng thời gian từ 1 tháng đến 1 tháng rưỡi, sau khi gặt chiêm, các cấp ủy đảng và chi bộ phải *coi việc thu thuế nông nghiệp; thu mua, thu nợ bằng thóc là công tác trung tâm đột xuất kết hợp chặt chẽ với công tác trung tâm thường xuyên trong nông thôn hiện nay là đẩy mạnh hợp tác hóa và sản xuất vụ mùa*. Các cấp ủy cần có kế hoạch kết hợp sử dụng số cán bộ chuẩn bị đi làm hợp tác hóa và sản xuất, đồng thời tăng cường tổ chức, cán bộ cho các ngành mậu dịch, thuế nông nghiệp, ngân hàng, để đảm bảo thực hiện tốt công tác này.

Các cấp ủy đảng và các ngành cần nhận rõ tầm quan trọng của vấn đề lương thực và có kế hoạch tích cực thi hành Chỉ thị này. Sau khi thi hành xong, cần kiểm điểm, rút kinh nghiệm và báo cáo kết quả về Trung ương.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 141-CT/TW, ngày 5-5-1959

Về việc tăng cường lãnh đạo công tác tài chính

Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, công tác tài chính đã thu được nhiều kết quả.

Trong thời kỳ kháng chiến, dưới khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”, nhờ sự lãnh đạo đúng của Đảng và Chính phủ, và sự cố gắng của toàn Đảng, toàn dân, công tác tài chính đã góp phần tích cực vào việc phát triển sản xuất và đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi.

Hòa bình lập lại, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, trong ba năm khôi phục kinh tế và bước đầu phát triển văn hóa, công tác tài chính tuy gặp nhiều khó khăn, cũng đã làm được nhiệm vụ của mình, bảo đảm thăng bằng thu chi, góp phần ổn định vật giá, ổn định tiền tệ.

Những thành tích trên đây đã góp phần tích cực vào thắng lợi của toàn Đảng và toàn dân ta. Những thành tích về tài chính bắt nguồn từ đường lối, chính sách đúng của Đảng và Chính phủ, từ lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, từ tinh thần cố gắng và ý thức trách nhiệm của cán bộ. Những thành tích của chúng ta không thể tách rời sự giúp đỡ

vô tư của Liên Xô, Trung Quốc và các nước anh em khác.

Tuy nhiên, trong công tác lãnh đạo và quản lý tài chính, chúng ta còn có khuyết điểm.

Trong việc chấp hành chính sách tài chính

Vì chưa nhận rõ bản chất tài chính của ta khác hẳn với tài chính của giai cấp bóc lột, chính sách tài chính của ta xuất phát từ lợi ích của nhân dân, nhất trí với quyền lợi của nhân dân, cho nên chưa chú trọng đầy đủ tuyên truyền giáo dục chính sách trong cán bộ và nhân dân, chưa phát huy đầy đủ tác dụng của cán bộ, của đảng viên và của toàn dân trong việc thực hiện chính sách và kiểm tra chính sách. Đến nay, nhiều người, nhiều cơ quan chưa thấy đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc xây dựng nền tài chính của Nhà nước. Trái lại, nhiều nơi vì không chấp hành nghiêm chỉnh chính sách và chế độ tài chính, đã gây những ảnh hưởng không tốt trong việc khuyến khích sản xuất, mở rộng giao lưu và phát triển kinh tế, văn hóa.

Trong việc bảo đảm nguồn thu của Nhà nước

Nói chung ý thức thu trong cán bộ tài chính cũng như cán bộ phụ trách các cấp các ngành còn nhiều thiếu sót. Các cấp ủy và ủy ban hành chính các cấp, các cơ quan, các xí nghiệp chưa chú ý đầy đủ việc giáo dục nhân dân, cán bộ, nhân viên về ý thức bảo đảm nguồn thu cho tài chính nhà nước. Việc tổ chức lãnh đạo, đôn đốc, kiểm tra cũng còn nhiều thiếu sót.

Trong việc quản lý chi

Khuyết điểm chủ yếu hiện nay là *quản lý chi* không chặt chẽ, kỷ luật và chế độ tài chính chấp hành không nghiêm chỉnh. Lãng phí còn nghiêm trọng và khá phổ biến, tham ô còn nhiều. Nhưng biện pháp cụ thể và quyết tâm khắc phục thì không đầy đủ.

Những khuyết điểm và nhược điểm trên đây đã hạn chế khả năng phát triển kinh tế và văn hóa, khả năng đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và khả năng cải thiện đời sống nhân dân.

Nguyên nhân chủ yếu là vì:

1. *Nhận thức* về tính chất và nhiệm vụ tài chính, vị trí công tác tài chính dưới chế độ chúng ta không đầy đủ:

- Nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng và của bộ máy nhà nước chưa thấy hết nhiệm vụ và chức trách của mình trong việc lãnh đạo tài chính, lãnh đạo thiếu chặt chẽ, thiếu thường xuyên, thậm chí còn khoán trắng cho cán bộ tài chính, hoặc một vài cá nhân phụ trách.

- Cơ quan và cán bộ chuyên trách về công tác tài chính không thấy hết vai trò lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp, thậm chí còn tách rời lãnh đạo tài chính với lãnh đạo toàn diện, thống nhất tập trung của Đảng và Chính phủ.

Vì những khuyết điểm trên đây, chúng ta chưa nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác tài chính, chưa huy động mạnh mẽ ý thức của nhân dân bảo đảm nguồn thu của Nhà nước để trở lại làm việc lợi ích cho nhân dân. Mặt khác, thu không đầy đủ, chi không chặt chẽ, sẽ ảnh hưởng không tốt đến khả năng phát triển của nước nhà.

2. *Về tổ chức*, chức trách nhiệm vụ tài chính của các cơ quan các cấp, các ngành tài chính không rõ ràng. Nhiều quy định, thể lệ về tài chính còn thiếu chặt chẽ, nhưng cũng có những quy định quá gò bó, đã hạn chế tác dụng lãnh đạo và tính chủ động của các cấp, các ngành.

3. *Trình độ quản lý* tài chính của chúng ta còn thấp. Trình độ chính trị và nghiệp vụ, tác phong công tác của cán bộ lãnh đạo cũng như cán bộ tài chính chưa tiến kịp với sự

đòi hỏi của tình hình. Việc tích lũy kinh nghiệm, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ chưa được chú ý đúng mức.

Trước những biến chuyển của tình hình, những khuyết điểm trên đây trở thành những trở ngại đối với công tác của Đảng và Nhà nước.

Để khắc phục những khuyết điểm và nhược điểm trên đây, đẩy mạnh công tác tài chính tiến kịp với sự đòi hỏi của tình hình, đi đôi với việc tăng cường lãnh đạo của Đảng về mặt đường lối, chính sách, tư tưởng và nhận thức về tài chính, Trung ương đã quyết định tiến hành từng bước việc phân cấp quản lý tài chính.

Việc phân cấp quản lý tài chính có một ý nghĩa hết sức quan trọng. Phải có kế hoạch chuẩn bị đầy đủ mới có thể bảo đảm thực hiện tốt, tránh mọi sự gián đoạn và thiếu sót có thể đưa lại những kết quả tai hại:

- Trước hết, phải làm cho cán bộ phụ trách các cấp, các ngành nhận thức đúng đắn về tính chất và nhiệm vụ tài chính của ta, thấy rõ vị trí công tác tài chính dưới chế độ của ta, thấy rõ trách nhiệm của mỗi cơ quan, của mỗi người trong việc bảo đảm nhiệm vụ tài chính của Nhà nước.

- Trên cơ sở nhận thức đúng về nhiệm vụ tài chính, thấy rõ ưu điểm và khuyết điểm từ trước, mà có kế hoạch tăng cường lãnh đạo, tăng cường tổ chức, tăng cường công tác quản lý tài chính của các cấp ủy, của chính quyền, xác định trách nhiệm của cán bộ phụ trách các ngành.

- Có kế hoạch đi sâu, thực hiện sự lãnh đạo và kiểm tra của Đảng trong công tác quản lý tài chính, quản lý tài vụ; phát huy năng lực lãnh đạo của tập thể và trách nhiệm của cá nhân và cơ quan.

Làm tốt những việc nói trên, nhận thức và tư tưởng được thông suốt, tinh thần trách nhiệm được nâng cao là những

yếu tố quan trọng bậc nhất để tăng cường lãnh đạo của Đảng về tài chính, thiết thực chuẩn bị cho việc phân cấp quản lý tài chính.

Hội nghị tài chính do Trung ương triệu tập gần đây đã thống nhất nhận định về công tác tài chính dưới chế độ ta, về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với tài chính, về chủ trương phân cấp quản lý tài chính và kế hoạch công tác tài chính năm 1959.

Để thực sự phát huy kết quả của Hội nghị tài chính, đạt đến một chuyển biến tốt trong lãnh đạo tài chính và quản lý tài chính từ nay về sau, các cấp ủy và ủy ban hành chính các cấp, đảng đoàn và thủ trưởng các ngành phải có kế hoạch cụ thể, tăng cường lãnh đạo công tác tài chính.

1. Các cấp ủy và ủy ban hành chính các cấp, cán bộ phụ trách các ngành phải nghe báo cáo kết quả Hội nghị tài chính, nghiên cứu tài liệu của Hội nghị và tự mình phải kiểm điểm sự lãnh đạo tài chính của cấp ủy và ủy ban hành chính từ trước đến nay, và có kế hoạch tăng cường lãnh đạo của cấp ủy, phân công phụ trách và bố trí cán bộ để bảo đảm nhiệm vụ tài chính được tốt. Vừa lãnh đạo công tác thường xuyên vừa có kế hoạch chuẩn bị tiến hành việc phân cấp quản lý tài chính.

2. Các cán bộ trực tiếp làm công tác tài chính phải kiểm điểm lại việc thực hiện nhiệm vụ và chấp hành chính sách tài chính của Đảng và Chính phủ, khẳng định những thành tích, phân tích những khuyết điểm. Trên cơ sở nâng cao thêm nhận thức, thấy cái đúng cái sai mà nâng cao tinh thần trách nhiệm, và ý thức phục vụ sự lãnh đạo của Đảng mà đẩy mạnh công tác tiến lên. Đảng đoàn Bộ Tài chính phải tổ chức học tập và kiểm điểm cho cán bộ cơ quan. Các cấp ủy địa

phương phải hướng dẫn cán bộ tài chính trong địa phương mình học tập và kiểm điểm.

Công tác tài chính là một công tác khá phức tạp, liên quan đến toàn bộ công tác của Đảng và Nhà nước. Trước nhiệm vụ cách mạng hiện nay; tích cực đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội làm cơ sở vững chắc cho công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, trước yêu cầu phát triển kinh tế và văn hóa để nâng cao dân đời sống của nhân dân ta ở miền Bắc, nhiệm vụ tài chính năm 1959 và trong một thời gian dài rất nặng nề, yêu cầu thăng bằng thu chi tài chính rất khẩn trương. Các cấp ủy và ủy ban hành chính các cấp, cán bộ phụ trách các ngành phải hết sức chú trọng bảo đảm nhiệm vụ lãnh đạo của mình đối với công tác tài chính.

Vừa nghiên cứu và chuẩn bị kế hoạch phân cấp quản lý, vừa phải đảm bảo nhiệm vụ thu, quản lý chi trước mắt. Phải chú ý tăng cường việc lãnh đạo tư tưởng, nắm vững tổ chức và lực lượng cán bộ tài chính - Trong khi chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền, không nên xáo trộn tổ chức, ảnh hưởng không tốt đến công tác và tư tưởng của cán bộ.

Các cấp ủy và đảng đoàn các ngành phải có kế hoạch nghiên cứu và chấp hành nghiêm chỉnh Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Gửi X.U.N.B^{*}

Ngày 7-5-1959

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ của nhân dân ta ở miền Nam, nói chung không ngừng được củng cố và phát triển, gây cho địch nhiều khó khăn, dồn địch vào thế ngày càng cô lập. Địch đang cố sức duy trì một nền thống trị đầy rẫy khủng bố, trắng trợn thực hành chính sách vũ lực tàn sát nhân dân không khác gì thời kỳ chiến tranh, hành quân quy mô đánh phá và càn quét những căn cứ kháng chiến cũ hòng tiêu diệt lực lượng vũ trang tuyên truyền, uy hiếp nhân dân.

Để đối phó lại chính sách vũ lực quy mô và chính sách phát xít trắng trợn của địch để giữ vững và phát triển phong trào, X.U.¹⁾ cần nắm vững đường lối, phương châm, sách lược của Đảng, và hết sức linh hoạt trong sự chỉ đạo để thích ứng với sự biến chuyển của tình hình hiện nay.

Cần đánh giá đúng tình hình và tương quan lực lượng giữa địch và ta hiện nay trên thế giới và trong cả nước để có chủ trương sát đúng. *Cần chống những xu hướng rút rè, co*

^{*} X.U.N.B: Xứ uỷ Nam Bộ (B.T).

1) X.U: Xứ uỷ (B.T).

rút phong trào lại, đồng thời chống những xu hướng mạnh động phiêu lưu.

Căn cứ vào tình hình hiện nay, B.B.T nêu lên phương hướng và một số công tác cụ thể để X.U nghiên cứu và có kế hoạch thực hiện.

Cần phát động một phong trào đấu tranh chính trị rộng rãi trong quần chúng, đồng thời tùy từng nơi, từng lúc ra sức phát triển hoạt động vũ trang tuyên truyền để đưa địch vào thế bị động, cô lập hơn nữa về chính trị.

Sở dĩ địch phải dùng đến lực lượng quân sự quy mô, dùng chính sách phát xít, công khai trắng trợn như đạo luật vừa rồi để đối phó với phong trào quần chúng, vì địch đã *bị thất bại hoàn toàn về chính trị* không những đối với các tầng lớp bên dưới mà cả với các tầng lớp bên trên, không những về những chính sách chính trị phản nước phản dân mà cả về những chính sách hung bạo thường xuyên của chúng. Trong mấy năm nay chủ trương quân sự phát xít của địch cũng biểu lộ tình hình kinh tế của chúng đang đi vào con đường bế tắc không có lối ra; chúng sợ và muốn ngăn ngừa một sự phản nộ của các tầng lớp nhân dân. Gương Irắc, Cuba làm cho chúng lo sợ.

Chính sách quân sự phát xít của địch cũng nằm trong âm mưu chuẩn bị gây chiến tranh với một quy mô toàn diện hơn. *Rõ ràng là vì địch yếu nên đã phải dùng đến sức mạnh để tồn tại, để thực hiện âm mưu đen tối của chúng.*

Như vậy, *có nghĩa là trong mấy năm nay, chúng ta đã thắng và địch đã thất bại.*

Để đối phó với âm mưu mới của địch, chúng ta phải rút bài học thành công vừa qua, đồng thời áp dụng nó trong một tình thế khó khăn phức tạp hơn để giữ vững và phát triển

thắng lợi hơn nữa, chuẩn bị lực lượng cho những thời cơ thuận lợi để đi đến chiến thắng hoàn toàn kẻ địch.

Mấy năm nay địch đã dùng những chính sách phản động với những hành động hung bạo, nhưng đã thất bại; ngày nay dù chúng dùng những chính sách phản động hơn với những hành động hung bạo hơn, nhất định chúng cũng sẽ phải thất bại. Và chính trong thất bại lần này của địch tình hình miền Nam sẽ biến chuyển qua một giai đoạn mới, cho nên thắng địch trong tình hình hiện nay có một ý nghĩa hết sức quan trọng đối với công cuộc C.M¹⁾ ở miền Nam.

Bài học thành công mấy năm qua là như thế nào? Bài học ấy là: lực lượng chính trị của quần chúng có thể làm thất bại các chính sách phản động và hung bạo của địch.

Trong mấy năm qua, với những hành động hung bạo của địch bên ngoài hình như ta thấy ta bị động, phải đối phó hàng ngày với địch, hình như chúng ta bị tổn thất nhiều, địch tổn thất ít, nhưng thực chất thì chính là địch đã bị động toàn bộ và ta thì tùy từng nơi, từng lúc có khi bị động đối phó, nhưng đứng trên toàn cục, thì chúng ta lại là chủ động. Địch không thể cai trị theo ý muốn của chúng, mà ta thì có thể thực hiện được yêu cầu của ta là chống lại sự cai trị phản động của địch và tranh thủ đồng đảo quần chúng theo đường lối chính trị của ta.

Chính sự thắng lợi ấy của ta kết hợp với tình hình khủng hoảng trong nội bộ địch về chính trị và kinh tế (sự khủng hoảng không sao tránh khỏi), đã làm cho địch càng thêm bị động, bế tắc, càng thêm cô lập.

Hiện nay địch dùng chính sách quân sự phản động quy

1) C.M: cách mạng (B.T).

mô hơn. Để chống lại, chúng ta phải động viên các lực lượng chính trị với quy mô rộng lớn hơn, mạnh mẽ hơn, với những hình thức tranh đấu phong phú hơn, bao gồm tất cả các tầng lớp nhân dân. Phải phát động một phong trào tranh đấu chính trị rộng rãi có tính chất cách mạng mạnh mẽ hơn, không những trong quần chúng lao động mà cả trong các tầng lớp bên trên, làm cho các tầng lớp ấy không những không chùn bước trước chính sách khủng bố của địch, mà trái lại càng cách mạng hoá thêm lên. Đó là nhiệm vụ chính trị quan trọng nhất của Đảng bộ miền Nam hiện nay để đối phó với tình hình khủng bố của địch, giữ vững và phát triển phong trào.

Để phát triển phong trào sâu rộng hơn, để làm cho địch càng bị động hơn, *phong trào tranh đấu hiện nay của quần chúng phải là một phong trào đấu tranh với những yêu sách kinh tế thiết thực*. Chính những yêu sách kinh tế này làm cho địch càng bị động và mới đưa cuộc tranh đấu tiến lên sâu rộng được và như vậy uy thế chính trị của địch càng bị sụt xuống, uy thế quần chúng ngày càng lên cao. Khẩu hiệu của yêu sách là kinh tế, *nhưng hình thức tranh đấu phải có tính chất cách mạng càng mạnh mẽ càng có lợi*.

Đặc biệt phải chú trọng đến quyền lợi của quần chúng lao động và các tầng lớp tư sản ở đô thị. Phải đẩy mạnh hơn nữa phong trào đấu tranh ở đô thị. Phải kịp thời và đúng mức đưa những yêu sách chính trị trong quá trình tranh đấu đòi quyền lợi kinh tế, để chống lại hành động khủng bố của địch.

Hiện nay ở miền Nam, tình hình quần chúng đòi những yêu sách chính trị cũng đã đặt ra một cách trực tiếp. Ví dụ trong tờ báo "Phòng thương mại" vừa rồi đã có bài nói đến các tầng lớp công thương nghiệp phải tham gia chính quyền,

phải ra ứng cử Quốc hội, v.v. cho nên không phải chỉ chú trọng yếu sách kinh tế mà cũng phải và rất cần thiết có phong trào đấu tranh chính trị hợp thời. Những phong trào tranh đấu chống thuế, chống ngân sách chiến tranh, chống bắt lính, đòi an ninh trật tự, chống khủng bố đều là những yêu sách chính trị thiết thực hiện nay.

Các đồng chí cần nắm vững tình hình để đẩy mạnh phong trào đấu tranh cho hợp với tình hình.

Bên cạnh phong trào chính trị rộng rãi của quần chúng với yêu sách kinh tế và chính trị, cần phải phối hợp linh hoạt hơn, sắc bén hơn phong trào vũ trang tuyên truyền. Phải dùng lực lượng vũ trang tuyên truyền hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị, và trong những trường hợp như địch dùng chính sách khủng bố tàn ác với quần chúng, để bảo vệ tính mạng tài sản của quần chúng, đội vũ trang tuyên truyền có thể và phải dùng sức mạnh kịp thời, sắc bén mau lẹ đánh vào bộ phận tàn ác nhất của địch một cú thật đau, làm cho địch và binh lính địch biết rằng nếu chúng dùng đến sức mạnh tàn ác với quần chúng thì quần chúng cũng dùng sức mạnh để đối phó lại, làm cho chúng dần dần phải co lại.

Nhưng cần phải nhận rõ rằng sử dụng lực lượng của đội vũ trang tuyên truyền vào sức mạnh chỉ là một chiến thuật để phục vụ chiến lược tranh đấu chính trị của quần chúng. Mở rộng sự sử dụng này có tính chất chiến lược là sai lầm, nhưng không sử dụng theo phương châm chiến thuật kịp thời, có mức độ thì cũng không đúng.

Nhưng đồng thời phải tránh sự khiêu khích của địch, biến cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng thành một cuộc bạo động non, kết quả phong trào sẽ lâm vào thế bị động, tức là bỏ mất những điều kiện thuận tiện động viên

chính trị, xây dựng lực lượng chính trị chín mùi để có thời cơ thuận lợi tiến lên đánh địch mạnh hơn để đánh bại địch.

RA SỨC XÂY DỰNG CĂN CỨ CÁCH MẠNG

Nam Bộ có thể và phải lập căn cứ địa cách mạng để xây dựng và xúc tiến phong trào cách mạng.

Cần phải đặc biệt chú trọng căn cứ miền Đông, nhưng đồng thời phải củng cố các vùng căn cứ khác ở miền Tây và miền Trung. Xây dựng căn cứ là để làm cơ sở vững chắc cho lực lượng cách mạng, là chỗ ở vững chắc của Bộ tham mưu, là nơi đào tạo và giáo dục cán bộ, xây dựng lực lượng để tiến tới làm nơi trung tâm hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất, để nêu cao ngọn cờ giải phóng cứu nước, đánh đổ Mỹ - Diệm.

Căn cứ càng mở rộng thì uy thế chính trị của ta càng lên cao, càng tạo điều kiện thuận lợi để đấu tranh chính trị.

Xứ uỷ cần phải đặc biệt chú trọng nắm công tác này trong khi lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị chung của toàn dân và phải coi việc xây dựng căn cứ là một nhiệm vụ rất quan trọng hiện nay để bảo vệ và đẩy mạnh phong trào cách mạng tiến lên.

Xây dựng căn cứ địa hiện nay, ngoài công tác chính trị là căn bản, phải dựa trên cơ sở của nhân dân, xây dựng và mở rộng lực lượng vũ trang tự vệ. Việc xây dựng lực lượng vũ trang tự vệ không nên xây dựng quy mô; phải xây dựng từ chiến đấu tự vệ nhỏ, từ ba đến sáu người và lớn nhất là đến trung đội.

Phương châm là hết sức bí mật, khéo che giấu lực lượng, gọn nhẹ, lấy công tác chính trị làm cơ sở hoạt động, linh hoạt và cương quyết chống lại địch lúc cần thiết để bảo vệ lực lượng cách mạng. Cơ sở chính trị phát triển đến đâu thì tổ chức tự vệ

đến đây. Đồng thời phải mở rộng hoạt động của đội võ trang tự vệ để mở rộng căn cứ chính trị và lực lượng chính trị. Càng mở rộng căn cứ chính trị càng có lợi cho sự hoạt động của ta, cũng làm khó khăn cho địch. Các đồng chí nên tổng kết công việc xây dựng căn cứ ở miền Đông, việc đánh phá của địch, và sự đối phó của ta và gửi cho TW¹⁾ để nghiên cứu có ý kiến về việc xây dựng, củng cố và phát triển căn cứ.

*
* *

Trên đây là phương hướng và công tác trước mắt để đối phó với tình hình hoạt động khủng bố của địch. Các vấn đề khác về cách mạng miền Nam đã có trong Nghị quyết TW 15 sẽ gửi vào để các đồng chí nghiên cứu. Ngoài ra, đồng chí Hai²⁾ sẽ báo cáo thêm để các đồng chí rõ hơn. Trước khi đồng chí Hai nói chuyện, các đồng chí nên đưa cho đồng chí ấy xem bản Chỉ thị này.

Cuối cùng, TW xin nhắc các đồng chí: lúc này phải đặc biệt chú trọng nắm thật vững tình hình các nơi, mà muốn thế, phải chú trọng củng cố lại lưới giao thông liên lạc.

Yêu cầu các đồng chí báo ngay cho TW biết việc tổ chức nắm tình hình, giao thông liên lạc hiện nay thế nào, có gặp khó khăn gì không.

B.B.T

Lưu tại Viện Lịch sử Đảng
thuộc Học viện Chính trị quốc gia
Hồ Chí Minh.

1) TW: Trung ương (B.T).

2) Đồng chí Hai: đồng chí Phan Văn Đáng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 232-TT/TW, ngày 16-5-1959

Về việc tiếp tục và mở rộng phong trào đấu tranh chống Mỹ - Diệm tăng cường khủng bố ở miền Nam

1. Do những nhược điểm căn bản về chính trị của nó, từ trước đến nay, chế độ Mỹ - Diệm bắt buộc phải dựa vào bạo lực để tồn tại. Nhưng mặc dù chúng ra sức đàn áp, phong trào yêu nước của đồng bào miền Nam vẫn không ngừng phát triển.

Gần đây, ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới, những thắng lợi trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, cùng với tình hình kinh tế bế tắc, nguy ngập ở miền Nam, đã làm cho uy thế của Mỹ - Diệm càng bị lung lay, nội bộ hàng ngũ chúng thêm dao động, phân hóa. Uy thế và lực lượng cách mạng ở miền Nam càng được vững vàng và phát triển, Mỹ - Diệm càng bị cô lập, bị động và thất bại về chính trị.

Trước tình hình đó, để củng cố và duy trì quyền thống trị của chúng, để thực hiện âm mưu chuẩn bị chiến tranh xâm lược miền Bắc và chống lại phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á, Mỹ - Diệm không còn cách nào khác hơn là tăng

cường đàn áp khủng bố đồng bào miền Nam với những biện pháp ngày càng khốc liệt.

Cùng với thủ đoạn đầu độc vô cùng dã man gây nên vụ thảm sát Phú Lợi, Mỹ - Diệm đã liên tiếp mở những chiến dịch càn quét bằng quân sự theo lối thời kỳ chiến tranh ở hầu khắp các tỉnh Nam Bộ và miền núi Liên khu V, dùng đến cả trọng pháo và máy bay oanh tạc, đồng thời phát triển các hình thức khủng bố lẻ tẻ hết sức dã man ở nông thôn, gây nên một không khí khủng bố đặc biệt tàn ác hòng uy hiếp tinh thần nhân dân. Đồng thời, chúng lại đưa ra “Đạo luật 91” quy định thành lập các “tòa án quân sự đặc biệt”. Đó là một thủ đoạn mới trong âm mưu tăng cường và mở rộng khủng bố của chúng, một đạo luật phát xít trái với mọi thủ tục pháp lý, một công cụ công khai giết hại những người yêu nước ở miền Nam, một biến thể của “dự luật đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật” đã bị nhân dân ta và dư luận thế giới lên án.

Những thủ đoạn tăng cường khủng bố rất tàn bạo, điên cuồng và hèn nhát trên đây của Mỹ - Diệm thể hiện đến cao độ chính sách nô dịch, hiếu chiến và phục thù của chúng đối với nhân dân ta, vi phạm nghiêm trọng Hiệp nghị Giơnevơ, đồng thời cũng phơi trần bộ mặt hết sức dã man của chúng và sự suy sụp không tránh khỏi của chế độ chúng. Chính sách đó nhất định sẽ bị nhân dân ta kiên quyết chống lại, bị dư luận thế giới lên án và sẽ đưa Mỹ - Diệm tới thất bại thảm hại.

2. Để phối hợp với phong trào đấu tranh của đồng bào miền Nam, Ban Bí thư quyết định *tiếp tục và mở rộng phong trào đấu tranh chống Mỹ - Diệm tăng cường khủng bố ở miền Nam*, nhằm mấy yêu cầu sau đây:

a) Kịch liệt lên án và tố cáo rộng rãi trước dư luận trong nước và thế giới chính sách khủng bố tàn bạo và điên cuồng của Mỹ - Diệm, tính chất phát xít, phi pháp và vô nhân đạo của “Đạo luật 91”; tỏ rõ sự đồng tình của nhân dân miền Bắc và tranh thủ sự đồng tình của nhân dân thế giới đối với cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam chống chính sách khủng bố của Mỹ - Diệm và chống chính sách can thiệp của Mỹ ở miền Nam nói chung, tranh thủ phân hóa thêm hàng ngũ địch, lấy dư luận trong nước và thế giới làm áp lực tích cực ngăn chặn âm mưu của chúng.

b) Vạch rõ chính sách tăng cường khủng bố của Mỹ - Diệm ngoài mục đích đàn áp phong trào cách mạng miền Nam, còn nhằm phục vụ âm mưu của chúng tăng cường quân sự, chuẩn bị chiến tranh ở miền Nam; nâng cao hơn nữa căm thù và cảnh giác đối với chúng, đồng thời vạch rõ sự suy yếu về chính trị của chúng củng cố tin tưởng vào thắng lợi của cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam; thúc đẩy mọi mặt công tác phát triển kinh tế, văn hóa, củng cố quốc phòng ở miền Bắc, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội làm cơ sở vững chắc cho đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

c) Nêu cao tinh thần hòa bình thương lượng của Chính phủ và nhân dân ta từ trước đến nay, để tiến tới thống nhất nước nhà, đòi chính quyền miền Nam thực hiện các đề nghị trong Công hàm ngày 22-12-1958 của Chính phủ ta.

Phong trào đấu tranh cần được sâu rộng và mạnh mẽ. Chú ý lấy lòng căm thù Mỹ - Diệm và nhiệt tình ủng hộ cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam làm động cơ thúc đẩy công tác thiết thực xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời đặc biệt chú trọng việc vận dụng dư luận quốc tế một cách rộng rãi làm áp lực đối với kẻ địch.

Trong quá trình đấu tranh, cần nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân ta đối với sự nghiệp cách mạng giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất Tổ quốc, nhận rõ cuộc đấu tranh ấy là lâu dài gian khổ nhưng nhất định thắng lợi, do đó sự ủng hộ của nhân dân ta ở miền Bắc cũng phải bền bỉ, kiên nhẫn; đề phòng những tư tưởng bi quan chán nản hoặc nôn nóng, chủ quan, kém tin tưởng ở đường lối đấu tranh và ở kết quả đấu tranh.

3. Hình thức đấu tranh:

a) Mặt trận Tổ quốc mở hội nghị rộng rãi, có báo cáo, phân tích sâu sắc về chính sách tăng cường khủng bố của Mỹ - Diệm, về “Đạo luật 91” và kêu gọi đấu tranh, sẽ lấy báo cáo này làm nội dung tuyên truyền và giáo dục quần chúng.

b) Bộ Tổng tư lệnh có hình thức phản đối trước Ủy ban quốc tế và hai Chủ tịch Hội nghị Giơnevơ về vấn đề này.

c) Quốc hội ta trong khóa họp tới cũng sẽ lên tiếng phản đối, và động viên nhân dân đấu tranh.

d) Ủy ban Trung ương đấu tranh chống vụ thảm sát Phú Lợi mở hội nghị nhận định tình hình, kêu gọi đấu tranh chống chính sách khủng bố của Mỹ - Diệm. (Có thể đổi tên Ủy ban này là “Ủy ban đấu tranh chống khủng bố ở miền Nam”).

e) Các đoàn thể quần chúng hưởng ứng rộng rãi lời kêu gọi của Mặt trận Tổ quốc và Quốc hội bằng các hình thức: tuyên bố của các Ban Chấp hành Trung ương, thư cho đồng bào miền Nam, mít tinh của quần chúng (chủ yếu là làm ở cơ sở), đưa kiến nghị đến Ủy ban quốc tế, đẩy mạnh mọi công tác trước mắt. Hội Luật gia ra bản phân tích tính chất phi pháp, phátxít và vô nhân đạo của “Luật 91”.

g) Ủy ban Dân tộc Trung ương ra thông cáo về tình hình

Mỹ - Diệm khủng bố đồng bào miền núi Liên khu V, tố cáo chính sách của chúng xây dựng căn cứ quân sự chuẩn bị chiến tranh ở các vùng miền núi, kêu gọi đoàn kết các dân tộc, đoàn kết Kinh - Thượng chống Mỹ - Diệm.

h) Nghiên cứu: Chính phủ ta gửi công hàm cho chính quyền miền Nam phản đối chính sách tăng cường khủng bố, phản đối “Đạo luật 91”.

Báo chí và đài phát thanh theo yêu cầu trong Thông tri này, phản ánh cuộc đấu tranh của nhân dân hai miền chống chế độ Mỹ - Diệm.

4. Khẩu hiệu:

- Đả đảo Mỹ - Diệm khủng bố tàn sát đồng bào yêu nước ở miền Nam!

- Chính quyền miền Nam phải thủ tiêu ngay “Đạo luật 91”!

- Đả đảo Mỹ - Diệm đầu độc và thảm sát hơn nghìn đồng bào yêu nước ở trại tập trung Phú Lợi!

- Phản đối chính sách tăng cường quân sự chuẩn bị chiến tranh của Mỹ - Diệm!

- Phản đối Mỹ - Diệm khủng bố đồng bào miền núi Liên khu V!

- Giải tán các phái đoàn quân sự Mỹ ở miền Nam!

- Đế quốc Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam!

- Yêu cầu Ủy ban quốc tế mở cuộc điều tra vụ đầu độc ở trại giam Phú Lợi và các vụ khủng bố những người kháng chiến cũ.

- Chính quyền miền Nam phải trả lời bức Công hàm ngày 7-3 và ngày 22-12-1958 của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Tích cực xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

- Nhiệt liệt hoan nghênh và ủng hộ cuộc đấu tranh anh dũng của đồng bào miền Nam chống Mỹ - Diệm!

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 142-CT/TW, ngày 23-5-1959

Về việc tăng cường lãnh đạo xây dựng và củng cố hợp tác xã tín dụng cho vay ở nông thôn để hoàn thành thắng lợi vụ mùa năm 1959

Nhiệm vụ sản xuất vụ mùa rất quan trọng, vì vụ mùa diện tích canh tác nhiều hơn vụ chiêm, nó có tính chất quyết định kế hoạch sản xuất trong cả năm. Toàn Đảng, toàn dân phải tập trung lực lượng để phục vụ cho vụ mùa 1959 thắng lợi vượt mức và toàn diện.

Hiện nay, trước nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất, nhu cầu về vốn rất lớn, nhất là trong lúc phong trào hợp tác hoá và cải tiến kỹ thuật đang lên. Nhà nước cần tích cực giúp đỡ phát triển sản xuất nông nghiệp, trước hết là đối với hợp tác xã, nhưng khả năng vốn của Nhà nước có hạn, lại còn phải tập trung nhiều vốn vào xây dựng cơ bản, xây dựng công nghiệp quốc doanh làm nền tảng cho kinh tế xã hội chủ nghĩa, và chỉ có thể dành một phần vốn để giúp nông dân. Do đó, muốn đáp ứng nhu cầu vốn của nông dân, như vốn cho bản nông quá thiếu thốn vay để đóng góp cổ phần, để mua sắm phương tiện chủ yếu và chi phí để mở rộng sản xuất, áp dụng kỹ thuật mới và kinh doanh nghề phụ, cần phải ra sức

huy động vốn của chính xã viên, đồng thời ra sức đẩy mạnh hoạt động của các hợp tác xã tín dụng tập trung số tiền tạm thời nhàn rỗi, tiền để dành trong nhân dân, cho vay phục vụ sản xuất.

Huy động được vốn của nhân dân vào sản xuất kết hợp với vốn tín dụng nhà nước sẽ có tác dụng phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho nhân dân, củng cố thêm giá trị của đồng tiền, phát huy hơn nữa vai trò của tiền tệ trong công cuộc phát triển kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Qua việc thu đổi tiền cũ, phát hành tiền mới, chúng ta đã thấy rõ một số tiền rất lớn còn nằm đọng ở các tầng lớp nông dân, nhất là ở lớp trên. Sắp tới, trong vụ thu mua nông, lâm, thủy sản, thu nhập của nông dân sẽ tăng lên theo đà phát triển sản xuất; nhân dân càng có nhiều khả năng về vốn để giải quyết sản xuất.

Để đảm bảo phục vụ sản xuất vụ mùa được tốt, đồng thời đề cao được vai trò và tác dụng của Hợp tác xã tín dụng ở nông thôn, các khu uỷ, thành uỷ, tỉnh uỷ cần chú ý thi hành một số điểm sau đây:

1. Phải tăng cường hơn nữa việc lãnh đạo công tác xây dựng và nhất là củng cố các hợp tác xã tín dụng nhằm đẩy mạnh mọi mặt hoạt động của hợp tác xã tín dụng, chủ yếu là đẩy mạnh công tác huy động vốn ở nông thôn.

Các cấp uỷ địa phương phải tăng cường về lãnh đạo tư tưởng, chính sách, đào tạo cán bộ, lãnh đạo chấp hành đường lối chính sách tín dụng của Nhà nước ở nông thôn và thường xuyên theo dõi, đôn đốc cấp dưới thực hiện, tránh tình trạng khoán trắng cho ngân hàng. Về mặt ngân hàng, phải có trách nhiệm hướng dẫn về nghiệp vụ đồng thời giúp đỡ huấn luyện

về kế toán, tài vụ của Hợp tác xã tín dụng. Ban công tác nông thôn các cấp cần nắm vấn đề để giúp các cấp uỷ đảng đôn đốc việc thực hiện công tác xây dựng, phát triển và củng cố hợp tác xã tín dụng.

Đối với những cơ sở mới được xây dựng hồi cuối năm 1958 các cấp uỷ huyện, xã cần giúp đỡ các ban quản trị mở rộng công tác tuyên truyền chính sách, phát triển thêm xã viên... làm cho những cơ sở này trở thành tổ chức rộng rãi của quần chúng.

Ở những nơi đã có tổ chức hợp tác xã nông nghiệp và tổ đổi công, cần kết hợp chặt chẽ tổ chức sản xuất với tổ chức tín dụng để làm cho sinh hoạt của quần chúng đỡ công kềnh.

Ở những xã chưa xây dựng được Hợp tác xã tín dụng, cần phải xây dựng gấp, để đảm đương nhiệm vụ *huy động vốn của nhân dân cho vay phục vụ vụ mùa được tốt*.

Về cán bộ, cần tránh tình trạng điều động không hợp lý, nhất là tránh điều động các chủ tịch và người làm kế toán của Hợp tác xã tín dụng. Trường hợp thật cần thiết phải điều động thì phải bố trí người thay thế, đảm bảo hoạt động tốt của hợp tác xã tín dụng.

2. Các cấp uỷ, nhất là các chi bộ xã, cần phải được trực tiếp lãnh đạo công tác huy động vốn của các Hợp tác xã tín dụng. Phải gây thành phong trào rộng rãi về ý thức tiết kiệm xã hội chủ nghĩa trong nông thôn. Nếu chỉ đôn đốc Ban quản trị làm thì nhất định sẽ kém kết quả, hợp tác xã sẽ không đủ vốn để cung ứng cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

3. Trong công tác cho vay vụ mùa, các cấp uỷ cần chú ý lãnh đạo các ngành có liên quan để tiến hành cho tốt. Đối tượng giúp đỡ của Nhà nước chủ yếu là các hợp tác xã sản

xuất và tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm. Phương hướng cho vay là giúp đỡ giải quyết sản xuất lương thực là chính, đồng thời chú trọng đúng mức cây công nghiệp, chăn nuôi và khai thác; nhu cầu máu chốt là trâu bò cày, nông cụ cải tiến, đồng thời chú ý giúp đỡ thêm vốn xây dựng các công trình thủy lợi trong trường hợp nhân dân không tự lực giải quyết nổi.

Phương châm là: *“dựa vào dân, tận dụng khả năng vốn của nhân dân”*, đề phòng và khắc phục quan điểm quần chúng một chiều, y lại vào vốn của Nhà nước. Các cấp ủy cần chú ý lãnh đạo, giáo dục cho cán bộ và nhân dân hiểu rõ, đề cao hơn nữa tinh thần đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong nông thôn.

Đối với các hợp tác xã sản xuất, Nhà nước cần chú ý giúp đỡ giải quyết những khó khăn về vốn trong sản xuất. Nhưng phải nắm vững tinh thần “cần kiệm xây dựng”, phải tận dụng khả năng vốn (bằng tiền, bằng sức lao động) của chính hợp tác xã, của chính xã viên. Vốn Nhà nước không cho vay để làm những công việc phi sản xuất, hoặc để chi tiêu mua sắm những thứ chưa cần thiết cho việc nâng cao năng suất. Cho nên đối với việc quyết định cho vay và kiểm tra sử dụng vốn, các cấp ủy địa phương cần phải hết sức coi trọng. Việc giúp vốn cho hợp tác xã phải có tác dụng giúp hợp tác xã đi dần vào sản xuất có kế hoạch, nâng cao năng suất, tăng thêm tích lũy cho hợp tác xã, đồng thời tăng thêm thu nhập của xã viên.

Vấn đề cung ứng vật tư cũng cần được chú ý đúng mức, để đảm bảo cung cấp kịp thời cho nhân dân, nhất là việc tiếp tế trâu bò cày. (Cần có biện pháp sử dụng, quản lý chặt chẽ những lái trâu, bò buôn bán tự do, ngay từ bây giờ).

Các cấp ủy cần chú ý thi hành Chỉ thị này để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ phục vụ sản xuất vụ mùa.

Chỉ thị này phổ biến tới chi bộ xã.

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 233-TT/TW, ngày 25-5-1959

Về việc xây dựng kế hoạch 5 năm (1961-1965)

Hội nghị Trung ương lần thứ 14 và khoá họp Quốc hội lần thứ 9 vừa qua đã quyết định trong thời gian thực hiện kế hoạch 3 năm, các ngành, các cấp phải xây dựng kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của nước ta.

Hiện nay kế hoạch 3 năm đã được thực hiện gần một năm rưỡi và đã thu được nhiều kết quả khả quan. Theo kinh nghiệm làm kế hoạch 5 năm của các nước anh em và căn cứ vào tình hình làm kế hoạch 3 năm vừa qua của ta, thì việc làm kế hoạch 5 năm đòi hỏi phải mất một thời gian ít nhất là hai năm liên tục công tác, vì phạm vi nghiên cứu vấn đề vừa rộng vừa nhiều, khối lượng công tác rất lớn và phức tạp. Vì vậy, đã đến lúc các ngành, các cấp cần bắt đầu ngay việc xây dựng kế hoạch 5 năm.

Ban Bí thư giao trách nhiệm cho Đảng đoàn Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước đứng ra triệu tập các ngành, các cấp để thảo luận chương trình, cách thức tổ chức, phương pháp xây dựng kế hoạch 5 năm và những vấn đề khác có quan hệ đến việc xây dựng kế hoạch.

Đảng đoàn Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước đã thảo một chương trình công tác xây dựng kế hoạch 5 năm (1961-1965), bản chương trình này đã được Ban Bí thư thông qua và gửi kèm theo đây. Mong các ngành, các cấp nghiên cứu kỹ bản chương trình này và cộng tác chặt chẽ với Đảng đoàn Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước để việc xây dựng kế hoạch 5 năm có thể xúc tiến được ngay và hoàn thành được kịp thời và tốt.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 74-NQ/TW, ngày 29-5-1959

Về "Ban thi hành Hiệp nghị Giơnevơ"

- Xét nhu cầu về tình hình và nhiệm vụ của cuộc đấu tranh thi hành Hiệp nghị Giơnevơ,
- Theo yêu cầu kiện toàn tổ chức Ban thi hành Hiệp định đình chiến Trung ương và các cơ quan giúp việc,
- Theo đề nghị của Ban Kiện toàn tổ chức Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và Ban thi hành Hiệp định đình chiến Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT NGHỊ:

1. "Ban thi hành Hiệp định đình chiến Trung ương" đổi tên là "*Ban thi hành Hiệp nghị Giơnevơ*".
Nhiệm vụ của Ban này vẫn như đã quy định trong Nghị định số 435-TTg ngày 28-12-1954 của Thủ tướng Chính phủ.
2. Thành phần Ban chỉ đạo của Ban thi hành Hiệp nghị Giơnevơ này gồm có:
 - Đ/c Võ Nguyên Giáp: Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng tư lệnh, Trưởng ban.
 - Đ/c Ung Văn Khiêm: Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Phó trưởng ban.

- Đ/c Nguyễn Văn Vịnh: Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, uỷ viên.

- Đ/c Hà Văn Lâu: cán bộ Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, uỷ viên thường trực.

3. Về mặt chính quyền, Ban thi hành Hiệp nghị Giơnevơ trực thuộc Chính phủ Trung ương như đã quy định trong Nghị định số 435-TTg ngày 28-12-1954 của Thủ tướng Chính phủ.

Về mặt Đảng, vì tính chất công tác, Ban thi hành Hiệp nghị Giơnevơ không là một ban chuyên môn của Trung ương, nhưng phải giữ chế độ báo cáo thỉnh thị Trung ương như từ trước đến nay.

4. Chuyển Đảng bộ cơ quan Ban thi hành Hiệp nghị Giơnevơ trực thuộc Đảng uỷ cơ quan dân chính đảng trung ương.

5. Các quân nhân hiện công tác ở Ban thi hành Hiệp nghị Giơnevơ sẽ theo chế độ biệt phái như Nghị định số 511-TTg ngày 19-11-1958 của Thủ tướng Chính phủ quy định.

6. Đảng đoàn Chính phủ, Tổng quân uỷ, Ban Tổ chức Trung ương, Ban thi hành Hiệp nghị Giơnevơ, Đảng uỷ dân chính đảng trung ương, các đồng chí có tên nói trên chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 236-TT/TW, ngày 29-5-1959

Về việc tiến hành phân cấp quản lý ngành ngân hàng quốc gia Việt Nam

Vừa qua Ngân hàng Trung ương đã trình Ban Bí thư một bản đề án phân cấp quản lý của ngành ngân hàng. Bản đề án này đã được Ban Bí thư xét và thông qua về đường lối, phương châm và những nguyên tắc chính.

Tuy là một vấn đề lớn và phức tạp, nhưng điều kiện hiện nay không cho phép triệu tập ngay một cuộc hội nghị các đại biểu cấp uỷ đảng và uỷ ban hành chính khu, thành, tỉnh để thảo luận, thống nhất nhận thức, tư tưởng và đặt kế hoạch cụ thể tiến hành.

Mặc dù có trở ngại đó, Ban Bí thư xét thấy không thể trì hoãn việc tiến hành phân cấp quản lý trong ngành ngân hàng, vì nó đã thành một nhu cầu cấp thiết trước tình hình kinh tế phát triển hiện nay.

Vì thế Ban Bí thư đã quyết định yêu cầu các cấp uỷ khu, thành, tỉnh và tất cả các huyện uỷ sau khi nhận được đề án phân cấp quản lý của ngành ngân hàng (do Ngân hàng Trung ương trực tiếp gửi) tiến hành ngay việc nghiên cứu để nắm vững:

1. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Ngân hàng quốc gia Việt Nam, vai trò của nó trong bộ máy nhà nước và trong nền kinh tế quốc dân, sự cần thiết Đảng phải lãnh đạo chặt chẽ mọi hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng quốc gia.

2. Đường lối, phương châm, nguyên tắc và nội dung phân cấp quản lý giữa Ngân hàng Trung ương với địa phương, chủ yếu là với cấp khu, thành, tỉnh.

Trên cơ sở đó, các cấp uỷ có nhiệm vụ tổ chức ngay việc thi hành các nguyên tắc phân cấp quản lý, thực hiện việc lãnh đạo chặt chẽ mọi hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng quốc gia trong địa phương, bảo đảm việc chấp hành đúng đắn các chủ trương, chính sách tiền tệ, tín dụng trong điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

Trong lúc chờ đợi cơ hội Ban Bí thư triệu tập cán bộ hội nghị để thảo luận và phổ biến toàn bộ vấn đề phân cấp quản lý các ngành kinh tế quốc dân và trong quá trình tiến hành, có vấn đề gì khó khăn, các cấp uỷ cần phản ánh ngay cho Trung ương nghiên cứu và giải quyết.

Vậy xin báo cáo để các đồng chí biết.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 143-CT/TW, ngày 30-5-1959

Về việc tăng cường quản lý công thương nghiệp tư bản tư doanh, kịp thời ngăn chặn những hành động của họ trốn tránh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa

Từ tháng 10-1957, sau khi Quốc hội thông qua chính sách đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh nhất là sau khi công bố kế hoạch ba năm phát triển và cải tạo kinh tế, phát triển văn hoá đến nay, trong giới công thương nghiệp tư bản tư doanh bộc lộ khuynh hướng rõ rệt là: một mặt tỏ ra tán thành chủ nghĩa xã hội, nhưng mặt khác lại có nhiều thủ đoạn tiêu cực trong kinh doanh, trốn tránh cải tạo.

Những thủ đoạn phổ biến của họ là kê khai số vốn luân chuyển thấp, bán máy móc, phương tiện vận tải, dụng cụ dùng vào kinh doanh, bán chạy những hàng tồn kho, bán nhà cửa, đất đai; ngoài ra còn có hiện tượng lẻ tẻ bán cổ phần đầu tư. Số vốn rút ra, họ phân tán cho gia đình, con cái, mua sắm tư liệu sinh hoạt, thậm chí có người ăn tiêu hoang phí.

Những thủ đoạn tiêu cực trong kinh doanh, nhằm trốn tránh cuộc cải tạo là: đình chỉ hoặc thu hẹp kinh doanh; sản xuất, buôn bán cầm chừng, di chuyển hoặc nhượng cơ sở kinh

doanh chuyển hướng kinh doanh một cách giả tạo, biến cơ sở kinh doanh thành tập đoàn của công nhân, xin vào tổ hợp tác những người buôn bán nhỏ. Lẻ tẻ cũng có những hành động dẫn công nhân, đưa người nhà vào thay thế, v.v..

Gần đây, những hành động tiêu cực, lạc hậu nói trên ngày càng trở nên phổ biến, làm trở ngại nhiều đến việc đẩy mạnh sản xuất, lưu thông hàng hoá, thực hiện kế hoạch nhà nước và ảnh hưởng xấu đến tư tưởng của các tầng lớp tiểu thương, tiểu chủ, đồng thời làm trở ngại đến việc thực hiện chính sách hoà bình cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Cần phải có biện pháp đối phó kịp thời với tình trạng trên đây để cho việc cải tạo và phát triển kinh tế cũng như việc cải tạo xí nghiệp tư sản và cải tạo người tư sản không bị ảnh hưởng xấu.

Công tác của ta đối phó với thủ đoạn tiêu cực của giai cấp tư sản có nhiều sự thiếu sót và chậm trễ. Chỉ mới có một số địa phương bắt đầu quản lý bằng biện pháp đăng ký, nhiều địa phương khác còn lúng túng, chưa có biện pháp thích hợp, về phần mậu dịch quốc doanh thì chưa chú ý mở rộng quan hệ kinh tế với các nhà tư sản. Những thiếu sót đó cũng làm cho các nhà tư bản tư doanh càng có cơ hội thực hiện ráo riết âm mưu phân tán tài sản, trốn tránh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Để giải quyết về căn bản vấn đề này, cần phải đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh. Nhưng công tác cải tạo không thể làm xong ngay trong một thời gian ngắn, vì vậy ngay từ bây giờ, các cấp và các ngành có trách nhiệm, nhất là mậu dịch quốc doanh, cần phải chú ý mấy việc dưới đây:

1. Tăng cường giáo dục các nhà tư bản tư doanh. Từ trước tới nay, công tác này ít được chú ý. Cần phải thông qua Hội liên hiệp công thương và các đoàn thể mặt trận mà đẩy mạnh việc giáo dục làm cho họ nhận rõ cải tạo xã hội chủ nghĩa là lợi nước, lợi nhà, chế độ xã hội chủ nghĩa là tốt đẹp, yêu nước với yêu chủ nghĩa xã hội là một; làm cho họ thông suốt chính sách cải tạo hoà bình, nhận rõ nhiệm vụ của họ trong việc cải tạo và phát triển kinh tế, để họ ổn định tư tưởng, tiếp tục kinh doanh một cách bình thường và chuẩn bị tiếp thu tốt việc cải tạo hoà bình.

2. Thông qua công đoàn và các đoàn thể khác mà giáo dục cho công nhân và quần chúng lao động trong và ngoài xí nghiệp tư bản tư doanh nhận rõ là các nhà tư bản tư doanh đang tìm mọi cách để phân tán tài sản, trốn tránh việc cải tạo và những thủ đoạn có hại cho Nhà nước và giai cấp công nhân; nâng cao giác ngộ giai cấp, tinh thần cảnh giác và ý thức trách nhiệm của anh chị em để tăng cường giám sát và kiểm soát các nhà tư bản tư doanh, kịp thời phát hiện và ngăn chặn những hành động tiêu cực của các nhà tư sản.

3. Các ngành kinh tế quốc doanh, nhất là mặt dịch quốc doanh phải tăng cường quản lý và kiểm soát các nhà tư bản tư doanh hơn nữa, tiếp tục mở rộng quan hệ kinh tế bình thường với họ, như gia công, đặt hàng, kinh tiêu đại lý, hướng dẫn và khuyến khích họ bỏ vốn kinh doanh các ngành có lợi cho quốc kế dân sinh và chuẩn bị tiếp thu tốt việc cải tạo. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm quản lý công thương nghiệp tư bản tư doanh phải hết sức quan tâm đến công tác này. Tuy Nhà nước đã ban hành những luật lệ cần thiết để quản lý họ, nhưng việc chấp hành còn kém, công tác quản lý còn lỏng lẻo. Cần tăng cường quản lý chặt chẽ hơn

nữa; cần giáo dục họ nghiêm chỉnh tuân theo các luật lệ của Nhà nước, như thể lệ về quản lý đăng ký, quản lý tiền và vàng bạc, quản lý chuyển dịch bất động sản, v.v..

Đồng thời các cơ quan có trách nhiệm cần kịp thời nghiên cứu để ban hành những thể lệ cần thiết phù hợp với tình hình mới, nhằm phục vụ tốt cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh và quản lý các xí nghiệp đã được cải tạo.

Đối với những người phân tán tài sản, tiêu cực trong kinh doanh, phải lấy giáo dục làm chính; trong những trường hợp cần thiết, phải đưa ra phê phán trong tổ chức quần chúng xí nghiệp hoặc quần chúng khu phố. Đối với trường hợp cá biệt, có phần tử ngoan cố, thì phải nghiêm trị để làm gương giáo dục những người khác.

Ngoài những biện pháp kể trên, có thể dùng Hội Liên hiệp Công thương và tổ công thương cùng nghề tự quản lý và kiểm soát lẫn nhau, nhằm hạn chế những hành động tiêu cực của những phần tử lạc hậu và chuẩn bị tốt cho họ tiếp thu cải tạo.

Ở những nơi tập trung công thương nghiệp tư bản tư doanh, như Hà Nội, Hải Phòng, v.v. có thể thành lập những Ban vận động công tư hợp doanh do Hội Liên hiệp Công thương phụ trách dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ địa phương. Các ban này gồm một số nhà tư bản tư doanh tiến bộ có cán bộ quản lý tham gia và có nhiệm vụ vận động các nhà tư sản chuẩn bị tốt các điều kiện để tiếp thu cải tạo, cũng như giúp đỡ cán bộ nhà nước làm tốt công tác này.

Ngoài ra, Ban Bí thư nêu mấy điểm cụ thể sau đây để các địa phương nghiên cứu và thi hành đối với các nhà tư bản tư doanh:

1. Đối với những hành động phân tán vốn kinh doanh, phân tán tài sản:

Vốn luân chuyển và vốn cố định bỏ vào kinh doanh và đã đăng ký thì phải dùng vào kinh doanh theo nghề nghiệp đã đăng ký, không được dùng vào việc khác, trừ trường hợp đặc biệt, có lý do chính đáng và phải được cơ quan quản lý cho phép (phải hết sức hạn chế).

Đối với số vốn thừa (gồm tiền, vàng bạc, v.v.) chưa dùng hết vào kinh doanh thì xử lý như sau: nếu là vốn đã đăng ký thì phải đầu tư vào các ngành sản xuất được khuyến khích hoặc gửi vào ngân hàng, mà không lấy dùng vào việc khác, trừ trường hợp đặc biệt được cơ quan quản lý cho phép; nếu là vốn chưa đăng ký thì vận động họ đầu tư vào sản xuất hoặc gửi ngân hàng.

Đối với số tiền tích lũy và khấu hao máy móc, phải dùng đúng mục đích của nó, nghĩa là dùng để sửa chữa máy móc, mua thiết bị mới, mở rộng kinh doanh. Nếu chưa dùng đến thì phải gửi vào ngân hàng. Trường hợp đã lấy dùng vào việc khác thì phải hoàn lại.

Đối với số vốn gửi ngân hàng, nếu muốn rút ra phải có lý do chính đáng và phải có ý kiến của Ban cải tạo ở địa phương (việc rút vốn ra cũng phải hết sức hạn chế).

Đối với máy móc, dụng cụ, phương tiện vận tải, v.v. dùng vào việc kinh doanh thì phải dùng vào phát triển kinh tế, không được chuyển dịch. Trường hợp có thừa, không dùng hết (kể cả máy móc, dụng cụ... chưa đăng ký) thì phải do cơ quan nhà nước quản lý việc phân phối.

Đối với máy móc, dụng cụ... chưa đăng ký thì người chủ có trách nhiệm đăng ký tại cơ quan phụ trách quản lý.

Đối với máy móc, dụng cụ... dùng vào kinh doanh, người

chủ xí nghiệp phải bảo quản tốt. Những máy móc, dụng cụ đã bị hao mòn phải được sửa chữa lại để đẩy mạnh sản xuất.

Đối với hàng tồn kho, nếu số lượng nhiều và thuộc về tư liệu sản xuất, tư liệu xây dựng hoặc hàng tiêu dùng quý giá thì Nhà nước quản lý việc phân phối, mậu dịch quốc doanh có thể thu mua và thanh toán qua ngân hàng.

Trong thời kỳ cải tạo, để ngăn ngừa những hành động trốn tránh cuộc cải tạo, cần phải tạm đình chỉ việc chuyển dịch nhà, đất, trừ trường hợp đặc biệt có lý do chính đáng; đình chỉ việc chuyển dịch cổ phần đầu tư của các nhà tư bản tư doanh bất cứ dưới hình thức nào. Đối với trường hợp đã chuyển dịch rồi mà chưa sang tên ở địa bạ thì hoãn việc sang tên.

Đối với những trường hợp phân tán vốn kinh doanh, bán máy móc, dụng cụ đã đăng ký, bán cổ phần hoặc phân chia nhà cửa, đất đai, vàng bạc, v.v. nguyên tắc là không thừa nhận. Khi cải tạo sẽ tùy từng trường hợp mà xử lý.

Từ nay, tất cả các cơ quan, xí nghiệp quốc doanh, đơn vị bộ đội, tập đoàn sản xuất miền Nam, v.v. cần dụng cụ, máy móc... đều phải thông qua mậu dịch quốc doanh mà mua, không được trực tiếp mua của các nhà tư bản tư doanh.

2. Đối với những hành động tiêu cực trong kinh doanh, trốn tránh cuộc cải tạo:

Đối với những người tiêu cực trong kinh doanh thì phải động viên, giúp họ tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh một cách bình thường. Nếu không có lý do chính đáng và không được cơ quan quản lý cho phép thì không được thu hẹp hoặc đình chỉ kinh doanh, đóng cửa hiệu, làm ảnh hưởng không tốt đến đời sống nhân dân.

Trong thời kỳ cải tạo, các nhà công thương nghiệp tư bản

tư doanh không được di chuyển hoặc nhường lại cơ sở kinh doanh, nếu không có lý do chính đáng và không được cơ quan quản lý cho phép.

Trường hợp đã chuyển rồi thì cơ quan quản lý nơi hộ chuyển đi phải báo với cơ quan quản lý nơi hộ chuyển đến để theo dõi quản lý. Các địa phương cần chú trọng nắm tình hình của các hộ đã di chuyển hoặc nhường lại cơ sở kinh doanh.

Đối với những người tư sản kinh doanh công thương nghiệp xin vào hợp tác xã thủ công nghiệp hoặc tổ hợp tác của người buôn bán nhỏ, cần phải chờ chính sách của Trung ương mới được giải quyết.

Trường hợp có người đã vào hợp tác xã rồi thì cần xét cụ thể, nếu là người tư sản nhỏ, ít vốn, có điều kiện cải tạo bằng con đường hợp tác thì có kế hoạch lãnh đạo họ cải tạo tốt trong tổ chức hợp tác của những người lao động. Nếu là người tư sản lớn thì phải cải tạo bằng công tư hợp doanh.

3. Đối với những hành động dẫn công nhân và người làm thì căn cứ vào điều lệ về quan hệ giữa thợ và chủ xí nghiệp mà hết sức hạn chế. Đối với những người cố tình làm sai chính sách thì phải có thái độ xử lý đúng mức.

Đối với những hành động như đưa người nhà vào làm trong xí nghiệp để sau khi cải tạo có công việc làm, nói chung là cần hạn chế. Nếu cần sắp xếp công việc làm cho người trong gia đình các người tư sản thì chờ sau khi công tư hợp doanh sẽ tùy tình hình mà giải quyết thoả đáng.

Trong lúc thực hiện các chủ trương nói trên, để tăng cường quản lý công thương nghiệp tư bản tư doanh, các cấp cần thống nhất lãnh đạo và phối hợp chặt chẽ các ngành có trách nhiệm, tránh gây ra tình hình căng thẳng không cần thiết.

Trên đây là một số vấn đề hướng dẫn các cấp và các ngành thi hành. Trong quá trình công tác, nếu phát hiện vấn đề mới, các địa phương cần phải kịp thời báo cáo lên Trung ương để nghiên cứu giải quyết.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 237-TT/TW, ngày 30-5-1959

Về việc vận động nhân dân tích cực thảo luận Hiến pháp sửa đổi

Trước ngày công bố bản dự thảo Hiến pháp để toàn dân thảo luận, Trung ương đã có Chỉ thị số 135, ngày 24-3-1959 cho các ngành, các cấp uỷ coi trọng công tác này, hết sức hướng dẫn nhân dân thảo luận cho tốt thì chẳng những ảnh hưởng sâu sắc đến sinh hoạt chính trị của nhân dân miền Bắc, mà còn là một sự cổ vũ lớn lao cho cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam kiên quyết chống chế độ thối nát của Mỹ - Diệm.

Về việc thu góp ý kiến, trong chỉ thị đã viết: "Việc thu góp ý kiến cần được chú ý làm cho tốt. Những kết quả của các cuộc thảo luận đều viết gửi cho Ban sửa đổi Hiến pháp, phải nói rõ là bao nhiêu người tham gia và ý kiến thảo luận như thế nào để tiện cho việc làm thống kê sau này. Ở những vùng nông thôn hẻo lánh và ở miền núi, giao thông bưu điện không tiện thì các cấp uỷ phải có kế hoạch giúp đỡ và nhắc nhở thúc giục thêm, thì việc thảo luận và thu góp ý kiến mới được đều đặn và mau chóng".

Đến nay đã hai tháng, điểm lại việc thảo luận thì thấy

chỉ một số đơn vị, như Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, v.v. là làm được khá, còn nhiều nơi khác, nhất là ở nông thôn thì chưa thấy tổ chức thảo luận, hoặc đã có thảo luận mà không viết thư gửi cho Ban sửa đổi Hiến pháp, Ban sửa đổi Hiến pháp mới lễ tẻ nhận được một số ý kiến cá nhân gửi đến, còn tình hình các địa phương thảo luận như thế nào thì hầu như hoàn toàn không biết. Tình hình đó là do các cấp uỷ, các cơ quan hoặc các đồng chí có trách nhiệm không thấy hết tầm quan trọng của việc toàn dân thảo luận Hiến pháp như tinh thần chỉ thị của Trung ương.

Nay Ban Bí thư nhắc các ngành, các cấp uỷ địa phương:

1. Những nơi đã làm được khá vẫn cần tiếp tục làm nữa cho tốt hơn. Những nơi chưa làm hoặc mới làm được ít thì phải tích cực đặt kế hoạch tổ chức động viên cán bộ và nhân dân thảo luận. Để việc thảo luận được tốt, mỗi địa phương, mỗi đơn vị nên có một số đồng chí chịu trách nhiệm trước cấp uỷ chuyên trách thi hành. Các đồng chí ở ngành tuyên huấn cũng có trách nhiệm trong công tác này.

2. Ở những nơi vì điều kiện gì đó, việc tổ chức hội nghị quần chúng thảo luận Hiến pháp gặp khó khăn, thì cần phải vận động nhiều cá nhân nghiên cứu, thảo luận và gửi ý kiến về cho Ban sửa đổi Hiến pháp. Ngay ở những nơi có điều kiện tổ chức các cuộc hội nghị quần chúng, cũng cần coi trọng việc vận động cá nhân, kể cả cán bộ và quần chúng, phát biểu ý kiến gửi cho Ban sửa đổi Hiến pháp.

3. Ở những nơi đã có thảo luận nhưng chưa có thư gửi về Ban sửa đổi Hiến pháp thì chú ý gửi về sớm. Nội dung theo như chỉ thị của Trung ương, đại thể như sau:

- Số người tham gia cuộc họp;
- Các ý kiến phát biểu, gồm cả ý kiến tán thành và ý kiến

đề nghị bổ sung hoặc sửa đổi. Những đề nghị bổ sung hoặc sửa đổi nên kèm theo lý do tóm tắt.

4. Nhận được Thông tri này, các cấp uỷ, các ban, các đảng đoàn và Đảng uỷ trực thuộc Trung ương báo cáo cho Ban Bí thư biết ở địa phương hoặc ở ngành mình đã có kế hoạch thực hiện chưa, tình hình thảo luận đến đâu, sắp tới sẽ làm gì và khoảng thời gian nào thì có thể kết thúc được.

Mong các ngành, các cấp chú ý Thông tri này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 144-CT/TW, ngày 13-6-1959

Về việc khuyến khích tăng lợi vụ đông - xuân và tăng cường lãnh đạo sản xuất vụ mùa năm 1959

Lúa chiêm đã thu hoạch gần xong ở toàn miền Bắc. Theo con số Trung ương đã nhận được thì về diện tích có một số ít tỉnh vượt mức kế hoạch như Cao Bằng, Hà Đông, Hà Tĩnh ..., nhưng nói chung toàn miền Bắc chỉ đạt 94,6% kế hoạch (851.465 ha). Về năng suất thì tuy bị những trận mưa và gió lớn làm đổ lúa nhiều, hầu hết các tỉnh miền núi vẫn vượt mức kế hoạch từ 1 đến 75%; nhưng những tỉnh lớn ở đồng bằng thì hụt, cho nên bình quân toàn miền Bắc chỉ đạt khoảng 21 tạ, tức độ 95% mức đã ghi trong kế hoạch nhà nước. Như vậy, tổng sản lượng thu hoạch chỉ đạt khoảng trên 90% kế hoạch.

Hoa màu và cây công nghiệp đương thu hoạch, năng suất không cao mà diện tích thì hụt nghiêm trọng, tính trong 21 tỉnh miền xuôi thì ngô đạt 79,7%, khoai 77,5%, sắn 49,5%, bông 67%, thuốc lá 52,4%, mía 73,4%, lạc 73,2%.

Tình hình chăn nuôi trong 6 tháng đầu năm nay so với tháng 10-1958 cũng giảm sút khá nhiều, có những tỉnh giảm

sút từ 30 đến 50%. Nghề cá biển, cá sông, cá hồ ao cũng chậm phát triển. Do đó, mấy tháng gần đây đã có tình trạng thiếu thực phẩm ở các đô thị lớn và ở các khu công nghiệp tập trung.

Trong cán bộ và nhân dân hiện nay có hai luồng tư tưởng: ở những nơi lúa ít đổ, năng suất cao, thu hoạch nhiều thì phần khởi tin tưởng vào phong trào hợp tác hoá và cải tiến kỹ thuật, ra sức gieo đủ mạ để vụ mùa này cấy phổ biến là 20 x 10. Còn ở những nơi lúa bị đổ nhiều, năng suất hụt mức kế hoạch, thu hoạch kém mức dự kiến trước đây thì bị quan, thiếu tin tưởng vào phong trào cải tiến kỹ thuật và hợp tác hoá. Ở những nơi này còn xảy ra những hiện tượng thiếu đoàn kết trong nội bộ nhân dân, thậm chí có những hiện tượng đả kích cán bộ và nông dân tiên tiến, lác đác có hiện tượng xin ra hợp tác xã; cũng do đó mà việc gieo mạ mùa chỉ để bảo đảm cho cấy 20 x 20 và thưa hơn nữa.

Trong việc chuẩn bị vụ mùa, có một ít nơi đương hăng hái thi đua cải tiến kỹ thuật và tích cực xây dựng hợp tác xã để kiên quyết làm một vụ mùa thắng lợi vượt bậc và toàn diện; nhưng nói chung kém hăng hái so với vụ mùa 1958 và vụ đông - xuân vừa qua. *Phần lớn các tỉnh chưa gieo đủ mạ để cấy theo mức dự định, một số nơi mạ bị sâu nặng, thời vụ gieo chỉ còn ít ngày nữa, những ngày gần đây lại nắng gắt có thể làm mạ xấu hoặc hỏng thêm.* Trâu bò cày và nông cụ chưa được cung cấp kịp; phân bón chuẩn bị chưa được nhiều, phân hoá học thì phân phối rất chậm.

Qua tình hình trên đây, cần thống nhất nhận định là:

- Mặc dầu gặp những khó khăn lớn về thiên tai như hạn kéo dài ở nhiều nơi, mấy lần giá rét nặng, lúc sắp thu hoạch lại mưa gió lớn làm đổ lúa ở nhiều nơi, nhưng nhờ các cấp uỷ tích cực lãnh đạo và nông dân đẩy mạnh phong trào đổi công,

hợp tác, làm thuỷ lợi và bước đầu áp dụng cải tiến kỹ thuật canh tác, chúng ta vẫn đạt được một vụ chiêm tốt. Năng suất lúa toàn miền Bắc so sánh chỉ kém vụ mùa vừa qua, nhưng hơn hết thấy các vụ mùa và các vụ chiêm khác kể cả vụ chiêm và vụ mùa 1956 là vụ tốt nhất từ trước. Rất nhiều hợp tác xã, rất nhiều xã đạt những năng suất rất cao, vượt hẳn cả vụ mùa 1958.

Tuy vậy, do sự lãnh đạo của các cấp còn chủ quan, chưa được liên tục và thiếu bao quát từ đầu, cho nên về mặt toàn diện thì rất thiếu sót (cây công nghiệp, hoa màu, chăn nuôi đều kém) và ngay lúa cũng chưa đạt mức kế hoạch.

Do không đạt mức kế hoạch vụ chiêm cho nên nhiệm vụ của vụ mùa lại càng phải vượt cao hơn để bù chỗ hụt của vụ chiêm. *Vì vậy mục tiêu phấn đấu cho vụ mùa này rất nặng, phải có một quyết tâm rất cao, một sự cố gắng phi thường của toàn Đảng và toàn dân mới làm được.* Tình hình chuẩn bị vụ mùa hiện nay chưa biểu hiện được quyết tâm và sự cố gắng ấy.

Để khắc phục tình trạng trên, Ban Bí thư nhấn mạnh: các cấp đảng bộ *phải tăng cường lãnh đạo sản xuất vụ mùa hơn nữa*, phải luôn luôn coi nó là công tác trung tâm thường xuyên kết hợp với những công tác đột xuất từng lúc như thu thuế, thu nợ, thu mua, phòng và chống lụt bão mà tiến hành một cách khẩn trương. Trước mắt, có mấy công việc cần đặc biệt chú ý là:

1. Hết sức chú ý giải quyết tư tưởng cán bộ và nhân dân cho tốt nhằm thống nhất nhận thức thắng lợi của vụ chiêm, khắc phục tư tưởng bi quan, nâng cao tinh thần quyết tâm phấn khởi làm một vụ mùa thắng lợi vượt bậc và toàn diện, nâng cao quyết tâm làm tốt các biện pháp kỹ thuật: đủ nước, cày sâu cấy dày, bón phân nhiều, v.v.. Cần lấy những điển

hình của từng địa phương đưa ra lãnh đạo nhân dân thảo luận để thấy rõ vấn đề.

2. Ra sức vận động nhân dân *tranh thủ thời gian gieo thêm mạ ở những nơi còn thời vụ và tích cực chăm bón chống hạn trừ sâu cho mạ*. Phải nắm thật vững *khâu chính lúc này là vấn đề mạ; nếu để mạ thiếu và xấu thì sau này khó mà gỡ được*; tích cực hoàn thành kế hoạch thu thuế, thu nợ và thu mua theo chỉ thị của Ban Bí thư.

3. Vận động các hợp tác xã phát huy tác dụng đầu tàu về cải tiến kỹ thuật tăng năng suất. Các cấp đảng, chính quyền cần thiết thực giúp đỡ các hợp tác xã giải quyết những khó khăn trước mắt, có đủ điều kiện cấy 20 x10 để đến mùa này hợp tác xã sẽ đem lại thu hoạch cao hơn các vụ mùa trước đây.

4. Hoàn thành công tác đắp đê, gấp rút đặt kế hoạch và tổ chức phòng lụt, chống lụt, phòng bão, chống bão.

Ngoài ra, cần đẩy mạnh toàn bộ nhiệm vụ và các biện pháp của vụ mùa một cách toàn diện. Tích cực tranh thủ trồng thêm hoa màu và cây công nghiệp mùa hè ở những nơi còn trống được.

Sản xuất vụ mùa 1959 có một vị trí cực kỳ quan trọng trong kế hoạch 1959 và kế hoạch 3 năm, các cấp đảng bộ cần nhận thức cho thật đúng, ra sức tăng cường sự lãnh đạo để thực hiện cho tốt.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 238-TT/TW, ngày 13-6-1959

Về việc tiến hành phân cấp quản lý ngành ngân hàng

Vừa qua, các bộ thuộc các ngành kinh tế văn hoá đã trình Ban Bí thư các bản đề án phân cấp quản lý của từng ngành. Các bản đề án này đã được Ban Bí thư xét và thông qua về đường lối, phương châm và những nguyên tắc chính.

Tuy vấn đề này là một vấn đề lớn và phức tạp, nhưng điều kiện hiện nay không cho phép triệu tập ngay một cuộc hội nghị các đại biểu cấp uỷ đảng và uỷ ban hành chính khu, thành, tỉnh để thảo luận, thống nhất nhận thức và đặt kế hoạch cụ thể tiến hành.

Mặc dù có trở ngại đó, Ban Bí thư xét thấy cần phải thi hành gấp việc phân cấp quản lý trong các ngành kinh tế, tài chính, văn hoá theo phương châm đã đề ra, vì nó đã trở thành một nhu cầu cấp thiết trước tình hình kinh tế văn hoá phát triển hiện nay. Vả lại, các ngành, các địa phương và Uỷ ban kiến toàn tổ chức Trung ương đã cùng nhau nghiên cứu nhiều lần về phương châm, nguyên tắc, nội dung phân cấp quản lý trong từng ngành, đã làm thí điểm ở Hà Đông, và tham dự cuộc hội nghị phổ biến kinh nghiệm của Hà Đông do

Ban Bí thư triệu tập. Mặt khác, trong tháng 6 này, các khu, thành, tỉnh đều phải xúc tiến việc kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và của Nhà nước. Việc này nếu không dựa vào những chủ trương và nội dung phân cấp quản lý rõ ràng giữa trung ương và địa phương thì sẽ gặp nhiều trở ngại.

Vì thế, Ban Bí thư đã quyết định yêu cầu các cấp uỷ khu, thành, tỉnh và tất cả các huyện uỷ sau khi nhận được Thông tư về phân cấp quản lý của các ngành kinh tế, văn hoá (do các bộ trong Chính phủ trực tiếp gửi) cần nghiên cứu ngay để nắm vững:

1. Nhiệm vụ, tổ chức của các bộ thuộc các ngành kinh tế, văn hoá; sự cần thiết Đảng phải lãnh đạo chặt chẽ mọi hoạt động nghiệp vụ của các ngành kinh tế, văn hoá.

2. Đường lối, phương châm, nguyên tắc và nội dung phân cấp quản lý giữa các bộ với địa phương, chủ yếu là với cấp khu, thành, tỉnh.

Trên cơ sở những quy định đó, các cấp uỷ có nhiệm vụ tổ chức ngay việc thi hành các nguyên tắc, phương châm, nội dung phân cấp quản lý đối với từng ngành, xây dựng tổ chức quản lý thích hợp, thực hiện chặt chẽ việc lãnh đạo thống nhất và tập trung của cấp uỷ ở địa phương, và *chấp hành đúng theo trách nhiệm, quyền hạn của địa phương trong việc phân cấp quản lý*.

Đảng đoàn các bộ có trách nhiệm tích cực theo dõi hướng dẫn giúp đỡ địa phương nắm vững và tiến hành tốt các điều nói trên. Các bộ sẽ gửi thông tư về việc phân cấp quản lý trong ngành mình cho các địa phương sau khi cùng với Ủy ban kiện toàn tổ chức Trung ương chấn chỉnh và bổ sung các nguyên tắc, phương châm, và nội dung phân cấp quản lý theo quyết định của Ban Bí thư.

Để bảo đảm kết quả tốt cho việc phân cấp quản lý, Ban

Bí thư yêu cầu các ngành và địa phương nắm vững phương châm chung đã được Ban Bí thư đề ra là *phải tích cực, mạnh dạn, nhưng đồng thời phải thận trọng, phải có kế hoạch cụ thể làm từng bước*. Không nên cùng một lúc dồn tất cả xuống cho địa phương; phải tuỳ tình hình của địa phương, địa phương có điều kiện khả năng đến đâu thì hãy giao đến đó. Đặc biệt việc giao nhận phải tuỳ tình hình kiện toàn cơ quan lãnh đạo ở địa phương, tuỳ điều kiện kiện toàn tổ chức, điều kiện cán bộ phụ trách, cán bộ kỹ thuật mà thực hiện dần dần. Khi bàn giao, bộ cần chú trọng bàn giao đầy đủ nhiệm vụ, trách nhiệm về mọi mặt nhằm giúp cho cơ quan quản lý nhận thức đầy đủ trách nhiệm mới của mình để có thể làm tròn nhiệm vụ. Sau khi giao xong, bộ còn có trách nhiệm theo dõi, giúp đỡ chặt chẽ trong thời gian cần thiết để bảo đảm công việc không bị gián đoạn và trên dưới luôn luôn ăn khớp. Chống tinh thần vô trách nhiệm, giao bừa nhận ầu, đồng thời chống cục bộ, bản vị hoặc ngại khó, trở ngại cho việc phân cấp quản lý.

Trong lúc chờ đợi Ban Bí thư triệu tập cán bộ hội nghị để phổ biến và thảo luận toàn bộ vấn đề phân cấp quản lý các ngành kinh tế, văn hoá, trong quá trình tiến hành, có vấn đề gì khó khăn, các cấp uỷ cần phản ánh ngay cho Trung ương nghiên cứu và giải quyết.

Vậy xin báo để các đồng chí biết và thi hành.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 75-NQ/TW, ngày 18-6-1959

Về phát triển công tác văn nghệ trong hai năm 1959-1960

I- NHẬN XÉT KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH CÔNG TÁC VĂN NGHỆ NĂM 1958

Năm 1958 đã đánh dấu một bước chuyển biến mới trong giới văn nghệ và trong công tác văn nghệ.

1. Qua cuộc học tập chính trị và đấu tranh thắng lợi, chống nhóm Nhân văn - Giai phẩm, giới văn nghệ đã tăng thêm được lòng yêu nước, bước đầu nâng cao được giác ngộ xã hội chủ nghĩa và quan điểm văn nghệ của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Sau khi đấu tranh thắng lợi, giới văn nghệ lại đi vào đời sống của nhân dân lao động để tiếp tục bồi dưỡng lập trường quan điểm, và chuẩn bị tư tưởng sáng tác biểu diễn; đã bước đầu thấy được đời sống hiện thực của nhân dân miền Bắc nước ta ngày nay căn bản là tốt đẹp và tươi sáng.

Cuộc học tập, đấu tranh và đi vào thực tế đời sống đã có ảnh hưởng tốt đối với trí thức và các tầng lớp tiểu tư sản thành thị.

Nhưng thắng lợi đó mới là bước đầu và còn thấp, nhất là

về lập trường, quan điểm. Trong hai năm tới, phải tiếp tục giáo dục chính trị và tư tưởng cho văn nghệ sĩ ở một trình độ cao hơn, sâu sắc hơn, cơ bản hơn, và phải tổ chức văn nghệ sĩ, nhất là văn nghệ sĩ sáng tác đi vào đời sống của nhân dân lao động một cách lâu dài.

2. Sau khi học tập chính trị và đấu tranh thắng lợi, nhận thức và tư tưởng được nâng lên một bước, lại được liên hệ trở lại với đời sống, công tác sáng tác, biểu diễn và phê bình đều có ít nhiều tiến bộ.

Nội dung sáng tác đã chuyển hướng đi sát với đời sống, chú ý miêu tả mặt tích cực của cuộc sống, nội dung lành mạnh và có tác dụng giáo dục tư tưởng hơn. Nghệ thuật biểu diễn cũng đã tiến bộ hơn, việc biểu hiện tình cảm đã gần gũi với nhân dân lao động và những nhân vật tích cực hơn. *Nhưng cũng chỉ mới là bước đầu.* Trong tất cả các ngành văn học nghệ thuật, còn nhiều nhược điểm cơ bản chưa khắc phục được; nội dung tư tưởng của sáng tác chưa sâu sắc; sự hiểu biết về nghệ thuật và kỹ thuật cơ bản còn thấp.

Công tác phê bình đã cố gắng đánh lùi được chủ nghĩa xét lại mà nhóm Nhân văn - Giai phẩm là tiêu biểu. Nhưng sau đó, không tiếp tục phát huy được sức mạnh lên hơn nữa để đập tan chủ nghĩa xét lại, ảnh hưởng của văn hoá nô dịch còn tồn tại và quan điểm văn nghệ tư sản và chưa khắc phục được những biểu hiện của chủ nghĩa giáo điều. Nguyên nhân căn bản của việc không phát huy được sức mạnh của vũ khí phê bình là: trình độ lý luận văn nghệ của giới văn nghệ còn thấp.

Do đó, trên cơ sở nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng, mật thiết liên hệ với đời sống, phải ra sức học tập lý luận văn nghệ, trau dồi nghệ thuật và kỹ thuật cơ bản.

3. Công tác văn nghệ không chuyên nghiệp cũng có

những tiến bộ đáng kể. Đông đảo anh chị em làm công tác văn nghệ không chuyên nghiệp, cán bộ các cấp các ngành và một bộ phận quần chúng đã hăng hái tham gia các cuộc tổ chức sáng tác của báo văn học, Tạp chí *Văn nghệ*, Tạp chí *Văn nghệ quân đội*, Vụ nghệ thuật, Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam. Một số khá đông cán bộ và quần chúng cũng đã tham gia các cuộc vận động sáng tác và biểu diễn văn nghệ phục vụ sản xuất ở các khu và các tỉnh và đã có những sáng tác nội dung lành mạnh phong phú, miêu tả các mặt chủ yếu của đời sống hiện thực mới, ca ngợi con người mới. Một số sáng tác đó lại có một trình độ nghệ thuật nhất định. Trong quần chúng, có nhiều người biểu diễn văn nghệ khá. Điều đó chứng tỏ khả năng văn nghệ của quần chúng rất dồi dào. Nhưng việc vận động quần chúng làm văn nghệ để phát huy khả năng sáng tạo nghệ thuật của quần chúng, lựa chọn mầm non văn nghệ đào tạo thành lực lượng văn nghệ mới xuất thân từ công nông binh và việc tổ chức sinh hoạt văn nghệ cho quần chúng chưa được chú trọng đúng mức. Do đó ít bổ sung được lực lượng văn nghệ mới cho đội ngũ văn nghệ hiện có và sinh hoạt văn nghệ của quần chúng rất thiếu thốn. *Cần phải xúc tiến việc tổ chức sinh hoạt văn nghệ của quần chúng. Một mặt, tất cả các cơ quan văn học nghệ thuật và văn nghệ sĩ chuyên nghiệp phải hướng về cơ sở, hướng về quần chúng mà phục vụ, phải làm cho mọi sản phẩm văn học, nghệ thuật tốt xuống đến tận quần chúng. Một mặt khác, phải mạnh dạn phát động một phong trào văn nghệ rộng rãi của quần chúng, có lãnh đạo chặt chẽ, phải ra sức bồi dưỡng mầm non văn nghệ của quần chúng, đào tạo lực lượng văn nghệ mới xuất thân từ công nông binh.*

4. Đã có sự cố gắng giới thiệu văn học nghệ thuật của

Việt Nam ra thế giới và giới thiệu nền văn học nghệ thuật tiến bộ của thế giới, nhất là của các nước anh em, trước hết là Liên Xô và Trung Quốc vào trong nước, nhưng nói chung còn rất nhiều thiếu sót. Chưa giới thiệu được thành tựu văn nghệ của ta ra các nước ngoài bao nhiêu. Việc giới thiệu văn học nghệ thuật của nước ngoài vào cũng chưa có kế hoạch và mục đích thiết thực nhằm phục vụ nhiệm vụ và yêu cầu trước mắt. *Cần chấn chỉnh và tăng cường việc giới thiệu văn nghệ của ta và thế giới một cách có kế hoạch và có mục đích thiết thực.*

5. Năm vừa qua, các cơ quan giúp Trung ương lãnh đạo văn nghệ đã cố gắng làm tương đối tốt cuộc đấu tranh chống nhóm Nhân văn - Giai phẩm, cuộc học tập chính trị và đi vào đời sống thực tế của văn nghệ sĩ. Sau đấu tranh, các cơ quan như Đảng đoàn Hội Nhà văn đã được chấn chỉnh, Đảng đoàn Bộ Văn hoá đã được tăng cường, Ban Văn giáo Trung ương đã được thành lập. Nhưng tất cả các cơ quan giúp Đảng lãnh đạo văn nghệ còn yếu, nhất là về lý luận văn nghệ, chưa tuyên truyền giải thích được quan điểm văn nghệ Mác-Lênin và đường lối văn nghệ của Đảng một cách rộng rãi, sâu sắc và sinh động, cũng chưa chủ động đi sâu nghiên cứu đề ra cho Trung ương giải quyết những việc lớn làm cho công tác văn nghệ phát triển một cách đều đặn về các mặt lý luận, chính sách, tư tưởng và tổ chức, nhất là việc đào tạo cán bộ. Các cấp uỷ đảng và các đảng đoàn phụ trách các công tác văn nghệ đã chú ý lãnh đạo hơn, nhưng chưa đúng mức. *Cần phải tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với văn nghệ, và phải kiện toàn các cơ quan lãnh đạo văn nghệ để giúp Đảng lãnh đạo văn nghệ tốt hơn.*

II- NHIỆM VỤ CÔNG TÁC VĂN NGHỆ TRƯỚC MẮT

Hội nghị Trung ương lần thứ 14 đã vạch rõ nhiệm vụ cách mạng và nhiệm vụ công tác tư tưởng: "Lực lượng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc hiện nay đã mạnh hơn hẳn lực lượng tư bản chủ nghĩa, nhưng vấn đề "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản vẫn chưa giải quyết. Do đó, nhiệm vụ cơ bản của chúng ta ở miền Bắc trong thời kỳ trước mắt là phải đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm trước mắt là đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh; đồng thời phải ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh là lực lượng lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Trong khi tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải kiên quyết đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của bọn phản cách mạng.

"Để đảm bảo thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội trên mặt trận kinh tế và chính trị, phải tăng cường giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, làm cho mọi người nhận rõ ranh giới giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa, giữa lao động và bóc lột, giữa chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa cá nhân, giữa nhân dân và kẻ thù của nhân dân, làm cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế. Trong việc giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa phải nâng cao hơn nữa tinh thần chống đế quốc, chủ yếu là đế quốc Mỹ và bọn tay sai, phát huy tinh thần yêu nước, làm cho mọi người thấm nhuần sâu sắc: yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội là một, kết hợp chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Phải nâng cao tinh

thần quốc tế vô sản, tăng cường sự đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu, thắt chặt hơn nữa tình hữu nghị giữa nhân dân các nước, góp phần đẩy mạnh cuộc đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội".

"Dựa vào nội dung trên, nhiệm vụ của công tác tư tưởng là phải nâng cao ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa và tinh thần yêu nước, nâng cao ý chí đấu tranh không ngừng về tinh thần cảnh giác của toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên và quần chúng, trước hết là quần chúng lao động, làm cho mọi người đem hết nhiệt tình cách mạng và sức lao động sáng tạo của mình góp vào cuộc đấu tranh cải tạo xã hội, đẩy mạnh sản xuất, cần kiệm xây dựng nước nhà".

1. *Công tác văn nghệ phải góp phần tích cực và đặc lực vào công tác tư tưởng đó. Phải giáo dục tư tưởng yêu chủ nghĩa xã hội, ghét chủ nghĩa tư bản; yêu lao động, ghét bóc lột; yêu chủ nghĩa tập thể, ghét chủ nghĩa cá nhân; yêu nhân dân, ghét đế quốc và bọn tay sai. Nói một cách khác, phải giáo dục tư tưởng, tình cảm mới để xây dựng con người mới, con người thiết tha yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, con người đem hết nhiệt tình cách mạng và sức lao động sáng tạo của mình ra phấn đấu anh dũng và kiên quyết cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.*

Nhiệm vụ công tác văn nghệ phải phục vụ nhiệm vụ chính trị và kinh tế của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, kinh tế phát triển, đời sống vật chất của nhân dân được dần dần cải thiện cũng đòi hỏi phải nâng cao đời sống văn hoá. Đó là một yêu cầu có tính chất quy luật của miền Bắc trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay. Vì thế, công tác văn nghệ chẳng những có *nhiệm vụ phải góp phần giáo dục tư*

tưởng xã hội chủ nghĩa mà còn phải góp phần vào việc phát triển nền văn hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng cho nhân dân miền Bắc một đời sống văn hoá lao động, tiến bộ, lành mạnh, vui tươi, đồng thời làm cho nhân dân ta tiếp thu được những di sản và thành tựu văn nghệ tốt đẹp của dân tộc và thế giới, để xây dựng một nền văn nghệ mới, nội dung là xã hội chủ nghĩa và hình thức là dân tộc.

2. Mặt khác, phải nghiên cứu và thực hiện việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các bộ phận văn nghệ phi xã hội chủ nghĩa, để cho các lực lượng văn nghệ đó tiến bộ phục vụ công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thống nhất nước nhà của nhân dân ta ngày nay.

III- NHỮNG CÔNG TÁC LỚN CẦN LÀM TRONG 2 NĂM 1959-1960

1. *Bồi dưỡng lực lượng văn nghệ sĩ sẵn có, đào tạo lực lượng văn nghệ sĩ mới xuất thân từ công nông binh*

a) *Bồi dưỡng lực lượng văn nghệ sĩ sẵn có*

Việc bồi dưỡng lực lượng văn nghệ sĩ sẵn có phải chú trọng có bốn mặt: giáo dục tư tưởng, thâm nhập đời sống thực tế, học tập văn hoá, học tập nghiệp vụ (bao gồm cả lý luận và kỹ thuật). Nhưng, trong hai năm tới, vẫn phải lấy tiếp tục giáo dục tư tưởng và thâm nhập đời sống thực tế làm trọng tâm.

b) *Đào tạo lực lượng mới xuất thân từ công nông binh*

- Các hội văn học nghệ thuật cần tổ chức nhiều buổi nói chuyện về văn nghệ để nâng cao hiểu biết văn nghệ cho quần chúng. Văn nghệ sĩ chuyên nghiệp phải có trách nhiệm bồi dưỡng cho mầm non văn nghệ của quần chúng. Các văn nghệ

sĩ đi vào đời sống của nhân dân lao động phải tổ chức những lớp huấn luyện văn nghệ ngắn hạn vào buổi tối hoặc buổi trưa ngoài giờ sản xuất.

- Bộ Giáo dục cần đặt vào chương trình giáo dục chính thức việc học tập mỹ thuật và âm nhạc ở trong tất cả các trường phổ thông và trường sư phạm.

- Các địa phương cần tổ chức các lớp huấn luyện nghệ thuật ngắn hạn.

- Đối với những người làm công tác văn nghệ trẻ xuất thân từ công nông binh, có triển vọng trở thành văn nghệ sĩ xuất sắc, cần kiên quyết cho đi học các trường nghệ thuật trong nước, và phải lựa chọn một số cần thiết cho ra nước ngoài học tập dài hạn.

c) Việc bồi dưỡng lực lượng văn nghệ đã có, cũng như đào tạo lực lượng văn nghệ mới, cần chú ý đúng mức đến việc bồi dưỡng và đào tạo lực lượng văn nghệ miền Nam, các dân tộc thiểu số và phụ nữ.

2. *Thành lập các cơ quan nghiên cứu văn học nghệ thuật, chấn chỉnh các trường nghệ thuật đã có, mở thêm các trường nghệ thuật cần thiết*

a) *Thành lập Viện nghiên cứu văn nghệ*

- Yêu cầu của việc sáng tác, phê bình cũng như việc giảng dạy nghệ thuật và việc giảng dạy văn học đã đặt vấn đề thành lập cơ quan nghiên cứu văn nghệ một cách bức thiết.

- Phương châm công tác của cơ quan nghiên cứu văn nghệ là trước tiên phải nhằm phục vụ những nhiệm vụ và yêu cầu của công tác văn nghệ trước mắt.

- Việc trọng tâm là nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản và đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ ở trong nước và trên thế giới hiện nay. Ngoài ra, trong hai năm tới, phải làm một

số việc dưới đây: khai thác và nghiên cứu thêm vốn văn nghệ dân tộc; đánh giá nền văn nghệ mới của ta từ Cách mạng Tháng Tám; đánh giá và phê bình các luồng văn nghệ khác nhau trước cách mạng, từ khi thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương. Đánh giá một số tác phẩm và tác giả cổ điển tiêu biểu; sơ thảo xong cuốn *Khái luận văn nghệ* và sơ thảo xong *Lịch sử văn nghệ cận đại và hiện đại* của Việt Nam. Nếu có thể thì sơ thảo xong toàn bộ.

- Các hội nghệ thuật phải cộng tác với Bộ Văn hoá tổ chức bảo tàng của ngành mình.

b) *Chấn chỉnh các trường nghệ thuật đã có, thành lập thêm các trường nghệ thuật cần thiết*

- Chấn chỉnh lại các trường âm nhạc trung cấp, mỹ thuật, trung cấp, mỹ thuật cao đẳng và mỹ nghệ theo phương hướng tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, liên hệ mật thiết với đời sống, kết hợp học tập với phục vụ.

- Mở thêm các trường kịch nói, nhảy múa, tuồng, chèo, cải lương trung cấp. Đối với điện ảnh và nhiếp ảnh, cũng phải có thể có kế hoạch bồi dưỡng và đào tạo cho thích hợp. Yêu cầu huấn luyện trong hai năm là phải làm cho các diễn viên hiện có đạt tới trình độ nghệ thuật trung cấp.

- Đối với việc giảng dạy nghệ thuật, chủ yếu là dựa vào văn nghệ sĩ khá của ta là chính, phải biết tận dụng hết mọi khả năng của các nghệ nhân cũ. Nhưng đồng thời cũng phải mời đủ số chuyên gia Liên Xô, Trung Quốc và các nước anh em giúp ta về lý luận nghệ thuật và kỹ thuật khoa học tiên tiến.

c) Trong việc nghiên cứu văn nghệ, cần coi trọng việc nghiên cứu vốn văn nghệ dân tộc ít người, di sản văn nghệ dân tộc ở miền Nam.

3. *Sáng tác, biểu diễn phục vụ quần chúng, vận động quần chúng làm văn nghệ, công tác phê bình văn nghệ*

a) *Phát động phong trào sáng tác*

Cần phát động một phong trào sáng tác về đề tài xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thống nhất nước nhà, đấu tranh cách mạng của đồng bào miền Nam chống Mỹ - Diệm và đề tài kháng chiến.

Trong cuộc phát động sáng tác đó, phải động viên tất cả văn nghệ sĩ chuyên nghiệp, những người làm công tác văn nghệ không chuyên nghiệp, đông đảo cán bộ các cấp, các ngành và một bộ phận quần chúng có khả năng tham gia.

Các Đảng đoàn các bộ: Văn hoá, Giáo dục; các đoàn thể: Liên hiệp Công đoàn, Đoàn Thanh niên Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ; các ban: Công tác nông thôn Trung ương, Ban Dân tộc Trung ương, Ban Thống nhất Trung ương và Tổng cục Chính trị, phải phối hợp chặt chẽ với các Hội Văn học Nghệ thuật để lãnh đạo tốt cuộc phát động sáng tác đó.

Để kích thích việc sáng tác, cần chấn chỉnh lại việc xuất bản văn nghệ và công tác phát hành, giao nhiệm vụ cho các địa phương xuất bản và phát hành các sáng tác văn nghệ của địa phương. Cần tổ chức phòng triển lãm mỹ thuật toàn quốc hàng năm và phát triển các hình thức triển lãm nhỏ, như: phòng tranh, phòng tượng, phòng ảnh của từng nhóm hoặc từng người. Các hội văn học nghệ thuật cần đặt giải thưởng hàng năm cho các sáng tác tốt và nghiên cứu để tiến tới chế độ Giải thưởng Nhà nước cho các tác phẩm và tác giả ưu tú.

b) *Phát triển lực lượng và phong trào biểu diễn nghệ thuật*

- Để nâng cao nghệ thuật biểu diễn lên một bước, cần chọn lọc một số diễn viên khá ở trong tất cả các đội văn công ở Trung ương, thành lập các đội văn công nhà nước sau đây:

- + Một dàn nhạc giao hưởng hạng trung;
- + Một dàn nhạc dân tộc có đủ nhạc cụ Bắc - Trung - Nam và các dân tộc thiểu số;
- + Một đoàn ca múa;
- + Một đoàn kịch nói;
- + Một đoàn tuồng cổ;
- + Một đoàn chèo;
- + Một đoàn cải lương;
- + Một đoàn ca kịch mới.

- Để bắc cầu giữa văn công trung ương với phong trào văn nghệ quần chúng, cần tổ chức ở mỗi thành phố và mỗi tỉnh, nếu có thể thì ở mỗi thị xã, mỗi khu công nghiệp, mỗi nông trường lớn và mỗi sư đoàn bộ đội, một đoàn văn công tổng hợp chuyên nghiệp, nặng về hình thức nghệ thuật nào tùy theo truyền thống văn nghệ ở địa phương, nhưng nhất thiết không được thiếu kịch nói và ca múa.

- Cần phát triển nhiều đội văn công không chuyên nghiệp ở các nhà máy, hầm mỏ, nông trường, đại đội, trường học và ở các xã có phong trào hợp tác xã mạnh.

- Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc biểu diễn nghệ thuật, cần trang bị cho tất cả các đoàn văn công những phương tiện biểu diễn tối thiểu cần thiết. Ở Thủ đô, cần trang bị đầy đủ phương tiện và phải điều chỉnh lại các nhà hát và rạp biểu bóng để tất cả các ngành nghệ thuật đều có chỗ biểu diễn riêng thích hợp và có chỗ hoà nhạc riêng. Cần xúc tiến việc tổ chức sản xuất nhạc cụ trong nước.

- Để khuyến khích phong trào biểu diễn và chọn lựa nhân tài từ quần chúng ra, cần tổ chức đại hội biểu diễn nghệ thuật hằng năm từ địa phương lên đến trung ương, Bộ Văn hoá cần đặt chế độ khen thưởng hằng năm cho các diễn viên,

đạo diễn, sáng tác kịch, nhạc, múa khá và nghiên cứu để tiến tới đặt một chế độ Giải thưởng Nhà nước cho những người ưu tú.

c) *Tổ chức sinh hoạt văn nghệ của quần chúng*

Ngoài việc sáng tác và biểu diễn phục vụ quần chúng nói trên, cần phải tổ chức sinh hoạt văn nghệ của quần chúng để quần chúng tự giải quyết một phần yêu cầu sinh hoạt văn nghệ của mình và để phát huy khả năng sáng tạo nghệ thuật của quần chúng.

- Bộ Văn hoá và các cấp uỷ địa phương cần nghiên cứu một kế hoạch phát động phong trào thơ ca, hò vè, nhất là ca hát và kịch nói của quần chúng thật rộng rãi và có lãnh đạo chặt chẽ.

- Các văn nghệ sĩ đi vào đời sống của nhân dân lao động có nhiệm vụ vận động quần chúng làm văn nghệ theo chủ trương và kế hoạch của địa phương, học tập tài năng văn nghệ của quần chúng, nâng cao nghệ thuật của quần chúng lên để phục vụ quần chúng. Các cơ quan văn nghệ trung ương phải mạnh dạn lấy những sáng tác văn nghệ tương đối tốt của quần chúng phổ biến rộng rãi trong toàn miền Bắc để khuyến khích phong trào sáng tác của quần chúng.

d) *Đẩy mạnh phê bình văn nghệ*

- Tiến hành công tác phê bình văn nghệ một cách mạnh mẽ, triệt để chống chủ nghĩa xét lại, ảnh hưởng văn nghệ nô dịch và quan điểm văn nghệ tư sản, và khắc phục các biểu hiện của chủ nghĩa giáo điều, làm cho nền văn nghệ của chúng ta phát triển lành mạnh. Đồng thời, phải có biện pháp quét sạch các loại sách xấu và âm nhạc xấu còn để bán ở trong các hiệu sách, ở các thư viện hoặc lưu hành trong quần chúng.

- Phải phát động quần chúng, dựa vào quần chúng, nhất là dựa vào cán bộ các cấp, các ngành, mà tiến hành công tác phê bình văn nghệ một cách kịp thời, rộng rãi. Mặt khác, phải ra sức học tập lý luận văn nghệ Mác-Lênin và đề cao công tác nghiên cứu văn nghệ để việc phê bình được sâu sắc.

4. *Chấn chỉnh và tăng cường việc giới thiệu văn nghệ của ta ra ngoài và giới thiệu văn nghệ của thế giới với nhân dân ta*

- Bộ Văn hóa, các cơ quan nghiên cứu văn học, nghệ thuật và các hội văn học nghệ thuật phối hợp với nhau, nghiên cứu lại một chương trình giới thiệu văn nghệ của ta ra ngoài.

- Tăng cường việc giới thiệu nền văn nghệ tiên tiến của thế giới, nhất là của các nước anh em, trước hết là của Liên Xô và Trung Quốc, với nhân dân ta một cách có kế hoạch, nhằm phục vụ yêu cầu thiết thực hiện nay là chính, đồng thời phục vụ việc xây dựng nền văn nghệ mới một cách lâu dài.

- Để tăng cường việc giới thiệu văn nghệ của ta ra ngoài, nhất là việc giới thiệu văn nghệ tiến bộ của thế giới với nhân dân ta, cần có một số cán bộ phiên dịch khá và chấn chỉnh lại công tác phiên dịch văn nghệ.

5. *Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các lực lượng văn nghệ phi xã hội chủ nghĩa*

Bộ Văn hoá cần nghiên cứu phương châm chính sách và bắt đầu thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các lực lượng văn nghệ phi xã hội chủ nghĩa, nhất là đối với các bộ phận tư bản tư doanh. Trước hết, cần cải tạo các bộ phận tư bản tư doanh, đến 1960 phải cải tạo hết tất cả các bộ phận văn nghệ hoạt động theo lối tư bản chủ nghĩa.

IV- TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Các cấp uỷ đảng cần trực tiếp lãnh đạo công tác văn nghệ, đề ra nhiệm vụ và phương hướng, theo dõi, kiểm tra từng thời gian công tác văn nghệ ở địa phương mình để kịp thời có biện pháp thúc đẩy phong trào tiến lên và uốn nắn các lệch lạc. Các chi uỷ cần nắm việc lãnh đạo các hoạt động văn nghệ của quần chúng ở cơ sở.

2. Các cơ quan giúp Đảng lãnh đạo văn nghệ và các đảng viên làm công tác văn nghệ có nhiệm vụ nghiên cứu, học tập và tuyên truyền giải thích quan điểm văn nghệ Mác-Lênin và đường lối văn nghệ của Đảng một cách sinh động, giúp ích thiết thực cho phong trào.

3. Việc lãnh đạo chính sách cần chú trọng cả hai mặt: bồi dưỡng lực lượng văn nghệ đã có, nhất là đào tạo lực lượng văn nghệ mới xuất thân từ công nông binh. Đối với lực lượng văn nghệ đã có, cần đoàn kết rộng rãi, phát huy mọi phong cách nghệ thuật trên lập trường vì Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, có lợi cho công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Đối với việc đào tạo lực lượng văn nghệ mới, phải nắm vững đường lối giai cấp, chú trọng bồi dưỡng những mầm non xuất thân từ công nông binh.

4. Việc lãnh đạo tư tưởng hiện nay vẫn phải nắm vững trọng tâm là *triệt để chống chủ nghĩa xét lại, quét sạch ảnh hưởng của văn nghệ nô dịch và tẩy trừ quan niệm văn nghệ tư sản đồi trụy*, đồng thời cần khắc phục mọi biểu hiện của chủ nghĩa giáo điều, bệnh cô độc, hẹp hòi, ra sức phát huy tinh thần sáng tạo của giới văn nghệ, làm cho nền văn nghệ

của ta phát triển lành mạnh và phong phú, xứng đáng với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

5. Về lãnh đạo tổ chức, cần kiên quyết giải phóng các văn nghệ sĩ ra khỏi các công tác hành chính sự vụ. Căn cứ vào sở trường, nguyện vọng của mỗi người và yêu cầu của công tác mà sắp xếp lại để cho anh chị em có thể đi sâu vào sáng tác, biểu diễn, nghiên cứu lý luận phê bình văn nghệ. Cần bổ sung thêm một số cán bộ chính trị có khả năng công tác văn nghệ vào các cơ quan văn nghệ của Đảng. Cần tăng cường công tác chi bộ ở các cơ quan văn nghệ, làm cho chi bộ trở thành hạt nhân đoàn kết lãnh đạo và phát huy vai trò tích cực của tất cả mọi đảng viên trên mặt trận văn nghệ.

*
* *

Các cấp ủy đảng và các đảng đoàn nghiên cứu kỹ Nghị quyết này, đặt kế hoạch thi hành và báo cáo lên Trung ương. Ban Văn giáo Trung ương cần có kế hoạch hướng dẫn việc thực hiện Nghị quyết này.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 77-NQ/TW, ngày 2-7-1959

Về việc thành lập Ban Cải tạo công thương nghiệp tư doanh

Đoàn nghiên cứu chính sách cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh thành lập theo Chỉ thị số 79-CT/TW, ngày 19-4-1958 để giúp Trung ương xây dựng chính sách cải tạo, đến nay đã hết nhiệm vụ. Ban Bí thư quyết định thành lập Ban cải tạo công thương nghiệp tư doanh ở Trung ương để tiếp tục giúp Trung ương chỉ đạo công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh và nghiên cứu bổ sung chính sách cải tạo. Ban cải tạo công thương nghiệp tư doanh ở Trung ương có những nhiệm vụ sau đây:

1. Giúp Trung ương nghiên cứu bổ sung các chính sách cần thiết trong quá trình cải tạo công nghiệp tư bản tư doanh, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, thương nghiệp tư bản tư doanh và tiểu thương, cùng các ngành kinh doanh khác như vận tải, ăn uống, phục vụ và kinh doanh về văn hoá.
2. Hướng dẫn các cấp, các ngành thực hiện đường lối, phương châm, chính sách và kế hoạch cải tạo.
3. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành trong

việc thực hiện đường lối, phương châm, chính sách và kế hoạch cải tạo.

Ban cải tạo công thương nghiệp tư doanh ở Trung ương được uỷ nhiệm giải quyết những vấn đề cụ thể trong phạm vi chính sách đã quy định; còn những vấn đề mới chưa có chính sách thì báo cáo Ban Bí thư giải quyết; được triệu tập đại biểu các đảng đoàn, các ban ở Trung ương có liên quan đến công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh và đại biểu các cấp uỷ để bàn công tác cải tạo; được yêu cầu các cấp, các ngành thường kỳ và bất thường báo cáo tình hình công tác cải tạo; và được kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện phương châm, chính sách và kế hoạch cải tạo công thương nghiệp tư doanh.

Ban cải tạo công thương nghiệp tư doanh ở Trung ương gồm các đồng chí:

1- Tô ¹⁾	Trưởng ban,
2- Đỗ Mười	Phó ban,
3- Nguyễn Đức Tâm, Giám đốc Vụ Quản lý thương nghiệp (Bộ Nội thương)	Ủy viên,
4- Nguyễn Văn Thao, Giám đốc Cục Quản lý thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh (Bộ Nội thương)	"
5- Vũ Quang, Cục trưởng Cục Vận tải thuỷ bộ Bộ Giao thông và Bưu điện	"
6- Một đồng chí trong Đảng đoàn Bộ Công nghiệp	"
7- Một đồng chí trong Đảng đoàn Bộ Văn hoá	"
8- Một đồng chí trong Đảng đoàn Bộ Tài chính	"
9- Một đồng chí trong Đảng đoàn Ngân hàng quốc gia Việt Nam	"

1) Tô: Phạm Văn Đồng (B.T).

10- Một đồng chí trong Đảng đoàn Bộ Công an	"
11- Một đồng chí trong Ban Mặt trận TW	"
12- Một đồng chí trong Đảng đoàn Tổng LĐLĐ ¹⁾	"
13- Một đồng chí trong Đảng đoàn Thanh niên TW	"
14- Một đồng chí trong Đảng đoàn Hội LHPN TW ²⁾	"
15- Một đồng chí trong Ban Tuyên huấn Trung ương	"
16- Một đồng chí trong Đảng đoàn Bộ Lao động Thường trực của Ban gồm các đồng chí:	"
- Tô,	
- Đỗ Mười,	
- Nguyễn Đức Tâm,	
- Nguyễn Văn Thao,	
- Vũ Quang.	

Trong Ban cải tạo công thương nghiệp tư doanh có thể tổ chức các tiểu ban cải tạo công nghiệp thương nghiệp, thủ công nghiệp... tùy theo sự cần thiết.

Ở các khu, thành phố và tỉnh, cần thành lập Ban cải tạo công thương nghiệp tư doanh để giúp cấp uỷ đảng ở địa phương chỉ đạo thực hiện công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh ở địa phương.

Ở cấp huyện cũng cần thành lập Ban cải tạo công thương nghiệp tư doanh. Những huyện miền núi, nếu nơi nào ít công thương nghiệp tư doanh thì cử một cấp uỷ viên phụ trách.

1) LĐLĐ: Liên đoàn Lao động (B.T).

2) LHPNTW: Liên hiệp Phụ nữ Trung ương (B.T).

Ở thị xã và khu phố (thuộc thành phố Hà Nội, Hải Phòng) nếu xét cần thì thành lập Ban cải tạo công thương nghiệp tư doanh; nếu không cần thành lập ban, thì cử cán bộ phụ trách.

Các Ban cải tạo công thương nghiệp tư doanh có nhiệm vụ và quyền hạn như các ban chuyên môn khác của Đảng. Thành phần các ban cải tạo này gồm một vài đồng chí trong cấp uỷ đảng và các đồng chí phụ trách các ngành có liên quan, như công thương, hợp tác xã mua bán, tuyên huấn, mặt trận, công đoàn...

Ở cấp xã, cử một đồng chí trong chi uỷ phụ trách công tác cải tạo thủ công nghiệp và tiểu thương. Những nơi tập trung thợ thủ công và tiểu thương chuyên nghiệp có thể thành lập một tổ để giúp chi uỷ trong công tác cải tạo.

Về mặt chính quyền, không thành lập cơ quan cải tạo công thương nghiệp tư doanh ở các cấp. Thủ tướng phủ và uỷ ban hành chính các cấp phụ trách công tác này. Để giúp việc Thủ tướng Chính phủ, sẽ thành lập một văn phòng cải tạo ở Phủ thủ tướng, do đồng chí Đỗ Mười, Bộ trưởng Bộ Nội thương kiêm Chủ nhiệm. Các uỷ ban hành chính các cấp tùy theo sự cần thiết, phân công cán bộ làm công tác này.

Công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh do các cấp uỷ đảng chịu trách nhiệm trước Trung ương, các cấp uỷ ban hành chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ. Song các ngành ở Trung ương có liên quan đến công tác cải tạo cũng có trách nhiệm về công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh trong phạm vi ngành mình. Trong Đảng, thì đảng đoàn có trách nhiệm trước Trung ương; về mặt chính quyền, thì bộ có trách nhiệm trước Chính phủ. Nhiệm vụ và quyền hạn của các ngành ở Trung ương có liên quan đến công tác cải tạo này

là: nắm tình hình; giúp Trung ương nghiên cứu bổ sung các chính sách cần thiết và xây dựng kế hoạch cải tạo thuộc ngành mình; hướng dẫn cấp dưới xây dựng kế hoạch cải tạo của địa phương và hướng dẫn về mặt nghiệp vụ; kiểm tra đôn đốc cấp dưới trong việc thực hiện chính sách và kế hoạch cải tạo của Trung ương và của cấp uỷ đảng địa phương.

Các ngành chuyên môn cấp dưới khi nhận được chỉ thị của ngành chuyên môn cấp trên về công tác cải tạo đều phải báo cáo với cấp uỷ và uỷ ban hành chính cấp mình để thống nhất sự lãnh đạo vào cấp uỷ và uỷ ban hành chính.

Để làm nhiệm vụ nói trên, các ngành ở Trung ương có liên quan đến công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh, như nội thương, ngoại thương, giao thông, văn hoá, ngân hàng, tài chính, công nghiệp, y tế, giáo dục, nông - lâm, kiến trúc, công an, mặt trận, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, thanh niên, phụ nữ, tuyên huấn, tổ chức... tùy theo khối lượng công tác của mỗi ngành, mà phân công cán bộ phụ trách và tổ chức bộ máy chuyên trách.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 146-CT/TW, ngày 4-7-1959

Về kế hoạch chỉnh huấn cán bộ, đảng viên

I

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14 đã vạch rõ: "nhiệm vụ cơ bản của chúng ta ở miền Bắc là phải đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm trước mắt là đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh, đồng thời phải ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, là lực lượng lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Trong khi tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải kiên quyết đập tan mọi âm mưu phá hoại của bọn phản cách mạng".

Hội nghị Trung ương lần thứ 15 lại vạch rõ nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân ta hiện nay là: "Đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh để giữ vững hoà bình; thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ; hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước; ra sức củng cố miền Bắc và đưa miền Bắc tiến lên

chủ nghĩa xã hội; xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh; tích cực góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới".

Yêu cầu phát triển khách quan đó của cách mạng đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải có những nhận thức căn bản, rõ ràng về đường lối, chính sách của Đảng, phải có thái độ dứt khoát đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân để tích cực, chủ động đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, và cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà; phát huy hơn nữa tinh thần lao động quên mình, quyết tâm gian khổ phấn đấu không ngừng tiến lên, xác lập nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa và cải tiến tác phong công tác cho phù hợp với tình hình mới, để giành những thắng lợi lớn hơn nữa trong sự nghiệp cách mạng.

Vì vậy, việc không ngừng tăng cường giáo dục cán bộ, đảng viên là một điều rất bức thiết hiện nay.

Từ lâu, Trung ương đã nhận định rằng cán bộ, đảng viên của Đảng ta căn bản là tốt, đại đa số cán bộ, đảng viên đã được rèn luyện trong cuộc đấu tranh chống đế quốc, phong kiến, luôn luôn giữ được phẩm chất tốt đẹp của người cách mạng, một lòng một dạ trung thành với sự nghiệp cách mạng, kiên quyết chấp hành đường lối, chính sách của Đảng; đó là mặt ưu điểm, mặt bản chất của cán bộ, đảng viên ta. Nhưng mặt khác cần nhận rõ: Đảng ta sinh trưởng trong một nước thuộc địa và nửa phong kiến, phần lớn đảng viên xuất thân từ các thành phần không phải vô sản, chủ yếu là nông dân, tiểu tư sản, đảng viên thành phần công nhân chiếm tỷ lệ rất ít, đa số đảng viên vào Đảng với ý thức cách mạng dân tộc dân chủ. Vì vậy, khi bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa,

đứng trước những biến đổi của cách mạng, đứng trước những khó khăn trong công tác của Đảng, đứng trước sức tấn công của kẻ thù, nhiều cán bộ, đảng viên vì chưa được giác ngộ hoặc giác ngộ chưa đầy đủ về cách mạng xã hội chủ nghĩa, cho nên có nhiều nhận thức lệch lạc về một số vấn đề căn bản của cách mạng, lập trường giai cấp có lúc tỏ ra không vững, ý chí đấu tranh có khi bị giảm sút. Trong thời gian vừa qua, do sự giáo dục tích cực của Đảng, và sự cố gắng của mỗi đồng chí, do những biến đổi thuận lợi trên thế giới và trong nước, tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên đã có nhiều chuyển biến tốt: tư tưởng bị quan, hoang mang, dao động khoảng cuối năm 1956 và 1957 đã được khắc phục; nói chung, cán bộ, đảng viên đã có những nhận thức bước đầu về cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhiều nhận thức lệch lạc đã được sửa chữa, hiện tượng tự do, vô tổ chức giảm đi nhiều, đoàn kết nội bộ được tăng cường hơn nhiều so với lúc bắt đầu sửa sai, tinh thần phấn khởi cách mạng của cán bộ đương có đà phát triển. Về mặt tác phong lãnh đạo cũng có chuyển biến tốt: các cấp đã bắt đầu đi sâu vào lãnh đạo kinh tế, lãnh đạo sản xuất, nhiều cán bộ đã chú ý đi xuống thực tế bên dưới, đi xuống quần chúng. Đó là những tiến bộ về tư tưởng, tác phong của cán bộ, đảng viên. Khi đánh giá cán bộ, phải nhận rõ những tiến bộ về tư tưởng của cán bộ, đảng viên, phải nhận thấy mặt tốt của cán bộ, đảng viên là căn bản.

Nhưng mặt khác, cũng phải thấy rằng những tiến bộ nói trên chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển của tình hình hiện nay, trong cán bộ và đảng viên vẫn đương tồn tại một số vấn đề về mặt *lập trường, tư tưởng, tác phong* không phù hợp với lập trường, tư tưởng, tác phong của Đảng. Hiện nay về mặt *lập trường, đường lối*, vẫn còn một số không ít cán bộ, đảng

viên chưa nhận thức đầy đủ và đúng đắn một số vấn đề căn bản của cách mạng, chủ yếu là vấn đề thái độ của Đảng đối với các giai cấp, các tầng lớp ở miền Bắc, ý thức cảnh giác cách mạng chưa đầy đủ. Trong khi thực hiện chính sách của Đảng, chủ yếu là chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa, một số cán bộ, đảng viên thường mắc những lệch lạc "tả" hoặc hữu. Có cán bộ, đảng viên vẫn chưa xác định thái độ và lập trường đúng đắn đối với công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa: bên cạnh nhiều đảng viên ở nông thôn tích cực tham gia hợp tác xã, hầy còn một bộ phận đảng viên do dự, chờ đợi, chưa tỏ rõ tính chất tiên phong của người đảng viên; nhiều cán bộ, đảng viên rất phấn khởi đối với công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tích cực động viên, thuyết phục gia đình đi vào con đường xã hội chủ nghĩa, nhưng vẫn còn một số ít cán bộ, đảng viên chưa xác định thái độ dứt khoát đối với con đường xã hội chủ nghĩa, còn có những tính toán và hành động trái với chính sách của Đảng; thậm chí có một số ít cán bộ, đảng viên còn chạy theo con đường bóc lột. Trong các ngành kinh tế, tài chính, văn hoá, giáo dục, có nhiều đồng chí vẫn chưa phân rõ ranh giới giữa đường lối, quan điểm vô sản và đường lối, quan điểm tư sản. Về mặt *ý thức tư tưởng*, trong cán bộ, đảng viên, *chủ nghĩa cá nhân* vẫn tồn tại tương đối phổ biến, có điều là đối với từng người cụ thể, từng loại cán bộ cụ thể, biểu hiện và mức độ có khác nhau. Nhưng biểu hiện tương đối phổ biến là: suy bì đả ngộ, lo lắng tiền đồ, địa vị cá nhân, ngại khó, ngại khổ; kiêu ngạo tự cao tự đại, kém ý thức tập thể, ý thức dân chủ... Các đợt giáo dục trước đây, tuy có đạt được ít nhiều kết quả, chủ nghĩa cá nhân tuy tạm thời bị đẩy lùi, nhưng việc phê phán chủ nghĩa cá nhân chưa được tiến

hành một cách tích cực, cho nên khi có điều kiện, chủ nghĩa cá nhân lại bộc lộ ra với những biểu hiện mới. Chủ nghĩa cá nhân chính là một trong những nguyên nhân chủ yếu đương kim hãm nhiệt tình cách mạng của nhiều cán bộ, đảng viên. Ở các vùng dân tộc thiểu số, tư tưởng dân tộc lớn và tư tưởng dân tộc hẹp hòi vẫn còn tồn tại trong một số cán bộ, đảng viên, ảnh hưởng không tốt đến sự đoàn kết trong Đảng và trong các dân tộc. Về mặt *tác phong công tác*, tác phong lãnh đạo của các cấp uỷ, trong thời gian gần đây đã có chuyển biến, cán bộ lãnh đạo đã xuống cơ sở kiểm tra tình hình, chỉ đạo thực hiện chính sách. Nhưng bệnh quan liêu vẫn còn nghiêm trọng và phổ biến. Cán bộ các cấp tuy có xuống dưới nhưng chưa thực sự đi sâu đi sát, điều tra nghiên cứu vấn đề, lắng nghe ý kiến quần chúng.

Qua sự phân tích nói trên, chúng ta thấy nổi bật lên một mâu thuẫn: *Mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển của cách mạng, với trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tức lập trường tư tưởng, tác phong công tác của cán bộ.*

Đấu tranh để giải quyết mâu thuẫn đó là một trong những biện pháp tích cực nhất để đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng hiện nay, tạo điều kiện tốt cho việc hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch ba năm, mở ra cho phong trào cách mạng những khả năng mới và triển vọng mới.

Để thực hiện cuộc đấu tranh đó, ngoài những biện pháp công tác tư tưởng vẫn làm hàng ngày, cần có một cuộc vận động phê bình và tự phê bình tương đối rộng lớn và sâu sắc hơn các kỳ học tập trước. Vì vậy, *Trung ương quyết định tổ chức một đợt chỉnh huấn ngắn ngày cho tất cả cán bộ, đảng viên trong các cơ quan đảng và nhà nước, cán bộ và chiến sĩ trong quân đội, cán bộ và đảng viên ở nông thôn.*

II

Mục đích chung trong đợt chỉnh huấn là: tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập Nghị quyết của các cuộc Hội nghị Trung ương lần thứ 14, 15, 16, làm cho mỗi người thấm nhuần đường lối, chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đường lối đấu tranh hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước. Dựa vào tinh thần các nghị quyết nói trên, tiếp tục đấu tranh thực hiện phương châm công tác tư tưởng: chống tư tưởng tư sản, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng đế quốc và phong kiến, nâng cao hơn nữa ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa và tinh thần yêu nước, củng cố lập trường giai cấp, nâng cao chí khí phấn đấu, tinh thần cảnh giác cách mạng, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần đoàn kết nhất trí của cán bộ, đảng viên, làm cho mọi người phấn khởi, đem hết nhiệt tình cách mạng và sức lao động sáng tạo của mình góp phần vào sự nghiệp cách mạng.

Yêu cầu cụ thể là:

1. Về mặt lập trường, giáo dục cho cán bộ, đảng viên nhận thức đúng đắn những vấn đề căn bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cuộc đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, phân rõ ranh giới giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, nhận rõ ta, bạn, địch, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, xác định thái độ của mỗi đảng viên đối với công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, kiên quyết thực hiện đường lối, chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đường lối đấu tranh thực hiện thống nhất

nước nhà, chủ yếu là quán triệt đường lối giai cấp của Đảng trong việc nhận thức và chấp hành các đường lối, chính sách đó. Riêng cán bộ miền núi ở những nơi chưa hoàn thành cải cách dân chủ, thì ngoài yêu cầu nói trên, cần chú ý phân rõ ranh giới giữa nhân dân và phong kiến địa chủ, và quán triệt chính sách dân tộc của Đảng trong mọi mặt công tác. Ngoài việc phân rõ hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trên những vấn đề căn bản, các ngành có điều kiện có thể kết hợp giải quyết bước đầu vấn đề phân rõ ranh giới giữa hai đường lối, quan điểm trong ngành mình, xác định đường lối, quan điểm vô sản, phê phán đường lối quan điểm tư sản. Việc đặt yêu cầu này phải dựa vào tình hình cụ thể của từng ngành.

2. Phê phán chủ nghĩa cá nhân, chủ yếu là tư tưởng suy bì đãi ngộ, lo lắng tiền đồ, địa vị cá nhân, ngại khó, ngại khổ, lãng phí tham ô, thiếu tinh thần trách nhiệm, kiêu ngạo, tự cao tự đại, coi thường tập thể, coi thường tổ chức..., bồi dưỡng tinh thần phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, tinh thần trách nhiệm, tinh thần đoàn kết, ý thức tổ chức và kỷ luật trong cán bộ, đảng viên. Riêng cán bộ ở các vùng dân tộc thiểu số, cần chú ý phê phán tư tưởng dân tộc lớn và tư tưởng dân tộc hẹp hòi.

3. Trong cán bộ, chủ yếu là cán bộ lãnh đạo, cần khắc phục tác phong quan liêu, xa quần chúng, xa thực tế, tác phong không đi sâu đi sát, xây dựng tác phong điều tra nghiên cứu, đi đường lối quần chúng.

Riêng cán bộ xã và đảng viên nông thôn, cần nhận thức khái quát toàn bộ nhiệm vụ, đường lối cách mạng của Đảng và lấy vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp làm trọng tâm, giáo dục đảng viên hiểu rõ sự tất yếu và tính hơn hẳn của hợp tác

hoá, thấm nhuần đường lối, chính sách hợp tác hoá, xác định dứt khoát đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, từ bỏ con đường làm ăn riêng lẻ, kiên quyết thực hiện đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn, gương mẫu tiến lên hàng đầu, không tụt lại sau quần chúng.

Tóm lại, thông qua đợt chỉnh huấn, củng cố thêm một bước lập trường, nâng cao thêm một bước tư tưởng, tác phong của cán bộ, đảng viên, tăng cường đoàn kết trong Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng, làm cho cán bộ, đảng viên thêm phấn khởi, tin tưởng, tích cực hoàn thành nhiệm vụ của Đảng giao cho.

Trên đây là mục đích, yêu cầu chung của chỉnh huấn, các cấp, các ngành, các địa phương cần căn cứ vào yêu cầu chung, căn cứ vào tình hình cụ thể và căn cứ vào đặc điểm từng loại cán bộ, đảng viên mà quy định yêu cầu cụ thể.

Tài liệu học tập trong đợt chỉnh huấn này là: Nghị quyết của các cuộc Hội nghị Trung ương lần thứ 14, 15, 16, bài "Đạo đức cách mạng" của đồng chí Trần Lực¹⁾. Các tài liệu tham khảo cần thiết sẽ do Ban Chỉnh huấn Trung ương quy định.

III

Trong việc tiến hành và lãnh đạo chỉnh huấn, các cấp, các ngành cần quán triệt mấy điểm căn bản sau đây:

1. Các cấp uỷ, đảng đoàn phải thực sự lãnh đạo chỉnh huấn. Phải phát huy tác dụng lãnh đạo của chi bộ. Các đồng chí phụ trách các cấp, các ngành một mặt phải lãnh

1) Trần Lực: Bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (B.T).

đạo, một mặt phải thực sự tham gia học tập, có tác dụng gương mẫu đối với cán bộ, đảng viên trong quá trình học tập, nhất là trong việc kiểm tra, phân tích ưu điểm, khuyết điểm của mình về mặt lập trường, tư tưởng, tác phong trong thời gian qua.

2. Phải nhận rõ đợt chỉnh huấn này nhằm giải quyết những vấn đề tư tưởng và tác phong sai lầm trong cán bộ, đảng viên, cho nên phải dùng *phương pháp thảo luận dân chủ, phê bình, tự phê bình*, dựa trên cơ sở vạch rõ đúng sai để mọi người tự giác vứt bỏ tư tưởng sai lầm của mình tiếp thu chân lý. Phải quán triệt tinh thần căn bản của phê bình là: *xuất phát từ đoàn kết, phê bình để đi đến đoàn kết, trên một cơ sở mới cao hơn*.

3. *Học lý luận phải gắn chặt với thực tế*. Báo cáo, thảo luận, cần liên hệ với thực tế xã hội, thực tế nhận thức tư tưởng của cán bộ, đảng viên. Không nên nói lý luận trừu tượng, sách vở. Phải thực hiện *"học phải đi đôi với hành"*. Một khuyết điểm trong các đợt học tập trước là phần đông cán bộ, nhân viên tự phê bình và phê bình, góp ý kiến nhiều, nhưng việc sửa chữa sai lầm để cải tiến công tác không được quan tâm đúng mức. Mỗi đồng chí, sau khi học tập và ngay trong khi học tập, phải kiên quyết sửa chữa sai lầm của mình. Các đồng chí lãnh đạo học tập, các ngành, các cơ quan cần nghiên cứu ý kiến phê bình của cán bộ, nhân viên, nhận định cái nào đúng, cái nào sai, nói rõ cái nào có thể sửa được ngay, cái nào có thể sửa dần dần. Sau khi chỉnh huấn, phải có những biện pháp cụ thể để cải tiến công tác của từng ngành; đưa cán bộ đi tham gia các phong trào cải tạo xã hội chủ nghĩa, tham gia các cuộc vận động ở ngoài xã hội để rèn luyện thêm lập trường, tư tưởng, tác phong.

4. Phải quán triệt *đường lối quần chúng*, mạnh dạn phát huy tự do tư tưởng, dân chủ thảo luận của cán bộ, đảng viên trong quá trình chỉnh huấn. Dựa vào quần chúng (cán bộ, nhân viên) để phát hiện vấn đề, nêu vấn đề, dùng *phương pháp mọi người biện luận* để làm rõ đúng sai đối với các vấn đề đã nêu ra, thu hút mọi người vào việc phân tích, phê phán, đấu tranh với những quan điểm sai lầm, phát động cán bộ, nhân viên tham gia ý kiến cải tiến chế độ công tác và lề lối làm việc.

5. Cần phải dựa trên cơ sở phân rõ đúng, sai mà phê phán tư tưởng, tránh lối phê bình đả kích, chụp mũ. Cần chú ý là trong khi phân rõ đúng, sai có thuận lợi nhưng cũng có khó khăn: thuận lợi là hiện nay Trung ương đã có những nghị quyết về nhiệm vụ và đường lối cách mạng, chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa, đó là căn cứ để phân rõ đúng, sai; nhưng mặt khác phải thấy cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của ta mới tiến hành trong một thời gian ngắn, có một số vấn đề lớn về thực tiễn cách mạng chưa được nghiên cứu đầy đủ, có một số chính sách cụ thể chưa được quy định, và ngay trong việc chấp hành chính sách, ngoài các vấn đề đã rõ, có một số vấn đề chưa có kết luận thế nào là sai, thế nào là đúng, vì chưa tổng kết. Cho nên trong khi chỉnh huấn, phải rõ tình hình ấy, tránh truy, chụp bừa bãi. Mặt khác, phải đề phòng khuynh hướng vin vào một số vấn đề chưa có kết luận, hoặc Trung ương chậm đề ra chính sách cụ thể để che lấp những sai lầm đã rõ ràng. Khi phê phán tư tưởng của cán bộ, phải có quan điểm toàn diện, phê phán khuyết điểm nhưng đồng thời nói rõ ưu điểm, đánh giá tư tưởng hiện nay, nhưng đồng thời phải xét cả quá trình vừa qua, v.v.. Thái độ phê bình và tự phê bình là: một mặt phải thân ái và thành thật,

giúp đỡ đồng chí, làm cho người được phê bình tự giác, phấn khởi tiếp thu ý kiến phê bình, nhưng mặt khác phải có thái độ nghiêm chỉnh trong khi tự phê bình và phê bình.

6. Phải nắm vững yêu cầu của kỳ chỉnh huấn này để *quy định nội dung và phạm vi kiểm thảo tư tưởng*. Kỳ chỉnh huấn này không đặt vấn đề kiểm tra lịch sử, mà chỉ kiểm tra về công tác và tư tưởng, nhằm củng cố lập trường, nâng cao tư tưởng, cải tiến tác phong. Không nhất thiết phải kiểm thảo một cách có hệ thống, chủ yếu là dựa vào kết quả học tập mà kiểm điểm xem trong thời gian qua (từ khi hòa bình được lập lại, chủ yếu là từ cuối năm 1956 trở lại đây) có những ưu điểm và khuyết điểm gì về mặt nhận thức, lập trường, tư tưởng và tác phong.

IV

Về mặt tổ chức, Trung ương quy định một số điểm cụ thể như sau:

1. Đợt chỉnh huấn này nhằm giáo dục cán bộ, đảng viên trong Đảng. Đối với các đảng phái dân chủ, các nhân sĩ, cán bộ, nhân viên ngoài Đảng, nếu tự nguyện tham gia chỉnh huấn, các cấp uỷ cần phải tích cực giúp đỡ tổ chức cho anh chị em đó học tập.

2. Kế hoạch chỉnh huấn cán bộ, đảng viên ở các cơ quan chia làm hai đợt:

Đợt thứ nhất: Trung ương triệu tập Hội nghị phổ biến kế hoạch chỉnh huấn vào khoảng giữa tháng 6-1959 nhằm giúp cho các ngành, các địa phương nắm được mục đích, nội dung, phương châm, phương pháp chỉnh huấn. Sau đó, các bộ, các ban ở trung ương, các thành uỷ, khu uỷ, tỉnh uỷ triệu tập lớp

chỉnh huấn cho cán bộ lãnh đạo. Lớp của các ban, các bộ gồm: đồng chí trung ương phụ trách trực tiếp ngành đó, các đồng chí trong đảng đoàn, giám đốc và phó giám đốc, trưởng phòng, phó phòng và cán bộ nghiên cứu trình độ tương đương. Lớp do thành uỷ, khu uỷ, tỉnh uỷ triệu tập gồm: các đồng chí cấp uỷ, các đồng chí phụ trách các ngành xung quanh tỉnh, thành, mỗi huyện từ hai đến ba đồng chí huyện uỷ viên.

Đợt thứ hai: các ngành, các địa phương mở rộng việc chỉnh huấn cho cán bộ sơ cấp, nhân viên. Các huyện uỷ tổ chức chỉnh huấn cho các đồng chí huyện uỷ viên, cán bộ xung quanh huyện, và mỗi xã từ hai đến ba chi uỷ viên.

Riêng việc chỉnh huấn cho đảng viên ở nông thôn sẽ tiến hành sau vụ cấy mùa. Đối với cán bộ, đảng viên các xí nghiệp, đang tham gia cuộc vận động cải tiến quản lý xí nghiệp, thì khi nào kết thúc cuộc vận động cải tiến quản lý xí nghiệp sẽ tuỳ tình hình mà quyết định việc chỉnh huấn.

3. Căn cứ vào yêu cầu, nội dung chỉnh huấn lần này và tình hình công tác hiện nay, đợt chỉnh huấn nên làm *ngắn ngày và gọn*. Các cấp, các ngành căn cứ vào yêu cầu chỉnh huấn, tình hình công tác nơi mình mà quyết định hình thức chỉnh huấn tập trung hoặc chỉnh huấn tại chức. Thời gian chỉnh huấn tại chức: mỗi tuần sáu buổi: ba buổi vào giờ chuyên môn, ba buổi tối. Thời gian chỉnh huấn tập trung là: 20 ngày. Thời gian chỉnh huấn bắt đầu từ tháng 7 năm 1959 đến hết tháng 8 năm 1959 các địa phương, các ngành phải hoàn thành về căn bản công tác chỉnh huấn cho cán bộ (ở trung ương các cán bộ trình độ trưởng phòng và phó phòng trở lên, các tỉnh cán bộ trình độ huyện uỷ viên trở lên).

Đợt chỉnh huấn này tiến hành trong lúc các cấp và các ngành phải lãnh đạo toàn dân làm rất nhiều công tác, cho

nên chúng ta gặp mâu thuẫn là: một mặt phải hoàn thành tốt các công tác, một mặt phải đảm bảo chỉnh huấn tốt để thúc đẩy mọi mặt công tác tiến lên. Để giải quyết mâu thuẫn đó, các cấp, các ngành cần động viên cán bộ, nhân viên cố gắng đảm bảo công việc tiến hành đều, hăng hái phấn khởi tham gia chỉnh huấn. Mặt khác, phải tùy tình hình từng nơi mà áp dụng hình thức học tập, thời gian học tập, chế độ học tập cho thật hợp lý. Tuyệt đối không đóng cửa để chỉnh huấn, nhất là các cơ quan như bệnh viện, bưu điện, v.v.. Ngành nào có điều kiện tập trung cán bộ, nhân viên chỉnh huấn theo từng đợt thì những cán bộ, nhân viên chưa đến lượt đi học tập chỉnh huấn phải bảo đảm làm thay công tác của cán bộ, nhân viên đi học. Phải thực hiện bằng được khẩu hiệu: *vừa công tác tốt, vừa chỉnh huấn tốt*.

4. Các cấp uỷ, các ngành cần thành lập Ban Chỉnh huấn. Ban này có nhiệm vụ giúp cấp uỷ lãnh đạo công tác chỉnh huấn. Ban Chỉnh huấn của Trung ương gồm có các đồng chí sau đây:

- Trường Chinh,	- Xuân Thuỷ,
- Nguyễn Chí Thanh,	- Nguyễn Chương,
- Tố Hữu,	- Trần Tổng,
- Hoàng Anh,	- Vũ Dương.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 147-CT/TW, ngày 11-7-1959

Về việc tăng cường lãnh đạo công tác củng cố và mở mang miền Tây các tỉnh Liên khu IV cũ

I- CẦN NHẬN THỨC ĐÚNG ĐẮN VỊ TRÍ QUAN TRỌNG CỦA MIỀN TÂY

Miền Tây các tỉnh Liên khu IV cũ, gồm những địa phương khá rộng, nói chung dân cư thưa thớt và thuộc nhiều dân tộc. Miền Tây có những tài nguyên phong phú hiện chưa phát hiện đầy đủ, lại có biên giới dài giáp với nước Lào.

Đứng về nhiệm vụ củng cố miền Bắc, thực hiện chính sách dân tộc, phát triển kinh tế, cũng như tăng cường quốc phòng, miền Tây có một vị trí rất quan trọng.

Trong thời gian qua, công tác miền Tây đã có những tiến bộ nhất định. Nhưng những tiến bộ ấy còn rất kém so với yêu cầu của nhiệm vụ củng cố và mở mang miền Tây. Các mặt kinh tế, văn hoá - phát triển chậm; trình độ giác ngộ của nhân dân còn thấp; cơ sở đảng và chính quyền nhiều nơi còn yếu, nhất là ở một số vùng cao.

Hiện nay, tình hình chính trị ở Lào đang có những biến chuyển; cuộc vận động cách mạng của nhân dân Lào đang có

những tiến triển mới. Bọn đế quốc và tay sai ở Lào đang trắng trợn phá hoại Hiệp nghị Giơnevơ, gây ra nội chiến ở Lào, hòng biến nước Lào thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ. Tình hình đó đòi hỏi chúng ta càng phải tăng cường lãnh đạo đối với công tác miền Tây.

Các cấp uỷ, các ngành cần có nhận thức đầy đủ đối với nhiệm vụ củng cố và mở mang miền Tây, tích cực tăng cường lãnh đạo, xúc tiến công tác ở miền Tây một cách toàn diện, có kế hoạch trước mắt và lâu dài; và ra sức thực hiện kế hoạch đó với một tinh thần khẩn trương hơn, quyết tâm vượt mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

II- CẦN CÓ KẾ HOẠCH Củng Cố và Mở Mang Miền Tây Một Cách Toàn Diện, Trước Mắt Đặc Biệt Chú Trọng Đẩy Mạnh Cuộc Vận Động Hợp Tác Hoá và Tăng Gia Sản Xuất, Phát Triển Giao Thông Vận Tải, Đồng Thời Cần Nghiên Cứu Có Kế Hoạch Củng Cố và Mở Mang Miền Tây Một Cách Lâu Dài

Nói chung, nhiệm vụ củng cố và mở mang miền Tây hiện nay phải căn cứ vào đường lối đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, vào các phương hướng lớn của kế hoạch nhà nước 3 năm. Để xúc tiến công tác một cách tích cực, khẩn trương hơn, các Tỉnh uỷ cần đẩy mạnh cuộc vận động hợp tác hoá và tăng gia sản xuất, tuỳ theo tình hình cụ thể từng địa phương mà kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ; cần nghiên cứu, kiểm tra lại nội dung kế hoạch 3 năm của địa phương đối với miền Tây để kịp thời bổ sung những mặt còn thiếu và đặt vấn đề cho đúng với vị trí quan trọng của nó, chú trọng cả các mặt kinh

tế, giao thông, quân sự, văn hoá, xã hội. Sau khi địa phương nghiên cứu, bổ sung, cần báo cáo Trung ương để Trung ương có chỉ thị.

Đồng thời các địa phương cần phải tích cực điều tra nghiên cứu về tình hình miền Tây để đề ra kế hoạch củng cố và mở mang miền Tây trong 5 năm 1961-1965 và lâu dài sau này.

III- KỊP THỜI TĂNG CƯỜNG BỘ MÁY CHỈ ĐẠO MIỀN TÂY

Để các tỉnh uỷ và uỷ ban hành chính tỉnh lãnh đạo và chỉ đạo được chặt chẽ, sát đúng và kịp thời công tác miền Tây trong địa phương, cần phải có một tổ chức có quyền hạn rõ ràng, có nhiệm vụ giúp tỉnh uỷ và uỷ ban hành chính tỉnh và trực tiếp chỉ đạo công tác này.

- *Ở Thanh Hoá - Nghệ An*

Về mặt đảng: Tổ chức "Ban chỉ đạo miền Tây" gồm một số tỉnh uỷ viên và một số cán bộ có năng lực, am hiểu tình hình miền Tây, có nhiệm vụ:

+ Giúp đỡ tỉnh uỷ nghiên cứu tình hình, chính sách, chủ trương công tác ở miền Tây.

+ Trong phạm vi các vấn đề Trung ương đã có chủ trương, chính sách và tỉnh uỷ đã quyết nghị, chỉ thị, Ban này chỉ đạo cụ thể cho cấp dưới thực hiện, trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể với các huyện địa phương, và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện.

+ Đào tạo cán bộ dân tộc, v.v..

Về mặt chính quyền:

Tỉnh Thanh Hoá cần kiện toàn Uỷ ban hành chính thượng du.

Tỉnh Nghệ An thành lập Ban đại diện Uỷ ban hành

chính tỉnh ở miền Tây. Các tổ chức này do một đồng chí phó chủ tịch trực tiếp phụ trách, để giải quyết kịp thời mọi công việc hành chính.

Ban chỉ đạo miền Tây và Ủy ban hành chính miền Tây (Thanh Hoá) hay là Ban đại diện Ủy ban hành chính tỉnh ở miền Tây (Nghệ An) cần có một số cán bộ có năng lực giúp việc và vận dụng các ngành có nhiệm vụ trực tiếp đối với miền Tây để chỉ đạo mọi mặt công tác được tốt.

Ở Hà Tĩnh, Quảng Bình, Vĩnh Linh:

Không tổ chức bộ máy công tác riêng ở miền Tây, nhưng tỉnh uỷ và uỷ ban hành chính tỉnh cần phân công cho một cấp uỷ viên là uỷ viên uỷ ban hành chính chuyên trách nghiên cứu theo dõi và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các công tác ở miền Tây, đồng thời cần tăng cường thêm cán bộ cho các địa phương ở miền Tây.

Tiếp Chỉ thị này, các tỉnh cần có kế hoạch thi hành kịp thời và báo cáo cho Trung ương biết.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 145-CT/TW, ngày 13-7-1959

Về việc tiếp tục đẩy mạnh phong trào đấu tranh chống Mỹ – Diệt nhân ngày 20-7 (ngày Việt Nam)

(kèm Công văn số 837, ngày 15-7-1959

bổ sung thêm một số khẩu hiệu)

I

1. Hiện nay, phong trào chống Mỹ lên mạnh và đều khắp trên thế giới: chống Mỹ chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh nguyên tử, lập căn cứ tên lửa và can thiệp vào nội bộ các nước; đòi hợp hội nghị cấp cao nhất để giải quyết những vấn đề quốc tế cấp bách. Phong trào bảo vệ độc lập dân tộc, chống can thiệp Mỹ và phe lũ đế quốc ở châu Á, châu Phi ngày càng thêm phát triển. Nhân dân Triều Tiên và nhân dân Đức đang anh dũng đấu tranh đòi thống nhất Tổ quốc. Nhân dân Nhật Bản, nhân dân châu Mỹ latinh đấu tranh chống Mỹ và những chính phủ tay sai thân Mỹ ngày càng mạnh. Nhìn chung, phong trào hoà bình và phong trào độc lập dân chủ phát triển nhịp nhàng. Phe xã hội chủ nghĩa lớn mạnh nhanh chóng. Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ngày càng bị cô lập. Mâu thuẫn trong phe đế quốc càng thêm sâu sắc.

2. Phong trào của nhân dân thế giới ủng hộ ta, kịch liệt

lên án những hành động khủng bố phát xít của chính quyền miền Nam, nhất là phản đối vụ thảm sát Phú Lợi đang phát triển rộng rãi ở nhiều nước và hiện nay đang tiếp tục lan rộng. Bộ mặt độc ác, ghê tởm của Mỹ – Diệm càng ngày càng bị vạch trần trước dư luận thế giới. Phong trào nhân dân thế giới ủng hộ ta đấu tranh thống nhất nước nhà theo tinh thần Hiệp nghị Giơnevơ cũng được mở rộng hơn trước nhiều. Từ Hội nghị Loke, Hội nghị các luật gia dân chủ thế giới đến Hội nghị hoà bình ở Xtốckhôm vừa rồi đã có những quyết nghị nhiệt liệt ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta và biểu dương phong trào hoà bình miền Nam. Ngày 4-7 vừa qua, Ban Thư ký Hội đồng đoàn kết nhân dân Á - Phi đã kêu gọi lấy ngày 20-7 làm “ngày Việt Nam”. Những quyết nghị trên đây là một cổ vũ rất lớn đối với nhân dân ta.

Chúng ta đã tranh thủ được sự đồng tình rộng rãi như thế là do sức đoàn kết đấu tranh bền bỉ của nhân dân ta, sự ủng hộ nhiệt tình của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của nhân dân các nước bạn Á - Phi và nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới. Những thắng lợi đó cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân ta, là nhân tố rất quan trọng tạo nhiều thuận lợi cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

3. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai chưa chịu chùn bước. Chúng đang ra sức phá hoại Hội nghị các ngoại trưởng và ngăn trở việc triệu tập hội nghị cấp cao nhất, đang cố sức gây tình hình căng thẳng, trong lúc tình hình thế giới nhìn chung đang có xu hướng hoà hoãn. Đáng chú ý nhất là ở Đông Nam Á, đặc biệt là ở miền Nam nước ta, đế quốc Mỹ đang tích cực hoạt động, gây tình hình căng thẳng hơn trước, xúc tiến thành lập các liên minh quân sự giữa miền Nam với Lào, Thái, Mã Lai, âm mưu dùng các liên minh tay đôi, tay ba

ấy cột chặt miền Nam vào liên minh quân sự Đông Nam Á.

Đế quốc Mỹ trắng trợn đưa thêm hàng ngàn tấn vũ khí vào miền Nam; nhân viên quân sự và tướng tá Mỹ liên tiếp tới Sài Gòn; mối dây giữa Mỹ và Diệm lại ký kết đặt cơ sở nguyên tử, ráo riết bắt lính, bắt phu, mở đường giao thông chiến lược, xây dựng sân bay và căn cứ quân sự, v.v.. Những hành động ấy tỏ rõ đế quốc Mỹ đang ráo riết biến miền Nam nước ta thành căn cứ quân sự chuẩn bị chiến tranh, ngăn trở công cuộc thống nhất nước nhà của nhân dân ta, đe dọa sự nghiệp xây dựng hoà bình ở miền Bắc, đe dọa nền hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới. Việc chúng mưu toan tiêu diệt các lực lượng Pathét Lào, gây ra nội chiến ở Lào hiện nay cũng nằm trong âm mưu của chúng chuẩn bị căn cứ chiến tranh, uy hiếp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa gây nên tình hình căng thẳng ở khu vực Đông Nam Á.

Để thực hiện âm mưu sâu độc của chúng, đế quốc Mỹ và bè lũ Ngô Đình Diệm đã và đang tăng cường khủng bố điên cuồng đồng bào ta ở miền Nam. Sau vụ Phú Lợi, chúng tiếp tục dùng quân đội chính quy kết hợp với các lực lượng khác, mở rộng càn quét khắp miền Nam, bắn giết hàng loạt, rất dã man tàn bạo. Chúng ban hành đạo luật phát xít 10-1959, mở những toà án quân sự đặt biệt, hàng ngày giết người, đốt nhà, cướp của, gây nên tình hình hết sức căng thẳng uy hiếp nghiêm trọng đời sống của đồng bào ta ở miền Nam.

4. Ở miền Nam, từ vụ Phú Lợi đến nay, phong trào đấu tranh của đồng bào ta đã có một bước tiến rất đáng kể với nhiều hình thức phong phú, linh hoạt và ngày càng có đông đảo quần chúng tham gia, từ công nhân nông dân đến các tầng lớp trí thức và tư sản dân tộc. Phong trào đang tiếp tục tiến lên, làm cho Mỹ – Diệm ngày càng bị cô lập, lúng túng.

Cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống Mỹ – Diệm ở miền Nam đang diễn ra hết sức gay go và phức tạp.

Ở miền Bắc, qua đợt phát động đấu tranh chống Mỹ từ năm ngoái tới nay, nhất là từ phong trào chống vụ thảm sát Phú Lợi, ý thức chống Mỹ – Diệm trong đồng bào miền Bắc ngày càng ăn sâu lan rộng. Nhân dân đã biến căm thù thành hành động cụ thể xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội; đó là một điều rất tốt đối với vấn đề củng cố miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà, nhưng phong trào còn có những nhược điểm và khuyết điểm cần phải khắc phục kịp thời. Về tư tưởng, trong một số cán bộ và nhân dân, có ít nhiều lệch lạc hoặc nôn nóng, chủ quan hoặc bi quan, thiếu tin tưởng, trước âm mưu hành động của địch hiện nay.

II

Căn cứ vào tình hình trong nước và ngoài nước hiện nay, dựa vào những thắng lợi đã thu được, Trung ương quyết định *tiếp tục đẩy mạnh phong trào chống Mỹ - Diệm, khắp toàn miền Bắc trong dịp 20-7 này để đưa phong trào chống Mỹ - Diệm ở nước ta lên một bước mới, rộng rãi và sâu sắc hơn từ trước tới nay*, nhằm vạch trần tội ác Mỹ – Diệm, cổ vũ mạnh mẽ phong trào đoàn kết đấu tranh chống Mỹ – Diệm ở miền Nam để củng cố và mở rộng hơn nữa Mặt trận đấu tranh chống Mỹ – Diệm, làm cho Mỹ – Diệm bị cô lập và khó khăn hơn nữa; củng cố lập trường và nâng cao hơn nữa ý chí đấu tranh cách mạng của cán bộ và nhân dân miền Bắc, căm thù sâu sắc Mỹ – Diệm và phối hợp đấu tranh với đồng bào miền Nam, biến căm thù thành hành động xây dựng miền Bắc vững mạnh, trước mắt là tích cực thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước 1959, tranh thủ hơn nữa sự đồng

tình ủng hộ của nhân dân Á - Phi và thế giới để tạo những thuận lợi mới cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Mặt khác, phong trào của ta chống Mỹ – Diệm phải nhằm phối hợp chặt chẽ, kịp thời với phong trào chống Mỹ của nhân dân Đông Nam Á, nhân dân Á - Phi, nhân dân Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên, Cộng hoà dân chủ Đức, với phong trào hoà bình và phong trào độc lập dân chủ thế giới, đòi hỏi nghị cấp cao nhất và làm dịu tình hình quốc tế căng thẳng.

Qua đợt đấu tranh này, ta phải vạch rõ hơn nữa tội ác của Mỹ – Diệm, phải làm sáng tỏ hơn nữa ý chí hoà bình thống nhất của nhân dân và Chính phủ ta, nêu cao pháp lý Hiệp nghị Giơnevơ để tranh thủ rộng rãi sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới.

Trọng tâm đấu tranh là:

Kịch liệt phản đối đế quốc Mỹ tăng cường quân sự, chuẩn bị chiến tranh, phá hoại hoà bình thống nhất ở Việt Nam, can thiệp ngày một sâu vào nước Lào và phá hoại hoà bình ở Đông Nam Á.

Kịch liệt lên án chính sách khủng bố và những hành động khủng bố vô cùng dã man độc ác của Mỹ – Diệm ở miền Nam trước dư luận trong nước và thế giới.

Hai mặt này phải kết hợp chặt chẽ với nhau. Đó là một cuộc đấu tranh lâu dài, sâu sắc, có lý, rõ ràng cụ thể; do đó mà làm cho nhân dân thế giới ủng hộ ta hơn nữa. Trong nước, phải làm cho mọi người thấy rõ âm mưu sâu xa và độc ác của Mỹ – Diệm đối với cuộc cách mạng toàn quốc nói chung, đối với miền Nam nói riêng; nâng cao căm thù Mỹ – Diệm, nâng cao ý chí đấu tranh và lòng tin tưởng vào tiền đồ cách mạng miền Nam. Tránh gây không khí bi quan.

Các vấn đề đấu tranh về tự do dân chủ, dân sinh kinh tế, văn hoá xã hội, quan hệ Bắc – Nam phải phối hợp chặt chẽ với đợt đấu tranh này; nhưng trong mỗi mặt ấy cũng phải có trọng điểm và phải tiếp tục xoay chung quanh những vấn đề cụ thể, thiết thực đã nêu lên từ trước tới nay. Mặt này cũng rất quan trọng, có tác dụng thiết thực cổ vũ phong trào đoàn kết đấu tranh của đồng bào ta ở miền Nam.

Về mức độ đấu tranh

Đợt đấu tranh chống Mỹ – Diệm lần này phải làm với mức độ to lớn, sâu rộng, vì nó bao gồm nhiều ý nghĩa quan trọng. Phải lấy việc giáo dục lập trường đấu tranh và ý thức căm thù Mỹ – Diệm làm cơ sở, phát động sâu rộng khắp đồng bằng, miền biển, miền núi và những nơi phong trào từ trước tới nay còn kém.

Về hình thức

Phải có nhiều hình thức mới mẻ, linh hoạt, có tác dụng gây căm thù sâu sắc Mỹ – Diệm, từ ý thức biến thành hành động thiết thực, bổ ích cho việc cổ vũ phong trào đấu tranh ở miền Nam và xây dựng miền Bắc. Ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Vinh và những nơi như Vĩnh Linh, Thái Nguyên, Phú Thọ, Sơn Tây, Hải Dương, v.v. phải có hình thức rầm rộ, có tác dụng phản ánh phong trào ra nước ngoài, đồng thời dội mạnh vào Nam. Nhưng chủ yếu là phải gây phong trào sâu rộng trong đông đảo quần chúng công nông, trong những nơi có đông quần chúng như xí nghiệp, hầm mỏ, nông trường, công trường, quân đội, cơ quan, trường học, v.v.. Ngoài những trọng điểm ra, cần đi sâu vào những cơ sở, kết hợp với sinh hoạt thường ngày mà tổ chức những cuộc họp nhỏ một cách rộng khắp.

Ngoài những hình thức thông thường như biểu tình tuần hành mít tinh, truyền đơn biểu ngữ, bản đồ, tranh ảnh,

tranh tường, phim, hoạ, ca vè, kịch bản, sách báo, v.v. cần phải có những hình thức mới, biểu dương được lực lượng mạnh mẽ của nhân dân và biểu thị được ý chí căm thù sâu sắc Mỹ – Diệm, một mặt cổ vũ phong trào đấu tranh ở miền Nam, mặt khác đem phong trào đấu tranh biến thành những kết quả cụ thể về xây dựng miền Bắc.

Về kế hoạch

- Công tác hiện nay rất nhiều, cho nên kế hoạch đấu tranh phải đảm bảo có kết quả tốt, nhưng phải khéo kết hợp với các công tác khác để quần chúng bớt mất thì giờ. Ví dụ: có thể mít tinh ngắn, gọn, đủ ý nghĩa trước và sau giờ làm việc; hoặc mít tinh rồi đi làm một công tác cụ thể.

- Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân gửi các văn kiện cần thiết cho Ủy ban quốc tế, Chính phủ gửi công hàm cho hai Chủ tịch Hội nghị Giơnevơ và các nước tham dự Hội nghị Giơnevơ 1954, các nước trong Ủy ban quốc tế và cho chính quyền miền Nam (đã lần lượt gửi và công bố).

- Mặt chủ yếu của phong trào đấu tranh chống Mỹ – Diệm là gây phong trào quần chúng, cho nên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bảo vệ hoà bình thế giới của Việt Nam, Ủy ban đoàn kết Á - Phi của Việt Nam đóng vai trò quan trọng đối nội cũng như đối ngoại, phải có những hiệu triệu, tuyên bố, văn kiện để kịp thời gửi ra ngoài hoặc công bố.

Các đoàn thể trong mặt trận và ngoài mặt trận và Ủy ban dân tộc, đều phải có kế hoạch cụ thể giáo dục quần chúng và đấu tranh. Các tổ chức kinh tế, văn hoá, báo chí, đài phát thanh phải có kế hoạch cụ thể và tiến hành kịp thời.

Khẩu hiệu:

1. Kịch liệt phản đối đế quốc Mỹ đang chuẩn bị chiến tranh ở miền Nam Việt Nam!

- Đế quốc Mỹ cút khỏi miền Nam Việt Nam !

- Giải tán các phái đoàn quân sự Mỹ ở miền Nam !
 - Đả đảo Mỹ – Diệt khủng bố tàn sát đồng bào yêu nước ở miền Nam !

- Chính quyền miền Nam phải thủ tiêu ngay đạo luật phát xít 10-59!

- Đả đảo Mỹ – Diệt khủng bố đồng bào miền núi Liên khu V!

- Nhiệt liệt hoan nghênh và ủng hộ cuộc đấu tranh anh dũng của đồng bào miền Nam !

- Yêu cầu Ủy ban quốc tế mở cuộc điều tra vụ đầu độc Phú Lợi và các vụ khủng bố khác đối với đồng bào miền Nam !

- Kịch liệt phản đối đế quốc Mỹ đang can thiệp vào nước Lào và biến nước Lào thành căn cứ quân sự của Mỹ !

2. Chính quyền miền Nam phải hiệp thương với Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà để bàn về hoà bình thống nhất Tổ quốc trên cơ sở các Công hàm 7-3-1958 và 22-12-1958!

3. Tích cực xây dựng miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà !

- Biến cầm thù Mỹ – Diệt thành hành động thực tế, xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa vững mạnh !

- Ra sức hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1959 !

4. Hoan nghênh các nước xã hội chủ nghĩa anh em kiên quyết ủng hộ nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc !

- Hoan nghênh tinh thần tích cực ủng hộ của nhân dân Á - Phi đối với sự nghiệp đấu tranh của nhân dân Việt Nam vì hoà bình thống nhất Tổ quốc !

5. Tích cực đấu tranh đòi mở hội nghị cấp cao nhất giữa các nước lớn trên thế giới để bàn về những vấn đề ngăn ngừa chiến tranh, bảo vệ hoà bình thế giới.

6. Nhiệt liệt ủng hộ cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà của nhân dân Triều Tiên và của nhân dân Đức !

7. Nhiệt liệt ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc và chống chủ nghĩa thực dân trên thế giới !

8. Hoà bình thế giới muôn năm !

9. Đảng Lao động Việt Nam muôn năm !

10. Hồ Chủ tịch muôn năm !

*

* *

Đợt đấu tranh chống Mỹ – Diệt lần này có ý nghĩa rất quan trọng về nhiều mặt. Nó nhằm đẩy mạnh phong trào đấu tranh chống Mỹ – Diệt trên toàn quốc, cổ vũ phong trào đấu tranh ở miền Nam và phong trào xây dựng miền Bắc lên một bước nữa, đồng thời tranh thủ sự đồng tình mạnh mẽ, lớn lao của nhân dân thế giới. Các cấp, các ngành cần phải nghiên cứu đầy đủ mục đích, ý nghĩa và yêu cầu của đợt đấu tranh và vạch kế hoạch thực hiện chu đáo.

Ban Thống nhất Trung ương phối hợp với các ngành, các giới trong việc vạch kế hoạch thực hiện và báo cáo kết quả cho Trung ương biết.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
 Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 80-NQ/TW, ngày 14-7-1959

Về công tác truyền thanh

Đài Phát thanh là một tờ báo nói tổng hợp; có vai trò và nhiệm vụ căn bản như đã vạch ra trong Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác báo chí. Đài có đặc điểm là rất nhanh, nhạy, sinh động, hấp dẫn quần chúng và không bị một giới tuyến nào ngăn cách. Công tác truyền thanh cần phát huy tác dụng của đặc điểm ấy để tuyên truyền, cổ động cho mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, hướng dẫn nhân dân miền Bắc phấn khởi thi đua thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; động viên nhân dân toàn quốc tích cực đấu tranh thống nhất nước nhà; giáo dục tinh thần quốc tế cho nhân dân ta, thắt chặt tình đoàn kết giữa nhân dân ta và các nước xã hội chủ nghĩa, và phát triển, củng cố tình hữu nghị giữa nhân dân ta và các nước khác, nhất là các nước Đông Nam Á.

MẤY VẤN ĐỀ KỸ THUẬT

Với 38 hệ thống truyền thanh bằng dây, chương trình phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam đã mở rộng đến quảng đại quần chúng các thị xã và nông thôn lân cận.

Nghe Đài Phát thanh đã thành một yêu cầu rộng rãi của quần chúng. Để phục vụ cho phong trào hợp tác hoá và cải tiến kỹ thuật nông nghiệp, cần phát triển truyền thanh vào tới nông thôn.

Phương châm phát triển trước hết là phải dựa vào quần chúng, động viên khả năng của quần chúng để xây dựng và quản lý.

Đối với những nơi có sức điện, cần mở rộng hệ thống truyền dây, ngoài loa lớn, cần thêm những loa nhỏ để nhiều nơi có thể tập hợp được từng nhóm nhỏ quần chúng thính giả, trước hết chung quanh các thị trấn.

Cần nghiên cứu sản xuất những loại máy nghe nhỏ, chỉ bắt được làn sóng của ta, chạy bằng dầu lửa hoặc pin rẻ tiền tiện dùng cho các hợp tác xã.

Trên làn sóng cần chú ý cải tiến chất lượng, bảo đảm trước hết cho chương trình phát thanh của Đài Phát thanh Trung ương tới quần chúng toàn quốc, đặc biệt tập trung một số làn sóng mạnh cho miền Nam.

MẤY VẤN ĐỀ KIẾN TOÀN TỔ CHỨC

Truyền thanh là một nghiệp vụ tuyên truyền cổ động; đồng thời là một sự nghiệp vô tuyến điện truyền thanh. Để bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất về tuyên truyền và kỹ thuật truyền thanh và phát triển phương tiện nghe vào trong quần chúng, cần sáp nhập Phòng Truyền thanh thuộc Bộ Văn hoá vào Đài Phát thanh, thành lập Cục Truyền thanh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Cục Truyền thanh có nhiệm vụ:

a) Căn cứ vào Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng và Chính phủ, chỉ đạo tuyên truyền cổ động cho mọi chủ trương, chính sách từng thời kỳ của Đảng và Chính phủ, hướng dẫn dư luận và hướng dẫn nhân dân thi đua thực hiện.

b) Quản lý tốt việc sử dụng công cụ truyền thanh, cải tiến không ngừng kỹ thuật vô tuyến truyền thanh.

Quản lý về nghiệp vụ và kỹ thuật các hệ thống truyền thanh trong toàn quốc. Phát triển phương tiện nghe rộng rãi trong quần chúng. Tổ chức nghiên cứu phát minh sáng chế, phát triển phương tiện nghe bằng dây và không dây.

Đài Phát thanh có nhiệm vụ phục vụ cho các ngành, các giới. Dựa trên đường lối, chủ trương của Đảng, Đài tuyên truyền giáo dục cho quần chúng mọi nhiệm vụ cụ thể của các ngành, các giới. Các ngành, các giới ở Trung ương cũng như ở các địa phương có nhiệm vụ sử dụng Đài như một công cụ tập thể, đề ra cho Đài những yêu cầu tuyên truyền giáo dục cho ngành mình, giới mình và cung cấp cho Đài những tài liệu, tiết mục cần thiết để Đài làm tròn nhiệm vụ.

Các cấp uỷ địa phương cần chú ý nắm và sử dụng tốt các Đài Truyền thanh.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CÔNG VĂN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 837-VP/TW, ngày 15-7-1959

(Kèm theo Chỉ thị của Ban Bí thư số 145-CT/TW,
ngày 13-7-1959)

Kính gửi:

- Các khu uỷ, thành uỷ, tỉnh uỷ,
- Các ban, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc
Trung ương,

Ban Bí thư bổ sung thêm một số khẩu hiệu dưới đây vào Chỉ thị số 145-CT/TW ngày 13-7-1959 về việc tiếp tục đẩy mạnh phong trào đấu tranh chống Mỹ – Diệm nhân ngày 20-7:

- Đình chỉ việc xây dựng các căn cứ quân sự và đưa vũ khí trái phép vào miền Nam Việt Nam.

(thêm tiếp sau khẩu hiệu “Đế quốc Mỹ cút khỏi miền Nam Việt Nam !”).

- Giải tán các trại tập trung giết người ở miền Nam Việt Nam !

(thêm tiếp sau khẩu hiệu “Đả đảo Mỹ – Diệm khủng bố tàn sát đồng bào yêu nước ở miền Nam !”).

- Yêu cầu Uỷ ban quốc tế mở cuộc điều tra vụ đầu độc

Phú Lợi, các vụ khủng bố khác đối với đồng bào miền Nam và các vụ chuyên chở vũ khí trái phép vào miền Nam Việt Nam !

(chữa lại khẩu hiệu cho đủ ý hơn).

- Chính quyền miền Nam phải tôn trọng và thi hành đầy đủ Hiệp nghị Giơnevơ.

(thêm tiếp sau khẩu hiệu “Kịch liệt phản đối đế quốc Mỹ đang can thiệp vào nước Lào và biến nước Lào thành căn cứ quân sự của Mỹ !”).

Các báo cần đăng lại toàn bộ các khẩu hiệu về ngày 20-7.

T/L BAN BÍ THƯ

PHÓ VĂN PHÒNG

NGUYỄN KHAI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 148-CT/TW, ngày 18-7-1959

Về công tác kiện toàn tổ chức ở địa phương

Ng nghị quyết 40 của Bộ Chính trị về kiện toàn tổ chức, chấn chỉnh biên chế và điều chỉnh cán bộ, nêu lên ba yêu cầu chính: tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt công tác, tăng cường hệ thống chuyên chính dân chủ nhân dân, đặc biệt chú trọng phát huy vai trò và tác dụng của chính quyền nhà nước; làm cho nguyên tắc tập trung dân chủ được thể hiện trong tổ chức chỉ đạo và công tác của Đảng và Nhà nước, đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Trung ương Đảng và Chính phủ, đồng thời phát huy tính tích cực và sáng tạo của các địa phương và các ngành; phân phối, sử dụng cán bộ và nhân lực nói chung cho hợp lý hơn, có lợi cho việc chấp hành mọi nhiệm vụ công tác, chủ yếu là thực hiện kế hoạch nhà nước.

Sau một thời gian phấn đấu thực hiện, tuy chúng ta chưa sơ kết và đánh giá, nhưng có thể sơ bộ thấy rằng các cấp uỷ đã có nhiều cố gắng, đã đạt được một số kết quả, nhưng cũng gặp lúng túng, đồng thời cũng có một số lệch lạc, và nhìn chung, thì thấy công tác tiến hành chậm, có nơi có khuynh hướng kéo dài.

Vì vậy, Ban Bí thư có một số ý kiến sau đây giúp các

đồng chí nhận thức thêm vấn đề cho rõ, thấy rõ yêu cầu cụ thể của công tác kiện toàn tổ chức ở địa phương hiện nay, thấy rõ một số nguyên tắc cần giữ vững nhằm tránh lệch lạc và lúng túng, để các đồng chí nghiên cứu thi hành được tốt và gọn.

I- NHẬN THỨC THÊM VẤN ĐỀ KIẾN TOÀN TỔ CHỨC CHO RÕ

Tổ chức của ta có nhiều chỗ không hợp lý, mâu thuẫn với nhiệm vụ chính trị, rất phân tán đối với Trung ương Đảng và với cấp uỷ địa phương, không tập trung vào Chính phủ và chính quyền địa phương, trái lại, nó tập trung nhiều vào các ngành dọc; cán bộ cũng phân tán, không tập trung vào các ngành chủ yếu, cơ sở bên dưới lại yếu. Nếu không kiện toàn tổ chức, thì không đảm bảo được nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn hiện tại, có việc đã đề ra rồi, nhưng vì tổ chức không bảo đảm, tổ chức không hợp lý, mà không làm được chu đáo, ảnh hưởng không tốt đến nhiều mặt, cho nên cần phải kiện toàn tổ chức để giải quyết những mâu thuẫn hiện có, làm cho tổ chức phục vụ được nhiệm vụ chính trị. Những mâu thuẫn lại có nhiều, có cái lớn, cái nhỏ, có cái phát sinh đã lâu, có cái đang phát sinh; có mâu thuẫn có thể giải quyết được ngay, nhưng cũng có cái chưa có điều kiện giải quyết ngay được. Vì vậy, kiện toàn tổ chức là một công tác có tính chất lâu dài, thường xuyên, liên tục, trong đó có thể có từng đợt nhất định nhằm giải quyết một số vấn đề chủ yếu. Đợt kiện toàn tổ chức lần này chỉ yêu cầu giải quyết một số mâu thuẫn lớn có thể giải quyết được, còn thì tiếp tục giải quyết dần dần về sau, không thể một đợt mà giải quyết tất cả được.

II- YÊU CẦU CỤ THỂ VỀ KIẾN TOÀN TỔ CHỨC Ở ĐỊA PHƯƠNG HIỆN NAY

Thi hành các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, hiện nay các địa phương đã hoàn thành một số công tác có tính chất căn bản và toàn diện, có tác dụng giải quyết một số mâu thuẫn chủ yếu trong tổ chức, như: đã xác định rõ ràng vấn đề Đảng lãnh đạo quán triệt về mọi mặt, vấn đề Đảng lãnh đạo chính quyền, Đảng lãnh đạo chuyên môn và các tổ chức quần chúng, vấn đề tập trung dân chủ và vấn đề đường lối quần chúng trong tổ chức. Ngoài ra, đã bỏ cấp khu ở đồng bằng, bỏ Khu Lao - Hà - Yên, đã bầu cử lại các cấp uỷ đảng, Hội đồng nhân dân và UBHC các cấp; có nơi đã củng cố các ban chấp hành các đoàn thể quần chúng, đã chuẩn bị và đã bắt đầu phân cấp quản lý cho bên dưới và đã bố trí một số cán bộ chủ chốt vào các ngành chủ yếu, tăng cường cán bộ, nhân viên cho huyện, xã, cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh; nhiều nơi đã bắt đầu sửa đổi phương pháp và tác phong lãnh đạo, chế độ công tác, v.v..

Để phát huy tác dụng của những thành quả nói trên, đồng thời để giải quyết một mâu thuẫn lớn còn tồn tại (tức là vấn đề phân cấp quản lý cho huyện, xã), các cấp uỷ đảng cần tích cực lãnh đạo làm nốt những việc cụ thể sau đây:

1. Dựa vào tài liệu về phương châm nguyên tắc và nội dung phân cấp quản lý do các cơ quan TW gửi về, tổ chức thực hiện dần việc phân cấp quản lý công tác kinh tế văn hoá giữa trung ương và địa phương, và tiến hành phân cấp quản lý cho huyện, cho xã những công tác mà cấp mình có thể giao và cấp dưới có thể nhận được.

2. Trên cơ sở phân cấp quản lý ấy, tạm thời quy định

nhiệm vụ, quyền hạn cho cấp huyện, cấp xã và cho các ngành từ khu, thành phố, tỉnh xuống đến huyện, xã (cần tham khảo Điều lệ Đảng, luật tổ chức chính quyền địa phương, áp dụng các Chỉ thị của Ban Bí thư và Thông tư của Thủ tướng Chính phủ, tham khảo kinh nghiệm của Hà Đông và kết hợp với tình hình của địa phương).

3. Trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp địa phương, tạm thời quy định khung tổ chức bộ máy và số biên chế cho các cơ quan, đơn vị.

4. Mạnh dạn cắt nhắc, tích cực bố trí cán bộ chủ chốt cho các ty, chi sở, phòng, cửa hàng, trạm, v.v. để bảo đảm hệ thống lãnh đạo.

5. Sửa đổi một số điểm chủ yếu về phương pháp và tác phong lãnh đạo, chế độ công tác. Ví dụ như: làm việc tập thể và dân chủ, cán bộ phụ trách xuống sát cơ sở bên dưới.

Đến 15-9-1959, căn cứ bản làm xong năm việc kể trên, cần sơ kết và kết thúc đợt công tác này để có thể căn bản ổn định tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ chủ chốt đặt làm việc một cách bình thường. (Chữ căn bản ở đây có nghĩa là đại bộ phận, tức là nếu bên cạnh đại bộ phận vấn đề chủ yếu đã được giải quyết, còn có một số vấn đề không phải là chủ yếu chưa làm xong thì cũng có thể xem là ổn định). Tất nhiên, đối với những vấn đề còn tồn tại, chúng ta sẽ tiếp tục giải quyết dần dần một cách thường xuyên.

Các khu tự trị, các tỉnh miền núi trực thuộc trung ương cũng tiến hành kiện toàn tổ chức theo yêu cầu nói trên, nhưng với mức độ thích hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của miền núi; các vấn đề khác, có tính chất đặc biệt của vùng dân tộc sẽ giải quyết sau; về thời gian nếu không hoàn thành được trong tháng 9-1959 thì có thể kéo qua tháng 10-1959.

III- MỘT SỐ VẤN ĐỀ THUỘC VỀ NGUYÊN TẮC

a) Xuất phát từ chủ trương phân cấp quản lý (Trung ương phân cấp cho khu, thành phố và tỉnh) và phát huy tính tích cực, sáng tạo của các địa phương và các ngành, công tác kiện toàn tổ chức ở địa phương chủ yếu là do địa phương làm và chịu trách nhiệm trước Trung ương Đảng và Chính phủ, trên cơ sở phương châm chính sách của Trung ương, các địa phương cần chủ động làm cho thích hợp với tình hình của địa phương mình, nhưng khi tiến hành cụ thể, thì cần phải theo đúng những nguyên tắc, chế độ đã ban hành, ví dụ: không thể tuyên bố bỏ nông hội nếu chưa có văn bản chính thức của Trung ương; không thể tự ý thành lập cơ quan mới, bãi bỏ cơ quan cũ của chính quyền mà không căn cứ vào luật tổ chức chính quyền địa phương hoặc những thông tư, chỉ thị khác của Đảng và của Nhà nước.

Kiện toàn tổ chức ở địa phương lại có quan hệ khăng khít với các cơ quan hữu quan ở trung ương, cho nên cần phải dựa vào chủ trương, phương châm của Trung ương mà bàn bạc, thống nhất ý kiến giữa cơ quan trung ương và địa phương rồi mới làm; không nên làm bừa, làm ẩu.

Trước kia, việc chỉ đạo quá tập trung vào ngành dọc trung ương, địa phương có ít trách nhiệm, nay tiến hành phân cấp cho địa phương, trách nhiệm của địa phương lớn lên, thì phải tránh lệch qua phía khác là coi thường ý kiến và tác dụng của ngành dọc trung ương, cho nên trong việc thành lập, bãi bỏ, tách hoặc nhập, cũng như trong việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thuộc ngành dọc ở địa phương, thì nhất thiết phải bàn bạc với cơ quan hữu quan ở trung ương trước khi tiến hành; ngược lại, cơ quan trung

ương muốn thành lập hoặc thay đổi một đơn vị của ngành mình ở địa phương (ví dụ: công ty cấp 1, trạm cấp 1, cục trực thuộc bộ trung ương) cũng phải bàn bạc, thống nhất ý kiến với địa phương trước khi tiến hành. Đứng về nội bộ mà nói, thì đối với mọi việc xảy ra, tốt hay không tốt, toàn Đảng đều chịu trách nhiệm (đành rằng trách nhiệm nhiều ít, nặng nhẹ có khác nhau). Cho nên tuy là địa phương chủ động làm việc toàn tổ chức, nhưng cơ quan trung ương phải có trách nhiệm giúp đỡ ý kiến để công việc được thông suốt giữa cấp trên và cấp dưới và tiến hành được tốt, nhanh và gọn.

b) Về vấn đề phân cấp quản lý cho các cấp địa phương, cần nắm vững tinh thần Thông tri số 238-TT/TW, ngày 13-6-1959 của Ban Bí thư và Thông tư số 245-TTg, ngày 26-6-1959 của Thủ tướng phủ. Riêng đối với huyện, xã, vì tình hình của ta hiện nay là các cấp uỷ dưới mới kiện toàn, cấp xã nhiều nơi còn yếu, cho nên phải thận trọng, làm dần dần, sau khi bàn bạc kỹ, nhất là đối với các ngành kinh tế tài chính và các ngành phụ trách các vấn đề chính trị như công an, công tố, vì đụng chạm đến đời sống và sự yên ổn của nhân dân. Nói chung, đối với tất cả các ngành, vấn đề gì đã rõ ràng, dứt khoát, đã thống nhất ý kiến thì tích cực tiến hành phân cấp, vấn đề gì chưa nhất trí thì gác lại để tiến hành sau. Trước khi phân cấp, phải nắm chắc khả năng thực tế của bên dưới, xem nên phân cấp đến đâu hoặc chưa nên phân cấp; không thể giao bừa, nhận ầu, sau phải trả lại, như có trường hợp đã xảy ra. Ban Bí thư đã chỉ thị cho các đảng đoàn ở trung ương xúc tiến gấp việc phân cấp quản lý cho địa phương, các đảng đoàn sẽ chấp hành, nhưng nếu có cơ quan trung ương nào đó chậm phân cấp vì một lý do nào đó, thì địa phương cứ tiến hành đối với các ngành khác, không chờ đợi, còn đối với ngành bị chậm thì sẽ tiến hành sau.

c) Có nơi có ý định nhập một số cơ quan của Đảng với một số cơ quan của chính quyền, làm như vậy là không đúng và không tốt. Đảng ta lãnh đạo chính quyền nhà nước, tất nhiên giữa Đảng và chính quyền là thống nhất về chủ trương, đường lối, chính sách, phương châm, kế hoạch lớn và trong một số vấn đề nhất định, trên một chừng mực nhất định, có thể thực hiện nhất nguyên hoá, ví dụ như Đảng đưa cán bộ chủ chốt của Đảng qua phụ trách những bộ môn quan trọng trong bộ máy nhà nước, nhưng nhất nguyên hoá không có nghĩa là Đảng và chính quyền lẫn lộn. Cơ quan của Đảng không thay thế cơ quan của chính quyền, chỉ thị của Đảng không thay thế chỉ thị của chính quyền, do đó, cơ quan của Đảng và của chính quyền không thể là một, mà là hai, khác nhau, rành mạch, dứt khoát, dù là ở cấp nào, kể cả cấp huyện.

Các ban của Đảng như tuyên huấn, tổ chức, kiểm tra, v.v. là cơ quan giúp cấp uỷ đảng nghiên cứu đường lối, chủ trương thuộc từng mặt công tác hoặc thuần tuý thuộc về nội bộ Đảng, với tính chất là cơ quan tham mưu, còn các cơ quan giúp UBHC có tính chất là cơ quan giúp UBHC chỉ đạo thực hiện cụ thể, đi sâu hướng dẫn về nghiệp vụ, kỹ thuật nhiều hơn. Giữa một số cơ quan của Đảng và chính quyền đương nhiên là có những quan hệ với nhau trên một chừng mực nhất định, nhưng nếu nhập lại, thì dễ xảy ra tình trạng nhẹ mặt này, nặng mặt khác, coi nhẹ mặt đi sâu nghiên cứu mà nặng về sự vụ hành chính (xem Thông tri số 147-KT/TC của Ủy ban kiện toàn tổ chức Trung ương).

Như vậy, vấn đề nhập cơ quan của Đảng và cơ quan của chính quyền làm một là dứt khoát không nên đặt ra. Vấn đề là phải quy định nhiệm vụ đôi bên cho rõ ràng, đặt quan hệ phối hợp cho tốt để thống nhất nắm tình hình, thống nhất nhận định tình hình và thống nhất chủ trương, tránh sai sót,

chệch choạc, đồng thời tránh bộ máy, biên chế công kênh, nặng nề.

d) Một khuyết điểm khá phổ biến, bộc lộ trong dịp kiện toàn tổ chức này là nhiều nơi ít chú ý nghiên cứu các luật, sắc lệnh, nghị quyết, chỉ thị, thông tư của cấp trên. Rõ ràng hơn hết là luật tổ chức chính quyền địa phương, điều lệ tổ chức các khu tự trị, Thông tư của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn tổ chức chính quyền địa phương, v.v. rất ít nơi đọc đến, do đó sinh nhiều lúng túng trong khi tiến hành cụ thể; khuyết điểm này không phải là một khuyết điểm về lề lối làm việc mà là về tính nguyên tắc, cần phải khắc phục để làm công tác cho tốt.

IV- VẤN ĐỀ CÁN BỘ VÀ VẤN ĐỀ BIÊN CHẾ

Hiện nay các địa phương đang gặp nhiều lúng túng trong vấn đề cán bộ và vấn đề biên chế.

Trong giai đoạn cách mạng mới ở miền Bắc, công tác phát triển nhiều và mạnh, đòi hỏi một đội ngũ cán bộ khá lớn và có chất lượng để đảm đương những nhiệm vụ mới.

Nói chung hiện nay nhiều nơi báo cáo còn thiếu nhiều cán bộ, nhân viên để đáp ứng nhu cầu công tác đang phát triển. Vấn đề cán bộ, nhân viên và vấn đề biên chế gắn liền với nhau, cho nên muốn có đủ cán bộ nhân viên trong biên chế để làm việc, thì ngoài việc chủ yếu là phải biết sử dụng, điều chỉnh, cắt nhấc và đào tạo, còn có thể xin điều động bổ sung hoặc tuyển dụng thêm, nhưng tổng số cán bộ nhân viên cần thiết phải ăn khớp với chỉ tiêu lao động và quỹ tiền lương của kế hoạch nhà nước; nếu chỉ tiêu của kế hoạch nhà nước không đủ so với yêu cầu của công tác thực tế, thì có thể xin thêm, nhưng phải đợi Chính phủ duyệt y rồi mới thi hành.

Để giải quyết cụ thể vấn đề này, ngày 20-6-1959, Thủ tướng phủ đã có thông tư hướng dẫn, các địa phương cần nghiên cứu để thi hành.

V- VẤN ĐỀ SƠ KẾT ĐỢT KIỆN TOÀN TỔ CHỨC

Yêu cầu kiện toàn tổ chức đợt này tương đối rõ, thời gian hoàn thành cũng đã tính toán tương đối sát với hoàn cảnh công tác từ nay đến cuối năm; các cấp uỷ cần chú ý sơ kết đợt công tác kiện toàn tổ chức này vào khoảng 15-9-1959. Nơi nào làm xong trước thì sơ kết trước; Uỷ ban kiện toàn tổ chức Trung ương sẽ gửi đề cương gợi ý sơ kết cho các địa phương.

Tỉnh Hà Đông cũng sơ kết như các nơi khác, nhưng vì là tỉnh thí điểm, đã kiện toàn tổ chức trước các nơi, cho nên trước mắt, Tỉnh uỷ Hà Đông cần làm gấp một bản báo cáo sơ kết về hai vấn đề:

- Vấn đề phân cấp quản lý cho huyện, cho xã.

- Vấn đề nhập một số cơ quan của Đảng với một số cơ quan của chính quyền.

Nghị quyết của Bộ Chính trị về kiện toàn tổ chức ra đã hơn một năm, nhưng công tác chúng ta làm chưa xong. Ban Bí thư đề nghị các khu uỷ, thành uỷ và tỉnh uỷ căn cứ vào tinh thần Thông tri này mà cố gắng vượt khó khăn, khéo kết hợp với những công tác trước mắt để sớm hoàn thành nhiệm vụ, không kéo dài thời gian ra nữa.

Trong khi tiến hành, có những khó khăn, lúng túng gì, cần kịp thời trao đổi với Uỷ ban kiện toàn tổ chức Trung ương.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 149-CT/TW, ngày 20-7-1959

Về việc tăng cường lãnh đạo công tác tổ chức

Công tác tổ chức là một trong những bộ phận quan trọng bậc nhất trong công tác lãnh đạo của Đảng. Nó có tác dụng quyết định sự thành bại của các chủ trương chính trị của Đảng. Nhưng trong chỉ đạo hằng ngày, các cấp uỷ đảng, các ngành chưa quán triệt ý nghĩa đó, chưa coi trọng chỉ đạo công tác tổ chức, do đó chưa phát huy được đầy đủ tác dụng của công tác tổ chức trong việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị của Đảng; chưa nâng được trình độ công tác tổ chức lên kịp yêu cầu của nhiệm vụ chính trị. Để khắc phục những khuyết điểm đó, các cấp, các ngành phải quán triệt và chấp hành đầy đủ những điểm sau đây:

1. Cần nhận thức đầy đủ sự quan trọng của công tác tổ chức

Công tác lãnh đạo của Đảng gồm nhiều mặt mà công tác tổ chức là một bộ phận rất quan trọng. Quyết định ra đường lối, chính sách là một việc trọng yếu của Đảng, nhưng đó mới là một phần của công tác lãnh đạo; còn phải làm thế nào biến những chủ trương, chính sách ấy thành hành động thực tế của đảng viên và quần chúng, và hoàn thành chủ trương,

chính sách đó trong thực tiễn. Nếu không có công tác tổ chức tốt, sắp xếp lực lượng cán bộ, đảng viên cho đúng để phát huy sáng kiến và tính tích cực của cán bộ, đảng viên để tăng cường lãnh đạo của Đảng thì các chủ trương chính trị không thể thực hiện được. Ngay việc muốn có một chủ trương, chính sách đúng, cũng đòi hỏi phải có công tác tổ chức vững, đảm bảo việc phản ánh tình hình và nguyện vọng của quần chúng từ các chi bộ đảng, các ngành công tác của Đảng tập trung đến các cấp uỷ cho đến Trung ương Đảng. Công tác tổ chức đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng để phát huy tính tích cực, sáng tạo của toàn thể cán bộ, đảng viên, tập trung trí tuệ của toàn Đảng vào công việc lãnh đạo của Đảng. Công tác tổ chức bao gồm nhiều mặt: công tác cán bộ, công tác xây dựng tổ chức đảng, việc sắp xếp lực lượng, bố trí thời gian kiểm tra đôn đốc và bố trí việc chỉ đạo thực hiện các công tác của Đảng. Nhưng quan trọng nhất là làm thế nào đảm bảo được sự lãnh đạo của Đảng trong cả quá trình thực hiện, bao gồm sự lãnh đạo của các cấp bộ đảng đến tổ chức cơ sở của Đảng. Vì thế cho nên công tác tổ chức là một bộ phận rất quan trọng của công tác lãnh đạo, nó quán triệt trên mọi mặt, mọi ngành công tác của Đảng, nó có tác dụng quyết định sự thành bại của các chủ trương chính trị của Đảng.

Với nội dung và tầm quan trọng của nó, công tác tổ chức phải là công tác của toàn Đảng, của tất cả các cấp, các ngành và các đoàn thể quần chúng, trước tiên là của các cấp uỷ đảng, tuyệt đối không phải là việc riêng của các ban tổ chức; các ban tổ chức các cấp chỉ là cơ quan giúp việc của cấp uỷ, chủ yếu là về công tác xây dựng đảng về mặt tổ chức. Muốn cho công tác tổ chức tiến kịp yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, muốn cho ban tổ chức làm được nhiệm vụ của mình, các cấp

ủy đảng cần có sự lãnh đạo chặt chẽ hàng ngày, nghe báo cáo, kiểm tra và cho những ý kiến chỉ đạo, không thể buông trôi phó mặc cho các ban tổ chức. Đồng thời, các ban tổ chức các cấp, các ngành phải được kiện toàn và phải nhìn xa thấy rộng, chủ động đề ra ý kiến giúp cấp ủy trong việc lãnh đạo công tác tổ chức gắn liền với nhiệm vụ chính trị.

2. Phải kiểm điểm tìm ra những khuyết điểm trong công tác lãnh đạo tổ chức để ra sức khắc phục

Trong thời gian qua, các cấp, các ngành đã chú ý một phần đến công tác tổ chức, cho nên công tác tổ chức đã đạt được một số kết quả: đã củng cố được tương đối chi bộ nông thôn sau sửa sai tạo điều kiện tốt cho công cuộc hợp tác hoá nông nghiệp; đã bắt đầu chú ý đến công tác phát triển đảng và củng cố các loại chi bộ của Đảng; đã đào tạo, đề bạt, điều chỉnh một số lớn cán bộ để phục vụ cho nhiệm vụ chính trị; đã bầu cử lại các cấp ủy đảng và chính quyền từ xã đến tỉnh và khu tự trị, sơ bộ kiện toàn bộ máy tổ chức các cấp, các ngành, tăng cường được sự lãnh đạo của Đảng. Kết quả đó đã tạo điều kiện tốt cho việc hoàn thành những nhiệm vụ chính trị của Đảng. Nhưng trong công tác tổ chức, còn nhiều khuyết điểm, nhược điểm: chưa tiến kịp yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, trình độ chính trị, tư tưởng cũng như trình độ văn hoá, chuyên môn, kỹ thuật của cán bộ còn thấp, số lượng cán bộ còn thiếu nhiều, nhất là cán bộ khoa học, kỹ thuật, chưa có kế hoạch đào tạo cán bộ toàn diện đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị; việc phát triển đảng và củng cố cơ sở đảng còn chậm chạp, ỳ ạch. Việc kiện toàn tổ chức kéo dài và có nơi làm chưa được tốt. Nhiều chỉ thị của Trung ương về công tác tổ chức, như Chỉ thị về phát triển đảng (số 5 và số 115), Chỉ thị về củng cố chi bộ (số 46 và số 63), Chỉ thị về

kiện toàn tổ chức và cả Nghị quyết của Hội nghị tổ chức toàn quốc lần thứ ba (năm 1957), chưa được các cấp ủy tập thể nghiên cứu và nghiêm chỉnh chấp hành. (Gần đây, một số nơi đã nghiên cứu nhưng chưa đủ). Thường khi nhận được những chỉ thị này, các cấp, các ngành thường chuyển một cách đơn giản và khoán trắng cho ban tổ chức, không làm cho chỉ thị, nghị quyết đó quán triệt trong các cấp cho đến cơ sở, không hướng dẫn, không đôn đốc và kiểm tra thực hiện. Mặt khác, các ban tổ chức các cấp còn yếu và cũng thường ỷ lại vào cấp ủy, không chủ động đề ra những ý kiến giúp cấp ủy lãnh đạo mà thường làm những việc sự vụ vụn vặt, tách rời công tác tổ chức với nhiệm vụ chính trị. Những khuyết điểm đó đã làm trở ngại việc thực hiện những chỉ thị, nghị quyết về công tác tổ chức của Trung ương và làm cho công tác tổ chức ở các cấp, các ngành còn nhiều khuyết điểm, không tiến kịp yêu cầu nhiệm vụ chính trị. Một khuyết điểm quan trọng là từ lâu chưa cấp ủy nào có hội nghị toàn ban chấp hành để kiểm điểm toàn diện, đề ra những nhiệm vụ và phương châm cho công tác tổ chức để tiến kịp với sự biến chuyển của tình hình và nhiệm vụ, cho nên công tác tổ chức thường đi vào những việc sự vụ vụn vặt, tách rời và không đạt được yêu cầu của nhiệm vụ chính trị.

Khuyết điểm đó là do các cấp chưa quan niệm đầy đủ ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác tổ chức của Đảng nói chung và công tác xây dựng đảng nói riêng, tách rời nhiệm vụ chính trị và công tác tổ chức, không chỉ đạo các ngành và cấp dưới làm công tác tổ chức, hoặc chỉ giao toàn bộ công tác tổ chức cho các ban tổ chức mà cũng không lãnh đạo chặt chẽ. Các ban tổ chức thì chỉ lo làm những việc sự vụ, thiếu cụ thể và toàn diện, không nghiên cứu những vấn đề lớn do yêu

cầu của nhiệm vụ chính trị đề ra, không đặt vấn đề công tác tổ chức được rõ ràng để đề nghị các cấp uỷ đảng giải quyết toàn diện và kịp thời.

3. Tăng cường lãnh đạo công tác tổ chức, thực hiện đầy đủ Nghị quyết Hội nghị tổ chức toàn quốc lần thứ tư

Như trên đã nói, công tác tổ chức là công tác của toàn Đảng, nó quán triệt trong mọi công tác của Đảng, nó là một bộ phận quan trọng của công tác lãnh đạo. Các cấp uỷ đảng, các ban, đảng đoàn phải trực tiếp lãnh đạo, phải theo dõi tình hình công tác tổ chức và căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị tổ chức lần thứ tư mà đề ra phương châm, nhiệm vụ công tác tổ chức cho cấp bộ mình, ngành mình trong từng thời gian và hướng dẫn, đôn đốc các ngành và cấp dưới thi hành. Phải luôn luôn chăm lo củng cố và phát triển đảng qua các công tác, qua các phong trào, nhất là phong trào cải tiến quản lý xí nghiệp và ba cuộc cải tạo lớn, làm cho cơ sở đảng vững mạnh. Nắm vững đường lối công tác và chính sách cán bộ, luôn luôn chăm lo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng, văn hoá và chuyên môn của cán bộ, và đào tạo một đội ngũ cán bộ lớn mạnh, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị; chấn chỉnh và củng cố các tổ chức cơ sở và kiện toàn sự lãnh đạo của các cấp, bảo đảm tăng cường lãnh đạo của Đảng. Nhất là trong lúc này, toàn Đảng và toàn dân ta đang ra sức phấn đấu thực hiện những nhiệm vụ chính trị đề ra trong các Nghị quyết 14, 15, 16 của Ban Chấp hành Trung ương, đang đấu tranh gay go, quyết liệt trên mọi mặt để giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cho sự nghiệp thống nhất nước nhà, thì *việc tăng cường lãnh đạo công tác tổ chức, tăng cường xây dựng đảng là điều quyết định*. Phải thấy khuyết điểm coi thường công tác tổ chức là

một sự lệch lạc lớn của công tác lãnh đạo trong các cấp bộ, các ngành, cần ra sức sửa chữa, khắc phục.

Hội nghị tổ chức toàn quốc lần thứ tư do Trung ương triệu tập đã nhận định tình hình công tác tổ chức, đề ra nhiệm vụ, phương châm công tác tổ chức thời gian tới, và kế hoạch xây dựng đảng trong các cuộc vận động cải tạo xã hội chủ nghĩa và cải tiến quản lý xí nghiệp. Hội nghị cũng đã đề ra đường lối và phương hướng công tác cán bộ, những nguyên tắc quản lý cán bộ, và những chủ trương, nguyên tắc chấn chỉnh các tổ chức cơ sở và kiện toàn sự lãnh đạo của các cấp. Đó là một nghị quyết quan trọng về công tác tổ chức. Nghị quyết đó đã được Ban Bí thư thông qua, các cấp uỷ đảng và các ngành phải tập thể nghiên cứu, nắm vững tinh thần nghị quyết đó, liên hệ kiểm điểm những ưu điểm, khuyết điểm trong việc lãnh đạo công tác tổ chức vừa qua, triệu tập hội nghị tổ chức của cấp mình, ngành mình để phổ biến, làm cho nghị quyết đó quán triệt trong đảng bộ cấp mình, ngành mình và có kế hoạch chỉ đạo thực hiện.

Ban Tổ chức Trung ương có nhiệm vụ giúp Trung ương theo dõi, đôn đốc việc phổ biến nghị quyết và đề nghị Trung ương uốn nắn kịp thời những lệch lạc có thể xảy ra.

Các ban tổ chức các cấp, các ngành có trách nhiệm tích cực giúp các cấp uỷ, các đảng đoàn thi hành Nghị quyết Hội nghị tổ chức lần thứ tư cho có kết quả.

*

* *

Trên đây, Trung ương đã nêu rõ: công tác tổ chức là một trong những bộ phận quan trọng nhất của công tác lãnh đạo của Đảng. Muốn cho lãnh đạo được toàn diện, mọi chủ

trường, chính sách của Đảng được chấp hành đầy đủ, thì cần phải hết sức xem trọng lãnh đạo công tác tổ chức. Vì công tác tổ chức quán triệt trong mọi công tác, nó là công tác của toàn Đảng, cho nên tuyệt đối không được phó mặc cho ban tổ chức, buông trôi không lãnh đạo. Về phần các ban tổ chức các cấp, các ngành, cần phải thấy hết trách nhiệm nặng nề của mình trước cấp uỷ và đảng đoàn.

Nhận được Chỉ thị này (kèm theo Nghị quyết Hội nghị tổ chức toàn quốc lần thứ tư), các cấp các ngành phải nghiên cứu kỹ, làm cho nó quán triệt trong các cấp bộ đến tận cơ sở, và phải thi hành một cách nghiêm chỉnh. Từng thời gian, báo cáo kết quả về Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 150-CT/TW, ngày 20-7-1959

Về việc tăng cường lãnh đạo công tác bảo vệ cơ quan

Từ khi hoà bình lập lại đến nay, do công tác phát triển, tổ chức biên chế của các cơ quan trong bộ máy nhà nước đã phát triển rất nhanh. Có cơ quan, số cán bộ, nhân viên tăng gấp 5, gấp 10 lần. Nói chung, tuyệt đại đa số cán bộ, nhân viên là tốt nhưng cũng có một số phần tử phức tạp, xấu, lý lịch không rõ. Có nhiều nhân viên mới tuyển; việc thẩm tra lại không được chu đáo...

Tình hình đó ảnh hưởng không tốt đến nội bộ cơ quan: nạn tham ô, hủ hoá, tự do vô kỷ luật xảy ra nhiều, có những vụ có tính chất nghiêm trọng. Đáng chú ý hơn là về chính trị, có người liên hệ lén lút với các cơ quan phái đoàn đế quốc, tư bản; nhiều vụ mất tài liệu rất quan trọng đã liên tiếp xảy ra. Trong một số cơ quan, trường học, bệnh viện có luận điệu phản tuyên truyền, tởm rợ, thư nặc danh và khẩu hiệu phản động. Có một số ít cán bộ, nhân viên xấu, bất mãn, đã có tư tưởng hoặc hành động trốn vào Nam theo địch...

Mặc dù tình hình xảy ra khá nghiêm trọng như vậy, nhưng nói chung tinh thần cảnh giác chính trị của cán bộ, nhân viên còn rất kém; công tác bảo vệ cơ quan không được

chú ý đúng mức; các thủ trưởng cơ quan chưa thực sự phụ trách, các cấp uỷ đảng chưa thực sự quan tâm lãnh đạo công tác bảo vệ cơ quan.

Trong thời kỳ quá độ, cuộc đấu tranh giai cấp đang diễn ra một cách gay go quyết liệt, kẻ địch không ngừng phá hoại ta bằng mọi cách, lợi dụng mọi sơ hở để thâm nhập vào nội bộ, mua chuộc, lôi kéo cán bộ, nhân viên trong các cơ quan của chúng ta. Để đảm bảo an toàn và sự trong sạch của các cơ quan nhà nước, Ban Bí thư chỉ thị để các cấp bộ đảng nghiên cứu thi hành những biện pháp sau đây:

1. Trước hết, cần nhận rõ mục đích của công tác bảo vệ cơ quan là nhằm giáo dục tinh thần cảnh giác cho cán bộ, nhân viên, kiểm tra đôn đốc thực hiện các nội quy bảo vệ cơ quan, bảo vệ cán bộ, bảo vệ tài liệu, đề phòng và ngăn ngừa mọi việc bất trắc xảy ra. *Trách nhiệm chính là của thủ trưởng và chi bộ cơ quan.*

2. Về hình thức, tổ chức các ban bảo vệ cơ quan thì vẫn thực hiện đúng phương châm: thủ trưởng phụ trách, chi bộ lãnh đạo, công an hướng dẫn về chuyên môn. Cụ thể là: có thủ trưởng hoặc đại diện thủ trưởng, một cấp uỷ viên, đại diện công đoàn và thanh niên lao động tham gia. Nhưng để có người thực sự giúp thủ trưởng, chi bộ làm công tác bảo vệ cơ quan, *Ban Bí thư đã duyệt y cho các cơ quan tùy theo có nhiều hay ít vấn đề phức tạp mà có một vài cán bộ chuyên trách làm công tác bảo vệ cơ quan.* Số cán bộ được phân công chuyên trách làm công tác bảo vệ cơ quan này *trên nguyên tắc được tính theo tỷ lệ 2/1000* trong tổng số cán bộ, nhân viên, học sinh của từng cơ quan, trường học, bệnh viện; những cơ quan nào dưới tỷ lệ nói trên thì cần có *một cán bộ nửa chuyên trách.* Cán bộ đó phải được lựa chọn, hoàn toàn bảo đảm về chính trị, có khả năng đảm đương được trách

nhiệm, và sẽ làm uỷ viên thường trực trong ban bảo vệ cơ quan. Cần để cho những cán bộ đó có điều kiện đi sâu vào nghiệp vụ, nắm chắc được tình hình, giúp cho thủ trưởng và chi bộ làm công tác bảo vệ cơ quan cho tốt; không được tùy tiện thay đổi, điều động họ đi công tác khác.

3. Ở những cơ quan có kho tàng quan trọng, hoặc có máy móc, vật dụng quý giá, thì ngoài số cán bộ chuyên trách làm công tác bảo vệ cơ quan nói trên, có thể có một số người nằm trong biên chế cơ quan với nhiệm vụ thường xuyên là: ban ngày kiểm soát sự ra vào, ban đêm tuần tra, canh gác. Số người này đặt dưới sự điều khiển trực tiếp của ban bảo vệ cơ quan, cụ thể là dưới sự điều khiển của các cán bộ chuyên trách làm công tác bảo vệ cơ quan.

4. Đảng đoàn Bộ Công an có trách nhiệm đề nghị Chính phủ quy định cụ thể nhiệm vụ của các cán bộ chuyên trách làm công tác bảo vệ cơ quan và cùng với từng cơ quan nghiên cứu định số lượng cụ thể và lựa chọn cán bộ chuyên trách bảo vệ cơ quan trên tinh thần hết sức bảo đảm biên chế tổ chức không chồng chéo, gây ra lãng phí, vừa bảo đảm hiệu suất công tác tốt.

Nhận được Chỉ thị này, các cấp uỷ, các ban, các đảng đoàn cần nghiên cứu thi hành nghiêm chỉnh và gấp rút đưa công tác bảo vệ cơ quan vào nề nếp.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 151-CT/TW, ngày 21-7-1959

Về tổng kết chiến tranh du kích

Thi hành Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 12, Tổng quân uỷ đang tiến hành tổ chức việc tổng kết chiến tranh du kích. Mục đích, yêu cầu nội dung, kế hoạch tổng kết, Tổng quân uỷ đã gửi cho các địa phương.

Vì chiến tranh du kích của ta trước đây là công tác trọng tâm của Đảng và gắn liền với toàn bộ công tác của các địa phương, do các cấp uỷ trực tiếp chỉ đạo, và công tác tổng kết chiến tranh du kích ngày nay cũng quan hệ mật thiết với công tác củng cố quốc phòng hiện nay ở các địa phương, cho nên các cấp uỷ đảng có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo tổng kết chiến tranh du kích ở địa phương mình.

Để thực hiện nhiệm vụ đó, các cấp uỷ cần phải:

1. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch tổng kết chiến tranh du kích do Bộ Tổng tham mưu đề ra; các cấp uỷ cần phân công cho các ngành có liên quan tới công việc tổng kết đóng góp phần của mình và sử dụng cơ quan tỉnh đội làm cơ quan giúp việc cho cấp uỷ trong công tác này.

2. Cần nhắc nhở cơ quan tỉnh đội liên hệ với các cán bộ đã công tác ở địa phương trước đây có hiểu biết nhiều về

chiến tranh du kích ở địa phương để thu thập thêm tình hình và ý kiến.

3. Các cấp uỷ chịu trách nhiệm thông qua những nhận định, kết luận về kinh nghiệm chiến tranh du kích ở địa phương mình.

Riêng tỉnh Quảng Trị có rất nhiều kinh nghiệm quý báu nên Trung ương giao cho Đảng uỷ Vĩnh Linh chịu trách nhiệm tổng kết. Đảng uỷ Vĩnh Linh cần liên hệ với các cán bộ Quảng Trị nay công tác ở các địa phương và cơ quan, trong bộ đội để thu thập tình hình và ý kiến.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 82-NQ/TW, ngày 22-7-1959

Về việc thành lập Ban Tổ chức Đại hội Đảng

Trong phiên họp ngày 3-5-1957 Bộ Chính trị đã chỉ định một số đồng chí vào Ban Tổ chức Đại hội Đảng do đồng chí Nguyễn Lương Bằng làm Trưởng ban.

Nay vì nhiều đồng chí trong Ban Tổ chức nói trên chuyển công tác và theo yêu cầu mới của công tác chuẩn bị Đại hội Đảng.

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

1. Chỉ định lại Ban Tổ chức Đại hội Đảng gồm các đồng chí:

- Nguyễn Lương Bằng, - Nguyễn Khai,
- Trần Quốc Hoàn, - Vũ Thơ,
- Ung Văn Khiêm, - Cao Hồng Lãnh,
- Xuân Thuỷ, - Hoàng Quốc Thịnh.
- Phạm Ngọc Thạch,

Đồng chí Nguyễn Lương Bằng làm Trưởng ban.

2. Đồng chí Nguyễn Lương Bằng sẽ triệu tập các đồng chí nói trên họp để xác định nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Tổ

chức Đại hội, bàn kế hoạch công tác cụ thể và trình Ban Bí thư thông qua.

3. Văn phòng Trung ương và các đồng chí có tên nói trên sẽ có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 152-CT/TW, ngày 23-7-1959

Về việc đẩy mạnh công tác thu mua thóc, thu nợ bằng thóc vụ chiêm và chú trọng quản lý bán gạo trong thời gian tới

Tiếp theo Điện số 112 gửi ngày 18-7-1959, Trung ương thấy cần phải giải thích để các cấp uỷ hiểu rõ tinh thần bức điện nói trên và để chỉ đạo thi hành đúng mức theo như yêu cầu của Trung ương.

1. Về tình hình thu hoạch vụ chiêm, Trung ương nhận định là mùa chiêm vừa qua tuy chưa đạt mức kế hoạch, nhưng nói chung vẫn là một vụ chiêm tốt. Với số thóc thừa trong vụ này và từ vụ trước để lại, mức thóc huy động theo Chỉ thị 140-CT/TW ra ngày 2-5-1959 không phải là quá cao. Nhưng cho đến nay, trừ thuế nông nghiệp vụ hạ đã được hoàn thành về căn bản, còn việc thu mua mới đạt 38% và việc thu nợ chưa được 18% nhiệm vụ đã định.

Việc thu mua và thu nợ tiến hành chậm như thế do nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân chủ yếu là do nhiều cấp uỷ - nhất là chi uỷ các xã - *chưa nhận thức đúng tính chất khẩn trương của việc Nhà nước cần nắm một số lượng thực quan trọng* ngay trong vụ chiêm này, và *chưa chấp*

hành nghiêm chỉnh Chỉ thị của Trung ương. Cho đến nay, rất ít xã thực hiện đầy đủ việc tổ chức học tập có đấu tranh trong nội bộ Đảng và trong nhân dân, và việc phân mức cho từng xóm, từng hộ.

Kiểm điểm kết quả công tác thu mua thì phần lớn trong số thu mua được là mua của người nghèo, có ít thóc cần bán ngay đầu vụ để lấy tiền tiêu dùng. Thóc dự trữ trong nông thôn vẫn còn, song phần lớn ở trong những hộ phú nông và những hộ trung nông thừa thóc, đang giữ thóc lại, chờ bán ra với giá cao cho thương nhân hàng xáo hoặc để tự mình xay giã bán gạo ra kiếm thêm lời.

Việc thu nợ làm rất yếu, một phần do một số hộ nông dân gặp khó khăn, song chủ yếu là do *tư tưởng ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước còn rất nặng*; ngay cả *một số không ít cán bộ và đảng viên ở xã cũng thiếu gương mẫu*, vì chưa nhận rõ trách nhiệm phải trả nợ sòng phẳng cho Nhà nước. *Các cấp uỷ tỉnh và huyện cũng chưa quan tâm lãnh đạo đúng mức, chưa tăng cường giáo dục cán bộ và đảng viên trong vấn đề này.*

Việc thu mua và thu nợ bằng thóc trong vụ chiêm này đang gặp khó khăn như thế, nhưng số gạo bán ra trong 6 tháng đầu năm nay lại vượt kế hoạch hơn 4 vạn tấn. Hiện nay, đang giữa vụ thu hoạch mà mức bán gạo ra của mậu dịch quốc doanh trong tháng 6 vừa qua không giảm mấy, mức bán ra trong những tháng sắp tới còn có chiều hướng tăng lên; theo các địa phương đề nghị thì mức bán trong 6 tháng cuối năm cũng sẽ xấp xỉ mức 6 tháng đầu năm. Tình hình này *thật nghiêm trọng*. Nếu chúng ta không tìm mọi biện pháp, một mặt nhằm đẩy mạnh việc thu mua, thu nợ bằng thóc, ngoài tỷ lệ quy định thu nợ bằng thóc cần tranh

thủ thu tiền; mặt khác lãnh đạo việc điều hoà lương thực trong nhân dân, đồng thời có kế hoạch quản lý việc bán gạo mậu dịch một cách thích hợp, thì dự trữ thóc gạo trong tay Nhà nước sẽ bị hụt nhiều, tình hình cung cấp lương thực cho những nơi cần thiết sẽ gặp khó khăn, việc bình ổn giá thóc gạo và vật giá nói chung sẽ bị ảnh hưởng không tốt.

2. Để bảo đảm cung cấp gạo trong nước, giữ vững giá gạo và để thực hiện được một phần kế hoạch xuất khẩu gạo đã ký kết từ đầu năm với các nước, Trung ương thấy cần phải nhắc lại một lần nữa để các cấp uỷ nhận rõ sự *cần thiết phải tăng cường gấp lực lượng lương thực của Nhà nước và hết sức cố gắng đạt yêu cầu thu mua thóc và thu nợ bằng thóc đã giao cho các địa phương trong vụ chiêm này.*

Hiện nay trong việc thu mua thóc, các địa phương đang gặp một số khó khăn: giá thị trường nhiều nơi còn trên giá chỉ đạo, tư tưởng giữ thóc khá phổ biến trong nhân dân. Nhưng xét khả năng thực tế của nông dân, nhất là của trung nông hiện nay, nếu ta làm tốt công tác vận động quần chúng, lãnh đạo chặt chẽ công tác thu mua thì vẫn có thể mua được.

Muốn thế, các địa phương, nhất là các tỉnh có nhiều thóc, *phải kết hợp chặt chẽ với việc lãnh đạo sản xuất vụ mùa và củng cố hợp tác xã nông nghiệp mà mở thêm một đợt vận động thu mua thóc và thu nợ từ nay đến giữa tháng 8-1959.* Trong đợt này, phải tập trung khả năng làm tốt ở những huyện, xã có nhiều thóc, làm tốt việc vận động những hộ thừa thóc bán thóc cho Nhà nước. Trong việc thu nợ, cần tập trung vào vận động nông dân trả các khoản nợ từ 1958 trở lại đây. Các cấp uỷ cần nắm vững những biện pháp căn bản đã đề ra trong Chỉ thị số 140-CT/TW của Trung ương là: *bảo đảm học tập có đấu tranh tư tưởng trong Đảng và ngoài*

nhân dân về nghĩa vụ bán thóc và trả nợ cho Nhà nước; phân mức bán thóc và trả nợ xuống từng xóm và từng nông hộ; giáo dục, động viên cán bộ và đảng viên phát huy tác dụng gương mẫu trong việc bán thóc và trả nợ. Các khu uỷ, thành uỷ và tỉnh uỷ phải cử cấp uỷ viên về cùng các huyện uỷ đôn đốc chỉ uỷ các xã thực hiện đầy đủ các việc trên. Trong đợt này cần đặt trách nhiệm cho cán bộ tất cả các ngành, nhất là các cán bộ đương xuống nông thôn vận động sản xuất và hợp tác hoá, phải kết hợp vận động thu mua và thu nợ.

3. Về mặt bán ra, trong 6 tháng cuối năm nay, *việc bán gạo ra cần được quản lý chặt chẽ.* Trong nông thôn còn có thóc, còn lực lượng lương thực nhà nước thì có hạn, cho nên phải dành lực lượng của Nhà nước bảo đảm cung cấp cho các thành thị, các khu công nghiệp và các vùng không có nông nghiệp. Ở những vùng này, cần thực hiện bán theo phiếu hoặc sổ gia đình. Ở những vùng sản xuất lúa mà hai vụ vừa qua đều được thì chủ yếu là dựa vào việc điều hoà lương thực trong nhân dân, vận động nông dân bán thóc cho nhau theo tinh thần tương trợ; chỉ khi nào và chỉ ở nơi nào xét giá cả có thể đột biến thì mới bình ổn trong phạm vi cần thiết; nếu có những hộ thật thiếu gạo thì UBHC xã cần căn cứ vào tình hình cụ thể của từng hộ mà cấp giấy giới thiệu đi đong gạo của mậu dịch quốc doanh, song cần vận động họ thực hiện "ăn hết gạo nhà rồi mới đong gạo mậu dịch".

Về mức bán ra trong 6 tháng cuối năm nay của từng địa phương, Trung ương quy định cụ thể để tránh tình trạng bị động trong việc sử dụng lực lượng thóc gạo. Mức đã giao cho các khu, thành, tỉnh là mức tính toán căn cứ vào kế hoạch nhà nước và tình hình từng địa phương. *Các địa phương có trách nhiệm quản lý bán ra trong mức đã định và phải tuyệt đối*

phục tùng lệnh điều động của ngành lương thực; không nơi nào được tự ý xuất kho ngoài kế hoạch, hoặc giữ lại lực lượng cho địa phương nếu không được Bộ Nội thương cho phép.

Muốn làm tốt công tác quản lý bán ra, cần phải dựa vào phong trào hợp tác hoá và sản xuất vụ mùa, tăng cường quản lý thị trường, tổ chức, sắp xếp thương nhân, tăng cường giáo dục nhằm ngăn chặn khuynh hướng của một số nông dân muốn bỏ sản xuất đi buôn. Đối với quần chúng tiêu thụ, cần giải thích cho mọi người hiểu chủ trương của Nhà nước về việc quản lý thương nhân, tiến hành cấp phiếu, cấp giấy giới thiệu ở những nơi cần thiết, nhằm tranh thủ sự đồng tình của quần chúng. Trong việc quản lý bán ra, cũng cần chú ý tránh những điều gì gò bó, gây ra căng thẳng không cần thiết. Mặt khác, cần hết sức chú trọng lãnh đạo nông dân đẩy mạnh sản xuất lương thực phụ đi đôi với sản xuất lúa để giải quyết thức ăn cho gia súc. Cần tuyên truyền, vận động toàn thể cán bộ và nhân dân thực hiện tiết kiệm lương thực, ăn thêm khoai, sắn ở những nơi có sản xuất, tránh mọi hiện tượng sử dụng thóc gạo một cách lãng phí.

Bộ Nội thương sẽ có chỉ thị riêng hướng dẫn cụ thể biện pháp quản lý thóc gạo.

4. Tình hình lương thực của ta hiện nay còn có nhiều khó khăn. Qua việc nắm lương thực trong vụ chiêm này, Đảng ta sẽ rút được nhiều kinh nghiệm trong công tác đó. Vì vậy, trong đợt vận động này, Trung ương đặt trách nhiệm cho các khu uỷ, thành uỷ, tỉnh uỷ nắm chắc tình hình, đúc kết kinh nghiệm địa phương để đầu tháng 8-1959, các khu uỷ, thành uỷ, tỉnh uỷ sẽ họp tổng kết tình hình, làm báo cáo cụ thể trình bày kết quả, kinh nghiệm và đề nghị của cấp uỷ gửi về Văn phòng Trung ương, Văn phòng Thủ tướng phủ và Đảng

đoàn Bộ Nội thương trước ngày 10-8-1959. Đề cương sơ kết sẽ gửi cho các địa phương sau. Trung ương sẽ triệu tập hội nghị tổng kết thu thuế, thu mua và thu nợ vào khoảng 20-8-1959.

Việc nắm lương thực trong vụ chiêm này có tính chất quan trọng đặc biệt, cần tiến hành một cách khẩn trương. Từ đầu vụ đến nay. Trung ương đã có chỉ thị nhiều lần; các đồng chí cần nhận thức đầy đủ và tích cực chấp hành.

Chỉ thị này cần được phổ biến và bàn kế hoạch thi hành trong các cấp uỷ và các ngành có trách nhiệm.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 83-NQ/TW, ngày 24-7-1959

Về một số vấn đề lao động, tiền lương và phúc lợi

Hội nghị Ban Bí thư họp ngày 22 và 29-6-1959 đã nghe Ban lương báo cáo về tổng kết thực hiện cải tiến chế độ tiền lương năm 1958 và về đề nghị giải quyết một số vấn đề về chính sách tiền lương, lao động và phúc lợi năm 1959 cho công nhân, viên chức và cán bộ.

Sau khi thảo luận, Ban Bí thư quyết nghị:

1. *Về báo cáo tổng kết thực hiện cải tiến chế độ tiền lương và tăng lương năm 1959 và phương hướng tiền lương năm 1960*

Vì chưa nghiên cứu kỹ và không đủ thì giờ thảo luận, Ban Bí thư giao lại cho Ban lương Trung ương và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước kết hợp với ý kiến của Đoàn chuyên gia Liên Xô về lao động và tiền lương, để nghiên cứu thêm và sẽ trình Ban Bí thư thảo luận trong một phiên họp sắp tới. Ban Bí thư sẽ báo cáo lại với Bộ Chính trị thảo luận và quyết định.

2. *Về vấn đề tuyển dụng công nhân, viên chức vào biên chế*

Đồng ý bỏ Thông tư số 402-TTg ngày 14-8-1958 của Thủ tướng phủ, và để cho các ngành, các cấp được tuyển dụng cán bộ, công nhân, viên chức vào biên chế, trước hết nhằm những

người trong lực lượng phụ động, làm việc theo hợp đồng đã phục vụ lâu năm mà chưa được đưa vào biên chế. Trong khi tuyển dụng, cần chú ý mấy điểm sau đây:

a) Những xí nghiệp và công trường mà nhiệm vụ sản xuất, xây dựng có tính chất liên tục, lâu dài, như xí nghiệp công nghiệp, giao thông vận tải, các cơ sở kinh doanh thương nghiệp, các nông trường, lâm trường, v.v. được tuyển dụng thêm công nhân, viên chức trong số nhân viên phụ động đang làm việc ở cơ sở, nhưng phải theo đúng đối tượng và tiêu chuẩn như Ban lương đề nghị. Đối với những công trường vì phụ thuộc theo thời tiết và thường hay lưu động, những nông trường công việc có tính chất thời vụ thì cần thiết và có thể tuyển một số công nhân, viên chức phụ động nhất định. Đối với công trường ở miền núi, dân số ít, sinh hoạt khó khăn, có thể tuyển dụng một lực lượng cố định nhiều hơn để bảo đảm công tác được thường xuyên.

b) Đối với cơ quan hành chính sự nghiệp, qua kiện toàn tổ chức và với nhu cầu công tác trước mắt phải tuyển thêm người thì cần xây dựng điều lệ biên chế tổ chức, báo cáo với Ủy ban kiện toàn Tổ chức Trung ương xét duyệt mới được tuyển dụng thêm người vào biên chế.

c) Đối với những người chưa được tuyển dụng vào biên chế (trừ những người thuê mượn tạm thời), cần chú ý thi hành một số trợ cấp xã hội như người trong biên chế.

d) Đối với công nhân làm việc theo lối gia công, đặt hàng, uỷ nhiệm thu mua thì không tuyển dụng vào biên chế.

Đảng đoàn Bộ Nội vụ, Bộ Lao động có trách nhiệm hướng dẫn thi hành đúng chủ trương này; trong lúc thi hành, cần chú ý kết hợp các chính sách khác, đề phòng những xu hướng sai lầm như cảm tình cá nhân, lạm dụng; và cần xuất phát từ

thực tế yêu cầu của công tác, sản xuất, nắm vững tinh thần kiện toàn tổ chức, tinh giản cơ quan và giảm nhẹ biên chế quản trị hành chính, văn thư, tạp vụ, linh tinh.

e) Đối với cán bộ xã được bầu vào huyện uỷ và phải thoát ly sản xuất để công tác ở huyện (công tác dân, chính, đảng) thì được đưa vào biên chế. Nếu không thoát ly sản xuất mà vẫn trực tiếp làm bí thư chi bộ xã thì không đưa vào biên chế; những cán bộ này tiếp tục hưởng chế độ thù lao của cán bộ xã đi công tác của huyện uỷ hoặc khi đi học tập thì hưởng tiêu chuẩn như huyện uỷ viên khác.

g) Đối với đề nghị của miền núi cho biên chế rộng hơn để có thể kết hợp đào tạo cán bộ dân tộc, Ban Bí thư thấy cần phân biệt hai vấn đề:

- Nếu do yêu cầu đào tạo nhiều cán bộ dân tộc thì có thể xin thêm kinh phí về đào tạo cán bộ;

- Trường hợp đặc biệt, vì cần giải quyết vấn đề đoàn kết dân tộc mà phải đưa thêm một số người vào biên chế thì báo cáo Ban Tổ chức Trung ương xét và quyết định.

3. Về vấn đề điều chỉnh lương trong năm 1959

Ban Bí thư đồng ý với đề nghị của Ban lương Trung ương không đặt vấn đề điều chỉnh lương trong năm 1959, mà chỉ nên giải quyết những trường hợp cụ thể sau đây, theo như nhiệm vụ thường xuyên của công tác tiền lương và theo những nguyên tắc đã quy định:

A- Ở khu vực sản xuất

a) Trường hợp người cán bộ, nhân viên mới ở nhà an dưỡng hoặc điều dưỡng mới về công tác ở một nơi nào đó, hoặc mới được phái đến nhận công tác (có tuyên bố rõ khi sắp xếp), nay được xếp lại bậc lương theo đúng khả năng.

b) Trường hợp cơ quan xếp lương vận dụng sai thang lương thì cần phải sắp xếp lại cho đúng.

c) Trường hợp người cán bộ, công nhân, nhân viên đã được xếp bậc lương, nay được chuyển sang nhận một công tác khác, thuộc một thang lương khác, thì xếp lại cấp bậc lương theo thang lương của công tác mới. Nếu lương mới cao hơn thì hưởng theo mức lương mới, nếu thấp hơn thì tạm giữ nguyên lương cũ cho đến khi có quyết định sắp xếp lại.

d) Trường hợp người học việc, phụ việc, tập sự, nay đã đủ khả năng để phụ trách thợ chính, việc chính theo yêu cầu của tiêu chuẩn kỹ thuật, thì được sắp xếp để hưởng lương theo công việc đang phụ trách.

Cả bốn trường hợp nói trên sau khi sắp xếp cấp bậc mới thì được truy lĩnh từ khi Bộ Lao động có thông tư cho sắp xếp lại.

B- Ở khu vực hành chính

a) Những cán bộ được đề bạt làm trưởng phòng, phó phòng, trưởng phòng được đề bạt làm giám đốc, phó giám đốc, được sắp xếp lại theo chức vụ mới và hưởng mức lương khởi điểm của khung lương chức vụ mới, nhưng nếu bậc lương cũ vẫn nằm trong khung lương chức vụ mới thì không đặt vấn đề sắp xếp lại.

b) Đối với cán bộ được bầu vào huyện uỷ, tỉnh uỷ và uỷ ban hành chính huyện, tỉnh vừa qua, nếu sau khi được bầu vẫn ở cương vị công tác cũ thì không sắp xếp lại; nhưng nếu người được bầu được chuyển làm công tác thường trực hoặc chuyên trách của cấp uỷ hoặc uỷ ban thì được sắp xếp lại và hưởng bậc lương khởi điểm của khung lương chức vụ mới. Trong khi sắp xếp, cần chú ý đến tương quan bậc lương của cán bộ được sắp xếp với các uỷ viên khác trong cấp uỷ hoặc

ủy ban. Nếu cấp bậc lương cũ vẫn nằm trong khung lương chức vụ mới thì không sắp xếp lại.

c) Trường hợp do giải thể cơ quan khu, hoặc do yêu cầu tăng cường cán bộ cấp dưới, mà cán bộ cấp trên về được xếp vào một công việc lương thấp hơn bậc lương hiện lĩnh thì vẫn được giữ nguyên mức lương cũ cho đến khi có quyết định sắp xếp lại.

Đối với cán bộ được đề bạt, nếu được sắp xếp lại thì được truy lĩnh kể từ ngày chính thức nhận nhiệm vụ theo chức vụ mới.

Đối với cán bộ chuyển công tác, nếu được sắp xếp lại thì được truy lĩnh từ khi Bộ Lao động có thông tư cho sắp xếp lại.

Bộ Lao động và Bộ Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn các cấp và các ngành thực hiện chủ trương trên.

C- Để khuyến khích phong trào cải tiến kỹ thuật, sáng chế phát minh phục vụ đẩy mạnh sản xuất, cần nghiên cứu gấp *phụ cấp kỹ thuật* để thi hành trong năm 1959.

4. Về vấn đề bỏ dần chế độ nửa cung cấp

Sau khi nghe đồng chí Bùi Đạt, Ủy viên Đảng đoàn Bộ Nội thương báo cáo thêm về chủ trương bỏ chế độ bán vãi, phụ tùng xe đạp cho cán bộ, công nhân, viên chức theo giá cung cấp, Ban Bí thư đã thảo luận và quyết định như sau:

a) Theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương lần thứ 13, tiền lương năm 1958 chưa tăng nhiều, cho nên việc bỏ chế độ nửa cung cấp phải làm dần, việc bán một số hàng cho công nhân, viên chức theo giá cung cấp cần duy trì trong một thời gian nữa. Trong năm 1959, lương không tăng, giá một số thực phẩm có tăng lên, đời sống công nhân, viên chức có bị ảnh hưởng. Vì vậy Ban Bí thư thấy cần xét lại việc bỏ chế độ bán một số vãi và phụ tùng xe đạp theo giá cung cấp cho cán

bộ, công nhân, viên chức cho đúng với nghị quyết của Trung ương là "bỏ dần", để khỏi ảnh hưởng đến sinh hoạt của cán bộ, công nhân, viên chức. Một mặt phải bỏ những cái có thể bỏ được, nhưng mặt khác phải nghiên cứu cách bỏ dần.

b) Về vấn đề trả tiền nhà, điện, nước thì vẫn thi hành theo thông tư quy định của Thủ tướng phủ.

c) Để bảo đảm cung cấp thực phẩm cho công nhân, viên chức, Bộ Thương nghiệp cần tăng cường quản lý giá cả và mặt hàng thực phẩm phụ, chú ý những vùng tập trung công nghiệp và xây dựng cơ bản.

Ban Bí thư giao cho Ban lương, các Đảng đoàn Bộ Thương nghiệp, Lao động, Nội vụ, Tổng Liên đoàn Lao động và Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu giải quyết cụ thể các vấn đề trên. Còn điểm gì mắc mứu và không thống nhất ý kiến thì sẽ xin chỉ thị Ban Bí thư thêm.

5. Về công tác tiền lương, phúc lợi năm 1959

Nhiệm vụ công tác tiền lương năm 1959 là phải tiếp tục thực hiện đầy đủ Nghị quyết Trung ương lần thứ 13, cụ thể là:

a) Xúc tiến xây dựng các chính sách và chế độ thuộc quỹ xã hội. Về chế độ bảo hiểm xã hội, cần tiến hành nghiên cứu gấp và toàn diện về các chính sách đãi ngộ khi ốm đau, thương tật, sinh đẻ, hưu bổng, tiền tuất, và phải ban hành cùng một lúc với chế độ lương mới đầu năm 1960. Trước mắt, cần nghiên cứu giải quyết một số vấn đề cấp bách như trợ cấp thôi việc cho người già yếu, mất sức lao động, chế độ trợ cấp khi chết và tiền mai táng, nhưng cần phải chú ý cho những chính sách tạm thời đó không làm trở ngại cho việc ban hành chế độ bảo hiểm xã hội sau này.

Ban Bí thư có ý kiến cụ thể như sau:

- *Vấn đề trợ cấp thôi việc cho người già yếu, mất sức lao động.*

Do yêu cầu kiện toàn tổ chức, và yêu cầu của sản xuất, cần phải giải quyết cho những người già yếu, mất sức lao động thôi việc, và cần có chế độ trợ cấp thôi việc thích đáng. Trong lúc đang nghiên cứu chế độ bảo hiểm xã hội, thì các trường hợp trên đây chỉ nên coi là trường hợp cho thôi việc, và cần bổ sung Thông tư số 594-TTg về trợ cấp thôi việc. Trong lúc nghiên cứu giải quyết vấn đề này, cần bảo đảm đúng chính sách cán bộ của Đảng và phải nhìn trên hai mặt: vừa cố gắng bảo đảm đời sống cho người thôi việc tương đương với mức sống nhân dân lao động, đồng thời phải chú ý đến những thành tích của mỗi người đóng góp cho cách mạng, cho sản xuất.

Trước hết, cần cố gắng bố trí, sử dụng những người yếu, mất sức lao động vào những công việc nhẹ, hợp với khả năng; chỉ khi không thể bố trí được vào việc gì nữa mới cho thôi việc. Diện giải quyết không nên rộng đối với cán bộ kháng chiến, cần phải thận trọng và giải quyết một cách chặt chẽ.

Về mức độ trợ cấp, cần nhìn đến quan hệ với các chính sách đã có, như trợ cấp cho thương binh, cán bộ quân đội già yếu giải ngũ để giải quyết cho thoả đáng. Trợ cấp khởi điểm chỉ nên là 30% số lương cả năm, nhưng phải chú ý đến hoàn cảnh cụ thể của mỗi người, như: bệnh tật, gia đình, để chiếu cố trong chính sách. Đối với nhân viên lưu dụng mức tối đa có thể hơn 80đ một ít.

Đối với những người không có nơi nương tựa thì cần đưa vào những nhà an dưỡng (nếu thiếu nhà có thể nghiên cứu xây dựng thêm).

Vấn đề này quan hệ rất lớn đến tư tưởng và đời sống của công nhân, viên chức, nếu giải quyết không tốt sẽ gây những ảnh hưởng xấu về mặt xã hội và chính trị; vì vậy khi chuẩn bị thi hành, cần nắm tình hình thật chặt, cân nhắc trong khi giải quyết và coi trọng công tác giáo dục, lãnh đạo tư tưởng, đề phòng những lệch lạc có thể xảy ra.

- *Vấn đề trợ cấp tiền tuất*

Trong lúc đang nghiên cứu chế độ bảo hiểm xã hội, thì chỉ nên có văn bản quy định chế độ trợ cấp khi chết và tiền mai táng thống nhất giữa hai khu vực (thống nhất theo khu vực hành chính).

b) Xây dựng điều lệ cụ thể về quản lý quỹ tiền lương.

c) Xây dựng quy tắc về quản lý chính sách tiền lương và quỹ xã hội, quy định rõ quyền hạn, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề quan trọng về tiền lương và quỹ xã hội.

d) Tổng kết tình hình thực hiện lương trả theo sản phẩm và chế độ tiền thưởng để có kế hoạch hướng dẫn mở rộng.

đ) Nghiên cứu chính sách và kế hoạch tiền lương và phúc lợi năm 1960.

e) Cố gắng giải quyết một số vấn đề về xã hội, phúc lợi bức thiết hiện nay:

- *Vấn đề nhà ở:* cần cố gắng xây dựng thêm một số nhà ở cho công nhân, viên chức, chú ý trước những khu vực công nghiệp và các thành phố.

- *Vấn đề giữ trẻ:* về chế độ giữ trẻ, cần tranh thủ thống nhất giữa các loại công nhân, viên chức. Công tác này cần được coi trọng hơn, không những nhằm giải quyết khó khăn trước mắt cho nữ công nhân, viên chức, mà còn tạo điều kiện

cho chị em phụ nữ chưa có việc hoặc bận bịu vì con cái có điều kiện tham gia vào mặt trận sản xuất và các mặt hoạt động xã hội khác, làm cho phụ nữ thực sự bình đẳng với nam giới. Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Trung ương cần phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động, Bộ Lao động, Bộ Nội vụ bàn biện pháp và kế hoạch cụ thể để tiến hành. Cần chú ý xây dựng những nhà giữ trẻ, vườn trẻ quy mô nhỏ, theo khu phố để thuận lợi cho sinh hoạt và công tác của các bà mẹ. Về kinh phí thì quỹ xã hội của Nhà nước bảo trợ một phần, còn một phần thì dựa vào lực lượng nhân dân.

- *Vấn đề xây dựng một số sự nghiệp bảo hiểm xã hội:* Về việc xây dựng Nhà an dưỡng, điều dưỡng, nhà nghỉ ngơi, Ban Bí thư thấy cần phải làm, nhưng vì khả năng tài chính hiện nay, bước đầu nên làm có trọng điểm rồi sẽ phát triển dần. Các ngành, các bộ cần có kế hoạch thống nhất trong việc xây dựng các sự nghiệp trên, nhất là ở những vùng có thể nghỉ ngơi (Sầm Sơn, Đồ Sơn, Bãi Cháy).

Bộ Lao động, Bộ Nội vụ sẽ cùng các Bộ, Tổng Liên đoàn Lao động và Hội Liên hiệp Phụ nữ Trung ương thảo luận cụ thể những yêu cầu về xây dựng nhà ở, nơi giữ trẻ và các sự nghiệp bảo hiểm xã hội, dự toán xin thêm bao nhiêu tiền để đề nghị Chính phủ xét duyệt trong khi điều chỉnh kế hoạch 6 tháng cuối năm 1959.

6. Về vấn đề tổ chức Ban Lao động và Tiền lương

Để giúp Trung ương Đảng và Chính phủ đề ra đường lối, phương châm chính sách trong từng thời kỳ và chỉ đạo giải quyết kịp thời những vấn đề về lao động và tiền lương, cần thiết phải thành lập Ban Lao động và Tiền lương. Ban này có *nhiệm vụ:*

1- Giúp Trung ương Đảng và Chính phủ nghiên cứu đường lối, phương châm, chính sách chung về lao động và tiền lương công nhân, viên chức, cán bộ.

2- Nghiên cứu đề nghị Trung ương Đảng và Chính phủ giải quyết những vấn đề lớn về lao động và tiền lương có quan hệ đến nhiều bộ, nhiều ngành trong quá trình thực hiện các phương châm, chính sách chung.

3- Theo dõi việc chỉ đạo thực hiện các chính sách về lao động và tiền lương (qua Bộ Lao động và Bộ Nội vụ), tổng hợp tình hình chung, phát hiện các vấn đề và nghiên cứu giúp Trung ương Đảng và Chính phủ giải quyết.

Trong công tác hằng ngày, có những vấn đề cụ thể quan hệ đến một số bộ, thì Ban Lao động và Tiền lương có thể cùng các bộ thảo luận và giải quyết; nhưng nếu có ý kiến không thống nhất hoặc là vấn đề lớn thì cần đưa ra Hội nghị Thường vụ Hội đồng Chính phủ hoặc Ban Bí thư thảo luận và quyết định.

Ban Lao động và Tiền lương vừa có *tính chất* Hội đồng, vừa là cơ quan thường trực để nghiên cứu giúp Trung ương và Chính phủ giải quyết kịp thời những vấn đề về lao động và tiền lương.

Thành phần Ban Lao động và Tiền lương gồm có những đồng chí như sau làm cơ quan thường trực:

- Đại diện của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước,
- " Bộ Lao động,
- " Bộ Nội vụ,
- " Ban Tổ chức Trung ương,
- " Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam,
- " Bộ Tài chính.

Khi bàn đến các vấn đề có liên quan, thì sẽ mời thêm

đại diện của Bộ Nội thương, Ủy ban Dân tộc Trung ương, Thanh niên Lao động Trung ương, Phụ nữ Trung ương, Bộ Quốc phòng.

Vì lao động và tiền lương là một *vấn đề lớn* và có nhiều vấn đề thuộc về cơ mật của Nhà nước, cho nên các đại diện thường trực hoặc được mời, phải là uỷ viên của Ban, uỷ viên Đảng đoàn của các đoàn thể quần chúng, uỷ viên của Ủy ban Nhà nước, và Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng của các bộ.

Ban này sẽ do một đồng chí uỷ viên Bộ Chính trị làm Trưởng Ban (Bộ Chính trị sẽ phân công sau).

Để giúp Ban Lao động và Tiền lương tiến hành công tác hằng ngày, cần thành lập *Văn phòng thường trực* có từ bốn đến sáu cán bộ. Ban Tổ chức Trung ương sẽ lựa chọn và điều động số cán bộ nói trên, chọn trong những cán bộ đã làm qua công tác lao động và tiền lương ở các bộ. Bộ Lao động, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Ban Tổ chức Trung ương và Tổng Liên đoàn Lao động có nhiệm vụ cung cấp số cán bộ này. Văn phòng thường trực sẽ đặt cạnh Ủy ban Kế hoạch Nhà nước để thuận tiện cho việc phối hợp nghiên cứu và tổng hợp.

Sau khi Ban Lao động và Tiền lương được chính thức thành lập, Ban lương Trung ương hiện nay sẽ hết nhiệm vụ, Ban nghiên cứu quỹ xã hội do quyết định của Thủ tướng phủ thành lập sẽ thống nhất vào Ban Lao động và Tiền lương Trung ương.

Song song với việc kiện toàn Ban Lao động và Tiền lương Trung ương, các bộ, các ngành ở Trung ương, trước hết là các Bộ sản nghiệp, cần coi trọng việc kiện toàn tổ chức lao động và tiền lương của bộ, cục, sở và nhất là ở các xí nghiệp, để bảo đảm thực hiện các chính sách và kế hoạch lao động và

tiền lương ngày càng phức tạp. Vụ Lao động và Tiền lương và Phòng Lao động và Tiền lương nên thành lập riêng hoặc còn để chung trong Vụ Tổ chức cán bộ thì tùy sự cần thiết của công tác mỗi bộ mà quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 155-CT/TW, ngày 25-7-1959

Về tăng cường lãnh đạo công tác lao động, tiền lương

Đi đôi với việc cải tạo xã hội chủ nghĩa, công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế có kế hoạch ở miền Bắc nước ta đang tiến lên với một nhịp độ nhanh chóng. Yêu cầu về thợ chuyên nghiệp, về nhân công ngày càng nhiều. Kinh tế phát triển thì đời sống của công nhân và nhân dân lao động sẽ dần dần được cải thiện thêm.

Việc phân phối, sử dụng hợp lý sức lao động theo kế hoạch và việc bảo hộ sức lao động để đẩy mạnh tăng năng suất là vấn đề trọng yếu đòi hỏi các cấp uỷ đảng cần hết sức quan tâm lãnh đạo.

Hiện nay, nguồn nhân lực lớn nhất của ta là ở nông thôn, mà nông thôn thì đang đi vào hợp tác hoá, cải tiến kỹ thuật canh tác, có rất nhiều việc phải làm, cho nên việc bố trí nhân lực cho các ngành sản xuất nông nghiệp, cho thủy lợi, đê điều, cho xây dựng cơ bản, v.v. cần phải được phân phối hợp lý, để cho mọi ngành đều có thể bảo đảm hoàn thành kế hoạch nhà nước.

Ở các thành phố, do việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với

công thương nghiệp tư bản tư doanh, do việc cải tạo những người buôn bán nhỏ và hàng rong buôn vặt, cải tạo thủ công nghiệp, và việc giải quyết thất nghiệp mà cần phải nghiên cứu sắp xếp các lực lượng lao động cho hợp lý. Ngoài ra, còn có bộ đội phục viên, học sinh, v.v. cũng cần được nghiên cứu phân phối cho các ngành kinh tế quốc dân và các trường chuyên nghiệp.

Với tốc độ phát triển kinh tế, ta phải thấy trước và phải chuẩn bị để giải quyết vấn đề nhân công, đảm bảo công cuộc kiến thiết. Phải có kế hoạch điều hoà, phân phối và sử dụng sức lao động cho hợp lý; đào tạo các lực lượng lao động dự trữ; bồi dưỡng lao động, cải thiện đời sống vật chất và văn hoá, cải thiện điều kiện lao động và tổ chức lao động, làm cho năng suất lao động ngày càng tăng; thực hiện tiền lương theo nguyên tắc phân phối theo lao động; khen thưởng, động viên thi đua đẩy mạnh sản xuất; bảo hộ an toàn lao động, đảm bảo vệ sinh công nghiệp, làm cho sức lao động ngày càng phát triển không ngừng.

Vấn đề lao động, tiền lương quan trọng như vậy, đòi hỏi phải có sự lãnh đạo chặt chẽ, thống nhất và tập trung của trung ương và các cấp uỷ, và phải có sự quản lý thống nhất ở một cơ quan chính quyền. Bộ Lao động được Trung ương và Chính phủ giao nhiệm vụ này. Ở địa phương, cơ quan lao động địa phương phải được cấp uỷ lãnh đạo, chú ý kiện toàn về tổ chức và cán bộ để làm tròn nhiệm vụ giúp cấp uỷ và Ủy ban hành chính trong công tác lao động, tiền lương.

Các thành phố lớn, vùng công nghiệp tập trung cũng như các địa phương đều có trách nhiệm lãnh đạo chặt chẽ công tác lao động, tiền lương, vì ngoài sản xuất nông nghiệp, phải điều hoà nhân công để phục vụ công nghiệp địa phương, làm

các công tác giao thông, vận tải, thuỷ lợi, tiếp tế biên phòng, v.v., các địa phương còn có trách nhiệm cung cấp nhân công cho các vùng tập trung công nghiệp, các vùng thiếu nhân công và nhất là cho các tỉnh miền núi, v.v..

Đi đôi với công tác nhân lực, các địa phương phải chăm sóc, cải thiện đời sống công nhân, lao động, cải thiện chế độ làm việc, bảo hộ lao động, vệ sinh, an toàn trong sản xuất. Các địa phương có các hợp tác xã nên về mặt lao động, tiền lương cũng phải nghiên cứu hướng dẫn thi hành về các vấn đề quản lý điều hoà, phân phối, sử dụng sức lao động cho hợp lý, trả công theo nguyên tắc phân phối theo lao động, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội trong các hợp tác xã.

Mỗi địa phương có trách nhiệm góp ý kiến với Trung ương quy định về chính sách lao động, tiền lương và có trách nhiệm giải quyết các vấn đề cụ thể trong phạm vi địa phương mình.

Trách nhiệm của các địa phương về công tác lao động, tiền lương rất nặng nề. Ở một số ít địa phương, cấp uỷ đã chú ý đúng mức đến vấn đề này, nhưng còn nhiều địa phương cấp uỷ chưa chú ý; cho là công tác ngành lao động không có gì cho nên có một số nơi chưa nghiên cứu kỹ đã muốn bỏ ty lao động, có nơi muốn thu hẹp cơ quan lao động trong khi khối lượng công tác lao động phát triển; nhiều nơi đã điều động cán bộ lãnh đạo và cán bộ cốt cán của cơ quan lao động sang các ngành khác hoặc đưa đi công tác đột xuất từ 5, 7 tháng đến một vài năm.

Vì một số cấp uỷ không chú ý đến công tác lao động, tiền lương, cho nên công tác nhân lực gặp nhiều khó khăn, nơi thừa, nơi thiếu, tuyển, thải, sử dụng vô nguyên tắc, gây lãng phí, giá công thuê mướn không thống nhất, chế độ lao động,

tiền lương không được thi hành đầy đủ, tai nạn lao động còn xảy ra nhiều, ảnh hưởng nhiều đến sản xuất.

Để khắc phục những thiếu sót trên đây, để đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch nhà nước, các ngành, các cấp cần chú ý những điểm sau đây:

1. Các cấp uỷ đảng ở địa phương, ở các cơ sở doanh nghiệp, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường... cần có nhận thức đúng mức về tầm quan trọng của công tác lao động, tiền lương để chú ý tăng cường lãnh đạo trong phạm vi trách nhiệm của mình.

2. Các cấp uỷ địa phương cần chú ý củng cố cơ quan lao động địa phương mình nhân dịp kiện toàn tổ chức này, để có đủ khả năng đảm bảo nhiệm vụ công tác lao động, tiền lương. Đảng đoàn Bộ Lao động nhận định tính chất quan trọng của công tác lao động, tiền lương ở mỗi địa phương và đề nghị với cấp uỷ địa phương nên kiện toàn tổ chức và cán bộ như thế nào cho thích hợp.

3. Các đảng đoàn các ngành, các đảng uỷ cơ sở cần chú ý củng cố tổ chức phụ trách công tác lao động, tiền lương của ngành mình, cơ sở mình, cần chấp hành nghiêm chỉnh những chính sách, chế độ lao động, tiền lương đã được ban hành, và phải liên hệ chặt chẽ với cơ quan lao động là cơ quan có trách nhiệm quản lý thống nhất công tác lao động, tiền lương.

Các cấp uỷ và đảng đoàn các ngành cần chấp hành nghiêm chỉnh Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 153-CT/TW, ngày 27-7-1959

Về việc tăng cường lãnh đạo hơn nữa cuộc phát động cải tiến quản lý xí nghiệp quốc doanh

Cuộc phát động công nhân viên chức cải tiến quản lý xí nghiệp quốc doanh đã sơ kết bước ba ở các xí nghiệp thí điểm và đang mở rộng diện trong 163 xí nghiệp. Trong số đó, có 58 đơn vị đang ở bước ba, 50 đơn vị ở bước hai và 55 đơn vị ở bước một. Sau khi làm thí điểm bước một ở công trường xây dựng cơ bản ở Hà Nội, các địa phương và các ngành đang chuẩn bị mở rộng diện phát động ở các công trường xây dựng cơ bản.

Trải qua chín tháng công tác, nhờ sự chú ý lãnh đạo của các cấp ủy đảng và các đảng đoàn, nhờ sự cố gắng của cán bộ, đảng viên và quần chúng công nhân ở các xí nghiệp, công tác cải tiến quản lý xí nghiệp được tiến hành tương đối thuận lợi và bước đầu đưa lại những kết quả cụ thể. Công tác lãnh đạo chính trị, tư tưởng ở các xí nghiệp được đẩy mạnh; vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng bước đầu được tăng cường; giác ngộ xã hội chủ nghĩa của công nhân viên chức bước đầu được nâng cao; các tổ chức chính thức, đảng, công đoàn, Đoàn

Thanh niên ở xí nghiệp bước đầu được củng cố; công tác quản lý sản xuất và các mặt nghiệp vụ dần dần được cải tiến; tinh thần phấn khởi thi đua sản xuất của quần chúng công nhân được đề cao rõ rệt. Nhờ đó mà nhiều xí nghiệp đã hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức kế hoạch 6 tháng đầu năm 1959 mặc dầu nhiệm vụ kế hoạch năm nay nặng hơn nhiều so với năm 1958.

Nhưng nhìn chung, cuộc phát động cải tiến quản lý xí nghiệp tiến hành chậm trễ, kéo dài, kết quả còn bị hạn chế khá nhiều. Cho nên có một số xí nghiệp quan trọng không hoàn thành kế hoạch 6 tháng đầu năm nay. Ngoài những khó khăn khách quan chưa có thể khắc phục được ngay trong cuộc phát động, thì về mặt chỉ đạo của các cấp ủy đảng, nhất là của các ngành phụ trách quản lý xí nghiệp còn có những thiếu sót như sau:

1. Sự tập trung chỉ đạo của các cấp ủy đảng địa phương, xí nghiệp và công trường chưa được thường xuyên từ đầu đến cuối cuộc phát động, để liên tục đẩy mạnh phong trào cải tiến quản lý xí nghiệp từ thấp lên cao, từ vấn đề chính trị tư tưởng chung đến những vấn đề kinh tế, nghiệp vụ, chuyên môn trong công tác quản lý sản xuất và để nâng dần giác ngộ xã hội chủ nghĩa của quần chúng từ sự phân biệt bản chất hai chế độ xã hội đến sự đề cao ý thức làm chủ Nhà nước trong công tác quản lý sản xuất hàng ngày. Có những cấp ủy đảng lúc đầu lơ đãng lãnh đạo, về sau đã được uốn nắn, nhưng lại có cấp ủy lúc đầu lãnh đạo khá chặt, về cuối cuộc phát động lại có phần lơ đãng. Đối với các tỉnh có ít xí nghiệp, sự chỉ đạo của thường vụ cấp ủy cũng chưa chặt chẽ. Sự hoạt động của ban cải tiến các cấp còn rời rạc, thất thường; có nơi khoán trắng cho bộ phận thường trực, có nơi ỷ lại vào một vài

cán bộ chuyên trách. Tư tưởng "cuối mùa" đang chớm nở trong cán bộ các cấp.

2. Các Đảng đoàn các bộ có liên quan đến cuộc phát động, từ bước một đến bước hai ít theo dõi tình hình và giúp đỡ các xí nghiệp, công trường. Sau khi Trung ương nhắc nhở, các ngành đã bắt đầu chú ý nghiên cứu cải tiến một số vấn đề về nghiệp vụ như: phân cấp quản lý, sửa đổi và ban hành một số thể lệ, chế độ nhằm phục vụ đẩy mạnh sản xuất. Nhưng nói chung các ngành còn xem nhẹ sự chỉ đạo xí nghiệp trong việc cải tiến công tác chuyên môn; ít chú ý hướng dẫn cụ thể cho các xí nghiệp xây dựng tổ sản xuất, xây dựng kế hoạch sản xuất (trong các đại hội công nhân viên chức), cải tiến thể lệ, chế độ và bộ máy quản lý sản xuất cho thích hợp với từng ngành, từng loại xí nghiệp, công trường. Tình trạng tách rời công tác chuyên môn, công tác nghiệp vụ với công tác chính trị và tư tưởng trong các cơ quan của bộ, cục còn khá phổ biến.

3. Các công tác khác của các ngành phục vụ cho cuộc phát động chưa theo kịp với yêu cầu phát triển của cuộc phát động ở xí nghiệp. Công tác tuyên truyền còn yếu; công tác tổ chức đảng có nhiều vấn đề chưa được nghiên cứu kịp thời; nội dung giáo dục cho từng loại xí nghiệp chưa được kịp thời hướng dẫn; việc theo dõi những phần tử xấu trong xí nghiệp còn kém, v.v..

Hiện nay diện của cuộc phát động ngày càng mở rộng, bao gồm nhiều loại xí nghiệp, công trường thuộc nhiều ngành, ở nhiều địa phương. Do tính chất phức tạp của tình hình công trường nên trong công tác phát động sẽ có nhiều vấn đề khác với các xí nghiệp sản xuất cần phải nghiên cứu giải quyết. Đặc biệt là công tác bước ba phải giải quyết nhiều vấn đề thuộc về quan điểm lập trường trong công tác chuyên

môn, nghiệp vụ để quản lý sản xuất và xây dựng. Bước ba lại là bước có tính chất quyết định kết quả cụ thể về sản xuất và xây dựng của các xí nghiệp, công trường. Kế hoạch sản xuất và xây dựng năm 1959 của xí nghiệp và công trường so với kế hoạch năm 1958 cao lên rất nhiều. Về mặt quản lý sản xuất và xây dựng lâu nay do các bộ phụ trách, các cấp uỷ địa phương thì chưa nắm chắc. Muốn bảo đảm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1959 ở các xí nghiệp và công trường; ngoài những biện pháp chuyên môn khác thì phát động cải tiến quản lý xí nghiệp là *biện pháp chủ yếu nhất*. Phải thông qua cuộc phát động này mà củng cố lập trường, bồi dưỡng quan điểm giai cấp và cải tiến tác phong công tác của cán bộ đảng viên ở cơ quan lãnh đạo xí nghiệp, công trường từ trung ương đến cơ sở và dựa vào sự tiến bộ ấy mà ra sức cải tiến công tác nghiệp vụ, chuyên môn của các ngành quản lý xí nghiệp và công trường.

Để thích ứng với tình hình cải tiến quản lý xí nghiệp hiện nay, để đảm bảo thắng lợi của cuộc phát động, vấn đề mấu chốt là tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện đúng Chỉ thị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng trong Nghị quyết 61 là: "*Cuộc phát động này do các cấp uỷ địa phương phối hợp với các đảng đoàn, các bộ trực tiếp chỉ đạo dưới sự lãnh đạo thống nhất của Ban Bí thư Trung ương*". Ngoài các vấn đề mà Ban Bí thư đã nêu trong các cuộc hội nghị với các ngành tháng 6-1959, hội nghị sơ kết bước ba, và bàn về tiến hành cải tiến quản lý ở công trường, Ban Bí thư nhắc thêm mấy điểm cụ thể dưới đây:

1- Các khu uỷ, thành uỷ, tỉnh uỷ thực sự theo dõi và chỉ đạo cuộc phát động ở các xí nghiệp thuộc địa phương mình, nhất là ban thường vụ cấp uỷ đảng phải dành thì giờ cần

thiết để nghe phản ánh tình hình xí nghiệp và công trường, tập thể bàn bạc và giải quyết các vấn đề, sửa chữa các thiếu sót trong quá trình thực hiện các bước công tác, đặc biệt là đối với bước ba ở các xí nghiệp và các bước ở công trường. Các cấp uỷ viên trực tiếp phụ trách công tác này, phải dành thì giờ, đi sát nghiên cứu tình hình ở một vài xí nghiệp, công trường trọng điểm, kịp thời rút kinh nghiệm phổ biến cho các đơn vị khác. Cần chấn chỉnh Ban cải tiến quản lý xí nghiệp làm cho Ban này đủ khả năng theo dõi, nghiên cứu tình hình và sinh hoạt đều đặn. Một số uỷ viên trong Ban nếu vì quá bận công tác khác thì cần cử cán bộ khác thay thế, không nên chỉ để cho có tên mà không thực tế phụ trách. Nơi nào còn thiếu cán bộ chuyên trách thì bổ sung thêm, không được rút bớt cán bộ đi làm công tác khác. Về việc hoãn chỉnh huấn đối với số cán bộ này, Trung ương sẽ có kế hoạch riêng.

2- Các đảng đoàn các bộ phụ trách quản lý xí nghiệp phải thực sự tập thể theo dõi tình hình quản lý xí nghiệp ở đơn vị thuộc bộ mình phụ trách. Đặc biệt đối với công tác bước ba, ngoài việc nghiên cứu cải tiến một số công tác nghiệp vụ thuộc bộ phụ trách như phân cấp quản lý, sửa đổi thể lệ, chế độ, v.v. nhiệm vụ chủ yếu của các đảng đoàn là rút kinh nghiệm đề ra *phương hướng và nguyên tắc cụ thể để hướng dẫn* các xí nghiệp và công trường thuộc phạm vi quản lý của mình xây dựng tổ sản xuất, xây dựng và bàn biện pháp thực hiện kế hoạch năm 1959 (ở các đại hội công nhân viên chức), sửa đổi và kiện toàn bộ máy quản lý và các thể lệ, chế độ về sản xuất ở các xí nghiệp cho thích hợp với tình hình từng loại xí nghiệp và công trường; đồng thời cần đặc biệt chú trọng giúp đỡ các xí nghiệp giải quyết các điều kiện vật chất cần thiết để đẩy mạnh sản xuất. Việc theo dõi rút kinh nghiệm ở

các xí nghiệp và công trường thí điểm của Trung ương thì do Ban Cải tiến quản lý xí nghiệp Trung ương phụ trách; việc hướng dẫn áp dụng kinh nghiệm chung ấy vào từng loại xí nghiệp, công trường, và việc theo dõi sự thực hiện ở các xí nghiệp, công trường, thuộc ngành nào phải do đảng đoàn ngành ấy phối hợp với các cấp uỷ địa phương trực tiếp phụ trách. Về mặt tổ chức chỉ đạo, các đảng đoàn các bộ cần có một bộ phận cán bộ chuyên trách công tác này do một đồng chí trong đảng đoàn phụ trách. Bộ phận này thường xuyên đi sát một số xí nghiệp, công trường trọng điểm, kiểm tra tình hình, đồng thời theo dõi tình hình chung để kịp thời giúp đảng đoàn chỉ đạo công tác cải tiến quản lý xí nghiệp. Đối với những vấn đề quan trọng và đặc biệt của xí nghiệp ngành mình, hoặc qua từng bước phát động, các đảng đoàn cần có những hội nghị xí nghiệp để đúc kết và rút kinh nghiệm phổ biến cho kịp thời. Đối với những xí nghiệp đã xong bước ba, các ngành cần có kế hoạch hướng dẫn các xí nghiệp, công trường tiếp tục củng cố phong trào, giải quyết những vấn đề tồn tại.

3- Các cơ quan có liên quan đến công tác cải tiến quản lý xí nghiệp như: Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Lao động, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Văn hoá, Ngân hàng, các Ban Tổ chức, Tuyên huấn, Công vận, Thanh vận, v.v. cần xúc tiến giải quyết một số vấn đề chuyên môn để phục vụ cuộc phát động, như cải tiến và ban hành một số thể lệ, chế độ, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, v.v..

4- Hiện nay ở các xí nghiệp, công trường đang có phong trào cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất có tác dụng phát huy thắng lợi của cuộc vận động cải tiến quản lý xí nghiệp. Đó là biểu hiện tốt của phong trào công nhân đang phát triển

một cách lành mạnh để nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh sản xuất. Các cấp uỷ đảng, các đảng đoàn các ngành cần kịp thời phát huy nhân tố tích cực ấy để lãnh đạo đẩy mạnh phong trào cải tiến kỹ thuật hợp lý hoá sản xuất. Ủy ban Khoa học Nhà nước, Ban Thi đua Trung ương và các bộ trực tiếp quản lý xí nghiệp cần tăng cường lãnh đạo, đặc biệt theo dõi phong trào, đúc kết và phổ biến kinh nghiệm và tổ chức động viên khen thưởng kịp thời.

Nhận được Chỉ thị này, các cấp uỷ đảng địa phương và các đảng đoàn các bộ cần nhận định tình hình chỉ đạo của cơ quan mình, nhận rõ những cố gắng vừa qua, thấy rõ các thiếu sót về chỉ đạo để bàn biện pháp thi hành chỉ thị cho đúng đắn. Cần chú ý đề phòng tư tưởng mệt mỏi, đầu voi đuôi chuột trong cán bộ lãnh đạo và cán bộ trực tiếp làm công tác cải tiến. Sau khi các đảng đoàn đã kiểm điểm tình hình, Ban Cải tiến quản lý xí nghiệp Trung ương sẽ phối hợp với các đảng đoàn để bàn biện pháp cụ thể thi hành và phổ biến Chỉ thị này cho cán bộ chuyên môn. Sau khi cấp uỷ đảng địa phương đã thảo luận, cần phổ biến Chỉ thị này đến các đảng bộ ở xí nghiệp và công trường để kịp thời uốn nắn các lệch lạc thiếu sót trong việc thực hiện cuộc phát động cải tiến quản lý xí nghiệp. Các cấp uỷ đảng ở địa phương và các đảng đoàn cần gửi dự kiến kế hoạch toàn diện phát động ở địa phương mình cho Ban Bí thư và Ban Cải tiến quản lý xí nghiệp Trung ương.

Để cho cuộc phát động đạt được mục đích cuối cùng là đẩy mạnh sản xuất, hoàn thành tốt kế hoạch nhà nước năm 1959, tạo điều kiện cho một cao trào đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và công nghiệp trong năm 1960, Ban Bí thư mong rằng các cấp uỷ đảng, các đảng đoàn và toàn thể đảng

viên hãy đề cao tinh thần trách nhiệm, kiên quyết tăng cường lãnh đạo, quyết tâm hoàn thành toàn bộ cuộc phát động một cách thắng lợi theo đúng yêu cầu tốt, nhanh và gọn của Trung ương.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 84-NQ/TW, ngày 30-7-1959

Về việc xây dựng sân bay Phú Thọ

Căn cứ vào nhu cầu phục vụ công cuộc xây dựng kinh tế ở miền Bắc,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1. Xây dựng tại Phú Thọ một sân bay cấp A, bảo đảm cho các loại máy bay vận tải loại lớn, kể cả TU.104 lên xuống được trong bất cứ tình hình khí tượng nào. Về địa điểm, sân bay sẽ xây dựng trên cơ sở sân bay cũ có mở rộng thêm. Toàn bộ diện tích chiếm khoảng trên 300 héc-ta.

2. Thời gian xây dựng, từ lúc thiết kế đến lúc hoàn thành, khoảng từ hai năm đến hai năm rưỡi.

3. Kinh phí ước độ trên 30 triệu đồng.

4. Bộ Chính trị giao trách nhiệm cho đảng đoàn các bộ, các ngành sau đây tham gia xây dựng:

- Bộ Giao thông và Bưu điện,
- Bộ Kiến trúc,
- Bộ Công nghiệp,
- Bộ Nội thương,

- Bộ Thủy lợi,
- Tổng cục hậu cần,
- Cục hàng không dân dụng,
- Tỉnh uỷ Phú Thọ.

Vì Bộ Giao thông Bưu điện phải đảm nhận khối lượng công tác lớn nhất và chỉ tiêu kế hoạch nhà nước ghi vào phần của bộ, nên Đảng đoàn Bộ Giao thông sẽ chịu trách nhiệm chính.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỜNG CHINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 85-NQ/TW, ngày 6-8-1959

Về công tác khẩn cấp chống lụt, bão, lũ, úng

Năm nay, thời tiết có nhiều diễn biến đột xuất, có những trận mưa đến 560 ly. Lũ lớn đã xảy ra bất ngờ ở một số địa phương miền núi, như Bắc Cạn, Thái Nguyên; nước sông lên to chưa từng có như mức sông Cầu ở Thái Nguyên lên cao hơn 19,3 là năm nước to nhất. Nhiều trận mưa to liên tiếp đã làm cho gần 20 vạn mẫu ruộng bị úng ở một số tỉnh. Vừa qua, nước nguồn đổ về mạnh, nước sông lên nhanh vượt bậc và xuống chậm khác mọi năm nhiều.

Về công tác chuẩn bị và tổ chức chống bão, lụt, lũ, úng, một số địa phương làm khá, nhưng nhiều địa phương vẫn đặt chưa đúng mức, có nơi còn sơ sài, chuẩn bị chưa thiết thực, thiếu khẩn trương, chưa sẵn sàng ứng phó khi gặp bất trắc, có nơi lãnh đạo còn chủ quan, quần chúng chưa được giáo dục. Đề điều năm nay nhiều nơi làm đạt kế hoạch nhưng nói chung còn có nhiều nhược điểm; và so với tình hình đặc biệt của năm nay thì việc lãnh đạo phòng, chống lụt bão, v.v. phải hết sức khẩn trương mới có thể đối phó với tình hình. Nhìn chung, các cấp lãnh đạo tuy đã chú trọng tới công tác chống bão, lụt, lũ, úng, nhưng chưa thấy hết đặc điểm của tình hình thời tiết năm nay, nên vẫn chủ quan, thiếu kiểm tra,

đôn đốc khẩn trương và có kế hoạch dự phòng chu đáo các mặt, do đó mà đến lúc việc xảy ra thì bị động, lúng túng, như Thái Nguyên. Sự thiệt hại ở Thái Nguyên là một bài học lớn. Nếu chúng ta không chủ động chống lụt, bão, lũ, úng chu đáo, thì sự thiệt hại của Nhà nước và của nhân dân trong năm nay sẽ rất to lớn, ảnh hưởng rất nhiều tới nhiệm vụ kế hoạch ba năm và kế hoạch dài hạn sắp tới.

Trước mắt, chúng ta đã ở vào thời kỳ trung phục, tức là thời kỳ nghiêm trọng nhất của mùa mưa lụt. Trong tháng 8, nhất là trong 20 ngày đầu tháng 8, lượng mưa có thể nhiều, nước nguồn có thể đổ về nhanh, nước thủy triều đang ở vào thời kỳ con nước lên. Trong lúc đó, ở khắp mọi nơi đất đã hút đầy nước, đồng ruộng đang có nước úng, các triền sông sẵn có nước lớn đang rút chậm. Vì vậy, mức nước có thể lên cao; bão, lụt, lũ, úng có thể xảy ra lớn mà cần phải tích cực chuẩn bị để sẵn sàng đối phó, tránh thiệt hại có thể xảy ra.

Trước tình hình đó, Ban Bí thư quyết định:

Công tác chống bão, lụt, lũ, úng là công tác trung tâm đột xuất số 1 trong thời gian trước mắt. Cần tập trung lãnh đạo, tập trung lực lượng để chủ động ngay từ đầu, quyết thắng bão, lụt, lũ, úng trong mọi tình thế.

Để làm tốt nhiệm vụ đó, các tỉnh ở đồng bằng (kể cả Thanh - Nghệ - Tĩnh - Bình - Vĩnh Linh) và các ngành ở Trung ương có nhiệm vụ trực tiếp đối với công tác trên. Cần phải biết kết hợp khéo léo và chặt chẽ các công tác khác với công tác trung tâm đột xuất số 1 hiện nay. Nếu xét thấy cần, có thể hoãn một số công tác khác, kể cả việc chỉnh huấn để tăng cường chuẩn bị và làm tốt công tác chống bão, lụt, lũ, úng cấp bách trước mắt.

Các công tác cụ thể cần làm:

1. Trước hết, phải làm cho các cấp thống nhất được nhận định về đặc điểm tình hình và tính chất quan trọng cấp bách

của công tác chống bão, lụt, lũ, úng để đặt lãnh đạo đúng mức.

2. Có kế hoạch cụ thể và toàn diện để tích cực và chủ động chống bão, lụt, lũ, úng. Phải có chuẩn bị kế hoạch trước về việc điều động nhân lực, phương tiện và địa điểm hướng dẫn nhân dân bảo vệ tài sản khi có việc xảy ra, chú ý các kho tàng.

3. Tiến hành một đợt giáo dục rộng rãi trong nhân dân về vấn đề này, làm cho nhân dân nhận rõ trách nhiệm của mình mà tích cực tham gia thì công tác mới đem lại kết quả tốt. Trên cơ sở giáo dục phát động tốt tư tưởng quần chúng, tiến hành củng cố và tăng cường tổ chức lực lượng nhân dân chống bão, lụt, lũ, úng. Chú ý làm cho nhân dân thấy được vấn đề để phát huy đầy đủ tính tích cực, nhưng tránh làm cho nhân dân xao xuyến, chống tư tưởng hoang mang, ai lo phận nấy, buông trôi trách nhiệm chung, chống bọn phá hoại lợi dụng cơ hội đầu cơ, tuyên truyền xuyên tạc, gây hoang mang trong quần chúng.

4. Nắm chắc tình hình, chỉ đạo chặt chẽ và kịp thời. Muốn vậy:

- Các ban chỉ huy chống lụt, bão ở các cấp phải thực sự làm việc; bí thư hoặc phó bí thư và chủ tịch hoặc phó chủ tịch phải trực tiếp chịu trách nhiệm và chỉ đạo công tác;

- Củng cố và tăng cường hệ thống thông tin từ dưới lên và từ trên xuống, nắm vững mức nước từ đầu nguồn, kịp thời thông báo cho các nơi ở phía dưới biết để luôn luôn theo dõi và dự kiến được mực nước ở từng địa phương; thống nhất việc nắm tin, tập hợp tin và thông báo tin vào ban chỉ huy chống lụt, bão các cấp, mà ngành thủy lợi là cơ quan thường trực;

- Tăng cường công tác kiểm tra, bổ cứu tại chỗ: tỉnh uỷ, uỷ ban hành chính tỉnh cần đi kiểm tra tình hình tận nơi để thiết thực giúp đỡ cho các huyện, xã khẩn trương xúc tiến mọi công tác. Ở Trung ương, một số đồng chí trung uỷ, cán bộ

cao cấp trong Chính phủ, Quốc hội, cán bộ các ngành nông-lâm, thủy lợi, thương nghiệp cần phân phối đi về các tỉnh xung yếu để trực tiếp kiểm tra tình hình và giúp đỡ cụ thể các địa phương thực hiện;

- Phổ biến kinh nghiệm kịp thời: trước mắt, Ban chỉ huy chống lụt, bão Trung ương cần sơ bộ rút kinh nghiệm Thái Nguyên thông tri cho các địa phương.

5. Kỷ luật nghiêm minh, khen thưởng kịp thời.

Chỉ huy chống bão, lụt, lũ, úng như chỉ huy chiến dịch; công tác chống lụt, bão, lũ, úng là công tác chiến đấu. Phải có mệnh lệnh nghiêm ngặt, kỷ luật chặt chẽ. Phải trừng phạt thích đáng bọn phản động gây hoang mang và hoạt động phá hoại, những phần tử lợi dụng cơ hội, đầu cơ tích trữ phá giá thị trường. Đối với những cán bộ và quần chúng sau khi được giáo dục, vẫn không chịu chấp hành mệnh lệnh chống bão, lụt, lũ, úng, cần thi hành kỷ luật kịp thời để giáo dục chung.

Mặt khác, phải kịp thời khen thưởng các cá nhân, đơn vị và địa phương có thành tích.

6. Ở những vùng bị úng mà không cứu lúa được, thì ngay bây giờ phải chuẩn bị mạ để cấy tái giá. Việc này phải có nhiều cố gắng lớn mới có thể có mạ cấy tái giá. Ở những nơi có thể nhổ lúa để chờ khi nước rút thì phải nhổ trước và tích cực điều hòa hoặc tháo nước để tranh thủ có thể cấy lại sớm.

Các cấp, các ngành có liên quan cần nghiên cứu thi hành nghiêm chỉnh Nghị quyết này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHẠM HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 251-TT/TW, ngày 6-8-1959

Về việc thảo luận để góp ý kiến xây dựng dự thảo phương hướng Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất

Cuộc thảo luận để góp ý kiến xây dựng dự thảo phương hướng Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đến nay đã được tiến hành ở 14 cơ quan, còn 9 cơ quan chưa tổ chức thảo luận. Nhiều cơ quan đã tổ chức thảo luận được từ 2 đến 6 buổi, một số cơ quan đã thảo luận xong.

Tuy nhiên, qua việc phản ánh kết quả thảo luận ở một số cơ quan thì nói chung, chúng ta chưa đạt yêu cầu: những ý kiến góp để xây dựng nhận định về sự chuyển biến trong tình hình chính trị và kinh tế ở miền Bắc vào khoảng cuối năm 1960, về nhiệm vụ chính trị của miền Bắc, về phương hướng của Kế hoạch 5 năm, còn ít và sơ lược. Nguyên nhân một phần vì chúng ta phải vừa làm việc, vừa chỉnh huấn, công tác bề bộn, thì giờ ít; một phần khác vì:

- Ở nhiều cơ quan, các đồng chí trong đảng đoàn ít tham gia thảo luận.

- Nhiều đồng chí ít nghiên cứu bản báo cáo gợi ý, ít chuẩn bị chu đáo trước khi thảo luận. Một số nơi thảo luận thường không dựa vào bản báo cáo gợi ý; hoặc có căn cứ vào bản báo

cáo ấy thì lại thường chỉ nêu vấn đề mà ít phát biểu ý kiến xây dựng.

- Nhiều cơ quan ít chú ý hoặc không thảo luận phân tích tình hình và nhiệm vụ chung mà chỉ thảo luận phần của ngành mình.

Về thì giờ, theo kế hoạch đã định thì đợt thảo luận của các ban và đảng đoàn phải xong vào đầu tháng 8 năm 1959 để chuyển sang khai hội các tiểu ban của Ủy ban Kế hoạch, nhưng như vậy là phải kéo dài thêm.

Để tiến hành cuộc thảo luận có kết quả tốt hơn, theo chỉ thị của Ban Bí thư, xin nhắc một số điểm như sau:

- Các ban, đảng đoàn (nhất là các đảng đoàn các bộ Kinh tế và Văn hoá) chưa tổ chức thảo luận, cần tích cực sắp xếp thì giờ để tiến hành thảo luận. Chậm nhất là đến 15-8, cần cố gắng thảo luận cho xong. Cơ quan nào trong thời gian nói trên vẫn không thảo luận được thì báo cho Ban Kế hoạch (về mặt chính quyền, tức là Ủy ban Kế hoạch Nhà nước) biết.

Các ban, đảng đoàn đã thảo luận xong, nhưng xét lại thấy chưa đạt yêu cầu thì nên sắp xếp thì giờ thảo luận thêm cho được sâu sắc hơn.

Về việc họp các tiểu ban, Ban Kế hoạch sẽ theo dõi tình hình thảo luận để sắp xếp: khối nào thảo luận xong thì sẽ triệu tập tiểu ban thuộc khối ấy họp trước, không chờ đợi các ban và các đảng đoàn thảo luận xong cả mới khai hội một lần các tiểu ban.

- Các ban, đảng đoàn cần nhận rõ là ban, đảng đoàn có trách nhiệm nghiên cứu, thảo luận để góp ý kiến với Trung ương. Cần mở rộng cho một số cán bộ phụ trách các vụ, cục... tham gia thảo luận, nhưng chủ yếu vẫn phải có ý kiến của các đồng chí trong ban, đảng đoàn để góp với Trung ương.

- Về nội dung thảo luận, các ban và đảng đoàn đều cần thảo luận phần chung về tình hình và nhiệm vụ, sau đó sẽ thảo luận phần của ngành.

Về phần tình hình:

Yêu cầu thảo luận chưa phải là đi sâu tất cả các mặt, các ngành, mà chỉ thảo luận những nét cơ bản ở miền Bắc vào khoảng cuối năm 1960 để phân tích sự chuyển biến của tình hình làm căn cứ cho việc đề ra nhiệm vụ. (Việc kiểm điểm tình hình hai năm 1958-1959 và dự kiến tình hình năm 1960 sẽ tiến hành sau).

Về phần nhiệm vụ mới: (nhiệm vụ của cả thời kỳ dài, phần đầu để hoàn thành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, hoàn thành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc).

Cần thảo luận câu: "Đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội... để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị đã đề ra". (Cuối trang 7 đầu trang 8), và nội dung của câu ấy. Chú ý phân tích các đặc điểm tình hình của ta để vận dụng đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội vào hoàn cảnh của ta một cách đúng đắn, sát thực tế, sáng tạo.

Về phần phương hướng Kế hoạch 5 năm:

Dựa vào nhiệm vụ của thời kỳ sắp tới, cần nhận định trong Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, chúng ta phải giải quyết những vấn đề gì và có thể giải quyết đến mức độ nào.

Về các vấn đề cụ thể, nên trao đổi mấy vấn đề có quan hệ nhiều đến toàn bộ kế hoạch: nhiệm vụ và phương hướng phát triển công nghiệp, nông nghiệp, đào tạo cán bộ, phát triển kinh tế và văn hoá ở trung du và miền núi.

- Để tiện việc tổng hợp ý kiến làm thông báo cho Bộ Chính trị và viết bản dự thảo phương hướng Kế hoạch 5 năm, các

ban và đảng đoàn cần gửi dần bản ghi kết quả các buổi thảo luận cho Ban Kế hoạch. Cần chú ý ghi lại các ý kiến khác nhau về từng vấn đề, lập luận của mỗi ý kiến và ghi rõ các đề nghị sửa chữa, bổ sung bản gợi ý. Về phần nhiệm vụ, phương hướng của mỗi ngành, thì đảng đoàn có trách nhiệm chủ yếu về ngành ấy nên tổng hợp kết quả thảo luận, viết lại một cách có hệ thống. (Ví dụ: Đảng đoàn Bộ Công nghiệp viết phần về "Phát triển công nghiệp", Đảng đoàn Bộ Nông - Lâm viết phần về "Phát triển nông nghiệp", v.v..

*

* *

Vì sự cần thiết phải xúc tiến việc nghiên cứu dự kiến Kế hoạch 5 năm, đề nghị các ban và đảng đoàn cố gắng khắc phục các khó khăn, tổ chức việc thảo luận đạt được kết quả tốt, góp được nhiều ý kiến.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 154-CT/TW, ngày 25-8-1959

Về việc củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp

Từ cuối năm 1958 đến nay, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp phát triển mạnh, từ trên 4.976 hợp tác xã với khoảng 5% nông hộ, nay đã lên tới trên 16.000 hợp tác xã, bao gồm trên 21% hộ nông dân lao động. Nhìn chung phong trào hợp tác xã nông nghiệp phát triển một cách lành mạnh, kết hợp được ba cuộc vận động cải tạo quan hệ sản xuất, cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất, nhưng cũng còn có những nhược điểm, khuyết điểm phải được tích cực sửa chữa:

Phong trào còn mới và phát triển chưa đều, số lượng tăng nhanh, nhưng chất lượng còn yếu; đại bộ phận hợp tác xã mới xây dựng, chưa kinh qua một vụ sản xuất và thu hoạch, trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của xã viên còn thấp; công tác quản lý lao động, quản lý sản xuất và quản lý tài vụ còn lúng túng; lực lượng lãnh đạo trong hợp tác xã còn yếu, có nơi tổ chức chưa ổn định, ban quản trị và ban kiểm soát nhập làm một, v.v.. Trong khi phát triển hợp tác xã, có nơi còn rụt rè, chưa đáp ứng yêu cầu của quần chúng, nhưng nhiều nơi vẫn còn lối lướt nhanh, làm đối, chuẩn bị cơ sở không tốt, phát động quần chúng không sâu, thậm chí có nơi dùng

mệnh lệnh gò ép hoặc kết nạp nhằm cả gián điệp, phần tử tệ nguy cũ có nhiều tội ác, hoặc đưa cả địa chủ, phú nông vào hợp tác xã, hoặc xây dựng hàng trăm hợp tác xã vào giữa vụ làm mùa, gây nhiều khó khăn về sau.

Về việc chấp hành chính sách, nhiều nơi làm tốt, nhưng nhiều nơi khác lại phạm khuyết điểm: có nơi chỉ chú ý về quyền lợi của cá nhân xã viên, như ruộng đất để lại nhiều và tốt, đặt giá công trâu, phân bón quá cao, v.v.. Nhưng ngược lại, nhiều nơi lại chỉ chú ý đến quyền lợi chung của hợp tác xã, như hạ thấp hoa lợi chia cho ruộng đất, hạ giá thuê và mua trâu bò, gò ép xã viên đưa những vườn ao nhỏ, cây cối lẻ tẻ vào hợp tác xã, v.v..

Về sản xuất, trong vụ đông - xuân 1958-1959 nói chung hợp tác xã đã thu được nhiều kết quả, nhiều hợp tác xã đã đạt được năng suất cao, số thu nhập và công lao động tăng; có xã viên thu nhập tăng hơn lúc còn làm ăn riêng lẻ gấp hai hoặc ba lần; nhưng nhiều hợp tác xã khác kinh doanh chưa toàn diện, tính toán không cụ thể, chi phí sản xuất quá nhiều, tổ chức và sử dụng sức lao động còn lãng phí và chưa hợp lý, cho nên năng suất tuy có tăng nhưng tốn rất nhiều công sức, tiền vốn, giá thành quá cao, công lao động quá thấp, một số nơi bị lỗ vốn.

Về vấn đề áp dụng kỹ thuật cải tiến đã thu được kết quả lớn, nhưng nhiều nơi còn phạm khuyết điểm, gây nên thiệt hại cho hợp tác xã và cho xã viên.

Những khuyết điểm, nhược điểm trên đây cộng với thiên tai (gió, bão) đã hạn chế một phần nào tính hơn hẳn của hợp tác xã và làm cho một số xã viên và quần chúng giác ngộ kém, thiếu tin tưởng vào hợp tác xã và cải tiến kỹ thuật. Bọn phản động và những phần tử xấu đã lợi dụng cơ hội,

xuyên tạc, phá hoại, ảnh hưởng nhiều đến sản xuất vụ mùa hiện nay.

Đứng trước tình hình phức tạp như trên, các địa phương đã tiến hành các công tác như kiểm tra lại việc chấp hành chính sách, tổng kết việc áp dụng kỹ thuật và sản xuất, kiểm điểm công tác chính trị và tư tưởng, v.v.. Do đó tình hình đã tương đối ổn định. Nhưng khó khăn vẫn còn nhiều; những nhược điểm và khuyết điểm chưa phải đã được khắc phục hết.

Căn cứ vào tình hình trên đây, Ban Bí thư nhận thấy củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp không phải chỉ là một công tác quan trọng trực tiếp trước mắt, mà còn là một công tác thường xuyên, lâu dài, quyết định việc đưa phong trào hợp tác hoá tiến lên. Nội dung vấn đề củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp gồm cả ba mặt: chính trị, kinh tế và tổ chức, nhằm bảo đảm hoàn thành thắng lợi vụ mùa, đồng thời chuẩn bị cơ sở cho việc phát triển trong đợt này. Chỉ có đảm bảo sản xuất tốt vụ mùa thì mới củng cố được hợp tác xã. Vì thế việc củng cố hợp tác xã phải gắn liền với công tác sản xuất vụ mùa.

Cần phải thống nhất nhận định rằng việc xây dựng hợp tác xã là vừa phát triển, vừa củng cố, vừa coi trọng chất lượng, vừa coi trọng số lượng; sau một đợt phát triển thì phải coi củng cố là nhiệm vụ chủ yếu.

Việc củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp phải nhằm làm cho các hợp tác xã đạt được những tiêu chuẩn dưới đây:

a) Hợp tác xã tăng sản lượng, xã viên tăng thu nhập, thực hiện đúng khẩu hiệu cần kiệm xây dựng hợp tác xã, tích lũy được nhiều vốn, đời sống xã viên dần dần được nâng cao.

b) Lãnh đạo chặt chẽ và toàn diện, trình độ giác ngộ của

xã viên được nâng cao, nội bộ hợp tác xã đoàn kết và kỷ luật lao động được giữ vững.

c) Áp dụng kỹ thuật cải tiến được rộng rãi, tổ chức quản lý tốt, năng suất lao động nâng cao không ngừng.

d) Chấp hành đúng chính sách và góp phần thực hiện tốt kế hoạch nhà nước, có quan hệ tốt với các tổ đổi công, với hợp tác xã khác và với quần chúng nông dân nói chung.

Để đạt được yêu cầu củng cố hợp tác xã nói trên, cần phải làm tốt những công tác dưới đây:

1. Về sản xuất

Đây là vấn đề quan trọng nhất, cần phải chú ý nhất. Sản xuất không tốt thì hợp tác xã không thể đứng vững được.

Đối với sản xuất vụ mùa hiện nay, phải căn cứ vào Chỉ thị số 144, ngày 13-6-1959 của Trung ương và các nghị quyết của Hội nghị sản xuất do Thủ tướng phủ triệu tập mà tiếp tục kiểm điểm kế hoạch sản xuất và những biện pháp thực hiện của các hợp tác xã, phát hiện những khó khăn, trở ngại và ra sức khắc phục. Tuy từng thời gian, hợp tác xã phải nắm lấy những việc chính mà tập trung lực lượng để làm cho có kết quả tốt. Hợp tác xã nào đã có kế hoạch sản xuất thì căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch đó mà bổ sung nếu cần thiết.

Đối với các mặt sản xuất và kinh doanh khác, như: thả cá, chăn nuôi, đan lát, trồng dâu nuôi tằm, làm nông cụ, làm đồ gỗ, khai thác lâm sản hoặc nhận làm gia công, chế biến nông sản cho Nhà nước, v.v. thì tùy điều kiện từng hợp tác xã mà tổ chức, để có thể vừa sử dụng hợp lý sức lao động, vừa bảo đảm tăng thu nhập cho hợp tác xã và xã viên.

Các ngành chuyên môn có liên quan đến công tác nông thôn, như: nông - lâm, thủy lợi, mậu dịch, ngân hàng, tài

chính, v.v. cần giúp đỡ thiết thực cho hợp tác xã giải quyết những khó khăn về trâu bò, nông cụ, phân bón, vốn, kỹ thuật, v.v.. Đặc biệt là chú ý giúp đỡ những hợp tác xã vụ chiêm thu hoạch kém và trong thời gian vừa qua vì bị úng mà thiệt hại nhiều.

Đối với nghề phụ gia đình của các xã viên cũng phải chú ý giúp đỡ một cách hợp lý.

2. Về quản lý hợp tác xã

Đây là một công tác rất quan trọng để củng cố hợp tác xã, cần phải được chú ý cải tiến.

Về *quản lý sản xuất*, mỗi hợp tác xã phải xét khả năng sản xuất của mình rồi căn cứ vào khả năng đó mà đặt kế hoạch sản xuất, gồm có kế hoạch từng năm, từng vụ và từng đợt ngắn; đồng thời tạo điều kiện để dần dần lập kế hoạch dài hạn của hợp tác xã. Nội dung kế hoạch sản xuất của hợp tác xã phải có tính chất toàn diện và phải dựa theo kế hoạch nhà nước; nhất là phải chú ý đầy đủ đến các biện pháp để thực hiện kế hoạch. Cần mở rộng dân chủ cho các xã viên tham gia bàn bạc và xây dựng kế hoạch. Tinh thần chung trong việc đặt kế hoạch là phải rất tích cực, nhưng đồng thời phải đúng mức, để có thể bảo đảm thực hiện được và thực hiện vượt mức. Trong khi thực hiện kế hoạch phải luôn luôn kiểm điểm để thấy mặt tích cực cần tiếp tục phát huy và cũng thấy được mặt khó khăn và nhược điểm để khắc phục. Nếu cần thiết có thể điều chỉnh và bổ sung kế hoạch. Phải luôn luôn tính toán cụ thể để đạt được năng suất cao, chi phí sản xuất hạ, khắc phục tình trạng kinh doanh lỗ vốn. Công việc cấp bách trước mắt là các cấp phải kiểm tra lại kế hoạch vụ mùa, đôn đốc các hợp tác xã thực hiện, nhất là chú ý đến

việc chăm bón để bảo đảm thu hoạch cao, bảo đảm vụ mùa thắng lợi vượt bậc và toàn diện.

Về *quản lý lao động*, mỗi hợp tác xã phải tính toán sức lao động và những công việc phải làm để bố trí, sắp xếp lao động cho hợp lý, phối hợp chặt chẽ giữa làm ruộng với làm các nghề khác, bảo đảm cho mọi người đều có việc làm, ngày nào cũng có việc làm, tất cả đều tăng thu nhập, kể cả những gia đình neo đơn, thiếu sức lao động. Hợp tác xã nào chưa thống nhất quản lý được toàn bộ sức lao động thì phải quy định cho mỗi xã viên số ngày công ít nhất phải làm trong một vụ hoặc một năm để bảo đảm những công việc chính. Các hợp tác xã phải tiến tới định được mức lao động và khoán việc cho tốt, nghiên cứu làm thử từng loại công việc để mức lao động định không quá cao hoặc quá thấp. Trên cơ sở mức lao động mà hướng dẫn cho hợp tác xã cách khoán cả năm và từng vụ đối với các đội hoặc tổ sản xuất. Phải chia công việc ra từng loại nặng nhẹ khác nhau để tính công cho từng loại theo nguyên tắc làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, việc khó nhiều điểm, việc dễ ít điểm, v.v.. Một vấn đề quan trọng trong việc quản lý lao động là phải giáo dục cho xã viên có ý thức lao động và tôn trọng kỷ luật lao động, luôn luôn tìm mọi cách tăng năng suất và tiết kiệm, tránh lãng phí lao động.

Về *quản lý tài vụ*, mỗi hợp tác xã phải căn cứ vào kế hoạch sản xuất và kế hoạch lao động mà định kế hoạch thu chi cho tốt. Phải xây dựng chế độ thu, chi, chế độ dự toán rõ ràng, có sổ sách phân minh, định thường kỳ báo cáo trước đại hội xã viên hoặc đại hội đại biểu xã viên về sự thu chi trong hợp tác xã. Hợp tác xã lại phải định việc kiểm tra tài vụ và chế độ bảo quản tài sản chung; tận dụng mọi khả năng để tăng thu và hết sức giảm những khoản chi chưa cần thiết,

thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham ô, tránh tư tưởng ỷ lại vào Nhà nước. Hiện nay những hợp tác xã chưa thanh toán thu chi hoặc chưa thanh toán rõ ràng thì phải xúc tiến việc thanh toán và báo cáo trước xã viên, kể cả việc phân phối hoa lợi và thu chi vụ chiêm vừa qua. Về công tác kế toán, hiện nay nhiều nơi sổ sách không rõ ràng, cần phải được tích cực chấn chỉnh.

Một vấn đề cần chú ý trong công tác quản lý hợp tác xã hiện nay là phải tăng cường cán bộ phụ trách cả ba mặt quản lý, huấn luyện, bồi dưỡng về nghiệp vụ cho họ, nhất là phải kiện toàn bộ phận theo dõi, thống kê, kế toán từ tỉnh đến hợp tác xã, giúp đỡ các hợp tác xã chấn chỉnh lại công tác cho có nề nếp, rút kinh nghiệm những nơi làm tốt để phổ biến.

3. Về kỹ thuật

Đây là một vấn đề lớn. Muốn bảo đảm tăng năng suất và tăng thu nhập cho hợp tác xã, phải đặc biệt coi trọng việc lãnh đạo kỹ thuật. Cần tiếp tục rút kinh nghiệm áp dụng kỹ thuật trong vụ đông - xuân, phân tích rõ nguyên nhân thành công và thất bại, phân biệt rõ khoa học, kỹ thuật là đúng, khuyết điểm là tại áp dụng sai kỹ thuật, làm cho mọi người đều thấy rõ vấn đề cải tiến kỹ thuật là có lợi và từ nay muốn tăng năng suất phải đi sâu nghiên cứu kỹ thuật và áp dụng kỹ thuật một cách đúng đắn. Trên cơ sở đó đẩy mạnh phong trào cải tiến kỹ thuật, bảo đảm cày, bừa, cấy, bón phân, giữ nước, phòng và trừ sâu bệnh, v.v. đúng phương pháp và kịp thời. Nhất là phải nói rõ cho xã viên và cho nông dân nói chung hiểu rằng: nếu trong vụ đông - xuân vừa qua có nơi bón phân nhiều mà thu hoạch kém thì đó là do một là bón phân nhiều nhưng không đúng cách, hai là tại gió, bão làm hỏng lúa, chứ không phải tại dùng phân hoá học và bón phân.

Đối với các mặt sản xuất và kinh doanh khác của hợp tác xã, cũng phải chú ý kỹ thuật như vậy. Việc lãnh đạo kỹ thuật trong hợp tác xã phải nhằm làm cho nông dân xã viên từ chỗ chưa quen áp dụng kỹ thuật mới trở thành những người xã viên lao động giỏi và trình độ kỹ thuật ngày một nâng cao.

4. Về chính sách

Trước hết phải làm cho cán bộ, đảng viên thấu suốt nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, tránh khuynh hướng chỉ nặng về một phía; phải kiên trì giáo dục quần chúng, chống khuynh hướng mệnh lệnh, gò ép nông dân tiếp thu những việc mà họ chưa tự nguyện. Trên cơ sở nhận thức đúng và dựa vào Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 16 mà kiểm điểm việc thực hiện các chính sách cụ thể như: mức hoa lợi chia cho ruộng đất, giá thuê và mua trâu bò của xã viên, chính sách góp cổ phần, chính sách nhập các đất đai có sản vật đặc biệt vào hợp tác xã, v.v.. Nếu nơi nào chấp hành chưa đúng những chính sách ấy thì phải kiên quyết sửa. Khoản tiền góp cổ phần không nên quy định quá thấp, nhưng cũng không nên quy định cao quá khả năng đóng góp của xã viên; ai chưa góp thì vận động họ góp. Cổ phần sản xuất nay thống nhất góp theo đầu mẫu, cổ phần công hữu hoá góp theo đầu xã viên; nơi nào làm không đúng như thế thì sửa lại cho đúng.

Vấn đề định giá thuê và mua trâu bò của xã viên và tổ chức chăn nuôi trâu bò trong hợp tác xã cần được đặc biệt chú ý. Cũng có nơi định giá thuê và mua trâu bò còn cao, nhưng nhiều nơi định thấp, có nơi quá thấp. Trong đợt củng cố hợp tác xã này, cần phải nghiên cứu kỹ và kiên quyết sửa theo đúng Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 16. Những nơi đã công hữu hoá trâu bò thì phải nghiên cứu cách

tổ chức chăn dắt cho tốt; tùy theo địa phương mà áp dụng những hình thức chăn nuôi cho thích hợp, định công điểm cho hợp lý cho người chăn, dắt trâu bò, không nên để thiệt cho họ. Khi hết vụ cày bừa chính thì nên nghiên cứu cách sử dụng và tổ chức việc chăn dắt cho tốt, bảo đảm cho trâu bò béo, khỏe, không bị gầy ốm, chết chóc.

5. Về tổ chức

Chủ yếu là giáo dục cho cán bộ, đảng viên thấu suốt đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn trên cơ sở đó mà tiến hành củng cố tổ chức, tăng cường sự lãnh đạo của chi bộ và bảo đảm vai trò nòng cốt của bản nông và trung nông lớp dưới trong lãnh đạo hợp tác xã. Những hợp tác xã nào chưa bầu ban quản trị và ban kiểm soát riêng thì nay phải bầu cho có đủ hai ban. (Hiện nay có một số hợp tác xã bầu chung một lượt cả hai ban; nay chỉ cần hai ban đó phải rành mạch về tổ chức cũng như về quyền hạn, trách nhiệm. Được như thế mà công việc vẫn chạy đều thì nếu những ban đó chưa hết nhiệm kỳ, cũng chưa cần bầu lại. Nhưng chú ý từ nay về sau bầu riêng hai ban, không nên bầu một lượt như trước nữa). Hợp tác xã nào ban quản trị và ban kiểm soát quá yếu thì cần nghiên cứu bổ sung thêm người có đủ tiêu chuẩn. Những hợp tác xã nào đã bầu những người không có đủ tiêu chuẩn vào ban quản trị và ban kiểm soát, nhất là đã để cho họ giữ những nhiệm vụ lãnh đạo chủ chốt trong hợp tác xã thì theo Chỉ thị số 118 ngày 8-12-1958 và Thông tri số 187 ngày 26-2-1959 mà sửa lại cho đúng. Việc chia tổ lao động, hợp tác xã nào chưa làm hoặc làm chưa đúng thì phải làm lại cho tốt; thực hiện chế độ phân công, phân nhiệm rõ ràng và đi đến có nề nếp.

Đối với những phần tử phản cách mạng, phần tử tề, nguy

cũ có nhiều tội ác, địa chủ, phú nông, v.v. nếu xét đã kết nạp sai thì phải theo Thông tri số 187 ngày 26-2-1959 mà kiên quyết khai trừ.

6. Công tác chính trị và tư tưởng trong hợp tác xã

Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 16 và điều lệ dự thảo của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã nói rõ nội dung công tác chính trị và tư tưởng trong hợp tác xã, các địa phương cần nghiên cứu kỹ những tài liệu đó và căn cứ vào tình hình cụ thể từng thời gian mà đề ra hướng công tác chính trị và tư tưởng trong hợp tác xã. Chỉ thị này chỉ nêu mấy điểm thiết thực như dưới đây:

Phải coi công tác chính trị và tư tưởng trong hợp tác xã là một công tác thường xuyên, cần tiến hành cả trong quá trình xây dựng và phát triển hợp tác xã, gắn liền với việc đẩy mạnh sản xuất, trước mắt là bảo đảm làm vụ mùa thắng lợi. Khắc phục tư tưởng coi nhẹ công tác chính trị và tư tưởng, tránh khuynh hướng tách rời công tác tư tưởng ra ngoài những hoạt động sản xuất, kỹ thuật, tổ chức, quản lý, v.v. của hợp tác xã.

Trên cơ sở làm tốt vụ mùa và kinh doanh tốt các nghề phụ mà dẫn chứng cụ thể, làm cho xã viên nhận rõ tính hơn hẳn của hợp tác xã, dứt khoát tin tưởng đi theo con đường hợp tác hoá tiến lên chủ nghĩa xã hội; giải quyết tư tưởng nghi ngờ, không tin kỹ thuật, không tin hợp tác xã, động viên tinh thần tự giác và phấn khởi lao động sản xuất, xây dựng hợp tác xã. Đối với những xã viên xin ra, phải kiên trì giáo dục, thuyết phục họ, nếu họ không tự nguyện ở lại thì không nên gò ép họ. Những hợp tác xã thu hoạch kém, phải phân tích rõ nguyên nhân, phân biệt khuyết điểm tạm thời với bản chất hơn hẳn của hợp tác xã, có biện pháp thiết thực động

viên xã viên cố gắng làm cho vụ mùa này thu hoạch cao hơn các vụ mùa khác để bù cho chỗ hụt của vụ chiêm.

7. Kết hợp với công tác củng cố hợp tác xã mà đẩy mạnh phong trào đổi công

Đi đôi với củng cố hợp tác xã phải có kế hoạch phát triển và củng cố tổ đổi công, *chủ yếu là đưa tổ đổi công từng vụ, từng việc lên thường xuyên có bình công chấm điểm*, để đẩy mạnh sản xuất trước mắt và làm cơ sở cho việc phát triển hợp tác xã mới.

Phải tiếp tục phát triển tổ đổi công ở những xóm chưa có hoặc còn ít. Ở những xóm do xây dựng hợp tác xã, cho nên có một số tổ đổi công bị xé lẻ, cần có kế hoạch sắp xếp cho những gia đình chưa vào hợp tác xã tham gia vào các tổ đổi công. Đi đôi với việc phát triển phải tích cực hướng dẫn các tổ đổi công từng vụ từng việc tiến lên thường xuyên có bình công chấm điểm một cách thật sự, chống lối hình thức. Đồng thời có kế hoạch hợp nhất những tổ nhỏ thành tổ lớn, hoặc nếu chưa có điều kiện hợp nhất thì tổ chức liên tổ, tập dượt cho cán bộ quen với việc điều khiển các mặt công tác chính trị, tư tưởng, công tác quản lý, công tác kỹ thuật và sản xuất trong phạm vi liên tổ. Tăng cường việc đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ lãnh đạo tổ đổi công, chấn chỉnh sự lãnh đạo của các tổ đổi công để bảo đảm cho bản nông và trung nông lớp dưới nắm ưu thế lãnh đạo, làm nòng cốt cho việc xây dựng hợp tác xã sau này. Đối với những xã mà đảng viên và những phần tử tích cực hầu hết đã vào hợp tác xã thì nên thông qua việc hợp tác xã giúp tổ đổi công mà phân công những đảng viên có năng lực giúp đỡ tổ đổi công, đồng thời phải chú ý đào tạo những cốt cán mới trong số chưa vào hợp tác xã để lãnh đạo tổ đổi công.

Phải chống tư tưởng xem nhẹ việc lãnh đạo tổ đổi công, xem nhẹ việc thực hiện bình công chấm điểm, cho rằng chỉ cần chi bộ lãnh đạo tốt là có thể xây dựng được hợp tác xã sản xuất nông nghiệp tốt, không cần lấy tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm làm nòng cốt để xây dựng hợp tác xã mới. Phải thấy rằng trong tình hình hiện nay, việc xây dựng tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm tốt là rất cần thiết để bảo đảm xây dựng hợp tác xã một cách vững mạnh và ngay ở những nơi hợp tác xã đã phát triển và chi bộ lãnh đạo tốt, nếu xây dựng được tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm cũng chỉ có lợi cho phong trào. Vì vậy ở những nơi có ít hợp tác xã, tỷ lệ tổ đổi công thấp thì cần dành một phần lực lượng củng cố tốt hợp tác xã, còn một phần lực lượng để phát triển và củng cố tổ đổi công, nhất là tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm. Ở những nơi hợp tác xã đã phát triển cũng phải có cán bộ cần thiết để chuyên trách theo dõi và chỉ đạo phong trào đổi công.

8. Lãnh đạo củng cố hợp tác xã

Để bảo đảm củng cố hợp tác xã và đẩy mạnh sản xuất vụ mùa có kết quả, các cấp uỷ đảng ở khu, thành, tỉnh và ở các huyện cần phải tập trung lực lượng cần thiết để tiến hành chỉ đạo cho tốt. Nhưng chủ yếu là phải dựa vào chi bộ, bồi dưỡng, giúp đỡ chi bộ nắm vững và chủ động trong công tác. Phải có kế hoạch kết hợp với chỉnh huấn mà học tập chỉ thị này, làm cho cán bộ, đảng viên nhận rõ mục đích, ý nghĩa, nội dung củng cố hợp tác xã, phê phán tư tưởng coi nhẹ củng cố, khắc phục khuynh hướng trọng số lượng hơn chất lượng, đồng thời đề phòng tư tưởng thấy khó khăn sinh ra bi quan, chùn bước. Trong khi địa phương chưa chỉnh huấn, cần phổ biến chỉ thị này kết hợp với việc học tập lời kêu gọi

nông dân lao động mới đây của Hồ Chủ tịch, rồi tổ chức thảo luận việc chấp hành trong chi bộ và trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Để tiến hành củng cố hợp tác xã được sát, nên nghiên cứu chia hợp tác xã làm ba loại. Trước hết phải giải quyết những vấn đề của loại kém; đồng thời phổ biến kinh nghiệm và nâng cao tác dụng gương mẫu, dẫn đầu của loại khá; đẩy mạnh củng cố loại vừa. Dựa vào phần tử tích cực, nâng cao giác ngộ cho xã viên, phát hiện vấn đề và tập trung giải quyết tốt những vấn đề chính, còn các vấn đề khác sẽ lần lượt giải quyết dần. Rút kinh nghiệm và phổ biến kinh nghiệm củng cố các loại hợp tác xã khác nhau để đẩy mạnh củng cố toàn diện.

Phải đi đường lối quần chúng, phát huy dân chủ, mở rộng tranh luận, đặc biệt là phải phát huy tính tích cực của Đoàn Thanh niên Lao động và tác dụng của Hội Liên hiệp Phụ nữ; phát động và hướng dẫn quần chúng tự củng cố hợp tác xã. Cán bộ trên về giúp không làm thay quần chúng.

Đi đôi với củng cố hợp tác xã phải có kế hoạch kết hợp củng cố và phát triển tổ đổi công, *chủ yếu là đưa tổ đổi công từng vụ từng việc lên thường xuyên có bình công chấm điểm*. Những địa phương có ít hợp tác xã, tỷ lệ đổi công thấp thì dành một phần lực lượng củng cố tốt hợp tác xã, còn một phần lực lượng để củng cố và phát triển tổ đổi công.

Một công tác phải được coi trọng là *nâng cao cảnh giác, để phòng địch phá hoại*, nhất là trong lúc tình hình tư tưởng quần chúng có diễn biến phức tạp. Phải *theo dõi và trừng trị thích đáng bọn phá hoại hiện hành*, nhưng cần phải phân biệt bọn địch cố tâm phá hoại với những người lạc hậu, chưa được giáo dục, chưa giác ngộ và những người hiểu lầm.

Các cấp uỷ đảng phải trực tiếp chỉ đạo việc củng cố trọng điểm, đồng thời phân công một số uỷ viên phụ trách từng vùng, từng cụm, đi sâu vào thực tế, giải quyết vấn đề, rút kinh nghiệm để chỉ đạo chung.

Phải tổ chức việc nắm tình hình, quy định chế độ báo cáo và hội ý thật chặt chẽ. Các khu, tỉnh, thành cứ 15 ngày phải báo cáo cho Trung ương biết tình hình củng cố hợp tác xã, đồng gửi báo cáo cho Ban công tác nông thôn Trung ương.

Phải tăng cường việc tuyên truyền giới thiệu kinh nghiệm củng cố hợp tác xã và nêu gương những hợp tác xã tốt trên báo chí để phục vụ cho công tác củng cố và phát triển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Trong khi tiến hành củng cố hợp tác xã, phải có kế hoạch đẩy mạnh mọi công tác khác, lấy củng cố hợp tác xã sản xuất tốt vụ mùa mà thúc đẩy phong trào chung. Các ngành có liên quan đến công tác nông thôn phải có kế hoạch thiết thực, phục vụ củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

*

* *

Công tác củng cố hợp tác xã hiện nay không những là một yêu cầu cấp bách để phát huy khả năng phấn đấu của quần chúng, giành thắng lợi vụ mùa, mà đồng thời là một công tác có tác dụng quyết định trong việc thúc đẩy phong trào hợp tác hoá nông nghiệp tiến sau này. Các cấp cần nhận rõ ý nghĩa quan trọng của công tác này và có kế hoạch cụ thể tiến hành cho tốt.

Riêng đối với miền núi, vì tình hình có chỗ khác miền xuôi, cho nên các khu uỷ và tỉnh uỷ ở miền núi cần nghiên cứu kỹ Chỉ thị này để áp dụng cho thích hợp.

Nhận được Chỉ thị này, các cấp cần đặt kế hoạch cụ thể để củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp hoặc bổ sung kế hoạch đã có, và phải tích cực kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch đó.

T/M BAN BÍ THƯ

PHẠM HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 156-CT/TW, ngày 25-8-1959

Về việc tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi miền Bắc nước ta

Hội nghị Trung ương lần thứ 16 đã nhận định tình hình và quyết định về mục đích, yêu cầu, đường lối, phương châm, chính sách và kế hoạch tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp ở toàn miền Bắc, bao gồm cả đồng bằng, miền núi, miền biển.

Miền núi là một bộ phận khăng khít của miền Bắc đang tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hợp tác hoá nông nghiệp ở miền núi cũng phải theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 16. Nhưng vì miền núi có những đặc điểm của nó, cho nên cần phải quy định cụ thể riêng cho thích hợp.

I- ĐẶC ĐIỂM CỦA TÌNH HÌNH MIỀN NÚI THUỘC MIỀN BẮC NƯỚC TA HIỆN NAY

Miền núi chiếm hai phần ba diện tích miền Bắc nước ta, gồm trên 30 dân tộc với khoảng 2.300.000 dân (kể cả 580.000 người Kinh ở xen kẽ), có trên 3.000 cây số biên giới, chiếm một vị trí rất quan trọng về chính trị, kinh tế và quốc phòng.

Riêng về kinh tế, khả năng miền núi nước ta rất dồi dào, không những có điều kiện để phát triển cây lương thực, nhất là cây công nghiệp, cây ăn quả, nghề rừng, chăn nuôi, v.v. mà còn có điều kiện để dần dần xây dựng những trung tâm công nghiệp như khai khoáng, điện lực, luyện kim, cơ khí, chế biến nông sản và các lâm sản, v.v..

Trong Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến cũng như trong mấy năm xây dựng hoà bình, dưới sự lãnh đạo của Đảng, miền núi thuộc miền Bắc nước ta đã có những tiến bộ lớn về mọi mặt chính trị, kinh tế và xã hội. Đồng bào miền núi có truyền thống cách mạng lâu đời. Những căn cứ địa cách mạng cũ phần lớn đều ở miền núi. Nhân dân miền núi nhờ có cách mạng mà được tự do, cơm áo, cho nên rất tin tưởng ở Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch. Qua Cách mạng Tháng Tám và qua nhiều cuộc vận động cải cách dân chủ từ Cách mạng Tháng Tám đến nay, vấn đề ruộng đất và vấn đề xây dựng chính quyền nhân dân căn bản đã được giải quyết; những hình thức bóc lột tàn bạo và những đặc quyền, đặc lợi của tầng lớp phong kiến căn bản đã bị xoá bỏ. Các chế độ thổ ty, lang đạo, phía tạo căn bản đã tan rã. Trong hơn 200 xã miền núi đã cải cách ruộng đất, ta đã đánh đổ địa chủ, thực hiện được khẩu hiệu người cày có ruộng, nông dân hoàn toàn làm chủ nông thôn. Ngoài ra, 688 xã khác đã qua vận động giảm tô. Hơn 1.000 xã còn lại, tuy chưa qua phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất, nhưng đều đã qua những cuộc vận động khác có tính chất dân chủ dưới mức độ khác nhau. Cho nên ở miền núi, nói chung ruộng đất hầu hết đã thuộc về nông dân; chính quyền căn bản đã ở trong tay nông dân. Nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền núi thuộc miền Bắc nước ta đã căn bản hoàn thành.

Trên cơ sở đó, nông dân các dân tộc miền núi bắt đầu được tổ chức lại để lao động tập thể. Đến cuối tháng 6 riêng miền núi đã có 44.070 tổ đổi công bao gồm 74,4% hộ nông dân lao động và 2.232 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bao gồm 14,2% nông hộ. Phong trào hợp tác hoá phát triển đã có tác dụng thúc đẩy việc cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất, góp phần tăng cường đoàn kết dân tộc, làm cho nông dân miền núi bước đầu thấy rõ tính hơn hẳn của lối làm ăn tập thể.

Đó là *một chủ yếu* của tình hình miền núi hiện nay.

Nhưng mặt khác, trình độ phát triển của các dân tộc miền núi nói chung là thấp và không đều nhau: có vùng còn tàn tích của chế độ phong kiến và tiền phong kiến nữa; có vùng giai cấp đã phân hoá giống như miền xuôi; có vùng giai cấp chưa phân hoá hoặc phân hoá chưa rõ rệt và những vùng đó lại nằm xen kẽ ở cả vùng cao và vùng thấp.

Ở một số ít xã, có địa chủ vẫn còn chiếm hữu nhiều ruộng đất và bóc lột theo lối phong kiến. Có nơi thổ ty, lang đạo vẫn còn có uy thế trong một phạm vi nhất định, hoặc còn nằm trong các cơ quan chính quyền ở xã và cản trở việc thi hành các chính sách của Đảng và của Nhà nước. Bọn thổ phỉ, biệt kích, gián điệp cũng đang hoạt động ở một số ít vùng, khống chế và uy hiếp quần chúng nông dân.

Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở miền núi phát triển chưa đều, một số chính sách cụ thể thích hợp với miền núi chưa được quy định, công tác tư tưởng trong hợp tác xã chưa được chú ý, công tác quản lý hợp tác xã còn rất lúng túng.

Nhiều nơi chỉ bộ, uỷ ban hành chính và các đoàn thể nhân dân chưa được vững mạnh. Có những xã chưa có chỉ bộ đảng. Lực lượng cán bộ các dân tộc nói chung thiếu và yếu.

Trình độ chính trị và ý thức giai cấp của quần chúng chưa được nâng cao; trình độ văn hoá nhiều nơi còn rất thấp.

Về lãnh đạo, chúng ta chưa coi trọng đúng mức công tác miền núi; các cấp uỷ địa phương đã có nhiều cố gắng, nhưng nói chung nắm tình hình không vững, giải quyết công việc còn chậm chạp và thiếu cụ thể. Các ngành của Đảng và của Nhà nước, các đoàn thể nhân dân chưa chú trọng điều tra, nghiên cứu tình hình miền núi để giúp Trung ương Đảng và Chính phủ đề ra những chủ trương và chính sách sát hợp và kịp thời.

Đó là *nhược điểm* của tình hình.

Nhưng mặc dù còn có những nhược điểm đó, tình hình miền núi căn bản là tốt. Phong trào đổi công hợp tác, cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất đã kết hợp với nhau và đều có tiến bộ. Cuộc cải cách dân chủ đã có một quá trình tương đối dài, những vấn đề còn lại phải giải quyết không nhiều lắm. Những nơi đã qua phát động quần chúng cải cách ruộng đất và giảm tô mà ít sai lầm, hoặc đã qua phát động quần chúng tiêu phỉ, trừ gian, phục vụ tiền tuyến, v.v. thì nói chung có khá hơn những nơi khác, vùng thấp khá hơn vùng cao, miền nội địa khá hơn miền biên giới. Nơi nào cuộc vận động cải cách dân chủ làm sâu sắc và triệt để, tư tưởng của quần chúng được phát động kỹ thì ở đó vấn đề đoàn kết dân tộc, củng cố trật tự, an ninh và phong trào đổi công hợp tác, phát triển sản xuất tiến hành được thuận lợi hơn. Trái lại, nơi nào địa chủ phong kiến chưa thật sự bị đánh đổ, bọn phá hoại hiện hành chưa bị trấn áp và nông dân lao động chưa xây dựng được ưu thế tuyệt đối của mình ở nông thôn, thì chẳng những phong trào đổi công hợp tác chưa được tốt mà các công tác khác cũng kém kết quả.

Căn cứ vào tình hình miền núi như trên, Hội nghị Trung ương lần thứ 16 đã nêu nhiệm vụ của miền núi là phải *vận động hợp tác hoá nông nghiệp, phát triển sản xuất và kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ*, tức là trong khi tiến hành cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, phát triển sản xuất, phải chú ý giải quyết những vấn đề còn lại của cải cách dân chủ; ngược lại, giải quyết những vấn đề đó cũng chính là để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp và đẩy mạnh sản xuất ở miền núi.

Dưới đây là những quy định cụ thể cho cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi thuộc miền Bắc nước ta hiện nay.

II- NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỂ TIẾN HÀNH HỢP TÁC HOÁ NÔNG NGHIỆP Ở MIỀN NÚI

1. Đường lối giai cấp của Đảng trong cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi

Đường lối cơ bản của Đảng ở nông thôn toàn miền Bắc hiện nay là *dựa hẳn vào bản nông và trung nông lớp dưới (nơi nào còn có nông thì dựa hẳn vào bản cố nông và trung nông lớp dưới)*, đoàn kết chặt chẽ với trung nông. Song vì tình hình miền núi có nhiều chỗ khác miền xuôi và ngay ở miền núi tình hình kinh tế và xã hội giữa các vùng cũng phát triển không đều, cho nên cần đề ra đường lối cụ thể cho hai loại vùng khác nhau ở miền núi như dưới đây:

1- *Đối với những vùng kinh tế đã phát triển, giai cấp đã phân hoá rõ rệt* thì đường lối giai cấp của Đảng ta là:

Dựa hẳn vào bản cố nông và trung nông lớp dưới, đoàn

kết chặt chẽ với trung nông, tranh thủ những người thuộc tầng lớp trên có liên hệ với quần chúng, hạn chế đi đến xoá bỏ sự bóc lột kinh tế của phú nông, cải tạo tư tưởng phú nông, xoá bỏ thế lực kinh tế và chính trị còn lại của giai cấp địa chủ phong kiến, ngăn ngừa địa chủ ngóc đầu dậy, mở đường cho địa chủ lao động cải tạo thành con người mới, trấn áp bọn phản động phá hoại hiện hành, kiên quyết đưa nông dân miền núi đi vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hội.

2- Đối với những vùng kinh tế phát triển chậm, giai cấp chưa phân hoá rõ, thì đường lối giai cấp của Đảng ta như sau:

Dựa vào nông dân lao động, nhất là nông dân lao động nghèo khổ, tranh thủ những người thuộc tầng lớp trên có liên hệ với quần chúng, xoá bỏ các hình thức bóc lột phong kiến còn lại, trấn áp bọn phản động phá hoại hiện hành, kiên quyết đưa nông dân miền núi đi vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Như vậy là riêng ở vùng giai cấp chưa phân hoá rõ, chỉ đặt vấn đề dựa vào nông dân lao động, vì ở đây trong nông dân lao động có một số người đời sống và tư liệu sản xuất có khá hơn, nhưng không chênh lệch nhiều lắm so với những nông dân lao động khác. Tuy vậy, trong khi tiến hành công tác ở những vùng này, *trước hết phải chú ý đưa vào những nông dân lao động nghèo khổ.*

Tranh thủ những người thuộc tầng lớp trên có liên hệ với quần chúng là tranh thủ những người tuy là địa chủ hoặc phú nông (vùng giai cấp đã phân hoá rõ) hoặc có bóc lột (vùng giai cấp chưa phân hoá rõ), nhưng vì quan hệ dân tộc hoặc tôn giáo, họ có ảnh hưởng nhất định trong quần chúng ở một vùng hoặc một xã; từ khi địa phương thành lập chính

quyền nhân dân đến nay, họ không phạm tội ác lớn đối với nhân dân, họ có liên hệ tốt hoặc bình thường với quần chúng và quần chúng không oán ghét họ. Nếu những người ấy tán thành và ủng hộ thì việc tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi sẽ được thuận lợi. Tranh thủ tầng lớp trên có liên hệ với quần chúng cụ thể là đoàn kết với họ, đồng thời giáo dục, cải tạo họ, phê bình những thiếu sót của họ. Muốn tranh thủ tầng lớp trên, phải đi sâu vào quần chúng, phát động tư tưởng quần chúng nông dân lao động.

Đối với phú nông ở miền núi, việc hạn chế đi đến xoá bỏ sự bóc lột kinh tế của họ và cải tạo tư tưởng cho họ phải làm dần dần. Việc hạn chế đi đến xoá bỏ sự bóc lột đó phải tiến hành bằng cách ra sức phát triển ba hình thức hợp tác xã; hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã mua bán và hợp tác xã vay mượn, chứ không phải bằng cách ra lệnh cấm bóc lột. Cải tạo tư tưởng phú nông bằng cách tổ chức cho họ học tập chính sách của Đảng và Chính phủ, làm cho họ nhận rõ bóc lột là xấu để họ bỏ dần, đồng thời họ không chống đối với hợp tác hoá nông nghiệp và hoàn thành cải cách dân chủ.

Đối với địa chủ, thì theo như chính sách chung, kiên quyết xoá bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất, xoá bỏ những tàn tích của chế độ thổ ty, lang đạo, phỉa tạo; nhưng xoá bỏ một cách ôn hoà và chiếu cố đúng mức những người thuộc giai cấp địa chủ nhưng là nhân sĩ dân chủ, địa chủ kháng chiến, cán bộ, đảng viên, bộ đội, nhân viên và gia đình họ.

Về việc trấn áp bọn phản động phá hoại hiện hành, tinh thần chung là phải kiên quyết, nhưng phải rất thận trọng và phải tiến hành có trọng điểm. Cấp trên phải nắm lãnh đạo

chặt chẽ, cấp dưới phải xin chỉ thị cấp trên, không được làm ầu, làm bừa.

Trên đây là giải thích một số điểm về đường lối giai cấp ở miền núi. Còn những vấn đề như *dựa hẳn vào bản nông (hoặc bản cố nông) và trung nông lớp dưới, đoàn kết chặt chẽ với trung nông* thì nội dung giống như đã nêu lên trong Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 16 về vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp. Các cấp uỷ đảng ở miền núi phải nghiên cứu kỹ và chấp hành cho đúng Nghị quyết nói trên về vấn đề đó.

2. Phương châm tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi

Phương châm tiến hành hợp tác hoá Trung ương đã đề ra chung cho miền Bắc là: *tích cực lãnh đạo, vững bước tiến lên, quy hoạch về mọi mặt, sát với từng vùng; làm tốt, vững và gọn.*

Đối với miền núi phương châm này vẫn đúng. Nó vẫn phải được thấu suốt trong cả cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ. Nhưng để sát với đặc điểm của miền núi có nhiều dân tộc và có tính chất phức tạp, khi áp dụng phương châm chung phải nắm vững thêm những điểm riêng cho miền núi như sau: *bảo đảm đoàn kết dân tộc, kiên nhẫn, thận trọng, tùy từng vùng khác nhau mà cách làm có khác nhau, tránh máy móc, rập khuôn; xuất phát từ những đặc điểm của miền núi và trình độ thực tại của các dân tộc.*

Nếu cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi không theo đúng những điều quy định về phương châm chung và phương châm cụ thể trên đây thì nhất định công tác không thể có kết quả tốt được.

3. Bước đi, tốc độ và hình thức hợp tác hoá nông nghiệp ở miền núi

Căn cứ vào những quy định chung trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 16, cần định rõ thêm một số điểm thích hợp với tình hình kinh tế, xã hội và tập quán, sinh hoạt của đồng bào miền núi như dưới đây:

Về bước đi của cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp ở miền núi, nói chung cũng phải theo ba bước, từ tổ đổi công lên hợp tác xã bậc thấp, rồi lên hợp tác xã bậc cao, và trong thời gian đầu muốn xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp được tốt, căn bản phải có tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm làm nòng cốt. Nhưng do đặc điểm của miền núi, các dân tộc thiểu số sẵn có tinh thần đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, tính tư hữu nhẹ hơn ở miền xuôi; nhiều nơi có nhiều ruộng đất, trâu bò; cho nên trong điều kiện có tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm tốt và nếu quần chúng tự nguyện thì lúc đầu có thể xây dựng ngay hợp tác xã bậc cao. Những nơi đồng bào còn du canh, du cư, phần lớn ruộng đất là của công, căn bản không có tư hữu về ruộng đất, thì cũng có thể đi từ tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm lên thẳng hợp tác xã bậc cao, không cần qua bậc thấp. Nhưng tổ chức hợp tác xã bậc cao hay bậc thấp, vấn đề căn bản là phải được quần chúng *thật sự tự nguyện và bảo đảm lãnh đạo tốt*, không gò ép quần chúng xây dựng hợp tác xã bậc cao khi quần chúng chưa thông và điều kiện chưa cho phép.

Hiện nay những nơi phong trào đổi công còn yếu phải ra sức củng cố và phát triển tổ đổi công và nơi nào cũng phải coi trọng việc phát triển tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm, chuẩn bị điều kiện để xây dựng hợp tác xã sản

xuất nông nghiệp. Những nơi đã có hợp tác xã sản xuất nông nghiệp thì phải củng cố tốt những hợp tác xã đó bằng cách tăng cường giáo dục chính trị và tư tưởng cho xã viên, quản lý tốt hợp tác xã và chú trọng cải tiến kỹ thuật để phát triển sản xuất nhiều mặt, đồng thời chuẩn bị cán bộ, chuẩn bị cơ sở tổ đổi công, nhất là tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm, để dần dần phát triển thêm hợp tác xã. Những nơi chưa có hợp tác xã thì từ nay đến cuối năm phải tạo điều kiện để có thể xã nào cũng xây dựng được hợp tác xã (trừ một số ít xã có tình hình đặc biệt), chuẩn bị cho phong trào phát triển trong năm tới.

Mỗi tỉnh, huyện phải xây dựng và chỉ đạo hợp tác xã trọng điểm cho tốt để rút kinh nghiệm và làm gương cho quần chúng nông dân. Lúc đầu xã nào muốn tổ chức hợp tác xã bậc cao phải được cấp tỉnh hoặc cấp khu (như ở Tây Bắc) xét và đồng ý; khi đã có kinh nghiệm rồi thì có thể giao cho cấp huyện xét. Tỉnh nào vì tình hình đặc biệt, chủ trương tổ chức nhiều hợp tác xã bậc cao ngay từ đầu thì phải báo cáo Trung ương xét và phê chuẩn.

Về tốc độ của phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở miền núi, nói chung cũng theo như tốc độ Hội nghị Trung ương lần thứ 16 đã quyết định mà tiến hành. Nhưng vì miền núi có một số xã đang còn lại những vấn đề của cải cách dân chủ chưa được giải quyết, cơ sở tổ chức đảng, chính, quân, dân ở một số xã đang còn yếu, v.v. cho nên ở những xã đó phong trào hợp tác hoá nông nghiệp có thể tiến chậm hơn. Các cấp uỷ, nhất là cấp tỉnh, phải thấy tình hình đó để có kế hoạch giúp đỡ cho những vùng yếu và xã yếu.

Về hình thức tổ chức hợp tác xã ở miền núi, cũng lấy hợp tác xã sản xuất nông nghiệp làm chính, trừ nơi nào nông

nghiệp và lâm nghiệp đều là nguồn lợi lớn thì có thể tổ chức hợp tác xã nông – lâm nghiệp; nơi nào có điều kiện chăn nuôi lớn thì tổ chức hợp tác xã chăn nuôi. Trong các hợp tác xã nông nghiệp, nông – lâm nghiệp hoặc chăn nuôi đó, phải biết lợi dụng điều kiện thiên nhiên thuận lợi ở miền núi và khả năng về mọi mặt quản lý kỹ thuật, lãnh đạo, v.v. mà tổ chức kinh doanh nhiều mặt, cả về nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, vận tải, nghề phụ, v.v..

Về quy mô tổ chức hợp tác xã ở miền núi, cũng đi từ nhỏ đến lớn. Lúc đầu nói chung mỗi hợp tác xã nên tổ chức vào khoảng từ 15 đến 30 hộ; những nơi dân cư thưa thớt có thể tổ chức những hợp tác xã nhỏ trên dưới 10 hộ; những nơi dân cư đông đúc có thể tổ chức những hợp tác xã to trên dưới 40 hộ. Về sau, tùy theo khả năng quản lý của cán bộ và điều kiện thuận tiện cho sản xuất mà dần dần tổ chức những hợp tác xã lớn bao gồm phạm vi một xã, hoặc bao gồm phạm vi một vài bản ở những xã quá rộng.

4. Một số chính sách cụ thể về hợp tác hoá nông nghiệp ở miền núi

Chính sách hợp tác hoá nông nghiệp ở miền núi về căn bản cũng như chính sách chung. Ở đây chỉ bổ sung một số điểm cần thiết như sau:

a) *Đối với ruộng đất, trâu bò, v.v. đưa vào hợp tác xã*

Đất để lại cho các gia đình xã viên trồng rau, cây ăn quả, trồng chàm, v.v. không nhất thiết theo mức đã quy định, nghĩa là để cho mỗi nhân khẩu trong gia đình xã viên không quá 5% diện tích bình quân của mỗi nhân khẩu trong xã, mà có thể để nhiều hơn nếu địa phương có nhiều đất và quần chúng yêu cầu, nhưng không nên để lại nhiều quá vì như thế nhất định sẽ ảnh hưởng đến việc quản lý lao động chung. Đối

với những nơi vì phong tục tập quán, đồng bào miền núi yêu cầu để lại một số ruộng để tự tay họ trồng cấy lấy lúa gạo dùng vào việc thờ cúng thì cũng nên chiếu cố, nhưng cũng vẫn phải theo tinh thần nói trên đây.

Đối với các rừng hoặc đồi trồng cây ăn quả, cây công nghiệp lưu niên, đồi cọ, đồi chè, nương gai, nương móc, ao cá, v.v. ngoài những điều đã quy định chung, ở miền núi khi hợp tác xã lên bậc cao, đối với những thứ thu lợi nhiều nhưng không phải tốn công chăm sóc, không ảnh hưởng đến quản lý lao động chung, thì lúc đầu nếu xã viên chưa muốn công hữu hoá ngay cũng có thể để cho họ sử dụng, sau sẽ tùy theo yêu cầu của quần chúng và khả năng quản lý mà dần dần đưa vào hợp tác xã.

Đối với trâu bò đàn chăn nuôi thì tùy theo nguyện vọng của xã viên và khả năng chăn nuôi của hợp tác xã mà để các xã viên tự chăn nuôi lấy hoặc đưa vào hợp tác xã rồi hợp tác xã tổ chức chăn nuôi và chia hoa lợi cho người chủ, hoặc hợp tác xã mua những trâu bò đó làm của tập thể và trả dần cho xã viên chủ trâu bò trong khoảng từ 3 đến 5 năm.

Để chiếu cố sinh hoạt riêng của xã viên, khi vận động đưa trâu bò vào hợp tác xã, có thể để lại cho những gia đình có nhiều trâu bò một vài con làm của riêng. Về ngựa, những con nào dùng để phục vụ sinh hoạt gia đình (như thồ củi, nước, v.v.) thì không vận động đưa vào hợp tác xã.

Những nơi có voi, nếu quần chúng đồng ý đưa vào hợp tác xã thì phải chú ý sắp xếp để chăn nuôi và sử dụng cho tốt, và định giá đúng mức trả dần cho xã viên trong thời hạn không quá 5 năm.

b) *Đối với những người thuộc tầng lớp trên và những người làm nghề tôn giáo ở miền núi*

Đối với địa chủ, phú nông, nếu hiện họ còn tiếp tục bóc

lột và chưa được thay đổi thành phần thì nhất định không được kết nạp vào tổ đổi công và hợp tác xã. Những người đã thôi bóc lột và đã được thay đổi thành phần, lúc đầu nói chung cũng chưa nên kết nạp; đến khi hợp tác xã đã phát triển rộng và củng cố thì tùy theo thái độ từng người mà kết nạp làm xã viên dự bị.

Đối với những địa chủ, phú nông đã gia nhập tổ đổi công hay hợp tác xã, ta phải xét từng trường hợp xem người nào đã thôi bóc lột và đã đủ tiêu chuẩn được thay đổi thành phần thì tuyên bố cho họ thay đổi thành phần và để họ ở lại tổ đổi công và hợp tác xã, làm tổ viên chính thức hoặc làm xã viên dự bị. Còn đối với những người chưa bỏ bóc lột, phải giải thích cho họ, nếu họ chịu bỏ bóc lột và xét ra từ khi vào tổ đổi công hay hợp tác xã họ vẫn phục tùng kỷ luật của tổ chức và không làm điều gì có hại cho tập thể thì ta vẫn để họ trong tổ đổi công hay hợp tác xã và coi họ như một tổ viên hoặc xã viên dự bị. Trái lại, nếu họ không chịu bỏ bóc lột hoặc từ ngày vào tổ đổi công và hợp tác xã, họ đã từng vi phạm kỷ luật của tổ chức và làm hại cho lợi ích của tập thể thì phải kiên quyết khai trừ họ ra khỏi tổ đổi công hay hợp tác xã. Sở dĩ phải giải quyết như vậy là vì tổ đổi công và hợp tác xã đều là *tổ chức kinh tế của nông dân lao động cốt để thực hiện lao động tập thể nhằm phát triển sản xuất và tự cải thiện đời sống cho mình*. Nếu tổ chức lẫn lộn những phần tử bóc lột vào thì nhất định nông dân lao động tổ viên hoặc xã viên sẽ bị lợi dụng và sẽ không khuyến khích họ hăng hái lao động và cải tiến kỹ thuật để phát triển sản xuất. Kinh nghiệm đã chỉ cho ta thấy rằng: những tổ đổi công và những hợp tác xã nào có phần tử bóc lột ở trong và nhất là nếu để họ nắm được địa vị lãnh đạo thì nội bộ không đoàn kết và lợi ích chung

thường bị xâm phạm. Một số tổ đổi công miền núi không tiến lên hợp tác xã được chính là vì đã bị những phần tử bóc lột trong tổ chức kìm hãm. Một số khác bị tan rã hoặc lũng củng cũng vì những hành vi tự tư tự lợi của những phần tử bóc lột làm thiệt hại đến lợi ích chung.

Khi nông dân lao động ở trong xã căn bản đã vào hợp tác xã sản xuất nông nghiệp rồi, cũng nên cho phú nông, địa chủ trong xã được vào lao động trong hợp tác xã nếu họ yêu cầu và đại hội xã viên đồng ý, và qua một thời gian nếu họ thật sự bỏ bóc lột được thay đổi thành phần và có thái độ tốt thì ta cũng có thể coi họ như xã viên dự bị và sau nếu họ tiến bộ thì họ cũng sẽ trở thành xã viên chính thức.

Ở những vùng giai cấp chưa phân hoá rõ, nếu quần chúng tán thành cũng có thể kết nạp vào tổ đổi công và hợp tác xã những người thuộc tầng lớp trên thật sự lao động, đã thôi bóc lột và tự giác bỏ những đặc quyền, đặc lợi còn lại, nhưng chỉ có thể coi họ như xã viên dự bị và trong những năm đầu của cuộc vận động hợp tác xã không nên bầu họ vào cơ quan lãnh đạo.

Đối với những người làm nghề tôn giáo như mo, trang, thầy cúng, cô đồng, cô then, v.v. nếu họ là nông dân lao động thì đối xử như nông dân lao động khác và tùy theo yêu cầu của họ mà kết nạp vào tổ đổi công, hợp tác xã, đồng thời giáo dục họ giảm bớt những tục lệ phiền phức và lãng phí trong việc cúng lễ, tuyệt đối không được cưỡng bức, mệnh lệnh. Mo, trang, thầy cúng, cô đồng, cô then là địa chủ hoặc phú nông thì nói chung cũng đối xử theo những điều đã quy định đối với những tầng lớp ấy. Nếu họ thuộc diện tranh thủ và có thái độ tốt thì khi họ chưa được thay đổi thành phần ta cũng có thể cho họ tham gia lao động trong hợp tác xã sớm

hơn những người khác cùng giai cấp hoặc tầng lớp với họ, và sau một thời gian lao động, ta có thể kết nạp họ làm xã viên dự bị.

c) Chính sách tổ chức và vấn đề bồi dưỡng cán bộ người thiểu số

Về mặt tổ chức, những nơi nào trong hợp tác xã có nhiều thành phần dân tộc thì trong ban quản trị, ban kiểm soát phải có đủ thành phần dân tộc, làm cho các dân tộc đoàn kết, học hỏi, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ, xoá bỏ dần những thành kiến dân tộc do chế độ cũ để lại.

Tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp ở miền núi phải chú ý rất nhiều đến việc bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số về chính trị, văn hoá, kỹ thuật và nghiệp vụ, nhất là cần chú ý tổ chức việc học văn hoá cho cán bộ lãnh đạo của xã và của hợp tác xã, tạo điều kiện để tổ chức cho họ học tập về nghiệp vụ và kỹ thuật. Đây là vấn đề rất cấp bách; các tỉnh, huyện, miền núi phải có kế hoạch giải quyết cụ thể. Mặt khác việc làm sổ sách, cách sắp xếp tổ chức, v.v. trong hợp tác xã phải giản đơn, dễ làm, hợp với trình độ của cán bộ và đồng bào miền núi.

III- NỘI DUNG VÀ CHÍNH SÁCH HOÀN THÀNH CẢI CÁCH DÂN CHỦ Ở MIỀN NÚI

Như trên đã nhận định, nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền núi căn bản đã hoàn thành. Những vấn đề còn lại của cải cách dân chủ ở từng vùng, từng xã thuộc miền núi mức độ rất khác nhau, cho nên phải tùy từng vùng, từng xã, vấn đề còn lại nhiều hay ít mà định yêu cầu và kế hoạch kết hợp giải quyết trong phong trào hợp tác hoá nông nghiệp.

Nói chung, giải quyết những vấn đề còn lại của cải cách dân chủ ở miền núi nên nhẹ nhàng, đơn giản, nhưng chặt chẽ và sâu sắc, nhằm đạt được *mục đích* dưới đây:

Phân rõ ranh giới giữa nông dân với địa chủ, giữa lao động với bóc lột, phân rõ ranh giới giữa ta, bạn và địch: xoá bỏ những tàn tích của chế độ phong kiến, chiếm hữu ruộng đất và những đặc quyền, đặc lợi của phong kiến còn sót lại; trấn áp bọn phản động phá hoại hiện hành, giữ vững trật tự an ninh; tăng cường đoàn kết dân tộc; tránh gây ra không khí căng thẳng, làm cho quần chúng hoang mang và địch lợi dụng, có dự kiến và đề phòng trước mọi việc đột xuất có thể xảy ra.

Yêu cầu cụ thể là: về kinh tế, chủ yếu là phải thanh toán nốt chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất, xác định quyền sở hữu của nông dân lao động về ruộng đất của địa chủ đã chia cho nông dân. (Đối với đồng bào rẻo cao hiện chưa định canh định cư thì cần giúp đỡ cụ thể để họ tiến dần tới định canh định cư). Về chính trị chủ yếu là làm cho nông dân lao động thật sự và hoàn toàn làm chủ nông thôn và trấn áp bọn phá hoại hiện hành. Còn các vấn đề khác thì lấy giáo dục tư tưởng làm chính và thông qua phong trào hợp tác hoá mà giải quyết dần.

1. *Vạch thành phần giai cấp*

Tiêu chuẩn phân định thành phần giai cấp ở miền núi cũng phải dựa theo bản điều lệ phân định thành phần đã ban hành. Nếu có điểm nào cần bổ sung thì sẽ nghiên cứu và quy định sau.

Đối với nông dân lao động, trong tất cả các vùng, dù trước đây đã xét định thành phần hay chưa, nay đều không đặt vấn đề vạch hoặc vạch lại thành phần. Khi cần thiết phải

xét để tổ chức người vào tổ đổi công, hợp tác xã, hoặc lựa chọn người đưa vào cơ quan lãnh đạo hợp tác xã, v.v. thì chỉ uỷ hoặc cán bộ phụ trách ở xã (nơi chưa có chi bộ) hoặc cán bộ địa phương cùng với cán bộ ở trên xuống giúp địa phương xây dựng hợp tác xã căn cứ vào đường lối giai cấp và tiêu chuẩn phân định thành phần đã có mà xét cụ thể từng trường hợp và giải quyết.

Đối với thành phần bóc lột thì chia làm mấy loại như sau:

a) Ở những xã giai cấp chưa phân hoá rõ, không đặt vấn đề vạch thành phần những người thuộc tầng lớp trên, mà chỉ nhận xét trong lãnh đạo (chi uỷ hay cán bộ phụ trách ở xã).

b) Ở những xã giai cấp đã phân hoá rõ rệt, việc xét thành phần địa chủ, phú nông cũng cần có sự phân biệt thích đáng:

- Xã nào đã cải cách ruộng đất thì không vạch lại thành phần, song phải theo đúng Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 16 về hợp tác hoá nông nghiệp mà nhận xét những hộ thực tế đã thay đổi thành phần từ sau cải cách ruộng đất để trong việc kết nạp vào hợp tác xã hoặc bầu ban quản trị hợp tác xã khỏi phạm sai lầm.

- Xã đã phát động quần chúng giảm tô, nói chung cũng không vạch lại thành phần. Nếu ở đó có người nào vẫn bị quy sai là địa chủ, phú nông mà chưa được sửa trong khi sửa sai thì bàn bạc với quần chúng sửa lại cho họ. Đối với địa chủ lột lột thì chỉ trong trường hợp cá biệt họ còn nhiều ruộng đất, trâu bò và thái độ không tốt, quần chúng nông dân kiên quyết đòi quy lại, ta mới vạch họ là địa chủ.

- Xã nào chưa cải cách ruộng đất và giảm tô, nhưng qua các cuộc vận động dân chủ khác đã xét định thành phần địa chủ, phú nông thì nay uỷ ban hành chính xã cần báo cáo rõ với quần chúng nông dân sự nhận định trước để cho quần

chúng có ý kiến. Nếu có trường hợp nào trước vạch sai thì nay phải vạch lại.

- Xã nào chưa quy định thành phần, nay phải tiến hành như sau:

Phú nông và những địa chủ kháng chiến, địa chủ thường thì cho nhận thành phần trước uỷ ban hành chính xã và một số đại biểu nông dân trong xã, rồi uỷ ban hành chính xã tuyên bố với quần chúng. Nếu có người không chịu nhận thành phần thì mới đưa ra vạch trước quần chúng (diện quần chúng tham dự rộng hẹp tuỳ theo yêu cầu của từng vụ).

Địa chủ trước có tội ác lớn, đã chịu lao động cải tạo, nhưng quần chúng vẫn oán ghét, hoặc địa chủ trước không có tội ác lớn nhưng gần đây có những hành động chống đối lại chính sách, thì phải kiểm thảo trước quần chúng và nhận thành phần trước Hội nghị đại biểu nông dân lao động toàn xã, toàn bản hoặc toàn thôn, tuỳ theo ảnh hưởng của địa chủ đó rộng hay hẹp mà định. (Trường hợp cá biệt mới đưa ra Hội nghị đại biểu nông dân lao động toàn xã).

Đối với địa chủ có tội ác lớn chưa chịu cải tạo hoặc phá hoại hiện hành, phải phát động tư tưởng quần chúng vạch tội ác, vạch thành phần và bắt nhận thành phần trước quần chúng (diện quần chúng tham dự rộng hẹp tuỳ theo yêu cầu của từng vụ).

Đối với những tên trước đây là địa chủ, từ khi có luật cải cách ruộng đất đi làm mo, trang, làm thầy cúng thì tuỳ theo chúng thuộc loại địa chủ nào kể trên đây mà đối xử. Nếu chúng là phần tử phản động phá hoại hiện hành và quần chúng nông dân yêu cầu thì cấm không cho làm mo, trang, thầy cúng nữa.

Cơ quan xét duyệt thành phần địa chủ, phú nông là uỷ

ban hành chính huyện. Đối với những gia đình cách mạng, gia đình cán bộ, quân nhân là địa chủ, đối với những người là nhân sĩ dân chủ, thân sĩ yêu nước thuộc tầng lớp trên (có liên hệ với quần chúng), đối với những địa chủ có tội ác lớn chưa chịu cải tạo hoặc phá hoại hiện hành thì uỷ ban hành chính huyện đề nghị lên uỷ ban hành chính tỉnh hoặc uỷ ban hành chính khu tự trị quyết định. Gặp trường hợp đặc biệt thì uỷ ban hành chính khu tự trị đề nghị lên Thủ tướng phủ quyết định.

Trong khi phân định thành phần địa chủ, phú nông phải chú ý giải thích cho những nông dân lao động hiện nay có bóc lột chút ít nhận rõ rằng: tuy họ có bóc lột, nhưng nếu họ không đủ tiêu chuẩn là địa chủ, phú nông thì vẫn không bị vạch là địa chủ, phú nông và vẫn được đối xử như nông dân lao động.

Sau khi xét thành phần, những địa chủ, phú nông nào đủ tiêu chuẩn được thay đổi thành phần thì cơ quan chính quyền cấp xã xét và đề nghị huyện quyết định cho họ được thay đổi thành phần theo như chính sách đã quy định.

2. Giải quyết những vấn đề kinh tế còn lại

Phương châm chung để giải quyết những vấn đề kinh tế còn lại của cải cách dân chủ là: việc gì xét ra thật cần thiết mới đặt thành vấn đề để giải quyết, không xáo trộn, không gây trở ngại cho sản xuất và đoàn kết ở nông thôn. Trong khi tiến hành, vấn đề nào có thể giải quyết ngay thì giải quyết, nhưng cũng có những vấn đề phải giải quyết dần trong một thời gian nhất định.

Đối với *những ruộng đất trước đã tạm cấp, tạm giao cho nông dân lao động*, dù còn chênh lệch, nói chung cũng không cần điều chỉnh trong nội bộ nông dân lao động với nhau, vì

lúc này phong trào hợp tác hoá đang phát triển, nếu đặt vấn đề điều chỉnh thì dễ gây ra xích mích không cần thiết. Nhưng cần tuyên bố việc xác định quyền sở hữu của người được tạm cấp, tạm giao đối với những ruộng đất ấy, nếu ruộng đất ấy vốn là của địa chủ; tuy vậy việc cấp giấy chứng nhận cũng không cần đặt ra như trong cải cách ruộng đất. Nơi nào ruộng đất tạm cấp, tạm giao là ruộng đất công thì nay tuyên bố ruộng đất đó như đã trưng thu và chia cho người được tạm cấp, tạm giao và khi vào hợp tác xã người đó đương nhiên có quyền mang ruộng đất được chia vào hợp tác xã như ruộng đất ấy là của riêng mình. Trâu bò đã tạm cấp, tạm giao cũng không cần điều chỉnh, nhưng có thể vận động người có nhiều nhường bớt cho người chưa có. Những trâu bò do các cơ quan nhà nước gửi nông dân giữ thì các cơ quan đó nghiên cứu cụ thể và đề nghị giải quyết riêng.

Đối với ruộng đất, tài sản của phú nông nói chung không đụng đến; những phú nông nào có ruộng đất phát canh thu tô hoặc cho mượn thì nay tuyên bố giao hẳn cho nông dân đang làm ruộng đất đó.

Đối với ruộng đất, tài sản của địa chủ, cần phân biệt đối xử như sau: địa chủ nào hiện nay ruộng đất, trâu bò chiếm hữu còn xấp xỉ số bình quân nhân khẩu của nông dân trong xã thì để như cũ. Địa chủ nào còn nhiều ruộng đất, trâu bò, nếu họ là địa chủ kháng chiến, địa chủ thường thì cho hiến hoặc trưng mua phần có thừa; nếu là địa chủ phá hoại hiện hành hoặc cường hào gian ác thì tịch thu, trưng thu theo như chính sách đã quy định. Đối với địa chủ trước kia là cường hào gian ác (ở vùng tự do cũ thì trước Cách mạng Tháng Tám, ở vùng mới giải phóng thì trước khi được giải phóng), nhưng nay tỏ ra phục tùng pháp luật, cũng có thể trưng mua. Địa chủ nào phá

hoại hiện hành nghiêm trọng thì do toà án xét xử, quyết định tịch thu, trưng thu một phần hoặc toàn bộ.

Nợ của địa chủ kể cả mới, cũ đều tuyên bố xoá bỏ. Việc thoái tiền công quýt, thoái tô, thoái tức không đặt ra. Những tài sản khác của địa chủ nói chung không đụng đến. Tài sản kinh doanh công thương nghiệp của địa chủ thì theo chính sách chung đã quy định là nhất thiết không đụng đến.

Những quyền của địa chủ, phú nông *bao chiếm rừng, đồi, khe suối, bắt nông dân biếu xén và bóc lột sức lao động không trả tiền công bất cứ dưới hình thức gì*, từ nay đều bị coi là không hợp pháp và bị thủ tiêu.

Ruộng đất, trâu bò tịch thu, trưng thu, trưng mua hoặc nhận hiến của địa chủ, thì chia cho nông dân lao động còn thiếu, hoặc nếu nông dân ở địa phương căn bản đã vào hợp tác xã sản xuất nông nghiệp thì giao cho hợp tác xã sản xuất nông nghiệp nào có nhiều hộ và có nhiều khả năng kinh doanh nhất. Đầm, hồ lớn, rừng cây lớn hoặc những đất trồng các loại cây đặc biệt của địa chủ, diện tích rộng lớn thì do Nhà nước quản lý, hoặc giao cho hợp tác xã sản xuất nông nghiệp quản lý, không chia cho cá nhân sử dụng.

Đối với các loại súng, nguyên tắc giải quyết là:

Các loại *súng trận* đều phải tập trung vào tay dân quân du kích, hoặc bộ đội địa phương; súng nào dân quân du kích hoặc bộ đội địa phương dùng không hợp thì giao lại cho quân đội chính quy. Súng trường ở trong tay nông dân lao động mà người có súng đó là người tốt thì cứ để họ giữ, và tổ chức họ vào dân quân du kích hoặc họ không muốn vào thì uỷ ban hành chính xã mượn súng của họ cho dân quân du kích sử dụng. Súng trận ở trong tay địa chủ, phú nông thì trưng thu giao cho dân quân du kích hoặc bộ đội địa phương sử dụng.

Súng kíp và súng đi săn thì nói chung của ai người ấy vẫn được giữ, vì những thứ súng này cần để săn thú và bảo vệ mùa màng. Nhưng cần tịch thu hoặc trưng thu súng kíp và súng đi săn của bọn phản động phá hoại hiện hành, vì nếu để cho chúng giữ vũ khí trong tay thì sẽ có thể xảy ra những việc đáng tiếc.

Ngoài những điều nêu trên đây, thể lệ đăng ký súng vẫn giữ nguyên như cũ.

Đối với *vòng vĩa, nhẫn cưới, đồ thờ cúng, vì mục đích tôn trọng* phong tục, tập quán và tự do tín ngưỡng của đồng bào thiểu số, cho nên nhất thiết không được đụng đến những thứ đó, dù là của nông dân lao động hay của địa chủ, phú nông cũng vậy.

3. *Đối với những người thuộc tầng lớp trên có liên hệ với quần chúng*

Trong khi giải quyết những vấn đề còn lại của cải cách dân chủ, cần giải thích cho những người thuộc tầng lớp trên có liên hệ với quần chúng, thuyết phục họ chấp hành đúng chính sách của Đảng và Chính phủ. Nếu họ còn bóc lột thì giải thích cho họ từ nay cần bỏ hẳn bóc lột. Nếu họ còn nhiều ruộng đất, trâu bò thì cho phép họ được hiến một phần cho chính quyền nhân dân để chia cho nông dân lao động không có đất hoặc thiếu đất, hoặc để giao cho hợp tác xã sản xuất nông nghiệp nếu ở địa phương ai cũng đã có đủ đất cày cấy.

Việc giải quyết những mâu thuẫn về quyền lợi giữa nông dân lao động và tầng lớp trên có quan hệ với quần chúng nên qua hình thức họp Hội nghị hiệp thương gồm đại biểu đảng và chính quyền địa phương, đại biểu nông dân lao động và đại biểu các tầng lớp trên mà bàn bạc và giải quyết cho được ổn thoả.

4. *Đối với cán bộ, bộ đội, công nhân, viên chức xuất thân từ thành phần phú nông, địa chủ*

Những người đúng tiêu chuẩn là địa chủ, phú nông, nếu đã thoát ly gia đình đi công tác được một năm trở lên thì bản thân không bị gọi là địa chủ, phú nông nữa. Còn gia đình họ nếu còn bóc lột thì vẫn bị quy là địa chủ hoặc phú nông, nhưng cần chiếu cố thích đáng trong khi giải quyết những vấn đề còn lại của cải cách dân chủ. Nếu gia đình họ đã thôi bóc lột thì chiếu theo những điều quy định về thành phần giai cấp mà cho thay đổi thành phần.

Đối với những cán bộ là địa chủ, phú nông còn trực tiếp công tác ở xã, người nào không bóc lột nữa và có thái độ tốt thì nói chung vẫn để họ giữ nguyên chức cũ. Người nào đến nay vẫn còn bóc lột thì đối với bản thân họ nên tùy trường hợp mà cho rút lui, thay đổi công tác, hoặc điều động đi nơi khác công tác, còn đối với gia đình họ thì theo quy định chung mà giải quyết.

IV- VẤN ĐỀ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN HỢP TÁC HOÁ NÔNG NGHIỆP KẾT HỢP HOÀN THÀNH CẢI CÁCH DÂN CHỦ Ở MIỀN NÚI

Lãnh đạo cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp ở miền núi, về tinh thần chung cũng theo như Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 16, tức là phải chú trọng vấn đề lãnh đạo tư tưởng, lãnh đạo tổ chức, lãnh đạo chính sách, lãnh đạo kế hoạch, v.v.. Nhưng vì phải kết hợp giải quyết những vấn đề còn lại của cải cách dân chủ, cho nên công tác có phức tạp hơn. Để lãnh đạo tốt cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, phát triển sản xuất, kết hợp hoàn thành cải

cách dân chủ ở miền núi, cần nhận rõ những khó khăn và thuận lợi dưới đây:

Khó khăn:

- Miền núi diện tích rộng, nhân dân ở phân tán, giao thông chưa thuận tiện, việc nắm tình hình và chỉ đạo công tác còn gặp nhiều trở ngại.

- Nhiều nơi lực lượng cán bộ dân tộc còn thiếu và yếu, quần chúng nông dân trình độ còn thấp; có nơi nhân dân không biết tiếng phổ thông và chưa có chữ viết dân tộc.

- Ở một số xã còn có bọn thổ phỉ, biệt kích, gián điệp hoạt động, uy hiếp quần chúng. Bọn đế quốc và tay sai đang tìm hết cách phá hoại ta (nhất là ở các miền biên giới giáp Vương quốc Lào).

- Những vấn đề còn lại của cải cách dân chủ là những trở lực cho cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp và phát triển sản xuất. Do công tác giáo dục chính trị và phát động tư tưởng quần chúng thiếu sót có nhiều thiếu sót, cho nên nông dân miền núi tuy có giác ngộ dân tộc, nhưng trình độ giác ngộ giai cấp còn thấp. Cuộc vận động giảm tô và cải cách ruộng đất ở mấy trăm xã miền núi trước đây có mang lại quyền lợi cho nông dân các dân tộc, nhưng lại phạm một số sai lầm nghiêm trọng, cho nên trong cán bộ và nhân dân miền núi hiện nay có tâm lý sợ phát động quần chúng và cải cách dân chủ. Đó cũng là một khó khăn nữa cho việc hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi.

Thuận lợi:

- Trải qua Cách mạng Tháng Tám, kháng chiến trường kỳ và từ khi hoà bình được lập lại, các dân tộc miền núi đã giành được nhiều quyền lợi, ý thức giác ngộ cách mạng đã bước đầu được nâng cao; tuyệt đại đa số quần chúng tin

tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, tin tưởng ở chế độ ta.

- Khả năng kinh tế ở miền núi dồi dào, ta có điều kiện thuận lợi để cải thiện đời sống nhân dân và thay đổi bộ mặt nông thôn miền núi.

- Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, phong trào cải tiến kỹ thuật, tăng gia sản xuất đang phát triển ở nhiều vùng; quần chúng các dân tộc đã bước đầu thấy được tính hơn hẳn của lối làm ăn tập thể và hăng hái tham gia.

- Từ Hội nghị Trung ương lần thứ 16, các cấp uỷ đảng đã chú ý nghiên cứu nắm tình hình, tăng cường lãnh đạo phong trào hợp tác hoá nông nghiệp và phát triển sản xuất ở miền núi.

Đó là những thuận lợi căn bản của tình hình miền núi hiện nay.

Nhìn chung, công tác ở miền núi có nhiều khó khăn, nhưng thuận lợi là chính. Chúng ta phải ra sức phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, đưa phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở miền núi tiến lên mạnh mẽ và vững chắc, đồng thời giải quyết tốt những vấn đề còn lại của cải cách dân chủ.

Về lãnh đạo, phải chú ý những vấn đề như sau:

1. Mỗi khu tự trị, mỗi tỉnh, huyện, châu phải nhận rõ rằng: tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ là *trách nhiệm của cấp uỷ địa phương*; cấp uỷ địa phương phải trực tiếp phụ trách. Cụ thể là chi uỷ trực tiếp chấp hành; tỉnh uỷ và huyện uỷ chỉ đạo, có bộ phận giúp việc. Các khu uỷ Tây Bắc và Việt Bắc phải lãnh đạo chặt chẽ cuộc vận động của toàn khu. Mỗi cấp đều phải tăng cường cán bộ chuyên trách và tập trung lực lượng để lãnh đạo cho tốt. Trước mắt, phải tiếp tục điều tra, nghiên cứu, nắm cho

được tình hình địa phương mình, phân loại các xã và chú ý điều tra xem những vấn đề của cải cách dân chủ tồn tại đến mức nào; tình hình tổ đổi công, hợp tác xã, tình hình cán bộ, tình hình địch phá hoại, v.v.. Trên cơ sở đó mà định ra nội dung công tác và kế hoạch cho sát.

Các cấp uỷ đảng phải giữ vững chế độ báo cáo và xin chỉ thị. Phải báo cáo từng bước công tác và mỗi khi có việc gì đột xuất phải xin chỉ thị cấp trên. Cấp trên phải chú trọng kiểm tra đôn đốc và giải quyết kịp thời những vấn đề do cuộc vận động bên dưới đề ra.

2. Sau khi đã nắm tình hình và kiểm điểm lại lực lượng cán bộ xã, nếu xã nào cán bộ không đủ khả năng đảm nhiệm công tác thì phải tìm mọi cách bổ sung cán bộ cho xã ấy hoặc đưa thêm cán bộ về giúp đỡ; đặc biệt chú ý nắm và giúp đỡ những xã có nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp phải giải quyết, nhất là những xã ở dọc theo biên giới và gần giới tuyến tạm thời. Sau khi đã sắp xếp cán bộ cho các xã rồi thì lần lượt huấn luyện cho tất cả cán bộ đó (cán bộ xã và cán bộ cấp trên phái về giúp). Tài liệu huấn luyện chủ yếu là Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 16 về vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp và bản Chỉ thị này. Nếu gặp chính huấn chung thì kết hợp với chính huấn mà huấn luyện, làm cho cán bộ hiểu thấu nhiệm vụ công tác, nắm được đường lối, phương châm, chính sách và những yêu cầu căn bản của cuộc vận động hợp tác hoá kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, nắm được kế hoạch và phương pháp tiến hành, có quan điểm đúng đắn đối với toàn bộ cuộc vận động. Phải đặc biệt chú trọng vấn đề chính huấn cho chi bộ xã hoặc nơi nào chưa có chi bộ thì chính huấn cho cán bộ và cốt cán xã.

3. Phương pháp tiến hành là phải dựa hẳn vào cơ sở tổ chức ở xã, trước hết là dựa vào chi bộ xã và vận dụng các tổ chức như uỷ ban hành chính, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, v.v.. Trong quá trình vận động, cần chú trọng tuyên truyền và bồi dưỡng những nông dân lao động, nhất là những bản cố nông và trung nông lớp dưới hăng hái và trung thực để sau kết nạp họ vào chi bộ. Nơi nào chưa có chi bộ thì phải dựa vào những cốt cán tốt trong các tổ chức sẵn có và lựa chọn thêm những bản cố nông và trung nông lớp dưới tốt, tích cực ở ngoài tổ chức, dựa vào họ mà tiến hành công tác, đồng thời tích cực tạo điều kiện xây dựng cơ sở đảng và Đoàn Thanh niên Lao động, v.v.. *Chú ý bồi dưỡng cốt cán người các dân tộc thiểu số để tự họ lãnh đạo phong trào.* Cán bộ do trên phái về giúp xã không bao biện làm thay, không lấy danh nghĩa là đoàn, đội của cấp trên về làm, không được tự đặt ra chính sách và khẩu hiệu riêng biệt trái ngược với tinh thần nghị quyết và chỉ thị của Đảng.

4. Về nội dung từng bước công tác, phải tùy theo tình hình và những vấn đề cần giải quyết ở từng xã khác nhau (có khi trong một xã tình hình từng bản cũng có chỗ khác nhau) mà định:

a) Loại xã thứ nhất gồm những xã đã cải cách ruộng đất và những xã thuộc vùng giai cấp chưa phân hoá rõ mà tình hình chính trị ổn định, thì dựa vào chi bộ hoặc lực lượng cán bộ đã được kiện toàn mà tiến hành hợp tác hoá; tổ chức cho quần chúng học tập, tranh luận để phân rõ ranh giới giữa lao động và bóc lột, giữa ta, bạn và địch, giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, và tùy theo phong trào ở

từng nơi mà tiến hành củng cố, phát triển tổ đổi công và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

b) Loại xã thứ hai gồm những xã đã phát động quần chúng giảm tô, hoặc chưa qua giảm tô và cải cách ruộng đất, nhưng đã qua nhiều cuộc vận động thực hiện các chính sách lớn, vấn đề ruộng đất căn bản đã được giải quyết, ranh giới giai cấp giữa địa chủ và nông dân đã rõ ràng (hoặc đã tuyên bố chính thức hoặc chưa tuyên bố) thì dựa vào chi bộ hoặc lực lượng cán bộ xã đã được kiện toàn, tiến hành vận động hợp tác hoá như loại xã thứ nhất, đồng thời kết hợp giải quyết những vấn đề còn lại của cải cách dân chủ.

c) Loại xã thứ ba gồm những xã địa chủ còn chiếm hữu tương đối nhiều ruộng đất, uy thế chính trị của chúng còn tương đối lớn thì dựa vào chi bộ và lực lượng cán bộ xã đã được kiện toàn mà bồi dưỡng cốt cán, tiến hành giáo dục chính sách, phát động tư tưởng quần chúng, làm cho quần chúng phân rõ ranh giới giữa địa chủ và nông dân, giữa lao động và bóc lột, giải quyết những vấn đề của cải cách dân chủ, rồi tiến hành giáo dục về hai con đường phát triển của nông thôn; xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã.

d) Loại xã thứ tư gồm những xã có bọn thổ phỉ, biệt kích, gián điệp, phản động còn hoạt động, uy hiếp quần chúng (không kể vùng giai cấp đã phân hoá rõ hay chưa, ở dọc biên giới hay ở nội địa) thì dựa vào chi bộ hoặc lực lượng cán bộ xã đã được kiện toàn mà bồi dưỡng cốt cán, phát động quần chúng tiêu phỉ, trừ biệt kích, gián điệp, tiến hành giải quyết từng bước những vấn đề còn lại của cải cách dân chủ, xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã. Trong công tác tiêu phỉ, trừ gian, cần chú ý phối hợp chặt chẽ với quân đội, du kích, công an.

Đối với các xã gần biên giới, dù thuộc loại nào, cách tiến hành cũng phải hết sức thận trọng. Việc chính ở đây là kết hợp với vận động hợp tác hoá, phát triển sản xuất mà trấn áp bọn phá hoại hiện hành; còn các vấn đề khác thì giải quyết dần, không nên gây ra tình hình khẩn trương trong quần chúng nhân dân.

Đối với các loại xã kể trên, lúc đầu khu tự trị hoặc tỉnh phải làm thí điểm để rút kinh nghiệm lãnh đạo. Việc làm thí điểm phải do các cấp uỷ đảng ở khu, tỉnh và huyện, châu nắm vững và tiến hành gọn, kết hợp giải thích cho quần chúng các xã chung quanh, tránh gây ra tình trạng vì hiểu lầm mà sinh ra hoang mang. Bí thư khu và tỉnh phải nắm chỉ đạo những thí điểm thuộc loại xã thứ ba và thứ tư.

5. Về thời gian vận động, việc tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp theo thời gian đã quy định chung mà tiến hành. Các công tác hoàn thành cải cách dân chủ thì tùy theo từng xã nội dung vấn đề nhiều hay ít mà định. Xã nào xét ra không có khó khăn lớn thì có thể hoàn thành nhiệm vụ công tác trong một vài tháng, không kể thời gian chuẩn bị. Xã nào công tác phức tạp hơn, như phải tiến hành tiêu phỉ, trừ gian, đánh đổ địa chủ, v.v. thì thời gian có thể dài hơn. Nói chung, thời gian công tác không nên quá dài, nhưng tuyệt đối không được lướt nhanh, làm dối.

Tóm lại, cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi là một cuộc cách mạng to lớn và phức tạp, nhưng là một cuộc cách mạng ôn hoà. Vì vậy cách làm phải nhẹ nhàng, đơn giản, nhưng kiên quyết, chặt chẽ và sâu sắc. Với khả năng tiềm tàng to lớn của miền núi, công cuộc vận động hợp tác hoá kết hợp hoàn

thành cải cách dân chủ tiến hành được tốt sẽ phá bỏ được những trở lực trên con đường phát triển của miền núi, tăng cường đoàn kết các dân tộc, đẩy mạnh sản xuất nâng cao đời sống của các dân tộc miền núi lên một bước, đưa miền núi tiến dần lên chủ nghĩa xã hội.

Mỗi châu, huyện miền núi phải họp bàn với các xã để có kế hoạch cho từng xã và mỗi khu, mỗi tỉnh phải dựa trên cơ sở đó mà đặt kế hoạch của khu và tỉnh mình. Các ngành có liên quan ở trung ương và địa phương cũng phải có kế hoạch cụ thể của ngành mình nhằm phục vụ cho cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, phát triển sản xuất, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi. Các kế hoạch ấy do cấp uỷ đảng lãnh đạo thống nhất các ngành để phối hợp thực hiện. Kế hoạch của các khu, tỉnh và các ngành hợp lại thành kế hoạch chung của Trung ương.

Ban công tác nông thôn Trung ương và Ban Dân tộc Trung ương đặt kế hoạch và thống nhất kế hoạch của các ngành trình Trung ương xét duyệt và giúp Trung ương theo dõi và lãnh đạo chung.

Ban công tác nông thôn ở các địa phương miền núi phải được tăng cường như Nghị quyết Trung ương đã định. Trong Ban công tác nông thôn ở những địa phương vừa có đồng bằng và miền núi phải có bộ phận chuyên trách về miền núi để tránh tình trạng xem nhẹ công tác miền núi.

Công cuộc tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp, phát triển sản xuất, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ phù hợp với quyền lợi và nguyện vọng của quần chúng nông dân và của các dân tộc miền núi, cho nên, với sự hăng hái hưởng ứng của quần chúng nông dân và các dân tộc miền núi, với tinh thần

phấn đấu tích cực của cán bộ các cấp, các ngành, nhất định công cuộc đó sẽ đạt được kết quả tốt: tăng cường đoàn kết dân tộc, phát triển sản xuất, mang lại cơm no, áo ấm cho các dân tộc miền núi và sẽ đưa miền núi tiến lên chủ nghĩa xã hội.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỜNG CHINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 157-CT/TW, ngày 31-8-1959

Về việc kiện toàn các ban, các đảng đoàn trực thuộc

Từ ngày hoà bình lập lại, để bảo đảm nhiệm vụ cách mạng ngày càng nặng nề, chúng ta đã cố gắng kiện toàn một số cơ quan lãnh đạo đầu não của Chính phủ; đồng thời tăng cường một số cơ quan giúp việc của Trung ương. Do đó đã đáp ứng một phần nào yêu cầu của nhiệm vụ. Tuy nhiên trước sự đòi hỏi của tình hình, việc kiện toàn các cơ quan giúp việc của Trung ương chưa được toàn diện; tổ chức bộ máy giúp việc Trung ương còn yếu, chưa thể đáp ứng được kịp thời yêu cầu lãnh đạo của Trung ương đối với các ngành, các cấp. Đến nay, nhiệm vụ, chức trách của các ban, các đảng đoàn chưa được quy định rõ ràng. Về hình thức và nguyên tắc tổ chức thì các ban, các đảng đoàn còn có chỗ chưa thống nhất, nơi gọi là ban, nơi gọi là tiểu ban, nơi gọi là đảng đoàn, nơi gọi là đảng tổ; nơi thì tổ chức theo chế độ tập thể uỷ viên hội, nơi tổ chức theo chế độ thủ trưởng. Về thành phần tổ chức thì thành phần của một số đảng đoàn chưa phản ánh được các mặt hoạt động của ngành, một số đảng đoàn số lượng quá ít, một số khác số lượng tuy nhiều nhưng chất lượng còn yếu.

Để bảo đảm yêu cầu lãnh đạo của Trung ương đối với các

cấp, các ngành, cần phải có kế hoạch kiện toàn các ban, các đảng đoàn, tăng cường cơ quan giúp việc của Trung ương.

Căn cứ yêu cầu lãnh đạo của Trung ương và tình hình cụ thể hiện nay, việc kiện toàn cơ quan giúp việc của Trung ương lần này chủ yếu nhằm:

- Quy định chức trách, nhiệm vụ và lễ lối làm việc của các ban, và các đảng đoàn;
- Điều chỉnh sắp xếp và bổ sung cán bộ cho các ban, các đảng đoàn, trước hết nhằm tăng cường những cơ quan còn yếu, tăng cường cho một số cơ quan chủ chốt của Trung ương;
- Soát lại các tổ chức các ban, các đảng đoàn trực thuộc Trung ương, thành lập thêm tổ chức nào xét cần thiết, sáp nhập và thống nhất số cơ quan có thể thống nhất được, nhằm tăng cường khả năng lãnh đạo của Đảng đối với các ngành.

Sau đây là một số vấn đề cần quy định rõ:

1. *Nhiệm vụ của các ban, các đảng đoàn*

a) *Ban chuyên môn* là cơ quan nghiên cứu của Trung ương, có nhiệm vụ phục vụ sự lãnh đạo của Trung ương đối với các cấp, các ngành, cụ thể là:

- Căn cứ vào nhiệm vụ chính trị của Đảng và các nghị quyết của Trung ương trong từng thời kỳ, các ban chuyên môn có trách nhiệm nghiên cứu giúp Trung ương đề ra đường lối, phương châm, chủ trương, chính sách chung cho toàn quốc, hoặc liên quan đến nhiều ngành công tác của Đảng và Chính phủ;

- Theo dõi kiểm tra việc chấp hành các đường lối, phương châm, chủ trương, chính sách của Đảng đối với các cấp, các ngành; giúp Trung ương hướng dẫn các ngành trong việc chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, điều hoà phối hợp hoạt động giữa các ngành có liên quan;

- Ngoài những công tác nói trên, căn cứ vào yêu cầu cụ

thể, Trung ương có thể giao cho cho các ban chuyên môn một số nhiệm vụ cụ thể khác.

b) Đảng đoàn là tổ chức của Đảng trong các ngành chính quyền hoặc đoàn thể quần chúng, có nhiệm vụ bảo đảm sự lãnh đạo của Trung ương đối với ngành mình. Cụ thể là:

- Bảo đảm việc chấp hành đường lối chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng và Chính phủ trong mỗi ngành;
- Nghiên cứu giúp Trung ương đề ra những chính sách và chủ trương cụ thể liên quan đến ngành mình;
- Thường xuyên phản ánh tình hình của ngành mình, giúp Trung ương nắm được hoạt động của mỗi ngành, thông qua hoạt động của từng ngành mà kiểm tra và giám đốc hoạt động của các cấp, các ngành khác.

c) Để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong các ngành và nâng cao không ngừng năng lực và chất lượng công tác của Đảng trong mỗi ngành, các ban, các đảng đoàn có nhiệm vụ:

- Cùng với Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương quản lý những cán bộ thuộc quyền quản lý của Trung ương, cùng với đảng uỷ cơ quan quản lý và chấp hành mọi chính sách của Đảng đối với cán bộ, nhân viên công tác trong cơ quan mình;
- Có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo và giáo dục cán bộ, đúc kết kinh nghiệm, nâng cao không ngừng trình độ chính trị, nghiệp vụ và chuyên môn, nâng cao khả năng công tác của ngành mình;
- Phối hợp mật thiết với đảng uỷ cơ quan tăng cường việc giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng trong cơ quan và trong ngành, động viên mọi người làm tròn nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ đã giao cho.

2. Về nguyên tắc tổ chức và lễ lối làm việc

- Các ban, các đảng đoàn trực thuộc Trung ương là cơ quan tập thể chịu trách nhiệm trước Trung ương bảo đảm nhiệm vụ Trung ương đã giao cho. Các ban, các đảng đoàn làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; nhấn mạnh trách nhiệm của tập thể, đồng thời phải đề cao trách nhiệm của cá nhân phụ trách.

- Giữa các ban, các đảng đoàn trực thuộc Trung ương với các ban, các đảng đoàn cấp dưới không có quan hệ lãnh đạo; nhưng có thể liên lạc bàn bạc về những công việc cần thiết.

- Giữa các ban với các đảng đoàn các ngành có liên quan không có quan hệ lãnh đạo. Đối với những vấn đề về chủ trương, chính sách có liên quan đến nhiều ngành, trước khi đưa lên Trung ương, đảng đoàn cần bàn bạc với ban chuyên môn. Ngược lại, các ban chuyên môn của Đảng, trước khi đưa lên Trung ương, cần có sự bàn bạc với đảng đoàn các ngành có liên quan.

- Giữa các ban, các đảng đoàn với đảng uỷ cơ quan có quan hệ phối hợp công tác, nhưng không phải là quan hệ lãnh đạo. Đối với những vấn đề thuộc về chủ trương, chính sách, về công tác chuyên môn của các ngành, thì các ban, các đảng đoàn chịu trách nhiệm chính. Công tác giáo dục, bồi dưỡng cán bộ và công nhân viên trong cơ quan, việc chấp hành các chính sách đối với cán bộ, công nhân viên trong cơ quan, việc lãnh đạo tư tưởng, động viên mọi người trong cơ quan hoàn thành tốt các công tác, là trách nhiệm chung của các ban, các đảng đoàn và đảng uỷ cơ quan.

3. Về thành phần, tổ chức các ban, các đảng đoàn

Số lượng uỷ viên mỗi ban và mỗi đảng đoàn phải tuỳ theo nhu cầu công tác và khả năng cán bộ của từng ngành mà định, không nên hẹp quá, cũng không nên rộng quá.

Thành phần của ban và đảng đoàn phải phản ánh được mọi mặt hoạt động của ngành, dưới điều kiện bảo đảm trung thành về chính trị, cần kết hợp cán bộ chính trị với chuyên môn, cán bộ có trình độ lý luận với cán bộ có khả năng tổ chức thực hiện, có kinh nghiệm thực tế.

*
* *

Căn cứ vào Chỉ thị này, các ban, các đảng đoàn nghiên cứu và đề nghị với Trung ương về chức trách, nhiệm vụ cụ thể của mình. Ban Tổ chức Trung ương có nhiệm vụ cùng với các ban, các đảng đoàn nghiên cứu việc sắp xếp điều chỉnh nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan, các ngành.

T/M BAN BÍ THƯ
HOÀNG ANH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 159-CT/TW, ngày 5-9-1959

Về việc tăng cường lãnh đạo về mọi mặt quyết tâm phấn đấu hoàn thành tốt kế hoạch năm 1959

1. Kế hoạch nhà nước năm 1959 đã được thực hiện trên 6 tháng. Trong 6 tháng qua, nông dân, công nhân, bộ đội và cán bộ các cấp, các ngành đã cố gắng phấn đấu với thiên tai, tật bệnh và nhiều khó khăn khác, và đã thu được những thành tích to lớn về mọi mặt:

- Sản xuất nông nghiệp và công nghiệp so với 6 tháng đầu năm 1958 đều phát triển với nhịp độ khá nhanh: lúa vụ chiêm năm nay đã đạt được năng suất cao chưa từng có và thu hoạch trội hơn vụ chiêm năm ngoái trên 44,1%. Tổng giá trị sản lượng của công nghiệp quốc doanh tăng 80,9%.

- Về xây dựng cơ bản, đã thực hiện được 50% kế hoạch tiền vốn xây lắp cả năm và đạt được một khối lượng xây lắp bằng 3,5 lần 6 tháng đầu năm 1958.

- Các mặt công tác khác như vận tải, thương nghiệp, tài chính, tiền tệ, văn hoá, y tế, giáo dục, đào tạo cán bộ, đều có những tiến bộ rõ rệt.

- Phong trào cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp,

thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh phát triển khá mạnh: đại bộ phận các nông hộ đã vào tổ đổi công, trong đó có 14,6% là tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm. Số hợp tác xã sản xuất nông nghiệp từ ngót 5.000 cái hồi cuối năm 1958 đã lên tới trên 16.248 cái, chiếm 21,7% tổng số hộ nông dân lao động, trong đó có gần 700 hợp tác xã cấp cao. Về hợp tác hoá thủ công nghiệp, hiện nay đã có trên 160.000 người trong tổng số gần 500.000 thợ thủ công được tổ chức vào 466 hợp tác xã, 108 tập đoàn sản xuất và 1.700 tổ sản xuất. Đồng thời, cuộc vận động cải tiến quản lý trong các xí nghiệp quốc doanh cũng phát triển mạnh và thu được nhiều kết quả tốt. Những thắng lợi đó đã mở rộng xu thế xã hội chủ nghĩa trong các tầng lớp nhân dân và là nhân tố chính trị căn bản để phát huy những khả năng tiềm tàng về vật chất và kỹ thuật trong các ngành hoạt động kinh tế và văn hoá.

Những thành tích và tiến bộ về mọi mặt trong 6 tháng qua chứng tỏ đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ là đúng, chứng tỏ tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, đồng thời cũng chứng tỏ lực lượng tiềm tàng của ta còn nhiều, ta có nhiều khả năng để hoàn thành kế hoạch.

2. Mặt khác, cũng phải thấy rằng, tuy các công tác đều đạt được những thành tích kể trên, nhưng so với yêu cầu của việc thực hiện kế hoạch thì về nhiều mặt chúng ta không hoàn thành đúng mức những nhiệm vụ đã định. Nhiều ngành phát triển chưa đều và chưa toàn diện, gây nên tình hình thiếu cân đối trong nội bộ từng ngành và giữa các ngành:

- Sản xuất nông nghiệp và công nghiệp đều không đạt kế hoạch. Khuyết điểm khá nghiêm trọng trong sản xuất nông

ng nghiệp là phát triển không toàn diện, tập trung vào lúa mà coi nhẹ các mặt khác. Lúa chiêm không đạt mức; về hoa màu, cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề cá, nghề rừng, nhiều chỉ tiêu không đạt, trong khi đó, công sức của nhân dân phải bỏ ra rất nhiều, giá thành sản phẩm quá cao. Do đó đã ảnh hưởng đến tinh thần tin tưởng, phấn khởi thi đua sản xuất, tham gia phong trào đổi công, hợp tác xã của quần chúng; ảnh hưởng đến kế hoạch xuất khẩu, kế hoạch cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, kế hoạch cung cấp thực phẩm, kế hoạch cung cấp vật liệu xây dựng.

- Về công nghiệp và thủ công nghiệp có những bộ phận quan trọng như than, vôi, cò rô mít không đạt được kế hoạch, và tổng giá trị sản lượng cũng chỉ mới xấp xỉ mức kế hoạch, cho nên đã ảnh hưởng đến kế hoạch cung cấp ở trong nước và kế hoạch xuất khẩu, ảnh hưởng đến kế hoạch tài chính, kế hoạch xây dựng cơ bản, ảnh hưởng đến công việc làm của những người thợ thủ công; chất lượng sản phẩm công nghiệp và thủ công nghiệp còn xấu, phế phẩm còn nhiều.

- Về xây dựng cơ bản vẫn còn tình trạng làm xấu, không đúng kỹ thuật, giá thành cao và lãng phí nhiều nhân lực, vật lực và công suất của máy móc; thăm dò không kỹ, thiết kế chậm, vật liệu xây dựng không cung cấp kịp; các công trường đều thiếu cán bộ và công nhân kỹ thuật; một số công trường còn thiếu nhân lực. Đó là nguyên nhân làm cho thời gian khởi công bị chậm trễ, công tác thi công không liên tục và tốn kém nhiều, một số công trình quan trọng làm chậm và bị kéo dài. Hiện nay khối lượng xây lắp còn đọng lại nhiều, nhất là việc lắp máy bị chậm trễ, đại bộ phận dồn vào cuối năm, tình hình đó sẽ gây khó khăn nhiều cho công tác xây dựng cơ bản.

- Về mặt cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp làm tương đối nhanh nhưng chưa được chắc. Các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp căn bản là tốt, song chất lượng yếu, đáng chú ý nhất là thu nhập của xã viên chưa tăng hơn những người làm ăn riêng lẻ mấy, giác ngộ xã hội chủ nghĩa còn thấp. Nhiều nơi tư tưởng của xã viên chưa thật ổn định; tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm còn ít. Tình hình đó nhất định sẽ ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển hợp tác xã mới. Phong trào hợp tác hoá thủ công nghiệp và tiểu thương tiến chậm. Cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh đang dần dần mở rộng, nhưng một số địa phương còn thiếu kinh nghiệm thực tế và kinh nghiệm tổ chức hợp tác với những người tư sản và công tư hợp doanh toàn ngành.

- Công tác cải tiến quản lý xí nghiệp đạt kết quả khá, nhưng khó khăn nhất hiện nay là lãnh đạo không theo kịp quần chúng; nhiều chế độ, chính sách cụ thể cần phải sửa đổi vẫn chưa được nghiên cứu và xây dựng; việc chuẩn bị vật chất cho các kế hoạch sản xuất không kịp thời, các mắc mứu ở cơ sở đưa lên trên không được giải quyết nhanh chóng; trình độ quản lý và trình độ kỹ thuật, nghiệp vụ của cán bộ rất yếu.

- Các mặt công tác khác cũng còn nhiều khuyết điểm; giao thông vận tải yếu, công tác thu mua, nhất là thu mua nông sản làm kém. Kế hoạch xuất khẩu không đạt, việc quản lý thu chi tài chính vẫn chưa được chấp hành nghiêm chỉnh, lãng phí còn nhiều; công tác phòng bệnh chưa mạnh và chưa thường xuyên; việc bổ túc văn hoá làm chậm, đào tạo cán bộ và công nhân chậm và quá ít, v.v..

Nguyên nhân chủ yếu của tình hình kể trên là do sự cố

gắng chủ quan của ta tuy có tiến bộ nhiều, nhưng cũng còn có những khuyết điểm:

- Lãnh đạo tư tưởng thiếu liên tục, chưa uốn nắn thật kịp thời những tư tưởng sai lầm trong quá trình thực hiện kế hoạch, nhất là hồi đầu năm trước những thắng lợi của việc hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 1958, nhiều nơi cán bộ và nhân dân đã sinh ra chủ quan, kém khẩn trương trong công tác đến khi gặp nhiều khó khăn thì lại đâm ra bi quan, kém tin tưởng. Trở ngại lớn nhất cho việc hoàn thành kế hoạch hiện nay là một số người thường quá nhấn mạnh mặt khó khăn mà không thấy rõ thuận lợi, không đánh giá đúng những khả năng tiềm tàng rất dồi dào trong quần chúng. Do đó thiếu tinh thần tin tưởng và quyết tâm phấn đấu hoàn thành kế hoạch. Đó là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho một số ngành, một số xí nghiệp, địa phương vừa qua đã không hoàn thành kế hoạch.

- Khi đặt kế hoạch và khi bắt tay thực hiện kế hoạch, ta không thấy hết khó khăn, nhất là không thấy hết những khó khăn và thuận lợi trong khi phong trào hợp tác hoá và cải tạo xã hội chủ nghĩa ngày càng mở rộng; vì thế một số chỉ tiêu trong kế hoạch đề ra chưa thật sát với tình hình thực tế; hoặc chưa chuẩn bị đầy đủ những biện pháp để bảo đảm thi hành tốt nhiệm vụ kế hoạch.

- Lãnh đạo chưa theo đúng đường lối quần chúng và không toàn diện, nhất là trong nông nghiệp; thiếu phối hợp chặt chẽ giữa các mặt công tác và các ngành giữa Trung ương và địa phương. Bộ máy tổ chức còn yếu. Công tác kiểm tra, đôn đốc thiếu liên tục, kịp thời.

- Việc lãnh đạo kỹ thuật chưa toàn diện, ít chú ý đến kinh nghiệm thực tế của quần chúng; ngược lại có phần giáo điều, máy móc và gò ép, mệnh lệnh.

- Ý thức chấp hành kế hoạch của các ngành, các cấp chưa được nghiêm chỉnh; kỷ luật còn lỏng lẻo.

3. Năm 1959 là năm bản lề của kế hoạch ba năm, việc hoàn thành thắng lợi kế hoạch năm 1959 sẽ có tác dụng quyết định đối với việc hoàn thành thắng lợi kế hoạch ba năm, một kế hoạch dài hạn đầu tiên của nước ta.

Hiện nay, chúng ta chỉ còn không đầy bốn tháng để thực hiện phần còn lại của kế hoạch năm 1959. Nhiệm vụ còn nặng, thời gian ngắn, khó khăn còn nhiều, nhưng trong những tháng cuối năm, chúng ta cũng có nhiều thuận lợi lớn: việc cải tiến quản lý xí nghiệp sắp hoàn thành; cuộc chỉnh huấn cán bộ, đảng viên ở nông thôn nhất định sẽ đem lại một chuyển biến mới trong tư tưởng của cán bộ và quần chúng; công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa được mở rộng; các công trình xây dựng cơ bản đã chuẩn bị được nhiều hơn; việc cung cấp thiết bị, vật liệu và nguyên liệu sẽ được tăng nhiều hơn.

Các cấp, các ngành cần nhận rõ và tích cực phát huy những thuận lợi đó để hạn chế và khắc phục khó khăn và nhược điểm. Cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần quyết tâm, ra sức cố gắng hoàn thành thắng lợi kế hoạch năm 1959.

Mục tiêu trước mắt của chúng ta là phải cố gắng tranh thủ thời gian hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1959, trước hết là *kế hoạch sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng cơ bản*. Khẩu hiệu hiện nay là: *phải hoàn thành tốt kế hoạch năm 1959 để năm 1960 tiến lên hoàn thành thắng lợi kế hoạch ba năm*.

Để đạt được mục tiêu đó, phương hướng cố gắng chính của chúng ta hiện nay là phải tăng cường lãnh đạo về mọi mặt: tư tưởng, chính sách, tổ chức, động viên và giáo dục toàn Đảng, toàn dân đem hết nhiệt tình và phấn khởi cách

mạng để thi đua yêu nước, tích cực lao động, phát huy sáng kiến, thực hành khẩu hiệu: cần kiệm xây dựng nước nhà. Các cấp lãnh đạo phải luôn luôn đôn đốc, kiểm tra, đi sát và lắng nghe ý kiến của quần chúng, giải quyết nhanh chóng những đề nghị của cấp dưới, rút kinh nghiệm, đề cao ý thức kỷ luật, chấp hành nghiêm chỉnh nhiệm vụ kế hoạch. Trong công tác lãnh đạo, phải biết nắm khâu chính, đồng thời phải chú trọng đến các mặt công tác khác.

Từ nay đến cuối năm, các cấp, các ngành cần phải tập trung sự lãnh đạo vào mấy công tác lớn sau đây:

a) Trước hết, phải kiên quyết thực hiện vụ mùa thắng lợi vượt bậc và toàn diện, và chuẩn bị mọi mặt cho vụ đông - xuân năm 1959 - 1960. Phải thấy rõ ý nghĩa to lớn về nhiều mặt: kinh tế, chính trị, kỹ thuật của vụ mùa năm nay mà tích cực đẩy mạnh công tác làm mùa hơn nữa. Trước mắt, phải đẩy mạnh phong trào bón phân đón đông, nuôi đông, làm cỏ sục bùn, và diệt trừ nạn sâu đang phát triển, tiếp tục chống úng, phòng hạn. Trong khi chú trọng đến lúa, phải đẩy mạnh trồng thêm hoa màu, cây công nghiệp còn thời vụ, đẩy mạnh chăn nuôi, nghề cá, nghề phụ, trồng cây, v.v.; đồng thời phải tích cực chuẩn bị mọi mặt cho vụ đông - xuân 1959 - 1960.

Phải tích cực tiến hành công tác thủy lợi, chăm lo việc bảo vệ dê điều, nhất là các tỉnh từ Thanh Hoá trở vào, phải sẵn sàng về mọi mặt, bảo đảm phòng và chống bão, lụt cho chu đáo. Trong những tháng tới phải có kế hoạch phòng rét, bảo vệ gia súc.

b) Đồng thời với việc đẩy mạnh làm mùa, chuẩn bị cho vụ đông - xuân, cần kết hợp đẩy mạnh việc củng cố và phát triển phong trào đổi công, hợp tác. Chú trọng củng cố phong trào hợp tác xã về mặt chất lượng, nhất là về mặt chấp hành

đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn, đẩy mạnh sản xuất toàn diện và giải quyết thoả đáng quan hệ giữa lợi ích tập thể và cá thể nâng cao thu nhập của xã viên đi đôi với việc tăng cường công tác giáo dục tư tưởng và quản lý, đồng thời chuẩn bị kế hoạch phát triển đợt mới sau khi chỉnh huấn cho đảng viên ở nông thôn. Về tổ đổi công, cần tích cực củng cố các tổ đổi công để đưa lên trình độ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm. Cần khắc phục khuyết điểm phát triển không cân đối trong phong trào đổi công hợp tác hiện nay là tổ đổi công từng vụ từng việc và hợp tác xã thì nhiều mà tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm thì quá ít. Phải gấp rút nghiên cứu và ban hành các chính sách phục vụ kịp thời cho phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Phong trào hợp tác hoá thủ công nghiệp và tiểu thương phải được đẩy mạnh hơn nữa cùng với cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Diện cải tạo xã hội chủ nghĩa ở thành thị cũng như ở nông thôn ngày càng mở rộng, đòi hỏi các cấp phải tăng cường lãnh đạo hơn nữa, kịp thời phát hiện và giải quyết những khó khăn, thiếu sót trong công tác. Trước mắt, Ban cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh và Ban Công tác nông thôn Trung ương cần tiến hành tổ chức hội nghị kiểm điểm và rút kinh nghiệm các đợt công tác vừa qua.

c) Kết hợp với việc hoàn thành tốt cuộc vận động cải tiến quản lý xí nghiệp quốc doanh, đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, cần ra sức thực hiện kế hoạch về những sản phẩm công nghiệp chủ yếu như than, xi măng, cò rô mít, vải, v.v.; đối với những xí nghiệp có khả năng vượt mức kế hoạch cần tích cực sản xuất hơn nữa để bù cho những xí nghiệp hụt mức, cố gắng nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất

lao động và hạ giá thành. Cố gắng đảm bảo kế hoạch về tổng giá trị sản lượng. Tích cực giải quyết việc cung cấp nguyên liệu để đẩy mạnh phát triển sản xuất thủ công nghiệp hơn nữa.

d) Tăng cường lãnh đạo công tác xây dựng cơ bản. Đẩy mạnh việc thăm dò, thiết kế, công tác thi công lắp máy, tổ chức việc cung cấp vật liệu và máy móc xây dựng cho kịp thời; thực hiện phối hợp chặt chẽ và lãnh đạo thống nhất trên các công trường; tập trung lực lượng vào những công trình chính để đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch.

Trong khi thực hiện những công tác lớn kể trên; đối với các công tác quan trọng khác về mặt kinh tế và văn hoá, nhất là công tác bổ túc văn hoá, phát triển giáo dục, đẩy mạnh vệ sinh phòng bệnh..., các cấp, các ngành cũng cần phải chú trọng thực hiện cho tốt, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đã định.

Đẩy mạnh công tác vận tải, tích cực tăng thêm phương tiện giải quyết vấn đề bốc, dỡ cho nhanh chóng.

Về công tác thương nghiệp và hợp tác xã mua bán, phải tổ chức việc nắm vật tư cho tốt; chú trọng đẩy mạnh việc thu mua nông sản phẩm, kiểm tra việc bán gạo, tăng cường cung cấp thực phẩm và vật liệu xây dựng, chú ý giữ vững giá cả, quản lý thị trường cho tốt. Tăng cường thu nhập lâm thổ sản và thu mua nông sản phụ, hàng thủ công để bảo đảm và tăng thêm kế hoạch xuất khẩu, đồng thời bảo đảm nhập khẩu kịp thời những nhu cầu về sản xuất và xây dựng.

Cố gắng tăng thu, đề cao tinh thần tiết kiệm, tổ chức việc kiểm tra chỉ tiêu cho chặt chẽ, và có những biện pháp thiết thực chống lãng phí, tham ô.

Tích cực củng cố và phát triển hợp tác xã tín dụng, mở

rộng công tác tiết kiệm ở thành thị và nông thôn, tăng cường quản lý tiền mặt, mở rộng thanh toán chuyển khoản...

Chăm lo hơn nữa đến lao động và đời sống của công nhân, nông dân, bộ đội, cán bộ, đồng bào tiểu thương, thủ công và các tầng lớp lao động khác. Chú ý về nhà ở, công tác phòng bệnh và chữa bệnh, giải trí và các chế độ bảo hộ lao động.

Đẩy mạnh công tác giáo dục, đào tạo cán bộ, nhất là đào tạo cán bộ địa phương và miền núi, mở thêm trường và tăng thêm học sinh trong các trường đại học và chuyên nghiệp. Đẩy mạnh công tác bổ túc văn hoá. Các công tác y tế, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, cần được chú trọng hơn nữa.

Trên đây là những công tác chung cần phải làm để đảm bảo hoàn thành tốt kế hoạch nhà nước năm 1959.

Đối với từng vùng, từng địa phương, từng ngành, những công tác lớn có thể không giống nhau. Nhưng nói chung, ở nông thôn phải nắm lấy hai công tác lớn là: đẩy mạnh làm mùa và củng cố, phát triển phong trào đổi công, hợp tác; ở thành thị phải đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, kết hợp với cuộc vận động cải tiến quản lý xí nghiệp và phong trào cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thủ công nghiệp, tiểu thương và công thương nghiệp tư doanh; ở miền núi phải chú trọng gắn chặt việc đẩy mạnh sản xuất cây lương thực, làm rừng, chăn nuôi với cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ.

Trong khi thực hiện những công tác về kinh tế, văn hoá nói trên, các địa phương và các ngành không được xem nhẹ các mặt công tác đột xuất hoặc thường xuyên khác, như công tác củng cố dân quân, củng cố Đảng, củng cố chính quyền, v.v..

Thời gian ngắn, công tác thì nhiều và khẩn trương. Vì

vậy, để đảm bảo hoàn thành tốt những công tác kể trên, chủ yếu cần phải:

Rất coi trọng công tác lãnh đạo và giáo dục tư tưởng; nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho quần chúng, làm cho toàn dân đem hết nhiệt tình lao động, cần kiệm xây dựng nước nhà. Đồng thời phải luôn luôn theo dõi và kịp thời uốn nắn những nhận thức sai lầm cản trở cho việc thực hiện kế hoạch.

Gấp rút kiện toàn tổ chức, tăng cường lãnh đạo của Đảng và các cơ quan nhà nước;

Nghiên cứu nhanh chóng các chính sách mà hiện nay công tác sản xuất, xây dựng và các mặt công tác khác đang cần đến. Từng ngành, từng địa phương phải nghiên cứu và đề ra những biện pháp cụ thể về tổ chức, về kỹ thuật, về cung cấp, về tiêu thụ, về tài chính, về lao động, v.v.;

Tăng cường công tác lãnh đạo kỹ thuật và nghiên cứu khoa học, nghiên cứu kinh tế hơn nữa.

*

* *

Nhận được Chỉ thị này, các cấp, các ngành cần nghiên cứu cho kỹ, tổ chức những cuộc hội nghị rộng rãi và thiết thực xuống tận cơ sở, để kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch vừa qua, rút ra những kinh nghiệm đáng thúc đẩy mọi mặt công tác tiến lên, đảm bảo hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1959 và chuẩn bị tốt cho kế hoạch năm 1960.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 260-TT/TW, ngày 8-9-1959

Chấp hành Chỉ thị số 154-CT/TW về củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp

Hiện nay, nhiều địa phương đã bước vào đợt phát triển tổ đổi công và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp (chuẩn bị cho vụ đông - xuân 1959 - 1960), nhưng việc chỉnh huấn đảng viên nông thôn còn chưa tiến hành hoặc chỉ mới bắt đầu.

Để tích cực củng cố các tổ đổi công và hợp tác xã đã có và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển phong trào hợp tác hoá nông nghiệp được tốt, việc chỉnh huấn đảng viên làm trước đợt phát triển mới là điều rất cần thiết.

Ban Bí thư nhắc các cấp uỷ chú ý mấy điểm dưới đây:

1. *Từ nay đến khoảng 20-9 nên tập trung lãnh đạo chỉnh huấn đảng viên ở nông thôn;* các công tác khác mà Ban Bí thư đã đề ra trong chương trình công tác tháng 9, tháng 10, cần kết hợp tiến hành như đã định.

2. Trong chỉnh huấn, cần có thêm thời gian để cho cán bộ, đảng viên nghiên cứu thảo luận kỹ thư của Hồ Chủ tịch gửi nông dân lao động vừa rồi và Chỉ thị 154-CT/TW về củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Riêng miền núi thì lấy phần đường lối, phương châm và chính sách cụ thể về hợp tác

hoá trong Chỉ thị số 156-CT/TW thay cho các phần này trong Chỉ thị 154-CT/TW (các tỉnh uỷ có thể trích các phần trên trong Chỉ thị 156-CT/TW mà phổ biến xuống chi bộ, còn phần hoàn thành cải cách dân chủ thì không phổ biến như đã quy định). Ở những xã đã chỉnh huấn rồi cũng cần họp chi bộ để nghiên cứu những chỉ thị đó.

Trong khi nghiên cứu chỉ thị, cần liên hệ kiểm điểm phong trào đổi công hợp tác ở địa phương, đánh giá đúng mức mặt ưu điểm và thành tích để củng cố lòng tin tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng, đồng thời nêu lên những vấn đề tồn tại để đặt kế hoạch tích cực giải quyết dạng củng cố phong trào. Trong kế hoạch, cần nêu rõ những vấn đề có thể và cần phải giải quyết ngay và những vấn đề phải giải quyết dần dần.

3. Khi chi bộ đã có kế hoạch củng cố *cần để một thời gian ngắn tập trung năng lực vào việc giúp đỡ và hướng dẫn các hợp tác xã, các thôn xóm giải quyết kịp thời các vấn đề cần thiết trước mắt của phong trào đổi công hợp tác*, như đẩy mạnh chăm bón lúa vụ mùa, chăm sóc hoa màu và cây công nghiệp, làm nghề phụ, đảm bảo công ăn việc làm và đời sống cho xã viên, sửa chữa những thiếu sót, lệch lạc trong việc chấp hành đường lối chính sách của hợp tác xã, v.v.. Ở những xã có nhiều vấn đề tồn tại, phong trào có nhiều nhược điểm lớn, lãnh đạo càng phải đặc biệt coi trọng đợt củng cố này.

Sau khi cán bộ, đảng viên đã được chỉnh huấn, chi bộ đã có kế hoạch củng cố và phát triển tổ đổi công và hợp tác xã, cần lấy thư của Hồ Chủ tịch làm tài liệu, tổ chức hướng dẫn quần chúng nông dân xóm, xã thảo luận rộng rãi về hai con đường phát triển của nông thôn sau cải cách ruộng đất, hướng dẫn các hợp tác xã dựa vào nội dung chỉ thị của

Trung ương mà kiểm điểm tình hình và đặt kế hoạch công tác cụ thể trong từng hợp tác xã. Như vậy là thiết thực thi hành Chỉ thị của Trung ương về việc củng cố hợp tác xã, đồng thời cũng là tích cực chuẩn bị cơ sở chính trị và tư tưởng cho đợt phát triển mới.

4. Nói chung trong khi còn tập trung chỉnh huấn cán bộ, đảng viên ở xã, mở cuộc thảo luận trong nông dân và xúc tiến giải quyết các vấn đề cần thiết trước mắt trong các hợp tác xã, chưa nên tổ chức đợt phát triển mới. Tuy vậy, việc phát triển tổ đổi công, hợp tác xã cần tiến hành kịp thời vụ. Cho nên ở những nơi vụ chiêm năm 1960 phải làm sớm, nếu chờ xong chỉnh huấn mới bắt đầu phát triển tổ đổi công và hợp tác xã thì sẽ quá chậm, địa phương có thể tranh thủ phổ biến và thảo luận Chỉ thị số 154-CT/TW, đặt kế hoạch củng cố cơ sở tổ đổi công, hợp tác xã đã có và phát triển đợt mới song song với việc chỉnh huấn đảng viên. Đối với những hợp tác xã đang xây dựng lỗ dỏ ở một số địa phương, cần xét xem thời vụ làm chiêm ở địa phương đó còn xa hay gần mà có thể vẫn tiếp tục làm cho xong hay tạm hoãn lại đến sau chỉnh huấn.

Chú ý nắm vững phương châm công tác trong đợt xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã sắp tới là: *dựa trên cơ sở củng cố vững chắc các cơ sở tổ đổi công và hợp tác xã đã có mà phát triển mạnh mẽ tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm và mở rộng phong trào hợp tác hoá nông nghiệp một cách chắc chắn, vững vàng*, khắc phục thiên hướng chạy theo số lượng, không coi trọng chất lượng.

5. Cần nắm vững công tác sản xuất là công tác trung tâm thường xuyên trong suốt cả quá trình chỉnh huấn, củng cố cơ sở tổ đổi công và hợp tác xã đã có và mở rộng phong trào trong đợt mới, để đảm bảo chăm bón lúa mùa và chuẩn bị kế

hoạch sản xuất đông - xuân được kịp thời. Đồng thời, cần có kế hoạch kết hợp chặt chẽ để xúc tiến công tác chuẩn bị và tiến hành việc điều tra dân số được tốt.

Ban Bí thư đã có chương trình công tác tháng 9, tháng 10 gửi các cấp. Ở đây chỉ nhắc thêm một số điểm như trên để các địa phương thi hành tốt chương trình đó và chấp hành tốt chỉ thị củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp của Trung ương.

T/L BAN BÍ THƯ

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 158-CT/TW, ngày 9-9-1959

Về việc tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục của Đảng ở nông thôn

Hội nghị Trung ương lần thứ 14 đã đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh toàn diện công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta. Hội nghị Trung ương lần thứ 16 đã có quyết nghị cụ thể về vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp. Đẩy mạnh và hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp là một nhiệm vụ có ý nghĩa cách mạng lớn lao, làm thay đổi hẳn tính chất xã hội ở nông thôn, đồng thời sẽ thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển mạnh.

Đi theo với cuộc vận động hợp tác hoá, nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp cũng rất lớn. Chúng ta phải đẩy mạnh cuộc vận động cải tiến kỹ thuật tăng năng suất, phấn đấu thực hiện và thực hiện vượt mức những chỉ tiêu phát triển nông nghiệp mà kế hoạch nhà nước ba năm đã đề ra.

Đồng thời với hai nhiệm vụ trên, chúng ta còn nhiều nhiệm vụ công tác quan trọng khác để thực hiện việc xây dựng nông thôn về các mặt khác về kinh tế, chính trị, văn hoá, quốc phòng.

Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ nặng nề và nhiều

mặt kể trên, điều kiện quyết định là phải tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, công tác chính trị và tư tưởng của Đảng ở nông thôn. Phải làm sao cho các chủ trương chính sách của Đảng được phổ biến sâu rộng trong đông đảo đảng viên và quần chúng nông thôn, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và lòng yêu nước của họ, bồi dưỡng và đào tạo cán bộ, củng cố đảng về tổ chức và tư tưởng, kiện toàn và phát huy tác dụng của chính quyền và của các đoàn thể quần chúng ở nông thôn.

Mấy năm nay, công tác tuyên truyền giáo dục của Đảng ở nông thôn đã được đẩy mạnh hơn và có những tiến bộ đáng kể; do đó đã đẩy được một sự chuyển biến quan trọng về tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng, thúc đẩy phong trào hợp tác hoá và phát triển sản xuất. Song, nhìn chung công tác tư tưởng của Đảng ở nông thôn vẫn còn yếu, chưa theo kịp với yêu cầu mới của nhiệm vụ cách mạng:

1. Nhiều cấp uỷ và chi bộ đảng đối với những nhiệm vụ công tác chính đã tương đối chú trọng làm công tác tuyên truyền, đó là điều tốt; song, công tác tuyên truyền giáo dục nói chung chưa thành một nền nếp thường xuyên, thường có tình trạng là một đợt công tác hoàn thành thì công tác tuyên truyền cũng xẹp xuống. Nhiều người còn quan niệm công tác tuyên truyền chỉ là một phương pháp để đảm bảo công tác trước mắt, chưa nhận thức đầy đủ sự cần thiết phải tiến hành việc giáo dục và xây dựng tư tưởng một cách căn bản và hệ thống cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nông dân.

2. Trong một số cán bộ, đảng viên còn tồn tại những biểu hiện của chủ nghĩa sự vụ và chủ nghĩa mệnh lệnh: khi bàn công tác thì nặng về đặt mức và thời gian, lấy lý do việc gấp mà cứ từ trên dội xuống hết việc này đến việc khác, không

chú trọng nghiên cứu tình hình tư tưởng của cán bộ và quần chúng để làm công tác tư tưởng cho thông suốt; không sử dụng đầy đủ phương pháp tuyên truyền cổ động, thuyết phục, giáo dục là phương pháp công tác căn bản của Đảng đối với quần chúng, mà nhiều khi thiên về dùng phương pháp ép, mệnh lệnh.

3. Trong các cấp uỷ đảng, các cơ quan và cán bộ, còn có quan niệm công tác tuyên truyền chỉ là việc của ngành tuyên huấn và cán bộ tuyên huấn. Không nhận rõ công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng là nhiệm vụ của toàn đảng, là nghĩa vụ của mỗi người đảng viên, mỗi người, mỗi ngành đều phải làm.

4. Các cơ quan tuyên huấn, thông tin, văn hoá các cấp, nhất là ở cơ sở chưa được kiện toàn. Nhiều cấp uỷ khi điều cán bộ tuyên huấn cũng như cán bộ các ngành đi làm công tác trung tâm (việc đó trong một phạm vi nào là cần thiết) có khuyết điểm là đối với những công tác nghiệp vụ mà họ phụ trách không có sự quan tâm và sắp xếp thích đáng. Sách báo về nông thôn ít hoặc về mà ít được sử dụng. Những hình thức thông tin, phát thanh, văn nghệ quần chúng tuy gần đây có được chú trọng, song nói chung do chưa được lãnh đạo thống nhất, chặt chẽ và kém bồi dưỡng, giúp đỡ, nên chưa đáp ứng được yêu cầu của quần chúng, có khi còn xảy ra lệch lạc.

Cán bộ tuyên huấn nói chung đều tích cực và cố gắng công tác nhưng trình độ lý luận và nghiệp vụ còn thấp, một số còn chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm của mình nên chưa an tâm công tác.

Để sửa chữa những nhược điểm, khuyết điểm kể trên, để tăng cường công tác tư tưởng của Đảng ở nông thôn, Ban

Bí thư nêu ra một số điểm dưới đây để các cấp chú trọng thực hiện:

I- VỀ NHIỆM VỤ, NỘI DUNG, YÊU CẦU, PHƯƠNG CHÂM CỦA CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC Ở NÔNG THÔN

Nhiệm vụ trung tâm của Đảng ở nông thôn hiện nay là đẩy mạnh hợp tác hoá, cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, nhiệm vụ cơ bản của công tác tuyên truyền giáo dục của Đảng ở nông thôn là *xoay quanh vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp, giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa cho nông dân một cách thường xuyên và có hệ thống*.

Nội dung yêu cầu của việc giáo dục ấy, như Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14 đã nêu rõ là: "... làm cho mọi người nhận rõ ranh giới giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa, giữa lao động và bóc lột, giữa chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa cá nhân, giữa nhân dân ta và kẻ thù của nhân dân, làm cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế. Trong việc giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, phải nâng cao hơn nữa tinh thần chống đế quốc, chủ yếu là đế quốc Mỹ và bọn tay sai, phát huy tinh thần yêu nước làm cho mọi người thấm nhuần sâu sắc: nhiệm vụ đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà..."

Về nội dung cụ thể thì có các vấn đề như sau:

1. *Giáo dục về hợp tác hoá nông nghiệp*: Làm cho các tầng lớp nông dân đông đảo hiểu rõ ý nghĩa cách mạng lớn lao của hợp tác hoá; hiểu rõ đó là con đường vẻ vang do Đảng vạch ra để đưa nông dân đến chỗ vĩnh viễn thoát khỏi cảnh nghèo khổ và bóc lột; hiểu rõ muốn xây dựng chủ nghĩa xã

hội, kiến thiết nước nhà giàu mạnh, thì phải công nghiệp hoá mà muốn công nghiệp hoá thì phải cải tạo và phát triển nông nghiệp theo hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, tùy theo sự phát triển của phong trào đổi công hợp tác ở địa phương mà tuyên truyền đường lối, chính sách, phương châm, nguyên tắc hợp tác hoá nông nghiệp của Đảng chú trọng giáo dục về đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn, nhấn mạnh sự cần thiết "dựa vào bản nông và trung nông lớp dưới, đoàn kết chặt chẽ với trung nông", bảo đảm sự đoàn kết trong nội bộ nông dân lao động. Chú ý tuyên truyền giáo dục về hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng.

2. *Giáo dục về nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, ủng hộ việc phát triển công nghiệp*, làm cho nông dân hiểu rõ ý nghĩa trọng yếu của việc phát triển sản xuất nông nghiệp, hiểu rõ sản xuất nông nghiệp vừa để cải thiện đời sống cho nông dân, vừa để thoả mãn nhu cầu lương thực cho toàn dân, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, cung cấp vật tư cho xuất khẩu để đổi lấy máy móc, hàng hoá công nghiệp; hiểu rõ không những phải tăng gia sản xuất lương thực, mà còn phải phát triển sản xuất các cây công nghiệp, chăn nuôi, trồng cây gây rừng; phát triển các nghề phụ; hiểu rõ muốn phát triển sản xuất phải ra sức phát triển thủy lợi, cải tiến kỹ thuật canh tác; hiểu rõ cần có ý thức phục tùng kế hoạch nhà nước, mỗi người, mỗi nhà cần có kế hoạch sản xuất tiết kiệm của mình.

3. *Giáo dục nhiệm vụ thi hành chính sách thu mua nông sản, thu thuế, thu nợ của Nhà nước*, làm cho nông dân hiểu rõ Nhà nước thu mua nông sản là để ổn định thị trường, đảm bảo cung cấp cho toàn dân, đồng thời để nông dân tránh khỏi sự bóc lột của tư thương đầu cơ, cải tạo và xoá bỏ chủ nghĩa

tư bản; hiểu rõ đóng thuế là một nghĩa vụ vẻ vang của người dân góp sức xây dựng nước nhà; hiểu rõ ngân sách nhà nước là do lao động và đóng góp của toàn dân mà có, nông dân vay tiền ngân hàng có nghĩa vụ trả nợ chu đáo, như vậy ngân sách nhà nước mới khỏi thiếu, hụt, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế.

Giáo dục ý thức, nhiệm vụ người công dân mới, tôn trọng luật lệ của Nhà nước, tài sản công cộng và trật tự xã hội.

4. *Giáo dục nâng cao cảnh giác cách mạng*: làm cho nông dân hiểu rõ hợp tác hoá nông nghiệp và xây dựng nước nhà tiến lên chủ nghĩa xã hội là một cuộc đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp, những phần tử phản động trong các giai cấp bóc lột, trong số địa chủ đã bị đánh đổ, bọn phản động tay sai Mỹ - Diệm luôn luôn có những hành động chống lại, cho nên phải nâng cao cảnh giác cách mạng, đề phòng và kịp thời chống lại những luận điệu phản tuyên truyền xuyên tạc cùng những hành động phá hoại của chúng.

5. *Giáo dục nhiệm vụ đấu tranh giành thống nhất nước nhà, giáo dục tinh thần yêu nước và chủ nghĩa quốc tế*, làm cho nông dân nhận rõ miền Bắc đã được độc lập, tự do, nhưng miền Nam còn bị đế quốc, phong kiến thống trị, nước nhà chưa thống nhất; phải nâng cao lòng yêu nước, ra sức xây dựng miền Bắc vững mạnh làm cơ sở cho cuộc đấu tranh giành thống nhất và độc lập hoàn toàn của Tổ quốc, phải củng cố nền chuyên chính dân chủ nhân dân, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Làm cho nông dân hiểu rõ phe xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô vững mạnh và hoà bình thế giới được giữ vững là điều kiện thuận lợi cho công cuộc kiến thiết Tổ quốc và đấu tranh thống nhất nước nhà; do đó, phải nâng cao tinh thần quốc tế, đoàn kết chặt chẽ với các nước xã

hội chủ nghĩa anh em và tất cả những lực lượng yêu chuộng hoà bình thế giới; biết ơn sự giúp đỡ và ra sức học hỏi kinh nghiệm của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

6. *Ở miền núi*, phải giáo dục nhiệm vụ hợp tác hoá nông nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hội, kết hợp với nhiệm vụ hoàn thành cải cách dân chủ; giáo dục chính sách dân tộc của Đảng là đoàn kết chặt chẽ tất cả các dân tộc, giúp đỡ các dân tộc ít người cùng nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội, mưu hạnh phúc chung.

Ở vùng nhiều đồng bào Công giáo, phải tuyên truyền, giáo dục chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng và Chính phủ, chống những luận điệu phản động và những hành động phá hoại của bọn phản động đội lốt tôn giáo.

7. *Giáo dục ý thức học tập văn hoá, vệ sinh, khoa học thường thức, chống hủ tục mê tín*, làm cho nông dân nhận rõ muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải học tập nâng cao trình độ văn hoá, nhất là sau này tiến lên cơ giới hoá thì văn hoá, kỹ thuật lại càng quan trọng; hiểu rõ giữ gìn sức khoẻ có liên quan chặt chẽ đến lao động sản xuất, nên phải coi trọng vệ sinh phòng bệnh; chống mê tín hủ tục.

Chú ý giáo dục quyền nam nữ bình đẳng, làm cho mọi người hiểu rõ trọng nam khinh nữ, cưỡng ép hôn nhân, đánh đập phụ nữ là một tàn tích tư tưởng phong kiến rất xấu xa; hiểu rõ phụ nữ là một lực lượng sản xuất và kiến thiết nước nhà rất lớn, có thực hiện nam nữ bình đẳng mới phát huy được lực lượng to lớn ấy, mới có hạnh phúc gia đình và tiến bộ xã hội.

8. *Đặc biệt chú trọng việc tuyên truyền, giáo dục phát*

triển đảng, nhất là ở những nơi cơ sở đảng còn ít, tuyên truyền cá biệt, mở lớp huấn luyện cho những phần tử tích cực trong nông dân lao động, nhất là trong bản nông và trung nông lớp dưới, trong thanh niên, phụ nữ, nâng cao giác ngộ của họ, rồi qua thử thách, lựa chọn đưa họ vào Đảng.

Trong khi tuyên truyền, giáo dục xã hội chủ nghĩa cho nông dân, bất cứ trên vấn đề gì, phải luôn luôn thấu suốt tư tưởng *ủng hộ sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và của Đảng, ý thức củng cố công nông liên minh; luôn luôn gắn liền lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể của Nhà nước, lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài*; luôn luôn phê phán những ảnh hưởng của tư tưởng tư bản chủ nghĩa và đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc của bọn phản động.

Về phương pháp, phải chú trọng phương pháp khêu gợi, nhớ lại, so sánh, tham quan tại chỗ, lấy sự thực, lấy lý lẽ để phát động tư tưởng, phát huy tự do tư tưởng để ai nấy có thể phát biểu thắc mắc và ý kiến của mình, rồi hướng dẫn quần chúng thảo luận, tranh luận, lấy quần chúng giáo dục quần chúng. Phải gắn liền với những công tác cụ thể mà tuyên truyền, giáo dục, khắc phục cả hai khuynh hướng; chỉ nói công tác cụ thể trước mắt, không nói đến tư tưởng xã hội chủ nghĩa, hoặc ngược lại chỉ tuyên truyền xã hội chủ nghĩa chung chung, tách rời những nhiệm vụ cụ thể trước mắt.

Trong mọi công tác, trước hết phải tuyên truyền, giáo dục tốt trong cán bộ, đảng viên và cốt cán, rồi dựa vào lực lượng đó mà tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong quần chúng. Phải đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục thanh niên và phụ nữ là hai lực lượng cần được phát huy đầy đủ trong mọi phong trào ở nông thôn.

II- CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN GIÁO DỤC TRONG HỢP TÁC HÓA NÔNG NGHIỆP

Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp đang lên và sẽ dẫn đến cao trào hợp tác hoá. Đó không phải là một sự biến đổi bình thường mà là một cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất; cuộc cách mạng ấy sẽ dẫn đến những sự biến hoá rất sâu sắc trong tư tưởng, ý thức, tâm lý, tập quán sinh hoạt của nông dân. Vì vậy, phải coi công tác chính trị, tư tưởng là linh hồn của cuộc vận động hợp tác hoá, quyết định sự thắng lợi của phong trào.

1. *Trong quá trình xây dựng hợp tác xã:* trong tư tưởng nông dân thường có thắc mắc vào hợp tác xã sợ thiệt thòi, thu nhập kém làm riêng lẻ, sợ lao động khổ trương, sợ mất tự do, v.v.. Cần giáo dục kỹ về hai con đường, phát động tư tưởng nông dân so sánh đời sống trước cách mạng và sau cách mạng, so sánh làm ăn riêng lẻ hơn hay làm ăn tập thể hơn, tốt nhất là đem những tình hình hợp tác xã địa phương hơn hẳn như thế nào mà tuyên truyền; rồi giải thích về mục đích, phương châm, chính sách cụ thể của hợp tác xã, đặc biệt chú ý *đường lối giai cấp* và phương châm chính sách *cùng có lợi*, nói rõ vào hợp tác xã, bản nông và trung nông đều có lợi, bản nông và trung nông cần đoàn kết chặt chẽ xây dựng hợp tác xã. Khi vận động nộp đơn, khi thảo luận về điều lệ và nội quy hợp tác xã, lại tiến thêm một bước giáo dục tư tưởng cho nông dân, chỉ rõ hợp tác xã có mặt thuận lợi, tốt đẹp, nhưng cũng có mặt khó khăn, làm cho mọi người thật sự tự nguyện và nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi người khi vào hợp tác xã.

2. *Sau khi đã lập hợp tác xã:* Mục đích việc lập hợp tác xã

là để phát triển sản xuất, tăng thêm thu nhập, biến đổi người nông dân cá thể thành người nông dân tập thể. Sau khi vào hợp tác xã, trong nông dân ảnh hưởng tư tưởng tư bản tự phát, tư tưởng tư hữu cá thể vẫn còn thường biểu hiện như: có người vẫn chưa tin hợp tác xã hơn hẳn, còn chân trong chân ngoài, chỉ lo lợi ích riêng, không quan tâm lợi ích tập thể, chạy theo công điểm, làm dối, không tuân theo kỷ luật lao động, v.v.. Vì vậy công tác chính trị, tư tưởng trong hợp tác xã phải nhằm:

a) Tiếp tục giáo dục hai con đường, phê phán tư tưởng tư bản tự phát, kiên định lập trường xã hội chủ nghĩa cho xã viên.

b) Nâng cao tinh thần tập thể, ý thức chủ nhân, ý thức coi việc hợp tác xã như việc nhà, tôn trọng của công, khắc phục tư tưởng tự tư tự lợi, tư tưởng ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước.

c) Nâng cao nhiệt tình và kỷ luật lao động, ý thức cần kiệm xây dựng hợp tác xã, ý thức cải tiến kỹ thuật để phát triển sản xuất, khắc phục tư tưởng tự do tản mạn và tư tưởng bảo thủ.

d) Tăng cường đoàn kết trong nội bộ hợp tác xã và giữa xã viên với nông dân ngoài hợp tác xã.

e) Cán bộ hợp tác xã phải gương mẫu, chí công vô tư, không được tự tư tự lợi, phải phát huy dân chủ trong việc quản lý hợp tác xã, mọi việc dựa vào quần chúng và bàn bạc với quần chúng.

Phương pháp là thông qua phát động thi đua lao động, các hội nghị xã viên để bố trí, sơ kết và tổng kết sản xuất, thông qua các hoạt động văn hoá, giáo dục mà làm công tác tư tưởng. Các cấp cần họp những cuộc hội nghị để rút kinh nghiệm về công tác chính trị tư tưởng trong hợp tác xã.

Sau khi lập hợp tác xã, không được coi nhẹ công tác lãnh đạo, công tác tuyên truyền giáo dục đối với tổ đổi công, mà cần tích cực làm công tác chính trị tư tưởng để củng cố và phát triển tổ đổi công, đưa lên bình công chấm điểm, gây cơ sở xây dựng hợp tác xã sau này.

3. *Chỉnh huấn chi bộ để đẩy mạnh hợp tác hoá nông nghiệp*: Trung ương đã quyết định trong năm nay, đối với chi bộ xã cần tiến hành một đợt chỉnh huấn sâu rộng. "Mục đích của cuộc chỉnh huấn này là làm cho cán bộ, đảng viên ở xã phân rõ ranh giới giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, giữa lao động và bóc lột, giữa chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa cá nhân, giữa nhân dân và kẻ thù của nhân dân, củng cố thêm lập trường, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nâng cao tinh thần cảnh giác. Làm cho cán bộ, đảng viên ở nông thôn nhận rõ chỉ có theo con đường hợp tác hoá nông nghiệp mới đẩy mạnh được sản xuất, cải thiện được đời sống, làm cho dân giàu, nước mạnh, phê phán khuynh hướng thích làm giàu riêng lẻ và chạy theo chủ nghĩa tư bản tự phát. Do đó gây một chuyển biến mạnh mẽ trong tư tưởng của cán bộ, đảng viên nông thôn, làm cho chi bộ nông thôn trên cơ sở giác ngộ xã hội chủ nghĩa được nâng cao mà đoàn kết nhất trí, kiên quyết đưa nông thôn vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp". (Báo cáo của đồng chí Trường Chinh tại Hội nghị Trung ương lần thứ 16).

Đợt chỉnh huấn này sẽ tiến hành tại chi bộ xã, trong mùa thu sắp tới, sau khi đã chỉnh huấn xong cán bộ tỉnh, huyện. Nội dung lấy Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14 và lần thứ 16 (về hợp tác hoá nông nghiệp) và thư của Hồ Chủ tịch gửi nông dân lao động làm tài liệu chính. Các cấp cần chuẩn bị kế hoạch, cán bộ để lãnh đạo, giúp đỡ các chi bộ xã

chỉnh huấn tốt. Những nơi cơ sở đảng ít hoặc chưa có thì cần chỉnh huấn cho cả một số cán bộ, cốt cán ngoài đảng.

4. *Đào tạo cán bộ hợp tác xã*: Các tỉnh cần tiếp tục mở những lớp đào tạo cán bộ quản trị kế toán, tài vụ cho hợp tác xã, thời gian không nên quá dài. Chương trình gồm ba phần:

- a) Chính trị: cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối chính sách hợp tác hoá nông nghiệp;
- b) Nghiệp vụ hợp tác xã;
- c) Tư cách người cán bộ hợp tác xã.

Cần đảm bảo chất lượng cả về giáo dục tư tưởng chính trị và nghiệp vụ. Tốt nhất là mở lớp huấn luyện ở ngay những nơi có hợp tác xã khá để việc học tập được thiết thực.

III- MẤY MẶT CHÍNH TRONG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN Ở NÔNG THÔN

Công tác tuyên truyền, giáo dục của Đảng ở nông thôn phải vừa nhằm phục vụ công tác trung tâm trước mắt, vừa nhằm mục đích xây dựng tư tưởng căn bản lâu dài; vừa nhằm bồi dưỡng, nâng cao giác ngộ cho cán bộ, đảng viên, vừa nhằm giáo dục, nâng cao giác ngộ cho quần chúng. Dưới đây là mấy mặt công tác chính phải tăng cường để dần dần gây thành nền nếp thường xuyên.

1. *Tăng cường giáo dục, học tập cho cán bộ huyện*

Cán bộ các ngành dân, chính, đảng ở cấp huyện khá nhiều (mỗi huyện có tới trên dưới 100) mà là những người trực tiếp đem đường lối, chính sách của Đảng ở nông thôn thi hành, nhưng việc giáo dục học tập hiện nay còn kém, trình độ văn hoá thấp, việc học tập lý luận, chính trị và thời sự ít. Từ nay về sau cần có biện pháp cụ thể tăng cường học tập cho cán bộ huyện:

a) *Về văn hoá và nghiệp vụ*: cố gắng sắp xếp cho cán bộ huyện được học tập văn hoá đều đặn. Về nghiệp vụ, các ngành phải có kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng cho cán bộ ngành mình.

b) *Về chính trị*: sau đợt học tập chính huấn năm nay, cần xây dựng nền nếp học tập chính trị cho cán bộ huyện. Nội dung học tập lý luận chính trị cho cán bộ huyện hiện nay chủ yếu là:

- Hiểu biết cơ bản về thời kỳ quá độ;
- Chính sách hợp tác hoá và phát triển sản xuất nông nghiệp;
- Hiểu biết cơ bản về Đảng;
- Thời sự.

Phương thức học tập có hai cách:

- Đi các trường đảng; huyện uỷ viên và cán bộ phụ trách chủ chốt các ngành, các giới học tập các trường sơ cấp của Trung ương, các cán bộ khác đi học tại trường tỉnh;

- Mở những lớp học tập ngắn kỳ, từng vấn đề một để cán bộ có thể luân phiên đi học. Còn về học tại chức thì chủ yếu nên kết hợp với các cuộc hội nghị tổ chức báo cáo thời sự, chính sách cho cán bộ, ít nhất mỗi tháng một lần. Đôn đốc cán bộ huyện đọc đều báo và tạp chí của Đảng để nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng của mình.

Tổ chức học tập cho cán bộ huyện có nhiều khó khăn, vì công tác phải chạy luôn, song điều quyết định là lãnh đạo phải quyết tâm, bí thư phải gương mẫu; phải quan tâm đến việc bồi dưỡng cán bộ và cố gắng sắp xếp công tác cho hợp lý.

2. Tăng cường giáo dục chi bộ nông thôn

Chi bộ là nền tảng của Đảng, là hạt nhân lãnh đạo của Đảng ở nông thôn; song việc giáo dục, học tập hiện nay nói chung còn yếu. Nay cần tăng cường như sau:

a) *Giáo dục chính trị, thời sự*: Theo kinh nghiệm giáo dục

từ năm 1957 đến nay, từ nay về sau, lợi dụng thời gian sau những vụ cấy, mỗi năm cố gắng tổ chức hai đợt học tập chính trị tập trung, ngắn hạn cho chi bộ xã.

Trường đảng ở tỉnh tiếp tục mở để bồi dưỡng cho chi uỷ viên.

Huyện uỷ mở những lớp huấn luyện chính trị cho đảng viên mới và những người dự định kết nạp vào Đảng.

Mỗi tỉnh thí nghiệm tổ chức lớp học chính trị thường xuyên tại một hoặc một số chi bộ khá theo chế độ nửa tháng một ngày, để lấy kinh nghiệm mở rộng sau này.

Mỗi khi có vấn đề thời sự hoặc chính sách quan trọng, tỉnh và huyện tổ chức báo cáo viên về báo cáo cho chi bộ xã. Việc này cần làm thành nền nếp thường xuyên.

b) *Kiên toàn sinh hoạt chi bộ, đẩy mạnh phê bình, tự phê bình*: chi bộ định kỳ triệu tập đại hội chi bộ và hội nghị tổ đảng. Trong các cuộc hội nghị ấy, một là thảo luận các vấn đề công tác, đi đến quyết nghị và giao nhiệm vụ cho mỗi đảng viên chấp hành; hai là tiến hành phê bình, tự phê bình để phát huy ưu điểm và sửa chữa khuyết điểm. Trong chi bộ có những đảng viên lập trường, tư tưởng tốt, công tác tích cực, sau mỗi đợt công tác cần biểu dương; có những đảng viên chịu ảnh hưởng của tư tưởng tư bản tự phát, tự tư tự lợi, hoặc công tác lơ là, đạo đức không gương mẫu, tác phong cường bách, mệnh lệnh, thì cần phê bình, tự phê bình. Phê bình, tự phê bình là vũ khí tốt nhất để củng cố chi bộ, và làm cho đảng viên tiến bộ.

Bên cạnh việc củng cố chi bộ, giáo dục đảng viên, cần đặc biệt chú ý việc giáo dục thanh niên lao động, vì đó là hậu bị và cánh tay của Đảng ở nông thôn, phát huy vai trò đầu tàu của Đoàn Thanh niên Lao động trong phong trào hợp tác hoá

cũng như trong mọi mặt xây dựng nông thôn tiến lên chủ nghĩa xã hội.

3. *Chấn chỉnh và tăng cường công tác tuyên truyền cổ động, công tác thông tin và văn hoá quần chúng ở nông thôn*

Để chủ trương chính sách của Đảng được thấm nhuần trong quần chúng, để gây một cuộc vận động tuyên truyền rộng rãi về phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, cần dùng nhiều hình thức tuyên truyền cổ động có tính chất quần chúng. Các hình thức này gần đây các địa phương tuy đã có chú trọng, nhưng nói chung hoạt động vẫn còn yếu, chỗ khá, chỗ kém, lúc làm, lúc không, nên cần được chấn chỉnh và tăng cường.

a) *Hội nghị học tập của quần chúng*: Các địa phương thường lấy hình thức này là hình thức chủ yếu để phổ biến chính sách cho quần chúng, nhưng thường làm quá nhiều và chất lượng kém. Nay nên giải quyết như sau: khi bàn về nhiệm vụ công tác thì chủ yếu nên lấy hình thức hội nghị đại biểu quần chúng (xã, xóm, hợp tác xã). Các cuộc họp quần chúng thì chủ yếu nhằm giải thích chính sách, nhiệm vụ, và thảo luận, phát động tư tưởng tránh lối học tập, đọc tài liệu và nêu câu hỏi ôn, nặng nề và ít kết quả. Còn các công tác thường thì dùng hình thức phát thanh thông tin mà truyền đạt. Các xã, nhất là những nơi mức độ hợp tác hoá đã cao, cần có kế hoạch bố trí thì giờ để việc học, họp và nghỉ ngơi của quần chúng được sắp xếp thích đáng.

b) *Các hình thức thông tin, phát thanh, kẻ khẩu hiệu, thanh thiếu nhi cổ động...* có tác dụng hỗ trợ cho các cuộc họp quần chúng, thông tin và động viên rất hiệu quả. Mỗi đợt công tác, cần có kế hoạch cụ thể tuyên truyền cổ động, hình thức cải tiến để cho những buổi phát thanh, những khẩu

hiệu và tranh vẽ có cả tính chất văn nghệ và có sức hấp dẫn nhiều hơn.

c) *Tăng cường phát hành sách báo và tổ chức đọc báo ở cơ sở*: báo chí là một vũ khí tuyên truyền cổ động rất có hiệu lực, trên báo có nhiều tin tức, tài liệu về thời sự, chính sách, tin tức thi đua, kinh nghiệm công tác, đánh thông tư tưởng. Song các tổ chức đảng ở cơ sở còn rất ít chú ý sử dụng báo chí trong công tác tuyên truyền. Nghị quyết số 80 của Bộ Chính trị về công tác báo chí và Thông tri số 183 của Ban Bí thư về công tác phát hành, nhiều nơi chưa chú ý nghiên cứu thực hiện. Các cấp cần kiểm tra và có biện pháp cụ thể để tăng cường công tác phát hành sách báo ở nông thôn. Tổ chức những *tổ đọc báo* theo đơn vị xóm, hợp tác xã, đội sản xuất hoặc tổ lao động, xen vào những buổi họp, lớp học văn hoá của quần chúng mà đọc báo. Tổ đọc báo cần biết lựa chọn những tài liệu sát với công tác trung tâm và tình hình tư tưởng quần chúng mà đọc.

d) *Nhà văn hoá, tổ văn nghệ quần chúng, triển lãm, đèn chiếu...* Quần chúng rất ưa thích những hoạt động văn hoá, văn nghệ, nhưng do chưa được chỉ đạo và giúp đỡ chặt chẽ, cho đến nay vẫn chưa phát huy được các hình thức này để phục vụ công tác tuyên truyền giáo dục và cổ động một cách hiệu quả. Nhà văn hoá cần có nhiều hình thức hoạt động như đọc sách, báo, triển lãm hiện vật, triển lãm tranh ảnh, nói chuyện... để phục vụ các công tác trung tâm. Các tổ văn nghệ cần có những vở kịch ngắn, bài hát, thơ ca, phục vụ hợp tác hoá và sản xuất nông nghiệp; về hình thức hoạt động thì cần chú trọng những hoạt động phân tán linh hoạt (ca hát, đọc tấu) ở những nơi tập họp quần chúng (ở hội nghị, ở chỗ sản xuất, ở các buổi chợ...). Cần tăng cường số đội đèn chiếu; hiện

nay mỗi tỉnh chỉ có một đội, cần tiến tới mỗi huyện có một đội. Cần cung cấp nhiều hơn nữa các loại tranh cổ động cho nông thôn. Chú ý phát triển công tác truyền thanh ở những nơi gần thành phố.

Muốn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, cổ động, thông tin, văn hoá quần chúng, cần đặc biệt chú trọng phát huy lực lượng của các tổ chức thanh niên, phụ nữ, của trường học, giáo viên, của những nông dân có sở trường văn nghệ. Về phí tổn thì một phần ngân sách phải đài thọ, một phần dựa vào sự ủng hộ của quần chúng.

IV- VỀ TỔ CHỨC LÃNH ĐẠO

Để thực hiện những công tác trên đây, đẩy mạnh công tác tư tưởng của Đảng ở nông thôn, điều mấu chốt trước tiên là phải cải tiến sự lãnh đạo của các tổ chức đảng đối với công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền, giáo dục. Phải phê phán khuynh hướng sự vụ chủ nghĩa và mệnh lệnh chủ nghĩa, coi nhẹ công tác tư tưởng và hiện tượng khoán trắng công tác tư tưởng cho một số cán bộ tuyên huấn. *Các cấp uỷ phải coi công tác tư tưởng là một trách nhiệm không thể thiếu được của mình*, thường xuyên nghiên cứu tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và quần chúng, để có kế hoạch giải quyết; mỗi khi bố trí nhiệm vụ công tác trung tâm thì đồng thời phải bố trí nhiệm vụ công tác tư tưởng, có nội dung và kế hoạch tuyên truyền, giáo dục thích hợp để động viên toàn Đảng và các cơ quan tuyên truyền giáo dục làm. Các cấp uỷ và chi bộ phải chỉ đạo cụ thể và chặt chẽ các cơ quan và tổ chức tuyên huấn, thông tin, văn hoá, giáo dục, phát hành để phục vụ công tác tư tưởng được tốt.

Ban Tuyên huấn Đảng các cấp chỉ là những cơ quan chuyên môn giúp việc cấp uỷ, cho nên những nhiệm vụ, phương châm, biện pháp lớn về công tác tuyên truyền, giáo dục phải do *cấp uỷ quyết định và lãnh đạo thực hiện*; công tác của Ban Tuyên huấn cấp nào do cấp uỷ đảng cấp ấy lãnh đạo là chính, không nên nặng về chỉ đạo dọc. Giữa Ban Tuyên huấn cấp trên và Ban Tuyên huấn cấp dưới chỉ có quan hệ chỉ đạo về nghiệp vụ.

Ban Tuyên huấn các cấp, nhất là ở cấp huyện cần được kiện toàn, không nên tùy tiện thay đổi cán bộ, làm cho tổ chức tuyên huấn thường xuyên trong tình trạng không ổn định, cán bộ không đi sâu được vào nghiệp vụ. Ban Tuyên huấn huyện có nhiệm vụ giúp huyện uỷ tổ chức, chỉ đạo việc học tập của cán bộ huyện, học tập của chi bộ xã và chỉ đạo các công tác tuyên truyền, thông tin, văn hoá ở xã. Về nhiệm vụ của Ban Tuyên huấn hoặc uỷ viên tuyên huấn xã thì hiện tại chưa nên giao nhiều việc, mà chủ yếu là chỉ đạo các lực lượng tuyên truyền, thông tin, văn hoá, văn nghệ, tổ đọc báo ở xã. (Ở những chi bộ cứng, có thể đảm đương việc tổ chức hướng dẫn học tập của chi bộ). Các tổ chức tuyên huấn, thông tin, tuyên truyền ở xã phải được nghiên cứu sắp xếp thích hợp với tổ chức hợp tác xã.

Các ngành chính quyền, kinh tế mà công tác có quan hệ nhiều với nông thôn cần có bộ phận hoặc cán bộ phụ trách công tác tuyên truyền, giáo dục của ngành mình. Chú trọng cung cấp nhiều những sách nhỏ, tranh cổ động, áp phích để tuyên truyền cho công tác của ngành mình.

Các cơ quan văn hoá, thông tin, giáo dục ở tỉnh, huyện, xã phải đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của Ban Tuyên huấn hoặc uỷ viên tuyên huấn của Đảng về mặt phối hợp phục vụ

công tác tuyên truyền giáo dục về chính trị, tư tưởng (còn về tổ chức thì vẫn giữ như hiện nay, chưa thay đổi). Đối với những cấp uỷ viên làm trưởng Ban Tuyên huấn hoặc phụ trách công tác tuyên huấn, nay nên đề nghị làm một công tác tương đương ở chính quyền để có lợi cho thống nhất chỉ đạo. (Thí dụ: trưởng Ban Tuyên huấn xã kiêm uỷ viên văn xã, hoặc làm trưởng Ban Thông tin xã).

Công tác thông tin thuộc tuyên huấn chỉ đạo, song ngân sách thì vẫn do chính quyền đảm bảo.

*
* *

Các khu uỷ, thành uỷ, tỉnh uỷ, huyện uỷ cần nghiên cứu kỹ Chỉ thị này, quyết định kế hoạch cụ thể thực hiện ở địa phương và lãnh đạo các chi uỷ và xã thực hiện cho có kết quả tốt.

Các ban, các đảng đoàn, các cơ quan tuyên truyền ở trung ương có liên quan đến nông thôn cũng nghiên cứu kỹ Chỉ thị này để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

PHẠM HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÀI NÓI CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
Tại Hội nghị tổng kết phong trào
hợp tác hoá nông nghiệp
(Ngày 12-9-1959)

Chúng ta tổ chức hợp tác xã trước hết là nhằm mục đích nâng cao đời sống của nông dân.

Muốn nâng cao đời sống thì phải tổ chức cho tốt, phải tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Muốn vậy, phải làm đúng đường lối, chính sách của Trung ương. Phải tổ chức tốt các tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm, rồi từ đó mà đưa lên hợp tác xã.

Cần củng cố tốt những hợp tác xã đã có. Trong số hơn 16.000 hợp tác xã này, cần xem xét cái nào tốt, cái nào vừa, cái nào kém để có kế hoạch củng cố. Cái đã tốt thì làm tốt thêm, cái vừa đưa lên tốt, cái kém đưa lên vừa, rồi lên tốt. Nếu củng cố tốt hơn 16.000 hợp tác xã đã có, thì số hợp tác xã có thể tăng lên gấp hai, ba lần.

Phải phát triển hợp tác xã một cách thật chắc chắn, không nên chạy theo số lượng.

Muốn củng cố và phát triển hợp tác xã tốt, phải chú ý đến việc *sản xuất*, làm sao cho hợp tác xã nói chung và xã viên nói riêng, không những tăng thu nhập về thóc lúa mà

còn tăng về nhiều mặt sản xuất khác. Phải *cần kiệm xây dựng hợp tác xã*, tránh ăn tiêu lãng phí.

Từ trung ương đến địa phương, các ngành các cấp cần thật sự tham gia cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp. Các ngành nông lâm, thuỷ lợi, mậu dịch, tuyên truyền... cần thật sự góp sức tham gia và đẩy mạnh phong trào hợp tác hoá.

Cán bộ cần cố gắng phát triển ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm để làm tốt cuộc vận động hợp tác hoá.

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội,
2000, t.9, tr. 502-503.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 86-NQ/TW, ngày 14-9-1959

Về chính sách và công tác ngoại thương

I- NGOẠI THƯƠNG CỦA CÁC NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NGOẠI THƯƠNG CỦA CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

Ngoại thương là một bộ phận trọng yếu của nền kinh tế quốc dân. Trong thời đại hiện nay, kinh tế của các nước trên thế giới đã liên hệ mật thiết với nhau, hình thành một sự phân công lao động quốc tế, thì bất cứ nước nào, lớn hay nhỏ, đứng trong phe tư bản chủ nghĩa hay là trong phe xã hội chủ nghĩa cũng cần tham gia mậu dịch quốc tế, cần có ngoại thương. Nhưng ngoại thương của các nước tư bản chủ nghĩa và ngoại thương của các nước xã hội chủ nghĩa bắt nguồn từ những điểm khác nhau, do những động cơ khác nhau thúc đẩy và nhằm thực hiện những nhiệm vụ khác nhau:

1. Các nước tư bản chủ nghĩa bành trướng ra ngoài, phát triển ngoại thương là do những nguyên nhân sau đây:

- Sức sản xuất và tiêu thụ trong nước không thăng bằng, việc lưu thông hàng hoá phải vượt ra ngoài phạm vi nước mình.

- Kinh tế tư bản chủ nghĩa không có kế hoạch, các ngành

phát triển không cân đối, ngành phát triển mạnh nhất phải ra sức tìm thị trường nước ngoài để tiếp tục phát triển.

- Chủ nghĩa tư bản vì muốn thu những món lợi lớn và vì sự thúc đẩy của quy luật cạnh tranh, cho nên đều có tham vọng mở rộng sản xuất thật rộng lớn, cho nên nó phải đi tìm thị trường mới.

2. Các nước xã hội chủ nghĩa liên hệ với thị trường nước ngoài là do những nguyên nhân khác hẳn:

- Kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa và kinh tế thế giới tư bản chủ nghĩa trên nhiều ngành hoạt động còn phải dựa vào nhau do những điều kiện lịch sử của sự phân công lao động quốc tế.

- Các nước xã hội chủ nghĩa có nhiều loại sản phẩm có thể sử dụng trong việc trao đổi với các nước tư bản để thu về một số hàng cần thiết hoặc một số thiết bị để phát triển kinh tế, xây dựng nước nhà.

- Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với quy luật phát triển nhanh, luôn luôn phải tăng cường tốc độ tái sản xuất xã hội chủ nghĩa mở rộng để hoàn thành nhanh chóng những nhiệm vụ kinh tế cơ bản, do đó cần phải dùng ngoại thương để đẩy mạnh sản xuất và phục vụ cho yêu cầu công nghiệp hoá nước nhà.

Như vậy, tính chất và nhiệm vụ ngoại thương các nước tư bản chủ nghĩa và tính chất, nhiệm vụ ngoại thương các nước xã hội chủ nghĩa khác hẳn nhau; mục đích, đường lối, phương châm, phương pháp ngoại thương cũng trái ngược nhau.

- Trong khi phát triển kinh tế ra ngoài nước, các nước tư bản chủ nghĩa, một mặt tìm cách biến những nước kinh tế lạc hậu thành những nước phụ thuộc, hoặc xâm lược những nước đó làm thị trường độc chiếm, làm thuộc địa của mình;

mặt khác, họ dùng những thủ đoạn tàn khốc để cạnh tranh nhau, gây ra tình hình căng thẳng trên thế giới và gây ra sự thù hằn giữa các dân tộc. Do đó, việc phát triển ngoại thương của các nước tư bản chủ nghĩa đi liền với sự thống trị các dân tộc lạc hậu, là nguồn gốc đẻ ra chủ nghĩa thực dân và chiến tranh đế quốc chủ nghĩa.

- Trong sự liên hệ kinh tế bên ngoài, các nước xã hội chủ nghĩa, trái lại, đem tình hữu nghị đến với các dân tộc khác.

Với các nước trong phe mình, ngoại thương của các nước xã hội chủ nghĩa đứng trên lập trường của chủ nghĩa Mác – Lênin và dựa theo tinh thần quốc tế vô sản, thực hiện sự hợp tác tương trợ về kinh tế với những nước anh em, làm cho nền kinh tế chung của cả phe xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển, lực lượng phe xã hội chủ nghĩa ngày càng hùng mạnh, các nước trong phe xã hội chủ nghĩa sớm hoàn thành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội để tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Với các nước chậm tiến, ngoại thương của các nước xã hội chủ nghĩa xuất phát từ chính sách ủng hộ nền độc lập dân tộc của các nước đó, sẵn sàng cung cấp máy móc thiết bị đổi lấy sản phẩm các nước đó cần xuất khẩu, giúp các nước đó thoát khỏi sự lũng đoạn của chủ nghĩa đế quốc, mau độc lập về kinh tế và trở thành những quốc gia độc lập tự chủ hoàn toàn.

Với các nước tư bản chủ nghĩa, đứng trên nguyên tắc "bình đẳng, hai bên cùng có lợi", ngoại thương của các nước xã hội chủ nghĩa sẵn sàng đặt quan hệ buôn bán, mở rộng trao đổi hàng hoá, tạo thêm điều kiện để phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần làm dịu tình hình thế giới, phục vụ sự nghiệp bảo vệ hòa bình.

Nước ta là một nước đứng trong phe xã hội chủ nghĩa. Tính chất, nhiệm vụ, mục đích và đường lối chính sách ngoại thương của nước ta căn bản cũng giống như tính chất, nhiệm vụ, mục đích và đường lối chính sách ngoại thương các nước anh em. Đó là một sự phát triển tất yếu của quy luật kinh tế khách quan của một nước đang tiến lên chủ nghĩa xã hội, một sự áp dụng chủ nghĩa Mác – Lênin trong thực tiễn.

II- NHẬN XÉT VỀ CÔNG TÁC NGOẠI THƯƠNG CỦA TA TRONG 5 NĂM VỪA QUA

Sau khi hoà bình được lập lại, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, Đảng và Chính phủ đã nêu rõ nhiệm vụ của ngành ngoại thương trong việc khôi phục và phát triển kinh tế quốc dân và trong việc mở rộng những quan hệ kinh tế và chính trị giữa nước ta với các nước khác, trước hết là các nước anh em.

Mấy năm qua, ngành ngoại thương đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện những nhiệm vụ nói trên và đã phát huy được tác dụng tích cực. Từ công tác đấu tranh kinh tế với địch trong thời kỳ kháng chiến, ta đã tham gia mậu dịch quốc tế và đã phát triển được nhanh chóng việc buôn bán với các nước.

Thông qua công tác ngoại thương, ta đã kích thích sản xuất công nghiệp và nông nghiệp phát triển, khôi phục nhiều mặt hàng xuất khẩu đổi lấy thiết bị, máy móc, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng thiết yếu để xây dựng nước nhà, và phục vụ đời sống nhân dân. Nhờ đó ta đã giải quyết công ăn việc làm cho hàng chục vạn người, tạo thêm những điều

thuận lợi cho công cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng công nghiệp của nước nhà.

Thông qua công tác ngoại thương, ta đã thắt chặt tình đoàn kết anh em với các nước xã hội chủ nghĩa, gây được những quan hệ tốt với nhiều nước Á – Phi và nối lại những quan hệ sẵn có từ trước với một số nước tư bản, do đó đã góp phần vào việc nâng cao địa vị và uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trên trường quốc tế.

Sở dĩ chúng ta đạt được những thành tích trên là do những nguyên nhân sau:

1. Thắng lợi của cuộc kháng chiến của toàn thể nhân dân đã làm cho miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng. Chế độ thực dân đã bị tiêu diệt ở miền Bắc. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã trở thành một nước độc lập, tự chủ đứng trong đại gia đình các nước xã hội chủ nghĩa.

2. Công cuộc khôi phục kinh tế của ta từ sau ngày hoà bình lập lại, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với nhiệt tình giúp đỡ của các nước anh em, đã thu được những thắng lợi rực rỡ, những thắng lợi đó đã tạo điều kiện cho ngoại thương phát triển.

3. Đường lối và chính sách của Đảng và Chính phủ về ngoại thương lấy việc quản lý và độc quyền ngoại thương làm nguyên tắc và lấy việc tăng cường sự hợp tác tương trợ giữa nước ta với các nước anh em làm phương hướng là rất chính xác.

4. Cán bộ toàn ngành ngoại thương tuy rất bỏ ngõ trong công tác mới mẻ, nhưng đã có nhiều cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ.

Thành tích của công tác ngoại thương đã có tác dụng rõ

rệt. Tuy nhiên chúng ta không thoả mãn với những thành tích đó mà cần khẳng định rằng: nếu trong công tác ngoại thương, ta sớm khắc phục được một số khuyết điểm thì thành tích còn lớn hơn nhiều. Những khuyết điểm đó là:

1. Nhận thức về nhiệm vụ và vai trò ngoại thương trong nền kinh tế quốc dân chưa được đầy đủ và sâu sắc. Do lúc đầu chúng ta quá ỷ lại vào sự viện trợ của các nước anh em, cho nên chưa quan tâm đầy đủ đến công tác ngoại thương. Chúng ta thiếu kế hoạch động viên các lực lượng sản xuất, thu mua, chế biến những hàng xuất khẩu, thiếu kết hợp việc chỉ đạo sản xuất trong nước với việc mở rộng trao đổi với nước ngoài, đã phần nào làm chậm sự phát triển ngoại thương.

2. Việc nghiên cứu tình hình kinh tế thế giới, tìm hiểu khả năng hợp tác giữa các nước anh em và theo dõi thị trường các nước tư bản chưa được chú trọng, do đó ngành ngoại thương chưa góp được những ý kiến cụ thể, vững chắc về phương hướng phát triển kinh tế trong nước, gây nên tảng cho việc phát triển ngoại thương.

3. Tổ chức ngoại thương chậm được tăng cường, cán bộ ngoại thương ít được bồi dưỡng, phần lớn còn non nớt và thiếu kinh nghiệm, cho nên chưa biết tranh thủ những điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh công tác.

Nhận rõ những thành tích và khuyết điểm nói trên, ta phải tìm mọi biện pháp để đẩy mạnh ngoại thương phát triển.

III- NHIỆM VỤ CĂN BẢN CỦA NGOẠI THƯƠNG CỦA TA TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

Chúng ta đều biết: nước ta hiện còn đang bị chia làm hai

miền. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng đã bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội trong khi miền Nam vẫn dưới ách đế quốc và phong kiến, nhân dân ta vẫn phải tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Do đó nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân là: *"Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh để giữ vững hoà bình; thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước; ra sức củng cố miền Bắc và đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh; tích cực góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới"*. (Trích Nghị quyết Trung ương lần thứ 15). Trong bốn năm qua, chúng ta đã khôi phục kinh tế thắng lợi, hiện nay chúng ta đang đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa và bắt đầu xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội theo kế hoạch dài hạn. Sự phát triển của tình hình nước ta hiện nay là một cuộc chuyển biến vĩ đại, một cuộc chuyển biến cách mạng sâu sắc, nhằm thay đổi về căn bản nền kinh tế của ta, một nền kinh tế có nhiều thành phần thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thuần nhất. Cuộc chuyển biến này sẽ đưa dần nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu lên dần đến trình độ một nước công nghiệp và nông nghiệp tiên tiến.

Quán triệt nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân và nhằm những nhiệm vụ trước mắt do kế hoạch ba năm đề ra, ngành ngoại thương phải xác định một nhiệm vụ đúng đắn nhằm đáp ứng những yêu cầu của công cuộc xây dựng nước nhà, của sự cần thiết nâng cao hơn nữa địa vị và uy tín của

nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trên trường quốc tế, do đó phục vụ một cách có hiệu quả cho sự nghiệp đấu tranh thực hiện thống nhất Tổ quốc.

Nhiệm vụ của ngoại thương của ta hiện nay có thể quy định như sau:

- Ra sức nắm nguồn hàng trong nước và thị trường ngoài nước, tổ chức và quản lý việc xuất nhập khẩu theo kế hoạch nhà nước, nhằm mục đích đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, bảo hộ nền kinh tế của ta, phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, công nghiệp hoá nước nhà, biến miền Bắc thành một căn cứ cách mạng vững chắc cho cả nước.

- Ra sức phục vụ đường lối ngoại giao của Đảng và Chính phủ nhằm tăng cường tình đoàn kết hữu nghị với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, mở rộng quan hệ với các nước đang đấu tranh cho hoà bình, cho sự củng cố nền độc lập dân tộc, thực hiện chính sách chung sống hoà bình với những nước chế độ chính trị khác ta nhưng muốn cùng ta kiến lập những quan hệ mật dịch về kinh tế.

- Ra sức tìm những biện pháp thích hợp để thực hiện việc trao đổi hàng hoá với miền Nam, làm cho nhân dân miền Nam nhận thấy những kết quả cụ thể của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc mà thêm tin tưởng và hăng hái đấu tranh đòi lập lại quan hệ bình thường Nam Bắc, góp phần vào việc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Những nhiệm vụ trên đây thể hiện đúng quan điểm, lập trường, chính sách của Đảng và Chính phủ ta trong sự xây dựng những quan hệ kinh tế và chính trị với bên ngoài; nó cũng hoàn toàn phù hợp với những nguyên lý căn bản của nền ngoại thương một nước xã hội chủ nghĩa do Lênin đề ra.

Hiện nay, ta có rất nhiều điều kiện thuận lợi để thực hiện những nhiệm vụ đó:

1. Phe xã hội chủ nghĩa ngày nay đã thành một hệ thống thế giới. Với dân số 950 triệu người, với một nền công nghiệp chiếm 1/3 tổng sản lượng công nghiệp toàn thế giới, với sức sản xuất nông nghiệp bằng 50% sức sản xuất của tất cả các nước cộng lại, phe xã hội chủ nghĩa đã trở thành một hệ thống thế giới. Cùng với hệ thống này, đã xuất hiện thị trường các nước xã hội chủ nghĩa song song tồn tại với hệ thống thị trường các nước tư bản chủ nghĩa. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đứng trong phe xã hội chủ nghĩa hùng mạnh không bị cô lập, bị bao vây. Tình hình ta ngày nay khác hẳn với tình hình Liên Xô thời trước và cũng không giống tình hình nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa trong những năm đầu mới giải phóng. Do những điều kiện thuận lợi đặc biệt trên, ta có thể dựa vào lực lượng hùng mạnh của phe xã hội chủ nghĩa mà phát huy được những khả năng, những lực lượng tiềm tàng trong nước mà đẩy mạnh việc phát triển kinh tế, xây dựng Tổ quốc mau chóng củng cố nền độc lập tự chủ mới giành được.

2. Chế độ thực dân đang tan rã từng mảng, các nước Á – Phi trước kia cũng là những nước thuộc địa như ta, ngày nay đã vùng dậy giành độc lập dân tộc. Phần đông những nước đó có cảm tình với ta, muốn cùng ta đặt những quan hệ thương mại, kinh tế và chính trị. Tuy trình độ kinh tế của những nước đó nói chung còn thấp kém nhưng nguồn sản phẩm của họ rất phong phú, nhiều thứ cần thiết cho việc phát triển công nghiệp của ta; với ý thức xây dựng quan hệ tốt với các nước Á – Phi, ta hết sức khai thác những mặt hàng xuất

khẩu, chắc chắn việc trao đổi buôn bán giữa ta với các nước đó có thể mở rộng được.

3. Kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa đang lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Để khắc phục khó khăn, các nước tư bản chủ nghĩa phải tìm cách buôn bán với phe ta. Chính sách cấm vận phân biệt đối xử trong thương mại mà đế quốc Mỹ đề xuất và cố duy trì, căn bản đã bị phá sản. Phe xã hội chủ nghĩa ngày nay với nền kinh tế ổn định và không ngừng phát triển đã có khả năng hấp dẫn các nước tư bản. Có thể nói trong quan hệ mậu dịch quốc tế, phe ta ngày nay đã giành được thế chủ động; điều đó đã ảnh hưởng rõ rệt đến việc buôn bán giữa ta với các nước tư bản chủ nghĩa.

4. Ngoài những điều nói trên, cần phải nhắc đến những triển vọng lớn lao trong việc phát triển kinh tế của ta. Qua năm đầu thực hiện kế hoạch ba năm, chúng ta đã thu được những thành tích tốt đẹp. Vụ mùa 1958 thắng lợi đã tăng sản lượng nông nghiệp lên 13% so với năm 1957. Sản xuất công nghiệp càng tiến nhanh hơn nữa. Đồng thời với việc giành thắng lợi trên mặt trận lương thực, chúng ta đang phát triển nông nghiệp một cách toàn diện. Ngoài thóc lúa, các cây công nghiệp, cây thực phẩm, các đặc sản sẽ phát triển một cách mau chóng. Thủ công nghiệp và công nghiệp cũng sản xuất thêm nhiều mặt hàng mới. Nguồn hàng xuất khẩu của ta sẽ dồi dào hơn và sẽ giúp vào việc đẩy mạnh ngoại thương phát triển.

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, chúng ta còn gặp một số khó khăn:

1. Nước ta bị chia cắt làm hai miền; tình trạng ấy là trở ngại lớn đối với việc tăng cường địa vị quốc tế của ta. Âm

mưu và những thủ đoạn phá rối của đế quốc Mỹ và chính quyền miền Nam cũng làm cho nhiều nước ngại liên lạc với ta, do đó cũng gây cho ta những khó khăn nhất định, ảnh hưởng đến việc mở rộng quan hệ quốc tế của ta.

2. Tài nguyên phong phú trong cả nước chưa huy động được (gạo, cao su, hạt tiêu, gỗ ở miền Nam) sản xuất công nghiệp và nông nghiệp ở miền Bắc trong mấy năm qua tuy đã tăng với một nhịp độ khá nhanh nhưng chưa được đẩy mạnh đến trình độ cần thiết. Hàng xuất khẩu của ta nói chung còn ít, chưa đáp ứng được yêu cầu.

3. Công tác kế hoạch của ta chưa vững chắc, nhiều chính sách cụ thể chưa ban hành, một số khá đông cán bộ ở địa phương và các ngành chưa thông suốt nhiệm vụ và tác dụng trọng yếu của ngoại thương đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, công nghiệp hoá nước nhà, chưa quan tâm đến công tác ngoại thương. Có cán bộ còn cho rằng phát triển ngoại thương không thích hợp với điều kiện của ta; đẩy mạnh xuất khẩu sẽ gây khó khăn cho thị trường nội địa, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân; sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đã có các nước anh em giúp đỡ, không cần đặt vấn đề ngoại thương, v.v.. Những tư tưởng lệch lạc nói trên phản ánh tinh thần ỷ lại rất nặng, ý thức tự lực cánh sinh rất kém. Nó làm giảm thái độ tích cực của ta trong việc đẩy mạnh sản xuất, động viên hàng xuất khẩu, gây những khó khăn nhất định cho công tác ngoại thương, và còn hạn chế việc phát triển kinh tế, đẩy mạnh kiến thiết. Ta chưa làm cho toàn thể cán bộ và nhân dân hiểu ý nghĩa và nhiệm vụ của công tác ngoại thương, đó là một thiếu sót lớn. Thiếu sót này tất nhiên gây nhiều khó khăn cho công tác ngoại thương, nhưng nó chỉ là những khó khăn tạm thời; thuận lợi như ta đã phân tích ở

trên vẫn là căn bản, chúng ta cần phải nắm lấy, phải biết lợi dụng để đẩy mạnh ngành ngoại thương của ta phát triển, phục vụ tốt những nhiệm vụ kinh tế và chính trị của Đảng.

IV- ĐƯỜNG LỐI CHÍNH SÁCH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGOẠI THƯƠNG CỦA TA

Đường lối chính sách và phương hướng phát triển ngoại thương của ta là đường lối chính sách và phương hướng phát triển ngoại thương của một nước tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa. *Một mặt*, nó phải phản ánh đúng chế độ kinh tế và xã hội của ta, một chế độ mà nhân dân lao động đã làm chủ nước nhà và đang kiên quyết tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. *Mặt khác*, nó phải thể hiện đường lối chính sách ngoại giao của một nước đứng trong phe xã hội chủ nghĩa luôn luôn chú trọng tăng cường đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, tích cực xây dựng và phát triển quan hệ hữu nghị với các nước dân tộc chủ nghĩa, và kiên quyết, bền bỉ thực hiện chính sách chung sống hoà bình, mở rộng quan hệ với những nước chế độ chính trị khác ta nhưng muốn cùng ta xây dựng những quan hệ bình thường. Xuất phát từ những điểm căn bản nói trên, đường lối, chính sách và phương hướng phát triển ngoại thương của ta có thể xác định như sau:

1. Đường lối căn bản về ngoại thương.

Đường lối căn bản về ngoại thương của ta phải lấy việc tổ chức và quản lý nền ngoại thương, tập trung tất cả mọi việc buôn bán với nước ngoài vào trong tay Nhà nước, thực hiện độc quyền ngoại thương làm điểm xuất phát và làm nguyên tắc chỉ đạo mọi quan hệ kinh tế của ta với bên ngoài.

- Quản lý và độc quyền ngoại thương là đường lối căn bản về ngoại thương của một nước xã hội chủ nghĩa. Đối với các nước đế quốc, nó là một biện pháp nhằm bảo vệ sự phát triển độc lập của nền kinh tế của ta, chống sự thâm nhập của chúng. Đối với các nước xã hội chủ nghĩa nó là một phương sách liên hệ có kế hoạch về kinh tế để thực hiện sự giúp đỡ lẫn nhau giữa nước ta và các nước anh em.

Quản lý và độc quyền ngoại thương là một chính sách quan trọng trước nhất của Nhà nước của ta, một yếu tố để phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa, một tiền đề của việc thực hiện kế hoạch nhà nước. Do đó, ta phải coi nó như một quy luật khách quan của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, một quy luật mà chúng ta phải tuân theo và nắm vững để chỉ đạo mọi quan hệ kinh tế của ta với bên ngoài.

- Việc thực hiện chính sách quản lý và độc quyền ngoại thương trong hoàn cảnh nước ta phải dựa vào những điều kiện cụ thể, nghĩa là phải căn cứ vào sự tồn tại và tác dụng thực tế của các công ty xuất nhập khẩu tư doanh mà định ra các chủ trương thích hợp.

Sau ngày hoà bình lập lại, ta đã nghiên cứu vấn đề này, đã thấy thủ đoạn nắm giữ và khống chế ngoại thương của chủ nghĩa đế quốc Pháp, địa vị nhỏ bé và hoàn toàn phụ thuộc của thương nhân xuất nhập khẩu của ta¹, cho nên chỉ

1. Trong việc buôn bán xuất nhập khẩu ở Đông Dương trước đây, các công ty Pháp nắm giữ 95% tổng trị giá hàng xuất nhập. Hoạt động xuất nhập khẩu của Pháp kiều, Hoa kiều và người Việt Nam chỉ chiếm có 5%. Sau khi hoà bình lập lại, đại bộ phận thương nhân xuất nhập khẩu kéo đi Nam. Số còn lại chỉ là những người làm công của các công ty xuất nhập khẩu cũ và một số người buôn bán nhỏ với Hồng Kông.

lợi dụng họ trong một phạm vi hẹp, đồng thời chủ trương phát triển mạnh các công ty xuất nhập khẩu quốc doanh. Chủ trương ấy đúng, nhưng có lúc ta không nắm vững, cho nên đã mở rộng cho tư nhân kinh doanh xuất nhập khẩu phát triển. Tình hình này xảy ra từ cuối năm 1956 đến giữa năm 1957, đã gây nhiều tác hại không những về mặt kinh tế mà cả về mặt chính trị. Sau ta thấy rõ sai lầm, đã nắm chặt lại công tác quản lý, cắt dần quan hệ của các công ty xuất nhập khẩu tư nhân với bên ngoài, sử dụng số thương nhân xuất nhập khẩu hiện tại vào việc thu mua, chế biến hàng trong nước để phục vụ cho hoạt động xuất nhập khẩu của Nhà nước và dần dần cải tạo các thương nhân xuất khẩu theo chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh. Đó là một chủ trương đúng đắn, cần xúc tiến thi hành càng sớm càng tốt.

2. Chính sách quản lý xuất khẩu và nhập khẩu.

Dựa vào nguyên tắc quản lý và độc quyền ngoại thương, chính sách và kế hoạch xuất nhập khẩu của ta nhằm kích thích sản xuất, bảo hộ sự phát triển độc lập kinh tế của ta, tập trung những nguồn vốn cần thiết để tăng cường tốc độ phát triển công nghiệp, đảm bảo cho sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hoá nước nhà. Đó là mục đích và nội dung của chính sách quản lý xuất nhập khẩu của ta. Chính sách ấy cụ thể hoá như sau:

- *Về xuất khẩu.* - Xuất khẩu của ta về bản chất khác hẳn xuất khẩu của các nước tư bản. Xuất khẩu của tư bản là do động cơ điên cuồng đi tìm lợi nhuận; thứ hàng nào xuất khẩu dễ dàng, có lãi thì chúng vơ vét để xuất khẩu, thứ hàng nào xuất khẩu khó khăn, không có lãi thì chúng không nhòm tới, do đó mà xuất khẩu của tư bản thường gây hỗn

loạn trong thị trường nội địa và đẩy mạnh thêm sự sản xuất vô chính phủ.

Xuất khẩu của ta là một nhiệm vụ kinh tế nằm trong kế hoạch nhà nước, kế hoạch chung phát triển nền kinh tế quốc dân. Nó nhằm mục đích kích thích sản xuất, đẩy mạnh việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, giúp cho Nhà nước tập trung được những nguồn vốn cần thiết để nhập các nguyên liệu, máy móc, thiết bị đẩy mạnh xây dựng công nghiệp. Xuất khẩu của ta không có tính chất mù quáng như xuất khẩu của các nước tư bản, vì nó dựa trên kế hoạch phát triển chung. Trong điều kiện kinh tế của ta hiện nay, ta phải đẩy mạnh xuất khẩu. Nhưng đẩy mạnh xuất khẩu không có nghĩa là ta chủ trương vơ vét hàng trong nước để bán ra ngoài, mà là ta căn cứ vào những điều kiện thiên nhiên thuận lợi và nhân lực dồi dào mà đề ra kế hoạch sản xuất hàng xuất khẩu. Ta cân nhắc nhu cầu trong nước và nhu cầu xuất khẩu đối với từng mặt hàng mà điều hoà việc tiêu thụ trong nước và việc tiêu thụ ngoài nước một cách thích hợp. Những vật phẩm tối cần thiết cho đời sống nhân dân như gạo, ngô, đậu tương, thịt... những nguyên liệu cần thiết cho việc phát triển công nghiệp hoặc xây dựng cơ bản như bông, gai, đay, gỗ, ximăng, v.v. thì ưu tiên dành cho nhu cầu trong nước. Những vật phẩm có thể tiết kiệm tiêu dùng như lạc, dừa, cà phê, chè, cam, quýt, dưa, v.v. thì ra sức tiết kiệm dành cho nhu cầu xuất khẩu. Tính chất tích cực của chính sách xuất khẩu của ta thể hiện ở những điểm nói trên, nó phản ánh tinh thần tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng nước nhà mà Hồ Chủ tịch vẫn thường nhắc nhở chúng ta.

- *Về nhập khẩu.* - Chính sách nhập khẩu của ta phải nhằm bảo hộ sản xuất trong nước, đảm bảo cho sự phát triển

độc lập của nền kinh tế của ta; nó phải nhằm mục đích đẩy mạnh tốc độ xây dựng công nghiệp và phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Do đó tính chất, phạm vi và tổ chức nhập khẩu của ta cũng khác hẳn tính chất, phạm vi và tổ chức nhập khẩu của các nước tư bản.

Việc nhập khẩu của các nước tư bản, nhất là các nước phụ thuộc và các nước thuộc địa thường biểu hiện tính chất ỷ lại vào các nước đế quốc. Một bộ phận trọng yếu hàng nhập là hàng tiêu dùng, nhiều loại hàng nhập trở lại cạnh tranh với hàng sản xuất trong nội địa. Các công ty tư bản trong việc kinh doanh kiếm lời thường nhập theo nhu cầu tự phát của thị trường, làm cho Nhà nước không thể nào điều chỉnh một cách có hiệu quả số lượng và tỷ lệ thành phần các hàng nhập khẩu.

Việc nhập khẩu của ta, trái lại, nhằm bảo hộ sản xuất trong nước, đảm bảo cho sự phát triển độc lập của nền kinh tế của ta. Do đó, ta hết sức hạn chế nhập những hàng mà ta có điều kiện sản xuất và cương quyết cấm nhập những hàng mà sức sản xuất trong nước có thể đảm bảo được nhu cầu. Chính sách nhập khẩu của ta trước hết cũng như về lâu dài, chủ yếu hướng vào nhập các tư liệu sản xuất: nguyên liệu, máy móc, thiết bị. Nhưng ngay cả về mặt này, ta cũng phải hạn chế dần từng mặt hàng nhập ăn khớp với đà phát triển công nghiệp ở nước ta. Chúng ta đều biết một nước sản xuất và tự cung cấp được những hàng tiêu dùng chưa phải là một nước kinh tế độc lập. Do đó, ta phải cố gắng sản xuất máy móc, trước hết là những máy giản đơn, những phụ tùng để giảm bớt nhập khẩu. Vấn đề này chúng ta chưa quan tâm, chưa đề ra một cách nghiêm chỉnh. Đó là một thiếu sót lớn cần khắc phục.

Chính sách nhập khẩu, như trên đã trình bày, phải được kiên quyết thi hành và có đủ điều kiện để thực hiện một cách đúng đắn, vì tất cả mọi việc nhập hàng của ta đều tiến hành theo kế hoạch của các ngành kinh tế đề ra. Kế hoạch đó lại được Nhà nước xét duyệt, cho nên không thể nào mâu thuẫn với chính sách phát triển kinh tế của ta. Vấn đề đặt ra là ta phải căn cứ vào đường lối, chính sách và kế hoạch phát triển kinh tế mà xây dựng và xét duyệt kế hoạch nhập hàng một cách nghiêm chỉnh.

Tóm lại, chính sách xuất nhập khẩu của ta là một chính sách đẩy mạnh sản xuất, bảo hộ sự phát triển độc lập kinh tế của ta, tập trung những nguồn vốn cần thiết để đẩy mạnh tốc độ phát triển công nghiệp, xây dựng nước nhà. Chỉ có dựa trên nguyên tắc quản lý và độc quyền ngoại thương, chính sách nói trên mới có thể thực hiện được.

3. Phương hướng phát triển ngoại thương.

Việc phát triển quan hệ ngoại thương của ta chủ yếu phải hướng vào việc tăng cường sự hợp tác tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em để củng cố thêm lực lượng của phe xã hội chủ nghĩa, đồng thời phải chú trọng mở rộng và thắt chặt quan hệ với các nước dân tộc chủ nghĩa trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, chiếu cố lẫn nhau và tùy theo điều kiện cụ thể có lợi về mặt kinh tế và chính trị mà kiến lập quan hệ với các nước tư bản khác nhằm thực hiện chính sách chung sống hoà bình, nâng cao địa vị và uy tín quốc tế của ta.

Đường lối phát triển trên đây dựa vào những nguyên tắc căn bản của đường lối ngoại giao của Đảng và Chính phủ. Nhưng vận dụng việc vào công tác ngoại thương cần phải cụ thể hoá hơn.

1- *Đối với các nước xã hội chủ nghĩa.*

Tinh thần hợp tác tương trợ, bình đẳng cùng có lợi phải thật thấu suốt. Ngoại thương phải luôn luôn mở rộng việc trao đổi hàng hoá với các nước xã hội chủ nghĩa. Kim ngạch trao đổi giữa nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa phải chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch ngoại thương của chúng ta và phải cố gắng tăng theo đà kinh tế trong nước phát triển. Đó là phương hướng chung. Nhưng đối với từng nước, kim ngạch buôn bán phải dựa vào những cơ sở thực tế về kinh tế (cơ cấu về kinh tế và mặt hàng có thể bổ sung cho nhau) và những điểm đặc biệt về chính trị mà tăng lên một cách thích hợp, nhằm giúp đỡ lẫn nhau và do đó tăng thêm tình đoàn kết hữu nghị giữa nước ta với các nước anh em.

- Trong các nước xã hội chủ nghĩa, trước hết cần mở rộng trao đổi hàng hoá, tăng cường quan hệ mậu dịch với Liên Xô và Trung Quốc. Xác định hướng mở rộng trao đổi hàng hoá với Liên Xô và Trung Quốc là dựa vào những điều kiện thực tế khách quan.

Liên Xô và Trung Quốc về mặt *địa lý* ở gần ta, về mặt *kinh tế* có những khả năng vô cùng to lớn, về mặt *chính trị*, đặc biệt quan tâm đến ta và luôn luôn giúp đỡ ta trên các mặt. Việc mở rộng trao đổi hàng hoá và tăng cường quan hệ mậu dịch giữa ta với Liên Xô và Trung Quốc chính là một điều kiện đảm bảo cho nền kinh tế của ta phát triển một cách vững chắc.

- Sau Liên Xô và Trung Quốc, ba nước Cộng hoà dân chủ Đức, Tiệp Khắc, Ba Lan về mặt *kinh tế* là những nước công nghiệp tiên tiến, về mặt *chính trị* có những quan hệ đặc biệt với ta, cho nên chúng ta cần thắt chặt quan hệ kinh tế. Tuy địa lý ba nước trên đây ở xa ta, việc mở rộng trao đổi hàng hoá gặp nhiều khó khăn về vận tải, nhất là đối với những

hàng công kênh, giá trị ít. Ta cần nghiên cứu kỹ tình hình, tìm các mặt hàng thích hợp để nâng cao kim ngạch trao đổi.

- Các nước anh em khác như: Hung, Bảo, Lỗ¹⁾, Triều Tiên, Mông Cổ, Anbani, phần vì những mặt hàng trao đổi còn ít (thí dụ: Hung có nhiều khả năng cung cấp hàng cho ta, nhưng ta có ít mặt hàng có thể xuất cho Hung, ta có nhiều mặt hàng có thể xuất cho Mông Cổ, nhưng khó chọn được mặt hàng nhập cần thiết cho ta), phần vì giao thông vận tải khó khăn, cho nên việc mở rộng trao đổi hàng hoá còn bị hạn chế. Tuy nhiên, để tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác, ta cần nghiên cứu thêm mặt hàng mới và biện pháp chuyển khẩu để thiết thực giúp đỡ nhau trong việc phát triển kinh tế.

Xu hướng của việc mở rộng trao đổi hàng hoá, tăng cường mậu dịch giữa nước ta với các nước anh em đi liền với việc hợp tác kinh tế. Các nước xã hội chủ nghĩa cùng chung một chế độ chính trị, một chế độ kinh tế, không có những mâu thuẫn về quyền lợi. Các nước xã hội chủ nghĩa phân công hợp tác với nhau để lợi dụng hết những thuận lợi về điều kiện thiên nhiên của mình. Việc phân công hợp tác ấy có thể tránh được tình trạng nhiều nước cùng sản xuất một loại hàng, do đó đỡ lãng phí vốn đầu tư và có thể giúp nhau xây dựng một cách mau chóng. Trên cơ sở của sự phân công hợp tác, quan hệ mậu dịch giữa các nước xã hội chủ nghĩa càng tăng cường; kim ngạch càng tăng nhanh chóng.

Nước ta là một nước xã hội chủ nghĩa duy nhất ở trong vùng nhiệt đới có nhiều sản phẩm có thể trao đổi với các nước anh em. Đây là một lĩnh vực kinh tế mà ta có nhiều khả năng phát triển. Ta cần chú ý hợp tác với các nước anh em về mặt này. Đi đôi với chủ trương phát triển các cây nhiệt đới,

1) Hung, Bảo, Lỗ: Hunggari, Bungari, Rumani (B.T).

ta cần ký kết những hợp đồng dài hạn trao đổi với các nước anh em. Việc ký kết hợp đồng dài hạn sẽ làm cho ta yên tâm sản xuất và phát triển kinh tế, đó là một việc rất có lợi, cần nghiên cứu thực hiện.

2- Đối với các nước dân tộc chủ nghĩa.

Trên tinh thần bình đẳng, hai bên cùng có lợi, chiếu cố lẫn nhau, ta cần củng cố quan hệ sẵn có với Ấn Độ, Indônêxia, Ai Cập và xúc tiến đặt quan hệ chính thức với Diến Điện, Tích Lan¹⁾, Irắc, Ghinê... Tuy cơ cấu kinh tế các nước Á - Phi nói chung cũng giống ta, nhưng phân tích riêng từng loại hàng thì có thứ bên này thừa, bên kia thiếu, hai bên có thể trao đổi cho nhau. Hiện nay cuộc khủng hoảng kinh tế ở các nước tư bản chủ nghĩa đang ảnh hưởng nặng đến kinh tế và ngoại thương các nước nói trên. Trong quan hệ buôn bán, ta có thể làm cho họ nhìn thấy nền kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa dựa trên những cơ sở vững chắc và luôn luôn phát triển, các nước xã hội chủ nghĩa thật tình muốn có những quan hệ tốt với họ. Chính sách và quan hệ buôn bán đúng đắn của ta tất nhiên sẽ gây được ảnh hưởng chính trị tốt.

Riêng đối với Campuchia, Lào, là hai nước láng giềng gần nhất của ta, việc lập quan hệ buôn bán có tác dụng tốt đối với việc củng cố tình hữu nghị sẵn có của nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia; do đó góp phần vào việc bảo vệ hoà bình ở Đông Dương và Đông Nam Á. Chúng ta đã ký hiệp định với Campuchia, cần xúc tiến thực hiện hiệp định đó cho tốt. Đồng thời phải bền bỉ cố gắng tạo những điều kiện để đi tới ký kết hiệp định buôn bán với Lào. Trong tình hình khó khăn hiện tại, cần nghiên cứu và tổ chức việc trao đổi ở biên

1) Diến Điện, Tích Lan: Mianma, Xri Lanca (B.T).

giới Việt – Lào để củng cố và phát triển những quan hệ tốt giữa ta với nhân dân Lào ở vùng biên giới.

3- Đối với các nước tư bản.

Cần phân biệt những nước trung lập (Phần Lan, Thụy Điển, Na Uy) và những nước tư bản khác. Đối với những nước có xu hướng trung lập, dựa trên nguyên tắc bình đẳng, đôi bên cùng có lợi, ta sẵn sàng đặt quan hệ buôn bán. Đối với những nước tư bản khác, nắm vững nguyên tắc đấu tranh nhằm tranh thủ trao đổi có lợi, ta cần linh hoạt áp dụng chính sách buôn bán với từng nước tùy theo những điều kiện cụ thể trong quan hệ kinh tế và chính trị giữa ta với các nước đó.

- Ở Á châu, quan hệ buôn bán giữa ta với Nhật Bản đã được nối lại. Thị trường Nhật Bản có thể tiêu thụ than đá, các nông sản phụ và cung cấp cho ta nhiều thứ hàng cần thiết như kim khí, phân bón, hoá chất, nhưng thái độ của Chính phủ Nhật Bản hiện nay đối địch với ta, cho nên trong việc trao đổi buôn bán giữa ta với Nhật Bản, ta cần theo sát tình hình mà áp dụng chính sách khép hoặc mở cho thích hợp.

- Ở Âu châu, ta đã lập lại quan hệ buôn bán với Pháp và có cơ quan đại diện thương mại ở Pari. Quan hệ ấy tuy chưa được tốt (vì Chính phủ Pháp ngày càng phản động), nhưng đứng trên lợi ích cả hai mặt chính trị và kinh tế mà xét, việc buôn bán với Pháp đối với ta cũng có lợi (đương nhiên là cũng có lợi cho đối phương). Do đó ta cần giữ vững và tùy theo tình thế mà mở rộng dần.

- Đối với Anh, ta cũng nên có quan hệ ít nhiều để gây những dư luận tốt trong những giới tiến bộ, khuyến khích họ ủng hộ cuộc đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, thống nhất đất nước chúng ta.

- Đối với các nước tư bản khác; Ý, Áo, Hoà Lan, Tây Đức, v.v.

việc giao dịch mua bán có thể xúc tiến tùy theo từng mặt hàng xét có lợi, nhưng trong tình hình hiện nay, nên coi đó là những quan hệ chưa bình thường, cần mua thứ gì thì mua, cần bán thứ gì thì bán, chưa đặt vấn đề xây dựng quan hệ thường xuyên.

Trên đây là những nét lớn về đường lối chính sách ngoại thương. Trong quá trình thực hiện, ta phải kết hợp với thực tế để chỉ đạo cho sát.

V- MẤY CÔNG TÁC CẦN CHÚ TRỌNG ĐỂ ĐẨY MẠNH VÀ ĐẢM BẢO LÀM TỐT CÔNG TÁC NGOẠI THƯƠNG

Để đẩy mạnh hoạt động ngoại thương, phục vụ cho việc phát triển nền kinh tế quốc dân và phục vụ cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, ta cần nắm vững mấy công tác sau đây:

1. *Tổ chức và đẩy mạnh xuất khẩu.*

Nhiệm vụ xuất khẩu của ta, như trên đã nói, nhằm mục đích kích thích sản xuất; nâng cao đời sống nhân dân; tích lũy nguồn vốn để nhập thiết bị, máy móc, đẩy mạnh xây dựng công nghiệp. Do đó, *công tác xuất khẩu rất trọng yếu và phải coi nó là khâu chính của công tác ngoại thương*. Kim ngạch xuất khẩu của ta mấy năm nay tăng nhanh, nhưng còn ở một mức độ thấp và cũng chưa đảm bảo được nhu cầu hàng nhập. Số thiếu hụt do tình trạng xuất không đủ nhập, ta phải trông vào sự giúp đỡ của các nước anh em dưới hình thức vay nợ. Tuy các nước anh em cho ta vay với những điều kiện có lợi và dễ thanh toán, song để trả những món nợ đã vay, cuối cùng ta cũng phải xuất hàng. Do đó, để thu hẹp bớt mức chênh lệch giữa xuất và nhập, để giảm bớt một phần vay

nợ, để đảm bảo thanh toán đúng thời hạn những món nợ đã vay, cần phải ra sức tìm nguồn hàng xuất khẩu.

Căn cứ vào điều kiện thiên nhiên thuận lợi (tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta), vào những tài nguyên phong phú về khoáng sản, lâm sản, vào nguồn nhân lực dồi dào và sức lao động khéo léo của nhân dân ta, ta cần chú trọng phát triển những mặt hàng xuất khẩu sau đây:

- *Về nông nghiệp.* - Phải *đẩy mạnh sản xuất các cây công nghiệp*, như đay, gai, lạc, vừng, thầu dầu, dừa, sơn, cánh kiến, cao su, hạt sỏ, hạt lai, hạt trâu, v.v.; các *đặc sản* như chè, cà phê, hạt tiêu, sa nhân, hoa hồi; các *cây ăn quả* như chuối, dưa, cam, quýt, v.v.. Nông sản của ta từ mấy năm nay chiếm một tỷ trọng rất thấp (48%) trong tổng trị giá hàng xuất khẩu. Điều đó trái ngược với tình hình kinh tế của ta, 80% là nông nghiệp. Nó nói lên sự yếu ớt của nông nghiệp đồng thời đòi hỏi nông nghiệp phải tiến vượt bậc để đảm bảo tỷ trọng xứng đáng trong tổng trị giá hàng xuất khẩu. Trong điều kiện kinh tế nước ta, không có gì lợi hơn là phải đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là cây công nghiệp để tăng cường hàng xuất khẩu đổi lấy máy móc, thiết bị xây dựng công nghiệp. Vấn đề này toàn Đảng phải đặc biệt chú ý.

- *Về thủ công nghiệp.* - Phải hết sức chú trọng vì đó là một nguồn hàng xuất khẩu to lớn, sản xuất giản đơn, không phải đầu tư vốn mà lại phải giải quyết được công ăn việc làm cho hàng vạn quần chúng. Ngành ngoại thương đã có cố gắng về vấn đề này nhưng còn phải cố gắng hơn vì nguồn nhân lực của ta hết sức dồi dào, cơ sở sản xuất của ta chưa dùng hết. Trong việc đẩy mạnh các mặt hàng thủ công xuất khẩu, nên chú trọng các mặt hàng làm bằng nguyên liệu trong nước, như: mây, tre, chiếu, cói, lá gồi, khay trai, v.v.. Những hàng

làm bằng nguyên liệu nhập khẩu (đồ may mặc, giày da, đồ bạc, đồ ngà, v.v.) cũng có thể phát triển, nhưng phải căn cứ vào điều kiện nhập nguyên liệu của ta, phải chú ý đến khó khăn về ngoại hối và sự phụ thuộc vào thị trường tư bản về những nguyên liệu để sản xuất các hàng nói trên.

- *Về công nghiệp.* - Cần đẩy mạnh khai thác than, apatít, còrômít, thiếc và nghiên cứu khai thác thêm những khoáng sản khác xét có lợi, như chì, kẽm. Cần khuếch trương mau chóng công nghiệp ximăng, phân lân, gỗ dán. Cần phát triển công nghiệp chế biến hoa quả, cất dầu thơm. Những mặt hàng nói trên đều là những hàng xuất khẩu có giá trị, phải đặc biệt chú ý.

Đồng thời với việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, ngành thương nghiệp phải kiện toàn tổ chức thu mua và chế biến, coi đó là một nhiệm vụ trọng yếu của mình, nhằm phục vụ sản xuất, nâng cao sức mua của quần chúng, cung cấp hàng cho xuất khẩu.

Trên đây là nói chung mặt hàng lớn, đối với những mặt hàng số lượng ít, ta cũng không nên coi thường; trái lại cần ra sức thu nhặt, góp gió thành bão; một thí dụ để chứng minh: riêng số lông vịt thu nhặt xuất khẩu cũng đủ xây dựng được một nhà máy điện 3.000 kw, riêng món sa nhân thu nhặt và xuất khẩu cũng đổi được 500 chiếc xe vận tải lớn. Việc đó phải nêu thành một bài học để động viên toàn thể cán bộ và nhân dân quan tâm đến vấn đề sản xuất, thu nhặt hàng xuất khẩu.

Để bán được rộng rãi trên thị trường quốc tế, hàng xuất khẩu của ta phải được bảo đảm về phẩm chất và quy cách cho đúng với tiêu chuẩn thị trường quốc tế. Do đó Nhà nước (Bộ Ngoại thương) phải quy định những tiêu chuẩn chính

thức cho hàng xuất khẩu, đồng thời phải tăng cường công tác kiểm nghiệm. Công việc này không phải chỉ làm khi hàng hoá đã tập trung ở cảng, mà phải tiến hành ngay trong lúc thu mua và trong quá trình sản xuất ở các cơ sở sản xuất. Cần có kế hoạch hướng dẫn nhân dân và đề cao trách nhiệm của các ngành sản xuất, thu mua và kinh doanh hàng xuất khẩu. Mặt khác phải kiên quyết không cho xuất khẩu những hàng không đúng những tiêu chuẩn mà Nhà nước đã quy định.

2. Phải xét duyệt kỹ các đơn hàng nhập và có kế hoạch nhập kịp thời những hàng cần thiết.

Xuất phát từ chính sách nhập khẩu của ta là bảo hộ sản xuất, đảm bảo sự phát triển độc lập của nền kinh tế dân tộc, tăng cường tốc độ xây dựng công nghiệp, ta phải quản lý chặt chẽ hàng nhập khẩu. Việc xây dựng cũng như xét duyệt các đơn hàng nhập trước hết phải căn cứ vào kế hoạch sản xuất, kế hoạch công tác, kế hoạch xây dựng cơ bản; mặt khác phải căn cứ vào kế hoạch vốn của Nhà nước cấp. Cán bộ phụ trách các xí nghiệp, các công trường, các cơ quan phải chấp hành nghiêm chỉnh chế độ này, không được tùy tiện đưa những đơn hàng vô căn cứ. Ủy ban hành chính các địa phương, các cán bộ phụ trách sở, cục ở trung ương, các bộ trưởng, thứ trưởng phải nắm công việc, trực tiếp hướng dẫn xây dựng kế hoạch hàng nhập cho địa phương, cho ngành mình, phải đích thân duyệt các đơn hàng ấy. Như vậy mới đảm bảo được tính chất chính xác của đơn hàng đăng giúp cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Ngoại thương là những cơ quan tập trung, điều chỉnh và xét duyệt được sát đúng. Một điều nữa cần phải đảm bảo là: đơn hàng phải đưa đúng thời hạn mà Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Thủ tướng phủ đã quy định, phải thật cụ thể và chính xác (tên hàng,

số lượng, quy cách), tránh sự thay đổi lung tung. Đối với những loại máy phức tạp và thiết bị toàn bộ vì chu kỳ sản xuất lâu ngày, việc xây dựng đơn hàng càng phải dự kiến sớm hơn mới đảm bảo có hàng về ăn khớp với kế hoạch xây dựng.

Đơn hàng khi đã được Nhà nước xét duyệt, ngành ngoại thương phải tìm mọi biện pháp nhập cho đúng và kịp thời. Nếu gặp khó khăn về phía cung cấp hoặc vì thiếu ngoại hối, hoặc thiếu hàng xuất khẩu để đảm bảo kế hoạch nhập thì phải phản ánh kịp thời để Chính phủ giải quyết. Việc nhập hàng theo đúng kế hoạch đã đề ra là rất trọng yếu, vì nó gắn liền với kế hoạch sản xuất và kế hoạch xây dựng cơ bản. Do đó kế hoạch hàng nhập không thể ở trong tình trạng bấp bênh, vì bấp bênh thì sẽ đổ vỡ kế hoạch chung của Nhà nước.

3. Phải nắm kế hoạch ngoại hối, hết sức tiết kiệm trong việc sử dụng ngoại hối và phải cố gắng tích lũy ngoại hối.

Trong điều kiện còn có quan hệ buôn bán với các nước tư bản thì ta còn cần ngoại hối. Ngoại hối là đồng tiền mạnh có thể dùng để mua hàng ở nhiều nước, là vàng dự trữ, cho nên phải tìm cách tích lũy và hết sức tiết kiệm trong việc sử dụng. Do nguồn ngoại hối thu vào và chi ra nhiều nhất trên hoạt động ngoại thương, cho nên bản thân ngành ngoại thương phải có kế hoạch ngoại hối tỉ mỉ. Kế hoạch này phải xây dựng đồng thời với kế hoạch xuất nhập hàng hoá, vì nó là một bộ phận khăng khít của kế hoạch ngoại thương. Những hàng mà các nước anh em gặp khó khăn không có khả năng cung cấp, ta phải mua ở thị trường tư bản thì phải chuẩn bị ngoại hối để đảm bảo nhập cho được. Do đó trong kế hoạch xuất khẩu, ta phải dành riêng một số hàng để bán lấy ngoại hối. Về phần

tiết kiệm trong việc sử dụng ngoại hối, Bộ Ngoại thương phải xét kỹ các đơn hàng nhập, kiên quyết không dùng ngoại hối để nhập những hàng chưa cần thiết lắm hoặc những loại hàng cần thiết nhưng nhu cầu chưa khẩn trương.

4. Quản lý kinh doanh.

Cũng như các ngành quản lý kinh tế khác, ngành ngoại thương phải đặc biệt chú trọng đến vấn đề quản lý kinh doanh. Kế hoạch xuất nhập khẩu của ngành ngoại thương rất lớn. Nếu kể cả việc tiếp nhận hàng viện trợ, nó càng lớn hơn. Bộ Ngoại thương phải nắm vững các công việc trọng yếu, chỉ đạo kịp thời.

Quản lý kinh doanh trước hết phải xuất phát từ việc thực hiện đúng kế hoạch xuất nhập hàng hoá, kế hoạch vận tải, kế hoạch tài vụ, kế hoạch ngoại hối, kế hoạch tích lũy vốn cho nhà nước, phải nắm vững chính sách, nắm vững tình hình giá cả trên thị trường quốc tế, theo dõi việc đàm phán và ký kết hợp đồng, phải đấu tranh chống mọi lãng phí xảy ra trên quá trình lưu thông hàng hoá; phải đảm bảo việc giao nhận cho đúng để tránh những việc bồi thường làm thiệt hại tài sản nhà nước và giảm uy tín của ta trong việc buôn bán quốc tế.

Hiện nay, theo chế độ quản lý tài chính của Nhà nước, phần tích lũy thu trên khâu ngoại thương rất lớn. Bộ Ngoại thương, các cục, sở, các tổng công ty trực thuộc Bộ Ngoại thương phải hết sức quan tâm đến việc quản lý tài sản, quản lý kinh doanh, coi đó là một nhiệm vụ trọng yếu của Đảng và Chính phủ giao cho mình, một nhiệm vụ không phải chỉ có mục đích kinh tế, mà còn có ý nghĩa chính trị rất lớn mà chúng ta phải ra sức thực hiện cho tốt.

VI- VỀ TỔ CHỨC VÀ LỀ LỐI LÀM VIỆC

Công tác ngoại thương ngày càng lớn, quan hệ đối ngoại ngày càng phức tạp. Để hoàn thành nhiệm vụ trong hoàn cảnh mới, cần phải kiện toàn và củng cố tổ chức ngoại thương, chấn chỉnh lề lối làm việc.

1. Việc kiện toàn tổ chức nhằm làm cho bộ máy ngoại thương có đủ khả năng và quyền hạn quản lý công tác ngoại thương một cách chặt chẽ và đúng đắn.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Bộ Ngoại thương có trách nhiệm thống nhất quản lý công tác ngoại thương. Các đơn hàng xuất khẩu, các việc giao dịch thương lượng mua bán trao đổi với ngoài, đều tập trung vào Bộ Ngoại thương hoặc phải thông qua sự quản lý của Bộ Ngoại thương. Làm như vậy vừa để đảm bảo đường lối chính sách ngoại thương, vừa để bảo hộ lợi ích kinh tế của Nhà nước.

Bộ máy ngoại thương nói chung phải được tăng cường và củng cố, từ các bộ phận theo dõi thực hiện chính sách đến các bộ phận quản lý kế hoạch, quản lý kinh doanh, chỉ đạo nghiệp vụ, v.v.. Cần chuyên nghiệp hoá một cách thích hợp các tổ chức kinh doanh trực tiếp (Tổng công ty xuất nhập) và các tổ chức phục vụ công tác kinh doanh (Cục vận tải đối ngoại, Cục kiểm nghiệm hàng hoá). Cần tăng cường các cơ quan thương vụ ở nước ngoài và cần có bộ phận uỷ nhiệm về ngoại thương (Phòng giao dịch ngoại thương, Sở quản lý ngoại thương) ở những địa phương xét ra cần thiết để phát hiện các mặt hàng xuất khẩu, đề ra chủ trương khai thác thu mua, ký kết hợp đồng với các công ty nội địa, hợp tác xã, nông trường, hướng dẫn quy cách chế biến, đôn đốc và theo dõi việc tập trung hàng tới cảng.

Để kiện toàn tổ chức, cần phải tăng cường cán bộ cả về số lượng lẫn chất lượng. Cán bộ ngoại thương phải có lập trường tư tưởng vững, trình độ chính trị tương đối khá, kiến thức nghiệp vụ cần thiết và có một trình độ văn hoá nhất định. Vì thế, một mặt cần giáo dục, đào tạo cán bộ ở trong ngành, một mặt cần điều chỉnh cán bộ để bổ sung thêm cho ngành ngoại thương.

Trong việc giáo dục, đào tạo cán bộ, cần coi trọng việc củng cố lập trường, tư tưởng (bồi dưỡng tinh thần quốc tế vô sản trong quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, nâng cao ý thức đấu tranh và tinh thần cảnh giác chính trị trong quan hệ với các nước tư bản), cần tổ chức học tập một cách có kế hoạch về chính trị, văn hoá, nghiệp vụ. Chính trị, văn hoá đối với công tác ngoại thương đặc biệt cần thiết. Nó có tác dụng nâng cao kiến thức và trình độ nghiệp vụ. Nghiệp vụ ngoại thương không những là nghiệp vụ kinh tế mà còn là nghiệp vụ ngoại giao; không có kiến thức và trình độ, nghiệp vụ thì không thể làm tốt công tác mà mình phụ trách. Do đó, ngành ngoại thương cần phải có kế hoạch đào tạo cán bộ lâu dài; mở lớp bổ túc cán bộ, xây dựng trường ngoại thương chính quy (từ trung cấp tiến dần lên đại học) và cử học sinh đi học ở các nước anh em.

2. Tăng cường tổ chức và cán bộ phải đi đôi với việc chấn chỉnh lề lối làm việc và quan hệ công tác, làm cho công tác quản lý ngoại thương ngày một tốt hơn, kết quả của công tác ngoại thương của ta ngày một lớn hơn, uy tín của ngoại thương của ta ngày một nâng cao.

- Giữa Bộ Ngoại thương và các cơ quan đặt hàng và cung cấp hàng phải triệt để thi hành chế độ hợp đồng, tôn trọng những điều cam kết, nhất là về số lượng, quy cách, phẩm

chất, thời gian giao hàng, v.v.. Việc rút hoặc thay đổi những đơn hàng xuất và nhập đã ký kết không được tùy tiện, vì đó là một hiệp định quốc tế mà nước ta đã ký kết và có trách nhiệm phải thi hành.

- Về mặt quan hệ với ngoài, nguyên tắc thống nhất quản lý ngoại thương phải được đảm bảo và thông suốt trong các ngành. Cần tránh tất cả mọi việc giao dịch "tắt" với các cơ quan thương vụ nước ngoài hoặc chỉ thị cho cơ quan thương vụ của ta ở nước ngoài mà không thông qua Bộ Ngoại thương. Như vậy mới tránh được những chuyện phức tạp, khó khăn trong quan hệ giữa ta với ngoài, mặt khác mới đảm bảo được tốt việc quản lý tài sản của Nhà nước.

KẾT LUẬN

Miền Bắc nước ta đang ở trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đồng thời với nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa các thành phần kinh tế cá thể nông nghiệp, thủ công nghiệp và thành phần công thương nghiệp tư bản tư doanh, chúng ta phải ra sức xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, *cụ thể* là phải ra sức đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, dần dần thực hiện công nghiệp hoá nước nhà.

Do tình trạng lạc hậu về kinh tế, việc xây dựng công nghiệp của nước ta muốn thúc đẩy mau chóng, không thể dựa vào những cơ sở công nghiệp yếu ớt hiện có của chúng ta. Con đường công nghiệp hoá của ta phải xuất phát từ chỗ lợi dụng những tài nguyên phong phú về nông sản, lâm sản, khoáng sản và hàng thủ công đồ lầy máy móc, thiết bị, kỹ thuật, mặt khác phải dựa vào sự giúp đỡ của các nước anh em. Cả hai mặt này đều thực hiện qua công tác ngoại thương,

một công tác rất trọng yếu, nhằm thúc đẩy sự chuyển biến một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp hiện đại. Nước ta, một nước tiến theo con đường chủ nghĩa xã hội không thể đóng cửa, bo bo về kinh tế. Các nước xã hội chủ nghĩa anh em cũng vậy, chưa bao giờ co mình lại. Ngay từ lúc Liên Xô mới thành lập, Lênin và Xtalin đã kịch liệt phản đối sự bo bo về kinh tế và đã chủ trương phải phát triển ngoại thương. Lênin và Xtalin coi ngoại thương như là một nhân tố trọng yếu để phát triển sản xuất xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hoá nước nhà.

Đứng trên vị trí "nối liền kinh tế trong nước với kinh tế nước ngoài", đối tượng hoạt động của ngoại thương là thị trường thế giới, nhưng đối tượng phục vụ ngoại thương lại là các ngành sản xuất và xây dựng bên trong. Động lực của ngoại thương tức là các nguồn vật tư trong nước huy động cho xuất khẩu. Do đó, công tác ngoại thương làm tốt phải do toàn thể các ngành kinh tế trong nước hiệp sức giúp đỡ; trước hết là các ngành nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, vận tải. Các cấp uỷ đảng và chính quyền địa phương phải quan tâm đến công tác ngoại thương, cụ thể là phải *giáo dục và động viên toàn thể nhân dân ra sức đẩy mạnh sản xuất những hàng có giá trị xuất khẩu, phải săn sóc đến việc thu mua và chế biến các hàng đó, phải tuyên truyền và giải thích cho quần chúng tiết kiệm tiêu dùng những hàng có thể tiết kiệm để dành cho xuất khẩu*. Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, ở trong tình thế bị chủ nghĩa tư bản thế giới bao vây, nhân dân Liên Xô trước đây đã phải lao động quên mình, ra sức tiết kiệm, góp nhặt từng đồng và đem những sản phẩm quý của mình đi đổi lấy máy móc, thiết bị để xây dựng công nghiệp, thực hiện mau chóng sự độc lập về kinh

tế, thoát khỏi sự phụ thuộc vào hệ thống tư bản chủ nghĩa. Ngày nay, tuy ở trong điều kiện thuận lợi, các nước anh em giúp đỡ, không bị khó khăn như Liên Xô ngày trước, nhưng chúng ta không được phép quên rằng: *chúng ta phải cần cù lao động ra sức tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng nước nhà*. Chẳng những thế, chúng ta còn phải nhớ kỹ: là một thành viên của phe xã hội chủ nghĩa, *chúng ta không phải chỉ một chiều mong đợi sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, mà phải biết góp phần vào sự phát triển kinh tế của các nước anh em khác, củng cố lực lượng của toàn thể phe xã hội chủ nghĩa*.

Bởi vậy, chúng ta phải phát triển ngoại thương, làm tốt công tác ngoại thương, thực hiện tốt việc mở rộng và tăng cường quan hệ kinh tế với các nước, trước hết là các nước anh em.

Ngành ngoại thương phải quán triệt nhiệm vụ của mình, nắm vững đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ, nắm vững những công tác chủ yếu đề ra và được sự giúp đỡ của Đảng và của các ngành kinh tế khác, phải ra sức cải tiến công tác, kiện toàn tổ chức, giáo dục và đào tạo cán bộ để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân mà Hội nghị Trung ương lần thứ 14 đã đề ra.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 102-CT/TW, ngày 15-9-1959

Về vấn đề tuyên truyền chống Mỹ đang gây tình hình căng thẳng ở eo biển Đài Loan và kiên quyết ủng hộ nhân dân Trung Quốc đấu tranh giải phóng Đài Loan và các quần đảo thuộc lãnh thổ của Trung Quốc

Sau khi cuộc can thiệp vũ trang của Mỹ vào các nước Ả-rập bị thất bại, đế quốc Mỹ giúp đỡ và xúi giục bọn Tưởng Giới Thạch tăng cường khiêu khích, quấy rối và phá hoại lực địa Trung Quốc. Đồng thời đế quốc Mỹ tập trung thêm quân đội tăng cường cho hạm đội thứ 7 của Mỹ đang đóng ở eo biển Đài Loan và Mỹ trực tiếp mở rộng xâm chiếm Đài Loan tới các đảo ven biển Kim Môn và Mã Tổ. Hành động nói trên của Mỹ nhằm khiêu khích nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, ngăn cản cuộc đấu tranh của nhân dân Trung Quốc giải phóng Đài Loan, quần đảo Bành Hồ và các đảo Kim Môn, Mã Tổ ở ven biển, gây tình hình căng thẳng, đe dọa hoà bình ở Viễn Đông. Tình hình nói trên có ảnh hưởng trực tiếp đến nền hoà bình và độc lập của Việt Nam.

Trước tình hình nghiêm trọng đó, Ban Bí thư chủ trương mở một cuộc vận động tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân

hưởng ứng bản tuyên bố của Thủ tướng Chu Ân Lai, bức thư ngày 7-9 của đồng chí Khơ-rút-xốp gửi Tổng thống Mỹ, ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Trung Quốc, đẩy mạnh thêm một bước phong trào chống Mỹ của nhân dân ta.

I- MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG

1. Làm cho nhân dân ta thấy rõ tính chất nghiêm trọng của hành động gây chiến của đế quốc Mỹ ở eo biển Đài Loan đang đưa thế giới đến nguy cơ chiến tranh mới.

2. Làm cho nhân dân ta hiểu rõ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Trung Quốc, nâng cao tinh thần quốc tế vô sản để cùng sát cánh với nhân dân Trung Quốc và nhân dân các nước khác trong phe xã hội chủ nghĩa chống mưu mô can thiệp của đế quốc Mỹ vào Trung Quốc.

3. Nâng cao thêm một bước lòng căm thù đế quốc Mỹ của nhân dân ta trong phong trào chống Mỹ đang tiến hành trong nước, đẩy mạnh tinh thần hăng hái thi đua sản xuất và làm mọi nhiệm vụ củng cố miền Bắc làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

4. Nâng cao tinh thần cảnh giác của nhân dân ta đối với Mỹ và bè lũ tay sai ở miền Nam, để sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu của địch.

5. Khắc phục tư tưởng sợ Mỹ, trong một số người trong nhân dân ta. Làm cho nhân dân ta hiểu rõ Mỹ chỉ là một con hổ giấy, lực lượng phe xã hội chủ nghĩa đã hơn hẳn lực lượng phe đế quốc, nếu đế quốc Mỹ dám liều lĩnh gây chiến tranh thì nhân dân thế giới sẽ đánh cho chúng những đòn quyết liệt.

II- NỘI DUNG

1. Giáo dục và giải thích rõ Đài Loan, quần đảo Bành Hồ và các đảo Kim Môn, Mã Tổ là lãnh thổ của Trung Quốc. Cuộc đấu tranh giải phóng các đảo đó của nhân dân Trung Quốc là rất chính đáng.

2. Vạch trần mọi luận điệu xuyên tạc và hành động vũ trang can thiệp của Mỹ vào Kim Môn, Mã Tổ là can thiệp vào nội bộ Trung Quốc.

3. Tố cáo những hành động khiêu khích của đế quốc Mỹ ở vùng eo biển Đài Loan là gây tình hình căng thẳng ở Viễn Đông và thế giới.

4. Giải thích rõ vấn đề tranh chấp quốc tế giữa Mỹ và Trung Quốc về vấn đề Đài Loan và việc nội bộ của nhân dân Trung Quốc giải phóng lãnh thổ của mình là hai việc tính chất hoàn toàn khác nhau.

III- NHỮNG VIỆC LÀM CỤ THỂ

1. Việt Nam Thông tấn xã, đài phát thanh và các báo chí của ta luôn luôn theo dõi vấn đề eo biển Đài Loan để có những xã luận, bình luận, tin tức ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Trung Quốc.

2. Ở Hà Nội tổ chức mít tinh lớn do Mặt trận Tổ quốc Trung ương, Ủy ban đoàn kết Á - Phi và Hội Việt - Trung hữu nghị chủ trì (cần huy động đông người hơn những lần vận động chống Mỹ trước, có kiến nghị và đi tuần hành). Ở các thành phố và các thị trấn khác họp mít tinh quần chúng tuần hành và ra kiến nghị (do Mặt trận Tổ quốc chủ trì).

Ở vùng có đông giáo dân, cần nghiên cứu kế hoạch tuyên truyền để đập tan những luận điệu xuyên tạc của những phần tử phá hoại gây tâm lý sợ Mỹ, sợ chiến tranh.

3. Ở các công trường, xí nghiệp, trường học, đơn vị sản xuất, cơ quan thì tùy theo hoạt động sản xuất và công tác của mình dùng hình thức họp ngắn sau giờ làm việc để phổ biến tuyên truyền và làm kiến nghị; đồng thời phát động thi đua đẩy mạnh sản xuất để thiết thực ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Trung Quốc.

4. Các chính đảng, các đoàn thể, đơn vị quân đội tổ chức nói chuyện, ra tuyên bố và kiến nghị gửi sang các chính đảng, đoàn thể, đơn vị quân đội Trung Quốc. Vận động các anh hùng chiến sĩ, các nhân sĩ tổ thái độ ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Trung Quốc.

5. Kết hợp với những ngày lễ gần đây của ta (ngày Nam Bộ kháng chiến 23-9, ngày Quốc khánh Trung Quốc 1-10...) tiếp tục tuyên truyền vận động sâu rộng trong nhân dân.

IV- THỜI GIAN

Sau khi nhận được Chỉ thị này, tùy theo tình hình từng địa phương mà mở một cuộc họp để phát động phong trào, sau đó theo dõi tình hình phát triển ở eo biển Đài Loan để mở những cuộc họp.

*

* *

Ban Tuyên huấn Trung ương cung cấp đầy đủ tài liệu

tuyên truyền về vấn đề này cho các tỉnh thực hiện tốt cuộc vận động này.

Các cấp uỷ đảng, các ngành trực thuộc Trung ương nghiên cứu Chỉ thị này và đặt kế hoạch thực hiện kịp thời.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 265-TT/TW, ngày 17-9-1959

Về việc tạm hoãn công tác điều tra dân số

Công tác điều tra dân số có tầm quan trọng đặc biệt và rất cần thiết đối với công tác quản lý nhà nước, lập kế hoạch dài hạn, và nhiều công tác khác. Nó là một cuộc vận động quần chúng rộng lớn, phức tạp, khó khăn. Vì vậy, Trung ương và Chính phủ đã quyết định phải làm năm nay và đã đặt nó là công tác trung tâm đột xuất trong một thời gian nhất định từ nay cho đến khoảng trung tuần tháng 10-1959, để tập trung lãnh đạo, tập trung lực lượng hoàn thành cho tốt.

Nhưng trong phiên họp 13-9 vừa qua, Bộ Chính trị đã xét lại tình hình công tác toàn bộ hiện nay của các cấp các ngành, nhận thấy hiện nay các cấp các ngành bận rất nhiều công tác lớn, đặc biệt là hai công tác sản xuất và vận động đổi công hợp tác ở nông thôn đang đòi hỏi rất nhiều cố gắng và phải đảm bảo làm cho kịp thời vụ. Vì vậy, đã quyết định tạm hoãn công tác điều tra dân số đến đầu năm 1960 (thời gian tiến hành sẽ thông tri sau), như thế để hiện nay có thể tập trung lãnh đạo và lực lượng làm tốt

công tác sản xuất và vận động đổi công hợp tác, đồng thời cũng để sau này khi tiến hành công tác điều tra dân số thì công tác ấy cũng có thể làm tốt, nhanh, gọn, đảm bảo thu kết quả mong muốn.

Quyết nghị này đã được thông tri cho các cấp các ngành ở Hội nghị tổng kết công tác vận động hợp tác hoá nông nghiệp do Trung ương triệu tập, nay Ban Bí thư quyết định nhắc lại mấy điểm như sau:

1. Các cấp, các ngành cần nhận rõ vì sao tạm hoãn công tác điều tra dân số, sau đó phải giải thích kỹ cho cán bộ, nhất là cho các cán bộ đã được học tập và điều động đi làm công tác điều tra dân số để tránh tình trạng hiểu sai lý do tạm hoãn, cho là công tác điều tra dân số không quan trọng, không cấp thiết, ảnh hưởng đến chấp hành nghị quyết điều tra dân số sau này.

2. Đối với các việc đã làm từ trước đến nay để chuẩn bị cho công tác điều tra dân số, cũng cần kiểm điểm, rút kinh nghiệm xem ưu khuyết điểm những gì để phát huy, khắc phục ngay, hoặc sau này khi nào làm thì phát huy, khắc phục. Đối với các cán bộ đã điều động cho công tác điều tra dân số thì phần lớn sẽ trả về cơ quan hoặc giao cho công tác khác cần thiết. Nhưng cần giữ lại một số để tiếp tục chuẩn bị những việc cần thiết. Đối với cán bộ đã được học tập, cần ghi lại danh sách để sau này dùng. Đối với ngành thống kê, cần chú trọng kiện toàn.

3. Đối với các tài liệu về điều tra dân số đã phát đi các nơi, cần chú ý thu hồi, tập trung và bảo quản tốt ở cấp tỉnh, khu, thành phố. Và thu hồi các khoản tiền ứng trước, thanh

toán chỉ tiêu (Ban chỉ đạo điều tra dân số TW sẽ có hướng dẫn cụ thể).

Đề nghị các cấp uỷ, các ngành chú ý thi hành các chỉ thị trên của Ban Bí thư.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 161-CT/TW, ngày 18-9-1959

Về việc thảo luận bản dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình

Chế độ hôn nhân và gia đình trước đây dựa trên cơ sở quan hệ sản xuất phong kiến; nó là chế độ hôn nhân cưỡng ép, trọng nam khinh nữ, coi rẻ quyền lợi của con cái. Từ sau Cách mạng Tháng Tám, vấn đề hôn nhân và gia đình đã có nhiều chuyển biến tốt: Hiến pháp năm 1946 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã công nhận quyền bình đẳng giữa nam và nữ. Tiếp theo đó, Sắc lệnh số 97-SL (ngày 22-5-1950) và Sắc lệnh số 159-SL (ngày 17-11-1950) đã tuyên bố nguyên tắc bình đẳng giữa vợ chồng trong gia đình và xoá bỏ một số luật lệ cũ cản trở cho việc hôn nhân tự do. Ở nông thôn, cải cách ruộng đất hoàn thành đã phá vỡ cơ sở của chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến. Chế độ hôn nhân và gia đình mới, một vợ một chồng, nam nữ bình đẳng đã bắt đầu phát triển trong hàng ngũ cán bộ, bộ đội, công nhân và một bộ phận nam nữ thanh niên tiên tiến ở nông thôn và thành thị.

Nhưng đó mới chỉ là những tiến bộ bước đầu. *Chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến không thể tuỳ theo sự tiêu diệt*

của chế độ chính trị phong kiến và cơ sở kinh tế phong kiến mà đồng thời tiêu diệt được. Tư tưởng phong kiến và ảnh hưởng của chế độ hôn nhân, gia đình phong kiến vẫn còn nặng nề trong nhân dân ta; nạn tảo hôn, ép hôn, lấy vợ lẽ, tình trạng không dân chủ trong gia đình vẫn còn luôn luôn xảy ra, nhất là ở nông thôn, miền núi và những nơi tập trung đông bào Thiên chúa giáo.

Tình hình lạc hậu đó ảnh hưởng rất không tốt đến đời sống hạnh phúc và tinh thần phấn khởi sản xuất của nhân dân, đến trật tự xã hội, nó mâu thuẫn với việc giải phóng sức lao động của phụ nữ, nó cản trở một phần không nhỏ đến sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Để tiến tới xoá bỏ tận gốc chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến, việc xây dựng một đạo luật hôn nhân và gia đình mới làm cơ sở pháp lý cho nhân dân đấu tranh xoá bỏ ảnh hưởng tư tưởng phong kiến là rất cần thiết. Quốc hội trong khoá họp thứ 10 (5-1959) đã quyết định đưa bản dự luật này ra trưng cầu ý kiến của nhân dân trước khi Quốc hội thông qua chính thức.

Ban hành Luật Hôn nhân và gia đình mới là một việc rất quan trọng, có quan hệ đến tình cảm, tâm lý, phong tục tập quán lâu đời của nhân dân. Thực hiện Luật Hôn nhân và gia đình mới thực chất là tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Bắc trên lĩnh vực văn hoá và tư tưởng, là tiến hành một cuộc đấu tranh giữa tư tưởng tiến bộ và tư tưởng lạc hậu trong nội bộ nhân dân. Nhưng trong cán bộ, đảng viên, trình độ lý luận và quan điểm hôn nhân, gia đình xã hội chủ nghĩa nói chung còn thấp, tuy mức độ có khác nhau; một số lớn đồng chí còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến, tư tưởng tư sản, cho nên

trong cách xử lý vấn đề hôn nhân và gia đình chưa thể hiện đúng nhân sinh quan cách mạng.

Vì vậy, Ban Bí thư quyết định, trước khi đưa bản dự luật ra trưng cầu ý kiến trong nhân dân và đưa ra Quốc hội chính thức thông qua, cần tổ chức cho cán bộ của Đảng và Nhà nước, cán bộ các đoàn thể, cán bộ trong quân đội và toàn thể đảng viên *tiếp tục thảo luận để thấm nhuần tinh thần của bản dự luật và góp thêm ý kiến cho bản dự luật được hoàn chỉnh.*

Các cấp uỷ, các đảng đoàn cần nghiên cứu kỹ mục đích, yêu cầu thảo luận bản dự luật và những điểm hướng dẫn sau đây:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU THẢO LUẬN

1. Bước đầu làm cho cán bộ, đảng viên phân rõ ranh giới giữa chế độ hôn nhân, gia đình mới và chế độ hôn nhân, gia đình phong kiến, thấy rõ tính chất cách mạng của bản dự luật, trên cơ sở đó góp ý kiến xây dựng một đạo luật hôn nhân và gia đình thực sự tiến bộ, phù hợp với ý chí, nguyện vọng của nhân dân.

2. Xác định chế độ hôn nhân và gia đình mới đem lại quyền lợi và hạnh phúc cho mọi người; giải phóng thanh niên nam nữ khỏi sự ràng buộc của tư tưởng phong kiến; giải phóng phụ nữ khỏi mọi sự áp bức, bất bình đẳng; xây dựng quan hệ gia đình dân chủ, hoà thuận, hạnh phúc, đảm bảo nòi giống được lành mạnh; làm cho mọi người phấn khởi lao động sản xuất và học tập, phù hợp với yêu cầu phát triển của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

3. Nắm vững tinh thần bản dự luật để chuẩn bị tổ chức

học tập rộng rãi trong nhân dân cho tốt, đồng thời chú ý đập tan mọi luận điệu phản tuyên truyền của địch.

II- PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH

1. Tổ chức thảo luận, nhất thiết phải làm từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng (ở xã có thể tiến hành hội nghị đảng, quân, dân, chính để cho kịp thời gian).

- Trung ương sẽ triệu tập Hội nghị gồm đại biểu các khu uỷ, thành uỷ, tỉnh uỷ, các đảng đoàn thanh niên, phụ nữ, công đoàn ở trung ương, đại biểu các ngành chung quanh trung ương, các cán bộ phụ trách thanh niên, phụ nữ, công đoàn, tư pháp khu, thành, tỉnh để phổ biến ý nghĩa, mục đích, tính chất và nội dung của dự luật, trưng cầu ý kiến của cán bộ bổ sung vào dự luật; thảo luận cách tiến hành trưng cầu ý kiến ở các cấp và nhiệm vụ của các ngành.

- Tỉnh triệu tập hội nghị gồm đại biểu các huyện, thị uỷ, cán bộ phụ trách thanh niên, phụ nữ, công đoàn, tư pháp huyện, đại biểu các ngành chung quanh tỉnh. Yêu cầu và nội dung hội nghị cũng như ở trung ương.

- Huyện triệu tập hội nghị gồm đại biểu chi uỷ, các ngành chung quanh huyện. Nội dung hội nghị này như ở hội nghị tỉnh; đặc biệt chú trọng thảo luận cách tiến hành ở xã.

- Xã mở hội nghị liên tịch đảng, chính (hội đồng nhân dân, uỷ ban hành chính...), dân, quân, để giải thích ý nghĩa, mục đích, tính chất quan trọng và nội dung của dự luật; hướng dẫn giải quyết những thắc mắc chính trong nhân dân.

2. Việc phổ biến và trưng cầu ý kiến của cán bộ, đảng viên đối với bản dự luật này cần kết hợp chặt chẽ với các công tác khác và sẽ tiến hành *từ nay đến 20 tháng 10 năm 1959*,

cho kịp trước khi công bố bản dự luật. (Khi cấp huyện triệu tập hội nghị thì các báo chí bắt đầu giải thích ý nghĩa của dự luật và hướng dẫn dư luận quần chúng về dự luật. Khi xã tổ chức hội nghị thì báo chí bắt đầu công bố dự luật và tiếp tục hướng dẫn dự luật và hành động của quần chúng đối với dự luật).

3. Đảng đoàn Bộ Tư pháp viết tài liệu giải thích về ý nghĩa của dự luật để phục vụ cho hội nghị ở xã và chuẩn bị những văn kiện chính thức cần thiết cho việc ban hành đạo luật (sau khi Quốc hội thông qua).

4. Các đoàn thể quần chúng, các cơ quan, xí nghiệp, quân đội, trường học... cần chuẩn bị kế hoạch tuyên truyền, giáo dục quần chúng trong tổ chức mình và trong nhân dân khi Luật Hôn nhân và gia đình được ban hành.

III- VẤN ĐỀ TỔ CHỨC VÀ LÃNH ĐẠO

Các cấp uỷ cần coi trọng đợt phổ biến dự luật và trưng cầu ý kiến này, tránh làm qua loa cho xong chuyện, hoặc chỉ khoán trắng cho ngành tư pháp và các đoàn thể; cần phân công cho các đồng chí cấp uỷ viên phụ trách mặt trận trực tiếp chịu trách nhiệm trước cấp uỷ.

Ở trung ương, do Ban mặt trận phụ trách, và đồng chí Thập, đồng chí Xuân Thuỷ sẽ chịu trách nhiệm trước Trung ương.

Khi tiến hành thảo luận trong cán bộ và đảng viên, cũng như khi tổ chức học tập đạo luật trong quần chúng, cần chú ý không để những phần tử xấu có thể gây ra những việc rắc rối về hôn nhân và gia đình ảnh hưởng xấu đến phong trào sản xuất.

*

* *

Ban hành Luật Hôn nhân và gia đình là một việc có ý nghĩa cách mạng. Việc tổ chức thảo luận, trưng cầu ý kiến, học tập trong cán bộ và nhân dân lại tiến hành trong những tháng cuối năm, công việc nhiều. Vì vậy, các cấp uỷ phải kết hợp với các công tác trước mắt, thực hiện Chỉ thị này một cách tích cực, gọn, tốt và báo cáo kết quả để Ban Bí thư biết. Báo cáo sẽ gửi về Văn phòng Trung ương, đồng gửi Ban Mặt trận Trung ương, chậm nhất là đầu tháng 11-1959.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 162-CT/TW, ngày 18-9-1959

Về việc chi tiêu cho công tác hợp tác hoá nông nghiệp

Hợp tác hoá nông nghiệp là một vấn đề trọng yếu trong toàn bộ công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Để tiến hành cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp thắng lợi, chủ yếu là Đảng và Nhà nước phải phát huy được đầy đủ tinh thần cần kiệm xây dựng hợp tác xã của nông dân, đồng thời Đảng và Nhà nước phải chi tiêu một số tiền khá lớn để giúp đỡ phong trào hợp tác hoá.

Việc chi tiêu cần phải đúng mức, đúng hướng, đưa lại kết quả nhiều nhất cho phong trào. Muốn vậy, các cấp, các ngành cần nắm vững mấy điểm sau đây:

1. *Quán triệt tinh thần Nhà nước phải hết sức giúp đỡ hợp tác xã; hướng chi tiêu cho công cuộc hợp tác hoá nông nghiệp.*

Hợp tác hoá nông nghiệp là một cuộc vận động cách mạng rộng lớn của quần chúng nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, chỉ có quần chúng nông dân tự giác, tự nguyện, nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, phấn đấu gian khổ, ra

sức cần kiệm xây dựng hợp tác xã thì hợp tác hoá nông nghiệp mới có thể thắng lợi.

Song, một quan hệ sản xuất mới muốn được củng cố và phát triển phải được sự giúp đỡ tích cực của một giai cấp nhất định. Vì vậy, mà Đảng và Nhà nước phải hết sức giúp đỡ các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp của nông dân về mọi mặt.

Đi đôi với việc ban bố những chính sách nhằm giúp đỡ cho phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ngày càng phát triển và củng cố, Nhà nước cần phải bỏ một số vốn khá lớn vào việc trực tiếp giúp đỡ cho các hợp tác xã nâng cao khả năng quản lý, khả năng sản xuất, như: đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản trị, cán bộ kỹ thuật, cải tiến công cụ sản xuất, cải tiến kỹ thuật canh tác, v.v..

Hiện nay những chi phí của Nhà nước đầu tư vào nông nghiệp như chi phí cho công tác thuỷ lợi, phân bón, giống mạ, cải tiến nông cụ..., các chính sách cho vay vốn, thu thuế, thu mua... đều phải nhằm giúp đỡ hợp tác xã sản xuất nông nghiệp phát triển và củng cố, những món chi phí về các mặt này rất lớn và rất cần thiết. Việc tổ chức nông dân cá thể lại thành các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp chỉ mới là bước đầu; trên cơ sở hợp tác hoá, yêu cầu của phát triển sản xuất nông nghiệp đòi hỏi sự giúp đỡ của Nhà nước đối với các hợp tác xã ngày càng to lớn hơn.

Vì vậy cần nắm vững phương hướng chính trong việc chi tiêu cho công tác hợp tác hoá nông nghiệp là tích cực giúp đỡ cho nông dân tập thể có thêm điều kiện phát huy khả năng tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng hợp tác xã, các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp phát triển được sản xuất. Các khoản chi phí về hành chính như chi phí cho công tác chỉ

đạo, cho bộ máy chỉ đạo cần phải hết sức tiết kiệm, chặt chẽ, để dồn được nhiều khả năng vào phương hướng chính.

2. Cần nắm vững nguyên tắc chỉ tiêu và tính chất các món chi để lập dự trù cho sát.

Trước hết, cần nhận thức đúng: hợp tác hoá là công tác trọng tâm của Đảng và Nhà nước trong lúc này, và gắn liền với sản xuất, để bố trí sử dụng được mọi lực lượng, phương tiện sẵn có của cơ quan đảng và nhà nước phục vụ công tác đó; luôn luôn chú ý dành ưu tiên cho nó, chứ không đặt nó ra ngoài sự hoạt động chung của bộ máy đảng và nhà nước.

Do đó, mọi chi tiêu cho công tác hợp tác hoá phải theo đúng nguyên tắc thể lệ tài chính hiện hành.

Những chi tiêu cho phong trào hợp tác hoá chia làm ba loại như sau:

a) Loại thứ nhất thuộc chi tiêu phục vụ cho các cơ quan và cán bộ chỉ đạo phong trào; đối với loại này chủ yếu là dựa vào kinh phí hành chính thường xuyên của các cơ quan đảng và nhà nước. Phải tận dụng cơ sở sẵn có của các cơ quan; tránh xây dựng và mua sắm thêm; gặp trường hợp thật cần thiết phải mua sắm thêm thì phải theo nguyên tắc, chế độ, tiêu chuẩn chung mà giải quyết với tinh thần hết sức tiết kiệm và chi tiêu thật chặt chẽ; kinh phí thuộc cơ quan nào xuất thì sau này những phương tiện đã sắm sẽ do cơ quan đó tiếp tục sử dụng lâu dài.

Cần dựa hẳn vào chi bộ và cán bộ xã để xây dựng hợp tác xã, không nên điều động cán bộ từ xã này sang xã khác xây dựng hợp tác xã. Khi cần thiết phải có cán bộ giúp đỡ chi bộ ở các nơi kém, thì chú ý điều động và sử dụng cán bộ trong biên chế ở địa phương là chính. Đối với miền núi, ở những nơi

cơ sở xã còn quá yếu, cần phải có cán bộ về giúp đỡ thì có thể điều cán bộ nơi khác đến nhưng phải là cán bộ khá.

b) Loại thứ hai là chi phí về tuyên truyền, giáo dục, đào tạo cán bộ. Trong loại này, các chi phí về công tác huấn luyện sẽ căn cứ vào các quy định chung và kế hoạch của địa phương mà điều chỉnh. Điều cần chú ý trước tiên là phải có một số kinh phí để giúp đỡ phần nào về sinh hoạt cho các xã viên thoát ly sản xuất đi học và cung cấp các tài liệu cần thiết cho học viên, cho cán bộ, cho các hợp tác xã.

Bố trí lớp cần tránh trường hợp phải mất thì giờ đi lại nhiều và tốn kém; cần bố trí thế nào có lợi cho công tác, lợi thời giờ và tiết kiệm được chi tiêu. Mặt khác, cần chú ý đến sự giúp đỡ của nhân dân, chú ý phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng hợp tác xã của xã viên.

Nói chung cả hai loại chi tiêu trên đây đều thuộc về tổng dự toán địa phương. Các cấp uỷ đảng có trách nhiệm lãnh đạo cơ quan chính quyền điều chỉnh dự trù kinh phí theo phương hướng nói trên. Phần nào không thể sắp xếp, điều chỉnh được trong phạm vi tổng dự toán địa phương thì báo cáo lên Trung ương xét.

c) Loại thứ ba là giúp đỡ hợp tác xã về phân bón, nông cụ, máy móc, v.v..

Loại chi phí này là phương hướng chính của vấn đề chi tiêu cho phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Nó rất lớn và cần có những quy định cụ thể. Ban Công tác nông thôn Trung ương cùng một số cơ quan có liên quan nghiên cứu và trình Trung ương Đảng và Chính phủ xét duyệt sớm.

Trên đây là những phương hướng và nguyên tắc chung về chi tiêu phục vụ hợp tác hoá, các địa phương cần nắm vững để làm căn cứ dự trù cho năm nay và năm 1960.

Trong dịp điều chỉnh dự toán năm 1959 vừa qua, nhiều địa phương lập dự trù không đúng với phương hướng và nguyên tắc chi tiêu kể trên. Do đó, có tình trạng chênh lệch nhiều giữa các tỉnh, tỉnh nhỏ và tỷ lệ phát triển hợp tác xã thấp lại dự trù chi tiêu nhiều hơn tỉnh lớn và tỷ lệ phát triển hợp tác xã cao hơn, có khi đến năm hoặc bảy lần. Trong dự trù, phần lớn nặng về chi phí cho xây dựng nhà cửa, mua sắm dụng cụ, xe cộ, v.v. là những chi tiêu không trực tiếp giúp đỡ cho hợp tác xã.

Nhiều nơi không đặt công tác hợp tác hoá nằm trong toàn bộ công tác của địa phương, không dựa vào bộ máy tổ chức sẵn có, không dựa vào phương tiện của các cơ quan đảng và nhà nước để tiến hành công tác hợp tác hoá, mà lại coi như một công tác riêng biệt ngoài các công tác của Đảng và các cơ quan địa phương. Một số địa phương không chú ý tôn trọng các nguyên tắc và thể lệ tài chính đã ban hành.

Các cấp uỷ đảng cần nghiên cứu Chỉ thị này, xác định kế hoạch củng cố và phát triển hợp tác xã theo tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ 14 và 16 và các chỉ thị khác của Trung ương về vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp, để có cơ sở kiểm điểm việc lập dự toán trước đây, uốn nắn những thiếu sót, đồng thời lãnh đạo cơ quan chính quyền lập dự trù chi tiêu đúng theo những phương hướng và nguyên tắc kể trên.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 163-CT/TW, ngày 24-9-1959

Về việc kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Quân đội (22-12-1959)

Đến nay, Quân đội nhân dân của chúng ta đã trải qua 15 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành.

Căn cứ vào tình hình, nhiệm vụ chung và nhiệm vụ củng cố quốc phòng, xây dựng quân đội, Trung ương quyết định sẽ tổ chức trọng thể trong toàn dân và toàn quân Lễ kỷ niệm 15 năm thành lập Quân đội (22-12-1959), nhằm mục đích:

1. Nêu cao thành tích lãnh đạo đấu tranh vũ trang và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng ta; giáo dục sâu rộng lịch sử, bản chất, truyền thống, nhiệm vụ củng cố quốc phòng, xây dựng quân đội của quân và dân ta.

2. Vạch âm mưu đế quốc Mỹ và tay sai can thiệp vào Lào, tăng cường quân sự ở miền Nam. Động viên toàn dân và toàn quân ra sức thi đua thực hiện mọi nhiệm vụ trước mắt: hoàn thành vượt mức các kế hoạch sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, cải tạo xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công cuộc đấu tranh gìn giữ hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà, tham gia công cuộc củng cố quốc phòng, xây dựng quân đội, củng cố hậu phương, phát triển lực lượng hậu bị...

3. Thắt chặt hơn nữa tình đoàn kết quân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Để đạt mục đích trên, cần sử dụng mọi hình thức tuyên truyền và giáo dục sau đây:

1- Đẩy mạnh các cuộc vận động sáng tác văn nghệ, xây dựng hoặc chiếu lại những cuốn phim về kháng chiến và quân đội; có kế hoạch xuất bản một số sách báo và tổ chức những chương trình phát thanh thông tin đặc biệt. Mở cửa nhà Bảo tàng quân đội, tổ chức các cuộc triển lãm lớn nhỏ ở trung ương và ở các địa phương về lịch sử, truyền thống, bản chất, thành tích đấu tranh vũ trang của quân và dân ta.

2- Tổ chức mítting, liên hoan, biểu diễn văn nghệ, thể thao, nói chuyện về kháng chiến, về quân đội ở các địa phương, tổ chức đại hội thể dục thể thao toàn quân và hội diễn văn nghệ ở các quân khu, sư đoàn.

3- Tổ chức những ngày hội đoàn kết quân dân lao động xã hội chủ nghĩa, đại hội dân quân ở các địa phương.

4- Tổ chức thăm hỏi liên hoan với thương binh, bệnh binh, quân nhân phục viên, gia đình quân nhân, thương binh, liệt sĩ ở các cơ sở xã, xí nghiệp, công trường, nông trường.

Ngoài các hình thức trên, các cơ quan có trách nhiệm và các địa phương tuỳ theo điều kiện cụ thể phát huy sáng kiến tổ chức kỷ niệm cho có ý nghĩa mà không hại đến sản xuất.

Trong công tác lãnh đạo, các cấp uỷ cần chú ý:

1- Kết hợp việc kỷ niệm 15 năm thành lập quân đội với việc đẩy mạnh hoàn thành các nhiệm vụ trước mắt.

2- Tránh mọi lãng phí, phô trương.

3- Tổ chức rộng khắp từ trung ương, các thành phố lớn đến các cơ sở (xã, xí nghiệp, công trường, nông trường, đơn vị bộ đội, dân quân,...) để giáo dục sâu rộng và thu hút đông đảo quần chúng.

4- Đề cao cảnh giác, đề phòng những hành động phá hoại, những luận điệu xuyên tạc của địch.

5- Các cấp đảng, quân, dân, chính cần phối hợp thành lập ban tổ chức chung, các cấp uỷ địa phương cần thực sự lãnh đạo cuộc kỷ niệm, các đơn vị quân đội phải đóng vai trò nòng cốt tích cực.

6- Ở trung ương, Ban Bí thư uỷ nhiệm Tổng quân uỷ triệu tập đại biểu các Ban Tuyên huấn Trung ương, Văn giáo Trung ương, Đảng đoàn các Bộ Văn hoá, Nội vụ và Tổng Cục chính trị để lập ban tổ chức bàn kế hoạch hướng dẫn và thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 164-CT/TW, ngày 28-9-1959

Về vấn đề trị thuỷ và khai thác hệ thống sông Hồng

Sông Hồng là con sông lớn nhất ở miền Bắc nước ta, do ba dòng sông Thao, sông Lô và sông Đà hợp lại. Cả ba sông đều bắt nguồn từ tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) rồi chảy vào Bắc Bộ, qua 18 tỉnh, hai khu tự trị và Thủ đô Hà Nội. Lưu vực hệ thống sông Hồng rộng độ 150.000 km², phần ở Việt Nam độ 70.000 km², bằng khoảng 42% diện tích toàn miền Bắc. Dân số trong lưu vực độ 9 triệu người (theo thống kê sơ bộ đầu năm 1959), chiếm khoảng 70% dân số toàn miền Bắc. Đất đai cày cấy độ 1.560.000 héc-ta, chiếm khoảng 57% đất đai cày cấy toàn miền Bắc.

Tài nguyên trong lưu vực sông Hồng rất phong phú. Theo tính toán sơ bộ lượng dòng chảy trung bình của nhiều năm, có tới 121 tỷ m³ nước, lượng thuỷ năng tiềm tàng phỏng tính có tới 8.600.000 kilôoát, lượng phát điện hàng năm có tới 75 tỷ kilôoát giờ. Sông Hồng và các sông nhánh là những đường giao thông thuỷ rất thuận lợi ở trong nước và với Trung Quốc. Có rất nhiều mỏ quý và lớn. Rừng chiếm khoảng 75% diện tích cả lưu vực, có rất nhiều lâm thổ sản. Đất đai

ven sông còn có thể khai thác thêm nhiều, nhất là ở các thung lũng dọc sông Thao, sông Lô và các cao nguyên trên sông Đà.

Bên cạnh những tài nguyên phong phú đó, vì tình hình mưa không đều, lượng chảy phân phối trong năm không đều, cho nên sông Hồng thường gây rất nhiều tai hoạ cho nhân dân trong lưu vực. Nạn lụt đe doạ nghiêm trọng vùng hạ du, hằng năm phải tốn đến hàng chục triệu ngày công để đắp đê chống lụt. Nạn hạn, úng, mặn cũng uy hiếp hàng chục vạn mẫu tây ruộng đất, gây thiệt hại rất lớn cho sản xuất nông nghiệp, là khâu chính trong nền kinh tế miền Bắc hiện nay. Ngoài ra, còn tình trạng nước lũ xói lở, hằng năm đem ra bề mặt hàng chục triệu thước khối đất màu.

Từ ngày hoà bình lập lại đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã thực hiện thắng lợi nhiều công trình khai thác các nguồn tài nguyên của sông Hồng và đang phấn đấu có kết quả để khắc phục từng bước nạn lụt, hạn, úng, mặn. Tuy vậy, vấn đề chưa được giải quyết về căn bản. Nạn lụt vẫn còn là mối đe doạ hằng năm đối với tính mạng và tài sản của hàng triệu nhân dân, đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, ta chưa có cách nào diệt trừ được, ngoài việc đắp đê chống lụt. Nạn hạn, úng, mặn vẫn gây trở ngại rất lớn cho sản xuất nông nghiệp. Ba phần tư đất đai trong lưu vực sông Hồng, là những vùng dân tộc thiểu số và những vùng biên giới quan trọng, có rất nhiều tài nguyên, ta chưa khai thác được mấy.

Trước yêu cầu phát triển ngày càng mạnh mẽ của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, cần thiết phải khắc phục tận gốc những tai hoạ do sông Hồng gây nên, biến thủy hại thành thủy lợi, đồng thời đẩy mạnh công cuộc khai

thác các tài nguyên phong phú trong lưu vực sông Hồng, phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phục vụ đời sống nhân dân. Vì vậy, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã quyết định *trị thủy tận gốc và khai thác tổng hợp hệ thống sông Hồng*.

1. Trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng là một vấn đề rất trọng yếu, có vị trí then chốt trong việc đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Không những diệt trừ tận gốc nạn lụt ở hạ du, mà còn tạo ra những khả năng lớn về vận tải thủy, phát điện và tưới nước, thúc đẩy công cuộc khai thác các hầm mỏ, đất hoang, lâm sản, trồng cây, gây rừng, chăn nuôi, v.v. ở thượng du, mở ra những triển vọng rất to lớn cho việc phát triển toàn diện nền kinh tế quốc dân, nhất là trong việc công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. *Trị thủy và khai thác tổng hợp là hai mặt của vấn đề, có quan hệ mật thiết với nhau, cần phải được quán triệt đầy đủ, trong đó việc phòng lụt, phát điện, vận tải thủy và tưới nước có tầm quan trọng chủ yếu. Riêng đối với hạ du, nhiệm vụ phòng lụt rất quan trọng.*

2. Trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng là một yêu cầu cấp bách, nhưng là một vấn đề chính trị, kinh tế, khoa học. Đồng thời là một công tác quần chúng rất to lớn và phức tạp, mà khả năng trước mắt của ta thì có hạn; vì vậy một mặt cần tiến hành khẩn trương, tích cực, nhưng mặt khác lại không thể nóng vội. Căn cứ vào yêu cầu và khả năng phát triển của nền kinh tế nước ta hiện nay, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã nêu *phương hướng và mục tiêu phấn đấu* trong việc trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng là: hết năm 1960 hoàn thành việc điều tra khảo sát tình hình cơ

bản, cần thiết cho việc xây dựng quy hoạch; hết năm 1961 xây dựng xong quy hoạch, trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng xong một công trình có tác dụng khống chế và lợi dụng tổng hợp trên sông Lô, đồng thời thiết kế xong và chuẩn bị thi công một công trình có tác dụng khống chế và lợi dụng tổng hợp quan trọng hơn trên sông Đà. Ngoài ra, sau khi quy hoạch xong, tùy theo sự cần thiết, và có thể mà phân công một số ngành hoặc địa phương tranh thủ xây dựng một số công trình có tác dụng hỗ trợ về phát điện, cải tiến giao thông thủy, tưới nước, v.v..

3. Trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng là một vấn đề to lớn và lâu dài, cần phải quy hoạch toàn diện và toàn bộ, cần phải tiến hành qua nhiều đợt, nhiều năm, vì vậy cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa quy hoạch hệ thống sông Hồng với kế hoạch dài hạn chung và kế hoạch dài hạn của các ngành và các địa phương, cũng cần có sự phối hợp giữa Việt Nam và Trung Quốc trong việc xây dựng quy hoạch, cần có sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước anh em khác. Trong thời gian chuẩn bị và tiến hành công cuộc trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng, không thể coi nhẹ việc thực hiện các nhiệm vụ và biện pháp công tác trước mắt, trái lại cần phải tích cực thực hiện các nhiệm vụ và biện pháp công tác đó, theo kế hoạch nhà nước 3 năm và 5 năm lần thứ nhất đề ra; như vậy không những cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay, mà cũng là tạo cơ sở cần thiết cho việc trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng sau này. Riêng về mặt thủy lợi, cần phải tích cực thực hiện phương châm “ba chính”, đảm bảo chống lụt, khắc phục từng bước nạn hạn, úng, mặn, phục vụ thắng lợi cho sản xuất nông nghiệp là khâu chính của nền kinh tế miền Bắc hiện nay.

4. Để giúp Trung ương thống nhất lãnh đạo toàn bộ công cuộc trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã quyết định *thành lập một ban lấy tên là Ban trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng*, trực thuộc Trung ương Đảng và Chính phủ, thường trực là cơ quan thủy lợi. Ban này có nhiệm vụ giúp Trung ương và Chính phủ:

- Thống nhất lãnh đạo công tác điều tra khảo sát tình hình, thu thập ý kiến, chuẩn bị xây dựng quy hoạch trình Trung ương và Chính phủ xét;

- Thống nhất lãnh đạo việc chuẩn bị thực hiện toàn bộ việc trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng, quan trọng nhất là việc xây dựng các chính sách và chế độ công tác, đào tạo cán bộ và công nhân, chuẩn bị thiết bị, máy móc và vật liệu xây dựng;

- Trực tiếp chỉ đạo việc thiết kế và thi công các công trình có tác dụng khống chế và lợi dụng tổng hợp, đồng thời thống nhất lãnh đạo việc thiết kế và thi công các công trình có tác dụng hỗ trợ do các ngành và địa phương được phân công phụ trách xây dựng;

- Phối hợp xây dựng quy hoạch giữa Việt Nam và Trung Quốc, đề nghị sự viện trợ của các nước anh em;

- Qua quá trình trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng mà đào tạo cán bộ và công nhân, xây dựng khoa học thủy lợi, chuẩn bị phục vụ các nhiệm vụ mới sau này.

Ban trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng có quyền hạn:

- Yêu cầu các ngành và địa phương cung cấp những tài liệu cần thiết;

- Triệu tập các ngành và địa phương họp để thảo luận và phân công thực hiện các nhiệm vụ công tác đã được Trung ương Đảng và Chính phủ chuẩn y;

- Kiểm tra, đôn đốc các ngành và địa phương thực hiện các nhiệm vụ công tác đã được phân công;

- Phát hiện những vấn đề về kế hoạch công tác của các ngành và địa phương không phù hợp với yêu cầu trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng, đề nghị Trung ương xét;

- Thống nhất quản lý ngân sách, thiết bị, quản lý kế hoạch phân phối và sử dụng cán bộ, công nhân, dân công phục vụ công cuộc trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng.

Thành phần Ban này gồm có:

- 1 trưởng ban: do 1 đ/c Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách.
- 2 phó ban: 1 đ/c thay mặt Đảng đoàn Bộ Thủy lợi chuyên trách;
1 đ/c thay mặt Đảng đoàn Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.
- Các ủy viên: - đại biểu các Đảng đoàn Bộ Nông - Lâm, Bộ Giao thông, Bộ Công nghiệp, Bộ Quốc phòng;
- đại biểu các Khu ủy Việt Bắc và Khu tự trị Thái - Mèo.

Đảng đoàn Bộ Thủy lợi là cơ quan thường trực của Ban.

Cần tăng cường cán bộ để tổ chức ở Bộ Thủy lợi *một cơ quan chuyên trách* giúp Ban lãnh đạo công việc trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng.

Ngoài ra, mỗi ngành và mỗi địa phương có quan hệ đến nhiều việc trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng cần phân công một đồng chí trong cấp ủy chịu trách nhiệm, có một số cán bộ chuyên trách giúp việc, thường xuyên theo dõi, nghiên cứu, giải quyết những vấn đề của ngành và địa phương mình có quan hệ đến việc trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng.

Để đảm bảo việc chuẩn bị và xây dựng quy hoạch với tính chất khẩn trương, phức tạp, các ngành và các địa phương có trách nhiệm tham gia một cách tích cực, thiết thực hơn, tập trung cán bộ, phương tiện cần thiết chỉ đạo thực hiện kế hoạch đã đề ra, cấp bách trước mắt là việc điều tra, khảo sát tình hình cơ bản, xây dựng quy hoạch, đào tạo cán bộ và công nhân, chuẩn bị thiết bị, máy móc và vật liệu xây dựng...

Ban trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng cần có kế hoạch giúp Trung ương tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ, đôn đốc các ngành và địa phương có trách nhiệm tham gia để đảm bảo thực hiện tốt các công tác đã phân công.

Trong khi tiến hành phải biết kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ xây dựng trước mắt với nhiệm vụ chuẩn bị xây dựng lâu dài, cần chú trọng công tác động viên, giáo dục tư tưởng và cảnh giác với những hoạt động phản tuyên truyền của địch.

Chỉ thị này cần được thảo luận trong các cấp lãnh đạo các ngành, các ban và báo cáo Ban Bí thư biết về kết quả thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 268-TT/TW, ngày 28-9-1959

Về việc tuyên truyền trên báo, đài về công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh

Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh đang được mở rộng. Vì tính chất phức tạp của vấn đề, để cho việc tuyên truyền trên báo và đài tránh được những lệch lạc không có lợi, Trung ương quy định một số điểm dưới đây:

Tuyên truyền trên báo và đài về vấn đề này cần xuất phát từ mấy điểm căn bản như sau:

a) Cách mạng xã hội chủ nghĩa phải xoá bỏ chủ nghĩa tư bản; song trong hoàn cảnh nước ta, chúng ta vẫn coi giai cấp tư sản dân tộc là một bộ phận trong nhân dân, một thành viên của Mặt trận. Đồng thời cần tranh thủ giai cấp tư sản dân tộc trong Nam đứng trong Mặt trận thống nhất chống Mỹ - Diệm. Cho nên chúng ta chủ trương cải tạo tư sản một cách hoà bình, vẫn giữ chính sách liên minh với giai cấp tư sản dân tộc, coi mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản dân tộc và giai cấp công nhân là mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân mà giải quyết, không coi mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản dân tộc

với giai cấp công nhân là mâu thuẫn địch ta như loại mâu thuẫn giữa nhân dân ta với đế quốc và phong kiến.

b) Tuy coi tư sản dân tộc là bạn đồng minh, cải tạo họ một cách hoà bình, nhưng tư sản dân tộc là một giai cấp bóc lột, cho nên cải tạo họ vẫn là một cuộc đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp. Nói chung, ta cần nói rõ chính sách của ta đối với họ, nhưng trên báo và đài không nên nói rõ sách lược, phương pháp tiến hành cụ thể của chúng ta.

c) Một đặc điểm của nước ta hiện nay, là tạm chia làm hai miền, mọi việc xây dựng và đấu tranh ở miền Bắc phải chiếu cố đến miền Nam. Đặc biệt đối với việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, dư luận miền Nam rất chú ý, việc tuyên truyền trên báo và đài phải hết sức thận trọng, và phải nhằm nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân đối với công tác cải tạo, nhằm làm cho các tầng lớp nhân dân thấy rõ rằng Đảng ta xuất phát từ quan điểm lợi ích chung của nước ta mà tiến hành công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Căn cứ những điểm xuất phát kể trên, việc tuyên truyền trên báo và đài về công tư hợp doanh quy định cụ thể như sau:

1. Đây là loại việc *làm nhiều nói ít*: công tác vận động công tư hợp doanh cứ đẩy mạnh theo nhiệm vụ và nhịp độ đã đề ra, nhưng tuyên truyền trên báo và đài thì nói ít một chút.

2. Đây là loại việc *làm thì khẩn trương, nhưng tuyên truyền trên báo thì hoà hoãn*: Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh là một cuộc đấu tranh giai cấp, cho nên phải phát động tư tưởng công nhân, phải tranh thủ sự đồng tình của các tầng lớp nhân dân khác, phải đấu tranh với tư sản dân tộc; giáo dục chính sách cho người

tư sản; hoà bình cải tạo họ chính là một hình thức đấu tranh giai cấp. Các hội nghị học tập của người tư sản cũng như của công nhân đều phải quán triệt tinh thần ấy. Nhưng tuyên truyền trên báo và đài thì càng nên dùng những lời lẽ mềm dẻo, ôn hoà, tránh những sự rung động không cần thiết. Trong hoàn cảnh nước ta hiện nay chỉ có làm như thế mới có lợi.

3. Nên nói *một cách chính diện những vấn đề có tính chất chung, thuộc về bản chất, không nên nói quá cụ thể*; cần giải thích nội dung chính sách, ý nghĩa cần thiết, hợp tình hợp lý của cuộc vận động công tư hợp doanh, bản chất của giai cấp tư sản dân tộc, tính chất chung của cuộc đấu tranh, nhiệm vụ của các tầng lớp, v.v.. Còn về bước đi, công việc đấu tranh cụ thể thì không nên nói.

4. *Khi đang làm thì nói ít, làm xong thì nói nhiều hơn:*

Khi đang làm nói ít, tức là ít nói những việc làm cụ thể; còn sau khi làm xong mỗi đợt thì mức độ tuyên truyền có thể nhiều hơn, lấy kết quả thực tiễn để chứng minh sự cần thiết và đúng đắn của chính sách hoà bình cải tạo; nói về tinh thần phấn khởi của anh chị em công nhân, thái độ tiếp thu chính sách hoà bình cải tạo của giai cấp tư sản dân tộc, sự tiến bộ trong sản xuất và quản lý của xí nghiệp đã công tư hợp doanh, v.v.. Song ở đây cũng phải chú ý nói cho đúng mức.

Ở trên là nói chung cho các báo và đài, còn mỗi báo tuyên truyền như thế nào lại phải căn cứ đối tượng của mình mà làm cho sát. Giữa báo và đài cũng có khác: nói chung đài nói ít hơn báo, đài chỉ nên giải thích chính sách chung và nói về kết quả tốt của công tư hợp doanh trong mức độ cần thiết.

Các cấp uỷ, ban, đảng đoàn có cơ quan báo chí, Ban

Tuyên huấn các cấp của Đảng, Ban Biên tập các báo, Việt Nam Thông tấn xã và Đài Phát thanh cần nghiên cứu kỹ để thi hành đúng Thông tri này.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 271-TT/TW, ngày 30-9-1959

Về việc lãnh đạo Đoàn Thanh niên các cấp mở Đại hội Thanh niên tích cực lao động xã hội chủ nghĩa

Từ ngày hoà bình lập lại đến nay, Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam và các tầng lớp thanh niên dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã phát huy lòng yêu nước nồng nàn, đem nhiệt tình cách mạng hăng hái lao động, khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt những nhiệm vụ do Đảng đề ra, góp phần đáng kể vào những thành tích chung của toàn dân. Từ năm 1958 đến nay, trong đà chuyển biến mới của cách mạng, phong trào thanh niên đã có nhiều tiến bộ: nhiều phần tử thanh niên tích cực đã xuất hiện trên các mặt công tác, trong mọi ngành hoạt động, nhiều đơn vị thanh niên tiên tiến đã nêu vai trò thi đua tập thể, lập được những thành tích tốt.

Để phát huy những tiến bộ bước đầu đó, động viên phong trào thi đua sâu rộng hơn nữa trong thanh niên, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã đồng ý cho Đoàn Thanh niên Lao động tiến hành mở đại hội thanh niên lao động tích cực xã hội chủ nghĩa các cấp từ cơ sở đến tỉnh, thành và trung ương vào cuối

năm nay. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam lần thứ 7 đã công bố chủ trương ấy.

Mở đại hội thanh niên tích cực lao động xã hội chủ nghĩa nhằm mục đích biểu dương lực lượng và thành tích của đoàn thanh niên và của toàn thể thanh niên Việt Nam trên các mặt hoạt động, chủ yếu trong công, nông, binh, cổ vũ tinh thần phấn khởi cách mạng, bồi dưỡng cho đoàn viên và thanh niên nâng cao thêm lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nâng cao ý thức đối với Đảng, trên cơ sở đó động viên mạnh mẽ hơn nữa đoàn viên và các tầng lớp thanh niên ra sức phấn đấu, cố gắng vượt bậc để hoàn thành tốt kế hoạch nhà nước năm 1959 và kế hoạch nhà nước ba năm.

Trung ương Đoàn Thanh niên Lao động đã có kế hoạch tuyên truyền cho đại hội, hướng dẫn phát động thi đua và tiến hành bình bầu thanh niên tích cực từ cơ sở lên. Nhưng để đạt được kết quả tốt, đại hội thanh niên tích cực lao động xã hội chủ nghĩa phải đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của chi bộ và các cấp uỷ đảng. Vì vậy Ban Bí thư thông tri để các cấp uỷ biết đăng tích cực lãnh đạo đoàn thanh niên các cấp tiến hành mở Đại hội thanh niên tích cực lao động xã hội chủ nghĩa. Cụ thể là:

1. Sau khi đã thảo luận để nhận rõ mục đích ý nghĩa việc mở đại hội này, thì thông qua kế hoạch chuẩn bị và tiến hành đại hội ở các cấp trong ba tháng cuối năm (ở nông thôn sau vụ mùa, ở xí nghiệp trong quý IV năm 1959, v.v.) để kịp mở đại hội ở trung ương vào cuối tháng 12 năm 1959.

2. Hướng dẫn các cấp bộ đoàn thanh niên mở đại hội nhằm đạt được yêu cầu thiết thực đẩy mạnh thi đua, động viên phấn khởi, đoàn kết nội bộ, giáo dục nâng cao tư tưởng cho đoàn viên và thanh niên. Lãnh đạo các ngành có liên

quan với đoàn thanh niên phối hợp và giúp đỡ đoàn trong việc mở đại hội ở các cấp.

3. Thông qua ngân sách chi phí cho đại hội ở tỉnh, thành, khu trong quý IV năm 1959, nhưng phải hết sức tiết kiệm, tránh hình thức, phô trương lãng phí.

Yêu cầu các cấp uỷ đảng thông tri đến các chi bộ biết để kịp thời lãnh đạo các cấp bộ đoàn thanh niên tiến hành chuẩn bị và mở đại hội đạt được kết quả tốt.

T/L BAN BÍ THU
CHÁNH VĂN PHÒNG
LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THU

Số 165-CT/TW, ngày 7-10-1959

Về chính sách đối với thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ trong phong trào hợp tác hoá nông nghiệp

Hiện nay, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp đang phát triển mạnh. Ở những nơi có hợp tác xã, nhiều anh em thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ đã gia nhập hợp tác xã, nhưng còn một số khác vẫn chưa vào, trong đó có những người vì thiếu sức lao động, ngại rằng sẽ được ít công điểm, thu nhập bị giảm sút, ngại không bảo đảm được công việc của hợp tác xã giao cho, hoặc không được bà con nông dân giúp đỡ như trước nữa. Nhiều hợp tác xã cũng không muốn kết nạp những người đó trong lúc đầu, vì sợ phải mang gánh nặng. Đối với một số gia đình đã vào hợp tác xã, nhưng thiếu sức lao động, hợp tác xã cũng đang lúng túng, không biết nên đối đãi như thế nào cho đúng.

Chúng ta cần nhận rõ anh em thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ là những người có công với cách mạng; sở dĩ ngày nay một số anh em và gia đình thiếu sức lao động cũng là vì họ hoặc người nhà họ đã hy sinh cho cách mạng. Vì vậy, Đảng, Chính phủ và nhân dân ta có nhiệm vụ giúp đỡ anh

em thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ trong công việc làm ăn, để họ giữ được mức sinh hoạt bình thường. Trước đây, chúng ta đã có những sự giúp đỡ thiết thực đối với thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ, như: ưu tiên chia ruộng đất, miễn thuế nông nghiệp hai năm cho thương binh, bệnh binh, tính liệt sĩ vào nhân khẩu nông nghiệp của gia đình, hoặc làm giúp, đổi công, v.v.. Những sự giúp đỡ đó có tác dụng tốt, góp phần ổn định tư tưởng, ổn định đời sống cho đa số anh em thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ.

Ngày nay, nông thôn nước ta đang tiến hành hợp tác hoá, chúng ta cần có những biện pháp tiếp tục giúp đỡ anh em thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ trong công việc làm ăn sao cho thích hợp với tình hình mới. Do đó, cần có những quy định cụ thể về chính sách đối với thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ trong phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, thể hiện sự quan tâm săn sóc của Đảng, Chính phủ và nhân dân đối với những người đã có công với cách mạng, trong giai đoạn nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Chủ trương của Đảng và Chính phủ đối với anh em thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ trong phong trào hợp tác hoá nông nghiệp hiện nay là phải tích cực tạo điều kiện thuận lợi để anh em thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ gia nhập các hợp tác xã, và trên cơ sở mọi người ra sức lao động sản xuất trong hợp tác xã mà đảm bảo mức sinh hoạt bình thường của những anh em và những gia đình ấy. Riêng đối với một số anh em thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ, *thật sự thiếu sức lao động*, cần phải chiếu cố, giúp đỡ, nhằm đạt yêu cầu là *với sự cố gắng bản thân của anh em thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ, với sự*

giúp đỡ của hợp tác xã và số tiền phụ cấp của Chính phủ (đối với thương binh), mức thu nhập của anh em thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ không bị sút kém so với những hộ xã viên lao động trung bình có nhân khẩu tương đương.

Căn cứ vào tinh thần chính sách nói trên, Ban Bí thư đề ra mấy biện pháp sau đây để chiếu cố, giúp đỡ những thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ thật sự thiếu sức lao động tham gia các hợp tác xã:

1. Theo quy định của hợp tác xã, mỗi năm hoặc mỗi vụ xã viên phải lao động sản xuất một số ngày công nhất định; thu nhập của xã viên chủ yếu là dựa vào số ngày công lao động đó; cho nên khi phân phối công việc, các hợp tác xã phải chiếu cố, giao cho những xã viên là thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ thiếu sức lao động những việc thích hợp với từng người. Ngoài ra, cần chú ý tổ chức kinh tế thêm nghề khác cho anh em thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ làm vào những lúc nhàn rỗi; để họ có được một số ngày công không ít quá so với số ngày công của xã viên khác.

2. Nếu sau khi đã giao công việc thích hợp, tổ chức làm nghề khác trong những ngày nhàn rỗi và bản thân anh em thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ đã cố gắng lao động sản xuất, mà số ngày công vẫn còn ít; hoặc nếu vì anh em ốm nhiều ngày, làm được ít công thì hợp tác xã cần vận động xã viên của mình làm giúp một số ngày công; hoặc nếu cần giúp đỡ nhiều, vượt quá khả năng giúp đỡ của hợp tác xã, thì đề nghị chi uỷ và uỷ ban hành chính xã vận động các hợp tác xã bạn hoặc nhân dân trong xã đến làm giúp thêm cho anh em thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ.

3. Nếu sau khi đã thực hiện hai biện pháp kể trên mà thu nhập của anh em thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ cộng với số tiền phụ cấp được lĩnh (nếu có), vẫn còn thấp so với thu nhập của những hộ xã viên lao động trung bình có nhân khẩu tương đương, thì khi hợp tác xã còn ở bậc thấp, cần quy định tỷ lệ hoa lợi chia cho ruộng đất của những hộ xã viên là thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ thiếu sức lao động, nhiều hơn mức quy định chung nhưng nhiều nhất cũng không quá 5% sản lượng bình. Ví dụ: nếu mức hoa lợi chia cho ruộng đất trong hợp tác xã nào đó là 26% sản lượng bình khi vào hợp tác xã thì mức hoa lợi trả cho những hộ xã viên là thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ thiếu sức lao động, tùy tình hình và trường hợp cụ thể, có thể là 28%, 29% hoặc 31%.

Ở những hợp tác xã bậc cao, đối với thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ thiếu sức lao động, cũng có thể tạm cho hưởng hoa lợi ruộng đất hoặc tạm cho kinh doanh riêng những đất đai có sản vật đặc biệt, diện tích tương đối lớn, nhưng không tốn nhiều công chăm sóc.

4. Cuối cùng, nếu các gia đình ấy vẫn còn thiếu thốn thì cần trích một phần quỹ công ích để giúp đỡ thêm cho họ. Định tỷ lệ của hoa lợi chia cho ruộng đất cũng như trích quỹ công ích để giúp đỡ bao nhiêu đều phải do đại hội xã viên bàn bạc và quyết định.

Trong bốn biện pháp kể trên, phải chú ý trước tiên việc giao công việc thích hợp, tạo điều kiện cho thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ lao động sản xuất; còn các biện pháp khác thì tùy theo tình hình từng nơi, từng lúc và từng trường hợp mà áp dụng, không nhất thiết ở đâu cũng đều phải áp dụng tất cả các biện pháp đó.

Trên đây là những điểm chính về chính sách chiếu cố đối với thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ trong phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Trong khi thi hành, nếu gặp khó khăn, trở ngại gì, các tỉnh cần báo cáo để Ban Bí thư biết và kịp thời nghiên cứu, giải quyết.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ
Số 166-CT/TW, ngày 10-10-1959

**Về việc đẩy mạnh hơn nữa phong trào nhân dân
làm công tác thuỷ lợi**

Từ vụ đông - xuân 1958 - 1959, chúng ta tiến hành công tác thuỷ lợi theo đường lối, phương châm mới và đã bước đầu giành được những thắng lợi quan trọng. Nhân dân đã đào và đắp trên 56 triệu thước khối đất để xây dựng các công trình thuỷ lợi và làm đê điều. Vì vậy, diện hạn, úng đã thu hẹp lại nhiều; tình hình sản xuất nông nghiệp ở nhiều xã có những thay đổi lớn: hạn, úng được khắc phục về căn bản, nhiều ruộng một vụ được chuyển thành ruộng hai vụ, nhân dân tin tưởng, phấn khởi, hăng hái sản xuất hơn. Thành tích của công tác thuỷ lợi đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của vụ sản xuất đông - xuân vừa qua và vào việc đẩy mạnh sản xuất, đảm bảo thực hiện kế hoạch vụ mùa trước mắt.

Kinh nghiệm thực tế đã chứng minh đường lối, phương châm công tác thuỷ lợi của Đảng là hoàn toàn chính xác; địa phương nào thấu suốt đường lối phương châm ấy, cấp uỷ đảng trực tiếp lãnh đạo, kiên quyết dựa hẳn vào quần chúng và tích cực phát động quần chúng làm công tác thuỷ lợi, có quy hoạch đầy đủ, chỉ đạo coi trọng việc cải tiến kỹ thuật, cải

tiến dụng cụ và có kế hoạch tổ chức nhân lực hợp lý, thì ở địa phương đó công tác thuỷ lợi đã đạt nhiều thành tích, sản xuất nông nghiệp phát triển nhanh hơn, quần chúng càng thêm phấn khởi sản xuất.

Tuy vậy, thành tích đạt được mới chỉ là bước đầu. So với yêu cầu và nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết Bộ Chính trị đầu năm 1959 về công tác thuỷ lợi, thì chưa tỉnh nào đạt được; một số tỉnh kết quả còn kém; số dĩ như vậy là vì: ở một số tỉnh, cán bộ, kể cả cấp bộ lãnh đạo và nhân dân, chưa thật quan niệm đầy đủ về tính chất trọng yếu của công tác thuỷ lợi, chưa thấu suốt đường lối, phương châm công tác thuỷ lợi của Đảng; lãnh đạo chưa thật quyết tâm và bền bỉ, chưa thật tin vào khả năng quần chúng, lập quy hoạch chậm và chưa thực đi đúng đường lối quần chúng, việc phát động và tổ chức quần chúng làm công tác thuỷ lợi có nhiều thiếu sót.

Năm 1960 là năm kết thúc kế hoạch ba năm cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá và thiết thực chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Việc hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1960, nhất là kế hoạch sản xuất nông nghiệp có một ý nghĩa kinh tế, chính trị cực kỳ quan trọng. Kế hoạch về công tác thuỷ lợi trong vụ đông - xuân này được hoàn thành tốt, sẽ góp phần quyết định cho việc hoàn thành kế hoạch sản xuất nông nghiệp đông - xuân 1959 - 1960 và kế hoạch sản xuất nông nghiệp 1960. Vì thế, công tác thuỷ lợi trong vụ đông - xuân này càng phải được đẩy mạnh với một tinh thần tích cực và khẩn trương hơn nữa.

Ban Bí thư nhắc các cấp uỷ chú ý mấy điểm sau đây:

1. Cần làm cho toàn Đảng, toàn dân thấu suốt đường lối, phương châm công tác thuỷ lợi của Đảng, tuyệt đối tin tưởng vào lực lượng và khả năng vô tận của quần chúng nhân dân

dưới sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh khắc phục thiên tai; đề cao tinh thần trách nhiệm tự mình giải phóng lấy mình, không bó tay bị động trước thiên nhiên, không ỷ lại vào Nhà nước.

Cần tổ chức hội nghị tại chỗ, tổ chức tham quan, lấy những thành tích to lớn của quần chúng mà chứng minh, để giải quyết tư tưởng cho tốt. Các cơ quan tuyên truyền, báo chí của Đảng và Nhà nước phải coi trọng công tác tuyên truyền cho công tác thuỷ lợi trong vụ đông - xuân này.

2. Phải phát động rộng khắp phong trào nhân dân làm công tác thuỷ lợi nhằm qua vụ đông - xuân này thay đổi một phần lớn bộ mặt của đồng ruộng miền Bắc để đảm bảo cho kế hoạch sản xuất nông nghiệp đông - xuân 1959 - 1960, kế hoạch sản xuất nông nghiệp 1960 thắng lợi, và làm cơ sở cho việc phát triển nông nghiệp mạnh mẽ hơn trong kế hoạch 5 năm tới.

Ở những địa phương vừa qua có thành tích khá, cần chú ý đề phòng tư tưởng chủ quan, thoả mãn, tiếp tục nâng cao tinh thần phấn đấu của quần chúng, duy trì và phát triển phong trào một cách lâu dài. Ở các địa phương còn làm kém, càng cần phải có những cố gắng nhiều hơn nữa.

3. Xúc tiến hoàn thành xây dựng quy hoạch thuỷ lợi xã, huyện, tỉnh khẩn trương hơn nữa để có kế hoạch và phương hướng phấn đấu cụ thể. Bộ Thuỷ lợi cần sơ kết những kinh nghiệm của các địa phương vừa qua, có kế hoạch hướng dẫn cho các cấp lập quy hoạch hợp với điều kiện thực tế của từng vùng.

4. Đi đôi với việc lập quy hoạch thuỷ lợi cho kịp thời, chính xác, cần coi trọng việc cải tiến điều kiện lao động của quần chúng nhân dân, như tổ chức lực lượng có kế hoạch,

chú ý cải tiến dụng cụ làm công tác thuỷ lợi, cải tiến kỹ thuật đào, đắp, để nâng cao năng suất lao động, giảm bớt cường độ lao động của quần chúng. Cần dựa trên cơ sở phương tiện, dụng cụ sẵn có và sáng kiến của quần chúng mà cải tiến dần dần từ nhỏ đến lớn, v.v..

5. Công tác thuỷ lợi phải phục vụ tốt cho sản xuất và phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Cần dựa trên cơ sở phong trào đổi công và hợp tác xã mà đẩy mạnh công tác thuỷ lợi, đồng thời thông qua công tác thuỷ lợi mà tiến hành củng cố và mở rộng phong trào đổi công hợp tác.

6. Tăng cường chỉ đạo công tác thuỷ lợi đối với miền núi: đời sống của đồng bào các dân tộc miền núi từ lâu vẫn còn khó khăn vì thiên tai nhiều và nhân lực ít. Cần chú ý giúp đỡ đồng bào trong việc xây dựng thuỷ lợi; chú ý tăng cường cán bộ, ưu tiên về tiền vốn và trợ cấp đối với những người xét thấy cần thiết để mau chóng nâng cao mức sống cho đồng bào.

7. Đứng về toàn bộ mà nói, cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thuỷ lợi. Ra sức thực hiện mục tiêu và chỉ tiêu mà Bộ Chính trị đã đề ra trong Nghị quyết số 63-NQ/TW về công tác thuỷ lợi.

Cải tạo thiên nhiên là một cuộc đấu tranh trường kỳ và gian khổ. Sự thật đã chứng minh rằng thuỷ lợi là mạch máu của nền nông nghiệp, muốn bảo đảm tăng sản xuất nông nghiệp, cần phải làm tốt công tác thuỷ lợi theo đường lối, phương châm mới.

Vụ đông - xuân này, chúng ta phải xây dựng thuỷ lợi với tinh thần sau đây: bắt tay vào làm sớm, lãnh đạo chặt chẽ, đồng thời ra sức phát huy tính tích cực và sáng tạo của hàng chục triệu nhân dân miền Bắc từ vùng núi đến vùng đất nửa

núi, vùng đồng bằng, vùng trũng, vùng ven biển, bảo đảm chất lượng tốt, năng suất cao, bỏ ít vốn mà thu lợi nhiều. Các cấp uỷ cần quán triệt chủ trương và yêu cầu đó để trực tiếp nắm lấy mà chỉ đạo.

Chúng ta cần phát huy những thắng lợi của vụ đông - xuân vừa qua, phát động một phong trào nhân dân làm thuỷ lợi rộng lớn và mạnh mẽ hơn nữa.

*

* *

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ. Các cấp có trách nhiệm lãnh đạo tốt việc thực hiện để thu nhiều kết quả về công tác thuỷ lợi hơn nữa trong năm tới.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO VỀ HIẾN PHÁP SỬA ĐỔI

Phần thứ nhất Ý NGHĨA VÀ MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP

Trước khi đi vào nội dung của bản Hiến pháp sửa đổi, chúng tôi xin nêu lên một vài nhận định về việc sửa đổi Hiến pháp như sau:

I- SỰ CẦN THIẾT PHẢI SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP

1. Nhìn lại Hiến pháp 1946.

- Chế độ chính trị, kinh tế, xã hội không được rõ ràng.
- Cơ cấu nhà nước quá giản đơn.
- Quyền lợi và nghĩa vụ công dân chưa quy định được đầy đủ.

2. Hiến pháp 1946 phản ánh tình hình và lực lượng so sánh giữa các giai cấp trong lúc đó.

- Cách mạng giải phóng mới thành công, chính quyền cách mạng chưa thật vững. Ảnh hưởng Đảng tuy rất lớn nhưng lực lượng của giai cấp công nhân về tư tưởng cũng

như về tổ chức còn yếu. Ruộng đất còn ở trong tay địa chủ, công thương nghiệp còn ở trong tay tư sản. Quân Pháp tiến công hòng cướp lại Việt Nam. Ta cần đoàn kết thật rộng rãi để bảo vệ lấy nền độc lập dân tộc đương non trẻ.

- Tuy vậy, Hiến pháp 1946 cũng có tác dụng to lớn trong lúc đó - nền chính quyền của toàn dân, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo; nhưng ý nghĩa tích cực ở chỗ: không phải là chính quyền riêng của giai cấp bóc lột, nên việc đảm bảo quyền tư hữu tài sản có tác dụng đập lại luận điệu xuyên tạc của địch: cộng sản là cộng tất cả của cải. Quyền lợi của công dân không quy định được hết các mặt, nhưng về quyền lợi chính trị thì được nêu lên rất cao, vấn đề dân tộc bình đẳng và nam nữ bình đẳng được hết sức chú ý.

3. *Tình hình mới đòi hỏi phải có Hiến pháp mới.*

- Từ 1946 đến nay, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã thu được nhiều thắng lợi to lớn: "*miền Bắc*" hoàn toàn giải phóng, đế quốc đã bị quét sạch, giai cấp địa chủ đã bị tiêu diệt, kinh tế đã khôi phục, khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa đã hình thành và đang phát triển mạnh, công thương nghiệp và nông thôn đã bắt đầu cải tạo theo xã hội chủ nghĩa, chính quyền dân chủ nhân dân củng cố và phát triển, liên minh công nông vững mạnh - vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, của Đảng đã được thừa nhận bằng cả mặt pháp luật. *Miền Nam* tuy chưa giải phóng, nhưng cán bộ và nhân dân qua 10 năm dưới chính quyền dân chủ, qua 10 năm kháng chiến đã giác ngộ rất cao và đã được rèn luyện rất nhiều trong chiến đấu.

- Nếu "Hiến pháp là ghi lại những thắng lợi đã giành được và đã được đảm bảo" (Xtalin), thì Hiến pháp 1946

không còn thích hợp với giai đoạn hiện tại, mà cần phải có hiến pháp mới thay thế cho nó.

II- HIẾN PHÁP MỚI CĂN BẢN PHẢI LÀ HIẾN PHÁP XÃ HỘI CHỦ NGHĨA MỚI PHÙ HỢP VỚI HIỆN THỰC VÀ Ý CHÍ NGUYỆN VỌNG CỦA DÂN TA

1. *Hiện thực của nước ta và ý chí nguyện vọng dân ta như thế nào?*

- Nước ta còn bị chia cắt. Miền Bắc làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Nam làm cách mạng dân tộc dân chủ. Dân ta muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, giải phóng miền Nam.

- Nhân dân miền Nam cũng muốn xã hội chủ nghĩa, trừ một số người chống quyền lợi nhân dân. Cương lĩnh cách mạng miền Nam trước mắt là dân tộc dân chủ, lâu dài cũng là xã hội chủ nghĩa. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc là làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất, tức là xây dựng chủ nghĩa xã hội cho miền Nam.

- Nước ta ở trong phe xã hội chủ nghĩa lớn mạnh. Ảnh hưởng xã hội chủ nghĩa đang lan rộng làm nức lòng hàng trăm triệu nhân dân trên thế giới. Nhiều nước không làm xã hội chủ nghĩa cũng phải nói làm xã hội chủ nghĩa.

- Hiến pháp ta chủ yếu là thực hiện ở miền Bắc.

- Hiện thực của nước ta và nguyện vọng của dân ta như trên, nên Hiến pháp mới của ta căn bản phải là Hiến pháp xã hội chủ nghĩa.

2. *Hiến pháp ta phải biểu hiện tính chất xã hội chủ nghĩa như thế nào?*

Nhiệm vụ của Hiến pháp xã hội chủ nghĩa, nói một cách

bao quát là phải đảm bảo việc xây dựng xã hội chủ nghĩa. Nói riêng ra từng mặt, thì:

- *Về chính trị*: Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng trong mọi lĩnh vực sinh hoạt của Nhà nước. Đảm bảo Nhà nước là của nhân dân, xây dựng trên cơ sở liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Nói một cách khác là: Nhà nước công nông, vô sản chuyên chính.

- *Về kinh tế*: Tước bỏ (hoặc dần dần tước bỏ) quyền sở hữu về tư liệu sản xuất của tư nhân, thực hiện (hoặc dần dần thực hiện) chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất xã hội chủ nghĩa và nửa xã hội chủ nghĩa, nghĩa là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể của nhân dân lao động, xoá bỏ (hoặc dần dần xoá bỏ) tình trạng người bóc lột người, nhằm mục đích phát triển sức sản xuất, nâng cao không ngừng đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân. Phương pháp để thực hiện là cải tạo kinh tế quốc dân theo xã hội chủ nghĩa.

- *Về tổ chức nhà nước*: Cơ quan đại biểu nhân dân phải thực sự do nhân dân bầu ra và phải là cơ quan quyền lực tối cao. Tất cả các cơ quan nhà nước và nhân viên của cơ quan nhà nước đều phải chịu sự giám đốc của nhân dân, và phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân.

- *Về quyền lợi của công dân*: Nhà nước phải đảm bảo cho công dân không phân biệt nam nữ, được hưởng quyền lợi về mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội. Cố nhiên công dân cũng phải làm những nghĩa vụ để đảm bảo chắc chắn những quyền lợi đó.

- *Về vấn đề dân tộc*: Nhà nước phải đảm bảo cho tất cả các dân tộc được bình đẳng, và phải hết sức giúp các dân tộc chậm tiến phát triển mọi mặt để tiến kịp trình độ chung.

- Mấy điểm trên đây là chung cho tất cả các Hiến pháp

XHCN. Nhưng Hiến pháp ta cũng có đặc điểm Việt Nam. Thí dụ: nhà nước công nông, vô sản chuyên chính, ta có thể nói Nhà nước dựa trên cơ sở liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo. Thí dụ: mục đích là tước đoạt quyền sở hữu tư liệu sản xuất của tư nhân, mà ta còn thừa nhận quyền tư hữu sản xuất của các nhà tư bản. Với những điều kiện kèm theo có thể dần dần thực hiện được mục đích. Thí dụ: Chủ tịch nước có một địa vị rất đặc biệt, nhưng vẫn đảm bảo được nguyên tắc tập thể của XHCN, v.v.. Mức độ đặt vấn đề và cách diễn đạt trình bày ta đều có một cách thức khác.

3. Hiến pháp ta phải ảnh hưởng tốt đến cuộc đấu tranh thống nhất như thế nào?

Đây là một vấn đề hoàn toàn tính chất Việt Nam. Vấn đề này phải thấu suốt trong cả toàn bộ Hiến pháp. Ban sửa đổi Hiến pháp đã hết sức chú ý vấn đề này, và đã hết sức làm với khả năng nhận thức của mình. Hội nghị Trung ương lần này cần bàn kỹ.

- Bản thân việc xây dựng XHCN ở miền Bắc, bản thân chế độ chính trị, kinh tế tốt đẹp nêu ra trong Hiến pháp là một cổ vũ rất lớn đối với nhân dân miền Nam.

- Hiến pháp cũng đã chú ý ghi một số điểm nhằm phục vụ cho đấu tranh thống nhất: - Lời nói đầu sẽ nói nhiều về cuộc đấu tranh thống nhất. - Điều 1 nói về lãnh thổ không thể chia cắt đã nhấn mạnh đến điểm giáp giới bốn mặt, để biểu thị Việt Nam là cả miền Nam. (Về vấn đề lãnh thổ không có hiến pháp nước nào nói đến giáp giới như ta). - Điều 7 nói: Nhà nước nghiêm trị mọi hành động phản quốc, chống lại chế độ dân chủ nhân dân, chống lại sự nghiệp thống nhất Tổ quốc.

- Một mặt nữa là đặt vấn đề thế nào cho có sách lược đối với miền Nam:

+ Một vấn đề thảo luận nhiều trong Ban sửa đổi Hiến pháp là vấn đề miền Bắc tiến lên XHCN. Kết luận là phải làm và phải nói;

+ Vấn đề giai cấp công nhân lãnh đạo trong Điều 2 và vấn đề dần dần xoá bỏ tình trạng người bóc lột người ở Điều 9, cũng thảo luận nhiều. Cuối cùng là cứ viết;

+ Có thể có những vấn đề khác nữa mà chúng tôi chưa thấy hết. Xin các đồng chí nêu lên để Trung ương xét.

Phần thứ hai

NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA HIẾN PHÁP SỬA ĐỔI

Căn cứ vào các nhận định trên và được sự chỉ đạo cụ thể của Bộ Chính trị, chúng tôi, các đồng chí trong Ban sửa đổi Hiến pháp đã cộng tác với các nhân sĩ ngoài Đảng ở trong Ban thảo ra bản Hiến pháp sửa đổi gồm có Lời nói đầu (chưa viết xong) và 10 chương như sau:

Chương I: nói chung về nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Chương II: nói về chế độ kinh tế và xã hội.

Chương III: nói về quyền lợi và nghĩa vụ công dân.

Chương IV: nói về Quốc hội.

Chương V: nói về Chủ tịch nước.

Chương VI: nói về Chính phủ.

Chương VII: nói về HĐND và UBHC¹⁾ các cấp.

Chương VIII: nói về Toà án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân.

1) HĐND và UBHC: Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính (B.T).

Chương IX: nói về quốc kỳ, quốc huy, thủ đô.

Chương X: nói về thủ tục sửa đổi Hiến pháp.

Ban sửa đổi Hiến pháp thành lập từ cuối năm 1956, đến nay đã hơn hai năm. Quá trình hơn hai năm là một quá trình đã có những diễn biến lớn trong nước cũng như ngoài nước.

Thí dụ:

- Trong nước: trước nói tiến dần lên xã hội chủ nghĩa, nay đã có thể nói miền Bắc xây dựng xã hội chủ nghĩa; trước chưa nói công nghiệp hoá, nay đã có thể nói, v.v..

- Ngoài nước: ở nông thôn Trung Quốc đã toàn bộ là công xã; Đại hội XXI Đảng Cộng sản Liên Xô đã nêu rõ vấn đề các nước xã hội chủ nghĩa cùng tiến lên cộng sản chủ nghĩa.

- Có thể các đồng chí trong Ban sửa đổi Hiến pháp đối với những diễn biến mới chưa thấy hết và chưa nắm được hết. Hội nghị Trung ương lần này chuyên thảo luận về bản Hiến pháp sửa đổi sẽ soi sáng những thiếu sót hoặc sai lầm của chúng tôi, đồng thời nêu lên những ý kiến mới để sửa chữa lại bản thảo Hiến pháp sửa đổi được tốt hơn trước khi công bố cho toàn dân thảo luận.

Sau đây, chúng tôi sẽ lần lượt trình bày những nét lớn qua các chương chủ yếu trong Hiến pháp sửa đổi:

1. Chương I, nói chung về nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Chương này có 8 điều, gồm các ý chính:

- Về lãnh thổ, Việt Nam là một khối thống nhất, không thể chia cắt. Nói rõ thêm giáp giới cả bốn phía, để tỏ rõ Việt Nam là cả miền Nam (Điều 1).

- Tính chất căn bản của Nhà nước là dân chủ nhân dân, dựa trên cơ sở liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo (Điều 2).

- Quyền bình đẳng của các dân tộc ở trong nước (Điều 3).
- Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân do mình bầu ra. Tất cả cơ quan nhà nước và nhân viên cơ quan nhà nước đều phải trung thành với chế độ và hết lòng hết sức phục vụ nhân dân (Điều 6, 4). Ý nói dân chủ với nhân dân.
- Nhà nước trừng trị những người phản quốc, chống chế độ và phá hoại thống nhất (Điều 7). Ý nói chuyên chính.
- Lực lượng vũ trang là của nhân dân, có nhiệm vụ bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ chủ quyền và lãnh thổ toàn vẹn và an ninh của Tổ quốc, bảo vệ tự do, hạnh phúc và sự nghiệp lao động hoà bình của nhân dân (Điều 8). Điều này đặt dính liền với Điều 7, cũng liên hệ đến ý nghĩa chuyên chính.

*
* *

Trong chương này, có một điểm cần nghiên cứu thêm là:

Câu "Giai cấp công nhân lãnh đạo" để ở Điều 2 có cần không? Có ảnh hưởng gì đến cuộc đấu tranh thống nhất?

2. Chương II nói về chế độ kinh tế và xã hội.

Chương này có 14 điều gồm các ý chính:

- Tính chất căn bản của chế độ kinh tế và xã hội của ta (Điều 9).
- Kinh tế có kế hoạch, do Nhà nước lãnh đạo (Điều 10).
- Các hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất và thái độ của Nhà nước đối với các hình thức ấy. Ba hình thức, ba thái độ hoàn toàn khác nhau (Điều 11 đến 16).
- Cấm chỉ việc lợi dụng của cải riêng để làm rối loạn sinh hoạt kinh tế, phá hoại kế hoạch nhà nước (Điều 17). Điều này đặt ngay sau Điều 16, cũng có một ý nghĩa.

- Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu về của cải thu nhập hợp pháp, về tư liệu tiêu dùng và quyền thừa kế tài sản (Điều 18, 19).

- Điều kiện Nhà nước trưng thu, trưng mua, trưng dụng các tư liệu sản xuất (Điều 20). Điều này nghiên cứu kỹ thì thấy nên để ngay sau Điều 17.

- Lao động là cơ sở để phát triển kinh tế, là nghĩa vụ và vinh dự của công dân (Điều 21).

*
* *

Tinh thần chính của chương này là quy định tính chất căn bản của chế độ kinh tế và xã hội của ta, kèm theo những nguyên tắc rất căn bản, liên hệ chặt chẽ với nhau thành một chính sách kinh tế toàn diện trong giai đoạn hiện tại.

Vấn đề công nghiệp hoá cũng là một vấn đề quan trọng nhưng ở đây không nói, vì nó không phải là một nguyên tắc căn bản. Có thể lúc nào đó thì nói là công nông nghiệp phần vinh, lúc nào đó thì nói công nghiệp hoá, lúc nào đó thì nói công nghiệp hoá cao độ, và đến một lúc nào đó thì nói "cơ khí hoá và tự động hoá toàn bộ quá trình sản xuất" như Đại hội Liên Xô mới rồi.

Vấn đề Nhà nước thừa nhận quyền tư hữu về tư liệu sản xuất của các nhà tư bản để trong Hiến pháp mới có thích hợp không? Chúng tôi thấy thích hợp, vì đó là một thực trạng hiện nay không thể phủ nhận. Tuy vậy Nhà nước thừa nhận với bao nhiêu những điều kiện kèm theo, để dần dần đi tới cái kết quả nó tự phủ nhận lấy nó. Về vấn đề này Hiến pháp Trung Quốc cũng ghi như ta.

Còn một vấn đề mà Trung ương nên thảo luận là: câu "Dần dần xoá bỏ tình trạng người bóc lột người" ở Điều 9 có cần thiết không? Có ảnh hưởng gì đến cuộc đấu tranh thống nhất?

3. *Chương III nói về quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân.*

Chương này có 21 điều, gồm hai phần, một phần nói về quyền lợi và một phần nói về nghĩa vụ.

Phần nói về quyền lợi từ Điều 22 đến Điều 28, gồm các ý chính:

- Quyền bình đẳng trước pháp luật (Điều 22).
- Quyền ứng cử bầu cử (Điều 23).
- Quyền lợi của phụ nữ và nhi đồng (Điều 24).
- Các quyền tự do: về ngôn luận, báo chí, hội họp, biểu tình; về tín ngưỡng; về thân thể bất khả xâm phạm; về nhà ở, thư tín, đi lại (Điều 25, 28).
- Quyền được khiếu nại nhân viên nhà nước phạm pháp và được bồi thường nếu bị thiệt hại (Điều 29).
- Các quyền: làm việc, nghỉ ngơi, được giúp đỡ vật chất khi già yếu hoặc mất sức lao động, học tập.
- Quyền lợi của thanh niên.
- Quyền tự do nghiên cứu khoa học, nghệ thuật, sáng tác và hoạt động văn hoá (Điều 35).
- Quyền lợi của Việt kiều (Điều 36).
- Nghiêm cấm việc lợi dụng tự do dân chủ để xâm phạm lợi ích của nhân dân (Điều 38).

Phần nói về nghĩa vụ (từ Điều 39 đến 42) gồm các ý chính:

- Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật, kỷ luật lao động, trật tự công cộng và tôn trọng quy tắc về đời sống xã hội.
- Nghĩa vụ bảo vệ tài sản công cộng.

- Nghĩa vụ đóng thuế.

- Nghĩa vụ quân sự (phục vụ binh dịch) để bảo vệ Tổ quốc. Phản quốc là tội nặng nhất phải nghiêm trị.

*

* *

Trong chương này, về quyền lợi cũng như về nghĩa vụ ghi được đủ mặt hơn Hiến pháp 1946, và có thêm một ý là nghiêm cấm việc lợi dụng tự do dân chủ để xâm phạm lợi ích của nhân dân.

Vấn đề quyền biểu tình của nhân dân ghi trong Điều 25, là một vấn đề Ban sửa đổi Hiến pháp đã thảo luận nhiều, sau Bộ Chính trị đồng ý ghi vào có lợi.

4. *Chương IV nói về Quốc hội.*

Chương này có 18 điều, gồm bốn phần: một phần nói chung về Quốc hội, một phần nói về Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, một phần nói về các Uỷ ban của Quốc hội và một phần nói về đại biểu Quốc hội.

Phần nói chung về Quốc hội từ Điều 43 đến Điều 50, gồm các ý chính:

- Tính chất của Quốc hội: cơ quan quyền lực tối cao của Nhà nước, cơ quan lập pháp duy nhất của Nhà nước (Điều 45 đến Điều 49).
- Quyền hạn của Quốc hội (Điều 50).

Phần nói về Uỷ ban Thường vụ Quốc hội từ Điều 51 - 56, gồm các ý chính:

- Thành viên của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội (Điều 51).
- Trách nhiệm và quyền hạn của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội (Điều 52, 53).
- Sinh hoạt của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội (Điều 54, 55, 56).

Phần nói về các uỷ ban của Quốc hội (từ Điều 57 đến 58) gồm hai ý chính:

- Các uỷ ban chuyên môn để nghiên cứu các vấn đề. Làm việc thường xuyên.
- Uỷ ban điều tra khi cần mới thành lập, chỉ làm việc nhất thời.

Phần nói về đại biểu Quốc hội từ Điều 59 đến Điều 60 gồm hai ý chính:

- Quyền chất vấn của đại biểu Quốc hội.
- Quyền bất khả xâm phạm của đại biểu Quốc hội.

*
* *

Trong chương này có một vấn đề cần nghiên cứu kỹ hơn nữa là: vấn đề "quyền hạn của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội".

Quyền hạn của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ghi như trong bản thảo là kết quả của sự tham khảo Hiến pháp của nhiều nước bạn, đặc biệt là của Trung Quốc và xuất phát từ mấy điểm như sau:

1- Quốc hội là cơ quan quyền lực tối cao của Nhà nước và là cơ quan lập pháp duy nhất của Nhà nước, mà Uỷ ban Thường vụ Quốc hội là một cơ quan thường trực của Quốc hội, nên những việc theo pháp lý là thuộc về cơ quan quyền lực và có tính chất lập pháp, thì đều do Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

2- Chủ tịch nước tuy không là Chủ tịch Uỷ ban Thường vụ Quốc hội như một số nước anh em, nhưng là chủ tịch tập thể, nghĩa là ở về phía Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chứ không phải ở về phía Chính phủ như trước, nên những việc quan trọng mà Chủ tịch nước phải ra sắc lệnh hoặc ký

tên công bố, thì tuy nhiên Chính phủ là cơ quan đưa đề nghị và sáng kiến, nhưng đều qua bên Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chứ Chính phủ không đưa thẳng lên Chủ tịch nước như trước.

Do đó thấy quyền hạn Uỷ ban Thường vụ Quốc hội nhiều và lớn, nhưng hầu hết những điểm ghi trong quyền hạn đều là do Chính phủ đưa đề án và đề nghị và do Chủ tịch thực hiện; và trên thực tế, thì cách làm của ta trước khi có Ban Hiến pháp sửa đổi cũng đã gần như thế, với công thức là "được sự đồng ý của Ban Thường vụ Quốc hội".

3- Theo kinh nghiệm từ trước đến nay thì những vấn đề đưa ra Ban thường trực Quốc hội không có lúc nào gặp khó khăn gì cả, chủ trương của Đảng vẫn được thực hiện.

Ý kiến như trên là ý kiến của các đ/c trong Ban sửa đổi Hiến pháp. Xin trình để Trung ương thảo luận và quyết định.

5. *Chương V nói về Chủ tịch nước.*

Chương này có 8 điều, gồm hai phần: một phần nói về Chủ tịch nước và một phần nói về Phó Chủ tịch.

Phần nói về Chủ tịch nước (từ Điều 61 đến Điều 65) gồm các ý chính:

- Chủ tịch nước là người thay mặt cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà về mặt đối nội và đối ngoại (Điều 61).
- Điều kiện ứng cử Chủ tịch nước (Điều 62).
- Quyền hạn thông thường của Chủ tịch nước (Điều 63).
- Quyền thống lãnh lực lượng vũ trang toàn quốc.
- Quyền triệu tập hội nghị chính trị tối cao.

*
* *

Trong chương này có một điểm là Chủ tịch nước của ta,

về mặt pháp chế, giống như Chủ tịch nước của Trung Quốc. Nhưng ở Trung Quốc còn có ghi rõ là đảm nhiệm chức Chủ tịch Ủy ban Quốc phòng mà ta thì không, lý do đã trình bày ở trên rồi.

Về phần Phó Chủ tịch (từ Điều 66 đến Điều 68) không có điểm gì đặc biệt, nhưng có ý kiến là nên nhiều Phó Chủ tịch, mà trong bản thảo này không quy định số Phó Chủ tịch, như vậy là có thể có một Phó Chủ tịch.

6. Chương VI nói về Chính phủ.

Chương này có 7 điều, gồm các ý chính:

- Chức năng của Chính phủ: cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước, cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước (Điều 69).
- Thành viên của Chính phủ (Điều 70).
- Trách nhiệm và quyền hạn của Chính phủ (Điều 71, 72).
- Trách nhiệm và quyền hạn các thành viên trong Chính phủ: Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng (Điều 73 - 75).

*
* *

Trong chương này vấn đề đáng chú ý nhất là:

Vấn đề tính chất của Chính phủ: cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước và là cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước. Điều này cũng là do sự tham khảo Hiến pháp của nhiều nước bạn mà viết ra.

Ngoài ra, về chương này còn có hai điểm khác hẳn trước là:

- 1- Trước kia Chủ tịch nước chủ tọa các cuộc hội nghị Chính phủ, nay do Thủ tướng chủ tọa.
- 2- Trước kia các thứ trưởng cũng đều coi là thành viên Chính phủ, nay chỉ các bộ trưởng và những vị thủ trưởng của các ủy ban ngang bộ mới là thành viên Chính phủ.

7. Chương VII nói về Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính địa phương các cấp.

Chương này có 19 điều, gồm hai phần: một phần về Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp nói chung (từ Điều 76 đến Điều 89), một phần về Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính ở các khu vực tự trị (từ Điều 90 đến Điều 94).

Chương này tuy nhiều điều khoản, nhưng hầu hết là những điều thông thường đã làm. Chỉ có hai vấn đề quan trọng, chúng tôi nêu ra đây để Trung ương xét:

1- *Vấn đề khu vực hành chính chia làm bốn cấp*: Trung ương, tỉnh, huyện, xã. Cấp huyện trước kia không có Hội đồng nhân dân, mà chỉ có Ủy ban hành chính huyện thay mặt cho Ủy ban hành chính tỉnh, nay trong bản thảo Hiến pháp sửa đổi thì cấp huyện cũng có Hội đồng nhân dân. Vấn đề này bàn đi bàn lại rất nhiều, nhưng cuối cùng Bộ Chính trị thấy cần có Hội đồng nhân dân và đưa ra đề nghị ở Ban sửa đổi Hiến pháp cũng đồng ý.

2- *Vấn đề khu vực tự trị có cần có tỉnh tự trị, huyện tự trị không?* Vấn đề này ta chưa tổng kết nên chưa có quyết định dứt khoát. Muốn để khỏi bị bó buộc về sau, nên chúng tôi dùng ở đây một danh từ chung chung là "khu vực tự trị", như vậy có thể bao quát được cả những khu tự trị đã có là Việt Bắc, Thái - Mèo, và cả những đơn vị tự trị sau này nếu thấy cần thiết thì thành lập như: tỉnh tự trị, huyện tự trị.

8. Chương VIII nói về Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân.

Chương này có 12 điều, gồm 2 phần: một phần về Tòa án nhân dân (từ Điều 95 đến Điều 102), một phần về Viện Kiểm sát nhân dân (từ Điều 103 đến Điều 106).

Chung cho cả hai phần có một điểm hoàn toàn khác trước: trước kia việc toà án cũng như việc công tố đều thuộc về Bộ Tư pháp quản. Trong khoá họp thứ¹⁾ ... Quốc hội đã thông qua đề nghị của Chính phủ thành lập hệ thống toà án và hệ thống công tố riêng biệt và tách ra khỏi Bộ Tư pháp, tuy vậy hai hệ thống này vẫn còn thuộc về phía Chính phủ quản lý. Bản thảo Hiến pháp sửa đổi quy định hệ thống Toà án nhân dân và hệ thống Viện Kiểm sát nhân dân (có khác với Viện Công tố, sau sẽ giải thích rõ) là hai hệ thống riêng biệt, nhưng thuộc về Quốc hội. Đây là một vấn đề mà Hiến pháp của tất cả các nước xã hội chủ nghĩa đều quy định như vậy.

Riêng về phần Toà án nhân dân, có mấy điểm đặc biệt là:

- Chánh án Toà án tối cao do Quốc hội bầu, chánh án Toà án địa phương do Hội đồng nhân dân địa phương bầu. Các chánh án phải chịu trách nhiệm và báo cáo công tác với cơ quan bầu ra mình. Chế độ thẩm phán bầu sẽ thực hiện dần dần do luật định.

- Khi xét xử phải có hội thẩm nhân dân tham gia, hội thẩm nhân dân ngang quyền với thẩm phán.

- Nhiệm kỳ của các chánh án khác nhiệm kỳ của cơ quan bầu ra mình.

Riêng về Viện Kiểm sát nhân dân có mấy điểm đặc biệt là:

- Viện Kiểm sát khác với Viện Công tố ở chỗ: Viện Công tố chỉ làm việc công tố ở trước toà, mà Viện Kiểm sát thì còn làm việc kiểm sát chung, tức là kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước địa phương, các nhân viên cơ quan nhà nước và công dân (Điều 103).

1) Theo chúng tôi đây là khoá họp thứ tám của Quốc hội.

- Viện Kiểm sát nhân dân chỉ chịu sự lãnh đạo của ngành dọc, chứ không chịu sự lãnh đạo ngang của cơ quan chính quyền đồng cấp.

- Viện trưởng Viện Kiểm sát và kiểm sát viên địa phương đều do cấp trên bổ nhiệm, chứ không do Hội đồng nhân dân bầu.

- Nhiệm kỳ của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao là 5 năm - khác nhiệm kỳ Quốc hội.

*

* *

Chương IX nói về quốc kỳ, quốc huy, thủ đô, chương X nói về thủ tục sửa đổi Hiến pháp, là hai chương rất ngắn, và cũng không có điều gì đặc biệt. Có thể đọc toàn văn.

Ngoài ra còn có *Lời nói đầu* hiện chưa viết xong. Trong *Lời nói đầu* sẽ nêu lên cuộc đấu tranh anh dũng của dân ta đã thu được thắng lợi lớn lao làm cơ sở cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất, và cũng là cơ sở cho Hiến pháp mới. Trong đó sẽ nói nhiều đến vấn đề đấu tranh thống nhất, sẽ nêu rõ vai trò của Mặt trận và vai trò lãnh đạo của Đảng.

*

* *

Nội dung chủ yếu của bản Hiến pháp sửa đổi đã trình bày hết. Bây giờ chúng tôi xin nhắc lại các vấn đề đã nêu lên ở trên để Trung ương xét:

Vấn đề chung bao trùm tất cả là:

Hiến pháp của ta căn bản phải là Hiến pháp xã hội chủ nghĩa. Điểm mấu chốt là ở chỗ đảm bảo xây dựng chủ nghĩa

xã hội ở miền Bắc và ảnh hưởng tốt đến cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Các vấn đề cụ thể:

- 1- Vấn đề giai cấp công nhân lãnh đạo (Chương I, Điều 2).
 - 2- Vấn đề xoá bỏ tình trạng người bóc lột người (Chương II, Điều 9).
 - 3- Vấn đề quyền hạn của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội (Chương IV, Điều 53).
 - 4- Vấn đề khu vực hành chính nên chia làm ba cấp hay bốn cấp? (Chương VII, Điều 76).
- Và các vấn đề khác mà các đồng chí thấy cần thảo luận.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Về Hội nghị lần thứ 17

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã họp Hội nghị lần thứ 17 (mở rộng) vào trung tuần tháng 10 vừa qua để duyệt bản Dự thảo Hiến pháp sửa đổi.

Đồng chí Hoàng Văn Hoan đã báo cáo ở Hội nghị về quá trình xây dựng Dự thảo Hiến pháp, về tính chất của Hiến pháp, về những vấn đề lớn trong Hiến pháp như: chế độ chính trị, chế độ kinh tế và xã hội, quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân, nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, về tình hình toàn dân thảo luận, và về sự chỉ đạo của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương trong quá trình xây dựng Dự thảo Hiến pháp.

Sau khi thảo luận, Hội nghị Trung ương đã nhất trí đồng ý với tinh thần chung, các nguyên tắc lớn và cách trình bày về Dự thảo Hiến pháp. Hội nghị đã phân tích tình hình chính trị cơ bản trong nước hiện nay, phân tích nhiệm vụ và vai trò của Đảng trong công cuộc xây dựng nhà nước và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời cũng đã nhận định về ý nghĩa và tác dụng to

lớn của việc ban hành Hiến pháp mới. Hội nghị đã nêu lên một số ý kiến để các đồng chí phụ trách trong Ban sửa đổi Hiến pháp báo cáo với Ban nghiên cứu và bổ sung thêm.

Hội nghị nhận rằng việc đưa trình bản Dự thảo Hiến pháp ở Quốc hội vào khoá họp cuối năm nay là hợp thời và việc Quốc hội thông qua Hiến pháp sẽ là một sự cổ vũ lớn đối với nhân dân ta trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giành thống nhất nước nhà.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
CỦA HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ 17
Số 96-NQ/TW, ngày 22-12-1959*

**Về việc tổ chức đại hội các cấp và việc cử
đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc**

Để tiến tới Đại hội đại biểu lần thứ III của Đảng, Hội nghị lần thứ 17 Ban Chấp hành Trung ương họp tháng 10-1959 đã quyết định về việc tổ chức Đại hội Đảng ở các cấp và việc cử đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc như sau:

**I- Ý NGHĨA VIỆC TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CÁC CẤP
VÀ VIỆC CỬ ĐẠI BIỂU**

Để bàn định những vấn đề lớn thuộc về nhiệm vụ, đường lối, chính sách chung của toàn Đảng trong giai đoạn xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, đồng thời để quyết định việc sửa đổi Điều lệ của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương

* Hội nghị Trung ương lần thứ 17 họp tháng 10-1959, ngày 22-12-1959 mới ra nghị quyết (B.T).

đã quyết định triệu tập Đại hội toàn quốc của Đảng vào mùa thu năm 1960.

Để chuẩn bị cho Đại hội toàn quốc, các cấp bộ của Đảng đều phải tổ chức Đại hội để động viên toàn Đảng phát huy đầy đủ tính tích cực và sáng tạo, tham gia bàn định những vấn đề quan trọng của Đảng, tuyển cử đại biểu đi dự Đại hội Đảng cấp trên cho tới Đại hội toàn quốc để bàn định những vấn đề chung của toàn Đảng và cử lại Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (Các đảng bộ hoạt động bí mật thì các cấp uỷ có thể cử hoặc chỉ định đại biểu đi dự Đại hội cấp trên).

Vấn đề tổ chức Đại hội Đảng các cấp và việc cử đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc là một sự kiện có ý nghĩa rất trọng yếu trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và trong sinh hoạt chính trị của Đảng.

II- NHIỆM VỤ ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP

Theo Điều lệ Đảng thì Đại hội Đảng ở các cấp có nhiệm vụ:

"Xét và chuẩn y các báo cáo của Ban Chấp hành cũ.

"Bàn và định các vấn đề quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá và các vấn đề nội bộ Đảng của mỗi đảng bộ theo đúng đường lối chính sách chung của Đảng.

"Bàn các vấn đề do Ban Chấp hành Đảng cấp trên đề ra.

"Cử Ban Chấp hành mới của Đảng bộ và cử đại biểu đi dự đại hội đại biểu cấp trên nếu có".

Trong dịp này, Đại hội Đảng ở các cấp chủ yếu phải thảo luận và tham gia ý kiến đối với đề án của Đại hội toàn quốc; cử đại biểu đi dự đại hội cấp trên cho tới Đại hội toàn quốc.

Việc bàn định các vấn đề của mỗi đảng bộ và việc cử lại

Ban Chấp hành mới của đảng bộ, sẽ tuỳ tình hình của mỗi đảng bộ mà quyết định theo sự hướng dẫn của Trung ương.

III- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG VÀ VẤN ĐỀ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP

1. Đặc điểm tình hình

Hiện nay, ở miền Bắc chính quyền nhà nước do Đảng ta lãnh đạo, nhưng ở miền Nam, Đảng ta còn phải hoạt động bí mật.

Tại miền Bắc, số lượng đảng viên khá đông (tính đến tháng 6 năm 1959, tổng số có 432.492 đảng viên, kể cả đảng viên trong quân đội và 11.903 đảng viên dự bị, chiếm 2,93% dân số), nhưng phân bố không đều.

Trong số 425.341 đảng viên đã phân tích, thành phần xuất thân của đảng viên như sau:

- Công nhân	16.827	đảng viên	3,95%
- Bần cố nông	212.096	"	49,51%
- Trung nông	148.585	"	34,93%
- Tiểu tư sản	33.748	"	7,93%
- Lao động khác	11.840	"	2,8%
- Xuất thân thành phần bóc lột	2.245	"	0,50%

Ở các vùng tự do cũ, tỷ lệ đảng viên so với dân số khá cao (Hà Tĩnh 5,1%, Nghệ An 4%, Tuyên Quang 2,8%); nhưng các vùng mới giải phóng, nhất là những vùng miền núi mới giải phóng, tỷ lệ đảng viên còn thấp (Sơn Tây 0,9%, Hà Đông 0,8%, Tây Bắc 0,6%, Hải Ninh 0,4%).

Tình hình phát triển của Đảng trong các dân tộc miền

núi không đều; nếu lấy đảng viên so với dân số thì trong dân tộc Tày số đảng viên chiếm 3,1%; dân tộc Thái, dân tộc Mán 0,5%; dân tộc Mèo 0,09%...

Đại bộ phận đảng viên là ở chi bộ nông thôn, hiện nay có 245.097 đảng viên chiếm 71,3% trong tổng số, còn trong các xí nghiệp, công trường, nông trường có 24.560 đảng viên, chiếm 7,1% trong tổng số đảng viên.

Trong quân đội số đảng viên khá lớn, hiện có 83.529 đảng viên (kể cả các tỉnh đội), chiếm 19% tổng số đảng viên.

Trong tổng số đảng viên, hiện nay có 12.575 đảng viên đã kinh qua hoặc đang tham gia các cấp uỷ từ huyện uỷ trở lên, trong đó có 2.183 cán bộ đã kinh qua từ cấp tỉnh trở lên.

Trong tổng số cán bộ cao cấp và trung cấp, 59% tập trung ở các cơ quan trung ương; đại bộ phận cán bộ cao cấp tập trung ở Trung ương.

Về hệ thống tổ chức, hiện nay có những điểm cần chú ý như sau:

Ở cơ sở, hiện còn một số xã miền núi chưa có chi bộ, hoặc mới có chi bộ ghép, như ở Hải Ninh, Tây Bắc..., nhưng cũng có những xã đảng viên có từ 200 đến 300 như ở Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh... Trong một số xí nghiệp, công trường, nông trường, số lượng đảng viên có nơi có từ 500 đến 700; tổ chức cơ sở của Đảng ở những nơi này đã chia thành hai cấp là các chi bộ và Ban Chấp hành đảng bộ cơ sở; một số ít cơ sở đã chia thành ba cấp.

Ở các cấp bên trên của đảng bộ cơ sở, có các cấp huyện, thị, quận rồi đến các tỉnh, thành, khu như điều lệ đã quy định. Nhưng từ hoà bình đến nay, đã có nhiều tổ chức mới như các xí nghiệp, các tập đoàn sản xuất, các hợp tác xã thủ

công... đáng lẽ cơ sở đảng trong những đơn vị này phải thuộc các cấp huyện, thị hoặc đảng uỷ khu phố lãnh đạo, nhưng nói chung các cấp đó chưa được tăng cường đầy đủ và chưa đủ sức lãnh đạo, do đó một số địa phương đã phải tạm thời thành lập ra một số cấp uỷ để giúp cho tỉnh uỷ, thành uỷ lãnh đạo công tác của các đảng bộ cơ sở đó.

Dưới Ban Chấp hành Trung ương Đảng, có các khu uỷ, thành uỷ, tỉnh uỷ và một số các đảng uỷ khác trực thuộc Trung ương; Đảng bộ trong quân đội cũng là một đảng bộ trực thuộc Trung ương, nhưng Trung ương chỉ định ra Tổng quân uỷ để phụ trách lãnh đạo công tác của Đảng trong quân đội. Lại còn có một số chi bộ ở nước ngoài, hiện nay trực thuộc Trung ương.

2. Phương châm tiến hành Đại hội Đảng ở các cấp.

Căn cứ vào yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng của Đảng và tình hình của Đảng ta hiện nay, trong quá trình tổ chức Đại hội Đảng các cấp, cần nắm vững những phương châm sau đây.

a) Phải đảm bảo cho Đại hội Đảng ở các cấp có đủ điều kiện tham gia bàn định đúng đắn và đầy đủ đối với những vấn đề nêu ra trong đề án Đại hội toàn quốc và bàn định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của đảng bộ mỗi cấp.

Phải tập trung cho được trí tuệ của toàn Đảng, phản ánh cho được tình hình và hoạt động về mọi mặt của Đảng.

b) Phải thể hiện cho được tinh thần đoàn kết thống nhất của Đảng.

c) Phải mở rộng dân chủ đầy đủ đi đôi với tăng cường tập trung.

3. Những quy định cụ thể trong việc tổ chức Đại hội Đảng ở các cấp.

Muốn tổ chức Đại hội Đảng các cấp cho tới Đại hội toàn quốc, phải tổ chức Đại hội từ cơ sở trở lên.

Tất cả các đảng bộ cơ sở đều phải tổ chức đại biểu Đại hội, đại biểu Đại hội Đảng ở cơ sở có thể tổ chức từ chi bộ trở lên, hoặc có thể tổ chức đại hội toàn thể đảng viên để thảo luận đề án và cử đại biểu đi dự đại hội cấp trên (như trường hợp Đảng bộ cơ sở tuy đã chia ra thành nhiều cấp, nhưng số lượng đảng viên dưới 100).

Tất cả các cấp huyện, thị, quận, tỉnh, thành, khu đều phải tổ chức Đại hội Đảng. Ở một số huyện miền núi, số đảng viên quá ít, có thể tổ chức Đại hội đảng viên toàn huyện để thảo luận đề án và cử đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

Đối với một số cấp không chính thức quy định trong Điều lệ Đảng, như do cấp trên chỉ định ra để phụ trách một số đảng bộ cấp dưới, hoặc tạm thời được thành lập một thời gian, thì tùy theo tình hình ở mỗi nơi mà đề nghị lên cấp trên chuẩn y việc tổ chức đại hội ở cấp đó; hoặc cũng có thể không cần phải tổ chức đại hội ở cấp đó; trong trường hợp sau, Đại hội Đảng ở cấp dưới được trực tiếp cử đại biểu đi dự đại hội Đảng cấp trên, (ví dụ: Đại hội Đảng ở từng xí nghiệp, bệnh viện, trường học... có thể không cần tổ chức đại hội chung các xí nghiệp, bệnh viện, trường học... mà trực tiếp cử đại biểu đi dự đại hội cấp trên).

Đối với các đảng bộ trong quân đội, Tổng quân uỷ sẽ hướng dẫn tổ chức đại hội cho các cấp theo đúng những nguyên tắc chung đã được Trung ương quy định.

4. Những quy định cụ thể trong việc tuyển cử đại biểu Đại hội toàn quốc.

a) Điều kiện và tiêu chuẩn của đại biểu.

Để việc cử đại biểu tiến hành được tốt, trong việc cử đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc, cần chú trọng đến điều kiện và tiêu chuẩn của mỗi một đại biểu.

Điều kiện của các đại biểu là: phải là đảng viên chính thức, được Đại hội Đảng cấp dưới dân chủ tuyển cử lên, hoặc được cấp uỷ triệu tập Đại hội chỉ định theo đúng Điều lệ Đảng đã quy định.

Những đại biểu được cử đi dự Đại hội phải là những cán bộ, đảng viên ưu tú tiêu biểu cho trí tuệ và ý chí phấn đấu của tất cả các đảng bộ, đảm bảo phản ánh được tình hình hoạt động của các đảng bộ trên mọi lĩnh vực từ cơ sở trở lên.

b) Đơn vị cử đại biểu.

Các đơn vị được cử đại biểu lên Đại hội toàn quốc gồm có:

- Các Đảng bộ khu trực thuộc Trung ương	3	đơn vị
- Các Đảng bộ thành phố trực thuộc TW	2	"
- Các Đảng bộ tỉnh trực thuộc TW	21	"
- Các Đảng bộ, các cơ quan chính dân đảng Trung ương, Tổng cục đường sắt, khu gang thép Thái Nguyên, khu vực Vĩnh Linh	4	"
- Đảng bộ trong quân đội, Đảng bộ miền Nam.	2	"
Tổng cộng	32	đơn vị

- Về đại biểu của Đảng bộ miền Nam, có quy định riêng.

Các chi bộ ở nước ngoài cần tổ chức đại hội ở từng chi bộ để thảo luận đề án Đại hội toàn quốc, nhưng vì số lượng đảng

viên mỗi nơi có ít, lại ở phân tán, cho nên không tính thành đơn vị cử đại biểu; Trung ương sẽ chỉ định một số đại biểu trong các đơn vị đó về dự Đại hội toàn quốc.

c) *Số lượng đại biểu.*

Tổng số đại biểu chính thức đi dự Đại hội toàn quốc sẽ là trên dưới 500 người.

Số đại biểu dự khuyết đi dự Đại hội toàn quốc sẽ là trên dưới 50 người, tức là 1/10 so với tổng số đại biểu chính thức; các đại biểu dự khuyết không có quyền biểu quyết các vấn đề trong đại hội, nhưng các quyền lợi khác đều được hưởng như đại biểu chính thức.

Ngoài số đại biểu chính thức và dự khuyết đi dự Đại hội, Trung ương sẽ mời một số đại biểu các Đảng anh em và một số khách trong nước chọn trong những anh hùng chiến sĩ, những nhân sĩ trí thức, những nhân vật tiêu biểu trong Mặt trận, các đảng phái dân chủ, các đoàn thể quần chúng xung quanh Đảng, những đảng viên cũ có công đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đảng. Số khách trong nước sẽ được mời tới dự các buổi khai mạc, bế mạc, hoặc các buổi báo cáo chung trong Đại hội tùy theo tình hình làm việc của Đại hội.

d) *Vấn đề phân phối đại biểu.*

Theo Điều lệ Đảng: "Việc ấn định số lượng đại biểu cho mỗi đảng bộ là phải căn cứ vào tình hình chung, vào số lượng đảng viên và sự quan trọng của mỗi đảng bộ trực thuộc", để thi hành điều quy định đó cho sát với tình hình, đặc điểm của Đảng ta, cần phân tích rõ thêm như sau:

- Trong vấn đề phân phối đại biểu, trước hết phải căn cứ vào số lượng đảng viên, kể cả đảng viên chính thức và đảng viên dự bị của mỗi đảng bộ để định số đại biểu cho mỗi đảng bộ như thế để đảm bảo thực hiện dân chủ trong sự tổ chức

lãnh đạo của Đảng, đảm bảo quyền lợi của đảng viên trong sinh hoạt chính trị của Đảng. Song, trong khi phân phối đại biểu, còn phải xét đến tình hình chung, đến tính chất quan trọng và đến tình hình phát triển không đều nhau giữa các đảng bộ, để có thể định số lượng đại biểu cho mỗi đảng bộ một cách thích hợp, đảm bảo phản ánh được đầy đủ tình hình và ý kiến của mỗi đảng bộ cho Đại hội. Đối với một số đảng bộ có đông đảng viên, nếu được quá nhiều đại biểu, cần phải giảm đi một số nhất định để số lượng đại biểu không chênh lệch quá nhiều giữa các đơn vị; đồng thời đối với một số đơn vị quan trọng như có đông công nhân hoặc tập trung nhiều cán bộ cao cấp và trung cấp của Đảng và một số vùng mới giải phóng tỷ lệ đảng viên còn quá thấp, có thể cho thêm mỗi nơi một số đại biểu.

Cụ thể cách tính số đại biểu cho mỗi đơn vị như sau:

- Cứ mỗi một ngàn đảng viên được bầu một đại biểu; sau khi tính theo 1.000 đảng viên được cử 1 đại biểu, nếu còn số lẻ từ 500 đảng viên trở lên cũng được cử thêm 1 đại biểu. Những đơn vị không đủ 1.000 đảng viên cũng được cử 1 đại biểu (số lượng đảng viên lấy theo con số thống kê cuối tháng giêng năm 1960).

Đối với một số đơn vị lớn nếu tính theo số lượng đảng viên đã được từ 35 đại biểu trở lên, cần phải giảm đi một số nhất định, nhưng không giảm quá 1/3 tổng số đại biểu mà những đơn vị ấy được cử.

Đối với các vùng tập trung công nhân, cứ 5.000 công nhân được cử thêm 1 đại biểu, nếu còn số lẻ từ 2.000 công nhân trở lên cũng được cử thêm 1 đại biểu. Đặc biệt đối với Hà Nội, Hải Phòng, Hồng Quảng, Nam Định và Tổng Cục đường sắt là những nơi có những xí nghiệp lớn và quan trọng

thì cứ trung bình 2.500 công nhân được cử thêm 1 đại biểu.

Đối với Đảng bộ các cơ quan chính dân đảng trung ương là nơi tập trung nhiều cán bộ cao cấp và trung cấp của Đảng, Trung ương sẽ cho thêm một số đại biểu.

Đối với các vùng mới giải phóng, tỷ lệ đảng viên còn quá thấp (như dưới 1,5% so với dân số), Trung ương sẽ căn cứ tình hình chung và dân số khác nhau giữa các vùng để cho thêm mỗi nơi một số đại biểu. Cụ thể là: ở miền núi cứ có 10 vạn dân được cử thêm 1 đại biểu, và ở đồng bằng cứ có 30 vạn dân được cử thêm 1 đại biểu.

Ngoài những quy định cụ thể kể trên, theo Điều lệ Đảng, Trung ương sẽ cử một nửa số uỷ viên Trung ương làm đại biểu chính thức và sẽ chỉ định thêm một số đại biểu chính thức nữa; nhưng số đại biểu này sẽ không chỉ định trong Ban Chấp hành Trung ương và cũng không chỉ định tới 1/10 tổng số đại biểu chính thức do các địa phương cử lên.

Việc phân phối số đại biểu dự khuyết cho các đơn vị quy định như sau: tất cả các đơn vị đều được cử ít nhất 1 đại biểu dự khuyết; những đơn vị có nhiều đại biểu chính thức được cử thêm 1 đại biểu dự khuyết, và sau khi đã tính theo 10 đại biểu chính thức được 1 đại biểu dự khuyết, nếu còn số lẻ từ 5 đại biểu chính thức trở lên cũng được cử thêm 1 đại biểu dự khuyết.

5. Một số vấn đề trong việc lãnh đạo lựa chọn đại biểu.

Để có thể tập trung được trí tuệ của toàn Đảng, đảm bảo phản ánh được đầy đủ tình hình hoạt động của tất cả các ngành, các cấp của toàn Đảng tới Đại hội, để thực hiện được tinh thần đoàn kết thống nhất của Đảng, trong việc lựa chọn đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc, cần chú trọng những điểm sau đây:

a) Nói chung khi lựa chọn đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc, phải nhằm vào những cán bộ, đảng viên xuất sắc trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Đảng, nhưng cần chú trọng đến những cán bộ, đảng viên trong các ngành kinh tế, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, những anh hùng chiến sĩ trong công nghiệp, nông nghiệp, quân đội, những cán bộ đảng viên có thành tích, có kinh nghiệm tiêu biểu của các phong trào từ trước đến nay.

b) Phải có một số đại biểu là cán bộ, đảng viên xuất sắc từ cơ sở trực tiếp cử lên để phản ánh tình hình và góp ý kiến cho Đại hội. Đặc biệt phải chú trọng đến những cán bộ, đảng viên là công nhân trực tiếp sản xuất, đấu tranh trong các xí nghiệp, công trường, nông trường và một số cán bộ đảng viên xuất sắc trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và hợp tác xã sản xuất thủ công nghiệp.

c) Đối với thành phần đại biểu là phụ nữ, trong khi lãnh đạo tuyển cử đại biểu cần phải hết sức chú ý.

d) Phải chú trọng thích đáng đến những đảng viên cán bộ tiêu biểu của các dân tộc miền núi kể cả dân tộc ít người, để có thể phản ánh cho Đại hội những ý nguyện của đảng viên và quần chúng thuộc các dân tộc miền núi. Cần căn cứ vào số lượng đảng viên thuộc các dân tộc ít người để hướng dẫn việc cử đại biểu, đồng thời phải xét đến tính chất quan trọng của một số dân tộc trên rẻo cao, tuy số lượng đảng viên có ít nhưng dân số đông, cần có đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc, như các dân tộc Mèo, Mán, v.v..

e) Phải đảm bảo có trên dưới 2/3 số đại biểu là cán bộ cao cấp, trung cấp.

Hiện nay hơn một nửa số cán bộ cao cấp, trung cấp của Đảng tập trung ở Trung ương và phần lớn cán bộ cao cấp đều

ở trung ương, cho nên ngoài việc cử và chỉ định một số đi dự Đại hội toàn quốc theo như quy định của Điều lệ Đảng, Trung ương còn cần giới thiệu một số cán bộ về các địa phương ứng cử đi Đại hội toàn quốc. Số cán bộ được Trung ương giới thiệu về các địa phương ứng cử sẽ không quá 1/4 tổng số đại biểu do các địa phương được bầu cử lên; và khi Trung ương giới thiệu những ai về địa phương nào ứng cử, cấp uỷ địa phương được tham gia đầy đủ ý kiến với Trung ương đối với từng người một.

g) Về vấn đề thời gian tổ chức Đại hội ở các cấp, cần làm cho kịp trước Đại hội toàn quốc; cụ thể là Đại hội ở cơ sở phải bắt đầu tiến hành từ tháng 3 năm 1960, và Đại hội ở các đảng bộ trực tiếp cử đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc phải tiến hành xong trước ngày 15-6-1960.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG CÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Về Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 17

Trung tuần tháng 10-1959 vừa qua, Ban Chấp hành Trung ương đã họp Hội nghị lần thứ 17 (mở rộng) để duyệt bản Dự thảo Hiến pháp sửa đổi và Luật tuyển cử Quốc hội ; sau đó, đã bàn vấn đề triệu tập Đại hội Đảng lần thứ III, và vấn đề sửa một vài chỉ tiêu trong kế hoạch nhà nước ba năm.

Về kết quả thảo luận bản Dự thảo Hiến pháp sửa đổi, Ban Bí thư đã ra thông cáo công khai đăng trên các báo ngày 3-11-1959. Nay Ban Bí thư thông tri thêm trong nội bộ Đảng về hai vấn đề sau để các cấp, các ngành được rõ:

1. Về vấn đề triệu tập Đại hội Đảng.

Hội nghị Trung ương nhận định đây là một vấn đề quan trọng vào bậc nhất trong sinh hoạt nội bộ của Đảng, một vấn đề có một tầm quan trọng quyết định đối với việc xây dựng và củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đồng thời lại có một tầm quan trọng rất lớn lao đối với sự nghiệp đấu tranh cách mạng của toàn dân, nhằm thúc đẩy cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước. Hồi đầu năm, đã dự định triệu tập vào khoảng tháng 9 hoặc tháng 10 năm nay, nhưng vì chuẩn bị không kịp, phải hoãn.

Nay Hội nghị Trung ương đã cân nhắc tình hình các mặt, và quyết định sẽ triệu tập vào tháng 9-1960, sau Lễ kỷ niệm Quốc khánh lần thứ 15. Đại hội sẽ làm ba việc chính:

- a) Nghe báo cáo công tác của Ban Chấp hành Trung ương, thảo luận tình hình và nhiệm vụ trước mắt của Đảng;
- b) Thảo luận vấn đề sửa đổi Điều lệ Đảng;
- c) Cử Ban Chấp hành Trung ương mới.

Hội nghị đã ấn định số đại biểu dự Đại hội khoảng trên dưới 500 người, gồm các đại biểu do các địa phương và các đảng bộ trực thuộc Trung ương cử, và một số đại biểu do Ban Chấp hành Trung ương chỉ định theo như Điều lệ Đảng hiện nay cho phép. Ngoài ra, còn có một số đại biểu mời trong nước và ngoài nước. Hội nghị Trung ương đã thông qua các nguyên tắc chính về việc phân phối đại biểu cho các địa phương và các đảng bộ trực thuộc, và thông qua những nét chính về kế hoạch triệu tập Đại hội đại biểu các cấp để thảo luận các đề án Đại hội và cử đại biểu. Hội nghị Trung ương đã giao Bộ Chính trị nghiên cứu cụ thể rồi đến thời gian thích đáng sẽ triệu tập đại biểu các cấp, các ngành phổ biến, thảo luận để thi hành.

Cuối cùng, Hội nghị Trung ương đã quyết định trong những tháng trước mắt, Bộ Chính trị sẽ phải sắp xếp chương trình, kế hoạch làm việc, để một mặt vẫn có thể chỉ đạo công tác hàng ngày được tốt, một mặt lại tập trung được lực lượng chuẩn bị các đề án Đại hội và tiến hành mọi việc chuẩn bị khác để có thể triệu tập Đại hội đúng thời gian đã định.

2. Về vấn đề sửa đổi một vài chỉ tiêu trong kế hoạch nhà nước ba năm.

Hội nghị Trung ương đã nghe báo cáo sơ bộ về tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước ba năm, về kết quả to lớn đã

đạt được trên các mặt trận cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, về những thuận lợi, khó khăn trước mắt và về triển vọng thực hiện đối với một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch.

Hội nghị Trung ương nhận định rằng: điều quan trọng trước hết là cần làm cho toàn Đảng nhận rõ rằng nhìn chung, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14 về quyết định đường lối, phương châm, nhiệm vụ cơ bản và nhiệm vụ trọng tâm trước mắt của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, về đánh giá phong trào quần chúng hồi cuối 1958, về tư tưởng chỉ đạo và phương hướng phấn đấu của kế hoạch nhà nước ba năm đều rất chính xác, do đó, đã được đảng viên và quần chúng hoan nghênh nhiệt liệt, đã có một tác dụng lớn thúc đẩy phong trào, và từ bấy đến nay đã đưa lại những thắng lợi to lớn. Tuy nhiên, vì chưa nắm chắc được tình hình thực tế, vì chưa đánh giá đúng mức thuận lợi, khó khăn, và cũng vì chưa có kinh nghiệm thực tế về xây dựng chỉ tiêu kế hoạch, cho nên đối với một vài chỉ tiêu cụ thể, Hội nghị Trung ương đã quyết định có cái cao (như chỉ tiêu về sản xuất thóc, về một số công trình xây dựng cơ bản), nhưng cũng có cái thấp (như về giao thông vận tải, về đào tạo cán bộ và công nhân). Đối với những chỉ tiêu cao hoặc thấp ấy, nay đã có điều kiện thấy rõ, thì cần sửa lại – chỉ tiêu cao thì điều chỉnh xuống, chỉ tiêu thấp thì điều chỉnh lên – cho thích hợp. Nhưng khi sửa, cần phân rõ đúng sai, giữ vững tinh thần tích cực phấn đấu và nỗ lực tiến lên của đảng viên và quần chúng, ngăn ngừa các hiện tượng dao động, hữu khuynh có thể xảy ra. Và cần nắm vững: chỉ đối với những chỉ tiêu nào xét rõ là không đúng thì mới sửa, chứ không sửa tràn lan; đối với nhiều chỉ tiêu khác hiện nay, chưa đạt được chỉ vì thiếu

nỗ lực chủ quan thì phải tìm mọi biện pháp nỗ lực phấn đấu để thực hiện.

Đối với tinh thần sửa một số chỉ tiêu trong kế hoạch nhà nước ba năm như trên. Hội nghị Trung ương đã quyết định cần thông tri cho nội bộ Đảng hiểu rõ. Đối với ngoài Đảng, chỉ sẽ công bố khi Chính phủ báo cáo trước Quốc hội về tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1959, và đề nghị các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 1960, và sẽ tiến hành việc sửa các chỉ tiêu nói trên *theo cách điều chỉnh bình thường*, như thế để tránh hiểu lầm và không gây một không khí xao xuyến không cần thiết. Khi những chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 1960 được công bố, các cấp, các ngành có trách nhiệm *tiến hành những công tác tư tưởng cần thiết, để phát huy tinh thần hăng hái thi đua của quần chúng, quyết tâm đẩy mạnh mọi mặt công tác, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra*.

Đối với tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương như thế, mong các cấp, các ngành chú trọng nghiên cứu, thi hành.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 87-NQ/TW, ngày 20-10-1959

Về quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Tổ chức Đại hội Đảng

Tiếp theo Nghị quyết về việc thành lập Ban Tổ chức Đại hội Đảng số 82-NQ/TW ngày 22-7-1959, nay Ban Bí thư quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Tổ chức Đại hội Đảng như sau:

I- NHIỆM VỤ

Ban Tổ chức Đại hội Đảng có nhiệm vụ tổ chức và lãnh đạo việc chuẩn bị cho Đại hội về mặt vật chất để Đại hội khai mạc đúng thời hạn và tiến hành được kết quả tốt, cụ thể là:

1. Nghiên cứu việc mời khách quốc tế trình Trung ương duyệt; sau khi được duyệt thì tiến hành mời. Đối với một số Đảng anh em khác mà ta không tiện mời thì đánh điện báo tin và đề nghị các Đảng đó có điện chào mừng. Chuẩn bị các cuộc toạ đàm giữa Trung ương ta và các Đoàn đại biểu Đảng anh em nếu có. Dịch các Văn kiện Đại hội ra tiếng nước ngoài và dịch trực tiếp ở hội trường (sẽ dùng bốn thứ tiếng Nga, Hoa, Anh, Pháp).

2. Tiếp nhận và lập danh sách đại biểu trong nước, theo dõi sự có mặt của các đoàn đại biểu ấy trong các phiên họp ở tổ cũng như ở hội trường để báo cáo với Chủ tịch đoàn.

3. Chăm lo sinh hoạt vật chất và giải trí cho đại biểu trong nước và ngoài nước như chỗ ở, ăn, phương tiện đi lại, vấn đề tham quan, giải trí, v.v.. Chăm lo sức khoẻ cho đại biểu.

4. Chuẩn bị và trang trí hội trường, sắp xếp chỗ ngồi cho đại biểu trong nước và nước ngoài; chuẩn bị các dụng cụ, phương tiện làm việc cho Đại hội.

5. Bảo vệ an toàn tuyệt đối cho đại biểu khi ăn, nghỉ, làm việc, đi đường, tham quan; bảo vệ an toàn ở hội trường bảo vệ tài liệu cho Đại hội.

6. Tiếp nhận, in, phân phối, bảo quản các tài liệu, Văn kiện của Đại hội; thu hồi những tài liệu cần thiết, lập hồ sơ lưu trữ các tài liệu và Văn kiện của Đại hội. Giúp Chủ tịch đoàn và Thư ký đoàn ghi chép các cuộc thảo luận ở tổ và hội trường (bằng máy ghi âm hoặc ghi tay).

7. Bảo quản tài sản, quản lý việc chi tiêu của Đại hội để bảo đảm tiết kiệm, tránh lãng phí, chống tham ô.

8. Quản lý và giáo dục cán bộ, công nhân, nhân viên phục vụ Đại hội để đảm bảo phục vụ Đại hội được tốt.

9. Quản lý việc quay phim và chụp ảnh tại Đại hội.

II- QUYỀN HẠN

Để thực hiện những nhiệm vụ trên, Ban Tổ chức Đại hội Đảng có quyền hạn như sau:

1. Tổ chức ra các bộ phận giúp việc.

2. Đại hội Đảng là một việc quan trọng, một mình Ban Tổ chức Đại hội không thể đảm đương hết nhiệm vụ, cần phải có

sự giúp đỡ tích cực của các cấp, các ngành. Do đó Ban Tổ chức Đại hội được quyền liên lạc với các cấp uỷ địa phương, các ban, các Đảng đoàn, Đảng uỷ trực thuộc Trung ương để thảo luận việc huy động cán bộ nhân viên, phương tiện và dụng cụ phục vụ Đại hội.

Ban Tổ chức Đại hội Đảng, các cấp uỷ đảng, các ban, các đảng đoàn, đảng uỷ có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
VỀ HỘI NGHỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 46-TB/TW, ngày 20-10-1959

Bàn về vấn đề hợp tác hoá nghề cá miền biển

Chiều ngày 16-10-1959, Bộ Chính trị đã họp bàn về vấn đề hợp tác hoá nghề cá miền biển.

Có mặt: Bác và các đồng chí Năm, Hoan, Hùng.

Tham dự, có các đồng chí Dục, Khiếu (Ban Công tác nông thôn), Lương (Văn phòng Trung ương).

Sau khi nghe đồng chí Dục báo cáo về tình hình tiến hành hợp tác hoá nghề cá miền biển, và trình bày những điểm chính trong bản chỉ thị của Bộ Chính trị về công tác này (do Ban Công tác nông thôn Trung ương dự thảo); và nghe đồng chí Năm bổ sung, Bộ Chính trị đã thảo luận, và có những ý kiến như sau:

a) Về mục đích yêu cầu của cuộc vận động hợp tác hoá nghề cá miền biển, Bộ Chính trị đồng ý nêu các mặt kinh tế, chính trị, tư tưởng, tổ chức như Ban Công tác nông thôn đề nghị, nhưng cần làm nổi bật mục đích cải thiện sinh hoạt, nâng cao mức sống cho dân lao động nghề cá hơn. Về điểm yêu cầu về kinh tế, nên sửa lại cho gọn và rõ, bớt nặng nề.

b) Về vấn đề đường lối giai cấp trong công tác hợp tác

hoá nghề cá miền biển, cần chú ý những đặc điểm tình hình trong quan hệ giai cấp trong nghề cá miền biển, để quy định cho thích hợp hơn. Thí dụ: các chủ nghề, chủ phànng tuy có bóc lột, nhưng họ thường là những người có nhiều kinh nghiệm trong nghề (xem luồng cá, thời tiết, v.v.); những kinh nghiệm này là rất cần thiết cho dân đánh cá, vả lại, họ lại có một số tư liệu sản xuất; do đó, không nên đối với họ như đối với phú nông (Ban Công tác nông thôn đề nghị: "nói chung lúc mới tổ chức hợp tác xã không nên kết nạp họ"), mà nói chung là nên thuyết phục để thu hút họ vào hợp tác xã (cố nhiên không thể để cho họ lũng đoạn hay lợi dụng hợp tác xã), như thế mới có lợi cho sản xuất, có lợi cho dân đánh cá thuê và đánh cá nghèo hơn.

Nói chung, vì trong toàn miền Bắc, số người làm nghề cá biển không đông, nên việc hợp tác hoá nghề cá miền biển cần tranh thủ làm gọn, không gây căng thẳng.

c) Về hình thức tổ chức và bước đi trong công tác hợp tác hoá nghề cá miền biển, Bộ Chính trị đồng ý các hình thức: tập đoàn, hợp tác xã bậc thấp, hợp tác xã bậc cao. Và đồng ý có những trường hợp từ tập đoàn chuyển ngay lên hợp tác xã bậc cao (không qua hình thức hợp tác xã bậc thấp).

Đối với các tập đoàn đánh cá miền Nam hướng đi là: chọn một số có đủ điều kiện để chuyển thành cơ sở đánh cá quốc doanh, sản xuất quy mô lớn, còn nữa thì giúp đỡ để xây dựng thành những hợp tác xã kiểu mẫu.

d) Về vấn đề chính sách cụ thể của hợp tác xã: đồng ý các đề nghị của Ban Công tác nông thôn (chính sách đối với vấn đề dụng cụ, thuyền lưới, cổ phàn, phân phối thu nhập,...).

e) Về vấn đề lãnh đạo, Bộ Chính trị nhấn mạnh các vấn đề lãnh đạo việc quản lý sản xuất (kinh doanh nhiều mặt để

sử dụng hết sức lao động, nhất là sức lao động của phụ nữ, và tăng thêm thu nhập cho xã viên), cải tiến kỹ thuật (cải tiến dụng cụ, thuyền lưới, dần dần dùng thuyền máy, v.v.); vấn đề mậu dịch cung cấp nguyên vật liệu và nhất là công tác thu mua (cải tiến việc "thống nhất thu mua", xét kỹ vấn đề giá cả). Ngoài ra, các cấp uỷ cần chú trọng lãnh đạo công tác hợp tác hoá nghề cá miền biển hơn, hiện nay cần tổ chức việc trao đổi, phổ biến kinh nghiệm vận động hợp tác hoá nghề cá miền biển, và phát triển đảng viên, củng cố cơ sở đảng và các tổ chức quần chúng trong dân lao động đánh cá miền biển.

Cuối cùng, Bộ Chính trị giao Ban Công tác nông thôn sửa lại bản dự thảo chỉ thị để Ban Bí thư xem lại. Trong bản chỉ thị, phần tình hình cần nói rõ hơn, nhất là nói rõ quan hệ giai cấp trong nghề cá miền biển, bước tiến của phong trào hiện nay và triển vọng. Và bản chỉ thị sẽ chỉ coi là tạm thời, sau này Bộ Chính trị sẽ nghiên cứu thêm để bổ sung và ra chỉ thị chính thức.

VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG

LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 167-CT/TW, ngày 22-10-1959

Về kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng

Năm 1960, chúng ta sẽ có ba ngày lễ lớn: kỷ niệm thành lập Đảng năm thứ 30, Hồ Chủ tịch thọ 70 tuổi và Quốc khánh lần thứ 15 nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Năm 1960 lại là năm có nhiều sự kiện có ý nghĩa chính trị to lớn: Đại hội Đảng lần thứ ba họp, công bố Hiến pháp mới và tuyển cử Quốc hội mới, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân tiến lên những bước mới, kết thúc kế hoạch nhà nước ba năm và chuẩn bị bước vào kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc. Những sự kiện ấy đều là những dịp động viên chính trị mạnh mẽ, nhằm giáo dục liên tục toàn Đảng, toàn dân, nâng cao lòng yêu nước và ý thức xã hội chủ nghĩa, phát huy truyền thống đấu tranh bền bỉ và anh dũng, quyết tâm làm tròn mọi nhiệm vụ đã đề ra.

Đối với mỗi việc nói trên, Ban Bí thư sẽ lần lượt ra những chỉ thị cần thiết. Chỉ thị này chỉ mới nói riêng về việc kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng, tức ngày 6-1-1960.

Theo Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, từ nay, ngày kỷ niệm thành lập Đảng sẽ làm vào ngày 6-1 mỗi năm.

Kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng nhằm đạt mấy yêu cầu chính sau đây:

a) Giáo dục sâu rộng đảng viên và quần chúng về vấn đề đảng; về lịch sử và thành tích của Đảng, về tính chất và vai trò của Đảng, về đường lối và chính sách căn bản của Đảng. Do đó mà nâng cao ảnh hưởng và uy tín của Đảng, thắt chặt thêm mối quan hệ giữa đảng và quần chúng.

b) Thúc đẩy việc xây dựng và củng cố tổ chức đảng ở các ngành, các địa phương, chủ yếu là ở các tổ chức cơ sở của Đảng. Như thế để làm cho Đảng ta thêm vững mạnh, đủ sức làm tròn các nhiệm vụ chính trị nặng nề trước mắt và sau này của Đảng.

c) Thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng, đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, và đấu tranh giành thống nhất nước nhà.

Về kế hoạch tổ chức kỷ niệm cụ thể.

Ban Bí thư quyết định mấy việc chính sau đây:

a) Mở một đợt tuyên truyền, giáo dục rộng rãi và sâu sắc về Đảng bằng mọi hình thức; hội họp trong Đảng và ngoài quần chúng; thảo luận hoặc nói chuyện; xuất bản sách báo, tranh ảnh, tổ chức triển lãm, tham quan; các hoạt động nghệ thuật, v.v..

Trung ương sẽ soạn một tài liệu về lịch sử đấu tranh 30 năm của Đảng, để làm tài liệu giáo dục trong Đảng và ngoài quần chúng.

b) Tiến hành một đợt kết nạp đảng viên mới nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng, lấy tên là "lớp 6-1", nhằm đối tượng chính là công nhân các xí nghiệp, xã viên hợp tác xã, và trí thức cách mạng đã được thả thách. Đẩy

mạnh việc củng cố các tổ chức cơ sở của Đảng ở các xí nghiệp, công trường, nông trường, xã, cơ quan, quân đội, trường học, bệnh viện, v.v..

c) Tổ chức một đợt thi đua sản xuất, xây dựng, công tác, học tập, nhằm hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1959, tích cực xây dựng và thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1960, để lấy thành tích thiết thực kỷ niệm ngày thành lập Đảng.

Các Ban Tuyên huấn, Tổ chức và Thi đua Trung ương sẽ ra thông tri hướng dẫn các cấp, các ngành thực hiện những việc trên đây.

Nhận được Chỉ thị này, các cấp, các ngành cần thảo luận chu đáo và tích cực chấp hành.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 168-CT/TW, ngày 28-10-1959

Về việc đẩy mạnh cuộc vận động thi đua yêu nước

Từ sau Đại hội liên hoan anh hùng, chiến sĩ thi đua công, nông, binh toàn quốc lần thứ hai và qua những đợt vận động giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, phong trào thi đua đã phát triển sâu rộng trong công nhân, nông dân, quân đội và các tầng lớp nhân dân khác. Kết quả của phong trào thi đua biểu hiện trên tinh thần dũng cảm lao động, tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm - đã tạo ra nhiều kỷ lục mới và đem lại những thành tích rất lớn trên mọi lĩnh vực công tác, nhất là trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong sản xuất công nghiệp và nông nghiệp.

Nhưng phong trào thi đua hiện nay phát triển chưa đều: quan niệm về phong trào thi đua chưa thống nhất; trong sản xuất mới chú ý tới số lượng, chưa trọng chất lượng, tình trạng lãng phí, tham ô còn khá phổ biến và có nơi nghiêm trọng; ý thức tôn trọng kỷ luật lao động trong một số công nhân còn kém; việc khen thưởng nhiều nơi chưa làm được kịp thời; nhiều sáng kiến của công nhân, nông dân, chiến sĩ, trí thức chưa được nghiên cứu và áp dụng; trong lãnh đạo, nhiều nơi chưa quan tâm đúng mức tới việc cải thiện đời sống cho

công nhân trong những điều kiện có thể.

Để kịp thời phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, đẩy mạnh phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch 3 năm, Ban Bí thư quy định một số điểm chính như dưới đây:

1. Tên của phong trào thi đua:

Nước ta còn tạm thời chia làm hai miền: công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc chưa hoàn thành, tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong quần chúng chưa được giáo dục đầy đủ; Đảng ta còn phải động viên tinh thần yêu nước của nhân dân, quân đội và cán bộ ta để đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất Tổ quốc. Tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội là một. Vì vậy, Bộ Chính trị đã quyết định tên của phong trào thi đua hiện nay là phong trào "Thi đua yêu nước".

2. Nội dung thi đua:

Nội dung thi đua của phong trào thi đua yêu nước hiện nay là *"dũng cảm lao động, phát huy sáng kiến, khắc phục khó khăn, cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức lao động và lề lối làm việc, tăng năng suất, thực hành tiết kiệm, hoàn thành kế hoạch nhà nước"*.

Phong trào thi đua yêu nước của ta không phải chỉ trong sản xuất mà là một phong trào thi đua yêu nước sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân nhằm thực hiện tốt những nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện tại, cho nên nội dung thi đua rất phong phú. Vì vậy, từng ngành sẽ căn cứ vào những nhiệm vụ của ngành mình mà định ra những nội dung thi đua cho thích hợp và cụ thể.

3. Phương châm thi đua:

Phương châm thi đua là *"nhiều, nhanh, tốt, rẻ - tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc, thường xuyên, toàn diện và đảm bảo an toàn lao động"*.

4. Nguyên tắc thi đua:

Nguyên tắc thi đua là *"phát huy tinh thần thi đua tập thể, học tập, giúp đỡ lẫn nhau giữa tiên tiến và chậm tiến, làm cho mọi người trở thành tiên tiến để cùng nhau tiến bộ không ngừng"*.

5. Khẩu hiệu thi đua:

Khẩu hiệu chung của phong trào thi đua yêu nước là *"tiến nhanh vượt mức kế hoạch, toàn diện, vững chắc, vươn lên hàng đầu"*. Từng ngành phải có khẩu hiệu cho từng thời gian để nhằm giải quyết nhiệm vụ chủ yếu của ngành mình; trong công nghiệp cần nêu khẩu hiệu từng quý; trong nông nghiệp cần nêu khẩu hiệu từng mùa; trong quân đội cần nêu khẩu hiệu từng đợt học tập, rèn luyện kỹ thuật, chiến thuật, v.v.. Có khi cần nêu cả những khẩu hiệu cho từng đợt ngắn hơn nữa để đẩy mạnh khâu yếu trong công tác.

6. *Danh hiệu để tặng những người, những đơn vị có thành tích:*

Nay quy định ba danh hiệu như sau:

Lao động tiên tiến: là người có thành tích sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, có tinh thần học tập, giúp đỡ bạn, được lựa chọn qua các kỳ sơ kết công tác 6 tháng hoặc một vụ, một đợt công tác.

- *Chiến sĩ thi đua:* là người có nhiều thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất hoặc có những sáng kiến phát minh, cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức sản xuất; có công xây dựng tập thể; lập trường tư tưởng tốt, được lựa chọn qua các kỳ tổng kết kế hoạch một năm hoặc ba năm, v.v..

- *Anh hùng lao động:* là danh hiệu vẻ vang nhất để tặng cho những người có thành tích thi đua liên tục, có những

đóng góp lớn lao trong công cuộc xây dựng nước nhà, được Trung ương và Chính phủ tuyên dương qua từng thời gian.

Ngoài ba danh hiệu trên, còn có hình thức *tuyên dương thành tích và khen thưởng* cho những đơn vị có thành tích trong sản xuất (xây dựng), trong việc thi hành các chính sách, dẫn đầu ở các đơn vị, các ngành, các địa phương.

7. Bồi dưỡng phong trào:

Để thường xuyên động viên và bồi dưỡng phong trào thi đua qua các kỳ sơ kết công tác 6 tháng và tổng kết một năm, các ngành, các địa phương phải tổ chức hội nghị để xét thành tích và đề nghị khen thưởng cho những cá nhân và đơn vị có thành tích. Phải chú ý khen thưởng kịp thời những thành tích, những sáng kiến phát minh trong quá trình mỗi đợt thi đua. Ban Thi đua Trung ương cùng các đảng đoàn, các ban có liên quan nghiên cứu chế độ khen thưởng, bồi dưỡng về vật chất và tinh thần cho thích hợp đối với anh hùng, chiến sĩ thi đua, lao động tiên tiến và trình Chính phủ thông qua và ban hành. Trong khi chờ đợi ban hành chế độ mới, các cơ quan có trách nhiệm cần nghiêm chỉnh thi hành đầy đủ các chế độ hiện có.

8. Tổ chức và lãnh đạo:

Các cấp ủy đảng và chi bộ phải trực tiếp lãnh đạo phong trào thi đua.

Ở tỉnh, khu, thành phố có ban thi đua của mỗi địa phương để giúp cấp ủy đảng theo dõi, uốn nắn, đôn đốc phong trào thi đua và chuẩn bị sơ kết, tổng kết và khen thưởng sau mỗi đợt công tác.

Ở Trung ương có Ban Thi đua Trung ương giúp Trung ương Đảng nghiên cứu theo dõi phong trào thi đua, để đạt với

Trung ương những chủ trương nhằm thúc đẩy phong trào thi đua tiến lên một cách liên tục.

Trung ương giao cho Tổng Quân ủy phụ trách phong trào thi đua trong quân đội. Tổng Quân ủy căn cứ vào tinh thần Chỉ thị này kịp thời nghiên cứu những quy định thích hợp cho quân đội để Trung ương xét duyệt và thông tri.

Các cấp ủy đảng, các ban, các đảng đoàn trực thuộc Trung ương nghiên cứu thi hành Chỉ thị này và báo cáo kết quả lên Trung ương.

Chỉ thị này được phổ biến đến tận chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 89-NQ/TW, ngày 5-11-1959

Về thành lập Ban dự thảo đề án khai hoang và xây dựng nông trường quốc doanh

Nhận thấy các cơ sở nông nghiệp xã hội chủ nghĩa hiện nay do ba cơ quan: Cục Nông trường quân đội, Cục Quản lý nông trường quốc doanh và Ban Thống nhất Trung ương phụ trách, đang có đà phát triển, tính chất sản xuất giống nhau, nhưng cơ quan phụ trách quản lý phân tán, các chế độ, chính sách, kế hoạch sản xuất khác nhau, do đó ảnh hưởng không lợi đến công cuộc xây dựng và phát triển tốt các nông trường quốc doanh đang làm gương mẫu thúc đẩy sự phát triển của nền nông nghiệp nước nhà;

Xét việc khai hoang và mở rộng các nông trường quốc doanh là cần thiết và ta có đủ điều kiện để thực hiện,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

*I- Thành lập Ban dự thảo đề án khai hoang và xây dựng
nông trường quốc doanh*

Ban này chịu trách nhiệm trước Trung ương, tiến hành những việc như sau:

1. Dự thảo đề án, nhiệm vụ, phương châm khai hoang và xây dựng nông trường quốc doanh, đề án tổ chức một cơ quan của Chính phủ quản lý thống nhất các nông trường.

2. Dự thảo kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của các nông trường, nhằm phát triển các nông trường mới.

3. Dự thảo các chế độ, chính sách, tiêu chuẩn cần thiết cho công tác khai hoang và xây dựng nông trường, như chế độ lao động, tiền lương tại nông trường, chính sách đối với nhân dân từ đồng bằng lên miền ngược, v.v..

II- Chỉ định các đồng chí có tên sau đây vào Ban dự thảo đề án khai hoang và xây dựng nông trường quốc doanh

- Đồng chí Trần Hữu Dực, Trưởng Ban Công tác nông thôn, Trưởng ban.

- Đồng chí Ngô Tấn Nhơn, Ủy viên Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

- Đồng chí Lê Nam Thắng, Cục trưởng Cục Nông trường, ủy viên.

- Đồng chí Nguyễn Quang Xá, Giám đốc Cục Quản lý nông trường quốc doanh, ủy viên.

- Đồng chí Bùi Văn Dự, Giám đốc Vụ Chính sách Ban thống nhất Trung ương, ủy viên.

III- Tổng Quân ủy, Ban Thống nhất Trung ương, Đảng đoàn Bộ Nông - Lâm có trách nhiệm rút trong biên chế các cơ quan sở quan một số cán bộ; Ban Tổ chức Trung ương bổ sung thêm một số cán bộ cần thiết để thành lập cơ quan giúp việc cho Ban dự thảo đề án này; Văn phòng Trung ương giúp giải quyết trụ sở và các phương tiện làm việc.

IV- Tổng Quân ủy, Ban Thống nhất Trung ương, Đảng

đoàn Bộ Nông - Lâm, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương và các đồng chí Dực, Thắng, Xá, Dự, Nhơn chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 280-TT/TW, ngày 5-11-1959

Về việc tổng kết cuộc phát động công nhân, viên chức cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh

Cuộc phát động công nhân, viên chức cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh đến nay đã sắp hoàn thành. Trong cuộc họp ngày 3-11-1959, Ban Bí thư đã bàn và quyết định tổ chức tổng kết toàn bộ cuộc phát động, nhằm mục đích:

- Đánh giá đúng mức kết quả cuộc phát động về các mặt: giáo dục chính trị cho công nhân, viên chức, thực hiện chế độ quản lý xí nghiệp mới, cải tiến tổ chức và thể lệ, chế độ quản lý xí nghiệp để đẩy mạnh sản xuất.

- Rút kinh nghiệm về mục đích, yêu cầu, phương châm, phương pháp và tổ chức chỉ đạo cuộc phát động.

- Phát hiện những vấn đề mới và đề ra chủ trương kế hoạch tiếp tục cải tiến quản lý xí nghiệp quốc doanh, đẩy mạnh sản xuất sau này.

Để đạt được mục đích, yêu cầu của cuộc tổng kết, ở trung ương sẽ tổ chức ba cuộc hội nghị tổng kết; Ban cải tiến quản lý xí nghiệp Trung ương phối hợp với các Đảng đoàn các Bộ Công nghiệp, Giao thông Bưu điện, Nông - Lâm, tổng kết

cuộc phát động các xí nghiệp thí điểm; các Đảng đoàn các bộ quản lý xí nghiệp như Công nghiệp, Giao thông Bưu điện, Nông - Lâm, Kiến trúc, v.v. sẽ tổng kết cuộc phát động ở các xí nghiệp thuộc bộ mình quản lý; sau cùng sẽ tổng kết chung toàn bộ cuộc phát động.

Về tổng kết các xí nghiệp thí điểm. Ban cải tiến quản lý xí nghiệp Trung ương sẽ phụ trách, các Đảng đoàn các Bộ Công nghiệp, Giao thông Bưu điện, Nông - Lâm có xí nghiệp đã làm trong đợt thí điểm cần phối hợp chặt chẽ để tiến hành tốt cuộc tổng kết này.

Ban cải tiến quản lý xí nghiệp Trung ương chuẩn bị báo cáo, các Đảng đoàn Công nghiệp, Giao thông Bưu điện, Nông - Lâm, cần bàn tập thể để tham gia ý kiến trước vào bản báo cáo tổng kết. Hội nghị này sẽ họp 5 ngày, bắt đầu từ ngày 9-11-1959.

Về mục đích, yêu cầu và kế hoạch của cuộc tổng kết ở các bộ quản lý xí nghiệp sau này, Ban cải tiến quản lý xí nghiệp Trung ương sẽ họp với các đảng đoàn để thảo luận cụ thể sau.

TL BAN BÍ THƯ
PHÓ VĂN PHÒNG

NGUYỄN KHAI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 169-CT/TW, ngày 6-11-1959

Về đợt phát triển Đảng "lớp 6-1"

Để kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Đảng (6-1-1930), Ban Bí thư đã quyết định tổ chức một đợt phát triển Đảng lấy tên là “lớp 6-1”.

Để đợt phát triển Đảng thu được kết quả tốt, Ban Bí thư ra chỉ thị như sau:

1. *Cần nắm vững ý nghĩa và yêu cầu của đợt phát triển Đảng*

Đợt phát triển Đảng “lớp 6-1” đặt ra giữa lúc Đảng ta 30 tuổi, đã được rèn luyện, trưởng thành và có uy tín sâu rộng trong quần chúng; giữa lúc cuộc cách mạng của ta đã thu được nhiều thắng lợi to lớn; mặt khác, Đảng ta đang phải ra sức thực hiện những nhiệm vụ rất to lớn, đấu tranh thống nhất nước nhà, vừa cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Những nhiệm vụ vẻ vang và nặng nề của cách mạng đòi hỏi Đảng ta phải mạnh hơn nữa, phải có cơ sở sâu rộng trong các cơ sở sản xuất, trong các ngành, các địa phương. Cho nên, đợt phát triển Đảng này có ý nghĩa thiết thực tăng cường đảng về mặt tổ chức, tăng thêm lực lượng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nhằm hoàn thành

tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng. Mặt khác, đợt phát triển Đảng này đặt ra giữa lúc công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đang tiến triển mạnh mẽ và thu nhiều thắng lợi, toàn Đảng, toàn dân ta đang vui mừng phấn khởi trước những thành tích to lớn của cách mạng và đang thi đua lập thành tích kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Đảng, 70 tuổi thọ của Hồ Chủ tịch và 15 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; do đó, đợt phát triển Đảng này có ý nghĩa chính trị to lớn.

Đợt phát triển Đảng này không phải là một cuộc “thi đua phát triển” chạy theo số lượng đơn thuần, nhưng nó không phải chỉ là đợt phát triển Đảng thường xuyên đẩy mạnh lên một ít. *Nó là một đợt phát triển Đảng có ý nghĩa đặc biệt để kỷ niệm 30 năm đấu tranh của Đảng; nó là một cuộc tuyên truyền giáo dục về Đảng sâu rộng trong quần chúng, kết nạp thêm một số đông đảng viên mới.*

Với ý nghĩa to lớn như trên, yêu cầu của đợt phát triển này là:

- Tuyên truyền sâu rộng về Đảng trong quần chúng để nâng cao ảnh hưởng và uy tín của Đảng, thắt chặt thêm mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng, đồng thời tạo điều kiện đẩy mạnh công tác phát triển Đảng, nhất là những nơi cơ sở đảng chưa có hoặc còn non yếu.

- Giáo dục về Đảng cho các đối tượng phát triển Đảng và các phân tử tích cực đã được lựa chọn nhằm nâng cao giác ngộ cho họ; chấn chỉnh công tác của chi bộ đối với những phân tử tích cực ngoài Đảng, chuẩn bị tốt cho việc kết nạp đảng viên mới.

- Kết nạp một lớp đảng viên mới gồm số đông những phân tử tiên tiến nhất trong quần chúng công nhân, xã viên

hợp tác xã và trí thức cách mạng. Số đối tượng đã lựa chọn và số phần tử tích cực mới nảy nở trong phong trào, nếu qua thẩm tra và bồi dưỡng mà có đủ điều kiện tham gia Đảng, nói chung phải được xem xét để kết nạp vào Đảng.

- Nhân cuộc kỷ niệm này, củng cố các cơ sở đảng thêm một bước, thông qua học tập lịch sử đảng mà nâng cao giác ngộ về Đảng, củng cố lập trường, nâng cao tư tưởng và tác phong công tác cho cán bộ, đảng viên, làm cho cán bộ, đảng viên hiểu sâu thêm những nguyên tắc xây dựng Đảng, Điều lệ Đảng, nâng cao ý thức xây dựng Đảng cho toàn thể đảng viên, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên có thể làm công tác tuyên truyền mở rộng ảnh hưởng Đảng, giới thiệu đảng viên mới cho Đảng; do đó đặt cơ sở tốt cho công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác phát triển Đảng sau này.

Thời gian đợt phát triển Đảng này bắt đầu từ ngày 1-12-59 đến hết tháng 2-1960.

Những đảng viên được kết nạp trong khoảng thời gian ấy đều gọi là “lớp đảng viên 6-1”.

2. Tập trung lực lượng, tập trung lãnh đạo, đảm bảo đợt phát triển Đảng thu kết quả tốt

Đợt phát triển Đảng này là một đợt phát triển Đảng đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa to lớn về chính trị và tổ chức. Nó là một công tác quan trọng đặc biệt của toàn Đảng. Phải thông qua các công tác khác để thực hiện tốt đợt phát triển, đồng thời dùng đợt phát triển để đẩy mạnh mọi công tác khác.

Đợt phát triển Đảng này thực hiện vào cuối năm có nhiều công tác khác dồn dập; nhiều cấp ủy đảng vẫn còn xem nhẹ công tác xây dựng đảng; nhiều cán bộ, đảng viên còn tư tưởng ngại khó, ngại hời, coi thường quần chúng, không tích cực làm công tác phát triển Đảng. Đó là khó khăn chính. Mặt

khác, phần lớn cán bộ, đảng viên đã được chỉnh huấn, ý thức trách nhiệm được nâng cao thêm, qua các cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiều phần tử tiên tiến cũng đã xuất hiện.

Các cấp ủy cần nhận rõ tầm quan trọng, ý nghĩa đặc biệt, nắm vững yêu cầu của đợt phát triển và làm cho mỗi cán bộ, đảng viên đều thấu suốt ý nghĩa đó. Tổ chức và đôn đốc, hướng dẫn các cấp dưới và mọi cán bộ, đảng viên làm công tác phát triển đảng. Mỗi cấp ủy đều phải có kế hoạch chu đáo cho đảng bộ mình và phải tự mình kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn cấp dưới thực hiện, đồng thời phải tập trung một số cán bộ để tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cấp dưới kịp thời phát hiện những sai lầm để uốn nắn, thu thập những kinh nghiệm để phổ biến.

Đợt phát triển này đòi hỏi kết nạp một số đông đảng viên mới trong một thời gian có hạn. Để thu được kết quả tốt, các cấp phải tiến hành một cách tích cực, chống khuynh hướng hẹp hòi, rụt rè, ngại khó, làm đến đâu hay đến đấy; mặt khác phải đề phòng làm bữa, làm ẩu; đề phòng những phần tử xấu lợi dụng lúc ta phát triển Đảng mạnh để chui vào Đảng. Phải thấy rằng đợt phát triển Đảng này thu được kết quả ít hoặc làm không thận trọng, không đảm bảo chất lượng và số lượng, đều có ảnh hưởng không tốt cả về mặt tổ chức và chính trị.

Cần giúp đỡ các tổ chức của Đoàn Thanh niên Lao động, Công đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ giáo dục đoàn viên, hội viên về vấn đề đảng và giới thiệu cho chi bộ những đoàn viên, hội viên gương mẫu để kết nạp vào Đảng.

Việc chỉ đạo của các cấp ủy phải thật chặt chẽ; việc báo cáo và xin chỉ thị phải kịp thời, cứ 15 ngày một lần, các khu,

thành, tỉnh báo cáo kết quả về Trung ương (số lượng đối tượng, số lượng đảng viên mới kết nạp, những khuynh hướng sai lầm và dự kiến công tác 15 ngày sau). Khi gửi báo cáo cho Trung ương, đồng thời gửi Ban Tổ chức Trung ương một bản.

Đến 6-1-1960 phải sơ kết, cuối đợt phải tổng kết về kết quả và kinh nghiệm.

Về việc tiến hành phát triển đảng trong quân đội, Tổng cục Chính trị cần có kế hoạch hướng dẫn cụ thể.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 281-TT/TW, ngày 7-11-1959

Về việc chỉ đạo trọng điểm trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp

Hiện nay, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp đang ngày càng phát triển rộng, việc phát triển và củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp có nhiều vấn đề phức tạp. Để có thể rút được những kinh nghiệm tốt, giúp cho việc lãnh đạo phong trào chung, việc chỉ đạo các xã và hợp tác xã trọng điểm của các cấp là rất cần thiết. Vấn đề này trong Chỉ thị số 118-CT cuối năm 1958 về việc đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa trong sản xuất đông - xuân, Ban Bí thư đã nhắc nhở các cấp chú ý. Đến nay, nhiều địa phương đã thực hiện có kết quả tốt, nhưng cũng còn một số địa phương chưa thật chú ý đầy đủ, một số nơi khác tuy có chỉ đạo trọng điểm nhưng cấp ủy chưa trực tiếp nắm và chưa rút được kinh nghiệm tốt.

Để bổ khuyết tình trạng kể trên, Ban Bí thư nhắc các cấp chú ý mấy điểm sau đây:

1. Mỗi khu ủy, thành ủy, tỉnh ủy, huyện ủy, châu ủy cần chọn một hoặc mấy xã đại diện cho từng vùng (đồng bằng, miền biển, miền núi, vùng có nhiều nghề phụ, vùng có sản vật đặc biệt...) có điều kiện và trong mỗi xã đó chọn một hợp

tác xã có điều kiện làm trọng điểm để chỉ đạo, nhằm rút kinh nghiệm lãnh đạo phong trào chung.

Trước mắt cần đặc biệt chú trọng giúp đỡ cho các trọng điểm làm kế hoạch thu hoạch và chia hoa lợi vụ mùa, xây dựng kế hoạch sản xuất vụ đông - xuân, đồng thời tiến hành phát triển và củng cố hợp tác xã.

Điều kiện của xã và hợp tác xã trọng điểm là: phong trào quần chúng tương đối khá, cán bộ lãnh đạo tương đối vững, có điều kiện thuận lợi về kinh tế và giao thông để có thể giúp cho xã và hợp tác xã đó tiến lên thành điển hình tốt, làm gương cho nơi khác. Những nơi nào chọn trọng điểm chưa đúng thì cần xem xét lại và sửa đổi. Tuy nhiên đối với những xã hay hợp tác xã lâu nay vẫn là trọng điểm chỉ đạo của thành, tỉnh, huyện hoặc châu, nay xét ra không đủ điều kiện và không coi là trọng điểm nữa thì vẫn nên tiếp tục theo dõi, giúp đỡ.

2. Các cấp ủy và trước hết là thường vụ cấp ủy cần trực tiếp nắm trọng điểm, trực tiếp đi xuống xã nghiên cứu tình hình, giúp ý kiến với cán bộ xã tổng kết kinh nghiệm trong công tác. Ban Công tác nông thôn phải giúp cấp ủy nghiên cứu kế hoạch, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện và khi cần thiết thì tổ chức tham quan để trao đổi kinh nghiệm cho các nơi khác.

Để có thể tập trung lãnh đạo, các khu, thành, tỉnh, nên kết hợp với các huyện hoặc châu chọn trọng điểm và cùng với huyện hoặc châu chỉ đạo trực tiếp ngay những trọng điểm đó, không nhất thiết phải tìm những trọng điểm riêng của khu, thành, tỉnh. Ở Trung ương, Ban Công tác nông thôn Trung ương sẽ kết hợp với một tỉnh để chỉ đạo những trọng điểm ở trong tỉnh và rút kinh nghiệm.

3. Các khu, thành, tỉnh cần báo cáo để Ban Bí thư biết

danh sách các trọng điểm của khu, thành, tỉnh, huyện, châu và hàng tháng gửi báo cáo về tình hình các trọng điểm của khu, thành, tỉnh cho trung ương để theo dõi (Báo cáo nên gửi một bản về Văn phòng Trung ương và một bản về Ban Công tác nông thôn Trung ương).

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 283-TT/TW, ngày 13-11-1959

Về việc phát động công nhân viên chức cải tiến chế độ quản lý công trường thuộc ngành giao thông ở địa phương

Cuộc phát động công nhân viên chức cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh đến nay đã mở rộng, bao gồm hầu khắp các xí nghiệp sản xuất và công trường xây dựng cơ bản. Ngoài các xí nghiệp lớn và vừa thuộc diện phát động do Trung ương quy định, các địa phương cũng đã mở diện phát động ở khắp các xí nghiệp nhỏ, các xưởng công nghiệp do địa phương quản lý..., nói chung đều thu được kết quả tốt.

Hiện nay còn lại loại công trường xây dựng hoặc các đơn vị sửa chữa cầu đường thuộc ngành giao thông do địa phương quản lý mọi mặt về chính trị và chuyên môn. Những nơi này chưa tổ chức cho anh chị em công nhân học tập cải tiến quản lý; có địa phương muốn tiến hành nhưng còn chờ đợi xin chủ trương của Trung ương.

Về vấn đề này, ý kiến của Ban Bí thư như sau, xin thông tri để các địa phương thi hành:

1. Các công trường xây dựng hoặc các đơn vị sửa chữa cầu đường thuộc ngành giao thông do địa phương quản lý

mọi mặt, phục vụ kế hoạch phát triển sản xuất của địa phương, hàng năm sử dụng một số tiền lớn của ngân sách địa phương, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế địa phương, củng cố quốc phòng, xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta hiện nay. Anh chị em công nhân công trường tuyệt đại bộ phận thuộc các tầng lớp lao động cơ bản, là một bộ phận trong giai cấp công nhân.

Vì vậy, trong lúc này việc tổ chức, giáo dục bước đầu nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho cán bộ, công nhân, bước đầu cải tiến chế độ quản lý về chính trị và quản lý sản xuất, bước đầu kiện toàn tổ chức lãnh đạo ở công trường này là cần thiết, phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất và nguyện vọng tha thiết của công nhân.

2. Nhưng các công trường này có nhiều đặc điểm như tổ chức nhỏ, thường lưu động, phân tán, bộ máy quản lý chuyên môn và cơ sở tổ chức đảng, công đoàn, Đoàn Thanh niên Lao động nhiều nơi còn yếu. Vì vậy các địa phương cần nghiên cứu kỹ tình hình cụ thể của từng công trường, từng đơn vị, căn cứ vào tinh thần nội dung Nghị quyết số 61 của Bộ Chính trị và yêu cầu, nội dung kế hoạch phát động cải tiến quản lý ở các công trường của Ban Cải tiến quản lý Trung ương mà xét xem nơi nào có đủ điều kiện thì tiến hành phát động theo kế hoạch hai bước của công trường, nơi nào điều kiện không bảo đảm thì tổ chức các đợt học tập giáo dục, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho công nhân.

3. Tiến hành phát động hoặc tổ chức học tập tại các công trường và những đơn vị này phải xuất phát từ tình hình thực tế mà áp dụng hình thức, yêu cầu, nội dung cho thích hợp và đều nhằm đạt được kết quả chung là:

Sản xuất được đẩy mạnh;

Đời sống công nhân được cải thiện;

Lãnh đạo được tăng cường.

4. Về lãnh đạo: các công trường và những đơn vị này không thuộc diện phát động của Trung ương, việc tổ chức học tập hoặc phát động đều do cấp uỷ địa phương quyết định và chịu trách nhiệm lãnh đạo tiến hành bảo đảm kết quả tốt.

5. Ban cải tiến trung ương và Đảng đoàn Bộ Giao thông và Bưu điện có nhiệm vụ giúp đỡ kế hoạch và kinh nghiệm để các địa phương tiến hành được thuận lợi. Riêng Đảng đoàn Bộ Giao thông và Bưu điện có nhiệm vụ theo dõi và giúp đỡ các địa phương chấn chỉnh tổ chức quản lý về sản xuất, xây dựng và sửa đổi những thể lệ, chế độ quản lý công trường cho phù hợp.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 90-NQ/TW, ngày 14-11-1959

Về tổ chức Ban Lao động và tiền lương Trung ương

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác lao động và tiền lương;

Để giúp Trung ương Đảng nghiên cứu đường lối, phương châm, chính sách lao động và tiền lương và chỉ đạo công tác lao động và tiền lương trong từng thời kỳ;

Căn cứ vào tính chất, nhiệm vụ và thành phần Ban Lao động và tiền lương Trung ương đã ghi trong Nghị quyết của Ban Bí thư ngày 24-7-1959;

Ban Bí thư quy định một số điểm cụ thể về tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn Ban Lao động và tiền lương Trung ương như sau:

Điều 1. Ban Lao động và tiền lương Trung ương (viết tắt là Ban LĐTLTW) là một ban chuyên môn của Đảng.

Điều 2. Ban Lao động và tiền lương Trung ương có nhiệm vụ:

- Nghiên cứu giúp Trung ương Đảng đề ra những đường lối, phương châm, chính sách lao động và tiền lương của cán bộ, công nhân, viên chức trong từng thời kỳ và chỉ đạo thực

hiện tốt kế hoạch lao động và tiền lương đã đề ra trong kế hoạch nhà nước.

- Nghiên cứu, đề nghị Trung ương Đảng giải quyết những vấn đề về lao động và tiền lương có quan hệ đến nhiều ngành kinh tế quốc dân và cơ quan nhà nước, trong quá trình thực hiện các phương châm chính sách chung.

- Thông qua Đảng đoàn Bộ Lao động, Bộ Nội vụ và các bộ, các ngành phụ trách công tác lao động và tiền lương của công nhân, viên chức để theo dõi, kiểm tra việc chỉ đạo thực hiện các chính sách về lao động và tiền lương, tổng hợp tình hình chung, phát hiện các vấn đề và nghiên cứu giúp Trung ương giải quyết.

Điều 3. Ban Lao động và tiền lương Trung ương có quyền:

- Yêu cầu các đảng đoàn các bộ, các ngành và các cấp uỷ đảng các khu tự trị, thành phố, tỉnh báo cáo về tình hình công tác lao động và tiền lương trong ngành hoặc trong địa phương mình.

- Yêu cầu các tổ chức chung quanh trung ương (Ban Kế hoạch Nhà nước, Ban Công tác nông thôn, Ban Tổ chức Trung ương, Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động, v.v. đảng đoàn các bộ) và các cấp uỷ địa phương cung cấp các tài liệu hoặc số liệu tổng hợp cần thiết cho việc nghiên cứu đường lối phương châm chính sách về lao động và tiền lương.

- Triệu tập các hội nghị liên tịch giữa các đảng đoàn các bộ, các ngành, với một số cấp uỷ địa phương có liên quan để thảo luận các vấn đề thuộc về chính sách lao động, tiền lương và phúc lợi của cán bộ, công nhân viên chức.

- Trong trường hợp cần thiết và được sự uỷ nhiệm của Trung ương Đảng, kiểm tra công tác lao động và tiền lương của các bộ, các ngành, các địa phương.

Điều 4. Ban LĐTLTW làm việc theo chế độ uỷ viên hội, có chế độ hội nghị thường kỳ và bất thường.

- Ban cử ra một uỷ viên thường trực để cùng với trưởng ban giải quyết công việc hàng ngày giữa hai kỳ họp của Ban.

- Các dự thảo chính sách và phương án công tác về lao động và tiền lương của đảng đoàn các bộ, các ngành và các cấp uỷ địa phương gửi đến Ban LĐTLTW cần được toàn Ban hoặc ít nhất là quá nửa số uỷ viên thảo luận trước khi đưa trình Ban Bí thư giải quyết.

- Hằng tháng, ba tháng, sáu tháng và một năm, Ban LĐTLTW phải báo cáo công tác lên Ban Bí thư và xin chỉ thị về kế hoạch công tác cho thời gian sắp tới.

Điều 5. Ban LĐTLTW lập ra một Văn phòng để giúp Ban nghiên cứu giải quyết công việc hàng ngày. Uỷ viên thường trực của Ban có thể kiêm nhiệm làm Chánh Văn phòng để tiện cho việc chỉ đạo công tác.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 170-CT/TW, ngày 14-11-1959

Về việc thống nhất quản lý ngành cơ khí

Trong thời gian qua, các ngành đã chú trọng khôi phục và phát triển ngành cơ khí để góp phần xây dựng nền kinh tế quốc dân, phục vụ cho việc sửa chữa và sản xuất một số sản phẩm cần thiết. Nhưng trong khi chú ý phát triển ngành cơ khí, chúng ta chưa có sự phối hợp và thống nhất quản lý, cho nên lực lượng cơ khí bị phân tán rải rác ở các cơ sở công nghiệp thuộc các bộ và ở các địa phương; lực lượng cơ khí tư nhân cũng khá thì lại do Bộ Thương nghiệp quản lý. Do đó, trong việc quản lý ngành cơ khí của ta hiện nay có tình trạng sau đây:

- Lực lượng cơ khí của ta còn yếu, lại bị phân tán, không có sự quản lý thống nhất, vì thế lại càng thêm yếu.
- Nhu cầu của ngành cơ khí thì nhiều, nhưng nhiều cơ sở chưa sử dụng hết khả năng của thiết bị và công suất của máy; không lợi dụng hết được vốn cố định của Nhà nước (có máy lớn trong một năm chỉ dùng độ vài tháng).
- Mẫu mực sản phẩm làm ra không được chính xác, phẩm chất chưa bảo đảm; việc sử dụng nguyên liệu phạm lãng phí, như có nơi dùng đồng vào việc sản xuất những sản phẩm

không cần thiết. Thêm nữa, năng suất lao động còn thấp, giá thành còn cao, kinh nghiệm kỹ thuật chế tạo sản phẩm không được trao đổi thường xuyên và phổ biến kịp thời.

Hiện nay, do nhu cầu thực tế, chúng ta cần phát triển mạnh mẽ ngành cơ khí chế tạo để xây dựng cơ sở cho ngành công nghiệp cơ khí của nước ta, cho nên cần phải sử dụng hợp lý và phát huy hết khả năng của thiết bị và dần dần thống nhất việc sử dụng nguyên liệu để có thể chế tạo được những sản phẩm tốt, giá thành hạ.

Vì vậy Ban Bí thư chủ trương thống nhất quản lý ngành cơ khí theo những quy định dưới đây:

1. Các xí nghiệp cơ khí quốc doanh, công tư hợp doanh (thuộc Bộ Công nghiệp, Bộ Nội thương hoặc địa phương) và tập đoàn sản xuất cơ khí đều đặt dưới sự thống nhất quản lý của Bộ Công nghiệp.

Bộ Công nghiệp cần trực tiếp quản lý một số cơ sở lớn như Nhà máy cơ khí Hà Nội, Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo, Xưởng Tự Lực (Hà Nội), cơ khí Duyên Hải (Hải Phòng), v.v. còn xí nghiệp vừa và nhỏ thì giao cho địa phương quản lý. Đảng đoàn Bộ Công nghiệp sẽ thảo luận với các cấp uỷ địa phương để bàn vấn đề phân cấp quản lý.

2. Đối với các nhà máy cơ khí thuộc các bộ, Trung ương giao cho Bộ Công nghiệp triệu tập các cuộc hội nghị giữa các bộ để phối hợp, điều hoà và phân công trong kế hoạch sản xuất. Các ngành tuỳ theo khả năng các xí nghiệp của mình mà nhận chế tạo một số sản phẩm theo kế hoạch nhà nước.

Đây là về việc sản xuất, còn việc sửa chữa của bộ nào, ngành nào, thì bộ ấy, ngành ấy hoàn toàn phụ trách như trước. Nhưng các bộ, các ngành cần nghiên cứu, cố gắng lợi dụng thiết bị để sản xuất ra sản phẩm.

3. Đối với cơ sở cơ khí của Bộ Quốc phòng, thì vẫn do Bộ Quốc phòng quản lý và quyết định kế hoạch. Nhưng Bộ Quốc phòng cần liên hệ mật thiết với Bộ Công nghiệp để có kế hoạch phối hợp và tùy theo khả năng của các cơ sở của mình mà nhận sản xuất một số mặt hàng nhất định.

Ngành cơ khí giữ vai trò rất quan trọng trong việc phát triển công nghiệp của nước ta. Các cấp uỷ đảng, các đảng đoàn cần phải nghiên cứu sắp xếp lại lực lượng cơ khí, tận dụng khả năng thiết bị và có kế hoạch để phát triển cho kịp với nhu cầu.

Các Đảng đoàn các bộ: Công nghiệp, Giao thông và Bưu điện, Kiến trúc, Nội thương, Nông - Lâm, Thuỷ lợi, Quốc phòng và các Thành uỷ, Tỉnh uỷ nghiên cứu và có kế hoạch chấp hành Chỉ thị này. Văn phòng Kinh tế Thủ tướng phủ (Phòng Công nghiệp) có trách nhiệm theo dõi và đôn đốc các cấp các ngành thi hành.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 171-CT/TW, ngày 17-11-1959

Về những công tác cần làm để hoàn thành tốt và phát huy kết quả chỉnh huấn

Đến nay, phần lớn cán bộ và nhân viên các cơ quan trung ương và địa phương đã được chỉnh huấn. Nhờ có phương châm đúng, yêu cầu thích đáng, các cấp, các ngành lãnh đạo chặt chẽ cho nên nói chung việc chỉnh huấn đã đạt kết quả tốt.

Để hoàn thành tốt và phát huy kết quả của chỉnh huấn nhằm tiếp tục củng cố thêm lập trường, nâng cao thêm tư tưởng, cải tiến thêm tác phong của cán bộ, đảng viên, cải tiến công tác, góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ đã đề ra, các cấp, các ngành cần tích cực tiến hành những việc sau đây:

1. Sau khi phần lớn cán bộ, đảng viên đã kiểm thảo, *các ban, đảng đoàn, các cấp uỷ cần tiến hành kiểm thảo sự lãnh đạo tập thể của mình*

Tùy nơi mà định thời gian kiểm thảo, từ hoà bình lập lại, từ sau sửa chữa sai lầm cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, từ sau Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14, sau Hội nghị đại biểu cấp mình, hoặc cũng có thể chỉ từ đầu năm 1959 đến nay.

Nội dung kiểm thảo nhằm việc thực hiện đường lối,

phương châm, chính sách và các nghị quyết lớn của Đảng việc lãnh đạo về tổ chức (gồm công tác cán bộ) và tác phong. Khi phân tích ưu điểm, khuyết điểm, cần cố gắng đề lên lập trường, quan điểm, tư tưởng mà phê phán, tinh thần phê bình tự phê bình phải nghiêm túc nhưng tránh gò ép. Kiểm thảo nên có trọng tâm nhằm những vấn đề chính, quan trọng nhất và mức độ yêu cầu nên thích đáng, không làm tràn lan hoặc đặt yêu cầu quá cao. Các cấp uỷ cần chú trọng kiểm điểm mặt lãnh đạo toàn diện và nắm vững công tác trung tâm, ý thức tập thể dân chủ; các ngành quanh trung ương, nhất là các ngành có nhiều cơ sở phải quản lý cần chú trọng kiểm điểm mặt đi sát cơ sở, giúp đỡ cấp dưới hoàn thành nhiệm vụ.

Khi chuẩn bị và tiến hành kiểm thảo, cần xem xét những ý kiến phê bình của cán bộ, đảng viên, của cấp dưới trong dịp chỉnh huấn vừa qua, điểm nào đúng thì tiếp thu, điểm nào sai thì giải thích, điểm nào chưa rõ thì nghiên cứu thêm.

Khi phê bình kiểm thảo, các ban và đảng đoàn cần lấy tự phê bình công tác của đơn vị của mình làm chính nhưng nếu có ý kiến gì nhận xét sự lãnh đạo của Trung ương thì cũng đề ý kiến và báo cáo lên Trung ương.

2. Sau khi đã kiểm thảo xong, cần có một *chương trình kế hoạch thiết thực cải tiến lãnh đạo*.

Vấn đề này trọng yếu ở chỗ chỉ có làm như thế mới phát huy được thật tốt kết quả của chỉnh huấn: sau chỉnh huấn không phải chỉ phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm từng cá nhân riêng rẽ, của cán bộ cấp dưới mà của cả từng cơ cấu tổ chức, của cả cơ quan lãnh đạo. Như thế kết quả nhất định sẽ to lớn hơn nhiều.

Nội dung cải tiến lãnh đạo gồm: cải tiến lãnh đạo các mặt công tác (chủ trương nào đúng mà chưa làm thì bắt tay vào

làm hoặc làm chưa đủ thì làm tích cực hơn, chủ trương nào sai thì sửa chữa hoặc bỏ, v.v.), cải tiến tổ chức (sắp xếp bộ máy, định rõ chức trách, nhiệm vụ, kiện toàn việc bố trí, sửa chữa các khuyết điểm trong việc thực hiện chính sách cán bộ, v.v.), cải tiến tác phong (thực hiện đúng dân chủ, tập thể, đi sát cấp dưới, lãnh đạo toàn diện đồng thời không buông lỏng công tác trung tâm, v.v.).

Tinh thần đề ra chương trình cải tiến lãnh đạo phải tích cực nhưng thiết thực. Nên phân ra: việc nào có thể làm thì làm ngay (có thể đặt vào chương trình thi đua chào mừng ba mươi năm ngày thành lập Đảng); đối với những việc chưa thể làm ngay thì xếp vào chương trình công tác sang năm.

Việc kiểm thảo lãnh đạo tập thể và đặt chương trình kế hoạch cải tiến lãnh đạo hiện nay là phù hợp với việc kiểm điểm thực hiện kế hoạch nhà nước cuối năm và chuẩn bị cho kế hoạch nhà nước 1960, lại cũng phù hợp với việc các ngành quanh trung ương hiện đang thảo luận để góp ý kiến với Trung ương về các đề án Đại hội Đảng. Vì vậy, nên kết hợp với những việc ấy mà làm.

3. Về việc tiếp tục giáo dục bồi dưỡng cán bộ, đảng viên.

Nói chung, đợt chỉnh huấn vừa qua đã cho thấy rõ thêm là việc giáo dục, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên từ trước đến nay còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, cần có kế hoạch bổ khuyết.

Về vấn đề này, phải có một chương trình kế hoạch tương đối bao quát và toàn diện. Ban Tuyên huấn Trung ương cần nghiên cứu và đề nghị với Trung ương về mặt ấy. Trong lúc chờ đợi, mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi cơ quan cần phát huy tinh thần tự động tự đề ra một chương trình kế hoạch tạm thời gồm các mặt: giáo dục thường xuyên về thời sự, chính sách, giáo dục về chính trị, bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn.

Đối với mỗi loại cán bộ: trung cấp, sơ cấp cũng như cơ sở phải có chương trình, kế hoạch, yêu cầu khác nhau.

Về phương pháp, thì ngoài việc cho đi trường lớp và tổ chức học tại chức, nên có kế hoạch tiếp tục cho đi tham quan thực tế và đi tham gia công tác thực tế (tham gia các công tác cải tạo, tham gia lao động ở nhà máy, nông thôn, cơ quan, v.v.). Về vấn đề tham gia công tác thực tế, cần rút kinh nghiệm những đợt vừa qua, để sửa chữa khuyết điểm và làm cho có kết quả tốt hơn.

4. Về vấn đề kiện toàn sinh hoạt chi bộ.

Cuối cùng, để giữ vững và phát huy kết quả chỉnh huấn phải kiện toàn và nâng cao sinh hoạt chi bộ. Vì từ trước đến nay, chính vì sinh hoạt chi bộ, nhất là chi bộ cơ quan lỏng lẻo, cho nên chi bộ không phát huy được tác dụng làm nơi để cho các đảng viên tham gia sinh hoạt chính trị của Đảng, và tiến hành đấu tranh tư tưởng, phê bình tự phê bình; kiện toàn sinh hoạt chi bộ chẳng những chỉ là một khâu quan trọng để giữ vững và phát huy kết quả chỉnh huấn, mà còn là khâu quan trọng để củng cố Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, đem lại thắng lợi cho việc hoàn thành mọi nhiệm vụ của Đảng. Do đó mỗi đảng viên, mỗi cán bộ phụ trách, mỗi cấp uỷ đều cần chú ý nghiên cứu, thực hiện sao cho đạt kết quả.

Trên đây là những việc chính trước mắt cần làm để hoàn thành tốt và phát huy kết quả chỉnh huấn. Mong các cấp, các ngành chú ý thi hành.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 285-TT/TW, ngày 21-11-1959

Tăng cường lãnh đạo công tác thu thuế nông nghiệp, mua thóc và thu nợ bằng thóc

Nghị quyết của Ban Bí thư về công tác thu thuế nông nghiệp, thu nợ bằng thóc và mua thóc vụ mùa năm 1959 đã được phổ biến tới các huyện và xã. Nhiều cán bộ, đảng viên và nông dân lao động đã nhất trí với đường lối, phương châm và các chính sách cụ thể của Trung ương; do đó đã có những chuyển biến tốt về nhận thức đối với công tác lương thực của Đảng.

Nhưng nhìn chung thì việc tổ chức học tập nghị quyết đó trong các chi bộ xã và ngoài nhân dân chưa được đều, chưa được sâu, có xã chưa làm, nhiều địa phương chưa làm kỹ, cho nên chưa làm cho nhân dân nhận rõ ý nghĩa và yêu cầu của công tác lương thực để hăng hái thực hiện các chính sách và biện pháp về công tác lương thực của Đảng.

Trong việc lãnh đạo của các cấp huyện và xã đã thấy có khuynh hướng coi nhẹ công tác mua thóc và thu nợ bằng thóc.

Để bảo đảm cho Nghị quyết nói trên được thi hành đầy đủ, Ban Bí thư nhắc cấp uỷ các địa phương chú ý mấy điểm sau đây:

Thời gian này là thời gian các địa phương gặt hái gần xong. Nơi nào gặt xong, cấp uỷ phải *đặt việc lãnh đạo công tác thu thuế nông nghiệp, thu nợ bằng thóc và mua thóc vụ mùa thành công tác trung tâm đột xuất kết hợp với nhiệm vụ sản xuất đông - xuân và củng cố hợp tác xã nông nghiệp*, như Trung ương đã quy định.

Các thành uỷ, tỉnh uỷ phải phân công các uỷ viên và tăng cường các cán bộ xuống đôn đốc và kiểm tra ở huyện, xã để đảm bảo công tác lương thực thu được kết quả tốt; phải xem trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng thông suốt chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ; chú ý giải quyết tốt việc kết hợp các công tác khác với việc tổ chức học tập cho cán bộ, đảng viên và quần chúng về nhiệm vụ nộp thuế, trả nợ và bán thóc cho Nhà nước.

Đối với các công tác: thu thuế nông nghiệp, thu nợ bằng thóc và mua thóc, các cấp uỷ cần *chú trọng lãnh đạo cả ba mặt, không coi nhẹ một mặt nào*, tránh khuynh hướng chỉ chú trọng thu thuế còn coi nhẹ hẳn việc thu nợ bằng thóc và mua thóc.

Về thuế nông nghiệp, ngoài việc chú ý thu nhanh, gọn, đúng mức, đúng chính sách, cần bảo đảm thực hiện tốt chính sách thu thuế nông nghiệp đối với các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp; kết hợp kịp thời việc chia hoa lợi với việc nộp thuế trong hợp tác xã và thông qua công tác vận động thu thuế nông nghiệp mà giúp Trung ương phát hiện những điểm chưa hợp lý cần bổ sung cho chính sách thuế nông nghiệp được đầy đủ hơn.

Về thu nợ, cần làm cho cán bộ, đảng viên thấy rõ sự cần thiết phải tích cực trả nợ để làm gương cho quần chúng.

Ban thu thuế, thu nợ, mua nông sản ở xã nên cử một số cán bộ chuyên trách việc thu nợ để bảo đảm việc thu nợ được đúng mức.

Về mua thóc, các địa phương cần chú trọng thi hành đúng theo tinh thần nghị quyết của Ban Bí thư; vì việc ký hợp đồng mua thóc có ứng trước và việc uỷ thác cho xã mua, ta còn ít kinh nghiệm, cho nên cần làm thận trọng theo sự hướng dẫn của Bộ Nội thương để đạt được kết quả tốt.

Một vài địa phương miền núi, vì tính số thóc gạo phải để lại cho nhân dân chăn nuôi và nấu rượu quá nhiều, tự cho không thể đạt mức Trung ương giao. Như vậy là không đúng. Cần tính toán lại cho sát, động viên nhân dân tiết kiệm, và cố gắng hoàn thành nhiệm vụ.

Về địa điểm mua thóc và nhận thóc trả nợ, nên thực hiện đúng chủ trương vận động nông dân gánh thóc đến nơi bán trong phạm vi từ 3 đến 5 cây số. Nếu nông dân yêu cầu tổ chức mua tại xã thì cần bàn bạc với nông dân trích ra một phần nhỏ trong giá mua đủ để trả chi phí vận chuyển đến kho.

Ngoài ra, cần chú ý tăng cường cán bộ cho ngành lương thực trong đợt thu mua và *không nên điều động cán bộ lương thực đi làm các công tác khác*.

Việc nắm lương thực trong tay Nhà nước trong vụ mùa này rất quan trọng và cấp thiết. Các cấp uỷ địa phương phải hết sức quan tâm thi hành nghiêm chỉnh những nghị quyết của Trung ương Đảng và Chính phủ để hoàn thành tốt nhiệm vụ thu thuế nông nghiệp, mua thóc và thu nợ bằng thóc.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ
Số 172-CT/TW, ngày 23-11-1959
Về công tác xuất bản

Từ ngày hoà bình lập lại, công tác xuất bản đã phát triển nhiều so với thời gian kháng chiến. Riêng số sách xuất bản trong năm 1959 (15.000.000 bản) đã gần gấp hai số sách xuất bản trong chín năm kháng chiến cộng lại (8.678.000 bản). Nhìn chung công tác xuất bản (bao gồm: xuất bản, in và phát hành) trong mấy năm qua đã có tác dụng lớn trong việc giáo dục chính trị và tư tưởng cho nhân dân, trong việc phát triển sự nghiệp giáo dục, khoa học, văn hoá, nghệ thuật. Nội dung xuất bản nhằm ngày càng đi sát với những nhiệm vụ chính trị của Đảng, phục vụ cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phục vụ công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà và càng đi sát với yêu cầu của quần chúng.

Đó là thành tích căn bản của chúng ta trong công tác xuất bản.

Tuy nhiên, trong công tác xuất bản còn nhiều khuyết điểm và nhược điểm:

1. Hoà bình lập lại đã 5 năm mà ta vẫn chưa thật sự vận động nhân dân loại trừ sạch các loại xuất bản phẩm phản

động do địch để lại và loại trừ ảnh hưởng tư tưởng của các xuất bản phẩm lạc hậu của chế độ cũ.

2. Chất lượng xuất bản phẩm nói chung còn thấp; tính tư tưởng và tính chiến đấu còn yếu. Ta còn thiếu sách phổ biến khoa học, kỹ thuật. Loại sách cho đồng bào miền núi và cho thiếu nhi còn rất ít. Sách kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin tuy đã dịch một số khá, nhưng vẫn chưa đủ, thiếu một loại sách giáo dục chủ nghĩa xã hội phổ thông cho quần chúng. Việc xuất bản tranh, bản nhạc, đĩa hát có cố gắng nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của quần chúng.

3. Việc tổ chức và lực lượng xuất bản còn yếu. Việc tổ chức cơ quan phụ trách công tác xuất bản chưa được hợp lý; sự phân công giữa các nhà xuất bản ở trung ương cũng như giữa trung ương và địa phương chưa được rõ ràng.

Việc quản lý ngành in còn lỏng lẻo; thậm chí còn những tổ chức in và xuất bản nằm trong tay bọn phản động đội lốt tôn giáo mà ta chưa kiểm soát được.

Lực lượng biên tập (về lý luận, chính trị, khoa học, kỹ thuật, văn hoá, nghệ thuật...) còn ít và yếu, lại chưa được bồi dưỡng, phát huy đầy đủ. Chính sách nhuận bút và bản quyền còn nhiều chỗ chưa hợp lý.

Giá xuất bản phẩm còn cao tuy gần đây đã có hạ được một phần; việc phát hành chưa được rộng khắp và có lúc chưa kịp thời; chưa gây được nề nếp đọc sách sâu rộng trong cán bộ và nhân dân.

Sở dĩ có những khuyết điểm trên đây là do các cấp, các ngành chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác xuất bản, chưa quan tâm nghiên cứu và lãnh đạo sát công tác xuất bản, cán bộ xuất bản chưa nhận thức thật sâu sắc xuất bản là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác

tư tưởng, công tác văn hoá, công tác khoa học và kỹ thuật; lập trường, quan điểm trong một số đồng chí còn chưa được vững chắc, đối với kẻ địch có lúc thiếu cảnh giác. Các cấp lãnh đạo của Đảng và các cán bộ làm công tác tư tưởng, văn hoá, trước hết là cán bộ xuất bản cần nhận rõ những khuyết điểm và nhược điểm trên đây, cố gắng phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm.

Căn cứ vào tình hình trên, Ban Bí thư quyết định mấy vấn đề sau đây nhằm cải tiến và tăng cường công tác xuất bản.

I- KIẾN QUYẾT QUÉT SẠCH XUẤT BẢN PHẨM PHẢN ĐỘNG, LOẠI TRỪ XUẤT BẢN PHẨM LẠC HẬU

Loại xuất bản phẩm phản động là loại phạm năm kỷ luật tuyên truyền đã nêu rõ trong Luật báo chí và Luật xuất bản.

Loại xuất bản phẩm lạc hậu là loại tuy không phạm năm kỷ luật tuyên truyền nhưng chứa đựng những nội dung không lành mạnh, gieo rắc những tư tưởng lạc hậu, có hại đến tinh thần và tư tưởng của nhân dân.

Ta phải kiên quyết quét sạch xuất bản phẩm phản động. Ta cũng phải loại trừ ảnh hưởng của xuất bản phẩm lạc hậu trong tư tưởng của nhân dân.

Nhưng phải phân biệt rõ ràng giữa hai loại xuất bản phẩm nói trên; và khi tiến hành loại trừ xuất bản phẩm phản động và loại trừ ảnh hưởng của những xuất bản phẩm lạc hậu, chúng ta phải thận trọng, làm từng bước đi đúng đường lối quần chúng.

Riêng đối với loại xuất bản phẩm phản động thì cần dựa vào Luật xuất bản, Luật báo chí và năm kỷ luật tuyên truyền mà giải quyết, nhưng phải giải thích kỹ cho quần chúng hiểu

và đồng tình ủng hộ những biện pháp hành chính cần thiết. Bộ Văn hoá cần lập danh sách các xuất bản phẩm loại phản động (danh sách sẽ được bổ sung dần) và ra nghị định cấm lưu hành, tàng trữ.

Còn đối với loại xuất bản phẩm lạc hậu thì cần giáo dục cho quần chúng, nhất là thanh niên, học sinh thấy rõ tác hại của loại này để quần chúng tự giác không sử dụng nữa.

Phải tiến hành phê bình sâu sắc một số xuất bản phẩm lạc hậu (phê bình trên báo chí, trong những cuộc nói chuyện...) để quần chúng không đọc, không xem những loại ấy nữa và tự mình trút bỏ ảnh hưởng xấu của xuất bản phẩm lạc hậu.

Những biện pháp nói trên rất cần thiết; song mặt khác, cần nhận rõ rằng biện pháp căn bản để giải quyết tận gốc các vấn đề loại trừ những xuất bản phẩm phản động và lạc hậu là: *chúng ta phải xuất bản thật nhiều và phát hành đến quần chúng những tác phẩm tốt* để quần chúng có đủ sách báo bổ ích cần thiết.

Trong khi thực hiện chủ trương trên đây, cần chú ý:

- Trong số sách báo, đĩa hát... do chế độ cũ để lại, có một số thuộc loại phản động, một số nữa thuộc loại lạc hậu; nhưng cũng có một loại tốt, mà ta vẫn dùng. Phải phân biệt rõ giữa ba loại. Riêng đối với sách chữ Hán, chữ Nôm lại càng cần phải thận trọng.

- Tuyệt đối nghiêm cấm và không để xảy ra những hành động thô bạo, như khám nhà, đốt sách, xé sách *dù là sách phản động*.

- Phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành văn hoá, giáo dục, thanh niên, công an. Phải có kế hoạch cụ thể, tỉ mỉ

và phải lãnh đạo chặt chẽ cuộc vận động loại trừ những xuất bản phẩm phản động và lạc hậu.

- Phải chiếu cố đến đời sống của những người làm nghề buôn bán và cho thuê sách cũ, sắp xếp cho họ vào các tổ hợp tác bán sách, và phân phối sách mới của ta cho họ phát hành.

II- CẢI TẠO CÁC TỔ CHỨC IN VÀ XUẤT BẢN TƯ NHÂN

- Phải đẩy mạnh để sớm hoàn thành cải tạo các tổ chức in và xuất bản tư nhân theo hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đối với các nhà xuất bản tư hiện nay còn rất ít và hầu hết còn có kinh doanh nghề khác thì ta có thể khuyên họ bỏ nghề xuất bản, không cần cải tạo họ về mặt xuất bản.

- Đối với các nhà in tư thì nói chung ta phải cải tạo theo hình thức công tư hợp doanh toàn ngành và cải tạo xong thì ta phải quản lý chặt chẽ.

- Đối với đại lý phát hành sách thì tùy tình hình mà chọn hình thức thích hợp để cải tạo họ.

- Đối với các nhà in thuộc các tổ chức tôn giáo, ta cũng tiến hành cải tạo họ; hình thức và phương pháp cải tạo như thế nào, Trung ương sẽ có chỉ thị cụ thể sau.

- Ngành in quốc doanh phải cử cán bộ tham gia công tác cải tạo để sau đó trực tiếp quản lý các nhà in đã được cải tạo.

- Cải tạo ngành in xong, cần điều chỉnh, sắp xếp lại các nhà in theo hướng: tập trung hơn và chuyên môn hoá, tận dụng những máy móc cũ hiện có, phân phối hợp lý những phương tiện in giữa trung ương và địa phương cho hợp với yêu cầu của ta về in; bảo đảm công ăn việc làm cho thợ nhà in.

III- XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG XUẤT BẢN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Xác định vị trí và nhiệm vụ của công tác xuất bản.

Dưới chế độ ta, xuất bản là một công cụ truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng xã hội chủ nghĩa và các kiến thức khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật xã hội chủ nghĩa. Nó phục vụ sự nghiệp cách mạng do Đảng ta lãnh đạo. Nó là vũ khí quan trọng để đấu tranh với tư tưởng thù địch và những tư tưởng phi vô sản khác.

Công tác xuất bản phải quán triệt nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân hiện nay là: "Đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước; ra sức củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, tích cực góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới". Công tác xuất bản cũng phải quán triệt nhiệm vụ của mỗi miền và các công tác lớn của Đảng và Nhà nước trong từng thời kỳ, phục vụ tốt những nhiệm vụ và công tác ấy trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng, khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật.

Căn cứ vào yêu cầu của cách mạng Việt Nam hiện nay, công tác xuất bản phải làm những nhiệm vụ cụ thể sau đây:

- Giáo dục cho cán bộ và nhân dân ta lý luận Mác - Lênin và tư tưởng xã hội chủ nghĩa, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, giáo dục chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản, giáo dục tư tưởng và đạo đức xã hội chủ nghĩa, làm cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế ở miền Bắc. Kiên quyết chống tư tưởng tư sản, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng đế quốc và phong kiến.

- Góp phần làm phong phú nền văn học, nghệ thuật, khoa học của nước nhà; ra sức nâng cao kiến thức mọi mặt của cán bộ và nhân dân, nhất là kiến thức khoa học và kỹ thuật, nhằm phục vụ nhiệm vụ đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội một cách thuận lợi.

2. Đối tượng công tác xuất bản.

Đối tượng chung của công tác xuất bản ở miền Bắc là *nhân dân lao động*, trong đó có nhiều đối tượng cụ thể: cán bộ, công nhân, nông dân, bộ đội, trí thức, sinh viên, học sinh, dân nghèo thành thị, các dân tộc thiểu số, thanh niên, thiếu nhi, phụ nữ, ...

Mỗi đối tượng cụ thể có yêu cầu riêng, phải tìm hiểu sát để tiến hành công tác xuất bản cho tốt.

Công tác xuất bản phải cố gắng phục vụ tốt sự nghiệp *giáo dục phổ thông và bồi dưỡng văn hoá, đại học và chuyên nghiệp*, cố gắng thoả mãn yêu cầu nghiên cứu, học tập *khoa học, kỹ thuật* và yêu cầu về *văn học, nghệ thuật*.

Riêng đối với các *dân tộc thiểu số* và đối với *thiếu nhi* là hai đối tượng mà từ trước đến nay công tác xuất bản phục vụ quá ít, thì cần chú trọng tăng số lượng và chất lượng xuất bản phẩm, cho kịp với nhiệm vụ phát triển văn hoá của các dân tộc thiểu số và kịp với yêu cầu giáo dục thiếu nhi hiện nay.

3. Nâng cao chất lượng của xuất bản phẩm.

Phải chú trọng nâng cao hơn nữa tính tư tưởng, tính khoa học, tính chiến đấu và tính quần chúng của các xuất bản phẩm. Chẳng những cần nâng cao chất lượng về mặt *tư tưởng, kiến thức* mà còn phải chú trọng về mặt nghệ thuật, nhất là về *cách viết văn* cho được chính xác, trong sáng, dễ hiểu.

Phải kiên quyết *chống thái độ cầu thả, thiếu trách nhiệm* trong công tác biên soạn, sáng tác về nội dung và hình thức. Mỗi nhà xuất bản cần quy định *chế độ xét duyệt* cẩn thận trước khi xuất bản. Phải chú ý hơn nữa về mặt kỹ thuật và mỹ thuật trong việc trình bày, minh hoạ, in, đóng sách, v.v. làm cho các xuất bản phẩm được đẹp mắt một cách giản dị và vẫn bán được giá rẻ. Cần chú ý ra nhiều loại sách có tranh ảnh cho công nông, thiếu nhi, các dân tộc thiểu số và loại sách ngoại văn cần thiết cho công tác tuyên truyền ra nước ngoài.

4. Tổ chức và cán bộ.

Trước nhiệm vụ ngày càng lớn của ngành xuất bản, cần củng cố cơ quan nghiên cứu xuất bản ở Trung ương giúp Trung ương nghiên cứu đường lối, chính sách, chủ trương và kế hoạch về xuất bản để hướng dẫn điều hoà, phối hợp giữa xuất bản, in và phát hành nhằm thực hiện đúng đường lối, chính sách, chủ trương, kế hoạch đã đề ra.

Các bộ, các đoàn thể phải kiểm tra kỹ, thật sự lãnh đạo công tác xuất bản của ngành mình, *bảo đảm chất lượng* của các xuất bản phẩm và khắc phục những hiện tượng *lãng phí* trong việc xuất bản.

Giữa các nhà xuất bản, phải có sự phân công rõ ràng, hợp lý, tránh giẫm chân lên nhau.

Các khu tự trị, thành, tỉnh cần tổ chức việc xuất bản tập trung thống nhất, bảo đảm sự lãnh đạo chặt chẽ của cấp uỷ đảng, chống tình trạng phân tán, thiếu kiểm soát. Việc phân công, phối hợp giữa các nhà xuất bản ở trung ương và địa phương cần phải được nghiên cứu và quy định cụ thể.

- Về in, Cục quản lý in ở trung ương (thuộc Bộ Văn hoá) phụ trách toàn bộ ngành in. Cục quản lý có nhiệm vụ nghiên

cứu đề ra những chủ trương công tác và kế hoạch về in, điều chỉnh, phân phối các nhà in, xây dựng thiết bị và đào tạo cán bộ, công nhân ngành in, thống nhất quản lý việc mua, bảo quản, phân phối giấy và mọi nguyên liệu, vật liệu in.

- Về phát hành, cần hoàn thành tốt việc phân cấp quản lý cho địa phương. Sau khi phân cấp quản lý xong, cơ quan phát hành ở trung ương có nhiệm vụ phân phối và điều chỉnh sự phân phối xuất bản phẩm cho các địa phương, hướng dẫn nghiệp vụ, tổng kết và phổ biến kinh nghiệm, đào tạo cán bộ, còn các nhiệm vụ khác sẽ do cấp uỷ và chính quyền địa phương phụ trách.

- Các ngành, các cấp cần có kế hoạch tăng cường cơ quan xuất bản (gồm cả xuất bản, in và phát hành), bồi dưỡng cán bộ xuất bản về chính trị, nghiệp vụ, văn hoá, đặc biệt chú trọng tăng cường cán bộ biên tập, đào tạo cán bộ biên tập các loại. Đối với số ít những phần tử xấu còn ở trong các cơ quan xuất bản thì phải có kế hoạch đưa họ ra khỏi ngành xuất bản.

5. Một số vấn đề cụ thể.

a) *Giấy*: Đảng đoàn các Bộ Công nghiệp, Ngoại thương và Văn hoá phải có kế hoạch sản xuất và nhập giấy cho đủ yêu cầu của công tác xuất bản. Bộ Văn hoá phụ trách phân phối và quản lý mỗi loại giấy dùng để in. Bộ Nội thương phân phối và quản lý các loại giấy khác (giấy viết, giấy bọc hàng, v.v.), Bộ Văn hoá phải có kế hoạch sử dụng giấy in cho hợp lý, *kiên quyết chống lãng phí giấy*.

b) *Chế độ nhuận bút và bản quyền tác giả*, nhằm bảo đảm quyền lợi chính đáng của tác giả, khuyến khích những công trình nghiên cứu sáng tác, biên soạn, phiên dịch, đồng

thời bảo đảm sự phổ biến ngày càng rộng rãi các xuất bản phẩm tốt trong nhân dân.

c) Phải *hạ giá xuất bản phẩm* cho vừa với sức mua của nhân dân. Ngành xuất bản phải xem lại giá in, quản lý phí, tiền nhuận bút và phát hành phí cho hợp lý. Nhà nước cần trợ cấp cho: báo ảnh, sách ngoại văn, sách và xuất bản phẩm khác cho dân tộc thiểu số và cho thiếu nhi, và các loại tranh tuyên truyền cổ động, các bộ, các ngành có dự chi về tuyên truyền phí cần phải sử dụng cho hợp lý những số tiền đó để góp phần hạ giá sách, giá tranh. Đảng đoàn Bộ Tài chính và Bộ Nội thương cần nghiên cứu việc giảm thuế giấy và hạ giá giấy.

d) Các cấp uỷ đảng cần lãnh đạo việc *tổ chức lưới phát hành*, tích cực sử dụng các đoàn thể quần chúng, nhất là thanh niên, công đoàn để phát hành rộng rãi sách báo và các xuất bản phẩm khác. Các cơ quan xuất bản, phát hành cần sửa đổi chế độ hoa hồng cho hợp lý, tăng cường việc quảng cáo, giới thiệu xuất bản phẩm. Các báo chí, nhất là báo Đảng, cần phải dành chỗ thích đáng để đăng quảng cáo cho các sách xuất bản, cần viết bài giới thiệu những tác phẩm có giá trị và kịp thời phê phán những tác phẩm có những quan điểm sai lầm.

e) Các chi bộ đảng, công đoàn, đoàn thanh niên lao động cần chú ý *tổ chức, hướng dẫn việc đọc sách trong cán bộ và nhân dân*, gây cho cán bộ, nhân dân một nề nếp đọc sách thường xuyên để nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, nghiệp vụ, kỹ thuật.

*
* *

Công tác xuất bản là một bộ phận quan trọng trong sự

ng nghiệp cách mạng tư tưởng, văn hoá, kỹ thuật của toàn Đảng, toàn dân. Các cấp uỷ khu, thành, tỉnh và các đảng đoàn cần nghiên cứu Chỉ thị này, thật sự quan tâm và có kế hoạch cải tiến lãnh đạo đối với công tác xuất bản trong địa phương, trong ngành mình, chú trọng lãnh đạo về tư tưởng, về tổ chức và về nội dung công tác xuất bản, góp phần vào sự nghiệp xuất bản nói chung.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 287-TT/TW, ngày 26-11-1959

Về việc tích cực thực hiện kế hoạch sản xuất đông - xuân 1959 - 1960 và hoàn thành tốt thu hoạch vụ mùa 1959

Nhờ tinh thần phấn đấu bền bỉ chống hạn, lũ, úng và tích cực chăm bón lúa, nông dân ta đang thu hoạch vụ mùa thắng lợi và bước đầu thực hiện những công tác chuẩn bị cho kế hoạch sản xuất đông - xuân có kết quả.

Song, nhiều nơi, nhất là ở cấp xã, vì chưa thấy hết tầm quan trọng của kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 1960, sự cần thiết và khả năng thực hiện một vụ đông - xuân thắng lợi toàn diện, vượt bậc và vững chắc, cho nên công tác chuẩn bị vụ sản xuất đông - xuân còn rất yếu. Nhận thức về phương châm toàn diện, vượt bậc và vững chắc còn sai lệch, tinh thần quyết tâm phấn đấu và ý thức trách nhiệm thực hiện kế hoạch chưa được đầy đủ, sự chỉ đạo của các cấp uỷ chưa thật tập trung đúng mức cần thiết. Trước mắt, tình hình sản xuất đông - xuân đang có những khó khăn: nhiều vùng đang bị hạn, mức nước nói chung thấp hơn mọi năm cùng thời gian này; nhiều nơi mạ gieo chưa đủ, có nơi đang bị sâu phá hoại; một số cây công nghiệp còn thiếu giống, phong trào làm phân

còn yếu; nhiều hợp tác xã thiếu trâu bò cày một cách nghiêm trọng, v.v..

Để bảo đảm thực hiện đúng mức kế hoạch sản xuất đông - xuân và hoàn thành tốt thu hoạch vụ mùa, Ban Bí thư quyết định: *từ nay đến cuối 1959, ở nông thôn cần lấy việc củng cố phong trào đổi công hợp tác, đẩy mạnh sản xuất đông - xuân làm trung tâm bậc nhất, kết hợp chặt chẽ với việc thu hoạch vụ mùa, việc thu thuế, mua thóc, thu nợ là công tác trung tâm đột xuất ở nơi gặt xong.*

1. Đối với vụ sản xuất đông - xuân 1959 - 1960

Các cấp uỷ cần tập trung đúng mức sự chú ý và lực lượng để thi hành đầy đủ mấy việc sau đây:

Tiếp tục làm tốt công tác tư tưởng ở trong Đảng và ngoài nhân dân, làm cho mọi người, trước nhất là các đoàn viên thanh niên lao động và xã viên hợp tác xã nông nghiệp, thông suốt nhận thức đối với mục đích, ý nghĩa, nhiệm vụ, phương châm sản xuất đông - xuân 1959 - 1960, phát huy tinh thần phấn khởi về thắng lợi của vụ mùa, *nâng cao ý chí phấn đấu liên tục*, khắc phục tư tưởng thoả mãn, ngại khó; động viên toàn dân tăng cường quyết tâm thực hiện một vụ đông - xuân thắng lợi toàn diện, vượt bậc và vững chắc. Nhận thức, nhất là hành động cụ thể của đông đảo quần chúng chuẩn bị vụ đông - xuân phải là tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá phong trào.

Trước mắt, cần đặc biệt chú trọng tìm mọi biện pháp chống hạn, phòng hạn một cách khẩn trương, bảo đảm đủ nước suốt vụ cho cả lúa, hoa màu và cây công nghiệp; thiết thực kiểm tra và vận động nhân dân gieo đủ mạ kịp thời vụ, chăm sóc, bảo vệ mạ và giải quyết đủ giống cho các loại cây trồng. Đồng thời, ra sức vận động thành phong trào nhân

dân, chuẩn bị nhiều phân bón, phát huy sáng kiến, cải tiến nông cụ, hướng dẫn các hợp tác xã, tổ đổi công và có kế hoạch điều hoà, giúp đỡ nhau về trâu bò cày, tích cực chăm sóc, bồi dưỡng số trâu bò hiện có để bảo đảm việc cày bừa kịp thời cho lúa, hoa màu và cây công nghiệp. Ngành nông - lâm phải hết sức chú ý đi sâu nghiên cứu kinh nghiệm, để hướng dẫn nhân dân áp dụng toàn bộ kỹ thuật liên hoàn trong vụ đông - xuân đạt kết quả tốt.

Chúng ta đã có hơn hai vạn hai nghìn (22.000) hợp tác xã nông nghiệp, bao gồm khoảng 40% nông hộ. Sự lãnh đạo tập trung đúng mức của các cấp là một điều kiện hết sức quan trọng bảo đảm cho vụ đông - xuân này giành thắng lợi toàn diện, vượt bậc và vững chắc. Vì vậy, cần rất coi trọng việc lãnh đạo các hợp tác xã nông nghiệp; đi sát nghiên cứu điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, tập quán canh tác cụ thể từng nơi để giúp đỡ các hợp tác xã lập xong kế hoạch sản xuất đông - xuân; có kế hoạch thiết thực giúp đỡ các hợp tác xã giải quyết khó khăn trong sản xuất đông - xuân này. Phải thông qua vận động sản xuất, nộp thuế, bán thóc, trả nợ cho Nhà nước mà củng cố các hợp tác xã, củng cố và phát triển phong trào đổi công.

Tiếp tục đẩy mạnh các công tác khác để hoàn thành kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 1959: chăn nuôi, thả cá, đánh cá biển, nghề rừng. Trước mắt, cần tích cực phòng rét và chống rét cho gia súc, đặc biệt cho trâu bò; phát triển mạnh hơn nữa việc nuôi cá hồ, ao, ruộng.

2. *Đối với việc thu hoạch vụ mùa:* cần lãnh đạo nhân dân, đặc biệt là các hợp tác xã, tranh thủ thu mua nhanh, gọn, tốt vụ mùa. Lãnh đạo chặt chẽ công tác thống kê để có cơ sở đánh giá chính xác. Có kế hoạch hướng dẫn việc chia hoa lợi

cho tốt, chú ý giúp đỡ cách tính toán cho các hợp tác xã kém. Tiến hành tổng kết tốt vụ mùa để kịp thời phát huy đà phấn khởi của nhân dân làm cơ sở đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện kế hoạch sản xuất đông - xuân. Tích cực vận động nhân dân bán thóc, nộp thuế, trả nợ để *đảm bảo nhu cầu lương thực của Nhà nước, thi hành nghiêm chỉnh các Thông tri số 269-TT/TW ngày 28-9 và số 285-TT/TW ngày 21-11 về vấn đề này*. Cần phải vận động nhân dân thực hành tiết kiệm.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp đối với sản xuất nông nghiệp

Yêu cầu phát triển của sản xuất nông nghiệp ngày càng cao, nhiệm vụ của vụ đông - xuân 1959 - 1960 đối với việc hoàn thành kế hoạch 3 năm và chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm rất nặng nề, khó khăn trước mắt còn nhiều, *đòi hỏi ở toàn Đảng, toàn dân một tinh thần quyết tâm cao độ, một ý chí phấn đấu mạnh mẽ và liên tục, một sự cố gắng phi thường*. Để không ngừng động viên nhân dân thực hiện vụ đông - xuân thắng lợi toàn diện, vượt bậc và vững chắc, các cấp đảng bộ cần nâng cao hơn nữa ý thức trách nhiệm, tăng cường lãnh đạo hơn nữa vào công cuộc phát triển nông nghiệp và phong trào đổi công hợp tác xã. Cần phân công các cấp uỷ viên đi về các địa phương, nhất là cấp xã, kiểm tra, đôn đốc, theo dõi chặt chẽ tình hình, kịp thời giúp các địa phương uốn nắn những lệch lạc và rút kinh nghiệm tốt để hướng dẫn các nơi khác. Phải làm đúng chế độ báo cáo lên Trung ương để giúp Trung ương theo dõi và lãnh đạo phong trào.

Các khu, tỉnh, thành cần có kế hoạch cụ thể hướng dẫn cấp dưới thực hiện Thông tri này và cứ 15 ngày một lần báo cáo kết quả lên Trung ương.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 92-NQ/TW, ngày 29-11-1959

Về việc chuyển Ban Hoa vận trực thuộc Ban Mặt trận Trung ương

- Căn cứ vào tinh thần Chỉ thị 157 của Trung ương về việc kiện toàn các ban, các đảng đoàn giúp việc Trung ương,
- Xét quan hệ nhiệm vụ công tác giữa Ban Hoa vận với Ban Mặt trận Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT NGHỊ:

1. Chuyển Ban Hoa vận trực thuộc Trung ương sang Ban Mặt trận Trung ương phụ trách, Ban Mặt trận Trung ương có trách nhiệm trước Trung ương về công tác Hoa vận.
 - Vấn đề quy định nhiệm vụ, quyền hạn và lề lối làm việc của tiểu ban Hoa vận trực thuộc Ban Mặt trận sẽ do Ban Mặt trận cùng với Ban Hoa vận nghiên cứu và quy định.
 - Những quyền lợi về tinh thần và vật chất của các đồng chí trong tiểu Ban Hoa vận vẫn giữ nguyên như cũ.
2. Các tiểu Ban Hoa vận ở các địa phương cũng chuyển sang Ban Mặt trận giúp cấp uỷ địa phương phụ trách.

3. Ban Mặt trận, Ban Hoa vận Trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 174-CT/TW, ngày 30-11-1959

Về việc vận động hạn chế tiêu dùng rượu và ngăn ngừa rượu lậu phát triển

Từ ngày thi hành chính sách thống nhất quản lý kinh doanh rượu, thông qua chính sách giá cả và chính sách thuế, kết hợp với công tác tuyên truyền, giáo dục, chúng ta đã hạn chế đến mức độ nhất định việc tiêu dùng rượu, cũng như việc nấu rượu lậu trong nhân dân để đảm bảo sức khoẻ cho nhân dân và tiết kiệm lương thực.

So với thời kỳ Pháp thuộc, mức tiêu dùng rượu hiện nay có giảm, nhưng gần đây mức tiêu dùng có chiều hướng tăng lên. Số lượng rượu quốc doanh và rượu do tư nhân được phép đăng ký sản xuất năm nay tăng hơn năm 1958, trong khi đó tình hình nấu rượu lậu vẫn còn nghiêm trọng ở nông thôn, nhất là ở những nông thôn có nghề nấu rượu lâu đời. Có nơi, hầu hết các gia đình trong thôn nấu rượu lậu; ngay trong hàng ngũ cán bộ và đảng viên ở xã có nơi cũng có nhiều người tham gia nấu rượu lậu. Có nơi tỉnh cũng đề nghị cho tăng thêm số rượu cần tiêu thụ trong tỉnh, hay là tăng số thóc dành cho nấu rượu.

Việc nấu rượu lậu là *vi phạm chính sách thuế khoá của*

Nhà nước, trái với chính sách tiết kiệm lương thực, trái với chủ trương của Đảng và Chính phủ là dần dần giảm bớt rượu để đảm bảo sức khoẻ cho nhân dân. Việc nấu rượu lậu còn gây tác hại đến phong trào sản xuất và các phong trào khác. Thực tế cho thấy ở nơi nào có tình hình nấu rượu lậu thì phong trào ở đó mọi mặt đều sút kém; sản xuất nông nghiệp bị lơ là, hợp tác hoá tiến chậm, học tập hội họp trễ nải, đoàn kết trong thôn xóm cũng thiếu.

Trong rượu, nhất là rượu tư nhân không được tinh chế như rượu quốc doanh, có nhiều chất độc. Uống nhiều rượu có hại đến sức khoẻ, đến nòi giống sau này.

Chúng ta cần nắm vững chủ trương của Đảng và Chính phủ, vận động nhân dân hạn chế việc tiêu dùng rượu và tiến tới chấm dứt tình trạng nấu rượu lậu.

Các cấp uỷ đảng ở địa phương cần kết hợp với phong trào sản xuất, vận động nếp sống mới, tích cực giáo dục để nhân dân thấy rõ tai hại của việc uống nhiều rượu và nấu rượu lậu và có ý thức chấp hành chủ trương của Đảng và Chính phủ, ý thức tôn trọng luật pháp của Nhà nước. Những nơi có nhiều người nấu rượu lậu phải được chú ý hơn. Chi bộ cần kết hợp với việc giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, vận động đảng viên, cán bộ xã, và các xã viên hợp tác xã gương mẫu, kiên quyết không nấu rượu lậu và không tiêu thụ rượu lậu. *Chỉ khi nào chi bộ xã và cán bộ xã thông suốt chủ trương của Đảng và Chính phủ, gương mẫu trong việc chấp hành thì việc giáo dục, vận động quần chúng mới có kết quả.*

Đi đôi với việc tuyên truyền giáo dục giảm bớt dần việc tiêu dùng rượu, các cấp chính quyền cần phải *tăng cường quản lý thóc gạo, ngăn chặn rượu lậu phát triển* đồng thời lãnh đạo việc phân phối rượu có kế hoạch, có trọng điểm.

Cuộc vận động hạn chế việc tiêu dùng rượu và chống nấu rượu lậu là một công tác lâu dài, phức tạp, phải làm có kế hoạch từng bước, nhưng phải thường xuyên, liên tục và kiên quyết, đi đúng đường lối quần chúng; tránh mệnh lệnh gò ép, nhưng cũng không theo đuôi quần chúng.

Trung ương yêu cầu khu uỷ, thành uỷ, tỉnh uỷ, đảng đoàn các ngành, các đoàn thể có liên quan đặt kế hoạch cụ thể tích cực thi hành Chỉ thị này.

Chỉ thị này phải được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 91-NQ/TW, ngày 1-12-1959

Về việc hợp nhất hai Ban Tuyên huấn và Văn giáo

Căn cứ vào yêu cầu của công tác tư tưởng, văn hoá, giáo dục, khoa học, y tế, thể dục, trong giai đoạn cách mạng hiện nay; căn cứ vào kinh nghiệm thực tiễn của công tác tuyên huấn, văn giáo trong mấy năm vừa qua; để tăng cường sự lãnh đạo thống nhất của Đảng trên mặt trận tư tưởng và văn hoá,

BAN BÍ THƯ QUYẾT NGHỊ:

1. Hợp nhất hai Ban Tuyên huấn và Văn giáo Trung ương thành một Ban Tuyên huấn văn giáo, gọi tắt là *Ban Tuyên giáo Trung ương*.

2. Về tính chất, nhiệm vụ, quan hệ công tác và phương pháp công tác của Ban Tuyên giáo: nói chung vẫn theo quy định của Ban Bí thư trong Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 4-6-1957 về tổ chức, nhiệm vụ và quan hệ công tác của Ban Tuyên huấn các cấp của Đảng và Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 23-8-1958 về việc thành lập Ban Văn hoá giáo dục

Trung ương. Đây chỉ nêu lên những vấn đề chủ yếu cần phải quán triệt.

Ban Tuyên giáo Trung ương là một cơ quan có trách nhiệm giúp Trung ương Đảng nghiên cứu và chỉ đạo thực hiện đường lối, phương châm và chính sách lớn về mọi mặt công tác tuyên truyền, huấn luyện, báo chí, xuất bản, giáo dục, văn hoá, nghệ thuật, khoa học, y tế và thể dục thể thao.

Những nhiệm vụ chính của Ban Tuyên giáo là:

1- Căn cứ đường lối chung của Đảng và nhiệm vụ của Đảng trong từng thời kỳ, căn cứ tình hình tư tưởng trong Đảng và ngoài Đảng, nghiên cứu và đề nghị với Trung ương đường lối, chủ trương, phương châm, chính sách và kế hoạch tuyên truyền giáo dục về chính trị và tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên và quần chúng.

2- Căn cứ đường lối chung của Đảng và nhiệm vụ của Đảng trong từng thời kỳ, chủ yếu là nhiệm vụ xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá, mà nghiên cứu và đề nghị với Trung ương đường lối, chủ trương, phương châm, chính sách lớn về các mặt công tác văn hoá, nghệ thuật, giáo dục, khoa học, y tế và thể dục thể thao.

3- Giúp Trung ương theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện những đường lối, phương châm, chính sách, kế hoạch về công tác tuyên truyền, giáo dục, văn hoá, nghệ thuật, khoa học, y tế và thể dục thể thao.

4- Theo dõi và chỉ đạo công tác của các cơ quan làm công tác tuyên huấn văn giáo; bồi dưỡng và đào tạo những cán bộ nhân viên làm công tác tuyên huấn văn giáo.

5- Cùng với Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương quản lý những cán bộ tuyên huấn văn giáo thuộc quyền quản lý của Trung ương; cùng với đảng uỷ cơ quan chấp hành mọi

chính sách của Đảng (kể cả việc giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng) đối với các cán bộ, nhân viên công tác trong cơ quan. Giúp đỡ các đảng đoàn các bộ và các đoàn thể trong khối văn giáo về công tác chính trị, tư tưởng và các tổ chức đối với cán bộ nhân viên các ngành đó.

3. Về tổ chức của Ban Tuyên giáo.

Ban Tuyên giáo Trung ương gồm có những đồng chí sau đây:

Đồng chí Trường Chinh	Trưởng ban,
Đồng chí Tố Hữu	Phó trưởng ban,
Đồng chí Hà Huy Giáp	- nt -
Đồng chí Nguyễn Chương	- nt -
Đồng chí Trần Tống	- nt -
Đồng chí Trần Quang Huy	- nt -

Để giúp việc cho ban, cần phải tăng cường các bộ phận sẵn có và thành lập thêm một số bộ phận mới như sau:

1- Các vụ huấn học, tuyên truyền và văn phòng ban cần được tăng cường cán bộ để đủ sức đảm bảo nhiệm vụ mới.

2- Vụ Báo chí cần bổ sung thêm cán bộ để làm cả công tác xuất bản. Từ nay gọi là Vụ Báo chí xuất bản.

3- Trường của Ban Tuyên huấn nay đổi thành trường của Ban Tuyên giáo, cần được xây dựng thành trường lý luận và nghiệp vụ để bồi dưỡng cán bộ tuyên giáo.

4- Thành lập thêm bốn vụ: tuyên truyền quốc tế, giáo dục, văn nghệ, y tế và thể dục thể thao. Mỗi vụ phải có cán bộ phụ trách và một số cán bộ có năng lực nghiên cứu để làm việc.

5- Đối với các công tác khoa học, tổ chức và cán bộ, cũng phải có cán bộ theo dõi, nghiên cứu. Sau này tùy theo nhu cầu và khả năng, có thể tiến tới thành lập các vụ khoa học, tổ chức cán bộ.

Ban Tổ chức Trung ương cần nghiên cứu và điều động số cán bộ nói trên. Đảng đoàn các Bộ có liên quan như Giáo dục, Văn hoá, Y tế, v.v. cần cung cấp cán bộ (do Ban Tuyên giáo đề nghị) để các bộ phận có thể làm việc được.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ
Số 93-NQ/TW, ngày 2-12-1959

**Về việc tăng cường lãnh đạo công tác bổ túc
văn hoá cho cán bộ, công nhân, nông dân nhằm
đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc
và đấu tranh thống nhất nước nhà**

**I- NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ VĂN HOÁ CHO CÁN BỘ,
CÔNG NHÂN VÀ NÔNG DÂN LÀ YÊU CẦU CẤP THIẾT
HIỆN NAY CỦA TOÀN ĐẢNG, TOÀN DÂN**

Nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc nước ta hiện nay là tích cực đưa miền Bắc từ tình trạng nông nghiệp lạc hậu tiến lên có một nền kinh tế công nghiệp và nông nghiệp xã hội chủ nghĩa, có khoa học và kỹ thuật hiện đại, làm cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Cách mạng ở miền Bắc đang tiến triển mạnh. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa nảy nở, đường mở đường cho sức sản xuất phát triển, cho công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Công tác quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, văn hoá ngày càng phức tạp. Trong các lĩnh vực đấu tranh, nhiều vấn đề mới đang được đặt ra; nếu chỉ có nhiệt tình cách mạng thì không đủ mà cần phải có trình độ hiểu biết khá sâu về

những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, về khoa học, kỹ thuật. Trong việc quản lý hợp tác xã, xí nghiệp, cơ quan, v.v. việc nắm vững và vận dụng những kiến thức cơ bản về văn hoá, về khoa học, kỹ thuật, đã thực sự trở thành một yêu cầu cấp bách và thiết thân của mọi cán bộ, đảng viên. Trình độ văn hoá thấp kém của cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, ngày càng trở ngại lớn đến công cuộc xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Do sự quan tâm của Đảng và sự cố gắng của nhân dân, cuối năm 1958, các tỉnh miền xuôi đã căn bản xoá xong nạn mù chữ; hàng chục vạn người đã được bổ túc văn hoá. Những thành tích ấy đã tạo thêm điều kiện thuận lợi cho việc phát triển cơ sở chính trị, kinh tế. Tuy nhiên, so với yêu cầu cách mạng xã hội chủ nghĩa thì trình độ văn hoá của cán bộ và nhân dân còn quá thấp. Đại đa số nông dân còn ở trình độ lớp 1, lớp 2. 80% công nhân trình độ lớp 2 và số lượng cán bộ chuyên môn, kỹ thuật chưa đầy 2% so với tổng số công nhân. Trong 630 cán bộ cao cấp ở các cơ quan dân chính đảng trung ương thì 10,5% còn ở trình độ cấp I, 50% chưa hết cấp II, 16,5% trên trình độ cấp II, 23% có trình độ trên cấp III và đại học. Trong số 914 tỉnh uỷ viên mới bầu lại, 85% ở trình độ lớp 3, 4, 5. Trong hơn 4.000 huyện uỷ viên mới thì 87,8% ở trình độ lớp 4 trở xuống. Tình trạng đó hạn chế việc nâng cao năng lực công tác, năng suất lao động, hạn chế trình độ quản lý sản xuất, quản lý nhà nước, hạn chế trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và do đó, hạn chế bước tiến nhanh của cách mạng.

Đầu năm 1958, Ban Bí thư đã ra chỉ thị tăng cường công tác bổ túc văn hoá, nhưng do nhận thức của các cấp bộ đảng và chính quyền về tầm quan trọng, ý nghĩa và vị trí của việc

nâng cao trình độ văn hoá cho cán bộ, đảng viên đối với sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn hiện nay chưa được sâu sắc, cho nên phong trào học văn hoá nói chung còn yếu.

Trong thời gian tới, nếu không khẩn trương nâng cao trình độ văn hoá của cán bộ và công nông thì sẽ ảnh hưởng lớn đến công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, cho nên yêu cầu bức thiết là phải ra sức đẩy mạnh và lãnh đạo tốt phong trào bổ túc văn hoá.

II- PHƯƠNG HƯỚNG CỦA CÔNG TÁC BỔ TÚC VĂN HOÁ VÀ TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC BỔ TÚC VĂN HOÁ

1. Mục đích và nhiệm vụ bổ túc văn hoá.

Công tác bổ túc văn hoá nhằm mục đích nâng cao trình độ văn hoá, trình độ hiểu biết khoa học kỹ thuật cho cán bộ, công nhân, nông dân, cho nhân dân lao động nói chung cho phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ mới. Ngoài nhiệm vụ cung cấp những kiến thức văn hoá cơ bản nhằm giúp cán bộ, công nhân, nông dân giải quyết những vấn đề thiết thực trong công tác, trong sản xuất, công tác bổ túc văn hoá còn phải chuẩn bị để người học có thể tiến lên nắm vững những kiến thức khoa học kỹ thuật hiện đại.

2. Phương châm bổ túc văn hoá.

Bổ túc văn hoá phải bảo đảm cho người học nắm được những kiến thức cơ bản kết hợp với thực tế sản xuất, công tác, đời sống. Do đó, phương châm bổ túc văn hoá là:

a) *Phục vụ đường lối chính sách của Đảng, phục vụ sản xuất.*

Trên cơ sở không ngừng nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nội dung bổ túc văn hoá chủ yếu gồm những kiến thức cơ bản, liên hệ với thực tế sản xuất để có tác dụng đẩy

mạnh sản xuất, đồng thời có hướng nâng cao để có thể tiếp tục học lên.

b) *Đi đường lối quần chúng.*

Phong trào bổ túc văn hoá phải có tính chất quần chúng rộng rãi, có sức lôi cuốn đông đảo quần chúng và được các cấp uỷ đảng và chính quyền lãnh đạo chặt chẽ. Nội dung học và hình thức học phải căn cứ vào yêu cầu và chương trình quy định cho từng cấp, đồng thời có chiều cố đến đặc điểm công tác, nghề nghiệp, sinh hoạt, tuổi tác của từng loại đối tượng học viên là cán bộ, công nhân hoặc nông dân mà ấn định.

c) *Tranh thủ thời gian, nhưng bảo đảm kết quả vững chắc, thiết thực.*

Phương châm này không những chỉ thể hiện trong cách tổ chức học mà còn phải thể hiện trong việc sắp xếp các bộ môn học cho súc tích, khỏi rườm rà, lại có tác dụng bổ sung cho nhau.

3. *Nội dung bổ túc văn hoá.*

Nội dung học chủ yếu nhằm bảo đảm kiến thức về khoa học cơ bản, có tác dụng nâng cao trình độ nghiệp vụ, đẩy mạnh sản xuất, đồng thời bao gồm nội dung nâng cao nhiệt tình xã hội chủ nghĩa, nâng cao tinh thần yêu nước và quyết tâm đấu tranh thống nhất nước nhà.

Nguyên tắc chung là phải học các kiến thức cơ bản phổ thông, nhưng với một nội dung tinh giản, một trình tự hợp lý, luôn luôn liên hệ thực tế, có phần theo hệ thống, có phần phục vụ ngay trước mắt. Cần nghiên cứu việc chia lớp, chia cấp để cho việc học văn hoá phù hợp với việc học nghiệp vụ, cả hai mặt bổ sung lẫn nhau.

4. *Đối tượng và mục tiêu phấn đấu của bổ túc văn hoá trong những năm tới.*

Về nguyên tắc, việc bổ túc văn hoá phải được phổ cập cho

tất cả mọi người công dân có sức học; nhưng hiện nay, nhu cầu văn hoá không phải ở đâu cũng như nhau, khả năng của ta lại có hạn cho nên cần nắm vững đối tượng chính hiện nay là: *cán bộ đảng và nhà nước, đảng viên, đoàn viên thanh niên lao động, các anh hùng chiến sĩ thi đua, các phần tử tiên tiến, tích cực trong lao động sản xuất và thanh niên công nông nói chung.* Trong các đối tượng chính nói trên, cũng cần có sự phân biệt thích đáng.

Trước hết, phải tổ chức học tập tốt cho cán bộ lãnh đạo các cấp, đặc biệt là các cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cơ quan đầu não của Đảng và Nhà nước, sau đó là cán bộ nghiên cứu và nghiệp vụ.

Ở các xí nghiệp, công trường, chú ý cán bộ quản lý xí nghiệp như giám đốc, quản đốc, trưởng xưởng, trưởng ngành, các uỷ viên đảng uỷ, chi uỷ, cán bộ công đoàn và đoàn thanh niên, cán bộ kỹ thuật; rồi đến công nhân chuyên nghiệp và công nhân tiên tiến - nhất là công nhân trẻ tuổi trong các ngành cơ khí, điện, gang thép, v.v..

Ở nông thôn, chú ý cán bộ xã lãnh đạo các ngành đảng, chính, dân, quân, quản trị hợp tác xã, đảng viên, đoàn viên thanh niên, các phần tử tiên tiến trong hợp tác xã. Đặc biệt chú trọng các cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong đảng uỷ, chi uỷ, uỷ ban hành chính và hợp tác xã.

Ở thành thị cũng cần chú ý đến cán bộ quản lý các hợp tác xã thủ công nghiệp.

Trong đối tượng nói trên, cần đặc biệt chú ý đến cán bộ các vùng dân tộc - nhất là các dân tộc ít người, các cán bộ miền Nam tập kết, các cán bộ phụ nữ.

Đối với quân đội, Tổng Quân uỷ căn cứ vào tình hình cụ thể hiện nay và nhu cầu xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng mà quy định mức độ yêu cầu cho mỗi loại cán bộ và chiến sĩ.

Đối với những đối tượng chính nói trên, không phải chỉ căn cứ vào trình độ văn hoá hiện nay mà chủ yếu là phải xuất phát từ yêu cầu của cách mạng, từ nhiệm vụ và cương vị công tác của mỗi người mà đặt mức phấn đấu rõ ràng và tạo mọi điều kiện để thực hiện.

Đối với các tầng lớp nhân dân lao động khác, yêu cầu hiện nay là vận động đi học các lớp 1, 2 để củng cố kết quả thanh toán nạn mù chữ.

Mỗi địa phương, mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi đơn vị công tác, mỗi cơ sở sản xuất cần căn cứ vào tình hình cụ thể của mình mà đặt mức phấn đấu và quy hoạch cụ thể để trong năm, sáu năm tới đại loại cán bộ cao, trung cấp có trình độ văn hoá tiếp thu kỹ thuật cao đẳng, cán bộ huyện và cán bộ phụ trách chủ yếu ở xã có trình độ văn hoá tiếp thu kỹ thuật trung cấp, cán bộ cơ sở (kể cả quản trị hợp tác xã) có trình độ văn hoá tiếp thu kỹ thuật sơ cấp. Đối với công nhân chuyên nghiệp và thanh niên công nông, cũng phải phấn đấu để đại bộ phận có trình độ văn hoá cấp II để xúc tiến việc học tập kỹ thuật sơ cấp và trung cấp.

Ở miền núi, tình trạng kém văn hoá nặng hơn ở miền xuôi, cần phải gấp rút hoàn thành kế hoạch xoá nạn mù chữ (chậm nhất đến cuối 1961), đồng thời phát triển mạnh bổ túc văn hoá, trước hết cho cán bộ và thanh niên các dân tộc, tạo điều kiện cho miền núi tiến kịp miền xuôi. Việc nghiên cứu xây dựng chữ viết của các dân tộc đông người cần được đẩy mạnh và hoàn thành sớm.

III- MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO BỔ TÚC VĂN HOÁ

Phong trào bổ túc văn hoá là một phong trào quần chúng rộng rãi do Đảng và Nhà nước lãnh đạo, các ngành, các giới có trách nhiệm tham gia và thúc đẩy thực hiện, làm cho quần chúng tự giác coi việc bổ túc văn hoá là việc của mình tự làm lấy. Những kinh nghiệm phong phú của phong trào thanh toán nạn mù chữ về mặt động viên quần chúng, dựa vào lực lượng quần chúng để giải quyết mọi khó khăn... cần được vận dụng vào phong trào bổ túc văn hoá. Tuy nhiên, phong trào bổ túc văn hoá có những đòi hỏi mới về nội dung học, điều kiện dạy, điều kiện tổ chức... Cho nên cần phải có những biện pháp thích đáng thì mới phát triển được phong trào và bảo đảm chất lượng của phong trào.

1. Tổ chức và lãnh đạo.

Trước hết, các ngành, các cấp cần nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng và tính chất bức thiết của công tác bổ túc văn hoá và đề cao tinh thần trách nhiệm của mình trong việc nâng cao trình độ văn hoá cho cán bộ và công nông.

Sau khi quan niệm về nhiệm vụ bổ túc văn hoá đã thông suốt trong toàn Đảng, toàn dân thì việc tổ chức lãnh đạo phong trào là cần thiết vào bậc nhất. Lãnh đạo có được tập trung đến một mức độ nhất định, công tác bổ túc văn hoá có được kết hợp với các công tác trung tâm, các cấp uỷ đảng, các đồng chí phụ trách các ngành có chú ý và quyết tâm thì phong trào mới lớn mạnh được.

- Cần có sự lãnh đạo tập thể và thường xuyên của các cấp uỷ đảng và các ngành đối với công tác bổ túc văn hoá. Mỗi ngành, mỗi cấp cần có kế hoạch cụ thể trong từng thời kỳ

nhất định, có kiểm điểm và có kế hoạch bổ khuyết cho phong trào; cần theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện; ở mỗi cấp uỷ, phải phân công một đồng chí thường vụ trực tiếp phụ trách công tác này.

- Ở trung ương và các cấp khu, thành, tỉnh cần thống nhất ban lãnh đạo thanh toán nạn mù chữ và ban lãnh đạo bổ túc văn hoá và bổ sung người để có thể giúp các cấp đảng và chính quyền lãnh đạo và đôn đốc, kiểm tra các ngành thực hiện bổ túc văn hoá. Ở huyện và xã, cần có một cấp uỷ viên của Đảng phụ trách thực sự.

- Các ngành, các cơ sở sản xuất (xí nghiệp, hợp tác xã), các đoàn thể nhân dân, các thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm trực tiếp đối với việc bổ túc văn hoá cho cán bộ, công nhân, nông dân, và phải có tổ chức, có chính sách, có kế hoạch lãnh đạo phong trào học văn hoá trong ngành, trong cơ quan, đoàn thể, đơn vị mình.

- Ở cơ sở xí nghiệp, cơ quan, công trường, nông trường, lâm trường, cần có ban lãnh đạo thống nhất việc học chính trị, văn hoá và nghiệp vụ. Chính quyền, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Lao động ở các cơ sở nói trên và ở các hợp tác xã, dưới sự lãnh đạo thống nhất của cấp uỷ đảng, có trách nhiệm chính bảo đảm kế hoạch bổ túc văn hoá. Chế độ cán bộ chuyên trách bổ túc văn hoá ở cơ quan, xí nghiệp... cần quy định lại để có đủ người phụ trách công tác bổ túc văn hoá.

- Bộ máy bổ túc văn hoá ở các cơ quan giáo dục từ trung ương đến địa phương cần được kiện toàn và bổ sung cán bộ có chất lượng về chính trị và nghiệp vụ để có đủ khả năng hướng dẫn, giúp đỡ các ngành về mặt chuyên môn.

2. Hình thức tổ chức học.

Hình thức tổ chức học thích hợp nhất với số đông, hợp với hoàn cảnh sản xuất, công tác của ta hiện nay vẫn là hình thức *vừa làm vừa học, học ngoài giờ sản xuất*. Đi đôi với hình thức học này, cần quy định chế độ học tập cho thích hợp, và phải lãnh đạo chặt chẽ việc thực hiện chế độ ấy; cần có biện pháp hợp lý hoá các thứ hội họp và điều hoà giữa học tập chính trị, văn hoá và nghiệp vụ để có thể đảm bảo giờ học văn hoá; cần dựa vào tổ chức sản xuất (hợp tác xã, tổ sản xuất) để thống nhất quản lý sản xuất, công tác và học tập; có chế độ thích hợp với phụ nữ bận con, với cán bộ làm công tác thường lưu động. Điều cốt yếu là cấp uỷ, thủ trưởng cơ quan cần tôn trọng kỷ luật học tập, giờ học văn hoá, coi những ngày giờ đó là không thể xâm phạm, không thể tùy tiện sửa đổi.

Đối với một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt quá bận rộn, không thể thoát ly đi học, thì cần có biện pháp như cử người dạy riêng.

Ngoài hình thức học tại chức, cần mở trường cho một số đối tượng được thoát ly công tác và sản xuất để đi học.

- *Trường bổ túc văn hoá cán bộ* (thay cho trường phổ thông lao động) là hình thức học tập cho những cán bộ lãnh đạo từ cấp xã trở lên cần có gấp trình độ văn hoá cấp I, cấp II, cấp III.

Trường bổ túc văn hoá cho cán bộ trung cấp, sơ cấp và cơ sở học cấp I và cấp II sẽ mở ở từng tỉnh. Ngoài những cán bộ lãnh đạo, trường sẽ thu nhận thêm một số cán bộ có trình độ chính trị nhất định, có phẩm chất tốt, có khả năng lãnh đạo để đào tạo thành cán bộ quản lý các ngành sau này. Ở những tỉnh có rất đông cán bộ chủ chốt của xã, như bí thư, chủ tịch,

chủ nhiệm hợp tác xã, cần được bổ túc văn hoá gấp thì mở lớp bổ túc văn hoá ở cấp huyện.

- Các ngành cũng cần mở *trường bổ túc văn hoá và kỹ thuật* cho cán bộ, nhân viên, công nhân của ngành mình để nâng cao trình độ công tác, năng suất lao động, đào tạo nhiều cán bộ chuyên nghiệp trung cấp, sơ cấp và công nhân kỹ thuật cho ngành mình.

- *Trường bổ túc văn hoá công nông* đã mở ở trung ương, cần được mở thêm ở một số địa phương, thu nhận thanh niên công nhân, nông dân ưu tú và có trình độ văn hoá nhất định, bổ túc trong 1, 2 năm để có trình độ vào học các trường chuyên nghiệp và đại học.

3. Vấn đề cán bộ và giáo viên.

Để bảo đảm thực hiện kế hoạch bổ túc văn hoá về số lượng cũng như về chất lượng, vấn đề mấu chốt là vấn đề giáo viên. Theo *phương châm dựa vào quần chúng*, nguồn giáo viên chính vẫn là dựa vào lực lượng văn hoá sẵn có ở cơ quan, xí nghiệp, nông thôn.. nhất là cán bộ có văn hoá, giáo viên, học sinh lớn tuổi các trường phổ thông, học sinh và sinh viên các trường chuyên nghiệp, đại học. Tuy nhiên phải đặc biệt coi trọng việc *đào tạo và tổ chức đội ngũ giáo viên bổ túc văn hoá*. Bộ Giáo dục có trách nhiệm tổ chức những trường, lớp để thường xuyên đào tạo và bồi dưỡng giáo viên bổ túc văn hoá. Cán bộ, giáo viên bình dân học vụ, có thành tích, phẩm chất chính trị tốt sẽ được ưu tiên chọn đi học để bổ sung đội ngũ của ngành.

Cán bộ giáo viên bổ túc văn hoá, bất cứ từ nguồn nào đến, cũng cần được tích cực bồi dưỡng về chính trị, văn hoá và nghiệp vụ. Trong hai năm tới, Bộ Giáo dục cần có kế hoạch mở trường luân phiên bồi dưỡng cho cán bộ phụ trách

bổ túc văn hoá ở các cấp, ở xí nghiệp, cơ quan, v.v..

- Ở các cơ quan đông cán bộ, ở các xí nghiệp đông công nhân cần thực hiện chế độ giáo viên chuyên nghiệp vừa dạy một số giờ vừa hướng dẫn chuyên môn cho các giáo viên kiêm chức.

- Các cấp uỷ đảng và chính quyền cần quan tâm đến chế độ đãi ngộ và cung cấp phương tiện làm việc cho các giáo viên bổ túc và tạo điều kiện để họ hào hứng và an tâm giảng dạy. Những quy định trước đây về quyền lợi giáo viên bình dân học vụ cần được tiếp tục thi hành đối với giáo viên bổ túc văn hoá.

4. Vấn đề tài liệu giáo khoa.

Cần có hai loại tài liệu, loại cho người dạy và loại cho người học. Loại viết cho người học phải đơn giản, dễ hiểu, có tác dụng giúp người học khi vắng thầy có thể tự học được. Ngoài tài liệu giáo khoa chính thức, Bộ Giáo dục cần phối hợp với các ngành văn hoá, khoa học, có kế hoạch phát hành các loại sách truyền bá kiến thức khoa học và kỹ thuật.

5. Vấn đề phương tiện.

Bổ túc văn hoá phải phát triển nhanh và tốt. Muốn thế, phải có nhiều phương tiện. Nói chung là phải dựa vào quần chúng mà giải quyết các vấn đề thì mới không hạn chế phong trào, đồng thời tiết kiệm được công quỹ. Trong tình hình hiện nay, kinh tế của nhân dân còn thấp và phát triển không đều, chưa thể đòi hỏi được hoàn toàn, Nhà nước cần dành cho phong trào bổ túc văn hoá một số phương tiện tài chính cần thiết, căn cứ vào khả năng tài chính của Nhà nước và xuất phát từ quan điểm coi việc nâng cao văn hoá, đào tạo cán bộ là một điều kiện quan trọng bậc nhất bảo đảm sự thành công của cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà có những chi phí do Nhà

nước phụ trách hoặc do Nhà nước và nhân dân cùng phụ trách. Hiện nay trong các vấn đề mở thêm trường lớp văn hoá cấp tốc cho cán bộ hợp tác xã, thiết bị các trường bổ túc văn hoá, mở lớp bồi dưỡng cán bộ, giáo viên bình dân học vụ, cung cấp tài liệu, cổ động tuyên truyền, v.v. chưa thể để nhân dân tự túc được, cần có sự giúp đỡ của Nhà nước.

Việc bổ túc văn hoá cho cán bộ, công nhân, nông dân có một tầm quan trọng đặc biệt. Phong trào bổ túc văn hoá phát triển sẽ tạo cơ sở nâng cao trình độ chính trị, lý luận, trình độ khoa học kỹ thuật của cán bộ, của công nhân, nông dân, góp phần tích cực làm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi ở miền Bắc, đồng thời sẽ cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh của đồng bào miền Nam.

Tất cả các cấp uỷ, các cán bộ, đảng viên cần nghiên cứu chấp hành nghiêm chỉnh Nghị quyết này, quán triệt quyết tâm lớn của Trung ương mà ra sức học tập văn hoá, ra sức phấn đấu đẩy mạnh phong trào học văn hoá của quần chúng.

Đảng đoàn Bộ Giáo dục phối hợp với Ban lãnh đạo bổ túc văn hoá nghiên cứu kế hoạch cụ thể, hướng dẫn các ngành, các cấp thực hiện Nghị quyết này.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 289-TT/TW, ngày 2-12-1959

Về việc kiện toàn chi bộ trong lực lượng công an nhân dân vũ trang

Kính gửi các Khu uỷ, Thành uỷ, Tỉnh uỷ,

Xét tình hình và đề nghị của Đảng đoàn Bộ Công an về việc tiến hành kiện toàn chi bộ trong lực lượng công an nhân dân vũ trang nhằm mục đích:

1. *Đối với đảng viên:* Tiếp tục nâng cao trình độ giác ngộ giai cấp, nắm vững mục tiêu phấn đấu cuối cùng của Đảng, làm cho đảng viên thực sự tiên tiến hơn quần chúng về quan điểm, lập trường, tư tưởng, đề cao được ý thức trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ, ý thức trách nhiệm xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng công an nhân dân vũ trang.

2. *Đối với chi bộ:* Đề cao trách nhiệm lãnh đạo của chi bộ đối với việc quán triệt đường lối chính sách của Đảng, đối với nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ xây dựng lực lượng công an nhân dân vũ trang và đường lối, phương châm, nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng, tăng cường đoàn kết nhất trí, nâng cao tính tổ chức, tính kỷ luật trong Đảng, trong đơn vị.

- Nâng cao quan điểm quần chúng và trình độ lãnh đạo của chi bộ, cấp uỷ và đảng viên, tăng cường mối quan hệ giữa

đảng viên với quần chúng, giữa chi bộ đơn vị với chi bộ cơ quan và nhân dân địa phương làm cho quần chúng tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và đề cao ý thức xây dựng chi bộ, giúp đỡ đảng viên làm tròn nhiệm vụ của mình.

- Đề cao trách nhiệm lãnh đạo đối với công tác thanh niên và công tác chi đoàn thanh niên trong đơn vị, nhằm động viên được lực lượng thanh niên to lớn trong phong trào thi đua yêu nước hiện nay.

Nội dung giáo dục lần này gồm hai vấn đề:

1- Suốt đời hy sinh phấn đấu cho chủ nghĩa cộng sản.

2- Đề cao trách nhiệm lãnh đạo của chi bộ, quán triệt nguyên tắc lãnh đạo tập thể, và tác phong lãnh đạo theo đường lối quần chúng; tăng cường lãnh đạo công tác thanh niên.

Để bảo đảm cho các đảng bộ đơn vị công an nhân dân vũ trang tiến hành kiện toàn chi bộ được thích hợp với tính chất của nó và đạt kết quả tốt, Ban Bí thư chỉ thị:

Đảng đoàn Bộ Công an dự thảo kế hoạch và nội dung giáo dục thích hợp với tình hình, tính chất nhiệm vụ của công an nhân dân vũ trang.

Các Khu uỷ, Thành uỷ, Tỉnh uỷ dựa vào đó nghiên cứu kết hợp với tình hình cụ thể và yêu cầu của địa phương chỉ đạo việc tiến hành chặt chẽ.

Mong các cấp uỷ quan tâm lãnh đạo để các đảng bộ đơn vị công an nhân dân vũ trang có thể hoàn thành việc kiện toàn chi bộ trong tháng 12-1959.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
LÊ VĂN LƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

ĐIỆN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 61, ngày 2-12-1959

Gửi các Khu uỷ, Tỉnh uỷ và Thành uỷ về công tác thu mua lương thực

Hiện nay, hầu hết các tỉnh đồng bằng gặt gần xong, có tỉnh đã gặt xong. Đáng lý việc giáo dục các vấn đề mua lương thực, thu nợ đã phải tiến hành tốt đến các xã, làm cho đảng viên, cán bộ, xã viên và nhân dân hiểu rõ và quyết tâm thực hiện chính sách của Đảng và Chính phủ. Song tình hình trước mắt có những điểm đáng chú ý:

1. Đến nay, việc giáo dục, học tập tuy có sự cố gắng và tiến bộ bước đầu, nhưng *về căn bản chưa đạt yêu cầu*, vì ở nhiều nơi làm còn yếu ớt hoặc làm qua loa, chưa được rộng khắp trong nhân dân. Do đó, có địa phương đã gặt xong mà việc bàn bạc trong nhân dân để phân mức bán cho từng hộ thừa thóc chưa thực hiện được.

Có nơi đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ chưa coi trọng đúng mức vấn đề, hoặc Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thành uỷ chưa thảo luận kỹ để thống nhất nhận định và đặt kế hoạch thi hành chu đáo, đúng với tầm quan trọng đặc biệt của vấn đề lương thực và tinh thần các chỉ thị của Ban Bí thư. Có hiện tượng tỉnh muốn nâng mức thóc tiêu dùng trong nhân dân, tăng

phần thóc làm bún bánh, nấu rượu, v.v., hợp tác xã viện lý do kinh doanh nhiều nghề để giữ lại nhiều thóc, không muốn bán cho Nhà nước. Có nơi, nhân dân nói thẳng rằng vì cán bộ, đảng viên không gương mẫu cho nên họ chưa tích cực bán thóc, trả nợ cho Nhà nước.

2. Bố trí diện thu mua quá dày, nhiều diện uỷ thác xã mở không đúng điều kiện đã quy định, gây ra lãng phí, hao tổn công quỹ.

3. Trong việc mua bán thóc, có nơi nhân dân đòi mậu dịch nâng phẩm chất xấu lên tốt, cán bộ mậu dịch có thiên hướng nâng cấp nâng giá để thực hiện kế hoạch.

Tình hình trên đây làm trở ngại cho việc mua thóc và thu nợ. Để bảo đảm hoàn thành kế hoạch, Ban Bí thư nhắc các Khu uỷ, Thành uỷ, Tỉnh uỷ:

1- Tổ chức tập thể nghiên cứu kỹ Thông tri 269-TT/TW ngày 28-9-1959 với Nghị quyết Hội nghị lương thực và Thông tri 285-TT/TW ngày 21-11-1959 để nhận rõ việc Nhà nước nắm lương thực là một *yêu cầu bức thiết, hàng đầu* của công cuộc xây dựng đất nước, do đó mà nâng cao quyết tâm, khắc phục mọi khó khăn, tích cực tiến hành thu mua lương thực và thu nợ.

Vì vấn đề có một tầm quan trọng quyết định, cho nên Ban Bí thư hết sức coi trọng và thường xuyên nhắc nhở các cấp uỷ quan tâm đến và đã nêu rõ: *"từ nay đến cuối năm 1959, ở nông thôn cần lấy việc củng cố phong trào đổi công hợp tác, đẩy mạnh sản xuất đông - xuân làm trung tâm bậc nhất, kết hợp chặt chẽ với việc thu hoạch vụ mùa, việc thu thuế, mua thóc, thu nợ là công tác trung tâm đột xuất ở nơi gặt xong"*. Vừa qua các đồng chí trung ương đã về tỉnh để kiểm tra đôn đốc thêm việc thực hiện các công tác trung tâm

trên đây. Ban Bí thư rất mong các cấp đảng bộ, trước hết là các cấp uỷ, quán triệt tính chất quyết định và tính chất bức thiết của vấn đề để có biện pháp cụ thể bảo đảm hoàn thành tốt kế hoạch mua thóc và thu nợ.

2- Công tác thu mua lương thực có nhiều khó khăn, phức tạp. Nhận thức, tư tưởng và tổ chức thực hiện của chúng ta có tiến bộ. Nhưng cũng còn nhiều thiếu sót, lệch lạc. Nông dân thường thấy lợi ích trước mắt hơn lợi ích lâu dài, lợi ích cá nhân cục bộ hơn lợi ích toàn bộ, muốn giữ thóc lại nhiều để xay giã, chăn nuôi, có gạo bán hoặc để phòng khi gặp thiên tai, v.v.. Muốn cho công tác mua lương thực đạt kết quả tốt, một mặt phải kết hợp chặt chẽ với việc củng cố phong trào đổi công hợp tác đẩy mạnh sản xuất đông - xuân; mặt khác phải có *quyết tâm tiến hành cuộc vận động quần chúng sâu rộng, bền bỉ giáo dục thuyết phục nhân dân thông suốt chính sách của Đảng và Chính phủ*, nhận rõ sự nhất trí giữa lợi ích của nông dân và lợi ích của Nhà nước và nghĩa vụ bán thóc cho Nhà nước; *chấp hành đúng đường lối quần chúng, có kế hoạch cụ thể đến tận xã, đi sâu vào từng hộ từng người dân, trước hết là đảng viên, cán bộ, đoàn viên thanh niên và xã viên*, làm cho nhiệm vụ và chính sách mua lương thực của Nhà nước biến thành yêu cầu và hành động của đông đảo quần chúng nông dân, từ người cần bán thóc đến người có thóc thừa.

Trước mắt, yêu cầu các cấp uỷ kiểm tra ngay việc kế hoạch mua lương thực và thu nợ để kịp thời bổ khuyết những thiếu sót, uốn nắn những lệch lạc và có biện pháp cụ thể thực hiện tốt các Thông tri của Ban Bí thư đã nêu ở trên.

3- Chú ý giáo dục cán bộ thương nghiệp (mậu dịch và hợp tác xã mua bán), cán bộ địa phương và nhân dân khắc phục hiện tượng nâng cấp nâng giá và ép cấp ép giá. Kiểm tra lại các diện thu mua, các diện uỷ thác mua ở xã và bỏ những diện không hợp lý.

4- Muốn quản lý chặt chẽ thị trường, việc căn bản là, đi đôi với cuộc vận động chính trị, phải tổ chức nắm lương thực ngay từ trong tay người sản xuất, ra sức hạn chế khối lượng lương thực chạy ra thị trường. Phải tích cực giáo dục, kiểm tra và biết sử dụng tư thương, không để họ quấy rối thị trường, gây thắc mắc trong nhân dân; xử lý thích đáng bọn thương nhân đầu cơ tích trữ. Giáo dục nhân dân đề cao ý thức tiết kiệm. Đặt thành kỷ luật cho các cơ quan nhà nước và bộ đội phải mua gạo của mậu dịch, không được mua gạo ở thị trường tự do, tránh gây thêm khó khăn cho việc Nhà nước mua lương thực và quản lý thị trường.

Tỉnh uỷ và ban công tác nông thôn tỉnh phải đặt kế hoạch giáo dục hướng dẫn các xã viên hợp tác xã tích cực tham gia cuộc vận động bán thóc cho Nhà nước bằng công tác tuyên truyền và hành động gương mẫu của mình.

5- Các Khu uỷ, Tỉnh uỷ, Thành uỷ, Đảng đoàn Bộ Nội thương và Ban Công tác nông thôn Trung ương cần có kế hoạch cụ thể kiểm tra việc thực hiện công tác lương thực trong vụ mùa này.

Ban Bí thư rất mong các cấp uỷ và các đồng chí phụ trách các cơ quan hữu quan thông suốt chủ trương của Trung ương, nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nhân dân và Nhà nước, khắc phục mọi khó khăn, tích cực đi sát lãnh đạo công tác mua lương thực và thu nợ trong vụ mùa này một cách

thường xuyên liên tục, bảo đảm cho dự trữ lương thực của Nhà nước đáp ứng được nhu cầu nội địa và xuất khẩu. Nếu gặp khó khăn gì không thể giải quyết được xin báo cáo sớm để Trung ương kịp thời góp ý kiến.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 291-TT/TW, ngày 5-12-1959

Về việc tổ chức lãnh đạo thực hiện Nghị quyết về công tác thu mua cây công nghiệp và nông sản

Hội nghị bàn về công tác thu mua nông sản do Thủ tướng phủ triệu tập họp từ 19 đến 25 tháng 10 năm 1959 đã thảo luận kỹ và đi đến kết luận về những vấn đề căn bản sau đây:

1. Thống nhất ý kiến về việc đánh giá thành tích và khuyết điểm của các cấp trong việc lãnh đạo sản xuất và thu mua cây công nghiệp và nông sản năm 1959.

2. Thống nhất nhận định về chính sách giá cả nông sản và về việc chỉ đạo thực hiện chính sách đó trong năm 1959.

3. Thống nhất nhận thức về sự quan trọng của vấn đề cây công nghiệp và nông sản trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân và về cách giải quyết vấn đề đó.

4. Thống nhất ý kiến về chủ trương biện pháp thu mua cây công nghiệp và nông sản (trừ thóc) trong quý IV-1959 và trong năm 1960, về chính sách giá cả và phương án giá chỉ đạo bình quân (toàn miền Bắc và từng vùng) đối với từng loại cây công nghiệp và nông sản áp dụng cho năm 1960.

Sau khi nghe báo cáo về kết quả hội nghị, Ban Bí thư đã chính thức thông qua Nghị quyết về công tác thu mua cây

công nghiệp và nông sản gửi kèm theo đây, và coi đó là tài liệu để phổ biến trong Đảng.

Nhận được Nghị quyết này, các Khu uỷ, Thành uỷ, Tỉnh uỷ cần căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, tổ chức phổ biến rộng rãi cho cán bộ và đảng viên; đối với các cấp uỷ từ tỉnh đến xã, những ngành trực tiếp có liên quan ở tỉnh, huyện và các chi bộ xã, cần tổ chức thảo luận có kết hợp liên hệ kiểm điểm và đặt kế hoạch cụ thể để thi hành.

Ban Bí thư nêu ra đây những điểm mà các cấp uỷ đảng và uỷ ban hành chính cần chú ý trong khi tổ chức lãnh đạo thực hiện:

1. Cần kịp thời công bố quyết định của Chính phủ về giá các loại cây công nghiệp và nông sản để hiệu triệu nông dân phát triển sản xuất theo kế hoạch sản xuất đông - xuân đã xây dựng.

2. Lãnh đạo các ngành nông, lâm, thương nghiệp (kể cả mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán) và ngân hàng phối hợp chặt chẽ để có biện pháp thiết thực hướng dẫn, giúp đỡ nông dân sản xuất ngay từ đầu vụ, bảo đảm kế hoạch sản xuất về mặt diện tích, năng suất, sản lượng và quy cách, phẩm chất phù hợp với yêu cầu của công nghiệp và xuất khẩu.

3. Lãnh đạo chặt chẽ việc thực hiện chế độ hợp đồng thu mua có ứng trước đối với nông dân theo chỉ thị hướng dẫn của Bộ Nội thương.

4. Giải quyết tốt việc phân công phối hợp giữa mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán trong việc thu mua.

Tăng cường giáo dục tư tưởng và nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ thu mua.

5. Chú trọng giáo dục, vận động nông dân tiết kiệm những thứ có thể tiết kiệm được để dành nguyên liệu cho

công nghiệp, thủ công nghiệp và tăng thêm vật tư xuất khẩu.

6. Ngoài việc phổ biến, giáo dục chung cho cán bộ và nhân dân về vấn đề thu mua và giá cả như đã nói trên; việc tuyên truyền, vận động, tổ chức nông dân bán nông sản cho Nhà nước phải làm liên tục và có trọng tâm, tùy theo thời vụ thu hoạch của từng loại cây.

Các cấp uỷ đảng phải lãnh đạo chặt công tác thu mua nông sản cũng như thu mua lương thực, luôn luôn kết hợp chặt chẽ vận động hợp tác hoá, sản xuất và thu thuế, thu nợ, mua lương thực và nông sản.

Sau vấn đề lương thực, vấn đề sản xuất và thu mua cây công nghiệp và nông sản năm nay có một ý nghĩa hết sức quan trọng. Nhận được Thông tri này và những nghị quyết kèm theo, các ngành, các ban, các đoàn thể có liên quan ở trung ương, và các cấp uỷ địa phương cần nghiên cứu kỹ, *đặt kế hoạch thi hành nghiêm chỉnh*; và thường kỳ báo cáo kết quả về Văn phòng Trung ương Đảng, đồng sao gửi Văn phòng Kinh tế tài chính Thủ tướng phủ và Đảng đoàn Bộ Nội thương.

Trong quá trình thi hành, nếu các địa phương gặp khó khăn gì, hoặc có đề nghị gì về chính sách, biện pháp thì cần kịp thời báo cáo về Trung ương giải quyết.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 94-NQ/TW, ngày 7-12-1959

Về việc thành lập Ban Lao động và tiền lương Trung ương

Tiếp theo Nghị quyết số 83-NQ/TW ngày 25-7-1959 về một số vấn đề lao động tiền lương và phúc lợi và Nghị quyết số 90-NQ/TW ngày 14-11-1959 về tổ chức Ban Lao động và tiền lương Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

1. Ban Lao động và tiền lương Trung ương gồm các đồng chí:

- Nguyễn Duy Trinh,
- Nguyễn Văn Tạo, Bí thư Đảng đoàn Bộ Lao động,
- Nguyễn Đăng, Uỷ viên Đảng đoàn Bộ Lao động,
- Tô Quang Đẩu, Bí thư Đảng đoàn Bộ Nội vụ,
- Vũ Công Phụ, Uỷ viên Đảng đoàn Bộ Nội vụ,
- Thanh Sơn, Uỷ viên Đảng đoàn Bộ Tài chính,
- Nguyễn Văn Đổ, Uỷ viên Đảng đoàn Bộ Tài chính,
- Vũ Quang Anh, Uỷ viên Ban Kế hoạch Trung ương,

- Chế Viết Tấn, Vụ trưởng Vụ Lao động và tiền lương – Ủy ban Kế hoạch Nhà nước,
 - Vũ Dương, Phó Ban Tổ chức Trung ương,
 - Hồng Long, Trưởng Phòng Tổng hợp Ban Tổ chức Trung ương,
 - Hoàng Quốc Việt, Bí thư Đảng đoàn Tổng liên đoàn,
 - Bùi Thế Dương, Ủy viên Đảng đoàn Tổng liên đoàn
 do đồng chí Nguyễn Duy Trinh làm Trưởng ban và đồng chí Nguyễn Văn Tạo làm Phó trưởng ban.

2. Ban Lao động và tiền lương Trung ương và các đồng chí có tên nói trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
 Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN BÍ THƯ

Số 95-NQ/TW, ngày 8-12-1959

Về việc thành lập Ban Nghiên cứu danh mục chức vụ

Để giúp Ban Bí thư nghiên cứu về danh mục, chức vụ của cán bộ đảng kịp thời ban hành chế độ tiền lương năm 1960.

Ban Bí thư quyết định:

1. Thành lập Ban Nghiên cứu về danh mục, chức vụ, gồm các đồng chí:

- Lê Đức Thọ,
- Lê Văn Lương, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng,
- Nguyễn Văn Tạo, Bí thư Đảng đoàn Bộ Lao động,
- Lê Liêm, Bí thư Đảng đoàn Bộ Văn hoá,
- Hà Huy Giáp, Bí thư Đảng đoàn Bộ Giáo dục,
- Nguyễn Đức Thắng, Ủy viên Đảng đoàn Bộ Y tế,
- Thanh Sơn, Ủy viên Đảng đoàn Bộ Tài chính,
- Lê Duy Trinh, Ủy viên Đảng đoàn Bộ Nông - Lâm,
- Ngô Minh Loan, Ủy viên Đảng đoàn Bộ Công nghiệp
- Lê Trung Toản, Ủy viên Đảng đoàn Bộ Nội thương,
- Nguyễn Hữu Mai, Ủy viên Đảng đoàn Bộ GT và BD¹⁾,
- Lê Tất Đắc, Ủy viên Đảng đoàn Bộ Nội vụ,

1) GT và BD: Giao thông và Bưu điện (B.T).

- Nguyễn Diêu, Ủy viên Đảng đoàn Bộ Nội vụ,
 - Nguyễn Văn Chi, Phó chủ nhiệm Văn phòng nội chính TTP¹⁾,
 - Phạm Văn Bạch, Bí thư Đảng đoàn Tòa án tối cao,
 - Bùi Quỳ, Ủy viên Đảng đoàn Tổng liên đoàn,
 - Phan Triêm, Ủy viên Ban Tổ chức Trung ương,
 - Dương Công Hoạt, Ủy viên Ban Dân tộc Trung ương,
- do đồng chí Lê Đức Thọ làm Trưởng ban.

Thường trực của ban gồm các đồng chí: Lê Đức Thọ, Lê Tấn Đắc, Nguyễn Văn Chi, Phan Triêm và Nguyễn Diêu.

2. Các đồng chí có tên nói trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN BÍ THƯ

TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

1) TTP: Thủ tướng phủ (B.T).

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 295-TT/TW, ngày 10-12-1959

Về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác chuẩn bị điều tra dân số và triệu tập Hội nghị điều tra dân số

Theo dự kiến của Trung ương trước đây, vào khoảng sau Tết Nguyên đán (tức khoảng cuối tháng 2-1960) sẽ tiến hành đăng ký nhân khẩu.

Từ khi tạm hoãn đến nay, trừ một số ít địa phương có tiếp tục làm công tác chuẩn bị như Hà Nội, Thanh Hoá, Hồng Quảng... Còn nhiều địa phương đã buông trôi hoặc chỉ làm chậm và cho tới nay công tác chuẩn bị nói chung chưa đạt được yêu cầu.

Từ nay đến khi tiến hành đăng ký chỉ còn trên hai tháng (kể cả nghỉ Tết), khối lượng công tác còn nhiều, các địa phương cần kiểm điểm để kịp thời có kế hoạch đẩy mạnh công tác chuẩn bị điều tra dân số theo nội dung đã hướng dẫn trong văn bản của Ban chỉ đạo điều tra dân số trung ương ngày 24-9-1959.

Để kiểm điểm đợt công tác chuẩn bị điều tra dân số vừa qua, đồng thời để bàn định mốc thời gian đăng ký và kế hoạch tiến hành sắp tới, Ban Bí thư quyết định triệu tập hội nghị gồm đại biểu các Ban điều tra dân số các tỉnh, thành phố, khu và các ngành ở Trung ương vào hai ngày 18 và 19-12-1959.

Thành phần gồm có:

- Đ/c Phó Bí thư hoặc Thường vụ Tỉnh uỷ là Trưởng ban điều tra dân số khu, thành, tỉnh và một số cán bộ chuyên trách công tác này (không phải đ/c phụ trách thống kê tỉnh vì đ/c thống kê đã họp và thảo luận ở Cục Thống kê Trung ương).

- Mỗi Đảng đoàn hoặc ban ở trung ương cử một đ/c trong Đảng đoàn hoặc trong Ban đã phân công theo dõi vấn đề này.

Trước khi đi họp, các đại biểu cần trao đổi ý kiến với cấp uỷ (ít nhất là trong thường vụ), Đảng đoàn, Ban để chuẩn bị góp ý kiến về việc xác định mốc thời gian đăng ký và kế hoạch tiến hành sắp tới cho thích hợp. Riêng các địa phương cần nắm tình hình chung về công tác chuẩn bị ở địa phương mình, trong đó đặc biệt chú ý mấy điểm cụ thể dưới đây:

- Số cán bộ trưng tập đã được huấn luyện trước đây, đến nay còn bao nhiêu ở tỉnh, huyện;

- Tình hình tài liệu;

- Tình hình bộ máy điều tra dân số, trong đó có cả tình hình bộ máy thống kê, lực lượng nòng cốt của cuộc điều tra dân số ở các cấp.

Hội nghị sẽ khai mạc vào 7 giờ ngày 18-12-1959 tại số 10 Nguyễn Cảnh Chân – Hà Nội. Chiều ngày 17-12-1959 đại biểu các địa phương có mặt ở nhà số 8 Chu Văn An – Hà Nội.

Nhận được Thông tri này, đề nghị các cấp uỷ và các ngành khẩn trương bắt tay vào công tác chuẩn bị và cử đại biểu đi họp đúng thành phần đã định.

T/L BAN BÍ THƯ
PHÓ VĂN PHÒNG
MINH CHÂU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 175-CT/TW, ngày 23-12-1959

Về việc tiếp tục phổ biến chính sách thu thuế nông nghiệp đối với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp

Để khuyến khích phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, đồng thời điều chỉnh một số điểm không hợp lý trong việc đóng thuế trong hợp tác xã nông nghiệp, từ cuối tháng 9 năm 1959, Trung ương và Chính phủ đã quyết định chính sách thuế đối với hợp tác xã nông nghiệp. Đảng đoàn Bộ Tài chính đã triệu tập Hội nghị và cùng với các đồng chí đại diện của các cấp uỷ và chính quyền địa phương thảo luận biện pháp thi hành. Nghị định số 375-TTg ngày 15 tháng 10 năm 1959 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định chính sách thuế, biện pháp tính thuế, thu thuế và chính sách miễn giảm đối với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Các địa phương đã phổ biến và tiến hành thu thuế theo chính sách mới. Ở nhiều địa phương, nhờ cấp uỷ nắm được tinh thần chính sách, có kế hoạch cụ thể và tích cực phổ biến sâu rộng trong nhân dân, làm cho mỗi người thấy rõ nhiệm vụ đóng góp của mình đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời thấy rõ chính sách chiếu cố của Đảng và Nhà nước đối với hợp tác xã, thì việc tiến hành thu thuế theo chính sách mới đã gây được

ảnh hưởng tốt, và có tác dụng phục vụ phong trào hợp tác hoá nông nghiệp nhiều hơn. Trái lại, ở một số địa phương, vì cán bộ không nắm được tinh thần chính sách, thiếu quyết tâm trong việc phổ biến sâu rộng trong nhân dân, thì bên cạnh những tác dụng tốt của việc thu thuế theo chính sách mới còn có những nhận thức không đúng trong một số cán bộ và xã viên. Có người còn phân vân: thu thuế theo chính sách mới là có chiều cố lao động không? Có làm chậm hợp tác xã cấp thấp lên cấp cao không? Có những nơi vì cán bộ không quán triệt chính sách, thiếu tích cực trong việc phổ biến chính sách, cho nên khi phổ biến trong hợp tác xã, phần Nhà nước chiếu cố đối với hợp tác xã như giảm cho hợp tác xã cấp thấp 3%, cấp cao 5% thuế, như bỏ thuế suất từ 25% trở lên... thì ít được nói đến; chính sách thuế trước đây, người có ruộng phải nộp tất cả thuế, còn những người khác không nộp thuế có hợp lý không, chính sách mới so với trước có hợp lý hơn không?... thì ít bàn đến, mà chỉ loanh quanh ở chỗ nộp thuế như hiện nay so với trước ai có lợi và ai bị thiệt? Cứ như vậy, người có lợi thì mừng, người không lợi cũng không thiệt thì bàng quan, người bị thiệt một ít thì thắc mắc.

Những lệch lạc nói trên không nhiều, nhưng đã hạn chế một phần tác dụng tích cực của chính sách. Ban Bí thư thấy cần thiết phải nhắc các cấp uỷ chú ý kiểm tra việc phổ biến, tuyên truyền chính sách thuế đối với hợp tác xã nông nghiệp trong cán bộ và nhân dân, đặc biệt đối với những nơi việc phổ biến còn sơ sài thiếu sót thì phải có kế hoạch tiếp tục uốn nắn kịp thời. Cần phải làm cho cán bộ và quần chúng, trước hết là cán bộ và xã viên hiểu rõ tinh thần chính sách thuế đối với hợp tác xã.

1. Chính sách thuế nông nghiệp của chúng ta không phải

là đánh vào ruộng đất. Tham gia đóng góp theo khả năng của mình để xây dựng Tổ quốc, bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ của mỗi người dân. Tình trạng vừa qua là: người có ruộng trong hợp tác xã nộp tất cả thuế, còn người khác không trực tiếp làm nhiệm vụ đóng góp của mình; như thế là không hợp lý. Người có ruộng thu hoa lợi ruộng đất về, có người chỉ vừa đủ nộp thuế, hoặc nộp thuế gần hết, trái lại có người thu hoạch nhiều, mà đóng góp ít hoặc không đóng góp trực tiếp vào công cuộc xây dựng nước nhà. Người có ruộng vào hợp tác xã không có lợi gì thì có người còn ngập ngừng, không muốn tham gia hợp tác xã, hoặc tham gia hợp tác xã mà không muốn đưa hết ruộng vào hợp tác xã, như vậy hợp tác xã không có lợi mà bản thân họ cũng không có lợi.

2. Chính sách thuế đối với hợp tác xã nông nghiệp còn thể hiện chính sách chiếu cố của Đảng và Chính phủ đối với hợp tác xã. Hợp tác xã được chiếu cố hơn người làm ăn riêng lẻ, hợp tác xã cấp cao được chiếu cố hơn hợp tác xã cấp thấp. Trong việc giáo dục và phổ biến chính sách, phải làm cho cán bộ và nhân dân hiểu rõ nhiệm vụ của mình phải đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời phải làm cho mỗi người hiểu rõ chính sách chiếu cố đối với hợp tác xã.

3. Hiện nay, phong trào hợp tác hoá đang phát triển, nông thôn đang có nhiều biến đổi mới. Chính sách thuế nông nghiệp trước đây là chính sách thuế đối với nông dân cá thể, đem áp dụng vào hợp tác xã là quan hệ tập thể, cho nên có nhiều chỗ không hợp lý. Để làm cho chính sách thuế phù hợp với tình hình mới, đảm bảo nguồn thu tài chính nhà nước không bị thiệt nhiều, đồng thời phục vụ được phong trào hợp tác hoá, việc thay đổi chính sách đóng góp (chính sách thuế)

trong hợp tác xã nông nghiệp là rất cần thiết. Trong lúc tình hình còn có nhiều biến chuyển, chính sách thuế đối với hợp tác xã như Trung ương và Chính phủ đã quyết định là hợp lý. Chính sách đó nhằm khuyến khích mọi người đem công, đem sức và ruộng đất của mình vào làm ăn tập thể. Nhờ làm ăn tập thể, cải tiến kỹ thuật, quản lý tốt lao động mà phát triển sản xuất, mọi người đều có lợi, do đó càng đoàn kết phấn khởi, tiến từ cấp thấp lên cấp cao, từ hợp tác xã nhỏ lên hợp tác xã lớn, chính sách thuế của Đảng đối với hợp tác xã không phải là dùng hình thức thuế để thúc người ta chuyển nhanh từ cấp thấp lên cấp cao.

Trên đây là một số điểm chính cần nắm vững trong việc phổ biến chính sách thuế đối với hợp tác xã nông nghiệp. Các cấp uỷ cần phải nắm vững, có kế hoạch tiếp tục giáo dục cho cán bộ nhân dân, chủ yếu là cán bộ xã và xã viên. Yêu cầu đối với việc thực hiện chính sách thuế nông nghiệp đối với hợp tác xã, không phải chỉ nhằm thu cho đủ thuế, mà còn phải phát huy đầy đủ tác dụng tích cực của chính sách đối với phong trào hợp tác hoá; không nên vì thấy thu thuế gần xong mà coi nhẹ việc tiếp tục giáo dục, nhất là đối với những nơi còn có những thắc mắc.

Ngoài ra, cũng có ý kiến đề nghị xét mức chia hoa lợi cho ruộng đất như hiện nay (từ 25% đến 30% hoa lợi bình vào hợp tác xã) do việc thay đổi chính sách thuế nông nghiệp đối với hợp tác xã, có cao không? Đó là một vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu để có thể quyết định sớm. Yêu cầu đối với chính sách chia hoa lợi cho ruộng đất là phải đảm bảo lợi ích của lao động, đồng thời phải chiếu cố lợi ích của người có

ruộng đất bỏ vào hợp tác xã; người có lao động nhiều và người có ruộng đất bỏ vào hợp tác xã đều có lợi thì mọi người mới hăng hái tham gia vào hợp tác xã.

*
* *

Nhận được Chỉ thị này, các cấp uỷ cần phải nắm lại tình hình thu thuế nông nghiệp đối với hợp tác xã theo chính sách mới, kiểm tra việc phổ biến và giáo dục chính sách trong nhân dân, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành và xã viên hợp tác xã, để có kế hoạch tiếp tục giáo dục làm cho mọi người hiểu rõ tinh thần chính sách của Đảng và Chính phủ, hăng hái phấn khởi lao động sản xuất, xây dựng hợp tác xã và làm nhiệm vụ đóng góp của mình.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 176-CT/TW, ngày 28-12-1959

Về giá cả và việc sử dụng phân hoá học trong vụ đông - xuân

Mấy năm gần đây ở miền Bắc nước ta, lúa và nhiều cây công nghiệp đang liên tiếp đạt năng suất và sản lượng ngày càng cao. Đó là kết quả của đường lối chính sách cải tạo và phát triển nông nghiệp đúng đắn của Đảng và Chính phủ, của tinh thần lao động cần cù và dũng cảm của quần chúng nông dân. Thắng lợi đó không tách khỏi việc mở rộng diện tích tưới nước và tăng thêm nhiều phân bón cho cây trồng.

Ngoài yếu tố nước, cần phải có nhiều phân bón thì lúa, hoa màu và cây công nghiệp mới lên tốt tươi được, và đó là một quy luật trong sản xuất nông nghiệp. Song, trong vụ sản xuất đông – xuân hiện nay, việc trữ phân, làm phân, sử dụng các loại phân còn rất yếu, việc dùng phân hoá học cũng rất yếu; đó là điều không phù hợp với quy luật nói trên.

Một số địa phương cho rằng phải hạ giá phân hoá học hơn nữa mới đẩy mạnh phong trào dùng phân hoá học. Đặt vấn đề như thế có đúng một phần, nhưng chưa thấy được thực chất của nó, và chưa xét hết các mặt để giải quyết sao cho vừa có lợi cho nông dân, vừa hợp với khả năng của Nhà

nước. Tất nhiên khi dùng phân hoá học, phải xét giá thành và hiệu quả kinh tế. Song, mấu chốt của vấn đề hiện nay là ở sự nhận thức đối với phân hoá học, ở tập quán dùng phân hoá học của quần chúng và sự hướng dẫn cách thức dùng phân hoá học, chứ không phải ở giá phân cao hoặc thấp.

Phát triển nông nghiệp là khâu chính để phát triển toàn bộ nền kinh tế quốc dân; yêu cầu đẩy mạnh phong trào đổi công hợp tác, yêu cầu cải tạo và bồi dưỡng chất đất đòi hỏi một số lượng phân bón ngày càng nhiều. Chỉ dùng các loại phân hữu cơ là không đủ. Muốn tăng năng suất và sản lượng cây trồng để tăng thu nhập của nông dân, bảo đảm nhu cầu nội địa và xuất khẩu thì một mặt phải đẩy mạnh việc tận dụng và phát triển các nguồn phân hữu cơ, mặt khác không thể không tăng cường việc sử dụng phân hoá học. Hai loại phân ấy bồi bổ cho nhau phát huy tác dụng. Thực tiễn sản xuất nông nghiệp ở nước ta cũng như ở các nước khác đều đã chứng minh rằng biết dùng cả hai loại phân hữu cơ và hoá học là bồi dưỡng đúng mức cho cây trồng, đồng thời cũng bồi dưỡng thường xuyên cho chất đất.

Vì vậy, cùng với toàn bộ kỹ thuật liên hoàn trong sản xuất nông nghiệp, Ban Bí thư thấy cần có một phong trào quần chúng rộng rãi, trước hết là đông đảo xã viên hợp tác xã nông nghiệp dùng phân hoá học. Trước mắt, phải chú ý giải quyết một số khó khăn chính:

1. *Giải quyết tư tưởng ngại dùng phân hoá học* trong đảng viên cán bộ, quần chúng. Bằng phương pháp so sánh và căn cứ vào những việc cụ thể, những điển hình cụ thể mà bên bĩ giải thích cho quần chúng nhận rõ rằng trong toàn bộ kỹ thuật liên hoàn để tăng năng suất, nước và phân bón là một biện pháp nền tảng, quan trọng bậc nhất, vì phân là thức ăn của cây trồng (lúa, hoa màu và cây công nghiệp). Dựa vào

những kinh nghiệm thành công và thất bại và các cuộc tham quan vừa qua để chỉ dẫn căn kẽ cho quần chúng thấy rằng kết quả của phân hoá học tốt hoặc xấu, chủ yếu là do cách bón cách dùng phân. Lúa lổp, lúa đổ, thu hoạch kém là do bón không đúng lúc, không đúng loại phân hợp với chất đất, v.v. chứ không phải tại phân. Còn các thửa ruộng được bón đúng cách, đúng lúc đều bội thu. Tất nhiên đó không phải là việc dễ mà cần trải qua nhiều vụ mới có thể xác định công thức bón phân cụ thể. Vì vậy, trước mắt chúng ta phải dựa vào việc nghiên cứu của các cơ quan chuyên môn và kinh nghiệm của quần chúng để nắm vững tính chất của từng loại phân hoá học và đại thể chất đất của từng vùng để vừa hướng dẫn quần chúng sử dụng phân hoá học đạt kết quả tốt, vừa tiếp tục rút kinh nghiệm thêm. Chúng ta phải làm công tác tuyên truyền đi đôi với việc thí nghiệm trong thực tiễn sản xuất để khuyến khích nông dân mạnh dạn sử dụng phân hoá học.

2. Các cấp đảng bộ phải *tăng cường lãnh đạo sản xuất nông nghiệp toàn diện*; các cơ quan nông - lâm cần đi sâu hơn nữa vào đồng ruộng, nương rẫy, dựa vào các hợp tác xã, trực tiếp tiến hành nghiên cứu thí điểm việc sử dụng phân hoá học một cách thiết thực, sát với tính chất đất đai của mỗi vùng để có kế hoạch hướng dẫn, phân phối các loại phân cho thích hợp với nhu cầu của sản xuất nông nghiệp của địa phương, bảo đảm tăng năng suất, sản lượng và tăng thu nhập của nông dân.

Muốn đi đến những kết luận thật đúng về việc dùng phân hoá học, thì phải trải qua quá trình nghiên cứu và thí nghiệm công phu và luôn luôn phải kết hợp chặt chẽ ba mặt: lãnh đạo, chuyên môn và quần chúng. Cho nên trước mắt, trong các cuộc tổng kết vụ mùa và sản xuất nông nghiệp năm

1959, phải rút những kinh nghiệm thành công và thất bại về dùng phân hoá học ở các địa phương để làm căn cứ mà thuyết phục, vận động, hướng dẫn quần chúng nông dân dùng thêm phân hoá học. Vừa qua, Bộ Nông - Lâm và Ủy ban Khoa học Nhà nước đã mở Hội nghị rút kinh nghiệm về dùng phân bón. Nội dung thảo luận ở hội nghị là cơ sở tốt giúp chúng ta đi sâu nghiên cứu thêm để tiến tới giải quyết vấn đề phân bón sát với hoàn cảnh nhiệt đới của nước ta.

3. Về vấn đề *giá phân*, sau khi cân nhắc kỹ về mọi mặt, Ban Bí thư và Hội nghị Thường vụ Hội đồng Chính phủ quyết định hiện nay không thể hạ thêm giá phân hoá học, mà phải bán theo giá hiện hành. Tức là:

- 1 cân phân đạm 0đ38.

- 1 cân phân lân 0đ225.

- 1 cân phân lân thuỷ tinh (manhêdiom) bán theo giá giới thiệu thêm một vụ nữa là 0đ25 (giá chính thức là 0đ265 một cân).

- 1 cân bồ tạt bán theo giá giới thiệu thêm một vụ nữa 0đ38 (giá chính thức là 0đ40 một cân).

Bán theo giá trên đây, hàng năm Nhà nước đã lỗ mấy triệu đồng (riêng phân lân bị lỗ gần một nửa), cốt để khuyến khích nông dân dùng phân hoá học trong lúc vốn sản xuất của nông dân còn ít ỏi. Song không thể vì quá chiều cố nông nghiệp mà để ảnh hưởng không tốt đến các mặt chi tiêu khác. Trái lại, nếu hạ giá phân hơn nữa số tiền lỗ sẽ quá lớn, thì sẽ thiệt hại cho vốn xây dựng cơ bản và đầu tư vào công nghiệp năm 1960; và về lâu dài sẽ hạn chế việc tiêu thụ phân hoá học sản xuất trong nước...

Trên cơ sở tăng cường ý thức công nông liên minh, ý thức về sự nhất trí giữa lợi ích nhà nước và lợi ích nông dân, các cấp uỷ đảng và các ngành, các đoàn thể có liên quan cần tiến

hành giải thích kỹ cho nông dân thông suốt chủ trương bán phân hóa học theo giá hiện hành.

4. *Cần cải tiến gấp việc tổ chức kinh doanh phân hóa học. Cần giáo dục kỹ cho các Ban quản trị các hợp tác xã mua bán* về quan điểm phục vụ sản xuất nông nghiệp, phục vụ quần chúng; cần phát triển và củng cố lưới bán phân nhập khẩu và phân sản xuất trong nước, cần đặc biệt chú trọng cải tiến quản lý tài vụ của các hợp tác xã, nhằm giới thiệu rộng rãi việc dùng phân hóa học trong quần chúng; nơi nào quần chúng cần là có phân bán cho quần chúng và thu hồi đủ số vốn của Nhà nước, chống mọi hiện tượng quan liêu, thiếu ý thức trách nhiệm, bảo quản không tốt, cũng như mọi hiện tượng lãng phí, tham ô.

Tóm lại, trình độ sử dụng phân hóa học của ta hiện nay còn rất lạc hậu. Nguyên nhân chủ yếu không phải ở giá phân. Thực tế không riêng gì việc dùng phân hóa học, mà cả phong trào làm phân hữu cơ cho vụ đông - xuân cũng còn yếu. Khâu chính để giải quyết vấn đề là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phân bón (tăng cường tuyên truyền, giáo dục quần chúng, chấn chỉnh tổ chức kinh doanh phân bón và chỉ đạo thực hiện cho thật sát với hoàn cảnh đất đai, cây trồng của từng địa phương.

Ban Bí thư mong rằng các cấp đảng bộ nhận rõ vấn đề giá cả phân bón hiện nay và tầm quan trọng của việc đẩy mạnh sử dụng các loại phân, đặc biệt là trong các hợp tác xã, để đặt kế hoạch lãnh đạo chặt chẽ, toàn diện, sát với hoàn cảnh của mỗi địa phương.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHỤ LỤC

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ XỨ UỶ NAM BỘ LẦN THỨ TƯ Tháng 11-1959

I- TÌNH HÌNH

Trong mấy năm qua, Mỹ - Diệm dùng chính sách vũ lực đánh phá phong trào cách mạng và xúc tiến âm mưu quân sự chuẩn bị chiến tranh. Chúng tiến hành chính sách vũ lực tàn bạo ngày càng quy mô rộng lớn và phổ biến, quyết đim phong trào trong máu lửa. Chúng đặc biệt ra sức càn quét đánh phá các vùng căn cứ kháng chiến cũ một cách ác liệt nhằm tiêu diệt Đảng, tiêu diệt cơ sở cách mạng của quần chúng, tiêu diệt lực lượng vũ trang, đè bẹp uy thế cách mạng của quần chúng ở vùng này, tích cực thay đổi địa hình, địa vật ở khu căn cứ cách mạng cũ của ta, xây dựng căn cứ quân sự của chúng.

Nhằm mục đích đó, địch ngày càng tăng cường chính sách khủng bố vừa trắng trợn và sâu độc. Một mặt đánh phá uy thế Đảng, uy thế cách mạng bằng chính sách "tố cộng" bắt ép quần chúng tách rời Đảng, đặt ra Luật 10-59, điều tra phân loại quần chúng, sử dụng bọn đầu hàng đầu thú; một mặt tích cực phát triển gián điệp xã, sử dụng tề dân vệ xã một cách đặc lực hơn, phối hợp do thám và biệt kích; mặt khác chúng cưỡng ép quần chúng vô các tổ chức phản động

như phong trào cách mạng quốc gia, nhân dân tự vệ đoàn, hiệp hội nông dân, v.v., sử dụng một thiểu số tay sai lưu manh, gian ác đặc lực, kèm kẹp quần chúng trong các hình thức ấy, bắt ép quần chúng tuân theo luật lệ của chúng chống lại cách mạng. Nói chung, nơi nào địch cũng tăng cường khủng bố đàn áp, nhưng ở các vùng căn cứ kháng chiến cũ địch càn quét đánh phá một cách táo bạo và ác liệt hơn, chúng giết người hàng loạt, dùng mọi thủ đoạn tàn bạo ép buộc quần chúng bỏ ruộng vườn, nhà cửa ra ở khu tập trung mà chúng gọi là "khu trù mật", trắng trợn tàn bạo trả thù những người trước đây tham gia kháng chiến.

Địch chẳng những ráo riết tăng cường chuẩn bị chiến tranh, tăng cường khủng bố đàn áp mà còn thẳng tay bóc lột, vơ vét nhân lực, tài lực, vật lực bằng đủ mọi cách, bần cùng hoá đời sống nhân dân, đưa quần chúng vào cảnh nghèo đói, khốn khổ ngày càng nghiêm trọng...

Chính sách gây chiến khủng bố đàn áp và cướp bóc vơ vét của Mỹ - Diệm đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng. Nhân dân bị thiệt hại nặng nề về tài sản, mùa màng, ruộng vườn nhà cửa, công ăn việc làm bị đình đốn, mùa màng bị tàn phá, sanh mạng luôn luôn bị up hiếp, đời sống không có một chút an ninh, trật tự, đen tối như trong một nhà ngục.

Mặc dù địch dùng những thủ đoạn tàn ác và lừa bịp xảo quyệt nhưng đông đảo các tầng lớp nhân dân ngày càng căm thù địch, nhận rõ bộ mặt cướp nước và bán nước của chúng và ngày càng kiên quyết đấu tranh chống lại chúng.

Trong thời gian qua, với chính sách vũ lực tàn bạo của địch, xét về mặt nào đó, địch đã chủ động trong việc thực hiện âm mưu của chúng, ta phải bị động đối phó hàng ngày

với địch. Nhưng xét về căn bản thì tuy ta có gặp một số khó khăn mới, tuy từng nơi từng lúc ta phải bị động đối phó với địch, nhưng về toàn cục thì đường lối chính trị hoà bình dân tộc và dân chủ của ta ở thế chủ động, ta ngày càng tranh thủ được đông đảo các tầng lớp nhân dân theo đường lối chính trị của ta. Trái lại địch bị động về toàn cục, chúng không thể cai trị được theo ý muốn của chúng. Chính do lực lượng chính trị đông đảo của quần chúng, chủ yếu là công nông đã làm thất bại về căn bản chính sách phản động của địch trong mấy năm qua. Thắng lợi căn bản ấy của phong trào cách mạng miền Nam làm cho tình hình chính trị, kinh tế, xã hội miền Nam ngày càng khủng hoảng trầm trọng hơn, nội bộ địch càng mâu thuẫn hơn, địch sẽ gặp nhiều khó khăn mà không sao chúng thoát ra được. Tình hình ấy sẽ làm cho địch càng bị động, càng bị cô lập hơn.

Nhưng cũng cần phải thấy chính sách khủng bố tàn bạo của Mỹ - Diệm đã gây cho ta một số tổn thất khá quan trọng, làm cho Đảng bộ ta có gặp nhiều khó khăn trong việc giữ vững và phát triển phong trào. Mặt khác chúng ta cũng cần phải thấy chủ quan của ta còn có nhiều thiếu sót, lệch lạc để nghiêm chỉnh kiểm điểm, tìm ra nguyên nhân chính như sau:

a) Đảng bộ ta tuy có tiến bộ hơn trước nhiều mặt, nhưng vẫn còn thiếu sót nhiều về mặt đi sâu, đi sát tìm hiểu yêu cầu, nguyện vọng và quyền lợi thiết thân hàng ngày của quảng đại quần chúng nhân dân trước áp bức, bóc lột nặng nề hiện nay của địch để phát động tư tưởng đúng mức, tập hợp lực lượng đông đảo và lãnh đạo quần chúng đấu tranh về quyền lợi dân sinh kinh tế thiết thực và dân chủ hợp thời, tạo điều kiện thuận lợi đưa cách mạng miền Nam tiến lên.

b) Tư tưởng của Đảng bộ còn nặng co thủ, chưa thật

quyết tâm, mạnh dạn đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng quyết liệt, rộng mạnh, tấn công địch vì chưa tuyệt đối tin tưởng vào tinh thần, khả năng, sức mạnh đấu tranh của quần chúng chặn được bàn tay đầm máu của địch và tiến lên đánh bại mọi âm mưu của địch.

c) Cơ sở tổ chức của Đảng bộ, chủ yếu là chi bộ, qua các đợt củng cố, số lượng đảng viên, cán bộ còn ít ỏi, non yếu và cũng chưa thật bí mật, gọn nhẹ, ngăn cản, chưa thật hoà mình trong đông đảo quần chúng để tồn tại lâu dài. Nguyên tắc xây dựng Đảng bí mật, tác phong, lề lối làm việc chưa thật nắm vững, còn nhiều thiếu sót. Khi địch đánh mạnh nên có số chi bộ tan rã hay tê liệt hoạt động, không bám sát quần chúng, cơ sở để lãnh đạo phong trào quần chúng chiến đấu chống địch hằng ngày liên tục.

d) Có số đảng viên, cán bộ (số ít) vì không giữ vững được khí tiết cách mạng, địch bắt động giao sợ chết khai báo, đầu thú đầu hàng đã làm hại đến uy thế Đảng, quần chúng, đã làm tổn thất không ít đến phong trào, cho tổ chức của Đảng bộ.

Sắp tới Mỹ - Diệm sẽ điên cuồng đánh phá Đảng hơn nữa, dìm phong trào trong máu lửa dã man tàn khốc hơn. Để đảm bảo cho phong trào được giữ vững và phát triển, chúng ta một mặt phải biết đi sâu tìm nguyên nhân, rút ra bài học và quyết tâm khắc phục, sửa chữa sai lầm chủ quan để vượt khó khăn, hạn chế tổn thất, mặt khác cũng phải thấy được những ưu điểm để phát huy thắng lợi.

*

* *

Nhìn chung phong trào năm rồi, căn bản ta giữ vững, có

tiến bộ hơn năm 1958 nhiều mặt - ở đô thị, nhất là ở S/C¹⁾. Đảng bộ ta tuy có bị tổn thất nặng nề nhưng phong trào cũng được duy trì và cũng có tiến bộ.

Trong năm qua Đảng bộ ta đã có chú trọng nhiều hơn đến quyền lợi dân sinh kinh tế thiết thực và dân chủ hợp thời, biết bình vực quyền lợi hàng ngày của đông đảo quần chúng. Kết quả đã thu được những thành tích và thắng lợi đáng kể. Nhất là ở miền Tây, Đảng bộ đã nêu ra được hướng đấu tranh về quyền lợi dân sinh kinh tế, cụ thể là quyền lợi ruộng đất, chống thuế, sưu, chống thất mùa, đòi cứu đói... và biết kết hợp chặt chẽ các khẩu hiệu chống đàn áp khủng bố ở địa phương, chống lập ác ôn, ác bá..., mặc dầu địch rất hung hăng chém giết dã man, phong trào vẫn tập hợp được rộng rãi quần chúng tham gia, đấu tranh liên tục, mạnh mẽ. Theo những con số báo cáo không đầy đủ, toàn miền nông dân giành co giữ được lối 150.000 mẫu tây ruộng đất. Tỉnh Cần Thơ giữ được 77.500 mẫu trong tổng số 93.500 mẫu ruộng đất cày cấy, đã đấu tranh giành co không chịu làm khế ước đóng tô. Trong số diện tích giữ được nói trên có 22.700 mẫu nông dân hoàn toàn làm chủ không đóng thuế, nộp tô.

Các miền khác, tuy đã có chú ý nhiều hơn đến quyền lợi thiết thân của quần chúng, nhưng vẫn còn thiếu sót về mặt liên kết chặt chẽ các khẩu hiệu kinh tế thiết thực và dân chủ hợp thời; vẫn còn nặng về đấu tranh khẩu hiệu chính trị, các cuộc đấu tranh lớn, đột xuất như các vụ chống thảm sát Phú Lợi, chống đàn áp khủng bố, kỷ niệm đảng, bầu quốc hội...

Phong trào cũng đã được nâng cao với những khẩu hiệu có tính chất chính trị chống Mỹ - Diệm tương đối rõ ràng hơn,

1) S/C: Sài Gòn - Chợ Lớn (B.T).

như đấu tranh đòi bầu lại quốc hội, chống vụ thảm sát Phú Lợi, đòi độc lập kinh tế, chống đầu hoá.....

Hình thức đấu tranh thì rất phong phú, số cuộc đấu tranh lớn nhỏ đều có tăng lên, tánh chất đấu tranh có mạnh mẽ quyết liệt hơn và số người tham gia càng đông đảo hơn.

Các cuộc đấu tranh dư luận, chất vấn, đưa ý kiến nguyện vọng có xảy ra thường xuyên, rộng rãi khắp nơi và cũng đã có chú ý dồn dư luận về các đô thị xung yếu của địch. Biểu tình quần chúng thì có rất nhiều cuộc tập hợp hàng chục người hàng 300, 500 người, hàng ngàn người đấu tranh trực diện với tề xã, tề ấp. Nhiều nhất là ở miền Tây. Có một số cuộc tập hợp hàng trăm, hàng ngàn người đấu tranh tại quận, tỉnh và một ít cuộc đấu tranh đến chánh quyền Trung ương của địch. Có những cuộc đấu tranh giành co đến 2, 3 năm gồm hàng ngàn người như nông dân đồn điền Cờ Đỏ đòi cấp ruộng Tây, chống làm khế ước, chống thu tô, thu thuế, như cuộc đấu tranh của đồng bào xung quanh trại Quang Trung đòi giữ nhà, giữ đất. Có những cuộc đấu tranh rất quyết liệt, đổ máu giữ đất, giữ nhà ở Thổ Sơn, Long Mỹ...

Ở đô thị và vùng tập trung công nhân, dân nghèo có các cuộc đấu tranh quan trọng. Trong ngày 1-5, có hàng chục vạn nhân dân lao động biểu tình tuần hành đưa yêu sách bình vực quyền lợi giai cấp, dân tộc, có những khẩu hiệu đòi tăng lương, phụ cấp, công ăn việc làm, chống thất nghiệp sa thải, đòi các quyền tự do dân chủ, tự do nghiệp đoàn; đòi bảo vệ công kỹ nghệ, nông nghiệp bản xứ, đòi thống nhất Việt Nam bằng phương pháp hoà bình... Có những cuộc bãi công ở hãng lave, nước đá, hãng dầu, sở hoả xa, nhà đèn có hàng trăm thợ tham gia. Các cuộc đấu tranh khác của hàng 300.000 bạn hàng chợ chống thuế biểu đấu thầu, 200.000 người lái xe

tắcxi chống quy chế mới; hàng vạn người đấu tranh giành cơ chống đốt nhà, đuổi nhà. Đồn điền cao su liên tiếp có nhiều cuộc bãi công gồm hàng vạn người tham gia giới tư sản trí thức, học sinh cũng có phong trào đấu tranh tương đối khá...

Phong trào đã tiến theo chiều hướng tốt, thuận lợi, do đó mà mặt trận đấu tranh đã được mở rộng thêm bao gồm mọi tầng lớp nhân dân, kể cả các tầng lớp trên, đồng bào di cư, tôn giáo, các dân tộc thiểu số... Đã có hành động thống nhất liên kết khẩu hiệu đấu tranh giữa thành thị và thôn quê; giữa vùng này với vùng khác, giữa xí nghiệp này với xí nghiệp khác, chợ này với chợ nọ. Tuy vậy phong trào cũng chưa phát triển được đều, mạnh, mặt trận đấu tranh cũng chưa rộng rãi. Ở đô thị phong trào còn yếu. Ở nông thôn có số vùng bị giảm sút hơn trước vì cơ sở bị đánh mạnh có thiệt hại, quần chúng bị thế kềm kẹp gắt gao của địch có núng thẽ, tinh thần có sa sút hơn. Có chỗ phong trào có vượng lại chút ít, so với mức cũ vẫn còn yếu hơn. Khẩu hiệu công nông binh liên tiếp chưa thực hiện rộng khắp.

Kiểm điểm phong trào, Hội nghị X.U nhận thấy: do đường lối đúng đắn của Đảng, do tinh thần đấu tranh bất khuất của đảng viên và cán bộ, do sức mạnh đấu tranh cách mạng anh dũng và bền bỉ của quần chúng nên căn bản ta đã duy trì được phong trào, tổ chức và lực lượng VT³¹⁾ vẫn tồn tại. Mấy năm qua, trong đấu tranh chính trị ta biết kết hợp hoạt động VT³ để hỗ trợ, thúc đẩy phong trào, trong một số vùng hoạt động VT³ đã hạ uy thế địch và nâng uy thế ta, mở rộng ảnh hưởng và cơ sở cách mạng ở vùng yếu kém, tan rã, có tác dụng hạn chế hung hăng của bọn gian ác địa phương

1) VT³: Vũ trang tuyên truyền (B.T).

và phân hoá bọn này. Nhưng sử dụng VT³ thời gian qua trong phạm vi chiến thuật hỗ trợ thúc đẩy phong trào, ta cũng chưa sử dụng đúng mức và cũng chưa phát huy danh nghĩa, ảnh hưởng của VT³ tấn công chánh trị vào địch. Có nơi cơ thủ quá, đối phó địch chưa tương xứng, có nơi không dám sử dụng cho nên địch có lấn lướt uy thế đấu tranh của quần chúng, làm thiệt hại cơ sở cách mạng khá quan trọng.

Tuy nhiên Hội nghị X.U cũng đã xác nhận bài học thắng lợi trong mấy năm qua là: ta đã biết dựa vào lực lượng đấu tranh chánh trị của quần chúng là chủ yếu, lấy đấu tranh chánh trị rộng rãi của quần chúng làm chính và giữ thế công khai hợp pháp của phong trào. Điều đó có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong cuộc đấu tranh chống các chính sách của địch để đưa cách mạng tiến lên.

Nói chung giữ thế đấu tranh hợp pháp của quần chúng ta đã làm được. Riêng đối với vùng căn cứ kháng chiến cũ do chính sách vũ lực tàn bạo của địch, do quyền lợi sống còn của quần chúng mà quần chúng đã tỏ ra dám chết sống đấu tranh đối địch, quyết liệt chống lại địch. Đáng lý Đảng bộ địa phương phải kịp thời lãnh đạo phong trào này để giữ thế đấu tranh của quần chúng, trái lại, trước tình hình ấy chỉ thuyết phục quần chúng trở về thế hợp pháp đơn thuần làm thiệt hại đến phong trào, địch đánh phá mạnh tổ chức, đưa quần chúng vào thế bị kềm kẹp của địch. Trong các cuộc đàn áp khủng bố dã man của địch, đã xuất hiện một số ít quần chúng sinh sống bất hợp pháp với địch, tự động vũ trang tự vệ chiến đấu chống địch. Như ở Cà Mau có trên mười nhóm quần chúng có vũ trang. Đảng bộ địa phương tìm cách hạn chế, ngăn cản hình thức đấu tranh cao này, tìm cách sáp nhập vào VT³, họ sợ mất thế nên lẩn tránh ta. Tóm lại giữ

thế hợp pháp cho phong trào đấu tranh của quần chúng, nhưng cũng phải mạnh dạn sử dụng các hình thức, phương pháp đấu tranh cách mạng đưa phong trào quần chúng tiến lên đúng mức, đúng phương châm, hợp tình hình mới có lợi.

Để đảm bảo sự thắng lợi cuối cùng, cần phải thấy hết những khó khăn phức tạp của tình hình và đánh giá đúng mức tương quan lực lượng giữa ta và địch hiện nay và nắm vững đường lối phương châm sách lược của Đảng. Cần phải nhận rõ phong trào cách mạng miền Nam hiện nay “chưa phải là thời kỳ trực tiếp cách mạng”. Cho nên điều quan trọng của cách mạng miền Nam hiện nay là nên giữ vững được phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng và giữ vững được lực lượng lãnh đạo của Đảng tồn tại trong phong trào, để tranh thủ tích cực tích trữ lực lượng là tạo điều kiện căn bản cho cách mạng tiến lên thắng lợi.

*
* *

II- NHIỆM VỤ

Căn cứ vào tình hình trên, nhiệm vụ cơ bản trước mắt của Đảng bộ ta hiện nay là:

1. Giữ vững và đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng, lấy đấu tranh chính trị rộng rãi và mạnh mẽ của quần chúng làm chính, đồng thời kết hợp hoạt động VT³ để: chống chính sách khủng bố tàn bạo, chính sách bóc lột vơ vét, chính sách cướp nước và bán nước nô dịch dân tộc và gây chiến của Mỹ - Diệm. Ngăn chặn và đẩy lùi từng bước mọi chính sách của địch, đẩy địch vào thế bị động và cô lập hơn nữa về chính trị, tạo điều kiện thuận lợi tiến tới đánh đổ

chính quyền Mỹ - Diệm, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ.

2. Ra sức xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng cách mạng. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng tồn tại trong phong trào, tích cực tích trữ và bảo tồn lực lượng cách mạng để khi có điều kiện nắm lấy thời cơ chiến thắng hoàn toàn kẻ địch giành lấy thắng lợi cuối cùng.

Quá trình cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam hiện nay là quá trình xây dựng củng cố và phát triển phong trào quần chúng đấu tranh về chính trị, kinh tế, văn hoá, tiến từ những hình thức thấp đến những hình thức cao, từ đẩy lùi từng bước đến những chuyển biến làm lay chuyển đến tận gốc chính quyền địch và cuối cùng phát động quần chúng khởi nghĩa đánh đổ Mỹ - Diệm khi có thời cơ thuận lợi ở trong nước và trên thế giới. Quá trình đó là quá trình đấu tranh gay go gian khổ, phức tạp giữa ta và địch để thực hiện những nguyện vọng hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và cải thiện đời sống của nhân dân.

Trong quá trình đấu tranh ấy phải nắm vững phương châm: khéo che giấu lực lượng, bảo tồn cơ sở, tích trữ lực lượng để có thể đấu tranh lâu dài và giành thắng lợi cuối cùng; càng đấu tranh càng mở rộng cơ sở mở rộng phong trào, chớ không làm tiêu hao lực lượng bó hẹp phong trào. Quá trình đấu tranh và quá trình tập hợp lực lượng, là quá trình củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất chống Mỹ - Diệm.

Trong quá trình đó, phải biết kết hợp sử dụng các hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp một cách linh hoạt, phối hợp chặt chẽ phong trào ở đô thị và

phong trào ở nông thôn và vùng căn cứ thì mới tạo được cái thế vững mạnh để đẩy phong trào cách mạng tiến lên.

Trong quá trình đấu tranh hiện nay phương châm chính là: lấy đấu tranh chính trị rộng rãi và mạnh mẽ của quần chúng làm chính có kết hợp đúng mức với hoạt động võ trang và giữ thế công khai hợp pháp cho phong trào nói chung. Dịch dùng bạo lực, ta cũng phải giữ vững vị trí hợp pháp của quần chúng đấu tranh hằng ngày với địch, làm mất thế công khai hợp pháp lúc này thì sẽ bị động và gặp nhiều khó khăn nguy hiểm mới.

Trong thực tế quá trình đấu tranh với địch hiện nay trong các vùng căn cứ kháng chiến cũ, ở rải rác trong các tỉnh đã xuất hiện một số người bất hợp pháp đối địch với chính quyền Mỹ - Diệm, có những cái "túi" gồm có hàng trăm hàng ngàn người lẩn tránh địch và chiến đấu chống địch để tồn tại. Ta phải có kế hoạch giải quyết hợp lý, hợp tình có lợi cho phong trào chung, không cho đó là một chướng vật cản ngại phong trào. Không vì thế hợp pháp mà thúc ép quần chúng co thủ ngăn cản không để cho họ dùng võ trang chống địch để tự vệ. Do đó phải tập hợp họ lại, có kế hoạch bồi dưỡng giáo dục đường lối, chủ trương chính sách để cho hoạt động của họ có kết hợp chặt chẽ với đông đảo quần chúng đang còn có thể hợp pháp. Cũng không vì cách giải quyết như vậy mà khuyến khích, cho số người bất hợp pháp ngày càng đông đảo và nặng nề thêm bất lợi, bị động cho tình hình chung.

Để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ căn bản trước mắt cần phải tích cực khắc phục kịp thời những khuynh hướng sai lầm của tư tưởng bi quan, dao động, hữu khuynh, rụt rè, co rút, không dám đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng, đồng thời chống tư tưởng manh động phiêu lưu, nôn

nóng muốn dốc lực lượng ra đấu tranh, hoặc muốn phát động du kích chiến tranh, coi thường khả năng đấu tranh chính trị của quần chúng. Những khuynh hướng cho rằng "đấu tranh chính trị chỉ có cửa thua hay huê" hoặc "giữ thế hợp pháp của quần chúng là đầu hàng", là thể hiện khuynh hướng nôn nóng tả khuynh, sẽ đưa phong trào đi đến bị động và gặp nhiều khó khăn phức tạp hơn.

Cần phải nhận rõ rằng: mọi hoạt động võ trang hiện nay đều nhằm phục vụ cho phong trào đấu tranh chính trị, hỗ trợ thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền khi có đủ điều kiện và thời cơ thuận lợi. Do đó cần thấu suốt nguyên tắc "sử dụng lực lượng võ trang hiện nay chỉ là một chiến thuật để phục vụ chiến lược đấu tranh chính trị của quần chúng, mở rộng sự sử dụng này có tính chất chiến lược là sai lầm nhưng không sử dụng theo phương châm chiến thuật kịp thời có mức độ thì cũng không đúng". Nhưng đồng thời "phải tránh sự khiêu khích của địch, biến cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng thành cuộc bạo động non, kết quả phong trào sẽ lâm vào thế bị động, tức là sẽ mất những điều kiện thuận lợi động viên chính trị, xây dựng lực lượng chính trị chống Mỹ - Diệm để có thời cơ thuận lợi tiến lên đánh đổ địch và đánh bại địch!

III- MẤY CÔNG TÁC CỤ THỂ

1. *Đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng mạnh mẽ, sâu rộng hơn để đẩy địch vào thế bị động và cô lập hơn nữa.*

Địch dùng chính sách quân sự phản động quy mô hơn. Để chống lại, ta càng phải động viên các lực lượng chính trị

mạnh mẽ rộng rãi hơn, với những hình thức đấu tranh phong phú và có tính chất cách mạng mạnh mẽ hơn.

Để phát động một phong trào sâu rộng hơn, và làm cho địch bị động hơn, phong trào đấu tranh của quần chúng hiện nay phải là một phong trào đấu tranh với những yêu sách kinh tế thiết thực. Khẩu hiệu của yêu sách là kinh tế nhưng hình thức đấu tranh phải có tính chất cách mạng càng mạnh mẽ càng có lợi. Chính những yêu sách kinh tế trong điều kiện hiện nay, càng có khả năng tập hợp được rộng rãi quần chúng hơn càng làm cho địch bị động hơn. Đồng thời phải biết kịp thời đúng lúc đưa những yêu sách chính trị hợp thời trong quá trình đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế chống chính sách chuẩn bị gây chiến, chính sách độc tài phát xít, đàn áp khủng bố tàn bạo của địch. Trong tình hình hiện nay những yêu sách chính cũng đã đặt ra một cách trực tiếp, cho nên trong đấu tranh không phải chỉ chú trọng yêu sách kinh tế mà cũng phải và rất cần thiết có phong trào đấu tranh với những yêu sách chính trị hợp thời, như phong trào chống thuế, chống tập trung dân, chống ngân sách chiến tranh, chống bắt lính, bắt xâu, đòi thực hiện dân chủ, chống khủng bố đòi an ninh trật tự, đòi quan hệ Bắc Nam, chống viện trợ lũng đoạn của Mỹ, đòi bảo vệ nội hoá, v.v. đều là những yêu sách thiết thực hiện nay.

Những khẩu hiệu đấu tranh bức thiết hiện nay là:

- Chống chính sách võ lực khủng bố tàn sát dã man, đòi an ninh, đòi đảm bảo tính mạng tài sản của nhân dân, đòi bồi thường thiệt hại tánh mạng tài sản do địch gây ra.
- Chống tập trung dân, chống bắt lính, đòi giải ngũ khi mãn thời hạn quân dịch.
- Chống tăng thuế, chống phạt vạ vô lý, chống quyền góp,

bắt xâu, làm cộng đồng phát triển, chống bắt ép mua vé số, mua khẩu hiệu, hình ảnh, chống đối, cứu đói, v.v..

- Chống độc quyền công thương nghiệp, chống chính sách viện trợ kinh tế Mỹ, đòi bảo vệ nội hoá nâng đỡ công thương nghiệp dân tộc, xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ.

- Chống cướp đất, tăng tô, đòi giảm tô, giữ nguyên canh, đòi giữ quyền sở hữu trên đất Tây và đất khai hoang.

- Chống những luật lệ hà khắc bó buộc nhân dân, đòi tự do đi lại làm ăn, tự do cung hiến tiệc tùng theo tục lệ. Chống cưỡng bách nhân dân vô các tổ chức phản động như: phong trào cách mạng quốc gia, hiệp hội nông dân, nhân dân tự đoàn, v.v.. Chống bọn cường hào gian ác, đòi bầu cử tế xã, tế ấp.

- Chống sa thải, đòi tăng lương, đòi giải quyết nạn thất nghiệp, đòi hạ giá sinh hoạt.

- Đòi cải thiện đời sống cho binh lính, chống những hình phạt hà khắc, chống luyện tập nguy hiểm.

- Đòi tự do nghiệp đoàn, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập đảng.

- Chống văn hóa nô dịch cao bồi trụ lạc, khiêu dâm của Mỹ.

- Đòi quan hệ hai miền, trước hết là quan hệ thư tín hai miền.

Trên đây là những khẩu hiệu chung. Trong chỉ đạo đấu tranh các địa phương còn phải biết tùy tình hình cụ thể từng nơi từng lúc mà nêu những khẩu hiệu bức thiết nhất để phát động đấu tranh.

Ở nông thôn hiện nay đặc biệt chú trọng các khẩu hiệu chống giết đất tăng tô, chống bắt xâu, chống đánh đập bắn giết, chống đuổi nhà tập trung dân là những khẩu hiệu bức thiết nhất để phát động đấu tranh.

Ở đô thị đặc biệt chú trọng: chống sa thải, đòi giải quyết nạn thất nghiệp, đòi tăng lương, đòi tự do nghiệp đoàn, chống thuế, chống phạt, chống chính sách viện trợ kinh tế Mỹ, chống văn hóa nô dịch, cao bồi đồi trụy khiêu dâm của Mỹ.

Bên cạnh phong trào công nhân lao động, tiểu tư sản, cần chú ý phong trào tư sản dân tộc và phong trào học sinh sinh viên, trí thức.

Ngoài việc đẩy mạnh phong trào đấu tranh ở nông thôn và đô thị còn phải đặc biệt chú trọng đẩy mạnh phong trào đấu tranh của đồng bào di cư ở các khu dinh điền, đồng bào các tôn giáo và phong trào đấu tranh của binh lính trong quân đội địch.

Trước tình hình hiện nay cần phải thấy hết khó khăn phức tạp của tình hình và đánh giá cho đúng tương quan lực lượng giữa ta và địch (theo phân tích tương quan trong nghị quyết C và phần tình hình ở phía trước). Phải nắm vững đường lối phương châm sách lược của Đảng và hết sức kiên quyết linh hoạt, thận trọng trong cuộc đấu tranh giành cơ quyết liệt với địch hiện nay. Do đó phải hết sức kiên trì bền bỉ đấu tranh và kiên quyết giữ vững và đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng, phải hết sức củng cố, phát triển, che giấu cơ sở đảng, đảm bảo chi bộ tồn tại trong phong trào quần chúng. Phương châm chính hiện nay là cho phong trào ở thế công khai hợp pháp, còn cơ sở và hoạt động của Đảng, Đoàn thì phải tuyệt đối bí mật. Trong đấu tranh cần chống những khuynh hướng sai lầm là: giữ vững phong trào và bảo tồn lực lượng bằng cách co lại không dám đẩy mạnh đấu tranh của quần chúng, đồng thời đề phòng khuynh hướng nôn nóng đẩy lùi đấu tranh làm bộc lộ tiêu hao lực lượng.

Để đảm bảo phong trào đấu tranh đi đúng với yêu cầu và

phương hướng cần chú ý những điểm sau đây trong chỉ đạo đấu tranh:

1- Phải có kế hoạch nắm vững tình hình để kịp thời chỉ đạo đấu tranh.

2- Có kế hoạch phối hợp giữa các địa phương các vùng (nông thôn, đô thị và căn cứ) giữa các ngành, các giới, để hỗ trợ đấu tranh.

3- Mở rộng và đẩy mạnh hơn nữa các cuộc đấu tranh tại chỗ lấy xã làm đơn vị đấu tranh hàng ngày chống các chính sách của địch (tức chống chính quyền xã) nhưng đồng thời phải chú trọng đẩy mạnh đấu tranh trực tiếp với bọn chính quyền quận, tỉnh, trung ương, phối hợp liên kết đấu tranh giữa các địa phương cho những khẩu hiệu chung.

4- Phải biết lợi dụng mâu thuẫn nội bộ địch, cô lập phân hóa tranh thủ từng tên, từng bộ phận để có lợi cho đấu tranh.

5- Phải đi đúng đường lối quần chúng trong việc phát động quần chúng đấu tranh, phải thiết thực, quan tâm đến quyền lợi của quần chúng, tin tưởng khả năng đấu tranh của quần chúng.

6- Càng đấu tranh phong trào càng được mở rộng, cơ sở đảng và quần chúng càng được củng cố và phát triển, trình độ giác ngộ chính trị của quần chúng được nâng cao.

2. Đẩy mạnh hoạt động VT³ nhằm thiết thực hỗ trợ thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Trong mấy năm qua sự tồn tại của lực lượng VT³ có một ý nghĩa rất quan trọng, là một cánh tay đắc lực của Đảng phục vụ cho việc xây dựng cơ sở và giữ vững phong trào.

Hoạt động của VT³ thời gian qua nói chung có tác dụng hạn chế sự hung ác của bọn phản động địa phương, làm phân hóa bọn này và gây hoang mang đối với quân đội địch qua

các cuộc đánh tự vệ hay các trận đánh chủ động tiêu diệt bọn ác ôn, đầu sỏ bọn cố vấn Mỹ.

Để đảm bảo sử dụng hoạt động VT³ đúng theo phương châm nguyên tắc của TW đề ra là: “sử dụng lực lượng VT³ hiện nay chỉ là một chiến thuật để phục vụ cho chiến lược đấu tranh chính trị của quần chúng, mở rộng sự sử dụng có tính chất chiến lược là sai lầm, nhưng không sử dụng theo phương châm chiến thuật kịp thời có mức độ thì không đúng”. Để thực hiện đúng phương châm nguyên tắc ấy việc sử dụng hoạt động VT³ hiện nay cần chú ý những điểm cần bản dưới đây:

1- Về hoạt động ở vùng rừng núi thì các hoạt động nhằm chủ yếu là củng cố và mở rộng căn cứ chính trị, ở đồng bằng thì nhằm hỗ trợ cho việc xây dựng củng cố cơ sở, hỗ trợ cho đấu tranh của quần chúng, tạo thêm điều kiện thuận lợi phân hóa, tranh thủ cô lập bọn chính quyền xã, dân vệ xã, công an do thám xã, đồng thời để uy hiếp bọn đầu sỏ, gian ác ở địa phương.

2- Về trừ gian, phải phục vụ lợi ích của nhân dân, của đấu tranh chính trị và phải phục tùng lợi ích của phong trào, làm có trọng điểm, nhằm đánh trúng bọn gian ác đầu sỏ thì mới có tác dụng phân hóa. Mỗi khi trừng trị phải biết tố cáo hành động tội ác phản dân hại nước của chúng. Kiên quyết khắc phục thiên hướng lấy khủng bố cá nhân thay cho phong trào đấu tranh của quần chúng.

3- Về tác chiến thì cần cân nhắc kỹ, tranh thủ những điều kiện chính trị có lợi cho phong trào chung hoặc hỗ trợ trực tiếp cho phong trào quần chúng ở một vùng nhất định và phải nhằm vào bộ phận gian ác mà đánh cho trúng.

4- Tùy tình hình từng lúc, từng vùng mà bố trí lực lượng

VT³ về hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho phong trào nơi đó. Khi về hoạt động tránh làm mất thế hợp pháp của quần chúng, tránh tạo tinh thần ỷ lại của địa phương và tránh gây tình hình quá căng thẳng ở địa phương. Hoạt động phải bí mật, linh hoạt, di chuyển mau lẹ, khéo che giấu, tránh bộc lộ, làm cho địch bên dưới co lại mà bên trên thì không cảnh giác (ngay cả vùng rừng núi cũng tránh bộc lộ).

5- Việc sử dụng kết hợp hoạt động VT³ trong đấu tranh chính trị hiện nay *phải có mức độ*. Muốn vậy cần thấu suốt nguyên tắc hoạt động võ trang phải phục vụ cho đấu tranh chính trị. Do đó đẩy mạnh hoạt động VT³ hiện nay không có nghĩa là hoạt động bữa bải, mất phương hướng, làm tổn hại đến phong trào. Phải biết tùy từng nơi từng lúc mà sử dụng hoạt động VT³ cho đúng. Về chỉ đạo hoạt động VT³ phải linh hoạt thích hợp với yêu cầu phục vụ chính trị hiện nay tức là cần nhận rõ đối tượng cần đánh, đánh ở đâu? Lúc nào nên đánh? Lúc nào không, đó là vấn đề mà trong chỉ đạo hoạt động VT³ hiện nay cần nhận rõ. Tránh nôn nóng phiêu lưu, để phòng sự khiêu khích của địch biến cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng thành cuộc võ trang bạo động non kết quả phong trào sẽ lâm vào thế bị động.

6- Bên cạnh phong trào đấu tranh chính trị rộng rãi của quần chúng, lực lượng VT³ phải hoạt động với khẩu hiệu công tác mặt trận để tạo thêm điều kiện đưa uy thế phong trào cách mạng tiến lên. Do đó phương châm hoạt động võ trang hiện nay không thể áp dụng phương châm đơn thuần quân sự mà phải lấy yêu cầu phục vụ cho phong trào đấu tranh chính trị làm mục tiêu để chỉ đạo phương châm hoạt động. Đi chệch mục tiêu ấy là thoát ly đường lối đấu tranh chính trị hiện tại, sẽ đưa phong trào đến chỗ khó khăn phức tạp hơn.

7- Cần củng cố hơn nữa các lực lượng VT³ chủ yếu là tăng cường công tác tư tưởng và chính trị và đồng thời phải chỉnh đốn tổ chức để đảm bảo các lực lượng võ trang tồn tại. Việc giáo dục tư tưởng và chính trị là quan trọng, nhưng về mặt chiến thuật kỹ thuật cũng phải được đặc biệt chú trọng.

3. *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục sâu rộng trong quần chúng nhằm nâng cao ý thức căm thù và quyết tâm cách mạng trong cuộc đấu tranh chống địch đánh đổ địch.*

Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là: “giải phóng miền Nam ra khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình thống nhất độc lập dân chủ và giàu mạnh”. Và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam hiện nay là “đoàn kết toàn dân kiên quyết đấu tranh, chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc quyền Ngô Đình Diệm tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hiệp dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống cho nhân dân, giữ gìn hòa bình, thực hiện thống nhất đất nước trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới!”

Để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng, công tác tuyên truyền giáo dục là một công tác hết sức quan trọng. Nhiệm vụ cách mạng được thực hiện là khi nào khẩu hiệu cách mạng được thâm nhập trong quảng đại quần chúng và biến thành hành động của quần chúng.

Tiến hành công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng cần chú ý những điểm sau đây:

1- *Về nội dung và yêu cầu tuyên truyền giáo dục:*

- Nâng cao tinh thần yêu nước và ý thức giai cấp của công nông. Làm cho công nhân và nông dân nhận rõ vị trí, vai trò, nhiệm vụ của mình trong công cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam hiện nay. Làm cho quần chúng nhận rõ con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

- Vạch trần bộ mặt cướp nước và gây chiến của đế quốc Mỹ và bộ mặt bán nước hại dân của bè lũ Ngô Đình Diệm. Đập tan những luận điệu “quốc gia” giả hiệu, những thủ đoạn lừa bịp xảo quyệt của chúng. Khắc phục thiên hướng coi thường tuyên truyền của địch.

- Làm cho quần chúng nhận rõ đấu tranh bảo vệ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là nhiệm vụ cách mạng của nhân dân miền Nam hiện nay. Khẩu hiệu “Giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thành trì cách mạng của cả nước” phải được tuyên truyền sâu rộng và mạnh mẽ.

- Làm cho quần chúng thấy những thắng lợi to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu và phong trào hòa bình độc lập dân tộc trên thế giới để tăng thêm tin tưởng vào tiền đồ thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

- Tuyên truyền giáo dục xuất phát từ quyền lợi thực tế và bức thiết nhất của quần chúng để phát động tư tưởng, giáo dục căm thù, động viên quần chúng đoàn kết đấu tranh chống âm mưu chính sách của địch.

- Trong công tác tuyên truyền giáo dục phải biết kết hợp đề cao vai trò lãnh đạo của Đảng.

2- *Về chỉ đạo tuyên truyền:*

- Về hình thức, có kế hoạch sử dụng hình thức truyền đơn

cho đúng để tuyên truyền được rộng rãi.

- Biên soạn những tài liệu cơ bản để giáo dục cách mạng cho quần chúng.

- Có kế hoạch phát hành báo, tài liệu, bản tin được rộng rãi hơn.

- Chú ý các vùng đạo giáo, di cư, Miền và đồng bào thiếu số ở miền Đông.

- Có kế hoạch theo dõi, tổng kết công tác tuyên truyền và kịp thời phổ biến kinh nghiệm và tuyên truyền.

4. Không ngừng củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất chống Mỹ - Diệm.

Muốn củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất chống Mỹ - Diệm phải ra sức củng cố khối công nông liên minh. Vì phong trào công nông mạnh mẽ bao nhiêu thì tạo điều kiện thuận lợi cơ bản cho việc củng cố mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất chống Mỹ - Diệm bấy nhiêu.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần xúc tiến những công tác cụ thể dưới đây:

- a) Ở nông thôn cần có kế hoạch cụ thể để tổ chức và lãnh đạo phong trào nông dân đấu tranh với địch quyết liệt hơn nữa chống các chính sách của địch nhằm đảm bảo quyền lợi thiết thân hiện nay.

- a) Ở đô thị đi sâu tổ chức nắm quần chúng công nhân trong các xí nghiệp, đồn điền và đẩy phong trào đấu tranh của công nhân, phát triển mạnh mẽ sâu rộng và liên tục hơn nữa.

- b) Trên cơ sở củng cố khối công nông liên minh, cần chú trọng đúng mức hơn nữa công tác vận động tiểu tư sản, trí thức (những người làm nghề thủ công, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, sinh viên, viên chức, những người làm

nghề tự do, v.v.) và công tác vận động tư sản dân tộc (đặc biệt là ở S/C).

- c) Đẩy mạnh công tác vận động các tôn giáo như là Cao Đài, Hòa Hảo. Xúc tiến công tác vận động đồng bào di cư, đồng bào thiếu số.

- d) Trong đấu tranh cần có sự liên kết hỗ trợ giữa nông thôn và đô thị, giữa các ngành các giới.

- e) Phải nắm vững sách lược mặt trận hiện nay là: “tranh thủ đoàn kết mọi người có thể đoàn kết được, trung lập mọi người có thể trung lập được, kể cả những người có ít nhiều khuynh hướng chống Mỹ - Diệm trong chính quyền miền Nam, đặc biệt chú ý từng lớp bên dưới trong các cơ quan hành chánh, quân đội miền Nam. Phải biết lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ địch phân hóa cô lập kẻ địch có lợi cho ta.

- f) Đẩy mạnh công tác vận động binh lính địch nhằm thực hiện khối công nông binh liên hiệp.

5. Xúc tiến đặc biệt công tác binh vận.

Mỹ - Diệm ngày càng ra sức tăng cường xây dựng quân đội nhằm chuẩn bị gây chiến tranh và khủng bố đàn áp phong trào cách mạng.

Binh lính trong quân đội miền Nam là công cụ của địch nằm trong bộ máy đàn áp của chúng. Nhưng binh lính hầu hết xuất thân là con cháu của công nông, lao động chủ yếu là nông dân. Với ý thức giai cấp chống áp bức bóc lột sẵn có, với truyền thống đấu tranh chống đế quốc phong kiến của nhân dân miền Nam trước đây và chống Mỹ - Diệm hiện nay, nhất định Mỹ - Diệm không dễ dàng biến họ thành công cụ để đàn áp phong trào cách mạng. Những cảnh cướp đất, đuổi nhà,

dồn dân, đốt nhà, giết người, bắt xâu, bắt phu, sưu cao thuế nặng..., gia đình, vợ con, cha mẹ của họ cũng phải lâm vào cảnh bần cùng, cơ cực, nhứt định họ dễ đồng tình, ủng hộ phong trào đấu tranh của nhân dân. Riêng bản thân đời sống làm lính của họ cũng rất khổ cực và tủi nhục, vì bị bạc đãi, hà khắc, chế độ quân phiệt áp bức, lương bổng không bì kịp mức sinh hoạt đắt đỏ, vợ con nheo nhóc, hành quân chết chóc không được nghỉ ngơi, vì vậy mà chẳng những họ không đồng tình chính sách gây chiến nô dịch, khủng bố đàn áp của Mỹ-Diệm, tinh thần ngày càng sút kém, uể oải mà còn đấu tranh chống lại địch. Hơn nữa trong lúc phong trào công nông, lao động ngày càng phát triển mạnh, tình hình thế giới, trong nước ngày càng thuận lợi cho ta thì tinh thần dân tộc, dân chủ, mong muốn hòa bình thống nhứt đang có khả năng nảy nở và phát triển trong quân đội miền Nam. Gần đây, trong các cuộc hành quân càn quét khủng bố nhân dân, trừ một số đơn vị ác ôn trong quân đội áo rằn, trong các đội công an biệt kích, các tên chỉ huy hung ác ra, phần đông binh sĩ lừng chừng, đi đến đâu tìm cách thanh minh với đồng bào về thái độ, hành động của mình, nhứt là số binh sĩ dân binh quân dịch và bảo an, hành quân đi đường thẳng không xục xạo, phá phách. Khi có đụng độ hoang mang bỏ súng chạy trốn hay đầu hàng cả trăm tên (trận Dầu Tiếng, Sa Rài, An Biên...). Đấu tranh cho quyền lợi bản thân mình như đòi tăng lương, nghỉ phép... cũng xảy ra nhiều nơi. Riêng tỉnh Rạch Giá, chỉ trong 6 tháng đầu năm 1959 đã có 42 cuộc đấu tranh đòi quyền lợi của binh sĩ.

Tuy nhiên, mặt khác cũng phải thấy những thủ đoạn lừa phỉnh xảo quyệt và chính sách quân phiệt trong việc nắm kềm kẹp sử dụng công cụ ấy trong việc thực hiện âm mưu chính

sách của chúng, phải thấy hết tính chất rất phản động của bọn lưu manh, côn đồ và bọn con cái địa chủ và tư sản mại bản thù hằn với cách mạng đã được Mỹ - Diệm rèn luyện.

Quân đội là chỗ dựa chủ yếu của Mỹ - Diệm để bảo tồn chế độ của chúng, là công cụ để gây chiến và đàn áp phong trào cách mạng. Do đó công tác B.V¹⁾ là một công tác hết sức quan trọng nhằm trực tiếp đập tan chỗ dựa và công cụ của Mỹ - Diệm, tiến tới xây dựng công nông binh liên hiệp, tạo điều kiện thuận tiện cho cuộc khởi nghĩa thắng lợi ít đổ máu.

Do sự quan trọng nói trên nên mục đích yêu cầu vận động binh lính miền Nam là:

Yêu cầu cơ bản:

Làm tan rã tinh thần và tổ chức quân đội địch, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc khởi nghĩa cướp chính quyền thắng lợi ít đổ máu với sự thực hiện khối “công nông binh liên hiệp” dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Yêu cầu trước mắt:

1- Tuyên truyền giáo dục rộng rãi làm cho binh sĩ nhận rõ những âm mưu thủ đoạn cướp nước và bán nước của đế quốc Mỹ và bè lũ Ngô Đình Diệm. Làm cho binh lính nhận rõ đời sống của họ hiện nay bị áp bức bóc lột thậm tệ và họ cũng là công cụ của đế quốc phong kiến để thực hiện mọi âm mưu chính sách của chúng.

Tuyên truyền giác ngộ quân chúng binh lính trên cơ sở giác ngộ quyền lợi giai cấp và quyền lợi dân tộc. Phát động tinh thần yêu nước thương nòi, tinh thần ái hộ người cùng đồng giai cấp, để đoàn kết với công nông làm cách mạng

1) B.V: binh vận (B.T).

đánh đổ đế quốc phong kiến Mỹ - Diệm, thực hiện hòa bình thống nhất độc lập dân tộc.

2- Vận động binh lính đấu tranh rộng rãi mạnh mẽ hơn nữa đòi cải thiện đời sống của bản thân và gia đình, chống lại mọi hình thức bóc lột. Chống chế độ quân phiệt, hà khắc, ngược đãi binh sĩ của bọn chỉ huy và bọn cố vấn Mỹ.

3- Tranh thủ binh lính đồng tình ủng hộ bằng đủ mọi cách trong các cuộc đấu tranh của nhân dân chống bóc lột vơ vét, chống khủng bố đàn áp, chống chiến tranh, đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ, đòi hòa bình, thống nhất, độc lập dân tộc.

4- Vận động binh lính chống chiến tranh cụ thể là:

- Chống chính sách lệ thuộc Mỹ và sự xâm nhập của Mỹ nắm quân đội miền Nam và biến quân đội miền Nam thành công cụ của đế quốc Mỹ. Chống mọi hình thức liên minh quân sự và đặt quân đội miền Nam trong khối liên minh ấy.

- Chống âm mưu chuẩn bị chiến tranh đánh miền Bắc, đòi hòa bình thống nhất đất nước. Nếu Mỹ - Diệm liều lĩnh gây chiến tranh đánh miền Bắc thì: đào ngũ, đầu hàng quân đội miền Bắc, hoặc mang vũ khí chạy sang hàng ngũ cách mạng ở miền Nam, hoặc cùng với nhân dân đứng lên tiêu diệt chế độ Mỹ - Diệm để hòa bình thống nhất Tổ quốc.

- Chống lại chính sách quân sự khủng bố tàn bạo điên cuồng của Mỹ - Diệm đặt miền Nam vào tình trạng chiến tranh.

- Chống việc xây dựng quân đội bằng đào, giải ngũ, chống luyện tập, chống bắt lính, v.v..

5- Đối với lực lượng vũ trang cách mạng thì không đối địch. Khi bị bắt đi đánh thì chống lại bằng mọi hình thức từ thấp tới cao như: không chịu đi, hoặc lúc đi cố tránh đụng trạn, lúc xáp trạn thì đầu hàng phản biến, v.v..

6- Xây dựng cơ sở cách mạng trong quân đội địch, đi sâu tranh thủ nắm quần chúng binh lính cảm tình trong các đơn vị tiến tới xây dựng khối công nông binh liên hiệp, để cùng với công nông đứng lên khởi nghĩa khi có đủ điều kiện và thời cơ thuận lợi.

Để đảm bảo thực hiện các yêu cầu trên, về lãnh đạo và chỉ đạo công tác này cần chú trọng những điểm sau đây:

- Cần nhận thức đầy đủ hơn nữa tính chất quan trọng đặc biệt của công tác vận động binh lính địch hiện nay để kiên trì, quyết tâm hơn nữa nhằm đáp ứng cho nhu cầu cách mạng khi có thời cơ.

Muốn thực hiện được mục đích ấy trong chỉ đạo công tác phải thiết thực cụ thể và toàn diện hơn. Kịp thời khắc phục những tư tưởng bị quan trước tình hình khó khăn hiện nay. Cần phải nắm vững mục đích yêu cầu, phương châm nguyên tắc và phương hướng công tác.

- Cần tổng kết và phổ biến những kinh nghiệm tổn thất thiệt hại trong ngành công tác B.V, kiên quyết chấp hành những phương châm nguyên tắc của Đảng để đảm bảo cơ sở trường kỳ mai phục chờ đợi thời cơ. Cần phải kiểm tra chu đáo để chấn chỉnh tổ chức, sửa đổi lề lối làm việc, tác phong của cán bộ bên ngoài cũng như cơ sở bên trong, có kế hoạch ngăn cản để đảm bảo bí mật, ngăn ngừa sự bộc lộ sau này.

- Ban chuyên môn các cấp phải được chấn chỉnh tổ chức lề lối làm việc để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ công tác.

Nghị quyết công tác B.V của Xứ năm 1958 - 1959 hiện nay vẫn còn thích hợp, các cấp kiểm điểm việc thực hiện và có kế hoạch xúc tiến.

6. *Không ngừng củng cố và phát triển Đảng, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng tồn tại trong phong trào.*

Trong thời gian qua với chính sách võ lực điên cuồng của địch, chúng không từ bỏ một thủ đoạn gian ác xảo quyệt nào hòng tiêu diệt uy thế và tổ chức Đảng. Hành động ấy của địch đã gây cho Đảng bộ một số tổn thất khá quan trọng về tổ chức.

Tình hình hiện nay, địch còn có thể gây khó khăn phức tạp cho ta nhiều hơn nữa. Tình trạng giằng co quyết liệt với địch còn kéo dài. Do đó, củng cố phát triển Đảng để đảm bảo giữ vững quyền lãnh đạo của Đảng, đảm bảo Đảng tồn tại trong quần chúng là một nhiệm vụ quan trọng nhất hiện nay của Đảng bộ.

Để thực hiện nhiệm vụ quan trọng ấy, các cấp cần chú ý những điểm quan trọng dưới đây:

1- Không ngừng nâng cao trình độ tư tưởng và trình độ chính trị của đảng viên làm công tác chủ yếu trong việc củng cố đảng. Phải làm cho đảng viên thông suốt và tin tưởng đường lối phương châm, sách lược của Đảng. Kịp thời khắc phục những khuynh hướng sai lầm của tư tưởng bị quan, dao động, hữu khuynh đồng thời chống tư tưởng manh động phiêu lưu nôn nóng, tả khuynh.

Phải giáo dục cho mỗi đảng viên trở thành một chiến sĩ kiên cường, bất khuất luôn luôn anh dũng đấu tranh chống kẻ thù và sẵn sàng hy sinh vì cách mạng, luôn luôn liên hệ mật thiết với quần chúng, giáo dục cho đảng viên nhận rõ tình hình, thông suốt nhiệm vụ đấu tranh để phấn khởi cách mạng, bền bỉ, gan góc chịu đựng, tin tưởng sắt đá vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

2- Xúc tiến xây dựng, củng cố phát triển chi bộ xã. Có kế hoạch cụ thể và tích cực gây dựng lại những chi bộ tan rã.

Đặc biệt chú trọng xây dựng chi bộ ở những vùng có tính chất quan trọng về quân sự cũng như chính trị, các xí nghiệp, cơ quan giao thông vận tải, các đường giao thông yết hầu của địch, v.v..

3- Xây dựng về mặt tổ chức để đảm bảo giữ vững quyền lãnh đạo của Đảng, đảm bảo Đảng tồn tại trong quần chúng, đặc biệt chú trọng những điểm sau đây:

- Ra sức xây dựng, củng cố phát triển chi bộ, đảm bảo cho mỗi chi bộ thật sự thành một dinh lũy chiến đấu của Đảng, được lực lượng quần chúng bao bọc che chở và đủ năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện những khẩu hiệu của Đảng. Mỗi đảng viên phải bám sát một số quần chúng trong xóm ấp, và được bao bọc chặt chẽ bởi nòng cốt, thanh niên lao động. Trên cơ sở bám chặt quần chúng, mỗi đảng viên hàng ngày phải nâng cao ý chí cách mạng của quần chúng, đoàn kết quần chúng lại thành một khối, kiên quyết và bền bỉ đấu tranh chống địch bảo vệ quyền lợi quần chúng, không bi quan thỏa hiệp, không phiêu lưu nôn nóng.

- Tổ chức chi bộ phải được tinh giản, gọn nhẹ bảo đảm chất lượng, sinh hoạt phải gọn, hạn chế bớt giấy tờ.

- Có kế hoạch cụ thể và tích cực gây dựng lại những CB¹⁾ bị đánh tan.

- Chú ý xây dựng chi bộ ở các xí nghiệp, đường phố, các khu dinh điền, các đồn điền cao su, vùng đạo giáo, vùng dân tộc thiểu số.

- Có kế hoạch phát triển đảng viên mới, chú trọng thành phần lao động và thanh niên, phụ nữ nhất là những nơi chi bộ bị tan rã, những đảng viên bất hợp pháp không thể trở về

1) CB: Chi bộ (B.T).

được, cần đặc biệt chú trọng những quần chúng tích cực đã thử thách trong phong trào mà kết nạp để xây dựng chi bộ.

- Phải triệt để tôn trọng nguyên tắc bí mật của Đảng, phải hết sức đề cao nguyên tắc bí mật từ việc đi lại, ăn ở, giấy tờ, tổ chức cơ quan, tổ chức giao thông liên lạc, sử dụng cán bộ, v.v.. Không ngừng nâng cao cảnh giác, tỉnh táo đề phòng mọi sự xâm nhập phá hoại của bọn gián điệp và những phần tử đầu hàng phản bội. Có kế hoạch bảo vệ tài liệu Đảng và chủ trương của Đảng.

- Bên cạnh CB, cần phát triển một cách mạnh mẽ, chắc chắn Đoàn Thanh niên Lao động.

4- Có kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt chú trọng cán bộ thuộc thành phần cơ bản. Phải có kế hoạch chu đáo trong việc bảo vệ cán bộ.

Ngoài ra, để đảm bảo sự lãnh đạo sát đúng và kịp thời, điều quan trọng nhất là phải theo sát nắm vững tình hình. Muốn thế các cấp phải đặc biệt chú trọng tổ chức và củng cố giao thông liên lạc từ trên xuống dưới một cách chặt chẽ bằng nhiều đường, phải cải tiến lề lối làm việc, chế độ báo cáo thỉnh thị phải được thực hiện và tôn trọng.

Trong mấy năm qua, do đường lối đúng đắn của Đảng, do tinh thần đấu tranh bất khuất của đảng viên và cán bộ và tinh thần đấu tranh cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng nên đã duy trì giữ vững được phong trào.

Bên cạnh những thành tích ấy, chúng ta còn phạm một số sai lầm thiếu sót. Nếu chúng ta biết rút những bài học thắng lợi, những kinh nghiệm thất bại trong mấy năm qua để áp dụng một cách sinh động, sáng tạo và tích cực kiên trì, quyết tâm chống địch thì nhất định âm mưu đen tối của địch sẽ bị thất bại.

Sau khi thảo luận Nghị quyết Trung ương lần thứ XV, Hội nghị XU hoàn toàn tin tưởng đường lối cách mạng do Trung ương vạch ra và tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Trung ương Đảng đứng đầu là Hồ Chủ tịch. Hội nghị XU kêu gọi toàn Đảng bộ hãy tăng cường đoàn kết nhứt trí, nâng cao tinh thần cách mạng, thắt chặt liên hệ giữa Đảng với quần chúng và ra sức phấn đấu để giành thắng lợi trong giai đoạn hiện tại.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO CỦA LIÊN KHU ỦY V

Tháng 11-1959

Về tình hình Liên khu V

(Báo cáo này chủ yếu phản ánh tình hình cơ sở đảng và quần chúng; về phần địch chỉ nêu một số điểm nổi vì chưa nắm được tình hình đầy đủ. Hội nghị Khu uỷ sắp đến sẽ tổng kết tình hình báo cáo sau)

I- ĐỊCH

Cuối năm 1957 đến nay ở đồng bằng cũng như Tây Nguyên địch có những điểm nổi bật sau đây:

A- ĐỒNG BẰNG

Sau các đợt tổ cộng ào ạt 1956, 1957, phong trào trung châu bị tan rã nhiều nơi, từ năm 1958 lại đây địch chuyển phương thức hoạt động, không tổ cộng tràn lan và ào ạt như trước mà đi sâu xây dựng, củng cố bộ máy đàn áp ở xã, thôn, ra sức thực hiện các chính sách của chúng. Gần đây địch bắt đầu tổ cộng lại (thu hẹp diện khủng bố vào số tình nghi loại A nhưng ác liệt hơn) ở Quảng Ngãi, Quảng Nam, đi đôi với dùng Luật 10-59 uy hiếp quần chúng và đảng viên cũ. Điều đó chứng tỏ rằng chính sách căn bản của Mỹ - Diệm vẫn là

khủng bố, sự chuyển hướng vừa qua chỉ là tạm thời cho nên khi cần thiết là nó dừng lại và ngày càng ác liệt. Nguyên nhân chuyển phương thức tổ cộng vừa qua có thể địch cho rằng phong trào trung châu đã bị tan rã, nên chuyển sang "bình định" do sự phản ứng của quần chúng và trong nội bộ chúng, do sự hoạt động của ta có khéo che giấu hơn và một phần do địch chuyển hoạt động vào Nam Bộ và lên miền Tây.

Trên cơ sở đàn áp được phong trào, địch xây dựng và củng cố được bộ máy đàn áp ở xã, thôn và thu nhiều kết quả trong việc tổ chức lực lượng bán vũ trang, phát triển mật thám gián điệp nhằm đi sâu vào nội bộ ta, phát triển đảng "Cần lao nhân vị". Đó là những lực lượng làm trở ngại trực tiếp cho sự đi lại hoạt động của cơ sở và cán bộ ta. Hiện nay về số lượng trong các tổ chức địch có tăng nhưng chất lượng phản động vẫn như cũ, thành phần phản động càng xuống đến thôn xóm càng ít. (Trong số 51 tên hội đồng của 17 xã ở một huyện có nhiều địa chủ thì có 12 gian ác; 22 xấu còn thì lừng chừng và ta nắm được; trong một xã có 13 nhân viên cấp thôn thì có 4 xấu; trong 27 nhân viên liên gia thì có 7 xấu). Gần đây, bọn tay sai bên dưới dao động nhiều do ảnh hưởng của tình hình chung nhất là ảnh hưởng của phong trào Nam Bộ, của miền núi (chống càn quét), của một số vụ trừ gian trong liên khu và những tin tức về vấn đề khởi nghĩa (do địch đưa ra và ta cũng có tuyên truyền trong cơ sở) bọn dưới càng tỏ ra tiêu cực nhiều, khác tình hình sau ngày 20-7-1956. Cần phải tranh thủ làm cho bọn này dao động tiêu cực thêm để cô lập hơn nữa bọn phản động bên trên sẽ tạo thêm những thuận lợi cho việc hồi phục phong trào. Nhưng tính chất bọn này rất bấp bênh nếu địch tổ cộng mạnh như trước, bị bọn

trên hăm dọa, thúc ép chúng có thể hăng hái trở lại và sẽ gây cho ta nhiều khó khăn như 1956, 1957.

Trên cơ sở đàn áp được phong trào và xây dựng được bộ máy nên trong hai năm qua địch đã thực hiện có kết quả các chính sách của chúng, vơ vét được nhiều nhân tài vật lực của nhân dân, xúc tiến được nhiều việc thực hiện kế hoạch quân sự và làm cho đời sống của nhân dân bị điêu đứng hơn trước.

Cho nên, hiện nay ở trung châu địch đang gây cho ta nhiều khó khăn, tuy diện tổ cộng không tràn lan ô ạt như trước làm cho tình hình quần chúng và đảng viên cũ bớt căng thẳng, bọn tay sai bên dưới tiêu cực, địch đang chuyển hoạt động mạnh vào Nam Bộ và lên miền Tây, nên có sơ hở phần nào, nhưng rồi đây địch sẽ khủng bố lại và ta sẽ khó khăn nhiều. Cho nên trong công tác phải khéo léo che giấu và trước mắt chưa thể hồi phục cơ sở nhanh được.

Kinh nghiệm vừa qua cho thấy rằng: một khi địch đã đàn áp được phong trào, chúng sẽ thực hiện dễ dàng và có hiệu quả những chính sách đã đề ra, củng cố được bộ máy đàn áp ở bên dưới và *một khi phong trào bị xẹp thì vươn lên rất chậm* cho nên phải biết giữ gìn phong trào và trong việc đối phó của ta bên cạnh những hình thức giữ thế hợp pháp cho quần chúng phải có những hình thức đấu tranh thích hợp nhằm phân hoá, tranh thủ, cô lập phản động địa phương.

B- TÂY NGUYÊN

Cũng từ 1957 lại đây địch ra sức xây dựng căn cứ quân sự nổi nhất là việc đóng đồn, làm đường (cả sân bay) đồn dân dinh điền, càn quét và ngày càng tích cực theo nhịp điệu phát triển của tình hình chung, nhất là sau cuộc cách mạng Irac và tình hình Lào xảy ra. Việc làm đường và đóng đồn,

đều nhằm mục đích quân sự và an ninh. Nhiều nơi đồn bố dày hơn thời kỳ kháng chiến (miền tây Quảng Trị 19, tây Thừa Thiên 17, v.v.). Hiện nay tác dụng đường, đồn còn bị hạn chế, chỉ mới kiểm soát được một ít thôn gần, nhưng nếu địch càn quét khủng bố tổ cộng, phát triển được gián điệp địa phương thì tác dụng của đường, đồn sẽ gây nhiều khó khăn cho ta. Các đồn sẽ là những bàn đạp tốt để khống chế cả vùng, nhưng việc này địch rất khó thực hiện nhất là những nơi địa thế hiểm trở quần chúng đấu tranh mạnh.

Đi đôi với vấn đề làm đường làm đồn địch tiến hành đồn dân, càn quét xây dựng bộ máy chính quyền, phát triển gián điệp, vơ vét bóc lột của cải nhân dân nhưng nổi nhất là vấn đề đồn dân và càn quét.

- Vấn đề đồn dân là một chủ trương lớn của địch, đã thực hiện sớm ở cực Nam từ 1957 (miền tây Khánh Hoà đã bị đồn 3.500 dân thuộc 43 làng trong tổng số 14.000 dân; Ninh Thuận 7.000 dân trong số 24.000; Bình Thuận 12.000 trong tổng số 30.000). Cuộc đấu tranh chống đồn dân và phá đồn đã diễn ra từ 2,3 năm nay liên tục và ác liệt. Việc đồn dân địch cũng tiến hành ở Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam và một số nơi ở Tây Nguyên và gặp phải sức chống lại mạnh mẽ của nhân dân. Các tỉnh trên đều có những vùng có đến hàng chục thôn chạy bất hợp pháp, vũ trang tự vệ. Địch đang lúng túng đối phó, nhưng rồi đây chúng sẽ quyết tâm đồn, sẽ khủng bố tàn sát ác liệt hơn.

- Về vấn đề càn quét khủng bố trong mấy năm qua địch có tiến hành nhưng lẻ tẻ từng nơi, từng cá nhân, từng xóm để uy hiếp. Gần đây trước phong trào đấu tranh của nhân dân nhất là việc chống đồn dân diễn ra rộng rãi và quyết liệt, địch đã bắt đầu càn quét quy mô, chỉ trong phạm vi

một đôi huyện như miền tây Quảng Ngãi dùng đến lực lượng chính quy hàng hai sư đoàn kết hợp với lực lượng bảo an, biệt kích, công an, gián điệp địa phương bắt giết hàng chục đồng bào, đốt hàng 100 nóc nhà, phá hàng ngàn giạ lúa và kéo dài đến 4, 5 tháng, gây nhiều thiệt hại cho quần chúng.

Lâu nay ta đã có kế hoạch chống khủng bố bằng cách một mặt tranh thủ thế hợp pháp của quần chúng lãnh đạo đấu tranh dân sinh dân chủ, tranh thủ tề, binh lính một cách tích cực nhưng mặt khác, nếu địch giết người nào hay triệt hạ điển hình thôn nào để uy hiếp cả làng hay cả vùng thì người đó và thôn đó chạy bất hợp tác chống lại theo tập tục "trả đầu" của địa phương và thời gian qua ta đã tranh thủ được điều kiện thuận lợi cho phong trào. Nhưng tình hình hiện nay và sắp đến diện khủng bố của địch không chỉ một số cá nhân một đôi thôn mà cả một vùng rộng, cho nên ta phải nghiên cứu hình thức đối phó cho thích hợp thì mới giữ vững được phong trào.

Những việc làm trên địch đã thu được một số kết quả, nhưng đồng thời địch cũng đang bị những thất bại nặng nề như: về phương diện chính trị địch không nắm được nhân dân Thượng để chống lại cách mạng như hồi Pháp mà còn bị cả một khối nhân dân Thượng đoàn kết chống lại chúng một cách tích cực. (Phong trào tự trị hồi 9-1958 là một bằng chứng). Chúng thất bại luôn cả về mặt tổ chức (nghị ky, thanh thải hàng loạt nhân viên chính quyền từ tỉnh đến xã, giải tán toàn bộ dân vệ, v.v.) và đang lúng túng cả về mặt chính sách (dồn dân dinh điền, quân dịch, khủng bố). Lại thêm nội bộ lúng củng, tinh thần quân đội Diệm ngày càng

suy sệt (đào ngũ một lần 4 trung đội ở bắc An Khê vào 4-59, hàng trăm người đã chạy về (Gia Lai) và thường tỏ ra uể oải tiêu cực nhút nhát trong các cuộc hành quân).

Nhìn chung trong thế giằng co giữa ta và địch hiện nay trong liên khu thì ở đồng bằng địch đang lấn ta nhưng ở Thượng du địch đang gặp những khó khăn, đang gồm phong trào Thượng, nhưng rồi đây trước thế chung của tình hình buộc địch phải tổ cộng lại ở trung châu và sẽ cần quét khủng bố ác liệt hơn ở Tây Nguyên.

Sự hoạt động ở trung châu và Tây Nguyên (cũng như ở Nam Bộ) địch đã tiến hành theo một kế hoạch phối hợp nhịp nhàng. Đàn áp được phong trào Liên khu V địch đã tạo được bàn đạp tiến lên xây dựng Tây Nguyên và hiện nay chúng nhận định rằng nếu không tiêu diệt được phong trào cách mạng ở Tây Nguyên thì chưa nắm được đồng bằng. Do đó sắp đến trong việc đối phó với kế hoạch tổ cộng của địch ở trung châu cũng như chống dồn dân cần quét ở Thượng không những đòi hỏi ta phải nghiên cứu những hình thức đối phó thích hợp giằng co tích cực với địch thì mới vươn lên được, mà phải có một kế hoạch phối hợp chặt chẽ giữa trung châu và miền tây Nam Bộ. Thế chung của ta là mai phục ở trung châu trong điều kiện Tây Nguyên phải được giữ vững và phát triển như lâu nay thì mới tồn tại được và sắp đến ta càng phải giữ vững Tây Nguyên hơn nữa. Nếu ta giữ vững được Tây Nguyên, tích cực giằng co với địch không những bảo vệ được phong trào mà còn làm cho địch lúng túng bị động thêm, nhưng nhược điểm và thất bại sẵn có xưa nay về phương diện chính trị, tổ chức và chính sách sẽ bộc lộ một cách rõ rệt hơn nữa và đưa đến nhiều khó khăn.

II- TA

Nhìn chung tình hình trung châu hiện nay tương đối ổn định, địa vị hợp pháp của quân chúng được củng cố, đấu tranh dân sinh dân chủ được rộng rãi, phong trào đã bắt đầu vươn dậy, những cơ sở còn hẹp và gần như thiếu tổ chức. Ta có điều kiện mở rộng cơ sở nhưng còn gặp nhiều khó khăn chưa thể làm nhanh được.

Ở Thượng du đã tiến bộ nhiều về mọi mặt, phía Bắc đã xây dựng được nhiều vùng có tính chất căn cứ địa cách mạng. Phía Nam đã phát triển cơ sở có nhanh hơn trước và đã tạo được bàn đạp để phát triển vào vùng mới thuộc Lâm Đồng để nối liền với Nam Bộ.

Đô thị còn yếu, hai thành phố lớn Đà Nẵng và Huế hai năm qua bị đứt nay mới bắt đầu xây dựng lại.

Cụ thể tình hình từng nơi như sau:

A- TÂY NGUYÊN (kể cả miền tây các tỉnh)

Trước hết cần trình bày vài đặc điểm có quan hệ đến kế hoạch xây dựng căn cứ địa của ta.

- Rừng núi Tây Nguyên chiếm phần lớn diện tích của Liên khu V (có đến 5/6). Trừ vùng đất bằng ở trung tâm Đăclắc và Plâyku lên đến biên giới Miên gồm các đô thị, dọc đường giao thông ở phía Nam còn thì núi non hiểm trở nối liền từ Quảng Trị vào đến Nam Bộ, nhiều nơi núi ăn sát biển. Trong thời kỳ kháng chiến ta đã xây dựng ở đây những vùng căn cứ và du kích và hiện nay cũng đang hình thành những vùng bàn đạp và căn cứ rộng lớn.

- Về kinh tế: vùng đồng bằng, dịch kiểm soát dễ là vùng giàu có. Vùng núi hiểm trở có điều kiện xây dựng căn cứ thì

kinh tế nghèo bị phụ thuộc nhất là thiếu muối, rựa; kinh tế có tính chất tự túc. Nhưng điều kiện đất đai ở đây còn nhiều và tốt việc sản xuất lúa gạo có thể bảo đảm đủ ăn cho nhân dân và cung cấp cho cách mạng. Kinh nghiệm thời kỳ kháng chiến cũng như hai năm qua, nếu mỗi năm cán bộ tập trung sản xuất trong ngày mùa chỉ tốn từ 80 đến 100 ngày công thì mỗi người có thể tự túc về gạo ăn từ ba tháng trở lên 5, 6 tháng. Nếu tổ chức làm ruộng thì có những vùng có thể nuôi cả 1.000 người như vùng bắc Quảng Nam, nam Quảng Nam, Quảng Ngãi, đông Kontum và Gialai, v.v. (các vùng phía Nam chưa nắm cụ thể).

- Về cơ sở phong trào lúc kháng chiến địch nắm cả Tây Nguyên nhất là Lâm Đồng coi như ta chưa có cơ sở gì cả. Ở miền Tây các tỉnh trừ Quảng Ngãi, Quảng Trị và cực Nam, các nơi khác việc xây dựng của ta còn rất kém.

Tính chất địa thế như vậy đã hình thành những vùng khác nhau, tính chất cơ sở và phong trào cũng có điểm khác nhau, cho nên cần chia ra từng loại vùng để phản ánh được cụ thể thêm khả năng và triển vọng việc xây dựng căn cứ địa ở Tây Nguyên. Tạm chia bốn vùng như sau:

1. *Vùng có điều kiện xây dựng thành căn cứ địa sớm:*

(Từ tây Bình Định, đông Plâyku ra đến Quảng Trị).

Vùng này địa thế hiểm trở, đã có nhiều vùng căn cứ và du kích trong thời kỳ kháng chiến nay cũng đang hình thành những vùng căn cứ rộng lớn nối liền nhau. Có vùng rộng bằng một tỉnh như miền tây Quảng Nam, có những vùng rộng bằng vài, ba huyện như miền tây Quảng Ngãi, bắc Kontum, đông Gialai đến tây Bình Định. Ở đây địch có đóng đồn, làm đường lập tế nhưng cơ sở ta vẫn vững và các mặt công tác đều phát triển.

Từ miền Tây Quảng Trị đến Quảng Ngãi và Kontum ta có cơ sở trong 1.802 thôn trong tổng số 2.036 thôn, có 234 chi bộ với 1.464 đảng viên (không kể số cán bộ và đảng viên thoát ly).

Thực chất phong trào hiện nay như sau:

- Trình độ giác ngộ của quần chúng được nâng lên một bước phân biệt được địch ta, tin tưởng ở Đảng, ở Hồ Chủ tịch và quyết tâm cách mạng. Các tầng lớp nhân dân kể cả các chủ làng, đều tham gia công tác cách mạng với nhiệt tình sôi nổi, cơ sở đảng và thanh niên lao động phát triển tốt, cán bộ địa phương trưởng thành dần. Sở dĩ thu được kết quả như trên là nhờ cán bộ tích cực đi sâu vào quần chúng lo cải thiện đời sống cho nhân dân làm cho nhân dân được ăn no hơn trước, được biết chữ, được giáo dục chính trị nhiều trong lúc đó bọn Mỹ - Diệm đang tìm cách áp bức bóc lột nhân dân, khinh miệt nhân dân.

Ngày ở các vùng mới xây dựng như bắc Quảng Nam và Thừa Thiên trước đây nạn đói, thiếu muối thường hay xảy ra, cừu thị dân tộc nặng nề nay đã thành chỗ dựa tốt của ta, đã tiến bộ nhiều về các mặt chính trị, đấu tranh chống địch, về kinh tế, văn hoá và tự vệ (như miền Tây Thừa Thiên trước đây hay bị nạn đói trầm trọng trong năm qua đã chấm dứt được và đã cung cấp cho cách mạng gần 60, 70 tấn gạo và sang năm định cung cấp trên 100 tấn, như miền Tây Quảng Nam năm nay đã cung cấp hàng trăm tấn gạo và sang năm có thể cung cấp gần 400 tấn chưa kể hoa màu phụ. Nơi này từ chỗ chưa có chữ đến chỗ phiên âm chữ dân tộc, thanh niên nam nữ phần lớn được học, có tờ báo địa phương; phong trào văn hoá văn nghệ dân tộc phát triển, và những tập tục kiêng cũ có hại cho đoàn kết và sản xuất, nhân dân đã tự nguyện

bỏ dần). Việc đi lại hoạt động của ta tương đối dễ dàng. Có huyện đã mở một lần 2, 3 trường văn hoá cho hàng trăm học sinh với thời hạn 4, 5 tháng, có hàng 100 người xung phong đi dân công, v.v..

Đó là những vùng mới xây dựng, còn những vùng khác, có cơ sở vững hơn thì đã đi vào bề sâu được nhiều hơn nhất là về mặt giáo dục chính trị và đào tạo cán bộ địa phương.

Trên cơ sở các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá phát triển, vấn đề tự vệ nhân dân cũng phát triển. Hiện nay ở thôn có tự vệ nhân dân, mọi người đều biết làm nhiệm vụ canh gác, báo tin, liên lạc, theo dõi gián điệp, cất giấu tài sản, làm chông, vũ trang giáo, ná. Ở từng vùng (2, 3 thôn) có địa thế liên nhau, đang hình thành những tiểu đội địa phương. Riêng miền Tây Quảng Ngãi có BCH xã và BCH vùng như xã đội và vùng đội thời kỳ kháng chiến, nhưng không thoát ly sản xuất.

Về lực lượng lưu động thì ở Quảng Ngãi đã thành lập 3b (vẫn không thoát ly sản xuất) và đã sản xuất tự túc được 200 ang giống, Quảng Nam đang rút người để đủ thành lập 3b trong năm nay. Kontum đã xây dựng 1b; Gialai 1b và sắp thêm 2b nữa.

Nhìn lại, tuy ta có xây dựng được nhiều, phong trào quần chúng đang lên, nhất là sau khi phổ biến Nghị quyết 15, quần chúng rất phấn khởi nhưng ý thức chung còn nặng về đấu tranh vũ trang (ta đang giáo dục uốn nắn). Hiện nay địch đang tích cực tìm tông tích ta, phong toả muối, rửa và sắp đến sẽ càn quét, khủng bố, nhưng nhân dân còn kém kinh nghiệm đấu tranh chống khủng bố, nhất là đấu tranh giằng co phức tạp.

2. *Vùng có điều kiện xây dựng căn cứ nhưng trước mắt đang gặp khó khăn* (miền Tây các tỉnh cực Nam Khánh - Ninh - Bình):

Nơi đây địa thế tốt đã có những vùng căn cứ kháng chiến cũ như Tánh Linh nối liền với Nam Bộ, vùng Bắc Ái, và tây Khánh Hoà nối liền với Lak. Ở đây địch dồn dân sớm và đã dồn được nhiều nơi (đã báo cáo ở phần tình hình địch) nhưng phong trào chống dồn dân đang xảy ra quyết liệt.

Ở V.Khánh (Khánh Hoà) trong 6 khu tập trung đã phá 3.

Ở Khánh Sơn (Khánh Hoà) nhân dân đã phá khu tập trung Lỗ Mây còn 3.

Ở Ninh Thuận, nhân dân miền đông Bắc Ái đã phá khu tập trung chạy về núi, bố phòng sản xuất.

Hiện giờ ở Bình Thuận bị dồn nhiều nhất. Nhân dân đang tích cực bung ra những vấn đề kinh tế và bảo vệ thiếu chuẩn bị từ trước nên gặp nhiều khó khăn. Vừa qua có những nơi bung ra núi hàng 300 người phải bị đói, thiếu kéo dài 4,5 tháng nhưng họ vẫn quyết tâm đấu tranh, nhưng cũng có nơi chạy một thời gian vì bị đói quá phải chạy về khu tập trung lại. Tuy bị tập trung nhưng quần chúng vẫn vững, cơ sở nắm lại được nhiều, cán bộ vẫn bám và giữ liên hệ với quần chúng, phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ phát triển (đòi cứu tế, đòi về rẫy và chống khủng bố).

Hiện nay cơ sở ta ở miền Tây ba tỉnh cực Nam là 211 thôn trong tổng số 398 thôn.

Sở dĩ địch dồn được nhiều và đang gây khó khăn cho ta vì lãnh đạo đặt vấn đề chống dồn thiếu tích cực ngay từ đầu, nhưng ở đây có địa thế hiểm trở, điều kiện sản xuất tự túc có và nhất là tinh thần quyết tâm chống địch của nhân dân, nếu ta có sự chuẩn bị về kinh tế, về cán bộ, đặt vấn đề vũ

trang tự vệ tích cực cho nhân dân khi họ chạy về làng cũ thì có thể phá một số khu tập trung tạo điều kiện xây dựng căn cứ nối liền với Lâm Đồng và Nam Bộ. Ở đây hiện nay chỉ mới có những vùng bàn đạp hay khu an toàn nhỏ và đang bị uy hiếp.

3. *Vùng đồng bằng gồm các đô thị, dinh điền, đồn điền và phụ cận, dọc giao thông* (nằm ở trung tâm Đăclắc – Plâyku và vùng thị xã Kontum):

Kể từ đường 21 trở ra, cơ sở ta ở các huyện xã đều có, trừ dọc giao thông đô thị và dinh điền, vùng Công giáo thì còn yếu và nhiều nơi chưa có.

Tỉnh Gialai ta có cơ sở ở 790 thôn trong tổng số 918 với con số 55 chi bộ, 623 đảng viên, 674 đoàn viên, nhưng cơ sở ở thị trấn Plâyku và dinh điền chưa có.

Tỉnh Đăclắc có cơ sở ở 411 thôn trong tổng số 694 thôn mới tổ chức 5 chi bộ, 153 đảng viên và thị trấn Ban Mê Thuột mới có 2 chi bộ, 8 đảng viên, 2 thanh niên lao động, 40 trung kiên cơ sở trong công chức tư sản và lao động.

Sở dĩ ở đô thị, dinh điền, dọc giao thông thuộc vùng Kinh, cơ sở ta còn yếu, kém, vì dùng người Thượng ở xung quanh để làm công tác người Kinh rất khó khăn, lại thêm phong trào trung châu bị sụt, bị đứt nhiều nơi, nên ta không nắm và theo dõi được những người di cư lên và sự chỉ đạo chưa chú ý đúng mức trong việc gây cơ sở ở đây, đặt quan hệ chặt chẽ hơn giữa trung châu và Tây Nguyên. Tuy vậy, ảnh hưởng cách mạng ở đây cũng được rộng rãi, quần chúng rất căm thù Mỹ - Diệm. Thời gian qua có phong trào đấu tranh rộng rãi của nhân dân trong việc chống địch lấn chiếm đất lập dinh điền, nhất là phong trào tự trị lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân hưởng ứng (phong trào tự trị do một số nhân sĩ, cán bộ

trong bộ máy chính quyền, quân đội Thượng đưa ra nhân lúc phong trào quần chúng căm thù Mỹ - Diệm đang lên cao. Hoạt động của phong trào tự trị do thiếu kinh nghiệm, thiếu một đường lối chính trị và tổ chức, nên mới ra đời đã bị đàn áp, các người cầm đầu bị bắt, phong trào bị ngừng lại, nhưng tinh thần tự trị dân tộc đã biến thành một ý thức cách mạng chung trong đông đảo quần chúng máy nay ta đang nuôi dưỡng, giáo dục thêm).

Ta cũng đã tranh thủ được ban lãnh đạo phong trào tự trị của quận Lak và Ban Mê Thuột, do đó mà nắm được một số người trong bộ máy chính quyền quận và quân đội (số này nắm được các sĩ quan và lính Thượng trong đệ tứ quân khu, Quân đoàn II, đơn vị pháo binh, cơ quan vận tải và một số đông lính giải ngũ ở quanh Ban Mê Thuột) và giúp ta gây cơ sở ra được nhiều thôn.

Nhìn chung, vùng này cơ sở tốt và có điều kiện xây dựng ở các đô thị, dinh điền, những nơi đây địch kiểm soát chặt hơn, nên hình thức hoạt động phải khác vùng trên, phải khéo công tác, khéo che giấu.

4. *Vùng mới bắt đầu xây dựng cơ sở* (từ nam đường 21 vào Lâm Đồng):

Ở Lâm Đồng, từ đường 20 chạy lên Ba ranh giới trước kia chưa có cơ sở và nay ta cũng chưa đến nên tình hình cụ thể về dân cư, kinh tế ta chưa nắm được. Lúc kháng chiến ta có xây dựng vùng Lak và Đắkmil để lấy bàn đạp phát triển vào phía nam nhưng các đội võ trang tuyên truyền lên đều bị bắt, chỉ có một ít cơ sở. Nay ta đã xây dựng hai nơi này thành bàn đạp tốt và có khả năng xây dựng cơ sở nối liền Nam Bộ và phát triển vào nội địa Lâm Đồng.

(Ở Đắkmil: 7 tổng, độ 70 buôn, ta có cơ sở trong 4 tổng,

phạm vi 39 buôn chạy dọc đường 14 giáp núi Chử Jerbri của Lâm Đồng. Gần đây vùng đông Đắkmil có thêm 10 thôn, ở tây đường 21 kéo dài sát biên giới Lâm Đồng, vùng sông Đắktrung, các buôn Seur. Cơ sở ở đây còn cách Nam Bộ từ 1 ngày đến 2 ngày đường).

Ở Lak: ở đây núi hiểm trở (chứ Yan Xin và chứ Yan Lak) nối liền với Chử Jerbri và tây Khánh Hoà có điều kiện xây dựng thành một vùng căn cứ rộng. Điều kiện kinh tế ở đây khá hơn vùng Đắkmil. (Chưa nắm được cụ thể). Ta đã có cơ sở tất cả 41 thôn dọc đường 21 kéo dài trong tổng số 120 thôn và nắm được phong trào tự trị ở đây, nên xây dựng cơ sở thêm được 21 làng và nắm lính trong 3 cứ điểm.

So với trước kia thì nay đã có chỗ đứng chân chắc hơn và có điều kiện phát triển cơ sở thành hành lang nối liền với Nam Bộ qua vùng Baranh giới. Vùng trung tâm Lâm Đồng có thể xây dựng nhưng phải có thời gian và phong trào ở đây chắc còn non nhiều vì chưa trải qua thử thách. Công tác xây dựng ở đây chậm là vì vùng mới, vì cách đặt vấn đề trước đây vẫn chưa đúng mức, còn ý thức “sức đến đâu làm đến đấy” vì chỉ đạo ở xã, nên không thấy hết khả năng ở đây.

Tóm lại ở miền tây tình hình phong trào phát triển không đều nhưng nhìn chung cơ sở vẫn giữ vững, phát triển và có điều kiện xây dựng thành căn cứ địa vững chắc.

Trong tổng số dân số 868.200 (trong đó có 212.600 Kinh) với tổng số thôn 4.339 thôn, ta đã có cơ sở trong 3.433 thôn. Số thôn đứt liên lạc: 906. Số chi bộ tại cơ sở: 309 với 2.332 đảng viên (nên kể số chi bộ, cán bộ, đảng viên thoát ly thì số đảng viên có đến 3.000 đảng viên (2.932) và gần 400 chi bộ). Số thanh niên lao động 3.040 (có bản thống kê tình hình cơ sở kèm theo sau).

Cán bộ địa phương cũng trưởng thành theo đà phát triển

của phong trào nhưng cán bộ thôn, xã phát triển nhanh hơn cán bộ tỉnh, huyện. Các xã, thôn, phần lớn đều có cán bộ địa phương nhưng toàn miền tây mới có 7 cán bộ tỉnh và 53 cán bộ huyện. Trình độ cán bộ còn non nhất là mặt xây dựng đảng và lãnh đạo đấu tranh giành co, phức tạp với địch. Gần đây có thêm một số cán bộ ở miền Bắc vào, tỉnh nhiều có từ 30 đến 40 người, tỉnh ít từ 10 đến 15 người, đã bắt tay vào công tác, đã đem lại nhiều sự phấn khởi trong nhân dân và cán bộ địa phương và có tác dụng đẩy phong trào thêm một bước.

Nhưng hiện nay ở miền Tây có những khó khăn:

- Vấn đề cán bộ còn đang thiếu nhiều trước sự đòi hỏi của việc xây dựng và củng cố căn cứ địa, phát triển vào vùng mới Lâm Đồng.

- Phong trào đang đà phát triển nhưng địch sẽ tích cực đối phó, sẽ dồn dân, hành quân càn quét quy mô và ác liệt, đi đôi với việc phong toả, phá hoại kinh tế, sẽ gây cho ta nhiều khó khăn, thiệt hại. Nhưng cũng có những thuận lợi căn bản để giữ vững và phát triển phong trào làm chỗ dựa vững chắc cho phong trào trung châu cũng như cả miền Nam, nếu chỉ đạo đặt đúng mức.

B- TÌNH HÌNH TRUNG CHÂU

Phong trào quần chúng:

Từ đầu năm 1958 trở lại đây, tình hình đồng bằng tương đối ổn định, quần chúng và số đảng viên bị tình nghi can cấu không bị căng thẳng như trước, đấu tranh dân sinh dân chủ được rộng rãi đã củng cố dần địa vị hợp pháp của quần chúng, phong trào đã bắt đầu vươn lên.

Đó là do:

- Quần chúng đã sẵn có trình độ giác ngộ, lại thêm căm phẫn địch ngày càng sâu.

- Ảnh hưởng của phong trào Nam Bộ và sự hoạt động trong liên khu có nơi rộng hơn trước nhất là năm 1958, ta có phổ biến trong cơ sở vấn đề đường lối cách mạng miền Nam trong đó có vấn đề khởi nghĩa, quần chúng thấy được hướng nên phấn khởi.

- Một phần do bọn địa phương bên dưới có phần rúng rính, tiêu cực.

Gần đây, Nghị quyết 15 đã được phổ biến nhiều nơi đến tận cơ sở. Quần chúng phấn khởi (nhất là khi nghe câu “dân tộc ta là một, Đảng ta là một, nước ta là một” và khi biết được phương hướng khởi nghĩa). Có những hiện tượng lạc quan, tưởng mau, nhưng đa số cũng lo ngại vì thấy thế địch ở trung châu còn lấn ta, còn phải chuẩn bị nhiều nữa.

Phong trào đấu tranh dân sinh dân chủ đều và liên tục. Có những cuộc đấu tranh đòi quân cấp công điền buộc địch phải nhượng bộ (Hoà Vang, Điện Bàn ở Quảng Nam). Đấu tranh chống thuế cao, chống cướp bóc xảy ra đều, nhưng nổi bật nhất là phong trào chống đi dinh điền, quân dịch, chống tập trung dân lập khu trù mật. Có những hình thức đấu tranh rất ào ạt và rộng như cuộc đấu tranh của 70, 80 gia đình chặn cả đoàn xe địch ở Bình Sơn (Quảng Ngãi) không chịu đi lên Tây Nguyên. Có hàng 200, 300 người trốn từ Tây Nguyên trở về, đem cả xác vợ con, tổ chức “u hồn đắp nấm” làm náo động cả vùng, nhưng có tính chất rộng rãi buộc địch phải tạm thời dịu lại trong việc bắt (nay đã bắt lại). Hiện nay cuộc đấu tranh chống dồn dân ở Điện Bàn cũng đang diễn ra quyết liệt. Nhân dân quyết tâm chống và được sự đồng tình của bọn nhân viên chánh quyền và từng lớp trên ở địa phương, cả một số sĩ quan trong quân đội.

Nhìn chung phong trào đấu tranh đều và liên tục nhưng phần lớn lẻ tẻ và tự động, cho nên chỉ đem lại một ít kết quả

về mặt dân sinh, chứ mặt nâng cao giác ngộ của quần chúng, phát hiện cơ sở, đào tạo cán bộ chưa làm được mấy vì thiếu tổ chức, thiếu lãnh đạo.

Tình hình cơ sở:

Phong trào quần chúng lên, nhưng cơ sở còn hẹp, yếu và gần như thiếu tổ chức:

Tổng số dân số trung châu:	3.810.000
Tổng số thôn	3.810
Số thôn có cơ sở	667
Số đảng viên ở cơ sở	620 đ/v trong tổng số 851 đ/v (TNLD ¹⁾ 303)
Số chi bộ ở cơ sở	83 trong tổng số gần 100 chi bộ.

Những tỉnh khá là: Quảng Ngãi, Quảng Nam, Quảng Trị.
Tỉnh yếu là: Ninh Thuận, Bình Định.

Cụ thể cơ sở một tỉnh khá như Quảng Ngãi:

Toàn tỉnh có 6 huyện thì 3 huyện khá, 1 huyện trung bình và 2 huyện kém.

Ba huyện khá là: Đức Phổ, Bình Sơn, Sơn Tịnh: (Đức Phổ có cơ sở ở 14 xã trong số 15 xã (68/79 thôn), 10 chi bộ, 82 đ/v), 22 tổ thanh niên lao động; Bình Sơn có cơ sở ở 13 xã trong số 24 xã có 7 chi bộ; Sơn Tịnh có cơ sở trong 14 xã/20. Có 9 chi bộ, 63 đảng viên.

- Huyện trung bình là Tư Nghĩa (có cơ sở trong 5 xã/14 xã, 4 chi bộ).

- Kém là : Mộ Đức và Nghĩa Hành (Mộ Đức có cơ sở ở 7 thôn trong 3 xã, Nghĩa Hành có cơ sở trong 4 thôn của 2 xã).

1) TNLD: thanh niên lao động (B.T).

Cụ thể cơ sở ở một số thôn:

Một thôn vùng du kích (biển). Dân số 1.456. Có 57 quần chúng tích cực, 577 tốt, 9 xấu vừa.

Một thôn khác (nơi phong trào cũ, bị khủng bố liên tục) dân số 4.400 có 110 quần chúng tích cực, một số ít lừng chùng và xấu, còn đa số tốt.

Tình hình cơ sở ở một số tỉnh yếu như Bình Định:

Toàn tỉnh có 7 huyện, bị đứt 1 huyện còn 6 có cơ sở nhưng chỉ có huyện Hoài Nhơn khá (cơ sở ở 6 xã trong số 13 xã). Các huyện khác có cơ sở trung bình trong vài, ba xã độ 5, 6 thôn.

Toàn tỉnh có 687 thôn, mới có cơ sở trong 62 thôn, có một chi bộ, 30 đảng viên ở cơ sở, 23 thanh niên lao động, 294 trung kiên. (Có bản thống kê tình hình cơ sở trong liên khu kèm theo sau).

Số lượng cơ sở trong bản thống kê chưa phản ánh được thực chất của phong trào vì 1 cơ sở gồm cả 5, 6 người trong gia đình chỉ tính 1 cơ sở; 1 cơ sở tiếp tế có 3, 4 gia đình xung quanh cũng lo giúp chỉ tính 1. Có thôn 70 gia đình đều tốt, nhưng mới kể 10 cơ sở.

Về chất lượng: đa số trung kiên, cốt cán và thanh niên lao động có thể là đảng viên.

Đảng viên phần lớn có thể là cán bộ xóm, thôn và một số xã.

Số đơn tuyến hiện nay còn nhiều, trong lúc tổ chức chỉ đạo (chi bộ) ở thôn, xã chưa hình thành nên đã phát triển của phong trào bị chậm và cán bộ bất hợp pháp gặp nhiều khó khăn.

Điều kiện hồi phục cơ sở, tổ chức chi bộ có nhưng hiện

nay còn quá ít, thiếu tổ chức là do:

- Cán bộ rụt rè, sợ võ lỏ, không dám hoạt động nói ra, không dám tổ chức.
- Quan niệm về đảng viên, cơ sở chưa thống nhất.

Tình hình đảng viên cũ bị tình nghi, can cứu:

Đa số hiện nay còn tốt và có uy tín trong quần chúng. Số bị tình nghi loại A, địch đang theo dõi, đang lo đang thoát. Số đông ngại nhưng bình tĩnh và có phương hướng hơn. Còn số cụ thể vài nơi:

- Trong 7 thôn ở Quảng Ngãi, có 740 người thì số tốt có nắm quần chúng 423; mới tổ chức 67; lừng chừng 132; ra làm cho địch 91 (37 tốt, 34 lừng chừng, 20 bạc nhược, trong đó có một số xấu).

- Nơi phong trào kém như Bình Định: 1 xã có 5.000 dân, có 300 đảng viên cũ thì 12 đang bị tù, 15 xé cờ ảnh (9 vào Công giáo), 11 là cơ sở, 1 hủ hoá, còn thì sợ và nằm im.

- Ở Quảng Nam số tốt có thể giao công tác 25%. Tình hình các tỉnh Trị Thiên cũng tương tự như vậy.

Đây là lực lượng cách mạng to lớn mà địch tấn công ráo riết để phân hoá, sử dụng để phá hoại cách mạng. Nếu ta khéo sử dụng thì là lực lượng lớn của phong trào, nếu để địch đẩy vào thế bí làm tay sai sẽ gây cho ta nhiều khó khăn. Hiện nay trong khu đang nghiên cứu để sử dụng số này, có số dùng theo đơn tuyến, có số ít có thể tổ chức, có số có thể hoạt động và đào tạo thành cán bộ, nếu lộ thì sống bất hợp pháp.

Nhìn chung khả năng hồi phục lại cơ sở có nhiều, nhưng hiện nay cơ sở còn ít, yếu, nhiều vùng còn bỏ trống, nhất là vừa qua, địch có phần sơ hở, ta không tranh thủ được là vì:

- Cán bộ bất hợp pháp không sát tình hình. Cán bộ chỉ đạo loay hoay trên núi nhiều.

- Tư tưởng thủ một chiều vì sau tố cộng 1956 - 1957, cán bộ còn lo ngại nhiều.

- Năm qua, cũng chờ đợi nhiều ở cấp trên.

- Tình hình đồng bằng cũng đang khó khăn, việc ăn, ở, đi lại của cán bộ thoát ly khó bảo đảm.

Hiện nay, Thường vụ KU đặt công tác đồng bằng trước mắt cần phải: đoàn kết cho được quần chúng rộng rãi, giữ cho được khí thế quần chúng (mới bắt đầu vươn dậy) và trên cơ sở đó mở cho được cơ sở, xây dựng cho được tổ chức chỉ đạo ở thôn, xã; làm cho chính quyền xã lung lay dần và giảm bớt tác dụng phá cách mạng. Làm được ba vấn đề trên sẽ giữ được và đưa phong trào tiến lên, phá được âm mưu phá hoại cách mạng của địch, sẽ tạo được cơ sở để làm tốt hơn nữa công tác binh vận và thành phố. Muốn thế phải tăng cường công tác lãnh đạo tư tưởng trong cán bộ và đảng viên, mở rộng việc tuyên truyền giáo dục ngoài quần chúng, tích cực lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, tích cực xây dựng cơ sở, tổ chức chi bộ ở thôn, ra sức vận động tề và binh lính, kiện toàn tổ chức chỉ đạo và lễ lối làm việc từ trên xuống, xây dựng nề nếp báo cáo và tổng kết kinh nghiệm kịp thời.

C- ĐÔ THỊ

Sau vụ võ lỏ cuối 1957, Đà Nẵng và Huế bị đứt, nay mới bắt đầu xây dựng lại, và đã tạo được bàn đạp. Hiện nay ở Huế được biết còn 40 đảng viên (Hoả Xa, chợ Đèn, Lục Lộ, bưu điện, nhà thương, học sinh...). Đà Nẵng có 1 chi bộ tự động và một số cơ sở trong nội thành. Nha Trang: 1 đảng

viên và 28 cơ sở. Phan Rang và Tourcham¹⁾ bị đứt liên lạc. Các thị trấn khác đều có cơ sở nhưng còn ít và yếu.

NHẬN XÉT CHUNG VỀ PHONG TRÀO LIÊN KHU V, KHẢ NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

Mấy năm qua cơ sở ở đồng bằng bị tan rã nhiều nơi nhưng nay phong trào đã bắt đầu vươn dậy là nhờ trình độ giác ngộ của quần chúng cao, ngày càng căm thù địch sâu sắc, nhờ cán bộ quyết tâm bám sát quần chúng, nhờ thế của phong trào Tây Nguyên (và Nam Bộ) được giữ vững và phát triển.

Hiện nay ở đồng bằng mới bắt đầu gượng dậy, miền núi đang được củng cố và phát triển nhưng đều nằm trong thế giằng co với địch ngày càng phức tạp và quyết liệt. Ta có khả năng xây dựng cơ sở đồng bằng nhưng *chưa thể làm nhanh được* và sau này nếu phong trào lên cũng không thể trở lại như hồi 1955 hay như phong trào Nam Bộ cho nên *nôn nóng và ào ạt* sẽ bị thất bại, nhưng nếu *mai phục* một cách máy móc, *co vùi lại* cũng sẽ bị tổn thất nặng. Mặt khác cũng thấy rằng tuy cơ sở còn hẹp nhưng nếu tình hình khách quan thuận lợi (với thế Nam Bộ và Tây Nguyên vững) thì khi cần khởi nghĩa có thể phát động quần chúng lên được, nhưng không thể làm nhanh, gọn, trong một đêm mà phải có thời gian phát động cao trào quần chúng.

Thế phong trào đồng bằng Liên khu V mai phục và giữ

1) Tourcham: tháp chàm (B.T).

vững được phải nằm trong thế chung là Tây Nguyên phải mạnh và phong trào Nam Bộ được giữ vững. Trước nay phong trào Nam Bộ có ảnh hưởng rất tốt đối với Liên khu V nhưng hiện nay Nam Bộ đang gặp khó khăn sẽ ảnh hưởng đến phong trào ở đây. Cho nên cần phải lo xây dựng Tây Nguyên vững mạnh hơn nữa để làm chỗ dựa và giữ niềm tin tưởng vững chắc cho cách mạng.

Ở Tây Nguyên, phong trào đang đà phát triển, ta có khả năng xây dựng và củng cố phía bắc thành căn cứ địa cách mạng vững chắc và phát triển vào Lâm Đồng và trước nhất là tạo một hành lang để sớm nối liền với Nam Bộ. Nhưng địch cũng ngày càng tích cực đối phó nhất là chúng sẽ tích cực dồn dân, mở những cuộc khủng bố tàn quét quy mô và ác liệt hơn.

Trước nay trong việc chống khủng bố, ta có chủ trương dừng để quần chúng đi vào thế bất hợp pháp, bị động, phải giữ cho được uy thế và địa vị hợp pháp của quần chúng, đẩy mạnh đấu tranh dân sinh, dân chủ, tích cực tranh thủ tề, binh lính nhưng đối với trường hợp khủng bố điển hình từng cá nhân, từng thôn để uy hiếp cả làng hay cả vùng đó thì chỉ cá nhân và thôn đó chạy bất hợp tác chống lại theo tập tục “trả đầu” của địa phương còn nhân dân chung thì giữ thế hợp pháp. Thực tế vừa qua cách làm như vậy có thu được kết quả và nhất là trong vấn đề dồn dân trước sức phản ứng đông đảo của quần chúng, địch đang lúng túng. Nhưng lúng túng nhân nhượng của địch là tạm thời, thế chung buộc chúng phải khủng bố, phải dồn dân rộng rãi hơn, do đó diện khủng bố tàn quét của địch sẽ rộng hơn. Kết quả của phong trào sắp

đến tùy thuộc sự lãnh đạo của ta. Nếu ta thiếu những hình thức đấu tranh thích hợp, phong trào sẽ bị xẹp xuống, địch sẽ thực hiện được các kế hoạch của chúng, sẽ mở rộng kế hoạch xây dựng căn cứ quân sự và đưa thế chung phong trào đến chỗ hết sức khó khăn.

Nếu ta tích cực chống khủng bố, giằng co với địch sẽ đưa đến những hình thức tự vệ vũ trang từng vùng, như vậy du kích cục bộ sẽ xuất hiện, tình hình sẽ căng và phức tạp hơn, nhưng ta có *điều kiện tồn tại và phát triển* vì ta có địa thế thuận lợi, nhân dân quyết tâm, địch sẽ bị động và như thế sẽ có lợi cho tình hình chung ở đồng bằng và Nam Bộ, căn cứ của ta mới được giữ vững và phát triển và mới phá được kế hoạch xây dựng căn cứ quân sự của địch.

Cho nên trong thế chung giữa địch và ta, trong cuộc đấu tranh giằng co quyết liệt nay sẽ đưa đến một trong hai kết quả trên là tùy ở sự lãnh đạo biết vận dụng đúng đắn đường lối phương châm của Đảng hiện nay để có những biện pháp đối phó sắc bén, cương quyết với mọi âm mưu xảo quyệt của địch hay không và có quan niệm được việc tranh thủ sơ hở để xây dựng lực lượng phải trong thế giằng co ngày càng gay go hay không?

D- VÀI ĐIỂM VỀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA LIÊN KHU ỦY

- Sự chỉ đạo của liên khu ủy vừa qua, có những tiến bộ nhất là việc luôn luôn đi sát phong trào, tìm hiểu thực tế, phát hiện vấn đề kết hợp với việc thường xuyên học tập nghiên cứu đường lối phương châm của Đảng, để soát lại

chương trình và kế hoạch công tác, đặt việc tổng kết kinh nghiệm một cách tích cực hơn.

- Nhưng trong chỉ đạo còn biểu lộ ra nôn nóng đưa phong trào lên như sau Hội nghị lần thứ 15, đề ra kế hoạch xây dựng lực lượng và hoạt động cao, gần đây soát lại thực tế đã chỉnh đốn lại nhưng tư tưởng nôn nóng vẫn còn trong việc muốn mở rộng phong trào đồng bằng. Việc này ở trong ý thức nhiều, chứ trong hành động thì chưa có gì, vì không thể vượt qua thực tế của địa phương.

Có những nguyên nhân ảnh hưởng đến tư tưởng chỉ đạo trên là do nhận định cách mạng miền Nam phải do nhân dân miền Nam tự làm lấy, tình hình bên ngoài đã có nhiều thuận lợi, phong trào Nam Bộ phát triển mạnh, nếu Liên khu V phát triển lên được thì thời cơ khởi nghĩa có, do đó mà đặt vấn đề nỗ lực nhiều.

- Đối với nam Tây Nguyên, liên khu ủy có chú trọng nhiều hơn trước nhưng vẫn chưa đúng mức.

MẤY VẤN ĐỀ ĐỀ NGHỊ TRUNG ƯƠNG XÉT

Hiện nay Liên khu V đang cố tranh thủ thời gian, duy trì sơ hở của địch để xây dựng lực lượng ta cho mạnh thêm và trong thời gian ngắn nữa còn có thể duy trì được tình hình chưa đến chỗ căng thẳng nhưng chắc thế nào địch cũng sẽ càn quét ác liệt hơn. Ở Tây Nguyên, diện khủng bố sẽ rộng hơn (như đã làm hiện nay ở Quảng Ngãi) do đó trong lúc nắm vững đường lối đấu tranh chính trị ở miền Nam, giữ thế hợp pháp chung cho phong trào ta phải dùng

những hình thức vũ trang tự vệ tích cực hơn đối với một số vùng bị khủng bố, như vậy du kích cục bộ sẽ xuất hiện. Làm như thế tình hình sẽ gay go phức tạp nhưng ta có điều kiện tồn tại và phát triển vì quân chúng rất quyết tâm và có kinh nghiệm đấu tranh tự vệ, địa thế thuận lợi; kinh tế tuy bị phụ thuộc nhưng có điều kiện sản xuất tự túc nếu ta có sự nỗ lực.

Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng
thuộc Học viện Chính trị quốc gia
Hồ Chí Minh.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ KHU ỦY
KHU TỰ TRỊ VIỆT BẮC**

Số 39-NQ/VB, ngày 9-9-1959

**Về nhiệm vụ phát triển giáo dục
trong các niên khoá 1959 và 1960**

**I- VỊ TRÍ CÔNG TÁC GIÁO DỤC CỦA KHU TA
TRONG CÁCH MẠNG HIỆN NAY**

Nhân dân các dân tộc Khu tự trị Việt Bắc đang đều cùng nhân dân toàn miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Để chủ động và tích cực phục vụ cho nhiệm vụ lịch sử to lớn đó: về chính trị, về kinh tế, về xã hội, sự nghiệp giáo dục cần phát huy và phát triển mạnh mẽ tác dụng của mình về tổ chức trường sở và nội dung giáo dục, nhằm nâng cao trình độ tư tưởng, trình độ chính trị, trình độ văn hoá và kiến thức mới cho cán bộ và đảng viên, nhân dân các dân tộc; cho công nhân, cho thanh thiếu niên các dân tộc anh em tiến kịp với đòi hỏi của tình hình hiện nay. Do đó Nghị quyết Hội nghị toàn Đảng bộ họp đầu tháng 6 năm 1959 đã ghi "nâng cao trình độ văn hoá khoa học kỹ thuật cho nhân dân các dân tộc

toàn khu giữ một địa vị quan trọng trong việc thúc đẩy sản xuất ngày càng phát triển".

Do yêu cầu trên, nhiệm vụ giáo dục toàn khu trong các niên khoá 1959 và 1960 là: *Đẩy mạnh phong trào thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hoá trong cán bộ đảng viên, công nhân, xã viên hợp tác xã và quần chúng nhân dân các dân tộc, làm cho đại bộ phận quần chúng thoát khỏi ách ngu dốt; có trình độ kiến thức tiếp thu kỹ thuật khoa học mới, đủ sức quản lý chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội; hoàn thành bộ văn chữ Tày để mở rộng thêm phong trào bình dân học vụ. Động viên các dân tộc tham gia nhiệt liệt vào sự nghiệp giáo dục phổ thông, các xóm bản đều có lớp vỡ lòng, các xã phải có trường cấp I, phát triển bình thường các trường cấp II và cấp III, coi trọng giáo dục chính trị và tư tưởng ngang với giáo dục văn hoá trong các trường cấp II và cấp III, làm cho các em có đủ đạo đức, sức khoẻ, cung cấp cho các trường chuyên nghiệp và đại học. Cố gắng mở các trường chuyên nghiệp trung cấp, chuẩn bị điều kiện mở các trường đại học đào tạo lớp trí thức mới của các dân tộc anh em trong khu.*

Dựa vào nhiệm vụ tổng quát trên đây, nhiệm vụ cụ thể của các ngành như sau:

Ngành bình dân học vụ: cán bộ phụ trách sản xuất, xã viên hợp tác xã, công nhân các công, nông trường, xí nghiệp, phải được bổ túc văn hoá nhanh chóng để ngày càng nâng cao trình độ tổ chức sản xuất, quản lý, kinh doanh và chỉ đạo kỹ thuật mới, cán bộ, công nhân viên các cơ quan, các đảng viên phải ra sức học tập văn hoá, thực hiện vừa đả vừa chuyên, thúc đẩy các công tác tiến kịp với yêu cầu khách quan của tình hình cách mạng. Toàn thể nhân dân các dân tộc trong khu phải được nhanh chóng xoá xong nạn mù chữ,

bổ túc văn hoá để góp phần tích cực vào việc hình thành và củng cố quan hệ sản xuất mới. Học tập văn hoá và bổ túc văn hoá hiện nay đã trở thành một nhu cầu khách quan cấp thiết của toàn Đảng, toàn dân trong khu.

- Ngành giáo dục phổ thông: qua một năm xây dựng nhà trường xã hội chủ nghĩa từ giáo viên đến học sinh từ thái độ học tập đến quan điểm lao động đã có những tiến bộ, quan hệ giữa nhà trường và xã hội nói chung đã được chặt chẽ, dạy và học đã bỏ được nhiều tính chất sách vở. Nhưng nhà trường phổ thông nhất là cấp II và III chưa được mở rộng rãi, nhiều trường chưa đủ phương tiện cho các em nam nữ học sinh rèn luyện. Trước tình hình và nhiệm vụ cách mạng ngày một phát triển, ngành giáo dục phổ thông phải tận lực phát triển về số lượng trường sở; đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng nội dung giảng dạy. Trường cấp III phải được phát triển để kịp thời cung cấp đủ sinh viên các dân tộc cho các trường đại học và chuyên nghiệp. Đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật chuyên nghiệp, lớp trí thức mới của các dân tộc thiếu số anh em, đảm bảo cán bộ kiến thiết khu tự trị hiện nay và tương lai cho Nhà nước. Rồi đây bước vào cao trào cách mạng xã hội chủ nghĩa, các mặt công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, giao thông vận tải trong khu phát triển, sẽ đòi hỏi nhiều nhân viên cán bộ khoa học và kỹ thuật. Ngay từ bây giờ các trường phổ thông nhất là cấp II, III phải coi trọng lãnh đạo giáo dục học tập cả về văn hoá, chính trị, tư tưởng, nó là mấu chốt đào tạo các loại chuyên gia, từng lớp trí thức mới tương lai của các dân tộc. Chú ý xây dựng và lãnh đạo các trường chuyên nghiệp, trường bổ túc công nông, các trường phổ thông lao động, v.v.. Ra sức động viên và giúp

đỡ nhân dân các dân tộc mở các lớp vỡ lòng rộng khắp, mở các trường dân lập cấp I, II ở những nơi có điều kiện.

II- TÌNH HÌNH GIÁO DỤC TRONG KHU TRONG MẤY NĂM QUA

So với trước cách mạng, phong trào giáo dục tiến bộ một trời một vực. Thời Pháp - Nhật thuộc toàn khu có một trường cấp II, có trên dưới 200 trường cấp I với ...¹⁾ học sinh, có tới hơn 90% dân số mù chữ. Sau Cách mạng Tháng Tám và đến nay ta đã thanh toán cho 38 vạn người thoát nạn mù chữ. Tỷ lệ mù chữ trong khu hiện còn khoảng 30%. Dân số hai thị xã, năm thị trấn và 51 xã đã xoá xong mù chữ về căn bản, có những thôn xóm vùng cao trước không có ai biết chữ nay đã thanh toán xong như đồng bào Mèo xóm Roong Cải (Cao Bằng), đồng bào Mán xóm Đèo De (Thái Nguyên), v.v..

Phong trào bổ túc văn hoá cũng được đẩy mạnh, kể từ hoà bình lập lại đến nay đã có 7 vạn cán bộ và nhân dân được bổ túc lớp 1 đến lớp 6. Trong 3 năm 1956 - 1958 các trường văn hoá miền núi đã dạy được 2.516 cán bộ xã và thanh niên vùng cao biết chữ và học hết lớp 1.

Các trường phổ thông cũng phát triển nhanh chóng: 2.648 lớp vỡ lòng với trên 5 vạn học sinh, 738 trường cấp I với 60.226 học sinh, 31 trường cấp II với 6.606 học sinh và 3 trường cấp III với 685 học sinh. Trong khu còn 63 xã chưa có trường cấp I, bảy huyện thiếu trường cấp II và ba tỉnh cần mở trường cấp III, từ vỡ lòng đến cấp III, niên học 1958 -

1) Có một đoạn mất chữ chúng tôi không đọc được (B.T).

1959 toàn khu có 13 vạn học sinh, so với dân số cứ 100 người có 11 người đi học là con em các dân tộc.

Thành tích trên đây nói lên chính sách của Đảng và Chính phủ rất đúng đắn, hết sức chăm lo đến quyền lợi các dân tộc, nhân dân các dân tộc sẵn có tinh thần ham học, Đảng bộ và chính quyền khu ta có nhiều cố gắng lãnh đạo động viên tổ chức các dân tộc đi học và đi dạy. Nhưng hiện nay so với yêu cầu cách mạng còn đòi hỏi nhiều, chúng ta phải cố gắng hơn nữa, khắc phục những thiếu sót đã mắc:

- Ý thức học tập và giáo dục của cán bộ và quần chúng ở một số nơi chưa được nâng cao, có người chưa được động viên giúp đỡ khắc phục khó khăn để đi học và cho con em đi học, phong trào bình dân học vụ chưa mạnh và chưa đều, vẫn còn một số xã trắng, có nơi, có trường, có lớp, có thầy lại không có học sinh, nhất là ở vùng cao nơi cơ sở yếu.

- Cán bộ, giáo viên chưa thật quán triệt đường lối chính sách, phương châm giáo dục nên chưa đi đúng đường lối quần chúng dựa vào quần chúng động viên để phát triển phong trào, rất ít các hình thức học tập, phương pháp giảng dạy sát hợp với hoàn cảnh, đời sống, trình độ của nhân dân các dân tộc, làm cho quần chúng thiết tha phấn khởi học tập, còn có cán bộ, giáo viên chưa thấy hết sự nghiệp giáo dục là vinh quang của mình còn lo lắng, đắn đo suy bì, chưa thật tích cực an tâm công tác.

- Các cấp uỷ đảng và chính quyền lãnh đạo giáo dục chưa chặt chẽ, chưa toàn diện và chưa thiết thực giúp đỡ đôn đốc kiểm tra theo dõi động viên cán bộ, giáo viên, trường sở. Nội dung giảng dạy phong trào học tập, nhất là chưa có kế hoạch phối hợp công tác giáo dục với công tác trung tâm và các công tác khác, thường là khoán trắng cho Ty Giáo dục, Ban cán sự

giáo dục coi nhẹ việc giáo dục chính trị trong các trường phổ thông cấp II, III. Không xem xét việc tuyển lựa giáo viên, kỹ sư tâm hồn của chế độ, tuyển lựa học sinh nhất là các học sinh vào các trường trung cao cấp chuyên nghiệp và đại học.

Nguyên nhân chính của những khuyết điểm trên là do các cấp uỷ đảng, chính quyền và chuyên môn chưa nhận thức được đầy đủ vị trí của công tác giáo dục trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện tại. Để thiết thực và tích cực lãnh đạo cán bộ, giáo viên và nhân dân phát triển mạnh mẽ ngành giáo dục phổ thông và bình dân học vụ.

III- KẾ HOẠCH VÀ CHỈ TIÊU GIÁO DỤC CÁC NĂM 1959 VÀ 1960

Để phục vụ yêu cầu cách mạng và căn cứ vào tình hình giáo dục, Đảng bộ khu ta phải hoàn thành kế hoạch giáo dục sau đây trong các niên khoá 1959 và 1960.

Trên cơ sở phương châm: *giáo dục phục vụ chính trị và kết hợp với lao động sản xuất, tận lực phát triển giáo dục toàn diện; đồng thời có kế hoạch đề cao chất lượng coi thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hoá là nhiệm vụ hàng đầu và cấp thiết. Đối với vùng cao phải có biện pháp thật tích cực để đẩy mạnh phong trào, hoàn thành và phát triển bộ văn chữ Tày - Nùng để mở rộng phong trào bình dân học vụ được thuận lợi hơn.*

Chỉ tiêu cụ thể hai năm 1959 - 1960:

A- Bình dân học vụ:

1. *Thanh toán nạn mù chữ:* Hoàn thành thanh toán nạn mù chữ ở vùng đồng bào biết tiếng phổ thông cho lứa tuổi từ

12 đến 50 (đồng bào Kinh ở tất cả các địa phương và Tày - Nùng ở thị xã, thị trấn) và từ 12 đến 45 tuổi cho tất cả các dân tộc thiểu số.

Ở các xã vùng cao: Thanh toán nạn mù chữ cho toàn thể cán bộ xã, xóm, xã viên hợp tác xã và một số nam nữ thanh niên, năm 1959 sẽ rút kinh nghiệm dạy bằng chữ Tày - Nùng để đến 1960 thanh toán nạn mù chữ bằng chữ đó ở những vùng dân tộc Tày - Nùng chưa nói được tiếng phổ thông và những nơi đồng bào dân tộc thiểu số khác có điều kiện chuẩn bị điều kiện giảng dạy chữ Tày - Nùng cho trẻ em ở một số xã.

2. *Bổ túc văn hoá:*

- Công nhân: Đại bộ phận công nhân chuyên nghiệp cần học hết cấp I, một số học hết lớp 2, 3, một số ưu tú đi học trường bổ túc văn hoá công nông để có đủ trình độ theo học chuyên nghiệp và đại học.

- Nông dân: Bốn loại cán bộ chủ chốt của xã (chánh phó chủ tịch UBHC, bí thư và phó bí thư chi bộ) cán bộ phụ trách bình dân học vụ, cán bộ chủ chốt của hợp tác xã (chủ nhiệm, uỷ viên kỹ thuật, kế toán), cố gắng học xong cấp I (các hợp tác xã thành lập từ đầu năm 1959), còn các cán bộ khác ở xã và nam nữ thanh niên ở vùng thấp học xong lớp 2, 3, nông dân trong hợp tác xã và đại bộ phận nam nữ thanh niên ở vùng cao học xong lớp 1.

- Cán bộ trong biên chế: cán bộ chỉ đạo đại bộ phận học hết cấp II, các cán bộ và nhân viên khác tuyệt đại bộ phận học xong cấp I, nhưng cán bộ và công nhân viên hiện đã có trình độ cấp I, thì phải học xong lớp 5, có trình độ cấp II thì phải học hết lớp 8.

Có kế hoạch học tập văn hoá cho cán bộ lâu năm, cán bộ già được thích hợp, nhằm nâng cao trình độ và tác dụng của cán bộ cốt cán của Đảng và Nhà nước.

B- Giáo dục phổ thông:

1. *Phổ cập cấp I*: Năm 1960 - 1961 phổ cập vỡ lòng ở vùng ruộng tiến tới 1961 - 1962 phổ cập cấp I, đối với vùng cao 1960 - 1961 thanh toán nạn mù chữ tiến tới 1964 - 1965 phổ cập cấp I.

2. *Phát triển mạnh cấp II, III*: Năm 1959 - 1960 và 1960-1961, đảm bảo 50% học sinh lớp 4 lên lớp 5 và phát triển tự nhiên các lớp 6, 7.

Năm 1959 - 1960 và 1960 - 1961 đảm bảo 50% học sinh lớp 7 lên lớp 8 và phát triển tự nhiên lớp 9 và 10.

Hết năm 1960 tất cả các huyện đều có trường cấp II, mỗi tỉnh có một trường cấp III. Riêng Hà Giang cần có sự nỗ lực phát triển phong trào, tạo điều kiện có thể tới 1961 tất cả các huyện có trường cấp II và trường cấp III ở tỉnh.

Phải chú ý tuyển lựa các con em các dân tộc lên các lớp trên nhất là các nữ sinh, hiện nay tỷ lệ nữ sinh quá ít nhất là cấp III phải thanh toán tình trạng này trong thời gian ngắn.

3. Đi đôi với sự phát triển về số lượng, cần có biện pháp tích cực nâng cao chất lượng nội dung giảng dạy nhằm cho học sinh được giáo dục toàn diện.

IV- MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHÍNH ĐỂ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỐI VỚI GIÁO DỤC

A- Về bình dân học vụ:

1. Biện pháp chủ yếu phải thiết thực tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền và chuyên môn ở các cấp tỉnh, huyện, xã: cấp uỷ đảng và chính quyền phải chủ

động lãnh đạo chuyên môn lập kế hoạch thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hoá có đại diện của cấp uỷ, uỷ ban phụ trách lãnh đạo thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hoá ở các cấp. Trong công tác lãnh đạo phải chú trọng kết hợp phong trào bình dân học vụ với công tác trung tâm và các công tác khác, dựa vào công tác trung tâm để đẩy mạnh phong trào bình dân học vụ, hết sức tránh trong khi thi hành công tác trung tâm coi nhẹ các công tác khác nhất là công tác giáo dục.

- Phát huy các hình thức học tập. Mỗi tỉnh mở một trường phổ thông lao động cấp I để từ nay đến hết 1959 cố gắng mở được một khoá.

Mỗi huyện hay liên huyện mở một trường văn hoá tập trung cho cán bộ chủ chốt ở xã, ở hợp tác xã và các loại cán bộ cùng một số thanh niên còn triển vọng ở vùng cao.

Đối với những cán bộ xã, xóm không đi học thoát ly, tổ chức học tập trung ở xã mỗi tuần lễ hai buổi, tỉnh, huyện tránh không nên triệu tập vào những buổi này: cán bộ chỉ đạo, các cấp khu, tỉnh, huyện học tập trung hai buổi vào giờ chính quyền, các cán bộ lưu động: một tháng học 2, 3 ngày tập trung vào giờ chính quyền.

2. Đối với vùng cao: kiên quyết cử hàng loạt giáo viên xung phong lên dạy bình dân học vụ và vỡ lòng, các lớp phổ thông, giúp đỡ giấy bút cho những người thiếu thốn và các trẻ em đi học.

B- Về giáo dục phổ thông:

1.¹⁾ Thực hiện phân cấp quản lý các trường cấp III thuộc

1) Trong tài liệu không có mục 2 (B.T).

tỉnh lãnh đạo, cấp II thuộc huyện, cấp I thuộc xã, đồng thời các trường các cấp chịu sự lãnh đạo về nghiệp vụ của cơ quan giáo dục tỉnh, các cấp uỷ đảng và chính quyền cần thường xuyên liên hệ chặt chẽ với các trường để tìm hiểu và giúp đỡ giảng dạy về tư tưởng, học tập chính sách, giúp đỡ phương tiện để xây dựng trường sở, để kết hợp lao động với sản xuất. Ban cán sự giáo dục khu phối hợp với Tỉnh uỷ Thái Nguyên rút kinh nghiệm về việc triển lãm trường Lương Ngọc Quyến để mở rộng quan hệ nhà trường với xã hội phổ biến trong khu.

- Mỗi tỉnh mở một trường thiếu nhi vùng cao, các huyện, xã như Bảo Lạc (Cao Bằng), Na Hang (Tuyên Quang), Đồng Văn (Hà Giang) nên mở riêng một trường. Các tỉnh uỷ, huyện uỷ phải thấy trách nhiệm của mình trước các dân tộc thiểu số anh em trong cách mạng xã hội chủ nghĩa mà lãnh đạo công tác giáo dục.

- Có kế hoạch thiết thực khuyến khích học sinh các dân tộc thiểu số học lên cấp II, III nhất là các nữ sinh các dân tộc, cần mở các ký túc xá, cấp học bổng cho học sinh nghèo, giúp đỡ giấy bút, phụ đạo thêm giờ, v.v..

- Đối với giáo viên cần có sự quan tâm lãnh đạo đúng mức, đi đôi với việc bồi dưỡng về nghiệp vụ, phải tăng cường bồi dưỡng về chính trị và tư tưởng, không ngừng nâng cao lập trường quan điểm đạo đức cách mạng, vì chính họ là những người đang đào tạo những thế hệ tương lai của dân tộc, kiên quyết đấu tranh những tư tưởng còn lạc hậu, còn ở một ít trong hàng ngũ giáo viên, làm cho nhà trường phát triển được lành mạnh vững chắc.

- Các cấp uỷ tỉnh, huyện phải quan tâm đầy đủ đến

việc gây cơ sở, xây dựng và củng cố chi bộ trong các trường cấp II, III, củng cố hạt nhân lãnh đạo phong trào xây dựng nhà trường xã hội chủ nghĩa.

Sự nghiệp và nhiệm vụ giáo dục của khu ta rất lớn trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, các cấp uỷ phải nâng cao nhận thức của mình đối với công tác giáo dục, trong thời gian qua để làm cho sự nghiệp giáo dục đáp ứng được nhu cầu của cách mạng và phục vụ được đòi hỏi tiến lên của các dân tộc thiểu số anh em.

T/M BTV KHU ỦY TT VIỆT BẮC
PHÓ BÍ THƯ
HOÀNG VĂN KIỂU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN THƯỜNG VỤ KHU ỦY TÂY BẮC

Số 3-NQ/TB, ngày 27-4-1959

Về công tác phát triển củng cố Đảng và đào tạo bồi dưỡng cán bộ năm 1959

Để đảm bảo thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, trước hết là trong khu ta, Nghị quyết *Về tình hình và nhiệm vụ của Hội nghị toàn Đảng bộ khu Tây Bắc lần thứ nhất* đã đề ra cho toàn Đảng những phương châm nhiệm vụ về công tác phát triển củng cố Đảng, và đào tạo bồi dưỡng cán bộ trong những năm tới (59 - 60) như sau:

Trong toàn bộ nhiệm vụ củng cố và xây dựng các tổ chức, *nhiệm vụ xây dựng Đảng là nhiệm vụ trung tâm*. Đặt vấn đề như vậy là vì trong hệ thống chuyên chính của giai cấp vô sản, Đảng là người lãnh đạo, có xây dựng Đảng vững mạnh mới có điều kiện xây dựng các tổ chức khác, và hướng dẫn mỗi hoạt động của các tổ chức vào việc thực hiện nhiệm vụ cách mạng chung. Khu ta trong quá trình đấu tranh cách mạng trong kháng chiến, cũng như trong hoà bình, quần chúng nhiều nơi đã được giáo dục thủ thách và dần dần trưởng thành, chúng ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát

triển nhưng hiện nay cơ sở đảng còn nhỏ bé, công tác củng cố phát triển đảng chưa theo kịp với yêu cầu của cách mạng, đội ngũ cán bộ chưa được thật rộng rãi vững mạnh, nhất là cán bộ thuộc dân tộc nhỏ còn quá ít, chất lượng nói chung còn yếu nên đã phần nào hạn chế khả năng phát triển của phong trào. Vì vậy vấn đề xây dựng Đảng đối với khu ta càng có ý nghĩa rất quan trọng và cần thiết.

- Về phát triển củng cố Đảng: trong những năm tới nhiệm vụ xây dựng Đảng trong khu phải lấy việc *phát triển đảng viên mới là chủ yếu đồng thời phải tích cực củng cố và phát triển những cơ sở cũ* với phương châm "Tích cực khẩn trương nhưng phải "Thận trọng, chắc chắn".

- Đến cuối năm 60 cố gắng đạt tới mức: toàn bộ các xã vùng thấp và từ 80 đến 90% số xã vùng cao đều có cơ sở đảng, đồng thời chú ý phát triển đúng mức ở các cơ quan với tỷ lệ từ 22% hiện nay lên 32% năm 59 và trên 40% năm 60, nhưng hướng phát triển chủ yếu vẫn là ở nông thôn.

Đi đôi với nhiệm vụ tuyên truyền phát triển phải tích cực củng cố cơ sở đảng. Trong công tác củng cố phải lấy việc *giáo dục nâng cao trình độ đảng viên làm nội dung chính* nhằm bồi dưỡng về tư tưởng lập trường tác phong cho đảng viên, chủ yếu là nâng cao tinh thần chiến đấu cách mạng, dũng cảm lao động, đi sát lãnh đạo quần chúng, luôn luôn có ý thức và trau dồi đạo đức tác phong tốt của người đảng viên, ở nông thôn cần nhấn mạnh khắc phục đầu óc tư hữu, bảo thủ, tự ti, ở cơ quan thì khắc phục tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, tác phong quan liêu xa rời quần chúng thiếu tinh thần trách nhiệm, vô kỷ luật. Trong những năm tới các châu cần hết sức đẩy mạnh công tác huấn luyện, đảm bảo các đảng viên cũ,

mới đều được qua huấn luyện một lần, đảng viên mới kết nạp đến đâu huấn luyện ngay đến đó.

Việc củng cố chi bộ cần xác định được những chi bộ thuộc loại khá, trung bình và kém để có kế hoạch bồi dưỡng cụ thể từng bước đối với từng loại, đẩy mạnh phê bình tự phê bình, cải tiến phương pháp làm việc và nề nếp sinh hoạt, hướng sinh hoạt của chi bộ đi vào nội dung chính trị là chủ yếu, bao gồm tính chất lãnh đạo, giáo dục và đấu tranh. Đối với chi bộ sẵn có cần ra sức củng cố tiến tới cuối năm 1960 chuyển được hết các chi bộ loại kém lên loại khá. Đối với những chi bộ mới cần có kế hoạch bồi dưỡng nguyên tắc sinh hoạt của Đảng, phương pháp lãnh đạo cụ thể của chi bộ, lề lối làm việc, quan hệ với các tổ chức chính quyền và đoàn thể, làm cho chi bộ ngay từ đầu giữ vững được vị trí của mình là nòng cốt lãnh đạo phong trào địa phương.

- Về đào tạo và bồi dưỡng cán bộ: Vấn đề cán bộ là mấu chốt quyết định sự thực hiện mọi công tác của Đảng. Khu ta số lượng và chất lượng cán bộ nói chung chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác phát triển ngày một rộng lớn, cho nên cần phải hết sức đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ với phương châm: *Bồi dưỡng thật nhiều và rộng rãi, mạnh dạn đề bạt và sử dụng cán bộ dân tộc*.

Đào tạo và bồi dưỡng: Trong công tác đào tạo và bồi dưỡng phải nắm phương châm: bồi dưỡng thật nhiều và rộng rãi, đồng thời phải quán triệt đường lối cán bộ của Đảng, lấy công nông làm nền tảng. Đối với khu ta phải chú ý đầy đủ nhiệm vụ đào tạo và đào tạo cán bộ địa phương và cán bộ dân tộc ít người, điều đó hoàn toàn đúng vì nếu không đào tạo được thật nhiều cán bộ địa phương thì khó có thể làm cho mọi đường lối chính sách của Đảng được thấu suốt trong

quần chúng nhân dân các dân tộc, nhưng như thế *không có nghĩa là coi nhẹ cán bộ Kinh và cán bộ nơi khác đến*, vì cán bộ Kinh và cán bộ nơi khác tới là vốn rất quý có tác dụng quan trọng trong việc xây dựng khu tự trị, làm cho phong trào địa phương mau trưởng thành.

Trong thời gian tới *hướng đào tạo chủ yếu nhằm đào tạo cán bộ dân tộc địa phương, nhất là dân tộc ít người, chú ý cấp xã và châu, đồng thời chú trọng đào tạo các cán bộ nơi khác tới, đặc biệt đào tạo hàng loạt cán bộ đối công hợp tác để phục vụ yêu cầu hợp tác hoá nông nghiệp và đào tạo nhiều cán bộ kỹ thuật để phục vụ cho nhu cầu kiến thiết ngày càng tăng*. Tới hết năm 1960 phải đạt tới mức đào tạo trên 4.000 cán bộ xã, đảm bảo cho mỗi xã vùng thấp có từ 10 cán bộ trở lên, mỗi xã vùng cao có từ 7 cán bộ trở lên có thể đảm nhiệm được cương vị lãnh đạo các tổ chức các ngành ở xã, ngoài ra nâng cao trình độ từ cán bộ xã lên cán bộ huyện được khoảng 200 người.

Đi đôi với việc bồi dưỡng chính trị, văn hoá, chuyên môn cho cán bộ, cần chú trọng việc bồi dưỡng vật chất bảo đảm quyền lợi của cán bộ trên cơ sở chính sách đãi ngộ chung của Đảng, giải quyết tốt các vấn đề như: lương bạc, khen thưởng, nghỉ phép... đồng thời chú ý giúp đỡ anh em giải quyết những khó khăn về đời tư, như đối với cán bộ nơi khác đến thì giúp đỡ đem gia đình lên làm ăn sinh sống, đối cán bộ địa phương nhất là cán bộ xã thì giúp đỡ cho anh em có điều kiện chăm lo cải thiện đời sống gia đình của mình.

(Trên đây là những phương châm nhiệm vụ lớn của công tác tổ chức xây dựng Đảng trong những năm tới (59 - 60) trích theo Nghị quyết Hội nghị toàn Đảng bộ khu lần thứ nhất đã đề ra).

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN CUNG CỐ ĐẢNG VÀ ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG CÁN BỘ NĂM 59

Để thực hiện phương châm nhiệm vụ chung của ba năm đã đề ra, căn cứ vào tình hình cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ hiện nay trong khu, công tác phát triển củng cố Đảng và đào tạo cán bộ năm 1959 phải làm được mấy việc chính như sau:

1. Phát triển đảng kiến lập chi bộ ở hết các xã đồng bằng, biên giới, và 1/3 xã vùng cao chưa có chi bộ trong toàn khu. Còn những xã khác xét chưa có đủ điều kiện kiến lập chi bộ trong năm 59 thì phải tích cực tạo điều kiện để sang cuối năm 60 có thể phát triển tổ chức chi bộ được hết các xã toàn khu.

2. Ra sức củng cố chi bộ hiện có, nhất là một số chi bộ cũ còn kém nát, và số chi bộ mới tổ chức năm 1957 - 1958, để cuối năm 59 đưa được hết các chi bộ trung bình hiện nay lên chi bộ khá, các chi bộ kém, nát lên chi bộ trung bình.

3. Tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, khả năng công tác cho cán bộ đảng viên tiến lên một bước, chủ yếu là nâng cao về tư tưởng, lập trường giai cấp, về giác ngộ cách mạng xã hội chủ nghĩa, chống những tư tưởng sai lầm: cá nhân chủ nghĩa, bảo thủ, ngại khó, v.v. không phù hợp với lợi ích của cách mạng, do đó mà nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ và ra sức đào tạo hàng loạt cán bộ mới, mạnh dạn cất nhắc sử dụng những cán bộ nhất là cán bộ mới xuất hiện trong đấu tranh, lao động, sản xuất, v.v. chú ý những cán bộ thuộc các dân tộc địa phương và cán bộ cơ sở.

4. Thi hành chỉ thị, nghị quyết của Trung ương tiến hành việc kiện toàn tổ chức, điều chỉnh cán bộ, chấn chỉnh lề lối

làm việc trong toàn khu, chủ yếu là tăng cường cấp xã, các cấp ủy đảng, ủy ban các cấp và một số ngành thuộc kinh tế tài chính còn quá yếu ở khu, châu, cải tiến lề lối làm việc, tăng cường hiệu suất công tác chống quan liêu lãng phí, giấy tờ.

5. Kiên quyết tăng cường các cơ quan tổ chức đảng, chính quyền ở khu, châu và các ngành để có đủ khả năng giúp các cấp ủy đảng làm tròn trách nhiệm trong công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ củng cố xây dựng Đảng của năm 59 đã đề ra.

NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU CỤ THỂ

A- Công tác cụ thể

Căn cứ vào tình hình nhiệm vụ công tác ngày càng phát triển to lớn, đòi hỏi phải có một đội ngũ cán bộ vững mạnh mới đảm bảo được nhiệm vụ trong giai đoạn quá độ tiến lên xã hội chủ nghĩa.

Căn cứ vào kết quả công tác cán bộ năm 58 đã làm và tình hình cán bộ của khu hiện nay số lượng còn thiếu, chất lượng nói chung là rất non yếu, các cơ quan lãnh đạo chưa được kiện toàn vững chắc nhất là cấp xã.

Để đảm bảo kế hoạch ba năm và năm 59, đảm bảo thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng, làm cho mọi ngành mọi mặt tiến lên một cách vững chắc, nhiệm vụ đào tạo cán bộ trong kế hoạch ba năm là:

“Ra sức đào tạo bồi dưỡng cán bộ, nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, tư tưởng, lập trường giai cấp và ý chí chiến đấu cho toàn thể cán bộ đảng viên, nhằm đoàn kết phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội. Về đào tạo chủ yếu là cán bộ

địa phương, cán bộ dân tộc nhỏ và cán bộ cơ sở (cán bộ xã) cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật.

Với phương châm:

Kiên quyết bồi dưỡng đào tạo thật nhiều và rộng rãi, mạnh dạn đề bạt sử dụng cán bộ nói chung, chú ý cán bộ địa phương, cán bộ dân tộc nhỏ.

Vậy công tác cán bộ năm 1959 cần làm mấy việc chính sau đây:

a) *Bồi dưỡng tại chức và trong công tác thực tế:*

Công tác bồi dưỡng cán bộ phương pháp chủ yếu là phải lấy việc bồi dưỡng trong công tác thực tế làm chính, qua việc chấp hành các chính sách lớn của Đảng, Chính phủ, trên cương vị công tác của mọi cán bộ đảng viên hàng ngày để giáo dục bồi dưỡng nâng cao tư tưởng lập trường giai cấp, tác phong và khả năng công tác cho mỗi cán bộ, đảng viên, muốn thế phải giữ vững chế độ sinh hoạt dân chủ tập thể ở các ngành, các cấp cho đều, phân công giao cho cán bộ một việc gì phải làm cho cán bộ thông suốt chủ trương đường lối và có biện pháp cụ thể, khi cán bộ thực hiện phải chú trọng động viên khuyến khích tinh thần tự động, sáng tạo của cán bộ, phải kiểm tra đôn đốc giúp đỡ kịp thời những khó khăn, lúng túng, sau khi làm xong một việc lớn hay từng thời gian nhất định phải có kiểm điểm ưu khuyết điểm, kết quả công tác, việc nào mặt nào ưu điểm của cán bộ phải động viên khen thưởng khuyến khích để phát triển, mặt nào sai lầm thiếu sót phải phân tích sâu sắc đề lên nguyên tắc, tư tưởng lập trường, tác phong. Đối với cán bộ địa phương nhất là cán bộ dân tộc nhỏ việc bồi dưỡng sử dụng phải hết sức kiên nhẫn, đi từ thấp đến cao, từ dễ đến khó tránh nôn nóng đòi hỏi quá cao.

Việc bồi dưỡng cán bộ trong thực tế công tác, cần thực hiện phương pháp bồi dưỡng cá biệt từng người, phân công (bao thầu) ở tất cả các cấp, các ngành, cán bộ trên bồi dưỡng cán bộ dưới, khá bồi dưỡng kém, mỗi cán bộ đều phải chịu trách nhiệm bồi dưỡng 1, 2 cán bộ khác trong cùng cấp cùng ngành cùng cơ quan và cùng bộ phận để hằng ngày đi sát học hỏi giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Muốn thực hiện phương pháp bồi dưỡng cá biệt được tốt, các cấp phải giao trách nhiệm cho rõ ràng từng cán bộ lãnh đạo ở các cơ quan các ngành và có kiểm tra đôn đốc ai làm tốt thì khen, ai không làm hay làm không tốt thì giúp đỡ và phê bình để nâng cao ý thức trách nhiệm cho mỗi cán bộ đảng viên nhất là (cán bộ lãnh đạo) đều phải có nhiệm vụ bồi dưỡng đào tạo cán bộ ngay trong ngành trong địa phương.

b) *Bồi dưỡng tại lớp:*

Về chính trị:

Tăng cường lãnh đạo chặt chẽ việc học tập tại chức ở khu và châu, đi vào nề nếp thường xuyên. Mỗi khi có nghị quyết hay vấn đề mới phải học tập thì đảm bảo cho tất cả cán bộ công nhân viên đều được học tập. Vấn đề học tập phải lấy việc học tại chức là chính, còn đi học các lớp tập trung hàng năm chỉ giải quyết được một số rất ít.

Thi hành chủ trương của Trung ương, trường đảng khu tổ chức chính huấn ngắn hạn cho hết số cán bộ sơ cấp và có trình độ tương đương sơ cấp ở châu và khu, mở một lớp chi ủy ở nông thôn cho một số châu vì điều kiện quá ít chi bộ không đủ điều kiện mở lớp riêng.

Trường dân tộc khu sẽ thống nhất lại làm một với trường (Quang Trung) là một phân hiệu của trường (Quang Trung)

và cũng sẽ tổ chức chỉnh huấn ngắn hạn cho một số cán bộ các dân tộc trình độ cơ sở công tác ở các châu các ngành quanh khu.

Các châu huấn luyện bồi dưỡng ngắn hạn cho 4.000 cán bộ xã, ban và đảng viên ở nông thôn.

Cử đi học Trung ương, lớp Nguyễn Ái Quốc phân hiệu 1, 18 tháng 12 đồng chí và lớp ngắn hạn 4 tháng 30 đồng chí.

Về văn hóa:

Thực hiện chỉ thị của Trung ương, đẩy mạnh việc học tập văn hóa tại chức của cán bộ, đảm bảo mỗi năm lên một lớp (kể cả khu và châu), cung cấp cho mỗi châu từ 1 đến 2 giáo viên chuyên trách dạy văn hóa cho cán bộ của châu. Trường phổ thông lao động Mường La của khu đảm bảo dạy cho 150 học sinh (kể cả cấp I, cấp II), đối tượng từ trường phổ thông, bí thư giỏi, uỷ ban, ban cán sự và châu uỷ trở lên.

12 trường văn hóa vùng cao ở các châu mở cho cán bộ dân tộc ít người, cần tăng cường lãnh đạo chặt chẽ, đảm bảo 861 học sinh được học trong năm 59.

Về chuyên môn:

Các ngành cần tích cực bồi dưỡng cho cán bộ về chuyên môn nghiệp vụ bằng hội nghị, mở lớp ở khu và lựa chọn một số cán bộ đi học các lớp của Trung ương, để đào tạo cán bộ kỹ thuật kịp đáp ứng cho nhu cầu công tác trước mắt và lâu dài, nhất là cán bộ cho phong trào đổi công hợp tác, cán bộ kinh tế tài chính, v.v. chú ý mạnh dạn cử cán bộ địa phương đi học các lớp chuyên môn đào tạo lâu dài cho phong trào sau này.

2. Đào tạo¹⁾:

Trong năm 59 đào tạo bồi dưỡng 132 cán bộ từ trình độ cơ sở lên trình độ sơ cấp để bổ sung các ngành công tác cần

1) Tài liệu không có mục 1 (B.T).

thiết, cụ thể mỗi châu đào tạo bồi dưỡng ít nhất là 4 đồng chí, mỗi ngành quanh khu 3 đồng chí để đến cuối năm 59 có được 132 cán bộ từ cơ sở nhắc lên trình độ cán bộ sơ cấp.

Biện pháp đào tạo trước hết các cấp các ngành phải nắm vững số cán bộ có triển vọng để giao công tác phân công bồi dưỡng trong thực tế, cử đi học các lớp chính trị, văn hóa do khu và Trung ương mở.

Trong công tác đào tạo cán bộ cần nắm vững đường lối giáo dục giai cấp của Đảng là: *Đào tạo bồi dưỡng cán bộ công nông, giáo dục cải tạo cán bộ trí thức*, đối với cán bộ các dân tộc nhỏ, các địa phương cần căn cứ vào cụ thể mà có tỷ lệ đào tạo cho thích đáng.

Về cán bộ xã toàn khu phải đào tạo bồi dưỡng được 2.911 cán bộ xã để đảm bảo cho mỗi xã vùng cao, biên giới có 7 cán bộ (cả cũ mới) mỗi xã đồng bằng có 10 cán bộ (cả cũ mới) trừ 47 xã đã có chi bộ cũ từ 5 đảng viên trở lên. Các địa phương phải tổ chức quản lý chặt chẽ số cán bộ xã hiện có để tiếp tục bồi dưỡng nâng cao và ra sức đào tạo số còn thiếu để cuối năm 59 có đủ mỗi xã từ 7 đến 10 cán bộ, với điều kiện biết cách làm việc tự đảm nhiệm được một ngành công tác của xã, biết căn cứ vào chỉ thị, nghị quyết chủ trương và sự hướng dẫn của trên, của chi bộ xã để tổ chức vận động lãnh đạo quần chúng thực hiện có kết quả tốt, biết phát hiện tình hình báo cáo phản ánh lên cấp trên trong khi làm và sau khi làm.

3. Một số vấn đề về chính sách cán bộ:

Đi đôi với việc giáo dục nâng cao tư tưởng lập trường, ý thức trách nhiệm, tinh thần an tâm phấn khởi công tác của cán bộ đảng viên, việc chấp hành cụ thể những vấn đề về chính sách cán bộ phải được hết sức coi trọng. Các cấp ủy địa

phương, các đồng chí phụ trách các ngành phải luôn quan tâm kiểm tra đôn đốc việc thực hiện những chính sách đã có, và tích cực giải quyết cụ thể những vấn đề xét có thể giải quyết được mà không sai trái với chính sách chung. Cần có biện pháp giải quyết một số vấn đề chung còn tồn tại hiện nay như sau:

- Những vấn đề gì đã có chủ trương chính sách nói, thì các cấp, các ngành phải tích cực thi hành cho đầy đủ như: chế độ nghỉ phép hàng năm, cán bộ nào ốm cần phải cho đi điều dưỡng thì cương quyết thu xếp cho đi. Cá biệt đồng chí nào xét quá ốm yếu thật không đủ sức khỏe ở Tây Bắc thì cương quyết đề nghị cho thay đổi các đồng chí đó về xuôi công tác.

- Vấn đề lương bậc hiện nay còn một số thắc mắc (cao thấp) khi nào có chủ trương chung của Trung ương về việc điều chỉnh, sẽ xét cụ thể trường hợp nào thắc mắc (cao thấp) mà chính xác cần phải điều chỉnh thì có kế hoạch điều chỉnh cho đúng, trường hợp nào thắc mắc xét không đúng thì giải thích cho cán bộ đó rõ.

- Việc làm nhà điều dưỡng cho cán bộ đã đề ra cần có kế hoạch xúc tiến để có nơi điều dưỡng cho cán bộ khi ốm yếu nghỉ ngơi (địa điểm nhà điều dưỡng cán bộ làm ở Mường La).

- Vấn đề giúp đỡ cán bộ có gia đình lên để an tâm công tác, cần có kế hoạch cụ thể để giải quyết với tinh thần lấy sản xuất làm gốc, tự lực cánh sinh là chính, Đảng và Chính phủ chỉ giúp đỡ phần nào xét thấy cần thiết. Tránh tình trạng đem lên không có kế sinh sống một thời gian lại phải quay về, như vậy sẽ ảnh hưởng đến tư tưởng cán bộ kém an tâm phấn khởi công tác.

- Ngoài ra còn một số vấn đề khác nữa đã có báo cáo đề nghị với Trung ương xét và giải quyết như: việc phụ cấp khu

vực cho một số cháu miền Bắc và Thủ phủ của khu chưa hợp lý, việc nghỉ phép hàng năm của cán bộ cần nhiều ngày hơn (20 ngày) vấn đề phụ cấp công tác phí, vấn đề khen thưởng cán bộ có thành tích trong kháng chiến, v.v. những vấn đề trên cần giải thích cho cán bộ, trường hợp Trung ương xét và giải quyết rõ ràng thì không kể, nhưng nếu Trung ương xét chậm hoặc không giải quyết cũng không vì thế mà ảnh hưởng đến tư tưởng và công tác.

B- Kiện toàn tổ chức điều chỉnh cán bộ, chấn chỉnh biên chế và cải tiến lề lối làm việc

Thi hành chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về kiện toàn tổ chức, điều chỉnh cán bộ, chấn chỉnh biên chế và cải tiến lề lối làm việc, thực hiện vấn đề này trong khu ta, khu ủy đã có nghị quyết riêng (về kiện toàn tổ chức...) nhưng trong khi chỉ đạo thực hiện cần nắm vững phương châm: phải chắc chắn, thận trọng tiến hành từng bước, nhưng phải tích cực mạnh dạn, và hướng chủ yếu là *kiện toàn củng cố cơ sở (cấp xã)* và cải tiến lề lối làm việc tăng cường hiệu suất công tác và xuống cơ sở, chống quan liêu lãng phí, giấy tờ... cụ thể yêu cầu ở mỗi cấp cần nắm vững những vấn đề chính và có trọng điểm như sau:

Khu

- Tăng cường cho một số ngành thuộc kinh tế tài chính, hiện còn quá thiếu hay mới được thành lập, hoặc sẽ thành lập: công nghiệp, lâm nghiệp, nông thôn, kiến trúc, thủy lợi.

- Thành lập Ban Kiểm tra Đảng và tăng cường cán bộ cho Ban Kiểm tra Đảng cũng như Ban Thanh tra chính quyền.

- Thành lập đảng tổ ở một số ngành xét cần thiết (công an, công chính, công thương, văn hóa, y tế).

- Đẩy mạnh một phong trào cải tiến lề lối làm việc tăng cường hiệu suất công tác, thực hiện 2/3 cán bộ xuống cơ sở, tiến hành một đợt vận động chống quan liêu lãng phí, giấy tờ sâu rộng ở khắp cơ quan từ khu tới châu.

Châu

- Còn 8 châu chưa bầu cử, sẽ căn cứ vào nhu cầu công tác và khả năng cán bộ của địa phương nghiên cứu đề nghị đề bạt bổ sung tăng cường cho có đủ từ 7 đến 11 đồng chí cấp ủy viên, để đảm bảo sự lãnh đạo của cấp ủy trong các mặt công tác của địa phương (8 châu kiện toàn thêm 22 đồng chí nữa).

- Ủy ban hành chính châu nào còn thiếu cần nghiên cứu đề nghị bổ sung tăng cường cho đủ từ 7 đến 9 người, để có đủ khả năng đảm nhiệm công tác chính quyền của địa phương, chú ý mạnh dạn đưa cán bộ dân tộc nhỏ vào các Ủy ban châu với tỷ lệ thích đáng so với các dân tộc trong châu.

- Kiện toàn đảng, đoàn, chính quyền, đảng đoàn các tổ chức quần chúng, nếu chưa đủ điều kiện thành lập đảng đoàn thì chỉ định một đồng chí trong các tổ chức quần chúng chịu trách nhiệm làm công tác đảng đoàn.

- Chú ý bổ sung cán bộ tăng cường cho một số ngành còn quá thiếu như: nông thôn, thanh niên, phụ nữ, tổ chức, tuyên huấn, tòa án và cán bộ phụ trách xã, phụ trách vùng cao.

Xã

- Xét xã nào còn quá yếu và xa châu, nơi xung yếu mà cần phải có cán bộ phụ trách xã thì cương quyết rút một số cán bộ ở các ngành quanh khu, các châu kể cả một số anh em công tác văn phòng có khả năng xuống phụ trách xã, thì cương quyết đưa xuống làm cán bộ xã, nhằm củng cố xã là phương hướng trước mắt và cấp thiết, vì cơ sở xã hiện nay quá yếu.

- Tiến hành việc bầu cử hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính xã.

- Ngoài mấy việc trên ra, thì ở xã chủ yếu là phải đẩy mạnh việc tuyên truyền phát triển đảng, kiến lập chi bộ xã để đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng trong các mặt công tác cũng như trong việc lãnh đạo xây dựng các tổ chức được vững mạnh (nhất là trong phong trào đổi công hợp tác).

C- Công tác phát triển củng cố đảng

Căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ ba năm, căn cứ tình hình nhiệm vụ công tác của Đảng trong giai đoạn hiện tại, và tình hình cơ sở đảng toàn khu hiện nay còn quá ít và non yếu, nhiều xã chưa có chi bộ đảng viên. Để đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng ở xã trong việc thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng, nhất là lãnh đạo cuộc cải tạo nông nghiệp, đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể (đổi công hợp tác...). Yêu cầu của công tác củng cố kiến lập Đảng năm 59 này, phải được tiến hành tích cực và sâu rộng làm cho khắp các xã ở đồng bằng và 1/3 xã vùng cao trong khu đều có chi bộ đảng.

1. Phương châm phát triển:

Căn cứ vào phương châm chung của Trung ương là:

- Thận trọng, có chuẩn bị, có trọng điểm.
- Có lãnh đạo chặt chẽ, chú trọng chất lượng hơn số lượng.
- Phát triển đi đôi với củng cố.

(Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, đổi công hợp tác mà tiến hành phát triển đảng thường xuyên.

- Tập trung lực lượng đẩy mạnh công tác phát triển ở những vùng nông thôn cơ sở đảng còn yếu, hoặc chưa có cơ sở đảng lấy những nơi đó làm trọng điểm.

- Riêng trong khu cần nắm thêm phương châm:

Thận trọng, chắc chắn, kiên trì, nhẫn nại, nhưng thực hiện phải “tích cực khẩn trương” nơi chưa đủ điều kiện phải chủ động tạo điều kiện để phát triển.

2. Phương hướng phát triển:

a) Về địa bàn phát triển:

- Nhằm vào nông thôn là chủ yếu nhưng đồng thời cũng phải chú trọng đúng mức đối với cơ quan, trường học, công trường và những thị trấn quan trọng.

+ *Đối với các xã thuộc vùng đồng bằng, và biên giới:* trừ một số xã nào đặc biệt vì điều kiện chính trị hiện nay phải đang hoạt động như ở một số xã (Phong Thổ, Sìn Hồ, Mường Tè) chưa thể phát triển ngay được, thì tích cực tạo điều kiện để sang năm 1960 tiến hành phát triển, còn là đều nằm trong hướng phát triển của năm 59.

+ *Đối với các xã vùng cao nội địa:* Trước hết nhằm vào những nơi cần thiết trước và có đủ điều kiện (những điều kiện đó là: những nơi đã có phong trào khá, quần chúng giác ngộ, xuất hiện những phân tử tích cực đã được thử thách ít nhiều, về chủ quan ta cũng đã có khả năng tiến hành công tác phát triển Đảng) thì tiến hành làm trước trong 6 tháng đầu năm còn đâu tích cực tạo điều kiện để 6 tháng cuối năm 59 làm nốt.

+ Còn đối với một số (2/3) xã vùng cao nội địa năm 59 chưa đủ điều kiện thì cần chủ động tạo điều kiện để sang năm 60 phát triển, đạt tới từ 80 đến 90% các xã có chi bộ (nếu có hết được càng tốt).

+ *Đối với thị trấn*

Chú ý những nơi nhân dân tương đối tập trung và là những vị trí có tính chất đầu mối về kinh tế chính trị như:

Mường La, Mường Lay, Điện Biên, Tuần Giáo, Phú Yên, Văn Chấn, Mộc Châu, Phong Thổ, tạo mọi điều kiện để có thể xây dựng được một số trong năm 1959 và chuẩn bị cho kế hoạch xây dựng năm 1960.

- *Ở cơ quan:* tiến hành phát triển đảng theo thường xuyên nhưng cũng cần phải tích cực khẩn trương, chú ý nhằm vào các ngành thuộc kinh tế tài chính, văn hóa giáo dục (như công thương, mậu dịch, nông lâm, y tế, văn hoá, khu học xá và những công trường sản xuất tương đối lâu dài.

b) *Về dân tộc:* chú ý phát triển vào thành phần dân tộc ít người, nhằm vào các cán bộ xã bản, vào lớp thanh niên nam nữ hạng hai tích cực công tác, có nhiều triển vọng, những quần chúng tốt xuất hiện trong phong trào đối công hợp tác, có đủ tiêu chuẩn (thuộc thành phần các dân tộc).

c) *Về xã hội:*

Ở nông thôn: hướng phát triển vào thành phần nông dân lao động (chủ yếu là những người bị áp bức bóc lột, lao khổ nhất) vì đó là thể hiện đường lối giai cấp của Đảng trong việc xây dựng tổ chức đảng.

Chú ý bộ đội phục viên, giáo viên bình dân học vụ, giáo viên phổ cập cấp I, cán bộ văn hóa, y tế xã, nhưng trước hết nhằm vào những người xuất thân là thành phần nhân dân lao động.

Ở cơ quan: nhằm vào những cán bộ thoát ly đang công tác ở cơ quan đã qua thử thách, đấu tranh rèn luyện trong kháng chiến, trong hòa bình kiến thiết, luôn tỏ ra tích cực và tiến bộ. Chú ý những anh em thuộc thành phần lao động trước, và số cán bộ công nhân viên người địa phương.

Ở thị trấn: tiến hành phát triển theo thường xuyên nhằm vào những người thuộc các tầng lớp lao động đã được thử

thách trong kháng chiến, trong hòa bình, hiện đang tham gia hoạt động trong các đoàn thể quần chúng của ta, nhưng phải hết sức *cẩn thận*.

3. Điều kiện kết nạp vào Đảng:

Các đối tượng kết nạp vào Đảng, thuộc các hướng nói trên cần phải có đủ tiêu chuẩn căn bản của Trung ương đã đề ra mới được kết nạp vào Đảng, những tiêu chuẩn đó theo đúng năm tiêu chuẩn trong Chỉ thị số 5 của Trung ương là:

- Thừa nhận chính cương Điều lệ Đảng.
- Đã giác ngộ về Đảng và về giai cấp.
- Trong đấu tranh, sản xuất, trong công tác... luôn luôn tỏ hăng hái tích cực, làm tròn nhiệm vụ.
- Liên hệ chặt chẽ với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm.
- Lịch sử rõ ràng.

Có châm chước đối với vùng dân tộc thiểu số, theo Chỉ thị 63 của Trung ương về điều kiện giác ngộ về Đảng, về giai cấp như sau:

“Yêu cầu hiểu rõ cần đánh đuổi đế quốc, xóa bỏ phong kiến, xây dựng đất nước, xóa bỏ bóc lột mới được tự do hạnh phúc. Yêu cầu phải tích cực công tác, tin tưởng yêu mến Đảng, Chính phủ, v.v. tránh đòi hỏi phải nói năng hoạt bát phải hoàn toàn bỏ mê tín, dị đoan, v.v..”

Và phải thể hiện rõ điều kiện theo như Chỉ thị 115 của Trung ương bổ sung:

“Phải có thái độ rõ ràng tán thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, tức là tán thành công cuộc cải tạo thành phần sản xuất riêng lẻ của nông dân theo con đường hợp tác hóa, hăng hái tích cực tham gia tổ đổi công, hợp tác xã, và chấp hành các chính sách của Đảng”.

4. Mức độ phát triển:

Theo chủ trương nhiệm vụ trên, căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực tế của địa phương thì trong năm 59:

Các xã đã có chi bộ: Chi bộ nào còn ít đảng viên sẽ phát triển tổ chức thành lập các tổ đảng ở ban (ít nhất mỗi chi bộ có 3 tổ đảng, mỗi tổ đảng 3 đảng viên trở lên).

Các xã chưa có chi bộ: thuộc vùng đồng bằng và biên giới sẽ phát triển kiến lập có chi bộ hết ở các xã, ở vùng cao nội địa thì phát triển kiến lập chi bộ ở 1/3 số xã chưa có chi bộ, ít nhất mỗi chi bộ có từ 3 đảng viên trở lên (nhưng nên có 5 đảng viên ngay từ đầu để có sức mạnh ngay sau khi lập chi bộ).

Ở cơ quan: phát triển đảng thường xuyên, nhưng cũng cần đi vào kế hoạch có tỷ lệ đảm bảo lãnh đạo chặt chẽ, có chuẩn bị, nói chung các cơ quan khu, châu sẽ phát triển đảng viên mới để đảm bảo tỷ lệ chung, đảng viên ở cơ quan ít nhất là 32% so với tổng số cán bộ nhân viên hiện có.

Cụ thể như sau:

Hiện nay toàn khu có 97 chi bộ trừ 5 chi bộ đã có tổ đảng còn 92 chi bộ chưa có tổ đảng, năm 59 mỗi chi bộ sẽ phát triển tổ chức thành lập ít nhất 3 tổ đảng ở ban, mỗi tổ ít nhất 3 đảng viên trở lên (cuối năm có 276 tổ đảng với 828 đảng viên mới).

- Những xã chưa có chi bộ sẽ phát triển mỗi xã có một chi bộ, có từ 5 đảng viên trở lên, cụ thể là còn 90 xã vùng thấp, 90 xã biên giới, và 1/3 số xã của vùng cao là 37 xã chưa có chi bộ, phải kiến lập được có chi bộ trong năm 59 (217 chi bộ mới).

- *Ở cơ quan khu, châu:* sẽ phát triển thêm 300 đảng viên mới để đảm bảo tỷ lệ 32% là đảng viên trong tổng số cán bộ công nhân viên trên cơ sở hiện nay.

Như vậy tổng số cuối năm 59, toàn khu sẽ phát triển kiến lập 217 chi bộ mới với 276 tổ đảng, và 1.913 đảng viên mới ở nông thôn, 300 đảng viên mới ở cơ quan (2.213 đảng viên mới tất cả).

Về củng cố

Hiện có 97 chi bộ nông thôn, gồm 14 chi bộ tương đối tự động mọi mặt công tác, 16 chi bộ mới tự động được từng việc, 67 chi bộ mới kiến lập năm 57 và 58 cần phải đẩy mạnh công tác củng cố để đi đôi với phát triển đến đâu củng cố đến đấy, làm cho chi bộ có tác dụng lãnh đạo tốt ngay sau khi được thành lập.

Yêu cầu, mức độ củng cố:

1- Với 67 chi bộ mới kiến lập là bồi dưỡng củng cố để các đảng viên dự bị trở thành chính thức, tiến tới có ban chi ủy hay bí thư phó bí thư chính thức, hoặc bí thư phó bí thư lâm thời (nếu chưa đủ một năm tuổi đảng) bước đầu biết căn cứ vào sự hướng dẫn của cấp trên, của cán bộ tự động làm được từng việc, có ý thức chấp hành và biết lãnh đạo nhân dân thi hành các chính sách của Đảng như đối với phong trào đổi công hợp tác...

2- Với 16 chi bộ trung bình củng cố trở thành chi bộ khá, cụ thể là biết căn cứ vào chỉ thị, nghị quyết của trên, căn cứ tình hình địa phương để ra kế hoạch sát, lãnh đạo các ngành và nhân dân thực hiện đúng với chủ trương chính sách của trên, đối với phong trào đổi công hợp tác, tiến tới đủ khả năng tự lực lãnh đạo được.

3- Với 14 chi bộ khá: thì nâng cao thêm, tạo điều kiện để dần dần tiến tới lãnh đạo vững chắc toàn diện công tác ở xã, chủ yếu là lãnh đạo phong trào sản xuất đổi công hợp tác, v.v..

Xây dựng củng cố các tổ chức quần chúng

Để đẩy mạnh và đảm bảo vững chắc cho việc phát triển tổ chức đảng rộng khắp các xã, thì điều quan trọng trước tiên là phải xây dựng củng cố các tổ chức quần chúng cho vững mạnh, nhất là tổ chức (thanh niên lao động) để thông qua các tổ chức quần chúng mà giáo dục nâng cao giác ngộ về chính trị, về đảng cho quần chúng, lựa chọn những quần chúng xuất sắc (cơ bản) nhằm bồi dưỡng để kết nạp vào Đảng. Cho nên phải nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác xây dựng củng cố các tổ chức quần chúng trong công tác phát triển củng cố đảng.

D- Kiện toàn Ban Tổ chức các cấp

Căn cứ vào nhiệm vụ công tác tổ chức đảng năm 59 rất to lớn, muốn thực hiện được kết quả phải làm cho mọi cán bộ, mọi đảng viên thấy rõ nhiệm vụ chung của toàn Đảng, đề cao ý thức trong công tác phát triển củng cố Đảng, nhưng để đảm bảo thực sự giúp các cấp ủy lãnh đạo công tác xây dựng đảng được chặt chẽ kịp thời, đạt được yêu cầu mục đích đã đề ra thì việc tăng cường bộ máy tổ chức từ khu, châu đến các ngành là rất cần thiết và quan trọng, vì bộ máy tổ chức là bộ môn trợ thủ rất đắc lực và giữ một trọng trách rất quan trọng trong việc giúp các cấp ủy đảng làm công tác tổ chức xây dựng đảng. Vậy trong việc kiện toàn bộ máy tổ chức các cấp các ngành cần chú trọng những điểm chính như sau:

- Kiên quyết tăng cường cán bộ cho Ban Tổ chức khu, phòng tổ chức, ủy ban, cho các châu, và cán bộ tổ chức ở một số ngành quanh khu về số lượng và chất lượng, để có đủ số cán bộ tối cần thiết đảm nhiệm được nhiệm vụ của ngành trong việc giúp các cấp ủy công tác tổ chức xây dựng đảng, nhưng

chủ yếu là: tăng cường chất lượng và cấp châu là chính.

- Đi đôi với việc tăng cường số lượng chất lượng cán bộ thì phải tích cực cải tiến lề lối làm việc đề cao ý thức trách nhiệm đi sâu vào chuyên môn, đi sát cơ sở, phát huy cao độ tính tự động sáng tạo của mỗi cán bộ tổ chức, nhằm tăng cường hiệu suất công tác không ngừng, muốn thế phải ra sức học tập trau dồi nâng cao tư tưởng, lập trường, giai cấp, đạo đức, của người đảng viên cộng sản luôn cầu tiến bộ, v.v. có như thế mỗi cán bộ tổ chức cũng như toàn ngành mới làm tròn trách nhiệm, xứng đáng là trợ thủ đắc lực của các cấp ủy trong công tác tổ chức xây dựng đảng.

E- Chỉ đạo thực hiện

Để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ năm 1959 đã đề ra, trong việc chỉ đạo thực hiện các cấp, các ngành cần chú ý một số vấn đề chính như sau:

- Các cấp ủy địa phương, các ban các đồng chí các ngành cần tổ chức học tập sâu rộng về Nghị quyết này, cũng như các chỉ thị của Trung ương về công tác phát triển đảng (nếu nơi nào chưa học) trong các cấp ủy đảng xuống tận các chi bộ đảng viên, nhằm làm cho thông suốt quán triệt về chủ trương đường lối, cũng như mục đích yêu cầu phương châm phương pháp cụ thể của công tác phát triển kiến lập củng cố Đảng, và đào tạo bồi dưỡng cán bộ năm 59, để đề cao ý thức trách nhiệm toàn Đảng nỗ lực làm công tác xây dựng đảng (nhất là các cấp ủy châu, các ban chi ủy xã).

- Các địa phương các ngành sau khi học tập nắm vững nhiệm vụ chương trình chung của toàn khu, liên hệ với địa phương, với ngành nêu lên những ưu khuyết điểm của công

tác tổ chức xây dựng đảng vừa qua của địa phương, rồi căn cứ vào tình hình cụ thể của phong trào địa phương đặt chương trình công tác tổ chức xây dựng Đảng cả năm của địa phương, của ngành, chương trình ba tháng một cho sát, xong tổ chức chỉ đạo thực hiện cho chặt chẽ khẩn trương đảm bảo cuối năm hoàn thành tốt chương trình cả năm.

- Ban Tổ chức khu sẽ căn cứ vào chương trình nhiệm vụ chung có kế hoạch hướng dẫn cụ thể các địa phương các ngành thực hiện từng vấn đề một. Chủ yếu là vấn đề phát triển củng cố Đảng, và đào tạo bồi dưỡng cán bộ, theo dõi đôn đốc kiểm tra giúp đỡ các địa phương, các ngành thực hiện sơ đúc kết kinh nghiệm, phổ biến kinh nghiệm tốt, tham gia bổ khuyết những sai lệch thiếu sót cho kịp thời, và Ban Tổ chức khu cần trực tiếp nắm một châu, để làm nơi đào riêng, đúc rút kinh nghiệm tốt, xấu, giúp cho chỉ đạo chung được kịp thời, tránh được những sai lệch lớn.

- Trong chỉ đạo thực hiện các cấp ủy địa phương phải nắm vững đường lối giai cấp của Đảng trong công tác cán bộ, trong công tác phát triển đảng viên, giáo dục, kiểm tra, động cơ vào Đảng cho kỹ trước khi kết nạp, và phát triển đến đâu củng cố đến đâu (chống tư tưởng hẹp hòi khát khe cầu toàn, đồng thời đề phòng tư tưởng nôn nóng, ấu trĩ, chú trọng số lượng không đảm bảo chất lượng).

- Muốn thực hiện được đầy đủ nhiệm vụ củng cố phát triển Đảng, thì các cấp ủy địa phương, các đồng chí phụ trách các chi bộ phải làm cho toàn thể đảng viên thông suốt, đề cao ý thức trách nhiệm chung và riêng của mỗi đảng viên trong công tác phát triển đảng, đó là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, là trách nhiệm của mỗi đảng viên mà Điều lệ Đảng đã

ghi rõ. Chống tư tưởng vô trách nhiệm, hoặc chỉ cho đó là trách nhiệm của một cơ quan, một bộ phận nào đó (như tổ chức chẳng hạn) đó là nhận thức hết sức sai, phải cương quyết khắc phục.

- Trong khi thực hiện các cấp ủy địa phương, các ngành và Ban Tổ chức khu phải giữ vững chế độ báo cáo, thỉnh thị về Khu ủy để Khu ủy thường xuyên nắm vững công tác tổ chức xây dựng đảng, và kịp thời có chủ trương kế hoạch lãnh đạo thực hiện và uốn nắn những sai lệch thiếu sót.

T/M BAN THƯỜNG VỤ KHU ỦY
BÍ THƯ
CHU HUY MÂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ KHU ỦY TÂY BẮC
Số 6-NQ/TB, ngày 18-5-1959

Về công tác tư tưởng năm 1959 - 1960

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TƯ TƯỞNG CÁC TỪNG LỚP
NHÂN DÂN VÀ CÁN BỘ NHÂN VIÊN HIỆN NAY**

1. Tình hình tư tưởng nhân dân:

Nhân dân nông thôn:

Khu ta là một khu mới giải phóng, cơ sở kháng chiến cũ rất ít. Sau ngày giải phóng, việc tạm chia ruộng công ruộng chức xóa bỏ chế độ bóc lột cường nguôt và các đặc quyền đặc lợi phong kiến khác lại tiến hành nặng về biện pháp hành chính, tư tưởng quần chúng chưa được phát động đầy đủ. Do đó, mặc dầu từ ngày hoà bình lập lại cách mạng dân tộc dân chủ đã căn bản hoàn thành, ý thức phân biệt ta địch, lao động và bóc lột, phong kiến và nông dân của quần chúng chưa được ranh giới rõ ràng.

- Đối với đế quốc, do bị chúng bóc lột áp bức tàn nhẫn, do sự tuyên truyền giáo dục của ta, đặc biệt là trong cuộc vận động thành lập khu tự trị làm được tương đối sâu rộng, nông dân đã căm thù đế quốc. Nhưng tư tưởng sợ chiến tranh, sợ

bom nguyên tử của Mỹ, sợ bọn Việt gian chạy theo đế quốc quay về, chưa thực sự tin tưởng ở lực lượng của ta còn phổ biến. Tinh thần cảnh giác với địch của quần chúng còn kém, dễ mắc vào những luận điệu tuyên truyền của địch.

- Đối với phong kiến, mặc dầu biết chế độ phong kiến cũ là không tốt, nhưng đối với bọn đầu sỏ vẫn nửa căm ghét, nửa kính nể, và sợ nó, đối với bọn đã tham gia lao động thì có khuynh hướng coi như nông dân cả. Những thủ đoạn bóc lột phong kiến còn rớt lại nhất là hình thức của mo chang lợi dụng mê tín để bóc lột đang còn phổ biến thì chưa nhận rõ.

Đó là nói chung. Đi sâu vào từng vùng, trình độ giác ngộ của quần chúng còn chênh lệch. Những vùng có cơ sở kháng chiến như Văn Chấn, Phú Yên, Mộc Châu... tư tưởng sợ địch, nể nang bọn phong kiến của quần chúng nhẹ hơn ở vùng mới giải phóng nhất là ở biên giới và vùng cao thì sự phân biệt ta địch càng mơ hồ hơn nữa.

Về mặt giác ngộ xã hội chủ nghĩa từ trước chúng ta mới tuyên truyền qua các chính sách về viễn cảnh xã hội chủ nghĩa, chưa có lần nào tuyên truyền tương đối sâu rộng và hệ thống. Gần đây vấn đề giác ngộ cho quần chúng về chủ nghĩa xã hội mới được đề ra. Cho nên trình độ giác ngộ của quần chúng về mặt này còn thấp và không đều: ở một số nơi, vùng cao hẻo lánh nói đến chủ nghĩa xã hội quần chúng còn chưa hiểu. Những nơi khác đa số quần chúng đã hiểu chủ nghĩa xã hội là tốt đẹp, thích chủ nghĩa xã hội sung sướng, không còn bóc lột, làm ăn có máy móc; mặc dầu chưa hiểu đường lối chính sách cụ thể tiến lên chủ nghĩa xã hội như thế nào, nhưng vì họ tin tưởng Đảng và Chính phủ đã bảo làm đổi công hợp tác thì nhất định là đúng. Gần đây trong phong trào thi đua sản xuất, đổi công hợp tác đã thể hiện xu thế xã

hội chủ nghĩa. Phong trào mới lên không thể tránh khỏi có ít nhiều lệch lạc nhưng căn bản nó là tốt. Hiện nay khuynh hướng phổ biến là muốn tiến thẳng lên hợp tác xã vì có một phần ngại làm đổi công bình công chấm điểm khó khăn phiền phức. Số đông quần chúng nghèo không những tỏ ra tha thiết muốn lập hợp tác xã mà còn muốn làm hợp tác xã cao cấp ngay. Mặc dầu trình độ quản lý còn kém, một số nơi đã đề nghị cho lập hợp tác xã, một số nơi nữa tự động tập trung tư liệu sản xuất lại làm chung không báo cáo, sợ cán bộ không cho làm.

Những xu thế xã hội chủ nghĩa đó còn chưa mạnh và bị hạn chế nhiều bởi những nguyên nhân như sau:

Một là: do sự giác ngộ xã hội chủ nghĩa của quần chúng nhất là ý thức giác ngộ giai cấp còn thấp.

Đối với chủ nghĩa xã hội mặc dầu là thích, nhưng làm như thế nào thì còn bỡ ngỡ, lúng túng nhiều, tinh thần khắc phục khó khăn để tiến lên còn kém và do nhận thức tư tưởng còn nhiều mơ hồ lệch lạc như sợ làm hợp tác xã tập trung hết mọi thứ của riêng, sợ phải lao động quá sức, sợ thì giờ và tổ chức bó buộc không được tự do, v.v..

Trong sản xuất và sinh hoạt tinh thần tự lực cánh sinh, ý thức tiết kiệm còn kém. Về mặt cải tiến kỹ thuật đã có tiến bộ bước đầu, nhưng đó chưa phải do có ý thức hẳn hoi, phần lớn còn do cán bộ bảo làm thì làm và nhìn chung còn nhiều biểu hiện bảo thủ, mê tín, lạc hậu nhất là về mặt sinh hoạt. Đối với những cái mới phần lớn chưa tin, còn do dự chờ đợi thực tế chứng minh, được mùa thừa ăn đôi chút thì thoả mãn, dừng lại, cúng bái, ăn uống xa phí, mất mùa thiếu thốn thì trông chờ Chính phủ giúp, thiên tai thì cho là tại trời, tại ma.

Chấp hành các chính sách thuế, thu mua, dân công còn nhiều biểu hiện tự tư tự lợi.

Quần chúng vùng cao chưa tin mình có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội được vì không sử dụng máy cày, máy bừa như đồng bằng được, và còn chờ xem Chính phủ sẽ giải quyết thế nào.

Hai là: do lãnh đạo nhận thức thiếu sót chậm đặt ra vấn đề giáo dục và tổ chức nông dân vào đối công hợp tác tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mặc dầu trong cán bộ cũng có một số có tư tưởng muốn đẩy mạnh đối công hợp tác, hiện nay tư tưởng bảo thủ và tác phong quan liêu còn phổ biến. Cán bộ xã và đảng viên nông thôn một số chưa gương mẫu chấp hành chính sách, còn tư tưởng tự tư tự lợi suy bì với nhân dân, bảo thủ sợ phong trào đối công hợp tác lên thiệt đến mình, công tác ulla muốn xin thôi xin nghỉ để làm giàu riêng lẻ.

Ba là: do khuynh hướng làm giàu riêng đang tồn tại trong quần chúng nhất là trong số quần chúng khá giả thừa ăn đôi chút có nhiều trâu và khôn khéo tính toán bắt đầu có bóc lột ít nhiều như cho vay lãi, cho thuê trâu, đặt thóc non, bóc lột nhân công, v.v..

Những vùng gần thị trấn và dọc đường cái lớn một số người nảy ra khuynh hướng buôn bán hoặc khuynh hướng coi nhẹ ruộng nương đua nhau đi lấy lâm thổ sản bán được nhiều tiền.

Bốn là: do bọn tay sai của địch hoạt động phá hoại tuyên truyền chiến tranh, chia rẽ dân tộc, xuyên tạc và nói xấu chủ nghĩa xã hội, v.v. do sự kìm hãm của những tàn dư phong kiến về mặt kinh tế và chính trị. Nhất là vùng biên giới hoạt động của địch đã có ảnh hưởng nhiều đến tư tưởng quần chúng.

Về mặt đoàn kết dân tộc do sự tuyên truyền giáo dục của

ta làm được tương đối khá, nhất là dịp vận động thành lập khu tự trị, do sự thi hành chính sách của Đảng đã mang lại lợi ích thiết thực cho quần chúng cho nên nhân dân các dân tộc trong khu ngày càng đoàn kết chặt chẽ xung quanh Đảng và Chính phủ, mâu thuẫn dân tộc đã được thu hẹp nhiều.

Nhưng hiện nay tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi vẫn còn nặng và phổ biến ở sự suy bì về quyền lợi, nghĩa vụ giữa các dân tộc vùng cao, vùng thấp, ở sự va chạm trong sản xuất như trâu bò, lợn, phá hoại mùa màng của nhau, tranh giành nhau chỗ làm nương, lấy lâm thổ sản, ở những thành kiến lạc hậu lâu đời đã bị thu hẹp nhưng còn tồn tại; dân tộc lớn thì còn khinh dân tộc nhỏ là lạc hậu, bản thủ, dân tộc nhỏ còn hoài nghi dân tộc lớn. Đó là miếng đất tốt cho địch hoạt động chia rẽ, hồi 1957 chúng đã gây được một phong trào xưng vua đón vua rộng rãi trong hầu hết các dân tộc nhỏ. Tư tưởng tự ti dân tộc cũng còn phổ biến, càng dân tộc nhỏ tư tưởng tự ti càng nặng.

Đó là tình hình tư tưởng nông dân. Tư tưởng từng lớp trên thì căn bản không giống như thế.

Từng lớp trên trong khu hiện nay, không kể số chạy theo địch và làm tay sai cho địch có thể chia làm ba loại: một là loại tương đối tiến bộ, chịu lao động cải tạo chấp hành chính sách tương đối đúng đắn hoặc làm việc trong các cơ quan, loại này tin tưởng ở ta nhiều hơn, nhưng vẫn còn một phần nào e ngại ta không tin họ, loại thứ hai tư tưởng căn bản là lừng chừng, họ còn hàm ơn đế quốc, phục đế quốc nhiều, họ cũng có thấy ta mạnh nhưng chưa tin hẳn, tư tưởng của họ còn hy vọng đế quốc quay lại một phần, nhưng lại sợ ta vì thấy ta mạnh, thấy phong trào lên thì ngôn ngữ và hành động của họ tỏ ra tiến bộ và họ rất áy náy về chuyện ta chưa

tin họ nhưng gặp lúc khó khăn thì mặt tiêu cực lại nổi lên, loại này cũng tham gia lao động; loại thứ ba tư tưởng căn bản là chống đối với ta, còn mong chờ để quốc quay lại, một số còn duy trì bóc lột theo lối cũ, ngấm ngầm phá hoại, tuyên truyền xuyên tạc chính sách, nói xấu ta hoặc công khai phản ứng, đe dọa quần chúng, một số vẫn còn bí mật liên lạc với địch.

Đối với quần chúng lao động, hồi mới giải phóng nhìn chung tầng lớp trên rất sợ quần chúng mặc dầu không phục, vào quãng giữa 1957 sau những cuộc toạ đàm phổ biến cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của ta có tính chất hữu khuynh vượt ve họ thì họ bắt đầu khinh thường quần chúng lao động, gần đây tư tưởng đó của họ mới dần dần được uốn nắn lại. Những tư tưởng thành kiến nghi ngờ, khinh bỉ chèn ép đối với các dân tộc anh em ở trong từng lớp này còn tồn tại khá nặng.

Nhân dân thị trấn. Các thị trấn khu ta rất nhỏ, việc buôn bán theo lối cũ kiếm được nhiều lời. Do đó từ khi tiến hành quản lý thị trường nhân dân các thị trấn có phản ứng.

Họ phàn nàn phố xá ngày nay không được sầm uất. Đối với mậu dịch họ không dám cạnh tranh chính diện, nhưng hễ sơ hở mặt nào thì họ tấn công mặt ấy như lợi dụng lúc mậu dịch thiếu hàng thì họ bán nâng giá, lợi dụng trình độ đồng bào địa phương còn thấp, tính toán chưa thạo để mua rẻ bán đắt. Dân phố hầu hết là Kinh và Hoa kiều, trong đó có những người có hành động xấu nên có hại cho đoàn kết dân tộc. Đối với hình thức kinh tiêu một số không muốn bỏ vốn và sức lao động ra làm lại muốn đưa vào mậu dịch, đặt điều kiện với mậu dịch giải quyết hết mọi khó khăn cho mình. Đối với tổ chức hợp tác mua bán họ cho rằng vào tổ chức mất tự do, kêu khó khăn về tính toán quy mô không có kế toán, không hiểu

nhau, v.v.. Đối với chính sách thuế và quy định mức sống cho các gia đình thì họ chống thuế bằng hình thức tiêu cực làm đủ mức thuế rồi thì thôi không làm nữa, kêu ca về đời sống khó khăn, ăn uống bị hạn chế.

Thợ thủ công như cắt tóc, chữa đồng hồ còn hiện tượng làm ẩu, khách hàng kêu thì đổ cho tại mậu dịch quy định giá hạ. Mỗi lần cán bộ đến kiểm tra thì họ kêu ca cán bộ, tìm cách nói xấu cá nhân cán bộ, v.v..

Tuy nhiên, sau khi học tập về hai con đường một số dân thị trấn đã tỏ ra có tiến bộ.

2. Cán bộ nhân viên:

Qua một thời gian lộn xộn từ cuối 1956, do sự giáo dục lãnh đạo của Đảng, tư tưởng cán bộ nhân viên dần dần ổn định lại và gần đây đã có chuyển biến tốt.

Mức độ tuy có khác nhau, nói chung cán bộ nhân viên đều đã nhận thức được sự chuyển biến giai đoạn cách mạng ở miền Bắc, đã nhận thức được trong thời kỳ quá độ phải giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên các mặt trận kinh tế, chính trị, văn hoá tư tưởng, phải cải tạo và phát triển kinh tế theo chủ nghĩa xã hội, phải tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, tăng cường khối công nông liên minh và đoàn kết dân tộc tăng cường chuyên chính vô sản.

Trên cơ sở những nhận thức đó, lập trường quan điểm giai cấp công nhân, ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa đã có tiến bộ rõ rệt. Do đó nhiệt tình xã hội chủ nghĩa đã được nâng lên một bước, thể hiện: trong công tác đã có tinh thần trách nhiệm và tương đối an tâm hơn, học tập và lao động có nhiều cố gắng hơn, tác phong đang chuyển dần từ hời hợt đến đi sâu đi sát.

Tuy nhiên sự chuyển biến tốt đó vẫn chưa theo kịp yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới và do thành phần cán bộ nhân viên không được thuần, do học tập chính trị còn nhiều khó khăn, kết quả bị hạn chế, do đấu tranh nội bộ thường xuyên yếu cho nên về lập trường tư tưởng, tác phong còn nhiều sai lầm:

a) *Lập trường quan điểm giai cấp* còn nhiều biểu hiện mơ hồ, hữu khuynh, rụt rè, bảo thủ, mất cảnh giác:

Đối với giai cấp tư sản và từng lớp trên ở địa phương phần lớn cán bộ kể cả một số cán bộ lãnh đạo dễ lệch về mặt sách lược mềm dẻo có khi đi đến bỏ mất lập trường hơn là kiên trì về lập trường, đối với từng lớp trung gian thường nhìn lệch về mặt tiêu cực hơn là mặt tích cực của họ, nhưng nhiều khi lại dễ thông cảm với những lời kêu ca phản ứng chính sách của họ; đối với địch lúc thường thì lơ là với việc phòng gian bảo mật, ít chú ý hoạt động của địch, khi có những vấn đề đột biến thì cán bộ cơ sở, nhân viên và một số cán bộ sơ cấp dễ sinh ra hoang mang dao động, hoài nghi chính sách và sự lớn mạnh của ta, một số cán bộ nhân viên chưa phân biệt được tự do dân chủ của ta và của địch, cho rằng ta không dân chủ bằng các nước tư sản; một số cán bộ nhân viên nhất là những anh em địa phương mới tuyển có khuynh hướng làm giàu riêng và còn do dự hoặc lo lắng trước con đường hợp tác hoá nông nghiệp, thương nghiệp, một số ít đã cho vay lãi, phát canh ruộng, v.v.. Đối với phong trào đối công hợp tác của quần chúng một số cán bộ lãnh đạo khuynh hướng sợ phong trào lên không lãnh đạo được, thiếu tinh thần tích cực lãnh đạo. Đặt các chỉ tiêu kế hoạch thì rụt rè.

Nói chung quan điểm quần chúng còn yếu, cả về mặt quan tâm sinh hoạt quần chúng, phụ trách trước quần

chúng, cả về mặt tin tưởng và khiêm tốn học hỏi quần chúng, do đó có những hiện tượng ít gần gũi và lắng nghe ý kiến quần chúng, không nắm vững tình hình đời sống và nguyện vọng của quần chúng, làm việc chưa dân chủ thực sự, hay bao biện làm thay, v.v..

b) *Chủ nghĩa cá nhân tư sản và tiểu tư sản*, qua học tập đấu tranh đã giảm một phần nhưng còn phổ biến và nghiêm trọng biểu hiện trên các mặt:

- Lo tính về tiền đồ, địa vị cá nhân, thắc mắc về lương bậc sinh ra không an tâm với công tác đang làm, muốn chuyển ngành chuyển nghề, bị quan vì trình độ mình kém, lo học văn hoá học nghề, nếu học chính trị thì đi các lớp tập trung không thích tại chức, tiêu cực công tác hoặc kêu ca cương vị không rõ.

- Thắc mắc về sức khoẻ, gia đình, hưởng thụ, đãi ngộ để tinh thần công tác giảm sút.

- Do những tính toán và thắc mắc cá nhân cán bộ nơi khác đến còn suy bì miễn núi với miễn xuôi, chưa xác định được tinh thần phục vụ khu Tây Bắc lâu dài và phấn khởi, cán bộ địa phương chưa thực sự an tâm công tác xa gia đình nhất là những người mới; đoàn kết nội bộ giữa cán bộ nơi khác đến với cán bộ địa phương, giữa cán bộ địa phương với nhau, giữa lãnh đạo và bị lãnh đạo chưa được chặt chẽ lắm; thái độ phê bình tự phê bình chưa đúng mức, thái độ dĩ hoà vi quý còn phổ biến; ý thức tổ chức và kỷ luật còn nhiều thiếu sót.

Những điểm trên đây ít nhiều một số cán bộ lãnh đạo cũng có mắc. Những tư tưởng cá nhân chủ nghĩa trong cán bộ lãnh đạo thể hiện nhiều ở mặt công thần, cá nhân anh hùng, tự cao tự đại, đôi khi khéo léo bảo vệ hoặc đề cao uy tín cá nhân.

c) *Tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi* còn phổ biến và tương đối nghiêm trọng.

Trong quan hệ giữa cán bộ nơi khác đến và cán bộ địa phương có hiện tượng e dè, thiếu cởi mở, thiếu hoà hợp thực sự với nhau.

Tư tưởng dân tộc lớn thể hiện:

Nhiều cán bộ lãnh đạo đánh giá thấp cán bộ và quần chúng địa phương, cho cán bộ địa phương là kém năng lực, cho quần chúng địa phương là quá lạc hậu. Do đó mà thiếu tin tưởng ở cán bộ và quần chúng địa phương. Đối với cán bộ địa phương thì bao biện làm thay, thiếu sự quan tâm đầy đủ và tinh thần kiên nhẫn đào tạo bồi dưỡng cán bộ địa phương. Đối với quần chúng thì có thái độ ban ơn, đôi khi nặng về mệnh lệnh cưỡng bách, trong một số công tác như phát triển đảng, xây dựng cơ sở, xây dựng phong trào đổi công hợp tác do đánh giá quần chúng là quá lạc hậu nên còn rụt rè. Nhân viên và cán bộ mới thiếu quan tâm đến quần chúng địa phương, ghê sợ bản thủ không gần gũi quần chúng.

- Coi nhẹ công tác rẻo cao, rẻo giữa, lãnh đạo thì thiếu biện pháp cụ thể, cán bộ nhân viên thì ngại khó, ngại khổ, tinh thần xung phong đi công tác vùng cao hẻo lánh còn kém.

Những hiện tượng tư tưởng dân tộc lớn nói trên, một số cán bộ địa phương cũng mắc.

Tư tưởng dân tộc hẹp hòi thể hiện:

- Đánh giá cán bộ nơi khác đến là không sát, áp dụng kinh nghiệm hay máy móc.

- Thành kiến cán bộ xuôi hay nói nhiều, nhiều khi chưa đồng ý nhưng không muốn nói. Khi va chạm thì một số hay đặt thành vấn đề dân tộc.

- Một số kèn cựa với cán bộ xuôi về địa vị, thắc mắc về vấn đề đề bạt, phân công cán bộ đi đến cho là Đảng không tin cán bộ địa phương hoặc có khuynh hướng phủ nhận sự cần thiết phải có sự giúp đỡ của cán bộ nơi khác đến.

- Một số cán bộ nhân viên địa phương mới tuyển dụng còn hoài nghi sợ dân tộc đa số cai trị, áp bức dân tộc mình.

Cán bộ dân tộc ít người thì tư tưởng tự ti dân tộc còn nặng. Tình hình tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi trên đây chứng minh thêm lập trường giai cấp và quan điểm quần chúng của cán bộ nhân viên còn non yếu.

d) *Tác phong công tác:*

Hiện nay trong tác phong công tác đã bắt đầu có ý thức đi sâu đi sát, đi xuống cơ sở, ý thức chú ý nghiên cứu tình hình đặc điểm của địa phương. Nhưng tác phong quan liêu và sự vụ chủ nghĩa còn nặng và phổ biến thể hiện ở chỗ chưa phản ánh được đầy đủ rõ ràng tình hình của địa phương hoặc ngành mình nhất là tình hình tư tưởng các tầng lớp nhân dân và hoạt động của địch; công tác tư tưởng, công tác xây dựng cơ sở còn bị coi nhẹ, phần lớn thời gian bị hút vào những việc trước mắt, công tác phần nhiều thiếu chủ động và kết hợp khéo léo.

II- NHIỆM VỤ PHƯƠNG CHÂM CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 14 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đề ra nhiệm vụ hiện nay của công tác tư tưởng là:

"Phải nâng cao ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa và tinh thần yêu nước, nâng cao chí khí đấu tranh không ngừng và tinh thần cảnh giác của toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên

và quần chúng, trước hết là quần chúng lao động, làm cho mỗi người đem hết nhiệt tình cách mạng và sức lao động sáng tạo của mình góp vào cuộc đấu tranh cải tạo xã hội, đẩy mạnh sản xuất, cần kiệm xây dựng nước nhà.

Trước hết phải làm cho tư tưởng trong Đảng chuyển biến sâu sắc, thông qua cán bộ, đảng viên, đoàn viên, mà phát động tư tưởng của quần chúng, tăng sức mạnh tinh thần lên gấp bội để đưa phong trào vượt lên".

Yêu cầu của công tác tư tưởng là:

"Làm cho mọi người phân rõ ranh giới giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa, giữa lao động và bóc lột, giữa chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa cá nhân, giữa nhân dân ta và kẻ thù của nhân dân, làm cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế. Trong việc giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa phải nâng cao hơn nữa tinh thần chống đế quốc, chủ yếu là đế quốc Mỹ và bọn tay sai, phát huy tinh thần yêu nước, làm cho mọi người thấm nhuần sâu sắc: yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội là một, kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Phải nâng cao tinh thần quốc tế vô sản, tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu, thắt chặt tình hữu nghị giữa nhân dân các nước, góp phần đẩy mạnh cuộc đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội".

Nghị quyết Hội nghị toàn Đảng bộ khu lần thứ nhất nêu nhiệm vụ phương hướng công tác tư tưởng như sau:

Đối với cán bộ:

"Nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng, nâng cao trình độ lý luận và chính sách, chống tư tưởng tư sản, phê phán tư tưởng tiểu tư sản,

quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng đế quốc và phong kiến, chống tư tưởng bảo thủ, tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, coi khinh lao động, v.v..

"Trên cơ sở tình hình tư tưởng cán bộ hiện nay tương đối ổn định và bước đầu có những chuyển biến tốt, cần ra sức tăng cường giáo dục, làm cho mọi người phân rõ ranh giới giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa, giữa lao động và bóc lột, giữa chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa cá nhân, đồng thời nâng cao hơn nữa tinh thần chống đế quốc, chủ yếu là đế quốc Mỹ và tay sai, phát huy tinh thần yêu nước, do đó nâng cao nhiệt tình công tác, tinh thần hăng hái lao động, tích cực phát huy sáng kiến, dốc hết khả năng, toàn tâm toàn ý phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

"Làm cho mọi người cán bộ xác định một cách sâu sắc ý nghĩa "đoàn kết thống nhất là sinh mệnh của Đảng", mà đoàn kết cán bộ là khâu chính để củng cố đoàn kết toàn Đảng, thống nhất được tư tưởng và hành động từ trên xuống dưới, *chống những hiện tượng bè phái, bản vị, cá nhân chủ nghĩa và những khuynh hướng sai lầm của tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi*". Trong đó chủ yếu là nhằm chống chủ nghĩa cá nhân tư sản và tiểu tư sản.

Đối với nhân dân.

"Làm cho mọi người ranh giới được ta địch, phân rõ bóc lột và bị bóc lột. Trên cơ sở đó ranh giới giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, đề cao lao động và chủ nghĩa tập thể, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và tinh thần yêu nước đồng thời phê phán tư tưởng hành động bóc lột, do đó tăng cường đoàn kết, đẩy mạnh sản xuất và mọi công tác khác".

NHIỆM VỤ PHƯƠNG CHÂM CỤ THỂ

Căn cứ tình hình tư tưởng các tầng lớp nhân dân và cán bộ nhân viên, căn cứ nhiệm vụ phương châm công tác tư tưởng do Trung ương và Hội nghị toàn Đảng bộ khu đề ra như trên, nhiệm vụ phương châm cụ thể của công tác tư tưởng năm 1959 - 1960 quy định như sau:

a) *Đối với nhân dân, nhất là nhân dân lao động.*

Hai năm tới phải làm cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế, phải làm cho quần chúng hăng hái đi vào con đường xã hội chủ nghĩa, hăng hái thi đua sản xuất với tinh thần cần, kiệm xây dựng, tự lực cánh sinh nhằm củng cố miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Muốn thế phải tăng cường tinh thần đoàn kết dân tộc, nâng cao ý thức chủ nhân đất nước, ý thức căm thù đế quốc phong kiến và cảnh giác với quần chúng, đồng thời tin tưởng ở lực lượng vĩ đại của nhân dân ta do Đảng lãnh đạo; nâng cao giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa làm cho quần chúng tha thiết với chủ nghĩa xã hội, yêu lao động, yêu tập thể, ghét bóc lột và thấy rõ tính chất yếu đuối của lối làm ăn riêng lẻ.

Để đạt mục đích đó, cần phải:

- Làm cho mọi người hiểu rằng lợi ích của chủ nghĩa xã hội, của Tổ quốc, của các dân tộc khu tự trị và của mỗi người là nhất trí.

- Làm cho nhân dân phân rõ ranh giới ta địch, chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản, lao động với bóc lột, tập thể với cá thể.

Đối với nông dân: phải quét sạch tư tưởng đế quốc phong

kiến, chống tư tưởng bóc lột, tích cực kiên trì và hăng hái tham gia phong trào đổi công hợp tác, khắc phục tư tưởng bảo thủ, lạc hậu, mê tín, tự tư tự lợi, dân tộc lớn dân tộc hẹp hòi và tự ti dân tộc, làm cho nông dân các dân tộc đoàn kết chặt chẽ xung quanh Đảng và Chính phủ, hăng hái vượt tới trước, tích cực cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động, ra sức đẩy mạnh sản xuất và thực hành tiết kiệm, để cải thiện đời sống cho nhân dân làm cho quần chúng vùng cao biên giới tin tưởng ở tiền đồ xã hội chủ nghĩa của dân tộc mình và tích cực phấn đấu khắc phục mọi khó khăn thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Năm 1959 sẽ thông qua các cuộc vận động cải tạo xã hội chủ nghĩa, hoàn thành cải cách dân chủ và thực hiện kế hoạch nhà nước, nghĩa vụ quân sự, bầu cử Hội đồng nhân dân, v.v. mà đánh những đòn quyết định vào tư tưởng đế quốc phong kiến. Sang năm 1960 sẽ khuếch trương thắng lợi những kết quả trên, tổ chức một số cuộc vận động thực hiện kế hoạch nhà nước, v.v. để đạt những yêu cầu trên, nhất là yêu cầu giác ngộ ý thức chủ nhân đất nước, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, giáo dục sâu thêm ý thức giai cấp, chính sách hợp tác hoá cụ thể, tinh thần thái độ lao động mới.

Đối với cán bộ xã và đảng viên: Công tác giáo dục cán bộ xã và đảng viên nông thôn có tác dụng quyết định sự thành bại của các công tác chấp hành mới chính sách của Đảng ở nông thôn. Phương hướng công tác tư tưởng cũng như trên, nhưng mức độ giác ngộ phải sâu hơn nông dân, phải làm cho cán bộ xã và đảng viên đóng được vai trò nòng cốt ở nông thôn. Phải giáo dục đảng viên trước, quần chúng sau, từng đợt công tác phải sơ kết tổng kết để giáo dục cán bộ đảng viên.

Về chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng: phải đào tạo được cho mỗi xã vùng thấp tối thiểu 10 cán bộ, mỗi xã vùng cao 7 cán bộ có trình độ tương đối nắm được các chính sách phải chấp hành ở xã và tương đối biết cách làm việc đặc biệt là phương pháp làm việc đi đường lối quần chúng. Còn đảng viên mới thì phát triển đến đâu *phải đảm bảo huấn luyện hết lượt đến đấy* làm cho mọi đảng viên mới đều hiểu rõ về Điều lệ Đảng, các chính sách phải thực hiện ở nông thôn và những điểm chính về công tác chi bộ.

Đối với thương nhân và những người làm nghề thủ công: phải chống tư tưởng tư sản, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch tư tưởng đế quốc phong kiến, làm cho thương nhân và những người làm nghề thủ công tự nguyện đi vào con đường hợp tác hoá tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chú ý khắc phục tư tưởng dân tộc lớn và tư tưởng đầu cơ trục lợi buôn gian bán lận nhằm củng cố đoàn kết giữa thị trấn với nông thôn.

Biện pháp thực hiện: sau cuộc vận động cải tạo xã hội chủ nghĩa năm 1959 sẽ chú ý những hình thức như hội nghị kiểm điểm việc chấp hành đường lối chính sách của Đảng, tổ chức những ngày lao động đoàn kết đi làm giúp nông dân hợp tác hoá. Các châu uỷ phải phân công phụ trách thị trấn không được bỏ quên hoặc coi nhẹ công tác ở thị trấn như trước đây thường mắc.

Đối với từng lớp trên: làm cho họ thực sự công nhận chủ nghĩa xã hội là tốt đẹp và tất thắng; nhận rõ ngày nay không còn con đường nào tốt và có tương lai hơn chủ nghĩa xã hội, tiến lên chủ nghĩa xã hội thì không những nhân dân lao động sung sướng mà họ theo ta thì bản thân họ cũng sung sướng hơn trước. Và làm cho họ nhận rõ lực lượng đoàn kết của nhân dân các dân tộc rất vĩ đại, không một mưu mô phản

động nào không bị dè bẹp. Chú ý khắc phục tư tưởng hàm ơn đế quốc, phục đế quốc, bóc lột và lừa lao động, khinh quân chúng, tư tưởng dân tộc lớn dân tộc hẹp hòi.

Do đó làm cho họ tự giác dứt khoát đi theo nhân dân lao động lên chủ nghĩa xã hội, không còn lừng chừng chờ thời nữa.

Biện pháp tiến hành: - lấy quần chúng, lấy lao động mà giáo dục cải tạo họ.

b) *Đối với cán bộ, đảng viên, nhân viên công tác:* phải đẩy mạnh giáo dục chính trị và phê bình tự phê bình, tiếp tục đấu tranh tư tưởng chống tư tưởng tư sản, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng đế quốc và phong kiến. Kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân tư sản và tiểu tư sản, nâng cao không ngừng tinh thần phục vụ nhân dân, dũng cảm vượt khó khăn tích cực phấn đấu vì lợi ích của Tổ quốc, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chống tự do tản mạn, đề cao ý thức tập thể kỷ luật trong công tác và trong lao động, đề cao ý thức trách nhiệm trước Đảng và nhân dân. Cán bộ nơi khác đến phải xây dựng *nhiệt tình phấn khởi xã hội chủ nghĩa, quyết tâm phục vụ cách mạng ở Tây Bắc lâu dài không có thời hạn. Đối với cán bộ địa phương cần nâng cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân các dân tộc*, nâng cao nhiệt tình xã hội chủ nghĩa vươn lên đảm nhiệm công việc của địa phương, đưa địa phương và dân tộc mình mau tiến kịp trình độ chung.

Kiên quyết chống tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, nâng cao giác ngộ giai cấp và tinh thần quốc tế vô sản hiện nay lấy việc chống tư tưởng dân tộc lớn là chính, đồng thời không coi nhẹ việc chống tư tưởng dân tộc hẹp hòi.

Biện pháp khắc phục tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi.

Nội dung giáo dục ở các lớp chính trị chú trọng giải quyết vấn đề tư tưởng dân tộc lớn dân tộc hẹp hòi, một trong những yêu cầu chính huấn năm nay là kiểm tra tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi. Nhân dịp kỷ niệm ngày 7-5 của mỗi năm Ban Tuyên huấn khu cần hướng dẫn cho cán bộ nhân viên và nhân dân kiểm tra tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi để kỷ niệm một cách thiết thực, biến ngày đó thành ngày đẩy mạnh đoàn kết dân tộc mỗi ngày một tăng tiến.

Phải chống quan liêu, lãng phí, tham ô, đề cao ý thức tiết kiệm, tác phong cần cù giản dị thực sự cầu thị và đi đường lối quần chúng.

Khắc phục tư tưởng rụt rè, bảo thủ và đề phòng tư tưởng nóng vội. Phải tích cực, khẩn trương không rụt rè, lè mề, nhưng đồng thời phải thận trọng, vững chắc.

Muốn khắc phục tư tưởng rụt rè bảo thủ đề phòng tư tưởng nóng vội ngoài việc nâng cao nhận thức tư tưởng và tinh thần trách nhiệm cho cán bộ nhân viên còn cần đề cao phê bình tự phê bình, đề cao tinh thần đi sâu đi sát, tìm tòi phát huy sáng kiến, đề cao tinh thần dám nghĩ, dám nói, dám làm và đi đường lối quần chúng.

III- VỊ TRÍ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

1. Có phong trào cách mạng là do có sự giác ngộ cách mạng của quần chúng. Nếu quần chúng không có tư tưởng cách mạng thì không thể có hành động cách mạng, phong trào cách mạng. Như thế cũng có nghĩa là quần chúng giác

ngộ cao thì phong trào tiến mạnh, quần chúng giác ngộ kém thì phong trào tiến chậm.

Bởi vậy từ trước tới nay Đảng ta rất coi trọng công tác tư tưởng và thường nhắc cho đảng viên rằng công tác tư tưởng là quan trọng bậc nhất.

"Chính trị là thống soái, tư tưởng là linh hồn". Đó là kinh nghiệm của Đảng ta và các đảng bạn đã được tổng kết thành phương châm công tác thực hiện đúng phương châm đó mới có phong trào tiến vọt của Trung Quốc, phong trào tiến nhanh vượt mức kế hoạch trong quân đội ta, v.v..

Thực tế đã chứng minh rõ ràng mỗi khi toàn Đảng quan tâm công tác tư tưởng là có sự chuyển biến tốt, trái lại ở đâu và nơi nào coi nhẹ công tác tư tưởng thì cán bộ nhân viên và quần chúng thối lùi, không an tâm công tác, và phong trào kém. Tư tưởng được giải quyết thì bất kỳ một khó khăn nào cũng khắc phục được. Công tác khu Tây Bắc, có nhiều khó khăn phức tạp nên càng phải chú trọng công tác tư tưởng.

Kiểm điểm lại sự quan tâm của chúng ta đối với công tác tư tưởng thời gian gần đây đã có tiến bộ nên đã thu được một số thành tích nhưng vẫn còn nhiều thiếu sót như tình hình tư tưởng các tầng lớp quần chúng như thế nào nhiều khi không chú ý. Trong báo cáo có khi không nêu tình hình tư tưởng quần chúng hoặc chỉ nêu chung chung. Nghe cán bộ báo cáo thì thường chỉ chú ý đạt mức kế hoạch đến đâu mà quên hỏi tình hình tư tưởng. Hội nghị thì ít chú ý bàn công tác tư tưởng. Một số chính sách đưa ra phổ biến có ảnh hưởng không tốt đến tư tưởng cán bộ nhân viên nhưng không có kế hoạch giải quyết tư tưởng kèm theo. Việc nhận định và phán đoán tình hình tư tưởng quần chúng chưa thành nên

nếp trong công tác. Khi chuẩn bị lớp huấn luyện mà cũng không chú ý nhận định tình hình tư tưởng cán bộ như thế nào để đề ra yêu cầu giải quyết tư tưởng cho sát.

Nhiều châu sở cấp uỷ viên hiện nay không phải là quá thiếu, nhưng vẫn chưa phân công có một cấp uỷ viên chuyên trách làm công tác tư tưởng, công tác tuyên huấn văn giáo. Ở các ngành cũng có tình trạng coi nhẹ công tác tư tưởng. Tóm lại là vị trí của công tác tư tưởng của Đảng chưa được quán triệt trong tất cả các cấp uỷ từ châu đến các chi bộ và các ngành chuyên môn. Đặc biệt cần chú ý là công tác tư tưởng trong cán bộ lãnh đạo hiện nay còn quá yếu. Như vậy là trái với nguyên tắc "chính trị làm gốc, tư tưởng đi đầu", và trái với phương châm xây dựng đảng, xây dựng chính quyền chủ yếu là xây dựng về mặt tư tưởng. Do đó cho nên các cấp, các ngành, các cán bộ đảng viên phải xác định lại một cách khẳng định công tác tư tưởng là nhiệm vụ của toàn Đảng là trách nhiệm của mỗi đồng chí cán bộ đảng viên đều phải làm, để có một sự chuyển biến tốt trong công tác tư tưởng của Đảng.

Ngành chuyên môn làm công tác tư tưởng, công tác tuyên huấn văn giáo, từ trước tới nay cũng có nhiều cố gắng, nhất là trong mấy năm gần đây cũng đã có những đóng góp vào việc nghiên cứu đề xuất, giải quyết tư tưởng cho cán bộ đảng viên và nhân dân. Song ngành làm công tác tư tưởng cũng còn nhiều thiếu sót, chưa thật dựa vào quần chúng để làm công tác tư tưởng.

Những thiếu sót đó đã biểu hiện ra những hậu quả không tốt như chưa tổ chức được đội ngũ tuyên truyền giáo dục rộng trong cán bộ và nhân dân một cách thường xuyên, vì vậy có tình trạng quần chúng nhận mức cấy nhiều chiêm

nhưng trong tư tưởng chưa thông, chưa muốn làm nên đã cấy thật dày để chỉ phải làm ít diện tích, hoặc cán bộ hướng dẫn cấy 2 trâu, khi có cán bộ thì họ làm theo, nhưng vắng mặt cán bộ thì họ lại chỉ cấy có 1 trâu, v.v..

Trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14 nêu ra rằng:

"Để đảm bảo thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội trên mặt trận kinh tế và chính trị, phải tăng cường giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa...", "công tác tư tưởng phải đi đầu, chủ động, tích cực. Cần theo sát sự phát triển từng bước của tình hình để *đưa công tác tư tưởng tiến lên lãnh đạo phong trào...*".

"Toàn Đảng phải quán triệt phương châm chính trị làm gốc, tư tưởng đi đầu", đảng viên nào không tích cực làm công tác tuyên truyền giáo dục là không chấp hành đúng Điều lệ Đảng. Các cấp các ngành đều phải làm công tác tư tưởng tức là phải tuyên truyền giáo dục cán bộ nhân viên và quần chúng thuộc phạm vi công tác của ngành mình, phải thấy được mỗi một công tác chuyên môn của ngành mình ảnh hưởng đến tư tưởng cán bộ nhân viên và quần chúng nhân dân như thế nào để đề xuất vấn đề với Đảng có kế hoạch giải quyết tư tưởng.

Nhưng công tác tư tưởng là công tác chủ yếu của các ngành tuyên huấn, văn hoá, giáo dục, thông tin, nhà trường, cơ quan tổ chức của Đảng.

Những ngành này có nhiệm vụ khác nhau, dùng những hình thức khác nhau để thực hiện nhiệm vụ, nhưng giống nhau ở chỗ đều làm công tác tư tưởng và công tác tư tưởng của họ đều phải theo một phương hướng thống nhất. Ban Tuyên

huấn là cơ quan có trách nhiệm giúp cấp uỷ chỉ đạo thống nhất công tác tuyên truyền giáo dục giữa tất cả các ngành.

2. Về nhiệm vụ của cơ quan tuyên huấn.

Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 5-5-57 của Ban Chấp hành Trung ương đã nêu rõ:

"Ban Tuyên huấn các cấp là một cơ quan công tác của cấp uỷ đảng để lãnh đạo mọi công tác tuyên truyền giáo dục về chính trị và tư tưởng trong Đảng và ngoài nhân dân.

Nhiệm vụ của Ban Tuyên huấn đảng các cấp là:

1. Nghiên cứu tình hình tư tưởng trong Đảng, ngoài Đảng; định chủ trương, chính sách, phương châm, kế hoạch tiến hành tuyên truyền giáo dục về chính trị và tư tưởng đối với đảng viên và quần chúng rồi trình cấp uỷ xét duyệt.

2. Áp dụng các biện pháp (như viết tài liệu, đề cương, tổ chức lực lượng tuyên truyền, kiểm tra đôn đốc việc thi hành, v.v.) để đảm bảo việc chấp hành những nghị quyết và chỉ thị của cấp uỷ đảng về công tác tư tưởng.

3. Theo dõi, chỉ đạo công tác của các cơ quan tuyên truyền, huấn luyện, bồi dưỡng và huấn luyện những cán bộ, nhân viên làm công tác tuyên huấn, giúp đỡ họ tổng kết kinh nghiệm, phát huy thành tích, khắc phục khuyết điểm.

Các cơ quan tuyên huấn các ngành (chính quyền và đoàn thể) trực thuộc các cơ quan lãnh đạo trực tiếp của Đảng ở các ngành ấy tuyên huấn của Đảng có nhiệm vụ theo dõi, chỉ đạo công tác tuyên huấn các ngành. Tuyên huấn đảng chỉ đạo tuyên huấn các ngành là chỉ đạo về phương châm, đường lối, nội dung tư tưởng chứ không phải làm thay hoặc can thiệp vào những vấn đề chi tiết".

IV- MỘT VÀI VẤN ĐỀ VỀ TỔ CHỨC ĐỂ ĐẢM BẢO CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

Công tác tư tưởng có vị trí quan trọng như trên. Để đảm bảo công tác tư tưởng tốt không thể coi nhẹ tổ chức ngành tuyên huấn.

Mấy năm nay chúng ta đã cố gắng tăng cường bộ máy để làm công tác tư tưởng tốt nên công tác của ta đã đạt được một số thành tích.

Nhưng hiện nay bộ máy tuyên huấn các cấp trong khu còn nhiều nhược điểm và thiếu sót. Nhược điểm lớn nhất là hầu hết các xã và thị trấn khu ta chưa có cơ sở đảng, chưa có cơ sở tuyên huấn. Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ cho quần chúng thường vẫn chỉ có thông qua các cán bộ xã đi dự hội nghị ở châu về làm, hoặc do cán bộ châu xuống phổ biến. Vì vậy có tình trạng cán bộ đến thì phong trào lên, được ít lâu cán bộ đi phong trào lại xuống. Bộ máy tuyên huấn ở châu và khu đều còn yếu, nhất là nhiều châu chưa có cấp uỷ viên chuyên trách làm công tác tuyên huấn, cán bộ thì thiếu và chất lượng còn thấp do đó phần nhiều công tác còn mang tính chất sự vụ, chậm chạp, không sắc bén và bỏ sót việc chưa đi sâu vào nghiên cứu, tổng kết và nâng cao chất lượng công tác được.

Quan niệm về công tác tuyên huấn chưa được thông suốt trong đa số cán bộ, nhiều đồng chí cấp uỷ viên cũng chưa thông suốt, nhiều việc khoán trắng cho tuyên huấn làm không chú ý lãnh đạo và giúp đỡ, thậm chí cả châu có một cán bộ tuyên huấn cũng điều đi công tác khác.

Các ngành còn có khuynh hướng phó thác cho tuyên huấn,

không nắm công tác tư tưởng để làm trong ngành mình.

Quan hệ giữa Ban Tuyên huấn Đảng với tuyên huấn các ngành và các trường, các lớp huấn luyện chính trị chưa được chặt chẽ. Sự giúp đỡ của Ban Tuyên huấn Đảng đối với tuyên huấn các ngành chưa giúp được nhiều. Một số ngành thì chưa đảm bảo đúng nguyên tắc của Đảng đã nêu ra là thống nhất chỉ đạo công tác tuyên truyền vào Ban Tuyên huấn, do đó nhiều khi tự động soạn ra tài liệu đưa xuống cho quần chúng học tập mà không qua Ban Tuyên huấn Đảng.

Tình hình bộ máy tuyên huấn của khu như trên chưa thể bảo đảm được tốt công tác tư tưởng trong giai đoạn cách mạng hiện nay với những nhiệm vụ rất nặng nề và mới mẻ.

Vì vậy bộ máy tuyên huấn phải được tăng cường đúng mức, Ban Tuyên huấn và Ban Tổ chức khu có trách nhiệm nghiên cứu và đề đạt ý kiến cụ thể với Khu uỷ về việc này.

Hướng nghiên cứu cần chú ý:

- Vấn đề xây dựng cơ sở tuyên huấn ở các xã và các thị trấn.
- Vấn đề phân công cấp uỷ viên chuyên trách làm công tác tuyên - văn - huấn - giáo.
- Vấn đề bồi dưỡng cán bộ tuyên huấn, đào tạo giảng viên để nâng cao chất lượng công tác đồng thời đảm bảo bộ máy đơn giản nhẹ nhàng.
- Chế độ giảng dạy tại các trường các lớp tập trung và tại chức và vấn đề nền nếp công tác giữa Ban Tuyên huấn Đảng với tuyên huấn các ngành.

Nhận được bản Nghị quyết này các cơ quan có trách nhiệm, các ban châu uỷ và ban cán sự châu phải nghiên

cứu để thông suốt nhiệm vụ phương châm công tác tư tưởng 1959 - 1960 và vị trí của công tác tư tưởng, nhiệm vụ của cơ quan tuyên huấn, nắm vững tình hình tư tưởng cán bộ nhân dân để có kế hoạch chấp hành Nghị quyết này cho tốt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ KU¹⁾

BÍ THƯ

CHU HUY MÂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

1) KU: khu uỷ (B.T).

MỤC LỤC

<i>Lời giới thiệu tập 20</i>	<i>Trang</i> V
- Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 (mở rộng) họp từ ngày 12 đến ngày 22-1-1959 về tình hình miền Nam	1
- Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (mở rộng) về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà	57
- Thông cáo Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (mở rộng) của Đảng Lao động Việt Nam về kiểm điểm tình hình và đề ra nhiệm vụ đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà	93
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 123-CT/TW, ngày 13-1-1959 về tăng cường lãnh đạo hoàn thành thu thuế nông nghiệp vụ đông 1958 và tích cực thu nợ, thu mua thóc	97
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 124-CT/TW, ngày 15-1-1959 về việc lãnh đạo bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp	100
- Thông tri của Ban Bí thư số 187-TT/TW, ngày 16-1-1959 bổ sung và giải thích một số điểm trong Chỉ thị số 118-CT/TW về việc đẩy mạnh phong trào hợp tác hoá nông nghiệp	105

- Điện của Ban Bí thư số 6, ngày 19-1-1959 gửi Liên khu uỷ V về vụ Mỹ - Diệm đầu độc tại trại tập trung Phú Lợi (Thủ Dầu Một - Nam Bộ)	114
- Thông tri của Ban Bí thư số 188-TT/TW, ngày 19-1-1959 về đấu tranh phản đối Mỹ - Diệm đầu độc, gây vụ thảm sát trên một nghìn đồng bào yêu nước ở trại tập trung Phú Lợi (Thủ Dầu Một - Nam Bộ)	117
- Thông tri của Ban Bí thư số 190-TT/TW, ngày 21-1-1959 về số lượng uỷ viên chấp hành các cấp khu, thành, tỉnh, huyện, thị	121
- Thông tri của Ban Bí thư số 192-TT/TW, ngày 24-1-1959 về việc bổ sung Thông tri số 188-TT/TW, ngày 19-1-1959	124
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 125-CT/TW, ngày 30-1-1959 về việc chấn chỉnh công tác giáo dục chính trị trong nhà trường phổ thông (cấp II và cấp III)	127
- Thông tri của Ban Bí thư số 194-TT/TW, ngày 31-1-1959 về việc phải đặc biệt chú trọng giải quyết vấn đề thiếu ăn ở một vài nơi trong nông thôn hiện nay	136
- Nghị quyết của Bộ Chính trị số 61-NQ/TW, ngày 2-2-1959 về phát động công nhân, viên chức cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh, đẩy mạnh sản xuất	139
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 126-CT, ngày 12-2-1959 về việc lãnh đạo công tác phát hành tiền ngân hàng mới, thay đổi đơn vị tiền tệ và thu đổi tiền ngân hàng cũ	158
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 127-CT/TW, ngày 14-2-1959 về việc tăng cường công tác đấu tranh chống các luận điệu phản tuyên truyền, phao đồn tin nhảm	164
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 129-CT/TW, ngày 19-2-1959 về việc tăng cường công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tiểu thương và hàng rong, buôn vặt	172

- Thông tri của Ban Bí thư số 205-TT/TW, ngày 20-2-1959 về việc thi hành Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác thuỷ lợi	187
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 130-CT/TW, ngày 23-2-1959 bổ sung Chỉ thị số 126-CT/TW ngày 12-2-1959 về việc lãnh đạo công tác phát hành tiền ngân hàng mới, thay đổi đơn vị tiền tệ và thu đổi tiền ngân hàng cũ	190
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 128-CT/TW, ngày 24-2-1959 về đẩy mạnh hơn nữa việc thi hành chủ trương tăng cường công tác vùng cao	192
- Thông tri của Ban Bí thư số 209-TT/TW, ngày 27-2-1959 về việc phát triển và củng cố tổ đổi công và hợp tác xã phải kết hợp với công tác trung tâm số một trước mắt là đẩy mạnh sản xuất đông - xuân	204
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 131-CT/TW, ngày 9-3-1959 về việc lãnh đạo bầu cử và kiện toàn các cấp uỷ Đoàn Thanh niên từ huyện trở lên	209
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 132-CT/TW, ngày 13-3-1959 về tăng cường công tác bảo đảm an toàn lao động	214
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 133-CT/TW, ngày 13-3-1959 về việc tổ chức và lãnh đạo phong trào cải tiến kỹ thuật, sáng kiến phát minh	217
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 135-CT/TW, ngày 24-3-1959 về việc vận động nhân dân tích cực thảo luận Hiến pháp sửa đổi	219
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 134-CT/TW, ngày 27-3-1959 về việc tăng cường lãnh đạo công tác lâm nghiệp	225
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 136-CT/TW, ngày 28-3-1959 về việc phát triển nghề đánh cá và nuôi cá	231
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, tháng 3-1959 về nhiệm vụ xây dựng căn cứ cách mạng Tây Nguyên	245

- Điện của Ban Bí thư ngày 3-4-1959 gửi Liên Khu uỷ V về việc Tỉnh trưởng Quảng Trị chủ trương cho đồng bào địa phương gửi thư ra Bắc qua Uỷ ban quốc tế	260
- Nghị quyết của Ban Bí thư số 65-NQ/TW, ngày 7-4-1959 về việc nhập Tiểu ban Tôn giáo vào Ban Mặt trận	263
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 137-CT/TW, ngày 10-4-1959 về việc tăng cường lãnh đạo công tác vận động phụ nữ	265
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 138-CT/TW, ngày 11-4-1959 về điều tra dân số toàn quốc năm 1959	274
- Lời khai mạc của Hồ Chủ tịch tại Hội nghị Trung ương lần thứ 16 (mở rộng), ngày 16-4-1959	279
- Báo cáo tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 16 (mở rộng) họp ngày 16 đến ngày 30-4 và ngày 1 đến ngày 10-6-1959 kiên quyết đưa nông thôn miền Bắc nước ta qua con đường hợp tác hoá nông nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hội	282
- Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 16 (mở rộng) tháng 4-1959 về vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp	358
- Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 16 (mở rộng) về vấn đề vận động hợp tác hoá nông nghiệp phát triển sản xuất, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi	396
- Báo cáo tại Hội nghị lần thứ 16 (mở rộng) của Ban Chấp hành Trung ương đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh	400
- Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 16 (mở rộng) về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh	463

- Thông cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam về Hội nghị lần thứ 16 (mở rộng)	494
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 139-CT/TW, ngày 30-4-1959 về tăng cường lãnh đạo công tác vệ sinh phòng dịch mùa hè	498
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 140-CT/TW, ngày 2-5-1959 về việc lãnh đạo công tác thu thuế nông nghiệp, thu nợ bằng thóc và thu mua thóc vụ chiêm 1959	500
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 141-CT/TW, ngày 5-5-1959 về việc tăng cường lãnh đạo công tác tài chính	505
- Chỉ thị của Ban Bí thư gửi X.U.N.B, ngày 7-5-1959	511
- Thông tri của Ban Bí thư số 232-TT/TW, ngày 16-5-1959 về việc tiếp tục và mở rộng phong trào đấu tranh chống Mỹ - Diệm tăng cường khủng bố ở miền Nam	518
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 142-CT/TW, ngày 23-5-1959 về việc tăng cường lãnh đạo xây dựng và củng cố hợp tác xã tín dụng cho vay ở nông thôn để hoàn thành thắng lợi vụ mùa năm 1959	524
- Thông tri của Ban Bí thư số 233-TT/TW, ngày 25-5-1959 về việc xây dựng kế hoạch 5 năm (1961-1965)	529
- Nghị quyết của Ban Bí thư số 74-NQ/TW, ngày 29-5-1959 về "Ban thi hành Hiệp nghị Giơnevơ"	531
- Thông tri của Ban Bí thư số 236-TT/TW, ngày 29-5-1959 về việc tiến hành phân cấp quản lý ngành ngân hàng quốc gia Việt Nam	533
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 143-CT/TW, ngày 30-5-1959 về việc tăng cường quản lý công thương nghiệp tư bản tư	

doanh, kịp thời ngăn chặn những hành động của họ trốn tránh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa	535
- Thông tri của Ban Bí thư số 237-TT/TW, ngày 30-5-1959 về việc vận động nhân dân tích cực thảo luận Hiến pháp sửa đổi	543
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 144-CT/TW, ngày 13-6-1959 về việc khuếch trương thắng lợi vụ đông - xuân và tăng cường lãnh đạo sản xuất vụ mùa năm 1959	546
- Thông tri của Ban Bí thư số 238-TT/TW, ngày 13-6-1959 về việc tiến hành phân cấp quản lý ngành ngân hàng	550
- Nghị quyết của Ban Bí thư số 75-NQ/TW, ngày 18-6-1959 về phát triển công tác văn nghệ trong hai năm 1959-1960	553
- Nghị quyết của Ban Bí thư số 77-NQ/TW, ngày 2-7-1959 về việc thành lập Ban Cải tạo công thương nghiệp tư doanh	568
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 146-CT/TW, ngày 4-7-1959 về kế hoạch chỉnh huấn cán bộ, đảng viên	573
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 147-CT/TW, ngày 11-7-1959 về việc tăng cường lãnh đạo công tác củng cố và mở mang miền Tây các tỉnh Liên khu IV cũ	586
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 145-CT/TW, ngày 13-7-1959 về việc tiếp tục đẩy mạnh phong trào đấu tranh chống Mỹ - Diệm nhân ngày 20-7 (ngày Việt Nam) (kèm Công văn số 837, ngày 15-7-1959 bổ sung thêm một số khẩu hiệu)	590
- Nghị quyết của Ban Bí thư số 80-NQ/TW, ngày 14-7-1959 về công tác truyền thanh	599
- Công văn của Ban Bí thư số 837-VP/TW, ngày 15-7-	

1959, kèm theo Chỉ thị của Ban Bí thư số 145-CT/TW, ngày 13-7-1959	602
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 148-CT/TW, ngày 18-7-1959 về công tác kiện toàn tổ chức ở địa phương	604
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 149-CT/TW, ngày 20-7-1959 về việc tăng cường lãnh đạo công tác tổ chức	613
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 150-CT/TW, ngày 20-7-1959 về việc tăng cường lãnh đạo công tác bảo vệ cơ quan	620
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 151-CT/TW, ngày 21-7-1959 về tổng kết chiến tranh du kích	623
- Nghị quyết của Ban Bí thư số 82-NQ/TW, ngày 22-7-1959 về việc thành lập Ban Tổ chức Đại hội Đảng	625
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 152-CT/TW, ngày 23-7-1959 về việc đẩy mạnh công tác thu mua thóc, thu nợ bằng thóc vụ chiêm và chú trọng quản lý bán gạo trong thời gian tới	627
- Nghị quyết của Ban Bí thư số 83-NQ/TW, ngày 24-7-1959 về một số vấn đề lao động, tiền lương và phúc lợi	633
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 155-CT/TW, ngày 25-7-1959 về tăng cường lãnh đạo công tác lao động, tiền lương	645
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 153-CT/TW, ngày 27-7-1959 về việc tăng cường lãnh đạo hơn nữa cuộc phát động cải tiến quản lý xí nghiệp quốc doanh	649
- Nghị quyết của Bộ Chính trị số 84-NQ/TW, ngày 30-7-1959 về việc xây dựng sân bay Phú Thọ	657
- Nghị quyết của Ban Bí thư số 85-NQ/TW, ngày 6-8-1959 về công tác khẩn cấp chống lụt, bão, lũ, úng	659
- Thông tri của Ban Bí thư số 251-TT/TW, ngày 6-8-1959	

về việc thảo luận để góp ý kiến xây dựng dự thảo phương hướng kế hoạch 5 năm lần thứ nhất	663
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 154-CT/TW, ngày 25-8-1959 về việc củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp	667
- Chỉ thị của Bộ Chính trị số 156-CT/TW, ngày 25-8-1959 về việc tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi miền Bắc nước ta	682
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 157-CT/TW, ngày 31-8-1959 về việc kiện toàn các ban, các đảng đoàn trực thuộc	713
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 159-CT/TW, ngày 5-9-1959 về việc tăng cường lãnh đạo về mọi mặt quyết tâm phấn đấu hoàn thành tốt kế hoạch năm 1959	718
- Thông tri của Ban Bí thư số 260-TT/TW, ngày 8-9-1959 chấp hành Chỉ thị số 154-CT/TW về củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp	729
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 158-CT/TW, ngày 9-9-1959 về việc tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục của Đảng ở nông thôn	733
- Bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị tổng kết phong trào hợp tác hoá nông nghiệp (Ngày 12-9-1959)	752
- Nghị quyết của Ban Bí thư số 86-NQ/TW, ngày 14-9-1959 về chính sách và công tác ngoại thương	754
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 102-CT/TW, ngày 15-9-1959 về vấn đề tuyên truyền chống Mỹ đang gây tình hình căng thẳng ở eo biển Đài Loan và kiên quyết ủng hộ nhân dân Trung Quốc đấu tranh giải phóng Đài Loan và các quần đảo thuộc lãnh thổ của Trung Quốc	786
- Thông tri của Ban Bí thư số 265-TT/TW, ngày 17-9-1959 về việc tạm hoãn công tác điều tra dân số	791

- Chỉ thị của Ban Bí thư số 161-CT/TW, ngày 18-9-1959 về việc thảo luận bản dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình	794
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 162-CT/TW, ngày 18-9-1959 về việc chỉ tiêu cho công tác hợp tác hoá nông nghiệp	800
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 163-CT/TW, ngày 24-9-1959 về việc kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Quân đội (22-12-1959)	805
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 164-CT/TW, ngày 28-9-1959 về vấn đề trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng	808
- Thông tri của Ban Bí thư số 268-TT/TW, ngày 28-9-1959 về việc tuyên truyền trên báo, đài về công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh	815
- Thông tri của Ban Bí thư số 271-TT/TW, ngày 30-9-1959 về việc lãnh đạo Đoàn Thanh niên các cấp mở Đại hội Thanh niên tích cực lao động xã hội chủ nghĩa	819
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 165-CT/TW, ngày 7-10-1959 về chính sách đối với thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ trong phong trào hợp tác hoá nông nghiệp	822
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 166-CT/TW, ngày 10-10-1959 về việc đẩy mạnh hơn nữa phong trào nhân dân làm công tác thủy lợi	827
- Đề cương báo cáo về Hiến pháp sửa đổi	832
- Thông cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam về Hội nghị lần thứ 17	850
- Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 17 số 96-NQ/TW, ngày 22-12-1959 về việc tổ chức đại hội các cấp và việc cử đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc	852
- Thông cáo của Ban Bí thư về Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 17	864

- Nghị quyết của Ban Bí thư số 87-NQ/TW, ngày 20-10-1959 về quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Tổ chức Đại hội Đảng	868
- Thông báo về Hội nghị của Bộ Chính trị số 46-TB/TW, ngày 20-10-1959 bàn về vấn đề hợp tác hoá nghề cá miền biển	871
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 167-CT/TW, ngày 22-10-1959 về kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng	874
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 168-CT/TW, ngày 28-10-1959 về việc đẩy mạnh cuộc vận động thi đua yêu nước	877
- Nghị quyết của Ban Bí thư số 89-NQ/TW, ngày 5-11-1959 về thành lập Ban dự thảo đề án khai hoang và xây dựng nông trường quốc doanh	882
- Thông tri của Ban Bí thư số 280-TT/TW, ngày 5-11-1959 về việc tổng kết cuộc phát động công nhân, viên chức cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh	885
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 169-CT/TW, ngày 6-11-1959 về đợt phát triển Đảng "lớp 6-1"	887
- Thông tri của Ban Bí thư số 281-TT/TW, ngày 7-11-1959 về việc chỉ đạo trọng điểm trong phong trào hợp tác hoá nông nghiệp	892
- Thông tri của Ban Bí thư số 283-TT/TW, ngày 13-11-1959 về việc phát động công nhân viên chức cải tiến chế độ quản lý công trường thuộc ngành giao thông ở địa phương	895
- Nghị quyết của Ban Bí thư số 90-NQ/TW, ngày 14-11-1959 về tổ chức Ban Lao động và tiền lương Trung ương	898
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 170-CT/TW, ngày 14-11-1959 về việc thống nhất quản lý ngành cơ khí	901
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 171-CT/TW, ngày 17-11-1959 về những công tác cần làm để hoàn thành tốt và phát huy kết quả chỉnh huấn	904

- Thông tri của Ban Bí thư số 285-TT/TW, ngày 21-11-1959 tăng cường lãnh đạo công tác thu thuế nông nghiệp, mua thóc và thu nợ bằng thóc	908
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 172-CT/TW, ngày 23-11-1959 về công tác xuất bản	911
- Thông tri của Ban Bí thư số 287-TT/TW, ngày 26-11-1959 về việc tích cực thực hiện kế hoạch sản xuất đông - xuân 1959-1960 và hoàn thành tốt thu hoạch vụ mùa 1959	922
- Nghị quyết của Ban Bí thư số 92-NQ/TW, ngày 29-11-1959 về việc chuyển Ban Hoa vận trực thuộc Ban Mặt trận Trung ương	927
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 174-CT/TW, ngày 30-11-1959 về việc vận động hạn chế tiêu dùng rượu và ngăn ngừa rượu lậu phát triển	929
- Nghị quyết của Ban Bí thư số 91-NQ/TW, ngày 1-12-1959 về việc hợp nhất hai Ban Tuyên huấn và Văn giáo	932
- Nghị quyết của Ban Bí thư số 93-NQ/TW, ngày 2-12-1959 về việc tăng cường lãnh đạo công tác bổ túc văn hoá cho cán bộ, công nhân, nông dân nhằm đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà	936
- Thông tri của Ban Bí thư số 289-TT/TW, ngày 2-12-1959 về việc kiện toàn chi bộ trong lực lượng công an nhân dân vũ trang	948
- Điện của Ban Bí thư số 61, ngày 2-12-1959 gửi các Khu uỷ, Tỉnh uỷ và Thành uỷ về công tác thu mua lương thực	950
- Thông tri của Ban Bí thư số 291-TT/TW, ngày 5-12-1959 về việc tổ chức lãnh đạo thực hiện Nghị quyết về công tác thu mua cây công nghiệp và nông sản	955

- Nghị quyết của Ban Bí thư số 94-NQ/TW, ngày 7-12-1959 về việc thành lập Ban Lao động và tiền lương Trung ương	958
- Nghị quyết của Ban Bí thư số 95-NQ/TW, ngày 8-12-1959 về việc thành lập Ban Nghiên cứu danh mục chức vụ	960
- Thông tri của Ban Bí thư số 295-TT/TW, ngày 10-12-1959 về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác chuẩn bị điều tra dân số và triệu tập Hội nghị điều tra dân số	962
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 175-CT/TW, ngày 23-12-1959 về việc tiếp tục phổ biến chính sách thu thuế nông nghiệp đối với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp	964
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 176-CT/TW, ngày 28-12-1959 về giá cả và việc sử dụng phân hoá học trong vụ đông - xuân	969
PHỤ LỤC	975
- Nghị quyết Hội nghị Xứ uỷ Nam Bộ lần thứ tư, tháng 11-1959	977
- Báo cáo của Liên khu uỷ V, tháng 11-1959 về tình hình Liên khu V	1007
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Khu uỷ Khu tự trị Việt Bắc số 39-NQ/VB, ngày 9-9-1959 về nhiệm vụ phát triển giáo dục trong các niên khoá 1959 và 1960	1032
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Khu uỷ Tây Bắc số 3-NQ/TB, ngày 27-4-1959 về công tác phát triển củng cố Đảng và đào tạo bồi dưỡng cán bộ năm 1959	1043
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Khu uỷ Tây Bắc số 6-NQ/TB, ngày 18-5-1959 về công tác tư tưởng năm 1959-1960	1066

Chịu trách nhiệm xuất bản
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM

Biên tập: LÊ MINH ĐỘ
TRIỆU THỊ LỮ
NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Trình bày, vẽ bìa: NGUYỄN THỊ HOÀ

Sửa bài: BAN SÁCH
NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ ĐẢNG

Mã số: 3KV(060) "1959"
CTQG-2002

In 6.000 cuốn, khổ 15 x 22 cm, tại Công ty in Tiến bộ.
Số xuất bản: 47-87/CXB-QLXB, cấp ngày 24-1-2002.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2002.